

HO_TEN	NGAY_SINH	SOBAODANH	DIEM_THI
NGUYỄN THỊ HOÀI	11/10/1999	29010101	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 3.75
TRẦN THỊ TÚ UYÊN	02/11/1999	29013800	Toán: 1.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ MINH THU	01/11/1999	29026523	Toán: 9.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 9.25 Hóa học: 10.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 8.17 Tiếng Anh: 5.40
TRẦN THỊ TÚ	02/11/1999	29009352	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.60
VI THỊ THẢO	14/09/1999	29012920	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.25 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 4.00
THÁI THỊ HƯƠNG LAN	01/01/1999	29001979	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 6.50 KHTN: 7 Tiếng Anh: 5.00
TRẦN THỊ HOÀI THANH	01/11/1998	29029395	Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 9.75 Địa lí: 9.50
NGUYỄN ĐÌNH ĐẠT	20/09/1999	29001876	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 3.20
LỮ BÁ NHƯN	11/01/1999	29008390	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 2.25 GDCD: 6.75 KHXH: 3.67 Tiếng Anh: 2.60
KHA THỊ HOÀI	15/06/1997	29024766	Toán: 6.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.50
NGUYỄN THỊ XUÂN	18/02/1997	29001826	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 5.00 KHXH: 5.67
PHẠM HỮU THÁI	15/05/1999	29030291	Toán: 1.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN SƠN QUÝ	21/12/1997	29019155	Toán: 6.40 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.50
NGUYỄN THỊ NHẬT LINH	04/08/1999	29009711	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 3.40
NGÔ MINH ĐỨC	12/10/1999	29027871	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 9.50 Hóa học: 9.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN DIỄN SANG	27/10/1997	29003654	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 5.25 KHXH: 3.92 Tiếng Anh: 1.80
BÙI BÁ BÍCH OANH	29/09/1999	29026422	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ HOÀI	31/05/1999	29003879	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.20

NGUYỄN THỊ HIỀN	10/08/1998	29027302	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM THỊ HƯƠNG GIANG	14/04/1999	29025404	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ HÀ	01/05/1998	29029848	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.00 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 3.20
PHAN THỊ THƯƠNG	28/11/1999	29028715	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ KIỀU	05/11/1999	29001445	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN ĐÌNH THẮNG	09/03/1999	29021322	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.00 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.40
VÕ THỊ VINH	12/12/1999	29018311	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 4.80
LÊ VĂN CÔNG	11/04/1999	29001845	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 5 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	27/05/1999	29020128	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.60
NGÂN VĂN HÀO	11/02/1998	29014780	Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50
NGUYỄN THIỆN TỚI	21/08/1999	29023371	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.60
ĐÀO THỊ HẰNG NGA	07/05/1999	29018858	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 4.80
TRỊNH HỮU SƠN	19/11/1999	29019989	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.00
NGÔ THỊ THỦY	26/04/1999	29016978	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN MẠNH HIẾU	20/11/1997	29002723	Toán: 8.20 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 7.5
NGUYỄN THỊ NGÂN	10/01/1999	29016829	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN ĐỨC TÚ	18/06/1999	29024116	Toán: 9.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.25 Sinh học: 2.00 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 4.00
SẦM THỊ GIAO	25/10/1999	29014380	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.40

HOÀNG THỊ LAN	19/09/1999	29015747	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ XUÂN QUỲNH	01/07/1999	29025612	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.08 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.50 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 6.80
LƯU THỊ HUYỀN	17/07/1999	29018816	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ ANH	04/04/1999	29021554	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 3.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN SƠN	28/03/1999	29014133	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 2.00 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN HẢI ĐĂNG	12/08/1999	29002801	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.67 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN NHẬT HOÀNG	09/09/1999	29023764	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 8.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ SƯƠNG	12/12/1999	29017489	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ HỒNG LÊ	25/10/1999	29010924	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 8.25 Sinh học: 8.75 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 6.60
HÀ THỊ YẾN	04/09/1999	29023091	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN KHẮC KHÁNH	07/10/1998	29030018	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.25 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 2.20
ĐOÀN THỊ HUYỀN	25/03/1999	29013180	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.33 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.25 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN TRỌNG MẠNH	21/05/1999	29001498	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN NGỌC ĐỨC	23/01/1999	29024242	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.17 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.50 KHXH: 8 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN ĐÌNH HOÀNG	09/05/1999	29012075	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ VIỆT NGÀ	08/01/1999	29023914	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 4.20
VI VĂN THANH	10/04/1999	29003497	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 2.75 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 2.80

NGUYỄN TÀI ĐỨC	23/10/1999	29029825	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ	22/10/1997	29009027	Toán: 7.00 Ngữ văn: 8.50 Tiếng Anh: 8.20
TRẦN THỊ HOÀI	10/09/1999	29029008	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.80
LÊ VĂN HIẾU	12/08/1999	29002355	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.00
VÕ THỊ TRANG	20/09/1999	29002136	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THÀNH NHÂN	11/09/1999	29018085	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 3.60
MẠC VĂN TƯ	15/04/1992	29020923	Toán: 2.80 Ngữ văn: 2.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.17 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.75 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.60
PHẠM QUANG SƠN	28/11/1999	29022418	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG QUỐC CƯỜNG	12/04/1999	29014321	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.60
PHAN TÀI HUY	09/07/1999	29023798	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 3.80
LÊ THỊ TRINH	07/07/1999	29023048	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN CÔNG HUYỀN	06/12/1999	29021097	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ NHẬT TÂN	17/11/1999	29018895	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 2.00
TÔ ANH TUẤN	22/05/1999	29018254	Toán: 9.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 8.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 5.40
LƯƠNG QUỐC TIẾN	01/11/1999	29018988	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 5.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.20
LÊ CẢNH HOÀNG	16/11/1999	29010894	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 5 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ THU THÙY	20/08/1999	29003519	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.80

LƯƠNG Ý YÊN	11/11/1999	29025843	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ NHÂN	01/07/1999	29009794	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.08 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN DANH LỰC	27/10/1998	29015974	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.50 GDCD: 6.25 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ THÚY	26/09/1999	29009292	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ ÁNH	17/01/1998	29003700	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN ĐÌNH ĐẠO	03/04/1999	29026767	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 6.08 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.00 GDCD: 2.75 KHXH: 3.08 Tiếng Anh: 4.80
BÙI VĂN CƯỜNG	20/04/1999	29019250	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.40
HỒ THỊ HƯỜNG	01/05/1999	29016715	Toán: 8.60 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 6.40
PHẠM THỊ ÁNH	24/05/1999	29018729	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.25 KHXH: 4.67 Tiếng Pháp: 3.20
LÔ THỊ BÌNH	21/06/1999	29003048	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 5.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.20
ĐẬU THỊ TÂM	15/05/1998	29022421	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.60
HỒ SỸ LỘC	15/08/1999	29030065	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.00 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN TRẦN KIM CHI	25/09/1999	29018738	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 6.80
NGUYỄN THỊ GIANG	05/07/1998	29004230	Toán: 7.60 Hóa học: 8.00 Sinh học: 8.75
BÙI THỊ HƯƠNG	08/12/1999	29006978	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.20
THÁI THỊ HẰNG	01/11/1999	29001337	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG THỊ HOÀI	11/05/1999	29001392	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.00

LA THÚY DIỆU	27/09/1999	29008221	Toán: 1.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.20
HỒ THỊ HIỀN	30/09/1999	29017922	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 2.60
ĐINH THỊ THÚY NGÀ	04/04/1999	29005164	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.00
MAI THỊ HIỀN	01/11/1999	29018450	Toán: 7.60 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 8.80
VI VĂN ĐỨC	22/11/1999	29003102	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.75 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN TRẦN TỔ UYÊN	15/04/1999	29006789	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.17 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THẾ HUY	30/09/1999	29028452	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM KIM ANH	10/02/1999	29019190	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.80
SÀM THỊ HỒNG LINH	20/12/1999	29013617	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 9.00 GDCD: 9.50 KHXH: 8.92 Tiếng Anh: 4.20
BÙI NGUYỄN QUÂN	27/02/1999	29008894	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 8.75 GDCD: 9.00 KHXH: 8.83 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN QUANG HUY	16/06/1999	29006963	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ THU HIỀN	05/07/1999	29010879	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 7.83 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 6.20
LÊ ĐÌNH KIÊN	17/08/1999	29002445	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.60
BÙI THỊ NGỌC HIỆP	23/10/1999	29025032	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 6.00 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 7.40
NGUYỄN TẤT HIẾU	29/08/1999	29001366	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ DUNG	18/02/1999	29009494	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN HỮU BẢO	16/04/1999	29026733	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.5 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.80

LÂM NHẬT TÀI	23/04/1999	29030628	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 6.75 KHTN: 5.33 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GD&CD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.20
BÙI DUY SƠN	29/09/1999	29016307	Toán: 4.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 8.50 GD&CD: 9.00 KHXH: 8.58 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN NGỌC THÚY	20/05/1999	29020075	Toán: 6.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.00 GD&CD: 8.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 6.80
NGUYỄN ĐÌNH SÁNG	22/07/1999	29001127	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00
NGUYỄN THỊ THÙY LINH	21/10/1999	29012178	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 6.25 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 6.40
HỒ THỊ LÀNH	21/02/1999	29006998	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 9.00 GD&CD: 9.25 KHXH: 8.75 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG MẠC TÚ	25/08/1999	29025778	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
KHA THỊ NGỌC	03/05/1999	29008370	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 2.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ QUYÊN	15/01/1999	29027559	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GD&CD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ MỸ DUYÊN	12/09/1999	29022222	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 2.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.17 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VĂN THÁI	01/06/1998	29010182	Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.75
HOÀNG ĐĂNG QUÝ	22/05/1996	29012588	Toán: 7.40 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.25
BÙI THỊ MỸ HẠNH	20/01/1999	29002323	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GD&CD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ ÁNH	15/11/1998	29029717	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.75 GD&CD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN MIÊU	18/06/1999	29002503	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GD&CD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.20
LÊ THỊ THU TRÀ	10/10/1999	29005339	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GD&CD: 8.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG VĂN TÂM	24/04/1999	29015094	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 3.00

NGUYỄN THỊ HOA	23/09/1999	29009596	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.58 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 6.60
HOÀNG THỊ HƯỜNG	11/10/1999	29021116	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.20
HỒ TRỌNG LINH	11/03/1997	29019141	Toán: 2.80 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ THANH	15/07/1999	29024571	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 5.00
BÙI THỊ CẨM TÚ	22/02/1998	29005463	Toán: 8.40 Vật lí: 7.25 Hóa học: 10.00 Sinh học: 9.50 KHTN: 8.92
LÊ THỊ HUYỀN LINH	14/03/1999	29023850	Toán: 8.60 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 7.00
LÊ ĐÌNH TRUNG	01/06/1999	29001177	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00
TRẦN VĂN HOÀNG	07/08/1999	29021795	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN QUANG TRUNG	24/10/1998	29006727	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.00 Sinh học: 6.00 KHTN: 3.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN ANH TUẤN	16/08/1999	29006762	Toán: 9.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 7.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN NGỌC PHÚ	20/12/1999	29003246	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.00 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 2.20
TẶNG THỊ HẰNG	28/05/1999	29019697	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.75
TRẦN THỊ TRÚC	20/12/1999	29004751	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN NGỌC BẢO	23/03/1999	29011925	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 3.20
HỒ THỊ KHÁNH HÒA	17/02/1999	29012065	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN ĐÌNH SANG	19/12/1999	29029215	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 5.00
VÕ THỊ NGỌC ÁNH	08/06/1999	29012643	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.00 KHTN: 3 Tiếng Anh: 4.20
VÀ Y HƯƠNG	06/08/1999	29008294	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.40

NGUYỄN ĐÌNH QUÂN	01/06/1999	29027728	Toán: 2.40 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.25
TRẦN THỊ HOÀN	30/01/1999	29022284	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 9.25 Sinh học: 8.75 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 5.20
NGÔ MINH QUÂN	15/03/1999	29004577	Toán: 9.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 9.50 Hóa học: 9.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 7.83 Tiếng Anh: 6.40
HỒ THỊ NGỌC	24/10/1999	29016166	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 5.25 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 3.80
CAO TIẾN SỸ	26/04/1999	29006158	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50
HOÀNG THẾ HẢO	24/02/1999	29010090	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00
BÙI THỊ XUÂN	04/03/1999	29002170	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 6.20
ĐẬU LINH GIANG	28/08/1999	29006330	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 6.00 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 2.80
LÊ THỊ ÁNH	24/09/1999	29018352	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.00 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	02/11/1998	29010659	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN HOÀNG	16/08/1999	29020655	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 6.40
PHẠM MINH TRUNG	17/11/1999	29005375	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.40
TRƯƠNG THỊ NHÌ	14/01/1999	29019896	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 1.80
ĐINH VĂN HÀO	13/06/1999	29006926	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.40
LÊ THỊ PHƯƠNG THẢO	13/06/1999	29000530	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.40
ĐẶNG THỊ MỸ	28/06/1999	29010542	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.20
CAO THỊ CẦN	03/10/1998	29005968	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.50
NGUYỄN VĂN ĐẮC	02/09/1997	29005437	Toán: 5.20 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.50
TRẦN ĐÌNH QUANG	20/12/1998	29022015	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.20

TRẦN KHÁNH LY	01/04/1999	29022884	Toán: 7.40 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 7.40
NGUYỄN VĂN LÂM	02/12/1999	29004494	Toán: 4.60 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.42 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ HẠNH	15/01/1999	29015566	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN LÊ HẠNH DUNG	14/05/1999	29025993	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ THÁI	06/03/1999	29002079	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 6.80
ĐẶNG TRỌNG TÚ	16/08/1998	29004300	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 2.75 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.25
NGUYỄN THỊ TỔ UYÊN	02/02/1999	29012535	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN ĐĂNG PHÚC	16/06/1998	29000477	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.20
ĐỒNG THỊ HƯƠNG	12/02/1999	29027375	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 4.40
PHAN THỊ HIỀN	15/09/1999	29016626	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 5.60
HOÀNG THỊ NGỌC HUYỀN	30/10/1999	29022831	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.00 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.80
VŨ THỊ HOÀI	25/02/1999	29005027	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.80
HỒ ĐỨC TÙNG	04/10/1998	29018262	Toán: 2.80 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.25 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 2.80
ĐẬU VĨNH PHƯƠNG UYÊN	31/05/1999	29027111	Toán: 8.80 Ngữ văn: 9.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 9.60
LÊ NGÔ THIÊN	12/09/1999	29020465	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 3 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.80
ĐẶNG THỊ HUYỀN TRANG	03/05/1999	29028143	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.00
CAO THỊ DIỆU LY	12/03/1999	29023873	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.40

TRỊNH THỊ HẰNG	02/10/1999	29012739	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 6.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.00
VÕ THỊ UYÊN	10/05/1999	29023073	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG VĂN TIẾN	09/05/1998	29012449	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.50 KHXH: 8.58 Tiếng Anh: 2.80
PHAN LÂM TÙNG	28/09/1999	29024671	Toán: 9.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.75 Sinh học: 2.00 KHTN: 6.42 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ NHÂN	28/10/1999	29018086	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 8.50 KHTN: 7.92 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN XUÂN HOÁ	19/04/1999	29028996	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN ĐÌNH AN	04/07/1999	29029694	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 5.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.40
ĐÌNH ANH ĐỨC	03/01/1999	29002294	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 8.25 Sinh học: 8.50 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN VĂN HẠ	24/03/1999	29000147	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 6.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HÀ SƯƠNG	26/09/1999	29007743	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.75 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.00
TẠ QUANG VŨ	24/08/1999	29013451	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.20
PHAN THỊ TRÀ MY	14/03/1999	29005769	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.25 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.40
LÊ THỊ LINH	17/08/1999	29009181	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 2.60
PHAN THỊ HOÀI THƯƠNG	29/09/1999	29003526	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 6 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN VĂN LỰC	12/01/1999	29003192	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ THÚY	07/02/1999	29016435	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HỒNG	14/08/1999	29016672	Toán: 9.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 7.20

VŨ DUY THƯỜNG	06/06/1999	29006652	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 4.40
LÊ VĂN THAO	26/05/1999	29012912	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 5.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.60
CHU THỊ NGỌC	16/12/1999	29000429	Toán: 5.60 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 10.00 GDCD: 8.25 KHXH: 8.75 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN ĐÌNH TRUNG	15/04/1998	29023522	Toán: 8.60 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.25
CHU THỊ HẠNH	20/10/1999	29004987	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 9.00 Sinh học: 7.00 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 3.60
HỒ VĂN PHÚC	14/10/1999	29018111	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 2.50 KHTN: 4 Tiếng Anh: 3.00
ĐẬU QUANG TRUNG	08/06/1999	29013404	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.17 Tiếng Pháp: 2.60
LÊ BẢO NGỌC	30/10/1999	29005803	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN CẢNH HUYNH	15/08/1999	29023223	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 2.80
BIỆN THỊ YẾN NHI	31/08/1999	29017423	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN HOÀI TRINH	08/04/1999	29017604	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ TRÚC	21/10/1999	29007793	Toán: 4.20 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.25 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 5.60
ĐẬU TUẤN THÀNH	24/09/1999	29005907	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.40
ĐÀO THỊ THÙY LINH	20/02/1999	29012164	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN QUANG HUY	11/10/1998	29010742	Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 9.75
BÙI THỊ VÂN	13/09/1999	29018286	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 5.40
HOÀNG DIỆP LINH	18/09/1999	29024403	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 5.40

NGUYỄN THỊ NGÂN	05/06/1999	29007707	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.40
LÊ ĐÌNH LƯƠNG	20/07/1998	29021898	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN NHẬT DUY	11/11/1999	29003754	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN ĐÌNH VINH	07/12/1998	29019103	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 1.60
ĐẶNG MINH BÁCH	19/05/1999	29001227	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ LAM	24/08/1999	29025097	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 6.25 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 3.80
PHẠM NGỌC KHÁNH DUY	20/05/1998	29010071	Toán: 7.80 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.92
LƯƠNG DUY QUÝ	17/06/1999	29003257	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ HUYỀN ANH	15/01/1999	29018347	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN VĂN KHÁNH	02/11/1997	29012135	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.25 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.20
THÁI NGUYỄN QUỲNH ANH	09/03/1999	29023589	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 6.75 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 4.00
LÊ THỊ NHẬT	30/09/1999	29002032	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 7.80
HỒ VĂN KHÁNH	03/01/1999	29018531	Toán: 2.00 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.60
ĐINH VĂN HOÀNG	09/10/1999	29006387	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 1.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 2.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.20
ĐINH ĐỨC MẠNH	25/02/1999	29004522	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 4.80
HỒ THỊ TÂM	24/05/1999	29028645	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 2.80
LÊ THỊ HỒNG VINH	04/05/1999	29026588	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 10.00 Sinh học: 9.75 KHTN: 8.42 Tiếng Anh: 8.40

HOÀNG MẠNH HIẾU	23/07/1999	29023732	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 6.60
NGUYỄN THỊ LÂM OANH	10/08/1999	29007378	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 2.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.92 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN THỊ HÒA	10/08/1999	29021766	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ HẰNG	04/05/1999	29018442	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.20
CÙ VĂN CÔNG	09/09/1999	29013888	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.80
HÀ THỊ ĐÀO	21/11/1999	29003375	Toán: 3.00 Ngữ văn: 2.50 Vật lí: 1.75 Hóa học: 2.00 Sinh học: 2.25 KHTN: 2 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.25 KHXH: 4 Tiếng Anh: 3.80
LƯƠNG KHUN XA	07/08/1999	29003595	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 9.50 GDCD: 8.50 KHXH: 9 Tiếng Anh: 5.20
NGÔ XUÂN TUẤN ANH	28/09/1999	29007203	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.17 Tiếng Anh: 2.40
HỒ THỊ HUYỀN	10/01/1999	29016691	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 4.40
LÔ THỊ LINH	26/12/1999	29014536	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.40
CAO THẢO VY	25/10/1999	29006815	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN THỊ UYÊN	15/05/1999	29029671	Toán: 1.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.80
LƯƠNG VĂN NGOAN	12/03/1998	29020732	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.25 GDCD: 6.25 KHXH: 4 Tiếng Anh: 2.80
TẶNG YẾN NHI	30/08/1999	29017425	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 9.00
NGUYỄN HUY HOÀNG	06/10/1999	29020654	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 7.00
NGUYỄN THỊ THÁI BẢO	04/02/1999	29023112	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 6.20
HỒ NGUYỄN TƯỜNG VY	26/12/1999	29003594	Toán: 8.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 6.20

CAO THẢO VÂN	06/03/1999	29005410	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ HIỆP	25/02/1999	29009579	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG THỊ YẾN	29/05/1999	29020222	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG VĂN TRUNG	10/01/1999	29019036	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 3.00
LÊ XUÂN QUYỀN	10/12/1999	29005236	Toán: 6.00 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 3.40
CHU THỊ DUNG	04/08/1999	29028892	Toán: 4.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	26/11/1999	29012916	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.40
ĐOÀN VIỆT THẮNG	17/05/1999	29006175	Toán: 4.60 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.50
VƯƠNG THỊ HÀ VY	09/04/1999	29027139	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.50 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 3.00
PHAN TUẤN ĐỨC	07/02/1999	29023157	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.80
LÊ THỊ PHƯƠNG THANH	01/06/1999	29009266	Toán: 5.20 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 7.20
DƯƠNG THẾ QUYỀN	16/11/1999	29029205	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.00
ĐỖ VĂN QUYỀN	14/05/1999	29026925	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.80
TRẦN THỊ LOAN	26/02/1999	29005126	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 9.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 4.80
BÙI THỊ QUỲNH	19/05/1999	29021253	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN PHƯỚC THẢO	27/12/1998	29003664	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 1.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.58 Tiếng Anh: 0.60
ĐẶNG THỊ XOAN	12/02/1999	29009398	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 6.00 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 4.60

NGUYỄN HUY HIẾU	13/12/1999	29002357	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.75 GDCD: 5.50 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 2.80
ĐẬU THỊ HUYỀN	18/06/1999	29027926	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 4.20
ĐẶNG VĂN LINH	06/04/1999	29011384	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 2.20
HOÀNG THỊ HUYỀN	10/08/1999	29012102	Toán: 1.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.50 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN CÔNG TRẠI	18/03/1999	29007161	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.40
VÕ THỊ THẢO NGỌC	29/11/1999	29010985	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VĂN SƠN	12/04/1999	29004602	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 2.92 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.00
PHAN ĐÌNH KHOA	07/02/1998	29023474	Toán: 8.40 Vật lí: 7.50 Hóa học: 9.50
NGUYỄN THỊ HƯƠNG LY	26/01/1999	29020360	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 6.50 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 4.60
PHAN THANH LƯƠNG	24/01/1999	29023870	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 4.40
VÕ THỊ VINH	02/02/1999	29002161	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.25 KHXH: 8 Tiếng Anh: 7.80
HÀ THỊ HIẾU	29/01/1999	29025434	Toán: 4.20 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 6.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN ĐÌNH ĐỨC	24/12/1996	29019689	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 7.00
NGUYỄN THỊ LY LY	25/04/1999	29015837	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 5.00
LÃ THỊ TÚ ANH	06/10/1999	29011889	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.17 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ HIÊN	15/07/1999	29028970	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HÀ TRANG	05/11/1999	29003338	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 5.25 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN TRỌNG LINH	08/03/1999	29010937	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.60

NGUYỄN BẢO ANH	01/03/1999	29023561	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 7.00
HOÀNG THỊ HẢO	16/02/1998	29006012	Toán: 8.20 Vật lí: 8.25 Hóa học: 7.50
TRẦN MINH HIẾU	18/02/1998	29002367	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.20
PHẠM THỊ THU TRANG	02/12/1999	29030817	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN CHÍ ĐẠT	15/10/1999	29022743	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.80
TRƯƠNG THỊ QUỲNH TRANG	04/05/1999	29027058	Toán: 6.20 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 10.00 Địa lí: 9.75 GDCD: 8.25 KHXH: 9.33 Tiếng Anh: 6.40
CAO THỊ VÂN ANH	02/12/1999	29005470	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.60
LỖ BÁ CHÂU	23/11/1999	29024172	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 3.00
VŨ VĂN NHẬT	12/12/1998	29017422	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ THU HẰNG	02/12/1999	29027891	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 2.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ LINH	17/01/1999	29012182	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 2.25 KHTN: 2.58 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.00 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.00
CAO THỊ TRANG	02/01/1999	29006684	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.80
TỔNG THỊ THANH PHƯƠNG	05/04/1998	29013300	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 6.50 KHTN: 5.08 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ TRANG	01/01/1999	29000863	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 3.83 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.00
ĐOÀN ANH ĐỨC	28/07/1999	29025392	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN VĂN TRÍ	27/07/1999	29028743	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN THỊ NGỌC	10/06/1999	29003218	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.60

PHẠM HÙNG MẠNH	01/11/1999	29023485	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.25
HOÀNG THỊ ANH	17/08/1999	29011580	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 8.75 Sinh học: 9.25 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 3.00
CAO VĂN TRƯỜNG	27/11/1999	29013780	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 4.40
NGÔ THỊ THÙY LINH	03/11/1999	29013206	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 5 Tiếng Anh: 4.80
PHẠM THỊ HOÀI	16/01/1999	29013153	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 4.20
SẦM PHI HÙNG	30/11/1999	29014973	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 7.75 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 5.60
CHU THỊ TRANG	08/07/1999	29030792	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 4.60
LÊ THANH TUẤN	02/10/1998	29013423	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.50 GD CD: 7.75 KHXH: 5.33 Tiếng Pháp: 1.80
CAO ANH TUẤN	22/09/1999	29019056	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 2.40
LANG THỊ LONG	16/05/1999	29025118	Toán: 7.40 Ngữ văn: 8.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 7.20
VŨ Y UÀ	02/04/1999	29008485	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.50 GD CD: 6.00 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 2.40
HOÀNG THỊ LY	16/11/1999	29007029	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.50 GD CD: 7.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN HOÀNG QUỐC	25/03/1999	29006572	Toán: 8.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 8.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 7 Tiếng Anh: 6.40
PHẠM TRUNG KIẾN	24/08/1999	29014994	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 2.00 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN SĨ NAM	20/08/1999	29000419	Toán: 3.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 9.25 Địa lí: 9.75 GD CD: 7.75 KHXH: 8.92 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN ĐỨC MẠNH	10/10/1999	29023258	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 3.33 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00 GD CD: 6.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ MAI	01/01/1999	29028534	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.00 GD CD: 8.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.40

KHA Y LÊ	20/10/1999	29008321	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.60
CAO TIẾN MẠNH	05/10/1999	29007344	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 4.00
LÔ ĐÌNH NGUYỄN	13/05/1999	29013664	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.40
LÊ YẾN VY	19/07/1999	29006816	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 4.20
PHAN THỊ HƯƠNG	30/11/1999	29006979	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ HÀ PHƯƠNG	12/10/1999	29026448	Toán: 4.00 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 9.75 Địa lí: 9.75 GDCD: 7.50 KHXH: 9 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN TRÍ LINH	18/06/1999	29026263	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN VĂN ĐIẾP	22/05/1999	29012698	Toán: 4.60 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 9.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ LOAN	12/05/1999	29030530	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 2.80
TẠ THỊ NHUNG	09/10/1999	29029561	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.92 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 9.40
NGUYỄN THỊ DIỄM	02/10/1999	29005523	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN LÊ PHƯƠNG NGÂN	11/11/1999	29013245	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 5.40
HOÀNG THỊ THÙY TRANG	09/12/1999	29018212	Toán: 7.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 4.40
VI THỊ TRANG	07/01/1999	29020148	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ THẢO	27/09/1999	29016954	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.17 Tiếng Anh: 4.20
NGÔ TRÍ NHÂM	17/09/1998	29005807	Toán: 4.40 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 2.50 GDCD: 7.75 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN XUÂN LỘC	10/04/1999	29003189	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 8.75 GDCD: 7.25 KHXH: 8 Tiếng Anh: 4.00

CHU THỊ HƯỜNG	25/03/1998	29003936	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN THỊ TRANG	17/07/1999	29030833	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 6.20
TRẦN THỊ TƯỜNG VI	08/10/1998	29024895	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.25 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THANH TÀI	14/11/1999	29021286	Toán: 8.60 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 9.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 6.50 KHTN: 7.75 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN HỮU THẮNG	14/08/1999	29012403	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 2.00 Hóa học: 2.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 2.67 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.20
PHAN THỊ THU HUYỀN	05/03/1998	29026826	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN THỊ MINH TRANG	07/03/1999	29009980	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 7.00 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 4.00
ĐẶNG THỊ THÙY LINH	02/08/1999	29027951	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 6.25 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 6.40
NGUYỄN THỊ CÚC	16/10/1999	29003723	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.60
ĐẬU THỊ THƯƠNG	15/11/1999	29006642	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 6.50 KHTN: 7 Tiếng Anh: 4.00
LÊ SỸ TẤN	10/08/1999	29015106	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ HẰNG	10/04/1999	29030443	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 4 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN MẠNH CƯỜNG	09/09/1999	29013019	Toán: 1.60 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.25
TRẦN NHẬT MAI	26/11/1999	29023878	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 7.75 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN THỊ THƠM	14/04/1999	29030721	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỨC QUANG HƯNG	09/11/1999	29026193	Toán: 9.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 9.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 9.20
TRẦN THỊ ANH	21/06/1999	29027175	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.40

NGUYỄN VĂN ĐỨC	03/05/1999	29026031	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 9.25 Hóa học: 10.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 8.08 Tiếng Anh: 7.80
HOÀNG VĂN TRIỀU	29/07/1997	29017600	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 9.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.20
TRỊNH ĐÌNH HUẤN	02/10/1997	29010107	Toán: 2.80 Vật lí: 4.25 Hóa học: 2.50
TRẦN THỊ NGÂN	27/10/1999	29026893	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.17 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ TRẦM	04/08/1999	29017015	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 3.80
LÊ ĐÌNH DƯƠNG	15/01/1999	29000105	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 2.60
HỒ TRỌNG NĂM	18/01/1999	29016820	Toán: 9.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 3.40
VANG THỊ THƠ	24/11/1999	29020821	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.00
LÊ MẠNH CƯỜNG	28/05/1999	29028887	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.80
ĐẬU THỊ HÀ MY	15/04/1999	29023265	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.75 Tiếng Anh: 2.40
VÕ HOÀNG BỬU	03/11/1999	29006274	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.25 Tiếng Anh: 2.60
VŨ VĂN HIẾU	12/05/1999	29017932	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 2.40
HỒ THỊ TRÂM	03/12/1999	29012489	Toán: 2.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ LỘC	16/04/1999	29009197	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.67 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.50 KHXH: 8 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN DOÃN TUẤN MẠNH	15/07/1999	29023882	Toán: 9.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 9.75 Hóa học: 9.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 8 Tiếng Anh: 8.40
PHẠM VĂN ĐÔNG	08/02/1999	29006910	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 9.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ HƯƠNG	12/10/1999	29021836	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 6.20

LƯƠNG VĂN MAI	09/10/1999	29008345	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN THỊ HẰNG	04/01/1999	29024287	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 9.40
ĐINH KIM NGÂN	26/06/1999	29022907	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.60
LÊ VĂN MẬU	28/04/1998	29007038	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.00
PHAN VĂN BÌNH	20/09/1998	29023435	Toán: 8.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.25
TRẦN ANH KHÁNH	11/01/1999	29029057	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.80
ĐÀO THỊ MỸ NA	02/02/1998	29000410	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 2.60
PHẠM THỊ QUỲNH	10/11/1999	29016293	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN ĐỨC TRUNG	22/08/1999	29024106	Toán: 7.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 4.80
KHA THỊ HUYỀN LÊ	07/04/1999	29003180	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN CÔNG LINH	15/05/1999	29000347	Toán: 7.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ MINH	27/11/1997	29001785	Toán: 8.60 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.5
PHAN THANH TOÀN	01/01/1999	29002976	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 1.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 6.40
NGUYỄN THỊ VÂN ANH	03/11/1998	29014232	Toán: 8.40 Vật lí: 9.00 Hóa học: 8.50 Sinh học: 6.00 KHTN: 7.83
LÊ THỊ HOA	15/05/1999	29001373	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HẠNH	05/10/1999	29009106	Toán: 8.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 5.20
NGÔ ĐÌNH ĐÀI	01/04/1999	29004943	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.60

HỒ HOÀNG THẮNG	23/09/1999	29016378	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 6.75 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN QUANG TÙNG	20/11/1999	29005395	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LOAN	09/12/1999	29007335	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 3.40
VÕ VĂN LÂM	09/10/1999	29003178	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN HỮU TIẾN	04/09/1999	29006661	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VIỆT TÚ	12/02/1998	29002663	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN HOÀNG NGUYỄN	01/01/1999	29023931	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM TRỌNG HẬU	08/03/1998	29028392	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN DUY HOÀNG	08/09/1999	29027332	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.60
LÊ THỊ NGỌC ÁNH	29/04/1999	29004884	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 8.60
CAO THỊ PHƯƠNG	21/07/1999	29030217	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.75 GDCD: 7.75 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG	02/05/1999	29027045	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 8.60
HOÀNG THỊ QUỲNH ANH	17/02/1998	29008994	Toán: 6.80 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.33
NGUYỄN PHÚC LÊ QUÂN	06/11/1999	29000757	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.67 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.80
ĐOÀN THỊ THANH HUYỀN	19/10/1999	29012782	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.20
PHAN THỊ PHƯƠNG OANH	12/12/1999	29006547	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 4.20
HỒ NHỮ QUỲNH HOA	16/02/1999	29026110	Toán: 3.20 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.50 KHXH: 8.58 Tiếng Anh: 4.80

TRẦN QUỐC TRUNG	18/02/1999	29024652	Toán: 1.80 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 5.00 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 1.80
NGÔ THỊ ANH	19/10/1999	29011583	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 6.25 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN HỒNG VI	28/03/1999	29018298	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 5.20
LA VĂN PHI	18/03/1999	29020765	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG THỊ TÚ CẨM	25/06/1998	29008045	Toán: 3.20 Ngữ văn: 2.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.17 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 3.25
PHAN ĐÌNH PHÚC	22/10/1999	29030200	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.50 KHXH: 8 Tiếng Anh: 3.20
PHAN ĐỨC HOÀNG	03/11/1999	29007883	Toán: 4.60 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 2.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.67 Tiếng Anh: 2.80
THÁI THỊ VY	08/11/1999	29018315	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 5.20
PHAN TẤT GIANG	06/04/1999	29029464	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ PHƯƠNG	13/01/1999	29006559	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.17 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN THỊ HOÀI	08/08/1998	29030317	Toán: 7.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.75
VÕ THỊ THU HẰNG	21/10/1999	29005620	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN KHẮC HƯNG	20/11/1999	29002424	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 6 Tiếng Anh: 4.20
LÔ THỊ KHAI	25/02/1999	29013590	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ NGỌC ÁNH	19/01/1998	29030296	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.50 Tiếng Anh: 6.60
NGUYỄN THỊ THÙY	05/04/1999	29026996	Toán: 4.80 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.50 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN CAO QUYẾT	19/10/1999	29000765	Toán: 9.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 1.75 Hóa học: 9.75 Sinh học: 9.75 KHTN: 7.08 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 2.00 GDCD: 2.75 KHXH: 2.33 Tiếng Anh: 4.20

TRƯƠNG VĂN NGUYỄN	17/07/1997	29014820	Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.50
LÊ SỸ CÔNG	25/09/1999	29019239	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ HỒNG	03/02/1999	29021801	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ HUỖN	26/04/1999	29010904	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 2.80
PHAN THỊ HIỀN	01/01/1999	29029482	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 3.00
HỒ THỊ THÚY HẰNG	22/08/1999	29021038	Toán: 4.00 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 3.25 GDCD: 6.00 KHXH: 3.83 Tiếng Anh: 2.20
TÔ VIỆT TẤN	04/03/1998	29030287	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.80
BÙI VĂN SANG	05/11/1998	29006144	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 3.00
LƯƠNG THỊ QUỲNH	29/10/1999	29013703	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.25 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.00
PHAN BÁ KHÁNH	05/08/1997	29019727	Toán: 6.80 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.25
NGUYỄN THỌ CÔNG	18/04/1999	29001846	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 3.00
HỒ VĂN LẬP	27/01/1999	29012810	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN ĐÌNH TRƯỜNG	20/08/1999	29028192	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG THỊ QUYÊN	04/08/1999	29001580	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.60
CHU THỊ THÁI	12/01/1999	29018898	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 6.75 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.40
MAI SỸ LINH	12/03/1999	29003969	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.80
LƯƠNG THỊ KIM HOA	14/10/1999	29020646	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.60

NGUYỄN THỊ HOÀI	02/06/1999	29006949	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.00
VI THỊ MẬN	28/01/1999	29015034	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 3.80
PHAN THỊ THANH HOÀI	02/03/1999	29004440	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ THANH HẰNG	13/04/1999	29006356	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 3.60
BÙI VĂN LUẬN	17/10/1999	29021896	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.75 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.40
THÁI KIỀU OANH	19/03/1998	29003651	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 4.25
ĐẶNG THỊ AN	05/09/1999	29024903	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN DŨNG	20/10/1998	29015927	Toán: 7.40 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.75
LÊ THỊ THÚY PHƯƠNG	23/03/1999	29009830	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 2.50 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.20
LÂM THỊ HỒNG HẠNH	05/09/1999	29020627	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 1.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.83 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.00
ĐẶNG VĂN HUY	14/04/1999	29005048	Toán: 8.40 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 5.20
VŨ THỊ CAO THẢO	06/05/1999	29018928	Toán: 6.20 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 9.25 GDCD: 8.00 KHXH: 8.58 Tiếng Anh: 4.00
LÊ THỊ PHƯƠNG	15/06/1999	29002556	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THẢO VÂN	01/01/1999	29027125	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 7.40
PHẠM THỊ KIM THỊ	08/03/1999	29002954	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 6 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN THỊ QUYÊN	03/04/1999	29016911	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 4.60
ĐINH MINH ĐỨC	24/06/1995	29014775	Toán: 2.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75
ĐẬU THỊ OANH	20/01/1999	29005818	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 9.25 Địa lí: 9.50 GDCD: 9.00 KHXH: 9.25 Tiếng Anh: 6.60

VÕ VĂN THÀNH	01/05/1998	29019160	Toán: 8.20 Hóa học: 8.25 Sinh học: 7.50
NGUYỄN THỊ MAI	20/08/1999	29004006	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG THỊ THANH HUYỀN	01/01/1999	29000276	Toán: 5.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 4.00
PHAN THẾ MẠNH	02/09/1999	29013639	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN KHẮC CƯỜNG	21/01/1999	29019252	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.25 GDCD: 5.00 KHXH: 3.83 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG THỊ HẢI	03/09/1999	29029468	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ THƯƠNG	28/08/1999	29022528	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.60
THÁI DUY HÙNG	04/12/1999	29029498	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.17 Tiếng Anh: 4.00
VŨ THỊ ÚT	21/07/1999	29019084	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 9.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.20
TRƯƠNG HOÀNG THẾ TRUNG	30/07/1999	29000880	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.42 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.40
PHAN THỊ SINH	10/02/1999	29029219	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 2.40
HOÀNG MINH HIẾU	24/04/1998	29014244	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.00
GIẢN VIẾT TRUYỀN	06/12/1999	29021397	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.20
VŨ THỊ QUỲNH HÀ	07/02/1999	29017198	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 8.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN NGỌC ÁNH	11/04/1999	29017104	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 6.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 1.40
NGUYỄN THỊ ÁNH NGUYỆT	13/07/1999	29017416	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN HƯỚNG	10/09/1999	29029050	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 4.40

NGUYỄN CÔNG MINH	18/09/1999	29002011	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 4.80
LÊ DOÃN CƯỜNG	06/08/1999	29029764	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.00 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN TUẤN ANH	08/03/1999	29027167	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.50 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN NGỌC TOÀN	14/06/1999	29002636	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.20
ĐẶNG NGỌC TÚ	06/02/1998	29011571	Toán: 4.80 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.75
TRẦN THỊ TỔ UYÊN	15/09/1999	29015336	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.5 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.50 GDCD: 7.50 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.80
TẠ NGỌC TRÂM	19/05/1999	29027062	Toán: 8.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 8.00
VÕ THỊ NHẠ	15/06/1999	29011436	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ HIỀN	10/01/1999	29001348	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.00 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.40
LÀU BÁ KHÙ	04/06/1999	29008306	Toán: 2.40 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.50 GDCD: 6.25 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 2.20
LƯƠNG THỊ PHƯƠNG ANH	23/12/1999	29015401	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	12/09/1999	29017609	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ THẢO	05/08/1999	29016359	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN CHÍ KIÊN	20/05/1999	29002447	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 6.40
PHẠM THỊ LINH	27/05/1999	29008805	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.20
LÊ THỊ CẨM LY	06/03/1999	29009735	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 5.50 KHXH: 4.08 Tiếng Anh: 3.00
LÔ THỊ BẢO	19/01/1999	29003047	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.20

VĂN THỊ NHUNG	12/06/1999	29016856	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 4.40
CHU THỊ THÚY	15/02/1999	29022509	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN ĐÌNH NINH	28/11/1998	29017436	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THANH THẢO	22/11/1999	29015132	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 6.25 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN DU HÙNG	26/02/1999	29015678	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.20
TRƯƠNG THỊ QUỲNH NGÀ	23/04/1999	29027474	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN VĂN TIẾN	18/09/1998	29019166	Toán: 7.40 Vật lí: 6.75 Hóa học: 9.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 6.17
NGUYỄN XUÂN ĐÔ	23/04/1999	29025390	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.17 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 8.40
TRƯƠNG THỊ VÂN	17/07/1999	29015345	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ BÍCH	28/07/1999	29017110	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN HOÀNG LINH TRANG	22/11/1999	29004719	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.80
LỖ THỊ KÀ LÌA	16/08/1999	29013609	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.75 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG THỊ ĐỨC CHUNG	18/04/1999	29011950	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 8.00 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN XUÂN THUỶ	18/01/1999	29000550	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.20
HỒ HỮU HÙNG	06/10/1997	29026641	Toán: 6.60 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.50
NGUYỄN THỊ MỸ LINH	17/02/1999	29000355	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 3.80
TRỊNH THỊ NGÂN	05/01/1999	29019755	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25
GIÀ Y PI	22/12/1999	29008406	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 3.00

VÕ DUY TÚ	06/10/1999	29020180	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.00
TRƯƠNG CÔNG LÂN	15/03/1999	29018545	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN HỒNG QUÂN	20/09/1993	29025304	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.50
HỒ NGỌC HOÀN	10/01/1999	29015646	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ THU GIANG	11/06/1999	29022760	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN QUỐC HOÀN	25/07/1999	29026125	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.80
HÀ THỊ THẢO	27/10/1999	29009272	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ DUNG	26/10/1999	29006879	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN ANH QUÂN	20/08/1999	29011017	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 9.00 Hóa học: 10.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 7.92 Tiếng Anh: 4.20
ĐẶNG THỊ NGÂN	20/08/1999	29024478	Toán: 8.20 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.25 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 9.60
LƯƠNG THỊ LINH	11/08/1999	29020698	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN VĂN VINH	04/07/1999	29001203	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.00 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.58 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.75
CHU VĂN HOÀNG	07/03/1999	29003888	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.25 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN ĐÌNH HOÀNG	17/03/1999	29015653	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN ĐỨC THỊNH	27/10/1999	29028086	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 2.60
TẠ QUANG LINH	21/02/1999	29011699	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 5.00
LÊ THỊ DIỄM QUỲNH	04/09/1999	29025219	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 4.00

TRẦN BẢO NGỌC	14/05/1999	29026383	Toán: 5.80 Ngữ văn: 9.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00 GD&CD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 7.20
LÊ THANH TÙNG	14/12/1999	29019074	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 8.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 3.80
PHAN VĂN LỘC	10/09/1999	29020350	Toán: 9.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 9.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 7.40
HÀ VĂN VƯỢNG	20/03/1999	29013811	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN DUY PHAN	03/06/1999	29028019	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN DUY THÔNG	10/06/1997	29030351	Toán: 7.40 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.00
HỒ MINH ĐỨC	18/01/1998	29026618	Toán: 3.60 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.25 Tiếng Anh: 4.60
PHAN CÔNG HOÀNG	04/07/1999	29007293	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 2.40
VÕ THỊ HƯƠNG LY	23/06/1999	29023875	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 9.20
ĐẶNG THỊ QUỲNH TRANG	03/04/1999	29011811	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 3.00
LƯƠNG THỊ ƯỚC	21/07/1999	29003586	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.75 GD&CD: 6.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ LINH	10/07/1999	29003972	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GD&CD: 8.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN PHƯƠNG ÁNH	11/09/1999	29000636	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 2.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.92 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GD&CD: 8.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 5.60
ĐOÀN THỊ HIỀN	27/10/1999	29023460	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.00
NGUYỄN ĐĂNG NGHỊ	11/08/1999	29001524	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 8.00 GD&CD: 9.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THẾ NAM	25/01/1999	29023909	Toán: 7.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 6.00 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN VĂN HÙNG	07/03/1999	29022298	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 9.50 Hóa học: 9.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 4.40
HOÀNG VĂN HÙNG	21/08/1999	29022825	Toán: 1.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.25 GD&CD: 6.25 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 2.00

HOÀNG THỊ HẠNH	05/01/1999	29011306	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.00 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 2.20
LỮ VĂN MỪNG	08/09/1999	29014054	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.20
PHAN VĂN TOÀN	22/06/1999	29029623	Toán: 9.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 9.00 Sinh học: 8.25 KHTN: 8.08 Tiếng Anh: 4.00
TRƯƠNG THỊ HOÀI SÂM	28/09/1999	29004129	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN XUÂN ĐỨC	17/02/1999	29027875	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ KHÁNH	08/01/1999	29014989	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN VIỆT MINH	03/09/1999	29010534	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN VĂN TUẤN	06/09/1999	29016519	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 4.00
ĐẶNG THỊ HỒNG NHUNG	02/06/1999	29000451	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ LAN	10/02/1990	29017697	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50
CHU THỊ YẾN NHI	17/04/1999	29004550	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 6.75 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ MAI TRANG	20/10/1999	29024624	Toán: 7.20 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 6.60
PHẠM VĂN TRIỆU	10/08/1999	29006716	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 9.25 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 4.40
TRỊNH VĂN HOÀNG	03/07/1999	29023205	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ NHÂN	27/09/1999	29022387	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 3.80
HOÀNG ĐĂNG ĐỨC	17/07/1998	29012705	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.25 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 3.80
HÀ THỊ HƯƠNG	30/12/1999	29013583	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 2.80

PHAN THỊ MƠ	17/07/1999	29005153	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 4.80
VƯƠNG THỊ HỒNG LÊ	15/01/1999	29027949	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 4.40
LÊ THỊ TUYẾT	10/10/1999	29020531	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 7.50 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ CẨM TÚ	05/09/1999	29029645	Toán: 9.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 9.00 Hóa học: 9.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 8.08 Tiếng Anh: 6.60
TRẦN NHẬT MINH	07/04/1999	29027458	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.20
PHAN THỊ NHUNG	20/01/1999	29009801	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 9.00 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ DUYÊN	10/07/1999	29027239	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 4.20
VƯƠNG DUY	22/05/1999	29026006	Toán: 8.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 8.60
NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	08/04/1999	29005226	Toán: 9.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 7.00 KHTN: 7 Tiếng Anh: 6.40
LÊ THỊ DIỆU THÙY	27/04/1999	29020064	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.50 GDCD: 7.00 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN VĂN MẠO	27/08/1999	29002500	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.40
ĐẬU THỊ NGUYỆT	11/04/1999	29016184	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 5.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN RIN	12/09/1999	29018690	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 2.80
VŨ THỊ NHUNG	12/10/1999	29018099	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.33 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.60
PHẠM VĂN NHÂN	28/07/1993	29027717	Toán: 5.40 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.00
CAO HẰNG NGA	05/10/1999	29004540	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 6.40
CÙ MẠNH TUẤN TÀI	15/01/1999	29024017	Toán: 7.40 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 7.40

HỒ THỊ HẰNG	25/06/1999	29016611	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 2.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 6.50 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.20
VÕ THỊ TRANG	22/02/1999	29012486	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ THẢO	28/08/1999	29017527	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.60
SỸ DANH MẠNH	25/03/1999	29026316	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 5.20
NGÔ THỊ NGỌC	18/04/1999	29021951	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.00
TRẦN THỊ TUYẾT	01/11/1998	29020532	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN THỊ QUỲNH TRANG	17/07/1999	29027056	Toán: 9.40 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 9.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 6.5 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 9.20
DƯƠNG THỊ THÙY LINH	11/09/1999	29021141	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 9.00 Sinh học: 8.00 KHTN: 7.92 Tiếng Anh: 5.00
TRƯƠNG XUÂN SƠN	22/06/1999	29027581	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.75 KHXH: 8.42 Tiếng Anh: 3.60
ĐẶNG THỊ THANH	09/09/1999	29029596	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ LAN	29/06/1999	29007674	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN ĐÌNH HUY	14/02/1999	29020309	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ NHUNG	25/04/1999	29000458	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	03/09/1999	29029033	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 4.20
VÕ THỊ THÚY HẰNG	06/10/1999	29023721	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN HUY DƯƠNG	09/06/1999	29003762	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.60
PHẠM TRẦN VĂN LỰC	28/05/1999	29030535	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 2.60

HỒ THỊ XINH	10/08/1996	29010811	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.25 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN VĂN PHÚ	02/05/1999	29023288	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG MINH LÂM	28/04/1999	29029075	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN DUY SÂM	24/02/1999	29002063	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 2.25 KHTN: 3.42 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 4.00 KHXH: 4.08 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM ĐÌNH TÀI	27/06/1998	29001133	Toán: 8.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.75
ĐÀO THỊ LY TRANG	07/04/1999	29001689	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN VĂN NAM	13/12/1999	29020722	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 2.75 GDCD: 5.25 KHXH: 3.83 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN XUÂN PHONG	19/05/1999	29014690	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.60
HOÀNG THỊ THỦY	13/02/1999	29012426	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 5.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ NGUYỆT	14/03/1999	29022923	Toán: 3.40 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 9.75 GDCD: 6.75 KHXH: 8.5 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN BÁ ĐẠI	01/01/1998	29015499	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ SÁU	01/12/1998	29008423	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ NHÂN	25/02/1999	29004060	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 4.00
VŨ ANH TÚ	12/01/1999	29020181	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ SEN	04/10/1999	29021267	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 9.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 7 Tiếng Anh: 4.20
HOÀNG ĐÌNH TRÌNH	12/12/1999	29021393	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.00
VŨ QUỐC VƯƠNG	12/06/1999	29005427	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN THỊ TRANG	12/07/1999	29017009	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 4.20

HỒ BÁ TRƯỜNG	19/08/1999	29006734	Toán: 8.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 9.25 Hóa học: 9.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.75 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN ĐÌNH VIỆT	15/08/1999	29008030	Toán: 6.60 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.42 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 6.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN ĐĂNG PHÚ	02/04/1999	29001557	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ CẨM NHUNG	16/07/1999	29023951	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 8.00
CAO CÔNG TRÁNG	27/09/1999	29012488	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN QUANG ANH	20/02/1999	29014283	Toán: 1.80 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 1.40
NGUYỄN BẢO HƯNG	21/01/1999	29005065	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM TRUNG HIẾU	15/01/1999	29026106	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ HUYỀN	28/09/1999	29023220	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 3 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM NGỌC HƯNG	23/09/1999	29027934	Toán: 7.60 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ THÙY LINH	21/01/1999	29023248	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 8.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 8.20
MAI TRỌNG THÔNG	06/01/1999	29001158	Toán: 1.20 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 1.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 2.92 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75
LÊ QUANG NGHĨA	08/09/1999	29002026	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.80
LÊ THỊ LINH	26/06/1999	29016755	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ NGỌC	08/02/1999	29019878	Toán: 4.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 9.50 KHXH: 8.5 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN HỮU TUẤN	17/05/1999	29020187	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.00
LÊ THỊ HÀ GIANG	02/06/1998	29011550	Toán: 6.80 Hóa học: 7.25 Sinh học: 8.50

TRƯƠNG VĂN DŨNG	10/08/1999	29003750	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN ĐẠT	24/09/1997	29010076	Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.25
LO THỊ HƯƠNG	21/12/1999	29025080	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN CÔNG HIỆP	14/01/1999	29001921	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 2.60
NGÔ CÔNG HUYNH	25/04/1999	29027370	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.80
LƯU QUANG LINH	04/10/1998	29010479	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG THỊ OANH	24/02/1999	29012871	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 3.60
HỒ VĂN KHOA	20/01/1999	29024373	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN SÁNG	18/07/1998	29001796	Toán: 9.20 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.00
GIẢN THỊ HẠNH	26/03/1999	29021029	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ MINH	10/04/1999	29028547	Toán: 4.60 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN KHẮC HIỆP	28/01/1999	29008717	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.40
VÕ HIẾU ĐẠT	02/08/1999	29014353	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 5.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.40
HỒ THỊ HUỖN TRANG	15/02/1999	29020124	Toán: 6.20 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 9.00
TẶNG THỊ TRANG	30/10/1999	29015254	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 5.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ THU HÀ	28/03/1999	29013118	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 7.20
NGUYỄN SĨ ĐỨC	11/09/1999	29003099	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 5.25 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 4.60

VŨ VĂN DẦN	20/02/1999	29029771	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 2.60
PHẠM THỊ BÍCH NGỌC	14/02/1999	29015048	Toán: 8.40 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 4.00
ĐẶNG THỊ THÙY TRANG	17/11/1999	29028144	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 7.60
ĐINH VIỆT PHÚ	25/10/1999	29002038	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 2.80
LÊ THỊ GIANG	03/08/1999	29018769	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 5.00
PHẠM VIỆT THÀNH	17/05/1999	29020011	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.40
KHA THỊ THẢO NGUYỄN	09/12/1999	29025167	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 7.40
ĐOÀN ĐỨC UY	25/03/1999	29006782	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 5 Tiếng Anh: 4.40
LÀU BÁ BÌ	17/02/1999	29008152	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 2.40
NGÂN VĂN ĐẠT	18/10/1999	29003090	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.40
PHAN THỊ PHƯƠNG UYÊN	20/04/1999	29006790	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 2.80
LÊ THỊ KHÁNH HUYỀN	17/10/1999	29000278	Toán: 8.40 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 7.40
CAO XUÂN THỦY	29/12/1999	29013369	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 4 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN HOÀNG HẢI ÂU	24/12/1998	29025925	Toán: 4.20 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 1.40
PHẠM VĂN VŨ	20/01/1999	29029683	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 9.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN TUẤN ANH	01/01/1999	29017092	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN VĂN LỢI	07/05/1998	29017711	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.00

VI VĂN HUỖNH	29/04/1999	29014494	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 6.50 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 2.20
HỒ SỸ TRUNG	01/09/1999	29017024	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 1.40
HOÀNG THỊ TRINH	14/04/1999	29020154	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.60
ĐẶNG THỊ HẬU	20/10/1999	29005623	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN QUANG HƯNG	19/03/1999	29026192	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 4.80
TRẦN TUẤN ANH	28/07/1999	29000038	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.75 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 2.60
LƯƠNG VIỆT ANH	21/10/1999	29023559	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 8.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 4.60
LƯƠNG VĂN HUỖNH	19/10/1999	29014492	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VĂN HUY	08/10/1999	29026163	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.40
HOÀNG THỊ DƯƠNG	15/06/1999	29005550	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.25 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.40
LÔ NGỌC HAI	10/11/1999	29013526	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 1.80
NGÔ NGUYỄN ĐỨC NAM	12/11/1999	29009768	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 2.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 4 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ VÂN ANH	25/02/1999	29022176	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 5.00
HỒ THỊ MAI QUYÊN	29/01/1999	29009848	Toán: 7.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN TRỌNG ĐỨC	17/09/1999	29025400	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 8.00
TRẦN KHẮC ĐOÀN	30/04/1999	29022749	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN TOÀN	15/12/1999	29017581	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.20

ĐẶNG THỊ ĐỨC HIỀN	02/04/1999	29006364	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ THU HÀ	11/03/1999	29026050	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 9.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 6.60
NGUYỄN VĂN SƠN	15/07/1999	29007107	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.50 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN VIỆT	12/02/1995	29027800	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.50
TRƯƠNG THỊ BÌNH	19/05/1998	29018733	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.92 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ HIỀN	24/11/1999	29000194	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 5.20
HOÀNG THỊ NGỌC QUỲNH	07/06/1999	29013317	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN QUỐC DŨNG	21/09/1999	29027232	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ PHƯƠNG ANH	30/08/1999	29003349	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.08 Tiếng Anh: 4.40
PHẠM THỊ NGỌC THÚY	27/05/1999	29012435	Toán: 7.20 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 7.00
PHAN THỊ TRANG	01/10/1999	29005355	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN THỊ HẠNH	22/02/1999	29010869	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 8.20
PHẠM HOÀNG VIỆT	18/02/1998	29007198	Toán: 6.40 Vật lí: 6.75 Hóa học: 4.50 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	01/04/1999	29009313	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 8.75 Sinh học: 8.50 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 5.40
HOÀNG VĂN TRUNG	20/05/1999	29019037	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 2.80
CAO PHƯỚC	22/09/1997	29030339	Toán: 8.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.75
CAO VĂN HÙNG	22/02/1999	29005664	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.40

NGUYỄN ĐÌNH CƯỜNG	08/01/1999	29014899	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 3.60
BÙI THỊ YẾN	05/05/1999	29021434	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.60
PHẠM HUY HOÀNG	16/09/1999	29008741	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THUÝ NGÀ	25/07/1999	29017402	Toán: 1.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.25 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 4.40
PHAN THỊ NGÂN	01/01/1999	29009220	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 5.80
NGÔ THỊ HOÀI	15/02/1999	29005025	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 2.60
LÊ THỊ HUYỀN	18/01/1999	29030491	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 5 Tiếng Anh: 4.00
VŨ THỊ ANH	26/06/1999	29013093	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.92 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.80
TRƯƠNG THỊ TÂM	17/12/1999	29025236	Toán: 6.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 1.80
LƯƠNG VĂN ÁNH	26/09/1999	29013871	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 1.75 GDCD: 5.50 KHXH: 3.5 Tiếng Anh: 4.00
PHẠM DIỆP HUỠNH	20/06/1999	29024360	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN KỲ	16/10/1999	29017999	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 3.60
ĐINH XUÂN HÙNG	04/04/1998	29026640	Toán: 5.20 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.00
NGUYỄN THỊ TRÀ GIANG	29/06/1999	29007601	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ OANH	10/10/1999	29029176	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.00 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN HỒNG THẨM	20/10/1999	29018165	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 4.20
LÊ BÁ THANH TÙNG	27/05/1999	29016521	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.60

HỒ TIẾN QUÂN	03/04/1999	29018123	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 3.60
BẠCH THÚY AN	07/10/1999	29007511	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN ĐÌNH NAM	17/07/1998	29029135	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.80
LÊ THỊ KIM DUNG	21/06/1999	29024197	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 8.80
TRẦN THỊ HOÀI THƯƠNG	12/11/1999	29018195	Toán: 9.60 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 8.00
LÊ THỊ THU HOÀI	01/03/1999	29019410	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.60
HÀ VĂN DẦN	15/11/1998	29013896	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.00 GDCD: 1.75 KHXH: 2.42 Tiếng Anh: 3.20
LÊ THỊ HÒA	26/08/1999	29006022	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25
PHÙNG THỊ THÙY DUNG	20/09/1999	29020234	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 5.00
ĐỖ MAI LÊ	14/09/1999	29014021	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 9.20
LÊ THỊ THẢO	03/08/1999	29009273	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.00 KHTN: 2.67 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.75 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN ĐỨC CƯỜNG	22/02/1999	29020975	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.00
CAO BÁ DƯƠNG	18/10/1999	29006307	Toán: 7.40 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.58 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.75 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 6.60
MOONG VĂN HOÀI	13/03/1999	29008273	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 3.50 GDCD: 6.25 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HẰNG	06/08/1999	29028385	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN PHẠM ANH PHƯƠNG	12/10/1999	29023971	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 4.60
HOÀNG THỊ TRANG	27/02/1999	29009308	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.25 KHXH: 8.5 Tiếng Anh: 3.40

NGUYỄN THỊ TRANG	03/07/1999	29001697	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.80
HỒ THỊ THU HƯƠNG	15/01/1999	29028468	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 4.80
TRẦN THỊ HIỀN	10/06/1999	29017229	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 5.25 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 2.60
CAO ĐÌNH TUÂN	15/07/1999	29002999	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 5.20
HOÀNG KHẮC TRỌNG	01/11/1999	29005371	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ BÌNH	02/08/1999	29011930	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ THIỆN	10/05/1999	29017541	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.00
LÂM HỮU KHÁ	12/07/1999	29006422	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 4.60
VÕ KHÁNH LINH	06/03/1999	29013213	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 5 Tiếng Pháp: 4.00
ĐẶNG XUÂN ANH	01/11/1999	29019177	Toán: 1.80 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.00
ĐÀM HOÀI NAM	26/09/1999	29013238	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 1.75 KHTN: 2.58 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 5.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ XUÂN	24/07/1999	29022668	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN VĂN QUÂN	02/02/1999	29005847	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.00
HỒ HỮU HIỆP	30/10/1999	29017928	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.17 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ THẢO	07/06/1999	29017525	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 6.60
NGUYỄN THỊ QUỲNH	18/07/1999	29007972	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 2.80
VÕ THỊ THƯƠNG	28/06/1999	29012447	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.00 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 2.60

NGUYỄN TẤT THÀNH	23/06/1999	29002087	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ HUYỀN GIANG	29/10/1999	29010348	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.60
BÙI THỊ MỸ LINH	20/03/1998	29008799	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.60
ĐẶNG THỊ TRANG DIỆU	25/11/1999	29020977	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 8.00 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 4.60
HÀ THỊ DỊU LY	29/10/1999	29003450	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 2.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 6.40
PHẠM THỊ MAI NGỌC	10/02/1999	29011432	Toán: 4.80 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.00 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN QUANG SANG	06/09/1999	29012347	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.83 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG THỊ THU HẢI	27/07/1999	29012014	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.67 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.00
PHAN THỊ THU TRANG	09/11/1999	29012482	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ PHƯƠNG ANH	24/04/1998	29001739	Toán: 6.60 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.50
NGUYỄN ĐÌNH LINH	18/05/1999	29007679	Toán: 2.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VĂN CHIẾN	25/01/1999	29027202	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN NGỌC BẢO	28/06/1999	29009464	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HOÀI PHƯƠNG	08/03/1999	29009832	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.40
VÕ DUY THAO TRƯỜNG	01/01/1998	29020176	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.60
LÔ HOÀNG ANH	08/07/1999	29008145	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 3.25 GDCD: 6.75 KHXH: 4.08 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THU THẢO	24/09/1999	29024039	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 9.00 Hóa học: 9.25 Sinh học: 6.25 KHTN: 8.17 Tiếng Anh: 8.80

PHẠM NGỌC ANH	16/07/1999	29027169	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.00 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 5.00
BÙI THỊ NGỌC	05/12/1999	29019646	Toán: 3.20 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 9.25 Địa lí: 9.50 GDCD: 7.50 KHXH: 8.75 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ TÌNH	12/10/1999	29002116	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN CẢNH HÙNG	20/08/1999	29016681	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.80
ĐÀO DUY SỸ	24/04/1998	29019991	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 1.20
NGUYỄN THỊ THẢO	28/10/1998	29029258	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN CHÍ TÙNG	13/07/1999	29027107	Toán: 9.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 9.25 Hóa học: 9.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 7.5 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.60
PHAN THỊ HOÀI THƯƠNG	01/05/1999	29029304	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG TRỌNG QUÝ	19/01/1999	29006139	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.00
LƯƠNG THỊ TÚ	17/12/1999	29014201	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.25 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN TẤT PHÚC	06/01/1999	29007961	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.67 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN TRỌNG THỰC QUYÊN	08/12/1999	29026470	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 6.25 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 8.00
ĐINH BẢO DIỆM	09/02/1999	29004920	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ YẾN NGỌC	26/09/1999	29016838	Toán: 9.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 10.00 Hóa học: 10.00 Sinh học: 6.75 KHTN: 8.92 Tiếng Anh: 8.60
TRẦN MỸ HOA	26/05/1999	29024314	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 1.75 KHTN: 3.17 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN MINH ĐỨC	14/05/1999	29023688	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.25 Hóa học: 9.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 7.67 Tiếng Anh: 6.80
NGUYỄN VĂN THÀNH	27/06/1999	29017515	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.50 KHXH: 8 Tiếng Anh: 2.40

NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	20/02/1999	29004765	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.50 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.00
HỒ THỊ HIỀN	15/02/1998	29017672	Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25
NGUYỄN THỤY MẠNH	05/07/1999	29002004	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 2.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.80
BÙI THỊ THẢO	14/08/1999	29017517	Toán: 2.40 Ngữ văn: 2.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ LINH	07/07/1998	29006071	Toán: 6.80 Vật lí: 3.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.75
THÁI HOÀI THƯƠNG	03/10/1999	29023020	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.25 KHXH: 4 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ DUYÊN	10/12/1999	29003757	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 8.40
PHẠM THUỶ LIÊN	13/01/1999	29002459	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN XUÂN HƯNG	07/01/1999	29023813	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THẾ HẬU	30/09/1999	29005626	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.20
PHẠM THỊ TRÀ LY	09/02/1999	29007694	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HOA	06/01/1998	29011553	Toán: 4.60 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.00
HỒ VĂN TUẤN	19/07/1999	29013420	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN QUỐC NAM	12/04/1998	29010765	Toán: 7.40 Hóa học: 5.50 Sinh học: 6.00
ĐẶNG THỊ HÒA	22/02/1998	29021762	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN HỮU ĐÔ	10/09/1999	29020997	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 7.75 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN HƯNG QUÂN	07/09/1999	29013310	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 3 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM ĐỨC THẮNG	08/04/1999	29013360	Toán: 4.80 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.42 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.60

LÔ THỊ HOÀN	26/08/1999	29014454	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75 GD&CD: 8.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG THỊ HẰNG	01/09/1999	29004995	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GD&CD: 8.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.40
NGÔ THỊ TÚ ANH	18/05/1999	29014872	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN VĂN BẮC	19/11/1998	29025250	Toán: 8.00 Hóa học: 9.00 Sinh học: 8.25
NGUYỄN THỊ THU UYÊN	03/12/1999	29018273	Toán: 9.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 6.20
LA HỒNG HẠNH	10/12/1999	29024274	Toán: 2.60 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GD&CD: 7.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 9.00
PHẠM VĂN HOÀNG	17/12/1999	29002390	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 9.00 Hóa học: 8.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN VĂN SƠN	20/02/1998	29009034	Toán: 5.80 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.25
HỒ THỊ THU HIỀN	02/01/1999	29007285	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ ÁNH	17/07/1999	29018355	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GD&CD: 5.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.20
LẠI THỊ QUỲNH	21/09/1999	29018137	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 8.75 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 5.60
DƯƠNG VĂN CƯỜNG	03/08/1999	29025367	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.75 GD&CD: 5.75 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN THU HÀ	06/08/1998	29008063	Toán: 8.80 Hóa học: 10.00 Sinh học: 9.25
NGUYỄN THỊ THANH	06/09/1999	29011781	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 4.00
PHAN VIỆT HÙNG	27/05/1999	29023781	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.00 Hóa học: 9.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 3.00
DƯƠNG THỊ HẠNH	27/05/1999	29018432	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.25 GD&CD: 8.75 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HẢI	31/07/1999	29018778	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 7.50 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM VIỆT KHÁNH	22/08/1999	29022847	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 9.25 GD&CD: 9.50 KHXH: 9.08 Tiếng Anh: 2.60

BÙI NGUYỄN LƯỢNG	16/09/1999	29000380	Toán: 9.40 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 6.40
LÊ QUANG THẮNG	13/06/1999	29005302	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.40
HÀ VĂN LƯU	01/10/1999	29014566	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.40
BÙI THỊ HÀNG MY	25/04/1999	29009758	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 9.75 GDCD: 7.75 KHXH: 8.5 Tiếng Anh: 5.20
VŨ THỊ HẠNH	11/05/1999	29003820	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN CẢNH THẮNG	18/05/1999	29010667	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN TRỌNG THÔNG	14/10/1998	29001159	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 0.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25
ĐÀO VĂN TRƯỜNG	25/09/1995	29010210	Toán: 6.20 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.00
NGUYỄN TÀI QUANG NHẬT	30/10/1999	29013273	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.80
VŨ THỊ THƠM	15/06/1999	29030725	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.60
VI VĂN DẦN	02/03/1999	29013489	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 2.20
CAO HẢI NAM	24/04/1999	29004536	Toán: 4.20 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ HOÀI THU	22/09/1999	29008003	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 3.20
CỰ BÁ LẦU	13/08/1999	29008316	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 4.50 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 3.00
ĐINH THỊ GIÁNG HƯƠNG	27/07/1999	29021832	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN VIỆT HOÀNG	03/02/1999	29009138	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.5 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
VŨ HÙNG SƠN	29/11/1998	29008567	Toán: 2.80 Vật lí: 2.00 Hóa học: 2.75

PHẠM THỊ THÚY	06/05/1999	29016437	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
VÕ THỊ THÚY HẠNH	06/10/1999	29022784	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.60
LƯU THỊ HẰNG	02/02/1999	29005614	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 9.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 6.60
TRƯƠNG THỊ BÉ	07/07/1999	29019219	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 4.00
PHẠM NGUYỄN MAI CHI	22/01/1999	29024176	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.80
HOÀNG THỊ KIM HƯƠNG	22/10/1999	29004477	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 6.50 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.20
HỒ ĐĂNG KHOA	06/04/1999	29012800	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN VĂN KHẢ	11/09/1999	29025483	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.92 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 6.60
HOÀNG VĂN THÁI	05/05/1999	29022064	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG THỊ THƯƠNG	12/10/1999	29006195	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50
NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	15/09/1999	29003341	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.40
LƯƠNG VĂN TIẾN	13/05/1999	29020838	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.80
LÊ CÔNG BÌNH	13/08/1999	29006272	Toán: 8.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 2.00
PHẠM ANH TUẤN	01/09/1999	29028770	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 6 Tiếng Anh: 2.00
HỒ SỸ SƠN	01/03/1996	29003656	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.50 GDCD: 4.25 KHXH: 3.67 Tiếng Anh: 2.40
LƯƠNG THỊ SIM	09/11/1999	29020797	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 2.20
HÀ THỊ LÊ NA	14/05/1999	29025150	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 7.00

BÙI THỊ UYÊN	09/10/1999	29015330	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN THÁI	02/11/1999	29030289	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 1.60
HOÀNG CÔNG VINH	09/04/1999	29013000	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ KIM OANH	07/12/1999	29026427	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN BÁ HẢI ĐĂNG	21/11/1999	29018760	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 7.00
LÊ VIẾT HOÀNG QUÂN	17/07/1999	29023986	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 6.00 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 4.20
HỒ THỊ LÀI	13/03/1999	29016737	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 6.80
HOÀNG VĂN NĂM	20/08/1998	29006107	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25
ĐINH THỊ THÙY LINH	08/09/1999	29010474	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.40
PHẠM THU HIỀN	31/03/1999	29010882	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ VÂN ANH	19/06/1998	29000933	Toán: 6.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.00
HOÀNG THỊ MỸ NHƯ	17/08/1999	29026417	Toán: 9.40 Ngữ văn: 9.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 9.60
CAO THỊ NAM	25/12/1999	29005159	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.92 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 5.00
PHẠM ĐÌNH TRƯỜNG	12/03/1999	29029641	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.40
LANG VĂN SỬ	19/05/1999	29013712	Toán: 2.40 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 5.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.60
ĐẶNG THỊ HOA	15/07/1999	29009128	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.42 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN MINH SÁNG	18/09/1999	29011036	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 2.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.00

PHẠM THỊ NGỌC	24/01/1999	29029551	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 9.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ TÚ LINH	09/08/1999	29011695	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 8.00
LÊ THỊ THU HÀ	29/05/1999	29009544	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.20
VI THỊ DUNG	12/07/1999	29019266	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ LAN	05/01/1998	29030327	Toán: 7.60 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.25
VÕ ĐÌNH THỊNH	12/08/1999	29008952	Toán: 2.00 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.00 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO	08/01/1999	29027615	Toán: 4.80 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 6.80
ĐẶNG ĐÌNH CHIẾN	11/08/1999	29027201	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	19/02/1999	29018017	Toán: 9.60 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 9.50 Sinh học: 9.00 KHTN: 7.75 Tiếng Anh: 5.40
PHẠM THỊ THỦY	27/09/1998	29001666	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN QUỐC ĐẠT	27/02/1999	29004381	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 4.60
CAO VĂN TOÀN	20/02/1999	29018995	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.50 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HỒNG THƠM	26/12/1999	29028093	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN VĂN TRỌNG	01/05/1999	29005373	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN TRƯỜNG KHOÁT	20/04/1999	29005082	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN KHÁNH	16/06/1999	29028484	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.40
PHAN THÚC LÂN	22/02/1999	29007004	Toán: 2.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 9.00 GDCD: 7.75 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 3.60

NGUYỄN BÁ THANH	20/10/1997	29016010	Toán: 6.40 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.50
LÊ THỊ THƯƠNG	05/10/1999	29028713	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN TÂM PHÚC	02/06/1999	29013290	Toán: 7.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 4.60
VI TUẤN CƯỜNG	10/12/1999	29008211	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 2.80
VÕ THỊ HIỀN LỘC	25/02/1999	29027435	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN KHẮC ĐỨC	29/01/1999	29007262	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4 Tiếng Anh: 4.40
PHẠM THỊ HUYỀN THƯƠNG	25/12/1999	29025722	Toán: 6.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 4.00
VÀ BÁ XÔNG	16/03/1999	29008516	Toán: 2.40 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.25 GDCD: 4.75 KHXH: 3.58 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN THỊ VÂN ANH	12/07/1999	29028858	Toán: 6.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN XUÂN LỘC	28/10/1999	29012824	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 6.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.60
LÊ VĂN THÀNH	16/12/1999	29009898	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 5.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.00
CAO ANH TÚ	05/09/1999	29027079	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.92 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.50 GDCD: 7.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.40
LÊ THỊ THANH	26/08/1999	29028649	Toán: 6.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG THỊ TÚ UYÊN	17/09/1999	29028232	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 6.60
LÊ THỊ HỒNG HẠNH	25/12/1999	29021031	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 5.50 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ LÝ	10/01/1999	29020361	Toán: 7.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.60
LÊ MẠNH HUY	01/08/1999	29006404	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 6.00 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 3.60

HỒ VĂN NAM	22/10/1999	29018055	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 5 Tiếng Anh: 4.20
LƯƠNG VĂN TRUNG	23/09/1999	29013778	Toán: 1.20 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.50 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.00
VÕ VĂN VŨ TRƯỜNG	10/02/1999	29011146	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 2.00
VI THỊ HẰNG NGA	09/05/1999	29003210	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.20
PHAN THỊ HOA	07/04/1999	29028419	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.80
CAO XUÂN PHƯỢNG	28/10/1999	29018666	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 1.60
NGUYỄN THỊ NHUNG	02/03/1999	29021969	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 4.00
CAO NHẬT HẰNG	29/09/1999	29006354	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 6.25 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 6.80
ĐOÀN MẠNH HÙNG	18/02/1999	29023774	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN ĐỨC CHÍNH	29/12/1998	29024722	Toán: 8.60 Vật lí: 6.75 Hóa học: 8.00
TRẦN THỊ SEN	03/09/1999	29003272	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 5.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.60
HỒ THỊ LAM HUYỀN	10/09/1999	29018511	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 6.00
ĐẬU THÁI BẢO	15/07/1999	29027833	Toán: 3.00 Ngữ văn: 2.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.25 Tiếng Anh: 3.00
PHANG THỊ HUYỀN TRANG	12/04/1999	29020850	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.00 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ BÌNH	22/10/1999	29015434	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 1.60
CAO HẢI ĐƯỜNG	06/11/1999	29005575	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.25 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN DUY QUANG	07/07/1999	29027543	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 5.00

PHẠM THỊ SAO	18/02/1999	29011479	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG VĂN HẠNH	24/07/1998	29005597	Toán: 2.40 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.00 GDCD: 5.50 KHXH: 3.83 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN ĐÌNH NĂM	20/08/1999	29010555	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ QUỲNH GIANG	18/02/1998	29017662	Toán: 8.60 Hóa học: 8.75 Sinh học: 9.00
TRƯƠNG THỊ HOA	02/09/1999	29027323	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.00
LÔ THỊ HIỀN	09/10/1999	29013952	Toán: 3.00 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.25 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 3.00
ĐẬU THỊ NGỌC ÁNH	06/01/1999	29006264	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ NHÀN	26/02/1999	29019887	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.00 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 5.40
LÊ ĐĂNG TOÀN	04/04/1999	29000567	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ THÚY HIỀN	06/10/1999	29023179	Toán: 9.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 9.50 Hóa học: 9.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 7.92 Tiếng Anh: 7.00
NGUYỄN THỊ LÀI	04/03/1999	29015741	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ THÀNH	12/10/1997	29007125	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.50 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.40
TRƯƠNG VĂN CƯỜNG	09/09/1998	29014760	Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.75
BÙI THỊ GIANG	26/01/1999	29015535	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.60
LÔ VĂN YẾN	27/12/1999	29013816	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG THỊ MẶN	04/05/1999	29028540	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.80
BÙI VĂN THUNG	15/08/1999	29018957	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.75 KHXH: 7.08 Tiếng Pháp: 3.60

TRẦN VĂN MẠNH	05/08/1997	29027707	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 3.25 GDCD: 8.50 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.80
TRƯƠNG MINH HIẾU	20/03/1999	29018792	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.58 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN VĂN DŨNG	24/05/1999	29011279	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ THẢO	14/04/1999	29022982	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG THỊ CẨM TÚ	07/12/1999	29027084	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.92 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN TIẾN TUẤN	10/09/1999	29023399	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN ĐÌNH CƯỜNG	14/06/1998	29012666	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ MAI	06/11/1999	29028535	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 7.50 KHTN: 6 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN HẢI QUÝ	13/09/1999	29028615	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.40
LÊ PHƯỚC PHI	17/10/1999	29018654	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.00 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 4.40
KHA THỊ BÚA	12/01/1998	29008158	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN QUỐC TRUNG	19/03/1999	29026562	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 2.80
LÊ HUY QUÝ	26/09/1999	29006574	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 2.00
PHẠM THỊ HẢI	01/10/1999	29021702	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.50 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 3.80
LÊ TIẾN CÔNG	06/11/1999	29003720	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.40
TRƯƠNG THỊ THỦY	06/09/1999	29015202	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.40
VÕ VĂN HỒNG	03/12/1999	29010898	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.5 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.40

LƯƠNG ĐÌNH CHÍNH	29/05/1997	29029750	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.80
LÊ THỊ MỸ NGỌC	12/09/1999	29013256	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG MẠNH THẮNG	12/01/1999	29018934	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.00 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ THU HÀ	28/09/1999	29022254	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 4.80
TÔ XUÂN THẢO	01/05/1998	29008942	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.00
VŨ VĂN TUẤN	03/08/1999	29024125	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 4.20
CAO ĐĂNG THANH	30/03/1999	29005902	Toán: 1.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM BÁ THẮNG	24/07/1999	29022990	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN VĂN BẢO	06/07/1998	29030297	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.50 GDCD: 6.50 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ THƠM	10/01/1999	29023002	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.80
PHẠM CÔNG TUẤN	25/08/1999	29000606	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.75 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN DƯƠNG TẤN	10/09/1999	29010646	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.75 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN ĐÌNH MẠNH	16/03/1998	29013229	Toán: 8.20 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 4.20
ĐÀO DANH NAM	01/09/1999	29000413	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.60
PHAN ĐỨC THẮNG	06/06/1999	29026987	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 2.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 2.67 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.20
ĐẬU NGỌC THÔNG	09/02/1999	29028087	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.50 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ THẢO TRANG	03/10/1999	29021381	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 3.60

LÔ THỊ HỒNG	19/11/1999	29014464	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN ĐÌNH BẮC	04/03/1999	29000052	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 6.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.00
THÁI DOÃN PHONG	01/01/1999	29001556	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ NGỌC CHÂM	30/10/1999	29018735	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 7.00 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM NGỌC MẠNH	20/01/1999	29018601	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.40
ĐẬU NGỌC ĐỨC	13/04/1999	29011990	Toán: 3.00 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.50 GDCD: 6.00 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN NGỌC MẠNH	05/08/1998	29017718	Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 8.25
NGUYỄN DƯƠNG TUẤN	18/05/1999	29024666	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN ĐÌNH PHONG	26/03/1998	29010774	Toán: 4.80 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.75
NGUYỄN THỊ HUYỀN	11/07/1999	29014977	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 5.40
LƯƠNG THỊ THU TRANG	13/11/1999	29015244	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 2.80
ĐOÀN THỊ LINH CHI	20/09/1999	29005502	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.60
VI VĂN KHANG	13/06/1999	29020669	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THÀNH ĐẠT	27/06/1999	29024990	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 1.75 KHTN: 3.17 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG XUÂN TÀI	02/01/1999	29029234	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.20
KHA THỊ HÒA	05/11/1999	29020648	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.00 KHXH: 3.92 Tiếng Anh: 1.60
LÃNG THỊ THÙY	14/03/1999	29030738	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 4.80

VY ĐÌNH CƯỜNG	25/03/1973	29003615	Toán: 5.20 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 2.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.25 KHTN: 2.5 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.50
NGUYỄN QUANG DUY	09/01/1999	29024213	Toán: 4.80 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG VĂN HẢI	05/05/1999	29010865	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.60
ĐẶNG VĂN NAM	05/02/1999	29007934	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.08 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG TRẦN HIẾU	14/04/1998	29001007	Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 9.00
LÊ THU HÀ	16/11/1999	29025014	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 6 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN ĐỨC	11/09/1999	29026033	Toán: 5.60 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 2.00 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 0.60
NGUYỄN NHO TUẤN	18/10/1999	29030896	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.20
HÀ VĂN QUANG	25/11/1998	29018670	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.75 GDCD: 9.00 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 4.00
CAO THỊ HUỆ	26/03/1999	29029957	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 7.00
TÔ BÁ ĐẠT	16/08/1999	29009094	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ NGỌC LÊ	15/10/1999	29010464	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN SỸ HẢI	10/02/1999	29002319	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ LINH CHI	04/06/1999	29013481	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 4.40
DOÃN THANH ĐỨC	01/01/1999	29029459	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ HUỆ	02/02/1999	29021807	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ QUỲNH	06/04/1999	29024853	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 2.00

NGUYỄN HỮU THẮNG	01/07/1998	29020028	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 4.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.40
CHU VĂN HOÀNG	19/10/1999	29003889	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.40
ĐẶNG XUÂN THẮNG	02/01/1999	29011504	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN TRỌNG LỰC	17/09/1998	29001780	Toán: 7.40 Vật lí: 7.50 Hóa học: 6.50
NGUYỄN TIẾN DŨNG	24/03/1999	29004366	Toán: 9.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 4.00
CAO VĂN KHÁNH	20/03/1998	29006984	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 5.75 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 2.20
THÁI THỊ QUỲNH ANH	03/02/1999	29005481	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.00
VI VĂN HÙNG	15/11/1998	29008549	Toán: 3.40 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.50
VÕ VĂN AN	20/05/1998	29000930	Toán: 9.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.25
NGUYỄN HỮU QUANG	28/11/1999	29012884	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.60
DƯƠNG THỊ THẨM	14/02/1999	29020023	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.00 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 2.00
HOÀNG VĂN TUẤN	01/08/1999	29029653	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN NGỌC HẢI	02/08/1999	29027281	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.00
ĐỖ THỊ NGÂN HÀ	29/11/1998	29012562	Toán: 8.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 8.00 Sinh học: 8.75 KHTN: 6.83
NGUYỄN QUỐC CƯỜNG	17/03/1998	29024725	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50
TRẦN THỊ HIỀN	12/02/1998	29012565	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.50 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN TRỌNG HOÀNG	08/11/1999	29012762	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN VĂN HIỆU	19/05/1999	29021067	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	08/06/1999	29003236	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.60

LÊ NGUYỄN THÙY PHƯƠNG	28/04/1999	29009241	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.80
LÊ THỊ NHÂN	10/11/1999	29012580	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.25
CAO TIẾN DŨNG	14/07/1998	29000102	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 5.50 KHXH: 4 Tiếng Anh: 3.80
PHẠM THỊ KHÁNH LINH	29/04/1999	29009188	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.33 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.00
TẠ PHÚC THƯƠNG	17/12/1999	29011524	Toán: 1.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.80
LÊ THỊ HỒNG NGÁT	16/09/1999	29008853	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.80
HOÀNG QUANG ANH	04/06/1999	29014869	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ VÂN	22/05/1999	29016547	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ MINH ÁNH	28/06/1999	29011919	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 5.40
BÙI THỊ PHƯƠNG LINH	18/08/1999	29006454	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 6.20
TRẦN THỊ THÚY	17/05/1999	29020832	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN VĂN THẮNG	28/01/1999	29028079	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.40
ĐẬU THỊ HIỀN	06/06/1999	29029892	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.20
LỖ BÁ THÀNH	19/04/1999	29008444	Toán: 3.20 Ngữ văn: 2.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VIỆT NHÃ	16/12/1999	29023275	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.40
LÊ HỮU SƠN	02/09/1999	29007396	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN ĐÌNH HUY	23/10/1999	29025066	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 8.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 7 Tiếng Anh: 4.00

NGUYỄN THỊ NGÂN	08/12/1999	29018069	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.83 Tiếng Anh: 4.00
XEO VĂN KHÁCH	16/06/1999	29008298	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.40
VI THỊ HỒNG	06/04/1999	29025451	Toán: 4.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.50 KHXH: 8.5 Tiếng Anh: 5.40
ĐẶNG THỊ HÀ	08/03/1999	29004968	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 4.60
LƯƠNG THỊ NHUNG	21/10/1999	29008386	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.00
HỒ NGỌC THỊNH	06/11/1999	29012413	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ LIỆU	10/12/1999	29011688	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 3.80
TRƯƠNG THANH PHONG	13/09/1999	29005207	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ HẰNG	10/08/1999	29001332	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.20
ĐINH QUỐC QUÂN	27/01/1999	29023982	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 9.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 8.40
NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	13/04/1998	29030340	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.00 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN CÔNG VIỆT	10/12/1998	29011855	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	15/06/1999	29013357	Toán: 6.40 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 6.50 KHTN: 6 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 5.20
TRẦN VĂN HUY	19/07/1999	29009157	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ HỒNG	25/02/1999	29017273	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.20
QUANG TUẤN ANH	29/06/1999	29020558	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG THỊ DUNG	19/03/1999	29011608	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 6.75 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 5.80

NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN	09/11/1998	29001731	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.50 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 2.80
XÔNG VĂN TUẤN	28/05/1999	29013794	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
VÕ THỊ QUỲNH TRANG	14/08/1999	29000865	Toán: 8.40 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 8.50 Sinh học: 8.00 KHTN: 7.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN VĂN THANH	20/08/1999	29030641	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 7 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ KHÁNH LY	05/05/1999	29024443	Toán: 7.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 8.80
LÊ CÔNG MINH	05/06/1996	29007185	Toán: 3.40 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.25 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ VÂN ANH	11/01/1999	29028851	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN TRỌNG THANH	24/02/1999	29021293	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.60
LƯƠNG VĂN ĐẠT	15/02/1999	29027863	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.17 Tiếng Anh: 2.60
ĐÀO THỊ LINH	25/11/1999	29000337	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 3.00 GDCD: 3.25 KHXH: 2.75 Tiếng Anh: 3.60
HỒ THẾ LINH	17/09/1999	29018831	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 4.60
PHẠM XUÂN LONG	06/03/1999	29030063	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.00
LÊ TRỌNG KHÁNH	17/12/1999	29012131	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN DƯƠNG	07/04/1999	29003764	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 1.80
ĐẶNG THỊ LOAN	28/05/1999	29007334	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 6.50 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.60
HỒ ĐÌNH QUANG	13/03/1999	29016265	Toán: 1.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.00 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ HIỀN	12/11/1999	29011315	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.40

VI THỊ THỦY	04/04/1999	29014167	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 9.25 GDCD: 8.50 KHXH: 8.75 Tiếng Anh: 5.40
PHẠM THỊ HOA	14/12/1998	29003866	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.25 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 4.20
LÔ KHẮM PHƯỢNG	30/07/1999	29008405	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 5.00
VŨ THỊ SEN	13/12/1999	29005257	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN ĐỨC LỰC	07/05/1998	29003995	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.20
PHAN THỊ HƯƠNG LAN	17/03/1999	29012153	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.25 Hóa học: 2.25 Sinh học: 1.75 KHTN: 2.08 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 8.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 1.20
TRẦN THỊ NHUNG	12/09/1999	29016219	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.40
ĐẬU THỊ LÂM ANH	04/05/1999	29012608	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN KIM NGÂN	07/12/1999	29019635	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.60
TRƯƠNG THỊ TRANG	29/10/1999	29016485	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 6.60
NGUYỄN THANH HIỂN	01/12/1999	29006369	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.80
NGÔ ANH TUẤN	11/06/1999	29000604	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ LINH	25/03/1999	29019547	Toán: 1.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ YẾN	24/11/1999	29028269	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 9.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN VĂN YÊN	19/07/1999	29000924	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 1.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.83 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 5.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN NGỌC Ý	06/05/1999	29024153	Toán: 6.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 4.80
PHAN VĂN LONG	15/06/1999	29012190	Toán: 1.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.60

ĐOÀN VIỆT THÁI	14/08/1999	29025624	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 4 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN TRƯỜNG DUY	27/01/1998	29024735	Toán: 8.60 Hóa học: 9.50 Sinh học: 8.50
TRẦN THỊ THỦY	06/01/1999	29006630	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN QUANG THẮNG	19/01/1999	29002094	Toán: 8.00 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 8.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN KHẮC CẢNH	28/08/1998	29019660	Toán: 9.20 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.17
HOÀNG THỊ HẠNH	28/02/1999	29000991	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 3 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.75
GIÀ Y CHÙA	06/12/1998	29008534	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 3.00
VÕ HỮU HUYNH	14/01/1999	29001432	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN TẤT MẠNH	06/04/1999	29001496	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN ĐÌNH CHIẾN	10/07/1999	29013885	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.40
DƯƠNG BÁ ĐỨC	11/02/1998	29002710	Toán: 7.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 4.25
BÙI VĂN AN	05/01/1999	29011574	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 3.20
LÊ THỊ THANH PHƯƠNG	25/05/1999	29001567	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 5.40
VŨ VĂN LUÂN	06/03/1999	29030073	Toán: 1.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ KIM ANH	25/02/1999	29018339	Toán: 8.60 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 8.75 GDCD: 9.75 KHXH: 8.83 Tiếng Anh: 8.60
HỒ HÀ MY	08/08/1999	29025147	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 9.00 Hóa học: 9.50 Sinh học: 9.50 KHTN: 9.33 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN VĂN ĐẠI	27/08/1995	29010074	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.75
DƯƠNG VĂN LƯỢNG	15/10/1999	29023871	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 2.60

NGUYỄN THỊ LỊNH	14/02/1999	29030055	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ Ý	15/02/1999	29016963	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 8.25 Sinh học: 7.75 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN LÊ HOÀNG	06/07/1999	29023761	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 7.80
NGUYỄN VĂN HƯỚNG	10/02/1999	29002436	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ LINH	10/08/1999	29011692	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 2.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN KHẮC HOÀNG	16/07/1999	29004442	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 6.25 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 3.00
PHÙNG NỮ MAI LINH	13/06/1999	29010493	Toán: 2.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.00 KHXH: 8.5 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ HÂN	01/09/1999	29015588	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.60
BÙI ĐÌNH KHÁNH	30/11/1992	29009017	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 9.25 Địa lí: 6.00
VI THỊ SƠN	11/08/1999	29003490	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 1.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.5 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ LOAN	11/11/1998	29030059	Toán: 1.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.20
LÊ TRẦN HẢI ANH	30/10/1999	29022697	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 8.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN HỮU ĐỨC	07/12/1999	29000664	Toán: 6.20 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.25 KHTN: 3.33 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 5.75 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.80
HOÀNG HỮU CƯỜNG	11/06/1997	29000953	Toán: 7.60 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.25
NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	01/09/1999	29019857	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 6.00
GIÀ BÁ SÁU	09/09/1998	29020794	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.25 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.40
PHẠM VŨ PHÚ HOÀNG	16/08/1999	29025052	Toán: 8.20 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4 Tiếng Anh: 4.80

VÕ THỊ HỒNG NHUNG	04/08/1999	29014679	Toán: 4.60 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 9.50 GDCD: 9.00 KHXH: 8.5 Tiếng Anh: 4.00
HỒ THỊ TRANG	14/09/1999	29027033	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.42 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.20
LÊ HUYỀN TRANG	17/04/1999	29022553	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.60
XEO VĂN LỊCH	04/06/1999	29008326	Toán: 3.40 Ngữ văn: 1.75 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 3.50 KHXH: 3 Tiếng Anh: 2.40
CAO THỊ NGÀ	20/08/1999	29015043	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.92 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.25 GDCD: 7.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.60
HOÀNG THỊ DỊU	11/11/1999	29016113	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 3.60
BÙI THỊ HƯƠNG GIANG	16/06/1999	29009534	Toán: 7.60 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 7.00 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ HOÀN	16/12/1999	29021077	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 1.80
CAO THỊ HOÀI SƯƠNG	14/08/1999	29006595	Toán: 5.60 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.17 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.20
ĐÀO THỊ HƯƠNG	29/04/1999	29012792	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 1.80
PHẠM THỊ THU TRANG	09/09/1999	29028160	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.20
MAI XUÂN SƠN	05/02/1999	29024011	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG THỊ BẢO NHI	20/07/1999	29026398	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.80
HOÀNG NHẬT LINH	03/10/1999	29007915	Toán: 9.20 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 3.00
LÊ TRUNG KIÊN	08/04/1999	29009678	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ TRANG	22/04/1999	29006702	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN TAM ĐỨC	10/08/1999	29008672	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 4.40

ĐẶNG THUỖ TRANG	20/08/1999	29020493	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 8.50 Sinh học: 8.75 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN CÔNG KHANG	24/09/1995	29027685	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.50
MAI THỊ HUYỀN	04/07/1999	29017982	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 4.00
VŨ VĂN HUY	23/04/1999	29018508	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HOÀI THƯƠNG	26/08/1999	29025720	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN BÁ HIẾU	22/09/1999	29022276	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN CÔNG TRỌNG	28/07/1998	29001815	Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 8.75
LÊ THỊ HUYỀN	09/09/1999	29019469	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.50 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN MẠNH	10/03/1999	29022356	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.75 Hóa học: 10.00 Sinh học: 6.00 KHTN: 8.25 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ QUỲNH	13/05/1999	29022960	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.50 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI	15/02/1998	29010130	Toán: 8.60 Hóa học: 7.75 Sinh học: 8.00
MAI TRUNG KIÊN	11/02/1999	29003945	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ THÙY LINH	25/01/1999	29021149	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THU THỦY	20/10/1999	29020073	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN CÔNG MINH	21/11/1999	29026324	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.60
VŨ THỊ NHUNG	20/11/1999	29011448	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 6.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ NHUNG	01/01/1998	29012288	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.20

ĐINH THẾ NAM	23/04/1999	29008099	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.5 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.25
HOÀNG VĂN SỰ	26/10/1999	29022419	Toán: 7.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 9.50 Sinh học: 7.50 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN HIẾU	29/03/1999	29007626	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN VĂN QUYỀN	06/09/1998	29018679	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ HOA	28/04/1999	29009132	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.40
VÕ TUẤN ANH	21/02/1999	29011251	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.80
LÔ THỊ PHƯƠNG	27/12/1999	29025210	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 2.20
LÊ THỊ VÂN	06/04/1998	29014862	Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 9.25
PHAN VĂN DƯƠNG	17/12/1999	29021634	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.20
PHAN THỊ TUYẾT	25/09/1999	29006779	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 2.60
LO VĂN DƯƠNG	23/05/1998	29014767	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 7.75
ĐINH THỊ HỒNG VÂN	23/11/1999	29024685	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.60
NGÔ THỊ THANH	29/01/1998	29001802	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN ĐĂNG TƯỜNG	19/12/1999	29001196	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 1.75 KHTN: 2.67 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50
XÔNG BÁ CHỐNG	07/08/1999	29020574	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 1.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.25 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 5.00 KHXH: 4.08 Tiếng Anh: 2.40
HOÀNG NHẬT ANH	07/09/1999	29027810	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.08 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ DIỆU LINH	22/02/1999	29026252	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 7.20
ĐẶNG THỊ HUYỀN TRANG	21/11/1999	29027024	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 4.00

NGUYỄN THỊ NHẬT ÁNH	24/10/1999	29029428	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN VĂN ANH	26/07/1999	29004878	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.80
LÊ VĂN THĂNG	15/07/1999	29004182	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.40
LÊ ĐÌNH CƯỜNG	07/10/1999	29000646	Toán: 6.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.42 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	09/02/1998	29029382	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.75 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN KHÁNH TOÀN	13/11/1999	29004696	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ HIỀN	08/02/1999	29003851	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN TÙNG NGUYỄN	09/03/1999	29023937	Toán: 8.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 2.80
LỮ VĂN DINH	08/02/1999	29013492	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 6.25 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ DUNG	18/10/1999	29012674	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ MAI	27/09/1999	29014586	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HOÀNG YẾN	19/06/1999	29030957	Toán: 4.40 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.25 KHXH: 8.58 Tiếng Anh: 4.00
PHAN THỊ HẰNG	07/06/1999	29000178	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 5.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN DUY KHÁNH	29/11/1998	29004253	Toán: 8.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.58
CAO THỊ HỒNG	12/05/1999	29005658	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.20
VÕ CÔNG TRUNG	11/11/1999	29009994	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 7.25 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 3.20
ĐẬU VINH ANH	25/11/1999	29023549	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 2.20

PHAN ANH TẤN	08/07/1999	29006164	Toán: 4.40 Ngữ văn: 2.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.08
CAO THỊ VIỆT HÀ	24/05/1999	29002311	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.80
PHẠM TIẾN KIÊN	26/10/1999	29009680	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.20
PHAN VĂN TÂM	13/09/1999	29000520	Toán: 1.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 5.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 1.60
HOÀNG ĐẮC MẠNH	01/11/1999	29002002	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.20
CHƯƠNG THỊ NGUYỆT	08/12/1999	29003222	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.40
LÊ VIỆT ĐỨC	23/10/1998	29003096	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.80
VI HOÀI LÂM	06/08/1999	29013605	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 4.00
CAO KHẮC HUY	06/05/1999	29006402	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 8.00 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 3.80
CHỦ THỊ HẰNG	06/08/1999	29000164	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.00
NGÔ THỊ NGÀ	20/07/1999	29004035	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.80
VŨ XUÂN LƯỢNG	27/10/1999	29012202	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 1.60
PHẠM HỮU KHÁNH	05/01/1999	29003429	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 2.20
HỒ THỊ THƯƠNG	19/09/1999	29020083	Toán: 2.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 9.00 GDCD: 7.50 KHXH: 8 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN CẢNH TRỌNG	20/09/1999	29009328	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.00
PHAN THỊ THUỶ	20/09/1999	29029289	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN DUY ĐỨC	20/06/1998	29029821	Toán: 3.20 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.50 GDCD: 7.25 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.60

KIM VĂN BÌNH	16/03/1999	29014305	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 2.40
PHẠM VĂN SƠN	28/02/1999	29004140	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN VĂN HÙNG	07/07/1999	29000263	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN QUỐC TRỊ	06/02/1999	29005365	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 5.50 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 2.60
LÊ TRẦN NHẬT LINH	07/02/1999	29010929	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.83 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.80
HỒ THỊ HẢI YẾN	16/11/1999	29013456	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.42 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 5.75 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 4.20
HỒ SƯ THUẬN	09/09/1999	29016971	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.80
DƯƠNG THỊ KHÁNH HUYỀN	16/10/1999	29000272	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ THU	19/05/1999	29020474	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 3.80
VÕ ĐÌNH HIẾU	13/05/1999	29013144	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN QUANG HOÀNG THIỆN	24/11/1999	29020466	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN CẦU	01/02/1999	29027194	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ HẬU	10/10/1999	29019367	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ NHÀN	28/04/1999	29030157	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.80
VÕ THỊ LÊ DUY	24/07/1999	29027235	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 6.40
NGUYỄN VĂN TUẤN ANH	06/10/1998	29011246	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN THỊ THƯƠNG	20/08/1999	29016991	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 5.00

NGUYỄN THỊ HOA	13/07/1999	29001376	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.80
BIỆN THỊ QUỲNH	05/11/1999	29003264	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.25 GDCD: 7.50 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN DƯƠNG KIỀU ANH	13/09/1999	29000024	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 4.80
HOÀNG THỊ NGỌC	14/11/1999	29000731	Toán: 6.40 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 5 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 6.60
LỮ THỊ NGÀ	15/09/1999	29014062	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN ĐÌNH HIẾU	20/11/1999	29003392	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN MINH HIẾU	10/12/1997	29026630	Toán: 7.60 Vật lí: 7.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 5.75
VƯƠNG ĐÌNH BÔN	05/12/1999	29002698	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.5 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.75
VI ANH TUẤN	16/07/1999	29012982	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.40
BÙI ANH QUÂN	17/09/1997	29002753	Toán: 9.00 Vật lí: 9.50 Hóa học: 6.50 Tiếng Anh: 8.20
PHÙNG THỊ MAI THỊ	13/09/1999	29014159	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	25/12/1999	29004767	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 4.60
GIẢN TƯ KHÁNH	19/10/1999	29021119	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ NGỌC ÁNH	26/01/1999	29009456	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 2.25 Hóa học: 8.50 Sinh học: 6.75 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN ĐỨC HƯNG	14/10/1999	29029993	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 4.00
PHẠM TRỌNG HIẾU	20/03/1997	29002722	Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75
ĐẶNG THỊ QUỲNH TRANG	11/11/1999	29029627	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.80

NGUYỄN THỊ LÊ NHÂN	31/01/1999	29025567	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 5.80
HỒ THÙY TRANG	18/01/1999	29024099	Toán: 4.80 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 2.60
PHẠM QUANG THẮNG	19/05/1999	29018939	Toán: 1.80 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.40
VI THỊ HẢI	23/12/1999	29013531	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 9.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.20
PHẠM QUANG TRƯỜNG	23/07/1999	29015290	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.60
HỒ THỊ LINH	23/03/1999	29016751	Toán: 5.00 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 5.40
ĐẬU THỊ TÚ UYÊN	26/10/1999	29019086	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.40
ĐẶNG PHƯƠNG NAM	23/10/1999	29017391	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 1.80
PHẠM THỊ KIM	15/09/1999	29003952	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 8.20
LÝ HOÀNG LINH	20/11/1999	29026246	Toán: 6.40 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 7.80
NGUYỄN VĂN MINH	23/12/1999	29006502	Toán: 8.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 8.00 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN MINH CƯỜNG	01/09/1999	29004916	Toán: 9.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 8.75 Hóa học: 10.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN ĐÌNH ĐẠT	27/01/1999	29001877	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 4.00
THÁI THỊ HỒNG NGÁT	05/01/1999	29030137	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN TRẦN CẨM LY	12/12/1999	29019589	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 8.40
NGUYỄN VIỆT TÙNG	10/03/1999	29009367	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 5.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.40
LÂM THANH HIỀN	17/09/1999	29023723	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 4.00

NGUYỄN THU HƯƠNG	22/07/1999	29005688	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.20
LẦU BÁ CÒ	24/07/1999	29008193	Toán: 5.20 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 3.20
PHAN THỊ XUÂN QUỲNH	06/08/1999	29015075	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 2.25 KHTN: 3 Tiếng Anh: 3.00
VŨ ĐÌNH DIỄN	14/01/1999	29030402	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.40
LƯƠNG ĐÌNH ÂN	05/12/1999	29023610	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ HOÀNG LINH	31/07/1999	29002471	Toán: 8.80 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 8.25 Hóa học: 9.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN NGỌC KHANG	10/08/1999	29006424	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.17 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.00
LƯU THỊ OANH	26/11/1999	29017440	Toán: 2.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ VINH HOA	01/07/1999	29020289	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.08 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.80
LƯƠNG VĂN KIÊN	13/10/1996	29014800	Toán: 6.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.00
LƯU THỊ LÀNH	30/01/1999	29008083	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.67 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00
LÊ ĐÌNH MINH	16/04/1999	29006094	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75
TRẦN HIẾU	24/10/1999	29023742	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 4.40
LÊ THỊ MINH HƯƠNG	09/03/1998	29003632	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.25
LÊ THỊ DUNG	07/05/1999	29006293	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 4 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.60
PHAN THỊ HÀ THƯƠNG	03/03/1999	29024085	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.80
ĐẶNG THỊ THANH THÚY	18/10/1999	29008973	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN ĐÌNH ĐẠT	25/01/1999	29010848	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 3.20

PHAN ĐÌNH TÀI	26/08/1998	29013066	Toán: 5.20 Vật lí: 3.50 Tiếng Anh: 4.00
PHẠM DUY TUYẾN	05/10/1999	29018268	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 5.40
LÊ VIỆT ANH	30/03/1999	29023557	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN SỸ MẠNH	12/09/1999	29000721	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 9.00 Sinh học: 2.25 KHTN: 6 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 4.20
LÊ THỊ TRUYỀN	20/10/1999	29016502	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 6.80
NGÔ THỊ LINH	14/04/1999	29010482	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 6.60
DƯƠNG VĂN CÔNG	11/04/1999	29013889	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 6.75 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG THỊ MỸ HẠNH	01/04/1999	29008695	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 4.20
PHẠM THỊ MỸ	10/07/1999	29009763	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN NGUYỄN ĐỨC ANH	02/11/1998	29012626	Toán: 1.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.50 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN NGỌC NGUYỄN	14/10/1999	29018080	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 4.20
LÊ XUÂN HUY	07/05/1999	29000266	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 2.80
LƯƠNG VĂN HOÀNH	26/12/1999	29013978	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.40
ĐẶNG HỮU NGỌC	19/03/1999	29010978	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ QUỲNH	16/05/1998	29021504	Toán: 9.20 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.75
LƯU THỊ KIM HUY	24/05/1999	29026158	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 9.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN ĐỨC CƯỜNG	01/10/1999	29016111	Toán: 8.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.25 Sinh học: 6.50 KHTN: 8.08 Tiếng Anh: 4.80

LÊ THỊ THU THẢO	28/08/1999	29003286	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 9.25 GDCD: 8.25 KHXH: 8.58 Tiếng Anh: 3.80
ĐẶNG THỊ PHƯƠNG THẢO	22/04/1999	29024030	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 9.00
VI VĂN LÝ	10/01/1969	29014252	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.25
MAI THỊ BÌNH	07/11/1999	29028294	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 6.50 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 4.00
HỒ VĂN TÀI	20/02/1999	29015086	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 6.50 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	29/06/1999	29008889	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.00 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ HUYỀN	12/08/1999	29001962	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 5.40
HOÀNG THỊ MỸ LINH	09/02/1998	29029368	Toán: 2.40 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.00
TRẦN THÙY DƯƠNG	18/10/1999	29024221	Toán: 8.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 9.20
HOÀNG NGỌC MINH	20/11/1999	29018046	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 3.60
VI VĂN DẦN	22/05/1998	29014327	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ MAI THANH	16/01/1999	29000793	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 3.40
THÁI THỊ HỒNG	21/05/1999	29005661	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.25 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ MAI	20/10/1998	29012213	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 3.40
TRƯƠNG CÔNG HÀO	18/11/1999	29000996	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.08 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00
LÊ VĂN TÀI	13/04/1999	29001596	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.20
TRƯƠNG THỊ NGÂN	19/10/1999	29022378	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.20

TRẦN THỊ LINH	10/09/1999	29008807	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	21/04/1999	29004097	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN ĐĂNG NHƯ Ý	25/12/1999	29000923	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 7.75 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 1.80
BÙI THỊ PHƯƠNG THẢO	28/10/1999	29005909	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.80
HOÀNG NGHĨA HỢP	08/04/1999	29009144	Toán: 7.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 2.40
LÊ THỊ THANH HÀ	18/12/1999	29026047	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ MỸ DUYÊN	04/01/1999	29024736	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.92 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.50
NGUYỄN THỊ HÀ	16/02/1999	29009545	Toán: 2.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN QUANG NGUYỄN	24/10/1999	29001534	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 1.80
TRƯƠNG THỊ THẨM	21/02/1999	29020025	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN HUY	02/10/1998	29004249	Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.25
NGUYỄN THỊ HUYỀN DIỆU ANH	24/05/1999	29017090	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ THẢO	12/04/1999	29029252	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 9.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.20
LÊ SỸ PHONG	07/03/1999	29007075	Toán: 2.20 Ngữ văn: 1.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.25 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN SỸ KHOA	08/09/1999	29006430	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ SƯƠNG	13/08/1999	29011042	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 6.60
NGUYỄN THỊ KỶ	23/07/1999	29001976	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 6.75 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 6.60

CAO KHẮC HỔ	09/12/1999	29005656	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.00
LƯƠNG VĂN NAM	25/05/1999	29020721	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.83 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.00
CAO HỒ BÍCH NGỌC	12/10/1999	29026377	Toán: 9.00 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 9.80
BÙI HƯƠNG GIANG	12/05/1999	29016152	Toán: 8.80 Ngữ văn: 8.25 Vật lí: 9.25 Hóa học: 8.00 Sinh học: 7.00 KHTN: 8.08 Tiếng Anh: 8.60
NGUYỄN HỮU TUẤN	09/11/1999	29006225	Toán: 4.20 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25
NGÔ TIẾN NHẬT	05/10/1999	29012278	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.92
PHẠM THỊ PHÚ	14/08/1999	29029184	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.20
QUẾ VĂN ĐỨC	06/07/1999	29004390	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 3.60
TRƯƠNG BÁ TÍNH	29/05/1999	29025731	Toán: 1.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN XUÂN BẢO	26/06/1997	29020952	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN HUY HÙNG MINH	15/09/1999	29026325	Toán: 9.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 8.75 Sinh học: 8.25 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN LÊ YẾN NHI	10/03/1999	29025572	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 1.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 2.92 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HIỀN	28/11/1999	29003844	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN VĂN HỢP	18/10/1999	29028439	Toán: 6.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 7.00 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG THỊ QUỲNH	18/01/1999	29004116	Toán: 3.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.00 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN CÔNG HIẾU	09/07/1999	29002356	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 3.50 GDCD: 5.75 KHXH: 3.75 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN ĐÌNH HÙNG	28/04/1999	29007643	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.50 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.20

HỒ VĂN HÙNG	25/05/1999	29014468	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN ĐỨC TRUNG	30/03/1999	29000879	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 1.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 2.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 5.50 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	10/03/1999	29029194	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN ĐỨC CHIẾN	04/11/1999	29006868	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THANH TRỌNG	02/11/1999	29006722	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.40
CAO NGỌC BẢO BẢO	02/04/1999	29025354	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN THỊ PHƯƠNG THANH	18/11/1999	29025630	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.33 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.50 GDCD: 7.00 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 5.80
ĐINH THỊ HÒA	02/09/1999	29030470	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 3.00
LÊ TRỌNG NHÂN	24/02/1999	29028010	Toán: 7.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 8.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THÀNH HUY	20/04/1999	29025460	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ MẪN	01/08/1998	29004016	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 2.75 GDCD: 4.25 KHXH: 3.67 Tiếng Anh: 2.20
LƯƠNG THỊ NĂM	13/06/1999	29014619	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.00
THÁI NGUYỄN THỰC ANH	28/09/1999	29025905	Toán: 7.60 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 9.40
PHAN THỊ LIÊN	03/11/1999	29022341	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 6.00 KHTN: 6 Tiếng Anh: 7.00
NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG	28/01/1999	29000861	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 9.50 Hóa học: 9.25 Sinh học: 6.25 KHTN: 8.33 Tiếng Anh: 6.80
TRẦN QUANG ĐỨC	28/04/1999	29024999	Toán: 5.60 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 4.20
LÊ ĐỨC ANH	17/10/1999	29026718	Toán: 9.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 6.67 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 5.00 KHXH: 4.33 Tiếng Pháp: 7.20

LƯƠNG ĐÌNH ĐẠO	02/08/1999	29010846	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.00
HỒ THỊ QUỲNH THƠ	19/11/1999	29015167	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 8.00
TRẦN KHÁNH LY	04/06/1999	29013633	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.40
HOÀNG THỊ NGÀ	30/10/1999	29001519	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.80
THÁI VĂN CHIẾN	29/11/1999	29025960	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 4.60
HỒ SỸ LƯU	24/02/1998	29015975	Toán: 7.80 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.00
NGUYỄN VĂN DŨNG	28/10/1998	29006885	Toán: 1.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.00
MÙA BÁ CHÙA	03/04/1999	29008189	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 2.80
PHAN THÁI HÀ TRANG	02/11/1999	29013773	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 2.80
TẠ THỊ THÙY LINH	06/08/1999	29006072	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.25
NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	17/10/1999	29025917	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 9.40
NGUYỄN THỊ LONG	04/03/1999	29009195	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ MỸ	03/07/1999	29011418	Toán: 2.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.00
ĐÀO THỊ QUỲNH ANH	04/03/1999	29028841	Toán: 7.60 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 5.00
VI KHÁNH HUYỀN	21/06/1999	29013995	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN KHÁNH DŨNG	08/05/1997	29024206	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN HỮU CƯỜNG	09/03/1999	29030398	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HUỆ	06/04/1999	29017963	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 5.60

TRẦN TUẤN ANH	10/01/1999	29023101	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 9.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 6 Tiếng Anh: 8.80
TRƯƠNG VĂN SƠN	17/01/1999	29010630	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ HOÀI	19/09/1999	29015641	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.25 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 5.80
ĐOÀN THỊ DUNG	05/10/1999	29015476	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN XUÂN HỒNG	05/07/1965	29024774	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 2.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.5
ĐẶNG THỊ HUYỀN	16/01/1999	29007651	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN NAM NHẬT	07/07/1999	29026905	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 2.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.83 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.80
PHAN ĐÌNH HUY	23/04/1999	29006405	Toán: 7.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ QUYÊN	06/10/1999	29021248	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ THU	17/11/1997	29022483	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN TRÂM ANH	18/05/1999	29009435	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 3.20
VI THỊ PHƯƠNG	30/06/1999	29013689	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN THỊ NGỌC	01/07/1999	29021953	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM KỲ HÙNG	25/10/1999	29014475	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.60
HOÀNG THUỖ LINH	25/06/1999	29020335	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 4.40
PHAN VĂN PHƯỚC	24/01/1999	29002041	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 2.25 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ THU HÀ	17/09/1999	29009549	Toán: 6.40 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.20

NGUYỄN BÁ NAM	02/08/1999	29000416	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN HOÀNG TUẤN	25/05/1999	29015313	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.00 GD&ĐT: 8.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.00
BẠCH SỸ VĂN	07/01/1999	29022642	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN ĐẮC HIỀN	13/01/1999	29023177	Toán: 9.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 9.75 Sinh học: 9.50 KHTN: 8.42 Tiếng Anh: 4.80
VÕ XUÂN ĐÔNG	06/06/1996	29026616	Toán: 2.00 Vật lí: 2.00 Hóa học: 3.50
VÀ BÁ TRỪ	30/07/1999	29008475	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 2.50 KHTN: 3 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN DUY PHONG	04/05/1999	29006550	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 4.80
CHU QUANG HIẾU	14/04/1999	29023730	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 8.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN ĐỨC THẮNG	16/08/1999	29024049	Toán: 5.40 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ NGÀ	25/12/1999	29005170	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.50 GD&ĐT: 7.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM THỊ THU TRÀ	12/07/1999	29020114	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GD&ĐT: 5.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.80
LÊ VĂN HƯNG	09/07/1999	29008766	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.50 GD&ĐT: 6.25 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.00
NGÔ MAI HƯƠNG	25/08/1999	29026199	Toán: 8.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.00 GD&ĐT: 8.50 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 10.00
ĐẬU QUANG LINH	27/02/1999	29026847	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 2.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.92 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GD&ĐT: 5.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 1.80
HỒ THỊ HỒNG NGỌC	09/02/1999	29016164	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GD&ĐT: 8.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ NHƯ HOA	18/10/1999	29001377	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.50 GD&ĐT: 5.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 5.40
TRẦN ĐỨC KHÁ	03/04/1999	29027940	Toán: 8.00 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.40

ĐẶNG THỊ THƯƠNG	05/10/1999	29029294	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN NGỌC QUYẾT	05/08/1998	29027563	Toán: 2.20 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ QUỲNH NHUNG	12/08/1999	29023952	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 8.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 6 Tiếng Anh: 8.60
TRẦN THỊ MAI	14/07/1999	29018598	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 4.80
CAO HỮU CƯƠNG	06/06/1999	29006285	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 4.00
ĐINH THỊ MINH PHƯƠNG	12/06/1999	29014704	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.25 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 2.60
LANG THỊ NGỌC ÁNH	22/10/1999	29025349	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 9.25 GDCD: 7.50 KHXH: 8.33 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN HỮU THẮNG	25/08/1999	29015144	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 4.00
BÙI MINH TÂN	16/06/1999	29004155	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.20
HOÀNG THỊ HỒNG	18/11/1999	29005659	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ LỆ HÀ	01/06/1999	29010863	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 6.25 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 8.60
DƯƠNG ĐÌNH ĐẠI	28/06/1998	29008660	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.00
BÙI THỊ VÂN	21/09/1999	29000616	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 5.50 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.60
QUÁCH VĂN SỬU	19/02/1998	29000515	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 9.50 GDCD: 8.00 KHXH: 8.67 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ KIM OANH	04/05/1999	29012873	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 9.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.60
HỒ QUỐC THẠCH	19/06/1998	29020002	Toán: 1.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.20
PHAN THỊ PHƯƠNG THẢO	14/11/1997	29010792	Toán: 8.40 Vật lí: 8.25 Tiếng Anh: 9.00

HOÀNG VĂN CHẮT	13/05/1999	29015436	Toán: 1.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ SANG	16/10/1999	29006146	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50
NGUYỄN ĐĂNG CƯỜNG	19/07/1998	29000955	Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.75
HỒ BÁ SƠN	15/02/1999	29008427	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 2.75 GDCD: 3.75 KHXH: 3.25 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ TRÀ GIANG	10/12/1999	29018419	Toán: 6.60 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.25 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 9.20
ĐÀO DIỆU LINH	06/07/1999	29020333	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 2.00 Hóa học: 9.50 Sinh học: 8.50 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 3.80
VŨ THỊ TRANG	01/02/1999	29004732	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN PHÚC QUYẾT	12/06/1998	29030247	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.40
PHÙNG BÁ LỘC	28/06/1999	29027701	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.25
THÁI BÁ TUYẾN	27/09/1999	29028778	Toán: 8.80 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 8.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 7 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VĨNH VIỆT	11/09/1998	29030931	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.40
ĐINH XUÂN HÙNG	27/02/1999	29001024	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.08 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25
VÕ ĐÌNH HUY	31/08/1996	29027682	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00
THÁI THỊ HẰNG	10/03/1999	29010877	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 6.50 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN NGỌC ĐIẾP	09/03/1999	29006908	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.00
ĐINH HOÀNG ANH	28/05/1998	29024703	Toán: 8.40 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.25
CHU THỊ TUYẾT	17/06/1999	29029666	Toán: 5.80 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.25 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.60
VƯƠNG QUANG TẠO	19/03/1999	29020444	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.60

PHẠM THỊ THẨM	02/04/1999	29002092	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ HUYỀN	07/06/1999	29018513	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.00
PHAN THỊ LAN ANH	23/03/1999	29000936	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.83 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.25
MẠNH THỊ TRANG	13/07/1999	29027038	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.50 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	28/04/1999	29007530	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4 Tiếng Anh: 5.20
LƯƠNG THỊ LINH	16/03/1999	29012173	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THẾ TRUNG	12/07/1999	29030859	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ NHUNG	10/01/1999	29022927	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.60
ĐẬU THÚY HẰNG	24/02/1999	29014944	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 6.60
TẠ VĂN UY	23/08/1999	29028785	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM THỊ THỰC ANH	18/10/1999	29022179	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 5.80
ĐẬU CẨM TÚ	23/09/1999	29024114	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 5.40
HỒ THỊ NHƯ NGỌC	27/01/1999	29018861	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 8.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 6 Tiếng Anh: 4.20
VÕ THỊ THẨM	14/06/1999	29003297	Toán: 3.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.50 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 3.00
DƯƠNG THÙY LINH	13/10/1999	29012813	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ HẰNG NGÀ	16/06/1999	29022375	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 9.75 Sinh học: 9.25 KHTN: 7.67 Tiếng Anh: 4.60
PHẠM THỊ LINH	12/05/1999	29013616	Toán: 1.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 1.75 GDCD: 2.75 KHXH: 2.33 Tiếng Anh: 2.80

NGUYỄN NGỌC HUYỀN MY	04/05/1999	29026339	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 7.80
NGÔ THỊ QUỲNH HOA	04/03/1999	29018474	Toán: 6.80 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 6.60
TRẦN THỊ LAN	15/02/1999	29000325	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 4.00
VŨ ĐĂNG TÂN	25/05/1999	29004618	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 2.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN NAM	22/09/1999	29029546	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 5.80
PHẠM KHẮC VIỆT	20/05/1999	29005419	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 1.80
NGÔ SỸ TRÁNG	12/03/1999	29005362	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ HIỀN	15/07/1999	29028977	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG THỊ NHẬT	07/03/1999	29016193	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 3.00
BÙI NGỌC PHÚ	19/04/1998	29011006	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 2.20
VÕ THỊ THANH QUỲNH	26/01/1999	29027570	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	09/04/1999	29010437	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM THỊ LINH	18/08/1999	29015012	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 2.60
LÊ THỊ HUYỀN	27/09/1999	29003919	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 5.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.80
BÙI GIA SƠN	22/08/1999	29021270	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 5.75 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 1.60
ĐẬU MINH LONG	03/08/1999	29016772	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN HỒNG QUÂN	10/08/1999	29006569	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 2.60

VÕ NGUYỄN NHUNG	12/06/1999	29012294	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 2.00
TRƯƠNG THỊ NHƯ THU	16/12/1999	29016414	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.80
PHẠM THỊ LÝ	01/03/1999	29005753	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN DIỆU	02/05/1999	29028891	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.60
LƯƠNG THỊ THUÝ NGÂN	01/11/1999	29019634	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG ĐỨC ĐỀ	21/02/1999	29007579	Toán: 9.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 7.83 Tiếng Anh: 5.60
VY THỊ KIỀU TRINH	22/10/1999	29015276	Toán: 7.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 8.20
VĂN THỊ THÙY TRANG	21/01/1999	29018221	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 7.25 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 3.80
PHAN THỊ LINH	13/09/1999	29030048	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.50 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HIỀN	14/10/1999	29018453	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.00
VÕ VĂN ĐÀN	14/04/1997	29019675	Toán: 7.80 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.50
KHA THỊ KIỀU NGÀ	26/12/1999	29008368	Toán: 1.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.00 GDCD: 5.75 KHXH: 3.92 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM THỊ KHÁNH LINH	17/07/1999	29013211	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN ĐÌNH HÀ	11/05/1999	29010862	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.42 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG	05/12/1999	29026450	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 1.00 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 5.00
VŨ THỊ THÙY LINH	13/07/1999	29006470	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 3.60
VÕ THỊ VÂN ANH	04/12/1998	29022092	Toán: 7.40 Vật lí: 3.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 6.50 KHTN: 5.75
BÙI CÔNG SANG	15/03/1997	29017750	Toán: 5.60 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.50

NGUYỄN THỊ THƠ	20/12/1999	29015168	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM LINH CHI	07/05/1999	29011940	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN VĂN HOÀNG	06/01/1999	29012763	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 6.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN VĂN DŨNG	20/02/1999	29003749	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 5.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 1.80
CAO ĐỨC CHUNG	11/06/1999	29005511	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.40
LŨ TIẾN ANH	13/03/1999	29002196	Toán: 8.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 9.50 Sinh học: 8.50 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 5.80
ĐẶNG QUỲNH THƯ	26/11/1998	29006193	Toán: 9.60 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.00
NGUYỄN VĂN THỐNG	08/11/1999	29002960	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.67 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.00 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.60
LÊ MINH CHIẾN	15/04/1999	29020963	Toán: 7.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 3.80
PHẠM VĂN HẬU	24/07/1998	29024761	Toán: 1.60 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.75
TRẦN XUÂN ÁNH	29/05/1999	29028867	Toán: 1.80 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN HOÀNG TÀI	03/09/1999	29001137	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25
TRẦN THỊ THU UYÊN	13/12/1999	29013442	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 9.20
NGUYỄN XUÂN ĐỨC	09/10/1999	29029828	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ HẠNH	22/08/1999	29021709	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 5.25 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN THẮNG	07/10/1999	29020031	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 2.00
TRẦN SỸ TUẤN ANH	01/09/1999	29021553	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 9.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.20

TRẦN HUY TUẤN	14/02/1999	29027103	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN MẬU HIẾU	20/10/1999	29004432	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 4.00
ĐẶNG KHẮC HIẾU	07/04/1998	29006016	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 5.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN HỒNG	09/07/1999	29002394	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN ĐÌNH TÂM	18/06/1999	29030280	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN CẢNH CHIẾN	13/12/1998	29001742	Toán: 8.40 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.00
NGUYỄN TUẤN THÀNH	04/03/1999	29005286	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 5.20
LÊ THỊ HƯƠNG	13/03/1999	29013584	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ QUỲNH PHƯƠNG	07/10/1998	29010780	Toán: 6.40 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.25
NGUYỄN VĂN THÁI	03/11/1999	29010649	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ LINH	06/08/1999	29005725	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.40
HỒ MINH CẢNH	16/09/1999	29024945	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN NGỌC ANH	29/11/1994	29024707	Toán: 3.40 Ngữ văn: 2.25 Vật lí: 2.00 Hóa học: 2.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.25
HÀ ANH QUÂN	06/06/1999	29002563	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 2.40
ĐINH TRỌNG NAM	25/05/1998	29028824	Toán: 5.40 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.25
ĐÀM VĂN TRÍ	09/07/1998	29017785	Toán: 8.20 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.50
ĐẶNG THỊ THÙY	04/04/1999	29020477	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 9.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 3.40

NGUYỄN KIM ĐOÀN	01/09/1999	29003380	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.08 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM VĂN PHÚC	05/04/1999	29022404	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 4.20
HOÀNG XUÂN ANH	08/09/1997	29003608	Toán: 3.80 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.50
TRẦN XUÂN THẮNG	22/10/1999	29024868	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.00 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.42 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00
BÙI THỊ PHƯƠNG THẢO	21/06/1999	29020012	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ HẰNG	20/10/1999	29010386	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.40
PHẠM VĂN QUÂN	03/12/1999	29011018	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.17 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.25 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.00
TRẦN VĂN HÒA	04/12/1999	29004437	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ THU THỦY	10/11/1999	29007418	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.08 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 3.50 GDCD: 3.75 KHXH: 3.17 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ HOÀI LINH	25/02/1999	29013208	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 9.50 Sinh học: 8.25 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 5.60
DƯƠNG THÚY AN	20/01/1999	29009406	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG THỊ PHƯƠNG THẢO	01/02/1999	29012382	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 2.20
HỒ THỊ DUNG	05/05/1999	29018386	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THANH TÚ	25/05/1999	29005389	Toán: 9.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 9.75 Sinh học: 8.50 KHTN: 8.42 Tiếng Anh: 6.80
NGUYỄN THÚY HÀ	24/02/1999	29013119	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.25 KHTN: 3 Tiếng Anh: 3.20
LƯƠNG THỊ NGUYỄN	04/07/1999	29013665	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.20
TRƯƠNG THỊ HỒNG	15/03/1999	29004450	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 6.25 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 4.40

BÙI THỊ TÚ ANH	18/09/1998	29027626	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.83
LÊ THỊ NGỌC HUYỀN	19/05/1999	29003417	Toán: 6.40 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 7.50 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 6.20
ĐOÀN ANH TÚ	12/01/1998	29016043	Toán: 8.20 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 6.75 KHTN: 7.25
NGUYỄN THỊ LÊ	15/05/1999	29028499	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 6.80
PHẠM TRỌNG VINH	17/10/1999	29011858	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 7.75 Sinh học: 7.00 KHTN: 6 Tiếng Anh: 3.40
HỒ THỊ THƯƠNG	10/03/1999	29004677	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 5.00
VI TRẦN PHÚ	15/07/1999	29020768	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 9.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ KIM ANH	03/04/1999	29025342	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN TIẾN ANH	10/07/1999	29025346	Toán: 4.00 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.00
CHU DƯƠNG HƯNG	26/12/1999	29000293	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 2.92 Tiếng Anh: 3.00
PHAN VĂN HOÀI	18/08/1999	29003882	Toán: 3.20 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.50 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN SỸ QUÂN	20/08/1997	29029387	Toán: 5.60 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.00
NGUYỄN HOÀNG ANH	05/10/1999	29007823	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.67 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.00 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ THU TRANG	06/09/1999	29000862	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 4.60
TRỊNH HỒNG TRUNG	07/01/1999	29004761	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 1.60
ĐINH VĂN ĐOÀN	04/10/1998	29004947	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 3.60
VÕ THỊ THẢO	03/05/1999	29001634	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 7.20
NGUYỄN THỊ LUYẾN	16/01/1999	29012825	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 4.00

ĐẶNG THỊ BÉ	26/11/1999	29001233	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN QUANG QUÝ	20/04/1999	29024542	Toán: 1.60 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 4.75 KHXH: 4.08 Tiếng Anh: 2.40
HỒ SỸ CÔNG	15/05/1999	29015452	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 2.60
VI VĂN CƯỜNG	27/09/1998	29013895	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 3.00 GDCD: 6.00 KHXH: 3.67 Tiếng Anh: 1.60
TRẦN HỒNG HẢI	02/07/1999	29026058	Toán: 7.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 7.80
TRƯƠNG VĂN TÚ	29/03/1999	29017033	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	13/11/1999	29021556	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN BÙI LÂM TRANG	01/06/1999	29022571	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 8.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 3.80
HỒ THỊ SƯƠNG	03/10/1999	29004606	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN CÔNG NGỌC	01/01/1999	29022379	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 3.60
VÕ THỊ LOAN	28/02/1999	29022876	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.80
LÊ HỒNG QUÂN	16/07/1998	29002565	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.60
LƯƠNG VĂN HÙNG	28/02/1997	29013834	Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 8.00
TRẦN ĐỨC ANH	26/06/1999	29007213	Toán: 5.80 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 1.40
NGÔ THỊ NGỌC MAI	12/09/1999	29014589	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.00 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 4.40
ĐINH THỊ LAN ANH	29/09/1999	29007516	Toán: 4.40 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.25 KHXH: 8.42 Tiếng Anh: 4.80
HOÀNG THỊ HƯƠNG	16/06/1999	29009169	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 2.20

LÊ ĐÌNH TÙNG	24/04/1999	29025795	Toán: 6.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 5.20
NGÔ XUÂN LỘC	13/03/1998	29004258	Toán: 7.20 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.00 Tiếng Anh: 6.60
HOÀNG ANH VIỆT	24/06/1996	29027799	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.50
ĐẶNG MINH KHOÁI	04/01/1999	29001972	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 7.25 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 3.60
TỪ HỮU THÁI SƠN	01/10/1999	29009876	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.80
ĐINH THỊ DUNG	05/04/1999	29007553	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 4.80
THÁI THỊ TRINH	15/06/1999	29030848	Toán: 5.40 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 9.75 GDCD: 8.00 KHXH: 8.83 Tiếng Anh: 4.20
NGÔ THỊ NGÀ	12/06/1999	29029142	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 5.75 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.20
PHAN THẮNG ANH	13/06/1999	29027172	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.00
LÊ ĐĂNG DẦN	10/08/1998	29015472	Toán: 1.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.60
VŨ THỊ HUYỀN	18/02/1999	29005681	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.80
HÀ THỊ TRANG	25/02/1999	29003334	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.80
LƯƠNG VĂN CƯỜNG	06/07/1999	29005976	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.50
PHẠM VĂN NGHĨA	15/05/1998	29029151	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ XOAN	11/09/1999	29004848	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ QUỲNH	01/07/1999	29029583	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN BÁ NHÂN	19/02/1999	29011438	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.50 GDCD: 7.00 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ VÂN ANH	20/12/1999	29009060	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 6.75 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.80

LÊ THỊ XUÂN THỦY	14/11/1999	29023007	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.60
PHẠM VĂN NAM	19/07/1999	29004031	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.40
HỒ THỊ HOA	12/12/1999	29015620	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.25 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.20
HỒ THỊ HỒNG	13/04/1999	29015661	Toán: 4.80 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.50 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 5.00
PHẠM THỊ LIÊN	09/09/1999	29028501	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN THỊ HƯƠNG	10/10/1999	29028473	Toán: 4.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ HIẾU	17/04/1999	29021753	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN VĂN THẮNG	11/09/1999	29022450	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 6.75 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ HUYỀN	10/05/1999	29019474	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ QUỲNH	25/09/1999	29016291	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN VĂN NAM	03/08/1999	29017723	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.00
NGUYỄN THỊ THU HẠNH	02/02/1999	29026064	Toán: 7.00 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 9.50 Địa lí: 10.00 GDCD: 8.00 KHXH: 9.17 Tiếng Anh: 6.20
TRẦN THÁI SƠN	08/02/1997	29014258	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 5.75
CỤT VĂN THỜI	02/03/1999	29008458	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.50 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ THU	26/03/1999	29030732	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 3.60
LÊ VĂN TÌNH	30/12/1999	29020103	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 3.00
CAO THỊ MƠ	10/05/1999	29010537	Toán: 2.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.00
NGÔ CÔNG PHÚC	08/10/1999	29000476	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 1.80

LÊ NGỌC CHIẾN	08/12/1999	29012654	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 3.40
ĐINH VĂN DŨNG	12/08/1999	29014333	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 4.20
VƯƠNG THỊ MAI	06/11/1999	29028537	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ LINH	27/01/1999	29008088	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 1.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 2.83 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 3.75
NGUYỄN THỊ LINH	25/01/1999	29029085	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 9.75 GDCD: 8.25 KHXH: 8.83 Tiếng Anh: 5.00
TRẦN VĂN TÀI	15/06/1999	29012360	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.58 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.80
PHAN THỊ LINH	30/06/1999	29007686	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 4.20
PHẠM THỊ KHÁNH LINH	25/05/1999	29003978	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN THỊ QUỲNH	19/12/1999	29007391	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 2.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 6.75 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 2.80
LÊ THỊ HOA VÂN	18/06/1999	29012995	Toán: 1.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.60
HỒ THỊ LƯƠNG CHÂU	19/10/1999	29000063	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN VĂN HIẾU	26/07/1999	29018469	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.40
NGÂN THANH PHỤNG	13/05/1999	29025201	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ LY	24/09/1999	29030543	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.20
VÕ THỊ THÚY	27/04/1999	29007421	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 6.00 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 6.40
NGUYỄN VĂN BÌNH	20/04/1999	29029734	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN XUÂN AN	01/01/1999	29015386	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.80

HOÀNG THỊ THU	09/05/1999	29010683	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG THỊ THU TRANG	28/12/1999	29005346	Toán: 8.40 Ngữ văn: 8.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 8.00
GIẢN ĐÌNH TOÀN	29/07/1999	29026529	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.00
VŨ ĐÌNH HIỆP	24/02/1999	29013959	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 1.40
NGUYỄN THỊ TRÀ	22/09/1999	29008990	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.00
LƯU THỊ LINH	07/05/1999	29018555	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ NGÂN	27/02/1999	29019637	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 5.60
ĐÀO THỊ HOA	04/02/1999	29007868	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 3.40
HỒ KIM NGÂN	11/09/1999	29026363	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 7.00
NGÔ VĂN THIỆN	13/05/1999	29008951	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 1.60
NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	11/11/1999	29010261	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN THẮNG	01/11/1998	29030690	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 5.75 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 2.80
PHAN THỊ THÙY TRANG	01/04/1999	29017013	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ MAI	12/02/1999	29004004	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 5.20
VÕ MINH HIẾU	17/04/1999	29006021	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00
HOÀNG ĐÌNH NGUYỄN	08/12/1999	29021203	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.20
TRƯƠNG HOÀI AN	22/06/1999	29023542	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 6.75 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 4.40

NGUYỄN THỊ HẰNG	26/02/1998	29011552	Toán: 8.80 Vật lí: 4.50 Hóa học: 9.50 Sinh học: 9.00 KHTN: 7.67
ĐẶNG XUÂN ANH	28/02/1999	29016060	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.17 Tiếng Anh: 7.60
NGUYỄN THỊ THÚY	09/07/1999	29020077	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.50 GD&ĐT: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.80
PHAN ĐỨC QUÂN	18/02/1998	29021502	Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50
TRẦN THỊ NGỌC	26/05/1999	29022921	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.00 GD&ĐT: 6.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 5.20
PHẠM VĂN HUY	11/05/1999	29015686	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.75 GD&ĐT: 6.00 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.40
NGÔ ANH TUẤN	16/05/1999	29029656	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 4.40
HOÀNG THỊ TÌNH	18/02/1999	29006664	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 9.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 3.60
MAI THỊ TRÂM ANH	04/04/1999	29017089	Toán: 2.00 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.75 GD&ĐT: 6.00 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.20
BÙI HỮU SỸ	24/06/1999	29019990	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GD&ĐT: 6.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.20
PHAN VIỆT HÙNG	01/06/1999	29023782	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 5.40
VÕ THỊ HÀ LƯƠNG	10/09/1999	29000379	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 8.00 GD&ĐT: 7.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN THỊ XUÂN	21/11/1999	29003024	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 6.50 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
ĐẬU QUỐC CHÍ	26/01/1999	29027200	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.50 GD&ĐT: 8.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 5.80
VĂN ĐỨC KHÁNH	12/08/1999	29016729	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ THU HOÀI	29/11/1999	29008730	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.00 GD&ĐT: 6.00 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.40
PHẠM ĐÌNH HỌC	07/05/1998	29010421	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.00 GD&ĐT: 9.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.00

VÕ PHƯƠNG THẢO	23/05/1999	29028067	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 8.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 3.20
HỒ THỊ LAN ANH	04/05/1999	29001215	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.00 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN VĂN THANH	09/02/1999	29011494	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.60
HOÀNG ANH TÚ	25/05/1999	29016508	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.00
PHAN VĂN NHẤT	28/01/1999	29020393	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ OANH	16/06/1999	29014680	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.40
HỒ SƯ TÙNG	18/04/1999	29019072	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.25 KHXH: 8 Tiếng Anh: 4.00
CHU THANH QUÝ	26/09/1999	29004106	Toán: 5.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 8.00
TRẦN THỊ LINH	06/06/1997	29013618	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ HUYỀN	22/01/1999	29027930	Toán: 6.80 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 5.20
ĐẶNG THỊ HỒNG	03/04/1999	29019429	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN TÙNG LÂM	08/11/1999	29009693	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.5 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 6.00
PHẠM THỊ OANH	19/08/1999	29001552	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN ĐÌNH ĐÔNG	20/05/1999	29010332	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ THƯƠNG	03/04/1999	29009947	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ LINH	15/03/1999	29011389	Toán: 2.60 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 6.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.60
ĐẶNG THỊ NGỌC MAI	25/12/1999	29024448	Toán: 9.00 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 9.20

VŨ MINH HOÀNG	17/04/1998	29004239	Toán: 7.60 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.75
HOÀNG VĂN TRUNG	09/06/1999	29030852	Toán: 3.20 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.80
HOÀNG KIM DŨNG	11/12/1986	29008053	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 2.00 Hóa học: 1.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00
NGUYỄN THỊ KIM DUNG	24/02/1999	29007242	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.25 Tiếng Anh: 3.60
HỒ THỊ HUỆ	06/02/1999	29017277	Toán: 6.40 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM ĐÌNH PHÚC	06/01/1999	29005214	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.00
BÙI TRỌNG NHƯỜNG	23/02/1999	29028587	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 8.00 KHTN: 6 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN PHI	11/08/1999	29003473	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.33 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 6.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ YẾN	31/10/1999	29024701	Toán: 9.00 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 9.20
LÊ THỊ THANH LAM	10/01/1999	29002452	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 6.50 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ KIM OANH	13/12/1999	29006546	Toán: 9.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 8.75 Sinh học: 9.25 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 6.20
TRƯƠNG THỊ THOA	29/09/1999	29015162	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 3.50 KHXH: 3.67 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN VĂN HÙNG	11/03/1999	29011352	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ LINH	04/05/1999	29021874	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ CÚC	22/12/1999	29003724	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ THUÝ HÀ	06/12/1999	29028931	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN VĂN TIỀN	24/11/1998	29020099	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.50 GDCD: 7.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.20

HOÀNG THỊ HÂN	05/06/1999	29006358	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ NGUYỆT MINH	09/09/1999	29023263	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 5.00
ĐINH VĂN ĐẠT	18/01/1999	29014919	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 2.80
LÝ THỊ NHI	14/07/1999	29015055	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 6.50 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 5.20
CAO THỊ KHÁNH	03/08/1999	29006983	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 9.00 GDCD: 9.00 KHXH: 8.5 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN KẾ ĐẠT	08/05/1999	29002283	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 5.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.80
LÊ THỊ THÚY ÁNH	11/08/1999	29003701	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.80
TRẦN THỊ MINH THÚY	17/05/1999	29026999	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 8.20
PHAN NGỌC NAM	10/09/1999	29006510	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 4.40
VÕ THỊ NGỌC	08/09/1998	29029153	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 5.20
LÊ THỊ TRÚC	28/06/1999	29011134	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.80
ĐINH THỊ TÂM	20/04/1999	29015093	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 9.50 Sinh học: 8.75 KHTN: 8.67 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN CẢNH TRUNG	05/11/1999	29021396	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN ĐÌNH HÙNG	11/10/1999	29011347	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN HỮU THÁI	04/07/1999	29029239	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 9.25 GDCD: 9.50 KHXH: 8 Tiếng Anh: 2.80
HỒ DIÊN HIỆP	10/10/1999	29015607	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 3.80
ÚY HUY HOÀNG	18/06/1999	29005031	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.40

LÊ XUÂN KHÁNH	03/09/1999	29025487	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.20
LÊ ĐIỀU OANH	28/01/1999	29018650	Toán: 6.80 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.25 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 7.00
NGUYỄN HUY TOÀN	05/03/1999	29026530	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 9.50 Hóa học: 8.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 5.00
PHẠM THỊ HOÀI THƯƠNG	01/01/1999	29027007	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 2.00 KHTN: 2.67 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 5.25 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 4.20
BÙI THỊ NĂM	07/06/1999	29015887	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.00
VƯƠNG ĐÌNH TỈNH	21/06/1999	29000850	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.42 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.20
LÊ THỊ XINH	30/06/1999	29019111	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN HÀ TRANG	09/04/1998	29024880	Ngữ văn: 6.50
BÙI VĂN TÚ	02/01/1999	29017030	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 3.40
NGÔ TRÍ TRƯỜNG	06/06/1999	29022602	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 3.20
HỒ THỊ LINH CHI	01/10/1999	29013880	Toán: 6.60 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 5.60
PHẠM NGỌC HẢI ANH	30/05/1999	29026724	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.83 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.75 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ HỒNG	10/03/1999	29007294	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 8.80
VŨ THỊ HÀ	10/09/1999	29015558	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ LAN	26/07/1999	29017318	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN ĐỨC MẠNH	13/09/1998	29027454	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.80
BÙI VĂN HỮU	01/09/1999	29021839	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 5.50 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.80

TRẦN THỊ LỄ	18/06/1999	29006449	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ SOA	11/12/1999	29009261	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 7.00 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 3.60
ĐINH XUÂN MẬU	08/05/1998	29010134	Toán: 4.00 Ngữ văn: 1.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ CHÂU	03/08/1999	29010274	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.00
TRẦN THỊ THÚY UYÊN	20/04/1999	29013443	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 2.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ KIM THÙY	02/08/1999	29004207	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	12/03/1999	29001963	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.40
TRƯƠNG THỊ THÙY VÂN	03/05/1999	29015344	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.20
HÀ VĂN NGỌC	27/06/1999	29008856	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 5.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM ANH TUẤN	17/05/1999	29026571	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ NHUNG	09/10/1999	29008866	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THẾ HUY	20/03/1999	29026162	Toán: 9.80 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 9.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 9.80
NGUYỄN THỊ HOA	19/09/1999	29021759	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ THƯƠNG	05/02/1999	29013757	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ HỒNG	26/10/1999	29018491	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 1.60
NGUYỄN THỊ MAI	09/11/1999	29007928	Toán: 6.80 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.20
ĐẬU THỊ MINH DIU	27/06/1999	29008646	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 5.60

HOÀNG THỊ VÂN	29/09/1998	29011194	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.60
LÊ VĂN TUẤN	16/01/1999	29002151	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ THÙY DUNG	20/04/1999	29022733	Toán: 5.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 8 Tiếng Anh: 4.20
CAO THỊ NGÂN	08/03/1999	29005786	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ DUNG	10/10/1999	29021612	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.60
LÊ ĐĂNG SÁNG	22/11/1999	29003269	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 3.20
VŨ THỊ DUYÊN	06/09/1999	29028905	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN DUY QUÝ	29/04/1999	29002568	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.50 GDCD: 7.00 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 4.60
LÔ THỊ THẢO ĐAN	19/06/1999	29024986	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.40
NGÔ THỊ KHÁNH HOÀI	02/02/1999	29026120	Toán: 4.20 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.75 GDCD: 7.50 KHXH: 8 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THANH HẢI	12/10/1999	29005591	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 7.00
NGUYỄN VĂN THỊNH	10/09/1999	29004195	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.40
TẠ THỊ THÚY	18/07/1999	29004665	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN ANH ĐỨC	28/02/1997	29005438	Toán: 8.20 Vật lí: 5.00 Hóa học: 8.75 Sinh học: 8.50 KHTN: 7.42
HỒ THỊ SANG	20/08/1999	29016298	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN THỊ TÂM	04/10/1999	29022423	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.20
HỒ THỊ MAY	10/07/1999	29004015	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.20

PHẠM THỊ SƯƠNG MAI	01/05/1999	29012214	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THANH HÀ	06/11/1999	29027276	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 7.80
HỒ VÕ KHÁNH LY	18/01/1999	29014570	Toán: 6.00 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 9.25 Địa lí: 9.50 GDCD: 8.50 KHXH: 9.08 Tiếng Anh: 4.40
PHÙNG THỊ THÚY	04/05/1999	29003317	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 9.00 GDCD: 9.25 KHXH: 8.58 Tiếng Anh: 4.20
VI VĂN TRUNG	30/09/1999	29003554	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 1.75 Sinh học: 2.00 KHTN: 2.17 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.00 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.00
TRẦN THỊ THANH THỦY	28/01/1999	29009290	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 3.60
LÔ VĂN HIẾU	10/10/1999	29025038	Toán: 8.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 4.20
TRƯƠNG THỊ NGỌC ÁNH	08/04/1999	29014294	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.00 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN VĂN QUANG	18/03/1999	29021237	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 7.75 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN QUANG LINH	20/02/1998	29018556	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.80
PHAN THỊ HUỖN	12/05/1999	29008761	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ THANH NHÀN	04/02/1999	29023938	Toán: 9.20 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN THỊ HỒNG MÂY	16/06/1999	29023889	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 7.00
HỒ THỊ MINH	02/01/1999	29015865	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 2.25 GDCD: 5.75 KHXH: 3.67 Tiếng Anh: 1.40
NGUYỄN TRỌNG PHÚC	08/02/1999	29019929	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.40
VÕ HỮU ĐỨC TRIỆU	24/08/1999	29012964	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 3.75 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 1.20
NGUYỄN ĐÌNH YÊN	10/02/1999	29018319	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 2.40

NGUYỄN THỊ MỸ DUNG	25/08/1999	29025989	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 9.00
LÊ THỊ HỒNG	27/08/1999	29003896	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.00 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 4.00
LÔ THỊ HOA SEN	13/06/1999	29025617	Toán: 5.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 9.25 GDCD: 9.25 KHXH: 9.17 Tiếng Anh: 6.40
NGUYỄN THỊ KIỀU TRINH	16/12/1999	29012492	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 5 Tiếng Anh: 5.40
PHẠM DOÃN ANH QUÂN	16/02/1999	29000760	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.75 Sinh học: 6.75 KHTN: 8 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN CẢNH NGÂN	14/08/1999	29000424	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.00
PHAN THÙY LINH	24/04/1999	29009717	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.80
LÊ VINH NHỤY	01/01/1997	29023492	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.75 Tiếng Anh: 3.80
VI VĂN TUẤN	27/06/1999	29015319	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HIỆP	03/03/1999	29016631	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 6.75 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN THỊ LỊCH	19/06/1999	29003962	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 9.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN ĐĂNG QUỐC ANH	11/08/1999	29028846	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.75 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 4.20
PHẠM THỊ HÀ	18/10/1999	29007842	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 6.75 KHTN: 6 Tiếng Anh: 5.00
PHAN THỊ HOÀI	07/07/1999	29005026	Toán: 9.40 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.00 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 7.00
NGUYỄN TRUNG ĐỨC	03/12/1999	29026030	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 8.00
TRẦN THỊ KIM NGÂN	24/01/1999	29023917	Toán: 9.60 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.50 Sinh học: 7.75 KHTN: 8.58 Tiếng Anh: 7.00
VI THỊ HÀ NHI	01/02/1999	29026404	Toán: 6.80 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 8.40

NGUYỄN ĐÌNH TRUNG	30/08/1999	29015282	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 2.00
TRẦN THỊ THƯƠNG	10/08/1999	29005332	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM THỊ HIỀN	20/08/1999	29009575	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.00
LÊ TIẾN XUYẾN	30/04/1999	29016577	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 9.00 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ THANH	22/07/1999	29020009	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.50 GDCD: 4.75 KHXH: 3.75 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN HÀ PHƯƠNG	16/09/1999	29024529	Toán: 7.20 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 9.00
NGUYỄN ĐÌNH TOÀN	23/10/1999	29001684	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.40
LƯƠNG THỊ PHƯƠNG THẢO	29/05/1999	29011060	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN BẢO KIÊN	27/03/1999	29026842	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.67 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 8.20
NGUYỄN BÁCH THẢO	17/02/1999	29021306	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.00
HỒ THỊ HẢI LÝ	08/01/1999	29007342	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN NGỌC TUẤN	27/05/1999	29030895	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.80
ĐINH THỊ KHÁNH HUYỀN	29/03/1999	29009649	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.50 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ LY	28/08/1998	29010128	Toán: 5.40 Hóa học: 6.75 Sinh học: 6.25
NGUYỄN ĐĂNG HIỆP	16/05/1999	29021061	Toán: 9.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 9.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 7.40
NGUYỄN VĂN KHUÊ	19/09/1999	29021122	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 8.75 Sinh học: 6.00 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 4.00
ĐẬU THỊ NHUNG	17/03/1999	29012581	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.00
TRẦN THỊ HỒNG	17/10/1999	29022293	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.00

TRƯƠNG NGỌC DA	22/10/1999	29014325	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG NGUYỄN NGHĨA QUÂN	11/06/1999	29007090	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 5.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.40
VI THỊ NHÂN	23/02/1999	29013674	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN THỊ HẢI THƯƠNG	15/06/1999	29012444	Toán: 2.20 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN HUY PHƯƠNG	01/05/1999	29023970	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 3.60
LÊ SANG SANG	27/03/1999	29029585	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 8.50 Sinh học: 8.00 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 6.20
TRẦN THẾ LỰC	01/07/1996	29003644	Toán: 4.20 Vật lí: 3.00 Hóa học: 4.50
NGUYỄN THỊ HUỆ CHI	28/12/1999	29005504	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.40
ĐẬU THỊ DIỄM HẰNG	26/10/1999	29020270	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 1.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.08 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ HOÀI	04/02/1999	29015640	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG THỊ HÀ GIANG	26/01/1998	29017661	Toán: 7.60 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 8.50 KHTN: 7.33
LÔ QUỐC TUẤN	20/08/1999	29013788	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN CHÍ BẢO	25/02/1999	29023616	Toán: 9.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 6 Tiếng Anh: 6.60
NGUYỄN TRƯỜNG HUY	09/06/1999	29027349	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN BÁ TUẤN	20/07/1999	29010005	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ THÙY LINH	13/11/1999	29009721	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 9.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN VĂN QUÂN	07/01/1999	29011762	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 9.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 6.50 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 7.60

NGUYỄN THỊ THU NGÀ	05/04/1999	29006512	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN ĐỨC TOÀN	13/01/1999	29024091	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 7.67 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN THỊ TRANG	05/09/1999	29002648	Toán: 3.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.50 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 3.20
VŨ ĐÌNH DƯƠNG	10/02/1998	29029351	Toán: 4.20 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.75
LÊ THỊ XUÂN	02/02/1999	29021433	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 3.20
LÊ HOÀI NAM	04/09/1999	29026886	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.17 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VĂN KHÁNH	10/09/1999	29002831	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.08 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ LÝ	27/10/1999	29028533	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ THẨM	17/04/1998	29011566	Toán: 6.80 Hóa học: 6.25 Sinh học: 7.25
VŨ ĐÌNH BẢO	02/02/1999	29014297	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ KIỀU VÂN	03/11/1999	29004821	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN ĐÌNH NGUYỄN	06/06/1999	29024821	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.75
PHẠM THỊ THUÝ VÂN	18/07/1999	29015342	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN DUY HOÀNG	22/11/1999	29022288	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 2.00
LÊ THỊ LAM	02/02/1999	29004491	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 4 Tiếng Anh: 5.00
TRẦN THỊ NHƯ	12/01/1999	29030591	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 4 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN DOÃN THÀNH	09/02/1999	29022079	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.40

NGUYỄN HỮU THÀNH	02/11/1999	29025631	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ BAN	16/09/1999	29015426	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.40
HOÀNG THỊ SEN	09/10/1999	29021266	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ TRÀ MY	05/02/1999	29008836	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN NGỌC THÁI	04/02/1998	29010790	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN HỮU HOÀNG QUÂN	30/01/1999	29026463	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 9.20
NGUYỄN THỊ TRÀ MY	16/04/1999	29014611	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 4.00
BÙI THỊ LAN	25/08/1999	29017696	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.25
TRẦN THỊ HẰNG	04/04/1999	29017217	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 5.40
ĐẶNG NGỌC ANH	24/04/1998	29025240	Toán: 3.80 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.25
TRẦN ĐÌNH TIẾN	09/11/1998	29025728	Toán: 1.60 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 5.75 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 1.00
SẦM THỊ THUỶ	15/07/1999	29015188	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN ĐỨC ĐẠT	03/10/1999	29001878	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN THẢO	17/07/1999	29011499	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.00 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 1.40
NGUYỄN THỊ TRÚC	10/11/1999	29012496	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ HẠNH	12/07/1998	29015565	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ THƯƠNG	20/12/1998	29028115	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ LÊ AN	02/09/1999	29003684	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 9.75 GDCD: 9.00 KHXH: 9.25 Tiếng Anh: 4.60

ĐẶNG THỊ HOA	06/09/1998	29006943	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.50 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.20
TỬ THỊ THƯƠNG	05/06/1997	29009042	Toán: 3.80 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.00
NGUYỄN THỊ HỒNG THẨM	16/09/1999	29022983	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.00
BÙI THỊ TRANG	16/09/1999	29011809	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ MAI	01/09/1999	29000397	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.75 GDCD: 9.00 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THU THỦY	27/02/1999	29030745	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 5.50 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN MINH KHÁNH	10/02/1999	29011679	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN ANH TUẤN	19/02/1999	29019061	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.00 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 1.80
ĐÀO THỊ THÙY	24/05/1999	29017554	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 5.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.60
LÊ VĂN TOẢN	16/05/1998	29028836	Toán: 8.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 9.00
NGUYỄN THỊ THANH LOAN	24/01/1999	29012823	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN XUÂN HẢO	09/09/1999	29022261	Toán: 6.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 1.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 4 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ LÊ	22/11/1999	29000332	Toán: 1.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.40
ĐINH HỮU ĐẠT	01/06/1999	29022741	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM VĂN HOÀNG	02/01/1999	29008742	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG THỊ HOÀI	16/09/1998	29001013	Toán: 3.00 Ngữ văn: 2.75 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.33 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.75
NGUYỄN THỊ TRÀ	17/01/1999	29028140	Toán: 7.60 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 7.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.20
LÊ CÔNG TUẤN ANH	01/01/1996	29021443	Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 8.25

NGUYỄN VĂN DƯƠNG	02/09/1999	29017872	Toán: 8.60 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 6 Tiếng Anh: 3.20
KIỀU THỊ KHÁNH LINH	21/07/1999	29024406	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.25 Hóa học: 2.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 3.17 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 5.60
ĐÀO THỊ HÒA	02/03/1999	29001382	Toán: 7.00 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.40
CAO THỊ TRƯỜNG	21/09/1999	29006729	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 9.40
LƯƠNG VĂN SINH	09/07/1998	29019979	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN KHẮC HÙNG	26/07/1997	29019714	Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 9.75
HỒ SỸ VŨNG	04/08/1996	29016051	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.50 GDCD: 6.25 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ NGÂN	03/09/1999	29015905	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 1.40
VÕ ĐÌNH DŨNG	10/01/2000	29010316	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ THU HÀ	05/02/1999	29022772	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG THỊ HOA	22/01/1999	29006944	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.00
BÙI THỊ NHƯ QUỲNH	23/08/1999	29018681	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN DUY TÀI	05/08/1999	29011488	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ HÀ	05/07/1999	29015551	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN MẠNH LINH	28/12/1999	29003185	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.60
PHAN THỊ HOÀN	15/07/1999	29028430	Toán: 4.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.25 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 8.60
NGUYỄN VIỆT HOÀNG	26/08/1999	29023769	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 2.80

NGUYỄN THỊ THANH	04/06/1999	29015111	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 4.20
LÊ VĂN HUY	13/03/1999	29023213	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 1.80
LÊ THỊ NGỌC ANH	03/11/1999	29010818	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 6.50 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 2.80
LÊ THỊ TRÂM ANH	04/12/1998	29000019	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ HÀ TRANG	24/07/1999	29004720	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.20
BÙI THỊ BÍCH NGỌC	03/05/1999	29005797	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ OANH	26/09/1999	29023286	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.42 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.00 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.60
PHAN VĂN SỰ	24/06/1998	29028831	Toán: 8.40 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.25
HỒ ĐỨC TRỌNG	05/10/1999	29015277	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ THU HIỀN	18/04/1999	29000195	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.50 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ QUỲNH	12/07/1999	29028621	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 5.00
LÊ THỊ NHUẦN	27/06/1999	29019898	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ PHA LÊ	06/03/1999	29027395	Toán: 6.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 9.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 7.40
ĐẶNG THỊ CHÂU ANH	05/10/1999	29019848	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 2.60
LƯƠNG VĂN TRANG	25/02/1999	29019014	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ BÌNH	03/10/1999	29029731	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.80
NGÔ XUÂN HIẾU	07/04/1999	29017239	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 2.00

BÙI ĐỨC NAM	12/12/1999	29003460	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.5 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 3.50 GDCD: 6.25 KHXH: 4 Tiếng Anh: 1.80
ĐẬU NGỌC TRÂM	16/06/1999	29020501	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 6.25 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 5.80
VÕ THỊ TÚ OANH	22/11/1999	29009237	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 8.00 Hóa học: 9.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG THỊ THU HƯỜNG	21/03/1999	29000305	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ THU TRANG	08/08/1999	29016475	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO	10/06/1999	29022981	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 5.00
ĐINH HỮU VƯƠNG	02/10/1999	29023086	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.80
LÊ THỊ HỒNG	15/03/1999	29015665	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ BÉ	13/02/1999	29007536	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 6.40
HỒ THỊ THANH THUÝ	17/04/1999	29016422	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.40
HỒ THỊ BẢO TRÂM	03/07/1999	29000590	Toán: 7.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 6.20
LÊ HUỲNH ĐỨC	04/02/1998	29014776	Toán: 5.20 Vật lí: 6.50 Hóa học: 3.75
TRẦN THỊ MINH THƯ	14/02/1999	29022521	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.08 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM THỊ HẰNG	08/02/1999	29030447	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ TRÂM	29/05/1999	29028172	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN QUANG HUY	21/05/1999	29001958	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 5.00
PHẠM THỊ THU PHƯƠNG	03/04/1999	29026917	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.42 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.25 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.40

NGUYỄN THỊ QUYÊN	20/10/1999	29022021	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.80
LÊ VĂN CHIẾN	16/05/1999	29023121	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 1.60
TRẦN SỸ HỒNG ĐĂNG	14/11/1999	29007576	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 2.40
HOÀNG ANH TUẤN	10/10/1997	29019826	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ THÙY LINH	20/01/1999	29010936	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 8.25 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 3.00
TRƯƠNG THỊ HUYỀN	20/11/1999	29018521	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.80
PHAN THỊ LAM	16/11/1999	29030516	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 7.00
PHAN THỊ NGỌC ÁNH	04/05/1999	29007827	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 1.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.42 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.25 GDCD: 6.00 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ XUÂN	01/06/1998	29030358	Toán: 9.20 Hóa học: 8.00 Sinh học: 8.75
ĐOÀN VIỆT ANH	05/11/1999	29025863	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 2.50 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 8.20
HÀ THỊ OANH	23/08/1998	29019151	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.25 Tiếng Anh: 3.00
PHAN VĂN QUANG	12/01/1999	29022409	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 6.00 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 3.80
ĐẶNG THỊ QUỲNH TRÂM	21/07/1999	29006707	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.60
LƯƠNG THỊ KHUYẾN	10/10/1999	29014507	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.00 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 3.00
KHA HÙNG ANH	17/07/1997	29020894	Toán: 7.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.00
TRẦN THỊ TÂM	02/02/1999	29007117	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.60
TRƯƠNG CẨM HẰNG	14/11/1999	29026071	Toán: 5.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.50 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 7.00
TRỊNH XUÂN ÁNH	05/03/1999	29028868	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.20

MAI THÙY DUNG	12/09/1999	29004359	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 8.40
ĐÀO THỊ HOÀI	27/05/1999	29000224	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ CẨM VÂN	14/12/1999	29000908	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN CÔNG QUYỀN	11/08/1998	29026676	Toán: 7.00 Vật lí: 7.25 Tiếng Anh: 9.60
VŨ VĂN ĐẠI	11/08/1999	29029450	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.00
VI THỊ TRANG	25/10/1999	29015261	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.08 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 3.25 GDCD: 8.00 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 3.60
ĐÀO VĂN SỸ	13/06/1999	29002071	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM QUANG HUY	08/10/1999	29003911	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN HUY HOÀNG	28/10/1999	29020294	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 4 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.80
ĐẶNG TRẦN ĐỨC ANH	24/03/1999	29023547	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 8.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 5.40
LAY VĂN VIỆN	05/09/1999	29020877	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VĂN THẮNG	20/01/1999	29018170	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 1.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 3 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN VĂN LỘC	12/11/1999	29027433	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.40
LÊ ĐÌNH SỸ	06/01/1999	29023327	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 2.00
VŨ PHƯƠNG ANH	12/08/1999	29025910	Toán: 8.80 Ngữ văn: 9.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 10.00
NGUYỄN THANH TÙNG	14/04/1999	29025797	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ TRÂM	21/08/1999	29007449	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.00

NGUYỄN HỮU TOÀN	17/04/1999	29006679	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.67 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.40
LUYỄN THỊ DUNG	03/04/1998	29003742	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.00 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 3.20
NGÔ VĂN THÁI	05/06/1999	29012907	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.20
BÙI THỊ TUYẾT	06/06/1999	29009373	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.25 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN HẢI	03/11/1998	29009007	Toán: 8.40 Vật lí: 7.25 Hóa học: 9.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.67
LÊ THỊ TRANG	12/11/1996	29024879	Toán: 5.40 Hóa học: 6.25 Sinh học: 6.00
HOÀNG VĂN ÁNH	29/06/1998	29001223	Toán: 4.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN TẤT TRÀ	12/09/1999	29002122	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 8.00 Sinh học: 7.50 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 4.80
HÀ THỊ GIANG	12/05/1999	29003103	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ THU UYÊN	03/12/1999	29028235	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN TRUNG	29/03/1999	29023389	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.25 Hóa học: 9.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 4.80
LÊ VIỆT ĐỨC	13/11/1999	29010340	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.80
LÊ NGUYỄN THẢO NHI	06/05/1999	29026399	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5 Tiếng Anh: 7.20
ĐẶNG VĂN BÌNH	15/07/1999	29001235	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ HOÀI	10/10/1999	29028424	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.80
BÙI THỊ LÝ	23/10/1983	29014813	Toán: 1.40 Ngữ văn: 2.00 Lịch sử: 2.50
NGUYỄN THỊ LÊ	13/12/1999	29003960	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	24/03/1999	29001174	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.17 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00

HỒ THỊ PHƯỢNG	05/11/1999	29018667	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 9.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.20
LÊ VĂN TÂM	10/07/1998	29005898	Toán: 2.60 Ngữ văn: 1.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.75 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.40
NGÔ SỸ KIÊN	08/07/1999	29004486	Toán: 8.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.20
LÊ VĂN TUẤN	01/06/1999	29017620	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	24/04/1999	29022913	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 5.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.80
TRƯƠNG VĂN DŨNG	25/09/1999	29014909	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM HỒNG QUYẾT	12/03/1999	29004588	Toán: 6.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM TIẾN THẮNG	13/04/1999	29028669	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ THU	20/01/1999	29030728	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG THỊ THU SƯƠNG	12/01/1999	29005887	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG ĐÌNH TOÀN	02/09/1998	29021364	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.60
ĐẬU THỊ HUỆ	30/04/1999	29015670	Toán: 4.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 5.00
LƯƠNG VĂN HOÀN	25/12/1999	29001016	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 3.58 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.25
LƯƠNG THỊ DUNG	11/12/1999	29008227	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ ANH QUỲNH	10/12/1999	29002574	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.75 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 1.80
VI VĂN DŨNG	17/08/1999	29013907	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN QUANG HUY	24/01/1999	29026817	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 1.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.5 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.80

CAO THỊ HOÀN	02/05/1999	29005650	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.80
PHAN NGỌC ANH	26/04/1999	29027171	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.80
LÊ VĂN MẠNH	17/10/1999	29028538	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN BÁ ĐƯỜNG	20/04/1999	29007267	Toán: 9.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG XUÂN AN	25/04/1999	29006249	Toán: 7.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 4.40
TRƯƠNG THỊ NHO	10/06/1999	29014666	Toán: 1.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 3.25 GDCD: 5.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.40
PHAN VĂN SƠN	29/07/1999	29009875	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN ĐÌNH HOÀNG	17/06/1999	29029013	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 6.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN ĐẠI	13/06/1999	29010845	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 2.80
LƯƠNG VĂN HẢI	09/10/1998	29003115	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ HƯƠNG	12/02/1999	29016713	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ HUYỀN	09/05/1999	29019473	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ MAI SƯƠNG	01/03/1999	29007977	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 2.25 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 3.60
PHÙNG THỊ NGỌC BÍCH	06/10/1999	29027836	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 4.20
LÊ THỊ HẢI YẾN	03/09/1999	29003025	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.80
PHAN THỊ MINH NGUYỆT	11/07/1999	29012276	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.42 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ TUYẾN	05/11/1999	29015326	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 5.00 KHXH: 4 Tiếng Anh: 3.40

PHẠM THỊ BÍCH NGỌC	03/08/1999	29009784	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VIỆT TÀI	08/10/1999	29028642	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.00
HỒ BÁ CHÙ	04/05/1998	29008186	Toán: 4.20 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 3.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN HỒNG	02/04/1998	29017274	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.00
LÔ PHI HÙNG	07/01/1999	29020662	Toán: 2.20 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM THỊ KHÁNH HUYỀN	01/01/1999	29027363	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN VĂN THẾ	20/03/1999	29020034	Toán: 2.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 9.75 GDCD: 8.00 KHXH: 8.92 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ DUNG	05/01/1999	29017139	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.40
TẠ THỊ CHI	10/02/1999	29019230	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.40
TRƯƠNG THỊ KIÊN	05/01/1999	29008081	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 1.50 Sinh học: 1.50 KHTN: 2.33 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.00
ĐÀO THỊ TRANG	27/09/1999	29029315	Toán: 4.80 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THẾ HÙNG	04/03/1999	29002400	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.60
TẶNG NGỌC ĐỨC	28/08/1999	29004956	Toán: 4.80 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN BÁ HẬU	09/05/1999	29007860	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 7 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ OANH	02/09/1999	29002545	Toán: 6.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN BÁ THẮNG	12/01/1999	29015143	Toán: 5.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ LINH	01/09/1999	29018559	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 5.20

HOÀNG THỊ NHÀN	08/12/1999	29020392	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 3.60
PHAN THỊ NGỌC ÁNH	05/09/1999	29030378	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.08 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.00
LÔ THỊ HẬU	21/03/1999	29013947	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ BÍCH TRÂM	30/07/1999	29025757	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN CAO TRẦN PHƯƠNG	15/03/1999	29026916	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.50 KHXH: 6.08 Tiếng Pháp: 8.60
PHAN ĐỨC THẮNG	22/12/1999	29013361	Toán: 7.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 4.80
BÙI QUỐC TUẤN	20/07/1999	29022619	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 2.20
LƯU THỊ HỒNG NGỌC	07/09/1999	29030147	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN HẢI AN	07/03/1999	29017079	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VĂN HÙNG	26/09/1998	29027343	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 9.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 4.00
BÙI THỊ HÒA	15/09/1999	29017245	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN TOÀN	19/05/1999	29000854	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN MẠNH TÂN	24/08/1998	29008569	Toán: 7.20 Vật lí: 6.75 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN DOÃN SÁNG	11/07/1999	29000777	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ THU THẢO	02/11/1999	29018921	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 6.25 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 5.80
DƯƠNG TRỌNG ĐIẾP	01/01/1999	29001277	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.60
CAO HẢI HÀ	18/03/1999	29018772	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 7.00 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 4.40

NGUYỄN THỊ HƯƠNG	18/11/1999	29030499	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 2.80
NGÂN THÚY HOA	29/01/1999	29003134	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 9.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ HÀ VI	24/03/1999	29028250	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 4.00
LÊ VĂN BÁ	10/11/1966	29003611	Toán: 4.80 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.25 KHTN: 2.5 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.25
ĐẶNG THỊ KIM UYÊN	04/09/1999	29005405	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.50 KHXH: 8.42 Tiếng Anh: 3.80
PHAN THỊ NGỌC ÁNH	16/05/1999	29009067	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 9.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 8.20
NGUYỄN THỊ TUYÊN	08/07/1999	29029665	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 2.80
PHAN BÁ LÂM	24/11/1999	29003177	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.75 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 4.00
ĐINH THỊ SAO	22/04/1999	29009869	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 5.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ NHÀN	24/06/1999	29021964	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG NGỌC PHI	22/05/1999	29007072	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.20
ĐẶNG THỊ THƯƠNG	12/03/1998	29001670	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.80
DƯƠNG THỊ HẬU	10/02/1999	29014407	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 3.80
VÕ THỊ TRÀ MY	17/10/1999	29005770	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.80
HỒ SỸ QUÂN	03/08/1999	29016902	Toán: 8.60 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 5.00
ĐẬU NGỌC HOÀNG AN	29/03/1999	29006248	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 8.50 KHTN: 7 Tiếng Anh: 5.00
VŨ PHƯƠNG THẢO	27/05/1999	29006612	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.20

NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	04/08/1999	29023856	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 7.60
NGUYỄN THỊ VÂN ANH	22/07/1998	29026603	Toán: 8.40 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.75
NGUYỄN THỊ MỸ LINH	12/09/1999	29000354	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.60
ĐẶNG VĂN ĐOÀI	15/01/1999	29001881	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 8.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ TUYẾT	01/12/1999	29016527	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 3.75 GDCD: 5.50 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM VĂN MỸ	10/05/1998	29019750	Toán: 7.80 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.75
HOÀNG MINH HUY	28/11/1999	29005049	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.80
PHAN THỊ DƯƠNG	16/02/1999	29027248	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 5.50 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 1.40
NGUYỄN THỊ HÀ MY	19/12/1999	29026340	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 7.20
NGUYỄN THỊ KỶ	26/06/1999	29001449	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.00 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN SỸ MẠNH	23/08/1999	29026313	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 9.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 6 Tiếng Anh: 6.60
NGUYỄN TRỌNG MÃO	18/03/1999	29006497	Toán: 9.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 8.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN THỊ NGUYỆT	11/06/1999	29012275	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 5.20
BÙI THỊ THẨM	07/02/1999	29018929	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 8.75 Sinh học: 8.50 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN QUỐC CƯỜNG	02/06/1998	29023441	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.75
XEO THỊ LAY	03/07/1999	29008314	Toán: 5.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ THẢO	07/11/1999	29030672	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ HÀO	20/07/1996	29030314	Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 4.75

VI THỊ LY	10/03/1999	29014579	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.00
TĂNG VĂN DINH	06/08/1999	29000650	Toán: 5.00 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.92 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ THÚY MAI	11/07/1999	29020365	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 4.40
PHẠM THỊ THU TRANG	12/06/1999	29012961	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.60
LƯU VĂN MẠNH	11/05/1999	29002494	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.80
LÊ ĐÔN KHỞI	28/04/1999	29016733	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 3.20
PHƯƠNG THỊ THANH THẢO	30/07/1999	29018924	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 4 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN KHẮC TRƯỜNG	14/10/1999	29006741	Toán: 1.60 Ngữ văn: 1.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 1.75 GDCD: 4.25 KHXH: 3.08 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN ĐĂNG THỊNH	16/01/1999	29025677	Toán: 5.20 Ngữ văn: 8.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.17 Tiếng Anh: 8.20
BÙI NHẬT ANH	26/10/1999	29013087	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 5.00 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 4.00
PHẠM THỊ VINH	02/06/1998	29004311	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 5.50 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN TOÀN	10/06/1999	29028137	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.08 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ KIM OANH	09/09/1999	29021222	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 4.60
PHẠM THỊ HUYỀN	15/12/1999	29010906	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 1.75 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 4.00
HÀ THỊ NGỌC ANH	24/04/1999	29003689	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 6.00
BÙI THỊ THANH HUYỀN	26/04/1999	29026171	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 9.25 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN ĐÌNH HOÀN	07/02/1999	29016654	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 2.20

NGÔ THỊ THU HÀ	12/07/1999	29023704	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ HIỀN	20/10/1997	29029356	Toán: 2.40 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.00
TRẦN ĐỨC ĐÔ	08/09/1999	29002289	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 6.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.80
LÊ VĂN YÊN	06/11/1998	29030359	Toán: 7.20 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.50
ĐINH HỒNG LIỄU	26/07/1999	29007913	Toán: 4.60 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 4 Tiếng Anh: 2.40
BẠCH THỊ HƯƠNG	27/10/1999	29027936	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 2.20
VÕ THỊ THANH HOÀI	16/06/1999	29013157	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.5 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.20
TRƯƠNG THỊ KHÁNH HUYỀN	08/06/1999	29012110	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 3.58 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN ĐÌNH KHẢI	28/10/1999	29001440	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.00
HỒ ĐÌNH HIẾU	07/08/1999	29013960	Toán: 1.60 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 4.75 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 2.20
ĐẶNG TRẦN TRUNG	13/12/1999	29026561	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG TẤT THẮNG	29/10/1999	29018167	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 2.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.33 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.20
HỒ MINH HUỆ	30/09/1999	29017960	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN ĐỨC ANH	08/07/1999	29025876	Toán: 9.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 10.00 Sinh học: 10.00 KHTN: 8.42 Tiếng Anh: 8.40
NGUYỄN BÁ DŨNG	16/06/1999	29029778	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 5.40
PHAN NGỌC HUY	04/09/1999	29012778	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ NGỌC LINH	13/03/1999	29020340	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ HƯỜNG	14/07/1999	29015719	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.60

HOÀNG THỊ KIM QUYÊN	13/07/1999	29030240	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.25 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.00
LÊ ANH QUÂN	09/08/1999	29011016	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 9.75 Sinh học: 7.50 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 4.00
CAO DUY THẾ	09/05/1999	29005303	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN HỮU QUÝ	22/12/1999	29001579	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.00 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN VĂN THẢO	27/09/1999	29011501	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN CÔNG QUANG	23/11/1999	29026919	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 1.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 3 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.00
NGÔ XUÂN CƯỜNG	12/11/1997	29008049	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00
TRẦN THỊ HUYỀN	16/06/1999	29030495	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 6.25 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 6.20
TRẦN THỊ NGỌC	02/12/1999	29009224	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.83 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ LINH	24/12/1998	29022124	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.75 Tiếng Anh: 4.20
HOÀNG VĂN HIẾU	24/02/1999	29017236	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.20
ĐINH THỊ THÚY HẰNG	28/08/1999	29024283	Toán: 8.40 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 8.60
TRẦN ĐÌNH XUÂN	08/08/1999	29030947	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 4.00
LÊ ĐÌNH QUYÊN	20/01/1999	29030242	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.60
TRƯƠNG THỊ HUYỀN THƯƠNG	07/05/1999	29009951	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 5.20
LÊ THỊ THÚY HẰNG	05/03/1998	29018441	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.40
VŨ NHẤT LINH	03/10/1999	29029532	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.40

NGUYỄN VĂN BÌNH	11/08/1999	29023621	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 4.80
LÔ THỊ NHƯ	26/03/1999	29025191	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 4.80
VÕ THỊ HUYỀN	04/07/1999	29000289	Toán: 4.80 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 4.60
LÊ HỒNG VINH	24/05/1999	29015354	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN KHÁNH LINH	24/04/1999	29019558	Toán: 4.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.00 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 4.00
VÀ Y LỖ	10/11/1999	29008337	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THÁI HOÀNG	17/01/1999	29019421	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 9.25 GDCD: 8.75 KHXH: 8.83 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ THÚY	26/05/1998	29018967	Toán: 0.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.50 GDCD: 6.00 KHXH: 4.08 Tiếng Anh: 3.40
NGÔ TUYẾT MAI	18/03/1999	29003194	Toán: 7.60 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 7.80
LÊ ĐÌNH LỢI	02/03/1999	29001056	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 1.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 2.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25
NGUYỄN VĂN HUỠNH	21/08/1999	29003422	Toán: 2.00 Ngữ văn: 2.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.25 Tiếng Anh: 2.60
HẠ BÁ GIẢI	10/08/1999	29008245	Toán: 2.80 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.50 GDCD: 5.75 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ TƯỜNG	12/03/1999	29029668	Toán: 7.80 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.50 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 8.20
HOÀNG VĂN TÂM	25/01/1999	29012362	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ HẠNH	10/07/1998	29012732	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.25 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HUYỀN	11/03/1998	29009014	Toán: 5.60 Hóa học: 6.00 Sinh học: 6.50
NGUYỄN THỊ CẨM TÚ	11/08/1999	29024117	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 6.60

NGUYỄN BÁ THỦY	26/02/1999	29008004	Toán: 8.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 7.20
LÊ THỊ PHƯƠNG	21/03/1999	29002886	Toán: 7.40 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.83 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ TRANG	02/11/1999	29023040	Toán: 3.40 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.40
HỒ Y PAY	10/03/1999	29008394	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 9.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.80
PHAN THỊ THU HÀ	04/06/1999	29019331	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ HƯƠNG	02/07/1999	29017301	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.20
ĐINH THỊ THUỶ	20/12/1999	29029288	Toán: 7.80 Ngữ văn: 9.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 8.60
NGUYỄN VĂN LINH	28/02/1999	29012179	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LINH	26/03/1999	29007013	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG THỊ MAI LY	04/04/1999	29007927	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.83 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ LÀI	07/08/1999	29006439	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 5.00
HOÀNG THỊ KHÁNH LINH	01/08/1998	29006068	Toán: 9.40 Hóa học: 9.50 Sinh học: 9.50
TRẦN QUỐC CHUNG	27/07/1999	29026744	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.83 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN XUÂN HÙNG	22/12/1999	29028448	Toán: 9.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 4.20
LƯƠNG THẾ KỶ	17/02/1999	29021125	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 4.40
HOÀNG ANH TUẤN	16/07/1995	29001186	Toán: 5.40 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.75
HỒ XUÂN KIÊN	02/06/1999	29029064	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 9.50 GDCD: 7.50 KHXH: 8.58 Tiếng Anh: 4.20

TRẦN THỊ ANH	02/06/1999	29002211	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN XUÂN THIẾT	01/08/1999	29007140	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ TÌNH	02/04/1999	29018202	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VIỆT HẢI	12/04/1999	29021028	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ TRANG	06/10/1999	29002129	Toán: 8.80 Ngữ văn: 8.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 9.40
NGUYỄN THÚY HẰNG	20/07/1999	29012035	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN HOÀNG QUÝ	02/09/1999	29000762	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 7.67 Tiếng Anh: 4.40
PHẠM ĐỨC HOÀNG	01/07/1999	29021792	Toán: 3.00 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ NGỌC	28/07/1999	29004044	Toán: 3.80 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ MINH ANH	01/02/1999	29004871	Toán: 8.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 6.40
LÊ THỊ HOÀI	20/11/1999	29000227	Toán: 1.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.60
HỒ THỊ ÁNH	06/07/1999	29015414	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN CÔNG LÂM	06/02/1999	29001455	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN TRỌNG LƯƠNG	07/12/1999	29003996	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN DUY THẮNG	12/01/1999	29016959	Toán: 6.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN XUÂN QUYỀN	20/10/1999	29004110	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.60
PHAN THÀNH ĐẠT	12/12/1999	29021651	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.40

THIỀU QUANG SƠN	10/10/1999	29021277	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN PHÙNG HOÀN	24/07/1999	29026797	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.92 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.00 GD&ĐT: 7.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN RÔN	24/09/1999	29006583	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.08 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN KHẮC HOÀNG	22/03/1997	29024772	Toán: 3.00 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 3.50
PHAN THỊ HIỀN	30/10/1999	29029898	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.25 GD&ĐT: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.20
HOÀNG ĐỨC VƯỢNG	30/03/1999	29028260	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.25 Tiếng Anh: 3.60
HỒ VIỆT HOÀNG	29/07/1999	29012760	Toán: 3.40 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.00 GD&ĐT: 7.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ MƠ	11/12/1998	29004023	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GD&ĐT: 8.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.00
KHA QUÝ DẬU	20/09/1999	29020900	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.00
HOÀNG THỊ THANH THƯ	25/08/1998	29008976	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GD&ĐT: 9.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.80
HOÀNG THỊ HUỆ	30/04/1999	29026145	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 9.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 7.80
NGUYỄN THỊ OANH	01/11/1999	29029175	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GD&ĐT: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN MINH THANH	29/08/1999	29029242	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.50 GD&ĐT: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN THỊ THƠM	09/03/1999	29008960	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.25 GD&ĐT: 8.75 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 2.40
PHẠM ĐỨC THÔNG	24/08/1998	29023518	Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.50
HÀ VĂN VẦN	28/08/1999	29014215	Toán: 2.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 7.00 GD&ĐT: 8.00 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ MỸ DUNG	10/09/1999	29022731	Toán: 9.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.00 GD&ĐT: 6.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 9.60
ĐẶNG ĐÌNH ĐỨC	15/04/1998	29007171	Toán: 7.60 Vật lí: 6.75 Hóa học: 5.50

LƯƠNG YẾN NHI	27/03/1999	29020748	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ LY	10/07/1999	29014042	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.20
LÊ VĂN ĐẠT	26/06/1999	29002282	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ MỸ HẰNG	25/11/1999	29001910	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.08 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN THỊ MINH TRANG	13/10/1999	29005358	Toán: 9.00 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 8.75 Hóa học: 10.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.92 Tiếng Anh: 8.20
VEN THỊ NHÂM	14/09/1999	29008375	Toán: 3.40 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 2.75 GDCD: 4.00 KHXH: 2.67 Tiếng Anh: 1.80
LÊ MẠNH QUÂN	16/03/1999	29002894	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 3.80
ĐẶNG THỊ MƠ	06/11/1996	29010762	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.25
HOÀNG THỊ THƯƠNG	28/03/1999	29028712	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.25 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.80
ĐINH VĂN DŨNG	26/09/1999	29024731	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.25
VI VĂN CHÂU	16/01/1998	29013480	Toán: 3.00 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 5.75 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 2.40
HỒ THỊ LAN HƯƠNG	19/05/1999	29017990	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 1.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.08 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN HOÀNG PHÚC	06/02/1999	29025198	Toán: 7.20 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ BÌNH	15/04/1999	29021572	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG VĂN TRƯỜNG	05/03/1999	29022600	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HOÀI	22/05/1998	29028425	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 7.25 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.80
CAO THỊ THU UYÊN	08/08/1999	29006785	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH	14/02/1999	29002325	Toán: 9.60 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 9.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 3.40

NGUYỄN NGỌC ANH ĐỨC	16/09/1999	29018412	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN TRUNG TIẾN	20/06/1999	29025727	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 5 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 6.40
PHẠM ANH ĐỨC	16/01/1999	29021675	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ BÉ BA	29/04/1999	29010265	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 9.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.00
LÔ THỊ THU THẢO	21/09/1999	29020812	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.83 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.25 GDCD: 6.75 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN QUANG LINH	19/03/1999	29003970	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.20
TRƯƠNG NGỌC BẢO	20/08/1999	29018358	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN THỊ KHÁNH LINH	08/07/1999	29007688	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.40
LÔ THỊ LUÂN	17/05/1999	29025529	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.50 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ TÂM	11/08/1999	29030631	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 5 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN CẢNH VIỆT	20/02/1999	29020539	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM THỊ THẢO	13/08/1998	29011500	Toán: 2.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.75 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN LINH CHI	03/04/1999	29002233	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 3.80
ĐÀM VĂN LINH	25/10/1998	29017333	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.00 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN MINH CÔNG	20/12/1999	29015456	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.60
LÊ VĂN HÙNG	13/01/1999	29028443	Toán: 8.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 9.40
LO THỊ THANH HOA	01/01/1999	29021069	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.60

LÝ THỊ MAI	21/08/1999	29014588	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 9.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ KỲ	19/07/1999	29021855	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN NGỌC BẮC	07/03/1999	29018359	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.00
HỒ SỸ TRƯỜNG	08/10/1999	29012501	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ KIỀU TRINH	24/09/1999	29000593	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.40
LÊ CẢNH DŨNG	23/06/1999	29012678	Toán: 9.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 7 Tiếng Anh: 5.40
TRẦN THỊ THU TRÂM	10/10/1999	29029329	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 3.50 GDCD: 6.50 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG VĂN LONG	02/08/1999	29011703	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 2.60
LÊ NHỊ GÁI	22/01/1999	29014928	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN BÁ NAM	20/05/1999	29022898	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN QUỐC UY	22/06/1999	29012530	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.80
ĐẶNG THỊ QUỲNH HOA	22/11/1999	29009592	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN CƯỜNG	28/11/1999	29006876	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 1.60
DƯƠNG PHÚC THẢO	22/12/1999	29001151	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00
BÙI CÔNG TUẤN	04/01/1998	29019823	Toán: 8.20 Vật lí: 8.00 Hóa học: 9.25
NGUYỄN HỒNG SANG	18/08/1999	29009255	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.08 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.60
NGÔ TRÍ TRUNG	31/01/1999	29020160	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.60

TRẦN QUANG MINH	01/10/1999	29023896	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 9.00 Hóa học: 9.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN QUANG MẠNH	11/01/1998	29013044	Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 7.00
TRẦN THỊ NHUNG	03/01/1999	29022391	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 2.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	04/05/1999	29030956	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 3.80
DƯƠNG THỊ HOÀI THU	07/12/1999	29028694	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN HỮU CÔNG	18/05/1999	29002246	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN THỊ HUYỀN	13/04/1999	29016702	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.92 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM QUỐC CHÍ	20/12/1996	29027632	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.75
CAO TIẾN ĐỨC	21/08/1999	29000122	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.00 KHXH: 8.33 Tiếng Anh: 3.20
VÕ THỊ MỸ LINH	24/06/1999	29002474	Toán: 8.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 9.80
PHAN VĂN ANH	01/01/1998	29009443	Toán: 5.00 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.75 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG THỊ DIỆU LINH	12/08/1999	29025504	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 4.20
HỒ THỊ LIỆU	26/11/1999	29015776	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ QUỲNH	16/01/1999	29008909	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.20
NGÔ THỊ THÚY	16/05/1999	29017561	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.80
LÊ THỊ QUỲNH	15/05/1999	29028618	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN QUỐC HÙNG	13/04/1999	29007645	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.20

TRẦN MINH TIẾN	25/09/1999	29004691	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 6 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VIỆT QUÂN	13/10/1999	29018885	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 9.25 Hóa học: 9.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 4.80
TRẦN MẠNH DŨNG	30/10/1999	29021622	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.75 GDCD: 5.25 KHXH: 4 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ QUỲNH	01/07/1999	29018139	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 1.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 6.60
LÔ THÁI LƯỢNG	16/01/1999	29014565	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN TÚ	10/11/1999	29028204	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.60
VŨ HOÀNG DUY	10/12/1999	29029789	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.00
TRƯƠNG THỊ HƯỜNG	22/10/1999	29020317	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 6.25 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 4.20
NGÔ THẢO ANH	12/04/1999	29025873	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN THÀNH TÂN	03/06/1999	29006603	Toán: 6.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 5.40
VÕ THỊ THƯƠNG	09/09/1999	29002114	Toán: 9.20 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 6 Tiếng Anh: 6.80
PHAN ĐỨC LINH	20/03/1999	29015014	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 5 Tiếng Anh: 6.60
TRƯƠNG VĂN NGỌC	15/07/1999	29014642	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 1.60
TRẦN THỊ VIỆT	27/05/1999	29000911	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 5.60
PHẠM THỊ VÂN ANH	07/06/1999	29017095	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.50 GDCD: 6.25 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.40
LÊ THỊ LIÊN	15/12/1999	29003963	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.40
VÀ BÁ NINH	08/06/1999	29020724	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 3.75 GDCD: 5.25 KHXH: 3.75 Tiếng Anh: 2.00

NGUYỄN THỊ VIỆT TRINH	09/01/1999	29012965	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.25 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 5.00
LÊ MINH HIẾU	28/04/1997	29010093	Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.50
BÙI THỊ PHƯƠNG UYÊN	09/11/1999	29003577	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 9.50 Địa lí: 9.75 GDCD: 7.25 KHXH: 8.83 Tiếng Anh: 4.20
THÁI ĐẮC MẠNH	06/06/1999	29020707	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ THU	09/03/1999	29001657	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.50 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 6.00
TRẦN NGỌC QUANG	20/07/1999	29007726	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN DUY HUY	15/04/1999	29011355	Toán: 3.80 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 9.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.75 KHXH: 8.92 Tiếng Anh: 4.00
PHAN THỊ MẾN	27/08/1999	29028542	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 9.25 GDCD: 8.25 KHXH: 8.42 Tiếng Anh: 5.00
BÙI QUANG TOÀN	08/12/1999	29002975	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.25 Tiếng Anh: 3.00
PHAN THÚY NGA	26/05/1999	29007703	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 10.00 GDCD: 8.00 KHXH: 8.5 Tiếng Anh: 5.00
PHAN VĂN KHẢI	14/07/1999	29012128	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.5 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN VĂN NGỌC	26/05/1998	29030149	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.60
LÊ VĂN DŨNG	29/04/1998	29001751	Toán: 9.00 Hóa học: 9.50 Sinh học: 9.50
LÊ XUÂN NAM	10/05/1998	29010138	Toán: 6.60 Hóa học: 7.25 Sinh học: 8.00
ĐÀO LINH CHI	10/08/1998	29029346	Toán: 4.60 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.00
NGUYỄN PHÚC THƯỜNG	01/04/1999	29000563	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.60
XEO VĂN LẬP	11/11/1998	29008315	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.00
HÀ THỊ XUÂN HƯƠNG	23/01/1999	29025475	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.50 KHXH: 8.42 Tiếng Anh: 4.20
TÔ THỊ LÂM UYÊN	25/08/1999	29018278	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 2.60

NGUYỄN ĐỨC CƯỜNG	08/04/1999	29002789	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.33 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.40
LÊ THỊ HUYỀN	06/05/1999	29003917	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 4.60
VÕ NGỌC ÁNH	27/09/1999	29009457	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN THÙY	10/10/1999	29022495	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 2.50 GDCD: 7.00 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 1.60
HOÀNG ĐỨC ANH	18/10/1999	29002192	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ THƠM	17/08/1999	29028692	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 7.00
ĐẶNG QUANG HUY	03/04/1999	29013173	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.5 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.00
LÔ PHƯƠNG NAM	03/08/1999	29014614	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 2.00
NGÔ THỊ NGỌC DIỄM	20/09/1998	29010726	Toán: 7.40 Hóa học: 9.00 Sinh học: 9.50
NGUYỄN THỊ LÀI	10/09/1999	29000320	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.20
PHẠM THỊ MẾN	27/08/1999	29019604	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.00
VÕ XUÂN HÀ	14/07/1998	29006002	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 3.00
LÊ KIỀU LOAN	05/03/1998	29025284	Toán: 5.60 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.17
NGUYỄN VĂN TOÀN	10/05/1999	29017580	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ MỸ	10/04/1999	29028552	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.60
NGÔ THỊ XUÂN	03/02/1999	29007504	Toán: 5.20 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN SÁNG	19/03/1999	29009868	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.75 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.00
LÊ VĂN NAM	17/05/1998	29021489	Toán: 5.60 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.75

NGUYỄN TUẤN ANH	18/08/1999	29007521	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 7.00 GD&CD: 8.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.00
PHAN NGỌC SƠN	18/02/1999	29016925	Toán: 7.00 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.40
LÊ HOÀNG MINH	08/01/1999	29023261	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GD&CD: 8.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 8.40
NGUYỄN THỊ THƯƠNG	03/09/1999	29020483	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 3.20
LÊ NGỌC THẮNG	10/12/1998	29002949	Toán: 6.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN THỊ TÂM	25/03/1999	29018717	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 9.00 GD&CD: 7.50 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ TRÀ DUYÊN	11/08/1999	29024215	Toán: 1.60 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.00 GD&CD: 8.00 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ HOÀI	24/02/1999	29029925	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GD&CD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN TỬ AN	24/06/1998	29023425	Toán: 1.80 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.75
BÙI VĂN HỮU	20/02/1999	29021840	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GD&CD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
PHAN THỊ THU	12/11/1999	29021339	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.00 GD&CD: 8.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.60
PHAN CÔNG ƠN	20/12/1999	29022400	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ MINH HẰNG	17/12/1998	29025420	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GD&CD: 9.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 7.40
VŨ VIỆT TUẤN	27/06/1999	29013431	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.08 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GD&CD: 7.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.00
LÊ CÔNG LỢI	12/02/1997	29010752	Toán: 6.40 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.25
ĐÀO TRẦN PHƯƠNG ANH	02/06/1999	29012606	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GD&CD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG THỊ LÂM OANH	16/04/1999	29027520	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GD&CD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN HỮU DƯƠNG	20/06/1999	29000107	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.75 GD&CD: 8.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.20

PHẠM VĂN NGHĨA	25/03/1999	29004544	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	03/06/1999	29011228	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN THÀNH	05/02/1998	29023511	Toán: 1.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.25
NGUYỄN THỊ HÀ	14/06/1999	29011642	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.40
BÙI ANH ĐỨC	07/09/1999	29009521	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 9.00 Sinh học: 9.25 KHTN: 7.75 Tiếng Anh: 5.60
SẦM VĂN HẬU	05/09/1999	29014414	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.40
HỒ THỊ GIANG	26/10/1999	29015538	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.40
LƯƠNG THỊ HỒNG VÂN	16/12/1999	29013806	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN ĐÌNH NGUYỄN	28/07/1999	29012271	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 2.00 KHTN: 2.67 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.50 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG THỊ THU HẢI	23/09/1999	29019333	Toán: 7.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.50 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN NHẬT GIÀU	27/05/1999	29000140	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.75 GDCD: 7.75 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 3.20
MAI ĐỨC THIÊN	03/11/1998	29007995	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 2.60
BÙI VĂN TOÀN	20/09/1999	29026528	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 4.80
TRẦN THỊ THU HOÀI	01/12/1999	29007633	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.00 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 2.00
VÕ THẾ QUYỀN	28/09/1999	29024546	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ NA	26/06/1999	29030561	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 1.75 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 4.20
HOÀNG THỊ HOÀI THƯƠNG	30/09/1999	29004675	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 2.80

HOÀNG MINH ĐỨC	30/10/1999	29006327	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.92 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	25/10/1999	29021952	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.60
PHẠM THỊ THANH NGÂN	22/02/1999	29023916	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 8.50 Sinh học: 8.00 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 2.60
VÕ THỊ THƠM	30/08/1999	29029287	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 3.60
SẦM THỊ NHÀN	25/05/1999	29013672	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 2.40
CAO XUÂN ĐẠT	28/07/1999	29020248	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.83 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.75 GDCD: 7.50 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 2.00
LÊ THỊ HẢI	08/10/1999	29018776	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.50 KHXH: 8.33 Tiếng Pháp: 3.40
ĐINH HỒNG QUÂN	09/03/1999	29013308	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 2.60
ĐẶNG THỊ THANH XUÂN	14/02/1999	29027140	Toán: 6.60 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 5.20
TRẦN THỊ HẢI AN	12/07/1999	29025859	Toán: 8.20 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.25 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 9.20
TRẦN THỊ QUỲNH	26/10/1998	29019969	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.00
THÁI THỊ THANH TÂM	16/07/1999	29022061	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ HUẾ	06/05/1999	29013983	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG MINH TUẤN	01/11/1999	29005390	Toán: 7.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 3.60
PHAN THỊ TRẦM	28/02/1999	29004735	Toán: 1.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.25 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.00
VI THANH NGÂN	15/08/1999	29013247	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.00 KHXH: 7.08 Tiếng Pháp: 3.60
TRẦN TRUNG KIÊN	04/06/1999	29026843	Toán: 10.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 9.00 Hóa học: 9.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.92 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.40

HOÀNG TRUNG QUẢ	13/11/1999	29011759	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ THẢO	22/08/1999	29016952	Toán: 6.40 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 7.25 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 4.20
PHAN THỊ LINH	19/09/1999	29029092	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GD&CD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 6.40
ĐINH THỊ THÚY GIANG	22/04/1999	29004393	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 3.00
HÀ ĐỨC NGUYỄN	30/09/1998	29013663	Toán: 2.80 Ngữ văn: 1.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GD&CD: 6.50 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN SỸ HƯNG	08/12/1998	29022117	Toán: 9.80 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.50
NGUYỄN VĂN NAM	29/05/1999	29011723	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 4 Tiếng Anh: 3.00
PHAN THỊ TÚ TRINH	14/09/1999	29006718	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 3.50 GD&CD: 8.00 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 3.20
VÕ THỊ THÚY NGÂN	20/10/1999	29012254	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 8.25 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN THỊ THƯƠNG	25/06/1999	29029306	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.75 GD&CD: 9.25 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 7.80
PHẠM THỊ HƯỜNG	28/06/1999	29025481	Toán: 4.80 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.75 GD&CD: 8.75 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 5.00
LÊ VĂN ANH	11/07/1999	29001829	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.08 Tiếng Anh: 3.20
BÙI VĂN THẮNG	12/10/1999	29022440	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50 GD&CD: 5.75 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.40
VI THỊ CHÂU TRANG	20/05/1997	29014851	Toán: 5.40 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.83
NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	18/01/1999	29016853	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN HOÀNG QUÂN	03/09/1999	29027731	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25
VÕ HƯƠNG GIANG	27/11/1999	29003787	Toán: 4.00 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 8.00 GD&CD: 8.00 KHXH: 8 Tiếng Anh: 2.80

VŨ VĂN KHANG	08/02/1999	29030508	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 2.00
TRẦN THỊ HÒA	09/09/1999	29017250	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.60
CHU THỊ NHUNG	26/02/1999	29018095	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN NGUYỄN MẠNH	01/03/1998	29019749	Toán: 4.60 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.50
NGUYỄN THỊ NGUYỄN	13/12/1999	29007711	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN KHẮC PHÚC	14/12/1999	29008886	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ THƯƠNG	06/09/1999	29020484	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 2.25 KHTN: 3.08 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM THỊ NGUYỆT	13/03/1998	29029156	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 5.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN ĐỨC DŨNG	08/09/1997	29010070	Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.25
HÀ THỊ HẠNH	13/02/1999	29008694	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN BÁ QUỐC KHÁNH	02/09/1999	29016724	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 6.00 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 4.80
VÕ HOÀI NAM	08/11/1999	29012248	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 2.00 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 4.80
VI THỊ HẰNG NGA	15/11/1999	29014624	Toán: 3.00 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 2.40
TẠ DANH ĐẠT	18/03/1999	29019293	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 1.80
HỒ TRỌNG HÒA	10/07/1992	29021469	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 9.00
TRẦN THỊ KIM ANH	11/10/1999	29029712	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.40
HOÀNG NGHĨA CƯỜNG	19/02/1999	29008638	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ TRANG NHUNG	18/06/1999	29012291	Toán: 6.40 Ngữ văn: 8.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4 Tiếng Anh: 4.80

HOÀNG HÓA	09/12/1999	29017679	Toán: 2.80 Ngữ văn: 2.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00
HỒ SỸ NGỌC	20/11/1999	29001531	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ ÁNH NGUYỆT	12/02/1999	29017415	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.40
HỒ PHAN TRUNG HIẾU	29/12/1999	29013140	Toán: 7.80 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 7 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ GIANG	08/03/1999	29010855	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 6.50 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN ĐỨC THẮNG	10/08/1999	29010669	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.80
SẦM THÙY DUNG	24/12/1999	29013903	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 2.60
PHẠM NHƯ PHƯƠNG	29/11/1999	29023973	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 9.40
HỒ BÁ RÊ	20/08/1994	29008566	Toán: 6.60 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.25
LÊ THỊ DUNG	07/06/1999	29015479	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN DUY KHÁNH	16/02/1999	29003428	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 2.50 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 3.60
CHUNG VIỆT TÚ	24/07/1999	29028765	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG ANH TUẤN	10/02/1999	29007801	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.00
HỒ VĂN LAM	22/08/1999	29009684	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN KHÁNH LINH	12/03/1999	29025106	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 4.00
LÊ HUỲNH ĐỨC	27/04/1998	29006912	Toán: 2.60 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 1.00
VÕ TRỌNG CÁT	29/10/1999	29027192	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 1.60
LÊ QUANG HOÀN	18/04/1999	29012758	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.20

VÕ THỊ HỒNG NHUNG	26/05/1999	29000460	Toán: 7.20 Ngữ văn: 8.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 6.75 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN NGỌC HOÀNG	24/08/1999	29006035	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.75
PHAN THỊ PHƯƠNG HÀ	02/11/1999	29009550	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 6.25 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 3.60
BÙI THỊ THANH HÀ	08/07/1999	29000141	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.20
VÕ THỊ TRANG	26/10/1999	29007445	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 7.00 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 5.00
TRẦN DANH LỰC	19/05/1999	29030537	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.17 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 1.20
LÔ THỊ MƠ	26/04/1999	29008363	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.60
LÊ VĂN CHIẾN	15/02/1999	29010277	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.20
HỒ THỊ TRINH	12/11/1999	29019026	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ ÁNH TUYẾT	21/12/1999	29023530	Toán: 1.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.50
HỒ THỊ QUỲNH GIANG	09/09/1999	29015540	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.00
PHAN THỊ HOÀI THANH	25/03/1999	29021294	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG PHẠM PHƯƠNG QUỲNH	13/04/1999	29028041	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN XUÂN HUY	10/09/1999	29025068	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 7.20
LÊ VĂN LÂM	02/12/1999	29010463	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.20
LÊ KIM LONG	19/12/1998	29024432	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 2.00 KHTN: 3.17 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.60
BÙI THỊ HẬU	05/11/1999	29017915	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 8.25 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 5.00

NGUYỄN THỊ HIỀN	10/10/1999	29015599	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.50 GD&CD: 6.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.60
LÊ MINH ĐỨC	14/10/1998	29025258	Toán: 5.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 4.75
NGUYỄN THỊ HẬU	19/01/1999	29020272	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 6.00
TRẦN VĂN PHƯỚC	04/01/1999	29009827	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 2.00
LƯƠNG VĂN SƠN	26/08/1999	29020800	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.50 GD&CD: 7.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ MAI LAN	28/07/1999	29014997	Toán: 7.00 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 8.20
NGUYỄN THÀNH QUÂN	01/04/1999	29009843	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.75 GD&CD: 7.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.20
ĐẶNG VIỆT THÀNH	23/10/1999	29018907	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 6.75 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN MẠNH NGUYỄN	01/08/1999	29012272	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ THẢO	29/08/1998	29012594	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 2.75
ĐINH THỊ HUYỀN	21/10/1999	29018509	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GD&CD: 6.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.80
VŨ THỊ MAI QUYÊN	02/08/1998	29013061	Toán: 8.20 Hóa học: 9.25 Sinh học: 8.50
HOÀNG THỊ THẢO	20/03/1999	29028656	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4 Tiếng Anh: 4.40
CAO NHƯ QUỲNH	18/08/1999	29005237	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 7.00 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 7.20
HOÀNG THỊ MẾN	13/07/1999	29007040	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.50 GD&CD: 8.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN HỮU ANH ĐỨC	07/03/1999	29008676	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GD&CD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.00
LƯƠNG THỊ THÚY NGÀ	23/11/1999	29025157	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 8.00 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 3.20

HỒ XUÂN TOÀN	01/01/1999	29012458	Toán: 6.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ NGOAN	10/01/1999	29019644	Toán: 5.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 5.60
ĐẬU THỊ LÊ VY	12/08/1999	29000918	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.92 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 7.40
VÀ BÁ ĐÀ	24/09/1999	29008234	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 4.00 KHXH: 4.08 Tiếng Anh: 2.00
HÀ QUANG TRUNG	24/09/1998	29009330	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.80
LÊ VĂN HOÀNG	24/10/1999	29022818	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ TRANG	21/10/1998	29023521	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.75 Tiếng Anh: 8.00
LƯƠNG THỊ TRÀ LY	24/08/1999	29010512	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN VĂN HÙNG	24/10/1998	29004246	Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 9.50
NGUYỄN THU TRANG	27/10/1999	29009320	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 7.00 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ HỒNG THẨM	28/06/1999	29002947	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 7.00 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM ĐÌNH TRỌNG	10/10/1999	29006213	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50
NGUYỄN THỊ GIANG	24/07/1999	29027270	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 5.25 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN NHẬT	06/08/1999	29007366	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ PHƯƠNG HOA	03/05/1999	29023746	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 2.00 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 8.40
PHẠM THỊ HẰNG	21/02/1999	29021043	Toán: 6.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.25 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 7.80
ĐẬU THỊ TRANG	15/03/1999	29010711	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.00 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 3.20

CHU THỊ ĐÔNG	27/03/1999	29000120	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ HOA	05/03/1999	29009594	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG KHÁNH ĐỨC MINH	11/03/1999	29024460	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ LAN ANH	10/11/1999	29016071	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 6.50 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 4.40
BÙI VĂN TÂM	20/08/1998	29018148	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ HƯƠNG	08/11/1999	29006418	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.25 Sinh học: 1.75 KHTN: 2.42 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN CÔNG VƯỢNG	03/11/1999	29028803	Toán: 9.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 9.00 Hóa học: 9.00 Sinh học: 6.75 KHTN: 8.25 Tiếng Anh: 5.60
LÊ ĐỨC CHƯƠNG	01/01/1999	29015451	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 8.75 GDCD: 9.00 KHXH: 8.75 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN MINH HOÀI THƯƠNG	17/03/1998	29026697	Toán: 8.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.75
NGUYỄN VIỆT BẢO	14/10/1999	29028289	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN NGHĨA THÀNH	15/05/1999	29004629	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 2.60
LÊ THỊ THU HƯỜNG	02/09/1999	29026203	Toán: 8.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 3.40
DƯƠNG ĐÌNH NHẬT	20/12/1998	29023940	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN VĂN TIẾN	30/07/1999	29030775	Toán: 4.20 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
CAO VĂN TÀI	24/02/1999	29006596	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 3.60
VÕ THỊ HẠNH	09/11/1999	29008700	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 1.80
PHẠM THỊ KIỀU CHINH	29/08/1999	29010282	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.25 GDCD: 6.50 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 2.20

LÊ THỊ TRÀ MÂY	29/07/1999	29015862	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG THỊ BÍCH	02/05/1999	29011260	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.20
TRỊNH XUÂN BẮC	17/01/1999	29023115	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 5.40
TRẦN HỮU ĐỨC	15/11/1999	29024243	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.80
LÊ THỊ ANH THẢO	19/09/1999	29021302	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ THƯƠNG	15/07/1999	29008980	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.50 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.40
TRỊNH THỊ VÂN	19/07/1999	29023409	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ HOA	26/10/1999	29009597	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.5 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 5.60
HÀ VĂN HIẾU	04/01/1999	29013545	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ KIM LAM	26/07/1999	29009686	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.42 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.00
BÙI THÀNH ĐẠT	12/07/1997	29019676	Toán: 3.00 Ngữ văn: 1.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.80
ĐẶNG HỮU HOẠT	05/05/1999	29000248	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.00
LÊ DUY HIẾU	19/05/1999	29002809	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.5 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.40
PHAN THỊ HUỆ	04/08/1999	29012087	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.20
TẠ THỊ HOÀI	04/06/1999	29028428	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 4.00
LƯƠNG VĂN TIẾN	04/10/1999	29013761	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.20
NGÔ THỊ THU HIỀN	12/10/1999	29011652	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.80

NGUYỄN MẬU THỦY	02/03/1993	29027772	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50
LÊ THẾ TRUNG	13/02/1999	29002142	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 5.80
HỒ TRỌNG THẮNG	24/10/1999	29016958	Toán: 8.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ THU TRANG	06/11/1999	29020131	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.75 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG THỊ HOA	20/10/1999	29008721	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN VĂN VĨNH	06/08/1994	29010228	Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.75
TRẦN THỊ THOA	13/10/1999	29028684	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 4 Tiếng Anh: 7.40
NGUYỄN THỊ HOA	08/11/1999	29028416	Toán: 7.00 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 6.60
HỒ THỊ THU UYÊN	17/01/1999	29010014	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 7.40
PHẠM THỊ HOÀI ANH	22/10/1999	29006844	Toán: 8.20 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 6.40
NGUYỄN THỊ LINH	03/03/1999	29015791	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.00
HOÀNG THỊ TRÀ	26/06/1999	29002977	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 7 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN THỊ NGÀ	08/12/1999	29005169	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.40
PHAN THỊ NGÀ	04/02/1999	29029144	Toán: 6.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 6.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.40
LANG VĂN HÀO	19/12/1999	29003118	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 3.50 GDCD: 5.25 KHXH: 3.5 Tiếng Anh: 2.60
BÙI MINH TUẤN	12/09/1999	29013418	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 1.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 3 Tiếng Anh: 3.60
LÊ HOÀNG NAM	16/05/1999	29016812	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.40

NGUYỄN DANH THÀNH	27/09/1998	29012593	Toán: 5.80 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.75
NGUYỄN PHI HÙNG	24/05/1999	29004464	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ HOÀI TRANG	24/11/1999	29022573	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ KHÁNH LY	02/09/1999	29007692	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ NGÀ	04/10/1999	29001520	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.60
VÕ NHƯ CÔNG	11/08/1999	29002249	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ THANH HOÀI	22/12/1999	29026796	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 6.75 KHTN: 5.92 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 7.00
NGUYỄN THỊ HẠNH	28/09/1999	29009107	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.40
ĐẶNG THỊ QUỲNH NGÀ	28/10/1999	29005163	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN ĐĂNG NGỌC	18/09/1998	29001787	Toán: 8.80 Vật lí: 9.25 Hóa học: 9.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 7.33
VÕ ĐẠI DƯƠNG	31/07/1998	29004224	Toán: 6.80 Hóa học: 6.50 Sinh học: 8.00
LÊ ĐÌNH SƠN	24/08/1998	29012899	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.50 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.20
PHAN HOÀNG TÂM	26/01/1999	29002929	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	12/02/1999	29026508	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.80
PHAN THỊ THƯỜNG	06/12/1999	29007422	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 2.20
DƯƠNG THỊ YẾN	27/05/1998	29007200	Toán: 8.60 Ngữ văn: 8.50 Tiếng Anh: 9.60
BẠCH THỊ HÀ NGÂN	10/05/1999	29007356	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 2.80
VÕ QUANG HIỆP	10/10/1999	29005015	Toán: 9.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 9.25 Hóa học: 8.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.67 Tiếng Anh: 3.60

ỖC VẦN HIỀN	07/07/1999	29013544	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.40
BÙI QUANG ĐỨC	04/03/1999	29022239	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 5.20
HOÀNG THỊ TRANG	07/10/1999	29017587	Toán: 2.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.40
THÁI BÁ CHƯƠG	13/10/1999	29006281	Toán: 5.00 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 2.60
TRƯƠG THỊ PHỤNG	14/06/1999	29017449	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
THÁI TUẤN ANH	17/05/1999	29019193	Toán: 1.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.25 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 1.80
HUỲNH HẢI DƯƠG	15/05/1998	29024737	Toán: 8.80 Hóa học: 9.00 Sinh học: 9.75 Tiếng Anh: 9.60
HỒ SỸ SƠN	10/07/1999	29018892	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 3.40
LƯU QUỐC THƯỚC	20/07/1999	29002108	Toán: 10.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 9.75 Hóa học: 9.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 8.08 Tiếng Anh: 5.00
PHAN THỊ HƯƠG	08/08/1999	29030001	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ THANH HƯƠG	12/10/1998	29009016	Toán: 7.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 7.25
NGUYỄN THỊ HƯỜG	26/05/1999	29021117	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.40
HỒ TUẤN HÙNG	29/09/1999	29016678	Toán: 8.80 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN HỒG SƠN	11/10/1999	29026936	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.67 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.40
VŨ THỊ HUYỀN MY	20/09/1999	29017387	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.20
PHAN MINH HIẾU	24/11/1999	29012061	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.17 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN DUY QUÂN	06/02/1999	29026459	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.80

NGUYỄN XUÂN HIẾU	08/08/1999	29001368	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.40
PHẠM QUỐC HUY	21/07/1999	29003151	Toán: 5.00 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 9.50 Địa lí: 10.00 GDCD: 7.25 KHXH: 8.92 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN BÁ HOÀNG	07/10/1999	29016665	Toán: 6.60 Ngữ văn: 2.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ KIM ANH	03/08/1999	29017091	Toán: 1.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.20
ĐÀO THỊ HỒNG NHUNG	17/12/1999	29017428	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.25 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.20
PHAN THỊ NGÀ	09/01/1999	29018621	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.40
CAO THỊ NGỌC	02/03/1999	29012857	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.20
PHAN VĂN CỪ TUYÊN	13/02/1999	29000893	Toán: 9.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 9.25 Hóa học: 9.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 3.20
LỮ VĂN THÁI	05/07/1999	29003283	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 3.75 GDCD: 4.75 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 2.40
HỒ THỊ THÙY	13/09/1999	29015191	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.00
LÊ VĂN NAM	20/06/1999	29015042	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 2.60
VI THỊ NHẬT YẾN	03/09/1999	29015381	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.60
VI VĂN KỲ	12/07/1999	29013599	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.25 GDCD: 5.50 KHXH: 4.08 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN NGỌC	07/10/1999	29016837	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 6.25 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ CẨM NHUNG	09/10/1999	29008388	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 6.50 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 4.40
LỮ THỊ HOÀI LY	11/10/1999	29014040	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.67 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN MINH CHÂU	28/07/1999	29018362	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.00

HỒ THỊ NHUNG	01/02/1999	29016850	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ CHI	04/09/1999	29004906	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 8.20
TRẦN ĐÌNH PHÚC	15/06/1999	29022940	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 9.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN CẨM NHUNG	18/11/1999	29023281	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 9.50 Hóa học: 10.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 8.25 Tiếng Anh: 7.20
NGUYỄN THỊ QUỲNH	11/11/1998	29023500	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.50
NGUYỄN THỊ THANH	06/08/1999	29022074	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.60
NGÔ THANH TRÀ	02/12/1998	29004289	Toán: 7.60 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.50
LÊ VIỆT QUÂN	05/12/1999	29000494	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 1.80
CAO VĂN KHOA	17/08/1999	29012137	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 4.00
TRƯƠNG VĂN DANH	01/09/1996	29024727	Toán: 4.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.25
NGÔ THỊ NGHĨA	16/12/1999	29030576	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 6.25 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 8.00
NGUYỄN CÔNG THÀNH	16/09/1999	29020452	Toán: 5.60 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 2.60
PHẠM XUÂN TƯƠNG	19/04/1999	29004805	Toán: 6.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN ĐÌNH VƯƠNG	25/12/1998	29010810	Toán: 6.80 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.50
HỒ NGỌC HOÀNG	10/12/1999	29016656	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 9.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	01/07/1999	29030212	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ HOÀI THƯƠNG	22/02/1999	29022525	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.20

BÙI XUÂN QUANG	26/05/1999	29019947	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.50 GD&CD: 9.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 1.60
NGUYỄN HOÀNG NHẬT	24/06/1999	29026392	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GD&CD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 7.20
NGUYỄN THỊ THU THẢO	02/09/1999	29012394	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GD&CD: 6.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.00
BÙI VIỆT ĐẠT	01/10/1999	29014916	Toán: 9.80 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.25 Sinh học: 9.50 KHTN: 9.08 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN THỊ CẨM NGÀ	01/01/1999	29025159	Toán: 7.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 3.80
NGÔ QUANG NHẬT	23/01/1999	29008107	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.08 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.50
VY QUỐC ĐẠT	05/03/1999	29014354	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.75 GD&CD: 7.00 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN MINH	23/02/1999	29007931	Toán: 7.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 6.00 KHTN: 6.17 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GD&CD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 5.40
LÊ QUỲNH NGA	25/03/1998	29012578	Toán: 6.60 Hóa học: 7.25 Sinh học: 7.50
TRẦN THỊ QUỲNH MAI	02/11/1999	29027452	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GD&CD: 7.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ CẨM NHUNG	02/07/1999	29026415	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 5 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN THỊ LAN	10/11/1998	29018003	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 2.80
ĐẶNG THỊ HUỆ	02/02/1999	29001416	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.50 GD&CD: 9.25 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 4.80
HOÀNG XUÂN BẢO	11/02/1998	29011545	Toán: 8.20 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.25
PHẠM XUÂN QUỲNH	19/11/1998	29027734	Toán: 8.80 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.25
VÕ VĂN THIÊN	24/08/1999	29006181	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.50
PHẠM MẠNH HÙNG	28/03/1998	29010741	Toán: 6.60 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.00
THÁI THỊ NGỌC ÁNH	13/07/1999	29010826	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 2.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 6.50 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 5.20

NGUYỄN VĂN HOÀNG	24/11/1999	29023203	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ TRINH	29/01/1999	29028747	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.40
PHAN THỊ TRANG	20/08/1999	29021388	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.75 GDCD: 7.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ LINH CHI	24/11/1999	29025952	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN XUÂN NAM	16/06/1999	29021194	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN ĐÌNH LẬP	04/10/1999	29005714	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 4.75 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 3.00
NGÔ VIỆT ANH	21/11/1999	29025874	Toán: 8.80 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 9.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 7.80
NGUYỄN THỊ KIỀU LOAN	02/10/1999	29021888	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.80
PHẠM HỒNG LÂM	19/03/1999	29027948	Toán: 7.80 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 3.80
CHU VIỆT ANH	21/08/1995	29025239	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.00
TRƯƠNG CÔNG ĐAN	16/02/1999	29019286	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN NGỌC KHÁNH	16/11/1999	29013192	Toán: 4.60 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.92 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN HỮU THIỆN	23/08/1999	29026517	Toán: 8.40 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 8.80
NGUYỄN VĂN SÁNG	02/05/1999	29006149	Toán: 4.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.75
NGÔ THỊ THU HÀ	27/07/1999	29004972	Toán: 8.80 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 8.25 Hóa học: 9.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 7.67 Tiếng Anh: 6.00
PHẠM TRUNG HUY	01/03/1999	29029976	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.75 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.60
PHAN THỊ TRÀ MY	04/05/1999	29023899	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 10.00 Sinh học: 9.75 KHTN: 9.08 Tiếng Anh: 9.20

NGUYỄN THỊ YẾN	07/05/1999	29010033	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THU HẰNG	14/02/1999	29014403	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.50 GDCD: 7.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ GIANG	01/04/1999	29010347	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.00 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 4.00
LƯƠNG THỊ SƯƠNG	10/01/1999	29027582	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG THỊ HÀ	03/12/1999	29004969	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN THỊ MAI PHƯƠNG	07/01/1999	29023297	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.17 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN THỊ NGÀ	10/10/1999	29010556	Toán: 5.40 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.75 KHXH: 8.75 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG THỊ KIỀU	22/12/1999	29029067	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 1.80
TRẦN THỊ THÙY	13/02/1999	29008967	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 2.75 GDCD: 7.00 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN CÔNG ĐẠT	05/12/1998	29001755	Toán: 4.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 5.50 Tiếng Anh: 4.60
TRƯƠNG VĂN LONG	25/12/1999	29011397	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.25 KHXH: 8 Tiếng Anh: 3.40
LƯƠNG THỊ THƯƠNG	23/02/1999	29025717	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN SỸ ĐẠT	26/04/1999	29029801	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ THU	16/06/1999	29016411	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 7.60
TRƯƠNG THỊ HẢI ANH	17/04/1998	29013013	Toán: 9.20 Hóa học: 9.50 Sinh học: 9.25
NGÔ THỊ NHUNG	16/11/1999	29005197	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN HOÀNG LƯƠNG	12/03/1999	29010949	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 2.80

NGUYỄN THỊ HƯƠNG	20/09/1999	29022315	Toán: 9.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 9.25 Hóa học: 9.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 4.60
LÊ VĂN TUẤN	20/10/1999	29029654	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.00
LÔ THỊ HOÁ	14/03/1999	29014446	Toán: 1.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 5.25 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HUỖN	19/11/1998	29027358	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN THỊ QUỲNH	03/10/1999	29009252	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VĂN HUY	13/08/1999	29007891	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HẠNH	18/07/1999	29008697	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 6.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.60
HOÀNG VIỆT SỰ	08/11/1999	29006594	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 2.40
PHÙNG DA HUY	21/03/1999	29024344	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN PHƯƠNG TRANG	10/05/1999	29015246	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ THỦY	25/08/1998	29010690	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN HÙNG	13/12/1999	29027342	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THÙY LINH	22/04/1999	29027412	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.40
TỔNG TẤT HẬU	29/10/1999	29001914	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 3.60
TẶNG THỊ HÀ	31/08/1999	29004976	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM THỊ NHƯ QUỲNH	20/02/1999	29007100	Toán: 8.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 5.60
PHAN CẨM TÚ	02/10/1999	29027090	Toán: 7.80 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 9.40

NGUYỄN TRỌNG ĐÔNG	22/01/1999	29021663	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ THẢO	20/11/1999	29021310	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN HỮU THẮNG	28/03/1999	29015149	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN HOÀNG ANH	20/07/1999	29009424	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 5.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ MINH THÙY	16/12/1999	29012423	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN NGỌC ÁNH	03/12/1999	29010823	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ THANH	23/02/1999	29005284	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 1.75 GDCD: 6.25 KHXH: 3.83 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN BÁ QUANG	08/10/1998	29017743	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75
PHẠM VĂN HỮU	12/08/1998	29017694	Toán: 7.80 Vật lí: 6.75 Hóa học: 5.75
ĐẬU THỊ NHÂN	19/03/1999	29011735	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM ĐÌNH TIẾN	09/03/1998	29003528	Toán: 1.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.92 Tiếng Anh: 2.80
VÕ HẢI AN	20/12/1999	29017813	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 7.00 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 2.20
HỒ THỊ MINH PHƯƠNG	05/02/1999	29016248	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.20
MAI THẢO TRANG	18/01/1999	29028149	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 3.20
TÔ THỊ THU	01/02/1998	29019805	Toán: 5.60 Vật lí: 3.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.67
NGUYỄN VINH KHÔI	28/07/1999	29007907	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	21/06/1999	29015714	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.80
LÊ HẢI DƯƠNG	21/09/1999	29010322	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 1.80

NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	18/01/1999	29027481	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ CHIẾN	09/09/1999	29005508	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.40
VŨ DUY HẸ	17/02/1998	29017918	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 2.50 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN ĐÌNH THI	18/02/1999	29009922	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.20
DƯƠNG ĐÌNH HÙNG	01/10/1999	29000256	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.60
HOÀNG THỊ NHƯ QUỲNH	19/04/1999	29019961	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.75 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN HOÀNG	01/06/1999	29029935	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 4.60
PHẠM VĂN THÀNH	23/03/1999	29016945	Toán: 6.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN ĐỨC THẮNG	09/08/1999	29005919	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.20
PHÙNG THỊ THỦY	02/05/1998	29013372	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 5.50 KHXH: 4.67 Tiếng Pháp: 2.20
VI THỊ THU HƯƠNG	12/05/1998	29013588	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN HIẾU	22/10/1999	29001367	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ ANH QUỲNH	28/02/1999	29000771	Toán: 9.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.50 Sinh học: 7.25 KHTN: 8.5 Tiếng Anh: 6.80
NGUYỄN NGỌC HOÀNG	18/08/1999	29002388	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN HỒNG QUÂN	24/03/1999	29023991	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN VIỆT AN	23/12/1999	29015387	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.50 KHXH: 8.5 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN HÀ NHI	06/11/1999	29025180	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 1.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 5.40

HỒ THỊ HOÀ	02/03/1999	29014444	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.80
VI VĂN CƯỜNG	18/11/1998	29003062	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 3.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	18/10/1999	29000533	Toán: 9.00 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 8.80
LÊ HẢI NAM	15/12/1999	29027993	Toán: 7.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN VĂN TRUNG	17/07/1999	29028185	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN MINH PHÚC	05/09/1998	29003653	Toán: 2.20 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.25
LANG QUỐC VƯƠNG	09/03/1999	29015362	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.25 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.20
VŨ BÁ TOÀN	15/03/1998	29008466	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.75 GDCD: 4.75 KHXH: 3.83 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN ÂN	07/10/1998	29018356	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.75 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	14/08/1999	29000482	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG THỊ THU	08/08/1998	29002622	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.20
PHẠM NGUYỄN HẢI	05/09/1999	29017203	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.75 GDCD: 8.00 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ HIỀN	08/04/1999	29012047	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.20
PHAN THỊ THANH	18/01/1999	29002084	Toán: 7.20 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ THẢO	28/01/1999	29023342	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN THỊ HÀ	13/09/1998	29001761	Toán: 8.60 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.75
LƯƠNG VĂN HUY	19/08/1998	29013990	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.00

NGÔ VIỆT HOÀNG	24/12/1999	29029010	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 9.25 Địa lí: 9.25 GDCD: 8.75 KHXH: 9.08 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN THỊ MỸ LINH	20/11/1999	29000356	Toán: 6.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 5.60
BÙI XUÂN HỮU	11/03/1998	29022119	Toán: 7.80 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.00
VI THỊ CÚC NHI	08/10/1999	29013675	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.60
CAO VĂN BÌNH	04/05/1997	29005961	Toán: 3.40 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 4.50 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 3.00
ĐINH XUÂN TÙNG	07/02/1999	29015320	Toán: 8.80 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN TIẾN NGỌC	06/05/1999	29022381	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 2.20
LÊ THỊ HUYỀN TRANG	22/01/1999	29027034	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 5.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ BÌNH	04/05/1999	29029732	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.75 KHXH: 8.33 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	07/10/1998	29006049	Toán: 5.60 Vật lí: 3.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.58
NGUYỄN TRỌNG THẮNG	16/03/1999	29002951	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 6.20
TRƯƠNG VĂN HÙNG	02/01/1999	29019453	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN XUÂN TUẤN	03/09/1999	29008482	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG THỊ TRANG	15/05/1999	29022552	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THU HIỀN	14/10/1999	29007619	Toán: 2.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN ĐỨC	26/01/1999	29014367	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN PHÚC ĐẠI	11/01/1999	29004375	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 2.60

NGUYỄN ĐÌNH ĐẠI	12/10/1999	29008661	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.00 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN TUẤN LONG	12/10/1999	29017357	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.00
THÁI BÁ MẠNH	16/08/1999	29018041	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 1.75 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 2.40
MAI THỊ THÙY	21/07/1999	29018959	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.40
LÊ XUÂN CHÍNH	13/10/1999	29028882	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ CẢNH	08/07/1998	29004219	Toán: 7.40 Hóa học: 6.00 Sinh học: 7.00
NGUYỄN THỊ THANH	09/08/1999	29001614	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.40
LÊ THỊ QUỲNH	10/08/1999	29002901	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.92 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.25 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 4.40
PHẠM XUÂN HÒA	26/03/1998	29003872	Toán: 2.80 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.00 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ DIỆU LINH	19/10/1999	29019559	Toán: 5.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 8.00
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	12/03/1999	29002046	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN NHƯ HOÀNG	10/08/1999	29007879	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN LÊ ANH ĐỨC	21/05/1999	29003778	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN VĂN HOÀNG	29/06/1999	29023204	Toán: 8.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 9.75 Hóa học: 9.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 8.17 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN THỊ LÂM UYÊN	03/03/1999	29011182	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 9.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN ĐỨC TRUNG	21/04/1999	29018230	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4 Tiếng Anh: 4.00
DƯƠNG QUỐC CƯỜNG	26/11/1999	29017849	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.58 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 2.60

PHAN MẠNH CƯỜNG	10/06/1999	29025974	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 8.20
TRẦN THỊ THU	08/01/1999	29030734	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG THỊ THU UYÊN	02/02/1999	29012531	Toán: 6.60 Ngữ văn: 8.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 6.50 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 6.20
PHẠM KHẮC MINH TRÍ	08/12/1999	29000870	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.25 KHTN: 2.92 Tiếng Anh: 3.40
VI THỊ MỸ DUYÊN	07/12/1998	29013827	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00
ĐẶNG THỊ SANG	14/04/1998	29010785	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Tiếng Anh: 4.20
DƯƠNG THẾ ANH	23/06/1999	29006834	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.60
BÙI THỊ HẢI YẾN	13/07/1999	29023420	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 8.50 Sinh học: 7.50 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 7.40
NGUYỄN ANH TÚ	02/09/1999	29022608	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 6.00 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 2.40
PHẠM VĂN THẮNG	11/01/1999	29012405	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 1.00
BÙI TIẾN QUANG	07/06/1999	29012317	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 5.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 1.20
NGÔ THỊ LƯƠNG	18/10/1999	29014037	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.80
LÊ THỊ NHUNG	10/05/1999	29001545	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.00
GIẢN THỊ HUYỀN	25/04/1999	29021098	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG THANH THÚY	30/10/1999	29012431	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.00 GDCD: 8.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG THỊ THANH HƯỜNG	15/02/1999	29029509	Toán: 9.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 9.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 4.60
LÔ THỊ HỌA MY	10/09/1999	29014609	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN VĂN SƠN	05/08/1999	29019987	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.80

TRẦN THÁI TUẤN	10/07/1999	29027105	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 3.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN HỒNG VƯƠNG	19/07/1999	29028258	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 6.60
TÔ THỊ BÌNH	10/10/1999	29017838	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 8.25 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 3.20
TRƯƠNG THANH THỦY	15/01/1999	29015201	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 6.20
VŨ THỊ THỦY	10/03/1999	29004659	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.25 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG	06/11/1999	29005071	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 4.20
THÒ BẢ PÓ	22/12/1999	29013693	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.00 GDCD: 6.25 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 2.40
PHẠM THỊ HIỀN	06/02/1999	29027899	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 5.80
NGŨ THỊ THẢO	26/10/1999	29022974	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 5.60
ĐẶNG THỊ PHƯƠNG	04/01/1999	29018113	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 7.60
NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	18/11/1999	29021380	Toán: 7.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 5.20
LANG NHẬT THÀNH	15/02/1999	29014142	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 2.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 1.40
NGUYỄN HỮU THANH	28/04/1999	29022073	Toán: 4.20 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.20
CÙ THỊ ĐỨC	25/10/1999	29015523	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN TUẤN ANH	03/02/1999	29027165	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.80
LANG THỊ LY	16/03/1999	29012828	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.40
LÊ THỊ THÚY HẰNG	20/04/1999	29010383	Toán: 2.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.00

BÙI ĐÌNH CƯỜNG	24/12/1999	29011269	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN THỊ TUYẾN	25/08/1999	29019081	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THÀNH LƯU	28/11/1999	29027978	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 3.00
TRƯƠNG VĂN TÚ	10/04/1999	29012978	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.80
PHAN THÙY DƯƠNG	12/01/1999	29004941	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN VĂN PHÚ	20/04/1999	29013055	Toán: 2.60 Ngữ văn: 2.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 2.25
NGUYỄN THU HÀ MY	03/09/1998	29019146	Toán: 8.80 Ngữ văn: 9.00 Tiếng Anh: 9.00
VŨ ĐÌNH KHƯƠNG	01/07/1999	29004485	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.60
LÊ VĂN DẦN	04/06/1999	29021601	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN VĂN LINH	05/09/1998	29009722	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 1.60
NGUYỄN TƯ ĐỨC	19/05/1999	29021004	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.20
ĐOÀN THỊ PHƯƠNG LY	01/12/1999	29012204	Toán: 8.00 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 8.00
NGÔ THỊ HUỆ	28/03/1999	29019438	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 5.50 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.60
LỮ THỊ LAN	04/10/1999	29008311	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
TRƯƠNG THỊ LY	06/12/1999	29027980	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 2.50 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ NGHĨA	07/09/1999	29030143	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN BÁ PHÚC	18/12/1999	29020403	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.40

NGUYỄN THỊ OANH	05/06/1999	29021219	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 5.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN HỮU THỊNH	09/02/1999	29023516	Toán: 1.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.25
PHAN THỊ THANH THƯƠNG	29/08/1999	29029619	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 7.80
NGUYỄN THẾ LINH	07/02/1999	29005726	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.40
LÔ TRỌNG QUÝ	19/02/1999	29021247	Toán: 2.20 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.00
ĐOÀN TRUNG THẮNG	15/07/1999	29028070	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN VĂN LINH	19/01/1999	29003448	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.08 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 5.00
CAO THỊ LIỄU	25/09/1998	29006453	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.33 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.40
HOÀNG THẾ YÊN	13/03/1996	29025335	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.25
NGUYỄN THỊ VIỆT HẰNG	22/03/1999	29026079	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 9.00
VƯƠNG THỊ TRANG	15/07/1998	29028169	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.50 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.80
HOÀNG VĂN SƠN	01/08/1999	29014740	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ HẰNG	18/01/1999	29003831	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.80
THÁI BÁ TUẤN	07/07/1998	29005393	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 4.75 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 2.40
NGÔ THỊ THƯƠNG	12/09/1998	29020086	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.50 GDCD: 7.50 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.20
BÙI THỊ QUỲNH GIANG	11/09/1999	29029462	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 9.25 Sinh học: 9.50 KHTN: 8.67 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN ĐÌNH QUYỀN	25/02/1999	29014723	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 1.80

NGUYỄN THỊ DUNG	01/05/1999	29010307	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 6.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.40
BẠCH THỊ THẮM	06/02/1999	29016367	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN XUÂN SÁNG	25/01/1999	29007104	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.80
TRỊNH NGỌC DƯƠNG	20/01/1999	29006899	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 5.00 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 2.60
LƯƠNG XUÂN KIÊN	19/01/1999	29030514	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	20/06/1999	29007716	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 2.00
ĐẶNG VĂN LẮM	06/12/1999	29025495	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.40
VÕ NGỌC TRƯỜNG	24/01/1998	29005462	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THẾ TÀI	14/10/1999	29011777	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.00
BÙI THỊ THÙY VÂN	03/03/1999	29005409	Toán: 7.80 Ngữ văn: 9.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 8.20
HOÀNG THỊ THUÝ QUỲNH	30/07/1999	29000770	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 8.80
NGUYỄN GIA ĐỨC	03/07/1999	29001289	Toán: 4.00 Ngữ văn: 1.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.00
VÕ THỊ LIÊN	26/07/1999	29029079	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.25 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ THU TRÀ	02/01/1999	29024606	Toán: 6.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN ĐÌNH KHÁNH	09/04/1999	29004483	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.5 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.00
ĐẶNG THỊ HUYỀN TRANG	29/08/1999	29011098	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN DUY CHUNG	27/02/1999	29028308	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 3.60

NGUYỄN THỊ MINH HIỀN	23/06/1999	29026089	Toán: 9.00 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 10.00
VÕ THỊ KHÁNH LINH	29/10/1999	29010498	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.40
THÁI THỊ NGÀ	28/06/1999	29002024	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ HUYỀN	05/02/1999	29019482	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN KHÁNH LINH	20/09/1999	29025520	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.40
CHU THỊ HÒA	07/08/1999	29003396	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 3 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG TRẦN HÙNG	09/08/1999	29000692	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.83 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.20
NGÂN VĂN THỦY	07/05/1999	29012427	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.20
ĐINH VĂN CÔNG	04/03/1999	29022725	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.40
LO THỊ THẢO	29/11/1999	29025640	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 6.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.60
BÙI ĐỨC ANH	12/05/1999	29012604	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN KHẮC THÀNH ĐẠT	09/07/1999	29002799	Toán: 4.60 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 1.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 2.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.60
TĂNG THỊ HUYỀN	15/10/1999	29000287	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 6.40
NGUYỄN ĐÌNH HUẤN	12/07/1998	29021089	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.60
TĂNG THỊ TƯƠI	25/06/1999	29005403	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.50 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 2.80
ĐẶNG THỊ NGỌC MAI	08/07/1999	29024447	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 6.60
NGUYỄN THỊ THỦY TIỀN	23/10/1999	29027011	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 8.40

NGUYỄN THỊ LAN	28/10/1999	29021860	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.60
HỒ HẢI DƯƠNG	01/02/1999	29016129	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 9.25 Sinh học: 7.00 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 4.40
VI THỊ KHÁNH CHI	20/09/1999	29003053	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ TRANG	23/09/1999	29004729	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ THƯƠNG	21/08/1998	29009040	Toán: 7.60 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.75
VÕ THỊ NGỌC	16/08/1999	29000736	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.58 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 8.60
NGUYỄN AN CHÂU	17/02/1999	29022201	Toán: 9.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 7.25 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 4.40
BÙI THỊ NHUNG	08/01/1999	29004066	Toán: 6.60 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 6.20
HOÀNG THỊ MỸ DUYÊN	05/06/1999	29029792	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ MAI	14/08/1999	29010519	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.60
PHAN VĂN DŨNG	13/04/1999	29017143	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.00
TRƯƠNG TRUNG NGHĨA	15/10/1999	29014634	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.40
ĐỖ THÀNH ĐẠT	13/09/1999	29012693	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN HỮU CÔNG	12/06/1999	29010285	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 6.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.40
LÔ THỊ VÂN LY	15/02/1993	29020908	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.50
NGUYỄN THỊ LY	23/08/1999	29006491	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 3.60
HỒ ĐĂNG KHOA	03/07/1999	29017311	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.20

PHẠM THỊ CHUNG	24/12/1999	29011595	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ NHẬT QUYÊN	10/03/1999	29013314	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 9.00 Hóa học: 9.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 7.75 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ TRANG	15/08/1998	29022565	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 9.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN THỊ LAN	27/03/1999	29017320	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN VĂN CÔNG	14/01/1999	29005973	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75
NGUYỄN THỊ TRINH	28/09/1999	29030844	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.67 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 7.20
NGUYỄN NGỌC QUỐC CƯỜNG	16/06/1999	29002253	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN SỸ HOÀNG NAM	12/06/1999	29025153	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 6.25 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 5.80
LÊ THỊ HƯƠNG	12/09/1999	29015711	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.60
LÊ THỊ YẾN	07/12/1999	29011226	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ ANH PHƯƠNG	11/10/1999	29024841	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.17 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25
TRẦN THỊ HÀ	06/01/1999	29015555	Toán: 9.00 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 9.00
TRƯƠNG TUẤN NGHĨA	09/04/1999	29005182	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN VĂN KHOA	20/01/1998	29015728	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.80
LÊ VĂN ĐỨC	19/04/1994	29025259	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.50
NGUYỄN THỊ HẢI LY	02/01/1999	29002484	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 4.60
HOÀNG THỊ AN	06/10/1999	29027145	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.20

VÕ HOÀNG PHI	11/02/1999	29007074	Toán: 3.00 Ngữ văn: 1.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ HẠNH	14/06/1999	29026062	Toán: 7.20 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 8.20
NGÔ THỊ KIM ANH	03/05/1999	29004873	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 5.00
PHẠM ĐÌNH DŨNG	15/04/1998	29006299	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.17 Tiếng Anh: 3.20
LÊ THỊ LINH	21/12/1999	29022863	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 8.00
NGUYỄN ANH TUẤN	16/08/1999	29019060	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 9.25 GDCD: 7.50 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ ÁNH	06/02/1999	29001224	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ HẰNG	05/05/1999	29003127	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.40
LƯU THỊ KIỀU HƯNG	20/06/1999	29003165	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ LƯƠNG	26/08/1999	29018587	Toán: 2.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN ĐÌNH TẤN	22/08/1999	29009891	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ QUỲNH NGÂN	03/06/1999	29007358	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN THỊ AN	20/02/1999	29022693	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ MƠ	20/08/1999	29022367	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 4.20
PHẠM ĐÌNH TOÀN	03/06/1998	29012946	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.20
HOÀNG THỊ THANH NGÀ	26/09/1999	29027470	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 6.60
LẦU Y NO	04/11/1982	29008560	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.75

VÕ VĂN HÀO	09/11/1999	29005602	Toán: 3.20 Ngữ văn: 2.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.20
ĐẬU THỊ NGÀ	27/09/1999	29015891	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ LIỆU	10/07/1999	29015777	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.80
TRẦN XUÂN KHÁNH	06/10/1999	29028485	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.80
SẦM THỊ TRANG	02/02/1999	29015253	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.00
PHAN THỊ TUYẾT	21/08/1999	29028783	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 3.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	15/01/1999	29016951	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.50 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 5.20
HỒ THỊ HIỀN	24/10/1999	29016621	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 4.20
LỖ BÁ ĐÀ	10/06/1999	29013500	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.25 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HÀ VI	22/12/1998	29008580	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3 Tiếng Anh: 6.00
LÝ NGỌC CHÍNH	07/02/1999	29024179	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 4.50 KHXH: 3.58 Tiếng Anh: 3.40
LÊ BÁ TUY	04/12/1999	29016523	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ CHI	18/12/1999	29000947	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 2.25 KHTN: 2.67 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75
HỒ SỸ THÁI	14/11/1998	29011779	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN THỊ LÂM OANH	26/07/1999	29022399	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN TRỌNG TÙNG	28/09/1997	29023528	Toán: 6.20 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.75
VÕ THỊ LỄ	30/04/1999	29014528	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.80

NGUYỄN THỊ THÀNH	20/06/1999	29030648	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 4.40
PHẠM THỊ MƠ	24/05/1999	29004534	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ SƯƠNG	26/03/1999	29027584	Toán: 3.80 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.80
PHÙNG THẢO LINH	06/09/1999	29002469	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 2.25 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN THỊ SẮC	25/12/1999	29005875	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ LAN	15/02/1999	29018004	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.20
HỒ THỊ HIỀN	28/02/1999	29017225	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN THỊ NGỌC	27/06/1998	29027486	Toán: 1.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.40
LÊ HOÀNG NHẬT KHÁNH	17/01/1999	29023818	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 8.40
ĐẶNG VĂN MÃO	08/10/1999	29001501	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.80
BIỆN THỊ LINH TRANG	05/11/1999	29007162	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.80
NGÔ THỊ TÚ ANH	24/10/1999	29023560	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.60
TẠ VĂN KIỀU	02/02/1999	29028490	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.00
HOÀNG THỊ DUNG	05/09/1999	29006292	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ HƯƠNG	21/02/1999	29022841	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 6.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ MAI	16/04/1999	29030546	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 2.60
THẨM THỊ HÀ	16/01/1999	29024268	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 7.60

NGUYỄN DOÃN NAM	20/08/1999	29023269	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	07/06/1999	29028151	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN PHÚ	16/05/1999	29019928	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 9.25 Địa lí: 9.50 GDCD: 9.25 KHXH: 9.33 Tiếng Anh: 3.20
VÕ VĂN CHỨC	15/06/1999	29002242	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN NGỌC CHIẾN	08/08/1999	29017845	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 3.42 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 6.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.20
LÊ ĐẶNG LÂM OANH	12/06/1999	29002871	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 2.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 7.25 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 4.40
HOÀNG TRUNG THÔNG	24/05/1999	29013366	Toán: 7.60 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.58 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 3.00 GDCD: 4.75 KHXH: 3.92 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ HƯƠNG	21/01/1999	29017302	Toán: 4.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.75 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 5.00
TRẦN THỊ HÀ	10/10/1999	29017196	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ NGỌC QUỲNH	20/02/1999	29011027	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 3.80
LÊ SỸ HÙNG	11/04/1999	29015677	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 5.50 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN THỊ TRÍ	09/10/1999	29016490	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.00 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG VĂN THƯƠNG	10/06/1999	29015208	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 5.25 KHXH: 3.92 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ HÒA	22/07/1999	29007869	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.08 Tiếng Anh: 2.20
LU VĂN DUYỄN	12/07/1999	29013900	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.50 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ THƯƠNG	26/12/1999	29028116	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ XOAN	15/06/1999	29011217	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 4.00

TRẦN BÁ SÁNG	16/03/1999	29017477	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN THỊ NGỌC LÂM	30/07/1999	29022858	Toán: 9.00 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 8.20
VÕ THÀNH TÀI	23/02/1999	29011046	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 6.00
LO THỊ TÚ	10/06/1999	29025779	Toán: 1.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.20
NGÔ THỊ HƯƠNG MƠ	02/01/1999	29012229	Toán: 7.20 Ngữ văn: 9.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.25 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 9.25 GDCD: 8.50 KHXH: 8.33 Tiếng Anh: 5.80
LÊ THỊ ĐIỂM	20/02/1998	29005560	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 1.80
LÊ VĂN LINH	27/04/1999	29015787	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.20
PHẠM THỊ THƯƠNG HOÀI	05/01/2000	29026121	Toán: 9.00 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 9.20
NGUYỄN ANH THƯƠNG	17/06/1999	29015212	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.40
HOÀNG THỊ BÍCH NGỌC	15/02/1999	29004042	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.25 GDCD: 5.00 KHXH: 3.67 Tiếng Anh: 3.40
THÁI ĐẮC SANG	20/08/1999	29000775	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN TRỌNG HIẾU	12/09/1999	29009587	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.60
XEO VĂN HẰNG	10/10/1999	29008269	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 2.80
HỒ THỊ TRÀ MY	05/10/1999	29027460	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ KIM LIÊN	30/10/1999	29002736	Toán: 3.00 Ngữ văn: 2.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 1.75 KHTN: 2.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.50
TRẦN THỊ HIỀN	08/03/1999	29019378	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ HẰNG	08/05/1999	29029885	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.20

LƯU VIẾT HOÀNG	23/04/1999	29022287	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 4.60
BÙI THANH HUYỀN	28/08/1999	29000270	Toán: 8.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 8.80
NGUYỄN ĐÌNH MẠNH	12/10/1999	29005145	Toán: 8.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ THƯƠNG	23/11/1999	29008981	Toán: 4.80 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 9.25 GDCD: 8.25 KHXH: 8.83 Tiếng Anh: 5.00
VÕ VĂN LÂM	06/02/1999	29005094	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ TRANG	23/08/1999	29002133	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 7.80
HỒ QUỐC HUY	06/09/1998	29024777	Toán: 4.20 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.00
VÕ THỊ LY	20/03/1999	29003451	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 2.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.75 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 5.75 KHXH: 3.67 Tiếng Anh: 1.80
PHẠM NGỌC BẢO	06/08/1998	29024716	Toán: 4.40 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.50
NGUYỄN THỊ HOÀI	26/08/1999	29019709	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.75
LỮ TRỌNG HIẾU	03/11/1999	29025039	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 4 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN NHẬT ANH	08/09/1998	29014751	Toán: 8.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.25
NGUYỄN SỰ HOÀNG DŨNG	07/09/1999	29009498	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 7.75 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN BÁ NGHĨA	15/08/1999	29028559	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 4.00
HỒ THỊ QUÝ	11/11/1999	29030236	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 4.50 KHXH: 4 Tiếng Anh: 3.20
MOONG THỊ TUẤT	01/11/1999	29008483	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ THANH BÌNH	10/06/1999	29026736	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 2.00 KHTN: 2.67 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.00
KHA VĂN MAY	03/10/1998	29008354	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.25 GDCD: 5.00 KHXH: 3.58 Tiếng Anh: 3.40

PHAN THÀNH NGUYỄN	13/05/1999	29005188	Toán: 5.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN NGỌC	02/09/1999	29030148	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.20
HỒ THỊ HOÀ	10/07/1999	29015626	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.80
HỒ HỮU THỨC	15/03/1999	29016442	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.60
PHẠM THỊ BÌNH	09/09/1999	29030388	Toán: 9.00 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 9.00 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 4.60
PHAN THỊ QUYÊN	12/01/1999	29022022	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN NGỌC HẠNH	22/03/1999	29021706	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.00
PHAN THỊ GIANG	12/11/1999	29006332	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.33 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN SỸ TRUYỀN	27/05/1998	29019819	Toán: 2.40 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.25
LÊ THỊ SEN	01/06/1999	29016923	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 3.80
ĐẶNG THỊ LÝ	15/03/1999	29002488	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM THỊ NGỌC ÁNH	30/10/1999	29010825	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 2.80
ĐẶNG THỊ HUYỀN	18/12/1999	29026174	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 8.75 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN QUANG THÀNH	20/09/1999	29001622	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.80
HỒ THỊ THANH	13/06/1999	29016336	Toán: 8.40 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 6.60
TRẦN QUANG HUY	02/07/1999	29003913	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN TRUNG KIÊN	28/06/1999	29009679	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 3.40

NGUYỄN CÔNG LĨNH	21/02/1999	29000712	Toán: 6.80 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.83 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.80
ĐẶNG THỊ MINH HÒA	09/04/1999	29026117	Toán: 8.00 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 9.40
TRẦN NGUYỄN CANH	01/11/1999	29005966	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.50
TRẦN NGỌC TIẾN	18/08/1995	29016028	Toán: 3.20 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.75
PHẠM VĂN GIANG	08/02/1999	29005579	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ THỎA	19/05/1999	29022464	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM VĂN LỰC	22/06/1999	29007339	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.25 Hóa học: 9.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HIỀN	15/05/1999	29028976	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 3.50 GDCD: 6.00 KHXH: 3.92 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN THÀNH	26/06/1996	29002763	Toán: 3.20 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.00
ĐẬU NGỌC TRÂM	30/08/1999	29016487	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5 Tiếng Anh: 5.80
VƯƠNG THỊ UYÊN	02/01/1998	29027798	Toán: 6.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 7.50
VÕ VIỆT CƯỜNG	19/05/1998	29019665	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ NGỌC	28/10/1999	29000433	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	10/12/1999	29000045	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 5.25 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 1.60
HỒ THỊ THUÝ	05/05/1999	29016423	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.40
LÊ THỊ THỦY	17/09/1999	29013370	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 4.80
TRẦN THỊ TRANG	26/10/1999	29013777	Toán: 2.80 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 4.00
BÙI THẾ ANH	25/09/1997	29027625	Toán: 9.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.00

NGUYỄN THỊ HOA	20/10/1999	29009595	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.25 KHXH: 8 Tiếng Anh: 5.40
NGÔ XUÂN LỘC	23/03/1999	29018031	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.67 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 6.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.40
TRƯƠNG CÔNG HUỲNH	29/09/1999	29027373	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 1.60
TĂNG TIẾN TRƯỜNG	06/04/1999	29028764	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG TUẤN MẠNH	20/01/1999	29024455	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN BÁ THẮNG	24/12/1999	29011505	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
LÔ VĂN HIẾU	16/11/1999	29012059	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.33 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN SAN	17/02/1999	29006143	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.25
PHAN VĂN HOÀN	08/03/1999	29023196	Toán: 9.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 8.75 Hóa học: 10.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 8 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ THẢO	31/08/1999	29000803	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 1.50 KHTN: 3 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ THUYẾT NGÀ	24/08/1999	29026890	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 2.25 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 2.92 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN CẢNH HUY	09/10/1999	29000696	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 7.08 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN DUY DŨNG	03/02/1999	29020235	Toán: 9.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ NGỌC THẢO	21/09/1999	29002598	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.80
VI VĂN LUẬN	09/07/1999	29014560	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.00
LƯƠNG VĂN TRỌNG	06/11/1999	29015278	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.80
MAI LONG NHẬT	07/01/1999	29013271	Toán: 9.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 4.20
LÊ THỊ THU GIANG	26/02/1999	29019690	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00

VÕ THỊ CẨM NHUNG	11/03/1999	29022393	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.40
PHAN ĐĂNG LONG NHẬT	14/04/1999	29030168	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN PHÚC	19/05/1999	29030199	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG THỊ TRÂM ANH	26/10/1999	29024905	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 6.00 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 6.00
ĐÀO CÔNG AN	12/05/1998	29000001	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN HOÀNG ANH DŨNG	27/12/1999	29023649	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN BÁ TUYẾN	20/11/1999	29023071	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 9.50 GDCD: 8.00 KHXH: 8.58 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN ĐÌNH TÚ	15/05/1999	29018237	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.25 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN XUÂN NAM	08/01/1999	29024474	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.33 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.40
LÊ THỊ LINH	09/11/1999	29001460	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN TẤN DŨNG	03/04/1999	29024207	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ HUYỀN	30/10/1999	29003157	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ CÚC PHƯƠNG	04/08/1999	29000484	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN KIM NGÂN	19/11/1999	29026891	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.17 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 7.00
PHAN ANH TUẤN	18/09/1999	29024669	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.00 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN HỮU PHÚC	01/04/1998	29010157	Toán: 7.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.75 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN QUỐC CƯỜNG	11/09/1999	29000078	Toán: 8.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 3.60

NGUYỄN THỊ HẠNH	19/08/1999	29027289	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.60
HOÀNG NGỌC ÁNH	19/02/1999	29025914	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 6.80
TRẦN THỊ HÀ	01/05/1999	29030435	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.25 Hóa học: 9.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THẾ NAM	17/07/1999	29001515	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.40
TRƯƠNG HOÀNG NIN NIN	15/01/1999	29002542	Toán: 2.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN TIẾN DŨNG	09/05/1999	29011278	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.60
TRƯƠNG THỊ MAI	16/05/1999	29014595	Toán: 2.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.40
THÁI TRÀ GIANG	03/07/1999	29030429	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 4.20
ĐẬU THỊ ĐỨC HIỀN	03/05/1999	29011313	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.60
PHAN NHẬT TÂN	02/10/1998	29020000	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 9.75 GDCD: 7.25 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN TRUNG CHÍNH	30/09/1999	29023629	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 5 Tiếng Anh: 9.60
LÊ MINH ĐỨC	11/04/1999	29003775	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 4.20
CHU THỊ THÚY	23/06/1998	29019808	Toán: 6.80 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 6.20
ĐOÀN LAN ANH	18/09/1999	29029420	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 6.80
LÊ KHẮC QUÂN	25/11/1999	29016903	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN THÙY LINH	27/01/1999	29008809	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.40
TRƯƠNG THỊ YẾN	23/10/1999	29003606	Toán: 1.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.20

NGUYỄN ĐĂNG KHOA	27/04/1999	29027389	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 1.60
PHAN NGUYỄN THỰC TRINH	17/08/1999	29007453	Toán: 7.80 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 6.25 KHTN: 6 Tiếng Anh: 6.00
LÊ THỊ MỸ LINH	30/07/1999	29000344	Toán: 1.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.80
LỖ BÁ GIỜ	08/05/1998	29008252	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 2.25 GDCD: 3.75 KHXH: 2.92 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ KIM THOA	20/05/1999	29018178	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 6.20
TRẦN THỊ LINH	18/06/1999	29029531	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 6.75 KHTN: 6 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN THỊ HẰNG	19/08/1999	29018780	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 8.75 Sinh học: 7.75 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 5.40
PHAN VĂN KHA	19/01/1999	29007312	Toán: 6.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.60
KIM THỊ NHƯ THẢO	22/02/1999	29025638	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 9.25 GDCD: 7.75 KHXH: 8.58 Tiếng Anh: 5.00
HỒ VĂN QUANG	22/06/1990	29027726	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25
HỒ THỊ LAN ANH	27/11/1999	29015394	Toán: 9.00 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 8.80
TẶNG VĂN SINH	25/08/1999	29028632	Toán: 8.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 8.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ NGÀ	08/01/1998	29021933	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.80
CAO ĐẠT	23/12/1999	29006316	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ MAI	23/05/1999	29001493	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.20
PHẠM TRẦN THU HOÀI	16/01/1999	29003137	Toán: 3.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 9.25 Địa lí: 9.75 GDCD: 8.50 KHXH: 9.17 Tiếng Anh: 4.60
LÊ BA CỬU	25/04/1999	29017856	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 2.25 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 4.60

NGUYỄN THỊ DUNG	02/04/1999	29021611	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.20
PHẠM NGUYỄN THẮNG	19/12/1999	29007993	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 2.60
LÊ THỊ LÂM	28/12/1999	29020329	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 3.20
CHẾ VŨ HUY HOÀNG	02/09/1999	29026798	Toán: 9.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 9.50 Hóa học: 10.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 8.33 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 6.20
LÊ NGỌC THÀNH	04/03/1999	29008125	Toán: 1.00 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.08 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50
PHẠM XUÂN MẠNH	20/05/1998	29021909	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.40
ĐINH VĂN THÀNH	12/08/1999	29008937	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.25 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 2.00
HÀ THỊ LY	25/08/1998	29013631	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN MINH HOÀNG	27/09/1999	29023763	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN CHÍ CÔNG	24/04/1999	29017124	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN THỊ MAI	12/03/1999	29015847	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 4.20
HOÀNG THỊ XUÂN LINH	30/04/1999	29005724	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.40
LANG THỊ HỒNG	02/09/1998	29012081	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.00
CHU VĂN KỲ	20/02/1999	29002451	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.20
HỒ TỔ TRƯỜNG	27/02/1999	29015288	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.40
BÙI QUỐC BẢO	08/01/1999	29022193	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ LÊ	04/03/1999	29005096	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 5.50 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.00

PHẠM THỊ HẢI PHƯƠNG	23/05/1999	29004098	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.40
TẠ ĐÌNH DUẤN	12/08/1998	29028319	Toán: 2.20 Ngữ văn: 1.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 5.75 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.00
CAO VĂN THÁI	01/02/1999	29005900	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 5.25 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 1.60
PHAN THỊ HƯƠNG	24/09/1999	29011369	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.60
XÊNH THỊ NHƯ	14/04/1999	29020760	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.25 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HẠNH	04/12/1999	29017906	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 3.40
TRƯƠNG TUẤN ĐẠT	04/12/1999	29023672	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 8.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN THỊ LINH TRANG	22/09/1999	29011118	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG MINH THÔNG	27/03/1999	29011792	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 5.20
TRẦN ĐỨC LINH	02/02/1999	29004506	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.17 Tiếng Anh: 3.20
VÕ CÔNG GIANG	15/06/1999	29006920	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.80
LÊ TÙNG LÂM	23/06/1995	29027690	Toán: 8.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.75
HOÀNG THỊ TÚ	14/08/1999	29028199	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.80
CAO ĐĂNG THẮNG	09/11/1999	29006173	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75
NGUYỄN THỊ THU HẠNH	01/06/1999	29017209	Toán: 5.60 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 8.80
LƯƠNG THỊ DANH	16/08/1999	29005518	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.60
HỒ ĐỨC THẮNG	29/09/1998	29017762	Toán: 6.40 Vật lí: 6.00 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ QUẾ ANH	20/12/1999	29002202	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 1.80

NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	31/05/1999	29024574	Toán: 6.40 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN THỊ MINH THU	27/03/1998	29026695	Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 9.25 Địa lí: 9.75
NGUYỄN ĐÌNH SÁNG	24/06/1999	29002058	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN HUY	01/04/1999	29027925	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.42 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN NGỌC SÁNG	21/01/1999	29027736	Toán: 1.60 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.00
NGUYỄN KHÁNH LINH	19/07/1999	29026855	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Pháp: 7.80
CAO ĐỨC THƯỜNG	09/09/1998	29006653	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ NGUYỄN	21/01/1999	29014647	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.80
VŨ VĂN SANG	15/09/1999	29019976	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 5.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN TRUNG THIÊN	23/08/1999	29025672	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.92 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.00 GDCD: 2.50 KHXH: 3 Tiếng Anh: 5.60
ĐINH VĂN ĐỨC	24/12/1999	29001286	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.80
LÔ THỊ LINH NHÂM	26/04/1999	29014652	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ LOAN	11/10/1998	29010500	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ BÍCH	25/01/1999	29018732	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.83 Tiếng Pháp: 3.40
NGUYỄN NĂNG AN	12/02/1999	29002189	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.17 Tiếng Anh: 3.80
BÙI THỊ HẠNH	23/06/1999	29003813	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ THÙY DUNG	28/05/1999	29020979	Toán: 9.20 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 4.00

TRẦN MINH TÚ	04/08/1998	29027785	Toán: 6.20 Vật lí: 6.75 Hóa học: 5.00
NGUYỄN THỊ TỊNH	27/09/1999	29028134	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN THỊ HIỆP	15/02/1999	29007865	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.92 Tiếng Anh: 3.60
TRƯƠNG NGỌC THUẬN	16/08/1999	29025696	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.75 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ GÁI	17/07/1999	29021679	Toán: 4.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THANH TUẤN	28/01/1999	29024124	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.25 Hóa học: 9.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN VĨNH SƠN	10/11/1999	29030268	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.80
NGÔ THÁI HOÀNG	22/11/1999	29007877	Toán: 4.20 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN NHẬT QUÂN	20/10/1999	29004581	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN TÚ	23/10/1997	29016045	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.25
PHẠM THỊ HÀ	03/01/1999	29001306	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN NĂNG THÔNG	24/09/1999	29002958	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN SÂM	08/09/1998	29006150	Toán: 3.20 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.50
PHAN THỊ LAN	02/01/1999	29008793	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN TRỌNG LONG	11/10/1998	29001054	Toán: 8.80 Hóa học: 9.50 Sinh học: 9.75
HOÀNG NGHĨA ĐẠT	01/09/1999	29024738	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.00
NGUYỄN TRỌNG LINH	19/09/1999	29020341	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 7.75 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 2.60
ĐINH XUÂN HIẾU	27/03/1999	29009583	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 1.60

NGUYỄN CẢNH LỰC	21/06/1999	29000372	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HIỀN	01/03/1999	29019371	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.40
ĐẬU THỊ NGÀ	24/12/1999	29029138	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN TRUNG HIẾU	26/06/1999	29000205	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 1.80
CAO VĂN HUY	19/05/1998	29004247	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 8.25 Lịch sử: 8.75
NGUYỄN VĂN DIỄN	29/05/1999	29024729	Toán: 1.60 Ngữ văn: 2.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 1.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.42 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.75
TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG	13/09/1999	29030216	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 3.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 4.00
ĐẶNG THÀNH CÔNG	23/02/1999	29004912	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN HƯNG SƠN	04/06/1998	29022144	Toán: 6.20 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.50
HOÀNG HÀ VINH	10/09/1999	29026586	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 9.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 2.20
HOÀNG TRẦN VIỆT AN	24/11/1999	29015383	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 5.80
LÊ THI NHUNG	06/01/1999	29005810	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN KHIÊM	03/03/1999	29010912	Toán: 9.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 9.25 Sinh học: 8.00 KHTN: 8.42 Tiếng Anh: 4.80
LÊ TIẾN ANH	19/06/1995	29027627	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50
HỒ SỸ ĐỨC	27/09/1999	29006911	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN BÁ ANH	18/12/1999	29000021	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 5.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ HUYỀN	15/09/1999	29018515	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ LAN ANH	26/07/1999	29008601	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.00

PHẠM VĂN HOÀI	12/07/1999	29005649	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 1.20
LÊ THỊ LIÊN	26/07/1998	29002735	Toán: 3.40 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.00
VI THỊ THƠ	15/04/1999	29003305	Toán: 1.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 5.75 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 1.40
NGUYỄN THỊ THANH	21/08/1999	29023334	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 6.50 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 4.80
VI THỊ NHÂN	16/05/1999	29003225	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM THỊ LÀI	14/05/1999	29028493	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 5.00
HỒ SỸ HOÀNG	14/07/1999	29016658	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.58 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 3.20
LƯƠNG TUẤN ANH	10/06/1999	29003035	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.00 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN ĐÌNH ANH	16/06/1999	29010244	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM THỊ VÂN	11/08/1999	29004823	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG	10/01/1999	29007283	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM LÊ TÂY	24/09/1999	29004620	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN XUÂN CHUNG	02/05/1999	29029437	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ KIM CÚC	02/10/1999	29015459	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN THAO	27/09/1999	29018158	Toán: 7.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 3.40
HỒ THỊ LY	06/02/1999	29015025	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN THẮNG	03/01/1999	29028076	Toán: 6.80 Ngữ văn: 2.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.08 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.60

PHAN THANH CAO	16/09/1999	29014308	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG VĂN TRƯỜNG	10/05/1999	29001705	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 6.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 5.80
LÊ VƯƠNG HÀ	04/06/1999	29026045	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 7.60
TRẦN PHÚC TÙNG ANH	21/07/1999	29000033	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 3.20
CAO THỊ HẰNG	17/01/1999	29000163	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ DUYÊN	21/07/1999	29019276	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 3.20
NGÔ ANH QUÂN	02/01/1999	29005232	Toán: 9.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 10.00 Sinh học: 9.50 KHTN: 9.17 Tiếng Anh: 6.80
NGUYỄN CHI MÂN	14/04/1999	29001074	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 3.33 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.25
TRỊNH ĐỨC HIẾU	12/11/1999	29023187	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 3.60
PHAN ĐĂNG LƯU	15/08/1992	29029372	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.25 Tiếng Trung: 7.20
CAO XUÂN HÙNG	01/01/1999	29005043	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.40
VÕ QUANG TRƯỜNG	01/01/1999	29006215	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25
HỒ VĂN ĐẠT	08/01/1999	29017160	Toán: 1.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 5.75 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN XUÂN CÔNG	18/09/1999	29000072	Toán: 9.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN VĂN THÀNH	01/02/1998	29016348	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN ĐỨC TÙNG	10/12/1998	29009366	Toán: 3.60 Ngữ văn: 1.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 1.75 GDCD: 5.75 KHXH: 3.67 Tiếng Anh: 2.00
TRẦN QUỲNH ANH	03/12/1999	29005484	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 9.60

ĐẬU TRỌNG DUY	27/11/1999	29029787	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM THỊ HOÀI LINH	04/04/1999	29017347	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.40
VI VIỆT ANH	08/09/1999	29013869	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.25 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM THỊ THẢO ANH	10/09/1999	29010250	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ NHUNG	29/06/1999	29017433	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG THỊ MAI	08/01/1999	29010956	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 3.40
BÙI THỊ THƯƠNG	03/07/1999	29004672	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN HỮU BÁ	03/11/1999	29000637	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 2.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.83 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.40
PHẠM VĂN HOÀNG	21/01/1999	29021793	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 9.25 GDCD: 8.50 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM VĂN HIẾU	14/02/1999	29004431	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN HỒNG LƯU	12/08/1999	29013219	Toán: 7.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.00
VÕ THỊ NGÀ	10/02/1999	29006515	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 8.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 8.60
NGUYỄN ĐÌNH MẠNH	03/10/1999	29000720	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.08 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.40
LÊ NHỰ TUẤN ANH	30/04/1999	29022695	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 3.20
CAO VĂN HIẾU	01/05/1999	29005636	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN NGỌC HOÀNG	27/07/1991	29025270	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 8.00
LÊ THỊ Tú Uyên	20/10/1999	29012991	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.40

NGUYỄN THÁI HOÀI THƯƠNG	08/11/1999	29025718	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 5.20
TRẦN VĂN BẢO	15/02/1999	29018357	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 9.25 GDCD: 8.50 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN HỮU QUANG TRƯỜNG	08/08/1999	29002658	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.80
ĐINH THỊ MỸ LINH	09/05/1999	29019534	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 6.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 5.00
HỒ QUANG PHÚC	07/10/1999	29013289	Toán: 9.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 10.00 Sinh học: 9.50 KHTN: 8.33 Tiếng Anh: 5.80
CAO THỊ THẢO VY	02/10/1999	29010027	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 9.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.40
KIỀU VĂN SƠN	28/08/1999	29004134	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 7.00
LÃNH VĂN MỪNG	01/01/1999	29025146	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 3.80
LÊ THỊ TÚ UYÊN	15/02/1999	29009377	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	22/12/1999	29007305	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.17 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.60
LÊ VĂN SỸ	08/03/1998	29026679	Toán: 8.60 Vật lí: 8.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ NGÂN	01/08/1999	29030575	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 9.00 Hóa học: 9.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 5.20
KHA MẠNH CƯỜNG	20/09/1999	29003060	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 2.75 GDCD: 5.25 KHXH: 3.5 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ TRÀ NY	01/09/1999	29009804	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN KHÁNH VY	20/11/1999	29024152	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 7.80
HÀ THANH ĐẠT	09/01/1999	29014348	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.40
ĐẶNG THỊ NHIÊN	13/02/1999	29008863	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.80

HOÀNG VĂN LƯU	05/08/1999	29007027	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.75 GD&CD: 8.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.20
LÊ NGỌC THẠCH	02/03/1999	29013334	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.17 Tiếng Anh: 2.80
ĐÀO THỊ BÉ	16/09/1999	29013474	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GD&CD: 8.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.00
PHAN ĐÌNH LUẬT	30/12/1997	29019744	Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 9.50 Địa lí: 9.25
HỒ HUY HOÀNG	19/05/1999	29022286	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ QUỲNH THU	17/03/1999	29028110	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.25 GD&CD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 5.60
PHẠM NGỌC THÁI DƯƠNG	06/09/1999	29024220	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.25 Hóa học: 2.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.5 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GD&CD: 6.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 4.40
ĐẬU THỊ TÚ NHÂN	17/06/1999	29004059	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.75 GD&CD: 7.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN THỊ AN	02/04/1999	29020925	Toán: 8.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.50 GD&CD: 8.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 8.40
NGUYỄN VĂN LỢI	25/08/1998	29030071	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.00 GD&CD: 8.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.20
ĐẶNG TỔ THẮNG	14/08/1998	29025661	Toán: 1.80 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.08 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 2.50 GD&CD: 5.25 KHXH: 3.83 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN VĂN MẠNH	08/09/1999	29019600	Toán: 3.80 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GD&CD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ MỸ LỆ	23/11/1998	29011382	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GD&CD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN THỊ LÊ NA	20/10/1999	29024815	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 1.50 KHTN: 2.58 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 3.00
NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	26/06/1998	29006696	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GD&CD: 9.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN HÙNG	30/05/1998	29022115	Toán: 6.40 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.50
LÊ HUY SANG	12/07/1999	29011478	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GD&CD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.60

HOÀNG THỊ CẨM TÚ	22/08/1999	29002993	Toán: 4.80 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 0.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.42 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ HUYỀN	23/03/1998	29019720	Toán: 8.20 Vật lí: 3.00 Hóa học: 9.00 Sinh học: 8.75 KHTN: 6.92
LÝ THỊ HOA	26/03/1999	29015623	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ THẢO	11/05/1999	29021309	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.80
BÙI VĂN HẢI	28/08/1995	29027660	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.50
NGUYỄN THỊ TRẦM	23/03/1999	29000868	Toán: 9.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.50 Sinh học: 6.00 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 7.40
VÙ BÁ CHÀY	08/09/1999	29013479	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 4.75 KHXH: 3.92 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN VĂN QUANG	11/10/1999	29004572	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ MINH HIỀN	03/09/1999	29019379	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN ĐÌNH ĐÔNG	19/07/1998	29002291	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN THÁI	22/02/1999	29008931	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ HỒNG	08/03/1997	29010738	Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.75
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	19/03/1999	29027533	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.80
NGÔ THÀNH TRUNG	24/08/1999	29015281	Toán: 5.40 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 1.80
LƯƠNG MINH TRÍ	20/09/1999	29003543	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.40
LÊ VŨ VIỆT AN	06/11/1999	29025856	Toán: 7.00 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 9.60
NGUYỄN MINH TRANG	21/07/1999	29026543	Toán: 9.00 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 3.60

NGUYỄN THỊ THƯƠNG	30/03/1999	29021353	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.00
TRƯƠNG THỊ GIANG	13/10/1999	29015544	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 6.20
LÔ THỊ KIM NGUYỄN	14/09/1999	29020734	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.40
VÕ ĐỨC CÔNG	01/01/1999	29004913	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 5.75 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN NGUYỄN CHƯƠNG	21/01/1998	29021589	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG THỊ DUYÊN	02/01/1999	29006889	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 5.20
VÕ VĂN THÀNH	22/02/1999	29005908	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.00
TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO	28/09/1999	29012395	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.5 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ HỒNG THƠM	01/03/1999	29022475	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 9.00 KHTN: 8.17 Tiếng Anh: 5.60
ĐẬU HOÀNG ĐẠT	13/11/1999	29010847	Toán: 9.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 9.25 Hóa học: 10.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 3.60
VI THỊ PHƯƠNG	17/09/1999	29020776	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.00 GDCD: 4.00 KHXH: 3.33 Tiếng Anh: 2.40
THÁI VĂN HOÀNG	20/09/1999	29001942	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 4.00
NGÔ THỊ THU	28/04/1999	29022481	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ LỰA	24/03/1999	29028524	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 8.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ HIỀN	21/08/1999	29028399	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN VĂN LỰC	22/04/1999	29016784	Toán: 8.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 6.00 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 3.20
TRƯƠNG VĂN BẰNG	29/07/1999	29014300	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.20

LÊ HOÀI NAM	08/05/1999	29030563	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 1.75 Hóa học: 2.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 2.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GD&CD: 6.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.60
HÀ THỊ HOÀNG	20/10/1999	29010416	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GD&CD: 6.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.80
LÊ ĐỨC VIỆT	29/04/1999	29006242	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50
NGUYỄN VĂN PHÚC	08/08/1993	29021494	Toán: 7.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 8.50
NGUYỄN VĂN THẮNG	09/08/1999	29013359	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.67 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GD&CD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.00
LÊ THỊ NGỌC LAN	23/12/1999	29012150	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 4.00
HỒ THỊ ÁNH	09/09/1999	29019200	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 7.25 GD&CD: 8.50 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 3.00
PHAN KIM SỸ	27/01/1999	29004610	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 3.40
TRƯƠNG THỊ THANH HIỀN	21/08/1999	29010400	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GD&CD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN BÁ TÙNG	01/07/1999	29016522	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.50 GD&CD: 5.50 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.00
THÁI ĐÌNH ĐỨC	01/07/1999	29030423	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN BÁ LỘC	16/01/1999	29018581	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GD&CD: 7.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.60
NGÔ GIANG NAM	26/11/1996	29021490	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.50
NGUYỄN THỊ THÚY	09/09/1999	29004664	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN ĐỨC HƯNG	19/12/1999	29001965	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN TRUNG HIẾU	28/05/1999	29005639	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.75 GD&CD: 8.00 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG ĐĂNG ĐẠT	04/01/1999	29011625	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 9.00 Sinh học: 7.00 KHTN: 7.75 Tiếng Anh: 5.20
PHAN THỊ PHƯƠNG	25/05/1999	29008892	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GD&CD: 7.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.20

LƯƠNG VĂN DŨNG	27/08/1999	29003075	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 4.75 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN THỊ THÙY LINH	20/12/1999	29027958	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 2.50 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN QUẾ CÔNG	26/06/1999	29017125	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN PHƯỚC	28/07/1999	29021230	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 2.25 GDCD: 7.00 KHXH: 3.83 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN BÚT HÙNG	04/07/1999	29019448	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG MINH SÁNG	14/03/1999	29007394	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ LAN ANH	10/08/1999	29008599	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN ĐÌNH TRUNG	24/11/1999	29013405	Toán: 6.80 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	06/02/1999	29025189	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN TRỌNG HUY	29/03/1999	29002820	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.17 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ THƠM	06/05/1999	29029286	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN THỊ THẠCH THẢO	13/08/1999	29010660	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN THỊ DUNG	18/01/1999	29019264	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN CÔNG ĐỊNH	12/09/1999	29020253	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 2.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG VĂN VƯỢNG	09/11/1999	29015365	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 2.20
BÙI VĂN NGỌC	09/09/1999	29015909	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN QUỐC HẢI	12/09/1999	29023714	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 2.60

LƯƠNG VĂN HÙNG	27/08/1999	29002727	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.5 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.00
LÊ THỊ THU HƯƠNG	18/01/1999	29003932	Toán: 8.00 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.25 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 8.40
VƯƠNG THỊ THẢO	27/11/1999	29028665	Toán: 6.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.80
LÊ THỊ NA	22/08/1999	29002513	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN VIỆT THẮNG	14/04/1999	29017537	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.75 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 1.60
HỒ CÔNG ĐẠT	15/04/1999	29009092	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	17/04/1999	29022945	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.00
CAO THỊ LINH	11/05/1999	29005102	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 4.60
ĐINH VIỆT HƯNG	24/05/1999	29010442	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.50 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.00
BÙI HOÀNG PHƯƠNG VI	28/12/1999	29016556	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 5.40
HOÀNG TRUNG NAM	28/12/1998	29017721	Toán: 9.00 Vật lí: 9.00 Hóa học: 8.75
NGUYỄN THỊ MAI THƯƠNG	13/01/1998	29002768	Toán: 8.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 8.50 Sinh học: 8.25 KHTN: 6.67
LÊ HỒNG THÚY	21/07/1999	29003315	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VĂN HOÀ	05/06/1999	29019401	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.80
TRƯƠNG THỊ MAI	22/07/1999	29011405	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.20
TRƯƠNG XUÂN TẠO	03/05/1999	29004615	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ VÂN	17/08/1999	29011850	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.20

TRẦN QUANG TRUNG	24/06/1999	29015284	Toán: 1.80 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ LAM	12/10/1999	29014514	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.00
KHA THỊ HƯƠNG	10/03/1999	29008292	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ VÂN	07/03/1999	29011849	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN ĐĂNG TÙNG	26/08/1998	29007196	Toán: 5.40 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.25 Tiếng Anh: 4.20
ĐẬU THỊ HOÀN	01/03/1999	29016653	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN THỊ BẮC NAM	21/05/1998	29018616	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.00
LÊ ĐÌNH TUẤN	09/12/1998	29001190	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50
NGUYỄN THỊ BĂNG GIANG	28/02/1999	29000132	Toán: 2.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.75 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 4.40
KHA THỊ BÚN	25/01/1999	29008159	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 5.00 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 2.80
THÁI THỊ NHUNG	01/01/1999	29007066	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN THỊ THU HẰNG	21/04/1999	29011309	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.60
HỒ THỊ ĐỨC	09/06/1999	29018409	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.40
HỒ VĂN DƯƠNG	18/10/1999	29018754	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Pháp: 2.40
BÙI HOÀI LÂM	18/08/1999	29012156	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ AN	16/10/1999	29022690	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.80
VÕ THÀNH NAM	26/06/1999	29005162	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.60

BÙI THỊ NGỌC ANH	08/01/1999	29008589	Toán: 8.80 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 9.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 9.80
VƯƠNG VĂN SỸ	25/08/1999	29011775	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.75 Sinh học: 9.00 KHTN: 8 Tiếng Anh: 3.40
TRƯƠNG CÔNG THÁI	11/08/1999	29000792	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 2.60
VÕ THỊ MAI ANH	12/09/1999	29004883	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 7.75 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN DƯ TRƯỜNG	01/03/1999	29005379	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VIỆT HOÀNG	04/06/1999	29026138	Toán: 9.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 8.00 Hóa học: 9.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 6.20
TRẦN THỊ NGÀ	10/07/1998	29021938	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.50 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG THỊ NHUNG	07/07/1999	29028579	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ QUÝ	01/06/1999	29028616	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	10/06/1999	29027540	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 4.00
CHU VIỆT QUÂN	11/01/1999	29005231	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 2.80
LÊ TIẾN NGỌC	19/04/1999	29027483	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 9.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.60
VŨ NGUYỄN TIẾN	27/04/1999	29017571	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ DUYÊN	06/10/1999	29016126	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN TIẾN DŨNG	24/10/1996	29029350	Toán: 6.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.83
NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG	10/05/1999	29019016	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HIẾN	18/04/1999	29028408	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 6.25 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 3.60

NGUYỄN ĐÌNH VĂN	16/07/1998	29023531	Toán: 1.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.00
TRƯƠNG QUANG SÁNG	14/08/1999	29016922	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 6.25 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 2.60
PHAN THỊ BÌNH	01/04/1998	29005964	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.50
NGUYỄN THỊ NGÀ	14/07/1999	29013243	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Pháp: 3.60
NGUYỄN VĂN HOÀN	10/07/1999	29006384	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 6 Tiếng Anh: 2.80
VÕ THỊ NGÀ	26/07/1999	29012852	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.20
TRƯƠNG THỊ CHÂU	01/07/1999	29014309	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN ĐỨC QUÂN	10/10/1999	29016273	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.20
LÊ VĂN THANH	12/01/1999	29010652	Toán: 4.20 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.00
PHAN THỊ NGỌC ÁNH	01/06/1999	29023107	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 2.25 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ TÂM	26/01/1998	29023506	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00
LẠI VĂN HIỆU	05/08/1995	29027672	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75
TRẦN THỊ CHINH	03/06/1999	29019235	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN LÂM QUANG	10/02/1999	29022013	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.20
THÁI HOÀNG ANH	20/10/1999	29027173	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THẾ VINH	19/09/1999	29012541	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.60
HOÀNG UYÊN NHI	06/01/1999	29024505	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN NGỌC DẦN	01/02/1998	29005521	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.20

NGUYỄN THÀNH CÔNG	23/05/1998	29025364	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 4.00
LÊ THỊ ÁNH	26/11/1999	29002219	Toán: 8.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 6.80
VỪ BÁ NINH	06/03/1999	29008367	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 3.50 GDCD: 6.75 KHXH: 4.08 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN KHẮC MẠNH	19/01/1999	29013231	Toán: 5.40 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ HƯƠNG	29/09/1999	29019494	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.20
ĐÀO DANH THUẬN	15/01/1999	29000547	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.60
KHA THỊ HỢI	13/05/1999	29020658	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.40
HỒ ANH QUÂN	14/05/1998	29029385	Toán: 5.60 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.50
NGUYỄN ĐỨC THANH	03/01/1999	29015110	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.25 Tiếng Anh: 1.60
ĐỖ NGỌC ANH	11/11/1999	29010240	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.25 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 2.00
TRẦN THỊ NHẬT TRÂM	14/08/1999	29011125	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.40
HÀ VĂN KHẢI	13/06/1999	29011372	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.20
ĐINH VIỆT CƯỜNG	16/05/1999	29002252	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 9.25 Địa lí: 9.50 GDCD: 9.00 KHXH: 9.25 Tiếng Anh: 3.60
HỒ THỊ THANH THỦY	23/06/1999	29012931	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.60
PHAN VĂN HƯỚNG	05/05/1999	29030011	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.20
LƯƠNG ANH TÚ	27/07/1999	29015298	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 3.50 GDCD: 7.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.60
ĐẶNG HOÀNG DŨNG	22/02/1999	29024203	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 4.40

NGUYỄN VĂN QUANG	04/11/1998	29030224	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 1.80
NGÂN VĂN MÔN	20/05/1999	29008557	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75
NGUYỄN THỊ HÀ	18/08/1999	29019326	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 4.20
MAI HỒNG HẢI	24/01/1999	29024270	Toán: 6.00 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 9.25 GDCD: 7.75 KHXH: 8.67 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ BẢO TRÂM	12/02/1999	29006710	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.50 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.00
BÙI THỊ MÙI	14/11/1999	29016805	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 1.40
TRỊNH HỮU CƯỜNG	08/04/1999	29020231	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 5.80
HOÀNG THỊ YÊU	15/08/1997	29018335	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ NGỌC	10/01/1999	29021954	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 8.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ THẨM	24/12/1999	29011503	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN HỒNG ANH	10/11/1999	29023563	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN MINH HOÀNG	20/11/1999	29017264	Toán: 3.00 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ KIỀU OANH	20/08/1999	29016230	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.20
HỒ THỊ HOA	20/02/1999	29018472	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ GIANG	28/07/1999	29022756	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.20
TẠ THỊ NGÀ	25/11/1999	29008852	Toán: 1.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN HƯƠNG VIỆT	01/11/1999	29011205	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 8.60

PHẠM THỊ HUYỀN	24/11/1999	29000286	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GD&CD: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM VĂN HUY	18/09/1999	29008075	Toán: 2.20 Ngữ văn: 2.75 Vật lí: 2.50 Hóa học: 1.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.33 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00
NGUYỄN THẾ KỶ	26/04/1999	29029068	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.75 GD&CD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ THUỶ LINH	08/03/1999	29024423	Toán: 7.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.50 GD&CD: 9.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 5.40
TỪ HỮU PHƯỚC	29/10/1999	29003249	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GD&CD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 1.40
TRƯƠNG NGỌC THẠCH	10/08/1999	29011492	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.50 GD&CD: 6.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ THU HOÀI	24/12/1999	29004439	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 4.00
CAO BẢO LY	12/09/1999	29006489	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 9.00 Hóa học: 9.00 Sinh học: 7.25 KHTN: 8.42 Tiếng Anh: 8.40
LÊ THỊ THẢO ANH	31/08/1998	29000932	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.50 Tiếng Anh: 6.80
VÕ ANH DŨNG	04/11/1999	29017863	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 5 Tiếng Anh: 5.60
LÊ VĂN DANH	11/07/1999	29006289	Toán: 8.40 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 5.80
VŨ MAI HẠNH	25/02/1999	29005601	Toán: 4.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.75 GD&CD: 8.50 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 5.00
TRẦN QUANG HUY	07/08/1999	29026169	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.08 Tiếng Anh: 3.20
HỒ THỊ HƯƠNG	10/10/1999	29015709	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GD&CD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN VĂN CƯƠNG	14/09/1999	29007234	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 3.80
ĐẶNG THỊ HƯƠNG GIANG	25/12/1999	29002302	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 2.80
HỒ VĂN CƯƠNG	01/07/1999	29015460	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GD&CD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.60

NGUYỄN HỒNG SƠN	22/04/1999	29004601	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 5.00
PHẠM VĂN LINH	05/01/1999	29018838	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.25 KHXH: 6.75 Tiếng Pháp: 2.40
NGUYỄN ĐẦU LINH	11/08/1999	29019541	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.50 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 7.00
NGUYỄN THỊ LINH	15/07/1999	29001049	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.58 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25
ĐINH THỊ HẰNG	05/02/1999	29004994	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 3.40
VŨ THỊ QUỲNH SÂM	15/10/1999	29029587	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 4.40
LIM THỊ SÂM	28/12/1999	29014127	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 3.25 GDCD: 6.00 KHXH: 3.67 Tiếng Anh: 2.60
LÊ THỊ KIM THƯƠNG	11/11/1999	29025714	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN TUẤN ANH	17/02/1999	29019196	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 5.50 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN ĐÌNH LONG	01/06/1999	29027430	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 4.50 KHXH: 4 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ VÂN	15/10/1999	29011197	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.20
LÊ XUÂN KHẢI	08/10/1999	29021843	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.00
ĐẶNG THỊ LINH	19/04/1999	29009697	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ QUYÊN	19/08/1999	29004584	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ ANH	10/12/1999	29015404	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.00
ĐẶNG THỊ KHÁNH HUYỀN	02/05/1999	29005053	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 4.80
ĐẶNG THỊ TRÀ GIANG	02/02/1999	29019316	Toán: 8.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 5.60

PHẠM VĂN KIÊN	15/05/1999	29021853	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THIÊN HƯƠNG	16/08/1999	29008771	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN TUYẾT NGÂN	24/05/1999	29029149	Toán: 8.00 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 9.00 GDCD: 9.00 KHXH: 8.58 Tiếng Anh: 8.40
DƯƠNG THỊ LÊ	06/07/1999	29021132	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 8.25 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ HƯỜNG	29/05/1998	29002732	Toán: 5.60 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.50
HỒ BÁ TRÍ	02/06/1994	29027778	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75
NGUYỄN THỊ THUYỀN	13/11/1999	29021348	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 4.00
ĐẬU THỊ YẾN	27/11/1999	29018322	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.50 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.60
BÙI THỊ HẢI YẾN	02/09/1998	29022161	Toán: 8.40 Vật lí: 3.50 Hóa học: 8.25 Sinh học: 9.00 KHTN: 6.92
ĐINH VĂN CƯỜNG	08/12/1999	29014320	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN THANH HIỀN	03/08/1999	29009122	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 5.40
VI VĂN THÂN	03/08/1999	29013740	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ LAN ANH	08/09/1999	29027163	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 5.60
TĂNG ĐỨC TÚ	10/05/1999	29006756	Toán: 8.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 6.60
TRẦN THỊ YẾN	10/02/1999	29011232	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.25 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	20/05/1999	29029195	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.50 KHXH: 8.67 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ HUYỀN	01/02/1999	29029502	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 7.25 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 4.60
ĐẶNG THỊ THANH	02/02/1999	29005904	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.80

ĐÀO VĂN THẮNG	20/02/1999	29001637	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM THÁI SƠN	24/08/1998	29007739	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN CÔNG ĐỨC ANH	05/02/1998	29010045	Toán: 8.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 7.42
LÊ ĐÌNH PHẨM	11/05/1998	29008109	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.00
NGUYỄN THỊ THƯƠNG	07/09/1999	29000558	Toán: 4.60 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN QUANG SANG	19/01/1999	29024009	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 6.00 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 4.60
ĐÀO THỊ HẢI THƯƠNG	23/09/1999	29002109	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 8.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 7.20
NGUYỄN ĐÌNH HƯNG	27/10/1999	29014496	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ HỒNG TƯƠI	13/02/1999	29007810	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN HOÀN	20/04/1999	29012072	Toán: 9.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 9.25 Hóa học: 8.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN THỊ HÀ	18/03/1999	29015557	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.00
NGÔ VĂN CƯỜNG	02/01/1999	29010836	Toán: 6.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM XUÂN ĐĂNG	01/07/1999	29002286	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 2.20
LÊ THỊ THANH HIỀN	11/06/1999	29000187	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 8.25 Sinh học: 6.75 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 4.80
LƯU THỊ TRÂM	14/07/1999	29007788	Toán: 2.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN HÀ NAM	02/11/1998	29027466	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.20
THÁI THỊ YẾN	20/03/1999	29018332	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.40

LẦU BÁ MÀ	20/07/1999	29008341	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ HẰNG	19/05/1999	29027294	Toán: 2.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.40
PHAN BÁ DƯƠNG	17/08/1998	29000971	Toán: 4.60 Vật lí: 6.75 Hóa học: 4.75
NGUYỄN THỊ HẢI	16/02/1999	29029858	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN TRUNG HIẾU	27/02/1999	29026103	Toán: 9.00 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.00 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 10.00
NGUYỄN THỊ TRÀ MY	22/07/1998	29026884	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.67 Lịch sử: 1.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.25 KHXH: 3.83 Tiếng Anh: 4.20
VI THỊ GIANG	14/05/1999	29008250	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 3.80
ĐẶNG QUỐC THÂM	08/05/1999	29005922	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	12/05/1999	29000697	Toán: 9.20 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 2.00 KHTN: 5.83 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 5.80
BÙI THỊ TÚ ANH	30/09/1999	29029700	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN SỸ ĐĂNG KHOA	11/03/1999	29008784	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.20
CAO THI SỸ	01/09/1999	29005891	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG HỮU THUẬN	24/02/1999	29021341	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.60
ĐẬU ĐỨC TỪ	05/07/1999	29017048	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.25 Hóa học: 9.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 4.20
CAO THỊ ÚT THƯƠNG	18/11/1999	29006640	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 8.25 Sinh học: 6.25 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 5.00
TRẦN VĂN TUẤN	01/06/1999	29003573	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.80
LÊ ĐĂNG CHIẾN	18/08/1999	29001841	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.08 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.00

NGUYỄN THỊ HÀ	15/10/1998	29007605	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 1.40
VÕ THỊ NGỌC LY	26/07/1999	29010514	Toán: 5.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN ĐÌNH DUY THÔNG	14/12/1999	29024064	Toán: 8.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.50 Hóa học: 9.25 Sinh học: 6.00 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 6.20
CAO THỊ TÂM	19/03/1999	29012904	Toán: 7.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 8.40
NGUYỄN TRỌNG TOÀN	29/09/1999	29023370	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 4.00
ĐINH THỊ LAN ANH	16/09/1999	29011885	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.25 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.20
XEO THỊ CHÓI	01/08/1999	29008179	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN THỊ HỒNG GẤM	14/10/1999	29019314	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	28/04/1999	29022030	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN TUẤN ANH	30/11/1999	29000039	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN NGỌC CHÍN	09/09/1999	29027206	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.25 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ THUỶ LINH	30/11/1999	29024424	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN THỊ HUYỀN	07/09/1999	29001427	Toán: 5.60 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 9.00 GDCD: 9.00 KHXH: 8.58 Tiếng Anh: 4.80
LỘC TRẦN HẬU	17/11/1999	29014410	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ THANH	20/09/1999	29021291	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN SỸ AN	02/10/1999	29017073	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ TRÀ	18/01/1998	29006205	Toán: 7.20 Vật lí: 6.25 Hóa học: 4.00

CHU VĂN ĐIẾP	28/04/1999	29029456	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN QUANG ĐỨC	01/07/1999	29006916	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN ĐỨC TÀI	16/06/1999	29025621	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 9.50 Địa lí: 9.75 GDCD: 8.25 KHXH: 9.17 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	03/02/1999	29000857	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 3.20
VŨ THỊ HỒNG HOA	25/02/1999	29030469	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 6.50 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VĂN TÚ	10/05/1999	29030883	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.20
LÊ THỊ QUỲNH ANH	02/09/1999	29020928	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.40
LƯƠNG VĂN MINH	05/02/1999	29008360	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.80
ĐẶNG THỊ LƯƠNG	28/08/1999	29001995	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 3.80
PHAN THỊ THANH HOÀ	06/08/1999	29015627	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 4.40
HÀ THỊ KIM OANH	10/10/1999	29010589	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 9.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
ĐÀM THỊ THU	27/09/1999	29007142	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.25 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 9.00
ĐINH VĂN MINH	04/09/1999	29014601	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.20
HOÀNG THỊ NGỌC ÁNH	19/08/1999	29007825	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 4.00
HÀ LÊ ANH MINH	06/09/1999	29009206	Toán: 7.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN CẢNH SÁNG	23/02/1999	29025225	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG THẾ KỶ	02/12/1999	29013194	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 3.60

TRẦN THỊ MAI ANH	04/04/1999	29028283	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.80
VI XUÂN ĐỊNH	19/11/1999	29003092	Toán: 2.40 Ngữ văn: 2.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN HOÀNG	04/06/1999	29000243	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.60
HỒ HỮU BÌNH	08/07/1999	29017834	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 9.00 Sinh học: 7.50 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN NGUYỄN BẢO ANH	02/11/1998	29012625	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 9.25 GDCD: 7.75 KHXH: 8 Tiếng Anh: 1.80
LÊ THỊ THANH	15/08/1999	29017506	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.00 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN ĐÌNH ĐẠT	12/07/1999	29006904	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ BÍCH VIỆT	23/03/1999	29021425	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.25 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 2.80
MAI PHI PHƯỢNG	05/09/1998	29024537	Toán: 1.80 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 5.25 KHXH: 3.83 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ THẢO	02/02/1999	29030667	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.60
TRƯƠNG THỊ KHÁNH HUYỀN	21/05/1999	29026828	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.00 KHXH: 6.92 Tiếng Nga: 10.00
LÊ CÔNG QUÂN	04/04/1999	29014711	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.00 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM MINH QUANG	18/05/1999	29030225	Toán: 1.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.00 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN QUỐC THẮNG	15/08/1999	29007759	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.40
DƯƠNG THỊ NHẬT TRANG	19/03/1999	29000568	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 6.80
ĐÀO THỊ XUYỀN	08/10/1999	29028806	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ DUNG	20/06/1999	29011963	Toán: 4.60 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 9.50 Địa lí: 9.50 GDCD: 9.25 KHXH: 9.42 Tiếng Anh: 5.80

PHẠM VĂN PHƯỚC	18/05/1999	29002883	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 3.40
ĐOÀN THỊ HẠNH	23/04/1999	29029863	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GD&CD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.00
ĐẶNG LÊ KHÁNH AN	25/08/1999	29010812	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 6.75 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN VĂN LONG	26/06/1999	29028521	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 7.50 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ HÀ THƯƠNG	10/01/1999	29025719	Toán: 5.80 Ngữ văn: 8.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.17 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GD&CD: 8.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ THANH	30/04/1999	29029597	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 8.00 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VIỆT BẢO	15/01/1999	29028290	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.00 GD&CD: 8.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM THỊ TRÀ GIANG	10/01/1999	29013029	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.75
NGUYỄN THỊ HẠNH	15/09/1999	29015567	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.50 GD&CD: 8.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ THÚY NGÀ	02/09/1999	29000728	Toán: 8.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.83 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.50 GD&CD: 8.50 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 6.60
NGUYỄN THỊ HẰNG	01/07/1999	29029476	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 4.40
PHÙNG THỊ KHÁNH LY	11/11/1999	29027448	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.75 GD&CD: 6.75 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN HOÀNG THẠCH	21/02/1999	29009892	Toán: 2.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.75 GD&CD: 9.25 KHXH: 8.58 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ THU TRANG	09/10/1999	29007435	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.00 GD&CD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VĂN HƯNG	10/12/1999	29015704	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.25 GD&CD: 6.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN NGỌC DŨNG	20/08/1999	29023650	Toán: 5.20 Ngữ văn: 2.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 4.20
HOÀNG THỊ YẾN LINH	10/11/1999	29026848	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.83 Vật lí: 6.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 7.00 KHTN: 6 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.25 GD&CD: 9.00 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 7.20

NGUYỄN THỊ TRANG	17/07/1999	29016481	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.80
VŨ TIẾN DUẤN	28/03/1997	29017642	Toán: 6.40 Vật lí: 4.00 Hóa học: 6.00
BÀNH NHẬT VY	26/03/1999	29020881	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.83 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.40
ĐẶNG THỊ NGỌC ÁNH	23/01/1999	29008612	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 1.40
TRẦN VĂN THÀNH	02/02/1999	29030657	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.83 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN SÁNG	05/01/1999	29027575	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.40
LÊ THỊ HUYỀN	13/09/1998	29015949	Toán: 6.80 Hóa học: 6.50 Sinh học: 6.75
VI THỊ HỒNG UYÊN	21/09/1999	29014211	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN VĂN SƠN	18/02/1998	29010174	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00
LƯƠNG THỊ NGÂN HÀ	01/07/1998	29014242	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 9.50
LÊ TUẤN ANH	03/05/1999	29011893	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 3 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ THƯƠNG	27/12/1999	29010695	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG VĂN CHIẾN	25/01/1999	29000066	Toán: 1.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 5.25 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN CẢNH PHONG	10/07/1999	29023958	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM THỊ NGÀ	04/07/1999	29002519	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HẰNG	09/03/1999	29008705	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.00
HỒ THỊ ANH THƠ	10/03/1999	29018180	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN ANH TÚ	11/04/1999	29015301	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 8.75 Sinh học: 8.50 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 5.60

PHAN ĐỨC THÔNG	15/10/1999	29006626	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.17 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 9.25 GDCD: 7.00 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN HOÀI NAM	01/04/1999	29003207	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.00
HOÀNG THỊ CẨM TÚ	26/01/1999	29026566	Toán: 5.20 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	11/11/1999	29029250	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.20
LÊ ĐÌNH GIÁP	05/09/1999	29012001	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 6.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.00
ĐẬU XUÂN CÔNG	28/07/1999	29014316	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.60
PHAN BÁ HIỆP	20/10/1999	29019386	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.00
VÕ THỊ NHƯ THUẬN	07/03/1999	29005939	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.25 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 4.40
LÊ DUY GIANG	08/07/1999	29018768	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN ĐẠI	03/04/1999	29008662	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.60
CAO MINH ĐỨC	01/10/1999	29023678	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN THỊ THÙY DUNG	13/11/1999	29007243	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 9.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 7.20
NGUYỄN THỊ MẾN	08/03/1999	29002010	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 5 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN VÕ HOÀNG	10/12/1998	29027674	Toán: 5.40 Hóa học: 7.00 Sinh học: 6.25
NGUYỄN THỊ LAN	14/06/1999	29015753	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.40
NGÔ THỊ THÚY	01/04/1999	29030750	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 5 Tiếng Anh: 4.40
ĐÀO ĐỨC TUẤN	10/06/1999	29000601	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 6.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 1.60

PHAN VĂN TRÌNH	19/11/1999	29006721	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN VIỆT TRUNG	01/04/1999	29028754	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 5.80
VI THỊ BÍCH NGÀ	17/01/1999	29025158	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 4 Tiếng Anh: 2.00
PHẠM THỊ HOA	25/06/1999	29010411	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.75 KHXH: 8.42 Tiếng Anh: 4.20
HỒ THỊ HUYỀN	03/12/1999	29016690	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 6 Tiếng Anh: 6.40
NGUYỄN THẠCH HUY	01/09/1999	29007303	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 8.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN SỸ THỊNH	15/05/1998	29019804	Toán: 8.60 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.25
TRẦN THỊ HÀ	10/04/1998	29028939	Toán: 1.40 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN CÔNG THIỆN	13/06/1999	29029275	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN ĐỨC DŨNG	24/06/1999	29005536	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN THỊ TRINH	26/06/1999	29018227	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 7.00 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 4.20
HOÀNG VĂN THÔNG	29/11/1993	29026693	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 5.75
LÊ HÀ PHƯƠNG	28/07/1999	29004565	Toán: 8.60 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 9.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 7 Tiếng Anh: 9.20
NGUYỄN VĂN SỸ	18/07/1999	29009881	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG	18/12/1999	29000860	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 5.00
ĐẬU ĐỨC HOÀNG	25/01/1999	29022817	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.75 GDCD: 6.50 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN HÒA	25/02/1999	29007631	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 3.20
PHAN THỊ NHUNG	02/02/1998	29019767	Toán: 8.20 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.25

NGUYỄN THỊ CẢNH	14/05/1999	29001838	Toán: 8.60 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 8.75 Sinh học: 9.00 KHTN: 7.92 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN TUẤN	05/09/1999	29000889	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 6.00
TRẦN THỊ XOAN	12/10/1999	29011869	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN HOÀI LINH	20/12/1999	29029526	Toán: 7.60 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 9.25 Sinh học: 8.75 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN HÀ TRÂM	10/06/1999	29022582	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 2.60
LÊ THỊ HUYỀN	13/08/1999	29003918	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.40
CAO THỊ HẢO	02/06/1999	29006353	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 4.60
PHẠM NGỌC BẢO	07/06/1999	29008617	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.40
HỒ VĂN LONG	12/11/1999	29018029	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.60
ĐOÀN THỊ HƯƠNG	16/04/1999	29008769	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
ĐINH THỊ HIỀN	28/02/1999	29025427	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.17 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ THƠ	15/01/1999	29000819	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.67 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 6.20
LÊ QUANG MẠNH	20/12/1999	29018599	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ LINH	19/05/1999	29012169	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 4.20
ĐẬU THỊ TRANG	14/09/1999	29016462	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.20
PHẠM VĂN HÀO	30/06/1998	29001327	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.00
ĐINH THỊ PHƯƠNG THẢO	04/11/1999	29011056	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 5.60

HOÀNG THỊ HOÀI LINH	27/12/1999	29011689	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 6.50 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ HƯƠNG GIANG	13/04/1998	29024752	Toán: 7.00 Hóa học: 8.75 Sinh học: 7.50
NGUYỄN TUẤN THÀNH	28/04/1999	29015120	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 2.25 GDCD: 6.75 KHXH: 3.67 Tiếng Anh: 2.80
TÔ HOÀNG HIỆP	03/10/1999	29016632	Toán: 8.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 8.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 6 Tiếng Anh: 4.00
TRƯƠNG ANH VĂN	23/07/1999	29018285	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ NHẬT LỆ	22/12/1999	29015000	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 5.00
TRẦN QUANG HOÀN	07/07/1993	29021470	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.75
NGUYỄN DUY THIẾT	20/05/1999	29018943	Toán: 4.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 9.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ LINH	10/07/1999	29009189	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 8.75 Sinh học: 8.00 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 5.00
TRẦN THỊ THANH THÚY	08/01/1999	29023012	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 5.80
LỘC VĂN TUẤN	03/06/1999	29014206	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 9.00 GDCD: 9.25 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN HỮU DŨNG	13/07/1999	29004364	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.08 Tiếng Anh: 2.80
HÀ VĂN ĐỨC	16/11/1999	29014363	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.60
MAI THỊ THANH	19/01/1999	29011049	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.25 Hóa học: 2.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 2.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN KHÁNH LINH	18/01/1999	29024413	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.40
PHẠM TRUNG PHONG	16/08/1999	29018106	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN QUỐC HIẾU	03/04/1999	29001365	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.40

LÊ VĂN THẮNG	16/08/1999	29004183	Toán: 3.00 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ LAN	03/11/1999	29002453	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	18/07/1999	29026907	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.33 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.67 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.00
HÀ THỊ HẰNG	03/05/1999	29029871	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 4.80
NGÔ MINH THIÊN	13/06/1999	29024059	Toán: 8.60 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 3.60
BÙI HOÀNG TRUNG ĐÔNG	10/11/1999	29000661	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.42 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.60
PHẠM VĂN THỊNH	10/01/1998	29009039	Toán: 8.60 Vật lí: 8.00 Hóa học: 9.25
TRẦN THỊ LAN	14/01/1999	29015756	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 6.40
TRẦN THỊ VÂN ANH	08/02/1999	29025909	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ THƯƠNG	04/12/1999	29000557	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ PHƯƠNG	16/05/1999	29030602	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG NHƯ Ý	13/05/1999	29007505	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 6.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN THẾ CÔNG	22/01/1999	29030393	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 4.20
BÙI THỊ NGỌC	10/01/1999	29021948	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG THỊ DUNG	02/08/1999	29017643	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.00
NGÔ THỊ PHƯƠNG ĐIẾP	02/09/1999	29013508	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN QUANG NAM	12/06/1999	29021926	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 9.25 GDCD: 8.50 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN HỮU HOÀNG	21/04/1999	29008740	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.80

TRẦN VĂN NGÀ	22/01/1999	29003211	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN TRỌNG HỒNG	18/08/1998	29007639	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 9.00 KHXH: 8.33 Tiếng Anh: 2.80
TÔ THỊ NHUNG	05/11/1999	29016216	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.40
HỒ SỸ PHƯƠNG	30/01/1998	29016245	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	23/10/1999	29023808	Toán: 9.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 9.00 Hóa học: 10.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 7.83 Tiếng Anh: 5.40
PHAN VĂN BỔNG	04/11/1999	29021574	Toán: 1.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.25 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN VIỆT TÚ	09/03/1999	29020517	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN ĐỨC TÀI	14/10/1999	29010636	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.25 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM THỊ MINH	03/01/1999	29008831	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 4.40
LÊ THỊ KHÁNH LY	23/05/1998	29027704	Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00
NGUYỄN ĐỨC NGUYỄN	10/10/1998	29022130	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.75 Lịch sử: 5.25
PHAN CẢNH TIẾN	25/09/1999	29012451	Toán: 7.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN MỘNG VUI	05/01/1999	29002162	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.25 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ THUÝ QUỲNH	11/08/1999	29018141	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN THỊ HẰNG	20/08/1999	29030451	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 9.00 Sinh học: 8.00 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 5.80
TRẦN VIỆT ĐỨC	01/03/1996	29027658	Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.00
VÕ THỊ THU TRANG	01/10/1999	29020500	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.08 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.40
ĐẬU THỊ LIÊN	13/10/1999	29001981	Toán: 10.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 9.50 Hóa học: 10.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 8.25 Tiếng Anh: 5.20

PHÙNG LÊ HẢI	24/09/1999	29009555	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 5 Tiếng Anh: 4.20
LÊ THỊ PHÚC	01/06/1999	29014097	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 2.75 GDCD: 4.50 KHXH: 3.5 Tiếng Anh: 2.40
VŨ THỊ THANH HIỀN	13/11/1999	29017231	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 5.00
HOÀNG KHẮC HÙNG	25/02/1997	29014794	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 1.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 2.92 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN THỊ KHÁNH HUYỀN	24/11/1998	29024356	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG THỊ DUYÊN	10/09/1998	29012687	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.40
PHẠM SỸ LINH	06/12/1999	29021881	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN HỮU LỘC	05/05/1999	29029103	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.40
THÁI ĐÌNH Ý	11/03/1999	29002179	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.00 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ PHÚC	24/10/1999	29017736	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25
TRẦN QUANG HUY	01/11/1996	29010109	Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.50
MẠC THỊ PHỐI	20/10/1999	29025584	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 9.00 GDCD: 9.75 KHXH: 8.92 Tiếng Anh: 3.40
NGÔ THỊ MINH ANH	16/11/1999	29004874	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.25 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 6.60
NGUYỄN XUÂN LỰC	08/02/1999	29026869	Toán: 9.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 6.83 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 2.75 GDCD: 6.00 KHXH: 4 Tiếng Anh: 6.20
PHẠM THỊ THẢO TRINH	20/07/1999	29027070	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.83 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 1.60
TRẦN NGÔ THÚY HẰNG	01/12/1999	29030449	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 6.00 KHTN: 6 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ HOA	03/02/1999	29008722	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN CHIẾN	05/01/1999	29009081	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.17 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.40

LÊ THỊ HÀ	21/09/1999	29022767	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.40
TĂNG THỊ THƯƠNG	14/04/1999	29005331	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.20
ĐẶNG THỊ HOA	20/02/1999	29001371	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 6.40
MAI XUÂN THẢO	04/10/1999	29027609	Toán: 5.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 7.60
UÔNG NGỌC ĐỨC	08/04/1998	29027264	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.80
THÁI THỊ TRÀ	15/11/1999	29006682	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 6.25 KHTN: 6 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN TÀI LÂM	26/10/1998	29006065	Toán: 4.80 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75
NGUYỄN THẾ PHÚC	12/12/1998	29030197	Toán: 1.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN CẢNH HƯNG	01/05/1997	29001037	Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 9.75
TRẦN THỊ KHÁNH HÒA	23/03/1999	29012067	Toán: 7.80 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 9.20
NGUYỄN THỊ KỲ	24/06/1999	29014512	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.40
ĐẶNG TRUNG DƯƠNG	29/08/1999	29001869	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 4.60
TRƯƠNG THỊ HUYỀN	27/04/1999	29028466	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.40
HOÀNG THỊ LINH	27/12/1998	29011385	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.40
CHU DUY PHÚC	30/10/1999	29004083	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.80
HỒ THỊ GIANG	26/09/1999	29015537	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 7.40
TRẦN NGỌC MAI	27/11/1999	29025133	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 5.80
TRẦN ĐÌNH SANG	02/06/1998	29009032	Toán: 9.20 Vật lí: 8.25 Tiếng Anh: 7.40

ĐẶNG THỊ TRÀ	26/04/1999	29011095	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 6 Tiếng Anh: 5.20
HÀ THỊ THU	13/08/1999	29003514	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.25 Hóa học: 2.25 Sinh học: 1.75 KHTN: 2.08 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG ĐÌNH VŨ	02/05/1999	29009393	Toán: 2.60 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.50 GDCD: 7.00 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN ĐỨC MẠNH	24/06/1999	29023887	Toán: 6.20 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 3.40
CHU ĐỨC PHÚC	17/04/1999	29029565	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 9.00 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 4.80
PHAN VĂN NGUYỄN	17/09/1999	29030152	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.50 KHXH: 8.42 Tiếng Anh: 4.80
HỒ THỊ VÂN ANH	02/10/1999	29016064	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ LY	21/07/1999	29018593	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.25 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ NGỌC BÍCH	13/08/1999	29017833	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 3.20
HỒ THỊ ANH THƯ	03/01/2000	29013377	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 9.00 Hóa học: 9.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.83 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ NGỌC	11/11/1999	29022383	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 2.60
CHẾ THỊ THÚY HIỀN	23/03/1999	29010392	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.20
ĐINH THỊ THỦY	12/09/1999	29030739	Toán: 2.80 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 3.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ CẨM CHI	17/06/1999	29027198	Toán: 2.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.60
HỒ THỊ NHUNG	10/07/1999	29016204	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ GIANG	01/05/1999	29003387	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ QUYÊN	20/04/1999	29008900	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.25 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.40

LÊ QUÂN ĐẠT	26/09/1999	29017878	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN TUẤN THÀNH	19/11/1999	29024026	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 9.00 Hóa học: 9.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 8 Tiếng Anh: 5.40
HỒ THỊ HOÀI AN	02/11/1999	29017808	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 4.20
HỒ XUÂN HOÀNG	25/04/1999	29029932	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.80
PHẠM VIỆT DŨNG	22/12/1998	29003078	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 3.00
DOÃN HỮU CÔNG	01/08/1997	29027210	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.25 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.80
VI VĂN HỒNG	05/06/1999	29020657	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.08 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN TẤT LỘC	03/08/1999	29025528	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.00
LÊ VÕ LINH	23/06/1999	29012172	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN VĂN THẮNG	10/10/1999	29011511	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.20
ĐÀO THỊ HUYỀN	10/01/1999	29028455	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 7.50 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 3.80
VŨ ANH TUẤN	12/03/1999	29009365	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN TRỌNG ĐOÀN	30/08/1999	29028916	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.00
BÙI THỊ TRÀ	08/08/1999	29027018	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.60
LÊ THỊ CHI	15/10/1999	29003050	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 1.40
ĐẶNG ĐỨC BÌNH	25/10/1998	29029431	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ MAI SƯƠNG	15/11/1999	29003491	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 8.50 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 4.20

ĐẬU THỊ TÚ	05/12/1999	29022607	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 7.20
BÙI THỊ THẮM	26/12/1998	29017529	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 5.20
HỒ QUANG TRƯỜNG	10/10/1997	29030356	Toán: 4.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.5
TRẦN MINH LÂM	07/05/1999	29003437	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 5.20
LÊ THỊ PHƯƠNG THỦY	07/07/1999	29026998	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN HỮU THANH TUẤN	08/11/1999	29022625	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.25 GDCD: 7.00 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN ANH NGỌC	07/02/1999	29025561	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN DUY ĐỨC	08/12/1999	29016150	Toán: 7.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN PHƯƠNG NAM	06/07/1998	29015982	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.25 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 2.80
LƯƠNG ĐẠI QUÂN	17/04/1999	29020781	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.92 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.75 GDCD: 6.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THÚY VI	15/12/1999	29012998	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.20
TRƯƠNG VIỆT HOÀNG	08/08/1999	29012080	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.67 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.00 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ UYỂN NHI	09/11/1999	29027506	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ THÚY	20/10/1999	29018191	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 4.20
LÊ THỊ NGÀ	05/01/1999	29005781	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.80
TRƯƠNG VĂN TRÁNG	02/02/1999	29016486	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN DUY HOAN	05/05/1999	29023195	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 3.80

PHẠM XUÂN HIẾU	29/05/1998	29029906	Toán: 4.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỨC PHÚC	11/07/1999	29010602	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ THUÝ	07/05/1999	29022510	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.40
LÊ ĐÌNH ANH TUẤN	06/05/1999	29021407	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.20
LÊ THỊ NGỌC	08/03/1998	29015988	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ LAN	19/04/1999	29019516	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.20
TRƯƠNG ĐỨC THANH	14/08/1996	29027753	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.50
LÊ PHƯƠNG THẢO	09/08/1999	29013347	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 4.40
HOÀNG THỊ HOÀI	25/01/1999	29021073	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ THÚY VÂN	19/09/1999	29010020	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.80
ĐẶNG THỊ NGỌC ÁNH	09/10/1999	29001832	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 5 Tiếng Anh: 4.20
LÔ VĂN CƯỜNG	12/07/1999	29008208	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.60
HOÀNG THỊ THƯ	09/11/1999	29018973	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 7.00 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 4.80
TÔN MẠNH ĐÌNH	15/06/1999	29018762	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ HÀ TRANG	14/10/1999	29011104	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 2.80
VÕ THỊ VÂN	12/10/1999	29021424	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 5.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN THỊ QUỲNH	02/07/1999	29019968	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.80

HỒ THỊ THÚY QUỲNH	08/09/1999	29018136	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 9.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 6.75 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 9.40
NGUYỄN TRƯỜNG DANH	04/05/1999	29010297	Toán: 2.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 9.25 GDCD: 7.25 KHXH: 8.42 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ QUỲNH NGA	04/08/1999	29029143	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.00
ĐÀO THỊ HUYỀN THANH	07/06/1999	29000522	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 8.60
ĐẶNG DUY QUYẾT	10/10/1999	29030246	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 1.00
NGUYỄN THỊ HỒNG	15/03/1999	29017272	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ DUNG	26/08/1998	29001748	Toán: 7.40 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.00
VĂN HỮU ĐỨC	14/05/1999	29012718	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.20
HOÀNG VĂN KHANG	29/04/1999	29024784	Toán: 2.20 Ngữ văn: 1.50 Vật lí: 1.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 2.58 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.00
ĐẶNG NGỌC TOÀN	15/07/1998	29024876	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 2.00
PHAN THỊ NGỌC	01/03/1999	29007945	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 8.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 6.80
HOÀNG CÔNG HUY	25/09/1999	29006043	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00
NGUYỄN THỊ KHÁNH LY	26/12/1999	29018846	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 6.25 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN HOÀNG HÒA	19/01/1999	29014958	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN ĐĂNG QUYẾT	03/02/1999	29029579	Toán: 6.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 2.00 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 3.00
CAO XUÂN HÙNG	10/05/1999	29001949	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 5.40
LÊ TUẤN ANH	24/06/1996	29019652	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 8.00

TRẦN THỊ HUYỀN	21/07/1999	29017294	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ VÂN	16/03/1999	29022648	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 5.00 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HUYỀN	28/04/1999	29017985	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN THỊ NGỌC	28/09/1999	29010981	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN CẢNH TÚ	22/10/1999	29023392	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 1.80
HOÀNG THỊ NGỌC THUỶ	20/07/1999	29024071	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 4.60
NGÔ PHAN NGỌC	18/09/1998	29028003	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 4.00
PHAN XUÂN HÙNG	06/07/1998	29029361	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 GDCD: 8.00 Tiếng Anh: 1.60
LÔ THI MAI	13/08/1999	29020704	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.60
DƯƠNG THỊ HOÀI	19/10/1999	29019408	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.20
PHAN THỊ NGÀ	12/03/1999	29005783	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 4.40
PHẠM XUÂN HIỆP	12/09/1999	29001358	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG THỊ THẨM	12/03/1999	29002089	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.00
LÊ ĐÌNH SƠN	30/07/1999	29019982	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THÁI TRUNG	16/06/1999	29015283	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN TUẤN ANH	17/05/1999	29000934	Toán: 1.60 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 1.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 2.92 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75
NGUYỄN DUY PHÚ	16/04/1999	29026913	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.25 Hóa học: 2.00 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.50 GDCD: 6.50 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 3.20

VÕ ĐÌNH THÁI	20/02/1999	29020450	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 3.20
PHAN THỊ THÙY TRANG	27/10/1999	29007441	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 2.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 2.20
LÀU BÁ PHỀNH	11/12/1999	29025581	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.75 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN HỮU HÀO	26/07/1999	29009559	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.00 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 6.40
NGÔ VIỆT TRINH	02/03/1999	29024645	Toán: 8.00 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 8.80
NGUYỄN VĂN NGHĨA	11/09/1999	29019641	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN HIẾU	10/08/1999	29004429	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.5 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.00 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ THANH HUYỀN	27/02/1999	29015698	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.25 KHXH: 8.42 Tiếng Anh: 3.00
PHAN VĂN DUY	01/11/1999	29006306	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	25/03/1999	29030605	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 9.00 Sinh học: 8.75 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 6.00
LÊ NGUYỄN TÚ ANH	13/10/1999	29023554	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 7.00
HỒ THỊ THANH TÂM	22/07/1999	29013716	Toán: 3.40 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ THU DUNG	10/10/1999	29014332	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.75 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 3.60
LƯƠNG THỊ THOA	30/11/1999	29013365	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 5.40
NGÔ TRÍ HUY	24/08/1999	29013991	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 2.20
VÕ VĂN TUẤN	09/04/1999	29022632	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ NỮ	14/07/1999	29023283	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 5.80

PHẠM THỊ HIỀN	14/09/1999	29003848	Toán: 5.00 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 4.20
BÙI THỊ THẢO PHƯƠNG	10/11/1999	29026434	Toán: 8.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 8.00
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	08/06/1999	29002888	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 4.20
HỒ THỊ HUỖN	10/11/1999	29016692	Toán: 9.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 8.50 Sinh học: 8.75 KHTN: 7 Tiếng Anh: 3.20
CHU VĂN TÌNH	22/10/1999	29017573	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.00
TĂNG BẰNG THIÊN	01/03/1999	29006618	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN VĂN THẢO	03/10/1997	29019794	Toán: 8.00 Vật lí: 9.00 Hóa học: 7.75
DƯƠNG HẢI YẾN	22/12/1999	29018321	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 7 Tiếng Anh: 3.40
NGÔ CẨM QUỲNH	18/08/1999	29018138	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN THỊ NGỌC ANH	09/09/1999	29000036	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 7.40
LÔ THỊ LINH	20/05/1999	29015003	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM THỊ NHẬT LỆ	06/02/1999	29030030	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN CẢNH CƯỜNG	16/06/1996	29023439	Toán: 2.40 Ngữ văn: 1.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.50
LÊ THẾ CHIẾN	30/01/1999	29001842	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM THỊ LÝ	26/11/1999	29030088	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG THỊ NGỌC TRANG	30/03/1999	29015241	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN BÁ NAM	01/09/1999	29016815	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 9.25 Hóa học: 9.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 2.20

HOÀNG NHẬT LONG	20/04/1999	29027969	Toán: 7.00 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM THỊ THANH HUYỀN	26/05/1999	29026188	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HÀ TRANG	21/02/1999	29002643	Toán: 6.60 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN THỊ HOÀI	20/12/1999	29029003	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.40
CAO THỊ NGUYỆT	16/07/1999	29006532	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ HUẾ	04/08/1999	29015669	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN TẤT CÔNG	30/07/1999	29001252	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN PHƯƠNG KHÁNH	03/09/1998	29005697	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN THỊ HỒNG THẨM	23/09/1999	29018932	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 4.60
TRƯƠNG VĂN PHÚC	17/04/1998	29014826	Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 8.75
THÁI THỊ THU HIỀN	27/12/1999	29005632	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 4.20
LÊ ĐỨC MẠNH	22/08/1999	29009747	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.00
DƯ VĂN CÁCH	21/09/1999	29006861	Toán: 1.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.40
MOONG VĂN HOÀI	20/02/1999	29008274	Toán: 3.80 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ ÚT	29/09/1998	29010808	Toán: 8.20 Vật lí: 7.25 Hóa học: 4.00 Tiếng Anh: 7.20
NGUYỄN DUY HOÀNG	12/10/1999	29029012	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.20
HÀ QUANG TIẾN	26/02/1999	29014178	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 2.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 8.50 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 3.00

LÊ THỊ CHUNG	01/08/1999	29004348	Toán: 6.40 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 5.20
LƯƠNG VĂN NGUYỄN	21/09/1999	29015051	Toán: 7.20 Ngữ văn: 8.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 9.20
NGUYỄN THỊ THẢO	18/09/1999	29029256	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN ĐÌNH TƯỜNG	01/06/1999	29000900	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 2.25 KHTN: 3.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ DIỆU THÚY	14/02/1999	29007151	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.00
LÀU Y XỬ	06/10/1999	29008520	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 4.20
LÊ VĂN CÔNG	15/10/1999	29022208	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN ĐÌNH CƯƠNG	02/01/1999	29028312	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ NHẬT	22/06/1999	29013274	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 7.50 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HẰNG	08/03/1999	29022788	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN THỊ HẸ	22/03/1997	29002718	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.25 Tiếng Anh: 3.00
BÙI ĐÌNH QUANG	01/02/1999	29030609	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 3.40
HỒ THỊ THƠM	02/08/1999	29004201	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.40
HOÀNG VĂN THẾ	08/11/1999	29030703	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 1.60
NGUYỄN THU UYÊN	30/08/1999	29002775	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.25
NGUYỄN THỊ HUYỀN	30/09/1999	29009657	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.20
VÕ THỊ THU HẰNG	10/05/1999	29012039	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.80

NGUYỄN VĂN QUÂN	03/06/1999	29016904	Toán: 8.40 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN XUÂN NHẬT	22/04/1999	29029162	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN ĐĂNG HIỀN	11/12/1998	29025430	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN SỸ DŨNG	28/04/1999	29001862	Toán: 9.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 9.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 8.60
NGUYỄN VĂN MÃO LƯƠNG	11/01/1999	29001997	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
LÔ THỊ NGỌC XUYẾN	28/04/1999	29020886	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.60
LÊ VĂN MẬU	01/10/1998	29018606	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ NHUNG	18/06/1999	29022928	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.60
PHAN THỊ THẢO	04/06/1999	29021313	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN MINH HIẾU	10/04/1999	29022277	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 3.40
VĂN BÁ NGHĨA	22/08/1999	29012260	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.80
ĐÀO THỊ LINH	01/07/1999	29001982	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 4.60
ĐẶNG THỊ LAM	16/03/1999	29000321	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.00 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 2.40
BÙI ĐĂNG ANH	24/06/1998	29013086	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.20
CAO VĂN TÀI	04/01/1997	29007109	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN SỸ CƯỜNG	08/03/1999	29002254	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN ANH DŨNG	17/10/1999	29023647	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 2.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 6.25 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 2.60

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	07/12/1998	29004091	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.40
VI VĂN LẬP	20/02/1999	29014522	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.00
TRẦN THỊ HẰNG	01/12/1999	29000179	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG MINH THẮNG	10/10/1999	29018166	Toán: 9.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 8.75 Sinh học: 8.75 KHTN: 7.83 Tiếng Anh: 4.60
MAI SỸ NGỌC	19/08/1990	29004270	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.60
VI THỊ DUNG	29/07/1999	29013904	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN THẢO	19/09/1999	29025647	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 6.20
PHẠM MẠNH DÂN	26/05/1998	29004223	Toán: 8.40 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.67
NGUYỄN THỊ KIỀU OANH	26/11/1998	29022134	Toán: 8.20 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.00 Sinh học: 2.50 KHTN: 6.75
NGUYỄN THANH HOÀI	06/09/1999	29008727	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN VĂN QUYỀN	23/07/1999	29025606	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.42 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ HẠNH	15/10/1999	29030438	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 3.20
BÙI VĂN THƯ	19/08/1999	29013756	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.25 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN HƯƠNG LINH	28/10/1999	29029527	Toán: 9.60 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 9.40
NGUYỄN THỊ LOAN	04/04/1999	29017355	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 5.60
VÕ QUỐC THỊNH	05/02/1999	29000815	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.17 Tiếng Anh: 4.80
HOÀNG LÊ PHƯƠNG UYÊN	03/03/1999	29027112	Toán: 9.20 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 8.80

NGUYỄN HỒNG LONG	29/04/1999	29013215	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN THỊ ANH	13/06/1999	29010254	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN HỮU SƠN	24/12/1998	29021510	Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.50
LÊ VĂN HIỆP	30/12/1999	29010884	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 4 Tiếng Anh: 2.80
CAO VĂN QUẢNG	10/09/1999	29025598	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN XUÂN NAM	25/02/1999	29027467	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 3.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.00
VÕ DUY LINH	13/05/1999	29020342	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ ÁNH QUYÊN	26/11/1999	29022020	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.60
TẶNG THỊ TUYẾT	17/08/1999	29018269	Toán: 5.60 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN HỮU HOÀNG	19/01/1998	29024768	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.25
NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	16/08/1999	29007369	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	22/07/1998	29027759	Toán: 8.00 Vật lí: 8.75 Hóa học: 7.75
NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG	27/08/1999	29027047	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.33 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN KHẮC TUYÊN	05/10/1999	29024673	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.00
VŨ THỊ THUỶ LINH	02/09/1999	29018025	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 9.00 Hóa học: 9.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 6.80
TRẦN THỊ KHÁNH HUYỀN	06/04/1999	29001431	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.40
HOÀNG ANH TUẤN	04/05/1999	29018245	Toán: 9.20 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 8.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 3.00

VÕ ANH ĐỨC	20/02/1999	29008677	Toán: 3.40 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN VĂN THÔNG	09/09/1999	29023000	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN QUYỀN	13/02/1999	29018132	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 5 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN THỊ VÂN	21/10/1999	29009384	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN VĂN TÀI	09/05/1999	29010639	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.25 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 2.80
THÁI BÁ HÙNG	16/04/1999	29000261	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 6.00
LÊ VĂN QUYỀN	24/10/1999	29004109	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH	23/01/1999	29021032	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
VÕ THỊ HOÀI	04/01/1999	29029927	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.75 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.80
LÊ ĐẠI THẠCH	28/01/1997	29002762	Toán: 7.40 Vật lí: 7.75 Hóa học: 6.25
NGUYỄN THỊ MAI	05/04/1999	29010129	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25
PHẠM DOÃN NINH	11/12/1999	29000742	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 8.40
NGUYỄN THỊ HẢI	21/08/1999	29008690	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN ĐÌNH CẦM	23/04/1999	29008627	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ DUNG	25/10/1999	29021615	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.00
LÊ THỊ HOA	20/04/1999	29015622	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.20
VI VĂN LẬP	13/10/1998	29014802	Toán: 3.80 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.75
HOÀNG THỊ TUYẾT MAI	20/07/1999	29026303	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 3.20

ĐẬU THỊ LAM	05/10/1999	29022335	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 7.00 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ YẾN	26/07/1999	29030961	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 2.25 GD&ĐT: 5.00 KHXH: 3 Tiếng Anh: 3.00
TÔ THỊ VÂN ANH	21/02/1999	29030373	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.58 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GD&ĐT: 9.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.80
ĐẬU XUÂN KHÁNH	02/07/1999	29005696	Toán: 4.20 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GD&ĐT: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN ĐỨC KHUÊ	04/01/1999	29029516	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN VĂN TRUNG	27/10/1997	29016039	Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 8.75
NGUYỄN BÁ NAM	10/03/1999	29010971	Toán: 8.80 Ngữ văn: 1.50 Vật lí: 8.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 6.00 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ LÊ NA	26/09/1999	29009766	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 9.25 Địa lí: 9.50 GD&ĐT: 7.25 KHXH: 8.67 Tiếng Anh: 2.60
TÔ THỊ VÂN	10/03/1999	29015343	Toán: 6.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 3.00
PHAN THANH HƯNG	10/11/1999	29006416	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN QUỲNH TRANG	14/12/1999	29024617	Toán: 6.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.50 GD&ĐT: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 8.00
VŨ DUY THIỆN	21/08/1999	29006621	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 9.00 Hóa học: 9.50 Sinh học: 8.50 KHTN: 9 Tiếng Anh: 8.60
NGUYỄN VĂN HÙNG	28/07/1999	29005667	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GD&ĐT: 6.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.40
HOÀNG ANH VŨ	10/11/1997	29024897	Toán: 7.40 Vật lí: 6.50 Hóa học: 3.75
HỒ THỊ QUỲNH	01/01/1999	29018135	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 3.60
HỒ SỸ TÌNH	19/02/1999	29020841	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.00 GD&ĐT: 6.50 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 1.60
CHU VĂN HOÀNG	23/02/1999	29011338	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GD&ĐT: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.80

TRẦN THỊ LÂM	26/01/1999	29011379	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN MINH NGUYỆT	01/06/1999	29009789	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ LƯƠNG	01/11/1999	29026291	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ MINH ANH	17/02/1999	29011892	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 2.83 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ HÀN NI	19/10/1999	29028016	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 1.75 KHTN: 2.58 Tiếng Anh: 6.20
LÊ THỊ HIỀN	02/01/1999	29008271	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN TÒONG	14/01/1999	29009960	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN ĐÌNH HIẾU	05/06/1999	29007288	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 2.40
PHAN VĂN TIẾN	07/04/1998	29004690	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.60
ĐẶNG ĐÌNH HUY	23/07/1999	29007302	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	29/06/1999	29002462	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.20
CAO THỊ LÊ	06/07/1999	29005715	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN LÂM	18/10/1999	29007676	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.20
HỒ THỊ NGÂN	29/10/1998	29019148	Toán: 5.20 Vật lí: 6.00 Tiếng Anh: 7.00
NGUYỄN LAN ANH	21/07/1999	29017819	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 3.80
PHÙNG THỊ HÀ	06/06/1999	29007277	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN LÊ VIÊN	10/01/1998	29006240	Toán: 6.20 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.75
NGUYỄN VĂN DŨNG	17/03/1999	29003364	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 3 Tiếng Anh: 3.60

NGUYỄN THỊ YẾN	20/10/1999	29016581	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 6.00
PHẠM ĐỨC VINH	17/05/1999	29026589	Toán: 9.40 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 6.40
NGUYỄN THỊ NGỌC DIỆP	07/01/1999	29011274	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 9.00 GDCD: 9.00 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 5.00
LÊ HỮU ĐẠT	23/04/1999	29002281	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.80
KIM VĂN ĐỨC	25/11/1998	29013923	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.20
HỒ VĂN LƯU	07/02/1999	29017367	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.50 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ NGÂN	30/07/1999	29022377	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 4.20
LÀU BÁ MỀNH	06/12/1999	29008358	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN HỒNG NHUNG	11/03/1999	29016211	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.00
ĐẶNG THỊ THƠ	02/03/1999	29008958	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ QUỲNH	06/03/1999	29019964	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.80
HỒ THỊ MỘNG TRÂM	20/05/1998	29025756	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.25 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ VÂN	01/01/1999	29011196	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.20
CAO TIẾN HOÀNG	02/09/1999	29006385	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 4.00
CỤT THỊ DÔI	06/06/1998	29008538	Toán: 3.00 Ngữ văn: 1.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 1.50
LÊ THỊ HIỀN	08/01/1999	29022794	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 2.60
PHẠM THỊ HẢI BÌNH	05/06/1999	29003708	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 9.00 GDCD: 9.25 KHXH: 8.83 Tiếng Anh: 3.20

LANG THỊ THU HOÀI	07/09/1999	29013969	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ QUỲNH	03/01/1999	29007732	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 3.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 4.00
HỒ VĂN HOÀNG	20/10/1999	29017261	Toán: 1.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ THƯƠNG	09/05/1999	29002627	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.60
THÁI VĂN TRƯỜNG	19/02/1999	29003558	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 8.00
NGUYỄN THỊ TIẾN	01/10/1999	29011526	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM CÔNG LAM	10/06/1992	29007178	Toán: 7.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 8.25
PHẠM THÚY HẰNG	20/11/1999	29010389	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ HIỀN	13/01/1999	29018452	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ THẢO	29/10/1999	29007990	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN VĂN TUẤN	08/10/1999	29003574	Toán: 8.20 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ THƯƠNG	20/06/1999	29021352	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ THOA	29/07/1999	29012925	Toán: 7.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 8.75 GDCD: 9.00 KHXH: 8.92 Tiếng Anh: 5.00
LÔ THỊ HÒA	07/01/1998	29020902	Toán: 5.60 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.75
VI THANH ĐỨC	19/08/1999	29003383	Toán: 1.00 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 2.50 Hóa học: 1.00 Sinh học: 2.50 KHTN: 2 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.80
HỒ VĂN TRÌNH	27/05/1999	29012966	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN XUÂN HÙNG	01/01/1997	29015946	Toán: 8.20 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.75
TRẦN THỊ HẢI YẾN	18/11/1999	29022686	Toán: 1.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.20

TRẦN THỊ TRANG	01/03/1999	29000587	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.80
LƯƠNG HOÀNG TUẤN DUY	07/11/1999	29024976	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 2.80
CAO ĐĂNG KHỞI	16/04/1999	29006433	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 2.40
NGÔ VĂN THÔNG	08/07/1999	29015164	Toán: 5.20 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.42 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN HỮU THỌ	10/08/1999	29007998	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 2.20
THÁI THỊ LINH	22/02/1999	29030050	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 1.80
THÁI THỊ XUÂN TRÀ	26/12/1999	29003531	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 4.20
XEO VĂN SƠN	21/12/1999	29008431	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ SƯƠNG	08/10/1999	29027583	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.60
VŨ DUY CƯỜNG	05/05/1999	29003726	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN TUẤN ANH	22/08/1998	29010257	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.80
BÙI DUY TRUNG	06/04/1999	29016497	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN ĐỨC TUẤN	13/03/1999	29028220	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 7.00
TRƯƠNG VĂN HÙNG	16/07/1999	29017280	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.25 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.40
HỒ THỊ NGỌC MAI	10/04/1999	29023484	Toán: 1.80 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.50
TRẦN THỊ HƯƠNG TRÀ	25/01/1999	29024609	Toán: 3.20 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 5.00
CHU THỊ HÀ LINH	18/02/1999	29000336	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 6.60

HOÀNG CẨM NHUNG	21/03/1999	29007956	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN THỊ THU	19/01/1999	29001655	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC	05/03/1998	29020258	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.92 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.50 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	12/09/1998	29025261	Toán: 6.60 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.50
NGUYỄN THỊ THƠM	15/08/1999	29028691	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ HUỆ	24/09/1999	29017278	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.00
TẠ VĂN THẮNG	22/08/1999	29028679	Toán: 2.40 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 1.80
MẠC VĂN TƯƠNG	17/10/1999	29014210	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.60
PHẠM VĂN THÁI	14/04/1999	29006166	Toán: 5.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.25
NGUYỄN HÀM HIẾU	20/02/1999	29001363	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 1.60
HOÀNG THỊ MAI	06/08/1999	29014582	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.00
ĐINH HOÀNG VÂN ANH	24/05/1999	29006255	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 3.40
ĐÀM THÁI DŨNG	27/09/1995	29014764	Toán: 4.40 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.50
NGUYỄN DOÃN QUANG DŨNG	08/01/1998	29019670	Toán: 8.80 Vật lí: 2.25 Hóa học: 9.00 Sinh học: 8.75 KHTN: 6.67
BÙI QUANG VĨNH	06/09/1999	29023083	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ HÀ GIANG	14/10/1999	29017182	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.20
LÊ XUÂN ĐẠO	17/05/1999	29023144	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM TIẾN MẠNH	01/11/1999	29029543	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 4.40

HOÀNG MỸ LINH	01/01/1999	29014531	Toán: 2.20 Ngữ văn: 2.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ THÚY QUỲNH	02/04/1999	29000502	Toán: 6.40 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 7.80
NGUYỄN DUY NAM	29/05/1997	29002746	Toán: 7.20 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.50
ĐẶNG THỊ MINH HỒNG	22/10/1999	29022290	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 8.50 Sinh học: 7.75 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 3.80
TÔ THỊ HƯƠNG GIANG	06/09/1999	29015543	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.25 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 7.60
TRẦN THỊ CHÂU	10/12/1999	29004904	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.80
HOÀNG THỊ ANH	11/01/1999	29014274	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ HƯƠNG	18/08/1999	29014497	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.60
HOÀNG NGHĨA DŨNG	07/12/1999	29008650	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.40
HOÀNG VĂN HẢI	16/01/1999	29027886	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ THANH	21/05/1999	29021292	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 7.80
TRẦN THỊ NA	14/11/1999	29021188	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 1.80
THÁI HỮU LÂM	19/08/1999	29030028	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN QUANG THẮNG	19/10/1998	29024053	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN VĂN QUANG	09/06/1999	29014707	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.80
HÀ THỊ DUNG	10/08/1999	29003737	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.00 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN DUY HÙNG	16/01/1999	29029964	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.80

NGUYỄN THỊ THÁI BẢO	27/12/1999	29025928	Toán: 9.40 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 9.40
ĐÀM THỊ MAI ANH	11/10/1999	29017083	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.80
VÕ VĂN TUẤN	22/05/1999	29028227	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.50 GDCD: 6.75 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THÁI NGUYỄN	08/08/1998	29000737	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 2.83 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.25 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN THỊ HẰNG	11/11/1999	29021044	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN ANH TUẤN	02/11/1999	29028216	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.80
ĐẬU THỊ VINH	20/01/1999	29015352	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 3.50 GDCD: 6.50 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.00
LÊ ĐÌNH NAM	11/07/1999	29022371	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 6 Tiếng Anh: 4.00
PHẠM THỊ TỔ UYÊN	12/09/1999	29010017	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 7.80
NGUYỄN THỊ HOA	07/11/1999	29008723	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.20
MAI NHƯ QUỲNH	19/12/1999	29026477	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 10.00 Sinh học: 8.75 KHTN: 7.67 Tiếng Anh: 7.60
NGUYỄN THỊ KIỀU TRINH	03/04/1999	29024646	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ HUYỀN TRANG	02/08/1999	29023383	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 3.80
ĐẬU THỊ LY	08/03/1998	29027443	Toán: 1.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.25 GDCD: 7.75 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THÀNH LONG	10/08/1999	29026284	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 6.00 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 8.00
HỒ THỊ NHẬT HUYỀN	22/09/1999	29019467	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 5.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN XUÂN SƠN	17/04/1999	29003277	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.80

XÃ VĂN SƠN	28/04/1999	29020803	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 1.60
LƯU THỊ HỒ THƯƠNG	14/01/1999	29024082	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 5.80
PHẠM HÙNG MẠNH	27/10/1999	29015858	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN LÊ NHẬT ANH	26/03/1999	29027822	Toán: 7.40 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 8.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ ANH THƠ	13/04/1999	29026991	Toán: 7.20 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 6.80
NGUYỄN NGỌC HUY	13/05/1999	29025459	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 3.00 GDCD: 5.00 KHXH: 3.33 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN CẢNH TUẤN	13/04/1999	29022623	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN NGỌC THƯ	23/11/1999	29009941	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 4.00
PHẠM ĐỨC CÔNG	21/01/1999	29012663	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 1.80
HỒ TRỌNG NAM	10/04/1999	29015883	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.00
HOÀNG NGỌC HỮU	05/06/1999	29006053	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 8.00
CHU THỊ HỒNG NHUNG	13/05/1999	29004551	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN VĂN HẢI	13/02/1997	29029354	Toán: 6.60 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.00
NGUYỄN THỊ HẠNH	04/06/1999	29019341	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 4.20
ĐỖ THỊ YẾN	07/08/1999	29016578	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.50 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN ĐỨC KHIÊM	26/10/1998	29004254	Toán: 8.80 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.25
BÙI THỊ HẠNH	14/03/1999	29000150	Toán: 2.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.80

LÊ VĂN DUY	19/03/1999	29007831	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 1.00 Hóa học: 2.00 Sinh học: 2.50 KHTN: 1.83 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.40
LÊ KHẮC LINH	07/07/1999	29021872	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 2.60
PHẠM VĂN LÃM	27/02/1999	29010459	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.25 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 2.40
LƯƠNG THỊ THU GIANG	10/03/1999	29012720	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 8.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM THỊ NHUNG	16/04/1999	29021212	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 8.00 Sinh học: 7.75 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 3.20
LÔ THỊ HẬU	23/10/1999	29013541	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN VĂN LINH	19/08/1997	29015011	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.42 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 1.40
NGUYỄN QUỐC BẢO	05/02/1999	29026734	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 3 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN VĂN HÙNG	15/01/1999	29017971	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ HOÀI LINH	10/04/1999	29002461	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 3.00
ĐÀO CÔNG HÀO	26/10/1999	29001325	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ NHUNG	03/09/1998	29007370	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 2.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.40
VÕ VĂN KHÁNH	02/10/1999	29021849	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 4.20
PHAN THỊ HUYỀN TRANG	02/07/1999	29005354	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ THU	10/10/1998	29007767	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ TÚ UYÊN	15/07/1999	29028237	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.20
PHẠM ĐỨC MẠNH	02/08/1998	29006087	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.00 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 2.80

XÔNG MÁI LẦU	20/07/1999	29008319	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN NAM	17/08/1999	29028554	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.00
TRƯƠNG ĐÌNH SƠN	28/03/1999	29019788	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25
BẠCH HƯNG NHO	02/02/1999	29012283	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN HỮU TÀI	11/10/1999	29018894	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 5.20
LÊ THỊ TÂM	19/05/1999	29018714	Toán: 2.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 4.00
HỒ THỊ HIỂU	20/09/1999	29017929	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 4.00
BÙI HUY THẢO	20/11/1992	29026687	Toán: 3.60 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.50
NGUYỄN ANH TUẤN	25/01/1999	29006763	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ HÒA	21/10/1998	29029920	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.25 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG THỊ LY	18/09/1997	29008093	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 2.25 KHTN: 2.92 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 4.75
NGUYỄN THANH THÁI	24/07/1994	29026684	Toán: 9.80 Vật lí: 7.75 Hóa học: 9.75 Sinh học: 9.00 KHTN: 8.83
NGUYỄN THỊ KHÁNH LY	09/10/1999	29009199	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ HÀ MY	03/10/1999	29024469	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ HẠNH	16/11/1999	29001318	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.60
HỒ VĂN LỰC	25/10/1998	29019142	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.00 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THANH NGÀ	09/05/1999	29027998	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 7.00
NGUYỄN THỨC THẮNG	08/11/1999	29020030	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.60

LÊ HOÀNG VIỆT	18/12/1999	29010022	Toán: 8.60 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN KHẮC LƯƠNG	25/02/1999	29029110	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN SỸ QUYỀN	08/01/1999	29029206	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.80
BÙI THỊ HẢO	04/09/1999	29001903	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN THỊ TÌNH	01/02/1999	29002974	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 2.00
CAO THỊ HÀ	09/05/1999	29018421	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.00
CAO PHƯƠNG THẢO	20/06/1999	29005289	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.80
ĐÀM XUÂN TIẾN	07/01/1998	29006659	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN TRỌNG HOÀNG	13/10/1999	29029934	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.80
ĐÀO THỊ ĐẠT	26/06/1999	29000656	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.33 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN THỊ TÂM	27/02/1999	29001139	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.83 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75
PHAN THỊ BÌNH	06/09/1999	29011932	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN HỮU TÚ	04/08/1999	29011824	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ CHÍNH	23/08/1999	29018373	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 6.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ THÚY SƯƠNG	27/02/1999	29009878	Toán: 3.80 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 9.75 GDCD: 7.50 KHXH: 8.67 Tiếng Anh: 3.40
CAO BÁ LÂM	22/03/1999	29005711	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN THIÊN	28/11/1999	29023350	Toán: 7.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 3.40

NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	20/03/1999	29010438	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN VĂN TIẾN	24/09/1999	29018993	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ HỒNG MINH	18/11/1999	29025545	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.5 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.25 GDCD: 5.25 KHXH: 3.92 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN VĂN LƯƠNG	03/10/1999	29017363	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.40
CAO THỊ THU	16/08/1999	29005312	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN ĐÌNH LUẬN	16/06/1999	29014559	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.80
LÊ VIẾT THỐNG	18/08/1999	29030715	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.80
HOÀNG BÁ TUẤN	19/05/1999	29001187	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 1.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 2.67 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.25
NGUYỄN VĂN THẮNG	17/12/1999	29026986	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 3.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.60
HOÀNG VĂN CHÍNH	20/12/1999	29000643	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 6.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 6.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.60
TẶNG VĂN MẠNH	23/06/1999	29012834	Toán: 4.80 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN DUY THUẦN	26/06/1999	29014162	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 5.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.60
LƯU VĂN ĐĂNG	09/07/1998	29005983	Toán: 3.80 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.25
NGUYỄN ANH DŨNG	02/09/1996	29017648	Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.00
NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	23/06/1999	29026184	Toán: 3.00 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 9.50 GDCD: 7.50 KHXH: 8.5 Tiếng Anh: 5.60
PHAN THỊ THỦY	15/02/1999	29022505	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 9.00 GDCD: 9.25 KHXH: 8.92 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN THỊ HẰNG	01/11/1999	29001000	Toán: 5.40 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.33 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.25

ĐINH THỊ GIANG	16/02/1999	29029838	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 2.80
HỒ VIỆT HUY	30/10/1999	29009638	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.00
VŨ THỊ QUỲNH	10/09/1999	29018890	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN HUY TUẤN ANH	31/12/1997	29010041	Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.00
NGUYỄN NGỌC LÊ	17/01/1999	29018829	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 8.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 7.80
HỒ SỸ NAM	12/08/1999	29015881	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 5.00
HÀ KHÁNH LINH	09/06/1999	29006460	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 4.20
NGÔ SỸ KHẢI	06/02/1997	29010112	Toán: 2.80 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.00
TRẦN THỊ TRANG	28/02/1999	29006703	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ TRÂM ANH	10/09/1999	29009433	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 6.40
NGUYỄN LƯƠNG TĂNG	18/11/1998	29008120	Toán: 7.80 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.25
TRỊNH THỊ ÁNH	28/06/1998	29023430	Toán: 9.20 Vật lí: 8.50 Hóa học: 7.75
LÊ HỮU LỊNH	11/02/1999	29030054	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.25 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 4.00
LÊ THỊ THÚY	12/02/1998	29001813	Toán: 8.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 7.75
PHAN THỊ DUNG	19/06/1999	29007557	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 6.20
TRẦN THỊ MỸ LINH	01/12/1999	29028515	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN XUÂN NGỌC	11/10/1999	29013259	Toán: 5.80 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.20
DƯƠNG VĂN ĐỨC	24/11/1999	29013513	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.00

NGUYỄN PHƯƠNG UYÊN	25/10/1999	29024677	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 9.80
TRẦN THỊ THƠM	15/08/1999	29030723	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THÙY DƯƠNG	09/12/1999	29026012	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 9.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 9.00
LÊ THỊ CÚC	12/03/1999	29019244	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM CÔNG TRƯỜNG	14/04/1999	29009345	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ VÂN	24/01/1998	29003588	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THẾ CƯỜNG	15/10/1998	29023440	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.00 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM THỊ PHƯƠNG THẢO	17/02/1999	29009917	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.60
ĐÀO VĂN DŨNG	01/06/1999	29001859	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ THẨM	04/04/1999	29008945	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 6.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.60
BÙI ĐỨC TRUNG	13/02/1999	29002986	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.08 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.00
HỒ THỊ DUNG	02/01/1999	29024196	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.00 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.80
TRỊNH THỊ PHƯƠNG THẢO	16/06/1999	29005917	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN TRỌNG VIỆT	10/07/1999	29023081	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.25 GDCD: 7.50 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THÚY HIỀN	05/12/1999	29003845	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 5.40
NGÔ SỸ PHÁT	20/09/1999	29029182	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ TUYẾT SƯƠNG	16/02/1999	29004607	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.20

PHẠM VĂN TẤN	09/03/1999	29029237	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.50 KHXH: 8.42 Tiếng Anh: 4.60
LÊ THỊ PHƯƠNG	25/06/1999	29005217	Toán: 8.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 6.80
TRẦN THỊ LINH	03/07/1999	29001052	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.5 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 5.75
NGÔ THỊ TUYẾT SƯƠNG	12/09/1999	29005266	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.20
VI VĂN THUẬN	02/12/1999	29013752	Toán: 2.40 Ngữ văn: 2.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.25 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 4.20
NGÔ QUANG TRƯỜNG	27/09/1999	29005378	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ HOÀI	05/01/1999	29001932	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 8.50 Sinh học: 8.25 KHTN: 7.83 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN TRUNG KHÁNH	24/07/1999	29009674	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ THẢO	20/10/1999	29017526	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.60
LÊ ĐÌNH ĐỨC	25/05/1999	29003095	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 9.25 GDCD: 8.50 KHXH: 8.75 Tiếng Anh: 3.80
LÊ CẢNH TRƯỜNG	28/01/1999	29023049	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.40
HỒ HOÀNG THÁI BẢO	17/12/1998	29015912	Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 9.75
NGUYỄN TRỌNG ĐỨC HIỆP	02/09/1999	29013138	Toán: 7.00 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 4.80
PHẠM VĂN NAM	23/04/1999	29012844	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.80
ĐẬU THỊ THÙY DUNG	09/08/1999	29017136	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN LỰC	09/05/1999	29028527	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN LỘC	12/12/1999	29001475	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 4.00

ĐẬU THỊ TÚ AN	01/01/1999	29009408	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.50 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN QUỐC BÌNH	08/04/1999	29009468	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 8.60
LÊ THỊ LY	24/11/1999	29001487	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN VĂN THÔNG	05/04/1999	29007141	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 3.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM THỊ LÊ SÂM	22/11/1999	29011771	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN VĂN HẠNH	11/10/1999	29004405	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN THỊ MAI	30/06/1999	29022353	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG THỊ THU TRANG	25/03/1999	29001692	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ HÀ	18/06/1999	29022775	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ NGÂN	10/11/1999	29016830	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 6.75 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VIỆT THÁI	17/12/1998	29020004	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.00
BÙI ĐỨC HÙNG	30/10/1992	29021472	Toán: 1.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.25
PHẠM THANH SƠN	24/12/1996	29026678	Toán: 5.40 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.50
NGUYỄN THỊ HÒA	13/08/1999	29001385	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN TRỌNG PHONG	20/11/1999	29030192	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ VÂN ANH	23/08/1999	29011910	Toán: 5.80 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 1.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 2.92 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.60
NGÔ THỊ HUỆ	26/02/1999	29009627	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 7.00 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 3.20

LÔ THỊ LAN	06/03/1999	29013601	Toán: 1.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.40
LÊ THỊ ĐIỀU LINH	11/01/1999	29008086	Toán: 1.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.75 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 3.50
NGUYỄN THANH LÂM	14/07/1999	29007322	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 2.40
PHAN THỊ MỸ HẠNH	07/09/1999	29007849	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 6 Tiếng Anh: 4.60
LỮ THỊ HỒNG NHUNG	27/02/1999	29025576	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN HỒNG ÁNH	03/06/1999	29018728	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 6.40
ĐINH THỊ TÂM	20/04/1999	29020445	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN HỮU TRƯỜNG	22/01/1999	29009342	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.17 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.50 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN ĐĂNG CẢNH	20/07/1999	29029739	Toán: 4.20 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.00
PHAN CÔNG BÌNH	14/08/1999	29007223	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 3.20
HÀ QUANG ĐIẾP	06/10/1999	29003379	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN XUÂN BA	18/03/1998	29015911	Toán: 6.20 Vật lí: 4.50 Hóa học: 6.75
HỒ XUÂN HỮU	10/09/1998	29002437	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM VĂN THÀNH	18/11/1999	29021296	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN TRUNG KIÊN	15/08/1993	29027689	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.00
NGÔ THỊ TRÀ MY	25/07/1999	29013234	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 9.00
LÊ NGUYỄN THU UYÊN	18/09/1999	29002156	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN CÔNG HUY	01/12/1997	29027679	Toán: 3.80 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.50

TRẦN THỊ HẬU	17/08/1999	29012044	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 5.60
PHẠM THỊ MINH	20/09/1999	29008832	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	14/08/1999	29026510	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 6.80
TRẦN HOÀNG PHÚC	23/09/1999	29025199	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 8.00 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ THẢO	25/04/1999	29020017	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN SỸ HÙNG	15/03/1999	29022297	Toán: 8.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN VĂN TRUNG	23/04/1998	29002657	Toán: 3.80 Ngữ văn: 2.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 4.25 KHXH: 4.08 Tiếng Anh: 2.60
VÕ THỊ LAN HƯƠNG	22/01/1999	29011675	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN TÙNG	01/06/1996	29010224	Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.75
TRƯƠNG TUẤN KHANG	27/01/1999	29005079	Toán: 1.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.00
PHAN THỊ HOÀI THU	20/09/1999	29009928	Toán: 2.60 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 5.75 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 5.00
VÕ VĂN DẦN	23/12/1999	29022211	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 2.60
CAO VĂN THIỆN	12/06/1999	29006619	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 2.20
VI VĂN MINH	16/06/1999	29014606	Toán: 1.80 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ NHÀN	07/06/1999	29030156	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.20
KHA HƯƠNG TRÀ	03/10/1999	29025735	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 3.60
HỒ TRỌNG LONG	11/11/1999	29018574	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.60

QUANG VĂN QUÝ	03/02/1999	29020786	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.00 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.20
HÀ THỊ MƠ	20/03/1999	29025144	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ TÚ QUYÊN	07/07/1999	29014721	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN HOÀNG ANH	05/09/1999	29014880	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 2.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ ANH THÚY	02/09/1999	29023359	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN ĐÌNH THÁI	16/06/1999	29022065	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 5.75 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 1.40
LÊ MẠNH HÙNG	03/01/1999	29003407	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 3.20
NGÂN ĐỨC TRUNG	12/12/1999	29019038	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.80
VÕ THỊ TÚ UYÊN	24/11/1999	29024682	Toán: 3.80 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.50 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 6.20
CAO XUÂN ĐẠT	15/03/1999	29002797	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.83 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 9.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ THÚY QUỲNH	03/04/1999	29020434	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 4.00
LŨ THỊ MẠO	05/10/1999	29013643	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.25 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 1.60
LÊ THỊ MAI	03/03/1999	29005756	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.80
VÕ THỊ MINH	26/03/1998	29021181	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN KẾ TRUNG	02/10/1998	29010803	Toán: 9.80 Vật lí: 8.25 Hóa học: 9.75
SẦM THỊ THUYỀN	20/04/1999	29015205	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ THU THỦY	01/11/1999	29011086	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 3.20

NGÂN THỊ BIÊN	28/02/1999	29013476	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ THÚY NGÂN	07/10/1999	29017406	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN ĐÌNH QUYẾT	16/08/1999	29008906	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.40
PHÙNG VĂN THÔNG	15/05/1998	29001812	Toán: 7.80 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.75
NGUYỄN HOÀNG SƠN	08/08/1998	29003657	Toán: 6.40 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.00
THÁI ĐỨC TÙNG	16/05/1999	29020527	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 5.20
LÔ ĐỨC KHẢI	04/06/1999	29014498	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN CÔNG THỨC	15/02/1999	29011799	Toán: 9.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 7 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN VĂN AN	15/09/1999	29006250	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 3.60
ĐÀM THỊ THẢO	22/08/1999	29018159	Toán: 8.80 Ngữ văn: 8.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 4.40
LÊ THỊ NHẬT LỆ	25/11/1999	29012811	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN TUẤN	12/07/1999	29015316	Toán: 7.20 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ HẠNH	22/12/1999	29022779	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 9.80
BẠCH THỊ VÂN	22/06/1999	29015338	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 8.75 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 3.60
TRƯƠNG THỊ LƯƠNG	13/02/1999	29019584	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ THẢO	13/04/1999	29029254	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG VĂN MỸ	25/11/1999	29021919	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.40

NGUYỄN VIỆT HOÀNG	21/11/1997	29005654	Toán: 1.20 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 5.75 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 3.80
CAO THỊ HIẾU	25/02/1999	29007624	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.40
VŨ ĐỨC TÙNG	07/01/1997	29026709	Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25
LÊ THỊ THỦY	10/04/1999	29001662	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.00
VI VĂN ĐẠT	04/01/1998	29014771	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.75
TRẦN THỊ KIM PHƯƠNG	25/07/1999	29000485	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.40
BÙI ĐỨC NAM	18/05/1999	29023901	Toán: 7.80 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 6 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN HÀ CẨM TÚ	31/05/1999	29027085	Toán: 9.00 Ngữ văn: 9.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 9.80
NGUYỄN THỊ QUỲNH	25/02/1999	29011030	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 8.50 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN NGỌC SƠN	10/03/1999	29014744	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.00 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 3.40
LÊ TUẤN HIỆP	19/06/1999	29009124	Toán: 6.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ MINH	07/06/1999	29019606	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN SÁNG	12/02/1999	29008915	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.80
HỒ THỊ HƯƠNG	07/10/1999	29015708	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN XUÂN HẠNH	09/03/1999	29004406	Toán: 7.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ HÀ	04/09/1999	29015549	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 4.20
ĐỖ ĐỨC TƯỜNG	16/09/1999	29003576	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 2.80
LÊ THỊ NHUNG	02/03/1999	29000452	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 4.60

LÊ TRÍ QUÂN	15/08/1999	29000755	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.17 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 6.00
VÕ ĐÌNH VƯỢNG	15/11/1998	29028261	Toán: 1.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.50 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ THU	17/05/1999	29004670	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN VĂN HUY	20/12/1999	29023216	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 9.00 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN SỸ HỒNG	26/09/1999	29000251	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN QUỲNH DIỆP	22/12/1999	29025978	Toán: 7.80 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 9.00
NGUYỄN XUÂN THẮNG	26/02/1999	29028676	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 9.25 Sinh học: 9.25 KHTN: 8.5 Tiếng Anh: 6.80
MAI THỊ THANH THẢO	14/02/1999	29017524	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN THỊ MAI LINH	19/06/1999	29026857	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.60
LANG VĂN TRINH	12/11/1999	29020155	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.60
LÊ THỊ THANH HÀ	11/09/1999	29024262	Toán: 9.60 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 9.60
CAO DANH TÙNG	18/10/1999	29006769	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.00
ĐẶNG THỊ MINH	11/10/1999	29006093	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.50
TRẦN BÁ CƯỜNG	09/04/1999	29001255	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN BIỂN	25/04/1999	29019221	Toán: 1.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 5.75 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN ĐỨC TÚ	28/01/1999	29000884	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.5 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.80
HOÀNG LÊ THÙY DUNG	26/09/1999	29006291	Toán: 8.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 6.25 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 7.00

HỒ THỊ THÚY	13/02/1999	29018964	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ DỰ	14/07/1999	29028332	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ THUỖ DƯƠNG	27/04/1999	29017154	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.00 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 6.80
VÕ THỊ NGỌC	22/10/1999	29027489	Toán: 2.80 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ THU HÀ	10/04/1999	29018424	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ XUÂN	25/05/1999	29000621	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN ĐĂNG TÚ	25/04/1999	29002998	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 6.40
HỒ THỊ THUỖ HẰNG	02/01/1999	29015581	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.00 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN HẢI HƯNG	01/03/1999	29028467	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 2.50 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ THÙỖ DƯƠNG	21/12/1998	29023444	Toán: 8.40 Hóa học: 9.00 Sinh học: 9.25
PHAN KHÁNH QUỲNH	10/03/1999	29029214	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.80
NGÔ TRÍ HUY	14/01/1999	29023214	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.83 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 5.25 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM VĂN TÀI	02/01/1999	29001599	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 5.25 KHXH: 3.83 Tiếng Anh: 3.00
QUANG THỊ GIANG AN	10/08/1999	29013458	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ HẰNG	04/01/1999	29008704	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN TRỌNG ĐÀN	12/10/1998	29021643	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.80
ĐẶNG THỊ NA	01/02/1999	29030116	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 5.80

LANG THỊ HIỀN	24/05/1999	29020636	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.58 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN ĐÌNH BÌNH	02/02/1999	29022718	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.40
PHẠM ĐÌNH THỊNH	26/03/1999	29002956	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.25 Hóa học: 1.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 2.67 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.40
ĐẶNG THỊ HÀ	04/02/1999	29029846	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.20
ĐẬU THỊ TRANG	11/04/1999	29006690	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 6.25 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.80
HOÀNG VĂN TIẾN ANH	12/07/1999	29019178	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN CÔNG LÂM	26/06/1999	29002455	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN ĐỨC THẮNG	10/02/1999	29030701	Toán: 7.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 3.60
VÕ VĂN HIẾU	11/08/1997	29010096	Toán: 6.40 Vật lí: 4.75 Hóa học: 6.75
PHẠM THỊ TÂM	10/05/1999	29027600	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ LÊ VI	28/05/1999	29019100	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 2.40
BÙI HỮU SANG	13/12/1999	29000504	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN ĐÌNH NGHĨA	08/02/1996	29026662	Toán: 4.40 Vật lí: 2.75 Hóa học: 1.75
NGUYỄN VĂN HÙNG	04/08/1999	29018811	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 3.80
VÕ THẾ CƯỜNG	12/05/1999	29027218	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 6.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.40
PHAN TRỌNG ĐỨC	18/08/1999	29029831	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ THẢO NGUYỄN	14/12/1999	29010569	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.80
LƯƠNG THẾ MỸ	10/04/1996	29001079	Toán: 5.40 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.50

HỒ THỊ HIỀN	03/08/1999	29015597	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ LINH	01/01/1999	29013209	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN THỊ LOAN	02/02/1999	29016769	Toán: 6.80 Ngữ văn: 8.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 6.00 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 3.80
LÊ VĂN PHONG	29/09/1999	29004080	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 4.75 KHXH: 3.92 Tiếng Anh: 2.80
THÁI BÁ ĐẠT	26/08/1999	29000116	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN SỸ HÙNG	08/01/1999	29024333	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ THU THANH	13/08/1999	29008933	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN XUÂN CHINH	09/01/1998	29004220	Toán: 8.60 Hóa học: 9.25 Sinh học: 8.75
TRẦN VĂN CHUNG	01/05/1999	29020578	Toán: 1.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 1.40
LÊ NGỌC HUYỀN MY	28/10/1999	29026335	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 5.00
HOÀNG THỊ HIỀN	17/02/1999	29028395	Toán: 5.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN HỒNG THÁI	10/02/1999	29029594	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN ĐỨC HẢI	05/03/1999	29015562	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HẰNG	20/10/1999	29001908	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 7.00 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 5.60
XÊ THỊ DIỆN	03/05/1999	29020592	Toán: 1.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.75 GDCD: 5.00 KHXH: 3.92 Tiếng Anh: 3.00
VI VĂN ĐẠI	01/01/1998	29013911	Toán: 1.40 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 2.50 GDCD: 5.00 KHXH: 3.42 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN DŨNG	08/02/1999	29026761	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.58 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 5.20

NGUYỄN THỊ THU	13/01/1997	29014845	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.50 Tiếng Anh: 7.20
TRẦN THỊ HƯỜNG	22/09/1999	29028477	Toán: 9.40 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 9.00 Hóa học: 9.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 5.20
ÂN TUẤN DƯƠNG	03/11/1999	29011976	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ THANH NGÀ	19/09/1999	29022903	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.80
VŨ DANH TUẤN	17/07/1999	29029662	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 1.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 3 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ HOÀI THƯƠNG	06/11/1999	29023361	Toán: 9.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 9.00 Hóa học: 9.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.75 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN PHÙNG TÀI	12/03/1999	29021283	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.80
VI VĂN SỸ	20/01/1999	29012359	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ BÍCH LOAN	17/02/1999	29016768	Toán: 8.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 9.20
NGUYỄN HOÀNG LỘC	25/09/1998	29021157	Toán: 1.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ BÍCH	10/09/1999	29028870	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ LOAN	20/03/1999	29018573	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN XUÂN QUỐC	13/04/1999	29007729	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.60
VƯƠNG QUỐC HẢI	20/05/1999	29016601	Toán: 7.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN ĐỨC	08/10/1997	29010085	Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 9.00
NGUYỄN THỊ DUNG	22/01/1999	29000090	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 5.00
TRƯƠNG TẤN DŨNG	10/09/1998	29010729	Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 9.75

NGUYỄN ĐOÀN THANH TÙNG	28/09/1999	29015321	Toán: 7.40 Ngữ văn: 2.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 4.80
HỒ NGUYỄN TÀI	18/11/1995	29024859	Toán: 1.80 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.25
PHAN THỊ DUYÊN	10/10/1997	29006891	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN NHƯ QUỲNH	08/09/1999	29004119	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.20
ĐINH THỊ THÚY VY	02/02/1999	29024694	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN DUY PHI	07/03/1998	29007073	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.00 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 2.80
HỒ THỊ QUẾ	01/01/1999	29016276	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.00
NGÔ SỸ CẢNH TOÀN	28/05/1999	29011529	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.00
ĐỒNG VĂN ĐẠT	15/04/1999	29011983	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN ĐỨC QUANG	25/05/1999	29002892	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.08 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ THU HẰNG	12/05/1999	29004414	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 6.40
ĐÀO TUẤN ANH	10/01/1999	29023546	Toán: 2.40 Ngữ văn: 2.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.25 KHTN: 3.17 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN THỊ HOA	21/06/1999	29029915	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ ĐƯỜNG	28/10/1999	29000131	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.20
LƯƠNG VĂN HÙNG	20/02/1998	29003628	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.80
CHU MINH HIẾU	15/12/1995	29021467	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 7.50
TRƯƠNG THỊ THANH	01/04/1999	29015115	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THANH THANH	25/09/1999	29004160	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.40

TRẦN THỊ LÝ	17/05/1999	29030545	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 5.80
TRẦN THÚY HẰNG	10/01/1999	29021045	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN VĂN QUYỀN	03/04/1999	29021251	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN NGỌC QUÝ	19/03/1999	29022413	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 2.00 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 1.20
ĐOÀN THỊ THU PHƯƠNG	13/03/1999	29006553	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.17 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.80
VI THỊ NHẬN	21/08/1994	29024826	Toán: 7.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.75
LÔ THỊ TÍM	17/04/1999	29020840	Toán: 6.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.25 KHXH: 8.33 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ KHÁNH HÒA	15/05/1999	29022280	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 9.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 6.20
LÊ VŨ THÀNH CÔNG	18/02/1999	29025965	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 4.40
TRỊNH THỊ LINH	10/04/1999	29022347	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	10/03/1999	29000283	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VĂN LINH	22/01/1996	29015968	Toán: 3.40 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.00
HOÀNG THỊ HẢI LY	13/05/1999	29022882	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH	20/10/1999	29015570	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.00 KHXH: 8.58 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN THỊ TRANG	22/04/1999	29029322	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.60
NGÔ VĂN PHI	31/05/1999	29011453	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.60
QUANG VĂN THẾ	04/02/1999	29015152	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.80

NGUYỄN VĂN BẢO	10/02/1999	29009462	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ TRINH	18/08/1999	29011130	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.75 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.40
ĐẬU THỊ TÚ	03/01/1999	29012977	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ HẠNH	09/08/1998	29005599	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.80
PHAN THỊ TÌNH	20/12/1999	29029311	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 1.50 GDCD: 2.50 KHXH: 2.25 Tiếng Anh: 3.40
HỒ THỊ LÀI	27/03/1999	29015740	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 5.00
ĐẬU THỊ NGÀ	27/02/1999	29023270	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 3.80
LÊ THỊ CHI	29/01/1999	29017119	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.25 GDCD: 5.50 KHXH: 3.83 Tiếng Anh: 3.80
LÔ HỮU THANH	13/09/1999	29013720	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 4.00
ĐẬU THỊ DUNG	21/08/1999	29003736	Toán: 1.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.75 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.40
CAO THỊ HÀ	25/12/1999	29006335	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 7.00
NGUYỄN THỊ THANH	10/01/1998	29001615	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.40
VI CÔNG THÀNH	27/05/1999	29023338	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.33 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ THU PHƯƠNG	18/06/1999	29026442	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 9.25 Địa lí: 9.50 GDCD: 9.25 KHXH: 9.33 Tiếng Anh: 5.80
MAI THỊ THU TRANG	16/02/1999	29021378	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ PHƯƠNG	06/10/1999	29004094	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.50 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.80
NGÔ SỸ TUẤN	01/05/1998	29011160	Toán: 2.80 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.00 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.60

PHẠM HỒNG SƠN	21/11/1999	29010627	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GD&CD: 8.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.80
LÂM BẢO NGỌC	25/05/1999	29009222	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 9.40
LÊ SỸ ĐẠT	01/01/1999	29002798	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.67 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.00 GD&CD: 7.25 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ HƯƠNG MƠ	20/12/1999	29010967	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ LY	26/08/1999	29020703	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75 GD&CD: 9.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	29/12/1999	29027831	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 4.80
TRẦN VĂN HUY	20/09/1999	29009647	Toán: 6.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GD&CD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HOÀI THƠ	05/04/1999	29026521	Toán: 8.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 8.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 4.40
PHẠM THỊ LAN ANH	14/06/1999	29025896	Toán: 8.80 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.25 GD&CD: 8.75 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 8.80
LÊ THỊ NHÂN	12/07/1996	29001789	Toán: 7.80 Hóa học: 8.00 Sinh học: 8.50
PHAN THỊ THỦY	04/03/1999	29023009	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GD&CD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.40
HÀ ANH TÚ	15/02/1999	29004770	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ QUYÊN	19/05/1999	29003263	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GD&CD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN ĐỨC THẮNG	22/02/1999	29025664	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ DUNG	01/06/1998	29029773	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GD&CD: 9.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ HÀ	20/01/1999	29010354	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.75 GD&CD: 8.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN SỸ QUÂN	08/08/1999	29016274	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GD&CD: 6.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.00

PHAN THỊ TRÂM	25/12/1998	29007451	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.00
VŨ BÁ HỮU	02/01/1999	29003168	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.80
XEO VĂN KHUYÊN	09/10/1999	29020678	Toán: 2.40 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 3.25 GDCD: 4.50 KHXH: 3.92 Tiếng Anh: 1.20
HOÀNG VĂN KHÁNH	17/07/1999	29007313	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 1.25 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ LIÊN	10/08/1999	29016747	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN LƯU TÚ UYÊN	14/04/1999	29024676	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 9.00
NGÔ VĂN TRƯỜNG	28/02/1999	29009996	Toán: 9.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 9.25 Hóa học: 8.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 7 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ THẢO	26/04/1999	29021312	Toán: 4.00 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.25 KHXH: 8 Tiếng Anh: 3.00
NGÔ ĐỨC THIỆN	28/01/1999	29005304	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG THỊ GIANG	09/09/1997	29025401	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.17 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN KHÁNH LINH	14/02/1999	29005121	Toán: 7.00 Ngữ văn: 8.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 8.20
NGUYỄN ĐÌNH NGUYỄN	30/10/1994	29024822	Toán: 8.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 9.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 6.42
NGUYỄN VĂN TUẤN	09/06/1999	29023400	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 4.80
ĐẶNG THỊ AN BÌNH	04/12/1999	29006270	Toán: 8.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 8.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 8.60
HOÀNG MINH TRÍ	06/08/1999	29024101	Toán: 9.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN BẰNG HÂN	23/09/1999	29005002	Toán: 5.60 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ TUYẾT	05/02/1999	29028780	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 8.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.60

CAO XUÂN QUANG	07/01/1998	29013301	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.00 Sinh học: 2.25 KHTN: 2.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM DUY ĐỨC	04/10/1998	29008060	Toán: 5.40 Vật lí: 4.75 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ THU TRANG	26/10/1999	29003340	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 2.50 GDCD: 6.50 KHXH: 3.75 Tiếng Anh: 2.60
ĐẬU ĐĂNG CHIẾN	10/09/1999	29005969	Toán: 4.00 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25
ĐINH THỊ TUYẾT	26/08/1999	29011835	Toán: 2.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 1.80
ĐẶNG THÁI SƠN	28/08/1999	29002911	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.17 Tiếng Anh: 2.40
VŨ THỊ VINH	31/01/1999	29004837	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 6.50 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 3.40
VI THỊ HOÀI	17/12/1999	29025443	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.00 KHXH: 8.33 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN THỊ XUÂN	12/03/1999	29001208	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 1.50 Hóa học: 2.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 2.58 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.75
PHAN BÁ DŨNG	10/07/1999	29023654	Toán: 9.00 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.80
ĐÀO NHẬT LINH	11/10/1999	29025503	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN TRỌNG THÀNH	26/10/1999	29010657	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN NGỌC HẢI	22/09/1999	29009553	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 5.60
TRẦN ĐỨC KHÁNH	23/11/1999	29000308	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN THỊ THƯƠNG	18/02/1999	29009948	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN MINH HOÀNG	05/07/1999	29014460	Toán: 4.20 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 1.60
PHAN SỸ THÀNH NAM	18/04/1999	29023911	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 10.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 7.80
NGUYỄN THỊ THANH MAI	08/07/1999	29023876	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 9.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 6.00

TRẦN VĂN TRƯỜNG	21/02/1999	29005384	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.00 GD&CD: 6.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ MINH HẰNG	20/02/1999	29026784	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.50 GD&CD: 6.75 KHXH: 7 Tiếng Pháp: 3.00
NGUYỄN CÔNG ANH	25/06/1999	29000023	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.00 GD&CD: 7.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 4.00
CAO BÁ HOÀNG	08/07/1998	29006030	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.75 GD&CD: 8.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM VĂN BIÊN	13/06/1999	29009074	Toán: 7.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 5.00
TRẦN VĂN HUỖNH	30/03/1999	29011673	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN HỮU ĐỨC	08/11/1998	29021669	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.25 GD&CD: 6.00 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.20
PHẠM VĂN TRỌNG	20/03/1999	29005372	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GD&CD: 7.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.20
VÕ HOÀNG VIỆT	16/02/1998	29010024	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 7.50 GD&CD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG NGỌC CÔNG	02/06/1998	29027636	Toán: 2.60 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.25 GD&CD: 7.25 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ HẰNG	11/11/1999	29009117	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 8.50 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 4.20
LÊ THỊ KHÁNH HUYỀN	03/04/1999	29026821	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 1.25 Hóa học: 2.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.17 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.25 GD&CD: 8.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG HÀ	20/01/1999	29008684	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GD&CD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ HOÀ	20/06/1999	29015628	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.25 GD&CD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.40
CAO VIỆT MINH	08/01/1999	29006092	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25
NGUYỄN ĐÌNH QUÂN	20/03/1999	29000756	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 4.20
LÔ THỊ CƯƠNG	23/09/1999	29012664	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GD&CD: 6.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.40

TRẦN THỊ NHỊ	19/04/1999	29019895	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.75 GD&CD: 9.00 KHXH: 8 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ DIJU	26/06/1998	29011960	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.25 GD&CD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.40
QUANG VĂN NAM	20/03/1998	29013654	Toán: 2.40 Ngữ văn: 1.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 2.00 GD&CD: 4.75 KHXH: 3.58 Tiếng Anh: 3.00
KHA THỊ THUÝ NGA	19/09/1999	29020726	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.50 GD&CD: 7.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN VĂN TÚ	28/06/1999	29025781	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 6 Tiếng Anh: 2.40
CHU THỊ HẰNG	19/06/1999	29004410	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 5.00
TRẦN THỊ THẢO	18/03/1999	29023512	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50
NGUYỄN QUANG NGỌC	19/07/1999	29027484	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GD&CD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN ĐÌNH AN	21/05/1999	29011576	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ PHƯƠNG LINH	07/04/1999	29012184	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 8.25 Sinh học: 9.25 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 2.80
ĐOÀN THỊ THẢO	08/12/1999	29009271	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 8.50 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 2.80
CÙ THỊ NGA	14/02/1999	29015890	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GD&CD: 8.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN VĂN ĐỨC	21/09/1999	29029827	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.50 GD&CD: 7.50 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.00
LÊ ANH VINH	09/06/1999	29023412	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 5.00
ĐẬU THỊ NHẬT QUYÊN	18/06/1999	29023311	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.92 Tiếng Anh: 7.80
NGÔ THỊ QUỲNH	24/06/1999	29005862	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 5.75 GD&CD: 7.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.20
LÊ THỊ TRANG	10/08/1999	29022554	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GD&CD: 9.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.60

NGUYỄN VĂN VŨ	15/12/1999	29022665	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 6.25 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ VÂN	09/09/1999	29001199	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.17 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.75
PHẠM VĂN TÚ	12/03/1999	29002664	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ HUYỀN	12/11/1999	29026827	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.83 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.20
BÙI THỊ HUẾ	08/05/1999	29018808	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.83 Tiếng Pháp: 2.80
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	09/10/1999	29018163	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 4.20
BÙI NGỌC ÁNH	17/08/1999	29017100	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 6.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.20
NGÂN KHAI THIÊN	18/11/1999	29020818	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 3.80
LƯƠNG NGỌC ANH	22/02/1999	29004872	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN HƯƠNG LINH	06/09/1999	29001468	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.00
LÊ VĂN TOÀN	07/09/1998	29023519	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00
ĐÀO CÔNG HỒNG	24/03/1999	29001409	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.80
VŨ TRƯỜNG HUY	03/09/1999	29023802	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 1.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THÀNH ĐĂNG	15/08/1999	29006907	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.40
VI VĂN Ý	09/09/1999	29014213	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 5.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.60
PHAN THỊ HƯƠNG LY	19/02/1998	29029373	Toán: 7.40 Ngữ văn: 8.75 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	03/12/1999	29028605	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.75 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.80

LÊ THỊ QUỲNH	01/04/1999	29021256	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ HẰNG	11/08/1998	29012738	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 2.00 GDCD: 4.75 KHXH: 3 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	21/03/1999	29003292	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 5.00 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.60
VI THỊ HIỀN	20/05/1999	29014425	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 5.50 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ HẰNG	13/05/1999	29029877	Toán: 7.40 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 6.00
TRẦN THỊ THU THỦY	30/09/1999	29018188	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 6.40
NGUYỄN TẮT CHIẾN	20/05/1998	29001743	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ CẨM TÚ	10/02/1999	29027088	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 9.25 Hóa học: 9.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 8.17
NGUYỄN THỊ HẰNG	04/04/1999	29007855	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 2.00 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 3.80
VI VĂN HOÀNG	01/07/1999	29013977	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 4.20
LƯƠNG THỊ DẠ THẢO	26/03/1999	29014147	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.80
LƯU VĂN THUẬN	13/02/1999	29005316	Toán: 9.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 9.00 Hóa học: 9.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 8.08 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN ĐỨC KIÊN	22/05/1999	29010917	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 3.20
LÊ VĂN ĐIẾP	06/07/1999	29019295	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.50 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 1.80
TẠ THỊ HIỀN	19/05/1998	29017228	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG ĐÌNH DU	21/10/1999	29029441	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 3.60
TẠ THỊ MAI TRINH	02/07/1999	29020505	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.00

LÊ VĂN TRUNG	03/04/1995	29027779	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25
LÊ THỊ CẨM VÂN	21/01/1999	29028244	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 6.60
CAO THỊ LÊ	22/10/1998	29006066	Toán: 5.60 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.75 Tiếng Anh: 3.60
LƯU THỊ CÚC	02/01/1999	29029759	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.00 KHXH: 8.33 Tiếng Anh: 3.80
LÊ THỊ HỒNG NGỌC	11/04/1999	29016835	Toán: 8.80 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM VĂN ĐẠT	06/09/1999	29004383	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN THỊ HƯƠNG	30/04/1999	29028475	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ HUYỀN THƯƠNG	27/10/1999	29000840	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 6.00 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 4.20
PHẠM VIỆT ĐĂNG	10/10/1999	29023143	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ QUỲNH ANH	26/06/1999	29008608	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN ĐỨC KIỂM	24/01/1998	29006060	Toán: 5.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50
NGUYỄN THỊ THU HÀ	24/12/1999	29023706	Toán: 9.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 7.00
NGUYỄN VĂN HÒA	24/12/1999	29007870	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.75 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN VĂN TUYẾN	15/08/1999	29007806	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.80
TẠ QUANG MẠNH	04/02/1998	29011559	Toán: 6.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.75
LÊ THỊ HUYỀN TRANG	08/09/1999	29009310	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ NGÀ	20/06/1999	29021939	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.40
ĐẶNG MINH NAM	10/10/1999	29018855	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 8.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN VĂN TUẤN	09/08/1999	29011833	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 4.00

LỮ THỊ MÃO	15/09/1999	29008352	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN THỊ NGỌC	11/06/1999	29016176	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 5.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.80
HOÀNG THỊ PHƯƠNG THẢO	05/05/1999	29012383	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ NA	12/09/1999	29023266	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.67 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 5.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.40
CAO XUÂN MẠNH	14/03/1999	29007696	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG THỊ NHUNG	17/03/1999	29000740	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 2.00 KHTN: 2.58 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 5.25 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ HỒNG	15/12/1999	29019432	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN ĐỨC NGUYỄN	08/07/1999	29010570	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.40
PHẠM THỊ DUYÊN	11/02/1999	29005545	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ HƯƠNG	29/10/1999	29001437	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN THỊ THÚY HẰNG	19/02/1998	29004233	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 2.50 Tiếng Anh: 4.60
HOÀNG DUY THƠ	07/07/1999	29028091	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN PHƯƠNG NAM	18/02/1999	29016817	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN HỮU CƯỜNG	21/08/1997	29030302	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 8.00
BÙI THỊ SEN	02/10/1999	29022036	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.60
CAO DANH PHI	25/04/1999	29009819	Toán: 5.60 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 4.00
VÕ SƠN ĐÔNG	16/07/1998	29005986	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.25

NGUYỄN HỮU ĐỨC	24/12/1997	29026027	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 4.60
LƯƠNG THỊ THỦY	29/09/1999	29015197	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 9.25 GDCD: 7.75 KHXH: 8.33 Tiếng Anh: 3.20
PHAN QUỐC CƯỜNG	13/04/1999	29010294	Toán: 5.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ VÂN	06/11/1999	29022647	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ TÂM	12/10/1999	29008925	Toán: 5.60 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 7.00
NGUYỄN BÁ TUẤN	29/06/1999	29000605	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN THỊ HẰNG	10/05/1997	29012737	Toán: 3.40 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.00 GDCD: 5.50 KHXH: 3.67 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN VĂN HƯỚNG	20/05/1998	29030010	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ LÊ	07/06/1999	29005717	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 5.60
LÊ THỊ CẨM	06/12/1999	29000059	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN ĐÌNH HIẾU	08/04/1998	29012750	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.60
LÀU Y NHÌA	01/05/1999	29025184	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 3.00
PHAN THỊ TRINH	04/06/1999	29030847	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 5.60
ĐẶNG THỊ LƯƠNG	08/01/1999	29018585	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 5.20
HOÀNG KIM ANH	10/04/1998	29025243	Toán: 7.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 5.25
NGUYỄN HỒNG VINH	10/01/1999	29027129	Toán: 4.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 9.50 GDCD: 8.25 KHXH: 8.83 Tiếng Anh: 5.00
HỒ THỊ THUÝ HẰNG	15/01/1999	29023718	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 2.00 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 6.80

TRẦN THỊ THẨM	19/01/1999	29028668	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN ANH TUẤN	13/02/1999	29028217	Toán: 1.80 Ngữ văn: 2.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.20
LÊ VĂN TUYỀN	27/07/1999	29015325	Toán: 0.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ TRANG LINH	28/05/1999	29021153	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.58 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ THÙY LINH	06/07/1999	29021148	Toán: 5.00 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 9.75 GDCD: 8.50 KHXH: 9 Tiếng Anh: 5.40
TRẦN THỊ THẢO	11/10/1999	29002604	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.25 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 4.00
LƯƠNG THÁI ANH	03/11/1999	29014279	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.00 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN NGỌC CÔNG	10/07/1999	29006872	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN THỊ HÒA	01/09/1999	29024315	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.00
NGÔ THỊ DUNG	04/03/1999	29019261	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.50 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ THẢO	02/07/1999	29024037	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 9.25 Hóa học: 8.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 5.60
THÁI THỊ LAN	11/11/1999	29022852	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 9.25 GDCD: 7.50 KHXH: 8 Tiếng Anh: 2.60
NGÔ THỊ HƯỚNG DƯƠNG	16/01/1999	29015494	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 9.25 GDCD: 8.00 KHXH: 8.67 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	10/10/1999	29011916	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 8.50 Sinh học: 8.25 KHTN: 7 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN HỒNG NHUNG	26/03/1999	29007368	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 5.60
PHẠM THU TRANG	23/12/1998	29008017	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 3.20
LÊ VŨ PHƯƠNG ANH	11/05/1999	29023558	Toán: 8.60 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.25 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 8.80

PHAN TRỌNG DỤC	18/08/1998	29029772	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.20
VÕ SỸ MINH	27/05/1999	29007699	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.80
HỒ THỊ XUÂN	11/02/1999	29006245	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.00
PHAN THỊ THU PHƯƠNG	02/02/1999	29025592	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 4 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.80
CAO VĂN VIỆT	13/07/1999	29002777	Toán: 4.60 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.75
LÊ THỊ MAI QUYÊN	16/02/1999	29013313	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.33 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.50 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ NGỌC	28/12/1999	29022918	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 7.40
NGUYỄN CÔNG HUẾ	10/02/1999	29007640	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.50 KHXH: 8.42 Tiếng Anh: 3.80
VI THỊ HÀ GIANG	05/11/1999	29020621	Toán: 2.60 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.25 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN ĐÌNH KHÁNH	05/07/1999	29001970	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 2.00
NGÔ THỊ MAI	19/04/1999	29005140	Toán: 9.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 9.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 7 Tiếng Anh: 9.20
HOÀNG KHẮC ĐẠT	30/09/1999	29010326	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN HỮU THÁI	25/12/1999	29013335	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 2.80
TRƯƠNG CÔNG QUỲỀN	25/01/1999	29014734	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.00
VÕ THỊ THƠ	25/11/1999	29023355	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 1.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.08 Tiếng Anh: 2.00
BÙI VĂN HUY	03/02/1999	29014477	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ THẢO	06/04/1999	29001636	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.80

NGUYỄN HỮU THUẬN	23/07/1998	29017773	Toán: 8.40 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.00
LƯU ĐÌNH THANH	28/03/1999	29011048	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 3.20
LÊ THỊ GIANG	23/09/1999	29028355	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 9.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG THỊ HẠNH	02/06/1999	29021704	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.25 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN HƯỞNG	10/03/1998	29025482	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.40
KHA ĐÌNH ĐẠT	15/01/1999	29024987	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 1.75 KHTN: 3 Tiếng Anh: 2.80
THÁI THỊ MAI	02/10/1999	29006494	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 4.42 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ OANH	16/09/1999	29007721	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.25 KHXH: 8.75 Tiếng Anh: 3.80
ĐINH CÔNG TUẤN ANH	28/02/1999	29000013	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.75 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 4.40
CHU VĂN HIỆP	25/02/1999	29006936	Toán: 3.00 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ YẾN NHI	06/06/1999	29027507	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN THỊ HIỀN	16/05/1999	29028978	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 5.60
VÕ THỊ LINH	08/01/1999	29001469	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ THU	26/10/1999	29020055	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ THÙY	28/04/1999	29023006	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 4.00
TẠ THỊ VY	07/07/1999	29006817	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN DOÃN BẢO CHỨC	15/07/1999	29023631	Toán: 9.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.25 Sinh học: 8.00 KHTN: 8.08 Tiếng Anh: 4.20

PHAN THỊ TRANG	07/10/1999	29015251	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.20
PHẠM THỊ THANH	24/02/1999	29007123	Toán: 8.00 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 6.20
PHẠM THỊ NHUNG	11/08/1999	29030590	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN VĂN THÔNG	10/02/1999	29029283	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN QUỐC QUANG ANH	17/07/1999	29000026	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 9.25 Sinh học: 8.25 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN TRỌNG ĐÀN	01/12/1999	29021642	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ HẠNH	25/03/1999	29001320	Toán: 5.80 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.75 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 5.00
PHAN TIẾN HƯNG	26/09/1999	29012791	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.00 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 3.40
ĐOÀN NGỌC HÀ	02/11/1999	29023703	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VIẾT NGUYỄN	18/10/1999	29029155	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.00
HỒ THỊ HỒNG ĐÀO	04/02/1999	29017156	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ NGỌC HUYỀN	18/03/1999	29026182	Toán: 8.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 8.80
HOÀNG AN	22/02/1999	29011575	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN ĐỨC MẠNH	12/04/1999	29026881	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.08 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.40
ĐẬU ĐỨC HOÀI	17/09/1998	29015940	Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 10.00 Địa lí: 10.00
PHAN THỊ DUNG	21/01/1999	29016116	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN LỆ HẰNG	15/08/1999	29003834	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.60

NGUYỄN CẨM HOÀI THU	01/11/1999	29024587	Toán: 6.00 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.75 GD&CD: 7.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 8.00
NGUYỄN VĂN ĐỨC	03/04/1993	29027657	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.50
LƯƠNG VĂN KHÂM	13/07/1999	29008302	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 2.50 GD&CD: 4.75 KHXH: 3.17 Tiếng Anh: 3.00
CAO THỊ KHÁNH LINH	24/09/1999	29006455	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.20
BÙI ĐỨC TÀI	12/02/1995	29027741	Toán: 2.20 Vật lí: 5.50 Hóa học: 2.00
PHAN ĐÌNH BÁ	03/12/1999	29014296	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.00 GD&CD: 9.00 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN TIẾN THÀNH	19/05/1998	29026686	Toán: 8.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 6.25
NGUYỄN THỊ NHẬT	25/11/1999	29016846	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 3.60
LÊ ĐỨC ANH TUẤN	29/03/1999	29023525	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00
LÊ THỊ THỦY KIỀU	19/03/1999	29010456	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GD&CD: 7.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 5.60
TRẦN THỊ TRANG	05/05/1999	29030832	Toán: 5.60 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GD&CD: 8.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 6.40
NGUYỄN THỊ NGÀ	18/05/1999	29012849	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GD&CD: 9.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.60
LÊ VĂN DƯƠNG	13/02/1999	29004372	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ NGỌC TRÂM	31/03/1999	29023384	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 9.75 Sinh học: 8.75 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 4.60
THÁI THỊ THẢO	25/01/1999	29018925	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GD&CD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM VĂN BIỂN	05/04/1999	29012647	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 9.25 Sinh học: 9.00 KHTN: 7.92 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN LÊ HOÀNG	03/11/1999	29025050	Toán: 6.40 Ngữ văn: 2.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.60

NGUYỄN THANH MẠI	30/07/1999	29012217	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ THU HẰNG	29/12/1999	29022789	Toán: 8.60 Ngữ văn: 9.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 7.60
NGUYỄN THỊ OANH	13/02/1999	29000463	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.25 GDCD: 4.75 KHXH: 3.58 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN NGỌC SƠN	04/02/1998	29017752	Toán: 7.40 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.75
NGUYỄN NHO HUY	12/05/1999	29009643	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN LÂM DŨNG	26/07/1999	29026760	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.17 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ QUỲNH	01/12/1999	29028619	Toán: 6.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ ƯỚC	06/03/1999	29006792	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.20
PHÙNG CẢNH HOÀNH	22/08/1998	29021797	Toán: 3.80 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ MỸ LINH	20/11/1999	29029097	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 9.00 GDCD: 9.25 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN ANH TÚ	01/11/1999	29023059	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.75 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 3.20
LÔ ĐẠI HÙNG	30/08/1999	29013572	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN THUẦN	13/01/1999	29007770	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.00
HỒ VĂN ĐẠI	02/01/1999	29006901	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 5.25 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	11/07/1999	29020858	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ LINH	10/05/1999	29000352	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ LY	18/02/1999	29030083	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.00

TRẦN VĂN CHIẾN	23/11/1999	29002236	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ THẢO	04/01/1999	29016950	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 8.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN ĐÌNH QUỐC CƯỜNG	19/03/1999	29023640	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN THÀNH NAM	17/08/1998	29012577	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.00
LÔ THỊ HÀ GIANG	23/07/1999	29025005	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN NGỌC GIÀU	09/01/1999	29017187	Toán: 5.60 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 6.00
HOÀNG VĂN KHÔI	21/10/1999	29006432	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN VĂN TRUNG	20/10/1999	29007458	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.20
LÊ THỊ HẢI LÝ	23/03/1999	29026300	Toán: 9.20 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 9.25 Hóa học: 9.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN HỮU NAM	16/12/1999	29002019	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ NGỌC	17/11/1999	29016173	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THUỖ LINH	04/02/1999	29024428	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 8.80
HOÀNG VĂN DANH	23/10/1999	29011603	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 7.92 Tiếng Anh: 4.80
LÊ QUANG ĐẠO	10/05/1999	29024224	Toán: 2.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.75 KHXH: 8 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN HỮU PHÚ	08/02/1999	29002880	Toán: 8.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THẾ HOÀNG	08/03/1999	29005653	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ GIANG CHI	03/08/1999	29005503	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.80

NGUYỄN THỊ KHÁNH CHI	20/11/1999	29023627	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN THỊ MINH THẢO	15/05/1999	29018916	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ THI	10/01/1999	29004643	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 4.80
PHẠM THỊ THANH HUYỀN	06/10/1999	29026187	Toán: 8.20 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 9.40
LÊ VĂN KHAI	26/09/1999	29018528	Toán: 3.00 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.80
ĐẶNG THỊ GIANG	26/03/1999	29021008	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 8.75 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 5.00
LANG THỊ HUYỀN THƯ	02/04/1997	29024873	Toán: 7.20 Hóa học: 5.50 Sinh học: 6.00
VƯƠNG THỊ HỒNG NHUNG	16/07/1999	29019911	Toán: 4.00 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 9.25 GDCD: 8.50 KHXH: 8.58 Tiếng Anh: 4.20
HOÀNG ĐẶNG QUÂN	01/07/1996	29027727	Toán: 8.80 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.50
LÊ THỊ BÌNH	17/07/1999	29009075	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 8.60
HOÀNG THỊ THẢO	18/03/1999	29004168	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 9.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.80
HOÀNG ĐỨC QUANG	14/07/1999	29030221	Toán: 1.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.20
HỒ BÁ HOÀNG	08/10/1999	29016655	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 3.40
ĐÀO HUYỀN TRANG	13/02/1999	29019005	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 9.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.60
GIÀ BÁ TRỪ	04/12/1999	29008474	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.50 GDCD: 5.75 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 3.40
LÊ ĐỨC MẬU	27/06/1998	29004262	Toán: 8.40 Vật lí: 8.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 2.50 KHTN: 5.92
NGUYỄN CẢNH THÀNH	23/07/1999	29022078	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 2.80

PHAN THỊ KIỀU DUNG	28/03/1999	29028323	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 7.75 Sinh học: 8.50 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 4.60
LƯƠNG THỊ LÊ	08/06/1999	29025499	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 2.20
HÀ THỊ TIÊN	30/09/1999	29014177	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.25 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN NGỌC ANH	02/03/1999	29013091	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 3 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 5.75 KHXH: 4.08 Tiếng Anh: 2.40
TĂNG THỊ TÌNH	31/03/1999	29012456	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.17 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.25 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN KIÊN	13/05/1999	29008787	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 5.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.20
MẠNH TUẤN ĐẠT	01/11/1999	29018757	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 9.00 Hóa học: 9.50 Sinh học: 6.75 KHTN: 8.42 Tiếng Anh: 6.60
ĐẬU SONG TOÀN	06/11/1999	29006676	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 6.00
LÊ THỊ NGÀ	24/09/1999	29016823	Toán: 9.00 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 9.00 Hóa học: 9.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 7.83 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ YẾN NHI	26/10/1999	29024506	Toán: 5.60 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN HỒNG NHUNG	09/03/1999	29026411	Toán: 6.40 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN SÁNG	16/04/1999	29005874	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.60
TẠ DUY NAM	02/09/1998	29006511	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 2.20
DƯƠNG THỊ THU HƯƠNG	13/08/1999	29026834	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.92 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 4.00
VÕ THỊ KIỀU OANH	11/01/1999	29010594	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.80
TỪ MẠNH CƯỜNG	24/01/1999	29008642	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5 Tiếng Anh: 5.40
LÊ THỊ KHÁNH LINH	11/03/1999	29009701	Toán: 7.20 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 7.20

MAI HỒNG MẬN	28/07/1999	29027986	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN KHẮC BÌNH	08/01/1999	29024171	Toán: 2.80 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 5.50 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN MẠNH	26/04/1999	29026877	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.75 Tiếng Pháp: 4.20
HỒ THỊ NHƯ	09/09/1999	29013678	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 4.40
ĐẬU TUẤN BẢO	08/05/1999	29024166	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.60
ĐÀO XUÂN HOAN	25/11/1999	29026124	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN ĐÌNH PHÚC	17/12/1995	29001112	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 8.25
LỖ BÁ CỜ	25/05/1997	29008195	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.25 GDCD: 5.50 KHXH: 4 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ HUỆ NHI	04/04/1999	29027503	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.00 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 3.80
HOÀNG TUẤN ANH	02/03/1999	29010241	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG THỊ LINH	08/11/1999	29000340	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 4.80
LƯU ĐÌNH TIẾN	24/04/1999	29020486	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	03/03/1999	29023380	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 3.80
LÊ THỊ MAI	20/10/1999	29022886	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 4.40
LÊ THỊ TUYẾT	18/05/1999	29008028	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 2.25 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN HOÀI THƯƠNG	28/05/1999	29029298	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH	21/09/1999	29024276	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.80

LÊ VĂN CƯỜNG	03/05/1999	29001850	Toán: 8.80 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 9.00 Hóa học: 8.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ LOAN	26/07/1999	29020344	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VÕ THÀNH	17/07/1999	29009901	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.75 GD&ĐT: 7.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN TIẾN ANH	03/11/1999	29019856	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN THỊ NGÀ	20/01/1998	29004267	Toán: 7.60 Hóa học: 7.25 Sinh học: 9.00
NGUYỄN THỊ THÙY LINH	02/02/1999	29023243	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 4.20
BÙI THỊ THANH HUYỀN	18/09/1999	29012100	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 5 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.75 GD&ĐT: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 6.00
TRỊNH AN BÌNH	26/12/1999	29025936	Toán: 4.20 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 9.75 GD&ĐT: 8.25 KHXH: 8.92 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ THU THỦY	04/09/1998	29014844	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.50 GD&ĐT: 8.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN ĐÌNH HÓA	03/08/1999	29001390	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GD&ĐT: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.60
PHAN TÂM THỌ	16/02/1999	29002957	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 3.20
LÊ VĂN HẸ	06/08/1999	29018446	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GD&ĐT: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.40
ĐINH THỊ THU HÀ	21/03/1998	29010087	Toán: 3.00 Ngữ văn: 0.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 2.25
LÊ THỊ HUẾ	30/03/1999	29000254	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 9.00 GD&ĐT: 7.75 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG VĂN NGUYỄN	20/05/1999	29006528	Toán: 8.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 5.20
PHAN THỊ VINH	16/01/1999	29029682	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.00 GD&ĐT: 7.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.80
VI THỊ HOA	13/03/1999	29013556	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.75 GD&ĐT: 8.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ HẰNG AN	02/12/1999	29010814	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 6.40

PHẠM HỒNG HẢI	21/07/1994	29027663	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 8.50
NGUYỄN KHÁNH CHI	12/09/1999	29025948	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 8.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 5.20
TRẦN THỊ THANH MINH	10/12/1999	29009756	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 3.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.20
NGÔ THỊ HUYỀN	06/06/1999	29005055	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.00
PHẠM THỊ HUẾ	10/06/1999	29021805	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG THỊ NGỌC ÁNH	01/05/1999	29009448	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.20
PHAN BÁ HOÀNG CAO	25/04/1999	29004901	Toán: 9.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.50 Sinh học: 6.00 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 5.60
ĐẬU VĂN THIÊN	14/06/1999	29000812	Toán: 8.80 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.75 Sinh học: 2.00 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 2.60
HỒ HỮU HÓA	04/10/1999	29017253	Toán: 1.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.80
TRỊNH THỊ PHƯƠNG THẢO	25/05/1999	29026978	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.25 Sinh học: 2.25 KHTN: 2.5 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.00 GDCD: 5.75 KHXH: 3.92 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ LAN ANH	24/06/1999	29026722	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 1.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.92 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.00
LÊ VĂN HOÀNG	19/07/1998	29013974	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ THỦY	25/04/1999	29005946	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 6.60
NGUYỄN THỊ HIỀN	10/04/1999	29027894	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 4.00
TRƯƠNG THỊ THU HẰNG	23/05/1999	29012741	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.40
LÊ VĂN GIÁP	20/07/1999	29012002	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 3 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.75 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.00
HÀ THỊ THÙY DUNG	26/03/1999	29025984	Toán: 7.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 7.60

TÔ THỊ HOÀI AN	30/10/1999	29002190	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.75 KHXH: 8.83 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	08/06/1999	29021258	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.60
TĂNG ĐỨC TRỌNG	26/06/1999	29027071	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.08 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 6.80
ĐẬU THỊ MỸ LINH	02/04/1999	29018549	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.40
PHAN THỊ ÂN	16/09/1999	29023611	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 4.20
PHAN HỒNG QUANG	29/10/1999	29004574	Toán: 6.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ THU SƯƠNG	06/04/1999	29004143	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 5.50 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ THU	05/01/1999	29030731	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.80
VÕ THỊ VỢI	19/05/1999	29023084	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.00 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 6.60
HOÀNG LÊ TUẤN ANH	19/09/1999	29025866	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 8.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN TUẤN ANH	26/01/1999	29006842	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 6.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN ĐÌNH THỊNH	16/05/1999	29022996	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 1.80
LÊ ĐỨC BÌNH	09/04/1998	29015915	Toán: 9.20 Vật lí: 3.75 Hóa học: 9.50 Sinh học: 9.75 KHTN: 7.67
LÊ CẨM QUỲNH	02/09/1999	29022029	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 6.00
PHAN VĂN SỸ	29/08/1999	29004611	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG HỮU HẢI	16/10/1998	29006004	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 6.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 1.20
BÙI TRỌNG HẢI	24/12/1999	29028368	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 1.60

PHAN THỊ THƯƠNG	15/09/1999	29004683	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG THỊ HIỀN	17/01/1999	29021730	Toán: 3.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 3.40
LÊ HỮU HOÀNG	04/01/1999	29001939	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 3.60
PHAN THỊ THANH NHÀN	10/03/1999	29009793	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 5.00
TRẦN ĐÌNH VIỆT	27/05/1997	29010227	Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25
LÊ THỊ DIỆU LINH	28/05/1999	29016754	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 1.80
TRẦN THỊ DIỆU KHANH	18/09/1999	29028483	Toán: 10.00 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 9.50 Hóa học: 10.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 8.08 Tiếng Anh: 5.40
LÀU BÁ CỬA	06/01/1999	29008205	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 4.75 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN MỸ NAM	26/11/1999	29001513	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ GIANG	09/06/1999	29027268	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN PHÚC BẢO	14/04/1999	29029726	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 8.20
NGUYỄN THÚY NGÀ	08/03/1999	29021196	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.80
VI VĂN HIỆP	25/12/1996	29014783	Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.00
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	16/05/1999	29005221	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.00
TRƯƠNG NHƯ MẠNH	10/10/1999	29018603	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.00
LƯƠNG THỊ NAM	04/12/1999	29013652	Toán: 4.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN NGỌC TÙNG	23/12/1999	29018267	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.50 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 3.20
LÊ VĂN ÁNH	17/04/1999	29029716	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 3.00

NGUYỄN THỊ THÚY HIỀN	11/06/1999	29011318	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.80
ĐINH THỊ YẾN	15/05/1999	29029688	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.75 KHXH: 8 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ HIỀN KHANH	10/01/1998	29001773	Toán: 6.40 Vật lí: 3.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 8.00 KHTN: 5.5
THÁI THỊ THU HƯƠNG	24/04/1999	29019724	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.00
NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG	03/03/1999	29014699	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.00 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN QUỐC LÃM	27/01/1999	29026844	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 2.92 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN NGỌC LINH	30/11/1999	29013207	Toán: 8.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ THƯƠNG	10/09/1999	29020095	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 3.25 GDCD: 7.25 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ YẾN NHI	06/09/1999	29010991	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 4.40
HỒ THỊ MỸ KA	16/02/1999	29009671	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.80
HOÀNG THỊ HẢI	20/06/1999	29003805	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.40
VI THỊ QUỲ	12/08/1998	29003259	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.80
VÕ THANH GIANG	21/04/1999	29023700	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 9.00 Sinh học: 9.25 KHTN: 8.5 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ THẢO UYÊN	03/12/1999	29028233	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ THANH VÂN	12/02/1999	29030924	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 5.75 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.40
CAO TRỌNG TRƯỜNG	25/04/1998	29006730	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.60
NGÔ THỊ QUỲNH ANH	05/10/1999	29015402	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.80

NGUYỄN HỮU SƠN	02/07/1999	29026937	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 9.25 GDCD: 7.75 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 5.00
ĐẶNG THỊ PHƯƠNG	06/12/1999	29030601	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN ĐÌNH TĂNG	11/10/1999	29002589	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.00 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 2.00
TRẦN THỊ DIỆU HƯƠNG	26/12/1999	29026201	Toán: 4.40 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 10.00 Địa lí: 10.00 GDCD: 8.75 KHXH: 9.58 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ THƯỜNG	28/11/1999	29000843	Toán: 7.40 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.42 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 9.00
LÊ THỊ DUNG	12/08/1999	29011962	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.67 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 5.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.00
THÁI BÁ HIỆP	02/02/1999	29008066	Toán: 2.00 Ngữ văn: 2.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.42 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50
TRẦN ĐỨC LƯƠNG	19/05/1999	29020357	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.5 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN QUANG HIẾU	29/11/1999	29002360	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VĂN HOÀNG	18/05/1999	29012077	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.20
HOÀNG MINH MINH	01/09/1999	29025544	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.42 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.50 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 5.80
HỒ THỊ HẠNH	26/06/1999	29017668	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25
NGUYỄN THỌ HẢO	25/09/1999	29000161	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.60
PHAN THỊ NGÀ	26/02/1999	29006513	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 4.00
PHẠM ĐỨC TÚ	09/10/1999	29022614	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.60
PHẠM THỊ HUYỀN	11/12/1999	29012107	Toán: 5.00 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	12/09/1999	29024156	Toán: 7.40 Ngữ văn: 8.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 8.40

LÂM THỊ NGÀ	14/10/1999	29022374	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 4 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ MAI LIÊN	10/01/1999	29022340	Toán: 10.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.25 Sinh học: 8.25 KHTN: 8.75 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN ANH PHƯƠNG	17/02/1999	29016883	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 7.00
NGUYỄN PHÚC LINH	14/03/1999	29023854	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN NGUYỄN QUÂN	04/11/1999	29018886	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 2.25 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 2.80
LÔ THỊ NGÂN	06/09/1999	29020729	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.50 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.80
LƯƠNG THỊ THƠM	26/10/1999	29016405	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.25 KHXH: 8 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN KHÁNH NHÂM	03/09/1999	29006538	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN PHI LONG	27/03/1999	29030533	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 2.60
DƯƠNG MINH HIẾU	13/04/1999	29027313	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ THANH	20/10/1998	29010656	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ THẨM	03/04/1999	29022984	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.80
HỒ THỊ LINH	14/06/1998	29024796	Toán: 8.40 Hóa học: 8.75 Sinh học: 9.50
DƯƠNG LÊ VĂN ANH	21/01/1999	29022169	Toán: 6.20 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 6.25 KHTN: 5 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ THƯƠNG	22/02/1999	29023017	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.60
DƯ ĐÌNH MẠNH	10/04/1999	29012219	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 1.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.42 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.20
PHAN ĐÌNH VĂN	22/07/1999	29003014	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 8.25 Hóa học: 9.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 4.80

CUNG ĐÌNH ĐỨC	30/08/1999	29029458	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 4.60
CAO XUÂN NHẬT	13/06/1999	29030161	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 5.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ THU HẰNG	16/03/1999	29009119	Toán: 7.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 8.80
NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	29/04/1998	29022441	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN NGUYỄN KHÁNH LINH	07/05/1999	29026861	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 4.08 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.75 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 9.00
TRẦN CÔNG BẰNG	21/02/1999	29009466	Toán: 3.20 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.60
HỒ SỸ THÀNH	18/06/1999	29022077	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 9.00 GDCD: 9.25 KHXH: 8.33 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN ĐỨC DŨNG	28/07/1994	29027643	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50
TRẦN MINH ĐỨC	11/11/1999	29004392	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 3.20
BÙI MINH ĐỨC	20/06/1999	29015522	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.20
HỒ THỊ NGỌC	28/06/1999	29016168	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 5.00
ĐÀO TRỌNG TRẦN LINH	26/01/1999	29023841	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 7.80
NGUYỄN THỊ NHUNG	29/08/1998	29009800	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.20
LÊ DƯƠNG MINH	25/10/1999	29025140	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4 Tiếng Anh: 3.20
PHÙNG ĐÌNH NGỌC	15/03/1998	29029378	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.50 GDCD: 7.25 Tiếng Anh: 2.60
CHU ĐỨC MẠNH	28/01/1999	29004009	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 2.00
TRƯƠNG THỊ THIẾT	28/09/1999	29011513	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.60

TRẦN THỊ LAN	20/01/1999	29017319	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.00 GDCD: 3.25 KHXH: 2.92 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN MINH TUẤN	04/04/1999	29011162	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN NGỌC TUỆ	27/05/1999	29007804	Toán: 1.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.00
VŨ LÊ CÔNG	06/11/1999	29015457	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.25 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 4.00
ĐẬU THỊ HẰNG	11/11/1999	29017910	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 3.20
VÕ THỊ MỸ LINH	14/08/1999	29006469	Toán: 6.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 4.60
PHẠM NGỌC BẢO	22/07/1999	29000639	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 2.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 1.00
PHÚ ĐỨC HUY	12/11/1999	29026167	Toán: 9.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 6.60
PHAN VĂN QUÝ	12/03/1999	29011469	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ HÀ GIANG	01/09/1998	29005995	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.25
PHAN VĂN ĐỨC	15/03/1999	29029832	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.00
LÊ THẠCH THƯ	15/11/1999	29016986	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.40
NGÔ VŨ XUÂN PHƯƠNG	19/08/1999	29012313	Toán: 6.60 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 6.60
NGÔ THỊ HẰNG	17/07/1999	29011307	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.00 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 5.20
NGÔ THỊ NGUYỄN	03/01/1999	29004052	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.50 GDCD: 7.50 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.00
LÀU BÁ PÓ	10/05/1999	29008407	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 1.80
LÊ TRƯỞNG NGỌC MAI	26/09/1999	29018597	Toán: 6.00 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.20

HỒ VĂN NHẬT	26/06/1999	29019889	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.80
LÊ DANH BÁCH	27/01/1998	29010046	Toán: 7.60 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 1.75 KHTN: 5.75
THÁI THỊ HUYỀN	03/04/1999	29028464	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.40
TRỊNH XUÂN BÍCH	18/03/1999	29004333	Toán: 8.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN THỊ HẠNH	21/08/1998	29003816	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 4.00 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ LAN	18/09/1999	29027394	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.20
LÊ THỊ NHẬT HUYỀN	01/11/1999	29003154	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.60
TRƯƠNG VĂN TÀI	12/10/1999	29015092	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 5.75 KHXH: 3.75 Tiếng Anh: 2.80
VŨ VĂN LÀNH	01/01/1999	29018005	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 5.80
LÊ THỊ KIỀU OANH	07/05/1999	29004558	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 9.20
NGUYỄN LÊ MẠNH HÙNG	09/03/1999	29010900	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 2.50 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 4.20
HOÀNG THANH HUYỀN	02/06/1999	29025466	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 2.00 Sinh học: 2.00 KHTN: 3 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ NHI	25/08/1999	29018091	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 6.00 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ TIỂU LY	14/03/1999	29001064	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 1.75 Hóa học: 1.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 2.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50
NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG	11/10/1999	29027046	Toán: 3.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 6.40
TRẦN QUANG LINH UY	14/12/1999	29018270	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 8.80
VÕ THỊ NGỌC NGHĨA	21/10/1999	29029549	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 1.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.92 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 5.20

CHU THỊ PHƯƠNG THẢO	31/05/1999	29024029	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 4.20
DƯƠNG THỊ KHÁNH LINH	13/05/1999	29018009	Toán: 8.80 Ngữ văn: 8.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 8.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN THỊ MINH HUYỀN	20/01/1999	29022310	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 1.75 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN ĐÌNH QUYẾT	18/10/1997	29009853	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.00
DOÃN TRÀ LUÂN	20/04/1998	29003643	Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 4.75
NGUYỄN VĂN HOÀN	09/09/1999	29023753	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 6 Tiếng Anh: 4.20
LÊ XUÂN HÀ	29/12/1999	29017896	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 2.50 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 2.80
HÀ VĂN PHƯƠNG	20/05/1999	29014695	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 3.50 GDCD: 3.00 KHXH: 2.83 Tiếng Anh: 3.00
HỒ VĂN GIANG	23/11/1999	29018416	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.80
VÕ THỊ DUYÊN	21/11/1999	29005548	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN NAM	23/06/1999	29012245	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.40
TRỊNH XUÂN HOÀNG	19/12/1998	29025054	Toán: 8.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 10.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 3.40
HOA THỊ OANH	17/04/1999	29027518	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ THỦY	04/08/1998	29023008	Toán: 1.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.00
LÊ ĐÌNH VIỆT	22/02/1999	29000909	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.17 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 1.80
LÊ THỊ QUỲNH	11/08/1999	29016285	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.00 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 3.60
LƯƠNG THỊ PHƯƠNG THÚY	10/04/1998	29017775	Toán: 4.00 Vật lí: 4.75 Tiếng Anh: 2.80

NGUYỄN TRƯỞNG MẠNH	28/11/1999	29010961	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 4.00
QUẾ THỊ HOÀI	10/10/1999	29003883	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.00 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.00
LÔ THỊ KIỀU OANH	30/01/1999	29014092	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.40
HÀ NGỌC GIANG	24/01/1999	29025004	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 5 Tiếng Anh: 4.20
PHẠM DUY HOÀNG ANH	18/06/1998	29023580	Toán: 2.60 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 5.25 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN QUANG KIÊN	21/02/1999	29010454	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.60
HỒ VĂN ĐẠI	14/07/1999	29018403	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ KIM TRINH	30/05/1999	29019028	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN QUANG	01/04/1999	29004099	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.25 GDCD: 6.75 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 3.80
BÙI THỊ KIỀU CHINH	11/01/1999	29016103	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.00
LÊ CẢNH ĐẠI	22/04/1999	29023142	Toán: 9.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 9.75 Hóa học: 10.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 8.42 Tiếng Anh: 3.80
PHẠM CÔNG THẮNG	16/08/1996	29029401	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 4.50
LÊ THỊ THẨM	07/08/1999	29029266	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.60
VI ĐÌNH THUẬT	16/07/1998	29025698	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 4 Tiếng Anh: 3.80
VI ĐÌNH TRUNG	01/05/1999	29015286	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.80
LÊ THỊ THU THỦY	20/01/1999	29009934	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN TRỌNG HOÁ	15/02/1999	29021770	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.40

BÙI THỊ HẬU	20/04/1999	29012040	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN ĐÌNH SƠN PHƯƠNG	10/01/1999	29020408	Toán: 1.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.67 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.00
LƯU VĂN THẮNG	20/01/1999	29012402	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 5.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.20
HỒ VĂN HUỖNH	16/05/1998	29008764	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.50 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 3.40
ĐẶNG THÙY DUNG	16/02/1999	29006290	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 6.60
NGÔ THỊ LINH	20/06/1999	29015788	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 9.00 GDCD: 7.75 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 3.00
ĐOÀN VĂN ƯỚC	08/04/1999	29002676	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.00
PHAN VĂN NAM	30/07/1998	29011724	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 3.20
LÊ THỊ KIM DUNG	04/09/1999	29021610	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ YẾN LINH	21/08/1998	29010122	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.50
TRẦN THỊ THU HƯƠNG	27/10/1999	29000304	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.60
ĐẶNG VĂN TUẤN	01/05/1999	29023061	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.00 KHXH: 4.08 Tiếng Anh: 1.20
LÊ VĂN THẾ	03/03/1998	29002767	Toán: 6.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.50
LÊ ĐỨC LƯƠNG	29/10/1999	29016785	Toán: 8.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 3.20
ĐINH VĂN LÂM	05/10/1999	29014519	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.20
PHAN THỤC ANH	16/09/1999	29025901	Toán: 6.40 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 6.60
LÊ THỊ OANH	06/12/1999	29029173	Toán: 7.20 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 6.80

LÊ THỊ HƯƠNG	12/09/1999	29004478	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN XUÂN ĐẠT	03/05/1999	29020994	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.5 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.20
CỤT THỊ NHÂM	06/06/1999	29008374	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN ĐÌNH DUY KHÁNH	23/02/1999	29026836	Toán: 6.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.17 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 9.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 7.20
TRẦN THIỆN SANG	22/09/1999	29011035	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.08 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.20
ĐẶNG THẢO NGÂN	03/03/1999	29023915	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 9.00 Sinh học: 9.50 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 4.00
HỒ HOÀNG MẠNH	03/04/1999	29009745	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.00
HỒ VĂN PHƯƠNG	01/01/1999	29018663	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.75 KHXH: 8.42 Tiếng Anh: 4.60
CAO VĂN ĐỨC	22/08/1999	29007836	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.67 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.50 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 1.60
PHÙNG THỊ KHÁNH HUYỀN	07/11/1999	29005680	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.20
TRƯƠNG VĂN LỰC	15/02/1999	29015828	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HOA	17/05/1999	29009131	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.58 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.80
PHAN THỊ HẢI TRANG	20/08/1999	29021387	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN ĐÌNH QUYỀN	26/05/1997	29019787	Toán: 9.20 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.00 Sinh học: 2.00 KHTN: 6.5
NGUYỄN THỊ VUI	17/05/1999	29002164	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.80
VŨ THỊ TRANG	25/01/1999	29005361	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN BÁ TIẾN	08/09/1999	29000845	Toán: 7.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.5 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 5.00 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 8.00

ĐẬU THỊ THÙY	01/05/1999	29007149	Toán: 7.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.40
THÁI BÁ THÔNG	18/03/1999	29000818	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.83 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 5.00
TRẦN THỊ HẬU	25/11/1999	29011312	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.20
HỒ THỊ HUỆ	28/03/1999	29017961	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 4.40
TẶNG THỊ THANH HUYỀN	10/01/1999	29005059	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN HỮU PHÚ	06/06/1999	29000474	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.00 KHXH: 8.42 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG VĂN TIẾN	23/11/1999	29001170	Toán: 2.80 Ngữ văn: 2.75 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.08 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.75
TRẦN THỊ HÀ	25/06/1999	29003389	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.08 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.80
ĐÀM THỊ OANH	10/10/1998	29021215	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN ĐÌNH MẠNH	18/10/1998	29001784	Toán: 8.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.75
NGUYỄN VĂN DŨNG	31/08/1998	29015485	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ ĐIỂM	17/05/1999	29015509	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.40
SẦM THẾ MẠNH	24/09/1997	29014815	Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50
VI VĂN CÔNG	21/10/1999	29014318	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN THỊ THÚY QUYÊN	08/12/1999	29014115	Toán: 1.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.25 GDCD: 6.50 KHXH: 4.08 Tiếng Anh: 2.60
LÊ VĂN LỢI	10/05/1999	29005129	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 1.40
NGUYỄN CÔNG MINH	14/11/1999	29006096	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.00

TRẦN HẬU ANH NHÂN	17/02/1999	29024501	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.5 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN SỸ HƯNG	15/09/1999	29002425	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 2.60
LÊ THỊ GIANG	01/08/1999	29019318	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 5.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.80
DOÃN THÚY QUỲNH	08/11/1999	29026475	Toán: 5.00 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.25 KHXH: 8.42 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN SỸ BẢO	28/07/1999	29013096	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.33 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN CA	25/08/1998	29003612	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ THẢO	04/04/1999	29030669	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN NĂM	21/11/1998	29018617	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.25 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.00
VÀ BẮ CHỐNG	17/03/1999	29008533	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.25
TRẦN NHƯ QUỲNH	24/10/1999	29028626	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.20
SẦM ANH TÚ	17/09/1999	29013784	Toán: 2.00 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.00 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.60
VÕ THỊ QUỲNH	18/06/1999	29012345	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 1.80
HÀ THỊ THU TRANG	15/10/1999	29019008	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN QUYỀN	09/03/1999	29020424	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.20
TRƯƠNG HOÀNG ANH	26/07/1999	29013092	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 2.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.42 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 3.75 GDCD: 5.50 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN VĂN ÂN	07/01/1999	29028286	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.75 GDCD: 9.00 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN THỊ VIỆT	24/11/1999	29022655	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.00

NGUYỄN ĐÌNH KẾT	15/04/1998	29021842	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.20
VI NHẬT THÔNG	12/11/1999	29008456	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.50 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM THỊ QUYÊN	20/03/1999	29020422	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 6.75 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 5.00
LƯƠNG VĂN SƠN	14/11/1998	29019985	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.25 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN VIỆT HOÀNG	28/08/1999	29018488	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 9.00 GDCD: 6.75 KHXH: 8 Tiếng Anh: 3.60
ĐẶNG THỊ THÚY XOAN	06/10/1999	29000919	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 3 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	18/09/1999	29019204	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 5.60
TRẦN VĂN HIẾU	01/01/1999	29011328	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 9.50 GDCD: 9.50 KHXH: 8.92 Tiếng Anh: 3.80
HOÀNG NGHĨA MẠNH	02/10/1998	29007345	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 6.00 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.20
ĐẶNG BÁ QUYỀN	20/08/1999	29002899	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 7 Tiếng Anh: 4.00
PHẠM QUANG HỢP	16/06/1996	29010105	Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 9.50
PHAN QUỐC KHÁNH	31/08/1999	29009675	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 3.40
LÔ VĂN NGỌC	20/06/1999	29013660	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.00
HỒ THỊ QUYẾT	06/01/1999	29012889	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.25 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 5.80
TRƯƠNG XUÂN BẰNG	26/01/1995	29021447	Toán: 5.80 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 6.75
TRẦN DANH NHÂN	01/12/1999	29029558	Toán: 9.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 9.50 Sinh học: 8.25 KHTN: 8 Tiếng Anh: 6.20
ĐẬU NGỌC TỬU	04/06/1999	29006781	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 3.80

TRẦN THỊ BẢO NY	06/06/1999	29020399	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 6.50 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG THỊ THÙY	02/09/1999	29009929	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.00
PHAN THỊ HƯỜNG	01/10/1999	29017306	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.40
LÊ VĂN SƠN	02/12/1998	29019983	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.75 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ HUYỀN	16/07/1999	29029985	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ QUỲNH NGA	09/01/1999	29005166	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 5.20
LÔ QUANG DŨNG	15/01/1999	29020601	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN HỮU ĐÔ	02/09/1999	29021660	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỌ CẢNH	18/05/1999	29001240	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN TIẾN DŨNG	01/09/1998	29021458	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN QUANG ĐÀN	13/11/1998	29024223	Toán: 2.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.80
ĐẶNG THỊ MAI	21/10/1999	29002740	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.33 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.00
BÙI THỊ HẰNG	15/09/1999	29029474	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 8.80
NGUYỄN VĂN HÂN	22/01/1997	29010735	Toán: 8.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 7.50
HỒ THỊ HỒNG OANH	15/06/1999	29018649	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM DANH LỊCH	15/01/1996	29010118	Toán: 5.40 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.25
TẶNG THỊ QUỲNH	11/06/1999	29028625	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 1.80
VÕ BÁ THÍCH	16/12/1999	29023515	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.50

TRẦN VĂN HOÀNG	10/01/1999	29016667	Toán: 8.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 3.20
TẶNG THỊ HẰNG	16/04/1999	29028962	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG THỊ HUẾ	06/09/1999	29022294	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN VĂN ĐƯỜNG	30/03/1999	29018764	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 4.20
ĐẬU VĂN MINH	19/05/1999	29005766	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ HẰNG	20/03/1999	29030444	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 6.40
VI THỊ HỒNG ANH	14/10/1999	29013866	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 3.20
LÊ THỊ ÁNH DƯƠNG	27/09/1998	29011977	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG THỊ OANH	12/01/1999	29019915	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN DANH THAO	13/07/1999	29008938	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.00
LÊ THỊ THẨM	12/06/1998	29019161	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.58 Tiếng Đức: 5.40
HOÀNG VĂN CƯỜNG	23/03/1999	29000076	Toán: 8.40 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 5.60
TẶNG THỊ PHƯƠNG	14/12/1999	29020410	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 3.80
VÕ VĂN VIỆT	07/04/1999	29022659	Toán: 3.40 Ngữ văn: 1.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	25/11/1999	29014485	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 5.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN THỊ THU HÀ	06/07/1999	29009551	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 8.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	26/05/1999	29000753	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 2.80

NGUYỄN HOÀNG ANH	16/08/1998	29020932	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM NHẬT QUANG	23/11/1999	29023980	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 1.75 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 7.00
NGUYỄN MINH AN	25/05/1999	29011577	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HÀ PHƯƠNG	10/07/1999	29026447	Toán: 7.80 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 9.80
TRẦN LÂM VŨ	09/11/1999	29025833	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.40
ĐẶNG THỊ NGỌC ÁNH	24/09/1999	29009064	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 6.80
HOÀNG THỊ MINH HẠNH	10/10/1999	29007607	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.00
NGÔ HỒNG NHUNG	13/03/1998	29007187	Toán: 8.20 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.25 Sinh học: 2.25 KHTN: 6.33
NGÔ XUÂN NGUYỄN	08/03/1999	29025168	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN CẢNH HÙNG	24/08/1999	29022826	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 5.25 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.20
CHU QUANG DŨNG	09/10/1999	29001858	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 3.80
PHAN THỊ LỆ QUYÊN	29/05/1999	29006576	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN VĂN HIỂN	01/05/1999	29029901	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HẰNG	23/10/1999	29023174	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN XUÂN CẦM	04/03/1999	29029432	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 7.00
HỒ SỸ TUYÊN	01/08/1998	29019837	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THÁI HÀ	15/01/1999	29028936	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 9.20

TRẦN DƯƠNG KHÁNH	23/06/1999	29023229	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN NGỌC DIỄM	21/10/1999	29025977	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 5 Tiếng Anh: 7.00
PHẠM QUANG HUY	30/01/1999	29007650	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ SOA	10/01/1999	29009872	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 8.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 9.40
TRẦN THỌ TUẤN	21/04/1999	29028225	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.60
HỒ THỊ THANH	25/12/1999	29017504	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.60
PHẠM THỊ THU HẰNG	19/09/1999	29012036	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.60
PHAN TRUNG PHONG	08/09/1999	29023961	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG DUY SINH	08/11/1999	29011038	Toán: 9.00 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 8.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN THẮNG	04/03/1999	29030694	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.00
BÙI HỮU BẢO	25/02/1999	29022191	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN TẤT HIẾU	23/05/1999	29023737	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN HỮU TỚI	20/02/1999	29010707	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.20
HỒ THỊ HUYỀN	20/11/1998	29021821	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.80
BÙI VĂN MẠNH	02/01/1999	29017371	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN NHẬT LONG	09/04/1999	29024802	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.75
LÊ THỊ NHUNG	12/07/1999	29023280	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 5 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 4.00

HOÀNG THỊ NGUYỆT	23/02/1999	29004054	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.00
VŨ THỊ THANH NGÂN	12/03/1999	29012854	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ NGÂN	19/12/1999	29006519	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 9.00 KHTN: 8.25 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN THỊ HẰNG	12/09/1999	29002333	Toán: 2.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ LỄ	16/11/1999	29009695	Toán: 8.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 4.80
CHU THỊ YẾN	10/01/1999	29005430	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 4.20
CAO THỊ HÀ	30/07/1998	29030311	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.75 Tiếng Anh: 9.20
NGUYỄN THỊ TRÀ VY	15/07/1999	29011867	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 8.40
NGUYỄN DUY THÂN	05/04/1999	29030702	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 5.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.00
TRƯƠNG VĂN TÀI	10/05/1999	29015091	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN ĐỨC BẢO	03/12/1999	29026732	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.67 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 6.60
NGUYỄN THỊ QUỲNH	19/02/1999	29005245	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 6.20
TRẦN HUY HOÀNG	10/01/1999	29004444	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.58 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 9.00
NGUYỄN SỸ HÀO	24/06/1999	29021712	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG THỊ TRANG	11/10/1999	29030796	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 3.83 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 2.40
LÊ VĂN THIẾT	19/04/1999	29021328	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.60
THÁI THỊ NGỌC	30/06/1999	29007709	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.40

ĐẬU THỊ LAN	11/02/1999	29015744	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.60
NGÂN VĂN DŨNG	09/02/1999	29020603	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.75 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ VÂN ANH	02/07/1999	29008609	Toán: 2.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ DUNG	07/08/1999	29010308	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG THỊ LAN	23/02/1999	29001978	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 6.00
LÊ THỊ ÁNH TUYẾT	29/10/1999	29000896	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN HỮU HOÀ	05/04/1999	29002811	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 2.00 Hóa học: 2.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.20
NGÔ QUỲNH TRANG	31/01/1999	29029318	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ GIANG	21/05/1999	29027269	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ LÀNH	29/03/1999	29017322	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.50 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.00
HÀ THỊ LINH	22/09/1999	29019535	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 6.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.40
CHƯƠNG VĂN HOÀNG	19/02/1999	29003402	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.67 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.40
HỒ THỊ LAN ANH	05/03/1999	29015393	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 5.80
HOÀNG THỊ THÙY	12/02/1999	29011796	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 5.40
HOÀNG THỊ XUÂN QUỲNH	12/09/1999	29016914	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG THỊ THƯƠNG	29/01/1999	29004676	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN HỮU NHẬT	24/10/1999	29029161	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.80

NGUYỄN THỊ HƯƠNG TRÀ	21/11/1999	29020492	Toán: 9.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.75 Sinh học: 6.25 KHTN: 7.75 Tiếng Anh: 5.00
ĐẶNG THỊ THANH THÚY	18/10/1999	29008972	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.20
HỒ THỊ TÌNH	29/05/1999	29028723	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ YẾN	06/05/1999	29003028	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 2.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 6.00 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN HOÀI LINH	12/11/1999	29025510	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.40
LÊ XUÂN HUY	02/09/1999	29030488	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.00
HỒ THỊ QUỲNH TRANG	26/07/1998	29024878	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.00
NGUYỄN THỊ MAI	19/08/1998	29030091	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN NGỌC TOÀN	15/08/1997	29017777	Toán: 8.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.75
CAO THỊ DUNG	27/03/1999	29004924	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 5.60
ĐẶNG THỊ KHUYÊN	27/05/1999	29001444	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 4.60
XÔNG Y XÍA	09/03/1999	29020882	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.80
VY XUÂN KHÁY	20/01/1998	29020673	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 1.80
VI THỊ DIỆP	15/04/1999	29024963	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 7.75 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.40
LƯƠNG CHÍ NGHĨA	13/05/1999	29013658	Toán: 2.80 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.25 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN ANH ANH	01/10/1999	29003696	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.40
BÙI THỊ HẰNG NGÀ	12/10/1999	29022900	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.80

PHAN TRỌNG HIẾU	02/02/1999	29008719	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 5.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.40
PHÙNG THỊ HIỀN	17/04/1999	29001919	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN KHÁNH AN	01/08/1994	29027623	Toán: 2.20 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.25
TRƯƠNG THỊ XUYẾN	16/10/1999	29003600	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ LINH TRANG	13/03/1999	29000859	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 6.00 KHTN: 5 Tiếng Anh: 5.40
VŨ THỊ MINH HẰNG	07/08/1999	29004416	Toán: 8.60 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 8.40
NGUYỄN THỊ LỘC	19/11/1999	29003986	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.60
VÕ VĂN QUÂN	13/12/1999	29006571	Toán: 6.00 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 2.40
TRỊNH XUÂN HÓA	05/09/1999	29007872	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	01/01/1999	29018354	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 4.40
MAI THỊ ĐIẾP	04/08/1999	29020251	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 4.60
CHU THỊ TÚ ANH	29/10/1999	29003686	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.00
LÊ VĂN TÀI	02/10/1998	29007110	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.60
DƯƠNG QUỐC CƯỜNG	10/05/1999	29007235	Toán: 9.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 4.20
HOÀNG THỊ GIANG	01/02/1999	29029839	Toán: 2.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.40
HỒ XUÂN SƠN	23/08/1999	29018144	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.00
ĐẶNG VĂN ANH	01/03/1999	29028272	Toán: 7.40 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.40

TRƯƠNG VĂN XUÂN	10/01/1996	29010231	Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00
DƯƠNG PHÚC HÙNG	11/03/1999	29022823	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ THÚY	20/01/1999	29016434	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN THẢO NGUYÊN	11/11/1999	29024498	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 3.00 KHXH: 3.42 Tiếng Anh: 1.60
VŨ BÁ ĐÀ	03/07/1998	29008539	Toán: 6.60 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.75
NGUYỄN THỊ QUYÊN	02/01/1999	29000763	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN SỸ ĐỨC	09/06/1999	29000666	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.5 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 3.75 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.80
LÊ THỊ THÙY CHI	06/01/1999	29008629	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 6.80
NGUYỄN ĐIỀU LINH	08/02/1999	29004502	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 3.40
TRƯƠNG VĂN HOÀI LINH	02/10/1999	29000711	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 5.75 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.00
HỒ THỊ HẬU	20/01/1999	29017220	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN THỊ MINH THÚY	08/03/1999	29000828	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 6.20
HOÀNG THỊ PHƯƠNG THẢO	02/02/1999	29026503	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 4.00
ĐẬU ĐÌNH SƠN	20/10/1998	29029391	Toán: 7.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.50
NGUYỄN VIỆT ĐÔ	07/05/1999	29020999	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	28/10/1999	29004960	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 4.00
CAO THỊ THẢO	26/12/1999	29004166	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.40
ĐẶNG THÁI BẢO	04/11/1999	29000941	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.17 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00

NGUYỄN THẾ SỨC	04/08/1998	29021511	Toán: 6.20 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.75
HỒ HỮU TÀI	02/01/1999	29016320	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.00
TRƯƠNG THỊ THU	12/12/1999	29018976	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.50 GDCD: 8.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	01/04/1999	29027510	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG THỊ GIANG	12/09/1999	29030424	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.58 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.80
VŨ TRẦN THÙY LINH	19/05/1999	29015802	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 8.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 5.20
TRẦN QUANG HUY	20/09/1998	29018506	Toán: 3.60 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 1.80
BÙI ĐỨC MẠNH	20/12/1999	29013226	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.33 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN HẢI YẾN	03/10/1998	29018326	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.00
LƯƠNG SƠN NAM	30/04/1999	29010970	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ THANH NGÂN	10/05/1999	29026371	Toán: 7.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 8.00
NGUYỄN THỊ NGỌC LAN	09/06/1999	29020326	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.92 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 5.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.20
BÙI THỊ VÂN	14/10/1999	29015339	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 5.25 KHXH: 3.75 Tiếng Anh: 2.20
CAO BÁ LƯU	02/03/1999	29006486	Toán: 9.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 9.25 Hóa học: 8.50 Sinh học: 7.25 KHTN: 8.33 Tiếng Anh: 6.60
LƯƠNG THỊ HÀ THU	31/10/1999	29003516	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 4.00
PHẠM THỊ QUỲNH	13/03/1999	29005867	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN VĂN NAM	02/01/1998	29030120	Toán: 1.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.60

NGUYỄN THỊ QUỲNH DUNG	12/03/1999	29024201	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG	26/01/1999	29000750	Toán: 7.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 7.00 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG	14/01/1999	29000481	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ OANH	16/05/1999	29021221	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 3.60
NGÔ PHƯƠNG THẢO	17/01/1999	29026966	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 1.50 Hóa học: 2.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 2.5 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN THỊ NGỌC TRÂM	10/10/1999	29028171	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.20
HOÀNG ĐÌNH PHƯỚC	01/11/1996	29021495	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.00
THÁI BÁ THỰC	15/02/1999	29006637	Toán: 7.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 2.20
ĐOÀN HẢI NHƯ	01/07/1999	29030177	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.20
VÕ THỊ TRÀ	26/02/1999	29009300	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 4.00
MÃ THỊ THÚY HẰNG	10/10/1998	29005441	Toán: 9.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 9.50 Sinh học: 7.75 KHTN: 7.58
HOÀNG ĐÌNH TRUNG	20/11/1999	29009331	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.83 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN SỸ HẢI	18/08/1999	29028371	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.25 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN DUY CƯỜNG	14/01/1999	29011599	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 8.25 KHTN: 7.92 Tiếng Anh: 5.00
MAI SƯ TRƯỜNG	07/11/1999	29009995	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.80
HỒ THỊ MAI	20/11/1999	29000394	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 3.20
HỒ PHƯƠNG THẢO	25/04/1999	29017519	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 5.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.00

PHAN NGỌC CẨM HÀ	08/06/1999	29023707	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	07/05/1999	29029720	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 1.80
XÔNG RÊ MI	04/05/1999	29025139	Toán: 8.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 8.25 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 6.60
ĐẬU THỊ HỒNG NGÀ	07/11/1999	29014620	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.50 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 2.20
HỒ HỮU HOÀNG	21/01/1999	29009612	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ NGÀ	28/09/1999	29015897	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 8.20
NGUYỄN THỊ TỔ NHƯ	19/01/1999	29007717	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.75 GDCD: 7.75 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 4.20
BÙI VĂN TỈNH	12/05/1999	29029621	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 2.60
CAO THỊ DIỆN	27/11/1998	29005524	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 3.40
LÊ VĂN NGỌC	24/09/1999	29004045	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VĂN CHIẾN	09/10/1999	29022204	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN THỊ HOÀI	12/10/1999	29020292	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 3.00
TỪ THỊ KIM NGÂN	30/04/1999	29023918	Toán: 9.40 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.50 Sinh học: 1.25 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 4.80
HOÀNG ANH DŨNG	19/05/1999	29006296	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 4.40
NGÔ ANH TUẤN	12/02/1999	29029655	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ LAM	23/01/1999	29005708	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN BÁ ANH	16/08/1999	29011241	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.00

NGUYỄN CÔNG KIÊN	23/09/1999	29027945	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN HẢI NAM	05/11/1999	29023906	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN DUY HƯNG	13/07/1999	29023812	Toán: 4.80 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	23/09/1999	29024036	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 8.25 Sinh học: 7.25 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN THẾ ANH	30/11/1999	29012627	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.60
ĐOÀN THẾ TÙNG	20/06/1999	29026573	Toán: 8.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 8.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 3.80
ĐẬU THÀNH TRUNG	25/09/1999	29005374	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 4.20
LÊ THỊ QUỲNH TRANG	19/10/1999	29027035	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 8.00
NGUYỄN DUY PHÁP	15/09/1999	29002036	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 2.60
ĐẬU MINH TÂN	24/05/1997	29026683	Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50
LÊ THỊ THẢO	13/04/1999	29028061	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.40
MẠNH XUÂN TRƯỜNG	01/05/1999	29022601	Toán: 6.40 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 3.80
PHẠM THỊ THANH LỘC	05/07/1999	29010945	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ THƯƠNG	02/03/1999	29029300	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THANH HÀ	26/08/1999	29026049	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 9.25 Sinh học: 9.75 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 9.00
HỒ THỊ HOÀI PHƯƠNG	06/09/1999	29016247	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.80
PHAN THỊ HIỀN LƯƠNG	22/03/1999	29002481	Toán: 4.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.00

HOÀNG TRỌNG PHONG	21/11/1998	29005823	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN KIM VƯƠNG	08/12/1998	29001825	Toán: 5.20 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.33
TRẦN VĂN KHÁNH	10/03/1999	29021848	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 1.60
TRẦN THỊ HOÀ	25/07/1999	29021765	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN HỮU THẮNG	21/10/1999	29023514	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.25
LÊ HỒNG ĐỨC	19/10/1999	29012709	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VIỆT NAM	22/06/1999	29026888	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 4 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.40
ĐINH QUANG TIẾN	15/07/1999	29005335	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.40
VÀ Y HUA	02/05/1997	29008546	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.00
NGUYỄN THỊ HÀ TRANG	10/01/1999	29013393	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 6.75 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.80
HÀ THỊ NGUYỆT	16/03/1999	29019882	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 3.80
ĐẶNG THỊ HOA	16/09/1999	29017935	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 4.60
HỒ THỊ CÚC PHƯƠNG	11/09/1999	29016246	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.20
ĐINH HOÀNG ANH	08/06/1999	29016583	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.5 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.20
VÕ THỊ QUYÊN	29/06/1999	29008902	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 2.80
HÀ VĂN LỢI	01/02/1998	29014812	Toán: 5.80 Vật lí: 4.75 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN HỮU TÙNG	17/03/1999	29028228	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 7 Tiếng Anh: 4.40
HOÀNG HÙNG MẠNH	14/10/1999	29000719	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.67 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 5.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 8.60

NGUYỄN HOÀNG THIÊN	29/10/1997	29008131	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.75 Tiếng Anh: 4.60
LƯƠNG VĂN ANH	18/10/1999	29019181	Toán: 1.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.00 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN ANH TUẤN	12/02/1993	29024888	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 1.25
TRẦN THỊ TÂM	10/02/1999	29022424	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.40
NGÔ TRÍ HÀ	12/05/1999	29011641	Toán: 7.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ LINH	12/07/1999	29007016	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 5.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ NGÂN	16/05/1999	29019636	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ MINH NGỌC	12/12/1999	29016170	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 5.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN HOÀNG TRANG	26/04/1999	29003541	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 4.60
DOÃN THỊ LINH CHI	18/09/1999	29023624	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 2.60
CAO QUANG ĐÌNH	27/01/1998	29024744	Toán: 3.00 Ngữ văn: 1.50 Vật lí: 1.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.5 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.75
NGUYỄN THỊ ANH	10/11/1999	29020933	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 7.50 KHTN: 6 Tiếng Anh: 5.00
PHAN ĐÌNH LƯU	02/05/1999	29007028	Toán: 3.20 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.20
HOÀNG THỊ HUYỀN	22/03/1999	29001960	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 7.67 Tiếng Anh: 5.60
PHAN THỊ KIM OANH	20/12/1999	29029562	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 8.50 Sinh học: 8.50 KHTN: 7 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN CẢNH NGUYỄN	27/06/1999	29026387	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ TRINH	25/07/1999	29002655	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.20

TRẦN TIẾN NHẬT	03/08/1999	29011443	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.40
PHAN NGUYỄN THU TRANG	02/10/1999	29012481	Toán: 7.00 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 8.80
NGUYỄN ĐỨC QUYỀN	23/10/1999	29023314	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ NHẬT LINH	01/01/1999	29026257	Toán: 3.80 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 9.25 Địa lí: 9.25 GDCD: 9.00 KHXH: 9.17 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ THẢO	15/12/1999	29009912	Toán: 7.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 9.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 6.00
NGÔ QUANG ANH	22/11/1999	29017817	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 4.80
LƯU ANH TUẤN	17/07/1999	29013424	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.83 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ THAO	11/11/1999	29030659	Toán: 1.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.60
HÀ VĂN TÀI	14/08/1999	29013714	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN VƯƠNG BẢO	06/01/1999	29014888	Toán: 7.80 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 6.00 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN THỊ UYÊN	04/12/1999	29024678	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.60
LỮ THỊ HÀ TƯ	23/11/1998	29008579	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.75
NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	08/03/1999	29018882	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 2.25 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN ĐÌNH THỊ NHẬT ANH	02/04/1999	29014873	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.75 Sinh học: 6.75 KHTN: 8 Tiếng Anh: 8.00
TRẦN THỊ HÀ	20/02/1999	29003800	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN LÊ QUỲNH ANH	16/01/1999	29012617	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 5.00
DƯƠNG VĂN HOÀNG	30/06/1999	29021784	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.40

NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	25/09/1999	29004766	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN HỮU SƠN	24/04/1999	29001593	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 3.20
LỮ THỊ HƯƠNG	13/02/1999	29012796	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ NHUNG	22/11/1999	29002540	Toán: 4.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.75 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN ĐẮC QUÂN	07/04/1995	29025303	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.50
LƯƠNG THỊ OANH	04/01/1998	29014822	Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.00
ĐẬU THỊ MAI SƯƠNG	02/11/1999	29000513	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ QUỲNH	01/09/1999	29002902	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.17 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN BÁ ĐÀN	04/12/1999	29016135	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.25 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ LAN	07/02/1999	29007673	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ DUYÊN	19/07/1998	29008055	Toán: 6.20 Vật lí: 6.00 Hóa học: 3.00
LƯƠNG THỊ HUỆ	27/03/1999	29013986	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.40
HỒ THỊ NGHỆ	26/10/1999	29012255	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 6.50 KHTN: 6 Tiếng Anh: 4.00
HỒ THỊ THÚY NGÀ	02/10/1999	29017399	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.50 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ HẰNG	21/05/1999	29028957	Toán: 4.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 8.00
PHẠM THỊ THƯỜNG	14/09/1999	29006651	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.50 Sinh học: 6.50 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ LỰA	08/08/1998	29005746	Toán: 2.60 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.40

NGUYỄN THỊ QUỲNH GIANG	05/10/1999	29024254	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.75 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 5.20
LÊ THỊ BÌNH	30/07/1998	29007168	Toán: 8.60 Hóa học: 8.75 Sinh học: 9.75
HOÀNG THỊ MAI TRANG	13/05/1999	29022550	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.00
ĐẶNG THỊ HUYỀN TRANG	06/10/1999	29029316	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.60
MÙA BÁ LỮ	06/08/1998	29008334	Toán: 2.60 Ngữ văn: 1.50 Vật lí: 1.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.42 Tiếng Anh: 1.60
BÙI THỊ VÂN	20/11/1999	29018287	Toán: 1.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN CÔNG ĐẠT	22/12/1999	29023146	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN VĂN THẮNG	07/02/1999	29030696	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 1.40
LÊ NHẬT DUY	19/02/1999	29015489	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN HOÀNG HẢI	22/07/1999	29027888	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 1.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 2.75 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN HIẾU	10/10/1998	29019704	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.00 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 2.40
THÁI HỒNG TRANG	09/04/1999	29029631	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 4 Tiếng Anh: 3.40
TRƯƠNG THỊ THƠM	01/08/1999	29025686	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 4.40
HOÀNG THỊ TÚ	18/08/1999	29009350	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.40
VI THỊ HUYỀN	02/05/1999	29003415	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 1.75 Hóa học: 2.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.00
HỒ THỊ SANG	02/09/1999	29008912	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.80
ĐINH THỊ MINH HẰNG	29/07/1999	29024282	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 1.75 Hóa học: 1.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.08 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.60

VƯƠNG THẾ ĐỨC	25/04/1999	29026037	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 2.25 Sinh học: 2.00 KHTN: 3.08 Tiếng Anh: 6.60
KHA THỊ THU HÀ	26/09/1999	29025407	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN HỒNG HẢI	13/07/1999	29005593	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 2.20
PHẠM VĂN CHIẾN	23/10/1999	29018741	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.75 Sinh học: 2.50 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN VĂN MẠNH	26/04/1996	29027708	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.50
LÊ THỊ NGÂN	10/02/1999	29014629	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 1.00
HỒ VĂN TRỌNG	03/11/1998	29016038	Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 9.00
TÔ THỊ HIỀN	12/05/1999	29015604	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.25 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN QUANG ĐẠT	08/07/1999	29011984	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ KIM HIẾN	10/10/1999	29019382	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN NGUYỄN NGUYỄN	19/11/1999	29023935	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ HỒNG	23/12/1999	29005660	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.40
CAO THỊ NỤ	18/01/1999	29006542	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ HỒNG TRINH	04/03/1999	29027068	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.5 Tiếng Pháp: 5.20
LÊ THỊ KHÁNH LY	16/06/1999	29026871	Toán: 8.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.17 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 8.00
LƯƠNG THỊ AN	27/04/1999	29020550	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 9.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN VŨ THÚY HIỀN	10/03/1999	29000200	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 5.20
VŨ THỊ LINH	27/07/1999	29019564	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.25 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 4.20

LÊ MINH HUY	05/01/1999	29007888	Toán: 8.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 8.50 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ KHÁNH HUYỀN	01/01/1999	29027367	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.00 GD&ĐT: 8.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.80
TRẦN NGỌC MỸ LINH	23/11/1999	29010940	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN TRUNG KHOA	12/04/1999	29026215	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 1.75 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM THỊ HOÀI	06/02/1999	29013152	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.25 Tiếng Anh: 1.40
HÙNG MẠNH CƯỜNG	28/06/1999	29026747	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.08 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GD&ĐT: 6.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 5.20
VÕ ĐỨC QUÂN	15/07/1999	29005234	Toán: 8.00 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 1.50 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN HOÀNG TUẤN	03/10/1999	29018257	Toán: 1.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GD&ĐT: 6.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.20
LÊ ĐÌNH CÔNG	15/02/1998	29000071	Toán: 4.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GD&ĐT: 7.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN CẢNH ĐÔ	02/01/1999	29000119	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.25 GD&ĐT: 6.75 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 2.00
TRẦN THỊ HÀ UYÊN	23/03/1999	29007814	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.25 GD&ĐT: 8.25 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ THUỶ DUNG	15/10/1999	29002265	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GD&ĐT: 8.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN TUẤN DŨNG	08/09/1999	29005539	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 5.00 GD&ĐT: 7.00 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ NGỌC TRÂM	15/05/1999	29004734	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.00 GD&ĐT: 7.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.80
CAO THỊ DUNG	13/04/1999	29005528	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GD&ĐT: 6.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.80
THÁI THỊ NGUYỆT	12/01/1999	29019883	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GD&ĐT: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 8.20
NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	04/11/1999	29009775	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.25 GD&ĐT: 7.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 4.60

NGUYỄN HỮU TAM	08/09/1999	29016932	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 2.80
ÔNG THANH HIỆP	08/08/1998	29009009	Toán: 4.60 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.50
LÊ THỊ THU HUYỀN	09/09/1999	29029980	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.00
HOÀNG TÂM ĐAN	05/09/1999	29005982	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75
TRẦN DUY KHÁNH	19/11/1998	29001039	Toán: 5.40 Vật lí: 5.75 Tiếng Anh: 2.80
NGÔ TRÍ HIỆU	02/02/1999	29021754	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5 Tiếng Anh: 5.00
ĐINH BẠT ĐÔNG	10/01/1999	29021661	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 3.40
LÊ VĂN TRƯỜNG	05/06/1999	29023050	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.75 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 2.60
HỒ BÁ LỢI	03/03/1999	29003989	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.60
LÔ THỊ NHUNG	28/08/1999	29020756	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.50 KHXH: 3.92 Tiếng Anh: 4.00
LÊ THỊ TỔNG	29/09/1999	29029140	Toán: 4.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.20
DƯƠNG THỊ THÙY LINH	02/08/1999	29007325	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 8.50 Sinh học: 9.00 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 4.00
CAO CỰ NGUYỄN	30/10/1994	29026665	Toán: 4.60 Vật lí: 3.00 Hóa học: 7.00
NGUYỄN VĂN QUÝ	12/11/1998	29027555	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.80
VŨ THỊ VÂN	21/07/1999	29019099	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN MINH HIẾU	31/12/1999	29027901	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 6.00
LŨ QUỐC TRƯỜNG	07/09/1999	29012505	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN THỊ MAI ANH	26/08/1999	29016078	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 4.60
ĐINH TRUNG KIÊN	07/09/1999	29023828	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 3.40

TRƯƠNG THỊ THUÝ QUỲNH	23/10/1999	29026930	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.33 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.60
VÕ VĂN ĐOÀN	26/11/1999	29009519	Toán: 9.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 9.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 7.75 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 8.20
ĐÀO THỊ THU THẢO	19/05/1999	29005291	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN DUY LỢI	23/08/1999	29000371	Toán: 4.80 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN BÁ HÀ	20/02/1999	29017191	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.40
VÕ THỊ DIỆU LINH	28/02/1999	29024429	Toán: 8.20 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 9.80
NGUYỄN DUY UYN	22/01/1999	29025813	Toán: 1.80 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.60
VĂN BÁ DƯƠNG	22/12/1999	29009509	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 9.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.40
ĐẶNG THỊ QUỲNH	26/12/1999	29022027	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 8.00
PHẠM VĂN HẠNH	10/10/1998	29004407	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 8.75 Sinh học: 7.75 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG VĂN KHÁNH	18/06/1999	29004482	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 8.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THIÊN QUÝ	14/05/1999	29025216	Toán: 7.60 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ QUỲNH	19/01/1999	29014730	Toán: 6.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.00 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 3.60
VI VĂN QUANG	02/09/1999	29003254	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.20
CAO THỊ HOÀI THƯƠNG	28/02/1999	29027001	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.25 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 8.00
LÊ TRƯỜNG SINH	13/04/1999	29023320	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 4.40
NGÔ VĂN HÙNG	07/02/1999	29005666	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.80

VI TIẾN DŨNG	01/01/1999	29020239	Toán: 1.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.25 KHTN: 2.92 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.40
BÙI THỊ KHÁNH LINH	19/03/1999	29015779	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.40
HỒ THANH QUÝ	15/10/1999	29007094	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN QUANG TUẤN	17/10/1999	29025791	Toán: 5.80 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN HỮU CHINH	25/07/1999	29000949	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.58 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 8.25
LÊ THỊ NGỌC HUYỀN	15/03/1999	29019470	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 6.60
LÊ NGỌC HẢI	25/12/1999	29027887	Toán: 6.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN QUANG ĐẠT	27/07/1997	29019679	Toán: 5.60 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.50
LÊ VĂN VINH	12/09/1999	29004832	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ TIỂU NGỌC	08/06/1999	29013258	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	04/06/1999	29000925	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 4.20
KIM THỊ NGÀ	26/02/1999	29025155	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ PHƯƠNG THẢO	23/11/1999	29016357	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.50 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN VĂN TUẤN	18/03/1998	29011834	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.00 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ VĂN	07/08/1999	29016543	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN NGỌC KHÁNH	02/09/1999	29015726	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.20
TRƯƠNG THỊ OANH	27/09/1999	29000465	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 2.83 Tiếng Anh: 1.80

NGUYỄN THỊ HUYỀN	27/09/1999	29022835	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN ĐÌNH MẠNH	31/12/1998	29030335	Toán: 8.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.00
TĂNG VĂN LONG	05/09/1999	29012191	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 2.75 Hóa học: 1.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.58 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.20
TRƯƠNG THỊ NGỌC HÀ	06/09/1999	29027884	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 3.80
TẠ HỮU KHÁNH	06/07/1999	29006057	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25
NGUYỄN ĐỨC MỪNG	26/01/1993	29027712	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.00
NGUYỄN THỊ THU HÀ	28/11/1999	29019330	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ GIANG	16/07/1999	29000134	Toán: 7.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 5.40
CAO THỊ THẨM	12/03/1999	29029265	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 1.80
BÙI VĂN BĂNG	21/09/1998	29019123	Toán: 7.60 Vật lí: 5.75 Hóa học: 7.25
PHẠM THỊ LY	13/09/1999	29007693	Toán: 4.60 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 8.00
NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	17/11/1999	29022837	Toán: 4.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.75 GDCD: 7.75 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 4.20
HOÀNG THỊ PHÚC	07/08/1999	29003247	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN VĂN PHÚC	10/12/1999	29016876	Toán: 8.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 4.00
BÙI HUY HOÀNG	12/01/1999	29026127	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 7.00
PHAN THỊ MỸ LINH	27/07/1999	29000709	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.42 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.80
VĂN ĐÌNH TÂM	01/01/1997	29023507	Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.00
HỒ THỊ TRÚC	07/10/1999	29012495	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 4.00

NGUYỄN THANH HUYỀN	05/08/1999	29005057	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 2.00 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 9.60
LÊ KHÁNH TÙNG	06/09/1996	29021528	Toán: 2.60 Vật lí: 3.50 Tiếng Anh: 4.20
LÊ BÁ CHIÊU	18/06/1999	29012657	Toán: 7.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 4.20
HỒ PHÚC HỮU	19/09/1999	29016717	Toán: 7.60 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 2.25 KHTN: 4 Tiếng Anh: 3.40
PHAN VĂN HIẾU	08/12/1999	29024313	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 2.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.58 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.00 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 5.20
HỒ THỊ UYÊN	01/01/1999	29019089	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 7.20
NGUYỄN CÔNG TÂM	16/06/1999	29007979	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4 Tiếng Anh: 2.00
VƯƠNG THỊ HẢO	19/03/1999	29028383	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN TRẠCH HIẾU	05/10/1999	29030464	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 4.20
HÀ THỊ NHÀN	20/10/1999	29023276	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 5 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 2.75 GDCD: 6.75 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN XUÂN KHANH	18/02/1999	29010911	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 4.60
NGÔ THỊ HIỀN	14/01/1999	29002347	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG THỊ THU	18/09/1999	29016969	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 4.40
PHẠM THỊ HUẾ	07/03/1999	29023772	Toán: 7.20 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 6 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM THỊ PHƯƠNG LINH	03/04/1999	29021150	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 5.00
ĐÀO THỊ THƯƠNG	29/04/1999	29030758	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.25 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN BÁ VŨ	03/11/1998	29016564	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.40

NGUYỄN THỊ THU HIỀN	20/03/1999	29021732	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.40
LƯU THỊ THU	04/05/1999	29003320	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ THỦY	10/11/1999	29003521	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 6.25 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN THỊ PHƯƠNG	01/10/1999	29022406	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 4 Tiếng Anh: 3.80
THÁI THỊ THƯƠNG	20/01/1999	29030762	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.20
NGÔ THỊ THU UYÊN	05/05/1999	29012534	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 6.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN ĐÌNH TRƯỜNG	16/09/1999	29002146	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 3.60
LƯƠNG VĂN PHÚC	15/10/1999	29014099	Toán: 1.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.80
LÊ VĂN TOÀN	10/01/1999	29002635	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.00
LÊ NGỌC THẠCH	11/03/1998	29009037	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.75 GDCD: 7.50 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 2.80
HỒ SỸ HẠNH	14/07/1999	29001317	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ PHƯƠNG THI	01/02/1999	29007761	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.20
TRỊNH THỊ TRANG	12/04/1999	29020499	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 3.00
ĐẬU LINH CHI	27/11/1999	29025943	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 8.00 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 5.80
CAO THỊ VÂN	26/02/1999	29004817	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN THỊ THANH HUYỀN	29/11/1999	29027368	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN VĂN NHẬT	22/02/1998	29019764	Toán: 8.40 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.75

NGUYỄN THỊ HỒNG	12/10/1999	29001945	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ HƯƠNG	12/02/1999	29010446	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HUYỀN MY	14/05/1999	29009208	Toán: 6.60 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN ANH TUẤN	11/10/1999	29009356	Toán: 9.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN KHẮC HIẾU	04/10/1999	29002358	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.00
HỒ MINH QUANG	10/09/1998	29017742	Toán: 2.60 Vật lí: 2.25 Hóa học: 2.50
BÙI NGỌC NGUYỄN	24/07/1999	29002856	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN VĂN THẮNG	23/09/1999	29008129	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 2.25 KHTN: 2.5 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 7.25
CAO XUÂN PHI	24/10/1999	29002877	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 3.58 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ HOA LY	24/04/1999	29027444	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.40
ĐẶNG THỊ THU TRANG	09/09/1999	29006688	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 7.75 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 5.00
VÕ THỊ SÂM	26/06/1999	29005877	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	11/05/1999	29023294	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ HOÀI THU	08/09/1999	29004205	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN MỘNG MẠNH	07/07/1999	29001495	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
HỒ THỊ TUYẾT VÂN	13/03/1999	29027120	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ THÚY	09/09/1998	29022149	Toán: 8.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.50
NGUYỄN MẠNH DẦN	24/02/1998	29010065	Toán: 4.20 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.75

KHA THỊ CHÂU	15/06/1999	29008170	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.25 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 4.20
LÊ VĂN MINH	26/06/1999	29003457	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.00 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.80
VŨ TRÚC LINH	01/03/1999	29005123	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 9.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.40
MẠC THỊ LỆ MY	06/09/1999	29014610	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG	11/11/1999	29030501	Toán: 6.40 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN VĂN TÂN	10/12/1999	29020448	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 8.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN THỊ LINH	22/03/1999	29011693	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ HUYỀN	03/04/1999	29000280	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 9.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 5.00
PHẠM ANH TUẤN	29/05/1998	29009361	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.20
LƯƠNG THỊ CHINH	24/11/1999	29014313	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.00
LÊ TÚ QUYÊN	26/04/1999	29024543	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.67 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.75 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HẰNG	06/03/1998	29021719	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM LONG NHẬT	07/12/1999	29010149	Toán: 2.20 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.25
ĐẬU VĂN CƯỜNG	17/05/1999	29003727	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.20
LÊ VĂN HIẾU	07/08/1999	29019390	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN ĐỨC CHIẾN	22/09/1999	29016102	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 2.40
BÙI VĂN ANH	15/09/1999	29016059	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 3.40

VÕ TUẤN ANH	07/05/1998	29019198	Toán: 4.60 Ngữ văn: 1.75 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 3.20
PHAN THỊ GIANG	29/10/1998	29005580	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM VIỆT HIẾU	12/04/1999	29021066	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ MAI LINH	04/02/1999	29025107	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 5.20
LÊ KHẮC CƯƠNG	28/02/1999	29001847	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4 Tiếng Anh: 3.80
TRƯƠNG VĂN THÀNH	27/04/1997	29019792	Toán: 2.40 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.75
NGUYỄN THỊ HỒNG	12/01/1999	29023206	Toán: 9.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 8.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VĂN HIẾU	02/10/1998	29007176	Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.00
PHẠM THỊ TUYẾT	13/11/1999	29017047	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 9.75 Sinh học: 9.75 KHTN: 8.25 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN LƯƠNG TUẤN	09/02/1999	29007466	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.40
ĐỖ PHAN KHÁNH LY	16/08/1997	29024807	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75
HOÀNG HẢI NGỌC	01/04/1999	29026376	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 7.40
NGUYỄN THỊ CHÍNH	13/02/1999	29002238	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ THẢO	30/08/1999	29014150	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 6.25 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN NGỌC TRÂM	18/06/1999	29012963	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.20
HỒ THỊ THÙY LINH	23/04/1999	29023849	Toán: 9.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.50 Sinh học: 6.50 KHTN: 8.25 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN THỊ LAN ANH	24/10/1999	29001219	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.50 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 3.20

NGUYỄN THỊ HOÀI THƯƠNG	26/07/1998	29011522	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.50 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 3.20
LÊ VĂN THỊNH	01/10/1999	29016965	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 9.00 Hóa học: 8.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 5.20
PHẠM THỊ ÁNH	15/06/1999	29010263	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.25 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 3.60
CAO THỊ HOÀI THƯƠNG	02/01/1999	29012441	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN NHƯ ÂN	17/05/1999	29023109	Toán: 5.00 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 1.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 4.20
PHAN THỊ MẶN	02/02/1999	29030107	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.25 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN BÁ PHƯƠNG	02/02/1999	29001568	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ DUYÊN	06/07/1999	29027238	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	22/05/1999	29007269	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 3.60
CHU THỊ YẾN	10/04/1999	29030952	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.80
CAO VĂN TUẤN	13/12/1998	29019824	Toán: 8.80 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.75
VŨ THỊ KHƯƠNG	20/12/1998	29029063	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN ĐÌNH HÙNG	20/02/1999	29012093	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 3.60
ĐOÀN NGỌC QUANG	05/07/1998	29021498	Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 9.25
ĐÀO XUÂN DƯƠNG	26/03/1999	29004371	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.83 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ THÀNH	02/09/1999	29023336	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.5 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	17/05/1999	29018231	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 1.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 2.67 Tiếng Anh: 2.40

NGUYỄN VĂN NỘI	19/03/1999	29002868	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.80
NGÔ XUÂN TRƯỜNG	04/04/1999	29006739	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.50 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM THỊ NGỌC	16/03/1999	29013260	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.83 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN THỊ QUYÊN	06/01/1999	29027558	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN KIÊN	07/09/1999	29021852	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 5.00
PHẠM THỊ NGỌC SƯƠNG	01/11/1999	29027585	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.80
DƯƠNG THỊ THANH NGỌC	20/10/1999	29013255	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 8.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ SÁNG	21/06/1999	29019978	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ VINH	06/09/1999	29002679	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ HÀ	12/04/1999	29021692	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN BÁ KHƯƠNG	26/07/1999	29015734	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN NHẬT LINH	03/04/1999	29025512	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 6.50 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN LONG	20/04/1999	29027431	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.40
PHAN ĐÌNH THẢN	22/11/1999	29024022	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 7.75 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THẾ TOÀN	25/06/1999	29011804	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ MAI HƯƠNG	28/09/1999	29016711	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.83 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ HƯƠNG	18/02/1999	29007662	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.60

ĐINH THỊ HẰNG	10/06/1999	29025024	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG	16/02/1999	29001571	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.60
ĐINH NGỌC ĐỨC MẠNH	05/02/1999	29026309	Toán: 7.20 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.80
BÙI THỊ HOÀI	02/01/1999	29003135	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM VĂN LỘC	31/01/1999	29005741	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.20
BÙI THỊ LINH	01/10/1999	29010471	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.00
CÙ VĂN PHONG	07/10/1999	29006117	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00
NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG	16/10/1999	29009317	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 3.40
LÔ VĂN THOẢNG	09/01/1999	29013747	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 5.25 KHXH: 4.08 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG THỊ LAN ANH	16/03/1999	29027154	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN ĐỨC THẮNG	07/07/1999	29024579	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 1.80
HỒ THỊ HOÀI	05/08/1999	29017939	Toán: 9.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.75 Sinh học: 2.50 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN TRUNG HIẾU	14/02/1999	29002363	Toán: 2.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.00
NGÂN TRỌNG TRINH	27/06/1998	29003672	Toán: 2.00 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 3.25 GDCD: 6.50 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.00
HỒ THỊ PHƯƠNG NGÂN	07/11/1999	29024480	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN THỊ LINH	16/08/1999	29027957	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.25 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN THỊ THƠM	01/01/1999	29017769	Toán: 2.60 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.00
THÁI HOÀNG ANH TUẤN	01/10/1999	29030906	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.60

HỒ NỮ XUÂN MAI	02/12/1999	29018037	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 9.50 Sinh học: 2.00 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN HỒNG QUÂN	04/11/1999	29006568	Toán: 7.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.67 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG VĂN HƯỚNG	13/03/1995	29027683	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 6.75
NGUYỄN THỊ HUYỀN	20/08/1999	29003925	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.80
GIÀ BÁ CỬ	14/05/1999	29008207	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 6.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.80
LÊ THỊ HẢI	17/09/1999	29000148	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.80
CUNG ĐÌNH TRÍ	20/02/1999	29004736	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.20
CAO NGUYỄN QUỲNH TRANG	18/09/1999	29027022	Toán: 7.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 4.20
ĐẶNG NGỌC HÙNG	14/01/1999	29026146	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 4.20
BÙI ĐỨC MẠNH	13/02/1999	29025540	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN VĂN TÙNG	18/11/1998	29001724	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG ĐĂNG QUỲNH	02/09/1999	29007389	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN TƯ ẦN	05/10/1999	29010719	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.00
DƯƠNG THỊ THƯƠNG	03/02/1999	29011089	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 7 Tiếng Anh: 4.00
DƯƠNG VIỆT ANH	11/10/1998	29014749	Toán: 8.40 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.75
TRẦN THỊ CHI	13/03/1999	29005505	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 5.80
HOÀNG THỊ YẾN	21/05/1999	29024699	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VĂN ĐẠT	31/10/1998	29026770	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 2.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.83 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.00 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.80

NGUYỄN VIỆT BÌNH	03/03/1998	29023434	Toán: 8.80 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.25
TRẦN THỊ MẠO	10/07/1999	29030105	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.40
NGÔ THỊ UYÊN	16/02/1999	29011839	Toán: 1.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN HỮU TUẤN ANH	26/03/1999	29000025	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.00 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 2.80
PHAN THỊ DUYÊN	20/11/1999	29011974	Toán: 1.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.40
NGÔ MINH VINH	10/02/1998	29018307	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HẰNG	22/09/1998	29019357	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HOÀI THANH	04/05/1999	29005283	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 8.50 Sinh học: 7.75 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 5.20
TRẦN VŨ THỰC ANH	03/02/1999	29023597	Toán: 9.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 9.00 Hóa học: 9.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.67 Tiếng Anh: 8.40
NGUYỄN THỊ NHÂM	10/09/1999	29002029	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 5.00
LÊ ĐÌNH DUY	03/04/1999	29013908	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.25 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ TÂM	12/01/1999	29002591	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN QUANG HUY	03/09/1999	29013176	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.5 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 5.80
HOÀNG THỊ HUYỀN THƯƠNG	02/10/1999	29009944	Toán: 7.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN MINH TRUNG	16/07/1999	29000877	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 1.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 6.25 KHTN: 3.5 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.20
NGÔ THỊ THU'	10/09/1999	29018975	Toán: 7.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.60
LÔ VĂN THÁI	15/09/1999	29020449	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 3.5 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.40

NGÔ TRÍ TRƯỜNG	12/06/1999	29006738	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG THỊ CẨM VÂN	21/03/1999	29020538	Toán: 8.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 4.80
PHẠM THỊ VÂN ANH	29/09/1999	29029423	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN NGỌC ĐỨC	19/05/1999	29005571	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 9.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 8.00
ĐINH TRỌNG DUY	02/01/1999	29028326	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN MINH ĐỨC	01/08/1999	29006329	Toán: 6.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN TRUNG LONG	30/07/1999	29026285	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 8.00 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THU UYÊN	04/04/1999	29028239	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 5.20
CHU THỊ NGÂN	10/01/1999	29004542	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 3.20
TRỊNH VĂN ĐÔNG	01/08/1999	29012700	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 4 Tiếng Anh: 2.60
LÊ VĂN HIỆP	15/12/1999	29012050	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.92 Tiếng Anh: 3.20
LÔ THỊ HÀ	29/01/1999	29013523	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VĂN LỘC	03/01/1999	29018032	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 6.40
LÊ THỊ HÀ	06/08/1997	29025264	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 2.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.25
CAO XUÂN CƯỜNG	31/01/1999	29002251	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ HIỀN THỰC	08/09/1999	29016417	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.00
VŨ THỊ TƯ UYÊN	08/08/1999	29018280	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.50 GDCD: 7.25 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.60

NGUYỄN HOÀNG QUỲNH TRANG	07/05/1999	29026541	Toán: 9.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 7.92 Tiếng Anh: 7.80
NGUYỄN THỊ HÀ	28/05/1999	29023166	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN VĂN LỰC	26/01/1999	29001482	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 2.20
LƯƠNG ĐỨC QUYỀN	03/02/1997	29008116	Toán: 8.20 Vật lí: 8.25 Hóa học: 6.75
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	10/02/1999	29005954	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.92
NGUYỄN THÀNH ĐẠT	02/06/1999	29010850	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.5 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
NGÔ ANH PHƯƠNG	15/07/1999	29013298	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 7.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 8.20
CHÀNG VĂN NGUYỄN	22/02/1999	29020738	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 3.75 GDCD: 8.25 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN QUANG LINH	19/10/1999	29024417	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN VĂN CHÂU	01/01/1999	29016098	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 2.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 4 Tiếng Anh: 6.00
TRẦN THỊ HOÀI	04/06/1999	29022814	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 6.60
PHẠM NGỌC ANH	29/04/1999	29023583	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 8.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 5.80
TRẦN TRUNG HIẾU	28/08/1999	29010409	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.00
HÀ VĂN TRUNG	20/10/1999	29025767	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.17 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN VƯỢNG	06/12/1999	29004843	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN TRUNG LƯƠNG	03/03/1999	29025533	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.42 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.00
PHAN ANH TUẤN	15/05/1999	29020524	Toán: 9.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 9.50 Hóa học: 9.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 3.60

PHẠM THỊ MAI	24/04/1999	29004007	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.80
LÊ THỊ BÌNH	08/12/1999	29030387	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 6.50 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 5.80
PHAN THỊ HUYỀN	11/04/1999	29021107	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 3.20
PHAN THỊ YẾN UYÊN	26/10/1999	29018277	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 7.20
ĐINH VIỆT ÂU	03/08/1999	29002696	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00
PHẠM ĐỨC LỘC	20/11/1999	29005128	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ THỦY VÂN	06/11/1999	29028246	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.40
ĐẶNG THỊ HƯƠNG	20/05/1999	29027937	Toán: 6.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 4 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN ANH THÁI	12/12/1999	29002080	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 4.40
NGÂN VĂN BIỆN	02/01/1999	29014304	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ LINH	28/10/1999	29021152	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 7.50 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 4.00
LÊ THỊ LIỆU	15/07/1999	29029080	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.80
BÙI VĂN LỢI	13/03/1999	29021893	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ DANH	20/04/1999	29001256	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN TRẦN NHẬT PHÁP	02/10/1997	29001107	Toán: 8.60 Hóa học: 6.00 Sinh học: 6.75
CAO VĂN DŨNG	02/10/1999	29020599	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM NGUYỄN VĂN ANH	11/10/1999	29027827	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 2.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.08 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 7.20

NGUYỄN THỊ SEN	24/04/1999	29011037	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 7.50 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN DOÃN THÀNH	26/10/1997	29004281	Toán: 8.60 Vật lí: 9.00 Tiếng Anh: 8.80
PHẠM THỊ HÒA	07/04/1999	29001929	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 4.80
TRẦN TRỌNG TỐI	10/06/1999	29019003	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ PHƯƠNG	22/11/1999	29016255	Toán: 5.20 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.75 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 1.80
TRẦN THỊ LAM	24/01/1999	29003434	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN QUANG HUY	13/03/1999	29005670	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 5.50 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN THỊ GIANG	26/03/1999	29023699	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ SƠN	20/10/1999	29000508	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	02/04/1999	29025970	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.00
ĐẬU ĐỨC TOÀN	14/07/1999	29016997	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN DANH HIẾU	05/02/1999	29029908	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.80
LÊ THỊ HUYỀN	27/03/1999	29027927	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 4.40
LÊ THỊ THƯƠNG	22/07/1999	29001671	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ HẰNG	02/09/1998	29015584	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 6.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ NHÌ	26/12/1999	29002531	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	19/06/1999	29000629	Toán: 9.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 9.00 Hóa học: 8.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 7 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 5.00

PHAN VĂN ANH TUẤN	18/08/1999	29029657	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN VĂN PHÚC	17/12/1997	29010158	Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 8.50
ĐẶNG THỊ DIỆU THÚY	14/06/1999	29018189	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 4.40
VÕ HỒNG MẠNH	14/02/1999	29004526	Toán: 7.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN QUANG ANH	15/09/1999	29015403	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ THU THỦY	05/07/1999	29012934	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.80
LÊ THỊ THÚY HẰNG	28/08/1999	29003826	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.80
LÔ TIẾN ANH	25/03/1998	29013820	Toán: 7.20 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.75
LÊ MINH ĐỨC	20/12/1999	29007261	Toán: 9.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 9.00 Hóa học: 9.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 3.40
NGÔ THỊ HIỀN	12/07/1999	29019369	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VĂN TÌNH	18/02/1999	29007780	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 5.00 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HUYỀN	06/03/1997	29019721	Toán: 9.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 9.50 Sinh học: 6.75 KHTN: 7.42
VŨ DUY VƯƠNG	16/06/1999	29004842	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM THỊ BÍCH	12/04/1999	29028292	Toán: 5.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.00 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG THỊ TRÀ	17/05/1999	29023034	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ LY	16/12/1999	29018592	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 9.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.40
ĐẶNG NGỌC NAM	13/03/1999	29015877	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 4.25 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.40

NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	03/11/1998	29029639	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN TUẤN	05/03/1999	29007467	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 3.75 GDCD: 8.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ LINH	07/11/1999	29030034	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.40
NGÔ LÊ HOÀN	04/06/1999	29017946	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.08 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ LỰA	11/05/1999	29003992	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN BẢO CHUNG	12/07/1999	29008631	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 4.40
ĐẶNG THỊ GIANG	20/12/1999	29027267	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.25 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ THẢO	04/05/1998	29021513	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00
NGUYỄN VĂN TUẤN	27/05/1998	29006226	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.75
LÊ THỊ THỦY	21/03/1999	29020071	Toán: 4.60 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 5.20
LÊ HÙNG ANH	17/08/1999	29012611	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 3.20
BÙI ĐỨC TUÂN	20/08/1999	29029650	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ DUNG	30/10/1999	29028321	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 2.20
ĐÀO THỊ HƯƠNG GIANG	18/11/1999	29009536	Toán: 7.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 5.60
PHAN THỊ BẢO THƠM	10/08/1999	29028693	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 5.40
VÀ BÁ VẢ	12/03/1999	29025814	Toán: 5.80 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ HẰNG	02/09/1999	29009116	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.17 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.60

NGUYỄN TRỌNG KIÊN	27/05/1999	29025092	Toán: 7.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 6.50 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ MỸ DUYÊN	11/06/1999	29027241	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.40
LƯƠNG THẾ TÀI	27/09/1999	29015087	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 3.00
LÔ THỊ HỢP	12/09/1998	29013981	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 1.60
HỒ THỊ NGUYỆT	02/09/1999	29016186	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
VI THỊ HOA	25/02/1999	29014442	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.80
HỒ VĂN MẠNH	17/05/1999	29015853	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.75 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG THỊ THANH	25/07/1999	29005282	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 8.75 Sinh học: 8.25 KHTN: 7 Tiếng Anh: 4.60
TRƯƠNG THỊ NĂM	03/10/1999	29013655	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN ANH TUẤN	20/08/1999	29020525	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 5.80
HOÀNG VĂN KHÁNH	22/07/1999	29006985	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.40
ĐẶNG THỊ HƯƠNG THẢO	05/09/1999	29009268	Toán: 9.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 6.60
LÊ HOÀNG TUẤN ANH	24/08/1998	29005953	Toán: 7.40 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 2.25 KHTN: 5.25
NGUYỄN THỊ HUỆ	19/04/1999	29018496	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN VĂN HÙNG	21/02/1999	29000694	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.58 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.20
BÙI THỊ KIỀU OANH	08/07/1999	29018101	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.20
HÀ THỊ VÂN	27/10/1999	29013802	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 4.00

NGUYỄN XUÂN ĐÔNG	29/09/1999	29016146	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN CHUNG	20/08/1998	29004221	Toán: 7.20 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.75
NGUYỄN THỊ VÂN ANH	06/02/1999	29002204	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.40
VÕ THỊ LAN NHI	30/08/1999	29010581	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ HUYỀN	18/02/1999	29023219	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 4 Tiếng Anh: 7.00
NGUYỄN AN NHẬT HUY	13/09/1999	29013174	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 3.40
HỒ THỊ THANH TÂM	22/07/1999	29018149	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 4.60
PHẠM TIẾN ANH	26/12/1999	29010251	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN HỮU VIỆT ĐỨC	05/07/1999	29024241	Toán: 7.80 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 9.60
PHẠM THỊ BẢO CHÂU	12/02/1999	29023118	Toán: 9.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 9.50 Sinh học: 9.50 KHTN: 8.58 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN ĐĂNG MẠNH	12/05/1998	29001494	Toán: 3.20 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.25 GDCD: 4.25 KHXH: 3.33 Tiếng Anh: 1.40
NGUYỄN HỮU CƯỜNG	23/10/1999	29030399	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 3.40
ĐỖ THỊ VÂN	20/06/1999	29011191	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN KHẮC QUÂN	15/10/1999	29029573	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 3.40
HỒ PHƯƠNG ANH	23/03/1999	29015391	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.40
PHAN THỊ HIỀN	10/01/1999	29005012	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	02/01/1999	29009160	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 4.80

NGUYỄN VĂN ĐỨC	05/05/1997	29014778	Toán: 7.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 4.25
NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	10/10/1999	29011144	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.80
ĐẬU THỊ LAN	26/11/1999	29015746	Toán: 1.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.25 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.80
BÙI THỊ KIM THUY	20/03/1999	29005940	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.60
CHU THỊ HUỆ	18/04/1999	29003905	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.80
PHẠM THỊ YẾN	22/05/1999	29006825	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HUYỀN	10/09/1999	29019475	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.00 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ LƯƠNG	22/10/1999	29026292	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.25 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 4.60
LỮ VĂN SỬU	17/02/1997	29020918	Toán: 2.40 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.00
LƯƠNG VĂN PHON	21/05/1999	29008400	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG VĂN ĐẠI	13/08/1999	29015497	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ THÙY	30/09/1999	29002965	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 7.00 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 2.40
ĐẶNG THỊ HẠNH	16/10/1998	29001313	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ YẾN	06/10/1999	29019118	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ THANH LỊCH	10/11/1999	29022860	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HUYỀN	02/01/1999	29001425	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.80
BÙI THỊ HẰNG	28/01/1999	29019349	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.00

DƯƠNG THỊ THỦY	22/04/1999	29009287	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.42 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 5.40
TRẦN CÔNG THÀNH	29/06/1999	29024572	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 1.50 KHTN: 4.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 1.50 GDCD: 6.75 KHXH: 3.67 Tiếng Anh: 3.40
TẠ QUỐC HUÂN	12/01/1999	29016673	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 2.60
HỒ NGHĨA MINH	12/03/1999	29016800	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 6.25 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 3.60
DƯƠNG THỊ HẠNH	14/10/1999	29019338	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN HỮU CHI	10/09/1998	29029744	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.50 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ LAN	11/08/1999	29019515	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN HIẾU	08/10/1999	29004428	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 2.50 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN XUÂN LONG	04/09/1999	29027432	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	03/06/1999	29027824	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 4.40
HOÀNG VĂN QUÂN	20/05/1999	29017463	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.00
HOÀNG THỊ MỸ DUYÊN	20/08/1999	29025375	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 6.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN BÁ HÀO	03/02/1999	29019347	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN XUÂN THIÊN	03/05/1998	29010193	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 8.00
NGUYỄN THỊ GIANG	30/08/1998	29022108	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.25 Tiếng Anh: 7.40
NGUYỄN THỊ THU TRANG	19/08/1999	29004724	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.20
VY THỊ THUẬN	28/04/1999	29025697	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 4.00

NGUYỄN THỊ NGUYỆT	28/12/1999	29010572	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.60
CAO VĂN THẬP	03/04/1998	29005923	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ TRANG	04/05/1999	29017592	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.50 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.00
LÔ VĂN VIỆT	14/08/1999	29014219	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ TRANG	28/03/1999	29004726	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.60
ĐÀO VĂN DŨNG	25/05/1999	29029777	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 5.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.80
LÔ THỊ HƯƠNG	14/11/1999	29025081	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 3.60
LƯU THỊ TƯỜNG VI	11/07/1999	29006801	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 4.00
LÊ VĂN KHÁNH	06/06/1999	29010451	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.40
LÊ ĐÌNH HIẾU	16/02/1999	29000683	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.42 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.60
THÁI THỊ LÊ	07/04/1999	29029077	Toán: 4.20 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.50 GDCD: 6.50 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN XUÂN THÀNH	22/12/1999	29019791	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50
HOÀNG THỊ THUỶ DƯƠNG	02/04/1999	29016128	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.25 Hóa học: 9.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 4.60
LÔ THỊ MỸ DUNG	23/05/1999	29025373	Toán: 2.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.00
LÊ THẢO AN	17/12/1999	29004313	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ TRÀ	17/06/1999	29003532	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 1.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 3.40
ĐẬU CÔNG NĂM	03/04/1999	29006106	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.75

MÙA BÁ CU	26/01/1999	29008201	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.50 GD&CD: 5.75 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 2.60
PHẠM THỊ DIỄM	15/06/1999	29008643	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GD&CD: 7.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN THỊ HUYỀN	15/02/1999	29001034	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.08 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00
HOÀNG THỊ THU	15/06/1999	29028695	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GD&CD: 8.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM TRẦN VIỆT ANH	12/08/1999	29004323	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 3.20
ĐẶNG THỊ THÙY DƯƠNG	10/03/1999	29001868	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 6.50 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ THUÝ VÂN	10/10/1998	29018292	Toán: 2.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 1.00 Địa lí: 3.75 GD&CD: 6.00 KHXH: 3.58 Tiếng Anh: 3.00
HỒ TUẤN ANH	15/12/1994	29021442	Toán: 6.40 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 5.75
NGUYỄN THỊ THU	15/09/1999	29028697	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GD&CD: 6.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ HƯƠNG	10/10/1999	29022314	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 4.40
ĐẶNG THỊ CHIẾN HẠNH	04/12/1999	29001900	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 7.50 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ NA	14/06/1999	29028553	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.25 GD&CD: 8.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ BÌNH	04/11/1999	29021571	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GD&CD: 8.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.00
PHAN QUỐC BẢO	26/06/1999	29009463	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 9.50 Hóa học: 9.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 7.67 Tiếng Anh: 6.80
NGUYỄN THỊ OANH	11/07/1999	29016862	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG ĐÌNH HIẾU	19/08/1999	29001361	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GD&CD: 6.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.20
LÔ THỊ HỒNG	02/05/1998	29013567	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 2.50 GD&CD: 6.25 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 2.40

LÊ VĂN AN	26/09/1999	29010234	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN HỮU ĐẠI	08/09/1999	29022739	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.50 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 1.60
NGUYỄN THÀNH VINH	25/06/1999	29025831	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN ĐỨC THẮNG	30/10/1999	29028075	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 9.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 4.20
HỒ HỮU TRẠI	27/04/1999	29017586	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ HIỀN	05/03/1999	29007620	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 9.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN THỊ NHUNG	01/05/1999	29005199	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 1.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.25 KHTN: 2.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.20
LÊ THỊ THUÝ	17/10/1999	29029614	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.50 Sinh học: 6.00 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 4.60
HỒ VĂN NAM	13/11/1999	29019620	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 5.25 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HOÀI	16/08/1999	29021074	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM VĂN NAM	17/10/1999	29013242	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 9.00 Hóa học: 8.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 7 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN QUANG PHÚC	07/02/1997	29022136	Toán: 7.20 Hóa học: 8.50 Sinh học: 8.00
PHAN TẤN TÀI	17/01/1999	29007113	Toán: 2.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ NGÂN	28/05/1999	29014631	Toán: 3.40 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ NGỌC KHÁNH	11/07/1999	29026838	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 2.00 Hóa học: 2.00 Sinh học: 2.25 KHTN: 2.08 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN HOÀNG QUÂN	07/01/1999	29023990	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ HẰNG	26/02/1999	29001334	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.80

NGÔ VĂN HUỖNH	30/06/1999	29017299	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.40
THÁI MINH HIẾU	22/05/1999	29022805	Toán: 1.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VĂN HIẾU	29/08/1999	29003860	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.00 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 1.80
TRẦN MINH HIẾU	01/03/1999	29018467	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN NGUYỄN HẠNH	17/10/1999	29026066	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 6.75 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 5.80
HÀ VĂN ĐẠT	25/08/1999	29004378	Toán: 6.60 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 3.40
PHAN VĂN TÂN	23/07/1999	29012906	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ NHƯ	03/08/1999	29013281	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 4 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.75 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 6.00
HỒ THỊ HIỀN	11/04/1999	29018447	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 6.60
NGUYỄN ĐỨC PHƯỚC	25/04/1999	29000749	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN ĐÌNH NAM	03/11/1999	29005776	Toán: 4.00 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM THỊ THƠ	12/01/1999	29024586	Toán: 7.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 7.40
NGUYỄN ĐÌNH QUYẾT	20/10/1999	29025218	Toán: 8.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN TRỌNG PHI	06/07/1999	29030189	Toán: 5.00 Ngữ văn: 2.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.20
VI THỊ THU TRANG	22/08/1999	29015260	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.40
MOONG VĂN BÔM	09/03/1999	29008156	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.00 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 2.20
PHÙNG THỊ CÁT	26/11/1999	29012650	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 6.00

NGUYỄN THỊ UYÊN	16/03/1999	29028238	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN ĐÌNH HÙNG	28/02/1999	29010425	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN ĐÌNH PHÙNG	05/09/1999	29013291	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.67 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.20
LÊ HUY HOÀNG	30/07/1999	29010417	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN SỸ BẮC	04/10/1999	29022196	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 9.75 Sinh học: 9.25 KHTN: 8.08 Tiếng Anh: 3.60
LÊ SỸ ĐẠT	01/05/1998	29009001	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.80
PHAN THỊ LONG	15/06/1999	29015814	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG THỊ HIỀN	23/11/1999	29011314	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 4.40
LÊ THỊ MAI	29/05/1999	29013224	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 5.20
TRẦN THỊ DUYÊN	19/09/1999	29019280	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.00
CAO KIỀU LÊ	28/01/1999	29012158	Toán: 3.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 4.00
BÙI THỊ PHƯƠNG	22/04/1999	29012308	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ LINH	27/06/1999	29029086	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.80
VÕ THỊ THU HẰNG	10/12/1999	29000182	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 6.60
LÊ QUANG HIẾU	13/09/1999	29018461	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.50 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 2.00
BÙI THỊ NHẬT LỄ	02/03/1999	29024391	Toán: 5.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	10/03/1999	29004852	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 4.80

DƯƠNG ĐÌNH HOÀNG	18/07/1999	29003403	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 2.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.33 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ HỒNG NHUNG	11/02/1999	29023953	Toán: 9.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 6.80
NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH	20/01/1999	29011648	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 1.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 2.83 Tiếng Anh: 2.80
LỖ Y XỬ	12/06/1999	29025841	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 9.00 GDCD: 9.25 KHXH: 8.92 Tiếng Anh: 5.00
LÊ THỊ THANH HUYỀN	16/08/1999	29000279	Toán: 7.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.80
HOÀNG VĂN HOAN	29/01/1999	29005028	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 8.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 4.00
PHAN THỊ DUYÊN	15/06/1999	29008056	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.83 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.25
PHAN TRỌNG TÙNG	28/10/1999	29023069	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ HẠNH	08/05/1999	29000153	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.60
ĐẶNG QUANG HÀO	10/10/1999	29019346	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN LÊ HƯƠNG THẢO	16/11/1999	29007126	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 5.80
VÕ HỒNG ĐÌNH	16/04/1999	29011287	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 1.40
TRẦN THỊ THU HIỀN	02/06/1999	29027309	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN VĂN THẾ	02/09/1999	29008130	Toán: 1.60 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 2.00 Hóa học: 1.25 Sinh học: 0.25 KHTN: 1.17 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.75
CHU THỊ HƯỜNG	15/05/1999	29030004	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.50 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 4.40
HỒ THẢO NGUYỄN	08/03/1999	29023928	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 9.50 Sinh học: 8.75 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ HÀ	02/10/1999	29020264	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 2.60

ĐINH THIÊN THƯỢNG	17/02/1999	29005334	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.40
PHẠM NGỌC TUẤN	15/08/1999	29003006	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 9.25 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 4.40
LÔ THỊ NGỌC	23/10/1999	29014638	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.20
PHẠM HỒNG DƯƠNG	06/09/1999	29008659	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 2.00
TRỊNH THỊ NHUNG	12/05/1999	29022931	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 2.40
ĐINH VĂN HIỀN	13/07/1983	29008064	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 2.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.5 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75
ĐẶNG TUẤN KHẢI	10/12/1999	29012126	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.40
HỒ THỊ HÒA	19/02/1999	29018477	Toán: 7.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 9.00 GDCD: 9.00 KHXH: 8.67 Tiếng Anh: 8.40
HOÀNG THỊ DUYÊN	03/03/1999	29011280	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ HỒNG LĨNH	16/07/1999	29027966	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.80
LÔ THỊ NHẬT LỆ	18/07/1999	29014022	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.25 Tiếng Anh: 2.80
TẶNG PHẠM QUỲNH ANH	01/06/1999	29011908	Toán: 6.20 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 9.25 GDCD: 9.25 KHXH: 9.17 Tiếng Anh: 4.00
TRƯƠNG THANH TÙNG	07/11/1999	29006774	Toán: 4.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.80
HỒ HỒNG DƯƠNG	24/01/1999	29029447	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 3.60
BÙI THẾ TRỌN	05/09/1999	29022589	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 4.20
PHAN VĂN HOÀNG	17/10/1999	29015655	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN DUY TOÀN	22/06/1999	29001172	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 1.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.00

LÔ VĂN DIỆM	10/05/1999	29024961	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 6 Tiếng Anh: 4.40
HOÀNG THỊ LÝ	16/05/1999	29006492	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 6.25 KHTN: 6.42 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.60
PHAN THỊ THU UYÊN	10/03/1999	29004813	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.50 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.80
PHẠM MẠNH CƠ	15/12/1999	29027214	Toán: 5.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VĂN TÀI	10/04/1993	29001132	Toán: 8.60 Hóa học: 7.25 Sinh học: 8.00
HỒ SỸ TOÀN	29/04/1999	29018996	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 2.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 4.00
LÊ THỊ THU HÀ	04/03/1999	29013117	Toán: 6.20 Ngữ văn: 8.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	28/12/1999	29001526	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 9.25 Địa lí: 9.25 GDCD: 8.00 KHXH: 8.83 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN ĐĂNG PHƯỚC	27/03/1999	29025202	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 8.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ LOAN	20/01/1998	29008090	Toán: 3.40 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.75
HỒ SỸ ĐÔNG	19/07/1999	29015520	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ MINH THƯ	04/09/1999	29010693	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.80
ĐẶNG HỮU HÙNG	20/12/1999	29020300	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.80
LƯƠNG THỊ HIỀN	29/07/1999	29025429	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.25 KHXH: 8 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ NGỌC TRÂM	06/01/1999	29025758	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	07/09/1996	29027659	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.25
LÊ TRẦN HOÀNG HẢI	15/01/1999	29023712	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 8.40

LÊ THỊ HUYỀN	09/07/1999	29001961	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 6.75 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 5.00
BÙI THỊ HOAN	11/04/1992	29017681	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.50
VĂN THỊ TỔ UYÊN	05/10/1999	29022641	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 4.00
ĐOÀN QUANG THÀNH	21/10/1999	29007748	Toán: 1.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.80
ĐÀO VĂN SƠN	15/10/1999	29001591	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN ĐÌNH CHIẾN	21/02/1999	29016100	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.20
LỮ THỊ THU HUYỀN	07/12/1999	29020666	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.20
PHAN THÁI NGUYỄN	30/09/1999	29006531	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 2.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN VIỆT GIANG	25/10/1999	29001295	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.40
PHẠM THỊ LAN	10/12/1999	29007675	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG XUÂN TÙNG	27/03/1999	29016529	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.00
PHAN TUẤN ANH	07/02/1999	29022705	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 8.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 3.40
PHAN LỄ DUNG	01/10/1999	29029446	Toán: 7.80 Ngữ văn: 2.75 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 4.80
LÊ ĐỨC HUY	19/08/1999	29016686	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 2.00 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN NGỌC THẮNG	04/05/1999	29024042	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN THỊ MỸ	18/08/1999	29007351	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.5 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ THU	04/05/1999	29023004	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.40

PHAN VĂN LONG	25/01/1999	29015019	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 6.50 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 4.60
PHẠM NHƯ DUYÊN	12/08/1999	29010320	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG THỊ TRINH	06/07/1999	29011128	Toán: 2.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.80
MAI THỊ THÚY	15/05/1999	29004663	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 4.75 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 4.80
PHAN TRUNG KIÊN	12/01/1999	29024378	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 5.75 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 2.60
CHÂU VĂN THÀNH	15/03/1999	29007402	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 2.00 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.20
LÊ THỊ HIỀN	18/08/1999	29016623	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 4.80
TRẦN HƯNG TÚ	27/09/1998	29022615	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.80
VÕ THỊ THÙY LINH	23/05/1999	29030529	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG THỊ LAN	16/06/1998	29007671	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.50 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN XUÂN LỢI	09/03/1999	29004513	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 3 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.60
PHAN VĂN HUY	11/12/1999	29022302	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN THỊ THÙY LINH	12/04/1999	29009190	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ DUNG	24/06/1999	29004362	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 4.40
BÙI VĂN HUYNH	01/05/1999	29017987	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN VĂN ĐẠT	14/01/1999	29006906	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN HẢI LÝ	01/10/1999	29006493	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 4.40

VI ĐỨC THẮNG	14/02/1999	29013738	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.60
LANG THỊ NHUNG	17/08/1999	29014672	Toán: 1.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.60
PHẠM THỊ THẨM	10/01/1999	29009276	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.33 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.00
VI VĂN NGHĨA	27/12/1999	29014068	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN ĐẠI BẰNG	18/10/1999	29030384	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 2.20
HOÀNG TRỌNG ĐỨC	20/05/1999	29008669	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN NHƯ TÚ UYÊN	02/09/1998	29001197	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.50 Tiếng Anh: 8.20
NGUYỄN TRỌNG TÂN	22/08/1999	29018150	Toán: 6.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 3.40
NGÂN VĂN LONG	13/11/1998	29014554	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.00
TRẦN VĂN HẠNH	17/02/1999	29025020	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 2.00
PHẠM VIỆT HUY	14/05/1999	29000269	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG TRUNG ĐẠT	18/02/1999	29015503	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.60
HỒ SĨ AN	10/10/1999	29017070	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.00
HỒ THỊ HẰNG	09/04/1999	29003825	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 9.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 7.50 KHXH: 8.5 Tiếng Anh: 5.80
LƯƠNG THỊ TRANG	04/03/1999	29003335	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.75 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỌ TUẤN	26/08/1999	29020188	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 6.60
NGUYỄN XUÂN THÍCH	03/05/1999	29023349	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 2.40

NGUYỄN THỊ THÀNH	14/07/1999	29028057	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 7.00 KHTN: 7 Tiếng Anh: 4.20
VÕ THỊ NGÀ	10/04/1997	29012851	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN ĐÌNH ĐỒNG	11/03/1998	29009002	Toán: 9.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.92
TRẦN THỊ HỒNG	01/04/1999	29012083	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.80
VŨ VĂN ĐỨC	11/08/1999	29024244	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 5.40
ĐINH TRUNG THÔNG	14/10/1999	29011791	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 3.20
TRƯƠNG THỊ NGÂN	20/11/1999	29002522	Toán: 5.60 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.60
ĐINH VĂN PHÚC	25/06/1996	29027723	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.50
PHẠM ĐỨC LÂM	17/11/1999	29012809	Toán: 1.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ YẾN	26/01/1999	29028809	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.60
ĐẬU TRỌNG HIẾU	17/06/1998	29019703	Toán: 7.80 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.25
TRẦN THỊ KIM OANH	26/06/1999	29004559	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ TRANG	12/01/1999	29029326	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 9.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN QUANG HUY	21/03/1999	29027351	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ MỸ THÙY	06/04/1999	29022494	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 5.80
HOÀNG QUỐC VIỆT	01/02/1999	29003590	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.00
HỒ THỊ LAN	28/10/1999	29011376	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ THẢO NGUYỄN	20/02/1999	29009788	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 6.40

PHAN KIM TRƯỜNG	27/01/1998	29020173	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 1.40
TRẦN THỊ LIÊN	25/12/1999	29017703	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.00
LÔ VĂN TUẤN	10/03/1999	29013790	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN ĐÌNH HIẾU	14/06/1999	29028987	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.40
DƯƠNG VĂN SƠN	05/09/1999	29021272	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 4.00
LÊ ĐÌNH BÌNH	30/08/1999	29000054	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ LÝ	28/05/1999	29029114	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 5.00
TRẦN THỊ HỒNG	19/07/1999	29012084	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 2.80
ĐINH HỒ THẢO AN	18/03/1999	29025853	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 8.00 Sinh học: 8.50 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 6.60
PHẠM VĂN HIẾU	16/11/1999	29005019	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ BẮC	21/11/1999	29011258	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.60
VÕ THỊ MAI NHAN	25/03/1999	29005189	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN ANH TUẤN	28/12/1999	29003001	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 4.00
VI THỊ TÚ OANH	01/05/1998	29014823	Toán: 9.40 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 6.75 KHTN: 7.42
NGUYỄN THỊ OANH	15/11/1999	29028590	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 5.00
HÒANG XUÂN LỘC	12/07/1999	29026288	Toán: 8.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 4.80
CỤT VĂN VƯƠNG	11/04/1999	29008498	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ DUNG	16/01/1999	29028320	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.80

LÊ THỊ TRANG	27/04/1999	29028148	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.40
LÊ QUÝ ĐẠO	23/08/1999	29005555	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.80
ĐẶNG ĐÌNH TUẤN ANH	30/06/1999	29004869	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 1.80
TRƯƠNG ĐÌNH LỘC	13/05/1999	29018583	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN THỊ LƯƠNG	30/11/1999	29000377	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ TRANG	02/07/1999	29029319	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.20
ĐẬU VĂN PHÚC	04/10/1999	29006121	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25
TRẦN VĂN HẠNH	10/10/1999	29029868	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN ĐÌNH CƯỜNG	06/07/1998	29015922	Toán: 7.40 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.00 Tiếng Anh: 6.00
HỒ VĂN ĐẠI	16/05/1999	29015498	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN DUY QUÂN	24/02/1998	29019785	Toán: 6.80 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.75
HOÀNG THỊ MAI	20/07/1999	29000393	Toán: 8.40 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 5.80
KHA THỊ HỢI	27/01/1999	29008281	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.20
TRỊNH CHÂU TUẤN	08/04/1999	29008026	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN DUY TÀI	05/07/1999	29013327	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 2.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN SỸ CHIẾN	02/09/1999	29021582	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN CÔNG THÀNH	20/07/1999	29020453	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 2.60

LÊ HỒNG QUÂN	24/03/1999	29005844	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 4.60
NGÔ THỊ MINH PHƯƠNG	18/10/1999	29028604	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.60
ĐINH THỊ SAO	05/01/1999	29007973	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 8.00 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 6.20
HOÀNG VĂN THỤ	06/11/1999	29016415	Toán: 6.00 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN TRỌNG KHÁNH	08/02/1999	29009173	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 4.80
CAO MẬU TÙNG	11/03/1998	29006230	Toán: 8.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 5
TRẦN ĐỨC THẮNG	01/05/1999	29025669	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG VĂN QUYẾT	29/06/1999	29022024	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THÀNH CÔNG	15/04/1999	29017848	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.17 Tiếng Anh: 3.60
ĐÀO CÔNG NGỌC	01/05/1999	29000729	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 7 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.80
HOÀNG NGỌC TUẤN	03/03/1998	29003681	Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.75
NGÔ THỊ MỸ	16/02/1999	29005154	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 9.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 7.00
NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	04/05/1999	29009314	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ THỦY ANH	19/05/1999	29010247	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 5.50 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ QUỲNH CHÂU	18/04/1999	29028302	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ OANH	10/01/1999	29030181	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ MAI	17/02/1998	29000398	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.00

LÊ VĂN THÀNH	18/03/1999	29016346	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN ĐÌNH NAM	07/04/1999	29010973	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 9.25 Sinh học: 7.75 KHTN: 7.83 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG THỊ HUỆ	10/10/1999	29006398	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.00
LƯƠNG THỊ LINH	30/07/1999	29014028	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 4.00
LÊ HỒNG NGỌC	19/10/1999	29014637	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 7.80
PHẠM THỊ NGOÃN	16/02/1998	29028561	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.80
THÁI THỊ KHÁNH LY	19/05/1999	29026295	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 8.40
NGUYỄN THỊ CHUNG	20/05/1999	29000069	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 4.40
VÕ THỊ THƠM	01/06/1999	29018953	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG THỊ HẰNG	24/08/1998	29019353	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN NGỌC THÚY	21/10/1999	29024593	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 5.00 KHXH: 4 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN XUÂN THÀNH	14/06/1999	29022431	Toán: 8.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 6.60
LÊ THẾ DŨNG	30/05/1999	29023133	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.08 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.80
LÊ VĂN PHONG	10/10/1999	29019774	Toán: 3.40 Ngữ văn: 2.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.25
NGUYỄN THỊ HẰNG	23/04/1999	29029880	Toán: 6.40 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 6.00
TRẦN THỊ OANH	22/02/1999	29028592	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN QUANG THỌ	20/04/1999	29022462	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 4.00

ĐẬU SỸ THƯƠNG	10/02/1999	29011521	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 9.00 GDCD: 7.75 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 2.80
DƯƠNG THỊ THANH	15/11/1999	29007120	Toán: 2.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.60
LÊ ĐỨC THẮNG	18/04/1999	29018935	Toán: 3.80 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 5.75 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	05/10/1998	29011570	Toán: 5.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 2.75
LƯƠNG THỊ THẢO	01/05/1999	29015130	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.00
NGÔ THỊ THANH TRÀ	06/08/1996	29010203	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.00 Tiếng Anh: 9.00
NGUYỄN ANH TUẤN	24/04/1999	29013426	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 3 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 1.60
NGUYỄN THỊ HƯỜNG	21/06/1999	29018824	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ THANH	20/05/1999	29010655	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.60
TRƯƠNG VĂN NAM	27/07/1999	29004539	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 4.00
ĐẶNG THỊ HUYỀN	13/03/1999	29010433	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 5.00
TRẦN THỊ HOÀI SƯƠNG	28/09/1999	29029229	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN MINH	27/12/1998	29004020	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ NGỌC QUỲNH	20/10/1999	29004591	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ THANH	10/10/1999	29004623	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 4.20
LÊ HỒNG PHI	06/11/1999	29000468	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.80
HỒ VĂN TOÀN	01/09/1999	29018997	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.60

PHẠM THỊ HỒNG NGỌC	23/11/1999	29023925	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 2.60
ĐINH THỊ TÂM	02/08/1999	29005896	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.60
VŨ THỊ HÀ PHƯƠNG	05/06/1999	29005837	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.20
CỤT VĂN LÒ	26/05/1999	29008553	Toán: 4.00 Ngữ văn: 2.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.25
PHẠM VĂN TÚ	17/03/1999	29017613	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG THỊ TRANG	13/03/1999	29016466	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN THỊ LINH	10/08/1999	29021883	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.60
LÔ THỊ HÒE	14/09/1998	29013564	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM VIỆT HOÀNG	09/05/1999	29009140	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 3.00
BÙI ĐÌNH THẮNG	04/01/1999	29000805	Toán: 7.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN THỊ THANH	05/10/1999	29018905	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VĂN PHÙNG	26/04/1999	29003248	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.20
VƯƠNG ĐÌNH ĐẠT	04/02/1999	29028338	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 2.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN MINH HOA	22/11/1999	29018795	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN HUY HOÀNG	28/12/1999	29006390	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 4.00
LA THỊ MAI	04/09/1999	29008342	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.75 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN BÁ TOÀN	26/07/1999	29000851	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 4.20

NGUYỄN ĐÌNH ĐỒNG	10/03/1999	29007586	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.25 KHTN: 3.17 Tiếng Anh: 3.80
HOÀNG XUÂN ĐẠT	24/10/1999	29029799	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.20
VI VĂN TUẤN	03/03/1998	29014860	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.25
MAI THỊ NGỌC HUYỀN	15/05/1999	29008757	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 4.60
ĐOÀN THỊ LINH	25/05/1999	29021142	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.60
BÙI THỊ LAN ANH	02/04/1999	29012605	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN VĂN PHI	02/12/1999	29019772	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 5.00
HOÀNG THỊ NHUNG	15/09/1999	29017429	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 5.00
ĐẬU THỊ TRANG	24/01/1999	29009968	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.25 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ THẢO	09/09/1999	29001629	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ NGÀ	01/01/1999	29015895	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.75 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 4.80
PHAN BÁ BÁCH	12/03/1999	29025926	Toán: 9.20 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 10.00
LÊ THỊ THỦY	04/10/1999	29009288	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN SỸ LƯƠNG	19/07/1999	29029111	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ HUYỀN	12/08/1999	29021102	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.00
NGÔ THỊ VÂN ANH	20/10/1999	29011896	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 7.60
NGUYỄN THỊ THÙY AN	11/09/1999	29007514	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 9.25 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN VĂN CHUNG	02/12/1999	29000644	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.00 Hóa học: 2.00 Sinh học: 2.25 KHTN: 2.08 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 5.75 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.60

ĐÀO KHẮC THẮNG	12/07/1999	29000807	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.42 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ TRANG	09/03/1999	29012959	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.00 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM VĂN HOÀNG	16/06/1999	29001404	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.00
LÊ MINH CÁT	01/05/1999	29005500	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ ANH THƠ	26/08/1999	29000543	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.20
ĐẶNG ĐÌNH PHI	28/09/1999	29007071	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 1.40
NGUYỄN DUY THẮNG	05/09/1999	29011507	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.00
PHAN THỊ LOAN	16/06/1999	29027968	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 6.25 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN DOÃN ANH TUẤN	13/05/1999	29024122	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ LIÊN	15/11/1999	29001042	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.5 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 3.25
PHẠM THỊ HÙNG	17/05/1999	29025060	Toán: 7.40 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 4.60
LANG HUYỀN TRÂM	20/08/1999	29014190	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.40
NGÔ THỊ KHAI	24/02/1999	29005076	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 7.00 KHTN: 7 Tiếng Anh: 6.40
CAO MINH HƯNG	07/01/1999	29018522	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.20
ĐƯỜNG THỊ LY	08/11/1999	29005134	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.75 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	02/05/1999	29005678	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.80
NGÔ VIỆT HOÀNG	13/05/1999	29007291	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 3.40

PHẠM MINH TUẤN	03/08/1999	29024668	Toán: 9.20 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 9.60
CAO NỮ THANH TIỀN	14/08/1999	29025726	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.67 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 7.00
ĐOÀN VĂN PHÚC ƯỚC	17/05/1999	29006791	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 6.25 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN PHÚC HOÀNG	25/10/1999	29029493	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 4.20
THÁI THỊ DUNG	30/05/1999	29009496	Toán: 5.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.00 GDCD: 6.75 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 2.40
PHẠM THỊ THƠ	08/02/1999	29011080	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 2.25 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.40
LÊ DANH ĐÔNG	21/02/1998	29002709	Toán: 7.40 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.00
NGUYỄN THỊ CẨM NHUNG	10/10/1998	29010150	Toán: 3.00 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 3.25
NGUYỄN QUANG HUY	31/10/1998	29003149	Toán: 3.00 Ngữ văn: 1.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.25 GDCD: 3.50 KHXH: 3.17 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN KHẮC LỰC	06/10/1999	29029109	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 5.25 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN THÁI	07/01/1999	29030290	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN ĐỨC CHIẾN	28/10/1998	29003714	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 7.50 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG UYÊN	30/12/1999	29009378	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ TRANG	19/10/1999	29030813	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	30/05/1998	29030693	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.50 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.80
LÔ VĂN HÀ	23/03/1999	29014932	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 1.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.75 Tiếng Anh: 2.60
HOÀNG THỊ MỸ	16/07/1999	29029128	Toán: 4.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.60

TRƯƠNG VĂN NGỌC	19/04/1998	29014819	Toán: 8.20 Vật lí: 8.00 Hóa học: 6.50
PHẠM THỊ HẠNH	12/02/1999	29001322	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN HOÀNG SƠN	12/06/1998	29024015	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN CÔNG PHẤN	28/09/1997	29010151	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 1.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.25 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN DŨNG	11/11/1999	29013022	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.25
NGUYỄN VĂN PHÚC	13/04/1998	29023494	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.75
VY THỊ DINH	01/03/1999	29003063	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.20
VĂN ĐỨC TRƯỜNG	26/02/1997	29014856	Toán: 7.80 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.25
NGUYỄN LÊ HUY	06/04/1999	29009642	Toán: 7.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 5 Tiếng Anh: 5.20
TRẦN HOÀNG PHÚ	01/09/1999	29006119	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75
NGUYỄN THỊ THẨM	28/06/1999	29007133	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN ĐỨC MẠNH	16/09/1999	29007349	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 4.00
TRƯƠNG THỊ TUYẾT	12/11/1999	29011836	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.40
LÊ HẢI YẾN	12/08/1999	29002685	Toán: 6.40 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 5.40
TRẦN VĂN DŨNG	16/09/1999	29029785	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.20
TRƯƠNG THỊ NGÂN HÀ	25/07/1999	29026046	Toán: 7.80 Ngữ văn: 8.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 9.00
NGUYỄN HỮU QUÂN	18/08/1999	29019954	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.00

NGUYỄN TRỌNG TUẤN	02/03/1999	29009359	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 6.00 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 3.40
ĐINH TRỌNG CƯỜNG	23/11/1999	29019248	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.60
TRƯƠNG THỊ THÚY	09/08/1999	29018971	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ UYÊN	04/07/1999	29015333	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 8.00 Sinh học: 7.50 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 5.00
HOÀNG VĂN TRƯỜNG	21/10/1999	29012500	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ HƯỜNG	05/02/1999	29006050	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75
TRẦN THỊ THÀNH VINH	07/10/1999	29025832	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ NGỌC HÂN	22/04/1999	29026082	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 4.40
LÊ THỊ HÀ	23/01/1999	29022769	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.60
HOÀNG VĂN QUỲNH	19/09/1999	29016915	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 4.00
VI HẢI DƯƠNG	01/10/1999	29020608	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 4.00
HỒ THỊ MỸ LINH	25/02/1998	29026238	Toán: 2.80 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN TUẤN ANH	02/01/1998	29005957	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 2.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 2.60
ĐINH VĂN HOÀNG	29/10/1999	29003141	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 6.75 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ LINH GIANG	01/02/1999	29027272	Toán: 6.00 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 7.80
NGUYỄN THỊ TÂN	14/11/1999	29019999	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ LAM	16/07/1999	29009687	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.60

NGUYỄN ĐỨC HOÀNG	24/04/1999	29009616	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.20
CHU QUANG HẬU	20/09/1999	29003835	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.75 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.00
PHAN VĂN HUY	17/10/1999	29003152	Toán: 1.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 4.60
PHẠM THỊ THẢO	20/05/1999	29016364	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN VĂN ỦY	03/04/1999	29011178	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.50 KHXH: 8.33 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN VĂN HỢP	11/01/1999	29029016	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN XUÂN QUANG	17/11/1999	29022952	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 9.25 GDCD: 8.50 KHXH: 8.33 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ TÚ	23/12/1999	29011825	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.00
PHAN VĂN HỒNG	04/10/1999	29009143	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 2.25 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 2.80
CAO THỊ NGUYỆT	30/01/1999	29006533	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN QUỐC KHÁNH	23/06/1999	29012799	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN QUANG HUY	07/03/1999	29023801	Toán: 4.00 Ngữ văn: 2.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 6.60
PHẠM THỊ NGỌC	12/08/1999	29010567	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HẰNG	30/06/1999	29019358	Toán: 2.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN VIỆT ĐỨC	05/03/1999	29026034	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 9.25 Địa lí: 10.00 GDCD: 9.50 KHXH: 9.58 Tiếng Anh: 4.20
LÊ QUANG HOÀNG	27/01/1999	29001940	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN VĂN THANH	28/12/1993	29010791	Toán: 7.80 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.75
CAO THỊ THIÊM	10/09/1999	29006179	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.25

NGUYỄN THỊ HẰNG	13/10/1999	29028387	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.80
LÊ ĐÌNH NAM	28/09/1999	29003206	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 6.40
HOÀNG VĂN LONG	15/08/1999	29029100	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 2.75 GDCD: 6.25 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ QUYÊN	10/11/1999	29010617	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 1.60
NGUYỄN ANH TÀI	31/01/1999	29018146	Toán: 9.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 8.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN ANH QUÂN	02/01/1999	29014111	Toán: 1.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN TOÀN	23/12/1999	29018998	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG VĂN NỘI	04/09/1999	29022394	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 7.50 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 3.40
NGÔ ĐÌNH HẢI	20/01/1999	29007845	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ THẢO	06/07/1999	29030670	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN ĐỨC MẠNH	14/01/1999	29010522	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ LINH	13/01/1999	29008087	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.67 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75
NGUYỄN THỊ SƯƠNG	02/11/1999	29023325	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 5.75 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.80
TÔ THỊ VÂN	08/04/1999	29017059	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 2.40
PHẠM THỊ DIỆU	07/10/1999	29001856	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THÀNH QUYẾT	06/06/1998	29009854	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.20
PHAN NGUYỄN HUYỀN TRANG	16/11/1999	29027051	Toán: 7.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 9.00

NGUYỄN HỒ TRUNG THÔNG	04/09/1999	29028687	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.50 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM CÔNG BẰNG	17/02/1999	29003354	Toán: 7.00 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 4.40
LÊ THỊ PHƯƠNG THANH	09/09/1999	29026957	Toán: 2.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.60
HOÀNG THỊ QUỲNH TRANG	26/03/1998	29001814	Toán: 6.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.50
XEO VĂN THẨM	20/06/1999	29008447	Toán: 2.60 Ngữ văn: 2.75 Vật lí: 2.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ QUỲNH HOA	17/09/1999	29014441	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.00 GDCD: 7.50 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 3.20
THÁI THỊ DUYÊN	09/09/1999	29019279	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.50 GDCD: 5.50 KHXH: 3.92 Tiếng Anh: 1.60
HỒ THỊ HUYỀN	05/10/1998	29017292	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ NGÀ	19/12/1999	29007938	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 2.80
NGÔ XUÂN BÁ	12/12/1998	29019122	Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 7.50
VI VĂN DŨNG	06/09/1999	29019273	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN TRỌNG THÀNH VINH	23/04/1999	29001201	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 2.92 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75
TẠ VĂN ÚY	18/09/1999	29028786	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN DUY BÌNH	06/01/1999	29021570	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN DUY THÔNG	07/09/1999	29022468	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.40
ĐẶNG KHẮC THÀNH	04/10/1999	29011053	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 5.60
ĐẬU XUÂN TÍN	18/09/1999	29005336	Toán: 1.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 1.80

NGUYỄN VĂN TIẾN	01/02/1999	29023365	Toán: 7.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 2.40
NGÔ THỊ QUỲNH HOA	05/08/1999	29018794	Toán: 7.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VĂN DŨNG	28/04/1999	29008054	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 1.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 1.75 KHTN: 2.08 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.00
NGUYỄN DUY DŨNG	16/06/1999	29022217	Toán: 9.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 9.00 Hóa học: 9.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 3.60
TRƯƠNG VĂN HÙNG	04/07/1998	29012773	Toán: 1.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.60
TĂNG ĐÌNH TOÀN	08/11/1999	29020108	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.25 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.60
ĐINH THỊ TRANG	12/02/1999	29029317	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 4.75 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN THỊ THỦY	24/03/1999	29004655	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 9.00 GDCD: 9.00 KHXH: 8.42 Tiếng Anh: 3.80
LÊ NGUYỄN MAI ANH	11/01/1999	29023553	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 5.60
TRẦN THỊ YẾN	23/03/1999	29030966	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 2.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 7.50 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 4.00
LÊ THỊ THANH TRÀ	10/08/1999	29016998	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 5 Tiếng Anh: 4.60
VƯƠNG THỊ QUỲNH HOA	01/06/1999	29026115	Toán: 4.40 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 9.75 Địa lí: 9.50 GDCD: 8.00 KHXH: 9.08 Tiếng Anh: 7.80
TRẦN ĐĂNG KHẢI	10/08/1999	29005077	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ LINH	14/10/1999	29002464	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 5.60
LÔ THỊ HOÀ	03/01/1999	29003395	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN HỒNG QUÂN	29/07/1999	29018125	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.80
VÕ CHÂU ANH	15/05/1999	29023103	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 8.75 Sinh học: 9.00 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 6.80

NGUYỄN ĐÌNH TRUNG	05/03/1999	29028182	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.60
DƯƠNG XUÂN ANH MINH	01/12/1999	29026322	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 8.50 Sinh học: 8.25 KHTN: 7 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ THƯƠNG	14/09/1999	29020090	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG THỊ HẰNG	09/12/1999	29005611	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.75 GDCD: 9.50 KHXH: 8.42 Tiếng Anh: 4.60
LÔ VĂN GIANG	12/03/1999	29013927	Toán: 1.00 Ngữ văn: 2.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ MINH HIỀN	30/08/1999	29027896	Toán: 4.60 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ VIỆT ANH	21/10/1999	29030369	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 8.75 Sinh học: 7.25 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM QUANG TRƯỜNG	06/06/1999	29011145	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.17 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.00
KIỀU THỊ NGÀ	21/02/1999	29018618	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.20
CAO THỊ HỒNG	04/04/1999	29005657	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.00
VÕ VĂN THẾ	10/02/1998	29004642	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.40
HỒ VĂN SÁNG	07/08/1999	29022962	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ THU UYÊN	24/12/1998	29003012	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.42 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.00
PHAN THANH HUY HOÀNG	12/10/1999	29026807	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN THANH TÂM	28/09/1999	29007983	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN VĂN LỘC	18/08/1998	29002738	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00
CHU VĂN MÃO	30/10/1999	29004013	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 5.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.40

TRỊNH VĂN HÙNG	13/11/1999	29022828	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ HẬU	20/11/1999	29003837	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.60
ĐẬU THỊ MỸ	06/01/1999	29015875	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN QUANG NHẬT	27/08/1999	29002033	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.83 Tiếng Anh: 3.00
VÕ ĐỨC THẮNG	08/08/1998	29008949	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.40
HOÀNG DUY VIỆT	12/11/1999	29011202	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.60
HỒ VĂN CƯƠNG	23/11/1999	29011954	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	14/06/1999	29000284	Toán: 6.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ DUNG	26/07/1999	29027228	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN THỊ MINH HIỀN	15/11/1999	29006368	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 6.25 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 8.80
ĐẶNG THỊ NGỌC	18/08/1999	29005183	Toán: 8.60 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 6.40
HUỲNH BÁ CƯỜNG	01/02/1999	29025967	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN VĂN DŨNG	14/06/1999	29000097	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 3.40
LƯU THỊ HIỀN	12/01/1999	29018449	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.80
LÂM CHÍ KIÊN	21/11/1999	29022325	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 1.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 2.83 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THẾ HỘI	30/10/1999	29015657	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN ĐỨC THUYỀN	27/09/1999	29011519	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.80

PHẠM VĂN HÙNG	06/07/1999	29008749	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN BÁ ĐỨC	16/08/1999	29028921	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.60
LÝ THANH TÂM	28/07/1999	29016935	Toán: 8.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 8.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ HIỀN	19/08/1999	29016627	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 5.20
TRẦN TIẾN ANH	06/02/1999	29022182	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN LONG	20/05/1997	29017709	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN DUY GIANG	29/05/1999	29007599	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	29/05/1999	29005224	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN VĂN TÀI	16/05/1998	29028641	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.80
LÊ MẠNH QUỲNH	10/06/1998	29012589	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.40
PHẠM THỊ THÙY LINH	28/07/1999	29026267	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 8.60
NGUYỄN THỊ THU TRÀ	13/12/1998	29010799	Toán: 7.80 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.00
BÙI VĂN TRANG	27/04/1998	29011535	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ HOÀI	02/01/1999	29001933	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 5.00
PHẠM THANH HIỀN	20/06/1999	29021734	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.80
HOÀNG KHẮC DŨNG	30/11/1999	29011968	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.75 GDCD: 5.75 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ MỸ HẬU	05/07/1999	29003130	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 2.60

NGÔ VĂN PHI	22/02/1999	29011452	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 5.00 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN CẢNH KHANG	01/05/1995	29021478	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.00
NGUYỄN THỊ CẨM TÚ	03/04/1999	29021402	Toán: 7.80 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 7.00
VŨ VĂN LỰC	22/01/1999	29004516	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ THƠM	15/10/1999	29011793	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.00
TRỊNH THỊ HÒA	27/10/1999	29019405	Toán: 9.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 9.25 GDCD: 9.50 KHXH: 8.75 Tiếng Anh: 9.40
TRẦN THỊ HIỀN	04/01/1999	29017925	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM THỊ OANH	10/04/1999	29012875	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.00 GDCD: 6.50 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 2.80
BẠCH THỊ THANH	07/05/1999	29022070	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VĂN HỒNG	01/05/1999	29029949	Toán: 5.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN ĐÌNH KHÁNH	12/02/1999	29013038	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25
NGUYỄN HOÀNG DŨNG	01/09/1997	29010069	Toán: 7.20 Vật lí: 4.75 Hóa học: 6.00
LÊ HỮU THẮNG	20/03/1999	29016382	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.50 GDCD: 7.75 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 1.80
LƯƠNG MẠNH DŨNG	01/11/1999	29014908	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ QUỲNH	20/05/1999	29029584	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN HÙNG	01/01/1999	29007646	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.20
ĐẬU XUÂN THÁI	03/12/1999	29017757	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.50

NGUYỄN HỮU CHIẾN	23/11/1999	29007545	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.60
TRỊNH THỊ THÚY	02/02/1999	29009294	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 5.00
NGÔ SỸ TRỊNH	25/07/1996	29005459	Toán: 5.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.25
NGUYỄN THỊ KIỀU OANH	18/03/1999	29018102	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 6.80
NGUYỄN NGỌC MINH	20/03/1999	29028545	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 4.00
HỒ ĐỨC DŨNG	09/10/1999	29007245	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 3.00
LÊ CÔNG HUY	20/03/1999	29029973	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ MINH SANG	27/10/1999	29009862	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.00
LÊ BÁ TRUNG	20/10/1999	29016498	Toán: 3.60 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ THU HẰNG	16/11/1999	29013942	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ HÀ	10/03/1998	29023454	Toán: 7.40 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.00
NGUYỄN THỊ GIANG	10/08/1998	29001294	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ TRÀ MY	19/02/1999	29019612	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.60
HỒ THỊ NGHĨA	29/04/1999	29009777	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.00
THÁI THỊ HOÀNG	22/08/1999	29030480	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 5 Tiếng Anh: 5.60
TRẦN THỊ HẰNG	07/01/1999	29023175	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 8.75 Sinh học: 8.75 KHTN: 7.92 Tiếng Anh: 5.20
VŨ ĐÌNH CƯỜNG	25/01/1999	29017131	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.75 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN VĂN KIÊN	20/06/1999	29007909	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.60

TRẦN ANH TÚ	02/12/1999	29019053	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GD&CD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 1.60
PHẠM THÙY TRANG	06/07/1998	29025325	Toán: 4.40 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.50
NGUYỄN THỊ HẰNG	18/09/1999	29011650	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ THẢO NGUYỄN	05/09/1999	29023936	Toán: 9.20 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 9.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 5.40
PHẠM THỊ VÂN ANH	10/01/1999	29008041	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.5 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00
NGUYỄN THẾ KHANH	03/01/1999	29021118	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 2.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 2.40
ĐẬU MINH LUÂN	05/04/1999	29017360	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75 GD&CD: 7.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ ÁNH	27/08/1999	29029719	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GD&CD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.00
ĐÀM TRUNG TỚI	01/02/1999	29019002	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 9.50 GD&CD: 9.00 KHXH: 9.17 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN ĐÌNH PHÚC	08/12/1999	29005212	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 2.50 GD&CD: 7.00 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN ĐÌNH NGỌC	26/10/1998	29019758	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00
HOÀNG VĂN HƯỞNG	31/03/1999	29007310	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN LÊ LINH	19/05/1998	29020699	Toán: 1.60 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.08 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GD&CD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN HẢI LINH	20/03/1999	29023852	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 9.25 Sinh học: 8.75 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 7.00
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG MAI	20/05/1999	29026305	Toán: 3.80 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 9.25 GD&CD: 6.75 KHXH: 8 Tiếng Anh: 9.00
CAO ĐĂNG PHÚC	24/06/1998	29006120	Toán: 5.20 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.75
LÊ THỊ THỦY TIÊN	11/06/1998	29026698	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.50 Tiếng Anh: 5.40
PHẠM DUY NAM	18/04/1999	29013241	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.42 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GD&CD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.00

NGUYỄN BÁ HÙNG	28/02/1999	29016680	Toán: 9.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 9.75 Hóa học: 9.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ THANH NGA	21/08/1999	29005784	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.75 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN QUANG TẠO	25/06/1998	29003662	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN NGỌC ÁNH	26/05/1999	29003703	Toán: 1.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.25 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỪA NGHĨA	16/02/1998	29021198	Toán: 4.20 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.08 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ HUYỀN	06/10/1999	29011359	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.40
TÔ THỊ NGÂN	02/09/1999	29026370	Toán: 7.40 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 5.40
LÝ THỊ NGA	01/03/1999	29014063	Toán: 2.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN CÔNG MINH	12/05/1996	29021488	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.50
NGÔ VĂN LỘC	01/01/1999	29003985	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.75 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.00
HỒ NGỌC ÁNH	09/08/1999	29023603	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN TUẤN	17/09/1999	29010007	Toán: 5.40 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.60
HÀ VĂN LỘC	24/11/1998	29019577	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VIỆT HÀ	01/03/1999	29026778	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 1.75 Hóa học: 1.75 Sinh học: 2.50 KHTN: 2 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN TRẦN QUỐC CHUNG	24/11/1999	29026743	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.42 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.20
HỒ THỊ NGỌC LAN	10/01/1999	29014516	Toán: 4.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ HẠNH	06/04/1999	29003818	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 4.00

LÊ KHẮC CƯỜNG	02/10/1999	29001849	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 5.20
VI VĂN QUYỀN	29/05/1999	29020788	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 5.50 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ THANH HÀ	04/05/1999	29025015	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ SEN	11/04/1999	29021268	Toán: 5.40 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 9.25 GDCD: 8.00 KHXH: 8.5 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ HOÀI LINH	14/12/1999	29000349	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 8.80
HỒ SỸ ĐẠT	09/01/1999	29023145	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 4.60
ĐOÀN QUỐC HUY	08/07/1999	29026154	Toán: 5.60 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ TRANG	19/06/1999	29004728	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.17 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG THỊ TRANG	20/05/1999	29017780	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50
TRẦN HOÀNG MINH ÁNH	18/02/1999	29002221	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.40
ĐINH THỊ THUỶ HIỀN	19/05/1999	29017920	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN HỮU MẠNH	30/07/1998	29005761	Toán: 3.20 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.20
TẠ THỊ LINH	05/06/1999	29007687	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.60
HOÀNG THỊ HUYỀN TRANG	31/10/1999	29029628	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 7.50 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 4.20
HOÀNG ĐẠI BÁCH	02/10/1999	29027832	Toán: 6.20 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 3.20
CAO NHƯ TRƯỜNG	10/11/1999	29006728	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.80
TRƯƠNG VĂN THIỆN	20/09/1999	29012410	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.60

NGUYỄN THỊ HOÀI	14/07/1999	29000231	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 8.00 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN SỸ SƠN	22/09/1998	29012590	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.00
VÙ BÁ CHÁ	09/08/1999	29008166	Toán: 1.40 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 2.50 GDCD: 4.50 KHXH: 3.25 Tiếng Anh: 1.40
NGUYỄN TẤT TRƯỜNG	19/02/1999	29001709	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN QUANG VINH	06/02/1999	29024690	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 5.00
NGÔ THỊ NGỌC THẢO	11/10/1999	29027610	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.40
ĐẶNG VĂN PHÚC	18/02/1999	29010778	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75
VĂN THỊ NHUNG	02/09/1999	29016224	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 6.40
LÊ HỮU DŨNG	11/06/1999	29023646	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 9.00
NGUYỄN VĂN TRUNG	06/06/1998	29020162	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN THỊ TRANG	13/03/1999	29029321	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ THÚY	10/10/1999	29016983	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 3.00
VĂN ĐỨC LỢI	28/10/1998	29015972	Toán: 10.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.75
NGUYỄN THỊ THÚY HƯỜNG	03/05/1999	29010910	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.08 Tiếng Anh: 3.60
ĐẬU ĐỨC NGHĨA	08/02/1999	29016831	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN NHƯ QUỲNH	27/04/1999	29025610	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 5.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN THÚY NGỌC	18/03/1999	29010984	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 8.75 Sinh học: 9.00 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 5.20
BÙI TRUNG KIÊN	21/08/1999	29015736	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.40

PHAN ĐÌNH HOÀN	08/11/1999	29019415	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.00
LANG THẾ KIẾT	25/09/1999	29020679	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 5.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ TÚ UYÊN	11/07/1999	29000903	Toán: 9.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 7.33 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 6.00
TẠ THỊ VÂN ANH	02/01/1999	29005479	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN MÃO	16/11/1999	29000402	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 8.75 GDCD: 9.00 KHXH: 8.92 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ HẰNG	02/01/1999	29011308	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.80
LÊ THỊ HẰNG	28/08/1999	29017212	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN TẤT THÀNH	18/10/1999	29028058	Toán: 7.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 4.40
LƯƠNG TIẾN TÚ	26/06/1999	29000882	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 2.60
HỒ THỊ LOAN	10/01/1999	29014551	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.00
LÊ THỊ THƠM	16/02/1999	29001652	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.00
BÙI THỊ HẰNG	24/03/1999	29028384	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.60
VÕ XUÂN TÂM	10/03/1998	29027747	Toán: 7.60 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.50
NGUYỄN CÔNG NAM	24/12/1999	29002846	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.50 KHTN: 3 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN DOÃN TRƯỜNG	25/08/1999	29001181	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 1.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 2.67 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.25
NGUYỄN ANH TÚ	28/11/1997	29024885	Toán: 7.60 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.00
NGUYỄN HỮU TRỌNG THẮNG	13/05/1999	29020816	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	03/10/1999	29024033	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 8.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 3.80

PHẠM TUẤN DŨNG	17/11/1999	29013906	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN PHÚC	18/01/1999	29010603	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.20
BÙI THỊ HẢI VÂN	16/11/1999	29021420	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.00 KHXH: 8.33 Tiếng Anh: 6.40
ĐẬU VĂN CƯỜNG	08/11/1999	29014898	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 8.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 5.00
TRẦN THỊ UYÊN	12/11/1999	29003584	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 4.00
CAO QUỐC TRUNG	28/01/1999	29012497	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 5.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	15/04/1999	29007681	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG SỸ SỸ	02/02/1999	29001595	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.00 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM VĂN VUI	20/08/1998	29030357	Toán: 7.80 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.25
NGUYỄN VĂN NHÃ	31/01/1999	29018082	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 6.50 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 3.40
LÊ DUY SƠN	18/06/1998	29024857	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25
TRẦN VĂN ĐẠI	04/08/1999	29016134	Toán: 9.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 5.40
TRẦN VĂN TRÍ	28/01/1999	29022584	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.60
BÙI THỊ HOÀI	08/10/1999	29003875	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 9.50 GDCD: 9.75 KHXH: 9.33 Tiếng Anh: 4.80
PHAN VĂN DẦN	18/02/1999	29029770	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.00 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.60
PHAN VĂN THI	02/10/1999	29000538	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.00
LÊ THỊ PHƯƠNG	20/08/1998	29013058	Toán: 6.00 Ngữ văn: 3.75
VI THỊ LY	24/10/1999	29013634	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 4.20
PHAN VIỆT TÂY	10/03/1996	29027749	Toán: 2.80 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.50

TRẦN THÙY TRANG	01/10/1999	29029632	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 8.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 7.00
BÙI THỊ ANH TÚ	01/08/1999	29000597	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.75 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN VIẾT CHƯƠNG	18/11/1999	29024180	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.80
LÊ KHẮC AN	13/07/1999	29016582	Toán: 7.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.83 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.00
PHAN VĂN CÔNG	28/09/1999	29022209	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ TÚ TRINH	24/09/1999	29027069	Toán: 7.80 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.00 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 8.60
PHAN THỊ HỒNG PHÚC	24/07/1999	29020404	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN ĐÌNH TIẾP	13/01/1999	29028129	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.40
PHAN TRỌNG THỊNH	20/01/1999	29010679	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.00
HÀ QUANG SƠN	25/04/1997	29012348	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ THÚY	22/09/1999	29021346	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM THỊ THỦY	16/09/1999	29008971	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 4.00
HỒ SỸ HIẾU	28/02/1999	29003132	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 9.50 GDCD: 7.00 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ HUYỀN	09/06/1997	29015951	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.25 Tiếng Anh: 4.60
LŨ NGỌC VĂN	13/01/1984	29014268	Toán: 2.60 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00
HOÀNG PHƯƠNG ANH	30/09/1999	29028275	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.00
LÔ THÚY HẰNG	18/03/1999	29012031	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 3.20
TẠ THỊ TRÀ GIANG	13/09/1999	29007603	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.80

NGUYỄN THỊ THÚY	10/05/1999	29016982	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 3.60
PHAN THỊ BÍCH	29/05/1999	29005498	Toán: 5.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.50 KHXH: 8.58 Tiếng Anh: 4.40
ĐẶNG TRUNG KIÊN	23/02/1999	29021123	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 1.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.83 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN VĂN THƯỜNG	04/04/1999	29018196	Toán: 8.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 9.00 Hóa học: 9.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 7.92 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN HƯƠNG XA	12/09/1998	29008142	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.50 Tiếng Anh: 7.80
LÊ SỸ VIỆT	11/05/1998	29015348	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.60
QUANG VĂN KHỞI	03/02/1999	29003171	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.25 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.80
BÙI THỊ TRÀ VINH	13/07/1999	29025827	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 6.60
NGUYỄN VĂN THIẾP	30/10/1999	29025675	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN QUANG KIỂM	12/02/1995	29026649	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 1.75 Tiếng Anh: 10.00
NGUYỄN THỊ VÂN	16/05/1999	29011198	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 8.25 KHTN: 7 Tiếng Anh: 3.80
CAO TIẾN THƯỜNG	30/04/1998	29006197	Toán: 7.40 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.50
CHU VĂN ĐOÀN	11/11/1999	29017169	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.60
LÊ TRẦN TRUNG HIẾU	29/06/1999	29021746	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 9.00 GDCD: 9.00 KHXH: 8.83 Tiếng Anh: 3.60
PHAN LỄ HẠNH	26/01/1999	29029866	Toán: 2.00 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.40
HỒ SỸ HƯỚNG	02/03/1999	29023816	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 9.50 Sinh học: 9.50 KHTN: 8.08 Tiếng Anh: 7.40
HỒ THỊ PHƯỢNG	02/06/1999	29016259	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.80

TRẦN BẢO TRUNG	27/08/1999	29025770	Toán: 9.00 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 9.00 Hóa học: 9.50 Sinh học: 7.25 KHTN: 8.58 Tiếng Anh: 5.80
ĐÀO THỊ MƠ	12/04/1999	29003458	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 3.20
LÊ THỊ TRANG	25/11/1999	29030799	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 6 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN THỊ HOA	15/02/1999	29018475	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN VĂN HÒA	16/09/1995	29009012	Toán: 6.40 Vật lí: 7.50 Hóa học: 5.00
HỒ THỊ NGỌC	28/10/1999	29004043	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 9.25 Địa lí: 9.00 GDCD: 9.00 KHXH: 9.08 Tiếng Anh: 4.20
PHAN LÊ AN NA	15/11/1999	29008839	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN ĐÌNH THUẬN	28/06/1999	29024070	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 2.60
PHAN THỊ TIỀN	29/06/1999	29022531	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 6.00
LÊ THỊ CHI	04/03/1999	29011593	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 8.00
NGUYỄN AN MẠM	22/08/1999	29018850	Toán: 9.20 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 9.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG THỊ LAI	19/02/1999	29023233	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.58 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN QUANG HUY	28/02/1999	29002412	Toán: 5.40 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ THU HIỀN	09/03/1999	29023725	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 9.00 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 5.20
TRẦN THỊ MAI	15/03/1999	29015848	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.75 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 3.60
NGÔ ĐỨC PHONG	19/10/1999	29019925	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ KIM PHƯỢNG	16/04/1999	29024538	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 5.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.60

ĐẶNG THỊ KIỀU	25/04/1998	29010455	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.60
VŨ THỊ HIỀN	18/04/1999	29018456	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 5.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM VĂN THỊNH	27/08/1998	29029278	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.40
LƯƠNG VĂN LŨU	02/06/1999	29014567	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.20
ĐẶNG TRỌNG PHÚ	18/09/1999	29030195	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.50 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN XUÂN THẮNG	11/06/1999	29029269	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 1.40
ĐẶNG THỊ THANH	15/09/1998	29006168	Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 9.75
NGUYỄN THỊ NHUNG	28/12/1999	29007065	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.60
VÕ ĐỨC UY	14/11/1999	29005404	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.50 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN VĂN TUẤN	09/06/1999	29004783	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 2.00 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 2.00
MOONG THỊ LAN	30/04/1999	29008312	Toán: 1.80 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 2.25 GDCD: 3.75 KHXH: 2.58 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN CÔNG HẬU	01/11/1999	29028391	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.80
BÙI BÍCH PHƯƠNG	02/01/1999	29013295	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.42 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.80
TRƯƠNG THỊ THU	10/02/1999	29007146	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.80
PHẠM CÔNG HOÀNG	02/02/1999	29020656	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.33 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 9.00 GDCD: 7.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.40
ĐẬU MINH ĐỨC	18/01/1999	29027868	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 5 Tiếng Anh: 2.60
ĐẶNG VĂN MẠNH	22/02/1999	29003195	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 5.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.20

TRẦN CÔNG HIẾU	09/05/1999	29021752	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN CÔNG NGUYỄN	11/07/1999	29012270	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN QUANG HÙNG	02/04/1999	29001954	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ THANH NGỌC	29/11/1999	29024494	Toán: 8.80 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 9.20
HOÀNG NGỌC ANH	10/11/1999	29005950	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.00
CAO ĐÌNH ĐẠT	21/03/1998	29005984	Toán: 4.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.75
NGUYỄN VĂN DƯƠNG	15/07/1999	29010323	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.60
LÊ THỊ THẢO	25/05/1998	29017523	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 3.00 GDCD: 4.50 KHXH: 3.08 Tiếng Anh: 3.60
THÁI THỊ KHÁNH HUYỀN	05/11/1999	29002420	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 3.40
LÊ TRẦN ĐẠT	15/05/1999	29023671	Toán: 8.80 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 7.75 Tiếng Anh: 5.80
TRƯƠNG THỊ LÊ	21/09/1999	29019523	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 2.60
PHẠM THỊ KHÁNH LINH	27/07/1999	29005116	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.40
HOÀNG QUÂN	20/12/1999	29023983	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN VĂN CHÁNH	10/06/1998	29004337	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 2.92 Tiếng Anh: 1.60
TRẦN THỊ THU HƯƠNG	10/08/1999	29026202	Toán: 9.60 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 9.75 Hóa học: 9.50 Sinh học: 6.00 KHTN: 8.42 Tiếng Anh: 9.00
ĐẬU THỊ LINH	09/01/1999	29013203	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.92 Tiếng Pháp: 4.60
LÊ THỊ NGỌC BÍCH	27/09/1999	29025931	Toán: 7.00 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 8.80

NGUYỄN THỊ MỸ LÝ	29/04/1999	29015843	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.00
CHU THỊ NHƯ QUỲNH	04/10/1999	29025608	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 5 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN SỸ SANG	18/08/1999	29027735	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.25
PHẠM NGỌC SƠN	17/05/1998	29004139	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 1.80
PHẠM THỊ THÚY QUỲNH	13/01/1999	29027568	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN VIỆT THẮNG	25/10/1999	29025666	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.5 Lịch sử: 0.75 Địa lí: 1.75 GDCD: 7.75 KHXH: 3.42 Tiếng Anh: 5.00
LÊ THỊ THU HƯƠNG	10/01/1999	29000302	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 3.60
ĐINH THỊ HÀ TRANG	12/10/1999	29013768	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 5.20
LÊ THỊ NGÂN	17/07/1999	29002848	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 7.75 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG THỊ NGỌC HUYỀN	28/02/1999	29020312	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN HƯƠNG	06/10/1998	29005689	Toán: 4.40 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.50 GDCD: 6.00 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN VĂN TƯ	17/07/1999	29020202	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN TÂM	26/01/1999	29008927	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.40
HỒ Y LẠI	06/06/1999	29025096	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 4.00
LÔ VĂN CHIẾN	01/01/1999	29013482	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ KIM ANH	22/04/1999	29006839	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 4.00
LẦU BÁ LẦU	05/07/1999	29008318	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.25 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 3.20

HOÀNG THỊ HỒNG NGỌC	26/12/1999	29005802	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ LỘC ÁNH	29/12/1999	29006849	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.60
PHAN MINH KIÊN	24/06/1999	29012144	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ NGỌC	02/09/1999	29007943	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN NGỌC AN	26/11/1999	29023540	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ TÌNH	09/11/1999	29000849	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 6.25 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 4.60
PHẠM HỮU CÔNG	14/07/1999	29028310	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.20
ĐINH THỊ THẢO	12/04/1999	29009270	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.00
PHAN THỊ THƯƠNG	21/05/1998	29019811	Toán: 8.80 Vật lí: 2.25 Hóa học: 9.25 Sinh học: 8.75 KHTN: 6.75
NGUYỄN TẤT TRƯỜNG	06/09/1999	29001708	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN QUANG LINH	28/05/1999	29005109	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.80
HỒ VĂN THỎA	06/11/1999	29016398	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 1.20
NGUYỄN QUANG ANH	29/10/1999	29025882	Toán: 8.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 9.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN ĐÌNH MÃO	18/03/1999	29002744	Toán: 4.80 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.08 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25
NGUYỄN THỊ HIÊN	06/09/1999	29005007	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 4.60
PHẠM THỊ NGỌC ÁNH	16/09/1999	29005492	Toán: 7.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 9.60
TẠ QUANG SƠN	23/10/1999	29006593	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.00

NGUYỄN DUY HÀ	06/10/1999	29028361	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 4.20
THIỆU NGUYỄN HÀ QUYÊN	13/12/1999	29020423	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 8.75 Sinh học: 7.25 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN VINH NHẬT	29/10/1999	29019892	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN NGỌC SƠN	30/05/1998	29027580	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN VĂN THẮNG	11/10/1999	29004187	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.20
ĐOÀN THIÊN QUANG	29/08/1999	29006131	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.25
NGUYỄN VĂN QUANG	25/10/1999	29004573	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN XUÂN VUI	10/02/1998	29006243	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 4.00
NGUYỄN VĂN HẢI	26/08/1998	29009554	Toán: 5.80 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.20
LÊ THỊ NGUYỆT	12/05/1999	29016189	Toán: 4.20 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 9.00 GDCD: 9.00 KHXH: 8.92 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ CẨM LỆ	11/12/1999	29025501	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.17 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 5.80
XÔNG BÁ DÌA	28/02/1998	29008537	Toán: 6.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.75
NGUYỄN THỊ DIỆN	20/06/1999	29021604	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.60
CAO PHƯƠNG ANH	15/07/1999	29006252	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 4.40
ĐINH THỊ MINH NGỌC	16/01/1999	29017409	Toán: 7.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 7.40
NGUYỄN THỊ THƯƠNG	01/08/1999	29030760	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ HẰNG	01/02/1999	29000172	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 7.25 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 5.40

PHAN THỊ HOÀI	28/10/1999	29030474	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
LANG THỊ HUỆ	04/09/1999	29013571	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.50 GD&CD: 6.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.00
PHẠM VĂN THẮNG	20/04/1999	29005920	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GD&CD: 8.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN ĐỨC HÀ	01/10/1997	29010088	Toán: 7.60 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.00
NGUYỄN THỊ THẢO	03/02/1999	29030668	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN NGỌC DUY	31/05/1999	29026003	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 6.50 GD&CD: 8.25 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.40
TRỊNH XUÂN TRƯỜNG	16/06/1999	29022606	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN MẠNH QUỲNH	25/10/1998	29022140	Toán: 5.40 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.00 Tiếng Anh: 3.60
VI THỊ THANH TÂM	19/09/1999	29015100	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GD&CD: 8.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN NGỌC PHÚC	29/06/1999	29009240	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.00 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.33 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GD&CD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.00
LA THỊ PÌA	20/08/1999	29003253	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.00 GD&CD: 6.50 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN ĐÌNH QUÂN	14/02/1999	29030229	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00 GD&CD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG ĐỨC TỚI	09/04/1999	29007782	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.25 GD&CD: 8.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ THÙY	13/09/1999	29015194	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GD&CD: 8.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	28/10/1999	29012338	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GD&CD: 9.00 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 4.20
TRƯƠNG THỊ THANH LOAN	15/02/1999	29019569	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.50 GD&CD: 8.50 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 4.60
TẠ THỊ NGỌC ÁNH	06/03/1999	29012641	Toán: 8.60 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 9.00 Sinh học: 8.00 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 7.40

NGUYỄN Y CHOÒNG	01/12/1999	29008181	Toán: 1.80 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.50 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 3.80
ĐẬU HOÀNG ANH	29/11/1999	29002191	Toán: 7.00 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN TỬ HẢI	18/03/1999	29022777	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ MINH TRANG	24/04/1999	29003339	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.40
ĐẶNG THỊ LÝ	10/10/1999	29010515	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.80
LƯƠNG MINH HIẾU	18/03/1999	29013548	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ TUYẾT	26/02/1999	29020201	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.60
PHAN HOÀI LINH	27/01/1999	29005730	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ UYÊN	07/05/1999	29028787	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN QUỐC ĐỨC	13/03/1999	29010854	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 6.75 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.60
NÙNG THỊ VUI	16/06/1999	29003021	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4 Tiếng Anh: 2.40
HỒ THỊ OANH	17/04/1999	29016226	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.50 KHXH: 8.5 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN THỊ HIỀN	26/02/1999	29027308	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 8.40
NGUYỄN THỊ HẠNH	26/12/1999	29024275	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.40
TRƯƠNG VĂN PHÙNG	03/10/1999	29004085	Toán: 4.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 9.75 GDCD: 8.00 KHXH: 8.83 Tiếng Anh: 3.60
PHAN XUÂN TRƯỜNG	16/10/1999	29030873	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.83 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 5.20
HỒ TRỌNG HÀ	02/09/1999	29015548	Toán: 2.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 9.25 Địa lí: 9.75 GDCD: 8.50 KHXH: 9.17 Tiếng Anh: 3.00

DƯƠNG NGUYỄN NGỌC QUANG	10/04/1999	29018118	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 4.00
VĂN THỊ THU TRANG	16/12/1999	29022575	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 4.80
PHẠM VĂN KHUƠNG	07/06/1999	29028488	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN PHAN GIA HÂN	11/07/1999	29028965	Toán: 7.20 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 9.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.25 KHXH: 8.83 Tiếng Anh: 4.40
CAO BÁ TRUNG	18/06/1999	29006723	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 5.50 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.40
LÊ THỊ VÂN	13/09/1999	29012996	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 9.50 GDCD: 7.75 KHXH: 8.42 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ GIANG	05/06/1999	29028924	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.75 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 4.80
LÊ MINH HẢI	20/01/1998	29004231	Toán: 6.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 3.75
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	19/08/1999	29004092	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN HỮU QUÂN	20/12/1997	29023497	Toán: 1.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75
TRẦN THỊ MÂY	01/08/1999	29004017	Toán: 2.40 Ngữ văn: 2.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỌ CHUNG	18/01/1999	29028883	Toán: 1.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ KIM CÚC	08/03/1999	29020971	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 6.50 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 3.00
VI THỊ HUỆ	23/06/1999	29020659	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	04/01/1999	29018863	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 6.40
LÊ VĂN HỢP	20/05/1998	29018494	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 3.60
TRƯƠNG THỊ THƯƠNG	02/09/1999	29012942	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.80

LÊ THỊ HUỆ	12/05/1999	29015671	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN NGÔ SƠN	17/08/1998	29002759	Toán: 8.20 Vật lí: 5.00 Hóa học: 9.00 Sinh học: 7.75 KHTN: 7.25
CHU VĂN QUYẾT	12/10/1998	29004111	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN THỊ HÀ ANH	16/01/1999	29000034	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 8.40
NGUYỄN XUÂN HÀO	18/05/1998	29019695	Toán: 7.40 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.5
TRẦN THANH BÌNH	22/06/1998	29005965	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.80
LÊ TIẾN HIẾU	08/10/1999	29002810	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 2.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.42 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN TRƯỞNG MỸ HÀ	26/04/1999	29016593	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN TIẾN	02/06/1999	29023026	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HẢI	18/08/1999	29002320	Toán: 7.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 6.00
DƯ XUÂN GÒN	16/07/1999	29006921	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.00
LÊ VĂN ANH	16/01/1999	29014277	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.80
HỒ VĂN LƯƠNG	24/06/1999	29015832	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 5.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN TRUNG	28/07/1995	29007195	Toán: 7.00 Vật lí: 5.75 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN DUY QUỲNH	06/10/1999	29030250	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN VĂN SƠN	15/09/1999	29005884	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.00
ĐẶNG CÔNG ĐỨC	14/10/1999	29012703	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.80

LÊ NGỌC HIẾP	02/09/1997	29019131	Toán: 9.40 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.25
HOÀNG VĂN ĐẠT	04/06/1999	29030416	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THẾ THỐNG	08/11/1999	29006185	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25
HỒ CÔNG TRƯỜNG	06/08/1998	29006735	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.83 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN CÔNG TRÂM ANH	25/08/1999	29025875	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 5 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ LỰA	15/08/1999	29029107	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ MINH HẰNG	23/09/1999	29024285	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.50 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN TRỌNG LỰC	30/05/1999	29001481	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN ÁNH DƯƠNG	08/09/1999	29017152	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN ĐỨC ANH	08/03/1997	29017624	Toán: 7.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 6.25
NGUYỄN HỮU VIỆT	27/04/1999	29004828	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.60
NGÔ THỊ HÀ	13/05/1999	29004970	Toán: 2.20 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 2.75 GDCD: 5.25 KHXH: 3.42 Tiếng Anh: 3.00
ĐẬU HOÀNG VIỆT	16/08/1999	29017060	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN VĂN CHUNG	17/09/1999	29009483	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.50 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.60
LÊ THIÊN VĂN	18/02/1999	29024135	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 6 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN QUỐC TUẤN	10/09/1999	29002668	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THÀNH LUÂN	16/05/1999	29007022	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.25 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.80

VŨ VĂN TRÍ	12/02/1999	29017016	Toán: 6.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ HIỀN	09/04/1999	29017923	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN THỊ THƯỞNG	26/02/1998	29022150	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.75
ĐẬU THỊ PHƯƠNG CHI	09/04/1999	29003049	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GD CD: 7.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.20
TRƯƠNG THỊ KIỀU ANH	28/07/1999	29011587	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 4 Tiếng Anh: 8.00
NGUYỄN THỊ CHUNG TÌNH	09/01/1999	29000566	Toán: 5.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GD CD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.60
HỒ THỊ UYÊN	29/05/1999	29018271	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.00 GD CD: 5.50 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 2.60
PHÙNG VĂN LINH	05/01/1999	29011698	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.25 Sinh học: 6.25 KHTN: 8 Tiếng Anh: 5.60
VÕ SỸ ĐỨC	18/10/1999	29017179	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GD CD: 6.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.20
PHAN TRỌNG TUẤN	24/11/1998	29019834	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 9.00
TRẦN THỊ CẨM TÚ	12/06/1999	29022616	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GD CD: 7.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VĂN CÔNG	20/12/1999	29015455	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 8.00 GD CD: 8.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN TRỌNG TRÀ	14/07/1999	29024095	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 2.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 7.40
ĐÀO MINH HIẾU	06/09/1999	29003855	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.25 GD CD: 7.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN ĐỨC LƯƠNG	04/03/1999	29005748	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.25 GD CD: 7.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ THÙY LINH	04/09/1999	29026258	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 9.40
NGUYỄN BÁ BÌNH	12/06/1999	29015432	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.50 GD CD: 6.75 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 3.60

NGUYỄN NGỌC LINH	13/08/1999	29010930	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ LAM	02/07/1999	29008792	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 9.00 GDCD: 9.00 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 3.20
LƯU MINH HOÀNG	09/01/1999	29000240	Toán: 9.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 8.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ KIM LIÊN	19/12/1998	29009696	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.20
HỒ THỊ HỒNG VÂN	01/01/1999	29017056	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ THẢO	03/02/1999	29013350	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ LINH	30/07/1999	29010490	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.80
HOÀNG THỊ THÙY	07/04/1999	29015190	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 4.20
VỪ BÁ BÌNH	03/07/1999	29008155	Toán: 1.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 3.25 GDCD: 5.00 KHXH: 4.08 Tiếng Anh: 2.00
CAO THỊ HIỀN	28/10/1999	29000679	Toán: 1.00 Ngữ văn: 2.75 Vật lí: 2.00 Hóa học: 2.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 2.83 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN MAI ANH	29/07/1999	29025341	Toán: 5.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 7.40
NGUYỄN KHÁNH LINH	02/07/1999	29012818	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 6.00
ĐẬU BÁ TRƯỜNG	07/12/1995	29019820	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.50
NGUYỄN THỊ HÀ	20/08/1999	29011300	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.80
PHẠM THỊ NGỌC HUYỀN	02/01/1999	29007657	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN NHÃ TRÚC	28/10/1999	29013401	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 4.60
DƯƠNG THỊ ĐỨC	26/11/1999	29021667	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 9.25 Địa lí: 9.75 GDCD: 9.25 KHXH: 9.42 Tiếng Anh: 5.60

NGUYỄN VĂN KHẮN	18/01/1999	29030513	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 7.00 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ LƯƠNG NHI	11/07/1999	29010580	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ QUỲNH	07/07/1999	29002903	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 5.00
TRƯƠNG THỊ PHƯỢNG	14/03/1999	29012316	Toán: 1.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	26/01/1999	29000772	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 8.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 4.00
CAO THỊ DUNG	10/09/1999	29020232	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM XUÂN ANH	15/08/1998	29023586	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN DOÃN QUYẾT	22/12/1999	29026472	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN THỊ NGUYỆT	20/10/1999	29016191	Toán: 4.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.20
VÕ THỊ HUYỀN	13/03/1999	29006974	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 2.00
PHẠM HỒNG QUÂN	18/09/1999	29007969	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 1.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 2.00 KHTN: 2.5 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 1.80
LÊ THỊ XINH	05/11/1999	29004845	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 7.00 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ LÀNH	16/08/1999	29006999	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ TÀI	25/07/1998	29016321	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN PHÙNG TÀI	28/02/1999	29022052	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.50 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 3.20
MAI THỊ ÁNH THẮM	02/07/1999	29002946	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.25 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN THỊ LOAN	06/01/1999	29025524	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 4 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 4.80

MẠNH THỊ NHUNG	02/09/1999	29011742	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ HIỀN	24/12/1999	29002348	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.00
MẠC VĂN ANH	14/01/1999	29013859	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.25 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.40
HÀ ĐỨC NHÂN	17/05/1999	29007057	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 9.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ NGỌC TÚ	19/09/1999	29018240	Toán: 8.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 3.00
ĐẶNG HỮU SÁCH	25/10/1999	29001125	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.42 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00
NGUYỄN MINH ĐỨC	28/04/1999	29004953	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN DOÃN THÀNH	19/01/1999	29000526	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.60
NGÔ THỊ LAN ANH	18/04/1999	29011239	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG DUY HÒA	17/03/1999	29023747	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ ÁI	20/07/1999	29004856	Toán: 7.80 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.25 KHXH: 8.42 Tiếng Anh: 7.00
LÊ THỊ MAI LINH	08/06/1999	29026243	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.20
LÊ THỊ THUỶ DUNG	17/02/1999	29026758	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.33 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VĂN NHÂN	18/09/1999	29030585	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 6.25 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN THỊ DUNG	12/04/1999	29006880	Toán: 4.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 9.25 GDCD: 6.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN CƯỜNG	02/02/1999	29002703	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 3.92 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25
TẠ THỊ NGỌC KHÁNH	02/09/1999	29008300	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 9.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.20

PHAN THỊ HẰNG	28/01/1999	29022790	Toán: 6.00 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 9.50 GDCD: 9.00 KHXH: 8.67 Tiếng Anh: 4.80
TRƯƠNG TRANG NHUNG	06/11/1999	29016223	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 9.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN VĂN TUẤN	08/06/1999	29022628	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 6.25 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 2.80
VI THỊ OANH	08/02/1999	29018874	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.92 Tiếng Pháp: 3.60
LÔ TIẾN QUÝ	15/05/1999	29013698	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.80
ỐC VĂN HÙNG	12/02/1999	29008286	Toán: 1.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 3.00 GDCD: 7.50 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN HỒNG NHUNG	01/09/1999	29017432	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ THUÝ HẰNG	23/09/1999	29019359	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.50 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN THỊ ÁNH	05/06/1999	29028284	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 6.50 KHTN: 6 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM CÔNG TÀI	20/09/1999	29030629	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN VĂN BẢO	10/03/1999	29010047	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.25
TRẦN SỸ NHUẬN	13/02/1996	29027720	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50
CHU THỊ NGUYỆT	08/05/1999	29000440	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG	06/01/1999	29022738	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 6.80
MẠCH QUANG NHẬT	26/06/1999	29016845	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.83 Tiếng Anh: 3.40
VƯƠNG ĐÌNH NGHĨA	01/04/1999	29025161	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.60
PHAN CÔNG VINH	17/04/1999	29011211	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.20

HOÀNG THỊ HIỀN	07/03/1999	29027300	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ LIÊN	06/07/1999	29021868	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ TRÀ	24/05/1999	29030790	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN VĂN QUÝ	17/02/1999	29014716	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ THẢO	29/09/1999	29028661	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.75 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 5.20
TRẦN VĂN CÔNG	25/02/1996	29026609	Toán: 2.60 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.25
PHAN HỮU DƯƠNG	19/06/1997	29020245	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 2.25 KHTN: 3 Tiếng Anh: 1.20
NGUYỄN THỊ LINH	07/05/1999	29018561	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 4.60
TẶNG THẾ CHINH	28/10/1999	29000067	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 5.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN NHƯ QUẾ	26/03/1999	29012888	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ NHI	22/08/1999	29007062	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN TRUNG MẠNH	01/11/1999	29023885	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 9.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 7 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN TÚ PHƯƠNG	19/05/1999	29024535	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 1.60
NGUYỄN THỊ NHUNG	25/06/1999	29024511	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VIỆT ĐƯƠNG	08/04/1998	29019312	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ THÙY LINH	08/03/1999	29027410	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN HƯNG	26/03/1999	29005066	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 2.00

ĐINH THỊ THANH HUYỀN	24/11/1999	29012101	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.33 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 5.20
PHAN KHẮC SÁNG	06/01/1999	29008422	Toán: 2.40 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.75 GDCD: 8.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 4.20
TRƯƠNG VIỆT HOÀNG	08/06/1999	29018804	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 3.60
ĐẬU KHÁNH HUYỀN	08/05/1999	29006408	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.20
VÕ SỸ HIỆP	27/10/1998	29021743	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.40
HỒ THỊ LUYẾN	24/05/1999	29007023	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 5.00
PHẠM THỊ HỒNG	20/09/1999	29029952	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG THỊ THẢO	30/12/1999	29030662	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ HÀ	06/10/1999	29019332	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.80
HỒ NGỌC BẢO LONG	22/08/1999	29013214	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 9.40
NGUYỄN THẢO CHI	10/03/1999	29025951	Toán: 7.60 Ngữ văn: 8.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 8.20
TRẦN DANH DUY	11/06/1998	29030306	Toán: 6.40 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.50
NGÔ THỊ HIỀN	16/06/1999	29005629	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.00
NGÔ THỊ TÚ TRINH	12/11/1999	29029333	Toán: 8.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 8.40
ĐOÀN THỊ THẢO NGUYÊN	04/03/1999	29009786	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.80
DƯƠNG HỒNG NGỌC	17/01/1999	29026894	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.25 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 3.00 GDCD: 6.00 KHXH: 3.58 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VŨ QUỲNH DIỆP	15/10/1999	29025980	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 9.20

TRƯƠNG VĂN NAM	28/12/1999	29019626	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.25 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 3.00
VĂN ĐỨC PHONG	02/09/1997	29015997	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG	06/01/2000	29007083	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 5.75 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 1.20
LÊ ĐÌNH VƯƠNG	30/11/1999	29018312	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.50 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN DANH THẠCH	10/12/1999	29022063	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 9.50 GDCD: 9.00 KHXH: 8.67 Tiếng Anh: 3.40
ĐẶNG VĂN HÙNG	12/12/1999	29013168	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Pháp: 3.20
PHẠM THỊ THANH NHÀN	14/11/1998	29029379	Toán: 3.60 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.00
VŨ MẠNH TUẤN	14/01/1999	29027106	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 2.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.17 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ THU TRANG	09/11/1999	29006698	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 4.60
ĐẶNG THỌ THẮNG	25/05/1999	29026983	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.33 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN ANH QUÂN	12/07/1999	29020783	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VĂN HƯNG	27/09/1997	29009015	Toán: 7.40 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.00
PHẠM THỊ THƯƠNG	15/09/1999	29022470	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 2.40
MOONG VĂN KHOAI	03/02/1999	29008304	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.00
ĐẬU ĐỨC LINH	04/01/1998	29015964	Toán: 6.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.25
NGUYỄN ĐẶNG LONG NHẬT	08/11/1999	29026902	Toán: 9.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 9.75 Hóa học: 9.75 Sinh học: 6.25 KHTN: 8.58 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.50 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 2.60
BÙI TÙNG DƯƠNG	20/05/1999	29013498	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.40

LƯƠNG THỊ NGÀ	05/05/1999	29020728	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.60
HOÀNG THỊ THÚY NGÂN	19/01/1999	29004038	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.25 GDCD: 6.50 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN HỒNG SƠN	22/12/1999	29030624	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 9.25 Hóa học: 9.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 3.80
MAI ĐỨC BẢO	15/09/1999	29007532	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 9.00 GDCD: 5.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.00
LÔ VĂN LINH	09/01/1999	29014537	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN ĐÌNH THẠCH	09/09/1999	29022425	Toán: 5.00 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN VĂN LẬP	25/05/1999	29014521	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 1.60
NGUYỄN THỊ THANH HẰNG	05/03/1998	29010734	Toán: 7.80 Ngữ văn: 8.75 Tiếng Anh: 6.80
NGUYỄN THỊ LÊ	28/07/1999	29022339	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 6.25 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 5.20
LÊ THỊ DIỆU	06/04/1999	29009493	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN VĂN HOÀNG	12/05/1999	29017265	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.40
PHAN VĂN HÙNG	01/03/1998	29029970	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 3.00
PHAN THỊ HẰNG	01/05/1999	29016616	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 4.60
LỮ THỊ THẢO	23/10/1999	29020814	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	27/01/1998	29026606	Toán: 2.80 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 2.50 Tiếng Anh: 6.20
PHẠM MẠNH LINH	17/01/1999	29025112	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 3.80
HOÀNG MINH HOÀN	06/06/1999	29027330	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 4.40

LÊ THỊ HUỆ	04/12/1999	29013985	Toán: 8.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 2.60
ĐẬU PHẠM HOÀI GIANG	10/12/1999	29023696	Toán: 9.20 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 9.60
XEO VĂN ANH	21/01/1999	29008148	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.20
LẦU Y SẾNH	02/04/1999	29008424	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.00 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 2.40
LÊ ANH DŨNG	09/11/1999	29000963	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.83 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25
TRẦN THỊ QUỲNH TRANG	13/07/1999	29009982	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 4.20
CAO THỊ TÌNH	25/01/1999	29020490	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 4.80
TRẦN VĂN SANG	18/06/1999	29027574	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN THỊ THÙY DUNG	16/03/1999	29022213	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	17/05/1999	29007011	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN KẾ HUY	07/10/1999	29010431	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.00
DOÃN THỊ DUNG	06/06/1999	29011607	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG SỸ LĨNH	19/10/1997	29030052	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.80
ĐẶNG THỊ HIỀN NGỌC	01/10/1999	29024489	Toán: 6.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 6.60
NGUYỄN THỊ TRÀ	25/08/1999	29028728	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN ĐÌNH VY	26/02/1999	29007818	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ MINH	11/04/1999	29015871	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.60

NGUYỄN VĂN TRỌNG	12/10/1998	29001816	Toán: 6.60 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.00
VY THỊ THUẦN	05/11/1999	29025694	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 6.50 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	19/09/1999	29029248	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 8.00
THÁI VĂN NHẬT	05/08/1999	29019893	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 5.50 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.80
LÊ THỊ DIỆU LÂM	11/01/1998	29024789	Toán: 7.60 Hóa học: 7.25 Sinh học: 8.00
NGUYỄN DOÃN QUÝ	22/10/1995	29025305	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 7.00
LÊ THANH THÚY	05/08/1999	29018965	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 6.25 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH	18/03/1999	29002326	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 7.60
HOÀNG ĐẮC SANG	31/07/1998	29001795	Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 9.25
TRẦN THỊ VÂN ANH	19/10/1999	29011250	Toán: 1.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.20
HOÀNG THỊ TRÀ MY	29/08/1999	29027990	Toán: 7.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 5.80
HOÀNG VĂN KIÊN	08/06/1999	29006988	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.75 GDCD: 8.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 1.40
VI VĂN THẮNG	22/02/1998	29014158	Toán: 3.40 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 4.75 KHXH: 4.08 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ SAO	12/09/1999	29009870	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.40
VƯƠNG THỊ ÁNH	11/05/1999	29020950	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.60
LƯU THỊ HỒNG TUYẾT	14/09/1999	29012989	Toán: 7.40 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 9.40
ĐẶNG THỊ ÁNH	27/07/1998	29029714	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.60

NGUYỄN VIỆT SƠN	22/06/1999	29010626	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 10.00 GD&CD: 8.50 KHXH: 9.17 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN VĂN MẠNH	21/09/1998	29011409	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 5.50 GD&CD: 8.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 1.40
PHÙNG THỊ MAI	01/11/1999	29021168	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.25 GD&CD: 8.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 4.80
LÊ QUANG LINH	07/09/1996	29027693	Toán: 7.80 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 8.25
NGUYỄN ĐÌNH TUẤN	24/03/1999	29028219	Toán: 1.40 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 3.75 GD&CD: 7.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.40
PHAN TRỌNG TUẤN	29/03/1999	29001721	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GD&CD: 7.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.60
ĐẬU NGỌC HUY	17/08/1999	29000695	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.83 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.50 GD&CD: 7.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.40
ĐÀO DANH CƯỜNG	04/10/1999	29000951	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75
LÊ VĂN CAO	22/07/1999	29010832	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ HẬU	18/08/1999	29015590	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GD&CD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THANH NHÀN	21/04/1999	29018632	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.00 GD&CD: 6.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.40
ĐẬU LINH TRANG	16/08/1999	29025737	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 5.80
PHẠM THỊ HIỀN	16/06/1999	29004421	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.17 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN ĐỨC TRƯỜNG	10/01/1998	29015289	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GD&CD: 6.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 1.60
LÊ THỊ XUÂN LÂM	27/05/1999	29021129	Toán: 8.00 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.50 GD&CD: 7.75 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 9.00
NGUYỄN THỊ NHUNG	17/07/1999	29029165	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GD&CD: 7.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.00
LÔ THỊ PHÚC LÝ	30/01/1999	29013635	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 4.20

PHAN DUY HẬU	23/08/1999	29013131	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.40
LÔ VĂN HUY	04/09/1999	29019456	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.25 GD&CD: 8.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.00
LÊ ĐỨC HIẾU	18/05/1999	29012057	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.50 GD&CD: 8.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VŨ TRƯỜNG	03/07/1999	29018232	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GD&CD: 7.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ HIẾU	06/11/1999	29022799	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GD&CD: 8.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ OANH	10/12/1999	29019917	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.00 GD&CD: 6.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN DUY TÂN	25/05/1999	29007984	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 6.25 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 3.00
NGÔ THANH TRÀ	17/01/1999	29027017	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GD&CD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 9.40
NGUYỄN THỊ TUYẾT	16/01/1999	29003009	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 6.60
KHA VĂN MÂY	22/04/1998	29020909	Toán: 6.60 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.75
QUANG THỊ HẰNG	17/02/1999	29014404	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GD&CD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỰC ANH	03/06/1999	29023576	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 8.25 Sinh học: 9.50 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 5.00
PHAN QUANG DUY	08/04/1999	29006305	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 8.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN VĂN CƯỜNG	28/01/1999	29013488	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GD&CD: 9.00 KHXH: 7.00 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ DUNG	10/05/1999	29001857	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 2.40
VÕ THỊ ANH TRÚC	10/09/1999	29020508	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ LINH TRANG	20/09/1999	29025747	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GD&CD: 7.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 6.40

TRẦN THỊ KHÁNH HUYỀN	25/08/1999	29017986	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 2.80
LÔ VĂN HUỖNH	25/12/1999	29013580	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 5.00
PHẠM VĂN HIỆP	09/02/1999	29004423	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VĂN HUY	26/12/1999	29017974	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ QUỲNH TRANG	12/03/1999	29026540	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 2.50 Hóa học: 9.00 Sinh học: 7.25 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ DANH	06/04/1999	29017858	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN MINH NGỌC	05/05/1999	29007055	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN ĐỨC HÀ	19/05/1999	29004396	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 2.00 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN KHẮC MẠNH	12/12/1999	29030101	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.00
PHAN VĂN KHIÊM	10/09/1999	29014008	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 9.25 GDCD: 8.25 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN XUÂN ÁNH	06/06/1998	29022093	Toán: 9.20 Vật lí: 9.00 Hóa học: 9.25
ĐẬU SỸ ĐẠT	20/04/1999	29011624	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 4.60
HOÀNG VĂN TÙNG	10/04/1999	29000610	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.20
NGÔ THỊ NGỌC HÀ	16/02/1999	29011297	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.25 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN VĂN SỸ	03/03/1999	29017491	Toán: 4.00 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ THU HIỀN	21/05/1999	29014422	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ MÂY	27/11/1999	29016797	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 4.60

CAO THỊ NGÀ	04/11/1999	29017397	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 9.25 Địa lí: 9.00 GDCD: 9.00 KHXH: 9.08 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ THÌN	11/12/1999	29028085	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.20
BÙI TUẤN ANH	02/01/1999	29014271	Toán: 1.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 9.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.00
TRƯƠNG THỊ THỦY	11/03/1999	29028107	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 4.40
LƯƠNG THỊ QUỲNH TRANG	22/01/1999	29027037	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.67 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	03/07/1999	29010905	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 5.00
HỒ THỊ TRANG	16/02/1999	29016471	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.80
TRƯƠNG VĂN TUẤN VŨNG	04/09/1996	29016052	Toán: 8.60 Hóa học: 8.00 Sinh học: 8.00
BÙI QUANG HUY	20/08/1999	29009153	Toán: 8.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 7 Tiếng Anh: 3.40
HÀ THỊ LAN ANH	18/07/1999	29013854	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 2.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 2.20
ĐOÀN LY NA	10/10/1998	29024814	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.00 Tiếng Anh: 8.20
NGUYỄN THỊ ANH	02/04/1999	29021543	Toán: 8.20 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 8.60
NGUYỄN BÁ ĐỨC	19/07/1999	29009528	Toán: 9.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 9.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 4.00
LÊ VĂN LINH	13/11/1999	29006463	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 2.80
LÊ THỊ ANH THƯ	06/07/1999	29002966	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN THỊ QUYÊN	17/08/1999	29011023	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN VĂN QUÝ	07/06/1999	29003258	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 5.00 KHXH: 3.92 Tiếng Anh: 3.20

NGUYỄN ĐÌNH TÀI	14/08/1999	29024019	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 4 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN BÁ THÁI	01/01/1999	29016335	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.20
BÙI THỊ HUYỀN MY	28/09/1999	29002509	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 6 Tiếng Anh: 4.40
NGHIÊM THỊ HỒNG NGÁT	03/12/1999	29025554	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ HOÀN	25/10/1999	29029492	Toán: 9.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 9.25 Hóa học: 9.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 8.08 Tiếng Anh: 5.60
BÙI VĂN HẢI	26/02/1999	29007606	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.00 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	17/04/1999	29030171	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TRÀ	13/02/1999	29005340	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM THỊ VÂN	12/11/1999	29030928	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 6.75 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN CÔNG HƯNG	01/10/1999	29000294	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.20
XEO THỊ MỘC	01/11/1999	29008361	Toán: 1.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 2.50 GDCD: 4.75 KHXH: 3.5 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN VĂN HƯNG	15/08/1998	29006977	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.20
LÔ THỊ QUỲNH	25/03/1999	29013702	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.00 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN ĐÌNH QUÂN	06/01/1999	29002896	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.58 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THANH HIẾU	10/01/1999	29027316	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG	10/09/1999	29022316	Toán: 5.20 Ngữ văn: 8.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4 Tiếng Anh: 5.80
LANG THỊ HOÀNG	06/06/1999	29019417	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.60

LÊ THỊ ANH TÂM	15/05/1999	29018713	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 9.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 5.80
CHU VĂN THÀNH	26/12/1998	29001147	Toán: 7.60 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.50
HOÀNG THỊ PHƯƠNG ANH	28/11/1999	29011886	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ HƯƠNG NGÀN	26/12/1999	29022906	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.40
TRƯƠNG THỊ HUYỀN	16/01/1999	29025473	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 9.50 GDCD: 9.00 KHXH: 8.75 Tiếng Anh: 6.20
PHAN XUÂN HẬU	10/09/1998	29019699	Toán: 9.80 Vật lí: 7.25 Hóa học: 8.25
NGUYỄN THỊ TÚ ANH	28/06/1999	29015408	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 7.00
PHAN THỊ THẢO	07/03/1999	29028063	Toán: 9.80 Ngữ văn: 2.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 9.75 Sinh học: 9.50 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ NHUNG	01/04/1999	29010993	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.5 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.00
BÙI VĂN HẬU	10/09/1996	29004234	Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 8.00
LÊ VIẾT QUỲNH	07/03/1999	29016288	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.00
LÊ VĂN NAM	14/02/1997	29012576	Toán: 5.80 Vật lí: 4.75 Hóa học: 6.25
NGÔ THỊ HUỆ	19/09/1999	29016676	Toán: 7.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 2.80
NGÔ THỊ LINH	17/03/1999	29030035	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 6.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN THỊ NHUNG	24/08/1999	29002541	Toán: 7.60 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 7.40
NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	12/05/1999	29001639	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ LINH CHI	01/06/1999	29025953	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 9.50 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN ĐỨC CỪ	18/06/1999	29016109	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ TÂM	23/10/1999	29002076	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 8.25 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 5.00

NGUYỄN THỊ HỒNG	27/03/1999	29001946	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ THẢO	30/03/1999	29009914	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.25 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN NGUYỄN TÀI	04/06/1999	29022966	Toán: 2.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG THỊ THU UYÊN	15/08/1999	29007481	Toán: 9.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.25 Hóa học: 9.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 5.00
LÊ THỊ OANH	01/09/1999	29017439	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.60
LÊ VĂN PHƯỚC	05/05/1998	29011008	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN HỮU PHÚC	04/03/1999	29026432	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.20
HOÀNG VĂN KHỞI	11/04/1999	29012140	Toán: 3.40 Ngữ văn: 2.75 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 2.20
HỒ QUANG TRƯỜNG	28/07/1999	29019042	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.60
PHẠM QUANG TÙNG	17/06/1998	29013082	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 2.75 GDCD: 6.25 KHXH: 4.08 Tiếng Anh: 1.00
TRƯƠNG THÙY DƯƠNG	17/11/1999	29018402	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.00 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN VĂN GIANG	10/11/1999	29000139	Toán: 9.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 8.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN THỊ HOÀI PHƯƠNG	05/08/2000	29009831	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.50 GDCD: 6.50 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.80
TÔ THỊ KHÁNH LY	14/08/1999	29026296	Toán: 5.20 Ngữ văn: 9.25 Lịch sử: 9.75 Địa lí: 10.00 GDCD: 6.50 KHXH: 8.75 Tiếng Anh: 6.40
NGUYỄN THỊ SƯƠNG	13/08/1999	29007399	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 6.40
THÁI VĂN THÔNG	30/08/1999	29029284	Toán: 1.80 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 5.00 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 2.40
PHAN THỊ PHƯƠNG ANH	15/08/1999	29028855	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.20

BÙI THỊ HOÀI LINH	08/05/1999	29016748	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 6 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN THỊ THÙY LINH	30/10/1999	29009714	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 6.20
TRẦN ĐỨC LƯƠNG	16/06/1999	29013218	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 8.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 8.80
NGUYỄN THỊ CHÂU	16/10/1999	29029742	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.20
LÊ THỊ VÂN	01/08/1999	29007815	Toán: 2.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN ĐẮC PHÁT	18/03/1998	29010152	Toán: 8.40 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.75
ĐẬU THỊ HƯƠNG	05/08/1998	29023466	Toán: 4.00 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 2.25
TRẦN DUY TUẤN ANH	19/05/1999	29023590	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN THỊ NGỌC HUYỀN	24/09/1999	29012787	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN ĐÌNH TIẾP	12/06/1999	29018200	Toán: 6.80 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 5.40
DƯƠNG THỊ THÚY HIỀN	09/12/1997	29025266	Toán: 7.60 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.25 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN CẢNH HỮU	15/10/1999	29021841	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN ĐỨC MẠNH	08/07/1999	29026880	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.42 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.20
TRỊNH ĐỨC TRUNG	12/02/1999	29019040	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ HƯƠNG	15/08/1999	29029044	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 5.60
ĐÀO NGỌC DIỆP	28/11/1999	29000081	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 8.00
PHAN VĂN DŨNG	20/08/1999	29028898	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.00

TRẦN MẠNH CƯỜNG	14/10/1999	29002257	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 6.50 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 5.20
LÊ VĂN TÂY	01/07/1998	29001607	Toán: 4.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.50 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.60
LÊ HUỲNH TẤN SANG	24/02/1999	29024555	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.40
LÊ VĂN NGHINH	05/02/1997	29004268	Toán: 7.40 Vật lí: 7.75 Hóa học: 6.50
TRẦN THỊ HẢI HUỆ	07/10/1999	29004455	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 2.40
HỒ VIỆT HOÀNG	21/08/1999	29023757	Toán: 9.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 9.00
VŨ THỊ HƯƠNG	24/04/1998	29017305	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 5.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN BẮC	10/02/1999	29017831	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 3.80
ĐẶNG THỊ AN	02/12/1999	29001210	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.80
LƯƠNG THỊ ỎN	20/06/1999	29008392	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN NGỌC LÂM	24/08/1999	29022337	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ THU TRANG	03/09/1999	29024627	Toán: 9.20 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 9.80
NGUYỄN QUỐC TRƯỜNG	23/02/1999	29025775	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 6.80
HOÀNG TRUNG KIÊN	13/06/1999	29014011	Toán: 7.00 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN SỸ HIẾU	01/06/1999	29021748	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 2.80
THÁI HẢI ANH	06/10/1998	29021551	Toán: 2.80 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN THỊ LÊ	10/10/1999	29005718	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.40

HỒ ĐĂNG THÀNH	02/09/1999	29016344	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 1.60
TRẦN THỊ HẰNG	28/08/1999	29005619	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.40
CHU VĂN THÁI	01/01/1998	29004158	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.60
VƯƠNG ĐIỂM QUỲNH	05/11/1999	29005252	Toán: 7.80 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 8.60
ĐẬU THỊ KIỀU LOAN	26/02/1999	29005736	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.60
HỒ THỊ HUYỀN	18/09/1999	29016693	Toán: 7.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ HÀ LINH	26/07/1999	29023242	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 7.00 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỰC ANH	16/10/1999	29028852	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG PHI NAM	20/05/1998	29006102	Toán: 5.00 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50
NGUY THỊ NGỌC	03/10/1999	29003465	Toán: 2.60 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN ĐÌNH HUY	20/06/1999	29002407	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.00
TRƯƠNG THỊ THUÝ NGA	19/11/1999	29017403	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.20
PHAN SỸ HIỆP	06/04/1999	29021742	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.60
PHẠM THỊ NHUNG	20/07/1999	29021213	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ NGA	10/08/1999	29030130	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ NGA	22/08/1998	29028825	Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 9.25
LƯƠNG THỊ THẢO	06/01/1999	29008445	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 2.25 GDCD: 6.75 KHXH: 3.83 Tiếng Anh: 2.40
ĐẬU VĂN ĐỨC	24/06/1999	29016148	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 4.40

NGUYỄN THỊ LAN ANH	13/05/1999	29019187	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 7.80
VÕ ANH GIANG	17/09/1999	29012000	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 2.60
PHẠM VĂN LONG	08/02/1999	29016776	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.00
PHAN VĂN ĐẠI	29/07/1999	29022225	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN MINH	16/10/1999	29019607	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.25 GDCD: 7.50 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.20
KIỀU THỊ HỒNG LAM	25/07/1999	29010458	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 5.20
PHAN THỊ NGÀ	05/01/1999	29022904	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 5.80
PHAN NHƯ NIỀM	26/11/1999	29007718	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.25 GDCD: 6.00 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN ĐÌNH ĐẠT	23/12/1999	29011627	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 3.40
LO THỊ THÌN	20/11/1999	29025676	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 9.25 GDCD: 9.50 KHXH: 9.17 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN THỊ HẠNH HÒA	31/05/1999	29026118	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 6.50 KHTN: 6 Tiếng Anh: 3.60
VI THỊ VĂN	08/05/1999	29020874	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 2.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 3.42 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.60
BÙI HỮU THỌ	16/03/1999	29029279	Toán: 2.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ HẢI LY	13/03/1999	29009737	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.40
NGÔ ĐỨC TÀI	07/02/1998	29007111	Toán: 1.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 5.75 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.60
LÊ THỊ ÁNH TUYẾT	21/04/1998	29027795	Toán: 7.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.50
LÊ ĐÌNH CƯỜNG	25/01/1999	29028314	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 4.00

LƯƠNG TRỌNG HIẾU	12/03/1999	29025041	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN TIẾN LÂM	07/07/1998	29026653	Toán: 2.60 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.50 Tiếng Anh: 4.60
QUẾ HOÀI VŨ	16/07/1999	29024150	Toán: 8.80 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 8.00 Hóa học: 9.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 3.00
ĐẶNG THỊ PHƯƠNG	16/10/1999	29005831	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.00 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 5.00
HOÀNG SỸ HÙNG	03/06/1999	29006039	Toán: 5.00 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75
HOÀNG TRẦN LONG NHẬT	20/04/1999	29000446	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 5.60
PHẠM VĂN TOÀN	05/09/1999	29023032	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN VĂN HIẾU	24/08/1999	29028414	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.40
HOÀNG NGHĨA MẠNH	02/10/1999	29007035	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN THỊ NGÀ	20/09/1999	29021936	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN ĐÌNH CÔNG	05/01/1999	29016106	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 6 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN VĂN SƠN	07/05/1998	29007740	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG THỊ HỌC	01/10/1999	29000249	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.40
ĐẶNG KHẮC NAM	10/09/1999	29010546	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.60
ĐÀO THỊ THƯƠNG HUYỀN	25/02/1999	29026173	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 8.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 4.80
CAO VĂN TUẤN	01/02/1999	29006758	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ MỸ DUYÊN	27/12/1999	29026765	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.33 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 8.20

CAO HẢI SƠN	21/10/1999	29025618	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM XUÂN HUẤN	01/10/1999	29029954	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ LIÊN	09/10/1999	29027400	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ LÊ NA	02/09/1999	29026347	Toán: 9.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 10.00 Hóa học: 9.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 8.42 Tiếng Anh: 9.40
LÊ THỊ HUYỀN	23/10/1998	29016697	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 5.00
LÊ THỊ NGỌC ÁNH	25/06/1999	29025916	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 5.00
BÙI THỊ NGUYỆT	04/04/1999	29003466	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.60
ĐẶNG KHẮC HƯNG	02/11/1998	29026189	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 9.00 Hóa học: 9.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 8.08 Tiếng Anh: 8.00
ĐẬU HUY DANH	05/06/1997	29015923	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 3.50 GDCD: 6.50 KHXH: 3.83 Tiếng Anh: 2.80
HỒ BÁ ANH PHONG	23/01/1999	29016871	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN MINH ĐỨC	17/07/1999	29025396	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 5.40
PHẠM ĐỨC MẠNH	14/03/1999	29029542	Toán: 8.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 5.80
THẠCH THỊ MAI	20/01/1999	29013225	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 5.25 KHXH: 4.08 Tiếng Pháp: 2.20
TRẦN THÀNH VINH	02/05/1999	29003019	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 3 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN ĐÌNH ĐẠT	10/07/1998	29019678	Toán: 6.20 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.50
TRẦN KHẮC DUẤN	23/05/1999	29002793	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 1.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.5 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.00
CAO VĂN CƯỜNG	01/07/1999	29004915	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 6.00 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 7.40

NGÔ PHƯƠNG THẢO	01/12/1998	29019793	Toán: 6.60 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.25
TRẦN DUY QUANG	28/08/1999	29022953	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GD&ĐT: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.20
LÊ VĂN MÃO	04/04/1999	29010525	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 8.75 GD&ĐT: 8.75 KHXH: 8.83 Tiếng Anh: 3.80
HOÀNG VĂN TUẤN	12/06/1997	29010216	Toán: 4.20 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.75
NGUYỄN THỊ DUNG	03/01/1999	29023131	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ LIÊN	26/10/1999	29011687	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN ĐÌNH PHÁP	17/02/1999	29029179	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.25 GD&ĐT: 8.50 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 4.40
LÊ QUỲNH DIỆP	28/12/1999	29025979	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GD&ĐT: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VĂN LINH	04/10/1998	29015010	Toán: 2.00 Ngữ văn: 1.75 Vật lí: 1.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 2.5 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GD&ĐT: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 1.00
ĐOÀN SỸ TÀI	30/12/1999	29016928	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN VĂN QUANG	19/07/1999	29001573	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.25 GD&ĐT: 6.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN LƯU QUYỀN	15/12/1993	29029389	Toán: 4.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 6.00
NGUYỄN ĐẮC DUẤN	14/05/1999	29026756	Toán: 9.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 9.25 Hóa học: 8.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 7 Lịch sử: 1.00 Địa lí: 2.50 GD&ĐT: 7.25 KHXH: 3.58 Tiếng Anh: 2.80
HỒ THỊ NGỌC ANH	03/09/1999	29029702	Toán: 2.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 9.00 GD&ĐT: 8.50 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 4.20
LÊ ĐÌNH HIẾU	20/12/1998	29009585	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.25 GD&ĐT: 6.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN NHẬT DƯƠNG	16/05/1999	29011980	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN TIỂU LINH	09/09/1999	29021154	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 2.00
LÊ THỊ THẢO	24/02/1995	29017759	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 Tiếng Anh: 4.80

NGUYỄN BÁ HÙNG	24/10/1999	29029963	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 5.25 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.20
PHẠM THỊ SAO	02/01/1999	29001587	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN QUỐC ĐẠT	09/11/1999	29005557	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ HẰNG	20/04/1999	29029878	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 8.75 GDCD: 6.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.80
LÊ THỊ TUYẾT	23/07/1999	29028781	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 5 Tiếng Anh: 4.60
VI THỊ LOAN	22/10/1999	29025117	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 3.80
PHAN THỊ THẢO	28/05/1999	29029261	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.20
ĐẬU THỊ TRANG	30/06/1998	29016032	Toán: 4.60 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.75
PHAN THỊ THANH LAN	31/07/1999	29006995	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN KHẮC ĐỨC	01/02/1999	29000665	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.58 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.00 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THANH	28/01/1999	29024023	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.25 Hóa học: 9.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 4.80
NGÔ THỊ SƯƠNG	07/09/1999	29028638	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN VĂN TUẤN	14/12/1999	29014207	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 6.75 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN HỒNG SƠN	12/03/1998	29000509	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.00
LÊ LINH NHI	05/08/1999	29025570	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN CÔNG KHỞI	28/11/1999	29005083	Toán: 2.20 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.00 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN THỊ THẢO	15/06/1999	29002601	Toán: 3.00 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.40

TRẦN THỊ PHƯƠNG THÚY	12/10/1999	29015204	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 9.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 6.80
TRƯƠNG MINH ĐỨC	01/07/1999	29023160	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.08 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG ĐỨC HÙNG	12/09/1999	29023775	Toán: 9.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 5.00
VĂN THỊ NGỌC ANH	26/02/1999	29022183	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 4.80
LÊ THỊ GIANG	28/12/1999	29017889	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ MỸ LINH	30/09/1999	29018839	Toán: 6.40 Ngữ văn: 8.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 6.75 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 4.20
PHẠM THỊ THÚY QUỲNH	19/03/1998	29009031	Ngữ văn: 7.25
NGUYỄN HOÀI PHONG	03/11/1999	29007076	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN ĐOÀN	12/11/1999	29017657	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50
HỒ THỊ HOÀI TÚ	06/06/1999	29007461	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.00
VĂN THỊ HẬU	25/05/1999	29027298	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.60
ĐẶNG THỊ DUYÊN	25/09/1998	29001753	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00
NGUYỄN PHƯƠNG ANH	01/09/1999	29021542	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ NGỌC TÚ	22/03/1999	29000600	Toán: 8.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 9.40
LÊ VĂN TÙNG	06/09/1999	29023402	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.08 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.60
TẠ THỊ THỎA	24/12/1999	29008955	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 3.25 GDCD: 6.50 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.40
VƯƠNG THỊ CHÂU NGỌC	12/09/1999	29000439	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 4.20
LÊ HỮU BẮC	09/05/1999	29000051	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 5.75 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.20

LÊ VĂN THỊNH	09/11/1999	29018945	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN XUÂN ĐẠT	02/08/1999	29014352	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.25 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG QUỐC ĐẠT	11/03/1999	29020991	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ NGỌC ÁNH	07/11/1999	29009451	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN ĐỨC MẠNH	26/05/1999	29026311	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ ÚT TỰ	01/11/1999	29004801	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN TIẾN THỊNH	08/02/1999	29024061	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 7.00 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 9.40
KHA THỊ MẠN	12/12/1999	29025134	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.00
LÔ VĂN CHIẾN	10/10/1999	29008175	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN LINH CHI	11/06/1999	29007226	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 1.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ TRÂM	10/06/1999	29016489	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 5.40
TRẦN THỊ THƯƠNG	19/06/1999	29020096	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN ĐỨC KHỞI	07/04/1999	29019506	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN THỊ HƯỜNG	08/01/1999	29029049	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.60
LÊ THỊ NGÂN	08/05/1998	29015986	Toán: 5.40 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.50
PHAN THỊ NGÂN	09/09/1999	29018623	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN VĂN VŨ	10/11/1999	29011860	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.67 Tiếng Anh: 3.20

TRẦN THỊ TÚ LINH	23/10/1999	29011700	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 7.40
LÊ HỒNG CHIẾN	17/07/1998	29019662	Toán: 9.20 Hóa học: 8.00 Sinh học: 9.75
LÊ THỊ HUYỀN LINH	10/02/1999	29006069	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25
ĐẬU THÀNH ĐÔ	25/02/1999	29011629	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THẾ QUYỀN	19/05/1999	29021250	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 2.20
VÕ VĂN THANH	13/09/1999	29016942	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 6.00 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN VĂN GIANG	16/11/1997	29017664	Toán: 8.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.75
NGUYỄN THỊ DUYÊN	30/08/1999	29003758	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GD&CD: 6.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	08/10/1999	29025847	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.50 GD&CD: 7.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN ĐÌNH NHẬT ANH	10/04/1999	29027819	Toán: 6.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 2.50 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.40
CAO ĐĂNG DŨNG	07/04/1998	29005533	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.00 GD&CD: 9.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ HẠNH	20/09/1999	29019342	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GD&CD: 6.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.60
VĂN THỊ THU	10/06/1999	29016970	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THẾ TUẤN	11/07/1999	29022627	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 9.50 GD&CD: 9.00 KHXH: 8.83 Tiếng Anh: 6.60
NGUYỄN THỊ HOÀI	02/08/1999	29000228	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 8.50 Sinh học: 8.75 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 5.40
ĐỖ KHẮC TÔN	16/06/1998	29007781	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.00 GD&CD: 8.25 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ HƯỜNG	10/03/1999	29017307	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.50 GD&CD: 5.75 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.40

TRẦN MINH CÔNG	15/05/1999	29004351	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ THU SƯƠNG	03/11/1999	29026940	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 6.00 KHTN: 4.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH	06/12/1999	29025415	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 9.25 GDCD: 7.50 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 5.00
HỒ TRUNG HIẾU	19/11/1999	29012749	Toán: 3.20 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG MINH HUY	12/08/1997	29019716	Toán: 9.20 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.25
NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH	08/11/1999	29023619	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 2.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 9.00 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 6.20
TRẦN VĂN KIÊN	02/03/1999	29018535	Toán: 1.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 1.80
LÔ THỊ LINH	09/02/1998	29003641	Toán: 5.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.75
NGUYỄN VĂN TRẮNG	16/02/1999	29029633	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN THỊ HOÀI THU	17/07/1998	29028098	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 9.50 GDCD: 9.25 KHXH: 8.83 Tiếng Anh: 6.80
LA VĂN PHA	18/03/1999	29020764	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.58 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.40
ĐẶNG TUẤN VŨ	10/11/1998	29009049	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.50 Tiếng Anh: 7.20
NGUYỄN THỊ HOÀI	27/04/1999	29009135	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 4.80
PHẠM THỊ PHƯƠNG THẢO	02/02/1999	29027614	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ HOÀI	07/10/1999	29001393	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.20
BÙI VĂN TÚ	06/08/1999	29001183	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.00 Sinh học: 2.00 KHTN: 2.33 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.25
NGUYỄN THANH TÙNG	23/04/1999	29024128	Toán: 9.40 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.83 Tiếng Anh: 7.00
NGUYỄN THỊ BẢO YẾN	06/07/1999	29025846	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.50 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 6.80

MOONG THỊ XUYỀN	19/12/1999	29020885	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.92 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ ÚT	19/01/1999	29022637	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN SỸ LỘC	13/02/1999	29000369	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.08 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN VĂN TUẤN	04/10/1999	29001191	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.92 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50
LÊ THỊ HÀ	11/09/1999	29010860	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 4.80
TRẦN THỊ HOA	11/07/1999	29000214	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 3.60
PHAN TRƯƠNG THẢO	10/08/1999	29020460	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 2.80
ĐẶNG TRỌNG HẢI	27/01/1999	29029855	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.75 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ THÙY LINH	21/11/1999	29019550	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ THẢO	15/07/1999	29004175	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN CẢNH THẮNG	15/11/1999	29007756	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Tiếng Anh: 3.00
VI THỊ THẢO QUYÊN	17/05/1999	29025217	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.00
LÊ VĂN HÀ	19/01/1999	29003107	Toán: 2.20 Ngữ văn: 1.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.25 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ LAM	24/01/1998	29029071	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN VĂN DANH	20/12/1999	29021600	Toán: 3.80 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.00
LÊ ĐỨC THẮNG	07/03/1999	29011067	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 4.80
HỒ QUANG THỊNH	11/01/1999	29017543	Toán: 2.60 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.00

TRƯƠNG THỊ HOÀI THƯƠNG	11/07/1999	29016444	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.75 GDCD: 7.75 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 4.40
TRỊNH THỊ THÙY DUNG	13/11/1999	29019667	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75
VŨ LÊ TRANG	21/02/1999	29004731	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 7.00
LƯƠNG VI SAY	28/09/1999	29013706	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ HUỆ	15/01/1999	29009629	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.25 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 4.20
TRƯƠNG THỊ HẠNH	02/10/1999	29012023	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.00 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN HỮU HÀ	28/11/1999	29022770	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 1.40
TRẦN THỊ KIM OANH	13/06/1999	29011001	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM THỊ HỒNG THUỖ	26/02/1999	29020062	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.60
LÊ THỊ LINH	24/08/1999	29004500	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 4.40
PHAN CHÂU LOAN	06/12/1999	29016770	Toán: 9.00 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 8.25 Hóa học: 9.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN ĐÌNH THÀNH	25/11/1998	29008126	Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75
PHÙNG VIỆT HƯNG	06/08/1998	29029364	Toán: 6.80 Hóa học: 8.00 Sinh học: 7.75
NGUYỄN THỊ LY	16/04/1999	29021900	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ HỒNG	30/05/1999	29028437	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 5.50 KHXH: 5 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN MẠNH HÙNG	16/02/1999	29006400	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VĂN QUỲNH	15/10/1999	29004592	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.20

NGÔ THỊ QUYÊN	07/07/1998	29029203	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN VĂN HUY	06/06/1999	29003153	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN HỮU THẮNG	02/10/1999	29002766	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.50
TRƯƠNG VĂN CHÍNH	13/10/1999	29000068	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN THỊ PHƯƠNG LINH	15/02/1998	29024799	Toán: 8.80 Vật lí: 8.25 Hóa học: 9.25
THÁI VĂN TÂM	19/05/1999	29030286	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ MỸ LINH	19/02/1999	29027407	Toán: 5.00 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 4.00
BÙI THỊ HÀ	20/01/1998	29004964	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	07/12/1999	29024920	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 6.60
TRẦN VĂN LINH	20/03/1998	29028821	Toán: 8.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.50
NGUYỄN XUÂN DŨNG	05/12/1999	29000099	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 7.60
TRẦN VĂN HOÀNG	21/09/1999	29000247	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 2.80
ĐINH THỊ THẾ	02/05/1998	29011512	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 3.50 GDCD: 4.75 KHXH: 3.5 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG ĐỨC ĐỆ	18/03/1999	29016140	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 6.00 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG THỊ THẨM	09/09/1999	29027619	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 1.60
HỒ THỊ HỒNG	27/01/1999	29003892	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ NGUYỆT	03/10/1999	29001535	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 5.60

NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	01/01/1999	29000577	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 8.60
HOÀNG TÀI	21/11/1999	29028052	Toán: 9.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 5.40
LƯƠNG VĂN THÀNH	15/09/1999	29008443	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.20
LÊ AN TÂM	03/03/1999	29015096	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ LUYẾN	18/07/1999	29009732	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 5.20
LƯƠNG THỊ DƯƠNG	29/03/1999	29025381	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.25 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.40
LÊ THỊ QUỲNH TRANG	17/09/1999	29024615	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG THỊ HƯƠNG	05/04/1999	29010444	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN NAM	18/08/1999	29011722	Toán: 6.40 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 2.60
VI QUỐC TUỆ	16/12/1998	29020865	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỪA HIẾU	15/05/1999	29022804	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 4.75 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN HỮU THẮNG	30/04/1999	29004186	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN ĐỨC	29/10/1998	29017175	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN VĂN NGỌC	08/10/1999	29030580	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 3.00
PHAN DUY KHÁNH	01/10/1999	29023821	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VĂN QUÂN	26/08/1999	29016905	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 9.80
PHAN THỊ THANH HIỀN	12/11/1999	29023727	Toán: 9.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 9.00 Hóa học: 9.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 4.00

TRẦN THỊ QUỲNH TRANG	26/06/1999	29026554	Toán: 9.20 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 9.00 Sinh học: 9.50 KHTN: 8.17 Tiếng Anh: 8.60
BÙI THỊ LINH CHI	10/03/1999	29002228	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 9.25 Sinh học: 8.25 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ NGỌC	23/03/1999	29022915	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.80
TRỊNH THỊ THƯƠNG	01/12/1999	29023022	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN HỮU HOÀNG	26/05/1998	29019711	Toán: 5.20 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.75
PHÙNG THỊ LỢI	04/03/1999	29026290	Toán: 4.60 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 9.50 Địa lí: 10.00 GDCD: 8.50 KHXH: 9.33 Tiếng Anh: 7.80
NGUYỄN VĂN BẢO	11/07/1999	29007534	Toán: 4.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 3.75 GDCD: 9.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.20
VƯƠNG CÔNG TÀI	01/11/1999	29024563	Toán: 9.00 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.33 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 4.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 8.00
HOÀNG THỊ TRINH	29/07/1999	29029332	Toán: 7.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 6.20
ĐẶNG BÁ DŨNG	18/07/1999	29002267	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 9.25 Hóa học: 9.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 8 Tiếng Anh: 5.60
NGÔ THỊ KIM OANH	13/07/1999	29005819	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.80
LÊ THỊ THANH HƯƠNG	26/02/1999	29012120	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.08 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.00
HỒ THỊ KIM ANH	02/04/1999	29016063	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.50 Sinh học: 6.25 KHTN: 7.75 Tiếng Anh: 4.80
PHẠM VĂN LUẬT	15/11/1999	29029536	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 2.25 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ ĐÌNH	20/09/1998	29029810	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN ĐỨC KHIÊM	17/02/1999	29009677	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.80
HỒ HUYỀN TRANG	02/07/1999	29027029	Toán: 8.40 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 8.60

HOÀNG ĐỨC THỊNH	06/11/1998	29003665	Toán: 4.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 4.25
LÊ THÀNH VINH	20/10/1999	29020542	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN DUY ĐỨC	28/02/1999	29029822	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.40
LƯU THỊ OANH	10/04/1999	29009235	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 2.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.08 Tiếng Anh: 2.60
ĐẶNG NGỌC NGUYỄN	15/12/1998	29015989	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 5.50 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN TUẤN ANH	26/08/1999	29013861	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 2.00
PHÙNG VĂN HÙNG	16/07/1999	29007298	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 2.60
LÊ CẢNH ĐĂNG	21/04/1999	29010324	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.60
TRỊNH THỊ TRANG	20/09/1999	29009984	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 6.20
HÀ THỊ HỒNG	12/05/1999	29013566	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 4.20
VI VĂN PHÚC	06/06/1999	29008402	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.00
HOÀNG THỊ THU	01/02/1999	29016408	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN TIẾN	24/05/1998	29021361	Toán: 1.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.50 GDCD: 7.75 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.80
NGÔ THỊ KIỀU TRINH	16/01/1999	29021392	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 8.40
TRẦN VĂN PHƯƠNG	08/03/1999	29018881	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Pháp: 2.60
HÀ THỊ HỒNG ANH	13/07/1999	29013853	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN XUÂN THÁI	01/06/1999	29022068	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 1.60

CỤT VĂN CHUẨN	01/01/1999	29020898	Toán: 2.20 Ngữ văn: 2.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.00
NGUYỄN THỊ THU HOÀI	13/05/1999	29006952	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 4.60
PHAN BÁ LẬP	08/04/1999	29006446	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ HẰNG	27/05/1999	29011651	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4 Tiếng Anh: 3.40
LÊ VĂN TÀI	02/11/1998	29016930	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 4.40
LÊ THỊ THUYẾT	14/06/1999	29005327	Toán: 8.60 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 9.00
ĐẶNG CÔNG TÚ	20/04/1999	29001710	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ THƠ	19/08/1999	29010682	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.80
THÁI TRẦN THỊ LY	03/09/1999	29000383	Toán: 6.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.60
ĐÀO THỊ YẾN CHI	07/09/1999	29001242	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.40
PHAN THỊ AN	27/01/1999	29029416	Toán: 8.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ HÀ TRANG	10/06/1999	29009312	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 4.00
KHA THỊ THU HÀ	24/06/1999	29020623	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 1.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 2.83 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.00 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.60
PHẠM THỊ MINH TÚ	13/09/1999	29015304	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 1.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.20
NGÂN THỊ HÀ TRANG	09/02/1999	29020849	Toán: 2.00 Ngữ văn: 1.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 1.80
NGÔ THỊ SƯƠNG	15/12/1996	29005889	Toán: 4.20 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.00 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.20
HỒ THANH HUYỀN	30/11/1999	29017979	Toán: 8.80 Ngữ văn: 8.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 6.50 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 8.80

LÊ TUẤN ANH	27/10/1999	29020929	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 4.40
HOÀNG THÁI BẢO	19/12/1998	29023615	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 3.80
PHAN THỊ VÂN	24/09/1999	29006798	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 3.92 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.20
ĐẬU THỊ THU	12/10/1999	29002962	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 6.25 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 4.60
VÕ THỊ ÁNH	15/10/1999	29003045	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.25 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.60
VI THỊ NGÀ	11/07/1999	29014625	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG	01/10/1999	29011815	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 4.20
ĐẬU THUỖ DUNG	15/11/1999	29020233	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 3.80
LÔ THỊ HẠNH	19/05/1999	29003117	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO	15/02/1999	29012917	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	15/03/1999	29018834	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 6.25 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN THỊ OANH	01/12/1999	29014681	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 4.40
PHẠM THỊ QUỲNH NGÀ	19/11/1999	29004036	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 4.40
PHẠM TRỌNG ĐỨC	17/11/1999	29007593	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 9.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM TIẾN ĐẠT	16/08/1999	29017166	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.20
LÊ THỊ QUỲNH NHƯ	17/12/1999	29006114	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.75
TRẦN THỊ YẾN	21/10/1999	29030965	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.80

KHA THỊ HOÀI	22/01/1999	29020650	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.80
LÊ DUY TƯ	07/11/1997	29010226	Toán: 7.20 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.75
NGUYỄN ĐÌNH HUYNH	02/03/1998	29027371	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ THUÝ	13/01/1999	29029615	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ THU	27/09/1999	29005938	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN NGỌC THƯỜNG	26/04/1999	29015218	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.20
LÊ XUÂN TRUNG	19/03/1999	29000595	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 9.00 GDCD: 7.50 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 3.00
HOA THỊ LY	12/12/1999	29015024	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 6.50 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 3.00
HỒ SỸ LÃM	24/01/1999	29003954	Toán: 2.60 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 5.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.00
ĐẶNG TUẤN BẢO	01/01/1999	29007218	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 6 Tiếng Anh: 3.00
LƯƠNG ĐỨC MẠNH	04/09/1999	29025137	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ XUÂN	26/02/1999	29011870	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 4 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN YẾN LINH	22/06/1999	29004504	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN PHƯỚC	15/03/1998	29019780	Toán: 8.80 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.00 Sinh học: 1.50 KHTN: 5.92
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	01/01/1999	29025884	Toán: 7.20 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 8.40
NGUYỄN THỊ THẢO	13/12/1999	29012391	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ HOÀI THI	06/12/1999	29018173	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.60

NGUYỄN THỊ HÀ	21/03/1999	29012008	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 8.75 GDCD: 9.00 KHXH: 8.58 Tiếng Anh: 3.60
HỒ HỮU THỊNH	14/10/1999	29003512	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 4.00
CỤT VĂN LAY	01/10/1999	29008313	Toán: 3.20 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 2.75 GDCD: 5.75 KHXH: 3.5 Tiếng Anh: 2.20
LÊ ĐỨC TÙNG	11/08/1999	29019073	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN VĂN MẠO	27/08/1999	29030104	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ LEN	09/09/1999	29000330	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 4.00
LÊ VĂN PHONG	10/02/1999	29017444	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.20
ĐẶNG XUÂN THANH	20/11/1998	29002594	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.40
LƯƠNG TUẤN THẢO	06/12/1998	29020815	Toán: 2.60 Ngữ văn: 2.75 Vật lí: 2.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.67 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN DUY HÀO	20/11/1999	29028949	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN ĐÌNH THÀNH	16/02/1998	29011565	Toán: 9.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.00
LÊ ĐỨC MẠNH	24/04/1998	29010756	Toán: 5.80 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.25
NGUYỄN VĂN ANH QUỐC	28/08/1999	29010615	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.60
LÊ VĂN HIẾU	12/02/1999	29006938	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.40
HÀ THỊ TRANG	16/06/1999	29019009	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 3 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VIỆT HOÀNG	25/08/1998	29025271	Toán: 5.00 Vật lí: 4.00 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN SƠN	04/01/1999	29007976	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 2.00

NGUYỄN NGỌC MINH HIẾU	08/05/1999	29013550	Toán: 7.60 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	24/07/1999	29027043	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.80
CHU THỊ THU HÀ	19/11/1999	29003790	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ PHÁP	20/10/1999	29005205	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 9.25 GDCD: 8.75 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 5.20
PHAN THỊ THẢO	15/06/1999	29015138	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 4.00
LÊ THỊ MINH CHÂU	18/11/1999	29025938	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 7.20
HOÀNG THỊ NGÀ	16/08/1999	29015893	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.80
ĐẶNG ĐÌNH THẮNG	07/08/1999	29020027	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 1.60
NGUYỄN THỊ THÚY	01/04/1999	29020076	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN THỊ THANH	26/02/1999	29001617	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THU HIỀN	19/02/1999	29023726	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 4.40
HỒ NGỌC HẢI	01/01/1999	29016595	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 4.60
LÊ QUỐC HUY	04/10/1999	29009639	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.40
HỒ THỊ NGÁT	12/03/1999	29015902	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.40
VI TÚ ANH	28/12/1999	29013867	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN THỊ DUYÊN	28/04/1999	29021630	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ MAI	05/05/1999	29001492	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.60

CAO TIẾN ĐỨC	27/06/1998	29000123	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG THỊ HẠNH	14/02/1999	29010868	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN VIỆT HOÀNG	28/08/1999	29029495	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 7.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 6 Tiếng Anh: 4.80
NGÔ THỊ YẾN VI	11/05/1999	29011866	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ OANH	16/06/1999	29028017	Toán: 4.60 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN NGUYỄN KHẢI	06/11/1999	29017996	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 9.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN DUY TIẾN	01/04/1997	29030353	Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 9.50 Địa lí: 9.75 GDCD: 8.25 KHXH: 9.17
LÊ THỊ KIM CHI	30/10/1999	29018736	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.75 GDCD: 9.00 KHXH: 8.5 Tiếng Pháp: 4.00
NGUYỄN MINH CHÂU	08/01/1999	29006275	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.40
BÙI CÔNG THẮNG	20/03/1999	29002609	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.25 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 1.60
PHẠM VĂN NGHIÊM	06/01/1999	29001528	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 5.00
LƯU THỊ NGHIÊM	27/02/1999	29002027	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4 Tiếng Anh: 3.60
LÊ TRỌNG HÀO	15/08/1999	29000995	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.08 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50
DƯƠNG NGỌC LIÊM	04/04/1998	29030328	Toán: 8.60 Hóa học: 8.00 Sinh học: 9.50
NGÔ THỊ LAM	23/11/1999	29018001	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 4.20
PHẠM THỊ HẢI	12/10/1999	29010367	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.00 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.40
HỒ PHI CƯỜNG	11/03/1999	29012665	Toán: 8.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 4.20

NGUYỄN CÔNG TUẤN	09/07/1999	29001717	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 1.60
TRẦN THỊ THANH HUYỀN	15/10/1999	29017296	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 9.00 GDCD: 6.50 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN ĐỨC	17/10/1999	29013116	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.08 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.83 Tiếng Pháp: 2.60
VŨ HỮU ĐẠT	23/07/1998	29017654	Toán: 4.20 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.50
HỒ SỸ MẠNH	15/08/1999	29020368	Toán: 9.00 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 6.75 KHTN: 7.92 Tiếng Anh: 5.00
LÊ THỊ KHÁNH HUYỀN	27/01/1999	29015691	Toán: 7.00 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 6.40
THÁI THỊ MAI ANH	14/04/1999	29009444	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 6.75 KHTN: 6 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN QUANG MINH	19/07/1998	29021913	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ HẢI	19/06/1999	29001310	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 9.25 KHXH: 8.75 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN HỒNG TRUNG	26/01/1999	29024107	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 7.40
CHU HOÀI LÂM	11/10/1998	29005446	Toán: 7.20 Vật lí: 5.75 Hóa học: 8.50
VI THỊ KIỀU	08/08/1998	29008310	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN VĂN NHÂN	06/10/1999	29002861	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 3.20
LÊ THỊ THƯƠNG	17/09/1999	29020084	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.00
LO THANH TUYỀN	26/03/1999	29025799	Toán: 2.80 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 5.50 KHXH: 4 Tiếng Anh: 2.80
CẦM BÁ THỦY	01/01/1999	29014163	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 9.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN HÒE	25/02/1999	29016668	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.25 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.75 KHXH: 8.33 Tiếng Anh: 2.20
PHAN ANH TÚ	16/10/1999	29030884	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 1.80

NGUYỄN VĂN TÍNH	19/05/1999	29001681	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.40
LƯƠNG THỊ LỆ HIỀN	28/09/1999	29013954	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG	10/07/1999	29027858	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 8.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 6.75 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN ĐỨC MINH	04/02/1999	29016803	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ MAI	26/01/1999	29030092	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG BÉ THỦY	28/06/1999	29014164	Toán: 3.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ DUYÊN	10/09/1999	29028904	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.25 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ THÙY	06/04/1999	29016425	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.00
VÕ VĂN HUỲNH	21/11/1999	29029505	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 4.00
HỒ ANH TUẤN	27/02/1996	29024887	Toán: 6.20 Vật lí: 6.25 Hóa học: 3.25
NGÔ VĂN TỚI	24/11/1999	29015232	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ DUYÊN	06/01/1999	29009088	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN VĂN HIẾU	30/07/1999	29029909	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN HỮU TUẤN	25/08/1999	29027101	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN HỮU KHÁNH	10/01/1999	29023227	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.00
DƯƠNG LÂM UYÊN	26/02/1999	29026581	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 2.00 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 6.60
NGUYỄN QUANG CƯỜNG	20/11/1999	29001254	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 1.20

PHẠM KHÁNH LONG	16/08/1999	29025526	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.83 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.25 GDCD: 7.25 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	11/04/1999	29006611	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN TRUNG HIẾU	23/08/1999	29026102	Toán: 9.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 4.80
PHẠM HỮU HOÀNG	11/07/1999	29029939	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 1.20
VƯƠNG THỊ MAI LINH	08/11/1999	29009727	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 4.40
HOÀNG THỊ HÀ	25/11/1999	29007273	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 3.80
MAI THỊ CẨM TÚ	06/05/1999	29030881	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	16/08/1999	29005679	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 7.60
NGUYỄN VĂN PHÚ	02/09/1999	29022402	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 6.60
TRẦN THỊ NHỎ	06/10/1999	29006540	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.42 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN BÁ NAM	17/01/1999	29015885	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
LÊ VĂN VINH	07/10/1999	29005423	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN TRỌNG THÀNH	19/10/1999	29023337	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 5.80
PHAN THỊ QUYÊN	23/08/1999	29027560	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN ĐỨC BẮC	01/09/1999	29014889	Toán: 6.60 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN HÀM ĐẠT	20/04/1998	29001756	Toán: 8.60 Vật lí: 2.50 Hóa học: 9.75 Sinh học: 8.50 KHTN: 6.92
CAO THẾ ANH	19/03/1999	29013010	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50

HOÀNG THỊ THU TRANG	08/04/1999	29022551	Toán: 3.60 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.00 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 3.60
CAO VĂN THỊNH	16/01/1999	29015159	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.00
HỒ VĂN HẢI NAM	09/07/1999	29015041	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 3 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN HÀ SAN	08/01/1999	29025222	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 3.20
VIỀNG VĂN KIẾN	01/08/1999	29003432	Toán: 1.40 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.08 Tiếng Anh: 2.00
LÊ THỊ LAM	13/04/1999	29020324	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 7 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ HẰNG	12/11/1999	29009562	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ MINH NGỌC	14/09/1999	29025166	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 4.20
HOÀNG VĂN LINH	08/02/1999	29010927	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.17 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN ANH QUÂN	25/07/1998	29010164	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.50
NGUYỄN THỊ THẢO VY	12/11/1999	29024696	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.83 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN THỊ HUỆ	07/09/1999	29021090	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ BÍCH	09/04/1999	29010271	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 1.80
VI HỒNG QUÂN	01/06/1999	29008411	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.25 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN ĐỨC TUYÊN	28/09/1999	29007475	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 2.00
LÊ THỊ THẢO	05/01/1999	29016358	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ KIM OANH	06/02/1998	29011562	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.50 Tiếng Anh: 4.40

ĐINH THỊ DUNG	02/04/1999	29010301	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 8.40
TRẦN VĂN GIANG	04/04/1999	29021016	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.25 Sinh học: 6.00 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 4.00
TRỊNH THỊ LINH	25/02/1998	29029098	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 9.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.20
LÊ THỊ HẰNG	10/06/1999	29021717	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.20
BÙI TRƯỜNG MINH	13/07/1998	29026657	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 6.00
NGUYỄN THỊ HẢI AN	03/06/1999	29026714	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.40
HỒ BẢO NGỌC	13/10/1998	29026663	Ngữ văn: 5.25
CHU THỊ LINH	09/03/1999	29030033	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.00
PHAN DUY KIÊN	27/02/1999	29030023	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG THỊ NGÂN	12/02/1999	29006517	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 4.60
PHẠM THỊ TIẾN	02/07/1999	29016451	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 7.40
PHAN VĂN KHANG	01/06/1999	29030507	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 9.75 Sinh học: 9.00 KHTN: 8.83 Tiếng Anh: 5.00
TRẦN KHẮC HIẾU	15/04/1999	29009588	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 2.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN TRUNG LƯỢNG	14/08/1997	29017715	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.50
VI THỊ HÀ PHƯƠNG	15/09/1999	29020773	Toán: 1.80 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.25 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.00
VƯƠNG QUỐC BẢO	09/11/1999	29005495	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.25 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 5.20
HÀ ĐỨC NAM	19/04/1999	29012238	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.00 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 2.80

HÀ PHAN PHƯỚC HẠNH	20/02/1999	29025411	Toán: 4.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN THỊ LY	08/10/1999	29005135	Toán: 1.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	07/01/1999	29009972	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN HỮU TRANG	12/02/1997	29030801	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.20
LÊ THỊ THÚY YÊN	17/12/1999	29019116	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.25 GDCD: 8.25 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN ĐÔNG	18/07/1999	29013511	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
TRƯƠNG NHƯ QUYẾT	10/01/1997	29005454	Toán: 8.60 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.50 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN ĐỨC TUẤN	13/04/1999	29013428	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 2.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.00
LƯƠNG THU HÀ	19/08/1999	29014935	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 4.60
PHAN LONG NHẬT	19/05/1999	29015054	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.83 Tiếng Anh: 3.60
BÙI VĂN THƯƠNG	19/08/1999	29016988	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 6.60
NGUYỄN BÁ TUẤN	17/07/1999	29016517	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.75 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 2.60
HỒ TRUNG THẮNG	14/11/1999	29016380	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.20
PHAN THỊ KHÁNH CHI	25/10/1998	29021579	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.20
THÁI VĂN HƯNG	29/07/1999	29030498	Toán: 9.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 9.00 Hóa học: 9.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 7.67 Tiếng Anh: 3.60
HỒ THỊ NHƯ QUỲNH	21/03/1999	29004117	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.00 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 3.40
PHAN THỊ THÙY LINH	05/10/1999	29005118	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 1.80

HOÀNG THỊ NGHỊ	20/05/1999	29015906	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN NHO CHÂU	26/03/1998	29029741	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN LINH	22/02/1999	29011391	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.00
TRẦN THỊ HẢI LY	07/03/1999	29009200	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN CÔNG TRUNG	13/01/1999	29030854	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.60
LÔ ĐỨC DƯƠNG	02/09/1997	29014768	Toán: 3.20 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.25 Tiếng Anh: 5.80
LÊ THỊ HẬU	16/10/1998	29028389	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN LÊ QUỲNH NGÀ	05/05/1999	29002518	Toán: 8.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 8.00 Sinh học: 8.75 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 6.60
BÙI HẢI ÂU	18/12/1998	29004216	Toán: 5.60 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.25
LÊ THỊ DUNG	10/10/1999	29013901	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ HẠNH	07/11/1999	29008699	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.00
XEO THỊ CHON	10/07/1999	29008180	Toán: 1.80 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.17 Tiếng Anh: 2.20
NGÔ QUANG HÀ	19/07/1999	29005585	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 2.50 GDCD: 6.50 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 3.20
CAO THỊ ÁNH TUYẾT	23/07/1999	29011172	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 2.75 GDCD: 2.50 KHXH: 2.33 Tiếng Anh: 4.40
LÊ THỊ LAN ANH	05/03/1999	29014871	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.42 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 2.75 GDCD: 6.25 KHXH: 4.08 Tiếng Anh: 3.00
BÙI THỊ TRÀ MY	15/09/1999	29006504	Toán: 8.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 8.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 9.40
NGUYỄN VĂN CẢNH	17/08/1999	29019225	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN VIỆT TRÔNG	06/08/1999	29000872	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 8.60

TRẦN ĐĂNG MẬU	07/11/1999	29002009	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.58 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.20
PHẠM MỸ HÀ	25/09/1999	29027883	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.20
ĐINH KIÊN THÀNH	25/05/1999	29018908	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 4.00
HỒ LỆ THU	02/04/1998	29012419	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ HOA	11/04/1999	29001375	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.75 KHXH: 8.58 Tiếng Anh: 3.20
TRỊNH XUÂN TRIỆU	08/04/1999	29020504	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG MINH DUẤN	02/06/1999	29005978	Toán: 3.00 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.75
PHAN THỊ THIÊN MỸ	08/03/1999	29011419	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 2.50 GDCD: 2.50 KHXH: 2.25 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN VĂN TRUNG	26/08/1998	29019817	Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.50
LÊ TUẤN ANH	06/01/1999	29022171	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.00 Sinh học: 6.25 KHTN: 7.92 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ THÙY TRÍ	14/09/1998	29011127	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 5.75 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.80
LÀU BÁ TÔNG	15/11/1998	29020845	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 5.75 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 1.00
VƯƠNG THỊ VÂN	15/11/1999	29030930	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN BÁ TÀI	03/01/1998	29024860	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.25
NGUYỄN THỊ TỔ UYÊN	02/07/1999	29013440	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN NGỌC NAM	14/10/1997	29025294	Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 8.50
NGUYỄN BÁ HỒNG	27/11/1997	29017271	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.80
LƯƠNG NGỌC ĐẠT	01/02/1999	29018405	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 3.00

LÊ VĂN DUY	14/10/1999	29012684	Toán: 8.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 3.60
BÙI NAM DƯƠNG	19/05/1999	29024217	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 4.60
CAO THỊ THÁI	13/06/1999	29002931	Toán: 8.00 Ngữ văn: 8.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 8.20
MẠC THỊ MỸ DUNG	04/03/1999	29014330	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ THANH MAI	09/10/1999	29010958	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.08 Tiếng Anh: 2.00
LÊ VĂN SƠN	21/03/1999	29012900	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.00
LÊ VĂN TOÀN	02/07/1999	29016456	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ TRANG	05/02/1999	29016477	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN HÙNG	15/02/1999	29011348	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.40
LÊ THỊ OANH	23/09/1999	29007069	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN QUANG HUY	03/09/1999	29012775	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ THÙY	02/01/1999	29009284	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 3.20
LÊ THỊ AN LY	16/12/1999	29012829	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 7.40
NGUYỄN VĂN TÙY	08/08/1999	29028229	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.20
ĐOÀN THỊ NHUNG	07/10/1999	29006541	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN VĂN NGẠI	29/11/1999	29010558	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN ĐÌNH CHIẾN	16/01/1999	29009478	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.40

NGUYỄN THỊ XOAN	25/01/1999	29016569	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 3.50 GDCD: 6.50 KHXH: 3.92 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ HƯƠNG	26/03/1999	29021112	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ LAN	21/03/1999	29005090	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 3.40
LÊ XUÂN PHONG	20/11/1999	29019924	Toán: 1.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ THƠ	26/05/1999	29018951	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ QUYÊN	30/01/1999	29016910	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 3.80
PHẠM MINH CHIẾN	16/08/1998	29027203	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.60
VI THỊ HÒE	06/04/1999	29013565	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN BẢO NGỌC	24/11/1999	29026896	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.80
PHẠM VĂN TOÀN	20/07/1999	29022538	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 1.80
TRẦN THỊ MAI	27/02/1999	29005758	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.00
LƯU ĐÌNH CHIẾN	21/09/1999	29009080	Toán: 8.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN HỮU MẠNH	15/01/1999	29005760	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.75 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 5.40
TRẦN VĂN TÙNG	09/09/1999	29028775	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 3.20
CAO THỊ NGỌC	08/03/1999	29005799	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 4.00
LÊ THỊ HỒNG VÂN	12/11/1998	29004306	Toán: 8.20 Vật lí: 8.75 Tiếng Anh: 7.60
ĐẶNG THÁI HÙNG	19/08/1999	29026810	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 5 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 8.80
NGUYỄN THỊ NỮ	12/03/1996	29022131	Toán: 3.40

VÕ THỊ HUYỀN TRANG	20/02/1999	29028167	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.80
PHAN THỊ ĐIẾP	24/04/1999	29007583	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN VĂN MỸ	20/07/1999	29030560	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 3.60
LÊ VĂN SỸ	28/04/1999	29016316	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.80
NGÔ THỊ NGỌC	07/09/1999	29014072	Toán: 5.00 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.25 Tiếng Anh: 4.40
HỒ TRỌNG THẮNG	07/06/1999	29004639	Toán: 7.00 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HOAN	28/06/1999	29021782	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 9.00 GDCD: 9.00 KHXH: 8.75 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ MAI SƯƠNG	18/01/1999	29024016	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.58 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM THỊ HUYỀN	17/12/1999	29002419	Toán: 6.20 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 8.20
NGUYỄN TRỌNG HÙNG	15/11/1999	29002401	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.40
PHAN BÁ PHÚC	15/05/1999	29030600	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 4.60
ĐẶNG TRỌNG QUÂN	12/03/1999	29030612	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	19/07/1999	29011112	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 4.80
TRẦN NGUYỄN QUỲNH TRANG	18/02/1999	29027052	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 6.40
NGUYỄN VĂN PHÁP	04/09/1998	29002037	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 2.60
ĐẬU KHẮC HOÀNG	13/06/1999	29013159	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HIỀN	15/11/1999	29005630	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.25 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 3.40

ĐOÀN THỊ HẰNG	28/05/1999	29021036	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50 GD&CD: 7.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN GIA TÀI	13/09/1999	29025232	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 2.80
ĐẬU ĐỨC HẢO	10/09/1999	29016603	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 2.00
HOÀNG VIỆT DŨNG	30/11/1999	29025997	Toán: 9.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 8.00 Hóa học: 9.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 4.00
ĐẬU THANH HIỀN	15/06/1998	29025267	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.75 Tiếng Anh: 4.80
PHAN HỒNG NHUNG	09/10/1999	29026909	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.42 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GD&CD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ NHUNG	10/09/1999	29016218	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.75 GD&CD: 8.75 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN CÔNG TUẤN	07/10/1999	29003002	Toán: 4.60 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.67 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.25 GD&CD: 7.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	22/05/1999	29002915	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN VĂN KHÁNH	07/11/1999	29030510	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN BÁ ĐỨC	27/02/1998	29023451	Toán: 8.80 Vật lí: 8.25 Hóa học: 6.50
PHAN THỊ TRANG	27/03/1999	29030826	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.00 GD&CD: 6.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ NHỊ	06/02/1999	29001543	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.50 GD&CD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.20
HÀ VĂN HOÀNG	15/10/1999	29013562	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.50 GD&CD: 6.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ TUYẾT TRINH	01/02/1999	29020156	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.25 GD&CD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.00
ĐẬU HOÀI AN	12/06/1999	29027144	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.25 GD&CD: 6.00 KHXH: 4.08 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN HOÀN	25/08/1999	29011337	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.50 GD&CD: 9.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG THỊ ÁNH	05/05/1999	29029715	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GD&CD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.00

NGUYỄN VĂN THÔNG	01/11/1999	29002959	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 3.20
VƯƠNG THỊ NGỌC LINH	22/07/1999	29027965	Toán: 9.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 4.80
CHU MAI LINH	29/11/1999	29026232	Toán: 8.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 9.00
CHU VĂN NAM	15/07/1998	29001080	Toán: 5.60 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.25
NGUYỄN THỊ HẰNG	10/02/1999	29021720	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.40
ĐẶNG VĂN CƯỜNG	05/05/1999	29005974	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.25
CAO THỊ PHƯỚC	11/09/1999	29011756	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 5.40
VI THỊ THU	12/10/1999	29015181	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 9.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.40
ĐẶNG ĐÌNH NAM	28/05/1998	29019618	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.80
VŨ BÁ VẢ	13/06/1999	29008490	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.50 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN BẢO TRUNG	15/03/1999	29009337	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 3.00
DƯƠNG THỊ THỦY	18/06/1999	29020828	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 6.75 KHTN: 4.92 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 2.50 GDCD: 2.25 KHXH: 2.25 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN CẢNH LƯƠNG	10/05/1999	29000374	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN HÙNG MẠNH	21/09/1999	29021904	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.20
HỒ BÁ VIỆT	08/04/1999	29015347	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.20
HỒ THANH LÂM	24/05/1999	29014998	Toán: 8.00 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 2.40
PHẠM THỊ CÚC	10/07/1999	29003725	Toán: 6.20 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 6.20

LÊ NỮ XUÂN THIỀU	06/03/1999	29018175	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN HUY LƯƠNG	12/08/1999	29018035	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 4.20
NGÔ VĂN TIỆP	21/03/1998	29010798	Toán: 9.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.00
NGÔ MINH UY	28/01/1999	29006783	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 4.80
VŨ DUY TUẤN	19/06/1999	29004789	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 6.00 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 4.60
BÙI ĐỨC TÚ	14/11/1999	29002990	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.20
LÊ VĂN PHÚC	31/07/1999	29028596	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.60
PHAN VĂN HOÀI	01/05/1999	29029006	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ THÙY TRANG	02/02/1999	29027036	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 9.25 GDCD: 5.50 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN ĐÌNH LÂM	13/05/1999	29007000	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.40
TRỊNH THỊ CHÂU QUỲNH	02/02/1999	29017476	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN VĂN SINH	26/02/1998	29030621	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THANH TRUYỀN	15/10/1999	29014195	Toán: 2.80 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.20
LÊ ĐỨC TRUYỀN	02/03/1999	29017025	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.67 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG THỊ ÁNH	14/06/1999	29000042	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 9.25 GDCD: 8.75 KHXH: 8.58 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG VĂN HẢI	02/09/1999	29003114	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ LỘC	20/03/1999	29029534	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.00

NGUYỄN XUÂN BIÊN	28/02/1999	29028871	Toán: 2.60 Ngữ văn: 1.75 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.00 KHXH: 3.83 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN VĂN KHÁNH	27/05/1999	29014006	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN ĐÌNH PHONG	04/01/1999	29022936	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN KHẮC THẢO	06/09/1999	29003502	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	15/12/1999	29030206	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ KHUÊ	14/10/1999	29028487	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ XUÂN	07/01/1999	29015369	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.60
PHAN HỮU HỒNG	28/11/1999	29006958	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.00
HỒ HỮU TÚ	10/08/1999	29019050	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 4.80
LÀU BÁ HƯƠNG	12/07/1998	29008293	Toán: 2.60 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 2.75 GDCD: 3.00 KHXH: 2.67 Tiếng Anh: 4.40
VI THỊ YẾN NHI	19/11/1999	29003234	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ THUỶ DƯƠNG	21/11/1999	29023667	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3 Tiếng Anh: 5.00
TRẦN VĂN TOÀN	10/09/1999	29029624	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.80
ĐẬU ĐỨC PHÚC	14/04/1999	29016874	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 4 Tiếng Anh: 4.40
LÊ VĂN PHÚC	07/01/1999	29023289	Toán: 6.80 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.42 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.80
LƯƠNG VĂN QUYỀN	12/09/1998	29008565	Toán: 2.40 Ngữ văn: 1.75 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 3.25
LÊ THỊ HIỀN	02/06/1999	29016622	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 6.80

NGUYỄN THỊ KIM ANH	17/05/1999	29020934	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 2.75 GDCD: 5.50 KHXH: 3.58 Tiếng Anh: 1.60
TRƯƠNG THỊ NGÂN TRANG	02/06/1999	29012485	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 2.60
LƯƠNG XUÂN HIẾU	21/06/1999	29017238	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.80
THÁI THỊ THƯƠNG	11/04/1999	29017566	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.20
PHẠM TRỌNG TÙNG	29/11/1996	29027793	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 8.25
NGUYỄN THỊ HƯƠNG	03/02/1998	29023469	Toán: 7.60 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 7.08
HỒ THI MINH THÚY	16/08/1999	29016432	Toán: 7.20 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 9.50 GDCD: 7.25 KHXH: 8.33 Tiếng Anh: 4.00
LÊ QUANG LÂM	30/04/1999	29013196	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.80
VÕ VĂN CHIẾN	12/02/1999	29004346	Toán: 6.80 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 3.00
PHAN THẾ UY	11/08/1999	29007479	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.25 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN VĂN SINH	30/05/1998	29018698	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.00
LÊ VĂN THƯỜNG	22/02/1999	29007423	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 5.20
LÀU BÁ THÁI	13/07/1999	29008439	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.00 GDCD: 7.00 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ DƯƠNG	01/10/1999	29011619	Toán: 6.80 Ngữ văn: 8.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 6.25 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 5.00
LÊ VĂN QUÝ	12/10/1999	29023310	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.17 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ NGỌC ÁNH	19/10/1999	29009452	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 5.40
LÊ THỊ MẾN	30/04/1999	29000404	Toán: 6.60 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 8.80

NGUYỄN SỸ BẮC	02/08/1999	29021565	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.40
LỖ BÁ RỪA	09/11/1998	29008419	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ ANH	02/02/1999	29002200	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ XUÂN	02/12/1999	29022669	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 2.75 GDCD: 7.25 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN VĂN BẢO	02/09/1998	29023431	Toán: 7.40 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.75
LƯƠNG LÂM GIANG	04/06/1999	29013928	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN VĂN ANH TUẤN	24/11/1999	29018253	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 6.00
LÊ HẢI ÂU	26/10/1999	29006854	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 1.80
VI THANH NHÃ	09/04/1999	29020742	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.00
TRƯƠNG THỊ NHUNG	20/06/1999	29016221	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG THỊ GIANG	21/10/1999	29015536	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 4.20
MAI ANH ĐỨC	10/03/1999	29009527	Toán: 4.80 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ THANH	19/12/1999	29004162	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.40
HÀ THỊ OANH	06/12/1999	29012296	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.83 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.00
LÊ VĂN KHANG	13/06/1998	29001968	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 4.00
LỖ Y MAI	25/08/1999	29025132	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 2.40
LƯƠNG THỊ HỒNG VÂN	18/12/1999	29025820	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.00

HOÀNG NGỌC VIỆN	22/12/1999	29020876	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 3.83 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 4.00
HỒ THỊ THU TRÀ	09/04/1999	29011806	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 3.80
HỒ ANH TUẤN	27/12/1999	29012514	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ VÂN ANH	25/11/1999	29022696	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.20
PHAN THỊ TUYẾT MAI	05/05/1999	29016792	Toán: 8.60 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 5.20
HỒ ĐÌNH HÀO	10/03/1999	29009112	Toán: 8.60 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ MAI	02/09/1998	29015976	Toán: 7.60 Hóa học: 6.25 Sinh học: 8.25
ĐẶNG BÁ CHÂU	23/04/1999	29027840	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 4.00
THÁI THỊ KHUYÊN	14/11/1999	29005701	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN XUÂN VIỆT	02/03/1999	29009389	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 3 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN XUÂN SƠN	13/01/1999	29012356	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ THU	04/06/1999	29022482	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG NGUYỄN THỤC	22/10/1999	29016416	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 5.25 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 1.60
HỒ VĨNH TRÌNH	01/11/1998	29019169	Toán: 8.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.17
HÀ THỊ HẢI	14/04/1999	29003113	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.00
HỒ VIỆT AN	16/07/1999	29010034	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.75
NGUYỄN THỊ HỒNG NGÀ	15/01/1999	29030128	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.20
ĐẶNG VIỆT MẠO	15/12/1999	29000723	Toán: 9.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 5 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 7.20
NGÂN VĂN HÓA	26/01/1997	29013830	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.50

TRẦN XUÂN GIÁ	18/11/1999	29021681	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 9.25 GDCD: 8.75 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 1.60
NGUYỄN THỊ MƠ	29/07/1999	29017382	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 5.00
LÊ THỊ GIANG	09/11/1999	29003386	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 5.60
NGÔ TRÍ CƯỜNG	18/09/1999	29000073	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN HẢI NAM	24/08/1999	29026353	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM THỊ OANH	17/10/1999	29020400	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.17 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 4.20
CAO THỊ HUỆ	19/01/1999	29027338	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 5.20
TRƯƠNG XUÂN TRƯỜNG	26/07/1999	29028195	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN VĂN BÌNH MINH	28/08/1998	29010135	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 3.75
ĐẬU THỊ THANH MAI	26/04/1999	29026302	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.75 Sinh học: 6.50 KHTN: 8.33 Tiếng Anh: 7.20
ĐẶNG HOÀI LINH	10/11/1999	29019531	Toán: 2.80 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN VĂN TƯỜNG	21/01/1999	29011176	Toán: 4.80 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 4.40
LÔ VĂN THƯƠNG	26/01/1999	29014172	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.00
VƯƠNG ĐÌNH TUÂN	25/07/1999	29028207	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.50 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.00
LÊ VĂN HUY	08/06/1999	29006961	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ VÂN	04/08/1999	29030925	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THẾ ANH	29/10/1998	29027162	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.40

HỒ ANH THƠ	19/09/1999	29018949	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG MINH ĐĂNG	10/05/1999	29029806	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 7.60
HỒ THỊ HUYỀN	04/08/1999	29029028	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN CẢNH PHI	01/02/1999	29016235	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.60
VƯƠNG QUANG ĐỒNG	28/12/1999	29029814	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.00 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN BÁ HOÀNG PHÚC	21/07/1999	29018877	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THẾ PHIỆT	16/01/1999	29015061	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 3.20
NGÂN VĂN THIỆN	15/04/1999	29013742	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 3.60
PHAN THỊ DUNG	21/10/1999	29028322	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 7.00
TÔ THỊ PHƯƠNG VY	09/10/1999	29006818	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN ĐÌNH THỊNH	11/11/1999	29020039	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN CÔNG TÂN	06/11/1999	29002593	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.40
LƯƠNG THỊ MỸ	09/01/1999	29025149	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 3.40
THÁI ĐỨC MẠNH	27/09/1999	29029544	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN QUANG LINH	18/10/1999	29009706	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.60
LÊ THỊ NGÀ	15/01/1999	29008846	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.00 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.20
PHẠM THANH HUYỀN	20/11/1999	29002418	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 5.60

LÊ HỒ LONG	10/03/1999	29016773	Toán: 9.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 3.60
THÁI HOÀNG HẢI	03/07/1999	29024272	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 5.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 4.80
LÊ HOÀNG ÁNH	01/09/1999	29004327	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN HUY DŨNG	16/03/1999	29010313	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN MẠNH TÂM	20/04/1999	29024567	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.80
ĐẶNG THỊ THÙY LINH	08/06/1999	29012814	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 1.80
LÊ VĂN HÙNG	09/07/1999	29014971	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.08 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN HỮU SƠN	19/01/1996	29027740	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.50
PHAN THỊ TRÀ GIANG	22/07/1999	29017186	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.25 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.60
PHAN THỊ HUYỀN	30/08/1999	29027364	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.80
PHẠM VĂN THÀNH	28/01/1999	29009903	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 6 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VĂN HÒA	20/09/1999	29010890	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.17 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.00
ĐẶNG ĐÌNH HOÀNG	01/06/1999	29026799	Toán: 2.80 Ngữ văn: 2.75 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.92 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.25 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 1.80
TRẦN THỊ HẢI YẾN	06/08/1999	29023424	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.42 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 5.80
VÕ HUY HOÀNG	10/08/1999	29029014	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.20
LƯƠNG THỊ HIỀN	29/09/1999	29014421	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.60
ĐẬU VĂN ĐỨC	04/08/1998	29004228	Toán: 5.80 Vật lí: 3.25 Tiếng Anh: 4.00
HỒ THỊ TRÀ	27/05/1999	29007427	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 1.75 KHTN: 2.33 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.80

CAO PHI CƯỜNG	18/07/1999	29005517	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ LAN ANH	20/10/1999	29015412	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
NGÔ THỊ OANH	11/10/1999	29014094	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 4.60
DƯƠNG THỊ HỒNG NHUNG	15/05/1999	29025574	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ HÀ	01/03/1999	29001896	Toán: 4.40 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.92 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 7.20
NGUYỄN NỮ LINH CHI	17/07/1999	29019867	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 4.40
PHAN TUẤN HÙNG	08/11/1999	29023780	Toán: 5.40 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	21/01/1999	29010668	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 9.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.00
TRƯƠNG THỊ THÙY LINH	03/12/1999	29026278	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 9.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 8.40
NGUYỄN XUÂN VƯỢNG	26/02/1997	29013085	Toán: 5.40 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.50
ĐẶNG VĨ QUANG	15/11/1999	29016263	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ MƠ	28/11/1999	29002015	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.80
HỒ THỊ NHUNG	19/11/1999	29022926	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 2.75 GDCD: 2.25 KHXH: 2.42 Tiếng Anh: 4.20
ĐÀO THỊ PHƯƠNG	11/05/1999	29029566	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM THỊ HẬU	15/08/1999	29028968	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.25 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	13/02/1999	29015065	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 4.20
THÒ BẢ TỬA	23/09/1999	29020860	Toán: 3.00 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.25 GDCD: 6.50 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 3.00

PHAN THẾ HÙNG	02/09/1999	29013575	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.00
LO VĂN HUỖNH	10/09/1999	29014982	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 2.20
VÕ THỊ TRANG	12/04/1999	29002653	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.25 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ TRỌNG	06/08/1999	29003545	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 6.75 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VĂN QUANG	28/05/1999	29000491	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.75 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 2.20
LỮ THỊ GIANG TUYẾT	26/06/1999	29025802	Toán: 3.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.25 KHXH: 8 Tiếng Anh: 5.00
LÝ THỊ ÁNH	10/10/1999	29015418	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ TÌNH	15/12/1999	29006670	Toán: 7.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 7.40
HOÀNG THỊ UYÊN	29/09/1999	29016534	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.50 GDCD: 6.25 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 1.80
BÙI THỊ HẢO	31/10/1999	29005603	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN CÔNG HIỆP	24/01/1999	29027311	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 3.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN TRỌNG HOÀNG	27/06/1999	29001402	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.80
PHAN HOÀI LINH	23/03/1999	29023861	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 5.80
HOÀNG THÁI HÙNG	26/02/1999	29025057	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN THỊ KIM NHƯ	11/11/1999	29029168	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ THANH UYÊN	13/06/1999	29011185	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.20
LÊ CÔNG TRÂM	24/03/1999	29030840	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 8.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.80

HOÀNG THỊ HUYỀN	30/07/1999	29012104	Toán: 2.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG ANH QUÂN	23/09/1999	29011015	Toán: 8.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG VĂN ĐỨC	19/01/1999	29029817	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.80
VI THỊ HUYỀN	26/10/1999	29013579	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN CẢNH THÁI	22/04/1999	29000790	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.20
HỒ SỸ HOÀNG	13/09/1998	29006033	Toán: 3.80 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.20
PHẠM THÚY VÂN	25/10/1999	29028248	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.00 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ TÚ	04/02/1999	29021403	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ BÌNH MINH	30/01/1997	29015979	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.50 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN ÁNH TUYẾT	15/01/1999	29005401	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 4.80
LO VĂN NHẬT	03/09/1999	29015053	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 3.00
CAO THỊ NHUNG	14/11/1999	29008384	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.25 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 4.00
LÊ VIỆT NAM	10/10/1999	29026351	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.00
BÙI THỊ NGỌC	24/01/1999	29002852	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ LY	20/10/1999	29006490	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.5 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.60
PHẠM NGỌC NGHĨA	30/07/1999	29013252	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN CÔNG HẢI	02/06/1995	29027662	Toán: 7.80 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.50

TRẦN ĐỨC MINH	26/07/1999	29004021	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ LÝ	19/06/1998	29007032	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN MINH TRIẾT	13/08/1999	29030842	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG	12/08/1999	29026547	Toán: 9.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN QUANG	10/10/1999	29018884	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 1.60
NGÔ VĂN HOÀNG	13/08/1998	29013831	Toán: 1.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50
PHAN THỊ HẢO	19/08/1999	29002329	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 6.25 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 4.20
HỒ VĂN HOÀNG	14/10/1999	29016659	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ LINH	26/04/1999	29014542	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.80
TRỊNH XUÂN THÀNH	27/06/1999	29026502	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 4.40
PHẠM VĂN NAM	24/07/1999	29010551	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 8.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 1.80
HỒ THỊ THỦY	18/04/1999	29018960	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 7.60
NGUYỄN KHÁNH TOÀN	01/02/1999	29012460	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 2.25 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 4.20
ĐẶNG THỊ TRÂM	18/09/1999	29030838	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THÀNH ĐẠI	09/09/1999	29024985	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 3.40
HÀ THỊ HIỀN	14/11/1999	29003840	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN VĂN ĐỨC	19/01/1999	29019310	Toán: 2.20 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.80

NGUYỄN VĂN HIẾU	28/01/1999	29025044	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ XINH	01/12/1999	29030942	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.40
PHAN MINH QUYẾT	29/03/1999	29026473	Toán: 9.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 9.50 Sinh học: 8.25 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 3.80
BÙI ĐÌNH LỢI	13/09/1999	29012193	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ THU TRANG	10/12/1999	29013772	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.25 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ HẰNG	06/12/1999	29009568	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 5.40
HOÀNG ĐỨC MẠNH	17/11/1999	29024454	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN THỊ HẰNG	04/08/1999	29000180	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.00 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN THỊ THẢO	28/10/1999	29022434	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.83 Tiếng Anh: 3.20
TRƯƠNG CÔNG SÁNG	20/02/1999	29002061	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ LINH	06/11/1999	29021146	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.25 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN THỊ HUYỀN	04/09/1999	29001426	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 9.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM THỊ HUYỀN	17/07/1998	29012786	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.60
LÔ THỊ THỎA	05/04/1999	29013745	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.40
LÊ VĂN HIẾU	03/04/1995	29027668	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.75
NGUYỄN THƯƠNG MẾN	02/09/1999	29008096	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 2.92 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 5.50
TRƯƠNG THỊ DIỆP LINH	27/09/1999	29010941	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 8.40
LÊ VĂN HÒA	11/05/1997	29004238	Toán: 5.20 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.75

NGUYỄN THỊ HOA HIỀN	19/11/1999	29001354	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN VĂN TÚ	23/07/1998	29020516	Toán: 2.40 Ngữ văn: 2.25 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.08 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 3.25 GDCD: 6.25 KHXH: 3.92 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN VĂN NGUYỄN	25/09/1999	29028569	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 6.25 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 3.80
VÀ BÁ ĐÙA	17/06/1999	29020615	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 4.00 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ THU	15/08/1999	29005936	Toán: 5.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.60
ĐẶNG VĂN TRUNG	03/06/1999	29028751	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG THỊ PHÚC	10/11/1999	29017735	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.75
BÙI THỊ HOA	15/07/1998	29021755	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	01/03/1999	29027381	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	06/11/1999	29018664	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.75 GDCD: 7.25 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.60
TRƯƠNG THỊ HỒNG NGỌC	24/09/1999	29028007	Toán: 8.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 6.80
HOÀNG NGỌC LONG	15/01/1999	29015809	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN MAI PHƯƠNG NGỌC	20/01/1999	29006526	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 2.80
LÔ VĂN GIANG	10/03/1999	29013926	Toán: 2.40 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.25 KHXH: 4 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN HỮU ĐẠT	22/12/1999	29023149	Toán: 9.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 9.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 8.80
VÕ VĂN HÀ	13/03/1999	29002317	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 2.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN MẠNH	15/03/1999	29004523	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 7.00

TRẦN THỊ HÒE	02/06/1999	29005034	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ YẾN	26/02/1999	29022681	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ LINH ĐA	17/07/1999	29024984	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HUỖN	06/08/1999	29029981	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.20
PHẠM VĂN LƯU	24/08/1999	29027442	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN VĂN VIỆT	06/04/1999	29025826	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 2.00 GDCD: 5.00 KHXH: 3.33 Tiếng Anh: 1.60
NGÔ THỊ DUNG	07/06/1999	29012672	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.00
HÀ ĐÌNH TRỌNG	10/10/1999	29012598	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50
ĐOÀN THỊ HẰNG	30/01/1999	29016604	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 4.00
PHAN TUẤN ANH	27/06/1999	29013863	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ OANH	22/09/1999	29002551	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 3.00
LÊ HOÀNG LONG	27/11/1999	29020346	Toán: 9.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 9.25 Hóa học: 8.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 6.20
VÕ THỊ ÁNH	23/09/1999	29005959	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.00
VŨ THỊ UYỂN VY	19/12/1999	29024697	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.00
LÊ VĂN TRƯỜNG	17/08/1999	29002988	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.5 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN DUY LONG	29/09/1996	29021483	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.25
TẠ QUỐC BẢO	17/03/1999	29016584	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.42 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.40
BÙI THỊ KHÁNH HUỖN	06/01/1999	29000271	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 5.80

NGUYỄN THỊ LÝ	28/12/1994	29012574	Toán: 7.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 6.25
PHẠM THỊ THẢO	08/07/1999	29001633	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN VĂN VÕ	15/05/1999	29022663	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 3.00
LƯƠNG THỊ THƠM	23/03/1999	29013749	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ THẢO	10/01/1999	29003504	Toán: 8.20 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 8.50 Sinh học: 8.25 KHTN: 7.67 Tiếng Anh: 4.80
TẠ VĂN THẮNG	15/02/1999	29007409	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ DUNG	28/04/1999	29019262	Toán: 2.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 9.75 GDCD: 7.75 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ THƯƠNG	26/11/1999	29013381	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.17 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ VIÊN	24/04/1999	29007494	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.40
ĐINH XUÂN ĐẠI	12/05/1997	29021635	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.20
VƯƠNG THỊ THẨM	02/10/1998	29027620	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.00 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN TÀI LINH	23/08/1999	29030037	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.40
TRƯƠNG VĂN HOÀNG	04/05/1998	29012765	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 9.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.40
HOÀNG THỊ HIỀN	25/09/1999	29000186	Toán: 8.80 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 7.50 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 3.80
PHẠM THỊ NHUNG	01/04/1999	29012292	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN PHONG	10/02/1999	29000472	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 8.75 Sinh học: 7.50 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ TRANG	08/03/1999	29028156	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.25 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.80

HỒ THỊ TRANG	06/12/1999	29016468	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.40
NGÔ VĂN HƯNG	29/11/1999	29019489	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
ĐÀO THỊ QUỲNH	04/04/1999	29029210	Toán: 6.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.80
PHẠM THỊ QUỲNH ANH	24/08/1999	29022178	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 7.25 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 4.60
PHAN BÁ CHÂU	05/08/1999	29025940	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN ANH QUÂN	29/09/1999	29014712	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 1.60
BÙI THỊ LAN	04/04/1999	29003955	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 3.20
CAO THỊ TÚ	26/08/1999	29025777	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 5.40
TẶNG NGỌC SANG	04/05/1996	29010170	Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.75
TRỊNH THỊ THƯƠNG	16/06/1999	29006649	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ TRÂM ANH	10/02/1999	29003694	Toán: 6.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 6.20
TRẦN VĂN LÂM	20/07/1999	29017699	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25
VŨ ANH PHƯƠNG	10/08/1999	29023298	Toán: 8.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ THU	11/06/1999	29025692	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.60
VÕ THỊ MỸ PHƯƠNG	13/08/1998	29010781	Toán: 7.20 Hóa học: 7.50 Sinh học: 6.50
VI THỊ NHUNG	17/08/1999	29014678	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 5.75 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 2.00
PHAN VĂN NAM	30/01/1999	29004538	Toán: 7.00 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 2.60

VÕ THỊ HẠNH	20/09/1999	29022783	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 6.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN ĐỨC THẮNG	12/12/1998	29007758	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 6.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN VĂN PHÚC	10/01/1999	29003476	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.83 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.80
HOÀNG PHÚC CƯỜNG	08/02/1998	29010289	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN THỊ BÌNH	06/07/1999	29027190	Toán: 4.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.00 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN TUẤN ANH	19/11/1999	29000031	Toán: 8.00 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 3.40
PHAN THỊ PHƯƠNG THẢO	02/02/1999	29026972	Toán: 8.80 Ngữ văn: 8.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 2.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.08 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 9.60
CHU TRUNG NAM	06/01/1999	29019617	Toán: 5.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG MINH	06/05/1999	29030557	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN MINH QUANG	01/03/1999	29008893	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.25 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 1.80
TRẦN QUANG HUY	03/11/1999	29013178	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 2.20
HOÀNG VĂN LINH	20/02/1999	29006462	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.5 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN GIA THÔNG	15/02/1999	29022999	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.00
TẶNG THỊ TUYẾT	08/08/1999	29005402	Toán: 4.80 Ngữ văn: 8.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN VĂN TUẤN	21/09/1999	29002670	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN NGỌC ANH	03/04/1999	29001217	Toán: 5.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 6.40
PHAN THỊ LY	03/02/1999	29030544	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.40

LÊ THỊ XOAN	16/12/1999	29020220	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 5.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 1.60
ĐẬU MINH HUY	29/07/1999	29016683	Toán: 6.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.08 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 9.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 5.80
HOÀNG PHÚC YÊN	01/03/1999	29028267	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.58 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.50 GDCD: 5.25 KHXH: 4.08 Tiếng Anh: 3.20
NGÔ QUANG DƯƠNG	10/05/1999	29017151	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ VY	30/08/1999	29012546	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN QUỐC PHÁP	15/02/1999	29003471	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HÀ GIANG	09/11/1999	29009540	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ TÚ UYÊN	04/10/1999	29020207	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.60
CAO VĂN CHIẾN	10/01/1998	29017121	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.00
HỒ ANH MINH	19/08/1997	29024811	Toán: 3.40 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00
TRƯƠNG THỊ HUYỀN	21/04/1999	29020315	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 2.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 2.83 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.75 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN ĐỨC THẮNG	28/01/1997	29024867	Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.50
ĐẬU QUANG THÁI	20/06/1999	29018152	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 8.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 4.20
PHẠM VĂN DANH	26/06/1999	29021599	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG DUY SANG	15/12/1999	29010622	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN ĐÌNH KHUÊ	12/10/1999	29011682	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 4.80
TRẦN THỊ THÙY	08/03/1999	29010686	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN HỮU TÍNH	25/01/1999	29004694	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.20

NGUYỄN VĨNH ĐẠT	22/10/1999	29029804	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN DUY BẢO	21/07/1999	29021561	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN BÁ PHÚC	20/09/1998	29010601	Toán: 2.80 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 5.25 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.60
BÙI VĂN LÀNH	11/03/1999	29015758	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.20
ĐINH BẠT CHƯƠNG	01/06/1998	29008047	Toán: 8.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.00
NGUYỄN MINH HOÀNG	22/12/1997	29003144	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ THÚY	23/04/1999	29012938	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.25 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.80
BÙI THỊ NGUYỆT	18/01/1999	29004053	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HẠNH	16/02/1999	29021708	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 5.60
HOÀNG THỊ ÁNH	06/11/1999	29018727	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN ĐỨC HÙNG	04/03/1998	29013169	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.00
HỒ THỊ HÀ	21/04/1999	29017894	Toán: 6.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 3.00
PHAN THỊ HOÀI	19/12/1999	29002385	Toán: 4.20 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 6.20
PHAN THỊ HIỀN	07/06/1999	29015602	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN NGHĨA	10/08/1999	29013250	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4 Tiếng Anh: 3.80
VÕ THỊ KHÁNH HẠ	17/06/1999	29000671	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.00
CAO THỊ THÚY NGÀ	14/01/1998	29005780	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 4.75 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.80

NGUYỄN MẠNH TUẤN	20/03/1999	29017040	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 4.60
HOÀNG THỊ THUỶ	05/01/1999	29015185	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.50 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.80
ĐẬU ĐỨC QUÂN	04/01/1999	29016267	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.00
LÊ VĂN CHUNG	07/01/1999	29001247	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VĂN QUÂN	20/01/1999	29019786	Toán: 1.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25
VI VĂN LÂM	17/01/1999	29013606	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ TRÀ	08/12/1999	29028727	Toán: 7.80 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 8.25 Sinh học: 9.25 KHTN: 7.83 Tiếng Anh: 5.20
ĐƯỜNG THỊ HẢI YẾN	05/03/1999	29010029	Toán: 9.00 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 9.60
NGUYỄN THỊ ÁNH	08/11/1999	29012638	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC	22/11/1999	29012264	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 2.00
ĐẶNG THỊ THÂN	20/09/1999	29029271	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.25 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 5.60
BÙI THỊ QUỲNH DUNG	04/11/1999	29003734	Toán: 6.80 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 6.40
NGUYỄN NGỌC AN	02/04/1999	29014269	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	27/03/1999	29002941	Toán: 6.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 3.20
PHAN THỊ NHUNG	22/03/1999	29022930	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.25 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ LAM	14/02/1999	29005706	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 5.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	06/04/1999	29027042	Toán: 7.80 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 9.20

HOÀNG THỊ THẢO HIỀN	27/11/1999	29026087	Toán: 9.80 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 9.00 Hóa học: 9.50 Sinh học: 8.50 KHTN: 9 Tiếng Anh: 8.60
TRẦN THỊ MAI	02/09/1999	29016794	Toán: 8.60 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 8.25 Sinh học: 7.00 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN HỮU TRÍ	08/01/1999	29013399	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Pháp: 1.60
THÁI BÁ SANG	21/05/1999	29025615	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.00 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN ĐÌNH HOAN	21/05/1999	29017259	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 2.40
VY THỊ MINH Tú	14/09/1999	29015309	Toán: 7.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 8.20
BÙI NGỌC BÍCH	18/05/1999	29022198	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 7.75 Sinh học: 6.50 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ HỒNG	13/12/1999	29001412	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.80
LÊ NGỌC PHƯỚC	24/08/1999	29026915	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.5 Tiếng Pháp: 2.20
TRẦN QUỐC CHUNG	03/10/1999	29021588	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.00 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN TRUNG HOA	22/03/1999	29029914	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.80
HOÀNG TIẾN ĐẠT	10/10/1998	29001754	Toán: 7.20 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 6
NGUYỄN THỊ HOA	16/11/1999	29022807	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN VĂN HỒNG	07/09/1999	29011663	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ THU UYÊN	27/10/1999	29028236	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 5.40
DƯƠNG THỊ KHÁNH	04/01/1999	29002438	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ HUYỀN	12/09/1999	29007892	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 4.20

NGUYỄN HỒNG PHƯƠNG THẢO	19/05/1999	29012915	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ HỒNG THẨM	05/05/1999	29016372	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 5.20
CAO THỊ NGÀ	08/09/1999	29029137	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 9.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 7.60
TRỊNH MAI TRANG	27/10/1999	29019018	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 2.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 6.50 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.20
HỒ TRỌNG NAM	01/04/1999	29016810	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 4.20
HOÀNG THỊ HUYỀN	13/11/1999	29012103	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 6.25 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.40
VŨ THỊ THÙY	11/10/1999	29005942	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.80
HÀ THỊ TRÂM	03/02/1999	29013398	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.67 Tiếng Pháp: 3.00
TRẦN THỊ UYÊN	05/01/1999	29030920	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.00
MAI THỊ HUYỀN	15/09/1999	29016699	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 5.20
THÁI THỊ NGỌC TRÂM	12/01/1999	29002138	Toán: 7.40 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 4.40
HỒ HỮU THẮNG	04/12/1999	29016957	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 5.40
HOÀNG VĂN TIẾN	18/04/1999	29018986	Toán: 1.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN ĐÌNH SÁNG	22/01/1999	29014124	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 9.25 Hóa học: 8.50 Sinh học: 6.50 KHTN: 8.08 Tiếng Anh: 4.00
VANG NGỌC NGUYỄN	09/08/1999	29014079	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 3.60
VŨ THỊ DUNG	12/04/1999	29012676	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN THỊ TRANG	02/02/1999	29016476	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 4.40

PHẠM HỮU CÔNG	19/07/1999	29016107	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 4.60
HÀ THỊ THANH	07/05/1999	29022072	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG THỊ VÂN ANH	15/10/1999	29000016	Toán: 9.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 9.40
NGUYỄN VĂN THÁI	16/04/1999	29009895	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.00
HỒ THỊ PHƯƠNG	02/11/1999	29016249	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN QUỐC HOÀN	10/12/1973	29008071	Toán: 2.40 Ngữ văn: 1.25 Vật lí: 2.50 Hóa học: 1.00 Sinh học: 2.00 KHTN: 1.83 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 3.50
NGUYỄN ĐÌNH SƠN	12/02/1999	29005882	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN TRẦN THÚY HẠNH	21/02/1999	29023169	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 8.00
VÕ ĐÌNH TUẤN	18/02/1999	29028772	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 6.80
NGUYỄN THỊ KIM DUNG	13/12/1999	29003073	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 5.60
TRẦN VĂN ĐIỂN	09/10/1999	29028340	Toán: 7.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 2.00
HOA THỊ MAI ANH	16/09/1999	29025865	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.50 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	12/01/1999	29014900	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 6.00
VÕ THỊ HƯƠNG	28/12/1999	29010909	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 7.20
CAO XUÂN HIẾU	05/07/1999	29017235	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.00
BÙI THỊ TRANG	06/07/1999	29022545	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ PHƯƠNG LINH	10/05/1999	29003446	Toán: 6.80 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 8.00

TRẦN XUÂN PHƯƠNG	13/04/1998	29007724	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN THỊ QUẾ	02/08/1994	29028827	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.75 Tiếng Anh: 7.00
NGUYỄN THỊ TRÀ LINH	24/03/1999	29002465	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 3 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ HƯƠNG	08/06/1999	29029999	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG THỊ BÍCH TRÂM	01/11/1999	29016488	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.00 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN BÁ ĐẠT	11/03/1999	29018758	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.92 Tiếng Pháp: 2.20
ĐÀO THỊ TÂM	24/11/1999	29027595	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN NGUYỄN THẢO NGUYỄN	06/11/1999	29029555	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 6.50 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 3.20
TẶNG THỊ BẢO CHÂU	06/10/1998	29028812	Toán: 8.20 Vật lí: 7.75 Hóa học: 6.75
THÁI THỊ KIỀU ANH	05/10/1999	29005480	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ NGÂN	01/01/1999	29009221	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.20
LÊ HÀ DANH	08/10/1999	29006288	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 7.60
TRẦN THỌ TUẤN	15/03/1999	29028224	Toán: 8.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN ANH NGỌC	20/07/1998	29010767	Toán: 6.80 Hóa học: 8.25 Sinh học: 7.75
HỒ THỊ THANH	04/08/1999	29006169	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.75
LƯƠNG VĂN HƯƠNG	17/10/1997	29021477	Toán: 2.80 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.75
PHẠM TRUNG KIÊN	06/03/1999	29023831	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ NHƯ	24/08/1999	29028585	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 5.00

NGUYỄN ANH TUẤN	18/10/1999	29027099	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VĂN TUẤN	22/08/1999	29002671	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.75 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 3.20
TÔ TUẤN ANH	19/03/1999	29017097	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG XUÂN HÙNG	10/08/1999	29012090	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THÀNH LUÂN	18/04/1998	29010753	Toán: 6.80 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.00
HỒ THỊ HỒNG LAM	01/12/1998	29010115	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.50 Tiếng Anh: 3.60
VĂN HUY PHƯỚC	09/07/1999	29016242	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH	15/07/1999	29000157	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 6.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.60
NGÔ THỊ THU ANH	15/09/1999	29018722	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Pháp: 2.60
NGUYỄN THỊ ÁNH	16/12/1999	29011914	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.20
ĐẶNG VĂN LỢI	12/12/1999	29027436	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM XUÂN HÙNG	11/01/1998	29030320	Toán: 8.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.00
NGUYỄN CHÍ HIẾU	17/12/1999	29030462	Toán: 7.40 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ THƠ	12/07/1999	29020046	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN VĂN CHUNG	25/02/1999	29000070	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 7.00
NGUYỄN QUANG MINH	19/05/1999	29026326	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 6.20
BÙI ĐỨC THU	06/02/1999	29000822	Toán: 8.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 4.00

PHẠM THỊ HẢI YẾN	02/04/1999	29011231	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 8.25 Sinh học: 8.50 KHTN: 7.75 Tiếng Anh: 4.40
QUAN THỊ KHÁNH HUYỀN	12/05/1998	29024355	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.80
ĐẬU THỊ HÀ	07/02/1999	29006336	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 7.75 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ THANH	10/07/1999	29002934	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN VĂN NHẬT	21/10/1999	29025177	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 1.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 7.80
LƯƠNG VĂN THÙY	11/03/1999	29020827	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.00
LƯƠNG THỊ MINH THU	16/09/1999	29014169	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.25 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 4.00
ĐẶNG ĐỨC NAM	15/10/1999	29000414	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN VĂN LINH	13/02/1999	29017350	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ THU	14/10/1999	29028696	Toán: 7.40 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 7.80
NGUYỄN ĐỨC ANH QUÂN	30/11/1999	29016272	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 6.50 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN VĂN VƯƠNG	05/12/1999	29007817	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.50 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.00
HỒ THỊ HOÈ	08/02/2000	29026808	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.5 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN HỒNG MINH	15/09/1998	29001076	Toán: 3.20 Ngữ văn: 2.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 1.75 KHTN: 2.5 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.25
NGUYỄN DUY CẦU	27/06/1999	29011592	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 4.40
PHAN THỊ HÀ SANG	06/10/1999	29009866	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 7.60
NGUYỄN VĂN BẢO	27/04/1999	29000049	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 2.80

NGUYỄN THỊ NGÀ	01/02/1999	29009213	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 5 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN VĂN THẾ	16/07/1999	29013069	Toán: 3.00 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50
TRẦN THỊ NGHĨA	12/08/1999	29013659	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ MAI UYÊN	12/02/1999	29027114	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.67 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ TRÒN	06/01/1999	29017021	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 7.00 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 3.60
PHAN THỊ HOÀI THƯƠNG	05/12/1999	29008983	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN LÂM	18/11/1999	29010923	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 6.00 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN ĐỨC LINH	13/05/1998	29019737	Toán: 1.00 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 5.25 KHXH: 3.92 Tiếng Anh: 2.60
LƯƠNG VĂN HUỖNH	23/05/1999	29021827	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THẾ HƯNG	26/09/1999	29005682	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ THU HOÀI	12/04/1999	29024317	Toán: 8.00 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 9.20
NGUYỄN THỊ HÀ THU	25/01/1999	29000823	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 7.50 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ HOÀI THƯƠNG	29/01/1999	29018982	Toán: 2.40 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 2.75 GDCD: 5.25 KHXH: 3.42 Tiếng Anh: 3.60
ĐẶNG VĂN CỐ	08/08/1999	29005514	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.75 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.80
LÔ HỒ ANH DŨNG	09/05/1999	29020600	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.17 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.80
XÔNG Y DƯƠNG	23/03/1999	29024982	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 8.50 Sinh học: 7.75 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN HỮU TÀI	09/03/1997	29010179	Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75
ĐÀO THẾ KIÊN	18/11/1999	29029517	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 5.40

PHẠM BÁ CƯỜNG	13/05/1999	29020973	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 2.80
LÊ SỸ THƯỜNG	10/07/1998	29016027	Toán: 5.40 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG VĂN CƯỜNG	21/07/1997	29000954	Toán: 5.80 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.75
NGUYỄN THỊ MAI TRANG	25/04/1999	29028154	Toán: 4.20 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NHI	01/12/1999	29018637	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 4.80
HOÀNG NGỌC AN	01/06/1999	29018336	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 9.50 GDCD: 8.75 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 3.20
PHAN THỊ HIỀN	31/05/1999	29024295	Toán: 8.40 Ngữ văn: 9.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 10.00
NGÔ THỊ CHI	23/08/1999	29011938	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.33 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.40
LỘC THỊ SEN	27/06/1999	29003271	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM THỊ HẬU	26/06/1999	29017221	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.40
VŨ VĂN SƠN	24/05/1998	29018706	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG THỊ THANH HẰNG	05/01/1999	29028951	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN VĂN HIẾU	17/11/1999	29006940	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN VĂN KHANH	11/08/1999	29020670	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.60
NGHIÊM TRANG NHÃ	10/03/1999	29007363	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.75 Sinh học: 7.50 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 6.20
LÔ THỊ HỒNG	19/01/1999	29013568	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VĂN HÙNG	09/02/1999	29029968	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 4.00

TRẦN THỊ KIM	20/11/1999	29003433	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 3 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.25 GD&CD: 7.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.00
LÔ QUANG DẦN	18/01/1999	29025369	Toán: 2.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 9.00 GD&CD: 7.75 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN QUANG	12/06/1999	29010609	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GD&CD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ THU	31/03/1997	29007144	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.25 GD&CD: 6.50 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 2.20
PHẠM THỊ HƯƠNG HUYỀN	28/01/1999	29009660	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.25 KHTN: 2.92 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 2.75 GD&CD: 8.25 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	16/08/1999	29003251	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GD&CD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ SIM	02/08/1999	29029218	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GD&CD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.80
CAO ĐÌNH DƯƠNG	26/03/1999	29030412	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ THU HIỀN	26/04/1999	29012048	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.50 GD&CD: 7.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.60
LÊ ĐỨC HÒA	09/10/1999	29001928	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN HỮU ĐẠT	26/05/1999	29024989	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 1.80
PHẠM NGUYỄN HOÀNG LONG	20/11/1999	29015812	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GD&CD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.80
LÊ HỒ ĐẠT	06/03/1999	29013504	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN KHANG	09/01/1999	29018529	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.25 GD&CD: 7.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.20
NGÔ VĂN TUẤN	05/07/1999	29019059	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 3.80
HỒ XUÂN TÙNG	22/06/1999	29017046	Toán: 3.20 Ngữ văn: 2.75 Vật lí: 1.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.58 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GD&CD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THẢO ANH	05/07/1999	29025870	Toán: 7.60 Ngữ văn: 9.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GD&CD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 9.60

LÊ THỊ THẨM XOAN	31/03/1999	29009399	Toán: 3.60 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 9.50 GDCD: 8.00 KHXH: 8.83 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VIỆT HIẾU	24/05/1999	29024310	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.42 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 7.60
TRẦN ĐỨC LỰC	30/08/1999	29000373	Toán: 9.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 9.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN VĂN ĐÔ	10/06/1999	29004948	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN KHẮC THI	01/01/1999	29029273	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.50 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 4.20
PHAN TRỌNG HÙNG	06/03/1999	29009149	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 4.40
LÊ THỊ THÙY GIANG	18/05/1998	29015933	Toán: 5.60 Hóa học: 4.75 Sinh học: 6.50
LÊ THỊ VÂN	04/12/1999	29017058	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 8.20
NGUYỄN VĂN THANH	07/12/1999	29020006	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN MẠNH HÙNG	18/06/1999	29019451	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.20
LÊ KIM CHI	16/05/1999	29020961	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.00
LÔ THỊ HỒNG	25/04/1999	29019431	Toán: 4.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.60
VI VĂN ĐÀM	08/06/1999	29013501	Toán: 1.60 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM THỊ NGUYỆT	10/09/1999	29004055	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.00 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	25/09/1999	29024353	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 6.60
LÊ QUANG ANH	23/10/1999	29019851	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 9.75 Hóa học: 9.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 8.25 Tiếng Anh: 9.20
TRẦN THỊ TRANG	15/02/1999	29001699	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 4.40

TRẦN ANH DŨNG	11/01/1998	29022102	Toán: 8.40 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 6.08
ĐÀM THỊ NGỌC SƯƠNG	20/10/1999	29017488	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.60
TRƯƠNG THỊ KIM QUỲNH	05/09/1999	29005251	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 7.20
PỊT VĂN THAY	20/04/1998	29008446	Toán: 1.60 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.75 GDCD: 3.50 KHXH: 3.58 Tiếng Anh: 2.60
HOÀNG LÊ HỒNG MINH	17/06/1999	29023891	Toán: 7.80 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 4 Tiếng Anh: 7.00
PHẠM VĂN THẮNG	02/01/1999	29021321	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 6.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN TRỌNG LÊ	05/09/1999	29014523	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.80
HỒ VĂN THỊNH	02/01/1998	29030350	Toán: 6.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.50
DƯƠNG VĂN NHÂN	11/04/1999	29004058	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.20
ĐẶNG THỊ MINH ÁNH	08/03/1999	29026729	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.67 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 6.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN VĂN TRIỀU	06/08/1999	29012491	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.58 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN HOÀNG BẰNG	02/12/1997	29029728	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.00
LƯƠNG THỊ VIỆN	24/04/1999	29025824	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ NGÀ	25/09/1999	29016824	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 8.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 3.00
HÀ THỊ YẾN	01/05/1999	29006246	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75
NGUYỄN THỊ NGỌC TRÂM	20/03/1999	29006709	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN QUANG TRƯỜNG	20/04/1999	29017790	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.00
LÊ THỊ THÙY	02/10/1999	29020065	Toán: 8.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 7.80

NGUYỄN THỊ HIỀN	15/07/1999	29011653	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.60
DOÃN MẠNH HÙNG	02/01/1999	29027339	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN VĂN TRUNG	04/01/1999	29028184	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ SEN	03/08/1999	29013707	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.75 GDCD: 9.50 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 3.80
LÔ THỊ MỸ HÀ	03/12/1999	29020626	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.25 GDCD: 5.75 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN ĐỨC THANH	23/12/1998	29029241	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN VĂN ĐỨC	04/01/1999	29003100	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 1.80
TRẦN THỊ CÁT TƯỜNG	11/04/1999	29026579	Toán: 9.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 4.60
LÊ TIẾN QUANG	25/06/1998	29016895	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN ĐĂNG THỎA	28/08/1999	29009282	Toán: 9.20 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 2.80
LỮ THỊ CHI	24/02/1999	29014310	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 4.80
LANG TÂN GIA	16/06/1999	29013925	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ THANH	29/09/1999	29028651	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.40
QUÁN THỊ QUỲNH	22/05/1999	29014731	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.25 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN QUANG HUY	29/09/1999	29002409	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN DŨNG	22/05/1999	29029782	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN HOÀNG	15/05/1998	29029937	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.20

ĐẶNG THỊ THANH THẢO	21/10/1999	29006610	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 5.00
CỤT THỊ EN	16/04/1999	29008243	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 1.80
PHAN QUANG HOÀN	20/07/1995	29029360	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 6.50
ĐÀO XUÂN LẬP	02/10/1999	29021131	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.60
PHẠM HỒNG SƠN	10/07/1999	29005261	Toán: 8.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN NHƯ NHẬT	08/02/1996	29019763	Toán: 9.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.75
LÊ THỊ HẠNH NGÂN	09/07/1999	29009219	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 4.40
ĐẶNG VĂN QUỐC BẢO	25/05/1999	29028869	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN ĐẠI NGHĨA	20/02/1999	29018074	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.17 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.60
LƯƠNG THỊ CHIẾN	02/10/1999	29008176	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.67 Tiếng Anh: 2.60
DOÃN THỊ MỸ DUYÊN	20/12/1999	29010318	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.60
QUANG THỊ TRANG	12/05/1999	29003342	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN LỢI	02/08/1999	29012196	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.67 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.80
LÊ THỊ HUYỀN TRANG	25/04/1999	29023037	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG VIỆT ANH ĐỨC	20/02/1999	29028920	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.80
CAO VĂN NAM	11/02/1999	29011718	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 2.60
NGÔ XUÂN THỰC	05/01/1999	29007148	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.60

LÊ THANH TÙNG	15/07/1999	29000611	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.75 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN ANH QUÂN	14/09/1999	29016271	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN BÌNH	15/11/1999	29009469	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ YẾN	20/12/1999	29030964	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.58 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.00 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ LÊ NA	30/10/1998	29005771	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG	08/07/1999	29022560	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 4.60
BÙI THỊ THUỶ	28/02/1999	29020061	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG THỊ HOÀI	04/10/1999	29014450	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.00
HỒ THỊ TÚ QUỲNH	30/04/1999	29026474	Toán: 6.80 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 9.60
LÔ THỊ HOÀI THƯƠNG	27/09/1999	29014171	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM THÙY DUNG	26/08/1999	29020980	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 2.40
LÊ VIỆT CHI	13/07/1999	29004341	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.67 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.40
PHẠM HỒNG NAM	28/05/1999	29007935	Toán: 5.80 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 4.92 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN VIỆT DŨNG	22/04/1999	29003367	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.25 Tiếng Anh: 2.80
LÊ THỊ UYÊN	20/11/1999	29019090	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.00
MOONG VĂN HIỆP	30/01/1999	29025433	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 7.50 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 2.60
LÊ THỊ VÂN ANH	15/05/1999	29002194	Toán: 3.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.40

CHU THỊ THẢO	19/09/1999	29016352	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GD&CD: 8.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.80
LỖ BẢ HÙNG	22/11/1998	29008547	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN VĂN DŨNG	09/09/1999	29007830	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.08 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.00 GD&CD: 6.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN XUÂN TRƯỜNG	15/12/1999	29024112	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 9.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 8.80
PHẠM THỊ LƯƠNG	16/02/1999	29014563	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.25 GD&CD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 5.20
ĐẬU THỊ THÙY	15/02/1999	29012421	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GD&CD: 8.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.40
TRƯƠNG THỊ BÍCH	16/11/1997	29015913	Toán: 7.80 Hóa học: 7.25 Sinh học: 7.25
LÊ THỊ LOAN	23/02/1999	29030056	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.25 GD&CD: 8.25 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 3.40
ĐOÀN TRÚC QUỲNH	07/11/1999	29013316	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.33 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.75 GD&CD: 7.50 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.60
CAO THỊ HỒNG	01/12/1999	29006037	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25
VI THỊ MINH ANH	03/08/1999	29012629	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GD&CD: 7.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN ĐÌNH KỶ	27/10/1999	29030026	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 3.00 GD&CD: 2.75 KHXH: 2.5 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ NHẬT HẠ	24/07/1999	29013123	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 7.20
TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO	05/01/1999	29000804	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.92 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.75 GD&CD: 8.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 9.20
NGUYỄN THỊ HUỆ	12/06/1999	29009628	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 8.00 Sinh học: 7.75 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN ĐÌNH NAM	18/03/1997	29003646	Toán: 7.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.75
ĐẶNG PHƯƠNG THẢO	07/06/1999	29004632	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.33 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GD&CD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.40
NGÔ VĂN QUYẾT	26/07/1998	29007096	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.75 GD&CD: 8.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.20
LÊ THỊ HOA	04/08/1999	29015621	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.00 GD&CD: 6.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.20

NGUYỄN SỸ LỘC	02/01/1998	29003642	Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50
NGUYỄN CÔNG VƯƠNG	16/07/1999	29003022	Toán: 7.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 7.80
NGUYỄN THỊ HUYỀN	19/04/1999	29018517	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ AN	04/11/1999	29000006	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	07/04/1999	29007600	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN DŨNG	16/01/1998	29013023	Toán: 7.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 9.00
NGUYỄN PHAN TRÂM ANH	25/08/1999	29009427	Toán: 8.40 Ngữ văn: 8.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 6.25 KHTN: 7 Tiếng Anh: 9.80
VÕ THỊ NHẬT	27/05/1999	29019894	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.00
VI THỊ TRANG	01/02/1999	29008471	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN ANH ĐỨC	12/07/1999	29019304	Toán: 1.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 1.40
NGUYỄN THỊ VÂN ANH	24/07/1999	29000030	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN VĂN LINH	29/05/1998	29019736	Toán: 9.20 Hóa học: 9.25 Sinh học: 9.00
NGUYỄN TRỌNG PHÁT	01/11/1998	29030187	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN VĂN LỘC	19/02/1999	29002836	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.33 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 5.00
HỒ THỊ LỘC	15/03/1999	29016779	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 5.20
LÊ THỊ HUYỀN	06/07/1999	29028458	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.40
LÊ TIẾN CƯỜNG	07/10/1998	29015465	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 4.00

NGUYỄN THỊ THẢO	29/03/1999	29004173	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.40
ĐINH THỊ TRÀ MY	25/01/1999	29021187	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.80
CAO THỊ CHI	10/08/1999	29019228	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 4.00
BÙI THỊ NGÀ	14/10/1999	29016821	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 7.67 Tiếng Anh: 3.80
THÁI VŨ NGỌC HUYỀN	21/07/1999	29006414	Toán: 7.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM VĂN THẮNG	19/12/1999	29024056	Toán: 6.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 2.60
PHẠM QUỐC MẠNH	03/11/1999	29013232	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.5 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN HUY HOÀNG	10/01/1999	29006389	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 4.00
LƯƠNG ANH SÁNG	04/04/1999	29018693	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 6.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN ĐÌNH CƯỜNG	15/12/1999	29017852	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 3.40
DƯƠNG THỊ DUYÊN	19/06/1999	29022220	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 2.20
TÔ THỊ LY	15/04/1999	29015838	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.40
LÒ THỊ NGÂN	22/12/1998	29014630	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.00 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.60
PHẠM ĐÌNH TUẤN	12/10/1999	29011832	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.80
LÊ VĂN HUY	06/09/1999	29016687	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 8.75 KHTN: 7.75 Tiếng Anh: 3.00
CHU THỊ THÚY HẰNG	12/01/1999	29012025	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 3.80
HOÀNG THỊ HÀ VY	28/01/1999	29028262	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.83 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 8.80

HÀ QUANG ANH	10/03/1999	29025864	Toán: 9.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 8.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 9.20
NGUYỄN VĂN CHIẾN	28/10/1999	29019233	Toán: 1.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 5.75 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỦ MẠNH	04/09/1998	29021907	Toán: 1.80 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 2.75 GDCD: 6.50 KHXH: 4 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ CÚC	10/03/1999	29023635	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 8.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 6.40
NGUYỄN THỊ KIM OANH	27/01/1999	29002873	Toán: 9.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 8.60
NGUYỄN THỊ ÁNH	19/10/1999	29023105	Toán: 9.40 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 9.50 Hóa học: 9.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 7.92 Tiếng Anh: 7.20
DƯƠNG QUANG ĐẠT	15/10/1999	29009514	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN THỊ TÚ ANH	20/05/1997	29027629	Toán: 5.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.92
TRẦN THỊ MINH	02/01/1999	29022361	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.00
ĐINH VIỆT TÀI	15/07/1999	29029233	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.40
LÊ THỊ HỒNG HẠNH	05/01/1999	29025412	Toán: 4.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 9.25 GDCD: 8.25 KHXH: 8.83 Tiếng Anh: 4.40
HỒ NGHĨA KHANG	25/10/1999	29016718	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN DUY HỒNG	13/03/1999	29022291	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 9.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 4.60
HỒ ĐỨC NGUYỄN	07/08/1999	29016179	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	13/07/1999	29004721	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ NHI	14/01/1999	29000448	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 5.20
HỒ THỊ HẰNG	12/01/1999	29016606	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 3.00

NGUYỄN THỊ ÁNH LINH	23/06/1999	29007680	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.00 GD&CD: 7.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ KIM DUNG	02/09/1999	29002264	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.25 GD&CD: 8.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.00
ĐẶNG NGỌC NỘI	03/06/1999	29001103	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.08 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50
TRƯƠNG THỊ THÚY KIỀU	13/10/1999	29018536	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GD&CD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.60
CAO LÊ VY	22/12/1999	29018314	Toán: 7.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 8.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 2.40
VI THỊ THƯƠNG	01/08/1997	29020921	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.00 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.25
NGUYỄN ANH TUẤN	30/07/1999	29017037	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 7.25 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 4.00
VÕ MINH QUYẾT	04/01/1999	29010784	Toán: 2.20 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50
TRẦN VIỆT HOÀNG	01/09/1997	29024773	Toán: 5.40 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.00
TRƯƠNG THỊ THƠ	27/03/1999	29015170	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 3.20
HỒ THỊ THẢO	03/03/1999	29018160	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 4.80
TRƯƠNG MINH QUANG	22/06/1999	29019950	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GD&CD: 7.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.40
DIỆU THÁI KHÁNH LINH	15/01/1999	29019528	Toán: 1.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.50 GD&CD: 7.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ MINH HẰNG	09/02/1999	29000176	Toán: 4.80 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GD&CD: 6.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 6.20
HỒ HỮU MINH	13/10/1999	29015864	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.75 GD&CD: 6.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.60
HỒ VĂN TÙNG	03/04/1994	29016048	Toán: 2.80 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.00
TRẦN CÔNG MINH ĐỨC	18/06/1999	29023693	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 8.60
NGUYỄN THỊ CẨM VÂN	03/06/1999	29022644	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 6 Tiếng Anh: 9.20

NGUYỄN VĂN HÒA	18/12/1999	29018798	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7 Tiếng Pháp: 2.20
HỒ THỊ VÂN ANH	15/02/1999	29009420	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 8.75 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 4.40
LÊ ĐÌNH HỮU	12/01/1999	29030012	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG THỊ TÚ LINH	23/10/1999	29013204	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN DẮNG	09/03/1999	29005977	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.00
HỒ THỊ QUỲNH CHÂU	18/02/1999	29007225	Toán: 8.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN MẠNH HOÀNG	26/12/1999	29010895	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN VĂN LUẬT	18/06/1999	29015823	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 1.40
ĐẬU THỊ HỒNG LIÊN	07/01/1999	29025502	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.80
ĐẶNG THỊ THANH THỦY	18/03/1999	29026524	Toán: 8.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.25 Hóa học: 8.00 Sinh học: 7.00 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 5.00
TRẦN THỊ HỒNG ANH	27/01/1999	29025906	Toán: 8.00 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 8.60
NGUYỄN THỊ THƯƠNG	01/01/1999	29022526	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN TÚ DƯƠNG	05/09/1999	29011979	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 3.80
HỒ THU PHƯƠNG	20/08/1999	29016251	Toán: 7.00 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 9.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ HIỀN TRANG	30/05/1999	29012954	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN THỊ KIỀU OANH	14/02/1999	29029174	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.60
PHAN THỊ HIỀN	10/08/1999	29021735	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.40

PHẠM THỊ LƯƠNG	09/11/1999	29020356	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 7.25 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 4.20
ĐINH VĂN DUY	19/03/1997	29019274	Toán: 1.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 1.60
TRẦN THỊ HIỀN	01/08/1999	29029900	Toán: 7.40 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 7.00
ĐẶNG ĐÌNH CHÍ	27/12/1999	29023628	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 5.00
THÁI THỊ GIANG	19/08/1999	29001297	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN PHÚC TRƯỜNG	20/12/1999	29030872	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.40
LƯƠNG THỊ THU	14/04/1999	29008459	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.60
BÙI THỊ TÌNH	01/12/1999	29000848	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.58 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 6.60
LÊ NGỌC KHÁNH	24/11/1999	29006428	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ THẢO ĐAN	27/08/1999	29004944	Toán: 8.20 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 5.60
HOÀNG VĂN KHÁNH	15/05/1999	29027387	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ KIM CHI	28/09/1999	29009078	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC THIỆN	16/11/1999	29022459	Toán: 3.80 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 6.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.20
VŨ VĂN TRỤ	01/11/1999	29015280	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HOA	04/08/1998	29022278	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ LOAN	05/04/1999	29014034	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG VĂN THƠ	23/10/1999	29007415	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 1.60

NGUYỄN THỊ LỄ	01/02/1999	29021136	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 3.40
TRƯƠNG THỊ KIM CHI	25/04/1999	29018366	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN TRỌNG TÀI	12/03/1999	29029591	Toán: 5.80 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 3.80
HOÀNG THỊ QUỲNH TRANG	23/11/1999	29028146	Toán: 4.80 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 7.40
NGUYỄN THỊ HÒA	19/10/1999	29017247	Toán: 6.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	05/03/1998	29007795	Toán: 3.00 Ngữ văn: 1.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 1.75 GDCD: 6.00 KHXH: 3.58 Tiếng Anh: 1.60
NGÔ HỮU QUANG	21/02/1997	29005453	Toán: 8.80 Vật lí: 8.25 Hóa học: 6.25
SẦM TUẤN ANH	07/12/1998	29024927	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.25 KHTN: 2.67 Tiếng Anh: 2.20
THÁI THỊ GIANG	29/12/1999	29029843	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.60
LƯƠNG THỊ TÚ VĂN	16/03/1999	29020873	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN PHÚC	13/07/1999	29021227	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 1.80
PHẠM THỊ HIỀN	09/09/1999	29003847	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN ĐA ANH TUẤN	15/07/1999	29024890	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00
DƯƠNG THỊ KHÁNH NGUYỄN	18/07/1999	29026386	Toán: 8.60 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 8.00
PHẠM VĂN QUYỀN	03/07/1998	29022023	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG NGHĨA LUÂN	24/06/1999	29019580	Toán: 2.40 Ngữ văn: 1.75 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 3.00 GDCD: 5.25 KHXH: 3.17 Tiếng Anh: 1.40
NGUYỄN VĂN TRÍ	21/09/1998	29030841	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 6.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.00

LÊ TÚ ANH	29/03/1999	29024907	Toán: 7.00 Ngữ văn: 8.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 6.40
NGUYỄN KIỀU TRINH	06/07/1999	29026557	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 8.00 KHTN: 6 Tiếng Anh: 5.00
TRẦN THỊ NHẬT LỆ	04/07/1999	29002456	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.80
PHÙNG BÁ CAO THIÊM	26/06/1999	29028082	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.50 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN PHƯƠNG NAM	01/11/1999	29008841	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.40
ĐOÀN CÔNG HUY	22/06/1999	29021819	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ UYÊN	19/11/1999	29006236	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50
ĐỖ THỊ CẨM TÚ ANH	22/04/1999	29013459	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.25 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN QUỐC Ý	18/01/1999	29020549	Toán: 9.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 9.25 Sinh học: 8.00 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THÀNH MINH	01/01/1999	29028546	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 4.00
ĐÀO THỊ LY	03/10/1999	29020358	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 7.25 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN KIM THÀNH	22/04/1998	29001149	Toán: 5.40 Vật lí: 6.25 Hóa học: 4.00
CỬ Y DÊNH	17/07/1999	29008215	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.20
VŨ THỊ PHƯƠNG THẢO	03/08/1999	29025654	Toán: 9.20 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 7.60
KHA VĂN HẰNG	19/05/1997	29008542	Toán: 5.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.00
LÊ THỊ LÝ	22/04/1999	29015840	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 4.60
ĐẶNG QUỐC BẢO	13/03/1999	29026731	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.83 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.40
HÀ THỊ MẾN	06/03/1999	29015035	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 4.40

LƯƠNG HOÀNG ĐỨC	01/12/1999	29018411	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG THỊ MỸ DUYÊN	04/07/1999	29026764	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.25 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.58 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.00
VŨ THỊ NGÂN	28/08/1999	29026373	Toán: 3.40 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 9.25 Địa lí: 9.75 GDCD: 7.50 KHXH: 8.83 Tiếng Anh: 8.00
MOONG VĂN KHOA	13/07/1999	29008303	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.60
VÕ THỊ HƯƠNG	29/05/1999	29011370	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN QUANG CÔNG	07/02/1988	29015919	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 4
TRẦN ĐÌNH HUY	16/10/1999	29002410	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 5.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
DƯƠNG XUÂN SƠN	17/11/1999	29026933	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 4 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN HƯNG	20/06/1997	29011362	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.60
HÀ THỊ HUỆ	10/03/1999	29012086	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN HÀO	19/03/1999	29007852	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG	18/06/1999	29026078	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 9.60
TRƯƠNG THỊ MỸ DUYÊN	24/01/1999	29014341	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.00
ĐẶNG THỊ THUỶ LINH	20/09/1999	29022342	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 7.75 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 5.00
HỒ THỊ THƯƠNG	02/08/1999	29016989	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 8.00 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 4.80
TRƯƠNG THỊ PHƯỢNG	07/11/1999	29025211	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN PHƯỢNG QUỲNH	30/11/1999	29024003	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 9.00

LÊ NGUYỄN PHƯƠNG DUY	12/12/1999	29017866	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.33 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	29/09/1999	29025751	Toán: 6.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 3.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 8.40
PHAN THỊ HUYỀN	30/05/1999	29005052	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.40
HỒ HẢI HẬU	20/07/1999	29018444	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ QUỲNH	22/06/1999	29007733	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.00 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN TUẤN	10/08/1999	29009360	Toán: 5.60 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG THỊ NGỌC ÁNH	25/01/1999	29010259	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.40
NGÔ THỊ HUYỀN LINH	04/05/1999	29023851	Toán: 9.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 8.75 Sinh học: 9.25 KHTN: 7.67 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ QUỲNH TRANG	01/04/1999	29002128	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 8.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 7.40
LÊ VĂN BIÊN	25/08/1999	29016093	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN CẢNH TÀI	10/03/1999	29030276	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN MỸ TRỢ	30/06/1998	29001817	Toán: 7.80 Vật lí: 5.75 Hóa học: 7.50
NGUYỄN THỊ HOÀI LINH	16/09/1999	29016758	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 8.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ HÀ	18/04/1999	29022774	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 4.20
HỒ THÚY HẰNG	04/12/1999	29016612	Toán: 9.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 6.40
NGUYỄN THỊ SƯƠNG	29/03/1999	29002070	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 8.00 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 1.40
LÊ THỊ HUYỀN	25/07/1999	29029979	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.20

NGUYỄN ĐÌNH TÚ	28/07/1999	29011149	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THÚY VINH	15/06/1999	29027131	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 9.20
THÁI THỊ HOÀI TRANG	09/03/1999	29007442	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG THỊ ÁNH NHẬT	06/09/1999	29026394	Toán: 9.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 10.00 Hóa học: 9.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 8.25 Tiếng Anh: 7.20
HOÀNG CÔNG HÂN	02/11/1999	29027892	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN QUỐC LỘC	04/01/1998	29018582	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN VĂN VỮNG	02/07/1999	29019107	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ HÀ	15/05/1999	29026053	Toán: 9.60 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 9.25 Hóa học: 9.50 Sinh học: 6.00 KHTN: 8.25 Tiếng Anh: 8.00
TRẦN THỊ HƯƠNG	23/10/1999	29030003	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.80
ĐẶNG KHẮC TÀI	15/07/1999	29013322	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.17 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.60
LÊ VẠN THU UYÊN	25/10/1999	29012533	Toán: 4.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 9.20
NGUYỄN THANH HẢI	20/06/1999	29017903	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 1.60
HỒ ANH SÁNG	08/10/1998	29025310	Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 8.25
PHẠM THỊ HUYỀN	15/11/1999	29009162	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 5 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 8.60
NGUYỄN VĨNH CỪ	26/06/1999	29029760	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 4.20
KHA QUANG TRUNG	06/03/1999	29003548	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.20
HỒ THỊ THÚY PHƯƠNG	22/04/1999	29018662	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.40

VÕ VĂN HIẾU	01/05/1999	29001370	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.40
HÀ VĂN QUYỀN	15/08/1999	29029204	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỌ THÔNG	21/03/1999	29030712	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ THẢO NGUYÊN	18/09/1999	29027490	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.00 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.80
DƯƠNG VĂN TUẤN	23/12/1999	29021406	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.25 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN HỒNG SƠN	06/01/1995	29027739	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.00
NGUYỄN ĐÌNH HUY	05/10/1999	29010430	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN CHUNG	20/11/1999	29003359	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 8.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 2.60
MAI THỊ HẠNH	25/07/1999	29018779	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 4 Tiếng Anh: 9.00
HOÀNG THỊ NGÂN	05/07/1999	29022908	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 7.40
TRẦN THỊ THANH THÚY	24/07/1999	29018970	Toán: 4.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 1.60
NGÔ THÙY LINH	16/09/1999	29025509	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.00 KHXH: 8.33 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ NGÀ	17/10/1999	29019632	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 2.80
LƯƠNG ĐỨC PHƯƠNG	15/02/1998	29012586	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 1.80
XÔNG Y PÀ	22/12/1999	29008393	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.25 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ LƯƠNG	06/03/1999	29012201	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 6.25 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 4.40
ĐINH KHÁNH HIỀN	29/09/1999	29007617	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.20

CAO XUÂN CHIẾN	10/09/1999	29019661	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.00
NGUYỄN THỊ TUYẾT	21/02/1999	29007809	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 4.60
PHẠM TRỌNG THIÊN	19/07/1999	29007762	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN MINH HOÀNG	24/12/1999	29027334	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ XOAN	02/06/1999	29021432	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.00 KHXH: 8 Tiếng Anh: 5.60
ĐẬU THANH PHONG	30/11/1999	29024517	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN ĐÌNH MINH	16/06/1999	29015868	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN HUY CƯỜNG	23/07/1999	29014324	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 5.80
BÙI TIẾN ANH	21/07/1999	29022168	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN BÁ QUYẾT	30/05/1999	29028617	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 7.75 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN TIẾN ĐẠT	28/11/1992	29019680	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.00
VŨ VĂN NAM	10/02/1999	29016819	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 6 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG THỊ LY	01/08/1999	29010509	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN SỸ	10/11/1999	29004608	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM THỊ THU PHƯƠNG	04/01/1999	29019941	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.75 GDCD: 7.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 8.00
PHAN THỊ LINH	07/11/1999	29030047	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.40
NGÔ THỊ NGÀ	23/05/1999	29005168	Toán: 9.00 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 9.00 Sinh học: 7.75 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 5.80
TRẦN THỊ NGỌC HIỆP	10/08/1999	29010885	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 4.20

HOÀNG KHẮC ĐÔNG	16/02/1998	29011288	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.40
VŨ NGỌC HUY	15/01/1999	29017285	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ SEN	22/02/1999	29005256	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 4.00
TRƯƠNG ĐIỀU LINH	10/01/1999	29018841	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 6.75 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ HOÀI	12/07/1999	29008728	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN HỢP	14/09/1999	29017684	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.75
ĐINH VĂN HIỆP	17/12/1998	29017673	Toán: 7.80 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.75
DƯƠNG VÕ MINH QUANG	14/09/1999	29023978	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 6.00
LÊ THỊ HÀ TRANG	12/07/1999	29026538	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 8.25 Sinh học: 7.25 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 3.60
XÃ THỊ NHUNG	26/02/1999	29020758	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.50 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.40
NGÔ ĐỨC MẠNH	16/11/1999	29020370	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 3 Tiếng Anh: 2.00
VI ANH TUẤN	01/05/1999	29015318	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 8.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN VĂN MẠNH	19/07/1999	29004012	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ THANH TÂM	08/11/1999	29004153	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.40
LÊ DOÃN HIẾU	15/06/1999	29025037	Toán: 5.80 Ngữ văn: 2.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN HỮU ĐANG	06/06/1999	29001874	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ NHI	06/11/1999	29008108	Toán: 1.60 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 3 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.50

NGUYỄN VĂN CHUNG	13/02/1997	29024723	Toán: 6.20 Hóa học: 7.00 Sinh học: 6.50
LƯƠNG THỊ XUÂN LIỄU	05/09/1999	29013611	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 5.00 GD&CD: 4.50 KHXH: 3.67 Tiếng Anh: 2.00
CAO TÀI ĐẠI	19/10/1998	29006900	Toán: 1.20 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GD&CD: 8.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.40
VÕ TRỌNG VIỆT	28/05/1997	29014863	Toán: 8.40 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.00
CAO THỊ MAI	10/12/1998	29012211	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.75 GD&CD: 8.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 2.60
HOÀNG VĂN HÓA	07/08/1999	29017680	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75
NGUYỄN THỊ TÂM	08/04/1999	29016936	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 4 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ TRANG	15/02/1999	29030809	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 5.00
KHA THỊ XOAN	12/06/1999	29020884	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 3.33 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.00 GD&CD: 9.00 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.60
VŨ VĂN DŨNG	06/08/1999	29017144	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25 GD&CD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.00
BÙI VĂN HÙNG	30/07/1999	29022295	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 4.20
VÕ THỊ THẢO	20/01/1999	29001635	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GD&CD: 8.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.00
THÁI THỊ HUYỀN THƠ	17/06/1999	29020470	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 9.25 Sinh học: 9.25 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 4.60
PHAN TRUNG LINH	05/07/1999	29015015	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 4.00
LANG VĂN TRUNG	14/10/1999	29014193	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.75 GD&CD: 7.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ YẾN	02/01/1999	29018327	Toán: 9.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 9.60
DƯƠNG ĐÌNH VINH	26/09/1999	29028255	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.00 GD&CD: 8.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.20
LÊ VĂN QUỐC HUỲNH	02/09/1998	29014247	Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00

NGUYỄN THỊ QUỲNH GIANG	29/08/1998	29024753	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.25 Địa lí: 4.25 Tiếng Anh: 5.80
TRẦN HỮU THẮNG	28/05/1998	29007138	Toán: 2.00 Ngữ văn: 2.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN LÂN HẠNH	05/08/1998	29026626	Toán: 7.80 Vật lí: 5.00 Tiếng Anh: 7.80
NGUYỄN THẠCH VIỆT	03/01/1999	29009388	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN ĐỨC TOÀN	20/01/1999	29027016	Toán: 9.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.50 Hóa học: 10.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 7.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.25 GDCD: 7.00 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN ĐÌNH HOÀN	10/03/1999	29023755	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 2.20
ĐẶNG THỊ HOÀI VÂN	20/03/1999	29011845	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 2.60
LÊ VĂN THẠCH	17/01/1998	29018897	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.40
HÀ HUY HÙNG	17/10/1999	29026811	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Pháp: 5.60
NGUYỄN ĐÌNH MẠNH	06/11/1999	29030097	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ NGUYỆT	06/11/1999	29006109	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75
PHẠM THỊ LINH	13/05/1999	29012820	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.75 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ LÊ	26/02/1999	29021134	Toán: 9.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 9.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 7 Tiếng Anh: 4.20
VÀ BÁ PHỀNH	19/02/1998	29008397	Toán: 2.40 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	20/11/1999	29014698	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.50 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN QUANG TRƯỜNG	01/06/1999	29005381	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 3.75 GDCD: 5.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.80
PHAN BÁ HOÀNG	22/09/1999	29002391	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.80

TRẦN TRỌNG NHÀN	30/01/1999	29010147	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50
NGUYỄN THỊ MAI	05/12/1999	29001066	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 3.92 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25
NGUYỄN THỊ KIM CHI	03/12/1999	29019869	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 2.60
THÂN THỊ NGÀ	02/01/1999	29012251	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 3.20
HỒ THỊ TRANG	08/06/1999	29016469	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.20
DƯƠNG LÊ QUÂN	10/11/1999	29013307	Toán: 7.40 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN HỒNG THI	24/06/1999	29030704	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ QUỲNH	03/05/1999	29008911	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN CẢNH QUÂN	17/10/1999	29022018	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.40
PHẠM XUÂN LỘC	07/06/1998	29029105	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.00
LƯƠNG KHẮC NHẬT	21/07/1999	29020744	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 6.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN VĂN TUẤN	23/10/1999	29023065	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN VĂN HƯỚNG	13/06/1999	29011676	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 2.20
LÊ HOÀNG SƠN	09/11/1999	29024010	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 9.75 Sinh học: 7.50 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 5.40
TRẦN THỊ ÁNH	20/09/1998	29017629	Toán: 9.20 Hóa học: 9.00 Sinh học: 8.50
HOÀNG CHÍ BẢO	10/04/1998	29007165	Toán: 9.20 Vật lí: 6.50 Hóa học: 8.25
NGUYỄN TRUNG ĐỨC	25/03/1999	29009531	Toán: 6.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN TIẾN SANG	30/05/1999	29022035	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.60

NGUYỄN THỊ THỤC ANH	23/11/1999	29012619	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 6.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 7.00
NGUYỄN THỊ YẾN	22/01/1999	29022679	Toán: 5.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 5.00
PHẠM THỊ THÙY TRANG	06/03/1999	29012480	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 1.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.25 Tiếng Anh: 3.80
LÊ THỊ TÚ UYÊN	26/06/1999	29012992	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.75 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 3.40
KHEO BẢO ANH	15/08/1999	29006256	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 7 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ LINH PHƯƠNG	28/12/1999	29002887	Toán: 9.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 4.60
TRƯƠNG XUÂN LỢI	15/10/1999	29003990	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.40
HỒ THỊ HẰNG	13/01/1999	29015578	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.40
LÊ ANH QUÂN	28/08/1999	29025600	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.25 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	04/04/1999	29008910	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG THỊ LOAN	18/01/1999	29017353	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.60
ĐẶNG THỊ KHÁNH	25/01/1999	29008774	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN VĂN THÀNH	04/04/1998	29011495	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.75 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.20
PHAN NGUYỄN DŨNG MẠNH	28/08/1999	29012221	Toán: 6.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN HỮU DUNG	14/09/1999	29001263	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 3.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ VÂN ANH	19/08/1999	29016075	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.20
VŨ THỊ HUYỀN TRANG	05/09/1999	29030835	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.40

HOÀNG THỊ HUYỀN	09/06/1999	29013576	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 5.50 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.20
ĐẶNG BÁ PHÚC	08/03/1999	29028021	Toán: 8.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 9.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ NGỌC SƠN	13/09/1999	29022047	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.00
DOÃN ĐỨC MẠNH	04/04/1999	29025135	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 6.00 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 2.60
ĐÀO THỊ HUYỀN	11/01/1999	29029026	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN CẢNH CẦN	28/02/1999	29011934	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN TUẤN ANH	08/11/1999	29006259	Toán: 8.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 8.50 Sinh học: 8.00 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 2.80
VƯƠNG TUYẾT NHI	25/05/1999	29027509	Toán: 5.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ GIANG	03/11/1999	29001890	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 3.00
LÀU BÁ PÓ	16/05/1999	29008408	Toán: 2.80 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 3.75 GDCD: 5.75 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.60
LÊ CẢNH HUY	26/12/1999	29007649	Toán: 0.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN VĂN HIẾU	20/03/1999	29019394	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 1.60
ĐINH TRỌNG LINH	18/11/1999	29018012	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 1.75 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ NGUYỆT	20/12/1999	29016190	Toán: 7.40 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.60
PHẠM THỊ MINH ANH	11/09/1998	29026605	Toán: 8.40 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 7.25 KHTN: 5.67
NGUYỄN VĂN QUYẾT	09/11/1999	29009855	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.80
TRỊNH THỊ HẠNH	30/03/1999	29013128	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.17 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 4.40

HÀ THỊ LAN PHƯƠNG	26/11/1999	29023969	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 1.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 8.60
LÊ THỰC TRINH	27/02/1999	29024644	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 5.80
HỒ ĐÌNH HOÀ	10/01/1999	29014443	Toán: 4.60 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM THỊ TUYỀN	30/05/1999	29004790	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 3.60
LƯƠNG ANH TUẤN	10/06/1999	29027096	Toán: 5.60 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.83 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 7.60
NGUYỄN THỊ HẢI	11/02/1999	29011304	Toán: 5.60 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.00
VI VĂN HÙNG	02/12/1999	29003148	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ TÚ HUYỀN	29/09/1999	29027931	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.00
PHAN VĂN PHIÊU	01/01/1998	29021988	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.20
ĐÀO DUY LÂM	18/02/1999	29020328	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 6 Tiếng Anh: 6.40
NGUYỄN ANH TUẤN	16/07/1999	29008024	Toán: 6.20 Ngữ văn: 2.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN ĐỨC HIỀN	16/02/1999	29022271	Toán: 7.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 8.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN ĐĂNG BẢO	18/09/1999	29001229	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.20
ĐÀO MINH HIẾU	24/08/1999	29025036	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ CẨM	20/05/1999	29027193	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM HỒNG SƠN	20/03/1999	29004138	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN DIỄN	11/10/1999	29004922	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 2.80

TRẦN VĂN TRƯỜNG	26/07/1999	29001182	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 2.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.42 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.75
TRẦN THỊ QUỲNH TRANG	12/04/1999	29009981	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 2.00 Sinh học: 2.00 KHTN: 3.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 2.75 GDCD: 6.50 KHXH: 4 Tiếng Anh: 5.40
HỒ THỊ VÂN ANH	18/03/1999	29017087	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN TRUNG KIÊN	02/12/1999	29027390	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VIỆT TUẤN	20/06/1998	29020191	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ TRANG	15/05/1999	29001700	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 1.60
TRẦN THỊ MINH	04/10/1999	29022362	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN KHẮC SANG	05/09/1999	29008914	Toán: 1.40 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.50 GDCD: 4.75 KHXH: 4 Tiếng Anh: 2.00
BÙI THÀNH ĐẠT	21/08/1999	29007569	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.60
TRỊNH THỊ YẾN	03/12/1999	29020226	Toán: 2.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 9.50 GDCD: 7.25 KHXH: 8.33 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN ĐÌNH THÀNH	06/12/1998	29018909	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.60
LÊ ANH TUẤN	14/02/1999	29011828	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN ĐẶNG NHẬT THẢO	06/05/1999	29026506	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN VĂN BÌNH	01/07/1999	29017840	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 4.40
LÊ DOÃN CHIẾN	15/02/1999	29004344	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN HOÀI ĐỨC	26/04/1999	29024997	Toán: 8.60 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 3.80
VÕ TRƯỜNG THI	03/02/1999	29006178	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.50

ĐỖ QUỲNH TRANG	02/03/1999	29011099	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 9.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.67 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 6.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 8.60
TRẦN THỊ KIM CHI	24/06/1999	29021580	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.25 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 2.40
VI VĂN SÁNG	25/09/1999	29003488	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 2.25 Hóa học: 2.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.33 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.20
LÊ THỊ NHUNG	09/04/1999	29016208	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 4.40
HỒ THỊ TRANG	20/01/1999	29013075	Toán: 1.80 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.25
HOÀNG MINH HIẾU	19/08/1999	29015609	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.00
CỤT VĂN VŨ	02/05/1999	29008495	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 5.75 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 2.20
HOÀNG VĂN GIANG	05/05/1998	29028354	Toán: 3.00 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.00 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ HÀ	16/09/1999	29001897	Toán: 5.20 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ NGUYỄN	18/05/1998	29019880	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG	10/03/1999	29021633	Toán: 5.20 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 10.00 GDCD: 9.50 KHXH: 9.42 Tiếng Anh: 3.60
HÀ CÔNG TỈNH	20/09/1999	29003330	Toán: 2.60 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.00 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ NGỌC ANH	24/02/1999	29000037	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.20
LÊ VĂN HOÀN	26/02/1998	29015943	Toán: 4.80 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.25
ĐẬU XUÂN TÀI	17/05/1999	29011487	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG VĂN CƯỜNG	10/08/1999	29011956	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 5.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.80
THÁI VĂN VINH	13/03/1999	29028800	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.40
HÀ THỊ HIỀN	12/02/1997	29023461	Toán: 7.80 Hóa học: 7.25 Sinh học: 7.00
HỒ NHÂN TUẤN	22/04/1998	29006222	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00

HOÀNG THỊ HỒNG HẢI	21/09/1999	29011303	Toán: 2.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.50 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN HOÀNG HẢI	11/08/1999	29027280	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 5.40
LÊ THỊ OANH	15/06/1999	29002872	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.33 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.00
PHAN VĂN KHOA	10/06/1995	29019728	Toán: 6.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 4.75 Lịch sử: 3.00
BÙI ĐỨC THẮNG	22/07/1999	29026981	Toán: 5.60 Ngữ văn: 3.97 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.60
ĐẶNG PHƯƠNG THY	19/06/1999	29024603	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THU HẰNG	16/09/1999	29021040	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN ĐÌNH NAM	02/08/1999	29016816	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4 Tiếng Anh: 3.80
HỒ THỊ THANH	03/05/1999	29017503	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.20
PHAN ĐỨC THÁI	17/06/1999	29017501	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.20
CAO THỊ VÂN ANH	24/08/1999	29004866	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.80
CAO VĂN HIẾU	10/11/1999	29012053	Toán: 6.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.33 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 6.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.20
CỤT VĂN KHUN	02/09/1999	29020677	Toán: 2.60 Ngữ văn: 1.75 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 3.50 GDCD: 3.25 KHXH: 2.67 Tiếng Anh: 2.80
PHAN NGỌC SƠN	30/03/1999	29024014	Toán: 9.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 9.75 Sinh học: 9.25 KHTN: 7.75 Tiếng Anh: 4.20
PHAN THỊ VUI	29/10/1999	29021430	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ TRANG	06/06/1999	29011817	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 7.75 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG KHẮC THỊNH	16/02/1999	29012412	Toán: 1.60 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.80

NGÔ THỊ NHƯ	16/05/1999	29007958	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 4.20
LÊ THỊ TUYẾT	01/12/1999	29020530	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ TRÀ MY	09/03/1999	29023898	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 1.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 2.40
THÁI THỊ XUÂN	16/01/1999	29026594	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 9.00 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 4.00
ĐINH THỊ NGUYỆT HẰNG	16/01/1999	29007612	Toán: 2.60 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.80
NGÔ THỊ NHÀN	18/02/1999	29004057	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.40
LƯƠNG THỊ THIÊN	26/11/1999	29006617	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 2.60
ĐẬU THỊ KIM DUYÊN	05/03/1999	29014339	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN VĂN TỰ	25/12/1993	29027796	Toán: 4.00 Vật lí: 3.50 Tiếng Anh: 5.80
PHAN VĂN HIỆP	27/02/1999	29005014	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 1.80
TRẦN THỊ PHƯƠNG TRINH	13/04/1999	29028177	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 5.40
HỒ THỊ NGUYỆT	28/05/1998	29016188	Toán: 2.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG VÂN ANH	26/09/1999	29027155	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG THỊ HỒNG NHUNG	16/04/1999	29007063	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ KHÁNH LÊ	06/08/1999	29023838	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 8.75 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ UY	26/06/1999	29006784	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG THỊ MẾN	01/04/1999	29027988	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 3.80

NGUYỄN NHƯ MINH	28/08/1999	29023262	Toán: 8.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN KIỀU VÂN	26/03/1999	29016552	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.00
XEO THỊ TÊN	13/08/1999	29008435	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 2.00 GDCD: 6.50 KHXH: 3.92 Tiếng Anh: 2.20
LÊ THỊ THẢO	09/08/1998	29000531	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 5.50 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 4.20
THÁI THỊ HUYỀN	16/07/1999	29001430	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.00
KHA THỊ LOAN	07/11/1999	29025116	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ	19/11/1999	29011643	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 6.25 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN LÊ THỊ PHƯƠNG THẢO	19/09/1999	29009910	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 9.00 Sinh học: 8.00 KHTN: 7.67 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ HẢI	18/06/1999	29029859	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 1.80
ĐẶNG THỊ THU HUYỀN	26/01/1999	29029027	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN CÔNG TÂN	26/04/1999	29002930	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 9.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ LINH	21/11/1999	29028511	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HƯƠNG	15/09/1998	29010908	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN NGỌC HÀ LINH	04/01/1999	29006467	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN TIẾN DŨNG	06/09/1999	29023651	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 4.40
PHAN ĐÌNH SƠN	12/05/1999	29018705	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.25 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĨNH QUÂN	25/03/1999	29002048	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 2.80

LƯƠNG THỊ THIÊN	02/07/1999	29013741	Toán: 1.80 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.60
LÊ VĂN NAM	06/05/1999	29001083	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.83 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 3.50
NGUYỄN VĂN HOÀ	02/03/1999	29019400	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.00 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 3.40
TRƯƠNG THỊ TỊNH	12/03/1999	29016996	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ QUỲNH HƯƠNG	10/03/1998	29008079	Toán: 7.40 Vật lí: 7.50 Hóa học: 6.00
LÊ KHẮC HOÀI	17/10/1999	29015636	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.60
CHU VĂN ĐỨC	15/04/1999	29029815	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.40
PHẠM VĂN MẠNH	27/04/1999	29004524	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN ĐÌNH NGỌC	24/07/1999	29030578	Toán: 9.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 3.00
BÙI THỊ HƯƠNG	02/07/1999	29019493	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ HIỀN	13/04/1999	29015600	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 5.25 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN NGỌC TRUNG PHONG	01/11/1999	29016872	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 2.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG THỊ DUNG	07/09/1999	29011961	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.17 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ MAI QUỲNH	09/09/1999	29009858	Toán: 9.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 8.75 Hóa học: 10.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 4.60
HỒ THỊ THÙY LINH	22/10/1999	29015783	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN CHÍNH ĐỨC	04/04/1999	29021668	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.80
PHAN THẾ ANH	02/04/1999	29004879	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 5.00

HỒ NGỌC HẢI	15/12/1999	29017900	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 3.00
THÁI THỊ NHÀN	10/10/1999	29021965	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.80
HỒ ĐỨC CHÍNH	01/02/1998	29021449	Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.25
NGUYỄN TRUNG HIẾU	08/05/1999	29011325	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 5.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 1.60
TRẦN THỊ PHƯƠNG THÚY	27/03/1999	29000834	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 9.25 Hóa học: 9.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 7.83 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 5.60
LÊ QUỐC HÙNG	01/06/1999	29004460	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN VĂN TÀI	25/12/1998	29006597	Toán: 7.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN VĂN QUÂN	20/10/1999	29022954	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.20
ĐẶNG THỊ THANH	03/08/1999	29005280	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 4.80
BÙI DUY LÂM	16/11/1999	29025496	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 1.60
PHẠM THỊ HIỀN	02/10/1999	29003846	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.00
CHẾ THỊ HUYỀN	25/04/1999	29027352	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ NGÂN	03/11/1999	29011429	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.25 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN QUỐC CÔNG	02/01/1999	29025966	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 6.60
NGÔ THỊ ĐÀO	10/01/1999	29017157	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.80
LƯƠNG VĂN HUỲNH	27/03/1999	29013581	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.00
VŨ LÊ CHUNG	22/02/1999	29018376	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.00 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 2.80

HỒ THỊ NGÀ	12/10/1999	29030572	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN ĐÌNH TIẾN	08/10/1999	29030771	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ LĨNH	15/09/1999	29022874	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.00
VŨ VĂN TOÀN	11/05/1999	29017582	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN MINH HIẾU	07/06/1999	29014953	Toán: 5.40 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 3.20
VÕ HOA ANH QUÂN	24/11/1999	29014715	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.40
LƯƠNG THỊ THU TRÀ	25/09/1999	29012949	Toán: 7.00 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.80
PHAN ĐỨC CƯỜNG	23/10/1999	29014897	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.20
VÕ MINH HIẾU	07/10/1999	29006376	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.83 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM THỊ TRANG	08/04/1999	29030818	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.67 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 7.00
HOÀNG TIẾN THỊNH	23/05/1999	29016392	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.60
PHAN VĂN ĐỨC	15/07/1999	29006915	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 9.25 GDCD: 7.75 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN TUẤN	03/09/1999	29001720	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 2.80
VÕ HỒNG HOÀNG	27/10/1999	29029942	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 5.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN ĐĂNG ĐẠT	06/03/1999	29011626	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 2.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.67 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG THỊ LAM	07/06/1999	29008791	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.00
LƯƠNG THẾ THỨC	06/06/1999	29020835	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 5.25 KHXH: 3.92 Tiếng Anh: 3.40

VŨ THỊ PHƯƠNG CHI	16/09/1999	29005506	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ DUNG	22/06/1999	29000653	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 1.75 Sinh học: 2.00 KHTN: 2.33 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ THU HIỀN	05/12/1999	29010398	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN VĂN HẠNH	08/06/1998	29029865	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN THỊ LIÊN	20/11/1998	29010468	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.40
PHAN THỊ HÀ GIANG	21/09/1999	29021014	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 1.60
TRẦN THỊ HẰNG	16/11/1999	29026786	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.17 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 9.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN PHÙNG VIỆT	20/01/1999	29022654	Toán: 7.40 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 6.25 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN NGỌC ÁNH	28/12/1999	29028864	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN HỮU MẠO	08/03/1999	29020710	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HỒNG	23/02/1999	29013980	Toán: 8.20 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 4.60
NGÔ THỊ THÙY LINH	11/06/1999	29017340	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 6.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.00
CAO THỊ HÀ	06/06/1999	29005582	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.40
CAO TÚ UYÊN	06/12/1999	29019085	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.25 KHXH: 7.08 Tiếng Pháp: 2.60
LÊ QUỐC CƯỜNG	31/01/1999	29024185	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.33 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 4.60
CHU THỊ THÙY TRANG	02/09/1999	29004709	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.40
VI THANH NHẬT	26/11/1999	29021210	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.00

PHẠM THỊ SƯƠNG	20/06/1999	29010633	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.60
HỒ THỊ THU HẰNG	15/08/1999	29007282	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 6.40
NGUYỄN THỊ HÀ PHƯƠNG	02/08/1999	29009242	Toán: 9.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 8.20
TẠ HỮU LỢI	10/01/1999	29020351	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN QUANG HUY	20/05/1999	29009644	Toán: 6.80 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 4.40
PHAN VĂN THUẦN	11/08/1999	29007147	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.00
ĐINH THỊ QUYÊN	26/03/1999	29007387	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 5.40
TRẦN ĐÌNH QUYẾT	17/07/1998	29004115	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN ĐÌNH ĐỨC	07/09/1999	29023694	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 8.25 KHTN: 7 Tiếng Anh: 7.00
NGUYỄN THỊ LIÊN	21/05/1998	29012160	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.60
ĐẶNG THẾ DŨNG	19/05/1999	29025995	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 7.20
KHA THỊ HIỀN	11/01/1999	29008270	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ UYÊN	01/07/1999	29011188	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 2.60
CAO PHAN THIÊN PHƯỚC	19/07/1997	29025301	Toán: 8.80 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.25
TRẦN THỊ HƯƠNG	07/11/1999	29016712	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN THỊ THÙY	04/12/1999	29004209	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.75 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN ĐỨC HIẾU	29/09/1999	29003858	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.20

LÊ VĂN HIẾU	10/04/1999	29004426	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ MAI	13/01/1999	29010518	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ HIỀN	15/07/1999	29028398	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 6.80
TRẦN NỮ HOÀNG ANH	27/10/1999	29024929	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN DUY CÔNG	27/08/1999	29028885	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THIỆN CƯỜNG	10/10/1999	29008639	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 1.80
TRẦN THỊ QUỲNH	15/05/1999	29022961	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.20
PHẠM HÙNG	11/10/1998	29015679	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.60
HỒ ĐỨC NAM	18/01/1998	29017722	Toán: 7.20 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.75
HỒ THỊ NHUNG	12/07/1998	29016205	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 0.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 5.75 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 1.60
PHẠM THỊ NHUNG	30/09/1999	29030175	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ MAI	25/06/1999	29002840	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 1.75 KHTN: 2.92 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 5.75 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN DOÃN CÔNG	27/06/1998	29022098	Toán: 9.40 Vật lí: 8.25 Hóa học: 9.00
TRẦN HỒNG ĐỨC	23/03/1999	29020619	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.40
VÕ VĂN HUY	09/10/1999	29010901	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ OANH	01/03/1999	29000462	Toán: 4.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.60
ĐẶNG ÍCH CƯỜNG	15/06/1999	29002788	Toán: 4.80 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.17 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 6.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.00
VÀ BÁ CỬ	04/10/1998	29020899	Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 9.25

TRẦN THỊ KHÁNH LY	10/06/1999	29002487	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.40
BÙI THỊ NỮ	01/05/1999	29021976	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ YẾN NHI	06/10/1999	29022390	Toán: 8.20 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 8.60
THÁI THỊ LỘC	26/01/1999	29028523	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN DUY TRỌNG	23/12/1997	29029407	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.00 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ NGỌC	03/02/1999	29000734	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 7.60
NGUYỄN THỊ HOA	01/01/1999	29028993	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 8.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.40
LA VĂN TUẤN	04/09/1999	29008481	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 5.75 KHXH: 4.08 Tiếng Anh: 1.60
NGUYỄN THỊ LIÊN	01/10/1999	29001457	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 6.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.20
CAO THỊ LINH	29/06/1998	29006067	Toán: 6.80 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.75
NGUYỄN THỊ VÂN ANH	24/09/1999	29026723	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.08 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.25 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 3.60
ĐẶNG THAI HÙNG	30/08/1999	29014970	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN HỮU HÙNG	19/03/1999	29024331	Toán: 3.60 Ngữ văn: 2.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN QUANG HUY	01/04/1999	29004466	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.25 Hóa học: 7.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 5.80
LÝ HOÀI THƯƠNG	07/06/1999	29015211	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 6.40
TRẦN VĂN THỊNH	22/01/1999	29015160	Toán: 5.60 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ THÚY HIỀN	04/11/1999	29025030	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 3.40

NGUYỄN THỊ ANH THU'	26/09/1999	29011088	Toán: 7.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 9.25 Sinh học: 9.50 KHTN: 7.92 Tiếng Anh: 3.80
CHU VĂN THÁI CHUNG	12/01/1999	29009481	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.60
VƯƠNG VĂN HIẾU	18/09/1999	29027320	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ SỞ	19/07/1999	29004597	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 6.25 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 5.20
PHAN THỊ HẰNG	18/01/1999	29002340	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 1.80
HỒ THỊ HUYỀN TRANG	26/04/1999	29025739	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 7.40
TRỊNH KHÁNH HÒA	30/08/1999	29023750	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 2.20
LÊ QUANG HUY	20/08/1999	29006960	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 1.80
ĐẬU SỸ MINH	25/09/1999	29030556	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 2.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.25 Tiếng Anh: 2.20
LÊ TRẦN HƯNG	06/08/1999	29006975	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 3.00
CAO THỊ THANH HẢI	08/04/1999	29004981	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 6.60
TRẦN THỊ QUỲNH TRANG	16/05/1999	29025753	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 2.20
PHAN THỊ VÂN	08/10/1999	29028793	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN ĐÌNH TÀI	30/11/1997	29025233	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.17 Tiếng Anh: 3.80
LÊ THÀNH ĐẠT	20/09/1999	29006903	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 9.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.80
HỒ CẢNH TIẾN	09/03/1999	29018987	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.25 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN VĂN QUYẾT	02/02/1995	29024851	Toán: 8.40 Vật lí: 7.25 Hóa học: 5.25

BÙI THỊ THÙY	04/07/1999	29000829	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ TRANG	24/03/1999	29020145	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.50 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 4.40
PHẠM THỊ MẾN	08/08/1999	29026319	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.80
LÊ VĂN TỤNG	06/01/1998	29007474	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.40
HÀ VĂN ĐIẾP	27/05/1999	29013507	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.60
LÔ VĂN DUYÊN	04/10/1999	29013910	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN ĐÌNH HOÀNG	12/09/1997	29014789	Toán: 5.60 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.50
HOÀNG THỊ DIỆU LINH	18/02/1999	29027954	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN VĂN DŨNG	27/01/1999	29011615	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 4 Tiếng Anh: 2.40
ĐINH THỊ PHƯƠNG NHUNG	17/05/1999	29026407	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 6.40
NGUYỄN THỊ TRANG	16/01/1999	29030811	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ KHÁNH LY	25/02/1999	29019745	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.00
VI THANH TÙNG	26/12/1998	29003682	Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 8.25
THÁI BÁ LỢI	09/10/1999	29005744	Toán: 1.20 Ngữ văn: 1.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.50 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.00
VŨ DUY CẦU	22/02/1997	29017632	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN TRƯỜNG THỌ	24/12/1999	29024581	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ MÃO	16/12/1998	29010133	Toán: 6.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.00
VŨ THỊ HUẾ	29/05/1999	29009146	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 4.40

NGUYỄN THỤY HIỀN	14/11/1999	29001918	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ TRÀ GIANG	07/10/1999	29027880	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 4.60
CHU VĂN SƠN	15/08/1999	29029221	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 9.00 GDCD: 7.75 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 3.40
BÙI THỊ THÙY TRANG	30/05/1999	29012469	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.20
HỒ SỸ QUANG	07/08/1999	29012318	Toán: 9.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 8.25 Sinh học: 8.75 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 5.40
HOÀNG VĂN HOÀN	10/03/1999	29022283	Toán: 7.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 6.25 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 2.60
PHAN THỊ NGỌC ÁNH	10/03/1999	29014885	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 8.25 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ HIỀN	06/07/1999	29001347	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 1.80
VI VĂN MINH	10/04/1999	29014605	Toán: 1.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.00 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG VĂN QUÂN	27/07/1998	29028031	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 4.40
HOÀNG VĂN TRUNG	18/05/1999	29012967	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM LINH CHI	18/10/1999	29025956	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 8.60
LỖ BÁ TRUNG	02/01/1998	29008576	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50
NGUYỄN THỊ TRÀ	02/11/1999	29015235	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 4.20
LÊ VĂN ĐỢC	30/11/1998	29023452	Toán: 1.40 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 5.00 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 3.80
VƯƠNG HỒNG HẢI	26/03/1999	29026781	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 1.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.33 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 4.20
THÁI THỊ HẰNG	16/08/1999	29001338	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.25 KHXH: 8.33 Tiếng Anh: 3.20

NGUYỄN TRỌNG DŨNG	27/09/1999	29023137	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN SỸ	02/02/1998	29005268	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.00
ĐẶNG THỊ QUỲNH	30/06/1999	29006579	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	08/08/1999	29002417	Toán: 8.40 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 9.00
NGUYỄN THỊ LỘC	16/02/1999	29030534	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 4.60
LÊ THỊ MAI ANH	18/03/1999	29025871	Toán: 8.80 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 8.00
DƯƠNG THANH AN	07/08/1999	29019172	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.40
LÀU BÁ TÊNH	22/08/1999	29025238	Toán: 5.20 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN VĂN KỶ	04/02/1998	29019732	Toán: 8.20 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 1.50 KHTN: 5.17
NGUYỄN THANH ĐỨC	09/04/1999	29009096	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN VĂN MẠNH	17/06/1999	29030098	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.40
LÊ THỊ QUỲNH HOA	11/08/1999	29023745	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 3.60
VI THỊ THU	05/09/1999	29015180	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.00
VÕ VĂN TRIẾT	22/04/1999	29029330	Toán: 2.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 3.40
ĐINH THỊ YẾN	20/04/1999	29028808	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ TUYẾT	03/03/1999	29006778	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.00
LÊ VĂN BẮC	17/07/1999	29021563	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.80

HÀ THỊ PHƯỚC	10/03/1999	29019932	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 5.20
LÔ THỊ HIỀN	24/09/1999	29003131	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VĂN SỬ	22/05/1998	29007108	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.00
TRƯƠNG VĂN HÙNG	14/06/1995	29021474	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.00
PHAN VĂN HẬU	29/08/1999	29029479	Toán: 8.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 8 Tiếng Anh: 7.60
HOÀNG CÔNG TÙNG	04/05/1999	29025794	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 2.00
PHAN THỊ DUYÊN	15/07/1999	29028328	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 1.40
NGUYỄN THỊ HOÀI	08/07/1999	29021775	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 9.25 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.50 KHXH: 8.92 Tiếng Anh: 3.20
ĐỖ THANH MAI	22/10/1999	29029115	Toán: 5.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THANH CHUNG	15/07/1998	29017122	Toán: 3.20 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN ĐÌNH QUÝ	12/12/1998	29017464	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN NHẬT VĂN	16/01/1999	29018284	Toán: 7.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 8.75 GDCD: 7.00 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN VĂN TOÀN	23/03/1999	29020109	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 5.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.80
CHÂU THỊ PHƯƠNG TRÂM	14/03/1999	29024640	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.50 GDCD: 6.50 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM THỊ TUYẾT MAI	26/03/1999	29005142	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG NGỌC ANH	23/01/1999	29013089	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 5.75 KHXH: 5.25 Tiếng Pháp: 3.00
PHẠM THỊ HƯƠNG TRÀ	12/02/1999	29021372	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 4.00

LÔ THỊ THOA	27/03/1999	29015161	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN HỮU BẢO	05/09/1999	29019211	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN QUYẾT	28/02/1999	29004114	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.60
LƯƠNG THUYỀN DƯƠNG	07/08/1999	29025382	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.40
TRƯƠNG THÀNH NAM	21/08/1999	29012845	Toán: 1.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.20
QUANG THỊ THIÊN	26/09/1999	29015154	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN THỊ LINH	13/03/1999	29026862	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 1.75 KHTN: 2.17 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.80
LÊ QUANG ĐỨC	20/11/1998	29019686	Toán: 6.60 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.40
BẠCH THỊ HỒNG TRANG	04/12/1999	29024610	Toán: 9.60 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 7.80
NGUYỄN THỊ THẢO NGÂN	27/09/1999	29026368	Toán: 8.80 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 10.00
NGUYỄN THỊ ÁNH	15/01/1999	29022711	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	08/06/1999	29011063	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN THỊ TRANG	13/11/1999	29029327	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HOA	10/03/1999	29007629	Toán: 2.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 5.00
ĐẶNG VĂN SƠN	06/01/1999	29002065	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.20
LÊ THỊ NA	19/11/1999	29002745	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.50
NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	07/02/1999	29019476	Toán: 6.60 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 7.80

VỌNG VĂN KỶ	07/11/1999	29020688	Toán: 3.20 Ngữ văn: 2.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.80
LƯU THỊ NAM	08/11/1999	29010548	Toán: 5.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM BÁ ĐỨC	05/05/1998	29022754	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.60
VŨ HỒNG LÂM	02/06/1999	29018008	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN HIỂN LINH	27/08/1999	29005108	Toán: 9.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 5.00
PHẠM THỊ DUYÊN	07/03/1999	29004370	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ THU HÀ	26/10/1999	29007841	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ NHUNG	22/09/1999	29002535	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN HỒNG QUÂN	26/03/1998	29008896	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.00
LÊ THỊ NGUYỆT	25/01/1999	29021963	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 9.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	09/04/1999	29011543	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 9.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THẾ TRUNG	10/07/1999	29030858	Toán: 1.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.40
CAO THỊ TRANG	16/01/1999	29012471	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 7.60
NGUYỄN VĂN CƯƠNG	06/11/1999	29002250	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.20
VI VĂN TÚ	06/06/1999	29013786	Toán: 2.20 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.00 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 3.60
ĐẬU THỊ HƯƠNG	20/04/1999	29016708	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 2.40
LÊ VĂN DƯƠNG	25/11/1999	29027857	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 4.00

LÊ ANH DŨNG	15/07/1999	29024204	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.60
PHẠM XUÂN SANG	25/09/1999	29025223	Toán: 7.40 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 6.25 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 3.00
TRƯƠNG THỊ TRƯỜNG	25/06/1999	29006745	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 4.40
LÊ XUÂN MẠNH	10/11/1999	29020369	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 4.20
VÕ NHƯ THẮNG	22/08/1999	29002612	Toán: 4.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.00 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ HẰNG	10/01/1999	29028955	Toán: 1.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.00 GDCD: 7.25 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 2.60
LÊ NGỌC TÚ	07/06/1999	29017611	Toán: 5.00 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN DUY ĐỨC	18/04/1999	29022752	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 1.80
HỒ THỊ CẨM	10/01/1999	29008628	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN HÀM PHÚC	16/03/1998	29001791	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.60
VI VĂN LONG	19/06/1996	29014810	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.75
THÁI DUY NGHĨA	21/09/1999	29030145	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 5.75 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN QUANG KHÔI	09/12/1999	29023827	Toán: 8.40 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.40
LÊ VĂN ĐẠT	05/09/1999	29007256	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 3.40
PHAN THỊ THU TRÀ	16/11/1999	29029625	Toán: 9.20 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 7.25 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 4.40
TRƯƠNG VĂN QUYỀN	24/06/1999	29012330	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG VĂN PHỤNG	16/04/1998	29011459	Toán: 2.40 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.00

NGUYỄN ANH DŨNG	20/02/1999	29009497	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ THANH TÂM	13/01/1999	29022422	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ THU THẢO	09/08/1999	29022976	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM THỊ THANH HIỀN	27/08/1999	29009576	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 0.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.25 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HUYỀN	03/08/1998	29006410	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 2.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 2.83 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN DUY THÁI	26/03/1999	29018901	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 6 Tiếng Anh: 5.20
VI VĂN QUYẾT	22/08/1999	29020789	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.08 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ ÁNH	03/06/1999	29004887	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 6.00
HOÀNG THỊ KIỀU DUNG	02/05/1999	29027225	Toán: 6.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 6.40
LÊ THỊ THẢO	15/10/1999	29016360	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ TRÀ MY	30/07/1999	29027463	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ OANH	20/06/1999	29021981	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN TIẾN LƯỢNG	17/02/1999	29003997	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 3.00 GDCD: 4.00 KHXH: 3 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN CÔNG TÚ	16/04/1998	29028202	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.80
NGHIÊM QUỐC CƯỜNG	23/03/1999	29023639	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 9.20
VÕ THỊ THU HẰNG	20/12/1998	29027664	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Tiếng Anh: 4.00
VI VĂN AN	06/09/1999	29013851	Toán: 1.80 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.00

TRẦN THỊ THÁI	23/10/1999	29001610	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ HỒNG NHUNG	27/07/1999	29021214	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 2.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 7.75 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.60
ĐẶNG VĂN KIÊN	11/04/1999	29001974	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4 Tiếng Anh: 3.80
VI TRUNG HIẾU	24/12/1999	29014437	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.40
PHẠM VIỆT TUẤN	25/07/1999	29009363	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.60
HỒ VĂN ĐỨC	07/07/1999	29017884	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 4.00
NGÔ QUỲNH TRANG	07/11/1999	29003534	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 10.00 Sinh học: 9.25 KHTN: 8.33 Tiếng Anh: 6.40
NGUYỄN TRỌNG HOÀNG	12/03/1999	29009619	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN ĐÌNH HUY	26/09/1998	29021814	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.75 GDCD: 8.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 4.00
TRƯƠNG THỊ NGUYỄN	26/09/1999	29015052	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 3.40
LÊ HỒNG SƠN	26/06/1999	29007106	Toán: 2.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 6.50 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 3.80
VI THỊ DIỄM QUỲNH	22/04/1999	29014733	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.60
HỒ KHÁNH DƯƠNG	05/07/1999	29020243	Toán: 9.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 8.50 Hóa học: 10.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 1.60
NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI	07/03/1999	29002001	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.00 Sinh học: 6.75 KHTN: 8.17 Tiếng Anh: 7.80
LÊ THỊ THẢO	10/12/1999	29009908	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.20
ĐINH VĂN HẢI	21/07/1999	29007843	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.5 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ HOÀN	10/01/1998	29001769	Toán: 8.60 Ngữ văn: 7.50 Tiếng Anh: 9.00

HOÀNG THỊ HỒNG HẠNH	26/08/1999	29027288	Toán: 8.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 9.75 GDCD: 8.75 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 8.60
NGUYỄN THỊ TUYẾT	15/08/1999	29001194	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.50
NGUYỄN DANH THẮNG	24/04/1999	29013356	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.67 Tiếng Pháp: 1.60
HỒ THỊ NHÀN	01/11/1999	29016841	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 6.50 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THANH TÂM	25/03/1999	29004617	Toán: 7.80 Ngữ văn: 2.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 2.20
LÔ THỊ HÀ	25/10/1999	29020625	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.60
VƯƠNG ĐÌNH AN	07/12/1999	29009416	Toán: 1.00 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 1.80
THÁI ANH TUẤN	30/08/1999	29019067	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.75 GDCD: 7.75 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 2.80
PHAN THỊ TRANG	26/04/1999	29030825	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ CẨM LINH	15/03/1999	29005110	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.80
LÊ MINH ĐỨC	29/09/1998	29017658	Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 9.75
NGUYỄN THỊ LAN ANH	01/06/1998	29022090	Toán: 8.80 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.75 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ HÀ	23/06/1999	29019328	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 4.20
LƯƠNG THỊ TRANG	18/12/1999	29011103	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 4.20
LÔ VĂN MỊU	03/08/1999	29020717	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.00 KHXH: 3.83 Tiếng Anh: 2.80
LÊ ĐỨC ANH	17/08/1999	29012610	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VIỆT ANH	20/11/1999	29016077	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 5.60

TÔ THỊ DUYÊN	08/11/1999	29030411	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 3.00
TRƯƠNG HOÀNG QUÂN	08/01/1998	29026675	Toán: 7.40 Vật lí: 4.50 Tiếng Anh: 5.00
LÔ THỊ NHUNG	02/02/1999	29025188	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN NHƯ LỘC	23/03/1999	29030068	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.80
LANG THỊ HUỆ	01/12/1999	29014467	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 4.20
LÔ THỊ YẾN	11/05/1999	29020892	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN HÀ MY	07/10/1999	29026338	Toán: 9.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 8.00 Hóa học: 9.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 5.80
HOÀNG NGUYỄN DIỆU THÚY	01/11/1999	29024592	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 8.80
ĐINH THỊ NGỌC TRÂM	21/02/1999	29007448	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.83 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 4.20
ĐẶNG THỊ QUỲNH TRANG	30/09/1999	29002126	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 6.25 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 4.00
LÊ HỒ KIỀU TRINH	21/11/1999	29015270	Toán: 9.00 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 8.40
NGUYỄN VĂN KIÊN	24/12/1999	29003947	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.00
LÊ KHẮC TÚ	02/02/1999	29016509	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.60
VI THỊ MƠ	26/06/1998	29014816	Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 9.25
NGUYỄN THỊ NGÀ	02/10/1999	29005785	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.20
LÊ THỊ MAI HƯƠNG	27/11/1999	29010907	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 3.20
ĐẶNG THỊ GIANG	16/02/1998	29001759	Toán: 8.80 Hóa học: 8.25 Sinh học: 7.75
ĐẬU VĂN HOÀNG	05/12/1999	29002387	Toán: 9.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 4.80

NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	20/10/1999	29003420	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN CÔNG THẮNG	19/01/1998	29010188	Toán: 7.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.25
NGUYỄN XUÂN DŨNG	27/04/1999	29000100	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 7.20
TRẦN ANH QUỐC	22/10/1999	29029201	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.50 GDCD: 5.25 KHXH: 3.92 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN ĐÌNH THU	16/08/1998	29018954	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.40
ĐẬU THÀNH HUY	14/07/1999	29024337	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.25 GDCD: 6.50 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN ĐỨC MẠNH	30/08/1999	29030100	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 3.00
LƯƠNG VĂN TÚ	15/06/1999	29014202	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 10.00 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	28/12/1999	29027541	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN HOÀNG KIM NGÂN	18/10/1999	29026364	Toán: 9.00 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 10.00
NGUYỄN HỮU QUÂN	06/07/1999	29018126	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 6.40
NGÔ THỊ THẢO DUNG	19/12/1999	29029442	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN ĐÌNH ĐÔ	20/03/1999	29000978	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 3 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75
NGUYỄN PHẠM NGỌC AN	25/02/1999	29010813	Toán: 5.00 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 2.60
NGÔ THỊ MAI SƯƠNG	28/11/1999	29018145	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 1.50 Hóa học: 1.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 2.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ YẾN	01/05/1999	29027143	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 2.00 Hóa học: 2.25 Sinh học: 2.00 KHTN: 2.08 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.20
VÕ VĂN GIÁP	05/01/1999	29004963	Toán: 1.80 Ngữ văn: 2.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 2.75 GDCD: 7.00 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.00

NGUYỄN VĂN LONG	20/11/1999	29030062	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN THỊ THOAN	09/10/1999	29010681	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.40
BÙI ANH PHƯỚC	07/02/1997	29019778	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 5.50 KHXH: 3.75 Tiếng Anh: 2.60
BẠCH THỊ THANH	08/08/1999	29022071	Toán: 6.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG THỊ BẰNG	20/05/1999	29007535	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 5.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 4.40
BÙI THỊ HỒNG	29/09/1999	29015658	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.40
SẦM THỊ THU UYÊN	11/09/1999	29015334	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 7.00 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 4.20
VŨ CÔNG TUẤN	07/07/1999	29018259	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.08 Tiếng Anh: 3.00
VI VĂN PHÁT	31/03/1999	29013682	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.80
LƯƠNG THỊ VINH	08/09/1999	29013809	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.75 KHXH: 8.33 Tiếng Anh: 3.80
ĐẶNG THỊ PHƯƠNG THẢO	27/03/1999	29018911	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN XUÂN THÔNG	10/05/1999	29028088	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.00
LÊ THỊ LINH	12/04/1999	29019538	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.25 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 4.00
PHAN TRỌNG THÀNH	30/06/1999	29030652	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 3.60
LÊ VĂN THỎA	01/06/1999	29001650	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 1.20
PHAN VĂN AN	16/06/1999	29017812	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 4.00
THÒ BÁ HOÀNG	18/09/1999	29008276	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.20

VŨ VĂN DƯƠNG	08/08/1999	29016132	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỌ AN	01/06/1999	29011234	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.00
VÕ HOÀNG ANH	28/10/1999	29023104	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 8.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 4.60
ĐINH VIỆT VIỆT	10/12/1999	29029678	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG THỊ QUỲNH TRANG	06/05/1999	29024097	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.20
LÊ THỊ THANH	21/08/1999	29020451	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ LINH	02/10/1999	29015006	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 6.50 KHTN: 5 Tiếng Anh: 5.40
HOÀNG THỊ LAM	01/03/1999	29024381	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN PHƯƠNG LINH	16/09/1999	29024416	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 6.60
NGUYỄN TẤT HÙNG	26/08/1999	29000257	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN ĐÌNH HUỖNH	08/03/1999	29011672	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VIỆT DŨNG	25/04/1999	29007246	Toán: 9.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 9.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 6.00 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 8.00
DƯƠNG THÀNH DUY	01/08/1999	29024974	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 2.00 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 2.92 Tiếng Anh: 3.00
LÊ NGỌC ĐỨC	04/02/1999	29022751	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN TRÍ ĐẠT	27/10/1998	29024740	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50
ĐOÀN THỊ KHUY	10/02/1998	29002733	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.75 Tiếng Anh: 7.20
HOÀNG VIỆT KHOA	14/10/1999	29008782	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.40
LÊ HOÀNG HUY	03/08/1999	29001027	Toán: 4.20 Ngữ văn: 2.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75

TRẦN THỊ KHÁNH LINH	07/03/1999	29024426	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.50 GD&CD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 5.00
LƯƠNG HÀ TRANG	28/11/1999	29014186	Toán: 7.60 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GD&CD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 7.40
NGUYỄN XUÂN GIANG	29/07/1999	29028926	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.75 GD&CD: 8.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 1.60
HOÀNG ĐÌNH HÙNG	23/12/1998	29021093	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GD&CD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ THÙY LINH	16/01/1999	29015009	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ TRANG	26/04/1999	29002983	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 5.40
TRẦN THỊ PHƯƠNG	01/01/1999	29006558	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 8.80
TRẦN HỢP THẮNG	13/02/1996	29027761	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.00
LÊ NGỌC TUÂN	16/02/1999	29023394	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 9.00 Hóa học: 10.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 4.20
LÊ THỊ HÀ	28/11/1999	29013522	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75 GD&CD: 7.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.20
LÊ VĂN HIỀN	20/03/1999	29012745	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GD&CD: 8.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN ĐÌNH DẦN	16/04/1998	29029440	Toán: 6.40 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 2.25 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ THƯƠNG	18/01/1999	29009945	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GD&CD: 9.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.00
ĐƯỜNG MINH QUYỀN	15/01/1997	29030241	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.75 GD&CD: 7.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.40
LÊ VĂN QUANG	12/12/1998	29030222	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25 GD&CD: 6.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.20
ĐẶNG TRỌNG TRƯỜNG	20/07/1999	29030867	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 4.60
HỒ THỊ HÀ	01/04/1999	29010859	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 4.60

PHẠM THỊ CHI	06/09/1998	29011263	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.40
NGÔ THỊ THỦY	10/07/1999	29004210	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN TRƯỞNG ĐẠO	06/06/1999	29010325	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.75 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	24/10/1999	29005687	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN PHI	14/06/1999	29019773	Toán: 3.40 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 2.75
NGUYỄN THỊ DIỆU HIỀN	23/11/1999	29000189	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 9.00
TRẦN BÌNH TRỌNG	24/08/1999	29004747	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.80
LƯƠNG VĂN TUẤN	16/02/1999	29020861	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NHI	29/03/1999	29026400	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 7.20
VÕ THỊ HÀ PHƯƠNG	17/09/1999	29022408	Toán: 6.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ NHUNG	02/01/1999	29016212	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.80
TẶNG THỊ NHÀN	15/08/1999	29005191	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.25 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ LỘC	21/07/1999	29002480	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN HOÀNG NAM	21/05/1996	29008100	Toán: 5.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 2.75
NGUYỄN VĂN NHẬT	10/09/1999	29005192	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 9.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN THỊ LOAN	18/07/1999	29018572	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG VĂN TRÍ	22/01/1998	29011126	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.20

NGUYỄN ĐÌNH ĐIẾP	01/08/1998	29021658	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.60
PHAN THỊ NGỌC BẢO	26/12/1999	29023114	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 4 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.20
VÕ THỊ LIÊN	26/07/1999	29010470	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.40
ĐẶNG THỊ LINH	05/01/1999	29018830	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ THẢO	05/07/1999	29005299	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.60
HỒ THỊ PHƯƠNG TRANG	05/10/1999	29007428	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 2.60
NGÔ VĂN HÙNG	02/11/1999	29005044	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.20
ĐINH THỊ THÚY HIỀN	11/04/1999	29026788	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.17 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 4.40
BÙI THÁI ANH QUÂN	17/02/1999	29012886	Toán: 8.60 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 10.00
HOÀNG KHÁNH HƯNG	02/03/1999	29008765	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN SƠN	27/08/1999	29006155	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75
HỒ XUÂN LINH	12/11/1999	29007327	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 2.60
NGÂN THỊ DOAN	12/10/1999	29003065	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.25 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.40
QUÁCH BÌNH YÊN	23/05/1997	29020891	Toán: 1.40 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 5.25 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ THƯƠNG	15/02/1999	29002112	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 5.20
PHẠM THỊ THÙY	05/08/1999	29008965	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN QUỲNH MAI	26/07/1999	29024451	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 6.40

LÔ VĂN VỌNG	28/02/1999	29020879	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.25 KHXH: 8 Tiếng Anh: 4.20
HỒ THỊ MỸ DUYÊN	11/10/1999	29027236	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN ĐỨC TÂN	01/09/1998	29023509	Toán: 7.20 Vật lí: 5.75 Hóa học: 7.00
LÊ ĐÌNH CHIẾN	01/05/1997	29000948	Toán: 5.60 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.50
CAO ĐỨC TIẾN	10/02/1999	29006198	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50
TRƯƠNG THỊ TÚ UYÊN	26/08/1999	29015337	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 2.40
VI VĂN BÌNH	01/03/1999	29020564	Toán: 2.00 Ngữ văn: 2.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 2.92 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.00
ĐẶNG THỊ THỦY	08/07/1999	29011516	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ NA	03/03/1999	29022368	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 7.50 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 3.60
DƯƠNG VĂN TÚ	22/03/1999	29015292	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.20
LÊ VĂN NAM	05/05/1999	29012239	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.60
ĐỖ MẠNH HÙNG	01/04/1996	29027676	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25
VÕ XUÂN HOÀNG	29/09/1999	29005032	Toán: 1.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 5.50 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN THỊNH	02/01/1999	29017544	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN VĂN NAM	27/01/1997	29009023	Toán: 7.60 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.25
TRẦN ĐOÀN TÀI	23/03/1998	29001136	Toán: 8.80 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.50
NGÔ XUÂN HIỆP	20/08/1999	29007864	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VĂN XUÂN	01/07/1999	29018318	Toán: 3.20 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.00 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.40
TRƯƠNG VĂN BA	23/03/1999	29004889	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ LY	19/08/1999	29014043	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 2.00

NGUYỄN CÔNG VIỆT	11/10/1999	29023410	Toán: 8.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.00 Sinh học: 6.25 KHTN: 8 Tiếng Anh: 5.40
ĐẶNG THỊ THỦY	28/03/1999	29001661	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN LÊ HẢI TRANG	14/06/1999	29026542	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 5.00
TRẦN VĂN LUẬN	01/09/1999	29003993	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 6.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.20
NGÔ TRÍ TUẤN	26/06/1999	29022622	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ ĐÀO NHU	09/09/1999	29002863	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.67 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.80
HỒ THỊ CHUNG	28/12/1999	29015449	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 7.00
LÔ VĂN HẢO	07/10/1998	29019348	Toán: 1.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ GIANG	08/08/1999	29002305	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.00
GIẢN THỊ THÙY TRANG	05/08/1999	29020121	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ QUỲNH	20/08/1999	29000774	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ HOÀI	11/01/1999	29029491	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	13/12/1997	29026611	Toán: 6.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.00
NGUYỄN LÂM NHẬT TIẾN	25/12/1999	29015224	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 4.40
HÀ THỊ LIÊN	26/05/1999	29003439	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THANH TÂM	01/06/1997	29001801	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 9.00 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 7.50
ĐINH THỊ THÁI	16/10/1999	29021289	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.00 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 3.60

NGUYỄN ĐỨC THẢO	23/05/1999	29030664	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 6 Tiếng Anh: 2.40
LƯƠNG THỊ BÍCH HUYỀN	02/09/1999	29025465	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 9.25 GDCD: 9.25 KHXH: 9 Tiếng Anh: 2.80
NGÔ VĂN HƯNG	03/01/1999	29014983	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 4.00
VÕ MINH DƯƠNG	27/03/1999	29012690	Toán: 9.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 9.00 Hóa học: 8.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 7.75 Tiếng Anh: 3.80
PHAN THÙY DUYÊN	10/08/1999	29014911	Toán: 7.40 Ngữ văn: 8.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 2.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 7.60
PHAN VĂN HÀ	20/03/1999	29012011	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 6.40
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	06/08/1999	29001569	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN VĂN DUY	24/10/1999	29007247	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.92 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.40
PHAN VĂN HOÀNG	16/01/1999	29021794	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.00
NGÔ TRỌNG BẢO PHÚC	04/04/1999	29026430	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 9.50 Sinh học: 9.25 KHTN: 8.33 Tiếng Anh: 9.40
NGUYỄN THỊ HƯƠNG	08/06/1999	29011365	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.50 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ THU HIỀN	19/12/1999	29000196	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.20
CHU VĂN HẠNH	08/08/1998	29011305	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.00
TRẦN QUỐC VIỆT	01/06/1999	29028253	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG VĂN THI	03/09/1999	29011788	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN VĂN ANH QUỐC	16/11/1999	29025604	Toán: 3.20 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 2.50 GDCD: 5.75 KHXH: 3.58 Tiếng Anh: 2.40
ĐẶNG QUANG HÀNH	10/08/1998	29006006	Toán: 9.40 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.50

NGUYỄN THỊ HƯƠNG	20/02/1999	29005685	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.00
PHẠM THỊ TRÀ MY	26/02/1999	29026343	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN GIANG	16/06/1998	29002714	Toán: 9.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 9.75 Sinh học: 7.75 KHTN: 6.92
NGUYỄN VĂN LẬP	03/11/1997	29017701	Toán: 8.80 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.25
TRẦN THỊ THU HẰNG	16/12/1999	29026081	Toán: 3.80 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.50 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 5.00
LƯU THỊ THẨM	08/10/1999	29007753	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.80
HỒ THỊ QUỲNH	18/08/1999	29018888	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 4.20
HỒ THỊ THANH	26/06/1999	29017505	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.80
HỒ THỊ THU PHƯƠNG	27/08/1999	29017451	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.40
NGÔ THỊ HOÀI	29/07/1999	29003877	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN ĐÌNH TÚ	14/02/1999	29013413	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.67 Tiếng Pháp: 1.20
NGÔ THANH NGUYỄN	01/01/1999	29007359	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN THỊ XUÂN	17/10/1999	29002178	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 4.80
HOÀNG NGỌC THÔNG	03/09/1997	29010197	Toán: 2.60 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.25
TRẦN ĐĂNG DIỆU	02/04/1999	29001260	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.00 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.20
CAO ĐĂNG ĐỨC	07/07/1999	29005567	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.80
ĐÀO MINH ĐỨC	06/04/1999	29004387	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.00

LÊ THỊ HẰNG	17/01/1999	29015583	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN ĐỨC TÂM	12/10/1999	29016333	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.60
VƯƠNG THỊ HẢI SANG	27/02/1999	29028044	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 6 Tiếng Anh: 2.80
TRƯƠNG VĂN HUY PHƯƠNG	09/10/1999	29016256	Toán: 4.00 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 5.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.20
LÊ VĂN TRƯỜNG	21/11/1999	29012972	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ ANH	17/02/1999	29018346	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.25 GDCD: 7.50 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.40
VŨ VĂN TUYẾN	08/02/1999	29004792	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 4.00
HỒ THỊ HUỆ	16/03/1999	29016675	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 5 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN QUANG TÙNG	08/06/1999	29012985	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ THU	08/11/1999	29017549	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 5.25 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN VĂN QUÂN	24/04/1999	29030614	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN VĂN ĐỨC	01/07/1999	29000129	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.80
SẦM VĂN TÚ	01/03/1999	29013785	Toán: 3.20 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.20
PHAN THỊ THANH	07/04/1999	29012369	Toán: 2.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ SEN	22/02/1999	29028631	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	29/10/1999	29021201	Toán: 8.60 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ MỸ	06/01/1999	29004026	Toán: 2.80 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 10.00 GDCD: 9.25 KHXH: 9.25 Tiếng Anh: 3.40

LÊ THỊ HƯƠNG TRÀ	05/04/1999	29009963	Toán: 7.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 8.75 Sinh học: 7.75 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 3.40
NGÔ THỊ BÌNH	13/03/1999	29017113	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN NGUYỄN HIẾU	04/02/1999	29018791	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC	24/07/1998	29006913	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ MƠ	07/03/1999	29022895	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.50 GDCD: 7.25 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN TẤT HOÀI NAM	12/09/1999	29001514	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.60
VƯƠNG THỊ TUYỀN	17/03/1999	29028776	Toán: 2.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 5.20
HỒ THỊ HÀ	15/07/1999	29015547	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 5.50 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ BÌNH	20/10/1999	29004898	Toán: 6.40 Ngữ văn: 8.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN VĂN QUANG	25/09/1998	29029383	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.00
NGUYỄN ĐỨC QUÂN	19/05/1999	29004580	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ TRINH	26/08/1999	29004742	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 9.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 5.20
CHU THỊ THƯƠNG	02/07/1999	29005329	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.80
VÕ HỒNG HẠNH	01/12/1999	29004988	Toán: 8.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 8.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 6.60
NGÔ THỊ QUỲNH	14/03/1999	29029582	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 7.25 KHTN: 6 Tiếng Anh: 6.40
NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	09/03/1998	29027756	Toán: 8.40 Hóa học: 5.50 Sinh học: 8.50
NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG	20/05/1999	29025749	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 5.40

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	21/09/1998	29005955	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.25 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN VĂN XUÂN	23/01/1999	29020547	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.25 KHTN: 2.67 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ NGỌC MAI	12/09/1999	29007033	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.60
ĐINH QUANG HUY	20/10/1999	29012095	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.60
LÊ ĐỨC MẠNH	22/08/1996	29027705	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.75
NGUYỄN VĂN DŨNG	15/07/1999	29017861	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 2.60
HOÀNG VĂN LỢI	23/02/1999	29001055	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 3.67 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25
PHAN VĂN THU	31/10/1999	29028101	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.00
ĐẬU THỊ TRANG	04/02/1999	29016999	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 3.20
LÊ MAI HOA	12/02/1998	29010097	Toán: 8.80 Vật lí: 6.00 Tiếng Anh: 8.60
TRƯƠNG THỊ DÂN	01/05/1999	29014326	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.40
VÕ THỊ HẰNG	15/04/1999	29006933	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN MAI ĐÔNG	19/03/1998	29001283	Toán: 4.20 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ BÌNH	20/04/1999	29021573	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	20/05/1999	29020169	Toán: 1.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 5.00 KHXH: 4.08 Tiếng Anh: 1.60
LƯƠNG THỊ NGỌC LINH	12/10/1999	29012174	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.75 GDCD: 4.75 KHXH: 3.92 Tiếng Anh: 2.40
PHẠM VĂN CƯỜNG	18/03/1998	29019874	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.92 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ THƠM	28/08/1999	29011081	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 4.00

TRƯƠNG THỊ QUYÊN	15/01/1999	29027561	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN ĐÌNH HÙNG	10/06/1999	29024335	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.00 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN VĂN LỘC	23/05/1998	29014811	Toán: 9.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 7.00
HỒ ANH TÚ	15/04/1999	29018236	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 3.60
VƯƠNG THẾ LÂM	11/11/1999	29023836	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ HÀ	04/12/1999	29010353	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.40
HẠ BÁ LỖ	10/02/1999	29008336	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 3.25 GDCD: 6.00 KHXH: 3.83 Tiếng Anh: 2.80
TRỊNH VĂN BẮC	11/08/1998	29022716	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.40
HÀ THỊ PHƯƠNG	01/05/1999	29025588	Toán: 5.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 9.75 Địa lí: 9.00 GDCD: 6.50 KHXH: 8.42 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN NGỌC QUYẾT	28/05/1998	29005857	Toán: 2.60 Ngữ văn: 1.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 5.75 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 1.80
TRẦN ĐĂNG HÀO	15/01/1999	29001328	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.80
ĐẶNG THỊ HỒNG NHUNG	24/05/1997	29010771	Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75
NGUYỄN THỊ HIỀN	22/04/1999	29011317	Toán: 6.00 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 9.00 GDCD: 9.00 KHXH: 8.58 Tiếng Anh: 5.40
TRẦN THỊ THANH MAI	24/03/1998	29019747	Toán: 9.00 Hóa học: 10.00 Sinh học: 9.75
NGUYỄN THỊ TRÀ MI	11/11/1999	29007930	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 4.40
VI THỊ THƯƠNG	30/09/1999	29025725	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN TRÍ	10/02/1999	29002139	Toán: 7.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 2.80

NGUYỄN ĐỨC VIỆT	02/10/1994	29017803	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.00
CAO THỊ SAN	25/06/1999	29005869	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.20
ĐƯỜNG GIA HƯNG	23/06/1999	29026190	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 8.75 Hóa học: 10.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 3.60
HỒ THỊ TRANG	29/10/1999	29019012	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 5.60
LÊ THỊ THU HIỀN	01/01/1999	29004419	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 3.00
ĐẶNG THỊ HUYỀN	20/11/1999	29019464	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 2.80
VĂN THỊ PHÚC	17/02/1999	29016240	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 5.80
TRẦN LAN ANH	25/10/1999	29007214	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.42 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.00
LÊ VĂN BĂNG	09/09/1995	29027630	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.00
TRẦN THỊ NGUYỆT	23/08/1999	29007713	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.25 GDCD: 6.75 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 3.00
HỒ TIẾN ĐẠT	30/04/1999	29017159	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN SỸ HIẾU	17/01/1999	29002362	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.20
HỒ THỊ SOA	13/08/1999	29014130	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.40
PHAN THỊ HUYỀN	22/08/1999	29021826	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 5.80
CAO QUỐC ANH	01/07/1999	29006253	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 5.80
ĐỒNG THỊ CẨM NHUNG	08/09/1999	29024508	Toán: 8.40 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 8.80
DƯƠNG THỊ HƯƠNG MÂY	25/10/1999	29015861	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.00

LANG VĂN THẮNG	11/05/1999	29013735	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ DƯƠNG	10/01/1999	29001871	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 6.00 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ TÚ OANH	16/11/1999	29008871	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 5.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.40
HOÀNG THỊ NAM	12/08/1999	29019619	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.40
QUÁCH HỮU DẦN	05/10/1998	29015925	Toán: 8.40 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 1.00 KHTN: 5.83
ĐẬU THỊ THẢO CHI	21/04/1999	29024173	Toán: 8.40 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.00 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 9.20
HỒ CÔNG NGUYỄN	24/10/1999	29016178	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ THÀNH	16/02/1999	29002936	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.08 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 2.60
PHẠM THỊ THANH	25/12/1999	29017510	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ LIÊN	25/11/1999	29008798	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.60
LÊ THỊ NGÀ	22/07/1999	29019628	Toán: 1.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG VĂN TIẾN	02/11/1998	29024604	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.60
VŨ VĂN SỸ	18/10/1999	29017492	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.00 GDCD: 4.50 KHXH: 3.42 Tiếng Anh: 2.80
ĐÀM LÊ MINH ANH	14/11/1999	29004868	Toán: 9.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ ÁNH	05/09/1999	29020947	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 7.75 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VÕ MAI TRINH	20/01/1999	29024647	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ NHUNG	13/09/1999	29019905	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.60

TRẦN THI SON	02/10/1999	29030265	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.80
HUỖNH VĂN NHẬT	10/01/1999	29000447	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN HUY HÙNG	16/06/1999	29014974	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ THU HIỀN	20/11/1999	29012747	Toán: 6.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 6.60
NGUYỄN THỊ THẢO	21/03/1999	29021311	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.60
TRƯƠNG MINH TRAI	15/08/1999	29004706	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN MINH QUÂN	15/09/1999	29014109	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ KHÁNH HUYỀN	10/09/1999	29000277	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ YẾN	10/10/1999	29023095	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 6.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 4.60
LÔ MINH HIẾU	16/03/1999	29003624	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 1.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.58 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.75
NGUYỄN THÀNH ĐẠT	01/02/1999	29017163	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HẢI VÂN	12/09/1999	29029673	Toán: 7.80 Ngữ văn: 9.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 9.60
TRẦN NGỌC ĐỨC	28/08/1999	29017885	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 7.60
PHÙNG THỊ LAN ANH	26/12/1999	29011585	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 4.00
LÊ VĂN QUANG	16/08/1999	29017461	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 5.00
VŨ MINH HIẾU	30/09/1999	29019395	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ THỦY	02/12/1999	29008969	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.20

NGUYỄN VĂN DŨNG	27/08/1999	29000098	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 5.20
PHAN HUY TRƯỜNG	07/11/1999	29020172	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 3.75 GDCD: 4.25 KHXH: 3.42 Tiếng Anh: 1.80
TRẦN VĂN QUANG	05/10/1999	29000754	Toán: 8.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG	09/09/1999	29009567	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 4.40
DƯƠNG BẢO KHÁNH	18/04/1999	29024785	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.08 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.75
BÙI GIA ĐẠT	07/11/1999	29020989	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.40
PHÙNG THỊ HIỀN	03/08/1999	29015603	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.40
HỒ SỸ HƯNG	30/07/1999	29018819	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 6.00 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 3.60
NGÔ THÚY QUỲNH	09/01/1999	29007731	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.00
LÊ XÍCH TỐP	26/06/1999	29004702	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 5 Tiếng Anh: 7.00
VÕ THỊ THẢO	31/07/1999	29027618	Toán: 2.20 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	05/02/1999	29008015	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 2.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.92 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN THỊ LINH	22/06/1999	29021147	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 1.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.42 Tiếng Anh: 2.20
VÕ ĐÌNH HIẾU	06/06/1999	29029485	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 4.20
MAI YẾN NHI	28/08/1999	29028013	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN TRỌNG TÙNG	19/05/1999	29019078	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.00
HỒ NGỌC THIỆN	15/06/1999	29013363	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4 Tiếng Anh: 2.80

NGUYỄN DUY PHƯƠNG	08/08/1996	29010159	Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.50
PHẠM ĐÌNH QUANG	01/03/1999	29006132	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.75
ĐẶNG THỊ SƯƠNG	16/10/1999	29002586	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.60
LÊ HỮU CƯỜNG	21/01/1997	29010059	Toán: 8.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.75
CAO THỊ HIỀN	21/06/1999	29027299	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.60
PHẠM THỊ HUYỀN	20/05/1998	29027362	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.50 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.20
ĐẶNG HỮU TÍN	10/10/1999	29030776	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.75 GDCD: 9.25 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 3.00
PHAN MAI HÂN	15/09/1999	29029478	Toán: 6.20 Ngữ văn: 8.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 7.60
TRẦN THỊ HUYỀN	09/05/1999	29027366	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.00
VÕ VĂN ĐỨC	25/04/1999	29019311	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.80
VI VĂN HẠNH	20/01/1998	29019345	Toán: 1.20 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG VĂN ĐỊNH	01/10/1999	29020613	Toán: 4.60 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM VĂN VŨ	18/04/1999	29015360	Toán: 1.40 Ngữ văn: 2.75 Vật lí: 2.00 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.42 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ HOA	26/07/1999	29021760	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.20
NGÔ THỊ THANH THẢO	10/02/1999	29013349	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN TRỌNG HÙNG	30/09/1999	29019450	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.80
NGÔ THÀNH ĐẠT	31/12/1999	29013915	Toán: 1.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.20

NGUYỄN THỊ THAO	20/02/1999	29023339	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 7.00 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 4.40
HỒ THỊ SEN	07/08/1999	29017479	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ THƯƠNG THƯƠNG	08/12/1999	29029302	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 5.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN XUÂN LUÂN	31/12/1999	29021160	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.25 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ THU UYÊN	15/06/1998	29007483	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN ĐỨC HUYỀN	24/12/1999	29005056	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.60
TRƯƠNG TIẾN ĐẠT	27/10/1999	29011986	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 4.20
LÔ THỊ PHƯƠNG NHƯ	27/05/1999	29003239	Toán: 2.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 9.25 GDCD: 8.00 KHXH: 8.58 Tiếng Anh: 2.20
HOÀNG THỊ XUÂN THANH	04/04/1999	29025626	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.40
TRỊNH THỊ LÊ	01/05/1999	29021865	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN ĐƯỢC	13/10/1999	29020263	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.83 Tiếng Anh: 3.60
TRỊNH THỊ THẢO	21/10/1999	29028066	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 4.00
NGÔ THỊ ANH	08/10/1999	29022172	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 4.20
LƯƠNG VĂN MẬU	05/03/1997	29020714	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.50 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.20
BÙI THỊ THU PHƯƠNG	10/11/1999	29023968	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 9.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 6.20
VÕ THỊ THƯƠNG	29/04/1999	29011801	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.80

NGUYỄN VĂN KHOA	19/01/1999	29025088	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ LỢI	01/06/1999	29012194	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ THẢO	21/08/1999	29016363	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GD&ĐT: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ HẢI	08/08/1999	29012016	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ HỢP	01/05/1999	29003406	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN THỊ MAI ANH	12/09/1999	29024919	Toán: 8.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 8.00 Sinh học: 8.00 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN ĐÌNH DƯƠNG	28/01/1999	29029448	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 4.80
DƯƠNG TRỌNG HIẾU	03/04/1999	29001360	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GD&ĐT: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN VĂN LONG	19/06/1999	29015018	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.33 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GD&ĐT: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN TẤN HẬU	08/05/1996	29024760	Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 8.50
VŨ VĂN HÙNG	01/01/1999	29005046	Toán: 8.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 9.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM THẾ TÀI	21/03/1999	29004148	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GD&ĐT: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.00
ĐẶNG VĂN THÔNG	18/07/1999	29029282	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.00 GD&ĐT: 8.75 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ LĨNH	14/07/1999	29030053	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75 GD&ĐT: 6.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.60
LANG THỊ HOÀNG CẨM	19/09/1999	29013879	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 3.00
VĂN THỊ BA	30/10/1999	29016085	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 5.80
TẦN LÊ NGỌC THẢO	14/08/1999	29025648	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4 Tiếng Anh: 3.60

ĐẶNG XUÂN THÔNG	26/02/1999	29008132	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.17 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75
HỒ SỸ KHÁNH	21/04/1999	29001442	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ MỸ	01/07/1998	29010544	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN DŨNG	11/05/1999	29004932	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 5.00
QUANG THÁI SANG	05/09/1999	29025224	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 2.80
BÙI XUÂN THẮNG	15/12/1998	29022148	Toán: 7.20 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.75
TRẦN NGỌC CHIẾN	23/07/1999	29025961	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ TRANG	13/08/1999	29017010	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 2.80
VI VĂN DƯƠNG	15/08/1999	29008233	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 4.75 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN VĂN HÙNG	14/10/1999	29015681	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN XUÂN KHÁNH	03/10/1998	29019139	Toán: 4.60 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.25
NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	10/01/1999	29013095	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 2.50 Hóa học: 1.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.5 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.40
VÕ TRUNG HIẾU	17/03/1998	29006942	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM CÔNG TOÀN	08/09/1999	29029312	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.80
LÊ THỊ HỒNG YẾN	21/10/1999	29018324	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.20
LŨ VĂN MAY	05/04/1999	29008356	Toán: 4.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ LAN	15/02/1998	29030027	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.20

NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	20/10/1999	29025848	Toán: 8.60 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN THƯỜNG	22/09/1999	29028717	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.60
LÊ QUỐC TÚ	04/07/1999	29029644	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.60
TRỊNH THỊ MAI	23/06/1999	29005759	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 3.80
VŨ VĂN HÒA	24/02/1999	29017938	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 2.25 Hóa học: 1.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 2.67 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 5.60
NGÔ THỊ QUẾ	05/06/1998	29019154	Toán: 6.20 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.50
HOÀNG THỊ HẠNH	17/03/1999	29010372	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 2.40
LÊ THỊ TÚ ANH	21/11/1999	29008594	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.00
ĐẬU ĐÌNH TOÀN	05/03/1999	29023369	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 2.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 2.80
VÕ HỒNG THÁI	23/03/1999	29015109	Toán: 1.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ THÚY	24/03/1999	29001163	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.92 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75
NGUYỄN VĂN PHI	05/09/1999	29016869	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN THỊ YÊN	15/02/1999	29022672	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.00
ĐẬU ĐỨC PHONG	23/06/1999	29016870	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 2.40
VI KIẾP DOANH	20/10/1999	29025371	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 4.40
LÊ VĂN BẢO	30/03/1999	29019209	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM KIM NHẬT	29/07/1999	29002862	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 9.00 Hóa học: 8.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 5.20

NGUYỄN THỊ DƯƠNG	06/09/1999	29029794	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.20
VĂN THỊ OANH	27/03/1999	29016233	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN ĐẠI HUY	19/11/1999	29029974	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ DUNG	17/11/1999	29020598	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.20
VŨ KHẮC LƯƠNG	03/08/1999	29017365	Toán: 4.00 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ NGỌC ÁNH	15/08/1999	29025351	Toán: 4.40 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.25 KHXH: 8.92 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN ANH QUANG	14/01/1998	29025597	Toán: 2.40 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.75 GDCD: 5.75 KHXH: 4 Tiếng Anh: 2.60
PHAN THỊ HOÀN	01/05/1999	29030476	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 5.40
TẠ ĐÌNH DŨNG	11/09/1998	29005540	Toán: 4.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	02/12/1999	29003347	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 8.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 7.00
TRẦN THỊ TÌNH	06/06/1999	29023029	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ ÁNH TUYẾT	06/06/1999	29000898	Toán: 9.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 8.75 Sinh học: 9.00 KHTN: 7.83 Tiếng Anh: 7.00
HỒ TRỌNG MỪNG	10/02/1999	29015873	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 5.25 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN THỊ MAI TRANG	11/08/1999	29030804	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.60
LÊ NHẬT ANH	19/10/1999	29027814	Toán: 7.60 Ngữ văn: 2.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 2.25 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG	10/11/1999	29003935	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 4.60
NGÔ THỊ TRANG HÀ	12/07/1999	29004973	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 5.60

HỒ TRỌNG BẢO	04/12/1998	29011924	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.40
VÕ THỊ KHÁNH	19/07/1999	29008781	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.80
CAO VĂN LINH	29/04/1999	29019527	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 5.50 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN TRẦN ĐỨC THẾ	31/08/1999	29026516	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN THỊ THÚY HOÀI	10/11/1999	29002383	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 3.20
VI BÁ HÙNG	02/09/1999	29008287	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 4.40
PHẠM HỒNG TUẤN	10/07/1998	29006227	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.50
TRƯƠNG THỊ PHIÊN	03/09/1999	29014687	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.60
VI ĐỨC TÀI	11/05/1998	29014134	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.20
LÊ THỊ HOÀI	11/10/1999	29026795	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.92 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 5.00 KHXH: 4 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ QUỲNH	30/09/1999	29005246	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 5.00 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ ĐỨC HIẾU	03/05/1999	29014954	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ HẰNG	11/02/1998	29000998	Toán: 5.40 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.75
ĐẶNG TRẦN ĐỨC	20/12/1997	29002711	Toán: 6.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 4.75
HỒ THỊ QUỲNH	09/03/1999	29016282	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 8.80
ĐÀO VĂN QUANG	16/10/1998	29018669	Toán: 5.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 6.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.40
LƯU ĐÌNH HOÀNG	13/08/1999	29000690	Toán: 9.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 9.25 Hóa học: 9.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 7.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.60

NGUYỄN THỊ HUYỀN	07/01/1999	29006411	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 3.00
LÀU Y XÌ	02/08/1999	29025839	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.25 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN SƠN	16/02/1999	29002069	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.17 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 5.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.40
LÊ THỊ PHƯƠNG	21/07/1999	29002042	Toán: 9.20 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.50 Sinh học: 8.25 KHTN: 8.17 Tiếng Anh: 7.80
ĐẬU VĂN TIẾN ANH	07/08/1999	29027809	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.17 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.25 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 2.60
LÊ THỊ HÀ VY	01/04/1999	29013812	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN VĂN DUY KHÁNH	03/03/1999	29020672	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ LINH HẰNG	18/06/1999	29028950	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM THỊ THOA	19/07/1999	29004196	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 7.40
LƯƠNG THỊ VÂN ANH	01/01/1999	29024913	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN HỮU HIẾU	01/01/1999	29021747	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.00 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 1.80
ĐOÀN THỊ LAN ANH	17/10/1999	29005948	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 2.50
HÀ THỊ NGỌC ÁNH	15/04/1999	29022709	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 8.00
NGUYỄN HỮU TRƯỜNG	25/10/1999	29024655	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 8.20
PHAN VĂN PHƯƠNG	12/11/1999	29019942	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.40
LƯƠNG TUẤN ANH	13/01/1999	29024915	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ YẾN	14/06/1999	29030963	Toán: 3.80 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 9.25 GDCD: 6.75 KHXH: 8.33 Tiếng Anh: 4.00

PHẠM ĐỨC TOẢN	20/08/1999	29004701	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 4.40
HOÀNG YẾN NHI	12/10/1999	29023948	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 7.75 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 4.60
LÊ THỊ THƯƠNG	18/08/1999	29002110	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THU HIỀN	24/06/1999	29027304	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN CÔNG TUẤN TÚ	18/10/1999	29026567	Toán: 8.40 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 6.60
NGUYỄN VĂN VƯỢNG	19/08/1998	29004312	Toán: 8.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.75
NGUYỄN THỊ THU TRANG	21/01/1999	29007437	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ TRÀ MY	22/10/1999	29009760	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	03/02/1999	29022006	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.75 GDCD: 7.00 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN HOÀNG ANH	16/01/1999	29004321	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 4.80
TRẦN VĂN QUÂN	23/04/1999	29005233	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN THỊ HẰNG	10/02/1999	29028956	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VĂN ĐỨC	29/07/1999	29007264	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN VĂN KHÁNH	12/11/1999	29015727	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	28/02/1999	29026748	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN VĂN TÀI	28/08/1999	29023330	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 4.00
CHU THỊ DUYÊN	29/10/1999	29000969	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.08 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.50

TRẦN NGỌC ANH	07/05/1999	29000032	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN LÊ NGÂN	07/08/1999	29024482	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.67 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 5.20
LÊ THỊ HƯỜNG	18/05/1999	29018821	Toán: 3.80 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.25 KHXH: 7.75 Tiếng Pháp: 3.80
TRƯƠNG QUỲNH NHƯ	21/06/1999	29007959	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 6.25 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 1.80
TRẦN THỊ LÂM ANH	11/05/1999	29023592	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 8.20
LÊ THỊ THỦY	20/01/1999	29012933	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.00
ĐẬU ĐỨC HÙNG	28/08/1997	29004243	Toán: 3.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 2.50
BÙI THỊ NGỌC ÁNH	27/12/1999	29002215	Toán: 9.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 4.80
TRẦN VĂN CHẤT	30/08/1998	29015437	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG THỊ XUÂN DUNG	02/01/1999	29017138	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.80
TRẦN THỊ THUẬN	30/09/1998	29028833	Toán: 6.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.00
NGUYỄN THỊ TRANG	12/10/1999	29027049	Toán: 6.60 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 8.80
NGUYỄN THỊ HUYỀN	25/07/1999	29001428	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ HOA	03/02/1999	29017936	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	13/05/1999	29030604	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 4.80
TRẦN VĂN LƯƠNG	08/05/1999	29030080	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.80
HOÀNG HẢI VÂN	19/02/1999	29025817	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 5.80
HỒ THỊ NGỌC QUỲNH	28/05/1999	29018682	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.60

NGUYỄN NGỌC PHÚ	23/10/1999	29016238	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.50 GDCD: 5.75 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 2.00
LÊ XUÂN QUÝ	09/01/1999	29013697	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HIỀN	20/09/1999	29008711	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.00
LƯƠNG THÁI NHẬT	08/10/1999	29020745	Toán: 1.60 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 5.50 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ TRANG	06/08/1999	29029320	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN CÔNG TÙNG	19/04/1999	29030910	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	03/07/1999	29028023	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.80
VÕ THUỶ LINH	11/11/1999	29005733	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.60
LÀU Y MÀI	24/05/1992	29008554	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.50
VÕ THỊ LÝ	08/03/1999	29000389	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM XUÂN HOÀNG	20/12/1997	29026140	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ NGÂN	24/11/1998	29005791	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN TRUNG ĐÔNG	26/09/1999	29008059	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.00 Sinh học: 1.25 KHTN: 2.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.25
ĐẶNG DUY AN	08/09/1998	29017621	Toán: 2.20 Ngữ văn: 1.50 Tiếng Anh: 2.20
BÙI DIỆU LINH	28/07/1999	29002460	Toán: 8.60 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 9.00
ĐẬU TIẾN HOÀNG	07/12/1999	29017949	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 8.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ LƯU	14/12/1999	29002483	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 7 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN THỊ HIẾU	27/03/1997	29014245	Toán: 3.20 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 4.75

NGUYỄN ĐÌNH TIẾN	20/02/1999	29022532	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THẾ ĐỊNH	16/04/1999	29015514	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.25 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 2.60
HỒ NGỌC LÂM	20/11/1999	29018543	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.20
PHAN HUY HOÀNG	08/10/1999	29010419	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.20
LÊ VĂN MẠNH	30/04/1999	29017372	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.80
LÊ ANH QUÂN	31/07/1999	29013309	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ NHO	21/03/1998	29004064	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ PHƯƠNG THẢO	01/01/1999	29021303	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.40
KHA THỊ TIẾT	12/01/1999	29008463	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
LƯƠNG VĂN QUANG	20/07/1997	29008563	Toán: 3.20 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.50
TRƯƠNG VĂN BÁU	25/07/1997	29011546	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.00
LÊ ANH QUÂN	20/01/1999	29028032	Toán: 4.00 Ngữ văn: 2.75 Vật lí: 2.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.75 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN QUANG LINH	22/11/1999	29004507	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.40
CAO THỊ LOAN	26/07/1999	29006472	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 9.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ HOA	12/02/1999	29022279	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 7.00 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN DUY GIÁP	27/03/1998	29007604	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.75 Tiếng Anh: 4.20
CAO THỊ HOÀI TRÂM	12/10/1999	29005363	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 2.80

LÔ THỊ TÂM	08/07/1999	29020807	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.60
HỒ THỊ HUYỀN	29/01/1999	29006967	Toán: 1.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 5.25 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.60
NGÔ XUÂN THÁI	18/01/1999	29005278	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 4 Tiếng Anh: 3.60
KIM TRỌNG ĐẠT	01/11/1998	29014239	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 4.75 KHXH: 3.92 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ YẾN	08/05/1999	29029692	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.20
LÊ HỒNG CHIẾN	20/04/1999	29003055	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.75 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 2.40
LÊ XUÂN PHÚC	22/11/1999	29030598	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 4.00
BÙI THỊ VÂN NGA	06/09/1999	29017396	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.80
CAO TIẾN LỘC	10/03/1999	29026287	Toán: 8.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ THƠ	03/09/1999	29020045	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.75 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN SỸ HƯỜNG	30/10/1999	29022321	Toán: 9.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 9.00 Hóa học: 9.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 7.92 Tiếng Anh: 6.80
TRẦN THỊ THƠ	16/04/1999	29020471	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.17 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN VĂN NAM	24/05/1998	29001786	Toán: 5.80 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.75 Tiếng Anh: 5.00
TRẦN THỊ KIỀU SANG	25/11/1999	29019974	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ HUYỀN	25/12/1999	29017983	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 6.25 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ THƯƠNG	01/02/1999	29000841	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 1.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.08 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ HIỀN	29/09/1999	29001353	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.00

TRẦN THỊ TIỂU HỒNG	10/04/1999	29019434	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 9.25 GDCD: 8.50 KHXH: 8.67 Tiếng Anh: 4.80
PHAN THỊ THANH HÒA	10/05/1999	29006024	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50
NGUYỄN VĂN ĐỨC	16/08/1998	29005990	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN ĐỨC KHÁNH	28/08/1999	29016725	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 3.80
HỒ TRỌNG ĐỨC	11/05/1999	29014365	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.50 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN GIA ẮN	31/08/1999	29023110	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN THỊ TUYẾN	15/08/1999	29004791	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.00
NGÔ MINH TRÍ	28/01/1999	29006714	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 4.80
THÁI CẨM HUYỀN	30/06/1999	29019481	Toán: 7.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 7.80
TRẦN QUỐC ĐÔNG	05/01/1999	29007259	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 9.25 Hóa học: 8.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THANH HOÀI	03/01/1999	29015639	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.40
GIÀ BÁ SÒ	13/11/1999	29008425	Toán: 4.20 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 6.00 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG THỊ LÝ	08/12/1999	29000386	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 4.20
LÊ ANH HÀO	15/12/1999	29010870	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 9.50 Sinh học: 1.75 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN THANH	15/10/1998	29028652	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.20
LÊ VĂN HUY	15/10/1999	29022299	Toán: 9.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 8.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 6 Tiếng Anh: 8.00
TRẦN THỊ OANH	28/03/1999	29029178	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.80

HỒ LINH CHI	03/02/1999	29000642	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.42 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.40
HOA VĂN LINH	08/05/1999	29008328	Toán: 2.00 Ngữ văn: 2.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 2.60
BÙI XUÂN HUY	20/02/1999	29018500	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 2.75 GDCD: 6.25 KHXH: 3.83 Tiếng Anh: 2.00
LÊ HỮU TÂN	20/06/1999	29020446	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ NGỌC	30/01/1999	29021956	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ HOÀI VY	30/10/1999	29028264	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 9.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ LOAN	01/04/1998	29001778	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 5.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ MINH NGỌC	04/05/1999	29005184	Toán: 8.40 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.25 KHXH: 8 Tiếng Anh: 8.80
NGUYỄN THỊ MINH	28/10/1999	29028548	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.40
CAO THỊ LIÊN	19/11/1999	29006450	Toán: 6.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN XUÂN TÀI	07/09/1999	29021285	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 1.00
CHU VĂN CHIẾN	05/06/1999	29019231	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 1.80
LỮ THỊ NHI	21/10/1999	29003229	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.40
THÁI THỊ VIỆT ANH	10/02/1999	29028281	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 6.60
NGUYỄN VĂN DUY	05/01/1998	29018392	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 4.25 KHXH: 4 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ TRÂM ANH	16/07/1999	29012613	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 6.25 KHTN: 5 Tiếng Anh: 5.40
KIM VĂN TÚ	11/09/1999	29014199	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 3.20

VI THỊ TUYỀN	03/09/1999	29008484	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.60
HỒ VĂN DANH	28/09/1999	29011958	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN TRUNG HIẾU	31/01/1999	29024308	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.20
BÙI TIẾN SỸ	19/06/1999	29017490	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.60
VÀ BÁ RỒNG	16/10/1999	29008417	Toán: 1.60 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 5.00 KHXH: 3.83 Tiếng Anh: 3.00
VÕ NHẬT HÒANG	18/08/1999	29026141	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 8.80
NGUYỄN THỊ TÚ UYÊN	04/04/1999	29020870	Toán: 2.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ HOÀI	12/11/1999	29000230	Toán: 2.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.80
LÊ VĂN SƠN	28/06/1997	29022964	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	26/03/1999	29021382	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.80
PHAN THỊ MAI	11/01/1999	29019595	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN ANH TUẤN	26/08/1999	29018250	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 2.60
LÔ THỊ LAN	27/08/1999	29025098	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 3.60
HỒ HỮU HIỆP	13/08/1999	29018458	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.20
ĐÀM VĂN TÂM	09/02/1999	29030279	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 1.60
HỒ VĂN TUẤN	10/12/1999	29020521	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 7.80
NGUYỄN THỊ HƯƠNG	08/12/1999	29007661	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.20

LƯƠNG THỊ AN	03/02/1999	29014867	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN QUỐC NHẬT	10/03/1999	29010989	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 4.20
ĐẬU ĐỨC HƯNG	19/10/1999	29015701	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ TRANG	28/08/1999	29020137	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN VĂN TÙNG	25/05/1998	29007473	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VIỆT HOÀNG	24/02/1999	29030479	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ LỆ HẰNG	30/04/1999	29014947	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 4 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN VĂN LỰC	03/10/1999	29014561	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.00
BÙI THỊ NHÀN	21/01/1999	29001538	Toán: 4.60 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 7.20
HOÀNG TẮT THANH	06/07/1999	29006605	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 9.00 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN VĂN HUY	02/02/1999	29017283	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM THỊ HỒNG NHUNG	01/05/1999	29020398	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 8.50 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 4.80
PHẠM THỊ NGỌC ÁNH	21/08/1999	29024936	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 6 Tiếng Anh: 6.20
LƯƠNG THỊ THỦY QUỲNH	26/09/1999	29010619	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 3.00
ĐẶNG THỊ THANH LAM	28/07/1999	29029520	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 5 Tiếng Anh: 5.00
SẦM VĂN HƯNG	24/09/1999	29014000	Toán: 2.40 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 4.50 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN VĂN CHIẾN	03/08/1995	29027633	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 8.00

NGUYỄN THỊ NGỌC	08/03/1999	29002526	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.50 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 2.80
PHAN THỊ KHÁNH HUYỀN	06/09/1999	29013184	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 7.75 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 5.20
PHAN THỊ TÍNH	22/07/1999	29028724	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN TĂNG CƯỜNG	04/08/1999	29025972	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN CÔNG HIẾU	06/07/1999	29005016	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN TIẾN ĐẠT	09/06/1999	29014922	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.00
NGÔ ĐỨC TOÀN	10/08/1999	29020106	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THANH TÚ	05/09/1998	29026707	Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 9.25
PHAN VĂN THẮNG	11/01/1999	29028677	Toán: 1.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	12/06/1999	29012975	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ LINH	20/03/1999	29022868	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.00 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 5.00
VI THỊ VI LA	19/04/1999	29003173	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.00
LÊ XUÂN SÁNG	07/10/1999	29030257	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.40
THÁI DOÃN TIẾN	07/01/1999	29010698	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.60
THÁI VĂN THÀNH	02/09/1999	29021297	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.60
VÕ VĂN ĐỨC	09/07/1999	29029835	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN THỊ NGÀ	16/01/1999	29009772	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.75 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.20

VÕ CÔNG PHÚ	03/02/1999	29000747	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 2.25 Hóa học: 2.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 3.17 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN QUẢN	18/01/1999	29018668	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.00
LƯƠNG NGỌC ÁNH	24/09/1999	29020560	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ KHẢI	06/08/1998	29015956	Toán: 5.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.50
TRẦN QUANG VINH	02/04/1999	29012543	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.20
TĂNG THỊ NGÀ	12/01/1999	29005172	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.80
LƯU THỊ PHƯƠNG	21/11/1999	29029190	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.25 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.80
BÙI XUÂN TÂM	08/02/1999	29002927	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 2.20
HÀ THỊ KIM ANH	09/10/1999	29013460	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.00
VŨ THỊ ÁNH	03/06/1999	29005493	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.00 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 1.40
VĂN THỊ GIANG	24/04/1999	29009541	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.60
VŨ VĂN HUỲNH	08/12/1999	29016703	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 3.20
CAO THỊ QUỲNH	19/12/1999	29005858	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN QUANG NHẬT	29/08/1998	29024827	Toán: 6.00 Vật lí: 3.50 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ NGỌC KHÁNH	02/09/1999	29030017	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM VĂN HÙNG	18/02/1999	29003908	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN QUÝ ĐỨC	28/06/1999	29001884	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 4.00

HỒ SỸ UYÊN	17/01/1999	29017049	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.33 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG ĐÌNH THỊNH	30/10/1999	29021329	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN ĐÌNH LỘC	19/01/1999	29001989	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 2.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 3.80
LÊ TUẤN ANH	06/09/1999	29009423	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ DANH	01/06/1998	29029768	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.60
LỮ VĂN SƠN	15/04/1999	29014131	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HIẾU KIÊN	05/05/1999	29020321	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.60
LÊ XUÂN QUỲNH	09/04/1999	29014727	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM HOÀNG ANH	18/01/1999	29011903	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.5 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 5.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN VĂN LỘC	20/10/1999	29007922	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 3.20
SÀM THỊ YẾN	06/05/1999	29015379	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.00
PHAN VĂN THẮNG	16/05/1999	29028678	Toán: 7.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN THỊ NGỌC ÁNH	11/05/1999	29004329	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 5.00
LUYỆN THỊ HẰNG	23/03/1999	29003827	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 4.20
CAO THỊ GIANG	23/10/1999	29011996	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.40
KIỀU LAN ANH	02/09/1999	29000018	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 9.75 GDCD: 9.50 KHXH: 9.25 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN CÔNG TÚ	23/12/1999	29013412	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 2.20

PHẠM HUY CÔNG	11/08/1999	29008632	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN TIẾN ĐẠT	04/11/1999	29026018	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 6.25 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THẾ HIẾU	15/02/1999	29021065	Toán: 9.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 9.25 Hóa học: 8.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 7 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ THẢO	07/10/1999	29004174	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ NHÃ	20/09/1999	29009790	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 8.60
PHẠM THỊ CẨM TÚ	19/03/1999	29010001	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 9.00
NGUYỄN THỊ THANH	14/06/1999	29016341	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.00 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN BÁ CAO	20/10/1999	29010833	Toán: 9.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 9.00 Hóa học: 9.50 Sinh học: 8.75 KHTN: 9.08 Tiếng Anh: 4.00
BÙI DUY ĐỨC	30/09/1999	29016147	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 6 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ THÚY NGÀ	19/06/1999	29000421	Toán: 8.00 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 6.60
LƯU THỊ TRANG	05/06/1999	29006694	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 2.60
LÊ ĐỨC TRUNG	23/06/1997	29024883	Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.75
NGUYỄN THỊ KHÁNH LY	20/03/1999	29025534	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.75 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 4.60
MAI THỊ THƯƠNG	07/07/1999	29020482	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 4.60
TRỊNH THỊ THU TRANG	06/11/1999	29024637	Toán: 4.80 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.60
VÕ HỒNG NHUNG	31/08/1999	29026416	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 7.20
TRẦN TỔ UYÊN	29/08/1999	29007491	Toán: 1.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.60

NGUYỄN THỊ KIM THƠM	22/05/1999	29001653	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.00 GD&CD: 9.50 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 4.20
PHAN THỊ THƯƠNG	26/09/1999	29003323	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.25 GD&CD: 7.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 5.00
TRƯƠNG SỸ TOÀN	03/08/1998	29005458	Toán: 7.80 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.50
TẠ THỊ QUỲNH	28/08/1999	29018889	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.00
NGÔ THỊ OANH	24/08/1999	29030180	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GD&CD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG THỊ THỦY	02/10/1999	29012930	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.50 GD&CD: 8.25 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 6.40
HỒ THỊ TRANG	16/07/1999	29017590	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GD&CD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ THÚY	11/09/1999	29012939	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25 GD&CD: 8.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN CHIẾN	18/04/1998	29005970	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GD&CD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN TRỌNG CƯỜNG	07/09/1999	29011602	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG	29/05/1999	29002339	Toán: 4.20 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 6.75 GD&CD: 8.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 4.00
HOA THỊ THU	01/09/1999	29007143	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.25 GD&CD: 8.50 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 2.00
TRẦN MẠNH KHANG	18/03/1999	29029512	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 6.75 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.20
NGÔ TRÍ KHÔI	02/04/1999	29014506	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GD&CD: 7.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN VĂN ĐỊNH	03/08/1999	29022747	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 9.25 GD&CD: 7.00 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 4.00
PHẠM ĐỨC DUY	10/08/1999	29017867	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 9.25 Sinh học: 8.25 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 3.80
LÊ THỊ NHUNG	24/12/1999	29004068	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GD&CD: 8.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 5.00

NGUYỄN THỊ DIỆU HẰNG	22/11/1999	29026074	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN HỮU LỰC	09/05/1999	29020353	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 8.20
PHẠM THỊ GIANG	20/10/1999	29017893	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 7.00 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ DUYÊN	09/08/1999	29018398	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.60
VÕ THỊ THU HÀ	03/02/1999	29010864	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 5.20
HOÀNG THỊ NGỌC	11/06/1999	29027482	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG BÁ TOÀN	24/10/1999	29006677	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.00
MAI HOÀI THANH	23/03/1999	29028056	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN VĂN SƠN	20/12/1999	29030625	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 2.60
CẦN THỊ NGÀ	24/07/1998	29027469	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VIỆT NGUYỄN	19/09/1999	29016183	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM VĂN HOÀNG	16/01/1999	29005029	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN DIỆU THÙY	04/12/1999	29015193	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 4 Tiếng Anh: 2.80
ĐÀM VĂN LƯU	18/06/1999	29017366	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HẰNG	16/08/1999	29000174	Toán: 4.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 7.00
TRẦN THỊ KIM OANH	29/05/1999	29011002	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 2.20
LÊ TÙNG LINH	10/12/1999	29020338	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 5.80

PHẠM XUÂN ĐỨC	05/09/1999	29000984	Toán: 3.20 Ngữ văn: 2.75 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 3 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50
BÙI TRUNG HIẾU	01/10/1999	29016635	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 6.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.60
LÊ VĂN SÁNG	14/08/1999	29002577	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.40
PHAN THỊ HOÀI THƯƠNG	28/01/1999	29024601	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.50 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 5.40
LO XUÂN CHIẾN	14/01/1999	29020964	Toán: 3.00 Ngữ văn: 2.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.40
LƯU THỊ THƠM	06/06/1999	29008001	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 6.50 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM THỊ HOA	24/08/1999	29001378	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.00 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.80
ĐẶNG ĐÌNH ĐĂNG	23/09/1999	29002285	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.83 Tiếng Anh: 3.40
TRƯƠNG BÍCH VÂN	26/12/1999	29004825	Toán: 6.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN DANH TIẾN	13/12/1999	29000565	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 4.20
LÊ TUẤN ANH	17/07/1995	29024705	Toán: 7.80 Hóa học: 9.00 Sinh học: 7.75
HÀ HỮU BÌNH	16/06/1999	29023117	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 2.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 8.80
LƯƠNG THỊ THƠM	24/12/1999	29025684	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ THUỶ	17/11/1999	29016419	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.50 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG THỊ PHƯƠNG	12/05/1999	29004088	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.80
HỒ VĂN BẮC	10/08/1999	29004332	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 4.00
DƯƠNG HỮU KHÁNH	22/04/1999	29004481	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 2.80

TRƯƠNG LAM TRƯỜNG	01/08/1998	29019047	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.80
PHAN ĐÌNH CƯỜNG	17/11/1999	29000079	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.60
LÊ VĂN LONG	12/06/1999	29002477	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 5.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM HUY CƯỜNG	30/07/1999	29024191	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.67 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5 Tiếng Anh: 7.20
LÊ TRUNG PHONG	21/01/1999	29011004	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 8.25 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN SỸ HÀ	30/06/1998	29011551	Toán: 7.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.00
LỮ VĂN QUÝ	09/07/1999	29003256	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ LOAN	25/11/1999	29027967	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN ĐỨC BẮC	02/02/1999	29014299	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 4.20
VŨ NGỌC TRUNG	15/06/1999	29017606	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 3.60
CHU THỊ UYÊN	12/11/1999	29019840	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.25
PHẠM VĂN MINH	20/02/1999	29028549	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 3.80
PHÙNG THỊ LINH	11/10/1999	29001467	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.00
ĐINH BẠT PHƯƠNG	17/10/1999	29021998	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.60
LÊ HÀ PHƯƠNG	17/01/1999	29026441	Toán: 8.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 9.00
THÂN THỊ HƯƠNG	01/07/1999	29030002	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.75 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 4.80
PHẠM THỊ THANH THÁI	20/06/1999	29003496	Toán: 4.20 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 6.40
HỒ TRỌNG THÀNH	06/01/1999	29004626	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 3.80

LÊ HOÀNG DƯƠNG	17/10/1999	29018755	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 8.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN NGỌC PHI	09/10/1999	29018104	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 8.80
NGUYỄN MẠNH HÙNG	17/01/1999	29026148	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 1.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 2.80
VŨ THỊ UYÊN	30/11/1999	29005408	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 9.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN VĂN ĐÀO	10/08/1999	29015502	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 9.50 GDCD: 8.75 KHXH: 8.5 Tiếng Anh: 3.20
LÊ QUANG LINH	24/04/1996	29027694	Toán: 2.20 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.50
PHAN THỊ KHÁNH LINH	12/06/1999	29029090	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN THẮNG	21/06/1999	29028078	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.20
ĐẶNG QUANG TẠO	12/11/1992	29026681	Toán: 5.80 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.75
LƯƠNG THỊ QUỲNH	03/10/1999	29005861	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN VĂN TRÌNH	27/03/1999	29018228	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.42 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.00
PHÙNG HẢI QUÂN	27/07/1999	29020418	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.08 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 4.20
HỒ THỊ HƯƠNG	19/01/1998	29027376	Toán: 2.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN ANH ĐỨC	29/07/1999	29023683	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 8.40
VÕ CÔNG DŨNG	04/01/1999	29028899	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.20
CỤT VĂN HÙNG	20/03/1999	29008285	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 5.50 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 3.00
PHAN VĂN TOÀN	28/04/1999	29015230	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 1.80

LÂM HỮU HÒA	18/07/1999	29006382	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ YẾN	20/05/1999	29011879	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN SONG	22/08/1999	29009873	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN LUYẾN	11/04/1998	29012198	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.80
TRỊNH THỊ HỒNG NHUNG	01/02/1998	29012582	Toán: 1.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.50 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 2.80
BÙI THỊ DIỆU CHI	26/08/1999	29027197	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.40
NGÂN HỒNG LƯU MỘNG	07/01/1999	29022892	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.60
HOÀNG PHƯƠNG DUNG	17/08/1999	29002261	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 6.80
NGUYỄN THỊ CƯỜNG	22/02/1999	29015468	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.00
LIM HÀ TRANG	13/07/1999	29014184	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG	07/01/1997	29026702	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.50 Tiếng Nhật: 6.40
NGUYỄN THANH HUY	23/09/1999	29006964	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.75 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 1.60
VÀ BÁ TỬA	24/09/1999	29008480	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 2.75 GDCD: 6.00 KHXH: 3.67 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ MỸ LINH	24/08/1999	29009710	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.00 GDCD: 6.75 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 3.20
VI VĂN GIÁP	22/10/1999	29014382	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.50 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN VĂN TÙNG	09/09/1999	29028774	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.20
LẠI THỊ LAN HƯƠNG	08/05/1999	29003930	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 5.75 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 5.40

NGUYỄN THỊ NGÀ	07/10/1999	29021932	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.20
ĐẬU THỊ NGỌC TRÂM	22/08/1999	29024641	Toán: 4.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM THỊ MỸ LINH	07/03/1998	29026860	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.00 KHTN: 2.58 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.60
VŨ THỊ TUYẾT	04/11/1998	29012599	Toán: 6.80 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 6.25
NGUYỄN ĐIỆN MINH	09/05/1999	29000407	Toán: 7.80 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 2.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 5 Tiếng Anh: 4.00
PHẠM THỊ YẾN	29/11/1999	29030962	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 4.40
LÔ THỊ LINH	08/04/1999	29020697	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.40
HOÀNG THỊ PHƯƠNG ANH	28/05/1999	29014870	Toán: 9.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN THỊ HẰNG	07/10/1999	29029876	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ PHƯỢNG	17/10/1998	29030219	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN AN TÀI	21/05/1995	29016005	Ngữ văn: 3.50
HOÀNG THỊ PHƯƠNG NGÀ	10/01/1999	29007048	Toán: 8.00 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 9.60
NGUYỄN THỊ LÊ DUNG	20/10/1999	29027852	Toán: 6.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 2.80
LÊ THỊ LAN ANH	12/12/1999	29010242	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN ĐÌNH ĐẠO	09/08/1999	29011623	Toán: 6.40 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 2.60
VŨ THỊ THU TRANG	08/12/1999	29025755	Toán: 8.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 8.20
TRẦN ĐẶNG MINH THƯ	09/11/1999	29007152	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN THỊ THƯƠNG	03/09/1999	29018980	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 2.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.08 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.25 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.20

NGUYỄN XUÂN TƯ	02/06/1998	29004303	Toán: 7.20 Vật lí: 6.50 Hóa học: 8.00
NGUYỄN THỊ HUYỀN	30/12/1999	29028462	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN QUANG QUYỀN	14/10/1999	29000764	Toán: 7.00 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 2.60
VI THỊ THƯƠNG	23/04/1999	29025724	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 4.20
HOÀNG HỮU DIỄN	29/03/1999	29010299	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.60
ĐẬU THỊ LÊ NA	05/06/1999	29026345	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 4.40
BÙI THỊ TRANG	10/10/1999	29004707	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 8.40
HỒ MẬU CHIẾN	26/03/1999	29015443	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ HIỀN	01/04/1999	29001345	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	04/05/1999	29023106	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN CẢNH THÁI	10/05/1999	29021290	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.25 Tiếng Anh: 3.40
VÕ VĂN THIÊN	17/04/1998	29022458	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 6.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN VŨ NAM ANH	27/04/1999	29023596	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 6.60
PHẠM THỊ CẨM TÚ	10/09/1999	29025782	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 5.00
PHẠM THỊ LINH	16/07/1999	29027961	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ HÀ	24/04/1999	29029851	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM THỊ THÙY DUNG	13/08/1999	29025992	Toán: 8.80 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 8.80

LA THỊ THÙY DUNG	03/01/1999	29003069	Toán: 4.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 9.75 GDCD: 9.00 KHXH: 9.25 Tiếng Anh: 4.60
NGÔ THỊ NGỌC KHÁNH	14/03/1999	29012132	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.17 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 7.20
NGUYỄN ĐỨC TRUNG HIẾU	09/04/1999	29026098	Toán: 9.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 9.75 Sinh học: 10.00 KHTN: 9.08 Tiếng Anh: 6.80
LÊ ĐỨC PHÚ	16/05/1999	29018876	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM ĐỨC TRUNG VIỆT	25/07/1999	29012999	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN XUÂN THÀNH	28/09/1999	29012911	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ THÙY	03/10/1998	29011568	Toán: 7.80 Hóa học: 7.75 Sinh học: 8.50
TRẦN VĂN ĐẠT	01/05/1999	29029805	Toán: 2.00 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.00
LÊ VĂN TÀI	26/06/1999	29004146	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.25 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ TRƯỜNG	10/01/1999	29030877	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.60
BÙI THỊ HẢI	02/11/1998	29025265	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.00
PHẠM THỊ HUỆ	04/09/1999	29010424	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.80
BÙI THỊ HUYỀN TRANG	14/01/1998	29003670	Toán: 6.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 6.50
NGUYỄN HỮU LỢI	10/08/1999	29015819	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 2.50 GDCD: 7.00 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN LÊ HỮU THẮNG	20/05/1999	29024051	Toán: 8.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ NGÀ	22/09/1999	29023913	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 9.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ LÝ	15/05/1999	29009740	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.60
LỖ BÁ XÒ	20/10/1999	29008513	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 4.60

NGUYỄN TRUNG KIÊN	23/03/1999	29014993	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 2.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.08 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN NGỌC KHÁNH	01/06/1999	29029514	Toán: 9.00 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 8.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 6.75 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 9.60
LÊ KHẮC TÂN	28/07/1999	29025237	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN THỊ TRANG	19/05/1999	29008136	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 2.50 Hóa học: 1.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 2.42 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00
NGUYỄN QUỐC CƯỜNG	09/06/1999	29024189	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 9.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 3.80
HOÀNG LÊ UYÊN	15/03/1999	29011179	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN ĐÌNH DANH	16/06/1999	29012669	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 9.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN XUÂN NHẬT	10/08/1999	29023277	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 2.60
HỒ THỊ LY	16/02/1999	29004000	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.20
TRỊNH XUÂN HÀO	10/03/1999	29023170	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 9.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 8.80
ĐẶNG THỊ HÒA	22/01/1998	29009011	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75
NGUYỄN THỊ THU AN	25/11/1999	29022164	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 8.75 Sinh học: 8.00 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 5.20
PHAN THỊ PHƯƠNG	24/11/1999	29020409	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.08 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.40
LỮ VĂN HOÀNG	12/07/1997	29014788	Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.50
TRƯƠNG THỊ THU HÀ	24/09/1999	29012726	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ THƠM	20/05/1999	29016404	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	20/08/1998	29001087	Toán: 8.60 Vật lí: 5.75 Tiếng Anh: 5.20
HOÀNG THỊ MAI LINH	24/01/1998	29019734	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.25 Tiếng Anh: 6.60

NGUYỄN THỊ TRÂM	01/04/1999	29020151	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 6.40
TRƯƠNG THỊ LƯU LY	01/08/1999	29014577	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ LÀNH	07/08/1997	29011556	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.50 Tiếng Anh: 5.00
MAI VĂN TUẤN	05/03/1999	29000603	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 9.50 GDCD: 7.50 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ TRÀ	30/10/1999	29010709	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.00
NGÔ THỊ TRANG	03/03/1999	29023374	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 5.80
VI VĂN TRỌNG	28/01/1999	29015279	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ NƯƠNG	10/05/1999	29017438	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ LINH	06/01/1999	29005105	Toán: 7.40 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 7.00
NGUYỄN THỊ TƯỜNG VY	20/10/1999	29025838	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 5.80
LÊ HOÀNG YẾN	11/06/1999	29024154	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ THU UYÊN	08/03/1999	29024134	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN MINH CHÂU	29/04/1999	29006278	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 8.25 Sinh học: 8.00 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 4.60
PHẠM HUY THỰC	23/01/1999	29007417	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 7.00 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ DUNG	16/09/1999	29011965	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.25 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.00
PHAN CÔNG LƯƠNG	29/04/1999	29007026	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 1.20
TRẦN THỊ GIANG	18/09/1999	29003785	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.60

LÊ THỊ MỸ DUNG	18/02/1999	29003070	Toán: 2.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HOA	19/10/1997	29030316	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.25 Tiếng Anh: 6.40
LAO THỊ KIÊN	04/09/1999	29014508	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.00 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 4.40
VÕ THỊ HUYỀN	31/03/1999	29003160	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 6.60
ĐẬU THỊ VIỆT LINH	19/06/1999	29027952	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 4.20
HỒ THỊ CẨM VÂN	03/11/1999	29006795	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VĂN VÂN	15/07/1999	29008141	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 2.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 3.33 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00
LÊ THỊ QUỲNH	17/12/1999	29016287	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.80
BÙI HUY BAN	15/05/1999	29028288	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 8.00 Hóa học: 9.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 5.00
PHAN THỊ GIANG	19/08/1999	29028358	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.40
TÔ DUY BẰNG	26/06/1999	29015430	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 5.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.40
TRƯƠNG TIẾN DŨNG	09/04/1999	29029445	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 6.40
ĐÀO VĂN THAO	01/01/1999	29000527	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.20
KIỀU THỊ VÂN ANH	15/11/1999	29004319	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 3.20
VI THỊ MINH PHƯƠNG	03/07/1999	29025594	Toán: 4.80 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.50 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ ANH PHƯƠNG	20/11/1999	29021234	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 5.00
HOÀNG THỊ ĐỨC	31/10/1999	29015524	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 4.40

VÕ QUANG TRƯỜNG	10/10/1999	29000596	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.40
BÙI THIÊN THÀNH	03/11/1994	29008123	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.42 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25
TRƯƠNG VĂN NAM	27/05/1999	29014618	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN KHẮC TRƯỜNG SƠN	31/03/1999	29024012	Toán: 9.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 9.50 Sinh học: 8.25 KHTN: 8.67 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN QUANG TRUNG	10/08/1999	29028753	Toán: 1.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.80
LÊ THẾ HOA	17/08/1999	29023744	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.08 Tiếng Anh: 2.40
LÊ THỊ TÂM	30/04/1999	29016331	Toán: 6.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 5.00
VŨ THỊ HOÀN	12/02/1999	29025444	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 6.00
HOÀNG VĂN NAM	06/12/1999	29022369	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN TUÂN	27/05/1998	29002772	Toán: 8.20 Vật lí: 8.00 Hóa học: 10.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 6.92
HOÀNG THỊ THUỶ	01/07/1999	29016421	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.60
TRƯƠNG THỊ DUYÊN	29/10/1999	29017869	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 2.60
VÕ THỊ HOA	25/02/1999	29001379	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.40
HÀ THỊ THU	08/08/1998	29022479	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ DUNG	29/12/1999	29014331	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN QUANG KHÁNH	25/09/1999	29009172	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 2.80
LƯƠNG VĂN SƠN	21/06/1999	29019986	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 9.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.80

VÕ QUANG VINH	07/08/1999	29028801	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM THỊ THỦY	10/05/1998	29030746	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.60
ĐƯỜNG THỊ HIẾU	01/04/1999	29028410	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.00
PHAN THỊ ÁNH NGUYỆT	29/10/1999	29004547	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 5.00
ĐẬU HOÀNG QUÂN	01/12/1999	29030227	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
TRƯƠNG VĂN LONG	02/02/1999	29014555	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ TRANG	12/01/1999	29006701	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 3.00
LƯU VĂN THẮNG	19/05/1997	29021517	Toán: 7.20 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.75
NGUYỄN THỊ OANH	15/06/1999	29005203	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN THỊ LINH	09/11/1999	29016763	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ HOA	08/01/1999	29002372	Toán: 8.60 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.50 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 9.60
LƯƠNG TÚ ANH	22/02/1999	29013858	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 1.60
NGÔ THỊ DUNG	01/06/1999	29019260	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.20
MAI THỊ PHƯƠNG THẢO	24/08/1999	29018915	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.80
LÊ VĂN THANH	24/05/1999	29007122	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN VĂN DANH	03/08/1999	29026751	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.67 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.00 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 4.80
HỒ THỊ HIỀN	10/10/1983	29017671	Toán: 2.80 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.75
BÙI THỊ GIANG	25/11/1999	29002301	Toán: 4.00 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.80

NGUYỄN ĐÌNH SỬU	25/03/1997	29001131	Toán: 7.80 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.50
HOÀNG THỊ CHÂU	01/01/1999	29011935	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ THẢO	22/01/1999	29030674	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.60
LÊ VĂN NÚI	01/01/1999	29014091	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.60
LÊ QUANG ĐẠO	12/01/1999	29011982	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN LỰC	06/04/1999	29023251	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 8.25 Sinh học: 7.50 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN THỊ NHẬT LỆ	10/03/1999	29005099	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 2.80
PHAN NGỌC HÀ	11/08/1999	29006341	Toán: 4.80 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.58 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.80
CAO KHẮC THỊNH	19/07/1998	29006184	Toán: 8.20 Vật lí: 7.75 Hóa học: 9.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 7.5
NGUYỄN THỊ NHUNG	15/08/1999	29018870	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 6.08 Tiếng Pháp: 3.60
TRƯƠNG ANH KIẾT	23/11/1999	29027946	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 6 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ LAN	12/02/1999	29004492	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.58 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ TÂM	15/01/1999	29005899	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.00 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 6.60
VÀ BÁ CU	03/06/1999	29008202	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 3.40
ĐẶNG ĐÌNH CƯỜNG	23/02/1998	29021452	Toán: 6.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.50
LƯƠNG THẾ ANH	17/11/1999	29020557	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ NGỌC	01/10/1999	29006527	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 1.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.33 Tiếng Anh: 2.20

PHAN TRUNG HIẾU	27/03/1999	29026792	Toán: 5.60 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.33 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.20
DOÃN HỮU QUÂN	01/06/1999	29026456	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 3 Tiếng Anh: 6.40
TRẦN SĨ HIỆP	01/04/1999	29001006	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 2.83 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.50
MẠNH XUÂN HOÀNG	01/01/1999	29021787	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN BÌNH DƯƠNG	17/08/1999	29010072	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 6.75
NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC	02/09/1999	29004389	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN ANH TUẤN	23/07/1999	29027100	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.42 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN THỊ KHAI	25/10/1999	29028481	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.20
HỒ THỊ THƠM	28/01/1999	29020049	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 3.25 GDCD: 6.00 KHXH: 3.75 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ DUNG	25/04/1999	29016115	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 7.25 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 4.80
XÔNG BÁ PHỒNG	07/08/1997	29008401	Toán: 2.60 Ngữ văn: 2.75 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.25 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ THÚY	07/07/1999	29013375	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 4.40
PHẠM THỊ PHƯƠNG THẢO	10/10/1999	29003294	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 5.20
HOÀNG QUỐC QUÝ	19/09/1999	29001578	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN THỊ NHẬT QUỲNH	27/05/1999	29026482	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.80
LÊ NGỌC CƯỜNG	14/08/1999	29009490	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN ĐÌNH ĐOÀN	19/06/1999	29001279	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.00

HOÀNG THỊ UYÊN	10/01/1999	29007812	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 9.00 GDCD: 7.75 KHXH: 8 Tiếng Anh: 3.40
VŨ NGỌC ÁNH	27/10/1999	29011921	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 4.00
BÙI THỊ HẢI	28/06/1998	29013527	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 2.60
HỒ VĂN ĐÌNH	27/06/1998	29017655	Toán: 6.40 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.75
NGUYỄN TÙNG DƯƠNG	25/06/1999	29004939	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN THANH NHÂN	09/05/1999	29023939	Toán: 9.00 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 9.00 Sinh học: 8.00 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ HUỆ	18/01/1999	29015672	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 2.80
HỒ VĂN THÀNH	16/08/1999	29017513	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ THƠM	30/07/1998	29021337	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.80
PHẠM THỊ TRÂM	20/12/1999	29007450	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 5.80
CAO ĐỨC NAM	17/07/1998	29006100	Toán: 5.20 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.50
NGÔ QUYỀN LINH	28/04/1998	29006070	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75
PHẠM VĂN MẠNH	11/10/1999	29012220	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.60
BÙI THỊ THÚY LIỆU	16/05/1998	29030031	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.25 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.80
ĐÀM VĂN ĐÔNG	01/10/1999	29017880	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 6.75 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN VĂN HOÀN	27/03/1999	29002815	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.67 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.80
PHAN MINH HIẾU	01/05/1998	29028991	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 9.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 1.80
CAO SỸ NAM	14/05/1999	29017390	Toán: 2.80 Ngữ văn: 2.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 5.25 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.00

TRỊNH XUÂN TÙNG	14/12/1999	29024672	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 5.20
XÔNG BÁ DÊNH	16/11/1996	29013491	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.40
LẦU Y LỖ	11/07/1999	29025128	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4 Tiếng Anh: 2.40
HOÀNG TIẾN NHẬT	25/04/1999	29012860	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.80
PHAN LỄ LINH	27/06/1999	29030045	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN ĐÌNH TIẾN ANH	26/02/1999	29003037	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.60
HOÀNG PHI LONG	10/11/1999	29012189	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ HOÀI GIANG	16/10/1999	29017892	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 4.40
ĐINH THỊ TRANG	18/02/1999	29019007	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.40
LÊ THỊ MINH DẦU	05/10/1999	29015473	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.40
VI VĂN HẢI	16/06/1999	29003116	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.80
HỒ THỊ LÊ	01/06/1999	29019522	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG ĐỨC LINH	23/01/1999	29015001	Toán: 5.60 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ THUÝ QUỲNH	19/05/1999	29017472	Toán: 8.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.75 KHXH: 8.5 Tiếng Anh: 7.40
LÊ QUANG MẠNH	19/07/1998	29002741	Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50
NGUYỄN VĂN DŨNG	16/09/1998	29004367	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 2.60
ĐẶNG VĂN HÒA	18/08/1998	29011331	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.40

LÊ THỊ KHÁNH LY	24/06/1999	29000381	Toán: 7.20 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 8.00
TRẦN ĐÌNH ĐẠO	02/09/1998	29022740	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ THƯƠNG	12/01/1999	29001167	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.92 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.25
NGUYỄN THỊ HOÀI	20/06/1999	29006950	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.60
PHẠM THỊ HỒNG AN	27/05/1999	29026715	Toán: 10.00 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Pháp: 8.80
HỒ TRỌNG NGỌC	18/05/1999	29014636	Toán: 4.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 1.40
NGUYỄN VŨ CẨM LINH	08/02/1999	29005729	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ THANH TÂM	25/09/1999	29026499	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 8.75 KHTN: 7 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN CHÂU MẠNH	15/10/1999	29020371	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.17 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.00
XEO THỊ THIÊU	13/09/1999	29008453	Toán: 1.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.00 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN DOÃN ĐẮC	23/01/1999	29022745	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.80
PHẠM THẾ DUYỆT	19/07/1999	29024978	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 2.80
LÊ THỊ XUÂN	03/07/1999	29016572	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.20
NGÔ MINH NGUYỄN	16/02/1998	29015990	Toán: 7.20 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.00
PHẠM VĂN QUÂN	18/11/1998	29022019	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.60
HOÀNG THỊ KHÁNH HUYỀN	07/04/1999	29009650	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 5.00
CHU ĐÌNH VŨ	08/10/1998	29030940	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 3.80

ĐÀO THỊ THU LIÊN	05/10/1999	29027950	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 3.80
THÁI DOÃN THÔNG	15/07/1999	29018947	Toán: 9.20 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ MỸ TIÊN	24/10/1998	29030766	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.50 GDCD: 7.75 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN NHẬT TÂN	16/08/1994	29009036	Toán: 7.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 7.25
NGUYỄN VĂN SƠN	30/10/1999	29008920	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.40
VŨ VĂN CHIẾN	13/07/1999	29004908	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.50 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN THỊ UYÊN	01/02/1999	29020208	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	28/02/1999	29029601	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 9.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 5.00
HÀ VĂN TOÀN	18/03/1999	29013766	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.60
LÊ THỊ TRANG	28/05/1999	29002642	Toán: 2.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.40
LƯU QUỐC KHÁNH	16/07/1999	29020671	Toán: 3.20 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.80
LÊ VĂN TUẤN	19/08/1999	29012517	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.40
PHAN THỊ THANH HUYỀN	11/07/1999	29009165	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 6 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ THANH LAM	22/03/1999	29018540	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.25 KHXH: 8 Tiếng Anh: 5.20
ĐẶNG THỊ ÁNH	09/09/1999	29012633	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN THỊ DIỄM	23/02/1999	29021602	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN HỒNG SƠN	28/10/1999	29025620	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.60

TRẦN HỮU PHÚC	02/08/1999	29005829	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN LÊ MẬU	10/10/1999	29008825	Toán: 2.80 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.00 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 1.60
NGÔ SỸ HÙNG	03/07/1999	29004462	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.17 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.40
TÔN MẠNH ĐỨC	01/08/1999	29018413	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 5.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ GIANG	10/10/1999	29000133	Toán: 6.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 5.60
TẠ THỊ TRÀ MY	06/08/1999	29011717	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.92 Tiếng Anh: 3.00
PHAN THỊ HIỀN ĐỨC	05/07/1999	29017177	Toán: 5.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN ĐÌNH HƯNG	07/07/1998	29012790	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ TỔ QUYÊN	07/03/1999	29011471	Toán: 3.80 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.40
TÔ THỊ NGỌC	28/11/1999	29014077	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 5.20
HOÀNG THỊ THẢO	12/08/1999	29011057	Toán: 8.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 9.00
TRẦN THỊ ANH	01/01/1999	29001831	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 3.80
PHAN THỊ BÉ	17/02/1998	29006860	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.00
LƯƠNG VĂN HIỆP	10/01/1997	29025432	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM NGỌC QUYÊN	17/06/1999	29003484	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN QUỐC AN	08/04/1999	29009410	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VĂN ĐỨC	18/06/1999	29020261	Toán: 6.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 4.40

NGUYỄN TRẦN PHÚ	05/11/1999	29009823	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN THỊ THU TRÀ	24/08/1999	29025736	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 6.00
DƯƠNG VĂN TRÍ	10/10/1999	29024642	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.40
VI VĂN TUẤN	30/01/1998	29014861	Toán: 2.60 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.50
NGUYỄN THỊ TUYẾT NHUNG	13/10/1999	29027512	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.75 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.20
LÊ THỊ ÁNH	21/11/1999	29019201	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN ĐÌNH CƯỜNG	06/02/1999	29001851	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 4.20
ĐẬU THỊ TRANG	02/08/1999	29006689	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ TRANG	03/01/1999	29028736	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	25/03/1999	29013875	Toán: 7.80 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM THỊ TÚ ANH	22/10/1999	29008606	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.25 KHXH: 8.33 Tiếng Anh: 2.20
LƯƠNG QUỐC ANH	01/08/1999	29024911	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 6.00 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 5.40
PHẠM THỊ MỸ LINH	25/03/1998	29014808	Toán: 4.40 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.50
HỒ GIAO LINH	04/05/1999	29017334	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.25 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ THU	02/10/1998	29030730	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.20
VÕ THỊ HUYỀN	22/06/1999	29019488	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 1.60
ĐÀM MẠNH CƯỜNG	19/08/1999	29018378	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 1.80

NGUYỄN VĂN TUẤN	10/09/1999	29015315	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.80
VI VĂN ĐẠT	01/06/1997	29014240	Toán: 1.80 Ngữ văn: 1.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 4.00 KHXH: 3.75 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN PHÚC	24/06/1999	29011456	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ TRANG HẠ	04/07/1999	29005590	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 2.75 GDCD: 6.25 KHXH: 3.67 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ TRANG HẠ	01/09/1999	29003390	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN HUY NGHĨA	07/10/1999	29024487	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 2.00 Hóa học: 1.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 2 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.20
LÊ ĐÌNH TRƯỜNG	05/10/1999	29012502	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN ĐÌNH NGUYỄN	06/12/1997	29020735	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 2.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 2.92 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.80
LÊ THANH THẢO	04/10/1999	29026963	Toán: 9.20 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 9.40
NGUYỄN HOÀNG DUY	04/09/1999	29023662	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 9.00 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 5.40
PHAN TRẦN THUỶ TIÊN	04/01/1999	29029307	Toán: 6.60 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 7.40
PHẠM THỊ MẶN	30/12/1999	29010528	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.40
LÔ TRỌNG THUẬN	14/01/1999	29003311	Toán: 2.40 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.25 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ HOA	07/11/1999	29011330	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN VĂN SÁNG	24/07/1999	29006584	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 3.20
ĐẬU THỊ HỒNG	14/01/1999	29005035	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN VĂN LÂM	18/09/1999	29003436	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.83 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.40

CAO VĂN QUÂN	17/03/1999	29013306	Toán: 8.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 4.00
ĐINH NHẬT LONG	22/12/1999	29011394	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ TÂM	26/07/1999	29006600	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 7.80
LÊ ĐÌNH TRUNG	12/02/1999	29020509	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ HOÀI	04/01/1999	29000229	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 5.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 7.80
HỒ THỊ NGỌC ANH	08/04/1999	29025867	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 9.25 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 4.40
LÊ THỊ THÙY LINH	03/01/1999	29005106	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN VĂN PHÙNG	16/03/1999	29016241	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ BÍCH MƠ	20/01/1999	29010538	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM THỊ HẰNG	23/02/1999	29021724	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ BẢY	06/10/1998	29005496	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 5.75 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN THẮNG	10/10/1999	29030697	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 3.20
LÊ THỊ THU HÀ	03/01/1999	29025409	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.92 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 6.80
NGUYỄN ĐĂNG LONG	03/05/1998	29019740	Toán: 8.20 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.33
PHAN THỊ TRANG	05/05/1999	29023045	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.80
LÔ THỊ LUÂN	05/02/1999	29013624	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ	16/11/1999	29013933	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.60

NGUYỄN THI HẬU	20/06/1999	29014413	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN HỮU DŨNG	20/04/1999	29005541	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.80
TRƯƠNG THỊ THẨM	02/11/1999	29007408	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.83 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN VĂN NAM	22/04/1999	29003462	Toán: 1.80 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 1.50 KHTN: 2.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 1.40
NGUYỄN LÊ HÀ PHƯƠNG	25/05/1999	29005218	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	15/05/1999	29023092	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.80
VÀ BÁ RỒNG	12/01/1999	29008415	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.50 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN THỊ THU TRANG	20/11/1999	29000586	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM HẢI YẾN	02/11/1999	29011230	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ QUYÊN	17/06/1999	29011022	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 3.40
LÊ ĐĂNG HÙNG	21/07/1999	29001952	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 3.20
VŨ MINH HIẾU	22/06/1999	29006377	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.83 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN SỸ LƯƠNG	26/09/1999	29027977	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 5.00
HOÀNG THỊ THẢO	17/04/1999	29005912	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN QUÝ	12/09/1999	29002898	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.17 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.40
HOÀNG THỊ NGỌC	13/10/1999	29021949	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM VĂN LINH	24/11/1999	29019553	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.80

NGUYỄN VĂN NAM	25/03/1999	29011425	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN ĐÌNH PHÚC	24/10/1999	29030196	Toán: 2.40 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 3.00 GDCD: 5.50 KHXH: 3.58 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN THẾ	03/05/1999	29017538	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.40
PHAN THỊ HÀ PHƯƠNG	12/07/1999	29023295	Toán: 6.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 7.50 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN SƠN	18/04/1999	29029589	Toán: 7.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.67 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 6.20
HỒ SỸ QUỐC HUY	08/08/1996	29012568	Toán: 8.60 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.50
NGUYỄN THỊ LƯƠNG	06/02/1999	29007924	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG THẾ THÙY	02/09/1999	29008963	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.80
LÝ BÁ XO	15/10/1998	29013815	Toán: 3.00 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 5.25 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 1.60
NGUYỄN THỊ SANG	10/08/1999	29030256	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 5.20
LƯƠNG VĂN THUẦN	04/02/1999	29003309	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	30/07/1999	29025746	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.80
CAO THỊ THU HÀ	16/11/1999	29000142	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 4 Tiếng Anh: 4.00
VƯƠNG THỊ VÂN ANH	17/03/1999	29027829	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.60
NGÔ THỊ LƯƠNG	07/10/1999	29023483	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 4.50
BÙI ĐỨC NGUYỄN	01/06/1999	29002528	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.60
ĐÀO THỊ MỸ LINH	18/10/1998	29014804	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Tiếng Anh: 7.00
VƯƠNG VĂN NAM	25/10/1999	29029136	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.60

THÁI ĐÌNH TUẤN	04/08/1999	29001722	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.25 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 2.00
LÊ VĂN SỸ	19/03/1998	29002761	Toán: 9.40 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.00
NGUYỄN VĂN QUYỀN	14/10/1999	29028038	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 4.80
HỒ THỊ HUYỀN	15/07/1999	29015690	Toán: 8.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 6.60
TRẦN KHẮC HỒNG	14/06/1994	29003626	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75
TRẦN THỊ LAN ANH	02/10/1999	29006262	Toán: 8.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 5.60
HOÀNG THỊ TỔ UYÊN	27/10/1999	29019087	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 4.60
PHẠM VĂN BÁU	06/08/1999	29002224	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ GIANG	16/08/1999	29001891	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 2.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 2.83 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.80
TRƯƠNG THỊ THƯƠNG	08/04/1999	29028118	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN TRÀ MY	09/02/1999	29017385	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 4.60
LÊ TRUNG THÀNH	04/09/1999	29012372	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VĂN THẮNG	08/03/1999	29025665	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.80
ĐẶNG CAO VỸ	11/05/1999	29002167	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN ANH HOÀNG	14/12/1998	29008738	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.80
LÊ THỊ MỸ HÀ	07/06/1999	29003794	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN ĐỨC NAM	13/12/1999	29012843	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 9.25 GDCD: 9.00 KHXH: 9.08 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN VĂN QUYẾT	26/03/1999	29013315	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 4.80

CAO THỊ THẢO	17/08/1999	29005910	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GD&CD: 8.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.60
LÊ ĐĂNG XUÂN	09/04/1999	29002176	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 7.25 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ ÁI QUỲNH	31/05/1999	29024548	Toán: 4.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.25 GD&CD: 7.75 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ TÂM	15/07/1999	29030283	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GD&CD: 6.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.40
CAO KHẮC THÔNG	01/03/1999	29004647	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 5.60
PHẠM XUÂN BAN	17/10/1999	29004330	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 4.20
LÔ THỊ HỒNG	13/06/1999	29014463	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.00 GD&CD: 6.50 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 2.00
TRẦN DƯƠNG NGỌC DUNG	18/02/1999	29003747	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GD&CD: 9.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 5.60
VÕ VĂN CƯỜNG	21/09/1998	29001747	Toán: 8.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 8.25
NGUYỄN THỊ GIANG	15/01/1999	29003782	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GD&CD: 8.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ TÂM	21/01/1999	29022060	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.75 GD&CD: 8.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.20
BÙI THỊ THANH HUYỀN	25/04/1999	29011358	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.50 GD&CD: 8.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN HOÀNG TRUNG	26/01/1999	29007455	Toán: 8.80 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 5.80
NGÔ SỸ THÁI	08/02/1999	29005277	Toán: 6.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 3.20
VŨ THỊ HÀ TRANG	25/05/1999	29006706	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.00 GD&CD: 5.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.20
LÊ TRỌNG DŨNG	17/02/1999	29024969	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN HUY CHUNG	17/03/1999	29025962	Toán: 7.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 3.40

LÀO THỊ LOAN	18/08/1999	29019567	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN QUỐC TRUNG	26/09/1999	29007457	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.80
CÙ XUÂN CƯỜNG	22/03/1999	29027844	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.25 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG VĂN TÙNG	06/09/1999	29006231	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00
NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	22/02/1999	29011508	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.20
HỒ HỮU CẢNH	12/04/1999	29018734	Toán: 6.00 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN LỢI	21/06/1999	29027438	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.60
PHAN THỊ VÂN ANH	17/04/1999	29009442	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.50 GDCD: 5.75 KHXH: 3.92 Tiếng Anh: 2.20
HỒ THỊ THANH	17/12/1999	29010651	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 4.20
LÊ THỊ LIÊN	01/06/1999	29007006	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 3.40
LÊ HẢI AN	07/05/1999	29007512	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 5 Tiếng Anh: 6.60
LÊ ĐÌNH HÒA	04/09/1999	29020649	Toán: 8.60 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN CÔNG TRỨ	15/03/1999	29028760	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN ĐÌNH THẾ	20/02/1999	29012408	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.67 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.25 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN PHƯƠNG LINH	15/05/1999	29026250	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 9.00
TRẦN THỊ HẢO	17/10/1999	29000162	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 7.80
NGUYỄN THỊ HÀ CHI	29/04/1999	29009475	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 1.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 6.25 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 3.40

TĂNG THỊ HUYỀN	01/02/1999	29019480	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.00 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ QUỲNH	05/06/1999	29002575	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.40
ĐOÀN NGỌC ANH TUẤN	07/08/1999	29024120	Toán: 7.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 9.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ KIM PHƯƠNG	30/06/1999	29005219	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG THỊ THUẬN	20/11/1999	29028700	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ KIM THỦY	01/07/1999	29004211	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.50 KHXH: 8.33 Tiếng Anh: 4.40
LÊ TIẾN LỰC	08/08/1999	29016783	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 2.50 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.40
LÊ XUÂN THÁI	04/11/1999	29001144	Toán: 1.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.17 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25
ĐINH HỮU KHÁNH	02/09/1999	29023472	Toán: 3.80 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.00
NGUYỄN ĐĂNG HƯNG	22/08/1999	29000700	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.42 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ THU HIỀN	18/12/1999	29017230	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ NA	09/06/1999	29030117	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN MẠNH TRUNG	24/03/1999	29016499	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 9.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN VĂN DUY	08/03/1999	29009504	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN NGỌC	10/03/1999	29012266	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.00
VŨ XUÂN THÀNH	05/02/1999	29016349	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.80
LÊ THÀNH NAM	01/09/1999	29018056	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 2.60

NGUYỄN THỊ BẢO ANH	22/12/1998	29010044	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.50 Tiếng Anh: 9.00
NGUYỄN THỊ NHẬT LỆ	01/01/1999	29023238	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 2.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN PHƯƠNG NAM	23/09/1999	29024473	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 6.20
TRẦN XUÂN VIỆT	17/05/1999	29029680	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 4.60
HỒ NGỌC ANH	17/06/1995	29026600	Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.58
NGUYỄN THỊ MINH THU	23/10/1999	29025691	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 6.80
NGUYỄN HIẾU KIÊN	09/09/1999	29005702	Toán: 2.20 Ngữ văn: 1.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.00
LÊ THỊ LIỄU	06/06/1997	29015962	Toán: 5.80 Vật lí: 3.00 Hóa học: 5.25
TRẦN THỊ PHƯƠNG ANH	03/06/1999	29025908	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 8.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 6.40
PHẠM VĂN THÀNH	20/05/1999	29004164	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.75 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN DUY KHÁNH	09/04/1999	29007316	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.25 Sinh học: 6.25 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 5.40
LÊ THỊ PHƯƠNG THẢO	01/09/1998	29025317	Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.25
NGUYỄN THỊ HẰNG	20/10/1999	29021722	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.40
HỒ THỊ NGÂN	16/08/1999	29030138	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	12/01/1999	29000578	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.00
HỒ VIỆT HOÀNG	12/05/1999	29008737	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.20
BÙI ANH THỊ	18/01/1999	29023348	Toán: 10.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 9.25 Hóa học: 9.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 8.17 Tiếng Anh: 7.40
VI THỊ TÂM	25/05/1999	29014136	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.60

VÕ THỊ HÀ	20/03/1998	29005440	Toán: 7.80 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.00
LƯƠNG THỊ NGỌC ÁNH	16/08/1999	29022710	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN QUỐC THỎA	13/10/1999	29000816	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN VĂN MINH	26/10/1993	29027709	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.75
LÊ TIẾN ĐỨC	19/06/1999	29015529	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG THỊ LINH	20/02/1999	29011690	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG	09/07/1999	29024530	Toán: 4.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 5.40
HỒ THỊ KHÁNH	28/06/1999	29007315	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.40
CỤT THANH HẢI	24/03/1999	29013528	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.80
LÊ XUÂN TUẤN ANH	03/10/1998	29030366	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	05/09/1999	29015247	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 7.25 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 5.20
LÊ THỊ HƯƠNG	14/09/1999	29016710	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 4.40
PHÙNG THỊ HUYỀN	18/03/1999	29007894	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 5.60
LÊ VĂN NAM	05/01/1999	29012842	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.75 KHXH: 8.75 Tiếng Anh: 1.80
TRẦN ANH NHẬT	21/05/1995	29009026	Toán: 7.80 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.50
NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG	12/04/1999	29025207	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN BÁ THẮNG	16/01/1999	29021319	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.40
ĐẶNG THỊ THU HẰNG	16/09/1999	29024280	Toán: 4.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 7.40

LÊ THỊ NGÀ	11/05/1999	29027471	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ HOÀI NAM	04/08/1999	29005161	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ GIANG	31/01/1999	29000138	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 4.40
PHAN TRUNG KIÊN	14/10/1999	29009681	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM VĂN THIỆN	10/11/1999	29004193	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.75 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ THƯƠNG	10/03/1999	29004680	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 5.25 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.40
LÊ THỊ NGỌC	12/03/1999	29010565	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	06/07/1999	29011784	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 3.60
LÔ THỊ HẰNG	28/02/1999	29014400	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.60
VI SỸ HẠNH	20/11/1999	29020267	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 2.25 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 3 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ HƯỜNG	08/06/1999	29022320	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ NGỌC	15/09/1999	29018864	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ HƯƠNG	13/01/1999	29021834	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ LAN	16/12/1999	29027393	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ HỒNG	25/03/1999	29028435	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 7.75 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ VỸ	04/07/1999	29002168	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.60
NGÔ THỊ VÂN ANH	20/12/1999	29014281	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.40

NGUYỄN THỊ DUNG ANH	06/09/1999	29019186	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.40
LÊ VĂN PHÚC	07/03/1999	29002039	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.40
NGÔ HOÀNG THANH	13/12/1999	29013339	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 4 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THẾ HOÀNG	07/08/1994	29027673	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.00
BÙI THỊ NGỌC ÁNH	19/09/1999	29019199	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	12/11/1999	29018558	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.25 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN MAI SƯƠNG	31/03/1999	29020805	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 4.75 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 3.60
ĐINH THỊ LAN ANH	09/09/1999	29029419	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 6.00
CHU QUANG HUY	22/12/1999	29005047	Toán: 4.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.80
TRẦN MINH HUYỀN	02/02/1999	29027365	Toán: 3.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.50 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 4.00
CUNG THỊ HUYỀN	14/03/1999	29003915	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN ANH TUẤN	17/10/1998	29025333	Toán: 7.80 Hóa học: 8.25 Sinh học: 9.25 Tiếng Anh: 8.00
TRẦN QUANG ANH	10/01/1999	29029425	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ TÍNH	11/12/1999	29006675	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.60
LÊ THỊ HƯƠNG	02/11/1999	29000300	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 3.80
LỮ THỊ KIỀU	15/07/1999	29020681	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.58 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.50 GDCD: 6.00 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 2.00
LÔ ĐỨC ANH	25/12/1999	29013461	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.00

NGUYỄN THỊ HOAN	14/06/1999	29022816	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 4.80
CAO THỊ THU HẰNG	12/06/1999	29005607	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.25 GDCD: 6.50 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 2.40
VŨ CÔNG SƠN	22/09/1999	29004603	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 8.00 Hóa học: 9.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 5.40
TRẦN THỊ THÚY	05/02/1999	29007772	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 1.60
PHAN THỊ AN	19/05/1999	29022167	Toán: 8.60 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ THOA	29/03/1999	29007766	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN MINH HOÀNG	21/01/1999	29021788	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.00
VI THỊ HỒNG HẠNH	12/08/1999	29025021	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
HỒ SỸ MẠNH	01/03/1999	29009746	Toán: 3.80 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 1.80
TRẦN THỊ CẨM THẠCH	30/04/1999	29026952	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 2.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.08 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 8.00
NGUYỄN ĐÌNH TÀI	01/01/1999	29022965	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG THỊ HẠNH	14/06/1999	29001315	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.25 KHXH: 8.75 Tiếng Anh: 4.80
HỒ THỊ TÌNH	10/09/1999	29016454	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ VÂN ANH	08/08/1999	29020943	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 7.00 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	19/11/1999	29012389	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.80
LÒ VĂN GIÁP	27/01/1999	29014381	Toán: 1.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 5.75 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ THÚY	16/04/1998	29020079	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.00 GDCD: 6.00 KHXH: 4 Tiếng Anh: 1.40

NGUYỄN VĂN TUẤN	26/06/1999	29030901	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 2.75 GDCD: 6.75 KHXH: 4 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN HÀ VŨ	27/09/1999	29007500	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 9.25 GDCD: 7.25 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 3.00
ĐINH QUANG NHẬT	30/04/1999	29018635	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.00 KHXH: 8.75 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN ĐÌNH MẠNH	01/08/1999	29010960	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 9.00 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ GIANG	02/12/1998	29000985	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75
PHẠM HỮU TIẾN	15/01/1999	29010202	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.25
NGUYỄN DUY TRUNG	10/08/1999	29024105	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 5 Tiếng Anh: 4.60
LÊ VĂN NAM	07/01/1998	29012240	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN HỮU QUANG	12/04/1999	29019948	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	20/10/1999	29029427	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN VĂN TIẾN	06/02/1999	29012945	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ THẢO	29/11/1998	29021514	Toán: 7.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 8.00
NGUYỄN VĂN THÀNH	29/09/1998	29030651	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.00
VÕ THANH HẢI	01/06/1999	29026059	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 8.00 Hóa học: 9.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 4.00
CAO ĐĂNG QUÂN	06/11/1999	29006133	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 8.00
PHÙNG DI ĐAN	16/11/1999	29027249	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.20
MAI THỦY TIÊN	08/03/1999	29028121	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.80
ĐINH VĂN KHẮN	24/07/1999	29010114	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.00

PHẠM THỊ THU HẰNG	20/11/1999	29003833	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ DUYÊN	06/03/1999	29022223	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 7.25 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THANH TRANG	08/11/1999	29003337	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HIỂN	20/03/1999	29011320	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 4.20
CHU THỊ CẨM TÚ	10/04/1999	29027080	Toán: 7.80 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 7.60
NGUYỄN VĂN HÙNG	16/02/1998	29011349	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN DUY ĐẠT	07/11/1999	29027864	Toán: 10.00 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 9.00 Hóa học: 9.00 Sinh học: 2.50 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 4.00
PHAN VĂN TÍNH	23/06/1999	29006674	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.42 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 8 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN HỮU TRUNG	20/06/1998	29001178	Toán: 3.20 Ngữ văn: 2.75 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00
LÂM QUANG NGỌC	25/05/1998	29018626	Toán: 3.00 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.25 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN XUÂN HIỆP	15/08/1997	29010091	Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.50
VŨ PHƯƠNG NAM	06/10/1999	29018062	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ BÍCH LOAN	21/01/1999	29012188	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.80
LÊ ĐĂNG ĐỨC	12/08/1999	29015527	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ VÂN	18/09/1999	29001734	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ THÚY AN	21/01/1999	29009411	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 6.00
LƯU THỊ PHƯƠNG	01/04/1998	29008112	Toán: 7.60 Hóa học: 7.75 Sinh học: 8.25

VŨ NGỌC CHUNG	18/01/1999	29017846	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ VUI	10/01/1999	29024692	Toán: 8.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 6.40
VI VĂN NGUYỄN	30/10/1999	29013667	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.33 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.20
NGÂN THỊ GIỚI	16/03/1999	29003106	Toán: 1.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THANH TÙNG	14/09/1999	29029664	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 6.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.80
VÕ MINH HIẾU	28/07/1999	29023743	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 3.80
PHẠM HỒNG MẠNH	23/07/1999	29025543	Toán: 2.40 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN CÔNG ĐỨC	26/03/1999	29029820	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN CÔNG TÀI	19/10/1999	29005894	Toán: 5.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ HÀ	01/08/1999	29014936	Toán: 7.00 Ngữ văn: 8.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN THỊ HUẾ	10/02/1998	29024329	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.75 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.00
VÕ VĂN TUẤN	09/08/1999	29007471	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN VĂN QUÂN	14/06/1999	29004103	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN NGỌC HUYỀN TRINH	09/11/1999	29025765	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 6.80
NGUYỄN VĂN CHIẾN	12/08/1999	29023124	Toán: 9.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 5.40
LÊ BÁ UY	04/07/1999	29016532	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.20
PHAN THANH HOÀI	22/02/1999	29029000	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.60

NGÔ THỊ KHÁNH HUYỀN	05/04/1999	29009652	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 5.40
ĐẶNG THỊ THANH	25/04/1999	29030292	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ THU HÀ	01/02/1999	29021021	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 6 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN QUANG	11/12/1999	29013304	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.92 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 5.75 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.80
THÁI THỊ THÀNH	19/09/1999	29001624	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.80
ĐỒNG NGỌC QUỐC	22/08/1997	29025603	Toán: 3.40 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 2.75 GDCD: 6.00 KHXH: 3.92 Tiếng Anh: 2.80
HỒ TRUNG HIẾU	25/09/1996	29021468	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.75
TRẦN THỊ GÁI	22/05/1999	29021680	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN HỒ DIỄN HỒNG	19/05/1999	29012082	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN LỆ XUÂN	08/03/1999	29002682	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.00
BÙI THU NGÀ	21/08/1999	29002520	Toán: 8.80 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM QUỐC TUẤN	10/06/1999	29013427	Toán: 7.20 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ THANH LAM	18/08/1999	29010921	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VĨNH NAM PHƯƠNG	15/12/1999	29022005	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN NGỌC TÚ	01/12/1999	29028205	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 6.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.20
NGÔ VĂN SƠN	04/04/1999	29005881	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.80
TRỊNH XUÂN NGHĨA	13/01/1999	29002850	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 1.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 2.00

ĐẬU VĂN QUANG	10/12/1998	29007087	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 5.50 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THÙY LINH	13/11/1999	29026262	Toán: 9.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 9.20
HỒ THỊ THÚY	15/03/1999	29016980	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN ĐỨC ANH	17/01/1997	29024706	Toán: 4.60 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.25
CAO THỊ HẢI LY	10/08/1999	29009198	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.40
QUANG THỊ KIỀU NƯƠNG	15/12/1999	29020762	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN ÁNH DƯƠNG	20/05/1999	29014912	Toán: 5.20 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 3.00
LƯƠNG THỊ MAI	22/01/1999	29014587	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.00 GDCD: 3.50 KHXH: 3.08 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN SỸ QUYẾN	07/03/1999	29002049	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.92 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ TRANG	23/09/1999	29007438	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 3.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ THƯƠNG	05/11/1999	29002631	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN VĂN DŨNG	02/11/1999	29019271	Toán: 1.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN BÁ HIẾU	12/08/1994	29027669	Toán: 1.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.00
NGUYỄN CÔNG PHÚC	07/05/1999	29002881	Toán: 7.20 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 1.80
PHAN THỊ THƠM	20/02/1999	29005932	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ THANH	16/06/1999	29018154	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 2.00
HỒ THỊ MAI LINH	15/10/1999	29012166	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.50 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 1.80

NGUYỄN NGỌC CẢNH	08/09/1999	29000058	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THẢO LINH	15/08/1998	29010485	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.00 GDCD: 7.75 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 3.00
LƯƠNG VĂN SƠN	30/08/1999	29012350	Toán: 1.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 5.75 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 4.00
HỒ THỊ HỒNG NHUNG	28/10/1999	29017431	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 4.00
CHU THỊ HẰNG	10/07/1999	29015574	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ TÚ	10/12/1999	29028203	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN Ý NHI	26/08/1999	29026401	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ THANH TÂM	23/07/1999	29008926	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 9.00 GDCD: 9.50 KHXH: 8.83 Tiếng Anh: 5.00
TRƯƠNG THỊ QUỲNH ANH	28/11/1999	29011588	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 6.50 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 4.20
LÊ THỊ QUỲNH ANH	19/07/1999	29023555	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN LÊ HOÀNG	16/11/1998	29013832	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 4.40
CAO THỊ MY	21/06/1999	29006505	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.58 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.20
VI VĂN KHANG	05/08/1999	29014499	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ HOÀI	20/08/1999	29029002	Toán: 3.60 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN VIỆT THÀNH	23/04/1999	29024027	Toán: 7.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 5 Tiếng Anh: 5.20
TRẦN MINH HIẾU	26/07/1999	29002368	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN TUẤN DŨNG	18/06/1999	29030409	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 4.20

LƯƠNG ANH SAO	18/10/1999	29025616	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.60
ĐẶNG THỊ TIẾN	16/02/1999	29007778	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 3.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.40
VÕ THỊ MAI	11/01/1998	29030334	Toán: 5.60 Hóa học: 7.75 Sinh học: 6.50
TRẦN VĂN HIẾU	22/03/1999	29000209	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ HÀ PHƯƠNG	03/02/1998	29017740	Toán: 8.80 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.75
BÙI THÁI HỒNG SƠN	15/03/1998	29005258	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.50 GDCD: 8.25 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.20
LÊ THỊ THÙY DUNG	20/08/1999	29003741	Toán: 1.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.40
ĐINH THỊ OANH	02/01/1999	29007719	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ QUỲNH GIANG	03/08/1999	29025406	Toán: 7.00 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 9.20
BÙI THỊ LÊ	19/03/1999	29021864	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ TRÂM	07/10/1999	29020149	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ THU HOÀI	28/08/1999	29010414	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.25 KHXH: 8 Tiếng Anh: 3.40
VI VĂN THUẦN	01/09/1999	29012420	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN THỊ THU HÀ	06/05/1999	29030434	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN QUANG TRƯỜNG	19/07/1999	29017610	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN VĂN HÓA	23/04/1999	29018799	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7 Tiếng Pháp: 3.20
HUỲNH THỊ KHÁNH LINH	01/04/1999	29009700	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.08 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 4.40

NGUYỄN VĂN SƠN	16/11/1999	29011481	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ THỊNH	15/07/1999	29010680	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 1.40
VŨ Y LÌA	15/03/1999	29008324	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.50 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 4.60
HỒ THỊ VÂN	26/07/1999	29023075	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.00 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 4.00
VI VĂN TOÀN	12/01/1999	29020843	Toán: 2.80 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.80
LÊ THỊ THIẾT LINH	17/06/1999	29020696	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.60
LƯƠNG THỊ HIỀN DỊU	07/04/1999	29020594	Toán: 2.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 5.00 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 3.60
ĐẶNG THỊ THU THỦY	11/10/1999	29015195	Toán: 6.20 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN VĂN CHIẾN	20/08/1999	29027204	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN HÀ	20/03/1999	29020265	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG THỊ QUỲNH	20/05/1999	29000499	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM BÁ NGỌC	07/10/1997	29018628	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.20
LÊ THỊ LỘC	20/09/1998	29010750	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG VĂN TRƯỜNG	15/12/1998	29028190	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.40
PHAN NỮ QUỲNH ANH	08/04/1999	29025899	Toán: 5.20 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.75 GDCD: 7.50 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN NHƯ HÙNG	10/03/1998	29002728	Toán: 6.20 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.00
NGUYỄN THỊ TUYẾT TRINH	13/01/1999	29022586	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.60

NGUYỄN ĐÌNH HƯNG	11/03/1999	29000295	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN BÁ THÁI	29/11/1998	29001608	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.60
TRƯƠNG QUANG ANH	21/07/1999	29002212	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 2.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 2.75 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN VĂN BIÊN	03/10/1999	29028293	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.17 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ THU THẢO	22/08/1999	29004635	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 6.50 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN HÀ PHƯƠNG	06/03/1999	29026451	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 6.80
TRẦN HOÀNG PHAN	19/12/1996	29019770	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.00
NGUYỄN TẤT TÀI	14/05/1999	29001598	Toán: 1.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VĂN CHIẾN	26/06/1999	29020967	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỌ ĐẠI	18/07/1999	29029797	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.75 GDCD: 9.25 KHXH: 8 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ THƠ	23/03/1999	29029610	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 8.80
NGUYỄN THỊ OANH	17/04/1999	29011000	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN VĂN DUY	10/12/1999	29010317	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 3.00
HỒ VĂN BẢO	03/01/1998	29009461	Toán: 4.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG DUNG	23/11/1999	29024200	Toán: 8.60 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 9.00
HỒ THỊ THẢO	17/01/1999	29000800	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	31/07/1999	29007127	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.40

NGUYỄN THỊ KIM QUY	20/09/1998	29010167	Toán: 7.80 Vật lí: 4.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 6.75 KHTN: 6.17
NGUYỄN THỊ THU UYÊN	12/08/1999	29018274	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 5.80
TRẦN ĐÌNH HOÀNG	10/10/1999	29022819	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ MỸ HUYỀN	21/05/1999	29007893	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 4.20
PHAN THỊ HẠNH	20/11/1999	29022782	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN NHÂN CHUNG	28/10/1998	29007232	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 3.20
LƯƠNG VĂN PHÚC	29/08/1999	29013687	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ HUYỀN	25/11/1999	29029032	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN CHÍ TRUNG	19/10/1999	29013779	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN ĐỨC PHÚC	01/11/1999	29018112	Toán: 9.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 9.25 Hóa học: 8.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 3.60
ĐẶNG MINH HIẾU	11/04/1999	29024299	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ NGUYỆT	26/06/1999	29006536	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN TĂNG	19/09/1995	29027746	Toán: 2.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.00
NGUYỄN HỮU HIẾU	16/11/1999	29016638	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 4 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ HẰNG	10/03/1999	29028386	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ TUYẾT MAI	14/10/1999	29021169	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	20/06/1999	29022559	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.60

HỒ ĐÌNH THẾ	16/02/1995	29026692	Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.25
DƯƠNG KHÁNH SƠN	10/03/1999	29020438	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 5.40
DƯƠNG THỊ PHƯƠNG THANH	04/01/1999	29026956	Toán: 8.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 8.20
TRẦN THỊ THANH BÌNH	19/01/1999	29004899	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 6 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN DUY QUỐC	18/05/1999	29022412	Toán: 7.00 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 1.75 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 5.80
LÊ ĐÌNH NINH	05/03/1999	29018648	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM THỊ MINH PHƯƠNG	01/06/1999	29002559	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN VĂN HÙNG	23/11/1999	29003408	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.83 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 5.75 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN VĂN HIẾU	13/06/1999	29005641	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.60
CAO XUÂN KHÁNH	28/07/1999	29005695	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.20
ĐẬU THỊ MINH ANH	20/09/1999	29005471	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ QUỲNH	24/08/1999	29027567	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.00
PHAN HẠNH NGUYỄN	28/10/1997	29010144	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.25
THÁI THỊ NHUNG	07/04/1999	29028583	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 3.00
VY VĂN NHẬT	22/04/1999	29008378	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.00 KHXH: 8.5 Tiếng Anh: 6.60
LÔ THỊ THOAN	08/09/1998	29025679	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 2.20
PHAN THANH TÀI	22/08/1999	29026496	Toán: 8.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 5.00

NGUYỄN THỊ THÚY QUỲNH	18/11/1999	29026480	Toán: 8.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 8.60
LƯU ĐÌNH TUYÊN	02/11/1999	29011171	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.75 KHXH: 8.33 Tiếng Anh: 2.00
TRẦN VĂN ĐẠT	16/02/1999	29007574	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 2.20
CAO TRỌNG TRƯỜNG	18/05/1993	29025328	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 8.75
NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	20/10/1999	29017591	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.00
NGÔ THỊ NGÀ	10/05/1999	29029141	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN HỒNG PHONG	07/12/1999	29000471	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 2.60
LÊ THỊ TRUNG	02/03/1999	29028752	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 7.80
NGUYỄN BÁ LÂM	09/06/1999	29015761	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN DOÃN TRUNG	20/07/1999	29028181	Toán: 5.00 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.80
VƯƠNG THỊ NGÂN HÀ	16/05/1999	29011645	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN THỊ TRÚC	30/04/1999	29002985	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 3.80
TĂNG ĐÌNH MẠNH	12/08/1998	29019145	Toán: 7.80 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.25
TRƯƠNG THỊ YẾN	17/07/1999	29015380	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.50 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 4.00
PHẠM THỊ HỒNG ĐIẾP	10/08/1999	29023676	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 4.60
THÁI THỊ YẾN	29/03/1999	29012556	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ BÉ	03/02/1999	29006859	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.60

VÕ THỊ THÚY HẰNG	01/11/1999	29001911	Toán: 8.80 Ngữ văn: 8.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 7.00
NGUYỄN THỊ MẾN	19/08/1999	29030554	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 4.60
PHẠM VĂN PHÁP	15/06/1999	29019771	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50
NGUYỄN HỒNG PHONG	30/05/1999	29004081	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.75 GD CD: 8.75 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.60
VÕ ĐÌNH CHÍNH	02/04/1999	29005971	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.50
NGUYỄN PHƯƠNG NAM	02/07/1999	29018059	Toán: 3.20 Ngữ văn: 2.75 Vật lí: 2.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ VÂN ANH	18/07/1999	29002205	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.75 GD CD: 7.25 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 4.20
QUANG THỊ MƠ	28/07/1999	29020719	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75 GD CD: 8.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.20
ĐÀO VĂN SƠN	18/05/1999	29018699	Toán: 3.80 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GD CD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 1.40
TRẦN VĂN KIÊN	14/11/1999	29000316	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 4.00
ĐẬU XUÂN NGUYỄN	25/05/1999	29004051	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.25 GD CD: 7.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN VĂN HUY	06/10/1998	29026644	Toán: 7.20 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.75
VÕ MẠNH TÚ	10/12/1999	29011152	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 9.25 Hóa học: 9.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 7.92 Tiếng Anh: 6.20
ĐÀO DUY QUÝ	23/11/1999	29011020	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ HIẾU	11/02/1999	29012058	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.25 GD CD: 6.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 5.00
HOÀNG LONG NHẬT	09/04/1999	29018087	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ HÒA	28/09/1999	29012755	Toán: 1.60 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 8.50 GD CD: 6.50 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ HÀ	01/10/1999	29021018	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN Ý	13/06/1999	29010232	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75

NGUYỄN ĐÌNH NAM	09/10/1998	29015981	Toán: 7.40 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.75
NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	01/06/1999	29019189	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.80
HỒ THỊ HÀ	14/08/1999	29018773	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 2.80
TRƯƠNG VĂN CƯỜNG	23/04/1999	29008641	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.25 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.80
THÀNH THỊ OANH	02/01/1999	29012300	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 8.20
HỒ DUY BẮC	22/10/1991	29024717	Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 8.50
HOÀNG MẠNH HOÀNG	11/08/1999	29027908	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ HƯNG	15/09/1999	29002426	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN ĐỨC	03/05/1999	29003776	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN BÁ TÚ	05/04/1999	29030882	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.00 GDCD: 6.50 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 3.20
LÊ LINH CHI	04/10/1999	29025945	Toán: 6.60 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN THANH HUYỀN	10/04/1997	29019137	Toán: 5.20 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.75
BÙI DUY NGỌC	10/12/1999	29015908	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.60
LÔ THỊ TÚ	10/12/1999	29003564	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ LAM	17/05/1999	29022849	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 6.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.60
CHU THỊ QUYÊN	11/02/1999	29018887	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.42 Tiếng Pháp: 3.00
NGUYỄN THỊ HUỆ	18/01/1999	29015673	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.60

PHAN HÀ PHƯƠNG	23/02/1999	29023974	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN VĂN THỊNH	05/10/1999	29020467	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.67 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.00 GD&ĐT: 7.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.60
KIM NGỌC ÁNH	27/08/1999	29013467	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GD&ĐT: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.80
TÀ RƯƠNG TÀI	19/09/1997	29010180	Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 4.00
LÊ THỊ NHÀN	17/07/1998	29019761	Toán: 8.40 Hóa học: 8.25 Sinh học: 9.25
XÔNG BÁ LỒ	02/03/1999	29020700	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GD&ĐT: 7.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN VĂN CÔNG	13/10/1999	29016108	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 3.60
VÕ THỊ ÁNH NGỌC	05/05/1999	29021959	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GD&ĐT: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.20
HÀ THỊ ÁNH NGỌC	22/02/1997	29013838	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25
NGÔ THỊ NGỌC ANH	15/09/1999	29004875	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.75 GD&ĐT: 8.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 5.20
HOÀNG THỊ MINH HIẾU	03/05/1999	29006371	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 3.00
VÕ THỊ THANH HIỀN	23/11/1999	29021058	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GD&ĐT: 6.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN XUÂN TRUNG	01/10/1999	29003551	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.92 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GD&ĐT: 7.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.00
BÙI THỊ NHUNG	12/06/1999	29014668	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.50 GD&ĐT: 7.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.20
LỖ BÁ CHƯ	18/06/1999	29008192	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.17 Tiếng Anh: 3.40
NGÔ TRÍ TOẠI	19/07/1999	29003332	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GD&ĐT: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.40
MAI THỊ THUỖ DƯƠNG	03/04/1999	29024219	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.75 GD&ĐT: 7.75 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 4.40
HOÀNG THỊ KIỀU TRANG	10/11/1999	29015240	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 2.60

LÊ NGỌC LONG	28/07/1999	29030531	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4 Tiếng Anh: 2.00
HỒ VĂN HOÀNG	16/08/1999	29016660	Toán: 8.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 2.25 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN TUẤN ĐẠT	16/04/1999	29023150	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ HỒNG THƯƠNG	13/02/1999	29020087	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.80
ĐẶNG VĂN DƯƠNG	30/05/1999	29010321	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	03/02/1999	29017820	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 8.25 Sinh học: 8.25 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THÚY AN	10/07/1999	29003345	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 4.40
ĐÀO VĂN TIẾN	27/08/1999	29001676	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 2.80
LÊ THỊ HẢI YẾN	16/12/1999	29012553	Toán: 8.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 7.60
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	15/05/1999	29016888	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 6.25 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 5.00
TRẦN VĂN TRƯỜNG	14/03/1999	29019046	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.58 Tiếng Pháp: 2.20
NGUYỄN VĂN TRIỆU	10/03/1998	29004738	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 6.25 KHTN: 6 Tiếng Anh: 3.20
CHU VĂN SỸ	15/03/1999	29029231	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 4.20
TRƯƠNG THỊ YẾN	20/11/1999	29020228	Toán: 6.20 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.25 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 7.40
PHAN HUY TUẤN	02/01/1999	29026572	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN MINH HIẾU	22/03/1999	29027317	Toán: 1.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.00 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ THẢO	28/01/1999	29022086	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.20

PHAN THỊ HƯƠNG	12/02/1999	29028471	Toán: 6.80 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 9.00 KHXH: 8 Tiếng Anh: 7.20
LÊ VĂN HUỖNH	05/02/1999	29014493	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.40
VEN VĂN KIỀU	03/02/1999	29008309	Toán: 2.40 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.75 GDCD: 4.25 KHXH: 3.75 Tiếng Anh: 1.80
TRƯƠNG THỊ HUYỀN THƯƠNG	04/01/1999	29030764	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN XUÂN ĐỨC	23/11/1999	29012717	Toán: 6.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN KHƯƠNG	14/04/1999	29030022	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 9.50 GDCD: 8.00 KHXH: 8.67 Tiếng Anh: 3.20
HÀ THỊ QUYÊN	13/11/1999	29003262	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.20
LƯƠNG THỊ QUỲNH TRANG	10/09/1999	29022556	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ DUYÊN	03/01/1999	29017148	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.60
TẶNG THẾ AN	14/01/1999	29000009	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 4.40
ĐẶNG VĂN NGÂN	30/10/1999	29007705	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.20
ĐOÀN KHÔI NGUYỄN	14/05/1995	29025298	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 4.33 Tiếng Đức: 4.80
NGUYỄN HỮU TIẾN	11/05/1999	29004686	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 4.00
LỮ PHÚC ANH	25/12/1999	29013856	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN HÙNG	09/11/1999	29027341	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.80
ĐINH VĂN VIỆT	04/06/1999	29010021	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ TÌNH	01/04/1999	29006666	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.80

HỒ THỊ TƯƠNG	18/09/1999	29017800	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25
BÙI VĂN BẮC	01/09/1998	29010048	Toán: 2.00 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 2.25
VY THANH TÙNG	13/09/1998	29021413	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.60
NGÔ THỊ VÂN ANH	15/08/1999	29011895	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.50 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN THỊ HOÀI THƯƠNG	17/07/1999	29009949	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN CẢNH LÀNH	20/03/1999	29021862	Toán: 6.00 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 9.25 Địa lí: 9.25 GDCD: 8.00 KHXH: 8.83 Tiếng Anh: 5.00
HỒ TRỌNG HIẾU	27/08/1999	29015612	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 1.80
VŨ VĂN DŨNG	25/09/1999	29018391	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN VĂN THẮNG	07/12/1999	29024580	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 5.50 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 3.60
DƯƠNG ĐỨC VŨ	08/06/1999	29007498	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.80
TRƯƠNG THỊ THÚY HẰNG	04/11/1999	29000181	Toán: 7.40 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 9.40
LÔ VĂN KỲ	15/02/1999	29013598	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 1.60
NGUYỄN VĂN TÀI	05/05/1999	29010637	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN VĂN THIỂN	03/02/1999	29004192	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN HOÀNG LINH	11/06/1998	29026853	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.5 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.60
PHAN SỸ THIẾT	11/06/1999	29029606	Toán: 7.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 4.20
PHẠM XUÂN HƯNG	16/11/1999	29029994	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN ĐÌNH HUY	01/07/1999	29001028	Toán: 2.20 Ngữ văn: 2.75 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.83 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.50

TRẦN NGUYỄN VIỆT ANH	05/02/1999	29026727	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.75 Tiếng Pháp: 8.20
ĐINH BẠT HÀO	22/09/1999	29024278	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 4.40
TRƯƠNG VĂN SINH	07/04/1999	29019980	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.40
BÙI THỊ THU	21/12/1999	29002621	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN VĂN THƯỜNG	28/09/1995	29029403	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 9.00
HỒ ĐĂNG MẠNH	29/10/1999	29016795	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 2.40
VŨ VĂN LINH	28/09/1999	29016765	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN QUANG HẢO	21/01/1999	29017908	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN VĂN LÂM	07/02/1999	29021130	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 9.25 GDCD: 6.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ HỒNG NHUNG	09/08/1999	29016217	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.00 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	07/01/1999	29001895	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 3.80
HOÀNG THÁI BẢO	28/03/1999	29003046	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.80
TẶNG THỊ HUYỀN TRANG	01/11/1999	29005356	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 5 Tiếng Anh: 5.20
PHẠM TRỌNG TUẤN	20/02/1999	29000607	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN ĐÌNH KỶ	17/08/1999	29001448	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.20
LƯƠNG THỊ THU	06/08/1999	29015175	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN TẤT DU	12/05/1999	29001261	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.60

NGUYỄN VĂN THUẬN	16/09/1998	29030735	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ GIANG	03/05/1999	29021686	Toán: 3.00 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.80
ĐINH THỊ NGHIỆP	15/07/1999	29019643	Toán: 2.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 9.00 GDCD: 5.75 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 4.20
HOÀNG THỊ THU HƯƠNG	13/03/1999	29025476	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ MAI AN	12/11/1999	29003033	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 10.00 GDCD: 7.25 KHXH: 8.42 Tiếng Anh: 3.00
NGÔ THỊ HƯƠNG TRÀ	01/09/1999	29012465	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.50 GDCD: 7.25 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 2.40
PHẠM THỊ TÚ	19/04/1999	29004775	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 5.80
LÊ THỊ CẨM ANH	15/06/1999	29028276	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 9.00 Hóa học: 9.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.67 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN KHÁNH LINH	18/11/1999	29025511	Toán: 6.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 5.80
TRẦN THỊ KHÁNH CHI	02/02/1999	29007228	Toán: 6.40 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN QUANG BẮC	10/07/1999	29024170	Toán: 2.20 Ngữ văn: 1.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 4.75 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 2.20
ĐẬU THỊ NGÀ	07/01/1999	29018064	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN THỊ THANH LAM	26/10/1999	29025494	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 5.80
TRẦN THỊ THU HIỀN	14/07/1999	29004422	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.20
LÊ THỊ DUNG	20/01/1999	29003739	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.25 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG THỊ BA	10/10/1999	29005494	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.80
CUNG THỊ SÁNG	16/08/1999	29028627	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.80

ĐINH THỊ TRANG	09/01/1999	29009970	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ THẢO NGUYỄN	08/01/1999	29020736	Toán: 2.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.75 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.20
LÔ VĂN PHÁP	06/07/1999	29025194	Toán: 7.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 3.40
BẠCH TRUNG KIÊN	06/07/1998	29007318	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.67 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.60
LÊ VĂN ĐOÀN	20/04/1999	29015516	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HÀ GIANG	29/03/1999	29004959	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 6 Tiếng Anh: 7.20
DƯƠNG LÊ MẠNH	11/11/1999	29021170	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 6 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG THỊ THẢO NGUYỄN	10/11/1999	29007710	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VĂN HIẾU	15/12/1999	29003859	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.25 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 1.80
BÙI VĂN THÔNG	28/02/1999	29030710	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HẠNH	04/01/1999	29022778	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN ĐỨC THẮNG	01/02/1999	29028073	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 2.40
TRƯƠNG THỊ CẨM MY	21/02/1999	29014612	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.25 GDCD: 6.50 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN VĂN CƯỜNG	23/10/1998	29017639	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00
TRỊNH THỊ THU THỦY	21/10/1999	29025701	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ TRÀ MY	19/05/1999	29012837	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.25 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	26/10/1999	29009244	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 3.60

NGÔ TIẾN LỰC	20/11/1998	29029369	Toán: 9.60 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.25
CAO THỊ THƯƠNG	08/06/1999	29012443	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN SỸ HOÀNG ANH	04/08/1999	29009429	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN XUÂN QUYẾT	24/06/1999	29007098	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.40
PHAN TẤT PHÚC	15/06/1999	29023964	Toán: 9.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 8.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 5 Tiếng Anh: 9.40
HỒ XUÂN TUẤN	27/11/1998	29013080	Toán: 8.20 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.25
NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN	12/04/1999	29026585	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 6.60
NGÔ ĐẮC LƯƠNG	10/08/1999	29030538	Toán: 6.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 3.40
HỒ TRỌNG TRƯỜNG	07/01/1999	29017026	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG THỊ LƯU	30/11/1999	29004518	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ MAI	15/09/1999	29028536	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.40
ĐINH VĂN QUÂN	16/11/1997	29022138	Toán: 6.80 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.25
NGUYỄN THỊ TRANG	20/05/1999	29022568	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM NGỌC THẮNG	25/07/1999	29012923	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.40
HÀ THỊ PHƯƠNG YẾN	18/12/1999	29018323	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 4.00
PHAN THỊ HOA	04/05/1999	29013147	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.08 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.20
VŨ THỊ NGỌC	20/02/1999	29004049	Toán: 3.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.20
ĐẬU THỊ NGOAN	16/07/1999	29022909	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.00

CHU QUÝ ĐÔN	23/10/1999	29003770	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GD&CD: 8.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN HỮU CƯỜNG	20/06/1999	29023126	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN THỊ TIỆP	25/03/1999	29022534	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 4.40
PHAN VĂN TUẤN	26/06/1999	29008025	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.75 Sinh học: 6.00 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ OANH	01/07/1999	29023284	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 9.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 6.00
ĐẶNG XUÂN MỘNG	22/02/1999	29022364	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 2.20
NGÔ THỊ HIỀN	25/05/1999	29016624	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ HẰNG	02/05/1999	29022791	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GD&CD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.80
TRẦN VĂN LÝ	05/11/1999	29023252	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.75 GD&CD: 6.75 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN ĐÌNH TÀI	05/03/1999	29027589	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GD&CD: 6.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.80
LÊ THỊ NHÂN	19/02/1999	29030160	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GD&CD: 8.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.40
LÊ VĂN BÌNH	28/10/1998	29007222	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.50 GD&CD: 7.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.60
LÊ CÔNG THẮNG	05/01/1999	29017534	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GD&CD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ HÀ	10/04/1999	29003796	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.25 GD&CD: 8.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ THU THỦY	08/03/1999	29023358	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 4.00
VI THỊ HƯƠNG	14/08/1999	29013587	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HẢI	05/05/1999	29010364	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GD&CD: 8.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.60

HỒNG THỊ LINH	02/11/1999	29021144	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.60
NGÔ VĂN BÁ	15/09/1998	29024163	Toán: 3.80 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.00 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 2.20
TRƯƠNG MINH PHONG	28/10/1997	29019775	Toán: 4.60 Vật lí: 2.75 Tiếng Anh: 4.40
LƯƠNG THỊ THẢO	16/08/1999	29020457	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 3.80
PHAN THỊ THÚY	01/02/1999	29030754	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ LINH	25/05/1999	29001463	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.80
LÊ VĂN TUẤN	20/11/1999	29006761	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.20
PHAN VĂN HIẾU	03/06/1998	29030315	Toán: 7.80 Vật lí: 7.50 Hóa học: 9.25
TRẦN THỊ NHUNG	10/01/1999	29007371	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.75 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG NGHĨA HOÀI	01/06/1998	29019708	Toán: 7.80 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.50
NGUYỄN TUẤN ANH	17/07/1999	29024922	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN TRẦN HIẾU	01/05/1999	29023738	Toán: 9.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 9.50 Hóa học: 10.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 7.60
HOÀNG NGHĨA HIỆP	29/09/1999	29006937	Toán: 2.80 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 1.40
LÊ VÕ TRỌNG KIÊN	29/05/1999	29025490	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.17 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 4.00
LƯƠNG THỊ CHANH	15/05/1999	29008168	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.50 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 1.80
LÊ THỊ THẢO	09/03/1999	29011058	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 3.60
LÊ TUẤN ANH	03/10/1999	29012614	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 7.80

NGUYỄN DUY DUYỆT	23/08/1998	29017649	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Địa lí: 3.25 Tiếng Anh: 2.20
LÊ VĂN KIÊN	10/10/1999	29023475	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00
ĐẬU THỊ PHƯỢNG	02/08/1999	29016257	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 5.40
HỒ XUÂN MẠNH	08/03/1999	29030551	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM VĂN THÀNH	14/08/1999	29027606	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM THỊ HẰNG	30/04/1999	29029881	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN THỊ CHÂU	10/06/1999	29011937	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ NGỌC HÂN	01/08/1999	29012742	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.20
LÊ HOÀNG SANG	08/02/1998	29009861	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.80
PHƯƠNG HÒANG DINH	17/09/1999	29025983	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 7.60
HOÀNG THỊ PHƯƠNG	27/10/1999	29028602	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN ĐẠI SƠN	13/04/1999	29006590	Toán: 6.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 4.60
BÙI VĂN ĐỨC	23/03/1994	29010080	Toán: 7.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 7.50
HOÀNG THỊ THANH VÂN	04/12/1999	29018288	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 5.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.20
LÊ LINH CHI	22/08/1999	29025946	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 8.80
NGUYỄN VĂN HƯNG	20/11/1999	29002428	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.25 Tiếng Anh: 2.40
HỒ THỊ THANH HUYỀN	16/07/1999	29006968	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.20
CHÂU THỊ ÁI PHI	28/04/1999	29008878	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 5.00

VÕ PHAN KHIÊM	23/06/1999	29010913	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 3.40
HÀ VĂN TRUNG	01/04/1999	29004754	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 4.40
LƯƠNG THỊ THÙY TRANG	06/12/1999	29011102	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 2.60
DƯƠNG LÊ TRUNG	25/01/1999	29021395	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HUYỀN	18/11/1999	29022307	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 4.00
HỒ THỊ VIÊN	30/11/1999	29004827	Toán: 2.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ LAN ANH	17/09/1999	29027823	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.17 Tiếng Anh: 4.20
HOÀNG ĐĂNG MẠC THẠCH	24/01/1999	29026951	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.42 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 5.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN BÁ HÙNG	12/06/1999	29025454	Toán: 7.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 5.40
PHAN THẢO HƯƠNG	15/02/1999	29017303	Toán: 8.20 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 9.40
TRẦN THỊ HIỀN	14/08/1999	29021056	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.80
DƯƠNG THỊ DUYÊN	20/10/1998	29029790	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN ĐỨC HOÀNG	27/01/1999	29021080	Toán: 7.40 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 5.00
TRẦN VĂN HỒNG	17/09/1999	29000252	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN ANH ĐỨC	26/06/1999	29024239	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 2.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.00 KHTN: 2.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN BÁ LƯU	20/04/1998	29028822	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.00 GDCD: 6.50 Tiếng Anh: 2.40
PHẠM PHÚ ĐIỀN	11/12/1999	29023675	Toán: 7.80 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 5.60

CAO VĂN ĐẠT	15/06/1999	29014917	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 2.00
VI THỊ NAM	13/06/1999	29008366	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.75 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN CÔNG TÂM	07/05/1999	29012364	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN VĂN HOÀNG	11/05/1999	29006393	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4 Tiếng Anh: 2.80
LÂM THỊ NGỌC	06/09/1999	29021950	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.40
HOÀNG THỊ HUYỀN TRANG	15/09/1999	29001691	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ THƠ	10/12/1999	29018950	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	16/08/1999	29018880	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.80
VI THỊ QUỲNH	24/08/1997	29020917	Toán: 2.60 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 5.25 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.80
ĐINH XUÂN KIÊN	17/10/1999	29012141	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN ĐỨC MẠNH	10/05/1997	29019748	Toán: 2.40 Ngữ văn: 1.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.50
NGUYỄN VIỆT HOÀNG	19/08/1999	29020297	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN VĂN TRƯỜNG	25/02/1999	29000881	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.67 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.40
HOÀNG THỊ KIM NGÂN	04/04/1999	29006516	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 6.25 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 3.40
HỒ THỊ NGỌC HUYỀN	15/04/1999	29025467	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.00
HỒ THỊ NAM	11/12/1998	29015882	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 5.75 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN SONG HẢI	11/01/1998	29026624	Toán: 8.20 Vật lí: 8.25 Tiếng Anh: 7.20

CAO THỊ NGUYỆT	17/11/1999	29011734	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 4.60
HOÀNG THỊ THÙY DƯƠNG	14/06/1999	29015491	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.60
PHAN THỊ PHƯƠNG AN	06/09/1999	29023539	Toán: 9.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 5.00
ĐẬU THỊ HUYỀN	09/09/1999	29029977	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN THỊ HẰNG	27/08/1999	29028964	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.25 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VĂN KHÁNG	16/04/1998	29021479	Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.75
LƯU ĐÌNH TÂM	23/01/1999	29010642	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.60
NGŨ DUY TUẤN ANH	15/08/1999	29003691	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.00
TRƯƠNG VĂN LÃM	27/01/1999	29019513	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 4.00
CẢNH VĂN HOAN	04/04/1999	29014453	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.60
NGÔ VĂN PHƯƠNG	12/01/1998	29018116	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.80
NGÔ TRÍ THÀNH SƠN	04/06/1998	29016002	Toán: 3.80 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.25
PHAN THỊ MAI	10/03/1997	29030333	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.25 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ NGA	19/07/1999	29021935	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.40
HỒ NGUYỄN KHÁNH TRÌNH	11/09/1995	29014854	Toán: 3.20 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.75
NGUYỄN THỊ MỸ DUNG	13/03/1998	29013020	Toán: 9.40 Hóa học: 9.50 Sinh học: 8.75 Tiếng Anh: 6.40
THÁI THỊ DIỆU LINH	16/08/1999	29000359	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 7.75 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 5.80

TRẦN THỊ CẨM LY	02/10/1999	29030082	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.40
ĐÀO ANH QUỐC	04/06/1999	29027550	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN XUÂN HÒA	23/04/1999	29015633	Toán: 2.60 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.00 KHXH: 4.08 Tiếng Anh: 1.80
LÊ THỊ NHẠ	02/01/1999	29009791	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.00
HOÀNG HỮU THỌ	04/06/1964	29013070	Toán: 3.00 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 7.25
BÙI ĐÌNH CƯỜNG	24/07/1999	29010287	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN HỮU TIN	09/03/1999	29028722	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 3.40
NGÔ KHƯƠNG DUY	06/12/1999	29014910	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.60
PHAN HOÀNG AN	27/12/1999	29029415	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 5 Tiếng Anh: 5.40
ĐINH THỊ QUỲNH	07/09/1998	29021503	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50
CỤT VĂN KHÁNH	27/07/1999	29008299	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 5.25 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN GIA HÙNG	05/07/1999	29023210	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ THU HƯỜNG	18/04/1999	29002435	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 9.00 GDCD: 6.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN TRỌNG ĐÔ	10/09/1999	29023153	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.33 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN ANH QUÂN	21/11/1999	29004579	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 4.20
NGÂN VĂN SÁNG	04/05/1998	29003655	Toán: 2.20 Ngữ văn: 2.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 1.60
NGUYỄN BÁ HUY	20/12/1999	29016688	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 7.50 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ QUỲNH	10/11/1999	29016920	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 3.80

TỪ ĐỨC MẠNH	01/06/1999	29009203	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ HẰNG	03/01/1999	29001906	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN KIM TUẤN	28/08/1998	29019829	Toán: 6.80 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.67
NGUYỄN KHOA HOAN	30/04/1999	29024318	Toán: 9.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 9.80
ĐẬU THỊ NGÂN	17/09/1999	29021941	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.20
LÊ THỊ KIM OANH	10/01/1999	29004076	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 4.60
PHẠM THỊ QUYẾT	20/12/1999	29030248	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	15/03/1999	29005841	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG THỊ THẢO	14/01/1999	29030660	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.00
NGÂN VĂN CƠ	18/09/1999	29020581	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 5.00 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 2.00
PHẠM THỊ SÁNG	20/07/1999	29007395	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 5 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN VŨ VIỆT KHÁNH	14/08/1999	29026211	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 6.40
TRẦN THỊ THẢO	15/04/1999	29029262	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ LỆ THỦY	11/10/1999	29011797	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 2.80
TRƯƠNG VĂN TUẤN	02/03/1999	29015317	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.00 KHXH: 8.33 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	08/03/1999	29016852	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 6.25 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 5.80
CAO THỊ HOÀI	15/02/1999	29014448	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.80

ĐẶNG THÁI THĂNG	16/03/1998	29001154	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.80
LƯƠNG VĂN CÔNG	20/11/1999	29027212	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.50 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VĂN HIẾU	23/06/1999	29023740	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG HẢI ĐỨC	05/11/1999	29027870	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 1.50 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN HỮU TOÀN	03/01/1998	29007194	Toán: 8.80 Vật lí: 9.00 Hóa học: 9.50
NGUYỄN KIM PHÚC	01/09/1999	29022403	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 3.20
LÔ HOÀI THƯƠNG	18/11/1999	29018979	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN CƯỜNG	28/06/1997	29010063	Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 9.25
NGUYỄN THÙY LINH	20/07/1999	29027960	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 6.00
TRỊNH THANH HÙNG	09/12/1999	29025061	Toán: 5.40 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 5 Tiếng Anh: 2.60
LÊ THỊ HÒA	09/03/1999	29015631	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.80
BÙI SỸ THÀNH	11/06/1999	29013340	Toán: 7.20 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN VĂN HUY	21/08/1998	29018507	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.40
HỒ THỊ THẢO	25/05/1998	29004282	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.00 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN HỒNG NHUNG	05/11/1999	29009228	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 5.20
ĐẶNG THIÊN THĂNG	04/10/1999	29010666	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	16/10/1999	29019939	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.40

TRƯƠNG THỊ THU TRÀ	02/03/1999	29015236	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 6.50 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ MỸ UYÊN	12/10/1999	29011184	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN ĐẠT	22/08/1999	29012697	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 1.40
NGUYỄN THÁI MẠNH	15/03/1999	29001071	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.92 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 5.50
NGUYỄN DANH TIẾN TRUNG	24/09/1999	29024104	Toán: 5.20 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 3 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ NGỌC DIỆP	20/03/1999	29011605	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 6.00 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 3.00
HỒ VĂN DUNG	10/02/1999	29017865	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.00
HỒ VIỆT ĐỨC	27/06/1999	29023680	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.25 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN VĂN THUYỀN	26/12/1998	29030755	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HẰNG	27/11/1999	29007613	Toán: 3.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG NGHĨA HIẾU	31/01/1999	29024300	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 9.00 GDCD: 7.25 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 3.40
CHU THỊ TIỂU TIỆP	04/03/1999	29027013	Toán: 7.00 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 8.40
NGUYỄN THỊ HÀ	20/06/1999	29019327	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 3.25 GDCD: 6.50 KHXH: 3.92 Tiếng Anh: 2.40
BÙI GIA PHONG	15/01/1999	29002878	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ BÌNH	15/05/1997	29001741	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.00 Tiếng Anh: 3.60
VÕ THỊ VÂN	08/06/1999	29011852	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 4.00
PHÙNG THỊ PHƯƠNG ANH	03/04/1999	29011905	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.17 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.40
HOÀNG VĂN LINH	22/09/1997	29019735	Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.50

TRẦN THỊ HỒNG	25/03/1999	29003902	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 9.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.00
VÕ THỊ XUYẾN	20/09/1998	29022671	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ HẬU	19/02/1999	29021046	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.75 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 4.80
THÁI THỊ LINH	28/06/1999	29029093	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG THỊ HÀ	01/05/1999	29016586	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.00
LÊ ANH QUÂN	21/10/1999	29016270	Toán: 1.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.60
LƯƠNG HUYỀN TRANG	10/07/1999	29007431	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 5.20
LÊ HỒNG THẮNG	04/03/1998	29029400	Toán: 9.40 Vật lí: 8.75 Hóa học: 7.75
ĐÀO THỊ PHƯƠNG	02/05/1999	29018879	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 5.40
HUỖNH VIỆT HỮU	04/12/1999	29010449	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ TRANG	21/11/1999	29023043	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ HOÀI	01/03/1999	29017256	Toán: 3.60 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN THẾ TÀI	21/06/1999	29024020	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 4.60
TRƯƠNG THỊ KHÁNH LINH	01/01/1999	29014548	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.40
LÊ VĂN ĐỒNG	25/04/1999	29017172	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.00
ĐỖ QUANG DUY	06/03/1999	29026002	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 8.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 9.40
NGUYỄN HUỆ NGÂN	22/01/1999	29013244	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 5.00

NGUYỄN PHAN THÙY DUNG	10/06/1999	29025986	Toán: 8.20 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 9.40
NGUYỄN ĐĂNG LƯƠNG	12/01/1999	29001059	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.33 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00
NGUYỄN THỊ HIỀN	01/12/1999	29028973	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN QUYẾT	20/02/1999	29000766	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.25 Hóa học: 1.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ MAI HÀ	04/12/1999	29028363	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.50 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 1.60
DƯƠNG THỊ QUỲNH NGA	12/08/1998	29024817	Toán: 6.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.50
HOÀNG NGỌC DIỆP	31/01/1999	29004923	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 8.00
TRẦN QUỐC BẢO	07/06/1998	29025249	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.00 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN DUY THƯỢNG	10/09/1998	29016446	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ LY	01/10/1999	29002838	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.00 Hóa học: 1.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 2.67 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ TÂM	15/04/1998	29022145	Toán: 5.60 Hóa học: 5.50 Sinh học: 6.75
NGUYỄN THỊ PHÚC	19/09/1999	29001559	Toán: 2.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.80
ĐẶNG QUANG HÀ	15/07/1998	29001299	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 1.80
TRẦN VĂN HIỆP	05/12/1999	29020282	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 2.80
ĐÀO DANH HỒNG	13/11/1999	29001023	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.25 KHTN: 2.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00
NGUYỄN THỊ TUYẾT	07/07/1999	29016528	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM XUÂN THỊNH	16/11/1996	29027768	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.25
VÕ HỮU THÔNG	25/10/1999	29002099	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 3.60

BÙI HỮU ĐÔNG	23/10/1999	29017170	Toán: 4.40 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ TÂM	18/11/1999	29022059	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 4.00
LÊ VIẾT ĐIỀN	27/05/1999	29010331	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 5.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 4.20
LÊ THỊ HẬU	20/12/1999	29028966	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN HỮU THẮNG	12/02/1999	29011786	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG VĂN TUẤN	06/01/1999	29016513	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 1.40
TRẦN THỊ QUANG	24/05/1999	29011465	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.40
HỒ THỊ THÚY	18/07/1999	29016433	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ YẾN	25/02/1999	29004855	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 2.25 GDCD: 6.50 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 3.00
VŨ THỊ HOA	15/03/1999	29028420	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VĂN NAM	10/01/1999	29015886	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ HUYỀN	06/08/1999	29009159	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 5.20
LÊ THỊ XUÂN	08/07/1997	29017806	Toán: 6.60 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 8.75
NGUYỄN VĂN THÀNH	30/12/1999	29021295	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	28/02/1999	29025886	Toán: 9.00 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 9.25 Hóa học: 10.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 8.25 Tiếng Anh: 6.80
HOÀNG VINH QUANG	26/07/1999	29007965	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 4 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN HỮU NAM	08/09/1998	29011560	Toán: 8.60 Hóa học: 8.50 Sinh học: 8.00

HỒ THỊ MỸ DUNG	10/08/1999	29003738	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN QUANG	02/10/1999	29005843	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.40
PHAN THỊ THUẬN	25/07/1999	29030736	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.60
VŨ QUANG LINH	30/12/1999	29018567	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG THỊ KIM TUYẾN	06/01/1999	29012527	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 1.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 2.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.00
LƯƠNG THỊ KIM DUNG	04/06/1998	29020597	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.25 GDCD: 4.75 KHXH: 3.67 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ LAM	08/07/1999	29012805	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN THỊ ÁNH	24/01/1999	29000046	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.40
LÊ ĐỨC HIẾU	19/04/1999	29000204	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN DUY DIỆP	07/10/1998	29011548	Toán: 7.20 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.75
HỒ BÁ HIẾU	13/09/1999	29018460	Toán: 2.40 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN TRỌNG HỢP	02/09/1999	29001414	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN NGỌC TRỌNG	25/07/1998	29004294	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 2.25 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.58 Tiếng Anh: 3.60
LÊ VĂN TUẤN	05/05/1999	29019055	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 3.00
CỤT VĂN KỲ	07/01/1999	29020685	Toán: 2.40 Ngữ văn: 2.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.5 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.40
PHẠM NGỌC HIẾU	09/02/1999	29024765	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25
TRƯƠNG Tú Trinh	03/09/1999	29024649	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.25 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN THỊ TRANG	17/10/1999	29022566	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 8.00 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 1.60

NGUYỄN THỊ XOAN	12/10/1999	29011216	Toán: 5.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ KHANG	10/07/1999	29027386	Toán: 4.40 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 6.40
ĐẬU THỊ THU HOÀI	26/07/1999	29006383	Toán: 9.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 8.25 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 2.40
HOÀNG ĐỨC	04/12/1999	29026773	Toán: 9.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 9.50 Hóa học: 9.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 7.33 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 5.00
HỒ ĐỨC HƯƠNG	16/03/1999	29018526	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.20
LÊ THỊ KHÁNH HUYỀN	09/09/1999	29012784	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN NAM	03/01/1999	29019622	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN THỊ ÁNH NGUYỆT	07/12/1999	29018869	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.00
PHAN THỊ PHƯỢNG	25/09/1999	29014705	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM THỊ HỒNG VÂN	19/04/1999	29028247	Toán: 8.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 3.40
HỒ SỸ ĐOÀN	27/07/1999	29016142	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĨNH KỲ	14/09/1999	29030025	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN BÁ DŨNG	08/10/1999	29009501	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 8.00
PHẠM THỊ HIỀN	23/07/1999	29003849	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.00 KHXH: 8.42 Tiếng Anh: 5.40
LÊ THẾ TÀI	12/07/1999	29025231	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	27/02/1999	29030368	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN NAM	05/08/1999	29030121	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.50 GDCD: 6.00 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 1.60

HỒ THỊ PHƯƠNG	05/10/1999	29016880	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 6.20
VÕ THỊ NGỌC TRÂM	16/09/1999	29025762	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 4.60
DOÃN NGỌC ĐỨC	16/01/1999	29029816	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.40
ĐẬU CẨM TÚ	02/09/1999	29027082	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 9.20
LÊ THỊ THÚY	01/05/1999	29030749	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 8.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 6 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ THÙY	23/10/1999	29028103	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN TRUNG HẢO	02/12/1998	29019696	Toán: 8.80 Vật lí: 6.75 Hóa học: 8.00
VÕ THỊ HUYỀN	04/09/1999	29005061	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 6.00
HUỲNH THỊ HIỀN	14/02/1999	29014417	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.80
LÊ THỊ HUỆ	16/06/1999	29030485	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 8.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 1.20
PHAN VĂN HOÀNG	29/04/1999	29029940	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THẾ ĐỨC	13/10/1999	29005572	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.40
VÕ THANH CƯỜNG	31/03/1999	29014903	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ DUNG	17/04/1999	29019258	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.75 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.80
ĐẶNG THỊ TÌNH	02/07/1999	29005337	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.40
HÀ THỊ HẠNH	28/04/1999	29028374	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 6.40
HỒ THỊ THUÝ	09/02/1999	29015189	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.00

NGUYỄN THỊ THỦY	05/03/1999	29006189	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.75
CAO HUY MINH	20/07/1999	29006091	Toán: 4.60 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.00
TRẦN ĐÌNH MẠNH	04/05/1999	29003197	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN DŨNG	25/01/1999	29007563	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.80
PHẠM VĂN MINH	02/12/1999	29008833	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.60
ĐÀO THỊ HƯƠNG	10/02/1999	29001967	Toán: 8.80 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 6.00 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 5.20
LANG THỊ THU HIỀN	05/09/1999	29013951	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 1.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 2.20
THÁI BÁ NINH	08/10/1998	29005815	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.20
PHAN QUỐC VIỆT	11/08/1999	29014220	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 2.00
HOÀNG THỊ LAN	10/09/1999	29022850	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG VĂN TOÀN	05/05/1998	29017577	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN THỊ HOÀNG NGÂN	24/11/1999	29024484	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.00 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỌ TRƯỜNG LỰU	01/04/1999	29001485	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ DIỆU LINH	02/01/1999	29029528	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 7.80
NGUYỄN HOÀNG LONG VŨ	20/08/1999	29023085	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 10.00 Địa lí: 9.25 GDCD: 8.00 KHXH: 9.08 Tiếng Anh: 5.00
LÔ VĂN ĐỨC	06/05/1999	29003097	Toán: 2.00 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 5.50 KHXH: 4.08 Tiếng Anh: 3.00
NGÔ ĐĂNG KHÁNH TOÀN	01/06/1999	29014180	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.25 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG VĂN LINH	01/10/1997	29021481	Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 9.75 Địa lí: 10.00

LỮ VĂN LƯU	15/07/1999	29013629	Toán: 3.00 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN DUY PHÁCH	05/08/1999	29022935	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN NHẤT THẢO NGUYỄN	09/04/1999	29018081	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.33 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.00
NGÔ THỊ BÍCH PHƯƠNG	15/08/1999	29017452	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN KHÁNH DUY	09/10/1995	29000967	Toán: 7.20 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.00
NGUYỄN HUY PHƯỚC	01/04/1999	29021229	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.50 KHXH: 8.42 Tiếng Anh: 2.20
HỒ THỊ LINH	08/05/1999	29008801	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.00
ĐẬU THỊ HOA	22/02/1999	29011658	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 4.20
VI LÝ HUỲNH	29/07/1998	29003164	Toán: 2.80 Ngữ văn: 0.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 5.75 KHXH: 4.08 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THANH LAM TRƯỜNG	08/05/1999	29027076	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.08 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	06/11/1999	29013710	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 4.00
NGÔ THỊ ÁNH	14/12/1999	29003702	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.25 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.40
LÊ XUÂN CƯỜNG	19/05/1999	29013101	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 4.20
CHU THỊ OANH	10/04/1999	29029172	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ NHI	16/02/1999	29013275	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 9.25 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN THỊ THƠM	02/08/1999	29029285	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN HUY LÂM	08/08/1998	29015961	Toán: 7.20 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.50

ĐÀM VĂN TRƯỜNG	06/09/1999	29030865	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.80
PHAN THỊ HUYỀN	27/03/1999	29029036	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.80
DƯƠNG THỊ QUỲNH THƠ	25/03/1999	29026989	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.50 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 1.80
VÕ THỊ LINH	20/10/1999	29008810	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN DUY SỸ	03/11/1999	29026942	Toán: 7.00 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.00 KHXH: 8 Tiếng Anh: 9.60
NGUYỄN TRỌNG TÍN	11/01/1998	29008985	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.50 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN TUẤN MẠNH	13/01/1999	29022355	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 4.20
LÊ VĂN BẢO	30/09/1997	29028811	Toán: 9.00 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.75
NGUYỄN THỊ HƯƠNG LY	05/12/1999	29019587	Toán: 2.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.20
HÀ THỊ MỸ LINH	22/03/1999	29026236	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 8.20
NGUYỄN VĂN THIỆN	01/01/1999	29018942	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ HOÀNG THẢO	26/02/1998	29014833	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 Tiếng Anh: 3.40
MAI THỊ HỒNG VÂN	20/06/1999	29000617	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN HỮU DẦN	21/01/1999	29001258	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ THANH THỦY	26/10/1999	29000825	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ LÂM ANH	02/09/1999	29003040	Toán: 4.40 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 9.75 GDCD: 9.00 KHXH: 9.08 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ THANH NHÀN	11/05/1999	29024500	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 6.80

ĐỖ THỊ THẢO	16/11/1999	29001628	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.00
PHAN SỸ TRÀ	30/12/1999	29024608	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 10.00 GDCD: 8.50 KHXH: 8.83 Tiếng Anh: 4.40
HỒ THỊ NGUYỆT HÀ	07/11/1999	29009543	Toán: 5.00 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.00
VI THỊ TOÀN	26/03/1999	29013765	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.60
ĐẶNG VĂN PHƯƠNG	23/12/1999	29011461	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 9.00 GDCD: 9.00 KHXH: 8.5 Tiếng Anh: 3.60
NGÔ THỊ HUYỀN	06/04/1999	29002413	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.00
CAO XUÂN LỘC	01/02/1999	29019576	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 9.50 GDCD: 7.75 KHXH: 8.75 Tiếng Anh: 6.60
NGUYỄN THỊ QUỲNH	20/06/1999	29017471	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.00 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.40
HUỲNH THỊ QUỲNH	27/05/1999	29016283	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.40
HỒ ĐÌNH SÁNG	07/04/1999	29009258	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 2.00
LƯƠNG THỊ THOA	19/11/1999	29020819	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THẾ TRUNG	12/02/1999	29006725	Toán: 7.80 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN VĂN DINH	16/04/1999	29027223	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN VINH	08/11/1999	29013450	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.42 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ THU UYÊN	16/12/1999	29010016	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 9.50 Sinh học: 9.25 KHTN: 7.75 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN NGỌC LÂM TÂM	18/11/1999	29027596	Toán: 4.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 9.25 Địa lí: 9.00 GDCD: 9.50 KHXH: 9.25 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG VĂN AN	21/01/1999	29006831	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.60

TRẦN THỊ TUYẾT ANH	14/04/1999	29030374	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 8.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 5.00
TRẦN THỊ HẢI YẾN	11/07/1999	29003605	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 6.80
NGUYỄN THỊ GIANG	16/03/1999	29000986	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.75 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.50
XÔNG Y RAU	19/05/1999	29020792	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 1.80
NGÔ THỊ VIỆT HÀ	12/04/1999	29004974	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 7.25 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 5.00
LÔ ĐÌNH LÝ	26/11/1999	29014045	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.40
LƯƠNG THỊ PHƯỢNG	15/05/1999	29013692	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 3.00
LÊ VĂN THÁI	06/11/1999	29016334	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 5.25 KHXH: 3.92 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN TÀI	10/11/1998	29003659	Toán: 4.00 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 5.00 KHXH: 3.83 Tiếng Anh: 2.80
BÙI QUANG MINH	29/12/1998	29022127	Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 9.75
LẦU BÁ TÔNG	25/02/1999	29008468	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 2.60
LƯƠNG TRUNG HIẾU	09/11/1999	29010886	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 8.75 Hóa học: 10.00 Sinh học: 6.00 KHTN: 8.25 Tiếng Anh: 4.40
PHẠM VIỆT THỌ	12/02/1999	29000540	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 5.20
HỒ VIỆT ANH	28/08/1999	29017816	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 7.67 Tiếng Anh: 4.20
LÊ THỊ TÚ	13/06/1999	29001711	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.20
LÊ THỊ ÁNH	21/10/1999	29015416	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ LY	08/11/1999	29027445	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.80

PHÙNG NGUYỄN KHANG	29/07/1999	29006425	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 3.20
ĐẶNG THỊ VÂN ANH	26/08/1999	29012607	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 8.00 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ UYÊN	02/08/1999	29018275	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 6.75 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VĂN GIÁO	10/10/1997	29005997	Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 9.00
VŨ KHÁNH HUYỀN	16/02/1999	29012113	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 7.40
TĂNG ĐÌNH HỔ	21/04/1998	29019428	Toán: 2.20 Ngữ văn: 1.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ YẾN	16/04/1999	29018330	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.00 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 4.20
VÀ BÁ BỒNG	19/03/1999	29008157	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 2.75 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ TUYỀN	16/10/1999	29001726	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.75 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN VĂN PHIÊU	10/03/1999	29021989	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.50 KHXH: 8.75 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ NGUYỄN GIANG	09/12/1999	29002308	Toán: 4.40 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.50 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 2.80
CAO NGỌC GIANG	06/08/1999	29005576	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 5.00
LÊ VĂN TRI	17/05/1998	29016036	Toán: 7.20 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.25
LƯU THỊ NA	05/01/1999	29022896	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN MINH TÙNG	22/04/1999	29015322	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 2.25 KHTN: 2.67 Tiếng Anh: 3.00
PHAN THỊ ANH ĐÀO	09/10/1997	29021460	Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 9.50 Địa lí: 10.00
LÊ THỊ PHƯƠNG THẢO	24/03/1999	29017522	Toán: 6.00 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 5.40

NGUYỄN HOÀNG VŨ	07/11/1999	29024691	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	03/01/1998	29010744	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN ANH ĐỨC	14/03/1999	29008241	Toán: 2.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 5.00
ĐINH THỊ PHƯƠNG	02/05/1999	29009828	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN NGỌC	07/01/1999	29028005	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN MINH GIANG	27/05/1999	29024252	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 9.00 GDCD: 9.25 KHXH: 8.58 Tiếng Anh: 8.00
PHẠM VĂN THẮNG	15/06/1998	29016016	Toán: 8.20 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 6.42
NGUYỄN ĐÌNH MINH	06/04/1999	29024461	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 4.40
HỒ SỸ HẢI	22/08/1999	29016596	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 4.20
THÁI ĐÌNH ĐỨC	11/07/1999	29001886	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 4.00
VI THỊ HOÀI MY	10/06/1999	29013649	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.00
HỒ ĐỨC MẠNH	08/12/1999	29013227	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.25 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 3 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 2.50 GDCD: 2.75 KHXH: 2.25 Tiếng Anh: 2.40
TÔN VĂN QUANG	15/12/1999	29018672	Toán: 3.80 Ngữ văn: 2.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 1.60
NGUYỄN THỊ VÂN ANH	18/04/1999	29000631	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.92 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.80
ĐINH XUÂN BÌNH	12/02/1995	29021448	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 7.25
NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	18/08/1999	29004725	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN THỊ HIỀN	14/01/1999	29002344	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.40

PHAN THỊ TÂM	05/09/1999	29030285	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.60
NGÔ SỸ DŨNG	31/12/1999	29019269	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 4.50 KHXH: 3.83 Tiếng Anh: 3.00
ĐẶNG THỊ HỒNG NHUNG	16/03/1999	29023279	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.67 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.75 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ NHUNG	10/03/1999	29021971	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THẾ TUẤN	10/07/1998	29019831	Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 9.25
VI VĂN HUYNH	12/06/1999	29013996	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.50 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ LINH	28/10/1999	29015797	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.00
TRƯƠNG THỊ THU HẰNG	06/02/1999	29011310	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.50 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 5.80
VŨ THỊ MỸ LINH	10/07/1999	29030051	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 4.20
VŨ XUÂN LỘC	11/12/1999	29010505	Toán: 2.60 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN THỊ KIM UYÊN	01/08/1999	29009382	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 9.00 Hóa học: 10.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 7.92 Tiếng Anh: 3.00
DƯƠNG NHẬT TIẾN	25/04/1998	29004287	Toán: 2.80 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN VIỆT HƯNG	27/11/1999	29022840	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.20
VŨ THỊ THƯƠNG	25/01/1999	29018983	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.00
LƯU THỊ THỦY	05/12/1999	29007771	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 9.00 GDCD: 7.25 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 4.40
LÊ THỊ THẢO	24/02/1999	29026505	Toán: 9.00 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 9.25 Sinh học: 9.25 KHTN: 8.33 Tiếng Anh: 7.20
NGUYỄN HỮU TIẾN	03/03/1999	29028123	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 9.25 GDCD: 8.25 KHXH: 8 Tiếng Anh: 2.80

BÙI VĂN LẬP	20/03/1997	29017700	Toán: 3.80 Vật lí: 1.75 Hóa học: 4.00
LÊ VĂN ĐỨC	19/07/1999	29001883	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HƯỜNG	07/11/1998	29019500	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN DIỆP LINH	20/11/1998	29000360	Toán: 6.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ MẾN	03/02/1999	29012835	Toán: 6.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.25 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN ĐỨC THANH NGUYỄN	28/08/1999	29023934	Toán: 7.60 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN KHÁNH TRÌNH	22/08/1997	29014855	Toán: 6.80 Vật lí: 5.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 7.50 KHTN: 6.75
ĐINH THỊ HUỆ	26/10/1999	29004451	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 3.80
HỒ THỊ HẠNH	09/10/1999	29015564	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN THỊ NGỌC LAN	08/05/1998	29017698	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50
LÔ THỊ THANH TRÀ	29/07/1999	29012464	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.00
ĐẶNG CÔNG ĐĂNG	22/09/1999	29012692	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ THỦY	25/01/1999	29001162	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 2.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.67 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.25
NGUYỄN HOA LINH	19/07/1999	29006464	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.83 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.40
BÙI CÔNG ĐỨC	18/02/1998	29014774	Toán: 1.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.25 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN TRỌNG DŨNG	25/11/1999	29003077	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.80
HỒ THỊ KHÁNH HUYỀN	03/01/2000	29023804	Toán: 8.40 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 8.80

NGUYỄN THỊ THÚY HỒNG	29/03/1999	29009142	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 8.50 Sinh học: 8.25 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 5.60
LÊ AN NINH	01/01/1999	29005814	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN VĂN TÀI	16/07/1999	29000517	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.40
PHAN TRUNG HIẾU	19/09/1999	29029907	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 1.80
ĐẶNG THỊ OANH	08/07/1999	29021216	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.80
VŨ VĂN CƯỜNG	12/12/1999	29017132	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ NGỌC	18/07/1998	29022914	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.75 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.00
ĐÀO THỊ THÙY DƯƠNG	11/05/1999	29021632	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HUYỀN VI	05/07/1999	29003016	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 8.50 Sinh học: 9.00 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 4.00
ĐẶNG BÁ THỊNH	27/01/1998	29001808	Toán: 8.40 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 1.50 KHTN: 5.33
ĐỖ HỮU PHI	23/12/1999	29003472	Toán: 8.00 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 8.20
NGUYỄN VĂN ÂU	31/12/1997	29000940	Toán: 3.60 Ngữ văn: 1.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.25 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 1.80
TRẦN VĂN DƯƠNG	12/04/1998	29010073	Toán: 8.60 Vật lí: 9.25 Hóa học: 9.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 7.08
HỒ PHƯƠNG ANH	21/07/1999	29017815	Toán: 7.20 Ngữ văn: 8.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 5.20
HỒ VĂN ĐỨC	24/08/1999	29017173	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.00
CHU THỊ QUỲNH	12/08/1999	29029209	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC	02/03/1999	29022380	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 5.80

PHẠM THỊ THANH THỦY	17/05/1999	29025703	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.00
VÕ VĂN THẮNG	29/06/1999	29015151	Toán: 7.20 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 8.40
ĐẶNG THỊ HƯƠNG	20/09/1999	29016707	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 4.20
THÁI THỊ HUYỀN TRANG	15/10/1999	29000584	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 9.50 GDCD: 8.25 KHXH: 8.5 Tiếng Anh: 6.20
LÊ HÙNG HOÀI NAM	21/02/1999	29005775	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN THỊ HỒNG HẢI	22/10/1999	29026056	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 9.75 Sinh học: 8.75 KHTN: 8.08 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN THỊ HUỆ	11/02/1999	29021091	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 8.00 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ XUÂN	10/04/1999	29030943	Toán: 8.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 7.60
VÕ THỊ HẢO	12/01/1999	29002330	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ HỒNG	15/12/1998	29021085	Toán: 5.20 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN ĐĂNG TUẤN	20/06/1999	29011830	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.80
LÊ MẠNH HÙNG	08/07/1999	29008744	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 6.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.40
PHẠM THỊ CẨM TÚ	03/06/1999	29019052	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 1.60
HOÀNG THỊ DUNG	22/01/1999	29006877	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.20
CAO THỊ QUỲNH TRANG	30/01/1998	29006206	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.00 Tiếng Anh: 6.60
NGÔ CAO LINH TRANG	08/08/1999	29005349	Toán: 1.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VĂN TÚ	27/09/1999	29017612	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 3.75 GDCD: 4.75 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 1.60

NGUYỄN BÙI QUỲNH TRANG	19/05/1999	29009971	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 3.60
ĐẶNG QUỐC TUẤN	26/07/1999	29007798	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ YẾN	30/09/1999	29022682	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.00 KHXH: 8 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN DƯƠNG	24/05/1999	29027247	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN TRẦN THÙY LINH	17/10/1999	29027413	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN VĂN Ý	14/11/1999	29030949	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 4.50 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.00
PHAN VĂN TRUNG	18/07/1999	29023391	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 4.40
CHU VĂN ĐỨC	02/08/1999	29028348	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 6.60
NGUYỄN THỊ LƯƠNG	13/11/1999	29017362	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.80
ĐOÀN THỊ THÚY	28/02/1999	29013374	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Pháp: 3.00
TÔ DUY QUANG	24/11/1999	29016899	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ TUYẾT	20/03/1999	29030912	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 4.00
VÕ HOÀNG THI	17/04/1999	29011074	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 9.25 Hóa học: 9.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 4.00
BÙI VĂN MINH	09/09/1999	29000405	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.20
LÊ THỊ MAI	01/02/1999	29014585	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.00
BÙI ANH TUẤN	27/03/1999	29022618	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ GIANG	06/07/1999	29022758	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 6.00

PHAN VĂN DŨNG	25/09/1999	29001864	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.08 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM THỊ THƯƠNG	14/01/1999	29029618	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN KHẮC PHƯỚC	03/08/1999	29021997	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.00
HỒ PHÚC HẬU	08/12/1999	29015589	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN VĂN HỒNG	26/07/1999	29029950	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.80
ĐẶNG THỊ HÀ TRANG	29/04/1999	29006686	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.40
LÔ THỊ KHĂM	04/03/1999	29008301	Toán: 1.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THẾ HIẾU	07/07/1999	29028989	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.20
VƯƠNG THU HIỀN	30/10/1999	29025031	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.20
DƯ THỊ THẢO	04/01/1998	29012379	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HỒNG	27/07/1999	29002393	Toán: 9.40 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 9.00
TRỊNH THỊ THU THẢO	10/01/1999	29004636	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN DUY SANG	02/07/1999	29024854	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25
ĐẶNG THỊ BẠCH LY	01/06/1999	29020701	Toán: 2.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.5 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN PHÚ NGUYỄN	26/07/1999	29013265	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN VĂN DŨNG	15/05/1999	29011972	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.42 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 2.20
NGÔ ĐÌNH VINH	12/09/1998	29004310	Toán: 9.40 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.25

NGUYỄN VĂN PHÚ	15/01/1998	29001110	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.17 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.75
NGUYỄN THỊ LÝ	23/08/1999	29018036	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 6.00 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 4.80
PHẠM THỊ LINH	19/10/1999	29015798	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN ANH TUẤN	04/09/1999	29013081	Toán: 2.20 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.50
TRẦN VĂN TÚ	17/03/1999	29022617	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 7.25 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 3.20
CAO VĂN DUY	28/10/1999	29006304	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ MAI	27/09/1999	29023254	Toán: 9.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN CAO DŨNG	22/09/1999	29001861	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 4.80
PHAN VĂN SƠN	28/01/1999	29017487	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.20
LÔ THỊ YẾN NGA	06/03/1999	29020727	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.50 GDCD: 5.75 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 2.00
HOÀNG THỊ VY	29/06/1999	29011865	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 6.25 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 4.80
VÕ THỊ HÀ	04/10/1999	29011644	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.25 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH	16/01/1999	29027188	Toán: 5.80 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 7.75 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 4.40
TRƯƠNG THỊ TRÂM	10/10/1999	29028742	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.80
VI VĂN HIẾU	26/08/1999	29014439	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.00
HOÀNG THỊ LINH GIANG	17/06/1998	29005439	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 6.75
NGUYỄN PHƯƠNG LINH CHI	13/09/1999	29024719	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 2.83 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.50

NGUYỄN LÂM VIỆT	02/09/1999	29022653	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.20
LÊ TRUNG TRÍ	05/07/1998	29020503	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN BÁ HUY	14/10/1999	29023786	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 1.75 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 3.80
TRƯƠNG VĂN ĐẠT	25/06/1999	29018408	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 5.40
VI VĂN THẮNG	19/04/1997	29003300	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN THỊ LINH	06/09/1999	29010496	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.40
ĐẬU THỊ TIỀN	09/01/1999	29006656	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 7.50 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 5.40
ĐẬU ANH TÚ	18/05/1999	29016507	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 5.00
LÊ THỊ UYÊN	26/01/1999	29024130	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 1.25 KHTN: 3.17 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN VĂN CƯỜNG	08/03/1997	29000957	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.00 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 2.67 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00
TRẦN THỊ HUYỀN	28/05/1999	29011360	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.20
LÊ VĂN THƯỜNG	12/05/1999	29023364	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 2.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 3.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG	23/01/1999	29024286	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 3.50 GDCD: 7.00 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 3.20
VI TUẤN ANH	23/08/1999	29013868	Toán: 2.60 Ngữ văn: 2.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 5.75 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN GIA LINH	22/08/1999	29024411	Toán: 2.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 6.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN THẢO CHI	14/11/1999	29019229	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ PHƯƠNG	20/01/1999	29001115	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 3.83 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.00

LÊ THỊ MẬN	02/04/1999	29012222	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.42 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN THỊ LINH	16/02/1999	29014546	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 9.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN KIM THÙY	21/10/1999	29024590	Toán: 8.80 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 9.40
NGUYỄN ĐÌNH DUẤN	07/12/1998	29022212	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.83 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN THẮNG	11/08/1996	29017766	Toán: 7.60 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.00
PHẠM ĐỨC MẠNH	25/07/1998	29010757	Toán: 6.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 4.25
NGUYỄN BÁ NHẬT	26/12/1999	29019890	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ LƯƠNG	18/08/1999	29009733	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.80
PHẠM PHƯƠNG THỦY	25/10/1998	29013071	Toán: 6.40 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.25
NGUYỄN DUY HOÀNG ANH	22/04/1999	29018723	Toán: 7.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 4.00
PHAN THỊ VÂN	13/05/1999	29022650	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.60
VÕ VĂN SƠN	26/02/1999	29006157	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75
LÊ THỊ KIM CƯƠNG	22/07/1999	29007551	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ HẢO	10/01/1999	29021716	Toán: 3.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.00
QUANG CẢNH TAM	27/06/1999	29013715	Toán: 3.60 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC	20/11/1999	29011431	Toán: 2.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HƯỜNG	01/10/1999	29005693	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN XUÂN DŨNG	05/07/1999	29010314	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.60

NGUYỄN THÀNH THIẾU	30/05/1999	29028682	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.20
VÕ THU AN	28/08/1999	29009415	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VĂN THÁI	17/07/1999	29000521	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 5.40
HỒ THỊ MAI	11/07/1999	29015845	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN ĐÌNH QUYẾT	05/02/1999	29020426	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 4.00
HỒ PHƯƠNG NAM	04/04/1999	29018054	Toán: 6.60 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ DUYÊN	25/02/1999	29019281	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ DIỄM	10/09/1999	29017134	Toán: 5.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.00 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ THƯƠNG	06/03/1999	29020089	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 5.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN NGỌC KHÁNH	23/11/1999	29025488	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 9.00
TRẦN PHÚC HIẾU	20/09/1999	29015618	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 6.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.20
ĐẶNG ĐÌNH PHÚ	24/02/1999	29021225	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.50 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 2.00
VI THỊ BÉ NGỌC	14/02/1999	29025564	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 4.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.00
TRƯƠNG VĂN PHÚ	08/05/1995	29027722	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 8.25
ĐINH THỊ MỸ THÙY	04/07/1997	29003666	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 2.25 KHTN: 3.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75
PHAN HOÀNG ANH	27/06/1999	29017096	Toán: 1.80 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN TẤT TUẤN	21/01/1999	29025792	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 4.60

NGUYỄN VĂN TIẾN	11/03/1999	29018198	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 2.20
LÊ VĂN THÁI	01/10/1999	29020003	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 9.50 GDCD: 8.75 KHXH: 8.92 Tiếng Anh: 4.40
HOÀNG THỊ TOÀN	22/10/1999	29006678	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 9.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 7.80
LÊ THỊ KHÁNH HUYỀN	01/01/1999	29014975	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 4 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN MINH HIẾU	26/02/1998	29029357	Toán: 6.20 Vật lí: 4.25 Hóa học: 7.00
ĐẶNG HOÀNG YẾN	23/06/1999	29006821	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 8.20
LÊ VĂN KỶ	20/10/1999	29021856	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN PHONG	21/06/1999	29030193	Toán: 5.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ LINH	10/10/1999	29001462	Toán: 2.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VĂN THÁI ANH	13/10/1999	29024923	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 2.80
LƯƠNG VĂN ĐỊNH	10/03/1999	29013918	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.25 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.40
ĐÀO THỊ MINH HUYỀN	03/09/1999	29022829	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN QUỐC TRƯỜNG	08/01/1997	29009044	Toán: 7.20 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.50
TRẦN VĂN CÔNG	21/03/1999	29029756	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ LY	10/02/1999	29019588	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.00
ĐOÀN THỊ HỒNG VÂN	29/01/1998	29021530	Toán: 6.20 Ngữ văn: 8.50 Tiếng Anh: 7.00
LƯƠNG VĂN HOÀNG	15/08/1999	29003143	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.60

HOÀNG THỊ HÀ	06/11/1998	29014241	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ TRINH	19/05/1999	29028748	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.40
LÊ THỊ HÀ	20/12/1998	29025408	Toán: 5.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 9.25 GDCD: 8.00 KHXH: 8.5 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN TRỌNG PHI	20/01/1999	29017443	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.50 GDCD: 7.00 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 3.00
LÊ XUÂN HIỆU	21/11/1999	29017933	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.25 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN HÀ TRANG	27/04/1999	29002979	Toán: 8.80 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 7.80
NGUYỄN THỊ HẰNG	12/09/1999	29010385	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.80
PHAN QUANG HUY	19/07/1999	29028453	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ THÀNH	10/10/1999	29030656	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.50 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 4.20
HÀ THỊ HẰNG	29/05/1999	29013939	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 6.25 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM ANH TUẤN	13/06/1999	29028223	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.40
LƯƠNG THỊ DỊU	26/05/1998	29003064	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.60
TẶNG THỊ BÍCH UYÊN	10/02/1999	29013441	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 8.25 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 4.60
LƯU THỊ THẢO TRANG	26/06/1999	29022557	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 6.20
CAO THỊ NGỌC	05/11/1999	29005798	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.80
HÀ THỊ THANH HIỀN	02/08/1999	29009121	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 2.20
LÊ THỊ VÂN ANH	08/09/1999	29029703	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.75 GDCD: 5.75 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 3.00

NGUYỄN THỊ HẰNG	15/03/1999	29009566	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 8.00
NGỌC KIM ĐẠT	16/08/1999	29007572	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.80
VÕ THỊ HUYỀN TRANG	24/09/1999	29022577	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.20
CHU THỊ NGUYỄN	29/10/1999	29004050	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 6.80
BÙI THỊ AN	26/05/1999	29002186	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HÀ	24/01/1999	29001303	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 5.40
TRẦN VĂN DŨNG	26/08/1999	29024973	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
ĐINH VĂN TRƯỜNG	11/01/1999	29006732	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN ĐẶNG QUỐC TUẤN	02/09/1999	29003003	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.00 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.83 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.00
PHAN VĂN NAM	11/04/1999	29004537	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 3.60
KHA ĐỨC THÔNG	12/09/1999	29003304	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ QUỲNH ANH	04/04/1999	29009059	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 8.80
NGUYỄN THỊ HẠNH	01/08/1999	29000155	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN THỊ NGỌC	10/10/1999	29010566	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	10/09/1999	29028606	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 6.00 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 5.00
LÊ SĨ NHẬT KÝ	23/06/1999	29009177	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 2.40
HOÀNG THỊ KHÁNH LY	20/08/1999	29010951	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 4.00

TRẦN THỊ THẢO NGÂN	26/12/1999	29008855	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GD&ĐT: 6.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ MỸ LINH	12/10/1999	29010935	Toán: 7.20 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN BẢO LỘC	29/09/1994	29027700	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25
NGUYỄN THỊ HƯƠNG LANH	10/07/1999	29009689	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.50 GD&ĐT: 6.75 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.20
VŨ THỊ KHÁNH HUYỀN	28/05/1999	29004470	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 4.60
VÀ BÁ LỒNG	14/12/1999	29008330	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.00 GD&ĐT: 4.50 KHXH: 3.58 Tiếng Anh: 2.20
LÊ THỊ HOÀI AN	19/12/1999	29024158	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.75 GD&ĐT: 8.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN SỸ BÌNH	07/10/1999	29002785	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 2.25 KHTN: 2.33 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GD&ĐT: 8.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN BÁ KIẾT	12/09/1999	29023231	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN HUY HOÀNG	20/09/1998	29008073	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 2.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 2.00 KHTN: 2.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.50
TRẦN VIỆT TRUYỀN	15/07/1998	29007460	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GD&ĐT: 8.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.00
CAO XUÂN DƯƠNG	15/10/1999	29018400	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GD&ĐT: 6.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.60
HOÀNG TIẾN SƠN	04/02/1999	29026934	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GD&ĐT: 8.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG ĐỨC ANH	04/09/1999	29007201	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN ÁNH TUYẾT	17/02/1999	29022634	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	27/04/1999	29030209	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.75 GD&ĐT: 9.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ KIỀU OANH	05/12/1999	29027523	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GD&ĐT: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.60

LANG MINH HIẾU	16/08/1999	29013546	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ HOÀI PHƯƠNG	27/07/1999	29024842	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.75 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 1.75
NGŨ THỊ HỒNG NHUNG	22/11/1999	29004554	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 8.00 Sinh học: 8.00 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 4.40
NGÔ THỊ HẰNG	15/07/1999	29000171	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN TIẾN DŨNG	24/11/1998	29013107	Toán: 1.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.33 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.83 Tiếng Pháp: 2.60
HOÀNG THỊ LOAN	26/10/1999	29017354	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.40
ĐẶNG HỮU PHƯỚC	18/09/1999	29020405	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG MINH QUANG	10/09/1999	29013302	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.5 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 5.00
VI THỊ THẢO	13/03/1999	29014154	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 1.80
LÊ THỊ TRÀ GIANG	21/02/1999	29021682	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.80
LÊ ANH TÚ	29/08/1999	29028200	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.25 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN MẠNH TIẾN	15/08/1999	29024087	Toán: 7.80 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 4.60
ĐẬU VĂN ĐẠT	30/08/1999	29001272	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.40
LƯƠNG THỊ HUYỀN	09/01/1999	29025468	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ YẾN	22/04/1999	29022680	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN KIM HIẾU	28/02/1999	29001010	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.92 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75
HỒ CHÍ TRƯỜNG CHINH	09/09/1999	29004909	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 4.80

HỒ THỊ THÙY LINH	19/12/1999	29023239	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 1.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 7.00
LÊ TRỌNG PHÚC	18/04/1999	29012304	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 6.50 KHTN: 6 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN VĂN QUANG	10/04/1999	29001575	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 4.00
NGÔ THỊ THUỖ DUNG	18/03/1999	29024198	Toán: 8.60 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 8.40
DƯƠNG THỊ PHƯỢNG	21/12/1999	29020411	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN XUÂN KIÊN	29/03/1999	29025094	Toán: 5.20 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 3.20
ĐÀO THỊ HẰNG	27/05/1999	29009560	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.20
HẠ Y BẢY	19/07/1999	29008151	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.75 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ THANH	20/11/1998	29020005	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.40
BÙI THỊ THANH BÌNH	27/10/1999	29007221	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN PHI LONG	22/06/1999	29006477	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.17 Tiếng Anh: 4.40
TRƯƠNG THỊ HỒNG NGÁT	03/02/1999	29014626	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 5.75 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM THỊ BÌNH	08/06/1999	29004336	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 7.60
ĐINH XUÂN HÙNG	18/07/1999	29022824	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.75 GDCD: 6.75 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ LINH CHI	28/12/1998	29029347	Toán: 8.20 Vật lí: 7.25 Hóa học: 3.75 Tiếng Anh: 7.80
HỒ THỊ TRANG	10/08/1997	29016034	Toán: 7.20 Ngữ văn: 8.00 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ PHÚC	10/09/1999	29016239	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 5.00

TRƯƠNG THỊ NGỌC	09/06/1999	29028565	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ LƯƠNG	23/07/1999	29030540	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 3.40
ĐẶNG THỊ HẢI	10/10/1999	29022255	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 9.25 Hóa học: 9.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 7.83 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN HỮU HÀ	21/09/1999	29022250	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 6 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN TUẤN ANH	27/05/1999	29011584	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN PHƯƠNG TRÀ	09/01/1999	29026534	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN THỊ TRÀ	21/12/1999	29018211	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.17 Tiếng Anh: 3.80
HOÀNG THỊ THANH HẰNG	01/06/1999	29015577	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN VĂN THỌ	18/04/1999	29024582	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.60
PHAN TRỌNG QUANG	24/04/1999	29030226	Toán: 2.20 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 1.80
PHẠM VIỆT CHẾ	08/01/1999	29007540	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.40
VÕ THỊ HỒNG NHUNG	20/03/1999	29013280	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 8.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 9.00
THÁI DOÃN HOÀNG	18/02/1998	29001406	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.40
PHẠM THỊ ÁNH	04/07/1998	29028863	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HÀ	11/02/1999	29017194	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 1.60
NGÔ THỊ LÝ	15/01/1999	29012209	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.33 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 6.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN SỸ HIẾU	10/07/1999	29002361	Toán: 7.80 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 3.60

LÔ THỊ PHA	15/10/1999	29008395	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.80
ĐẬU VĂN THANH	08/03/1999	29004622	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN ĐỨC THẮNG	19/05/1999	29022454	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HẬU	09/05/1999	29028967	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ SAN	21/09/1999	29002055	Toán: 9.20 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 5.40
ĐẬU ĐỨC DẦN	12/10/1998	29015471	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ LÀNH	25/11/1999	29005091	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ VÂN ANH	26/06/1999	29020938	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ LINH	03/06/1999	29000350	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ LÊ	29/07/1999	29018546	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.60
ĐÀO THỊ LINH CHI	12/04/1999	29029743	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN TRÍ THÔNG	08/09/1999	29022469	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN BÌNH	10/02/1999	29003707	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.50 KHXH: 8.33 Tiếng Anh: 6.00
LÊ THỊ NGỌC	31/05/1999	29000431	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 3.80
LÊ CÔNG HẠNH	23/01/1999	29021030	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.00
LÊ THỊ ÁNH LƯƠNG	23/08/1999	29015023	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 7.75 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ LIÊN	20/08/1999	29027399	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.60

NGUYỄN THỊ MƠ	09/04/1999	29011415	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.50 GD&CD: 9.00 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN MẠNH HÙNG	13/01/1998	29014796	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.75
HÀ KIỀU ANH	10/02/1999	29008591	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 7.75 GD&CD: 7.75 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 3.40
HỒ THỊ HÀ	14/04/1998	29030312	Toán: 8.20 Hóa học: 6.25 Sinh học: 5.50
VÕ THỊ MAI BĂNG	26/04/1999	29010829	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 4.20
LÊ ĐÌNH ĐỨC	19/06/1999	29005989	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25
NGUYỄN THỊ YẾN	14/07/1999	29022677	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GD&CD: 9.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.80
HOÀNG THỊ NAM	10/12/1999	29004028	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.75 GD&CD: 7.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.00
THÁI VĂN KHÁNH	01/07/1999	29008778	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.25 GD&CD: 7.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.00
THÁI BÁ THẮNG	23/09/1999	29006615	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN TRỌNG ĐÔNG	13/01/1999	29001284	Toán: 6.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GD&CD: 6.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.60
TRƯƠNG CÔNG THÀNH	21/11/1998	29030658	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 5.75 GD&CD: 4.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM TRỌNG THÀNH	04/05/1999	29024028	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ LỊCH	24/08/1999	29007005	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.25 GD&CD: 7.75 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN XUÂN HẬU	05/05/1999	29007616	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.00 GD&CD: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.40
HỒ THỊ SEN	19/02/1999	29017480	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.50 GD&CD: 7.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN THỊ THANH THÙY	09/07/1999	29008966	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 9.25 Địa lí: 9.00 GD&CD: 9.25 KHXH: 9.17 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN ĐỨC GIANG	29/07/1995	29025262	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.50

NGUYỄN QUÝ KHÁNH	17/04/1999	29012133	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 2.40
HỒ MẠNH CHIẾN	16/09/1999	29013099	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.5 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 7.60
TRƯƠNG THỊ NHÌ	08/08/1999	29012865	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.50 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.40
PHAN THỊ HIẾU	28/08/1999	29001926	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 7.25 KHTN: 6 Tiếng Anh: 5.60
LƯƠNG THỊ MINH	02/10/1999	29014603	Toán: 1.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.60
HỒ THỊ HOÀI PHƯƠNG	09/03/1999	29011462	Toán: 5.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.25 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 4.00
THÁI THỊ HOÁ	08/01/1999	29002379	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 5.00
VÕ CÔNG TRỨ	15/08/1998	29005460	Toán: 5.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 6.75
NGUYỄN THỊ QUỲNH	28/03/1999	29030252	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.40
VÕ THỊ THÚY AN	02/12/1999	29027149	Toán: 3.60 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 6.00
HOÀNG THỊ VÂN ANH	04/02/1999	29009052	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN ĐỨC THẮNG	15/12/1999	29026984	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.92 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 5.40
PHẠM VIỆT LĨNH	13/01/1999	29022875	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG THỊ GIANG	26/01/1999	29024249	Toán: 9.00 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 8.60
LÔ THỊ DIỄN	20/09/1999	29014328	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.40
BÙI ĐỨC LAM	21/04/1999	29029070	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN VŨ	16/07/1999	29027134	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 3.67 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.40

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	01/04/1997	29026688	Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 7.08
SẦM VĂN HIẾU	03/11/1999	29013551	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.40
LÀU Y CHIA	04/11/1999	29008173	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 5.50 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ LINH TRANG	01/06/1999	29004722	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN TRỌNG TUẤN	28/12/1998	29021409	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.75 KHXH: 8.42 Tiếng Anh: 3.20
LÊ XUÂN ĐOÀN	10/01/1999	29022748	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.60
LÊ THỊ NGỌC	14/04/1999	29023487	Toán: 1.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00
LÊ THỊ NGỌC THÚY	06/04/1999	29000552	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 9.00
VĂN BÁ HẢI	09/02/1998	29021703	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN VĂN TẤN	28/09/1999	29016938	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ LAM	28/02/1999	29001451	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ LƯƠNG	17/04/1999	29030077	Toán: 1.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.20
TRƯƠNG CÔNG THÔNG	19/11/1999	29028689	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 4.20
ĐẬU THỊ LAN	12/12/1999	29015745	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN ĐÌNH KHÁNH NHẬT	14/02/1999	29023941	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 8.60
TRẦN MẠNH HÙNG	19/06/1998	29003146	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 5.75 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG THỊ NHUNG	03/11/1999	29029559	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 8.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 5.40

ĐẬU THỊ PHƯƠNG	15/01/1999	29016258	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN QUANG TRƯỜNG	10/11/1999	29011142	Toán: 8.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 4.40
ĐINH XUÂN HUY	16/07/1999	29009154	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ LINH	19/02/1999	29010933	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VĂN NAM	16/07/1999	29030122	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.60
HỒ THỊ DƯƠNG	20/11/1999	29015493	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 4.20
PHAN THỊ THU PHƯƠNG	08/06/1998	29014827	Toán: 1.20 Ngữ văn: 5.75
HOÀNG VĂN NGUYỄN	18/04/1998	29030150	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ THUY	01/06/1999	29029290	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN TRUNG KIÊN	26/04/1999	29024377	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN TRỌNG ĐỨC	19/09/1997	29010084	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 1.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 3 Tiếng Anh: 5.00
TRẦN ĐỨC TRỌNG	04/11/1998	29017787	Toán: 1.60 Ngữ văn: 1.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.25 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.40
LÊ KHÁNH LINH	02/07/1999	29025507	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 4.20
PHAN BÁ QUANG	20/11/1998	29019784	Toán: 2.60 Ngữ văn: 1.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 2.25
PHẠM THỊ MỸ LINH	20/09/1999	29019552	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.80
LƯU THỊ MỸ	25/12/1999	29010543	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.00
LÊ TRẦN THÙY LINH	26/08/1999	29001985	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 8.60

NGUYỄN HỮU HOÀNG	09/10/1999	29013163	Toán: 5.80 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.17 Tiếng Anh: 3.80
VÕ THỊ NGÀ	07/01/1999	29007355	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.08 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.20
LÊ CÔNG VĂN	21/09/1999	29018282	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.60
VÕ PHƯƠNG THẢO	30/12/1999	29030681	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 8.00
NGUYỄN THỊ THƠ	24/02/1999	29030716	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN ĐÌNH NGÔN	03/01/1999	29016177	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN ĐẮC TÀI	01/01/1999	29008923	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN THẾ THẢO	17/05/1999	29030666	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM THỊ TỔ UYÊN	23/11/1999	29009381	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN ĐÌNH DŨNG	28/12/1998	29024205	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.00 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 5.40
HOÀNG QUỐC VIỆT	18/09/1999	29022652	Toán: 8.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 8.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 3.60
HỒ THỊ PHƯƠNG LINH	18/06/1999	29026851	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.42 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN TRẦN ĐẠI LÂM	14/04/1999	29026846	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.00 KHXH: 6.33 Tiếng Nga: 8.80
PHAN ĐỨC THẮNG	20/03/1999	29022453	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN HỮU QUỐC ANH	28/11/1998	29026602	Toán: 6.80 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 4.00
TRỊNH QUỐC SÁNG	10/01/1999	29002060	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.92 Tiếng Anh: 2.60
PHẠM THỊ HÀ	30/10/1999	29008685	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 5.60

PHẠM THỊ NƯƠNG	09/02/1999	29029171	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 6.00
LÔ THỊ THIÊN	14/11/1999	29015155	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.50 KHXH: 8.42 Tiếng Anh: 4.20
PHẠM VIỆT NGHĨA	09/11/1999	29015047	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 2.00
TRẦN THỊ BÍCH	08/06/1999	29021568	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.80
VÕ HỮU QUYẾT	11/07/1998	29001586	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HÀ	22/01/1999	29015552	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.60
CÙ THỊ HÒA	24/01/1998	29017246	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.80
TRƯƠNG THỊ KHÁNH	14/04/1999	29002442	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 9.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.00
HỒ ĐÌNH NAM	22/05/1999	29016808	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN VĂN DƯƠNG	05/11/1999	29004942	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ HƯƠNG	22/03/1999	29009170	Toán: 8.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 7.75 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 4.00
TRƯƠNG VĂN DƯƠNG	10/05/1996	29027651	Toán: 5.80 Vật lí: 4.25 Tiếng Anh: 5.80
VI THỊ NGỌC	24/10/1999	29013662	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.60
LÊ MINH HOÀNG	06/01/1999	29007876	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 6 Tiếng Anh: 3.60
LƯU THỊ MAI ĐÀO	12/04/1999	29006314	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN HỮU TÔN	25/12/1999	29030787	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN HOÀNG YẾN VY	20/11/1999	29024695	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 5.20

HOÀNG VĂN NHẬT	29/04/1999	29016194	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ HỒNG NHUNG	15/07/1999	29024512	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.80
LÊ HOÀNG HẠNH NGUYỄN	23/07/1999	29023929	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 6.20
PHẠM THỊ KIM PHƯỢNG	19/11/1999	29000487	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 5.20
LÊ THỊ LOAN	02/10/1999	29019568	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.75 GDCD: 7.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ NGỌC HUYỀN	05/04/1999	29027360	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 5.00
VÕ THỊ HỒNG NHUNG	15/03/1999	29012869	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.00
LÊ THỊ THÚY HẰNG	28/06/1999	29010384	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN CHÍ CÔNG	19/01/1999	29016105	Toán: 6.40 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 4.20
HỒ TIẾN KỶ	15/06/1999	29018000	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.33 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.40
PHAN VĂN LĨNH	02/01/1999	29014550	Toán: 1.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 5.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN THỊ ÁI QUYÊN	08/01/1999	29009249	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 2.60
LÊ THỊ THU HẰNG	10/06/1998	29013537	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 4.20
LÔ THỊ LÀNH	28/08/1999	29020691	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 3.40
ĐẶNG THỊ TRANG	03/08/1999	29030794	Toán: 4.40 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.25 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 5.60
LÊ THỊ PHƯƠNG THẢO	15/07/1999	29012385	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.40
LƯƠNG THỊ NỤ	24/08/1999	29014090	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.50 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.40

ĐẬU THỊ GIANG	18/06/1999	29007595	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.60
THÁI THỊ TRANG	20/12/1999	29030830	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.40
TRƯƠNG MẠNH CƯỜNG	18/05/1999	29004917	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.20
PHẠM HỮU THIỆN	07/07/1999	29007763	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.40
LƯU THỊ KIM THOA	06/12/1999	29022463	Toán: 9.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN THỊ THỦY	17/01/1999	29004658	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ HUYỀN	14/10/1999	29027356	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.00
PHAN THỊ TÚ OANH	25/07/1999	29030182	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.20
VÕ THÀNH QUANG	29/06/1999	29028028	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG THỊ HUYỀN	10/06/1999	29028457	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.00
LƯƠNG THỊ MẠO	26/11/1999	29003199	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ THU HÀ	02/08/1999	29027279	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 8.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ TRANG	06/06/1999	29016478	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN THỊ THƯƠNG	09/10/1999	29007775	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 5.50 KHXH: 3.83 Tiếng Anh: 2.20
PHAN VĂN MẠNH	24/10/1997	29007037	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 4.40
MAI ANH TUẤN	19/10/1999	29012980	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 4.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM THỊ HOÀI THƯƠNG	05/01/2000	29027008	Toán: 9.80 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 9.40

PHẠM VĂN CHÂU	03/02/1998	29002227	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ THANH NHÀN	05/02/1999	29018631	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 9.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ CHÂU	22/01/1999	29006276	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.60
LƯU HỒNG LỢI	25/01/1999	29007923	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.58 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 9.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.00
VƯƠNG ĐÌNH HÙNG	25/01/1998	29027678	Toán: 8.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 5.75
NGUYỄN BÙI NINH HIẾU	08/07/1999	29024302	Toán: 6.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 4.83 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 8.80
TRẦN THỊ HẠNH	30/12/1999	29022259	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN VĂN ĐẠT	08/08/1999	29001274	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ HẢI	26/12/1999	29027283	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.80
NGÔ THỊ THỦY	19/05/1999	29012428	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM THỊ THẢO	10/11/1999	29016955	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG	19/06/1999	29000108	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 5.40
VŨ TRỌNG TRUNG	07/07/1997	29004298	Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 4.75
NGUYỄN ANH HÀO	12/08/1999	29002327	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 3.60
CAO MINH TRANG	17/11/1999	29005343	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC	29/07/1999	29010979	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ DIỆP	18/04/1999	29003361	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 8.25 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 3.80

NGUYỄN XUÂN PHÚC	27/11/1997	29017447	Toán: 2.40 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 2.50 KHXH: 3.83 Tiếng Anh: 3.40
VÕ THỊ VÂN	11/02/1999	29011199	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN TRỌNG ĐĂNG	06/02/1999	29028339	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 5.20
TRẦN THỊ HỢP	18/04/1998	29004242	Toán: 6.60 Hóa học: 7.25 Sinh học: 7.75
THÁI VĂN TIẾN	09/12/1998	29006200	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 8.00
NGUYỄN VIỆT TUẤN	10/02/1998	29019832	Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 9.00
PHẠM VĂN HUY	07/07/1998	29024780	Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7.92
TRẦN VĂN HÀ	29/04/1999	29000145	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ NGUYỆT	18/11/1999	29018630	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.40
HỒ THỊ HÀ	28/09/1998	29017190	Toán: 1.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.00 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.20
PHAN THỊ QUÝ	27/07/1999	29005853	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM THỊ NGỌC ANH	23/10/1999	29009439	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 5.40
TRƯƠNG VIỆT HOÀNG	06/04/1997	29019712	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.00
HỒ VIỆT TUẤN	03/06/1999	29011157	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.25 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM BÁ QUÝ	08/01/1999	29008898	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ HOA	14/08/1999	29006947	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 4.40
PHẠM MINH TÂM	21/08/1995	29025313	Toán: 8.20 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.00
BÙI THỊ BÍCH NGỌC	10/05/1999	29010977	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 5.00
TRẦN XUÂN SƠN	03/06/1999	29026490	Toán: 8.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 4.00

NGUYỄN THỊ NGỌC	06/07/1999	29009781	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 6.25 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN VĂN NHẬT	02/07/1999	29030166	Toán: 2.20 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TRÀ	20/11/1999	29012950	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.20
DƯƠNG THỊ PHƯƠNG ANH	10/01/1999	29017082	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ THUỶ	08/09/1999	29015187	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM THỊ THANH TÂN	20/03/1999	29020447	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN VĂN DŨNG	27/05/1998	29029783	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.80
LÊ VĂN CƯƠNG	12/07/1999	29003059	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 1.40
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THANH	15/04/1999	29026958	Toán: 9.00 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 7.40
BÙI THỊ THƯƠNG	26/10/1999	29021350	Toán: 7.00 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 5.00
LŨ VĂN VỪNG	24/11/1999	29014223	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN THỊ HUYỀN	13/08/1999	29020313	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.80
PHAN XUÂN LỘC	26/12/1999	29005742	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.60
TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG ANH	26/05/1999	29026728	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 1.50 KHTN: 4.67 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 4.80
MỘNG VĂN LỘC	26/11/1999	29015020	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 3.00
CAO THỊ ĐÔNG	28/10/1999	29005562	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 3.40
PHAN HOÀNG ĐẮC	05/06/1999	29028914	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.60

NGUYỄN VĂN ĐIẾP	11/05/1999	29030418	Toán: 4.80 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN ÁNH	18/08/1999	29008042	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 3.5 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 4.50
NGUYỄN THÁI MẠNH	04/05/1999	29019598	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.60
ĐÀO NGỌC HUY	14/11/1999	29012774	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN VĂN VƯƠNG	23/10/1998	29020219	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.00
DƯƠNG VĂN MẠNH	07/06/1998	29002841	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 2.83 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỌ THÀNH	20/10/1999	29030649	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 4.20
PHAN THỊ THU HIỀN	21/01/1999	29020278	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 1.75 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ HIỀN THƯƠNG	09/09/1999	29006644	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN ĐÌNH ÁNH	15/10/1999	29024935	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.80
LÊ QUANG HẢI	25/08/1999	29010362	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.00 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG THỊ THÙY	13/03/1999	29005941	Toán: 5.40 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	29/08/1999	29016361	Toán: 6.00 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 8.00
NGUYỄN VĂN KHÁNH	25/09/1996	29025278	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.50
PHAN THỊ CÚC	25/03/1999	29028886	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN XUÂN CƯỜNG	15/09/1999	29024190	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN VIẾT QUANG	01/08/1996	29017745	Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 9.00

HỒ THỊ HIỀN	15/07/1999	29017921	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN HOÀI PHƯƠNG	20/06/1998	29005451	Toán: 8.40 Hóa học: 8.00 Sinh học: 6.50
THÁI BÍCH NGỌC	21/05/1999	29026381	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 1.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 8.00
TRẦN MINH VƯƠNG	14/11/1999	29006813	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 4.20
LÔ VĂN MAO	09/08/1999	29013640	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.60
NGÔ THỊ TUYẾT	10/11/1999	29020200	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.40
PHẠM THỊ NGỌC	19/09/1999	29005187	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THANH HÀ	12/09/1999	29027881	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 2.20
ĐẬU ĐÌNH DƯƠNG	19/11/1999	29016127	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 3.00
LƯƠNG VĂN PHÚC	21/09/1999	29013686	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.00
LÔ VĂN THẮNG	13/07/1998	29014836	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.00
PHAN THỊ GIANG	12/04/1999	29004961	Toán: 5.40 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.50 KHXH: 8.92 Tiếng Anh: 8.20
NGUYỄN THỊ NGỌC	26/10/1999	29021202	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN ĐỨC ĐẠT	18/02/1999	29011284	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.60
TRỊNH HỮU QUANG	26/06/1998	29021501	Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.75
LÊ TRỌNG KIÊN	05/02/1999	29006435	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN KHÁNH DUY	15/09/1999	29002705	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.25

VÕ QUANG DŨNG	16/09/1999	29006303	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 8.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 3.00
DƯƠNG ĐÌNH HẠNH PHÚC	10/11/1996	29010777	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Tiếng Anh: 4.60
HOÀNG THỊ TRANG	21/08/1999	29010712	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN VĂN TUẤN	01/12/1999	29000608	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 1.60
TRẦN NGỌC DIU	15/09/1999	29018384	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.00 KHXH: 8.33 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ CẨM TRANG	01/10/1999	29028150	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HƯƠNG	14/08/1999	29029507	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.60
ĐẬU THỊ NGUYỆT	01/02/1999	29000441	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.40
ĐÀO THỊ ÁNH	30/10/1999	29005486	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.40
LƯƠNG THỊ HUYỀN TRANG	01/04/1999	29001696	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 4.20
LANG THỊ TÝ	29/10/1999	29025803	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.20
PHAN THỊ QUỲNH	07/03/1999	29028623	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 4.60
HỒ THỊ GIANG	27/01/1999	29015539	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 2.50 GDCD: 6.75 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 2.60
PHẠM THỊ ÁNH	23/01/1999	29006850	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.40
QUANG THỊ YẾN	10/05/1999	29013817	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VIỆT TƯƠNG	05/12/1999	29028784	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM THỊ NGÀ	26/02/1999	29009216	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 4.00

NGUYỄN THỊ THÚY LOAN	05/02/1999	29007689	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.60
VANG THỊ VÂN	24/04/1999	29025823	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 10.00 GDCD: 8.75 KHXH: 9.08 Tiếng Anh: 5.40
HOÀNG MINH THÁI	04/11/1998	29008121	Toán: 9.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 9.00
NGUYỄN THỊ MAY	11/04/1999	29018605	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ CHUNG	22/05/1999	29004349	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 2.80
LÊ KHẮC PHONG	12/06/1998	29030191	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.60
ĐẶNG THỊ HUYỀN TRANG	06/11/1999	29003533	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 3 Tiếng Anh: 3.40
ĐẶNG ĐÌNH THỊNH	03/11/1999	29018944	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN VĂN CÔNG	04/06/1999	29002247	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ THÌN	23/08/1999	29022994	Toán: 3.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN ĐÌNH NGHĨA	29/01/1999	29000427	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 5 Tiếng Anh: 2.80
BÙI XUÂN CÁT	20/05/1999	29021576	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.25 KHXH: 8 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN TUẤN ANH	18/02/1999	29010820	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 2.80
ĐẬU HẢI MINH SAO	21/04/1998	29026677	Toán: 4.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.50 KHXH: 8 Tiếng Anh: 4.80
TRẦN BÁ NAM	20/03/1999	29020381	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN TIẾN ANH	19/09/1998	29010718	Toán: 6.80 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.50
VÕ MINH CHIẾN	24/09/1999	29011265	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.00

LÊ THỊ THANH HOA	11/11/1999	29009593	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.60
LẠI MINH VƯỢNG	15/06/1998	29013003	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ THANH TRANG	10/05/1999	29011111	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 6.60
NGUYỄN TRỌNG TỰ	17/07/1999	29029667	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN VĂN NAM	03/04/1999	29014617	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 5.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN KIM HUY	07/11/1999	29006962	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.40
LỘC THỊ THẢO	13/10/1999	29020813	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.17 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 2.75 GDCD: 5.00 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 4.00
TRƯƠNG THỊ VINH	20/09/1999	29020217	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN MẠNH TRƯỜNG	15/03/1999	29011141	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 5.60
HỒ THỊ CHÂU	31/01/1999	29017117	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 5.20
LÊ THỊ QUỲNH TRANG	25/09/1999	29000574	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.00 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 6.00
HOÀNG THỊ HỒNG THẨM	22/12/1999	29005918	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.00
CÙ THỊ PHƯƠNG THẢO	01/01/1999	29016353	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ NGỌC NGÀ	16/01/1999	29009218	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 4.20
LÊ XUÂN HUÂN	01/03/1999	29015667	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 4.40
HỒ THỊ VÂN	11/01/1999	29004820	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ LỆ THỦY	01/05/1999	29024075	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 6.80

LÊ KIM ĐỨC	29/06/1999	29029818	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.50 GD&CD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	01/01/1999	29023855	Toán: 9.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 9.20
HỒ SỸ ANH	22/05/1999	29015392	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.00 GD&CD: 8.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.80
PHAN THỊ THU	28/01/1999	29022487	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 6.75 GD&CD: 7.50 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ THANH LAN	23/10/1998	29011377	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.00 GD&CD: 7.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.20
LƯU TRỌNG TÀI	13/12/1999	29024018	Toán: 9.20 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 9.25 Hóa học: 9.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ HIỀN	22/01/1999	29028400	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 4.40
TẠ QUANG CƯỜNG	04/05/1999	29026750	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.33 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.50 GD&CD: 7.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN PHƯƠNG VŨ	23/03/1999	29026591	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 4 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ HẢI HÀ	01/10/1999	29026776	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 3.75 GD&CD: 8.25 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN VĂN QUANG	20/12/1999	29017462	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GD&CD: 8.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ ĐỆ	12/05/1999	29011285	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GD&CD: 8.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.40
TRƯƠNG THỊ HIỀN	04/08/1999	29000201	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.25 GD&CD: 6.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.20
HOÀNG DANH HẬU	20/05/1999	29028388	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.00 GD&CD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN VĂN QUANG	28/08/1999	29028613	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 6.25 GD&CD: 8.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 4.00
LÊ THỊ NHẬT LỆ	11/05/1999	29030029	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.75 GD&CD: 7.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	04/05/1998	29004222	Toán: 9.20 Vật lí: 9.50 Hóa học: 9.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 7.58

ĐINH XUÂN THIÊN	17/01/1999	29022457	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 4.20
HỒ THỊ HẰNG	14/08/1999	29016607	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 5 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN ĐỨC DŨNG	12/07/1999	29003748	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ LUÂN	15/08/1999	29001478	Toán: 3.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 4.00
LƯU XUÂN DŨNG	03/01/1999	29029443	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.92 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THÙY DUNG	23/10/1999	29025985	Toán: 9.60 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 8.00 Hóa học: 10.00 Sinh học: 9.50 KHTN: 9.17 Tiếng Anh: 5.40
ĐẶNG CÔNG TIỆM	29/11/1999	29001674	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 2.75 GDCD: 7.00 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN VĂN NGHĨA	25/06/1997	29019642	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.00 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.40
HỒ DIÊN ĐẠT	16/04/1999	29014349	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.20
PHÙNG THỊ THÚY VY	22/10/1999	29028266	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 9.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 5.00
BÙI VĂN THẮNG	08/08/1999	29028671	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.25 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.20
LƯU VĂN THƯỜNG	07/08/1999	29006654	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.17 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 6.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.80
CAO THỊ KHÁNH LY	16/11/1999	29024438	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN THỊ LINH CHI	05/03/1999	29024175	Toán: 7.40 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 7.40
VÕ TIẾN ĐẠT	14/02/1999	29015507	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.00
PHAN THỊ HÒA	13/09/1999	29019403	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.40
LÊ THỊ THÚY	25/11/1999	29004662	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.00

VI NGOC DIỆP	17/04/1999	29003362	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.92 Tiếng Anh: 4.40
LƯƠNG KIM TRỌNG	14/01/1999	29014192	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN THỊ THỤC LINH	26/08/1999	29003447	Toán: 6.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ TRANG	30/01/1999	29012479	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 3.80
VÕ HUY MẠNH	04/01/1999	29029121	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.00
BÙI THỊ HOÀI SÂM	24/06/1999	29004128	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN HỮU HÙNG	20/03/1999	29023211	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ NGÀ	01/10/1999	29004541	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 2.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 6.00 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 5.00
LANG VĂN TRƯỜNG	21/04/1998	29020166	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 1.20
NGUYỄN THỊ THANH AN	14/08/1999	29000007	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 7.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN VIỆT HOÀNG	18/12/1999	29024324	Toán: 6.00 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.5 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 6.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ THANH DỊU	22/12/1999	29008647	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 6.00
ĐẶNG THỊ VÂN ANH	24/05/1999	29022694	Toán: 7.80 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 4 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN VĂN HÀO	25/06/1998	29021713	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN TUẤN	09/10/1998	29017796	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.60
HÀ VĂN MẠNH	27/04/1999	29003196	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN ĐÌNH NHẬT NAM	13/04/1999	29027994	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 5 Tiếng Anh: 2.80

NGUYỄN ANH HÀO	25/10/1999	29000675	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 1.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.17 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 8.50 GD&CD: 8.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	23/03/1999	29010440	Toán: 5.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.25 GD&CD: 9.25 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ HOÀI	26/02/1999	29029004	Toán: 8.80 Ngữ văn: 9.50 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 8.50 GD&CD: 9.50 KHXH: 8.75 Tiếng Anh: 9.40
HOÀNG THỊ SEN	20/11/1999	29030263	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 6.75 GD&CD: 8.25 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 6.00
HOÀNG HỮU PHÚC	18/02/1995	29010156	Toán: 4.80 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.50
LÊ VĂN MINH	13/09/1999	29018048	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 2.00
TRƯƠNG KIM TÀI	01/02/1999	29004613	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 7.60
ĐẶNG VĂN LONG VŨ	30/08/1999	29009392	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN THỊ HÀ VY	19/06/1998	29024899	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.92 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.25
TRẦN THỊ TRÀ	10/07/1999	29006683	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.25 GD&CD: 7.75 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ MAI THƯƠNG	28/04/1999	29011090	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 8.60
NGUYỄN THỊ THANH NHÀN	14/07/1999	29009792	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN CẢNH HÙNG	01/04/1999	29004463	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 4.00
LƯƠNG CHÍ CỬA	03/11/1999	29013486	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GD&CD: 6.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG	05/12/1999	29009667	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 7.00 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 4.80
NGÔ LINH CHI	20/12/1999	29018364	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.25 GD&CD: 7.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 7.20
TRẦN VĂN BẮC	10/06/1999	29000053	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GD&CD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.00

NGUYỄN TRỌNG TÂM	11/05/1998	29000788	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 6.17 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.25 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN XUÂN HIỆP	06/05/1999	29007866	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 1.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 6.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN THỊ HUỆ	04/03/1999	29020299	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN THANH TÚ	16/04/1998	29027786	Toán: 3.20 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.00
PHẠM THỊ MINH TRANG	24/12/1998	29024100	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 6.00
VI THỊ NHI	10/07/1999	29014662	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.40
HỒ ĐÌNH AN	16/09/1999	29015384	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.00
VÕ THỊ HOÀNG	09/08/1999	29012766	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.40
TẠ THỊ NGỌC ÁNH	03/04/1999	29019207	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ TÂM ANH	17/09/1999	29016074	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 6.75 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN QUANG SƠN	26/03/1998	29022046	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN HỮU ĐẠT	14/05/1999	29003376	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 2.25 KHTN: 2.67 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 1.60
HỒ THỊ HOA	12/12/1999	29029911	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.60
PHAN THỊ TRANG	12/03/1999	29030824	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 4.20
DƯƠNG THỊ NGỌC HÂN	20/01/1999	29006357	Toán: 7.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 6.00
PHẠM THỊ LINH	15/05/1999	29027417	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ THẢO	20/01/1999	29002602	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.20

NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	21/01/1999	29009344	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 4.20
LÊ THỊ DUNG	20/11/1999	29019259	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ VÂN ANH	11/03/1999	29008604	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.80
VÕ THỊ NGỌC HUYỀN	28/01/1999	29009662	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.20
ĐẬU ĐỨC TRUNG	09/08/1999	29017023	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 2.60
HỒ VINH KHÁNH	13/11/1999	29017309	Toán: 2.80 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN THỊ THU HẰNG	06/06/1999	29021042	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 8.75 Sinh học: 7.75 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ HOÀI THƯƠNG	12/09/1999	29027006	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 3.00
PHAN THỊ KIM HOA	29/03/1999	29028994	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 9.50 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.60
VÕ THỊ QUYÊN	01/01/1999	29027562	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN XUÂN SẮC	18/07/1998	29021506	Toán: 8.80 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.00
BÙI BÌNH DƯƠNG	02/03/1999	29017870	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN ĐỨC DŨNG	10/05/1999	29016123	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THẾ PHÚ	12/08/1997	29021493	Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.75
NGUYỄN LÊ HỒNG HẠNH	24/11/1999	29006349	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 5.60
LÊ THỊ HƯƠNG GIANG	13/05/1999	29010346	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.00
HỒ THỊ DUNG	03/03/1999	29015477	Toán: 5.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN VIỆT	25/11/1998	29020216	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.20

ĐẬU THỊ ÁNH HỒNG	26/08/1999	29003891	Toán: 8.80 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 9.40
TRƯƠNG QUANG LINH	28/06/1998	29014547	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.50 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ ĐỊNH	01/04/1999	29015515	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.50 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN XUÂN ĐẠI	02/09/1999	29018404	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM VĂN THƯƠNG	26/06/1998	29015214	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.50 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN QUỲNH TRANG	10/02/1999	29017006	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN VĂN TÂM	10/07/1999	29010645	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.60
VI VĂN SANG	28/06/1999	29014736	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.75 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM THỊ TRÂM	11/08/1999	29015268	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.40
LƯƠNG THỊ HẠNH	28/06/1999	29013533	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 2.40
HOÀNG ĐỨC MINH	21/03/1999	29007698	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THẾ QUYẾT	14/02/1999	29001584	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.00
HỒ THỊ THUỶ	21/09/1999	29018185	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ THƯƠNG	05/02/1999	29002111	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 6.60
HỒ XUÂN HIẾU	13/10/1999	29016637	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 2.60
PHAN CÔNG TUẤN ANH	24/06/1999	29009440	Toán: 9.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 10.00 Hóa học: 9.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 8 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN VĂN SƠN	13/11/1998	29005456	Toán: 7.80 Vật lí: 3.00 Tiếng Anh: 6.80

HOÀNG NGỌC ÁNH	27/10/1999	29025348	Toán: 4.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 9.75 GDCD: 7.00 KHXH: 8.42 Tiếng Anh: 4.40
ĐẶNG THỊ NGỌC ÁNH	08/06/1999	29020944	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.00
QUANG VĂN TÔ	23/03/1999	29008467	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.75 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ HÀ	03/02/1999	29015550	Toán: 6.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 6.00
VI VĂN KHOA	24/07/1998	29003635	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.92 Tiếng Anh: 2.00
LÊ VIỆT HÙNG	22/01/1999	29025058	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 9.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN THỊ HOÀI	18/10/1999	29013971	Toán: 4.20 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 2.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 2.92 Tiếng Anh: 3.40
TRƯƠNG VIỆT HOÀNG	01/06/1999	29014462	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.80
HỒ THỊ THUÝ HIỀN	24/02/1999	29023722	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.00 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 6.20
BÙI THỊ QUỲNH	10/09/1999	29016279	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN QUỐC TUẤN	13/11/1999	29026570	Toán: 9.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.83 Tiếng Anh: 6.20
LÊ THỊ KHÁNH UYÊN	04/03/1999	29004807	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.40
ĐINH THỊ TÂM	20/11/1999	29012361	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.17 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN ĐĂNG MẠNH	20/07/1999	29022354	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 3.80
LÔ THANH HUYỀN	02/08/1999	29014483	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN XUÂN NGUYỄN	09/10/1999	29030151	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 5.25 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN VĂN BỈ	25/05/1999	29030386	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 6.50 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 3.20

NGUYỄN HỮU TÂN	02/01/1998	29022146	Toán: 7.80 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.25
HỒ TRỌNG KHÁNH	27/12/1999	29016721	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ HÀ	22/02/1999	29022251	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 6.25 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG THỊ NĂM	04/12/1999	29005777	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 2.75 GDCD: 7.25 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN TRUNG PHÚC	30/09/1999	29002040	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN ĐÌNH TOẠI	20/06/1999	29008988	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.60
CHU MINH THU'	07/02/1999	29024079	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 6.80
HỒ THỊ THÙY LINH	20/07/1999	29016753	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 8.25 Sinh học: 8.50 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 6.40
TÔ THỊ HÂN	11/12/1999	29029888	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.00 KHXH: 8 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ NHUNG	16/12/1999	29010583	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THÀNH ĐẠT	11/06/1999	29026016	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 4.40
NGÂN THỊ THU'	26/02/1999	29020834	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.60
HỒ LAM SƠN	02/11/1999	29004598	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 9.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 3.80
ĐÀO VĂN THẢO	09/12/1999	29001626	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ THU HIỀN	13/02/1999	29022796	Toán: 6.80 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 6.40
PHẠM TIẾN MẠNH	10/03/1992	29017717	Toán: 3.60 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.25
NGUYỄN CÔNG HIỆP	20/09/1999	29016629	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 3.40

NGUYỄN VĂN TRUNG	29/05/1998	29001819	Toán: 6.80 Vật lí: 6.75 Hóa học: 8.00 Sinh học: 1.75 KHTN: 5.5
NGUYỄN ĐÌNH NAM	25/10/1998	29021924	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.00 GD&ĐT: 8.00 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN NGỌC BẢO	29/10/1999	29007533	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GD&ĐT: 7.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ TRÀ MY	17/06/1999	29026342	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 8.00 GD&ĐT: 6.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 6.00
ĐẬU THỊ KHÁNH LY	05/11/1999	29020359	Toán: 9.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 2.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 8.00 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 5.60
LÊ VĂN QUỐC	30/09/1999	29010166	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 3.25
PHAN THỊ THU HIỀN	23/09/1999	29013136	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.08 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75 GD&ĐT: 6.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN THỊ THU HIỀN	22/04/1999	29021057	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GD&ĐT: 8.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 6.20
DƯƠNG THỊ TRANG	11/12/1998	29021524	Toán: 9.00 Hóa học: 9.75 Sinh học: 9.00
PHAN THỊ THƠM	06/11/1999	29005931	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GD&ĐT: 8.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ NGUYỆT CẨM	04/10/1999	29025937	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 6.60
LÊ ĐÌNH LƯƠNG	04/02/1999	29020354	Toán: 6.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 5 Tiếng Anh: 2.40
LÊ THẠCH HOÀNG	16/09/1999	29015651	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GD&ĐT: 6.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.40
TRỊNH THỊ LIỄU	10/10/1999	29029523	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.17 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GD&ĐT: 6.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 6.40
ĐOÀN THỊ QUYÊN	23/03/1999	29001120	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.33 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25
NGUYỄN VĂN PHÚC	10/10/1999	29028598	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN TRÍ QUYẾT	24/01/1999	29029580	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 7.00 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 4.00

HOÀNG THỊ THU HẰNG	06/07/1999	29007854	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 2.80
THÁI BÁ TUYỀN	20/08/1999	29030911	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 9.00 Hóa học: 9.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 8.08 Tiếng Anh: 6.40
PHẠM THỊ MẾN	30/10/1999	29018851	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 4.00
LỮ THỊ NHUNG	12/11/1998	29013677	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.00 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN ĐẠI HOÀNG	15/05/1999	29029933	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN DUY	09/02/1999	29003082	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 9.25 Địa lí: 9.50 GDCD: 7.50 KHXH: 8.75 Tiếng Anh: 3.80
LÊ THỊ TUYẾT	20/01/1999	29002153	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ LÀNH	22/01/1999	29030519	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 5.20
TRẦN THỊ THUÝ KIỀU	14/10/1998	29015738	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN VĂN KHÔI	18/10/1999	29007669	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.25 GDCD: 7.00 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG THỊ THỦY	15/12/1999	29021342	Toán: 4.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 4.60
SÀM THÁI BẮC	21/01/1999	29013471	Toán: 1.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.80
VI VĂN TUẤN	20/10/1998	29020195	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.40
ĐẶNG THỊ THANH	29/08/1999	29006604	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 5.40
PHẠM XUÂN NAM	25/10/1999	29030124	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 1.60
TRẦN THỊ TRANG	02/02/1999	29018220	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.17 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ ANH	07/04/1999	29029705	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.00

HOÀNG THỊ KHÁNH HUYỀN	02/09/1999	29006965	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ THỦY	27/02/1999	29006190	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.25
ĐẶNG BÁ PHƯƠNG	30/07/1999	29019944	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ THÚY AN	10/10/1999	29021538	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.40
VÕ THỊ HÒA	01/02/1999	29001389	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG HỒ LÝ	27/05/1997	29014814	Toán: 6.80 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.50
VI THỊ MAI SƯƠNG	02/11/1998	29020806	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ TÚ OANH	17/11/1999	29008872	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.60
ĐẬU VIỆT HOÀNG	10/03/1999	29026800	Toán: 9.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 9.75 Hóa học: 9.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 7.5 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ THÚY NGÀ	01/11/1999	29021937	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.40
DƯƠNG THỊ THẢO	25/08/1999	29008939	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 5.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.20
LƯƠNG VĂN NHI	13/06/1999	29008380	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.00
TRƯƠNG THỊ MAI	10/11/1999	29015031	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 3.67 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ THẢO	28/04/1999	29018919	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN ĐÌNH TOÀN	19/05/1998	29019167	Toán: 6.60 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.75
NGUYỄN VĂN DŨNG	28/05/1999	29002794	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 1.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.83 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.60
HỒ SĨ MINH	20/12/1999	29014051	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN Ý NHI	22/11/1999	29021211	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.20

PHAN THỊ MAI SƯƠNG	23/11/1999	29018709	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ LINH	28/07/1999	29001465	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.75 KHXH: 8.33 Tiếng Anh: 4.80
PHAN ANH TUẤN	22/12/1999	29023067	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN VĂN ĐẠO	11/09/1999	29004945	Toán: 8.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN VĂN ĐỨC	10/04/1999	29023691	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN VĂN VIỆT	10/10/1999	29005420	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 9.00 Sinh học: 8.25 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 3.80
HỒ THỊ HẬU	23/03/1999	29016618	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 6.50 KHTN: 6 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN TẤT TÚ	19/10/1999	29001712	Toán: 5.80 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN THỊ THU THỦY	10/10/1999	29024588	Toán: 7.00 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN VĂN NAM	28/07/1999	29030566	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 3.60
ĐẬU THỊ THU	11/07/1999	29004203	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.20
BIỆN TRƯỜNG AN	13/07/1999	29009050	Toán: 5.80 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 4.20
THÁI THỊ VÂN	02/09/1999	29029675	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN NGUYỄN TRỰC	03/04/1999	29024109	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.50 Hóa học: 10.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN TẤN DŨNG	17/11/1999	29024734	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 3 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.50
PHAN THỊ HẢI YẾN	10/04/1999	29024700	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 4.20
TỔNG THỊ HƯƠNG	25/04/1999	29028472	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.40

HỒ SỸ TUÂN	02/01/1999	29030889	Toán: 4.60 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 9.25 Địa lí: 9.00 GDCD: 9.00 KHXH: 9.08 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ TÚ ANH	12/03/1999	29002203	Toán: 2.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.60
LÒ VĂN KÍNH	20/04/1999	29014013	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.50 GDCD: 8.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ THƠM	01/07/1999	29020050	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN VĂN TRỌNG	23/02/1999	29017788	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75
HOÀNG NGỌC DƯƠNG	26/04/1998	29006896	Toán: 3.00 Ngữ văn: 1.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 3.00 GDCD: 3.75 KHXH: 3.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN PHƯỚC	19/02/1998	29008110	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 1.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.5 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50
LÊ THANH PHƯƠNG	12/05/1999	29013296	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 2.40
LÊ HỒNG THÁI	19/04/1995	29027752	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.25
TRẦN VĂN CHIẾN	30/01/1999	29002787	Toán: 4.80 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.67 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN THỊ MƠ	30/01/1999	29021185	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN SỸ ĐỨC	06/02/1999	29000127	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 9.25 Hóa học: 10.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 7.92 Tiếng Anh: 5.60
TRẦN THỊ TRÀ MY	01/02/1999	29009210	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 2.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.42 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 8.80
PHAN VĂN CẤP	25/04/1999	29023623	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 3.20
SÀM QUỐC KHIẾU	21/08/1999	29014990	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.25 Tiếng Anh: 2.20
VĂN HUY CƯỜNG	25/05/1999	29015470	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 6.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN TẤT HÀO	22/08/1998	29029869	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.25 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ THANH THỦY	31/10/1999	29002104	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.08 Tiếng Anh: 3.00

LÊ MINH HUY	18/06/1999	29026156	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.00
ĐẬU ĐỨC THÂN	30/11/1999	29016385	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.25 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN THỊ UYÊN	25/12/1999	29011841	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN VĂN NAM	07/02/1999	29007046	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.75 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.80
LƯƠNG THỊ THƠM	29/09/1999	29025685	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.50 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ HÀ	05/05/1999	29003795	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN TÀI	29/09/1999	29013329	Toán: 3.20 Ngữ văn: 2.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.00
ĐẶNG THỊ THANH TÂM	03/10/1999	29013333	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 3 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ ÁNH	24/07/1999	29027182	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.60
TỔNG XUÂN TRƯỜNG	29/07/1999	29015291	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 8.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 6.00 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 3.20
ĐẶNG THỊ HẢI	13/08/1999	29006345	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ HẠNH	12/10/1999	29006351	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 8.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 6.20
HOÀNG THỊ HOA	20/11/1999	29001372	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.00
LÊ THANH HOÀI	01/07/1999	29017941	Toán: 8.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 6.60
TRẦN THỊ MAI PHƯƠNG	09/01/1999	29000486	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ LINH	16/01/1999	29009185	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.58 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN KHẮC CHUNG	27/02/1999	29028309	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.80

NGÔ HỒNG QUYẾT	05/07/1999	29004587	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 2.60
HỒ ĐÌNH VƯỢNG	04/04/1999	29017066	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN THỊ TRÀ	08/09/1999	29030791	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.80
CAO NGUYỄN QUỲNH ANH	09/11/1998	29004212	Toán: 5.00 Ngữ văn: 3.50 Tiếng Anh: 4.60
VŨ THỊ PHƯƠNG	30/11/1991	29006129	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 8.00
HỒ KHẮC AN	22/02/1999	29017069	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.80
TÔ LINH ĐAN	27/05/1998	29019674	Toán: 5.40 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.25
NGUYỄN THỊ TÂM	20/01/1999	29009889	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.20
PHẠM THỊ QUỲNH	28/11/1999	29007735	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.20
BÙI THỊ THANH	27/08/1999	29029240	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.20
VÕ THỊ HIỀN	23/04/1998	29001920	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 4.00
TRƯƠNG THỊ NHUNG	16/09/1999	29001546	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.60
PHẠM QUANG LINH	23/04/1999	29003977	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG LÊ THU HÀ	01/08/1999	29006337	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 7.25 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 3.00
HÀ SƠN VƯỢNG	02/04/1999	29000619	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 1.00
NGUYỄN THỊ THU HÀ	16/08/1999	29014385	Toán: 6.00 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 8.80
NGUYỄN VĂN NGỌC	11/05/1999	29017412	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 4.75 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HUYỀN	12/02/1999	29002731	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.67 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.00

NGUYỄN CÔNG HIỆP	12/02/1999	29007622	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 2.60
CAO THỊ HOÀI THƯƠNG	11/04/1999	29012442	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 4.80
TRẦN THỊ HẠNH	26/03/1999	29029867	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN VIỆT CƯỜNG	28/10/1999	29010837	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 10.00 Sinh học: 9.75 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ NỤ	29/07/1999	29001547	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.00 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 4.00
NGÔ LONG NHẬT	19/09/1999	29017420	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.60
VŨ QUANG HUY	15/05/1999	29017286	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN LƯỢNG	26/10/1999	29002837	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.67 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.40
CAO THỊ NGỌC ÁNH	15/04/1999	29012632	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN TẤN DŨNG	04/03/1999	29004365	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.40
CHU MINH QUANG	08/08/1999	29018117	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 3.00
THÁI THỊ TRANG	24/10/1999	29030831	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 5 Tiếng Anh: 2.20
ĐẶNG THỊ HIỀN	08/08/1998	29002719	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.75 Tiếng Anh: 4.00
LÊ VIỆT LUYỆN	06/07/1997	29010754	Toán: 7.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.50
NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	08/07/1999	29030803	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.40
THÁI THỊ HOÀI	19/02/1999	29000234	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 2.60
LŨ VĂN LIÊM	04/09/1996	29023478	Toán: 3.00 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.75
PHẠM THỊ NGỌC ÁNH	08/11/1999	29011918	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 3.60

TRẦN THỊ NGỌC	21/08/1999	29018078	Toán: 9.20 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 4.20
PHẠM VĂN ĐỨC HIỆP	07/05/1998	29014782	Toán: 6.20 Vật lí: 4.50 Hóa học: 6.00
NGUYỄN THÀNH THÔNG	08/09/1999	29021333	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 2.60
HỒ THỊ AN	07/09/1999	29009409	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN TUYẾN	01/03/1999	29028777	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.00
LÊ VIẾT ĐỨC	27/11/1999	29024237	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.60
THÂN VĂN HÙNG	22/01/1999	29027345	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ HOA LÀI	29/07/1999	29012803	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.60
VI VĂN TRỌNG	05/10/1999	29003547	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.50 KHXH: 8 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ NGỌC TRÂM	12/04/1999	29003542	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ KHÁNH	20/04/1999	29023228	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.08 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 5.20
TRƯƠNG NGỌC ÁNH	20/11/1999	29014886	Toán: 6.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 6.25 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 4.00
CHU VĂN HẬU	10/06/1998	29019698	Toán: 8.60 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.00 Sinh học: 2.25 KHTN: 6 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ THUỶ DUNG	14/06/1998	29010068	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.00 Tiếng Anh: 7.60
HOÀNG ĐĂNG THIỆN	28/09/1999	29003509	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.00 KHTN: 2.33 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM THỊ THÚY	26/09/1999	29022516	Toán: 2.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ HUYỀN	10/12/1998	29029982	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.80

NGUYỄN THỊ HUẾ	23/01/1999	29013984	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN QUỐC HOÀ	27/05/1999	29002377	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 3.80
VÀ BÁ TRÔNG	12/01/1999	29008472	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.00
HỒ THỊ TRANG	03/05/1999	29030797	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN VĂN TUẤN	07/09/1998	29011167	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.20
TRƯƠNG VĂN ÁNH DƯƠNG	18/02/1999	29015496	Toán: 4.80 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ OANH	05/01/1999	29002546	Toán: 5.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 9.50 Địa lí: 9.75 GDCD: 9.50 KHXH: 9.58 Tiếng Anh: 5.20
LANG THỊ VÂN	14/04/1999	29013804	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN TRUNG HIẾU	24/08/1999	29009126	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN TRUNG KIÊN	09/06/1999	29020322	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.60
CAO ANH THƯ	10/05/1999	29024595	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.80
VŨ THỊ THU HUYỀN	02/02/1999	29014491	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.40
VŨ THỊ QUỲNH	28/09/1999	29016295	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN PHAN THẾ LỰC	29/01/1999	29010507	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN SÁNG	28/05/1998	29030259	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.60
BÁ MINH NHẬT	12/04/1999	29007364	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.17 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 1.60
LƯU QUỐC ĐÔ	29/03/1999	29028344	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 8.25 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 4.00

TRẦN THỊ NGỌC DIỆP	18/02/1999	29026754	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 9.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ HẰNG	10/03/1999	29016613	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	02/06/1999	29018215	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 8.40
TRẦN THỊ MAI	17/10/1999	29015850	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.60
NGÔ XUÂN BÀNG	18/08/1999	29019859	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VĂN CHÍNH	30/11/1997	29030301	Toán: 5.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.25
NGUYỄN PHÚC THẢO	03/04/1999	29030665	Toán: 1.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM HỒNG NGỌC	10/06/1999	29007944	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 4.20
PHẠM HỮU ĐỊNH	18/08/1999	29007584	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.00
TÔN THỊ HOÀI ANH	26/09/1999	29021552	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN THỊ BÍCH	04/07/1999	29015431	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.80
TRƯƠNG THỊ HÀ	06/10/1999	29018775	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 8.25 Sinh học: 6.25 KHTN: 6 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	10/01/1999	29003419	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN MẠNH TÀI	30/09/1999	29026946	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 6.80
THÁI THỊ HOÀNG LINH	26/07/1999	29010939	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 8.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 9.20
TẠ THỊ THU CÚC	02/07/1998	29019245	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 1.60
VÕ THỊ KHÁNH HUYỀN	05/09/1999	29027369	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.60

PHAN THỊ HIỀN	19/05/1998	29001003	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.42 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50
NGUYỄN THỊ MƠ	03/10/1999	29022365	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 7.00 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	05/02/1999	29008040	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 1.25 Sinh học: 2.25 KHTN: 2.17 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25
PHẠM ANH THƠ	08/02/1999	29004200	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 5.60
VŨ THỊ HÀ	28/11/1999	29006344	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 6 Tiếng Anh: 3.00
LÊ HỒNG HIẾU	16/11/1998	29013034	Toán: 8.20 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.75
HỒ THỊ HUYỀN	10/05/1999	29017980	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 2.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.25 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN THỊ THÙY LINH	14/08/1999	29022870	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.80
ĐINH THỊ HƯƠNG	20/10/1999	29021115	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 2.80
TRỊNH THỊ HẰNG	08/02/1999	29006931	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ YẾN	10/09/1999	29012554	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN ĐÀO TRÂN	08/06/1992	29021526	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.00
NGÔ QUỐC NAM	28/03/1999	29012242	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.50 GDCD: 6.25 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 2.40
VÕ ĐỨC ANH	06/02/1999	29010821	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.20
LÊ THỊ HẰNG	12/02/1999	29004411	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 3.20
NGÔ VĂN HÙNG	03/12/1998	29008746	Toán: 2.00 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 5.75 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.00
THÂN BÁ ĐỨC	20/07/1999	29007265	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.40

PHÙNG THỊ MỸ HẠNH	08/09/1999	29023716	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 5 Tiếng Anh: 6.60
PHAN THỊ THẢO	01/04/1999	29008941	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.50 GD&CD: 6.50 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 3.60
VỪ BÀ CHÂU	26/06/1998	29020570	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.50 GD&CD: 7.25 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 1.40
CHU THỊ AN	14/08/1999	29025852	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.50 GD&CD: 7.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 7.40
MẠC VĂN ĐỨC	09/10/1999	29020617	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.92 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.75 GD&CD: 6.25 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN VĂN THÔNG	06/02/1999	29023353	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN BÀ TOÀN	05/11/1999	29021365	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 2.25 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.40
THÁI THỊ DIỆU LINH	14/04/1999	29000358	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GD&CD: 7.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.60
TRỊNH ĐẠI ANH	04/01/1999	29016080	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.08 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ HƯỜNG	22/05/1999	29029047	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.50 GD&CD: 8.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.20
TRƯƠNG THỊ LINH	09/01/1999	29019562	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.25 GD&CD: 6.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.20
DƯƠNG THỊ HIỀN	13/08/1999	29003839	Toán: 7.00 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.00 GD&CD: 7.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 6.80
HỒ VĂN CƯỜNG	02/02/1999	29015461	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GD&CD: 9.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.60
CHƯƠNG VĂN THỌ	19/05/1999	29003303	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.75 GD&CD: 6.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN VĂN THỊNH	14/09/1999	29005926	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.25 GD&CD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.40
BÙI THỊ VÂN ANH	12/08/1999	29016058	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 7.80
ĐẬU THỊ YẾN NHI	25/05/1999	29023947	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 6.50 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 3.80

PHAN THỊ ĐÔNG	19/01/1999	29028917	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.20
ĐÀO VĂN CƯỜNG	11/07/1998	29029762	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.00 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN LONG VŨ	30/11/1999	29004839	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.08 Tiếng Anh: 2.40
LÊ VIỆT MẠNH	10/10/1999	29010520	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.25 GDCD: 7.25 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN HUY	25/06/1999	29005669	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	07/07/1999	29028152	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ NHUNG	29/03/1999	29019906	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 1.60
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	08/10/1999	29007405	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 4 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN VĂN KIÊN	02/09/1999	29000314	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN CÔNG TRƯỜNG	22/09/1999	29006740	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 2.60
LƯU NGỌC LÂM	11/11/1998	29017326	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.00
PHAN HỮU ĐẠT	19/08/1998	29000115	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ NGHĨA	15/07/1999	29017408	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.50 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 3.20
HỒ THỊ NGỌC ÁNH	18/05/1999	29012635	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.20
VÕ THU UYÊN	13/11/1999	29013445	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.33 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.75 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 6.20
PHAN THỊ NHUNG	26/12/1999	29013279	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 4 Tiếng Anh: 4.40
PHAN THỊ THÙY DUNG	22/07/1999	29013105	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.5 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.40

HOA BÁ NHUN	17/11/1999	29008383	Toán: 2.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.00 KHXH: 8.58 Tiếng Anh: 3.60
CHU ĐÌNH HÙNG	15/08/1999	29029961	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN MINH	09/10/1999	29030558	Toán: 7.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN VĂN HÀ	11/02/1998	29009006	Toán: 7.60 Vật lí: 5.50 Hóa học: 7.25
CHU THỊ LƯƠNG	02/06/1999	29004517	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN NGỌC SEN	23/10/1999	29028045	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.40
MAI HỒNG LONG	27/02/1998	29014250	Toán: 7.80 Vật lí: 7.00 Hóa học: 8.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 7
NGUYỄN VĂN DUYỆT	22/05/1999	29011617	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.40
BÙI THỊ MINH PHƯƠNG	01/07/1999	29005216	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.40
NGÔ THỊ TỔNG	24/06/1999	29007049	Toán: 5.00 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 9.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 4.00
LÊ VĂN HIỆP	20/06/1999	29023180	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 8.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.80
HOÀNG BÁ TUẤN	28/03/1999	29001716	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 1.60
TRẦN ANH QUÂN	28/10/1999	29023993	Toán: 9.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 9.00
NGUYỄN VĂN NGUYỄN	10/04/1999	29028009	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 1.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 3.20
ĐẬU THỊ LAN ANH	08/10/1999	29011578	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 6.50 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 3.20
VÕ DUY CÔNG	26/06/1999	29009487	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 4 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VĂN NHÂN HẬU	13/02/1999	29002343	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN THIÊN ĐỨC	10/07/1999	29008673	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.60

PHẠM THỊ LÊ	21/01/1999	29013199	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.42 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.00
PHAN THANH MẠNH	17/05/1999	29004525	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ VÂN ANH	23/09/1997	29002691	Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.75
NGUYỄN THỊ HÀ	20/03/1998	29028817	Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.00
THÁI THỊ HÀ LƯƠNG	10/04/1999	29025532	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.58 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.40
TRỊNH NGỌC HOÀNG DƯƠNG	26/10/1999	29024981	Toán: 8.60 Ngữ văn: 2.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	22/08/1999	29022003	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 8.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ HẠNH	03/02/1999	29029864	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ AN	05/10/1999	29017810	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 7.25 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN VIỆT TÂM	10/05/1999	29027599	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN CÔNG NHƯ	04/09/1999	29008868	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.50 KHXH: 8.58 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN THỊ HUỆ CHI	18/10/1999	29007227	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 5 Tiếng Anh: 1.80
TRẦN THỊ THU HIỀN	29/08/1999	29024297	Toán: 4.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5 Tiếng Anh: 4.20
LÊ THỊ THẢO	30/04/1999	29030682	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ XUYỀN	10/07/1999	29011871	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 9.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.60
ĐẶNG THỊ THU TRANG	04/10/1999	29009303	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VIỆT HOAN	25/02/1999	29001015	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.25 Sinh học: 1.25 KHTN: 2.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.00

DƯƠNG THI PHƯƠNG ANH	03/04/1999	29000011	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN VĂN HỘI	11/06/1999	29025056	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 2.25 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM ĐÌNH CHIẾN	10/08/1998	29007169	Toán: 4.80 Vật lí: 6.25 Tiếng Anh: 3.20
VŨ THỊ KHÁNH HUYỀN	12/04/1999	29017298	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.60
ĐẶNG QUANG KHẢI	13/07/1999	29024364	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.50 GDCD: 4.25 KHXH: 3.58 Tiếng Anh: 3.20
BÙI LONG NHẬT	18/08/1999	29004062	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 1.60
PHẠM TRUNG HIẾU	26/05/1999	29006374	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.17 Tiếng Anh: 3.00
ĐẶNG KHẮC DƯƠNG	15/10/1999	29019282	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN XUÂN THÀNH	06/09/1999	29025632	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.80
VÕ QUÝ ĐẠT	21/08/1999	29024992	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 5.80
TRẦN THỊ KHÁNH	20/11/1999	29008779	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.50 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 5.00
LÊ TRẦN DIỆU LINH	07/10/1999	29003441	Toán: 9.20 Ngữ văn: 8.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 9.00
MOONG VĂN HỒNG	02/06/1999	29008280	Toán: 1.80 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN SỸ HÙNG	18/08/1999	29002817	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.42 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.00
LÊ HUỲNH ĐỨC	09/02/1999	29024236	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
LÊ VĂN TUẤN	01/12/1998	29011159	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.25 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.40
CHÂU TUẤN ANH	02/09/1998	29008993	Toán: 9.20 Hóa học: 8.50 Sinh học: 8.50

NGUYỄN VĂN QUYẾT	14/06/1998	29001585	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.80
LƯƠNG THỊ HỒNG ANH	02/06/1999	29024912	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN TIẾN ANH	29/12/1998	29027178	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.20
THÁI KHÁNH LINH	10/04/1999	29007920	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 5.00
THÁI THỊ DƯƠNG	21/08/1999	29029795	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.80
HOÀNG ANH TUẤN	05/08/1999	29028210	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.40
NGÔ TRÍ CHÍNH	05/09/1998	29021584	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 2.60
PHAN XUÂN CƯỜNG	01/04/1999	29028889	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 3.00
KIM VĂN TUẤN	12/03/1998	29014858	Toán: 3.20 Vật lí: 3.00 Tiếng Anh: 2.60
HOÀNG VĂN CẦN	04/06/1999	29001241	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.00 KHXH: 8 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN ĐÌNH HỒNG	26/08/1998	29021799	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.40
PHAN ĐÌNH ÂU	23/12/1999	29015422	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN VĂN MẠNH	08/11/1999	29018602	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 1.60
ĐINH BẠT HỒNG	26/07/1998	29011341	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 4.50 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN TRỌNG LINH	19/03/1999	29014543	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.00
HỒ DUY ĐỨC	01/01/1999	29014364	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.75 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 1.40
BÙI DANH BẢO	09/08/1999	29009460	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 4.00

TRẦN VĂN HẬU	03/11/1999	29012045	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	11/11/1999	29007304	Toán: 8.80 Ngữ văn: 8.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 6.00 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 9.80
NGUYỄN THỊ TRÀ MY	05/11/1999	29009209	Toán: 8.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 8.60
TRƯƠNG THÀNH NHÂN	13/06/1999	29011736	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 4.80
TRẦN KHẮC HẬU	27/02/1999	29028393	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG VĂN TOÀN	19/05/1999	29009958	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.20
BÙI VĂN BẮC	27/08/1999	29015427	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN VĂN TRƯỜNG	20/07/1999	29018233	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 2.80
HỒ NGỌC VINH	14/10/1999	29024689	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 5.20
HOÀNG BÁ CHUNG	22/08/1999	29014315	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
THÁI THỊ NGỌC ÁNH	14/10/1999	29028285	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 6.60
LÊ VĂN THẾ THẮNG	08/12/1998	29019163	Toán: 7.60 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.00
VŨ VĂN HUY	24/10/1999	29011667	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ TRÀ GIANG	28/02/1999	29011639	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 3.20
LÊ HUY HỒNG	15/02/1999	29012769	Toán: 1.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN CẢNH AN	23/12/1999	29002188	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ PHƯƠNG LINH	05/01/1999	29012171	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.83 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.80

NGUYỄN THỊ ÁNH	28/12/1999	29017106	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 4.40
HOÀNG THẾ HUY	09/09/1999	29003409	Toán: 2.00 Ngữ văn: 2.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.75 Tiếng Anh: 2.60
HOÀNG ĐỨC NHẬT	16/02/1999	29016842	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM TRỌNG CƯỜNG	13/09/1999	29028888	Toán: 5.60 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 9.75 GDCD: 9.00 KHXH: 9.25 Tiếng Anh: 8.40
PHẠM THỊ HẰNG	28/04/1999	29004412	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HẰNG	18/06/1999	29013538	Toán: 1.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.20
ĐẶNG VĂN PHONG	14/12/1999	29006549	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN VĂN TRỊ	20/03/1999	29016491	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ SAO MAI	14/11/1999	29017370	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN HỮU QUANG	26/06/1998	29019949	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.00 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.80
CHU THỊ PHÚC	25/09/1999	29000475	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ TÚ	28/09/1999	29009999	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN ĐẠI LÂM	22/12/1999	29024385	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 1.80
LÊ THỊ MAI PHƯƠNG	04/02/1999	29011009	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ THẢO	24/11/1999	29024038	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 10.00 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 5.40
LÊ VIỆT HIẾU	31/05/1999	29018462	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN QUANG NGỌC	09/11/1999	29018629	Toán: 3.40 Ngữ văn: 2.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 5.25 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 2.80

TRẦN VĂN NHẬT	09/09/1999	29025178	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.60
LÔ VĂN VỌNG	04/03/1998	29003683	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 1.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 2.92 Tiếng Anh: 2.20
GIÀ BÁ MỆNH	06/08/1999	29020715	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN ĐỨC THẮNG	22/09/1999	29015148	Toán: 5.60 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 8.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN SỸ KIÊN	13/09/1999	29026217	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG VĂN BẢO	16/06/1999	29021559	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
HỒ CÔNG VINH	14/08/1999	29007496	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.20
CAO TRUNG VƯỢNG	25/10/1999	29005428	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THANH HẢI	04/03/1998	29024756	Toán: 7.20 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.50 Tiếng Anh: 5.40
PHẠM XUÂN LỰC	16/01/1999	29027976	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 8.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 2.60
ĐÀO TẤT THANH	10/07/1999	29011780	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ NHÀN	26/03/1999	29005190	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 4.60
NGÔ THỊ NGỌC BÍCH	03/02/1999	29003704	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN TÚ	19/05/1998	29022613	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 5.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.40
PHAN THỊ HUYỀN	19/02/1999	29021108	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.20
HOÀNG THỊ PHƯƠNG LINH	16/11/1999	29023846	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 6 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	08/02/1999	29007901	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 4.40

LÊ TUẤN LINH	24/09/1999	29026245	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 9.50 Hóa học: 9.50 Sinh học: 6.25 KHTN: 8.42 Tiếng Anh: 4.40
VƯƠNG ĐÌNH LANH	09/11/1999	29006063	Toán: 5.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.50
LÊ MAI KHANH	23/01/1999	29009672	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 6.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 7.00
NGUYỄN ĐỨC CƯỜNG	01/01/1999	29030397	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN THỊ OANH	26/09/1998	29001550	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN CHÍ TRUNG KIÊN	18/12/1999	29026840	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 6 Tiếng Pháp: 8.40
LƯƠNG THỊ LY	16/08/1999	29019585	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.00 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN QUANG VINH	06/09/1999	29025830	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 9.25 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN TẤT ĐẠT	06/01/1999	29005556	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.60
MÙA BÁ SƠN	21/04/1999	29008430	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN KIẾN	27/05/1999	29030024	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 5.00 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN HIỆP	02/03/1998	29019384	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.25 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 2.40
ĐẬU ĐỨC THẮNG	15/05/1999	29016375	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 5.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN KIM HUY	19/02/1999	29024343	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 4.50 KHXH: 3.75 Tiếng Anh: 2.20
NGÔ XUÂN HIẾU	25/03/1998	29024763	Toán: 7.80 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.75
HUỲNH BÁ ĐỨC	31/01/1999	29024234	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ LỢI	01/11/1999	29006077	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 5.00
TRẦN VĂN KẾ	16/01/1999	29018527	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.20

PHẠM ANH TÀI	08/10/1999	29023331	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN ĐỨC HIỆU	20/01/1999	29017934	Toán: 7.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	26/10/1999	29008890	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG THỊ THƯƠNG	07/10/1999	29028711	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN TÚ ANH	09/11/1999	29001220	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.40
THÁI THỊ VÂN	08/08/1999	29006799	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.50 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ NỮ	08/08/1999	29005202	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.80
TẠ THỊ QUỲNH	12/04/1999	29016294	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN HỮU MINH	17/11/1999	29028544	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 1.40
ĐINH THỊ NGỌC OÁNH	24/05/1999	29009815	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN ANH THẮNG	05/04/1994	29026689	Toán: 8.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 8.00
NGUYỄN SỸ HỌC	06/08/1998	29021798	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.00
LƯƠNG THỊ LIÊN	03/02/1999	29013610	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.00
HỒ CHÍ THẮNG	06/04/1998	29016014	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.00
NGUYỄN ĐÌNH DƯƠNG	06/02/1998	29027649	Toán: 6.60 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.50
VÕ VĂN THƯỢNG	03/01/1999	29002633	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.25 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 1.40
TRẦN VĂN QUYẾT	28/11/1999	29002900	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 1.80

NGUYỄN THỊ THÚY HIỀN	25/12/1999	29002350	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 7.40
NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	28/01/1999	29026824	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.42 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.60
CAO VĂN THỌ	23/07/1999	29005927	Toán: 7.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.40
CHẾ ĐÌNH NGUYỄN CHUÔNG	10/02/1998	29013016	Toán: 9.40 Vật lí: 8.00 Hóa học: 10.00
ĐẬU HOÀNG ANH	24/09/1998	29025241	Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.75
PHẠM XUÂN THẮNG	20/04/1999	29009921	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 2.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.25 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG THANH KIM HUỆ	20/11/1999	29000255	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 7.75 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ TÂM	09/08/1999	29016330	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN ĐỨC SƠN	09/01/1998	29023321	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.17 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN HỒNG ANH	22/04/1999	29009425	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 1.75 Hóa học: 2.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.33 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM XUÂN TRƯỜNG	25/04/1999	29020171	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG VĂN VIỆT PHÁP	04/04/1999	29005204	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 5.60
LÊ VĂN THÀNH	10/03/1999	29001620	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.00 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.60
LÊ TRÍ HẢI	04/02/1998	29000989	Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.25
HOÀNG THỊ PHƯƠNG	11/02/1999	29005834	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.60
LÔ THỊ NAM	05/02/1999	29012241	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 3 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG THỊ ÁNH TUYẾT	04/03/1999	29011173	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG TRỌNG CẢNH	14/09/1999	29028296	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 6.25 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 5.60

HỒ THỊ TÂM	06/08/1999	29016328	Toán: 1.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.75 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HẢO	10/12/1999	29010871	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN DUY ĐẠI	21/03/1996	29015929	Toán: 7.60 Hóa học: 7.50 Sinh học: 7.75
TRẦN ĐÌNH TRƯỜNG	08/12/1999	29030875	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN MẠNH TOÀN	10/01/1999	29019000	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ TRANG	27/09/1999	29002134	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 4 Tiếng Anh: 3.80
HOÀNG TRẦN TÚ	05/12/1999	29000598	Toán: 1.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 4.00
LÊ PHƯƠNG UYÊN	09/11/1999	29025806	Toán: 7.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 8.50 Sinh học: 8.75 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 3.60
LƯƠNG THỊ TUỆ	14/12/1999	29020864	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.75 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 4.40
LÊ THỊ HIỀN	12/02/1999	29010395	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.25 GDCD: 8.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN DANH ĐÁN	05/05/1999	29006313	Toán: 7.80 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.60
MAI THỊ PHÚC	20/04/1999	29014692	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.25 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VIẾT HỒNG	07/07/1999	29029951	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.60
LÊ THỊ NGỌC ÁNH	25/03/1999	29019203	Toán: 3.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 5.80
THÁI BÁ TRƯỜNG	04/03/1999	29006214	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.50
BÙI THỊ HOA	10/02/1999	29003864	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ HÀ	23/01/1999	29003801	Toán: 3.80 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.60
LÊ HỒNG PHONG	12/07/1999	29015062	Toán: 7.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 2.25 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 2.80

NGUYỄN ĐÌNH CƯỜNG	20/07/1995	29010060	Toán: 6.80 Vật lí: 7.50 Hóa học: 6.25
TRẦN QUANG MINH	19/10/1999	29026329	Toán: 9.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 9.25 Hóa học: 10.00 Sinh học: 9.75 KHTN: 9.67 Tiếng Anh: 8.20
NGUYỄN THỰC LINH	20/01/1999	29024425	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 9.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN THỊ QUỲNH	30/09/1998	29021262	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 5.50 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN NHẬT BẢO AN	14/06/1999	29000625	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 2.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.58 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.20
NGÔ CÔNG LÂM	25/01/1999	29009692	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN TUẤN TÀI	12/08/1998	29003660	Toán: 8.20 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.42
LƯƠNG VĂN QUYỀN	01/08/1998	29021249	Toán: 3.00 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.50 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ LAN	12/09/1999	29007911	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 8.75 Sinh học: 8.75 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 6.20
LANG THỊ THAO	09/03/1999	29025633	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 2.60
VI THỊ LY	07/05/1999	29014044	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.00 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	15/11/1999	29029225	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.60
HOÀNG VĂN NHẬT	10/01/1999	29012861	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.60
LÔ HƯƠNG LY	07/05/1999	29025125	Toán: 6.20 Ngữ văn: 8.25 Vật lí: 2.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 2.80
NGÔ THỊ THẢO	21/05/1999	29011061	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.40
LỮ THỊ THƯƠNG	23/12/1999	29015210	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN ĐÌNH HOÀNG	10/01/1998	29002724	Toán: 8.60 Vật lí: 7.75 Hóa học: 9.00

NGUYỄN XUÂN ĐỨC	08/08/1999	29014927	Toán: 6.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN VĂN THÁI	02/04/1999	29002932	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 5.60
HOÀNG ANH SANG	20/11/1997	29029390	Toán: 2.80 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.50
HÀ THỊ THỦY NGÂN	10/10/1999	29014627	Toán: 7.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 8.20
TRẦN THỊ HUYỀN	09/03/1999	29018520	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 2.80
TÔN THỊ TÌNH	27/01/1999	29007159	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 5.20
PHẠM THỊ QUÝ	11/08/1998	29014719	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.75 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.00
DƯƠNG THỊ THÚY HẰNG	04/09/1999	29012026	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 2.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.17 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.00 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN THỊ TRÀ GIANG	01/10/1998	29029844	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.00
TRẦN THỊ VÂN ANH	23/08/1999	29003350	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.08 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.40
HỒ HỮU VINH	27/10/1999	29020541	Toán: 1.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.08 Tiếng Anh: 1.60
HOÀNG THỊ YẾN NHI	23/11/1999	29010990	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 3.20
VÕ MINH ĐOÀN	04/04/1999	29016144	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ LOAN	22/11/1999	29005125	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 8.20
TRẦN THỊ AN	16/06/1999	29029697	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 5.40
LÊ NHẬT HOÀNG	28/11/1999	29018802	Toán: 7.40 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 9.25 Sinh học: 2.00 KHTN: 6 Tiếng Anh: 2.60
CAO DANH PHÚC	05/01/1998	29008884	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.60

ĐÀM PHÚ HƯNG	24/08/1999	29021829	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN THỊ NỮ	28/02/1999	29020761	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 1.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 2.67 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC	23/09/1999	29000981	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00
PHAN BÙI TÂM	10/03/1999	29007982	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN HỮU MẠNH	26/03/1999	29021905	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN THỊ CẢNH	10/01/1999	29030389	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG THỊ NHẬT ÁNH	15/04/1999	29009065	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 3.60
PHAN THỊ THÙY SƯƠNG	05/09/1999	29015082	Toán: 4.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ CHÍNH	20/10/1999	29015448	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.50 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG THỊ THU	29/08/1999	29005935	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 5.20
TRẦN ĐỨC ANH	22/12/1999	29017824	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.75 Sinh học: 2.25 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 1.80
HOÀNG THỊ HẰNG	19/08/1998	29012029	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.80
VÕ VĂN TRÁNG	08/03/1991	29025326	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 8.75
LÊ VIẾT PHƯỚC	20/09/1999	29011460	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.20
LÊ ĐÌNH MẠNH	22/04/1999	29023881	Toán: 8.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 8.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 7.20
NGUYỄN THỊ HOA	24/05/1999	29019397	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 4.20
VŨ THỊ XINH	27/03/1999	29017067	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 7.40

NGUYỄN HỮU TIẾN	18/07/1999	29022533	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.40
HOÀNG VĂN NAM	18/08/1998	29010547	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.00
HỒ THỊ KIỀU TRINH	09/12/1999	29006717	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN HỮU ANH	12/09/1999	29023564	Toán: 2.80 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 5.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN ĐÌNH QUÂN	12/10/1999	29011466	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.00
TRƯƠNG MINH KHÁNH	26/04/1999	29014502	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.40
PHAN BÁ CHIẾN	25/01/1999	29020969	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ BÍCH HẰNG	27/10/1999	29001330	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 4.60
PHẠM THỊ CẨM NHUNG	19/10/1999	29026414	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 8.00
TRẦN THỊ TRÀ	23/09/1999	29009965	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.75 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN THỊ LAN	09/08/1999	29022853	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.60
HỒ THỊ HẰNG	20/03/1999	29017211	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ THẢO	15/04/1999	29015134	Toán: 8.00 Ngữ văn: 8.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN THỊ KIM OANH	21/05/1999	29009806	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 6.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ NGỌC	16/01/1999	29016172	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN PHI	02/03/1998	29018655	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.50 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN THỊ THÙY	20/03/1999	29022499	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.40

NGUYỄN ANH TUẤN	01/12/1999	29011829	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.17 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HUYỀN	24/09/1999	29029986	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 9.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN LÂM TÙNG	20/02/1999	29025796	Toán: 5.80 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 4 Tiếng Anh: 3.20
DOÃN HỮU TÀI	22/06/1999	29028051	Toán: 4.20 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN ANH TUẤN	28/09/1999	29015312	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ HẰNG	03/10/1999	29027293	Toán: 2.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.20
ĐẶNG THÀNH VINH	09/12/1999	29023411	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 3.40
VI THỊ XOAN	10/05/1999	29003598	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.75 KHXH: 8.33 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ THANH XUÂN	17/07/1999	29016575	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 9.25 GDCD: 9.00 KHXH: 9.08 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN LINH NHI	05/09/1999	29018090	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 7.50 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 5.80
LỮ THỊ PHI LA	29/06/1999	29020689	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 3.58 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 9.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ HÒA	27/09/1999	29014447	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.75 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.00
ĐẶNG VÂN ANH	15/03/1999	29010815	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 10.00 Sinh học: 9.75 KHTN: 7.92 Tiếng Anh: 8.40
HOÀNG THỊ PHƯƠNG THẢO	20/05/1999	29024032	Toán: 6.80 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 8.25 Sinh học: 7.75 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN QUỐC CƯỜNG	29/01/1999	29023641	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ QUỲNH THƯƠNG	14/01/1999	29009297	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 6.25 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 7.20
NGUYỄN HUY HOÀNG	10/12/1999	29023760	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 9.25 Hóa học: 9.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 4.40

HOÀNG VĂN LONG	15/05/1999	29022877	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN SỸ SƠN	15/01/1999	29000781	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ THỦY	02/08/1999	29002105	Toán: 6.80 Ngữ văn: 8.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 7.60
LA THÀNH THẮNG	04/12/1999	29025663	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.25 Tiếng Anh: 2.80
TRƯƠNG TUẤN ANH HÀO	07/08/1999	29020269	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ LÀNH	29/10/1999	29003435	Toán: 2.60 Ngữ văn: 2.00 Vật lí: 1.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.00 KHTN: 2.17 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 2.25 GDCD: 6.50 KHXH: 4.08 Tiếng Anh: 3.20
LỮ VĂN THÀNH	10/02/1999	29014144	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.20
ĐÀO DUY QUỲNH	29/01/1999	29016913	Toán: 6.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 3.20
THÁI VĂN KIÊN	12/04/1997	29030324	Toán: 4.40 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.25
CHU VĂN LANH	15/09/1997	29004255	Toán: 8.40 Vật lí: 8.25 Hóa học: 9.00
NGUYỄN THANH NGỌC	11/09/1998	29026664	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.00
HỒ VIỆT ĐỨC	04/02/1998	29009003	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.25 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.20
TRƯƠNG THỊ TRINH	12/04/1999	29013400	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 5.20
HOÀNG THỊ THU TRANG	24/04/1999	29026536	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 5.00
LÊ THỊ THẨM	26/05/1999	29017531	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.40
LÔ MINH TÚ	09/05/1999	29013782	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN QUANG DANH	15/08/1999	29024726	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75
TRẦN TIẾN ĐẠT	06/08/1999	29024231	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 6.60

NGUYỄN VIỆT CHÍNH	01/07/1999	29026742	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.5 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.50 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN VĂN LONG	12/06/1998	29015970	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.50 GDCD: 6.00 KHXH: 4.08 Tiếng Anh: 2.40
NGÔ ANH TUẤN	14/12/1999	29007464	Toán: 6.40 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 4 Tiếng Anh: 5.80
HỒ VĂN ĐỨC	27/06/1998	29015932	Toán: 3.80 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.00
HOÀNG THỊ DUNG	10/09/1999	29003068	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM THỊ LỰU	25/12/1999	29011708	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.60
HỒ HÀ GIANG	26/01/1998	29024751	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.25 Tiếng Anh: 5.20
ĐẶNG THỊ MAI UYÊN	15/03/1999	29005406	Toán: 7.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 9.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 7.00
VÕ THỊ HOÀI	12/11/1999	29006955	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.75 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG VĂN KHÁNH	23/05/1999	29017308	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.00
PHAN THỊ CHUNG	22/07/1998	29028813	Ngữ văn: 5.50
LÊ THỊ LAM	02/11/1999	29005705	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 9.00
NGUYỄN VĂN CHIẾN	14/06/1999	29011945	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ HOA	19/04/1999	29028418	Toán: 7.40 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 8.20
TRẦN THỊ NHẬT ANH	23/05/1999	29029426	Toán: 9.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 9.25 Hóa học: 9.50 Sinh học: 10.00 KHTN: 9.58 Tiếng Anh: 6.20
LÊ THỊ HOÀI	07/04/1999	29016651	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VĂN TIẾN	20/10/1999	29018990	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.00 KHXH: 8 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN CÔNG AN	02/09/1999	29029693	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.20

NGUYỄN NGỌC HÀ	01/07/1999	29002314	Toán: 8.40 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 2.40
LÔ THỊ NHƯ LỰA	02/06/1999	29019579	Toán: 2.60 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 4.40
NGÔ THỊ CHUNG	19/01/1999	29029435	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 3.60
KIM GIANG MINH	03/12/1999	29012225	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.40
NGÔ THỊ THỦY	11/10/1999	29005319	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN XUÂN ÂN	09/04/1999	29010264	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN QUỐC VIỆT	14/09/1999	29024142	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 7 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THÀNH CÔNG	10/11/1999	29018377	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 1.80
BÙI THÁI ANH	26/10/1999	29013088	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.08 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN DẦN	22/10/1998	29024728	Toán: 1.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00
NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	03/05/1999	29005914	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LINH	20/04/1999	29009186	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 5.00
LÊ ĐÌNH CẦM	21/03/1999	29028297	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 4.60
HOÀNG THỊ XUÂN	05/05/1999	29016570	Toán: 2.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 4.80
LÊ VĂN QUÂN	24/10/1999	29007091	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.80
LÊ VĂN LINH	28/02/1999	29014534	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.00
ĐINH THỊ LAN ANH	06/10/1999	29028274	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.40

HOÀNG THỊ LÀI	09/03/1999	29016736	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 6.50 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN THỊ HẢI	31/01/1999	29010371	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ THÚY NGÀ	24/09/1999	29017401	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 5.00 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN HỮU DŨNG	20/10/1998	29029780	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 3.75 GDCD: 4.75 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ LƯU YẾN	13/11/1999	29003027	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 2.40
PHẠM NỮ CHÂU	27/09/1998	29004339	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 3.60
THÁI DUY CƯƠNG	10/11/1999	29030395	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.42 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.20
LÊ TIẾN KHOA	27/07/1999	29016730	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 5.20
PHAN THỊ THUỶ	14/05/1999	29022517	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 6.80
NGUYỄN THUỶ AN	26/12/1999	29017811	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ THANH HOA	27/08/1999	29026112	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 8.00
PHAN ĐÌNH TUẤN	06/09/1999	29022630	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 6.00
HOÀNG THỊ DUYÊN	30/01/1998	29018394	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.40
BÙI VĂN NAM	02/02/1999	29005158	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ BÌNH	26/06/1999	29016094	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 4.20
VŨ VĂN THẮNG	21/05/1998	29020033	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 4.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN TẤT LỢI	26/05/1999	29001992	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 2.00 KHTN: 3.33 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.40

CAO KHẮC THĂNG	29/10/1998	29006614	Toán: 6.00 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ GIANG	07/09/1999	29001893	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 4.20
TRƯƠNG SINH HIỆP	01/06/1999	29016634	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ VUI	22/08/1999	29021431	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 4.20
NGÔ THỊ LÝ	07/05/1999	29005136	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN VĂN TOÀN	17/05/1998	29022153	Toán: 2.00 Vật lí: 1.75 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ YẾN	17/05/1999	29028268	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.50 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 5.40
HÀ VĂN CƯỜNG	10/08/1999	29017129	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ THU AN	11/04/1999	29000008	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ TRÀ LINH	20/11/1999	29026864	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.92 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 7.40
NGUYỄN ĐÌNH VƯƠNG	19/03/1999	29011864	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.20
CAO THỊ HỒNG NHUNG	18/02/1999	29015056	Toán: 8.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 8.20
PHAN HOÀNG QUÂN	27/03/1999	29018128	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 6.00 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 5.20
VÕ NGỌC CHUNG	22/09/1999	29017123	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	14/11/1999	29010262	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.60
LÔ KHÁNH VI	05/09/1999	29014216	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.50 GDCD: 6.50 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 3.20
MAI VĂN TẤN	11/07/1999	29004619	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.58 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.00

LÊ THỊ THANH HUYỀN	15/02/1999	29008756	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN HỮU ĐẠT	19/02/1999	29023148	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 6.00 KHTN: 5 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 2.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN VĂN TẠO	14/03/1998	29012591	Toán: 5.60 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.00
BÙI XUÂN HIẾU	10/09/1999	29026790	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.20
LÊ TIẾN SỰ	12/06/1999	29016313	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 6.20
TRẦN THỊ LÊ	25/10/1999	29005097	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN XUÂN CẢNH	08/06/1998	29011933	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.00
HỒ THỊ NGỌC ÁNH	12/08/1999	29009450	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 4.60
LÔ THỊ BÉ LINH	09/08/1999	29013614	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.25 KHXH: 4.08 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN VĂN SƠN	27/01/1999	29021275	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 2.20
LƯƠNG THỊ HÀ	25/09/1999	29014933	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 2.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 3.25 Tiếng Anh: 3.40
QUANG THỊ THU TRANG	14/10/1999	29015252	Toán: 2.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN THIỆN	13/10/1999	29009280	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 9.50 Sinh học: 9.00 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 8.20
NGÔ THỊ HOÀI LINH	22/02/1999	29009704	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN ĐÌNH NHẬT LONG	15/08/1999	29026286	Toán: 8.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 7.40
LÊ VĂN SỸ	20/08/1999	29016315	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ HUYỀN	22/10/1999	29009656	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 4.20

ĐẶNG VĂN HIẾU	03/01/1999	29029483	Toán: 7.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.20
VÕ HUY THÔNG	19/10/1999	29028089	Toán: 6.40 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 4.40
ĐẶNG THỊ HẢI YẾN	28/09/1999	29012552	Toán: 3.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 9.75 GDCD: 8.75 KHXH: 8.92 Tiếng Anh: 3.00
CHU THỊ THUỶ QUỲNH	01/04/1999	29020429	Toán: 6.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.60
VĂN THỊ TRANG	27/07/1999	29022576	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ HIỀN	15/12/1999	29006362	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN XUÂN PHÚC	03/01/1997	29006122	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 9.00 GDCD: 5.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.60
TRƯƠNG QUỐC CƯỜNG	12/08/1999	29014902	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3 Tiếng Anh: 2.40
PHAN THỊ THANH	26/06/1999	29002085	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ TÂM	22/02/1998	29000519	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG	03/06/1999	29025748	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 3.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 7.80
NGÂN THỊ TRANG	28/09/1999	29014187	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN VĂN DŨNG	26/01/1999	29017862	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.83 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 2.80
LÊ HOÀNG PHƯƠNG	26/06/1999	29012878	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN THỊ HIỀN	19/10/1999	29021738	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ TÌNH	08/09/1999	29022535	Toán: 4.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.50 KHXH: 8 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN TRIỀU TIÊN	14/10/1999	29018197	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 4.80

TRẦN THỊ THƠM	16/03/1999	29021338	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 4.00
QUANG THỊ DUYÊN	13/03/1999	29020607	Toán: 1.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 1.80
TRẦN QUÝ TÂM	30/06/1999	29006602	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 3.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ HỒNG KHÁNH	28/09/1999	29008775	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 5.00
PHẠM THU HÀ	14/06/1998	29005999	Toán: 5.80 Ngữ văn: 8.00 Tiếng Anh: 7.20
HÀ THỊ LIÊN	03/01/1999	29019525	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN ĐÌNH TUẤN	29/08/1999	29000888	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 1.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.17 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 9.50 GDCD: 8.00 KHXH: 8.33 Tiếng Anh: 4.20
HỒ NGỌC ANH	19/07/1999	29016062	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 9.60
NGUYỄN THỊ HOA	16/11/1999	29028417	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN THỊ LINH	19/05/1998	29030330	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.00 Tiếng Anh: 7.20
NGUYỄN THỊ BẰNG	06/07/1999	29030385	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ THU	25/08/1999	29022484	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THÀNH THẮNG	18/02/1999	29012404	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 3.80
PHAN THANH HIẾU	06/08/1999	29021751	Toán: 5.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.20
PHẠM THỊ CẨM VÂN	06/03/1999	29024686	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.20
ĐÌNH THỊ DUYÊN	25/07/1998	29010319	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.50 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ OANH	16/07/1999	29019919	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.60
DƯƠNG THỊ VÂN	24/10/1999	29004818	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 5.75 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.00

NGUYỄN MINH HIẾU	25/06/1999	29024305	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.40
DOÃN THỊ TRANG	30/06/1998	29027776	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.25
NGUYỄN THỊ ĐIẾP	15/10/1999	29028341	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 3.80
LÊ ANH NHẬT	27/12/1999	29021207	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN THỊ THANH HOÀI	18/02/1999	29026123	Toán: 7.00 Ngữ văn: 9.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 9.60
VI VĂN CHÍNH	10/01/1997	29014757	Toán: 1.60 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.60
HOA THỊ LỢI	03/03/1999	29008331	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.50 GDCD: 4.50 KHXH: 3.67 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM NGỌC TRƯỜNG	19/03/1999	29029642	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.40
ĐINH THỊ BÍCH	08/04/1999	29020954	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.50 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.20
HỒ THỊ LÀI	13/07/1999	29003953	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.60
HÀ THUY LINH	05/05/1999	29025103	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ THÙY TRANG	06/02/1999	29004715	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 9.25 GDCD: 9.25 KHXH: 8.33 Tiếng Anh: 9.00
TRẦN THỊ GIANG LAM	14/06/1999	29024382	Toán: 7.40 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 7.40
NGUYỄN THỊ NHUNG	26/04/1999	29013276	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.92 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ VUI	25/03/1999	29004841	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN ANH	20/11/1999	29000935	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.42 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.25
PHẠM VĂN VINH	15/04/1999	29004836	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 5 Tiếng Anh: 4.20
LÊ THỊ THÚY	25/10/1998	29028834	Toán: 8.00 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 6.25 Tiếng Anh: 3.80

MAI KHÁNH LINH	04/11/1999	29024410	Toán: 7.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 9.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 6.80
LÊ QUANG ĐẠO	31/01/1999	29000112	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.80
ĐINH XUÂN TRUNG ĐỨC	21/06/1999	29009524	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN BÁ NAM	07/07/1999	29000417	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN ĐĂNG LÂM	10/10/1997	29026651	Toán: 6.80 Vật lí: 4.50 Hóa học: 6.25
PHẠM CÔNG SƠN	12/01/1999	29000782	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.83 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 5.20
HỒ HUY HOÀNG	04/04/1998	29017950	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN ĐÌNH BÌNH	11/01/1999	29025935	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 4.40
TẠ THỊ LIÊN	18/08/1999	29028502	Toán: 8.40 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 9.20
TRẦN THỊ TRÀ	20/04/1999	29002769	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.08 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.50
NGUYỄN ĐÌNH HƯNG	25/10/1999	29003424	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.25 KHTN: 3.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.00
ĐẶNG KHẮC THẮNG	22/02/1999	29024577	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.80
LÊ THỊ NGỌC ÁNH	13/11/1999	29025915	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 7.20
NGUYỄN ANH THƯ	02/04/1999	29009939	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 6.50 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 3.60
DƯƠNG PHÚC THẮNG	05/05/1999	29000806	Toán: 9.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 9.25 Hóa học: 9.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 7.92 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN TRỌNG CHIẾN	28/10/1999	29014311	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 5.75 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG HỮU HIẾU	20/08/1995	29027667	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25
ĐINH VĂN THỊNH	19/05/1998	29001810	Toán: 9.40 Vật lí: 8.00 Hóa học: 9.75

CAO DUY THÔNG	12/11/1999	29015163	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 6.20
VI THANH TRÀ	02/01/1999	29015238	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN CÔNG TOÀN	17/12/1999	29028135	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.60
PHAN BẤU	11/02/1998	29008044	Toán: 7.40 Vật lí: 3.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.58
NGUYỄN CÔNG MINH	13/06/1998	29009751	Toán: 3.00 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.00 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ HOÀI	08/07/1999	29021774	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 4.20
LÊ THÀNH ĐẠT	04/01/1999	29000114	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 9.50 Hóa học: 8.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.75 Tiếng Anh: 6.20
HOÀNG VĂN DƯƠNG	23/06/1999	29011618	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ VÂN	26/06/1999	29005414	Toán: 5.60 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.75 KHXH: 8.5 Tiếng Anh: 4.60
DƯƠNG QUANG HUY	13/04/1999	29007301	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.60
NGÔ QUANG THẮNG	01/01/1999	29007755	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.00 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.00
HOÀNG ANH MINH	09/09/1999	29010964	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 6.75 KHTN: 6 Tiếng Anh: 4.20
PHAN THỊ THỦY	10/01/1999	29016430	Toán: 2.60 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 3.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 1.60
NGUYỄN THỊ THÚY HƯỜNG	19/05/1999	29003938	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 6.40
TRẦN THỊ KIỀU OANH	17/04/1999	29011450	Toán: 3.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.40
PHAN ĐÌNH TIẾN	20/01/1999	29023366	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VIỆT TRIỀU	18/08/1998	29008019	Toán: 2.80 Ngữ văn: 1.75 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 1.50 GDCD: 6.00 KHXH: 3.08 Tiếng Anh: 3.60

PHAN THỊ THUỖ	12/01/1999	29022497	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 2.25 Hóa học: 9.25 Sinh học: 7.75 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN VĂN LINH	12/11/1999	29030042	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.40
PHAN THỊ HẢI	12/01/1999	29003809	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.40
HỒ VĂN MẠNH	02/09/1999	29015032	Toán: 9.80 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ VUI	20/10/1999	29003020	Toán: 9.20 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN VĂN NHẬT	16/03/1999	29016847	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN VĂN GIANG	22/01/1999	29005581	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 1.20
NGUYỄN THỊ TRANG	29/04/1999	29029324	Toán: 7.80 Ngữ văn: 9.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.25 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 6.00
LÔ VĂN PHI	05/12/1999	29014095	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ HIỀN	22/09/1999	29016625	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN THỊ QUYÊN	30/03/1999	29013700	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 5.20
HOÀNG THỊ NGỌC ÁNH	12/01/1999	29028861	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.00
TẶNG THỊ MAI	02/01/1999	29030096	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 3.40
QUANG THIÊN NHIÊN	26/06/1999	29014665	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN HỮU PHONG	12/11/1999	29029183	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM HỒNG PHÚC	13/09/1999	29005828	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.40
TRỊNH VĂN HOÀNG	05/12/1998	29023463	Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 8.50

NGUYỄN CẢNH HUỖNH	02/03/1999	29003163	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN ĐỨC THIÊN	12/08/1998	29017540	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 2.75 GDCD: 5.75 KHXH: 3.67 Tiếng Anh: 3.40
PHAN THÀNH TRUNG	02/06/1999	29027781	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.25
NGUYỄN THỊ NGỌC	20/02/1999	29012265	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ CẨM HÀ	08/05/1999	29024264	Toán: 8.00 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 9.20
NGUYỄN VĂN CHUNG	15/01/1999	29022205	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 3.00
DƯƠNG NGỌC TRÂM	01/01/1999	29000589	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5 Tiếng Anh: 5.00
THÁI THỊ TÚ UYÊN	16/06/1999	29003013	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 4.60
BÙI DANH HÀN	19/07/1999	29009557	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.40
ĐẬU XUÂN LINH	27/01/1999	29005104	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 6 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ ANH PHƯƠNG	07/09/1999	29023975	Toán: 7.40 Ngữ văn: 8.25 Vật lí: 2.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 5.00
TRẦN TRỌNG CHUNG	02/03/1998	29011596	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 3.60
LÔ TRUNG HIẾU	01/11/1999	29013547	Toán: 1.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.40
LÊ THỊ NGỌC HẠNH	13/01/1999	29017206	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 5.60
THÁI BÁ PHI	21/10/1998	29006116	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75
HỒ THỊ THẨM	08/02/1999	29016369	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.00
LỘC THỊ DUNG	12/11/1999	29013902	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.60

BÙI THỊ GIANG	26/01/1999	29003780	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN VĂN CÔNG	25/08/1999	29001253	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THẾ QUYẾT	02/11/1999	29004113	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.80
HỒ TRỌNG HOÀNG	22/09/1998	29015650	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.60
PHAN THỊ HOÀI	20/01/1999	29029005	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.00
LƯƠNG THỊ HIỀN	22/02/1999	29020637	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 2.50 GDCD: 7.75 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN KHÁNH LINH	08/03/1999	29026854	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 2.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.08 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 6.80
NGUYỄN HOÀNG ANH TUẤN	14/04/1999	29025789	Toán: 8.60 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 4.00
PHẠM THỊ DUNG	02/11/1999	29016585	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.17 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN HOÀI LINH	28/07/1999	29005120	Toán: 2.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.80
HỒ ĐỨC NAM	10/09/1999	29023903	Toán: 8.80 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	05/02/1999	29024621	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN VĂN CƯỜNG	06/12/1999	29030400	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.40
TRƯƠNG HỒNG HẢI	23/02/1999	29014393	Toán: 3.00 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ THUỶ LINH	22/10/1999	29023857	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 8.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 7.60
PHAN THỊ ÁNH	06/08/1999	29016083	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG	12/10/1999	29011110	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.00

NGUYỄN THỊ TRÀ	08/07/1999	29029313	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN VĂN ANH	19/05/1999	29007522	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.80
HOÀNG HẢI QUÂN	13/01/1999	29016901	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 9.00 Hóa học: 9.75 Sinh học: 6.00 KHTN: 8.25 Tiếng Anh: 4.80
DƯƠNG ĐỨC SINH	02/09/1999	29024556	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.40
PHAN PHÚC ĐỨC	17/03/1999	29030422	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 4.00
LÊ TRỌNG HUẤN	19/01/1995	29010106	Toán: 7.60 Vật lí: 8.50 Hóa học: 7.75
ĐẬU VĂN PHƯƠNG	30/04/1999	29016244	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.20
MOONG THỊ KIÊNG	28/02/1999	29008308	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 5.50 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ NGÀ	14/05/1999	29015900	Toán: 1.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.60
ĐÀO THỊ HẰNG	01/05/1999	29015575	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.40
VÕ THỊ LÂM OANH	09/08/1999	29014684	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN CẢNH THÁI	04/09/1999	29018900	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG HƯƠNG GIANG	24/10/1999	29024248	Toán: 7.40 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 9.80
NGUYỄN ĐÌNH CƯỜNG	29/09/1993	29021455	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 8.25
ĐẶNG VĂN THÀNH	16/05/1998	29006606	Toán: 6.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN NGỌC QUỲNH	30/11/1999	29011029	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG XUÂN THẮNG	02/07/1999	29007134	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.00

NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	10/02/1999	29018341	Toán: 1.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ VÂN ANH	17/10/1999	29003698	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 5.25 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ THƯƠNG	22/11/1999	29011523	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN ĐÌNH TUÂN	10/08/1998	29006218	Toán: 7.60 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.50
NGUYỄN THỊ THANH HẢI	04/12/1997	29000990	Toán: 4.80 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.42
THÁI THỊ TÌNH	03/02/1999	29030781	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.40
PHAN THỊ THANH AN	14/04/1999	29028271	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.00
VÕ THỊ NHÀN	30/12/1998	29019762	Toán: 8.60 Hóa học: 8.00 Sinh học: 8.75
LÊ YẾN NHI	01/12/1999	29008862	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.40
TRƯƠNG THỊ NGÂN	25/07/1999	29014632	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.75 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ LINH	19/08/1999	29000361	Toán: 8.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG	17/09/1999	29024626	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.80
HỒ XUÂN TOẠI	07/09/1998	29008135	Toán: 1.80 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.5 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.25
TRẦN DUY ĐĂNG	12/07/1999	29023674	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ THỦY	10/07/1999	29008970	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ MÂY	26/08/1999	29028541	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 8.20
HOÀNG THỊ HẠNH	25/10/1999	29006925	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.00

TRẦN THỊ HẢO	10/11/1998	29022785	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.40
KIM NGỌC HOÀNG	06/10/1999	29014456	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 1.80
ĐẶNG HỮU ĐỨC	11/12/1999	29010334	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN ĐĂNG TÂM	02/12/1995	29025314	Toán: 9.00 Vật lí: 9.00 Hóa học: 8.50
TRỊNH XUÂN NỘI	26/05/1998	29022933	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM VĂN ĐỨC	18/11/1999	29001885	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 2.60
HOÀNG MINH NHẬT	26/10/1998	29011440	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 1.80
XÔNG BÁ XÔNG	03/11/1997	29008519	Toán: 1.60 Ngữ văn: 2.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 5.25 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 2.80
LÊ THỊ NHUNG	31/10/1999	29018641	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 7.00
PHAN TRỌNG QUÝ	26/05/1999	29030238	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN HỮU NAM	28/11/1999	29018856	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 8.20
NGUYỄN QUANG TRUNG	02/11/1999	29008021	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 4.00
LÊ VĂN THẮNG	21/10/1998	29012400	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG	16/08/1999	29002338	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 2.25 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 2.40
LÊ THỊ HẰNG	06/07/1999	29009114	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 8.75 Sinh học: 8.25 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 6.60
HOÀNG THỊ HOA HỒNG	25/10/1999	29009625	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ KIM CHƯƠNG	09/11/1999	29010284	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.40

NGUYỄN ĐỨC GIANG	02/02/1995	29007173	Toán: 8.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 7
VƯƠNG THỊ NGỌC ÁNH	11/04/1999	29009458	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN VĂN BÌNH	20/08/1997	29029345	Toán: 7.80 Vật lí: 5.75 Hóa học: 7.00
ĐÀO THỊ HOÀI	12/02/1999	29018479	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.60
ĐẬU THỊ HUYỀN TRANG	17/08/1999	29023035	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.20
LÊ ĐĂNG PHAO	06/01/1999	29010595	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.40
LÊ CÔNG HOÀ	24/02/1999	29002376	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ HẠNH LÊ	20/01/1999	29022338	Toán: 8.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 9.25 Sinh học: 9.50 KHTN: 7.75 Tiếng Anh: 4.00
CAO THỊ THẢO	07/07/1999	29010658	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ QUỲNH ANH	15/01/1999	29027177	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 3.60
VƯƠNG THỊ NGÀ	08/11/1999	29027999	Toán: 5.60 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THẾ NAM	22/08/1999	29011721	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 4.40
NGÔ ĐÌNH HOAN	15/09/1999	29017943	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.20
LÔ THỊ NGỌC	12/08/1999	29008371	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 6.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ THẢO LY	19/09/1999	29014571	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.40
HỒ THỊ THANH LOAN	02/01/1999	29015805	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.25 KHXH: 8 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM HUY HOÀNG	27/05/1997	29026639	Toán: 7.60 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.50

TRẦN THỊ HẰNG	24/03/1999	29029886	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG HỮU HÙNG	12/01/1999	29001950	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	17/08/1999	29030367	Toán: 8.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN ĐÌNH QUANG	01/09/1999	29011760	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 2.20
DÈNH BÁ XÀI	09/01/1999	29008499	Toán: 4.80 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 3.40
CAO XUÂN NAM	16/06/1998	29014817	Toán: 6.40 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.75
VÕ VĂN TUYẾN	19/10/1999	29012525	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN ĐỨC SƠN	24/02/1999	29003489	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	12/02/1999	29016073	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 6.80
NGUYỄN VĂN TÚ	30/11/1998	29017792	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 2.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 2.92 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN TẤT KHÁNH	01/09/1999	29001971	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 5.00
ĐINH ĐỨC TUẤN	19/03/1999	29027094	Toán: 9.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 7.67 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.75 GDCD: 7.75 KHXH: 8 Tiếng Anh: 7.00
LÊ THỊ THẨM	25/09/1999	29004178	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.75 KHXH: 8.75 Tiếng Anh: 5.00
HỒ THỊ HUỖN	09/03/1999	29004467	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.67 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.60
HỒ BÁ HUY	14/09/1999	29025456	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN TÚ	10/06/1999	29002996	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 2.25 KHTN: 4.08 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.60
LỮ THỊ NHẬT LỆ	30/07/1999	29014527	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.20

NGUYỄN HỮU HUY	05/10/1999	29024342	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 1.50 Hóa học: 2.00 Sinh học: 2.50 KHTN: 2 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.25 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.00
TRƯƠNG THỊ HƯỜNG	14/05/1999	29013188	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 5.60
PHAN VĂN DŨNG	22/10/1998	29009000	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75
HOÀNG HUY HIỆU	18/05/1999	29009591	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 3.20
TRƯƠNG XUÂN TRUNG	07/03/1995	29027782	Toán: 4.60 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.50
TRẦN THỊ HỒNG HẠNH	05/09/1999	29000158	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 3.20
LẠI MINH SƠN	27/07/1999	29026935	Toán: 6.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.25 Tiếng Pháp: 6.80
LÊ THỊ CẨM TÚ	16/04/1999	29011148	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 4.00
PHAN ĐỨC TRUNG	26/06/1999	29029638	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 9.00 Hóa học: 9.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 3.20
VÕ DIỆU THÚY	10/03/1999	29008007	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 6.25 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ LINH	30/08/1999	29028512	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 4.40
ĐẬU THỊ HẢI YẾN	23/08/1999	29000622	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ XUÂN THẢO	21/06/1999	29026977	Toán: 9.20 Ngữ văn: 8.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.5 Tiếng Pháp: 7.60
ĐẶNG NGỌC HIẾU	03/03/1999	29005637	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.80
PHAN THANH TÚ	27/01/1999	29015305	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.5 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.60
THÁI THỊ HIỀN	16/04/1999	29019377	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN THỊ THƯƠNG	28/06/1999	29001673	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.60

MOONG VĂN NGỌC	07/07/1999	29008372	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.25 GDCD: 5.50 KHXH: 3.92 Tiếng Anh: 3.00
VƯƠNG THỊ THẢO TRANG	06/06/1998	29027060	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN CẢNH SƠN	06/03/1998	29025227	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ LY	20/02/1999	29016789	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN THỊ THU	30/08/1999	29018956	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ TƯƠNG	02/03/1999	29004804	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ OANH	14/04/1999	29009807	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN QUỐC ĐẠT	29/06/1999	29016139	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 6.40
PHẠM THỊ ĐỒNG	12/10/1999	29011289	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.00 GDCD: 6.75 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.60
THÁI DOÃN HOÀNG	01/05/1998	29024771	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 3.00
LÊ ĐÌNH ĐẠT	01/12/1999	29022231	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ THUỶ LINH	15/06/1999	29025515	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN DOÃN QUANG	02/01/1998	29022011	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 1.60
XÔNG BÁ VÒNG	27/12/1998	29008494	Toán: 2.60 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 5.25 KHXH: 3.83 Tiếng Anh: 2.60
HỒ SỸ SƠN	23/03/1999	29006154	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.00
LƯU THỊ NGỌC TÍN	04/11/1999	29011093	Toán: 9.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN ĐÌNH ĐỨC	03/10/1999	29025399	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 5.75 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.60

HỒ KHÁNH LINH CHI	03/07/1999	29015441	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM THỊ VÂN ANH	06/07/1998	29026725	Toán: 5.20 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.17 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 5.25 KHXH: 4 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN TUẤN HÙNG	15/11/1999	29026813	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.42 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.20
HỒ TIÊN HIẾU	18/03/1999	29015611	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN VĂN SUNG	10/08/1999	29007741	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ NHU MỸ	20/08/1996	29027992	Toán: 9.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 7.40
NGUYỄN ĐÌNH LỘC	13/06/1999	29000715	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.08 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HÂN	11/07/1999	29029887	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.40
PHAN THỊ QUỲNH PHƯƠNG	25/11/1999	29030608	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 8.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN THỊ NHUNG	16/09/1999	29018646	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 5.00
HOÀNG THỊ THỦY	11/05/1999	29012425	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 4.40
VŨ XUÂN HẢI	06/04/1999	29012729	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN ĐẠI	20/06/1999	29021641	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.80
VŨ THỊ DUYÊN	20/09/1999	29028330	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN VĂN MẠNH	06/09/1998	29026882	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 1.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.67 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 1.20
PHẠM MAI CHI	23/07/1999	29025360	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.5 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 7.20
HỒ TRỌNG HÙNG	19/01/1999	29017965	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.17 Tiếng Anh: 2.80

VĂN THỊ KHÁNH HUYỀN	11/05/1999	29007658	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.60
CAO LONG NHẬT	05/07/1999	29006539	Toán: 5.00 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 2.60
VÕ THỊ TRANG	11/09/1999	29005360	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM THỊ THƯỜNG	08/08/1998	29012943	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.25 KHXH: 8.33 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN XUÂN TÙNG	04/08/1999	29011169	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 9.25 GDCD: 8.00 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ HẠNH	15/09/1998	29028378	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.00
LÊ VĂN HẢI	10/08/1999	29028370	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ TRANG	09/03/1999	29011540	Toán: 4.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN VĂN HUYỀN	18/05/1999	29005051	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.80
PHAN THỊ HIỀN ANH	17/10/1999	29022704	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.60
PHAN THỊ NHẬT LỆ	10/06/1999	29021867	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.60
LÊ DIỄM QUỲNH	20/07/1999	29018684	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.80
VÕ HOÀI LÂM	07/03/1999	29006445	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 4.00
HỒ THỊ HỒNG VÂN	11/02/1999	29016544	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 9.00 GDCD: 6.75 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ QUYÊN	10/12/1999	29019958	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.75 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 4.00
ĐẬU XUÂN HUẤN	18/05/1999	29016674	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 3.00
LÊ HỒNG QUÂN	08/10/1999	29002564	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.00

HOÀNG NGHĨA TUẤN	22/02/1999	29020520	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ QUỲNH	10/09/1999	29011476	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.00
PHAN VĂN KHÔI	09/01/1999	29007317	Toán: 6.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN THỊ THẢO	21/11/1999	29016366	Toán: 4.20 Ngữ văn: 2.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.20
HỒ XUÂN HÙNG	18/06/1999	29007297	Toán: 9.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN PHƯƠNG ANH	24/05/1999	29023098	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.42 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.00
PHAN BÁ GIANG	20/06/1998	29002715	Toán: 8.00 Vật lí: 8.00 Tiếng Anh: 4.00
ĐẶNG ANH TÀI	15/10/1999	29029232	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.25 KHXH: 8.58 Tiếng Anh: 4.00
PHAN DUY QUYẾT	19/08/1999	29022026	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.00 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 3.80
MẠC THỊ LÊ NA	05/06/1999	29025551	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 9.00 GDCD: 9.25 KHXH: 9 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ MAI TRANG	07/10/1999	29023039	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 5.75 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ NGỌC HOÀI	08/08/1999	29013156	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THÀNH HƯNG	15/07/1999	29026831	Toán: 8.80 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 8.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.17 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 8.40
LÊ VĂN THANH	27/09/1999	29012366	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 6.00 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 4.60
TRƯƠNG THỊ HIẾU	16/06/1999	29027319	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 4.20
PHAN THỊ LÂM	16/01/1999	29021863	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG	20/03/1999	29026010	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 10.00 Sinh học: 9.75 KHTN: 8.67 Tiếng Anh: 7.80

VI THỊ LINH THẢO	22/05/1999	29015142	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN TÚ	02/04/1999	29018241	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 2.60
VÀ BẮC ĐỀ	27/06/1997	29013826	Toán: 1.60 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.25
DƯƠNG THANH HÙNG	19/04/1999	29018497	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN MINH HÙNG	10/05/1999	29017968	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 3.80
PHAN VĂN TUẤN	10/01/1998	29001192	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.75
PHAN THỊ QUỲNH	14/06/1999	29004123	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THÙY TRANG	26/01/1999	29026551	Toán: 9.60 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 8.75 Sinh học: 9.25 KHTN: 7.67 Tiếng Anh: 6.40
LƯƠNG VĂN HÙNG	17/06/1998	29019713	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG THỊ CÚC	11/06/1999	29005516	Toán: 6.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN HOÀNG HẢI	04/03/1999	29025019	Toán: 7.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM NGỌC HIỂN	14/12/1998	29026629	Toán: 2.20 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.75 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN PHƯƠNG CHI	19/09/1999	29024946	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.20
XÔNG Y LẦU	24/05/1999	29008320	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.25 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM THỊ THƯƠNG	16/07/1998	29010201	Toán: 8.20 Hóa học: 8.50 Sinh học: 8.00
NGUYỄN QUỐC VƯỢNG	10/08/1998	29001204	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.75
ĐẶNG THỊ LUYẾN	05/11/1999	29006483	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.83 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM VĂN THUYỀN	16/12/1999	29016441	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.00

ĐẬU VĂN HÀ	25/07/1999	29028359	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN MINH DŨNG	06/10/1999	29001265	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.40
PHAN THỊ THUỶ NGÂN	29/05/1999	29020386	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỰC HIỀN	01/01/1999	29028982	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 4.60
VÕ THỊ LINH	16/07/1999	29027422	Toán: 2.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.80
CAO MINH TUẤN	23/02/1999	29006219	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.50
NGUYỄN THỊ MAI	23/03/1999	29011713	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN THỊ VÂN ANH	03/05/1999	29014877	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 7.25 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VĂN THIỆN	01/08/1998	29003510	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 1.75 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 2.5 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ THƯƠNG THƯƠNG	06/07/1998	29009041	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.00 Tiếng Anh: 6.60
LÊ CÔNG SƠN	30/10/1998	29030266	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ NHI	16/06/1999	29012282	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ VIỆT ANH	05/02/1999	29020939	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 9.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.40
HOÀNG THỊ HIẾU	25/01/1999	29023733	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 9.75 Sinh học: 7.50 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 5.20
TRẦN THỊ HOÀI AN	05/09/1999	29009414	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 1.80
PHẠM THỊ TRANG	26/02/1999	29026553	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ OANH	29/10/1999	29002876	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 4.40

VÕ QUỐC BẢO	03/04/1999	29027834	Toán: 4.80 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 2.60
HOÀNG ĐÌNH MINH	12/08/1998	29021912	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 5.25 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.00
HOÀNG NGHĨA ĐỨC	19/01/1997	29010082	Toán: 4.00 Vật lí: 3.00 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN HỮU THANH	10/06/1999	29001611	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 1.20
LÊ THỊ KIM OANH	17/11/1999	29013282	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 6.25 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 5.40
HỒ THỊ NGỌC	26/04/1999	29019647	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN ANH QUÂN	15/10/1999	29026465	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 5 Tiếng Anh: 10.00
NGUYỄN TIẾN THẮNG	05/05/1999	29011069	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 4 Tiếng Anh: 6.60
LÊ THỊ HUYỀN	05/10/1999	29018512	Toán: 8.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 8.20
NGUYỄN THẾ ANH	23/07/1998	29030294	Toán: 9.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 7.58
NGUYỄN LAM NHẬT	16/04/1999	29013272	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	16/11/1999	29007216	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 7.00 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 7.40
NGUYỄN VĂN THẮNG	12/02/1999	29009278	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 2.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.42 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN THỊ MỸ	22/02/1999	29021920	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.40
LÔ VĂN THỊU	23/07/1997	29013844	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.25
VÕ THỊ HÀ	02/05/1999	29003803	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 4.80
BÙI TRỌNG TẤN	17/05/1999	29015105	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 4.60
PHẠM THỊ TRANG	15/09/1999	29030819	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.80

NGUYỄN THỊ THU HIỀN	09/03/1999	29001002	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.58 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.50
PHẠM THỊ ĐẬU	14/06/1999	29005559	Toán: 4.60 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.60
LÊ ĐĂNG QUANG	13/07/1998	29010163	Toán: 9.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 9.75 Tiếng Anh: 5.60
LÊ THỊ NGỌC MAI	25/06/1999	29005139	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ LAN TRINH	08/09/1999	29012493	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.25 GDCD: 6.50 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 2.40
LÊ THỊ KHÁNH HUYỀN	05/05/1999	29005676	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 5.50 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG THỊ QUỲNH TRANG	17/01/1999	29009306	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 8.75 Sinh học: 9.50 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN NAM NHẬT	29/03/1999	29007365	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 7.75 KHTN: 7.75 Tiếng Anh: 4.40
LÊ CẢNH HỒNG	10/11/1999	29027336	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.20
VŨ HOÀNG QUỐC	12/08/1998	29008564	Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 8.50
LƯƠNG VĂN LƯ	06/09/1999	29008333	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.60
LƯƠNG VĂN TÚ	07/08/1998	29015299	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.80
THÁI VĂN MẠNH	22/04/1999	29000722	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.25 KHTN: 2.67 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 5.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ SƯƠNG	08/06/1999	29030272	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.40
CHU THỊ MAI	01/01/1999	29002490	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN CÔNG KHÁNH	20/07/1999	29021846	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.40
TRƯƠNG HUY	22/02/1999	29005050	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.60
LÊ QUẢNG TÂY	11/03/1998	29017498	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.00

XEO THỊ LỢI	27/09/1999	29008332	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GD&CD: 6.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.20
TÔ VĂN TIẾN	01/09/1999	29012452	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 3 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GD&CD: 6.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ MỸ DUYÊN	16/09/1999	29027242	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GD&CD: 6.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN VĂN HIẾU	27/11/1993	29019706	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 7.75
TRẦN THỊ THU HUYỀN	01/03/1999	29013185	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 8.50 Sinh học: 9.25 KHTN: 7.75 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG VĂN LINH	11/02/1999	29026849	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 2.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 1.25 KHTN: 2.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75 GD&CD: 8.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 5.20
VÀ BẢ DẸNH	06/05/1999	29008536	Toán: 1.00 Ngữ văn: 1.75 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 3.50
ĐINH THỊ THU QUỲNH	30/05/1999	29030249	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.25 GD&CD: 9.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 5.40
PHAN BÁ DUẨN	06/02/1999	29023644	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ HOA	08/06/1999	29015625	Toán: 2.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.00 GD&CD: 8.75 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 4.00
PHAN VĂN NGHĨA	11/12/1999	29005180	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN NGỌC HẢI	03/09/1998	29027282	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GD&CD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ HOA	17/05/1998	29010098	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.75
LƯƠNG MINH HIẾU	19/03/1999	29020642	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GD&CD: 6.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN TÙNG	08/11/1999	29028773	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.00 GD&CD: 7.00 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.20
HỒ NGỌC DUY	20/06/1999	29017145	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.75 GD&CD: 6.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.40
LƯƠNG THỊ SÂM	13/02/1999	29002580	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.50 GD&CD: 7.50 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN NGỌC NHẬT	02/02/1999	29027496	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.25 GD&CD: 8.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.40

LƯƠNG THỊ LINH	27/10/1999	29025105	Toán: 8.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 6.20
TRẦN THỊ QUỲNH	12/11/1991	29001794	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 1.60
THÁI BÁ HOÀNG	19/04/1999	29013166	Toán: 8.60 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 9.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 3.00
PHAN VĂN TỐI	02/02/1999	29028726	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 2.60
DƯƠNG KIM HIỆP	10/10/1999	29014426	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 5.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.60
ĐẬU THỊ THANH	18/07/1998	29005905	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 5.50 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN NGỌC ĐÌNH	01/10/1999	29009518	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG THỊ SOA	13/04/1999	29006152	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75
TRẦN THỊ LAN ANH	20/09/1999	29011248	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN VĂN TÚ	25/07/1999	29020518	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.60
VƯƠNG HẢI ĐĂNG	15/08/1995	29015931	Toán: 5.40 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.50
LÔ THỊ NGUYỆT	08/02/1999	29025170	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN HẢI ĐỨC	30/05/1998	29025395	Toán: 2.40 Ngữ văn: 0.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.75 GDCD: 4.75 KHXH: 3.67 Tiếng Anh: 4.00
HOA HỒNG NHUNG	26/09/1999	29018640	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 4.20
SẦM ANH CAO	17/01/1999	29013478	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.00
PHAN THỊ PHƯƠNG THẢO	23/11/1999	29026973	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.60
LÔ VĂN KHỞI	02/02/1999	29020674	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.00

HỒ THỊ NHUNG	16/08/1999	29016206	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.00
ĐẶNG ĐỨC TUẤN	25/04/1999	29018244	Toán: 9.20 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ SOA	11/01/1999	29001590	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ TRÀ GIANG	25/03/1999	29014929	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.60
PHAN THANH HUY	10/08/1999	29027350	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 5.40
VI THỊ NHI	17/07/1999	29020750	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN HÀM ĐÔ	26/05/1998	29001758	Toán: 8.80 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.00
PHAN THỊ GIANG	29/08/1999	29027274	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ VÂN HỒNG	23/04/1999	29007638	Toán: 3.80 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.25 KHXH: 8 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ DUNG	06/01/1999	29011964	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ UYÊN	06/03/1999	29030918	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 5.25 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ LINH TRANG	25/11/1999	29003536	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 6.75 KHTN: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG THỊ NGÀ	16/04/1999	29021929	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN VĂN LỢI	10/09/1998	29030331	Toán: 7.40 Vật lí: 8.00 Hóa học: 6.50
PHAN CÔNG HUẤN	24/04/1999	29018807	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.42 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.60
HOÀNG THỊ NHÀN	03/01/1999	29006537	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 6.60
TRẦN QUANG TRUNG	16/02/1999	29012969	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.20
PHẠM TUẤN ANH	03/09/1999	29010252	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.00 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 2.60

VÕ QUANG ĐÌNH	02/02/1999	29014356	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.75 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ THƯƠNG	03/01/1999	29001672	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.50 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 2.40
LÊ KHÁNH PHAN	06/12/1999	29002552	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN NGỌC NAM	15/10/1999	29011720	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 2.80
LÔ NGỌC ÁNH	04/03/1999	29013870	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 3.80
ĐOÀN THỊ VI	01/01/1999	29006800	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN NGỌC GIANG	30/10/1999	29005996	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.75
NGUYỄN THỊ NA	07/03/1999	29029131	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG THỊ NGỌC HIẾU	21/05/1999	29010403	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN SỸ ĐỨC	30/08/1999	29000128	Toán: 3.00 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ KHÁNH HÒA	24/03/1999	29000221	Toán: 7.00 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 9.00
ĐINH THỊ HƯƠNG	26/12/1998	29009664	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN CÔNG MẠNH	16/02/1998	29007697	Toán: 1.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.80
LƯU THỊ QUỲNH DUYÊN	26/03/1999	29023663	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 9.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ TRINH	09/09/1999	29028176	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 4.58 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 6.80
TRẦN KIM ÁNH NHẬT	11/02/1999	29009796	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ THU HÀ	05/08/1999	29009548	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 1.80

ĐẬU VĂN KHÁNH	10/03/1999	29002829	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.42 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 4.20
HỒ THỊ KIỀU TRANG	04/05/1999	29016467	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN CÔNG HỮU	25/12/1997	29010111	Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 8.25
ĐẶNG THỊ HƯƠNG	18/10/1999	29011363	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.00
VÕ THỊ TRANG	09/07/1999	29006210	Toán: 1.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 2.50
TRẦN THỊ THU THẢO	01/09/1999	29009918	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.00
LÊ THỊ BÍCH	24/04/1998	29001234	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 3.25 GDCD: 7.25 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM TRỌNG ĐỀ	02/08/1999	29007580	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 3.20
NGÂN THỊ TƯ	05/04/1998	29015327	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.25 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.20
LÊ THỊ UYÊN	25/09/1999	29004810	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN BẢO NGỌC	05/11/1999	29023924	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN VĂN HƯỚNG	23/12/1999	29005074	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.20
NGÔ THỊ QUÝ	17/12/1999	29029577	Toán: 8.00 Ngữ văn: 8.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 9.50 KHTN: 8 Tiếng Anh: 5.40
ĐẶNG VIỆT LINH	08/11/1999	29018011	Toán: 9.20 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 9.25 Hóa học: 9.25 Sinh học: 9.75 KHTN: 9.42 Tiếng Anh: 5.40
PHAN VIỆT HIẾU	10/02/1999	29030466	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 4.00
LÀO THỊ PHƯƠNG	23/05/1998	29019935	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.80
NGÔ BÌNH DƯƠNG	10/05/1999	29011978	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 4.20
LÊ ĐỨC DŨNG	02/01/1997	29029349	Toán: 6.60 Vật lí: 7.50 Hóa học: 3.00 Tiếng Anh: 7.00

PHAN BÁ SƠN	20/07/1998	29001129	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 1.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.58 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.25
TRẦN NHẬT TÂN	22/09/1991	29027748	Toán: 3.20 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.00 GD&CD: 9.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 1.20
PHẠM THÚY HIỀN	05/09/1998	29008715	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25 GD&CD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ TRANG	25/11/1999	29001698	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GD&CD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ TRANG	20/06/1999	29024629	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 2.50 GD&CD: 6.75 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 3.00
KHA VĂN NÀNG	20/04/1988	29003648	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.25 Hóa học: 1.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 2.67 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25
NHÂM ĐỨC TÀI	28/08/1999	29026495	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 3.80
PHẠM THUYẾT TIÊN	16/10/1999	29015219	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 7.50 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.80
LÊ QUỐC CƯỜNG	09/11/1998	29023638	Toán: 5.20 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN THỊ BÌNH	27/07/1998	29010052	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.75
NGUYỄN VĂN THAO	02/10/1993	29027755	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.50
TRẦN THỊ VÂN ANH	18/06/1999	29007525	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GD&CD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.40
PHÙNG THỊ HÀ	15/10/1999	29005589	Toán: 4.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.75 GD&CD: 8.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 4.40
BÙI THỊ HUỆ	25/05/1999	29012085	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GD&CD: 8.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ QUYÊN	12/11/1999	29001582	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 0.50 Địa lí: 4.00 GD&CD: 4.50 KHXH: 3 Tiếng Anh: 4.60
VI THỊ THẢO	12/07/1999	29014153	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 2.20
LÊ VĂN CHIẾN	06/03/1998	29018367	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GD&CD: 6.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.60

VÕ THỊ HIỀN	25/06/1999	29012049	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.17 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 9.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM MINH DUY	28/05/1994	29027645	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.75
TRẦN NHẤT THỐNG	22/10/1999	29026520	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 8.40
ĐẶNG THÁI ĐỨC	05/09/1999	29022240	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 2.25 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 2.40
NGÔ VĂN MẠNH	28/06/1999	29018600	Toán: 3.40 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 5.25 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 2.80
LÊ THỊ NGỌC ÁNH	28/10/1999	29015417	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.80
NGỖ XUÂN HIẾU	26/05/1998	29006017	Toán: 2.40 Ngữ văn: 2.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 1.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.08 Tiếng Anh: 2.40
ĐẬU THỊ QUỲNH NGÀ	23/03/1999	29024475	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 1.50 KHTN: 2.67 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 4.80
VÕ VĂN LỢI	09/12/1999	29008815	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.40
LƯU THỊ HỒNG ÁNH	06/07/1999	29007527	Toán: 6.40 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ THƯƠNG	24/07/1999	29023018	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 5.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.40
VÕ THỊ HỒNG NHUNG	25/06/1999	29010997	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 9.40
ĐẶNG QUANG ANH	21/04/1997	29013819	Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50
ĐẶNG VĂN ĐỨC	28/04/1999	29011290	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN TIẾN MINH	05/11/1997	29013837	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50
TRẦN THỊ LOAN	22/12/1998	29007690	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.60
PHAN THỊ HIỀN	01/09/1999	29014424	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.40

LÊ THỊ THÙY DUNG	06/04/1999	29014905	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 8.40
PHẠM VĂN HÙNG	19/04/1999	29001957	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 3.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN BÁ MẠNH	02/06/1999	29010521	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 5.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 1.40
NGÔ THỊ NHUNG	10/10/1999	29005196	Toán: 1.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HẰNG	10/10/1999	29005615	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ UYÊN	02/09/1999	29004808	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ TRÀ GIANG	10/05/1999	29009101	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 7.50 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN PHƯƠNG NAM	17/10/1999	29012246	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 2.00 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 4.20
LÊ THỊ HOÀI AN	20/11/1999	29008588	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN XUÂN SANG	10/08/1998	29027573	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN HỒNG NGỌC	06/02/1999	29026384	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 8.60
PHAN THỊ HIỀN	11/12/1998	29029897	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN CÔNG MẠNH	18/04/1998	29027453	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 5.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.80
BÙI THỊ HIỀN	11/06/1999	29012743	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 3.00
THÁI BÁ NAM TRƯỜNG	25/08/1999	29024111	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 6.00
TRẦN THỊ ÁNH	15/12/1999	29004888	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 6.50 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 4.80
THÁI ĐỨC DUY	03/11/1999	29026004	Toán: 8.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 8.33 Tiếng Anh: 5.60

NGUYỄN THÁI HÀ	31/03/1999	29012725	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 9.60
HOÀNG DUY ĐỨC	22/11/1999	29002295	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.20
LÊ HỒNG QUÂN	01/02/1999	29028033	Toán: 5.40 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 2.80
VÕ ĐÌNH DŨNG	24/07/1999	29003751	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.00
LỮ THỊ ANH	14/07/1999	29024910	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ NGỌC	02/04/1999	29021958	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 4.00
PHẠM THỊ SÁNG	20/11/1998	29030261	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ DIỆU QUỲNH	14/05/1999	29026479	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 5.20
ĐẶNG THỊ HOÀI	15/09/1999	29009133	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.17 Tiếng Anh: 4.00
LÊ THỊ HIẾU	15/06/1999	29000684	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.42 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN THỊ LÝ	04/11/1999	29006083	Toán: 4.20 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 3.25
PHAN THỊ LINH CHI	18/07/1999	29029745	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ TRÀ MY	26/09/1999	29023900	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THẾ ĐÔ	07/06/1998	29021461	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.00
TRƯƠNG THỊ NHUNG	27/09/1999	29030176	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN NGỌC KHÁNH	06/08/1999	29003941	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ CHI	13/05/1999	29027199	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.60

NGUYỄN THỊ THẢO	24/08/1999	29012393	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN VĂN DUY	06/05/1999	29029788	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.60
DƯƠNG THỊ THUỖ LINH	03/05/1999	29024395	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.20
CAO THỊ KIM THOA	27/11/1999	29013744	Toán: 5.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 4.80
LƯƠNG TIẾN ĐẠT	29/05/1999	29025386	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 9.50 GDCD: 8.00 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 3.20
THÁI MINH QUÂN	12/09/1999	29020419	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 1.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 2.83 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN DOÃN DƯƠNG	25/04/1999	29026009	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 4.00
ĐẬU ĐỨC THUẬN	15/08/1997	29016023	Toán: 8.00 Ngữ văn: 9.25 Vật lí: 5.00 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN SỸ TÀI	14/01/1999	29021284	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	15/04/1999	29026183	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 8.50 Sinh học: 9.25 KHTN: 7.75 Tiếng Anh: 6.20
LÊ ĐỨC NHẬT	10/06/1999	29004063	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 2.00
VŨ THỊ HẰNG	16/10/1999	29014406	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ TRÀ	29/08/1999	29022543	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.00
THÁI BÁ HÙNG VƯƠNG	17/02/1998	29006244	Toán: 3.20 Vật lí: 2.50 Hóa học: 4.00 Tiếng Anh: 3.60
HỒ HỮU NGỌC	06/02/1999	29000430	Toán: 1.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN TÂM	28/08/1999	29007981	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 3.00
VƯƠNG VŨ NGỌC HÂN	17/02/1999	29006359	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.20

NGUYỄN THỊ THUỶ TRANG	29/01/1999	29018216	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ KIỀU TRANG	08/04/1999	29003535	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 7 Tiếng Anh: 5.20
HOÀNG ĐÌNH TRUNG	30/11/1999	29030851	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ THẢO	30/09/1999	29015135	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 4.40
HOÀNG VĂN HƯNG	22/04/1999	29016704	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 3.40
HÀ VĂN MẠO	30/06/1999	29014050	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ DUNG	04/06/1999	29002266	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 8.75 Sinh học: 9.50 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 4.60
HOÀNG THẾ SÁNG	01/01/1999	29009257	Toán: 8.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 8.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 2.50 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN NGỌC TRANG	16/10/1997	29030802	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 2.80
BÙI ĐỨC KHOA	09/06/1996	29024787	Toán: 5.40 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 7.00 KHTN: 6
CAO THỊ DIỆP LINH	19/05/1999	29005720	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN QUỐC VƯƠNG	10/08/1999	29022666	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 1.60
NGUYỄN THỊ THÙY LINH	24/10/1999	29027959	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 2.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.5 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 7.00
NGUYỄN THỊ NGÂN	19/04/1999	29027476	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.00
HOÀNG VĂN CHÍ	04/09/1999	29010720	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.00
THÁI THỊ NỤ	02/11/1999	29005816	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.80
LƯƠNG THỊ NGỌC HÀ	01/04/1999	29014934	Toán: 7.80 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 2.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 7.25 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 2.80
HỒ THỊ YẾN	06/06/1998	29014866	Toán: 8.20 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.75

TRƯƠNG THỊ HẠNH	09/10/1999	29028379	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ THUÝ	25/04/1999	29003518	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN HỮU TÚ	07/03/1999	29013416	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 9.75 Hóa học: 9.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN NHẤT THÔNG	20/01/1998	29024583	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG ĐỨC HẬU	07/07/1999	29017916	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 4 Tiếng Anh: 2.40
LÊ THỊ YẾN	22/06/1999	29018325	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 5.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM MINH TÚ	10/09/1999	29008479	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG MINH DUY	26/03/1999	29023659	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 8.60
HỒ CHÍ HƯNG	13/11/1999	29015702	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.00 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN LÊ HÀ TRANG	24/09/1999	29024632	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG THỊ HIỀN	23/09/1999	29010394	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN VĂN HỢP	28/09/1999	29009145	Toán: 10.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 4.80
THÁI THỊ HUỆ	06/09/1999	29029960	Toán: 5.40 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 6.75 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.40
TRƯƠNG THỊ XINH	04/07/1999	29004846	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG TRẦN TRUNG HIẾU	07/11/1999	29018459	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ VÂN	15/03/1999	29016551	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VĂN VINH	02/01/1999	29004835	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 3.00

VÕ XUYỀN VIỆT	22/11/1993	29021533	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.75
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	25/03/1999	29030208	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ HẢO	25/10/1999	29029473	Toán: 9.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.75 Sinh học: 8.00 KHTN: 8.83 Tiếng Anh: 5.20
HOÀNG THANH HÒA	27/09/1999	29003870	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.40
TRƯƠNG THỊ TUYẾT	09/10/1999	29012529	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.92 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN THỊ NGUYỆT	21/07/1999	29021206	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 9.25 GDCD: 9.25 KHXH: 8.67 Tiếng Anh: 9.80
LÔ THỊ THÙY	07/11/1999	29025700	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 5 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỤY HUY	02/02/1998	29001771	Toán: 7.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 8.00
TRẦN ĐẠI DƯƠNG	22/03/1999	29007834	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.25 KHTN: 2.67 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.50 GDCD: 7.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.00
LỮ THỊ MAI	20/08/1999	29008344	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.00 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	03/04/1999	29007656	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 8 Tiếng Anh: 5.20
VY THỊ HUYỀN	09/09/1999	29012114	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.00 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 2.40
HỒ THỊ QUỲNH TRANG	22/10/1999	29009309	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.80
PHẠM SỰ ĐÔNG DƯƠNG	17/10/1999	29006311	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 4.40
VI VĂN DUY	21/04/1999	29003084	Toán: 1.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.80
LÔ TÚ HẬU	20/06/1999	29020634	Toán: 1.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.25 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 2.40
CHU THỊ HUẾ	22/03/1998	29019437	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.50 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.60

NGUYỄN VĂN THÀNH	21/03/1999	29017514	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.60
TRƯƠNG VĂN THEN	26/01/1999	29016386	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.75 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 2.60
LÊ THỊ GIANG	05/01/1999	29001292	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ XUÂN	10/08/1999	29020546	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 2.00 KHTN: 3.58 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.20
LƯƠNG THỊ NAM	26/10/1999	29013653	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.80
DƯƠNG NGỌC HIỆP	11/04/1999	29030459	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN THỊ GIANG	12/08/1999	29002306	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN VĂN ĐOÀN	27/10/1999	29002802	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.33 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.20
HỒ THỊ MINH	27/08/1999	29018609	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.20
HỒ HỮU THI	26/12/1999	29016387	Toán: 4.80 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.50 KHXH: 8.5 Tiếng Anh: 3.60
LÔ VĂN BẰNG	02/04/1999	29025357	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.25 KHXH: 8.58 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN TRỌNG ĐÀN	29/01/1999	29022226	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 1.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN ĐỨC ĐÔ	21/02/1999	29007835	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.58 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.60
LÔ VĂN THẮNG	18/09/1999	29008449	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 3.50 GDCD: 4.75 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN VĂN NGỌ	28/02/1999	29002851	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 7.20
TRẦN QUỐC HƯNG	16/12/1999	29026833	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.17 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 4.20
PHẠM THỊ HOA LÀI	11/06/1999	29012804	Toán: 6.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 7.40

TRẦN VĂN HÀO	10/02/1997	29015935	Toán: 1.80 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.00 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.58 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.00
NGÔ QUANG TRỌNG	27/08/1998	29017786	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 2.75 GDCD: 6.00 KHXH: 4 Tiếng Anh: 2.80
CAO THỊ HỒNG LAM	12/07/1999	29019512	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN ĐÌNH THÀNH	20/10/1998	29007750	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THẾ NGUYỄN	06/12/1999	29029154	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.00
ĐẬU THỊ THẨM	22/12/1999	29023513	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.50
PHAN SỸ ĐẠT	20/07/1999	29022236	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 8.00 KHTN: 7 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	15/05/1999	29026968	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN ĐĂNG TUẤN	25/12/1999	29017039	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 8.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 2.80
VƯƠNG KHÁNH PHƯƠNG	28/08/1999	29027539	Toán: 4.60 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ HOÀI	10/05/1999	29029926	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 5.20
LÊ THỊ DUNG	21/10/1999	29000087	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.50 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ THU HAY	27/09/1999	29010382	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN THỊ TRÂM	10/10/1999	29000592	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 5.20
PHẠM TÚ LINH	03/08/1999	29015013	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 8.00
NGUYỄN HỮU GIÁO	13/11/1999	29023163	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 9.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 3.20
LƯƠNG THẾ TUẤN	25/07/1998	29029410	Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 9.50
TRẦN THỊ THÚY	22/09/1999	29021347	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.25 Sinh học: 1.50 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.00

NGUYỄN THỊ MINH	18/01/1999	29015869	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN TRỌNG LỢI	11/03/1998	29008813	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 5.50 KHXH: 3.83 Tiếng Anh: 2.80
ĐẶNG THỊ THƯƠNG	04/06/1999	29002625	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ MƠ	07/08/1998	29001508	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN HỮU KIÊN	18/10/1998	29022326	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN NGỌC HIẾU	14/06/1999	29026099	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 8.75 Sinh học: 6.00 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 9.80
TÔ THỊ KIM GIANG	24/03/1999	29026042	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 8.40
NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	20/10/1998	29021824	Toán: 3.60 Ngữ văn: 2.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.40
TRƯƠNG THỊ HUYỀN TRANG	23/10/1999	29000588	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 1.80
XÔNG BÁ CHỐNG	20/09/1999	29008184	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN TUẤN ANH	11/03/1996	29026604	Toán: 4.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.50
NGUYỄN THỊ NHUNG	02/07/1999	29019904	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 3.60
HỒ SỸ TẤN	09/02/1999	29008929	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.00
THÁI NGUYỄN YẾN NGỌC	11/12/1999	29026382	Toán: 2.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.75 KHXH: 8.83 Tiếng Anh: 5.20
VŨ THỊ LÊ	05/08/1999	29006448	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VĂN SƠN	03/07/1999	29005883	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.60
DƯƠNG THỊ CÚC	18/09/1999	29027215	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.80

LÊ MAI TRANG	09/09/1999	29028147	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 8.25 Hóa học: 9.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 7.67 Tiếng Anh: 5.00
ĐẬU THỊ HÀ	16/08/1998	29015934	Toán: 6.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.25
NGUYỄN NGỌC BĂNG	05/10/1999	29017832	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 4.00
PHẠM HỒNG LINH NI	28/06/1999	29026419	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 7.80
NGUYỄN ĐÌNH TRUNG	22/02/1999	29022594	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.40
BÙI NGỌC TRÂM	14/08/1999	29015264	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.60
BÙI THỊ HẰNG	24/04/1999	29003822	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN HỮU SÁNG	27/06/1999	29009867	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.50 Sinh học: 6.00 KHTN: 7.67 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ NHO	10/01/1997	29019766	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.75 Tiếng Anh: 4.20
PHAN THỊ HUYỀN	10/09/1999	29001964	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 5 Tiếng Anh: 4.20
LÊ THỊ KIM ANH	07/12/1999	29012612	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 6.75 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 4.80
ĐINH VĂN HÙNG	10/11/1999	29023773	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN QUANG ĐỨC	22/07/1998	29022107	Toán: 2.20 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.00
ĐÀO VĂN BẮC	06/07/1999	29001834	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN VĂN HOÀNG	07/06/1999	29004445	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 7 Tiếng Anh: 3.60
THÁI THỊ HOÀN	17/07/1999	29001399	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN HIỀN	10/03/1999	29021733	Toán: 3.20 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ XUÂN	01/10/1999	29016573	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 3.25 GDCD: 6.50 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.60

CAO NGUYỄN LY LY	26/03/1999	29023872	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 7.40
TRẦN HIẾU NGHĨA	12/01/1998	29025559	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.25 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.00
CẦM THỊ NGUYỆT	09/06/1999	29003221	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.40
LÊ VĂN HOÀNG	10/10/1999	29019419	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.80
CAO XUÂN THỨC	10/08/1999	29003523	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN XUÂN CHÂU	09/01/1999	29016099	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 8.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ NHẬT LINH	09/06/1999	29010491	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ LÝ	25/07/1999	29030087	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.00 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 3.20
VÕ THỊ KHÁNH HUYỀN	27/02/1999	29000291	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN VĂN SƠN	19/08/1998	29017753	Toán: 4.20 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.00
LÊ QUÝ ĐÔN	17/09/1999	29003771	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 4.00
LÊ THỊ MỸ HẠNH	06/06/1999	29016602	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 6.00
HOÀNG VIỆT TRUNG	13/03/1999	29009332	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 9.25 GDCD: 8.50 KHXH: 8.5 Tiếng Anh: 3.80
LÔ THỊ CHIẾN	10/12/1999	29003056	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.20
PHẠM THỊ KIỀU	01/01/1999	29002450	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 1.40
DƯƠNG THỊ HUYỀN	25/01/1999	29028454	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN THỊ BÔNG	11/11/1999	29028875	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.60

HOÀNG ANH DƯƠNG	30/07/1999	29026008	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN THỊ QUỲNH MY	23/11/1999	29018051	Toán: 9.00 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 5.80
BÙI THỊ LAM	04/12/1998	29003638	Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 9.75
VÕ THỊ THÙY TRANG	05/08/1999	29021390	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.50 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.80
LƯU THỊ DUNG	14/07/1999	29018387	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	30/08/1999	29024354	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 6.40
NGUYỄN XUÂN SÁNG	15/10/1999	29000506	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 5.50 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN TIẾN ANH	16/02/1999	29027164	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THÚC TRƯỜNG	26/12/1999	29022605	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 6.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.60
VI VĂN VY	28/07/1999	29014227	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.60
VÕ MINH QUANG	07/03/1999	29005229	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.40
BÙI THỊ HẬU	28/09/1999	29005621	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN VĂN VIỆT	07/03/1999	29019841	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.50
TRẦN MINH THÀNH	29/03/1999	29026960	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.20
VÕ THỊ HUYỀN	05/08/1997	29019723	Toán: 8.00 Ngữ văn: 9.25 Lịch sử: 9.50 Địa lí: 9.75
TRẦN HƯNG HIỆU	10/04/1996	29022112	Toán: 5.40 Vật lí: 3.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.83
NGUYỄN THỊ TRANG	01/10/1999	29020132	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN ĐÌNH MẠO	18/09/1999	29015859	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 9.25 Địa lí: 10.00 GDCD: 8.00 KHXH: 9.08 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN MẠNH CƯỜNG	23/12/1999	29009086	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 3.20

NGUYỄN SỸ THÁI	10/12/1999	29022066	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.40
BẠCH THỊ VUI	19/10/1999	29011861	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 2.75 GDCD: 7.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.80
NGÔ TRÍ TẠO	23/06/1999	29029235	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.60
VÕ THỊ HẠNH	04/01/1999	29030441	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 4.40
HOÀNG THỊ HÀ PHƯƠNG	28/07/1999	29026436	Toán: 7.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 8.60
TRƯƠNG HẢI NAM	09/01/1998	29019754	Toán: 3.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.58
HOÀNG THỊ HUYỀN	04/07/1999	29014480	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.40
TỔNG THỊ KHÁNH HÀ	21/10/1999	29008686	Toán: 2.80 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.75 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 4.20
HOÀNG THỊ NGỌC	16/07/1999	29028562	Toán: 4.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ HÀ ANH	13/06/1999	29009058	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 6.25 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 4.40
LÊ KHÁNH HUYỀN	13/12/1999	29026177	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 8.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 7.80
ĐẶNG THỊ QUỲNH TRANG	06/09/1999	29009302	Toán: 9.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 8.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 3.20
LÊ ANH TUẤN	20/08/1999	29018247	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN TUẤN ANH	05/08/1998	29028810	Toán: 7.40 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.50
TRẦN HUY HIỂN	10/04/1999	29017233	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN NGỌC HƯNG	13/02/1999	29007307	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN ĐÌNH MÃO	03/05/1999	29010963	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 3.40

NGUYỄN THỊ TRANG	17/04/1999	29021385	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 4.00
PHAN SỸ QUANG HUY	11/07/1999	29022301	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 4.00
MẠC THÚY KIỀU	21/12/1998	29013596	Toán: 1.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM CÔNG TUẤN	18/02/1999	29030903	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN TRUNG THU	03/11/1997	29024871	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50
NGUYỄN VĂN HÙNG	26/03/1999	29011350	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ NGÀ	08/06/1998	29007353	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 4 Tiếng Anh: 2.40
MOONG VĂN MẠNH	20/02/1998	29008555	Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.50
ĐINH HỒNG HẢI	10/02/1999	29028943	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ THU THƯƠNG	22/03/1999	29018193	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 5.80
DƯƠNG THỊ THU PHƯƠNG	24/04/1999	29021232	Toán: 9.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 9.25 Hóa học: 9.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 7.67 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN THỊ LÂM ANH	03/01/1999	29014876	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ NHUNG	01/10/1999	29018097	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 4.00
VÕ THỊ TRANG	29/10/1999	29002654	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 9.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.20
NGÔ THỊ HOÀI ANH	16/05/1999	29011894	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 8.00 Sinh học: 8.75 KHTN: 7 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ THƠM	25/04/1999	29020052	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 6.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 4.00
TRƯƠNG THỊ KHÁNH HẠ	14/07/1999	29012013	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 4.00

HỒ SỸ PHI	24/12/1999	29016867	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THẾ ANH	06/01/1997	29010043	Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25
NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	01/06/1999	29009658	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.00 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG THỊ THƠM	01/06/1999	29006627	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN LƯƠNG DUYÊN ANH	21/08/1999	29025878	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM THỊ HIỆP	24/10/1999	29019385	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN VŨ QUỐC THÁI	28/12/1999	29026955	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 2.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 4 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 5.00
PHAN THỊ TÚ	15/10/1999	29029648	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 4.60
VŨ THỊ CHÂU	27/03/1999	29003711	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.20
LÊ THỊ HOÀI	02/02/1999	29013558	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.60
LŨ THỊ NHÀN	10/03/1999	29014082	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 2.83 Tiếng Anh: 2.00
XÔNG BÁ CÔ	17/05/1996	29008197	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN HỒNG QUÂN	15/08/1999	29029200	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 1.20
TRẦN THỊ DUYÊN	17/12/1999	29028329	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN THƯỜNG	30/12/1999	29016445	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ KHÁNH HÒA	25/02/1999	29008726	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	04/12/1999	29020126	Toán: 8.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 9.60

HOÀNG VĂN ĐOÀN	26/03/1999	29000118	Toán: 4.00 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 5.75 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ TÂM	12/12/1998	29022058	Toán: 1.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.50 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ HỒNG	19/03/2000	29011342	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.00 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 6.00
MÙA BÁ CU	10/02/1999	29008200	Toán: 2.20 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.00 GDCD: 4.25 KHXH: 3.42 Tiếng Anh: 2.80
NGÔ SỸ HIẾU	26/08/1999	29026791	Toán: 8.20 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.33 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 5.00
TRẦN ĐỨC ANH	10/10/1999	29023591	Toán: 8.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 9.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN ĐĂNG QUÂN	20/10/1998	29024848	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.25 Sinh học: 2.00 KHTN: 2.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.75
NGUYỄN THỊ YẾN	17/10/1999	29002182	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN HỮU HÀO	23/07/1998	29026627	Toán: 8.20 Vật lí: 2.25 Hóa học: 9.00 Sinh học: 8.50 KHTN: 6.58
HOÀNG QUỐC HUY	06/08/1998	29019717	Toán: 1.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50
HỒ THỊ MINH	14/09/1999	29015866	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.20
CAO ĐÌNH PHÚC	28/02/1999	29005826	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ NGỌC TRÂM	25/06/1999	29007789	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN VĨNH HƯNG	17/11/1998	29030497	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 4.80
VŨ THỊ HUYỀN MY	09/05/1999	29017386	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.63 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.00 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 6.20
HỒ THỊ NHIÊN	22/10/1998	29017727	Toán: 7.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 8.25 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 6.20
ĐẬU THỊ LAN	15/02/1999	29005710	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.80

VÕ TUẤN ANH	29/01/1999	29027180	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 8.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN TRUNG LÂM	13/10/1999	29024386	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN SỸ CƯỜNG	15/08/1999	29002255	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.00
BÙI NGỌC THÀNH	08/08/1999	29018156	Toán: 5.40 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HƯỜNG	15/11/1999	29015720	Toán: 5.00 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.40
DƯƠNG XUÂN MẠNH	23/08/1999	29023880	Toán: 8.80 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 8.25 Sinh học: 6.25 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 5.00
CAO THỊ TÚ	19/05/1999	29006748	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.00 KHXH: 8.42 Tiếng Anh: 3.80
PHAN THỊ MỸ HÀ	23/05/1999	29005587	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 4.80
VI THỊ THƠ	18/06/1999	29020822	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THÁI THIÊN	09/03/1999	29003302	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.40
LÊ HOÀNG QUÂN	05/09/1999	29009247	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 8.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 2.80
VÕ VĂN NGHĨA	01/05/1999	29007053	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 1.60
NGUYỄN THỊ THANH THÙY	19/10/1999	29026995	Toán: 8.40 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 8.80
NGÔ ĐÌNH DŨNG	06/06/1999	29004931	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 4.80
ĐẬU THỊ THỦY	21/06/1999	29005945	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 6.40
NGUYỄN THỊ OANH	14/07/1999	29010591	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN THỊ THUỖ MỸ	04/11/1999	29019613	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.25 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 4.40

NGUYỄN HỮU HIẾU	02/11/1998	29015617	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM THỊ ĐOÀI	04/07/1999	29011988	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.00
THÁI THỊ HỒNG VÂN	11/10/1999	29002159	Toán: 6.80 Ngữ văn: 8.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 5.80
BÙI VĂN CƯỜNG	12/01/1999	29021598	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.40
HỒ THỊ NGÀ	11/11/1999	29015894	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HOÀI THƯƠNG	02/10/1999	29026526	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 7.80
NGUYỄN THỊ HUYỀN	05/08/1999	29022305	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 10.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 7.83 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN XUÂN THIỆN	13/04/1996	29021518	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25
NGUYỄN THỊ SƯƠNG	15/03/1999	29010632	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 4.00
LƯƠNG NGỌC LINH	17/08/1999	29017338	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 5.75 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.80
PHẠM VĂN SỸ	12/02/1999	29004609	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 3.80
ĐẶNG VĂN THÀNH	16/01/1998	29008936	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN HẠNH NHI	06/02/1999	29027501	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN VĂN KHẢI	19/03/1999	29030013	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 3.20
NGÔ THỊ THẨM	17/01/1998	29004179	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.60
MAI THỊ KHÁNH LY	07/06/1999	29025127	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 4.40
LÊ SỸ ANH QUÂN	25/10/1999	29015068	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 6 Tiếng Anh: 2.60

ĐINH THỊ HÀ	04/03/1999	29028932	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ LƯƠNG	20/12/1999	29000717	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 9.00 Hóa học: 8.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 7.08 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN THỊ QUỲNH	11/11/1999	29012339	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 9.25 GDCD: 9.50 KHXH: 8.75 Tiếng Anh: 7.00
NGUYỄN THỊ LỢI	10/02/1999	29022880	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN HỮU PHÚC	28/07/1999	29023963	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 6.20
PHAN VIỆT LONG	04/09/1998	29030064	Toán: 1.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ THÚY HIỀN	10/08/1999	29001917	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ HÀ	19/09/1999	29018423	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ KHÁNH	29/06/1998	29019502	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 1.80
TRẦN VĂN MINH	22/10/1994	29009022	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75
NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG	13/10/1999	29012476	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN HUY THỂ	14/09/1999	29016961	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.25 KHTN: 2.83 Tiếng Anh: 2.60
BÙI THỊ NHUNG	01/07/1999	29018094	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 6.75 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN DU TÀI	10/01/1999	29016931	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 9.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 7 Tiếng Anh: 4.20
VÕ THỊ NGỌC LAN	19/11/1999	29006996	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN DANH TUẤN	16/03/1999	29030908	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG THỊ CẨM TÚ	18/11/1999	29007796	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.20

PHAN THỊ TRÂM	23/10/1999	29029328	Toán: 5.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 7.60
NGUYỄN VŨ HOÀNG TUYẾN	20/07/1999	29023403	Toán: 6.80 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 5.20
PHAN MINH HUY	02/03/1999	29018505	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.40
VŨ THỊ LINH	12/04/1999	29020343	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.42 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN PHƯƠNG DUNG	03/09/1999	29007241	Toán: 5.00 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN VĂN TÚ	27/09/1999	29029649	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.75 KHXH: 8.75 Tiếng Anh: 3.00
LÔ THỊ NHƯỖN	07/07/1999	29008389	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN VĂN THUYỀN	10/02/1999	29021349	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VĂN TRUNG ĐỨC	19/06/1999	29021674	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.50 GDCD: 7.00 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 2.80
HỒ THỊ KHÁNH	02/02/1999	29012798	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 8.40
HOÀNG THỊ HỒNG HẠNH	10/07/1999	29006008	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25
NGUYỄN THANH GIA	19/05/1999	29027266	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.60
ĐINH THỊ THANH TRÚC	06/12/1998	29004295	Toán: 8.40 Hóa học: 6.50 Sinh học: 7.25
LÊ THỊ THÙY	04/11/1999	29011083	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	20/12/1999	29005297	Toán: 9.60 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 8.50 Sinh học: 9.25 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ UYÊN	11/02/1999	29007485	Toán: 5.60 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 4.20
PHẠM THỊ MAI TRANG	30/07/1999	29028159	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.40

PHAN TRỌNG MINH HIẾU	06/12/1999	29009127	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN HỮU HẢI LINH	06/11/1999	29003442	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 3.00
ĐẬU THỊ SEN	13/06/1999	29016301	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 5.50 KHXH: 3.92 Tiếng Anh: 4.60
HOÀNG THỊ HUYỀN	08/01/1998	29008076	Toán: 7.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.25
LÊ KHẢ PHIÊU	27/04/1999	29005822	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.75 KHXH: 8.5 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN QUANG THÁI	13/10/1999	29003495	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 3.60
LÊ VĂN TUẤN	16/10/1999	29012516	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.80
PHAN XUÂN ANH	12/06/1993	29029343	Toán: 3.20 Vật lí: 2.25 Hóa học: 4.00
PHAN THỊ DIỄM QUỲNH	26/08/1999	29027569	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 5.40
PHAN HỮU TIẾP	03/09/1998	29024875	Toán: 9.20 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.50
PHAN VĂN PHÚ	11/11/1998	29029564	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN NGỌC LINH TRANG	05/08/1999	29028731	Toán: 8.80 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 8.00
HÀ THỊ HỒNG ANH	27/09/1999	29003688	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ THU HÀ	08/03/1999	29022253	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN TRẦN HỒNG NHUNG	18/08/1999	29018645	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.20
HUỐNG THỊ DIỆN	13/04/1999	29013898	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 6.25 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN HỮU TRƯỜNG	16/06/1999	29009341	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ THẮNG	07/01/1999	29028675	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 6.60

HOÀNG NGHĨA PHƯỚC	02/02/1998	29019779	Toán: 7.80 Hóa học: 7.75 Sinh học: 8.00
NGUYỄN THỊ NGUYỄN	20/05/1999	29006530	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN ĐÌNH KIÊN	22/08/1999	29025091	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ THƯỜNG	09/06/1998	29001169	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25
LÊ ĐĂNG ĐẠT	21/04/1999	29017877	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.60
LÊ ĐÌNH ĐẠT	29/10/1999	29000113	Toán: 2.20 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GD CD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ THANH	19/05/1999	29001616	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.00 GD CD: 7.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.20
LÊ HỒNG THÁI	19/07/1999	29004159	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25 GD CD: 6.25 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.80
LÊ CẢNH PHÚC	26/12/1999	29024836	Toán: 2.00 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.50
THÁI THỊ VÂN OANH	13/06/1999	29009813	Toán: 7.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN TRỌNG LƯU	12/04/1999	29030542	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 6.25 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ HỒNG LINH	02/02/1999	29005111	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GD CD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN THỰC ANH	04/09/1999	29024921	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 2.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 7.00
THÁI VĂN LÂM	03/11/1999	29019520	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 9.25 Địa lí: 9.25 GD CD: 7.50 KHXH: 8.67 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ LINH CHI	23/02/1999	29003357	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.17 Tiếng Anh: 4.00
PHAN THỊ HẢI	07/12/1999	29010369	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.25 GD CD: 8.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THÙY DUNG	30/09/1999	29012675	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 4.20

NGUYỄN ĐÌNH HIỆP	25/01/1999	29000682	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 2.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.83 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 5.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.40
TRƯƠNG THỊ TRANG	02/06/1999	29015259	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.25 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	26/04/1999	29000630	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.33 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.50 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN QUANG PHƯƠNG	14/03/1999	29002043	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 6.75 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN VĂN TÌNH	05/02/1999	29030779	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG THỊ DUNG	11/09/1999	29017137	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG THỊ BÌNH	13/03/1999	29012648	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 2.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 6.75 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 2.40
VÕ TRƯỜNG LINH	05/10/1999	29009192	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 2.20
HÀ VĂN MỸ	19/05/1999	29011417	Toán: 2.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM TRỌNG ĐIẾP	22/02/1999	29007582	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.00 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	19/03/1999	29027361	Toán: 5.40 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 6.20
TRƯƠNG THỊ UYÊN	15/02/1999	29019095	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 9.25 GDCD: 8.75 KHXH: 8.67 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN LINH	20/06/1999	29021880	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN NHẬT HUY	31/03/1999	29023792	Toán: 7.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM ÁNH DƯƠNG	26/11/1999	29015495	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VĂN CHÂU	29/11/1999	29010275	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.40
LÊ CÔNG DŨNG	10/05/1999	29018750	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 2.40

HOÀNG VĂN GIÁO	20/05/1999	29030430	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 2.40
TRƯƠNG THẾ TRƯỜNG	18/09/1999	29005385	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.60
ĐINH TIẾN THÀNH	13/02/1997	29008124	Toán: 7.80 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.50
HÀ THỊ NHƯ QUỲNH	01/11/1999	29009857	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	16/02/1999	29008404	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.20
PHAN BÁ TRƯỜNG	26/08/1998	29021527	Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 9.00
PHẠM VIẾT CHÍNH	20/08/1999	29022723	Toán: 4.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 9.75 GDCD: 9.00 KHXH: 9.17 Tiếng Anh: 5.20
CAO THỊ LINH	01/01/1999	29012162	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.08 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.60
ĐẶNG KHẮC LINH	11/03/1999	29019532	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.60
TRƯƠNG THỊ HẰNG	07/10/1999	29019363	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.25 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.80
NGÔ THỊ TRANG	26/11/1999	29029629	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 9.00
CAO ĐÌNH NHẬT	24/05/1998	29006111	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.75
BÙI HOÀI NAM	14/03/1999	29005157	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN BÁ DUNG	14/10/1999	29015480	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.00
HỒ THỊ OANH	09/07/1999	29016225	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ CẨM NHUNG	20/02/1999	29000455	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.25 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ YẾN	15/05/1999	29002687	Toán: 6.40 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 5.80
HÀ THỊ LƯƠNG	20/08/1999	29013627	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.80

LÊ THỊ HẰNG	02/04/1999	29019354	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 2.00
LÊ THỊ HOA	24/12/1999	29012752	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.00 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 4.60
VÕ ĐÌNH PHÚC	26/09/1998	29006124	Toán: 6.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50
PHẠM THỊ KIỀU LOAN	16/08/1999	29020345	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 4.00
PHẠM VĂN TRUNG	30/01/1999	29003552	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.20
ĐẶNG THỊ NGỌC	05/08/1998	29001089	Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 9.75 Địa lí: 10.00
NGUYỄN NAM KHÁNH	16/06/1999	29025085	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ HƯƠNG GIANG	23/10/1999	29024259	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG XUÂN CƯỜNG	28/12/1999	29018379	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	15/05/1999	29023807	Toán: 9.00 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 5.80
TRẦN ĐÌNH LỢI	18/01/1999	29015821	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 9.25 GDCD: 7.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ OANH	12/11/1999	29019918	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ THAO	23/03/1999	29022432	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 4.60
VI THI PHƯƠNG THẢO	05/08/1996	29008572	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.50
LÊ THỊ LÝ	01/11/1999	29010516	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN HOÀNG HẢI	03/02/1999	29007846	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 8.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 3.80
MAI TRƯỜNG SƠN	14/10/1999	29016310	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 1.40
PHẠM HÙNG VƯƠNG	06/03/1999	29018313	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 2.80

THÀNH ANH THỊNH	19/01/1999	29020038	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.40
ĐINH BẠT HÓA	28/02/1997	29007871	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 3.20
LÊ THỊ HỒNG HẠNH	23/11/1998	29009008	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.00 Tiếng Anh: 6.60
VÕ HỮU DŨNG	04/10/1999	29022218	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 3.00
KHA VĂN HÙNG	29/09/1999	29020660	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ NGỌC	10/09/1999	29010980	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 2.40
HOÀNG HỮU NHẬT	06/07/1999	29011737	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG THỊ MAI QUỲNH	26/08/1999	29012331	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	08/02/1999	29005840	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.50 KHXH: 4.08 Tiếng Anh: 5.00
ĐINH XUÂN HIẾU	28/04/1999	29009584	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.00
HỒ VĨNH NGHĨA	12/07/1999	29017407	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN NGỌC DƯƠNG	11/01/1999	29004938	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.60
ĐẶNG MẠNH DẦN	11/01/1999	29008050	Toán: 3.00 Ngữ văn: 2.25 Vật lí: 1.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.25 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.50
NGUYỄN HỮU NHÂN	11/11/1998	29011439	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VĂN ĐĂNG	23/10/1999	29015508	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 5.50 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.20
ĐẬU THẾ DIỆU	03/02/1999	29027850	Toán: 6.20 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 3.00
LẠI THỊ TRUNG	15/05/1999	29030853	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.60

HOÀNG THỊ HẰNG	05/09/1999	29003824	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.80
LẦU BÁ BA	17/01/1999	29008149	Toán: 5.00 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN DŨNG	04/07/1999	29008652	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN KHÁNH	18/12/1999	29016727	Toán: 5.00 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.80
LŨ THỊ KIM	25/09/1999	29013597	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.60
ĐÀM THỊ TRANG	19/05/1999	29012951	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ LINH	10/12/1999	29003445	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN SỸ TUẤN	25/12/1999	29019065	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.40
VY VĂN TOÀN	10/06/1998	29014849	Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.25
PHẠM PHƯƠNG NAM	16/11/1999	29030123	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 6.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN NGỌC DIỆP	31/08/1999	29024962	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 6.60
NGUYỄN VĂN TRIỀU	27/10/1999	29027064	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.08 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.00
VÕ VĂN HIẾU	27/04/1999	29009590	Toán: 8.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 9.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN ĐĂNG HÙNG	22/05/1999	29000693	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.42 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 6.60
BÙI ĐÌNH PHONG	26/06/1999	29007380	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 3.40
LƯƠNG VĂN CƯƠNG	29/05/1998	29014759	Toán: 2.80 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.50
NGUYỄN ĐỨC BÌNH	20/09/1999	29005962	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.58

NGUYỄN VŨ TÙNG	22/11/1999	29018266	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.25 Hóa học: 9.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 7 Tiếng Anh: 4.40
CHU ĐÌNH TRUNG	25/10/1997	29013403	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 2.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 6.25 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 1.40
VY THỊ ĐỨC	02/01/1999	29014371	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.40
VÕ VĂN THẮNG	06/09/1999	29000811	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.58 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 4.50 KHXH: 3.75 Tiếng Anh: 3.60
VÕ TRỌNG QUANG	24/11/1999	29023305	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN DUY THÔNG	05/06/1999	29024063	Toán: 8.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 8.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN TRỌNG ĐẠT	05/05/1999	29021650	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.75 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN HỒNG ĐỨC	19/10/1999	29012715	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 2.60
LƯƠNG VĂN QUYẾT	15/05/1999	29011024	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ NHẢ UYÊN	24/12/1999	29024680	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 6.80
SẦM VĂN ĐẠT	27/05/1999	29013917	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN HỮU ĐÀN	01/05/1999	29028909	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ ANH ĐÀO	10/03/1999	29014915	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.67 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.60
VÕ THỊ VY	03/03/1998	29011573	Toán: 5.80 Vật lí: 2.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.33
PHẠM CÔNG HIẾP	23/12/1999	29001005	Toán: 2.80 Ngữ văn: 2.75 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.25 Sinh học: 2.00 KHTN: 2.33 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.50
TẠ THỊ THU PHƯƠNG	09/02/1999	29025593	Toán: 2.60 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ THANH HÀ	01/06/1999	29021697	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 5.40

NGUYỄN THỊ HÒA	12/07/1999	29027325	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.60
VƯƠNG ĐẢO HOÀNG	09/04/1999	29019426	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.00
ĐẶNG THỊ CẨM HẰNG	28/12/1999	29023171	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN VĂN TÚ	07/11/1999	29013415	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 5.20
HOÀNG THỊ VÂN ANH	17/07/1999	29008592	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.75 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.40
LÊ VĂN TRƯỜNG	15/01/1998	29005461	Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.50
TRẦN THỊ KIM CHI	03/08/1999	29024948	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG THỊ TRÚC	30/09/1999	29001704	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 9.25 GDCD: 8.50 KHXH: 8.67 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN VĂN QUÝ	11/10/1998	29004583	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.92 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 9.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.40
CAO THỊ HẬU	17/08/1999	29005622	Toán: 1.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.80
LANG VĂN ĐỨC	05/06/1999	29013514	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ TRÀ MY	21/10/1999	29008837	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.00
LƯƠNG THÀNH LỢI	23/11/1999	29014035	Toán: 6.80 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 6.50 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 3.00
TRỊNH THỊ TRANG	03/03/1999	29019020	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.20
ĐINH NGỌC TUẤN	07/11/1999	29024662	Toán: 1.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.50 GDCD: 6.00 KHXH: 4.08 Tiếng Anh: 3.20
LÊ HẢI SÂM	05/09/1999	29006585	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 6.25 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ CHUNG	05/10/1999	29003717	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.60

LÊ THỊ HỒNG NGỌC	17/04/1999	29002853	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 9.00 Sinh học: 9.25 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 4.60
VÕ THỊ NHƯ QUỲNH	27/05/1999	29022034	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN QUANG NHẬT	29/12/1999	29003226	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.60
LÊ THỊ KIỀU OANH	26/01/1999	29025580	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.40
HỒ SỸ NHẬT TÚ	18/05/1999	29006752	Toán: 1.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HUYỀN	16/03/1998	29003924	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.00
LƯU VĂN CÔNG	14/03/1999	29019240	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 9.75 GDCD: 9.00 KHXH: 9.25 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THẾ QUYẾT	26/06/1999	29011473	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 5.60
LÊ THỊ LUẬN	07/09/1999	29012197	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ UYÊN	03/12/1999	29019092	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.60
BÙI TRUNG KIÊN	15/05/1999	29015735	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.80
LÊ KHÁNH LINH	08/01/1999	29025104	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 6.00 KHTN: 5 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG	08/03/1999	29002982	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ NGỌC HUYỀN	20/06/1999	29021825	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 9.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.20
VŨ THỊ THUÝ AN	16/03/1999	29017081	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 9.25 KHXH: 8.42 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN ĐIỀU THÚY	03/03/1999	29021345	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.60
HỒ VĂN KHÁNH	09/11/1999	29009673	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 2.20

LÊ THỊ HOÀNG	27/04/1999	29013563	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN Y YẾN	06/06/1999	29025849	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ HIỀN	23/03/1999	29013132	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.25 KHXH: 4.25 Tiếng Pháp: 1.60
NGUYỄN HỮU ĐẠT	17/04/1999	29014921	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN ĐỨC MẠNH	14/06/1999	29010962	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ XUÂN	26/02/1999	29016574	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.60
TRƯƠNG CÔNG HÒA	26/03/1998	29019707	Toán: 8.80 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.75
HOÀNG VĂN ĐIỀU	17/07/1999	29015512	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 4.20
VĂN THỊ HÓA	19/12/1999	29021771	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ VÂN	20/08/1999	29005412	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 4.60
CỤT QUANG TRUNG	09/12/1999	29020854	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.33 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 4.00
VI VĂN QUANG	27/01/1999	29019951	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN THỊ TRANG	24/02/1999	29009983	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 3.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ NGÀ	06/01/1999	29018622	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HIỀN	20/01/1999	29018787	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 5 Tiếng Anh: 1.40
LƯƠNG THỊ HẰNG	01/09/1999	29003125	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG THỊ HIỀN	28/02/1999	29001915	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 4.20

NGUYỄN HÀ MY	10/09/1999	29015874	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.60
HOÀNG THỊ CHÂU	10/08/1998	29000944	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00
NGUYỄN HỮU CƯỜNG	10/12/1997	29010061	Toán: 8.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.00
TRẦN ĐÌNH HIỆP	17/03/1999	29020281	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 4.67 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ HÀ THƯƠNG	03/09/1999	29027005	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 8.00
CAO QUANG DẦN	12/12/1998	29011959	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.60
KHA VĂN CẢ	15/09/1998	29020960	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 5.75 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN ĐÌNH SỸ	08/09/1999	29016318	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.60
TRƯƠNG THỊ HIỀN	22/12/1999	29005633	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ THÙY LINH	05/09/1999	29026259	Toán: 8.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 10.00
HỒ VĂN BIÊN	20/11/1999	29013015	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.25
TRƯƠNG VĂN PHƯƠNG	05/06/1999	29011464	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.60
LÊ CHIÊU PHI	02/01/1999	29016868	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.60
BẠCH QUỐC TUẤN	14/08/1999	29026568	Toán: 8.80 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.75 Tiếng Anh: 4.40
VÕ THỊ XIÊM	22/07/1999	29022667	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.00 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.40
HÀ TÚ ANH	19/03/1999	29020552	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.75 GDCD: 5.50 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 3.60
TÔ VIẾT THIẾT	20/08/1999	29030708	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN THỊ HỒNG NHUNG	29/07/1999	29014677	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.80

NGUYỄN THỊ TRÚC	15/11/1999	29013402	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN ĐỨC NHẬT	17/06/1999	29023942	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 1.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN HỮU LĨNH	22/10/1999	29003982	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 9.75 GDCD: 6.25 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 2.60
VÕ VĂN TÀI	12/03/1998	29006160	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50
PHẠM VĂN HUỖNH	22/09/1999	29015700	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.40
VŨ TRỌNG HÒANG	20/09/1999	29026142	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 4.20
LÊ THỊ KHÁNH HOÀI	26/11/1999	29018481	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 4.20
LÊ SỸ HIẾU	25/02/1999	29019389	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.60
VÕ ĐỨC THẮNG	30/09/1999	29010672	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 2.40
PHAN THANH TÙNG	28/11/1999	29013434	Toán: 9.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ THÚY	02/01/1999	29000833	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 2.80
VÕ THỊ THƠM	04/01/1999	29023003	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN ĐẠI QUỐC	24/07/1999	29023996	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 9.25 Sinh học: 9.25 KHTN: 8.33 Tiếng Anh: 7.80
ĐẬU THỊ CẨM VÂN	15/10/1999	29024684	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 8.60
TRẦN THỊ HOÀI	27/04/1998	29021076	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ NGUYỆT	12/05/1999	29004546	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 2.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.5 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.60
PHAN THỊ HƯƠNG	08/01/1999	29019497	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 1.00 Địa lí: 3.25 GDCD: 6.50 KHXH: 3.58 Tiếng Anh: 2.60

NGUYỄN HỒNG SƠN	20/06/1999	29017485	Toán: 3.20 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.40
VI TIỂU PHƯƠNG	21/12/1999	29025209	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 2.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THÀNH CÔNG	02/08/1997	29017635	Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.75
NGUYỄN NGỌC OANH	07/08/1999	29010999	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 7.25 KHTN: 5.33 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.80
HỒ THỊ HOÀI THƯƠNG	24/11/1999	29010694	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.80
LÊ ĐĂNG HÙNG	20/02/1999	29001951	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 7.25 KHTN: 6 Tiếng Anh: 3.40
LÊ TUẤN ANH	01/07/1999	29017088	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN THỊ NAM	10/10/1999	29030568	Toán: 8.60 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 8.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 3.60
ĐỒNG VÂN THÚY HIỀN	29/11/1999	29024292	Toán: 8.00 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 8.60
NGUYỄN VĂN HÙNG	05/12/1998	29027340	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.20
TRỊNH XUÂN SƠN	10/03/1999	29029226	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.40
MAI VĂN THÔNG	01/06/1999	29004648	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.60
ĐẶNG NGỌC LINH	13/01/1999	29005103	Toán: 2.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.40
LÊ THANH TÙNG	31/01/1999	29019075	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN NGUYỄN	09/03/1999	29014646	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ HUYỀN	23/10/1999	29013182	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ NGÂN	15/01/1999	29005175	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 3.80

PHẠM THỊ TUYẾT	10/09/1999	29004799	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.20
VÕ THỊ HIỀN	20/10/1999	29009123	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.83 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN MẠNH TÚ	28/12/1999	29002995	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.60
CAO XUÂN CHÁNH	01/04/1999	29028299	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG HỮU TÀI	15/06/1997	29001800	Toán: 6.80 Vật lí: 7.25 Hóa học: 8.25
NGUYỄN THỊ LOAN	04/10/1999	29011393	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.50 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 3.00
LÊ HỮU PHƯỚC	02/12/1999	29007079	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN HOÀNG ĐỨC	22/06/1999	29010341	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 8.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG NĂNG ĐẠT	13/09/1999	29026014	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 8.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN LINH CHI	21/04/1999	29026740	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.50 KHTN: 3 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 7.80
LÊ TUẤN KHANG	28/04/1999	29029511	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.92 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.40
HỒ QUỲNH TRANG	20/06/1999	29017002	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 9.75 Sinh học: 9.50 KHTN: 7.92 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN VIỆT HƯNG	16/12/1999	29026832	Toán: 8.40 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.75 Tiếng Nga: 9.20
PHAN LÊ HOÀNG NGUYỄN	27/09/1999	29029554	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN MẠNH HÙNG	08/07/1999	29006399	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 7.20
HỒ QUANG TUẤN	18/06/1996	29019827	Toán: 7.40 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.00
NGUYỄN THỊ TUYẾT SƯƠNG	09/10/1999	29021281	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN CÔNG THẮNG	10/02/1996	29010189	Toán: 7.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.25

PHẠM THỊ TRANG	21/07/1999	29012962	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM THỊ MƠ	20/05/1999	29000409	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.80
PHẠM THỊ THANH	04/10/1999	29018155	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 4.00
VI THỊ MAI	11/12/1998	29012215	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.00
LƯƠNG THỊ NGUYỄN	28/01/1999	29013666	Toán: 1.60 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 5.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.60
ĐẶNG THỊ DUNG	24/02/1999	29021607	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.60
HOÀNG CÔNG BẢO	18/05/1999	29030382	Toán: 7.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM NGỌC THẮNG	12/03/1999	29024865	Toán: 3.40 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 4.50
NGUYỄN VĂN KỶ	26/07/1999	29021857	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ THÙY	09/10/1999	29020068	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN THỊ KHÁNH HUYỀN	11/12/1998	29010745	Toán: 7.60 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.25
HỒ THỊ DUYÊN	20/02/1999	29018395	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.40
HỒ THỊ HOÀI THU	09/11/1999	29015174	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN VÕ ANH QUÂN	20/12/1999	29023995	Toán: 9.00 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 5.20
LƯƠNG THỊ THU HẰNG	28/11/1999	29025026	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ THANH	10/05/1999	29020008	Toán: 3.00 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 9.50 GDCD: 8.50 KHXH: 9 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ TRANG	07/10/1999	29026550	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 8.00 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 5.20

HOÀNG HỒNG PHÚC	28/05/1999	29026914	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.5 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN VĂN QUÂN	14/04/1999	29000761	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 7.25 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 3.00
HẠ Y DUNG	10/10/1999	29025372	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.83 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VĂN ANH TUẤN	02/06/1999	29003004	Toán: 6.20 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 2.25 KHTN: 5 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN CÔNG ANH	14/04/1999	29008039	Toán: 2.80 Ngữ văn: 2.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.17 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.00
THÁI THỊ QUỲNH	02/05/1999	29030254	Toán: 1.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.60
PHAN HẠNH HUYỀN	01/10/1999	29015697	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 5.80
TRẦN VĂN CƯỜNG	06/06/1999	29011271	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.75 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.40
ĐOÀN QUỲNH TRANG	29/05/1999	29024096	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 2.25 KHTN: 6 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN THỊ LÂM	09/10/1999	29009178	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN HOÀNG THÙY DƯƠNG	11/08/1999	29004937	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 3.80
VI THỊ THÂN	11/10/1999	29013739	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.40
HỒ THU HOÀI	16/08/1998	29015635	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.80
TRẦN MINH TIẾN	15/12/1998	29028127	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 8.00
LÔ VĂN MẢO	15/02/1999	29013642	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ LAN	02/09/1999	29017316	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.00
HÀ THỊ HẰNG	08/10/1999	29022262	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.25 Tiếng Anh: 3.80

HỒ SỸ TUẤN	12/09/1996	29025332	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 8.75
NGÔ HỒNG NHUNG	29/03/1999	29026410	Toán: 7.00 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 7.40
PHAN THỊ NGỌC TRÂM	09/06/1999	29026555	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ THẨM	30/07/1999	29022437	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ THƯƠNG	03/03/1999	29024600	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 9.25 GDCD: 9.50 KHXH: 8.5 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ QUỲNH CHI	26/03/1999	29026739	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.42 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 4.00
HỒ THỊ TÂM	24/02/1999	29007115	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.60
PHAN THẾ BÁCH	26/10/1999	29029430	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.08 Tiếng Anh: 3.60
LÊ QUANG LẬP	20/08/1999	29019521	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.75 GDCD: 7.75 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.60
TRƯƠNG THỊ THANH TRÀ	12/01/1999	29004705	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 7.20
LÊ THỊ LÂM VY	09/06/1999	29027136	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 7.20
NGUYỄN CẢNH KỲ	21/03/1998	29030325	Toán: 8.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.50
HỒ THỊ QUỲNH	12/07/1999	29016916	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 4.00
SẦM VĂN QUÂN	13/08/1999	29014110	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ THẢO	10/06/1999	29018917	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.00 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.00
LÊ KHÁNH TUẤN	27/09/1999	29002666	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.80
ĐẶNG XUÂN SANG	20/02/1999	29007103	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.20
ĐẶNG VĂN HẢI	15/11/1999	29028940	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.60

HỒ XUÂN ĐỖ	15/10/1999	29016145	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 4.00
VI THỊ CHUNG	28/12/1999	29003360	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.5 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN XUÂN ÁNH	14/11/1999	29022713	Toán: 8.00 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 9.60
NGUYỄN THỊ PHI NHUNG	24/04/1999	29013277	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 6.25 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 7.40
BÙI THỊ HÀ	03/01/1998	29017188	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN HỮU CHINH	30/05/1997	29010055	Toán: 5.00 Vật lí: 1.75 Hóa học: 1.50
NGUYỄN THIẾT KẾ	03/03/1995	29026647	Toán: 7.80 Vật lí: 7.00 Hóa học: 8.00
NGUYỄN THỊ HỒNG LƯƠNG	03/08/1999	29024435	Toán: 8.60 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 8.40
NGUYỄN THỊ LÊ	10/08/1999	29016745	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 5.20
ĐẶNG BÁ UY	07/11/1999	29026580	Toán: 5.20 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 2.80
MAI THỊ LIÊN	26/06/1999	29015770	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN ANH SƠN	30/03/1999	29016926	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 3.40
BÙI THỊ KIM	08/07/1999	29018827	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ VÂN ANH	06/01/1999	29007209	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 4.60
PHAN VĂN ĐỨC	04/05/1999	29029461	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 8.00
NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	28/03/1999	29030173	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.50 GDCD: 7.00 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN SƠN	25/09/1999	29018703	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.80

LÊ THỊ HƯƠNG	08/08/1999	29009665	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN KHẮC TÀI	01/04/1999	29009883	Toán: 4.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.00
ĐẶNG VĂN QUỐC BẢO	01/09/1999	29001833	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỦY TIÊN	10/03/1999	29006658	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.75 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.20
CAO XUÂN HÂN	15/04/1998	29005442	Toán: 7.40 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.00
VĂN THỊ PHƯƠNG	28/02/1999	29016890	Toán: 8.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 9.40
TRẦN VIỆT ANH	08/10/1999	29006846	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN HÀM HIẾU	25/07/1999	29001925	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 2.25 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 4.80
NGÔ HOÀI CHUNG	08/11/1999	29012660	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 7.40
HOÀNG ĐẠI NGHĨA	04/06/1996	29027714	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 8.00
LÊ NHẬT LINH	24/10/1999	29026240	Toán: 9.20 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 9.40
ĐẶNG THỊ BÍCH NGỌC	18/01/1999	29030577	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ NHÂN	26/03/1999	29027492	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	02/07/1999	29007206	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 8.25 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 3.60
HỒ THỊ BÍCH	16/04/1999	29013877	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN KIM HẢI	07/02/1999	29002716	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.92 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00
HỒ THỊ HUYỀN	30/10/1999	29020665	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.40

HỒ THỊ NHUNG	11/11/1999	29004553	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 4.20
VÕ ĐÌNH THẮNG	13/01/1999	29012407	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.50 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 2.20
CAO THỊ THU HẰNG	27/01/1999	29005608	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 4.40
LÊ THỊ VY	15/08/1999	29015366	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 3.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.60
HỒ THỊ MÂY	06/09/1999	29004528	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN XUÂN TRUNG	22/02/1999	29011138	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 9.00 GDCD: 7.75 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN ĐÌNH QUANG HUY	10/07/1999	29023800	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN HỮU KHANG	10/04/1998	29015724	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.00
HỒ THỊ HƯƠNG THẢO	15/07/1999	29016948	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN THỊ SEN	23/09/1999	29002909	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 8.50 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN THỊ THU THẢO	12/02/1999	29026961	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.83 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.00 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ TRANG MÂY	03/03/1999	29030553	Toán: 5.00 Ngữ văn: 8.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THÀNH LUÂN	18/06/1998	29011706	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 2.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 4 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ THƠM	03/11/1999	29008002	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 4.60
PHẠM VĂN ĐỨC	20/09/1999	29019308	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG ĐÌNH QUANG	06/02/1999	29016264	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.50 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 6.00
ĐẶNG THỊ CẨM NHUNG	10/02/1999	29030587	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 4.20

NGUYỄN NGỌC TÂM	06/04/1998	29027597	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.40
ĐOÀN THỊ HIỀN	18/11/1999	29001344	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ CẦM	27/04/1999	29028298	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 7.50 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 4.20
ĐẶNG VĂN THÔNG	13/08/1999	29006624	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 4.80
CÙ XUÂN THẮNG	13/11/1998	29017761	Toán: 1.20 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.50
NGUYỄN HÀI HÒA	29/06/1995	29006023	Toán: 5.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.25
THÁI VĂN LÂM	22/10/1999	29007002	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN ĐÌNH HÙNG	16/12/1999	29027916	Toán: 8.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HUỆ	18/12/1999	29004454	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN ĐÌNH NAM	26/11/1999	29011422	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.80
LÊ THỊ TRÀ GIANG	18/07/1999	29006918	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN ANH TUẤN	01/01/1999	29018249	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.60
ĐẶNG BÁ TRƯỜNG	10/02/1999	29002144	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN VĂN SƠN	03/02/1999	29004141	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.20
HỒ THỊ HOÀ	14/02/1999	29017937	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ XUÂN	28/09/1999	29012549	Toán: 4.40 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 9.50 GDCD: 8.25 KHXH: 8.5 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ HIỀN	01/05/1999	29028404	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 6.50 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ CẨM NHUNG	17/08/1999	29008864	Toán: 4.80 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.80

TRẦN TRUNG THÀNH	24/04/1999	29027607	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.40
PHẠM THỊ LAN ANH	04/11/1999	29009055	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.08 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN VĂN ĐẠT	20/08/1998	29015506	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ HIỀN	22/06/1998	29000193	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN HỒNG THẨM	30/03/1999	29025656	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 8.00
NGUYỄN THỊ NHÀN	30/04/1999	29028572	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.80
PHẠM THỊ THANH	12/10/1999	29020007	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN MINH HIẾU	10/07/1998	29001011	Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 9.50
NGUYỄN HOÀNG NHÂN	13/03/1999	29002860	Toán: 9.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 9.50 Sinh học: 8.50 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 3.20
VÕ VĂN ĐỨC	10/06/1998	29014779	Toán: 6.60 Hóa học: 5.25 Sinh học: 7.50
NGUYỄN VIỆT KHANH	21/09/1999	29030016	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.40
TRƯƠNG THỊ ANH	02/06/1999	29027179	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ CẨM THU	12/11/1999	29012926	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ HUYỀN	20/05/1999	29021103	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.25 KHXH: 8 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ TỐ UYÊN	16/03/1999	29019091	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 7.60
LƯƠNG THỊ HOÀI NHI	08/10/1999	29003230	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.60
LÊ XUÂN ĐỨC	12/02/1999	29027259	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN HÀ	12/05/1999	29029853	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.20

LÊ THỊ THANH HẢI	26/03/1999	29001308	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN TRỌNG DUY	25/02/1994	29027644	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50
VƯƠNG THỊ DUYÊN	10/02/1999	29027244	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.60
PHAN THỊ LIÊN	16/10/1999	29021138	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN TRỌNG NINH	17/09/1998	29019769	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.25
ĐOÀN CÔNG HƯNG	16/06/1999	29030496	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 3.40
BÙI VĂN ĐỨC	06/04/1999	29014362	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.25 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 2.60
VÀ Y CU	08/08/1999	29025366	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.75 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 3.40
ĐOÀN VĂN TÙNG	22/02/1999	29006771	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 2.80
LÔ THỊ LY	15/11/1999	29025126	Toán: 9.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.75 Sinh học: 6.25 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 5.60
ĐẬU MINH ĐỨC	02/01/1999	29017882	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 8.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 6 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THÁI AN	29/03/1999	29026713	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7.33 Tiếng Pháp: 6.60
ĐÀO QUANG TÍN	23/08/1999	29003329	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.25 GDCD: 5.75 KHXH: 3.92 Tiếng Anh: 3.40
CAO THỊ TRÂM	25/04/1999	29030837	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN NGUYỄN THU TRANG	15/03/1999	29024633	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 9.60
TRẦN THỊ HOÀI THƯƠNG	02/01/1999	29023363	Toán: 9.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.00 Sinh học: 1.50 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 4.60
ĐINH XUÂN THÁI	30/08/1999	29008930	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.50 GDCD: 6.50 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.80

PHẠM HỒNG QUANG	11/05/1999	29007088	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 7.00 GD&CD: 7.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ NA	22/02/1999	29021922	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.25 GD&CD: 9.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 4.20
LÔ PHONG NHÃ	26/12/1999	29014080	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN THỊ LOAN	08/08/1999	29006074	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50
NGUYỄN THẾ SỸ	02/12/1999	29005892	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.50 GD&CD: 7.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.80
BÙI THỊ THÙY DUNG	26/11/1999	29000651	Toán: 9.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 7.67 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.00 GD&CD: 8.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ HƯƠNG LY	09/06/1999	29021165	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GD&CD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN CÔNG TOÀN	10/12/1998	29022537	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 3.75 GD&CD: 7.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ KIM	30/10/1999	29003951	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 3.50 GD&CD: 7.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ HIỀN	13/09/1998	29029481	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN VĂN TƯỜNG	30/01/1999	29003011	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 2.00 Sinh học: 1.75 KHTN: 2.75 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN ĐẠT PHÚ	18/06/1999	29020767	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.00 GD&CD: 8.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ NHUNG	14/06/1999	29021973	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.50 GD&CD: 6.75 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.40
ĐOÀN THỊ PHƯƠNG	19/04/1999	29005833	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GD&CD: 7.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN HỒNG QUÂN	31/10/1999	29010613	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GD&CD: 8.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN PHÙNG ĐỨC	13/08/1998	29022106	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GD&CD: 6.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.20
LÊ THỊ CHUNG	10/04/1999	29003716	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GD&CD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.80

TRẦN VĂN THẮNG	09/06/1999	29005301	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.80
VŨ THỊ VÂN	20/10/1999	29011853	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG ĐĂNG HÒA	21/01/1998	29029359	Toán: 5.40 Vật lí: 6.00 Hóa học: 3.50 Tiếng Anh: 4.60
HOÀNG BÁ LINH	10/07/1999	29003966	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.20
NÔNG THỊ MỸ LINH	22/10/1999	29003186	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.75 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.20
ĐẶNG THỊ HÀ	10/06/1999	29001300	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	20/07/1999	29015133	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 6 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN PHI HÙNG	09/06/1999	29008074	Toán: 3.00 Ngữ văn: 2.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 1.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 2.83 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00
LÊ THỊ HÀ GIANG	10/04/1999	29027878	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 1.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 3.5 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.20
HỒ SƯ TRƯỞNG	10/10/1999	29016506	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.40
VÕ NHẬT MINH	24/02/1999	29026331	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 4.40
VÕ QUỐC TUẤN	27/09/1999	29013430	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 8.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 8.20
NGUYỄN HỮU PHÚ	02/10/1999	29009239	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 9.00 Hóa học: 9.75 Sinh học: 6.00 KHTN: 8.25 Tiếng Anh: 4.00
LÊ VĂN CAI	10/03/1998	29028295	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.80
DƯƠNG THỊ NGÂN	05/03/1999	29027475	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN MINH SƠN	31/12/1998	29025230	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 5 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THÙY LINH	17/05/1999	29023859	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 2.60

HỒ HOÀNG BÁ DŨNG	13/01/1999	29018748	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 5.20
TRƯƠNG TUYẾT MAI	04/07/1999	29018038	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ NGỌC TRÂM	06/01/1999	29000866	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 6.75 KHTN: 6.17 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 8.80
PHAN THANH HUY	21/09/1998	29003414	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 7.50 KHTN: 6 Tiếng Anh: 4.40
NGÔ NGỌC ÁNH	27/05/1999	29013872	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 6.25 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 4.20
LÊ THANH ĐÀN	26/03/1999	29002279	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ ĐÀO	17/03/1999	29029451	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 6.20
TRẦN NGUYỄN BẢO PHÚC	10/03/1999	29023965	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 8.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 8.60
HOÀNG VĂN THIÊN SƠN	29/11/1999	29030622	Toán: 4.80 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 3 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 5.00
HÀ VĂN TUẤN	21/09/1999	29014204	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.80
TẠ HỮU HOÀNG	18/06/1999	29007885	Toán: 6.40 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 3.00
VÕ CÔNG KHÁNH	23/07/1999	29029515	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 5 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN QUỐC CƯỜNG	04/02/1998	29014762	Toán: 6.40 Vật lí: 8.25 Hóa học: 7.00
NGUYỄN MINH NHẬT	24/10/1999	29026904	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 3.5 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.00
LÊ VĂN HÙNG	17/12/1999	29008745	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ NGỌC ÁNH	10/11/1999	29028866	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 4.80
HOÀNG THỊ TRANG	20/11/1999	29001693	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.40

NGUYỄN VĂN HIẾU	25/06/1999	29018465	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 9.25 GDCD: 9.75 KHXH: 9.25 Tiếng Anh: 4.20
PHAN QUỐC NGỌC	03/01/1998	29028564	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.00
THÁI THỊ THÀNH	07/07/1999	29030653	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	04/01/1999	29005839	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ THÙY LINH	04/08/1999	29012177	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.58 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.80
ĐINH THỊ Y VA	15/09/1999	29010018	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 5.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN PHÚ	04/12/1999	29008882	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 5.25 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THÁI ĐỨC	03/11/1999	29000983	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.58 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.50
NGUYỄN VĂN TRUNG	10/05/1978	29017789	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00
NGUYỄN THỊ TÚ OANH	20/11/1999	29009812	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 2.25 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ HUỆ	07/07/1999	29015674	Toán: 1.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ NHÂN	14/09/1999	29029160	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN QUANG	07/11/1999	29016897	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 9.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN DUY	20/11/1998	29021624	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 8 Tiếng Anh: 1.40
LÊ THỊ NGỌC	03/07/1999	29007942	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ THẨM	10/07/1999	29030684	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ HOÀNG TÂM	23/12/1999	29026949	Toán: 4.80 Ngữ văn: 9.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 6.40

TẠ THỊ NGỌC ÁNH	02/03/1998	29019206	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.20
PHAN THỊ THANH TÚ	09/04/1999	29015306	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 3.75 GDCD: 5.25 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 2.40
HỒ THỊ VIỆT NGÀ	21/11/1999	29018066	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 8.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 4.60
PHAN THỊ PHƯỢNG	02/01/1999	29029569	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 7.00 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 4.40
ĐỖ THỊ HẰNG	10/05/1999	29000168	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN TRỌNG QUANG	05/10/1999	29030223	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN HỮU ĐÔNG	07/01/1999	29028345	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 9.50 GDCD: 7.50 KHXH: 8 Tiếng Anh: 3.80
LƯƠNG ANH TÚ	14/07/1999	29008478	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4 Tiếng Anh: 2.80
LƯƠNG THỊ VÂN ANH	28/02/1998	29008524	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00
PHẠM CẢNH BÌNH	19/07/1999	29028874	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.20
LO THỊ HÀ	03/09/1999	29014384	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.80
VI VĂN HÀ	20/07/1998	29013524	Toán: 2.40 Ngữ văn: 2.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.25 GDCD: 5.75 KHXH: 3.83 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN DANH NGUYỄN	17/06/1999	29030154	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.80
LÊ THỊ HIỀN	04/01/1999	29021050	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.60
ĐẶNG THỊ SƯƠNG	28/03/1999	29029590	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 9.25 Sinh học: 9.25 KHTN: 7.92 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN THỊ HẢI LINH	29/05/1999	29026253	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 2.25 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 5.80
HOÀNG THỊ TÂM	15/01/1999	29001601	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.40

NGUYỄN VĂN HÙNG	04/05/1999	29029966	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ THÚY NGÀ	20/11/1999	29009215	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN VĂN MẠNH	02/12/1996	29009019	Toán: 8.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.25
NGUYỄN THỊ YẾN	18/10/1999	29011229	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.00
NGÔ THỊ HÀ	24/11/1999	29004971	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ THẨM	18/08/1999	29002091	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 2.40
PHẠM THÀNH CÔNG	13/02/1999	29026745	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.67 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.50 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ THANH THẢO	04/05/1999	29005298	Toán: 9.40 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 5 Tiếng Anh: 8.20
LÊ VĂN PHÚC	12/11/1998	29008885	Toán: 1.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN DUY GIANG	25/03/1999	29016156	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 2.25 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 2.80
PHAN THỊ KIM LINH	27/02/1999	29010938	Toán: 9.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 8.50 Sinh học: 8.50 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN THỊ KIM CHI	27/09/1999	29002232	Toán: 8.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 9.40
NGUYỄN VĂN TIẾN	09/08/1999	29029308	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.80
HOÀNG THỊ THU	05/03/1999	29028096	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN SÁNG	12/12/1999	29010623	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN PHAN HIẾU	16/12/1999	29009586	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.00
LƯƠNG SỸ SẮC	20/09/1999	29023502	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.00

LÊ XUÂN THUẬN	06/12/1999	29020059	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.80
VÕ THỊ LÝ	08/08/1998	29029374	Toán: 7.60 Vật lí: 3.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 7.75 KHTN: 6
PHAN THANH HOÀN	28/09/1999	29023754	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 6.40
NGUYỄN THỊ THÚY QUỲNH	08/10/1999	29012892	Toán: 3.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.75 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN BÁ ANH QUÂN	04/11/1999	29019953	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.80
NGÔ XUÂN TÙNG	05/02/1998	29005466	Toán: 4.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.25
TRẦN QUỐC TUẤN	06/01/1999	29010222	Toán: 2.60 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75
NGUYỄN LÊ THẢO	26/08/1999	29009909	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.25 Sinh học: 6.75 KHTN: 7.67 Tiếng Anh: 4.00
LÔ THỊ THU	19/07/1999	29025690	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ HIỀN	18/12/1999	29001350	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.00
LÊ VĂN DUY	29/03/1999	29023660	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ KHÁNH CHI	27/09/1999	29017120	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 7.60
TRẦN ANH QUỐC	21/03/1999	29006137	Toán: 5.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.25
PHAN THỊ QUỲNH NHI	02/02/1999	29020395	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 6.00
LÊ VĂN KIÊN	19/10/1999	29012143	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN ĐÌNH HUY	01/04/1999	29022300	Toán: 5.40 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ NHUNG	30/05/1998	29015995	Toán: 6.20 Ngữ văn: 8.00 Tiếng Anh: 5.80
ĐÌNH THỊ NGỌC ÁNH	10/02/1999	29002217	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 4.40
TRƯƠNG NHƯ NGUYỄN	18/01/1999	29027491	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.20

NGUYỄN THẾ THỊNH	18/01/1999	29021331	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.60
MAI MẠNH THỤC	29/11/1999	29025699	Toán: 9.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 9.50 Hóa học: 9.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 8.08 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN HỮU KỶ	21/04/1999	29008789	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN THỊ KIM OANH	04/09/1999	29022934	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ NGÀ	21/06/1999	29017400	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 4.80
PHAN BẢO PHƯỚC	30/05/1999	29024838	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 4.25
NGUYỄN THỊ AN	25/07/1999	29027148	Toán: 1.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN VĂN HIẾU	23/10/1999	29002366	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 4.40
LÊ HỒNG CẢNH	05/07/1998	29030299	Toán: 8.80 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.50
NGUYỄN THỊ TRANG	25/12/1999	29029323	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 6.20
TRẦN THỊ THU HÀ	11/11/1998	29024754	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 8.25
ĐẶNG TRỌNG ĐỨC	08/05/1999	29030420	Toán: 8.40 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 8.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 4.00
LÊ THỊ NGỌC DIỆP	22/11/1999	29010300	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.00 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN VĂN TOẢN	20/06/1999	29013385	Toán: 9.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 9.75 Sinh học: 9.50 KHTN: 7.83 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ HƯỜNG	11/07/1998	29030322	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.00 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN NHẬT LINH	01/10/1999	29023853	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 9.20
PHẠM TUẤN ĐẠT	04/09/1999	29030417	Toán: 8.40 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 8.50 Sinh học: 2.25 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 2.20
PHẠM THỊ HOA	25/08/1999	29020290	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.25 Tiếng Anh: 3.60

CHU THÚY QUỲNH	10/03/1999	29003486	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 7.75 Sinh học: 8.75 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 8.00
LÊ THỊ HỒNG QUỲNH	11/11/1999	29013318	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ THÚY HIỀN	10/06/1999	29011654	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 6 Tiếng Anh: 7.60
HỒ THỊ QUỲNH ANH	18/08/1999	29023551	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 8.40
PAY THANH HUY	15/08/1999	29020663	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.20
VĂN THỊ HẰNG	17/06/1998	29015936	Toán: 6.80 Vật lí: 4.25 Hóa học: 8.50 Sinh học: 8.00 KHTN: 6.92
PHÙNG THỊ NGỌC	27/06/1998	29027715	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.75 Tiếng Anh: 4.60
HỒ THỊ PHƯƠNG	02/11/1999	29017450	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG THỊ HỒNG TRINH	03/11/1999	29017602	Toán: 7.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN NGỌC DƯƠNG	07/01/1999	29027246	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.50 GDCD: 6.75 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN THỊ MAI	08/03/1999	29027451	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.00
VI VĂN MẠNH	18/08/1999	29014599	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.75 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.60
HOÀNG DANH PHÁP	21/05/1999	29030186	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.25 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ THẢO	18/08/1999	29009913	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.80
PHẠM VĂN TÚ	05/10/1998	29011150	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ LINH	01/10/1999	29029083	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.40
LÊ THỊ HUYỀN	25/02/1999	29005675	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN ĐỨC TUỆ TÀI	07/07/1999	29024562	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 5.00

TRƯƠNG VIỆT HOÀNG	11/01/1999	29013976	Toán: 4.60 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.60
MAI VĂN ĐÀ	20/02/1994	29027652	Toán: 4.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 3.25
PHẠM THỊ DUYÊN	20/07/1999	29027856	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ NGỌC	05/06/1999	29027485	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	11/12/1996	29024901	Toán: 4.20 Hóa học: 4.75 Sinh học: 6.00
TRẦN THỊ PHƯƠNG	22/06/1998	29010161	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 2.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 4.40
SẦM THỊ THANH	10/11/1999	29015114	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.40
TRƯƠNG THỊ DUNG	10/10/1999	29028324	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ HỒNG VINH	05/08/1999	29012542	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 4.20
VŨ DUY NAM	10/04/1999	29018061	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.67 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 5.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN ĐỨC VIỆT	26/10/1996	29027801	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.50
NGUYỄN TRỌNG LỘC	21/02/1999	29023250	Toán: 7.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 8.00 Sinh học: 7.25 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN DUY KHÁNH	11/07/1999	29023226	Toán: 9.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 9.00 Hóa học: 8.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN KIM CƯỜNG	13/01/1999	29020976	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN MÃO	12/02/1999	29018604	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ NGÀ	10/01/1999	29030129	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VIỆT ANH	14/01/1998	29024161	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.5 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 5.40
TRẦN THỊ HÀ PHƯƠNG	02/08/1999	29007085	Toán: 7.20 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 8.60

LỮ THỊ LY	10/03/1999	29014041	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.60
THÁI QUÂN ANH	12/11/1999	29001221	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 9.20
NGUYỄN HỮU THAO	11/12/1999	29028655	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH	22/10/1999	29011647	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ HẠNH	28/07/1999	29001901	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 8.00 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ TRANG	22/08/1999	29030814	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ THU HÀ	24/08/1999	29010357	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ LÊ NA	07/09/1999	29009765	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ GIANG	03/11/1999	29012721	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN VĂN TIẾN	04/01/1999	29003328	Toán: 5.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THÙY LINH	25/01/1999	29030041	Toán: 6.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN THỊ THẢO VÂN	10/09/1999	29015341	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 6.20
ĐẶNG VĂN ĐỨC	18/02/1999	29024746	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00
PHẠM DUY TÍNH	03/07/1999	29024090	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 4.20
LÔ THỊ HỒNG Ý	07/11/1999	29020887	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN ĐẠI BÀNG	05/02/1999	29004891	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.80
ĐẶNG VĂN CƯỜNG	15/06/1999	29008637	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.00

VÕ BÁ ĐẠT	14/09/1999	29022744	Toán: 5.00 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.75 KHXH: 8 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ YẾN	18/03/1999	29008038	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 6.75 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 2.40
PHẠM CÔNG HIẾU	10/09/1999	29026104	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 8.00
TRẦN THỊ HIỀN	23/03/1999	29013956	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.40
PHẠM NGUYỄN AN NHƯ	17/08/1999	29009802	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.60
VI THỊ SONG THAO	24/03/1999	29014145	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN KIỀU KHỞI	26/08/1999	29006434	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.17 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN TRỌNG THẮNG	07/12/1999	29000810	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.92 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.20
HOÀNG QUỐC CƯỜNG	25/06/1999	29017850	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.20
LÊ THỊ OANH	07/01/1999	29022396	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 4.20
BÙI THỊ ÁNH THOA	04/04/1999	29009923	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 6.25 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 4.20
HỒ THỊ HIỀN	23/08/1999	29017224	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.00
NGÔ SỸ TRUNG	02/06/1999	29019039	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.60
THÁI THỊ TUYẾN	30/04/1999	29021415	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN THỊ TÂM	21/12/1999	29016332	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN THỊ HOÀI LINH	04/08/1999	29010487	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN VĂN THÌN	11/10/1999	29020037	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 2.40

TRẦN THỊ OANH	10/10/1999	29030184	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ THU HẰNG	13/07/1998	29026785	Toán: 7.80 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Pháp: 6.20
LÊ THỊ MINH	10/04/1999	29012226	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.00 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HOÀI	10/01/1999	29018800	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 4.80
HỒ THỊ BÌNH	07/05/1999	29011929	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.40
ĐẶNG NGỌC HÙNG	27/08/1998	29017686	Toán: 8.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.25
BÙI THỊ HOA	04/03/1998	29017677	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.75
HỒ VĂN NAM	16/12/1999	29016811	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 2.80
LƯƠNG VĂN CƯỜNG	09/08/1999	29008210	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 1.40
LÊ ĐỨC THIỆN	10/09/1999	29004645	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.60
HỒ THỊ MỸ THUỶ	20/07/1998	29018184	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN THỊ THOA	18/02/1999	29016397	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 6.60
NGUYỄN THỊ QUỲNH VINH	16/03/1999	29027130	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN TIẾN ĐẠT	20/01/1999	29025387	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 5.00
LÃNG THỊ TRINH	02/12/1999	29030843	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN BÁ ĐỨC	12/02/1999	29021002	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 4.00
PHÙNG HỮU THẾ	10/02/1999	29007410	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.67 Tiếng Anh: 3.80

PHẠM THỊ DIỄM QUỲNH	13/08/1998	29025308	Toán: 2.20 Sinh học: 3.50
NGUYỄN CÔNG ĐỨC	14/08/1999	29012713	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN TRỌNG QUYỀN	13/08/1999	29020425	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.25 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ KIỀU	07/06/1999	29001975	Toán: 8.40 Ngữ văn: 8.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 8.75 Sinh học: 8.50 KHTN: 7.92 Tiếng Anh: 4.00
BÙI THỊ THIỆN	20/10/1999	29017539	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.75 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THANH TÙNG	02/05/1999	29020196	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	01/03/1999	29002599	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.50 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.60
HOÀNG THỊ VUI	20/04/1999	29012545	Toán: 3.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN VIỆT	01/02/1998	29020215	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ SƯƠNG	24/01/1999	29002918	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 4.80
NGÔ THỊ HẢO	15/03/1999	29004409	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.17 Tiếng Anh: 2.60
TRỊNH THỊ HẢI LÝ	22/06/1999	29023253	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 8.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 6.60
NGUYỄN THỊ HIỀN	27/08/1999	29002349	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.50 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN ANH PHƯƠNG	29/08/1999	29026444	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 4.60
PHAN THỊ THẢO	27/05/1999	29013352	Toán: 6.80 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 4.40
ĐINH THỊ HỒNG THẨM	14/04/1999	29007407	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 9.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN TUẤN ANH	24/03/1999	29028853	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.40

NGUYỄN THỊ HÀ	10/01/1999	29007840	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN NGUYỄN NGỌC LINH	13/01/1999	29001987	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 2.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.17 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ QUỲNH	22/02/1999	29027566	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN ĐỨC ANH	28/04/1999	29027820	Toán: 7.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 8.00 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 4.00
LÊ THỊ KHÁNH LY	10/05/1999	29007340	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 7.50 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN PHƯƠNG DUNG	12/11/1999	29025987	Toán: 9.80 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 10.00
VÕ THỊ HÀ	23/02/1999	29006343	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.17 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.60
VI THỊ THƠM	23/09/1999	29003306	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 7.20
ĐÀO CÔNG LÝ	14/09/1999	29001490	Toán: 5.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ DUYÊN	01/11/1999	29001867	Toán: 9.00 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 7.83 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN VĂN HÙNG	20/01/1999	29020305	Toán: 6.20 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THU TRANG	17/10/1999	29009319	Toán: 6.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 2.25 KHTN: 3.17 Tiếng Anh: 3.40
CHU HỒNG NHUNG	27/09/1999	29026405	Toán: 8.20 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 9.80
CAO XUÂN THẮNG	16/05/1999	29024044	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 6.40
NGUYỄN THẾ ĐĂNG	01/08/1999	29022746	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.00
HỒ THỊ DUNG	13/12/1999	29017644	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25
NGUYỄN HẢI BIÊN	08/02/1998	29008997	Toán: 9.40 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.50
NGUYỄN THỊ THƯƠNG	17/02/1999	29002628	Toán: 4.60 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.00

TRƯƠNG THỊ LÝ	09/08/1999	29011712	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN TRẦN TRANG ANH	08/09/1999	29025891	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 5.40
TRẦN CÔNG TÚ	26/02/1999	29021404	Toán: 8.20 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 4.20
LUYỄN THỊ HIỀN	02/05/1999	29003841	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.20
VÕ THỊ QUỲ ANH	08/03/1999	29009061	Toán: 5.20 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 4.40
PHẠM THỊ THÚY	25/03/1999	29000553	Toán: 3.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.75 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN ĐỨC CHÍNH	15/06/1999	29014892	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 1.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 3 Tiếng Anh: 3.60
LÔ THỊ THU	02/10/1999	29003307	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.60
PHAN TRỌNG THANH	19/09/1999	29022969	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 5.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ KIỀU OANH	15/06/1999	29021218	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN THỊ LƯƠNG	10/02/1999	29019583	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 3.50 GDCD: 6.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.60
GIẢM NAM PHONG	25/05/1998	29018656	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN VĂN HƯNG	26/08/1999	29029038	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.20
LÊ THỊ THU TRANG	30/10/1999	29024616	Toán: 4.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN LỆ THỦY	19/05/1999	29017556	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.40
VI VĂN THẢO	23/09/1998	29013732	Toán: 1.60 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 5.75 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 2.20
LÊ THỦY TIÊN	23/10/1998	29010696	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 1.20

NGUYỄN HỮU HƯỞNG	12/01/1999	29015721	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG VĂN CHIẾN	28/02/1999	29021581	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM NHƯ QUỲNH	27/09/1999	29010620	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN VĂN HUY	11/12/1998	29015685	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.80
CHẾ THỊ LÂM OANH	30/04/1999	29019913	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 6.25 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 2.80
LÊ THỊ LAN ANH	16/06/1999	29011891	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 1.75 KHTN: 2.83 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.60
MAI VĂN TUẤN VŨ	26/05/1999	29016563	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THÚY QUỲNH	29/10/1999	29012340	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 9.25 Sinh học: 8.25 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 4.80
LÊ VĂN TRƯỜNG TÂY	28/06/1999	29002077	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN VĂN QUÂN	23/11/1998	29021245	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.25 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.00
DƯƠNG VĂN SƠN	23/05/1999	29021273	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.20
LÊ THỊ OANH	26/09/1999	29016227	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ HIẾU NGÂN	20/01/1999	29016828	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 6.00
NGHIÊM THỊ NGỌC MAI	02/07/1999	29012212	Toán: 2.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 2.80
PHAN THỊ HOÀNG HẢI	26/07/1999	29009105	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 4.60
LƯƠNG VĂN HẬU	02/11/1999	29013948	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.80
HỦN THỊ THÙY	06/01/1999	29015192	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.20

ĐẶNG THỊ QUỲNH AN	14/06/1999	29022163	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 2.00
ĐẶNG THỊ TRANG	13/08/1998	29010710	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.25 GDCD: 7.25 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.80
BÙI THỊ KIM CHI	26/02/1999	29009472	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 8.75 KHTN: 7 Tiếng Anh: 3.40
LƯƠNG THỊ KIỀU	19/10/1999	29020682	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.60
VŨ XUÂN BA	28/10/1998	29010267	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.60
PHAN VĂN VINH	02/02/1999	29027133	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.00 Hóa học: 2.00 Sinh học: 2.25 KHTN: 2.08 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.80
VÕ MINH TÂM	26/11/1999	29021288	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 3.60
CHU VĂN KIẾN	12/02/1999	29004487	Toán: 9.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 8.75 Hóa học: 10.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 8.17 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN THIỆN TÚ	25/09/1998	29000883	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.40
THÁI THỊ HOA	01/06/1999	29000687	Toán: 8.60 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 9.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 6.58 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN VĂN TOÀN	29/03/1999	29030785	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN LÊ CHUNG	25/05/1999	29025363	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.00 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 3.60
VI NGỌC ANH	22/08/1999	29011912	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.60
HOÀNG THỊ MAI ANH	28/02/1999	29005951	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25
NGUYỄN DUY TUẤN ANH	01/06/1996	29030293	Toán: 6.40 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.33
LÊ VĂN NAM	19/10/1999	29015884	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ LINH	01/07/1999	29030038	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 5.50 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.80

TRẦN THỊ THANH HOA	10/02/1999	29003867	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 1.75 GDCD: 3.00 KHXH: 2.42 Tiếng Anh: 4.40
LÊ DIỆU HƯƠNG	10/10/1999	29026198	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 10.00 Sinh học: 9.50 KHTN: 7.75 Tiếng Anh: 5.00
PHAN THỊ HIỀN	15/06/1999	29005013	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 4.20
ĐẶNG THỊ QUỲNH	20/02/1999	29021255	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 7.75 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 4.00
XÔNG BÁ THÁI	20/06/1999	29020809	Toán: 3.20 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 5.50 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN TUẤN VỸ	22/01/1998	29012547	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 1.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.75 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN NGỌC THẮNG	10/09/1999	29003299	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.00 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.80
BÙI DANH SINH	07/09/1999	29009871	Toán: 8.20 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 8.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 5.00
MAI BÁ THẾ	09/08/1999	29021324	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.50 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.80
TRƯƠNG THỊ THU HÀ	18/04/1999	29014387	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ HUYỀN	08/01/1998	29019722	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.50 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.50
NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	14/10/1999	29025744	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.40
QUANG THỊ XIN	04/06/1999	29020883	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.40
LÊ TỰ HUY	29/07/1999	29012096	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 3.60
LÊ HUY DŨNG	27/04/1998	29019268	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ HƯƠNG HOA	02/02/1999	29029913	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.75 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.60
TRƯƠNG CÔNG THỨ	22/10/1999	29006636	Toán: 6.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN ĐỨC TÚ	10/03/1995	29025329	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 9.00

NGUYỄN HƯƠNG GIANG	29/09/1999	29016157	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ NGÀ	10/10/1999	29030127	Toán: 7.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 7.00
KHA VĂN MINH	29/11/1999	29020716	Toán: 2.00 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 2.75 GDCD: 6.25 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 3.80
BÙI VĂN NGUYỄN	13/05/1999	29014644	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN KIM THANH	18/06/1998	29022147	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.50 GDCD: 5.50 KHXH: 3.83 Tiếng Anh: 2.80
THÁI VĂN THIÊN	05/01/1999	29030706	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 8.25 Hóa học: 9.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN VĂN TUẤN	16/01/1997	29029411	Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.00
NGUYỄN HỮU HỒNG SƠN	04/05/1998	29022045	Toán: 1.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.25 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN CẢNH HOÀNG ANH	01/09/1999	29002197	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 3.60
HỒ VIỆT TRUNG	09/01/1999	29009990	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.40
LÊ THỊ NGỌC LINH	07/11/1999	29013205	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 8.00 Sinh học: 7.00 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	12/04/1999	29026509	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 2.80
ĐÀM THỊ THẢO	26/04/1999	29004167	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.40
NGÂN THỊ NHỚ	07/03/1999	29020752	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 4.20
LƯU THỊ THÙY LINH	02/09/1999	29028505	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN HÙNG	12/01/1999	29021811	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN CẦN	01/12/1999	29022719	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.80

PHAN TRẦN NGHĨA	19/04/1999	29007941	Toán: 7.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ ÁNH TUYẾT	12/03/1999	29004797	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.60
PHÙNG THỊ THÙY	11/11/1999	29009286	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 9.00 Sinh học: 8.25 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN CÔNG THIẾT	17/05/1997	29010194	Toán: 7.40 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.00
CAO THỊ HẢI NHI	15/04/1999	29005193	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 2.60
NGÂN THỊ UYÊN	13/09/1999	29003580	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 5.50 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN LINH CHI	06/09/1999	29025949	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.75 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 3.80
PHẠM VIỆT HIỆP	25/07/1999	29023182	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 9.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN HỮU THI	16/06/1999	29022456	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ LINH	24/11/1999	29005728	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.40
HỒ THỊ LINH PHƯƠNG	28/08/1999	29018661	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.40
VŨ QUỲNH TRANG	24/07/1999	29012487	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN THỊ HOÀI LINH	15/02/1999	29023247	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 9.50 Sinh học: 8.75 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 7.80
VŨ THỊ KIM OANH	03/03/1999	29018653	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.00 KHXH: 8 Tiếng Anh: 4.40
LÊ THANH PHONG	03/10/1999	29024832	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00
TRẦN THỊ BÉ	21/02/1998	29010830	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 2.20
PHẠM THỊ CHI	20/03/1999	29006866	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 5.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 4.40

PHAN THỊ THÚY	27/03/1999	29020080	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.40
BÙI THỊ THANH	05/11/1999	29011493	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM THỊ MỸ QUỲNH	22/03/1999	29011033	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN MINH TUẤN	08/02/1999	29018252	Toán: 1.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 6.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN HỮU HOA VINH	19/03/1999	29024145	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG MINH TÀI	21/07/1999	29027587	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN HỮU ĐỨC	02/08/1999	29015533	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ SEN	24/04/1999	29022039	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN TRỌNG HỢP	29/08/1999	29029953	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 1.80
LỮ THỊ THẨM	20/05/1999	29025655	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN VĂN TRƯỜNG	10/01/1998	29020174	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.60
ĐÀO THỊ KIM	10/01/1999	29019508	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ NHUNG	28/09/1999	29010996	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN ĐỨC	15/02/1999	29011634	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN ANH SƠN	17/12/1999	29018701	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.50 KHXH: 8.58 Tiếng Anh: 4.00
CHU THỊ GƯƠNG	10/07/1999	29028929	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG LINH GIANG	09/08/1999	29026038	Toán: 8.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 8.80

TRẦN THỊ HUYỀN TRANG	19/11/1999	29024635	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GD&CD: 6.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.80
LÊ VIỆT TIẾN	17/01/1999	29000564	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GD&CD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN BẢO QUỐC	01/01/1999	29015069	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN ĐỨC LƯƠNG	03/12/1999	29013217	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 7.75 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 6.00
VÕ THỊ TRÀ GIANG	19/08/1999	29019323	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 9.50 GD&CD: 7.75 KHXH: 8 Tiếng Anh: 8.60
NGÔ VĂN QUYỀN	20/03/1999	29009852	Toán: 3.80 Ngữ văn: 2.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.08 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.00 GD&CD: 8.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.60
HỒ ĐỨC TUẤN	05/10/1999	29004781	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.75 GD&CD: 7.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ THÙY LINH	26/09/1999	29013210	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.83 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.75 GD&CD: 8.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN THỊ HẰNG	07/11/1998	29029884	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.00 GD&CD: 7.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.40
LÊ THẠCH QUỐC ANH	06/12/1999	29016065	Toán: 7.80 Ngữ văn: 2.75 Vật lí: 8.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ THẨM	15/02/1999	29002607	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GD&CD: 7.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN ĐÌNH	12/06/1999	29029811	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.25 GD&CD: 7.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.20
DƯƠNG THỊ PHƯƠNG THẢO	20/07/1999	29015124	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 7.00
BÙI HỮU ĐÔNG	04/08/1999	29015519	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50 GD&CD: 8.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ YẾN	12/02/1999	29023422	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.42 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.25 GD&CD: 8.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN DANH TOẠI	28/05/1999	29030783	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN THỊNH	26/04/1999	29007997	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.80

NGUYỄN HUY HOÀNG	26/11/1999	29007878	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 2.60
TRƯƠNG VĂN THỊNH	10/01/1997	29010196	Toán: 5.60 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.75
NGUYỄN THỊ HUẾ	10/11/1999	29010423	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 5.20
PHAN VĂN VINH	16/09/1999	29030935	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG THỊ OANH	13/06/1999	29012297	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.40
VÕ NGỌC CHÂU	09/03/1999	29018363	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 9.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 9.50 KHXH: 9.17 Tiếng Anh: 4.80
ĐINH VIỆT DUY	20/01/1999	29002275	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 8.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 6.25 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 4.80
HOÀNG QUỐC ANH	10/12/1999	29004317	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 2.40
PHAN THỊ THANH TRÀ	02/10/1999	29021373	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.20
HỒ THỊ HUYỀN	22/03/1999	29012783	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ TRÀ MY	22/11/1999	29009761	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ NHUNG	10/11/1999	29002534	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.60
TRIỀU VĂN ĐẠT	13/04/1999	29024232	Toán: 5.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 9.75 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.50 KHXH: 9.08 Tiếng Anh: 4.00
LƯƠNG THÁI HÀO	14/07/1999	29025416	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.00 KHXH: 8.33 Tiếng Anh: 3.60
VÕ THỊ TÌNH	02/09/1999	29006671	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 9.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 3.80
CỰ BA DO	06/12/1999	29008223	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.00 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN HỮU KIỀU	01/10/1999	29002734	Toán: 3.80 Ngữ văn: 2.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.83 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25

LỖ Y XƯ	02/06/1998	29008584	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75
NGUYỄN THỊ HẢI LY	01/05/1999	29004001	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN NHƯ MINH NHẬT	19/11/1999	29023943	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 6.60
PHAN THẢO LY	30/08/1999	29024445	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.60
LÊ VIỆT ĐỨC	28/01/1999	29012711	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.00
NGŨ MẠNH DŨNG	27/10/1999	29008651	Toán: 1.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.50 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.00
PHẠM NGỌC TUÂN	09/08/1999	29013417	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.92 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 5.25 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ TRANG	15/12/1999	29011101	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ MỸ LINH	28/05/1999	29012183	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ KHÁNH	12/01/1999	29019504	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.40
ĐẬU ĐỨC QUỲNH	05/03/1998	29019156	Toán: 9.20 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.25
NGUYỄN THỊ KIỀU OANH	11/11/1998	29024515	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 1.60
NGUYỄN THỊ KIỀU	30/05/1998	29022121	Toán: 5.80 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.25
VÕ THỊ HUYỀN	20/03/1998	29000290	Toán: 8.80 Ngữ văn: 8.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 5.40
TRƯƠNG THỊ THỊNH	19/03/1999	29020468	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.58 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.20
ĐINH THỊ NGÀ	16/02/1999	29010975	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 8.25 Sinh học: 8.00 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 5.00
ĐINH THỊ CẨM VÂN	19/04/1999	29024137	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 9.00 Sinh học: 8.75 KHTN: 8.25 Tiếng Anh: 7.20
HỒ THỊ THÚY QUỲNH	22/04/1999	29017467	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.25 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 3.80

NGUYỄN THỊ KIM OANH	30/12/1999	29012299	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 5.00
TRẦN THỊ THANH	25/07/1999	29016343	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG THỊ HẢI	13/10/1999	29007844	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 5.80
HỒ THỊ HỒNG	02/02/1999	29017269	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.25 GDCD: 5.75 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HOÀI	02/09/1999	29029924	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.60
HỒ THỊ UYÊN	19/01/1999	29030917	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN THỊ NHI	17/08/1999	29028577	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ LAN	02/09/1999	29006440	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 4.60
VÀ BÁ CHÙA	03/08/1999	29008190	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.50 GDCD: 7.00 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.40
VÕ THANH LIÊM	16/10/1999	29024393	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ TRÀ MY	24/03/1999	29026337	Toán: 5.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 9.75 Địa lí: 10.00 GDCD: 9.75 KHXH: 9.83 Tiếng Anh: 3.60
LƯU VĂN SƠN	01/10/1999	29006589	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ XINH	14/10/1999	29019113	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 6.00 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG	09/06/1999	29028961	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.80
LÊ TRỌNG NHÂN	06/11/1999	29004549	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 2.00
HOÀNG THỊ QUỲNH TRANG	22/11/1999	29009307	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ TUỆ AN	24/03/1998	29026597	Toán: 6.20 Vật lí: 4.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 8.50 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 6.80

NGUYỄN QUỐC HUY	19/12/1999	29026161	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN YẾN LINH	04/09/1999	29010492	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ VUI	20/03/1998	29016566	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.80
THÁI THỊ THU	25/07/1999	29030733	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 6.50 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 3.80
HOÀNG VĂN QUÂN	30/09/1999	29004102	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.50 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN CƯỜNG	18/01/1999	29017854	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 9.00 Hóa học: 8.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 7 Tiếng Anh: 3.80
ĐÀO THỊ MAI NGÂN	02/01/1999	29026362	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 2.00 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN MẠNH	10/08/1999	29014598	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 1.40
HOÀNG NHÂN	16/04/1999	29026391	Toán: 9.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.00 Sinh học: 9.25 KHTN: 8.33 Tiếng Anh: 4.60
THÁI KHẮC SƠN	18/04/1998	29000511	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 4.50 KHXH: 4 Tiếng Anh: 4.00
PHAN THỊ AN	25/06/1999	29003034	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN HOÀNG	01/06/1999	29021789	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.80
PHAN THỊ HẰNG	28/07/1999	29016617	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ NGÂN	08/06/1999	29008854	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.25 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	10/11/1999	29029690	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THẾ HOÀ	14/02/1999	29028422	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 4.40
LÊ THỊ YẾN	18/02/1999	29020223	Toán: 2.40 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 4.20

NGUYỄN THẢO NGỌC	28/01/1999	29024491	Toán: 8.00 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN THỊ VÂN	20/12/1999	29002158	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 8.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 4.60
ĐOÀN VĂN THẮNG	21/05/1999	29014157	Toán: 5.60 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 6.25 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ MAI	12/08/1998	29022887	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG THỊ HỒNG LĨNH	08/04/1999	29005735	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ THẢO MINH	18/01/1999	29024462	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.80
PHAN THỊ XOAN	10/12/1998	29022160	Toán: 2.60 Ngữ văn: 8.00
LƯƠNG THU TRANG	02/09/1999	29000575	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 5.20
CHU ĐÌNH THÀNH	14/02/1999	29020810	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 9.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.00 KHXH: 8.75 Tiếng Anh: 3.20
VI THỊ THU THẢO	14/10/1999	29025653	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.75 KHXH: 8.83 Tiếng Anh: 5.40
LÊ THỊ THƯƠNG	07/07/1999	29008008	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.92 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG THỊ NGỌC THÚY	26/10/1999	29028108	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.00 KHXH: 8.58 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VĂN CƯỜNG	14/01/1999	29002256	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 1.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.08 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	09/03/1999	29023606	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 6.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.80
PHẠM VĂN TUẤN	25/11/1999	29009362	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 2.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.20
CỤT BÁ MẠNH	03/05/1999	29008349	Toán: 3.40 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.60
NGÔ XUÂN TUẤN	30/04/1999	29030891	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.40

HỒ THỊ NGỌC	06/06/1999	29016165	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 5.00 KHXH: 4 Tiếng Anh: 2.60
TRƯƠNG THỊ HƯƠNG	18/08/1999	29015717	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.80
MAI THỊ VINH	09/01/1999	29021429	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ MAI PHƯƠNG	01/12/1999	29010605	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.60
ĐẶNG THỊ HẢO	06/10/1999	29004991	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HƯƠNG	30/05/1999	29012122	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN THỊ ANH	01/09/1999	29017098	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 5.50 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ BÌNH	10/09/1999	29003355	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 3.60
PHAN THỊ HUỆ	30/12/1997	29030319	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50
NGUYỄN THỊ LINH	29/08/1999	29018836	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.75 Tiếng Pháp: 4.00
TRẦN BẢO LY	07/06/1999	29015027	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.80
CAO CHÍ HẢI	18/05/1999	29023709	Toán: 7.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ THUỶ TIÊN	06/12/1999	29002634	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 5.60
TRẦN XUÂN BÌNH	09/04/1999	29017839	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 2.60
VÕ HỒNG HẢI	29/11/1999	29023168	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 4.00
ĐẬU NGỌC PHƯỚC	20/12/1999	29006552	Toán: 2.40 Ngữ văn: 2.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.83 Tiếng Anh: 2.40
HOÀNG CÔNG NGHĨA	25/05/1998	29029150	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.00

NGUYỄN THỊ LAN	28/02/1999	29030518	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 4.20
PHAN VĂN MẠNH	05/05/1999	29030099	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 5.50 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 1.40
NGUYỄN THỊ NGỌC	17/12/1999	29009782	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.40
MAI VĂN LINH	11/11/1997	29010120	Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 7.75
NGUYỄN PHÚ ANH	01/11/1999	29023567	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.60
LÊ CÔNG MÃO	15/09/1999	29005147	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 2.20
HOÀNG TRUNG HẬU	02/10/1999	29026084	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ ANH THƠ	01/10/1999	29022473	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	21/06/1999	29010439	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VĂN LINH	22/09/1998	29030043	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.00 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ THỦY TIỀN	05/07/1999	29006657	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 9.25 Hóa học: 8.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 5.60
TÔ THANH HIẾU	19/05/1999	29013143	Toán: 4.60 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN ĐỨC MẠNH	24/12/1999	29023883	Toán: 9.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 9.00 Hóa học: 8.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN ĐẮC THÔNG	18/07/1999	29008957	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN MẠNH TRẮNG	20/01/1999	29018222	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN ĐÌNH PHONG	06/05/1998	29007188	Toán: 7.80 Vật lí: 7.50 Hóa học: 5.50
TRẦN VĂN NGÂN	21/12/1999	29019638	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.40

KHA THỊ NHƯ	13/02/1999	29014088	Toán: 2.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.20
ĐẶNG THỊ UYÊN THƯƠNG	27/11/1998	29027002	Toán: 2.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 5.40
LÊ TRÚC HÀ	12/02/1999	29000143	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 9.40
NGUYỄN THỊ VÂN ANH	27/07/1999	29011245	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN TẤT HOÀNG	01/01/1999	29014963	Toán: 7.20 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG THỊ CẨM NHƯ	30/01/1999	29027517	Toán: 4.80 Ngữ văn: 9.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 9.50 GDCD: 9.75 KHXH: 8.42 Tiếng Anh: 6.20
LẠI THẾ HOÀNG	21/04/1999	29017951	Toán: 7.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HẠNH	27/01/1999	29021710	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 8.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN BÁ HÙNG	03/06/1999	29017687	Toán: 2.40 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00
NGUYỄN THỊ THẢO	08/01/1999	29010662	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.40
LÊ NGỌC ANH	08/03/1999	29027813	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 8.25 Sinh học: 7.00 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 4.20
PHẠM QUỐC ĐẠT	23/02/1999	29017165	Toán: 3.20 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 3.00 GDCD: 6.00 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 2.60
HOÀNG THỊ MAI	18/10/1999	29000392	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.60
ĐINH THỊ DIỆU LINH	23/03/1999	29021871	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.60
HỒ TIẾN ĐÀO	29/07/1999	29017874	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 2.00 KHTN: 3 Tiếng Anh: 4.00
NGÔ QUANG TRUNG	26/11/1999	29006724	Toán: 8.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 7 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THẾ ANH	30/03/1999	29023569	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 4.60

NGUYỄN THÚY QUỲNH	26/11/1999	29024004	Toán: 8.60 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 8.25 KHTN: 7.67 Tiếng Anh: 7.40
ĐINH THỊ NGÀ	13/09/1998	29011427	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 1.80
HỒ SỸ KIÊN	07/10/1999	29005085	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 4.00
LỮ TRUNG DŨNG	01/03/1999	29013905	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 7.75 KHTN: 6 Tiếng Anh: 3.40
VÕ DUY ĐỨC	18/03/1999	29025000	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 1.75 Sinh học: 1.75 KHTN: 3.08 Tiếng Anh: 5.80
ĐINH VĂN HOÀNG	14/12/1999	29026126	Toán: 7.20 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 8.60
NGUYỄN THỊ HẠNH	10/01/1999	29010373	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 4.80
VŨ VĂN HẢO	06/01/1998	29017670	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.00 KHTN: 2.83 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN TRỌNG HOÀNG	27/01/1999	29000246	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.60
LÊ THỊ ÁNH	03/09/1999	29005489	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN VĂN SƠN	16/08/1999	29011041	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 3.40
CHU THỊ TÚ ANH	05/06/1999	29003685	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.60
BIỆN VĂN TÙNG	05/08/1998	29009046	Toán: 3.20 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.00
HỒ KHÁNH LINH	06/09/1999	29023848	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 7.20
TRẦN THỊ HUYỀN	14/01/1999	29006415	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 1.75 KHTN: 2.5 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 4.60
NGÔ SỸ QUANG	20/12/1998	29018671	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.60
LÊ QUANG LINH	10/03/1999	29026241	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.00

HÀ THỊ NGÂN	04/12/1998	29003212	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.80
PHAN LỘ THÀNH LONG	09/12/1999	29025121	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 4.40
HOÀNG NGHĨA THƯỞNG	15/01/1999	29007155	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.40
LƯƠNG MINH ĐỨC	22/05/1998	29014777	Toán: 3.20 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.50
NGÔ NGỌC KHUÊ	02/04/1999	29008785	Toán: 1.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 5.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.80
ĐẬU THỊ HẰNG	12/06/1999	29005610	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.00
HỒ SỸ SANG	20/01/1999	29016297	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 5.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.60
HỒ THỊ PHƯƠNG	28/10/1999	29016882	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 5.00
VƯƠNG ĐÌNH NAM	08/02/1997	29010141	Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50
NGUYỄN THỊ PHÚC	22/07/1999	29007962	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.75 Tiếng Anh: 2.00
PHAN THỊ MINH CHÂU	06/07/1999	29029434	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 6.00 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 5.00
LÔ VĂN DŨNG	17/05/1999	29020602	Toán: 3.60 Ngữ văn: 2.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.08 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ NHUNG	15/05/1994	29004273	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.00 Tiếng Anh: 8.00
NGUYỄN THỊ KIỀU TRANG	18/07/1999	29012955	Toán: 8.40 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 9.00
NGUYỄN VĂN HÙNG	25/03/1999	29024776	Toán: 1.80 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 1.50 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 2.58 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.00
PHẠM THỊ LINH	21/01/1999	29012821	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN ĐỊNH	07/11/1999	29000117	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.40

NGUYỄN HÙNG MẠNH	29/09/1999	29014597	Toán: 4.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ QUỲNH TRÂM	04/03/1999	29009987	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 4 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ LY	20/01/1999	29002485	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.20
HOÀNG THỊ THANH	03/02/1999	29030634	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.00
LÊ THỊ ÁNH MAI	12/04/1999	29013223	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 1.75 KHTN: 2.67 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ MAI HOA	12/08/1999	29007628	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ THÚY	10/09/1999	29000554	Toán: 7.80 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 8.00
NGÔ VĂN HÀ	07/08/1999	29005998	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.00
HỒ SỸ DUY	09/09/1999	29005981	Toán: 3.00 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00
VÕ THỊ TRANG	25/01/1999	29001701	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.00
LỮ Y KEO	10/05/1999	29008295	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 5.25 KHXH: 3.92 Tiếng Anh: 3.00
VÕ VĂN HÓA	17/08/1999	29008069	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.00 Hóa học: 1.75 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.08 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25
LÊ HẢI CƯỜNG	18/09/1998	29024724	Toán: 3.80 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.50 Tiếng Anh: 4.00
LANG VĂN CHIỂU	20/03/1999	29024952	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 7.20
ĐINH THỊ QUẾ	26/05/1999	29016907	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 5.40
TÔN HỮU THÔNG	24/07/1999	29000542	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ ĐÔNG	13/10/1999	29017171	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.60
ĐINH VIỆT ĐỨC	05/05/1999	29000125	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 9.00 Hóa học: 9.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 8.08 Tiếng Anh: 7.40

PHAN BÁ TRƯỜNG	19/11/1999	29001180	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 1.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.67 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75
NGÔ THỊ HUYỀN	15/04/1998	29011555	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ LAN ANH	01/11/1999	29015411	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ HIỀN	26/02/1999	29018454	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.40
LƯƠNG VĂN DŨNG	13/06/1999	29003074	Toán: 1.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HẰNG	21/11/1999	29000175	Toán: 7.00 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 3.60
ĐẶNG VĂN LƯỢNG	22/02/1999	29018845	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 6 Tiếng Anh: 3.60
VÕ THỊ THU PHƯƠNG	10/10/1999	29018883	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 4.40
HỒ BÁ NAM NHÂN	20/12/1998	29015991	Toán: 5.40 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.50
TRỊNH THỊ THANH	21/10/1999	29029245	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.00 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 3.80
ĐẶNG THỊ SƯƠNG	26/07/1998	29030271	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.75 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN MINH NGHĨA	18/09/1999	29023921	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN TRỌNG HỒNG	23/04/1999	29021088	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.50 KHXH: 8 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ LIỆU	30/04/1999	29021140	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 4.80
KIM VĂN ĐỨC	01/10/1998	29013922	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.25 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ THUỶ TRINH	24/10/1999	29024643	Toán: 6.60 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.25 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 8.00
PHẠM HUY HOÀNG	23/01/1997	29026638	Toán: 8.60 Vật lí: 7.75 Hóa học: 6.25

NGUYỄN THỊ GIANG	12/02/1999	29011294	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.50 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN VĂN THÔNG	08/06/1999	29016401	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	16/10/1999	29020339	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 7.00 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 5.60
ĐẶNG KHẮC LONG	16/09/1999	29006473	Toán: 7.80 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 6.75 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 3.40
ĐOÀN THỊ NGÀ	26/09/1999	29015892	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.80
VÕ THỊ THÙY LINH	20/08/1999	29022873	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.75 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 2.20
PHAN BÁ TUẤN	28/06/1998	29006766	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THÚY	02/09/1999	29016975	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 7.60
NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	28/10/1999	29004170	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN KHẮC TUẤN	29/03/1999	29027104	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.5 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 7.60
HỒ TRỊNH TRUNG	30/06/1999	29020158	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.40
BÙI THỊ HIỀN	06/09/1999	29010391	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ THẢO	12/09/1999	29002600	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN VĂN QUỐC AN	07/06/1999	29023541	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 3.60
VI VĂN LONG	10/08/1998	29014809	Toán: 6.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.50
BÙI BÁ BÌNH	06/09/1997	29018360	Toán: 1.80 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG KHẮC THẮNG	06/11/1997	29027758	Toán: 5.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 1.50 KHTN: 5.33

ĐỖ ĐỨC HIẾU	20/10/1999	29026096	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ NỤ	25/06/1999	29019912	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN HỮU THẮNG	06/11/1999	29022443	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 4.60
PHAN THÀNH CÔNG	12/02/1999	29007550	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 3.00
ĐẶNG VĂN THẮNG	21/03/1999	29020461	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.17 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN ĐỨC ANH	17/04/1997	29025245	Toán: 6.20
KHA THỊ HỒNG NHI	08/02/1999	29020746	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 4.60
PHAN THỊ HUỆ	20/06/1999	29022821	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.60
ĐẶNG THỊ TRUNG	12/02/1999	29000874	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 8.25 KHTN: 6.58 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 4.80
PHAN QUANG TRƯỜNG	21/10/1999	29012976	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG THỊ THANH HƯƠNG	13/07/1999	29000299	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 4.60
NGÔ THỊ NGỌC ANH	26/05/1999	29018721	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ ÚT UYÊN	07/03/1999	29006788	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ NGỌC HUYỀN	09/07/1999	29026825	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 2.25 KHTN: 3 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.50 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.60
TRƯƠNG VĂN HẢI	01/03/1999	29018431	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.60
CAO THỊ HUYỀN TRANG	04/09/1998	29012470	Toán: 2.00 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.20
HOÀNG VĂN ĐẠO	25/07/1998	29011549	Toán: 7.20 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.50

KIỀU QUYẾT QUÂN	09/11/1999	29030228	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN ĐÌNH NAM	16/01/1999	29006103	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 2.50
THÁI THỊ HẢI	13/06/1999	29009556	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THU UYÊN	20/07/1999	29028240	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN SỸ ĐÔ	11/06/1999	29001282	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN VĂN SÁNG	14/08/1999	29017478	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.60
LÊ MINH HIẾU	19/05/1998	29014784	Toán: 3.80 Vật lí: 2.50 Hóa học: 4.00
NGUYỄN PHƯƠNG LINH	23/06/1999	29001047	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.08 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75
HÀ HUY BẢO	12/10/1998	29008043	Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 9.25
NGUYỄN THUỶ LINH	18/02/1999	29021878	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN MỸ ĐÔ	20/02/1999	29001281	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.60
VŨ THỊ MỸ	20/06/1999	29015876	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.80
TRƯƠNG VĂN HIỆP	15/07/1998	29012052	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN VĂN MẠNH	20/02/1999	29001499	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.20
BÙI THỊ DUNG	26/12/1999	29000083	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 5.25 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ MỸ LINH	03/11/1999	29012176	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.40
LƯƠNG THỊ VÂN	12/04/1999	29021422	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 6.75 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 4.60
LÊ THỊ DUNG	28/02/1999	29023130	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.20

HOÀNG VĂN DŨNG	20/10/1999	29014906	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4 Tiếng Anh: 3.20
THÁI THỊ HƯƠNG	15/06/1999	29003426	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ DUYÊN	18/08/1999	29020241	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.80
LŨ THỊ BÉ LINH	23/06/1999	29014538	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ CHI	15/06/1999	29003713	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ MINH TÂM	22/09/1999	29018715	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.80
HOÀNG MẠNH DŨNG	18/06/1999	29004929	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.80
VƯƠNG ĐÌNH ĐẠT	10/09/1999	29027255	Toán: 1.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.25 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM THỊ KHÁNH LY	12/11/1999	29002486	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 8.00
NGUYỄN THỊ KHÁNH LY	25/02/1999	29008818	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ HIỆP	13/12/1999	29017674	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.50
LÊ HẢI NAM	18/10/1999	29017394	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN VĂN ĐÔNG	14/10/1999	29027257	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.60
VI VĂN HUY	03/05/1999	29013992	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.40
TRƯƠNG THỊ HUYỀN	14/03/1999	29029990	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.80
LƯU VĂN CÔNG	07/08/1999	29001250	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.40
TRƯƠNG VĂN HIẾU	12/07/1999	29011656	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 6.25 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 3.60

LÊ XUÂN TRƯỜNG	02/04/1999	29012973	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ LỒNG	02/08/1999	29015816	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ TƠ	20/07/1999	29018207	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 4.40
LÊ THỊ HƯƠNG	05/10/1999	29024361	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ MỸ DUYÊN	30/06/1999	29007249	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.40
BÙI ĐĂNG SÁNG	08/04/1999	29000776	Toán: 7.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ KIM PHỤNG	24/01/1999	29023966	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 4.80
LÊ VĂN HOÀNG	20/08/1998	29017262	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.60
HỒ VĂN HUY	20/07/1999	29018502	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.80
NGÔ THÁI BẢO	28/08/1999	29004892	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.20
PHAN THỊ THUỶ	23/02/1999	29022498	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.00
HÀ VĂN LĂNG	16/08/1997	29013835	Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.25
NGUYỄN THỊ HÀ PHƯƠNG	05/06/1999	29023291	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 7.00
TRẦN THỊ HUỆ	19/03/1999	29015675	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.60
LÊ HỒNG QUÝ	22/08/1999	29006573	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.58 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM THỊ NHUNG	06/12/1999	29011447	Toán: 2.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN DUY LINH	01/11/1998	29028507	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.60

HOÀNG THỊ THU TRANG	05/07/1999	29004714	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN THỊ HỒNG	23/01/1999	29003901	Toán: 3.80 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.25 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	16/03/1999	29023571	Toán: 5.60 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 5.60
LÊ VĂN VIỆT	09/11/1999	29015349	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.40
PHAN MINH CHIẾN	21/11/1999	29018371	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.40
HỒ THỊ LINH	30/05/1998	29015966	Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 9.25 Tiếng Anh: 7.40
VƯƠNG THỊ MỸ UYÊN	12/10/1999	29028243	Toán: 5.40 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.60
PHAN BÙI NGUYỄN	11/04/1998	29001096	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 1.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.67 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50
NGUYỄN LỘC VIỆT HOÀNG	29/07/1999	29020295	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 5.60
TRẦN THỊ HUYỀN	05/10/1999	29003159	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.20
HỒ THỊ QUỲNH DUNG	01/11/1999	29004358	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.83 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 8.60
NGUYỄN TRUNG THẮNG	05/05/1993	29001155	Toán: 7.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 6.75
DOÃN THỊ THÙY LINH	10/10/1999	29003182	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.80
VI THỊ NINH	30/01/1999	29003243	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.40
LÊ THỊ HOAN	04/01/1999	29015644	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 4.60
LÊ THỊ THẢO	25/12/1999	29026965	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.58 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.60
HỒ THỊ NGỌC ÁNH	04/10/1999	29017827	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 4.20

NGUYỄN XUÂN TRIỀU	20/10/1999	29017018	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN LONG NHẬT	27/07/1999	29030163	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ THUỶ TRANG	13/05/1999	29024628	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 7.40
LÊ HỮU HUY	12/09/1999	29002406	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.00
ĐẶNG THỊ PHƯƠNG THẢO	12/11/1999	29000798	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 1.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.67 Tiếng Anh: 3.20
DƯƠNG THỊ HÀ	04/07/1999	29002312	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ DỊU HIẾU	13/12/1998	29014433	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.60
HOÀNG BÙI TÙNG DƯƠNG	21/08/1999	29025380	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 7.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.5 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 6.20
VŨ THỊ HÀ LINH	03/04/1998	29006073	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.00 Tiếng Anh: 6.60
TRẦN THỊ HỒNG VÂN	30/04/1999	29000618	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.80
TRƯƠNG VĂN ĐOÀN	25/05/1998	29002708	Toán: 6.20 Vật lí: 6.75 Hóa học: 5.75
NGUYỄN THỊ NGÀ	02/04/1999	29018067	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 5.00
TRẦN THỊ DUYÊN	19/04/1999	29020242	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 9.00 Hóa học: 8.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN MẠNH LÂM	05/04/1999	29017328	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.00
BÙI VĂN NGHĨA	17/05/1999	29017725	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.75
TRẦN THỊ PHƯƠNG CHI	22/02/1999	29010276	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5 Tiếng Anh: 6.20
LÊ NGUYỄN THẢO	04/11/1999	29026962	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 2.92 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.25 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.20
HỒ THỊ NGÀ	23/08/1999	29014621	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 9.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 4.20

HÀ THỊ TÂM	04/10/1999	29010641	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.20
HOÀNG ĐÌNH QUÂN	25/06/1999	29029571	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 3.20
HỒ THỊ XOAN	10/07/1999	29004847	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 5.20
TRỊNH XUÂN THẮNG	23/05/1999	29029270	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 1.80
PHAN VĂN NHẬT	16/12/1999	29005809	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 1.80
TRẦN THỊ MỸ LINH	01/12/1999	29018023	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.20
VÕ THỊ BÌNH AN	20/03/1998	29010239	Toán: 1.40 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.40
HỒ SỸ TIẾN	02/09/1999	29017776	Toán: 2.40 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00
VŨ QUỐC VIỆT	07/02/1999	29005421	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ LAN	18/04/1999	29016741	Toán: 8.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 8.25 Sinh học: 8.25 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 4.40
LÔ VĂN HÙNG	28/01/1999	29019447	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.75 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 2.60
CHU THÀNH LONG	04/03/1999	29011702	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 3.80
LÊ VĂN HÒA	30/10/1999	29013148	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.40
PHAN ĐĂNG TRÍ	08/08/1999	29019023	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 8.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 6.60
PHẠM THỊ KIỀU TRINH	26/10/1999	29024648	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HOÀI LÂM	09/04/1999	29012157	Toán: 6.20 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 6.75 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 4.20
LÊ THỊ TUYẾT	05/08/1999	29016525	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.40
LÔ VĂN LUÂN	20/08/1997	29026656	Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75

NGUYỄN THỊ TRÀ GIANG	02/11/1999	29023162	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 4 Tiếng Anh: 2.60
NHANG VĂN THOAN	18/05/1999	29008454	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.25 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ GIANG	26/06/1999	29003783	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.60
CỰ BÁ CHỐNG	27/01/1999	29008182	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.83 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ LƯƠNG	20/06/1999	29005130	Toán: 9.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 8.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 5.00
LÊ VĂN TUYÊN	07/11/1999	29011170	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.80
UÔNG THANH HUYỀN	18/11/1999	29024358	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.50 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ THIẾT	02/10/1999	29020035	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.50 GDCD: 7.50 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ HỒNG	19/03/1999	29016669	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 3.80
ĐẶNG PHƯƠNG LINH	01/12/1999	29020334	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.58 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.40
LÊ KHÁNH MẠNH	02/06/1999	29002842	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.5 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 5.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.40
VŨ THU THỦY	06/05/1998	29019807	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.00 Tiếng Anh: 7.60
HOA TRUNG UY	20/11/1999	29008486	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN DOÃN NAM	26/01/1999	29002516	Toán: 9.40 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 9.25 Hóa học: 9.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 7.67 Tiếng Anh: 5.40
ĐINH CẨM TÚ	03/02/1999	29026564	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 7.80
PHẠM VĂN ĐẠT	07/07/1999	29023151	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.80
VÕ VĂN HOÀNG	25/05/1999	29021084	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.40

XÔNG BÁ BÀI	10/02/1998	29025353	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.25 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ GIANG	29/01/1999	29002307	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN HUY QUẢN	24/06/1999	29016262	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.40
HÀ THỊ DUYÊN	28/08/1999	29013108	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 7.33 Tiếng Pháp: 4.40
PHAN THỊ TÚ ANH	07/10/1999	29012624	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.80
LÊ THỊ LINH	28/09/1999	29010478	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HIỀN	17/04/1999	29010878	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 2.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 3 Tiếng Anh: 3.00
LÊ CÔNG DẦN	15/05/1999	29029769	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN VĂN ÁNH	09/02/1998	29008996	Toán: 9.60 Vật lí: 8.25 Hóa học: 9.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 6.83
ĐẶNG VĂN GIÁP	16/04/1999	29011640	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG	29/08/1999	29017692	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.25
LÔ VĂN XUÂN	01/01/1999	29015368	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.20
LÔ THỊ PHƯƠNG	25/10/1999	29025205	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN SỸ PAO	01/10/1999	29002035	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 6.20
PHẠM VĂN ĐỨC	27/08/1999	29010342	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 3.60
LÝ ÁNH DƯƠNG	25/11/1999	29023664	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 8.40
MAI THỊ THÚY HẰNG	30/10/1999	29012735	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.80

ĐÀO THỊ HỒNG PHƯỢNG	02/08/1999	29014703	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.25 KHXH: 8.75 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ HUẾ	19/05/1999	29028440	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.40
LÊ THỊ SEN	19/04/1999	29004130	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.00 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 5.60
LÊ ĐÌNH TÀI	25/03/1999	29026944	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.33 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 9.80
NGUYỄN THỊ QUỲNH	12/06/1999	29005244	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 8.50 Sinh học: 6.75 KHTN: 7 Tiếng Anh: 4.80
NGÔ THỊ HOÀI	07/05/1999	29029489	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC	01/09/1999	29016151	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.60
CAO BÁ TRÍ	27/03/1999	29006713	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ QUỲNH TRANG	01/09/1999	29024636	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.75 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 9.60
THÁI THỊ THANH	02/09/1999	29029243	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.60
NGÔ TRÍ CHẤT	20/09/1999	29000062	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.40
CAO NGỌC TRƯỜNG PHI	21/02/1999	29009820	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.20
TRỊNH THỊ HIỀN	05/03/1999	29028983	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ NHUNG	12/08/1999	29026412	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 8.40
NGUYỄN THỊ HỒNG THƠM	13/02/1998	29010795	Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.50
TRẦN NGỌC SÁNG	18/08/1999	29018694	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN DUY HẠNH	01/06/1999	29000672	Toán: 8.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.00 Sinh học: 6.25 KHTN: 8 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.75 GDCD: 7.75 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 6.60

NGUYỄN THỊ THUÝ QUỲNH	16/05/1999	29024549	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.80
CHU MINH THÙY	02/08/1999	29030737	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 9.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 7 Tiếng Anh: 10.00
NGUYỄN THỊ DUNG	16/10/1999	29012673	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 4.80
ĐẶNG AN ĐÔNG	20/01/1999	29023677	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 9.25 Sinh học: 8.75 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 5.40
HOÀNG ĐẶNG PHIÊU	02/02/1999	29014688	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	24/08/1999	29026511	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN NAM SANG	04/03/1999	29004593	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 7.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 5.80
NGÔ BÁ NGỌC	24/01/1998	29004271	Toán: 9.20 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 6.17
HOÀNG THỊ TÌNH	03/06/1999	29028132	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.5 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 6.80
ĐỒNG PHƯƠNG ANH	24/06/1999	29017084	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 4.50 KHXH: 3.83 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN DUY TÝ	20/10/1998	29001823	Toán: 7.60 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.50
HỒ QUANG THUYỀN	16/11/1999	29017564	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 4.00
PHẠM TRẦN TÚ ANH	21/05/1999	29025898	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 8.75 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN TRANG NHUNG	25/12/1999	29009232	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 8.75 Sinh học: 8.00 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ HOÀI	12/12/1998	29015942	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.50 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN BÍCH NGỌC	14/06/1999	29013261	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 6.00
PHAN THỊ TRANG	26/09/1999	29029325	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.80
HỒ THỊ TRANG	05/01/1999	29006693	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.75 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 5.00

LÊ ĐÌNH QUÂN	30/12/1999	29006567	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 3 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GD&CD: 7.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.80
ĐẶNG THỊ HẰNG	12/10/1998	29017909	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN TIẾN MẠNH	23/07/1996	29021487	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75
VÕ DUY SINH	05/09/1999	29020437	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.17 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GD&CD: 7.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.40
PHẠM THỊ BÉ	21/06/1999	29027835	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ LINH	12/03/1999	29019545	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.00 GD&CD: 6.50 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.40
LÊ THỊ HOÀI	14/10/1999	29015637	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GD&CD: 7.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.40
CAO MINH KHỞI	02/09/1999	29014992	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN QUANG HÀ	15/03/1999	29017666	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50
PHẠM HUỲNH LONG	06/02/1995	29019741	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 8.50
TẠ THỊ THÚY	17/11/1999	29006192	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.00
NGUYỄN THỊ KHÁNH	12/06/1999	29011680	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN ĐÌNH THÀNH	22/09/1998	29009899	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 3.75 GD&CD: 7.75 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.00
ĐẬU VIẾT NGHĨA	24/06/1999	29004543	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 3.20
CAO DANH HUY	15/10/1998	29006042	Toán: 8.40 Vật lí: 7.75 Hóa học: 6.75
BÙI THỊ MƠ	28/02/1999	29021915	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.00 GD&CD: 8.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.20
LÊ HỒNG PHONG	27/06/1998	29005824	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GD&CD: 3.75 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ HOÀ	24/07/1999	29002378	Toán: 3.20 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.25 GD&CD: 8.75 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 3.40

ĐINH THỊ HUYỀN TRANG	01/11/1999	29020848	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.60
NGÔ THỊ HOÀI	19/01/1999	29017254	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 5.20
PHẠM MỸ DUYÊN	23/02/1999	29026007	Toán: 9.80 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 9.50 Hóa học: 10.00 Sinh học: 6.25 KHTN: 8.58 Tiếng Anh: 8.40
ĐẬU THỊ SEN	17/03/1999	29005878	Toán: 5.60 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN HẢI	30/06/1999	29010365	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.20
ĐẬU PHƯƠNG THẢO	22/02/1999	29024031	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 9.50 Sinh học: 8.75 KHTN: 8.08 Tiếng Anh: 7.00
LÊ QUỐC TRUNG	19/02/1999	29009991	Toán: 7.20 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 2.20
THÁI THỊ THẨM	20/03/1999	29030687	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 4.80
ĐẬU BÁ THÔNG	16/08/1999	29000541	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.80
NGÔ MINH SANG	21/03/1999	29020435	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ TRANG	17/09/1999	29028157	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 3.25 GDCD: 7.25 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN VĂN VINH	12/05/1998	29012600	Toán: 7.40 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.75 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ TRANG	05/04/1999	29017593	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.40
VÕ ANH QUÂN	01/03/1999	29026466	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 8.50 Sinh học: 8.25 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 5.80
PHAN THỊ PHƯƠNG THẢO	01/06/1999	29002944	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 9.25 Hóa học: 9.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 8 Tiếng Anh: 3.60
BÙI THỊ HOÀI THU	25/11/1999	29000544	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 9.25 GDCD: 7.25 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM VĂN QUANG	09/02/1999	29028612	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.20

NGUYỄN THỊ BƯỞI	06/04/1999	29016096	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ MẾN	10/10/1997	29009021	Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 9.75
NGUYỄN VĂN PHÁP	26/06/1999	29009817	Toán: 7.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 2.60
CAO TIẾN DƯƠNG	19/05/1999	29006308	Toán: 4.80 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 2.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.5 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.50 GDCD: 7.75 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.20
LÊ THỊ THẢO	20/10/1999	29020456	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN QUANG ANH	07/05/1999	29025881	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 5.40
ĐẬU QUANG NAM	20/04/1999	29021923	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.00 KHXH: 8 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ LAN	18/06/1999	29003956	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.60
ĐOÀN THỊ LAN ANH	23/10/1999	29005472	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.00
HỒ THỊ LÀNH	05/01/1999	29015759	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.60
PHAN XUÂN PHÚC	19/08/1999	29014100	Toán: 1.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.80
THÁI TRẦN TIẾN	29/07/1999	29000846	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 2.25 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.00
CAO HỒNG QUÂN	15/06/1999	29002893	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VĂN THUẬN	19/09/1998	29022490	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.80
VỪ BẮC CHỐNG	05/09/1999	29008183	Toán: 2.40 Ngữ văn: 1.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.50 GDCD: 5.00 KHXH: 3.67 Tiếng Anh: 2.40
LÔ THỊ HẢO	07/06/1999	29025022	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN DOÃN TÀI	16/08/1999	29001135	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 1.75 Hóa học: 2.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00

TRẦN THU TRANG	20/11/1999	29015258	Toán: 1.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.00
HỒ ĐỨC ANH	23/07/1999	29029422	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 2.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ TRÀ	10/10/1999	29022542	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 3.50 GDCD: 7.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ LÀNH	30/07/1999	29022855	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.20
NGÔ THỊ NHÀN	01/09/1999	29030155	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 6.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.20
HÀ THỊ VINH	01/09/1999	29014221	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG ĐÌNH TRUNG ĐẠT	10/12/1999	29020990	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN HÀM KIÊN	22/04/1997	29001776	Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 9.25
NGUYỄN THO NY	16/03/1999	29026421	Toán: 7.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 9.20
LÊ SỸ QUÂN	03/05/1999	29008895	Toán: 1.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 4.00 KHXH: 4 Tiếng Anh: 1.60
HỒ PHƯƠNG DUNG	13/03/1999	29004925	Toán: 8.40 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 9.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 7.00
NGUYỄN KIM KHOA	25/10/1999	29008783	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 4.40
LƯƠNG THỊ XUÂN	07/04/1999	29003599	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.00
LƯU QUANG TRƯỜNG	13/02/1999	29020857	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.60
THIỀU THỊ PHƯỢNG	23/10/1999	29024539	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.75 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 6.40
NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	28/10/1999	29002416	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ VÂN THƯ	06/10/1999	29011798	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 5.00

VÕ THỊ LI NA	10/10/1999	29021189	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 4.20
LƯƠNG VĂN MÃO	18/05/1999	29020709	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HIỀN	25/02/1999	29019373	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ LAN	15/01/1999	29017317	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ TRẦM	02/10/1999	29020152	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.60
LÊ VĂN ANH	07/09/1998	29012557	Toán: 5.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.08
TRẦN ĐẠT MINH	02/04/1999	29018853	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 9.25 Sinh học: 8.50 KHTN: 8.25 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN THỊ HỒNG	08/11/1999	29016670	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN QUANG THÀNH	04/08/1999	29009900	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 7.75 Tiếng Anh: 4.80
PHAN THỊ HỒNG	24/06/1999	29019433	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 5.00 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.00
TRẦN ĐỨC SONG	20/03/1999	29008916	Toán: 1.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.60
SẦM THỊ SANG	05/08/1999	29014735	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.00
HỒ TUẤN VŨ	20/11/1999	29011213	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ AN	10/10/1999	29019176	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.20
ĐINH HUỲNH ĐỨC	24/09/1999	29009523	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.75 KHXH: 8.42 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THANH NGÂN	16/02/1999	29007357	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.25 KHTN: 2.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 2.75 GDCD: 6.75 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.40
QUẾ ĐÌNH MINH	27/03/1998	29004532	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 3.20

ĐÌNH BÌNH LOAN	16/04/1999	29004508	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN VĂN SÁNG	06/11/1999	29000779	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 4.40
CAO THỊ ÁNH	05/08/1999	29005485	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.20
ĐẬU THỊ THU THỦY	02/07/1999	29026997	Toán: 7.40 Ngữ văn: 9.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 9.60
VŨ HỒNG HỮU	27/02/1998	29029052	Toán: 1.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.60
PHAN HỒNG NHUNG	27/05/1999	29005198	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.50 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN ĐẠT	28/12/1999	29010330	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG VĂN HƯNG	10/04/1999	29018818	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN VIỆT HÀN	21/08/1999	29012730	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG ANH TUẤN	15/04/1999	29004780	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.40
VI THỊ MƠ	02/02/1999	29014053	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ THÚY	25/12/1999	29006634	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 2.92 Tiếng Anh: 2.40
ĐẬU THỊ HƯƠNG LY	15/09/1999	29017368	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH	06/08/1999	29022780	Toán: 7.80 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 5.40
MẠNH XUÂN GIANG	01/05/1999	29021685	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
NGÔ THỊ HOAN	23/10/1999	29022815	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.80
PHAN VĂN TÚ	05/09/1997	29030885	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.40

TRẦN THỊ NHUNG	02/08/1999	29027513	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN ĐỨC PHÚ	21/04/1999	29018108	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	05/10/1999	29018833	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Pháp: 2.00
VÕ CÔNG NGUYỄN	05/08/1999	29013052	Toán: 1.80 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 3.25
LƯƠNG THỊ PHƯƠNG THẢO	08/07/1999	29011059	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 6.25 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 3.20
ĐẶNG THỊ PHƯƠNG	02/12/1999	29018659	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN HOÀNG ANH	22/12/1998	29010040	Toán: 5.80 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.75
LÊ VĂN KHẢI	10/08/1999	29012127	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ HOÀI	02/12/1998	29021773	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.00
LANG VĂN TUẤN	10/06/1999	29020184	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN MẠNH	22/02/1999	29020373	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.92 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.20
NGÔ VĂN HẢI	13/09/1999	29005592	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ ĐOÀN	12/11/1999	29015517	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ TUYẾT LIÊN	19/12/1999	29001043	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.42 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00
NGUYỄN VIỆT TRUNG	01/03/1999	29025768	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.5 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.60
BÙI VIỆT HIẾU	04/05/1999	29022274	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ RINH	26/07/1999	29016921	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 2.40

NGUYỄN ANH TUẤN	20/11/1999	29028218	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	19/02/1999	29021114	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.80
HÀ VĂN THUỶ	04/08/1999	29015184	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 5.00 KHXH: 3.92 Tiếng Anh: 3.80
ĐẶNG VĂN THÀNH	12/10/1999	29022076	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.60
PHÙNG XUÂN BÁCH	28/06/1999	29012645	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM THU PHƯƠNG	19/08/1999	29024532	Toán: 5.20 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 8.00
NGUYỄN PHÚC CHIẾN	16/01/1999	29020966	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 2.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.42 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG THỊ PHƯƠNG LY	05/07/1999	29011709	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 4.40
TRƯƠNG VĂN QUÂN	20/02/1999	29016906	Toán: 6.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.60
VŨ THỊ YẾN	12/02/1999	29006828	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.50 GDCD: 6.00 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG NGỌC TÚ	10/02/1999	29012510	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN MINH HIẾU	14/03/1999	29005018	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THANH HIẾU	13/07/1999	29017931	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 2.00
TRẦN KHÁNH HUYỀN	01/05/1999	29023810	Toán: 8.00 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 5.80
VI THỊ HẰNG	18/08/1998	29008543	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.50 Tiếng Anh: 8.20
NGUYỄN GIÁO NAM	04/01/1999	29011719	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 6.50 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN THỊ QUỲNH	08/03/1999	29030616	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.40

PHAN THỊ NHÀN	14/10/1999	29017418	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN PHÚC	02/07/1999	29030198	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 5.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.00
PHẠM VĂN TÂN	05/10/1999	29004156	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.50 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 2.40
LÊ NGỌC HOÀNG ANH	08/04/1998	29026719	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 2.83 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ NGÀ	23/02/1999	29012850	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.50 GDCD: 6.25 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 2.20
HOÀNG THỊ NGỌC ANH	03/02/1999	29011237	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.40
PHAN THANH HOÀNG	16/10/1999	29012079	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 1.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 2.92 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 2.20
THÁI THỊ THU GIANG	01/10/1999	29018771	Toán: 9.40 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 8.00
NGUYỄN THỊ HẰNG	24/07/1999	29002336	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.80
VÕ VĂN HUY	30/07/1999	29008754	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.75 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VIỆT TRƯỜNG	01/07/1999	29027077	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.80
ĐOÀN THỊ MINH GIANG	16/05/1999	29022755	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 8.80
LÊ THỊ HƯƠNG LY	24/12/1998	29009736	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN VIỆT ĐỨC	21/07/1999	29020262	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.20
PHAN THỊ HUYỀN	05/05/1999	29030494	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 4.20
VƯƠNG THỊ THẢO	12/07/1999	29029264	Toán: 4.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN PHÓNG	26/03/1999	29009822	Toán: 8.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 4.60

VÕ VĂN LINH	27/03/1999	29010499	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.20
VI VĂN THUẦN	15/07/1999	29013367	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.42 Tiếng Pháp: 2.20
HÀ NGỌC KHẢI	03/10/1999	29002828	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.33 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.60
PHAN ĐÌNH HUY	02/10/1999	29003413	Toán: 1.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.83 Tiếng Anh: 3.40
NGÔ THỊ THANH TÚ	02/05/1999	29020177	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN QUANG LINH	09/07/1999	29023241	Toán: 8.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN HỮU HÒA	22/10/1999	29007630	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.00 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN ĐÌNH LỢI	27/01/1998	29004259	Toán: 5.60 Vật lí: 3.75 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HÀ AN	17/10/1999	29023537	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 5.40
LƯƠNG TIỂU YẾN	18/09/1999	29008522	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.60
LÊ TUẤN ANH	11/07/1999	29027156	Toán: 5.00 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.50 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.00
ĐẶNG THỊ TRÀ	01/07/1999	29030788	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN ĐÌNH TRUNG	14/02/1999	29028759	Toán: 9.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 4.40
LÊ VĂN VIỆT QUỐC	27/04/1999	29027551	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 5.40
BÙI DANH THƯỜNG	08/10/1999	29009952	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.75 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.80
LÔ NHẬT TRƯỜNG	08/10/1999	29020856	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.25 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 2.20
HỒ CÔNG HẢI	07/12/1999	29018427	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.80

NGUYỄN THỊ VÂN ANH	29/03/1999	29007210	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM THỊ KHÁNH LINH	03/07/1999	29026266	Toán: 7.40 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 6.20
LÊ THỊ HÀ MY	24/09/1999	29026336	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 9.20
NGUYỄN THỊ NGÀ	02/09/1999	29022901	Toán: 8.40 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 7.20
NGUYỄN THẾ TƯỜNG	21/09/1999	29022636	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN LÊ NGỌC QUỲNH	17/04/1999	29024552	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN CÔNG PHÚ	21/06/1999	29000745	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 2.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.58 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ LAN ANH	10/11/1999	29015406	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 4.75 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.40
CHU ĐÌNH PHI	10/04/1999	29021987	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ LAN ANH	04/08/1999	29010245	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ NAM	22/10/1999	29030565	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN DUY KHÁNH	05/11/1999	29005699	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG THỊ HỒNG	17/12/1999	29001410	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.60
VÕ TRỌNG HÙNG	07/01/1999	29023784	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 8.00 Hóa học: 9.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 7.00
NGUYỄN THỊ QUỲNH VÂN	22/11/1997	29026710	Toán: 6.60 Ngữ văn: 8.75 Tiếng Anh: 9.20
THÁI VĂN TIẾN	05/04/1999	29030774	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 6.25 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THÀNH LÂM	12/05/1999	29020330	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.80

LÊ THỊ YẾN	24/05/1999	29002686	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 6.40
HỒ SỸ DŨNG	11/11/1999	29030405	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN ĐÌNH MINH	02/09/1999	29008828	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 4.50 KHXH: 4.08 Tiếng Anh: 2.00
ĐẶNG VĂN TOÀN	09/01/1999	29002118	Toán: 9.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 7.67 Tiếng Anh: 3.40
LÊ ĐÌNH BA	10/04/1999	29020951	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.20
NGÔ THỊ NHƯ QUỲNH	22/06/1999	29028042	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ HẬU	27/03/1998	29022792	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 5.75 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN VĂN ĐÔNG	11/05/1999	29015521	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.20
CAO THỊ PHƯƠNG	07/05/1999	29029188	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN CÔNG MINH	26/11/1999	29022360	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 6 Tiếng Anh: 10.00
HỒ THỊ PHƯƠNG LINH	07/11/1999	29010476	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN HỒNG QUÂN	15/11/1999	29027547	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.00 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 1.60
PHẠM THỊ THANH NHÀN	30/09/1999	29013269	Toán: 8.80 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ HOÀI THANH	01/11/1999	29002083	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 7.75 Sinh học: 7.50 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 7.40
ĐOÀN DIỆU QUỲNH	09/10/1999	29026926	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 2.75 GDCD: 8.00 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 7.60
ĐẬU VĂN TÀI	22/01/1999	29002922	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 3.40
ĐẬU CÔNG HẢI	09/08/1999	29006003	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00

NGUYỄN THỊ NHUNG	02/09/1999	29021970	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.50 GD&CD: 6.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN XUÂN HẢI	08/08/1999	29002321	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.80
HỒ THỊ THỦY	05/10/1999	29016977	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 6 Tiếng Anh: 2.80
NGÔ THỊ AN	11/07/1999	29017809	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 7.00 KHTN: 6 Tiếng Anh: 5.60
PHAN VĂN TỊNH	27/11/1999	29002117	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ THƠM	08/01/1999	29022476	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 8.00 Sinh học: 6.00 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 6.60
TRẦN XUÂN ĐÔNG	28/08/1999	29000121	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.75 GD&CD: 8.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ LỆ HẰNG	14/05/1999	29024289	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.75 GD&CD: 9.00 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 4.20
LÔ NHẬT HÀO	03/08/1999	29020629	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GD&CD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ THẢO	16/02/1999	29013353	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.25 GD&CD: 8.75 KHXH: 6.25 Tiếng Pháp: 3.20
CAO THỊ LAN	16/08/1999	29005709	Toán: 7.40 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.75 GD&CD: 8.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 8.40
NGUYỄN VĂN TÀI	10/04/1999	29030277	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.25 GD&CD: 6.25 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN HỒNG TIẾN	11/06/1998	29014847	Toán: 4.20 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.50 Tiếng Anh: 5.60
BÙI THỊ TÚ	13/07/1999	29005386	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.00 GD&CD: 8.75 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 5.60
PHẠM VĂN TUẤN	16/08/1999	29006228	Toán: 5.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.25
NGÔ THỊ QUỲNH	21/10/1999	29019962	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GD&CD: 7.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN ĐÌNH PHỐ	14/03/1999	29011454	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GD&CD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.00

PHAN VĂN LỄ	11/10/1999	29018548	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.20
LÊ CÔNG TUẤN	05/04/1999	29003569	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 8.50 Sinh học: 8.75 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 5.20
HOÀNG THỊ TRANG	08/03/1999	29002978	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 6.25 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 4.60
VŨ VĂN CHÍNH	08/12/1999	29029751	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN BÁ ƯỚC	25/01/1999	29003587	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ HẰNG NGA	11/10/1999	29024476	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.00
LÊ THÀNH XUÂN	09/01/1999	29012548	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 4.60
LÊ THỊ THANH	01/05/1999	29016339	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.00
PHÙNG ANH QUÂN	29/08/1999	29025215	Toán: 6.40 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN KHẮC ĐỨC	09/11/1999	29023687	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THU LAN	21/08/1999	29012152	Toán: 1.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 6.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 1.80
TRẦN THỊ THÙY DUNG	09/11/1999	29004928	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.60
ĐINH QUANG HỖ	20/01/1999	29006981	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN ĐỨC NHẬT	05/12/1993	29027719	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.50
NGUYỄN VĂN HẬU	16/09/1999	29003129	Toán: 2.20 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.20
PHAN QUỲNH ANH	22/02/1999	29025900	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 9.40
NGUYỄN CÔNG VIỆT	15/10/1999	29008029	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 3.20

NGUYỄN QUỐC VIỆT	16/01/1999	29009387	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN DOÃN QUÂN	09/04/1999	29020416	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 2.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 3.80
DƯƠNG THỊ TRANG	19/05/1999	29004711	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ HẢI	19/11/1999	29008689	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN CÔNG ĐỨC	25/07/1999	29029819	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.40
LƯƠNG NGỌC SAO	04/02/1999	29005255	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 4.80
LÊ VĂN THÁI	04/06/1999	29028648	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.60
PHẠM THỊ QUỲNH NGA	11/03/1999	29030131	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 5.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.20
LÊ THỊ TRÀ	18/05/1999	29009299	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 2.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ THỦY	02/08/1998	29010691	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN TRỌNG LONG NHẬT	06/02/1999	29025176	Toán: 6.80 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 2.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN TUẤN ANH	12/03/1994	29024710	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.00 Tiếng Anh: 6.20
MAI VĂN TIẾN	29/07/1999	29017568	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 5.75 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.80
NGÔ NGỌC ANH	27/08/1999	29010243	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN CẢNH CẦM	10/03/1999	29023622	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 8.25 Sinh học: 9.25 KHTN: 7.83 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HOÀI	17/03/1999	29021777	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	26/04/1999	29003298	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.00

TĂNG VĂN HÙNG	06/02/1999	29005045	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 5.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 1.60
NGUYỄN HỮU THANH LÂM	25/08/1999	29001980	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG THỊ LAN HƯƠNG	09/01/1999	29014986	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	04/06/1999	29009976	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ LINH TRANG	18/03/1999	29009315	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ TÂM	07/07/1999	29001604	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN THỊ DIỆU LINH	19/08/1999	29019543	Toán: 2.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.00 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.80
PHẠM VĂN KIÊN	25/05/1999	29006989	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ LIÊN	02/01/1999	29011383	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.00
NGÔ MINH TRÍ	15/10/1999	29017599	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.00
ĐẶNG VĂN BÁ	19/09/1999	29022190	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 3.00
ĐẶNG THIÊN ĐỨC	01/11/1998	29010335	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.25 GDCD: 5.00 KHXH: 3.58 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ THÚY	09/02/1999	29001667	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 8.40
ĐÀO VIẾT THÔNG	21/01/1999	29002616	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.20
TRỊNH THỊ THỦY	20/11/1999	29015200	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.25 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 4.60
LÊ THỊ THÙY	25/08/1999	29003313	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 2.60
PHAN THỊ CHUYỀN	18/06/1998	29006871	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.80

ĐINH THỊ PHƯƠNG CHI	02/08/1999	29009473	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 7 Tiếng Anh: 3.40
TÔN THẾ KINH	19/11/1999	29019509	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ HƯỜNG	18/01/1999	29017995	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ THANH AN	26/08/1999	29007513	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.40
NGÔ TRÍ HƯNG	15/08/1995	29025277	Toán: 2.40 Ngữ văn: 2.00 Lịch sử: 4.25
LÊ THỊ HƯỜNG	12/12/1999	29002434	Toán: 6.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 6.60
BÙI THỊ PHƯƠNG THÚY	18/09/1999	29017559	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.00 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 4.40
PHẠM THỊ LINH PHƯƠNG	03/03/1999	29009835	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.75 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 3.60
HỒ XUÂN NGỌC	13/03/1999	29008103	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.17 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00
VÕ THỊ KHÁNH LINH	26/01/1999	29018024	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 7.25 KHTN: 6 Tiếng Anh: 5.40
LƯƠNG THỊ THẢO	22/11/1998	29013729	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 2.25 GDCD: 6.75 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 1.80
LANG VĂN HUÂN	17/04/1999	29003145	Toán: 3.00 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.40
ĐẬU MINH LONG	28/02/1997	29026655	Toán: 4.20 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.00 Tiếng Anh: 4.60
LÊ VĂN QUANG	04/06/1999	29016896	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 2.40
LÔ THỊ NGỌC MAI	04/03/1999	29008343	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HOÀI	09/01/1999	29012069	Toán: 6.40 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 6.20
PHẠM THANH LÂM	03/10/1999	29025101	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG THỊ NGỌC ANH	02/09/1999	29030364	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 4.40

NGUYỄN THỊ HIỀN	16/05/1999	29022269	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 2.83 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN MẠNH TÚ	23/12/1999	29024119	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 8.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 4.80
TRƯƠNG THỊ NAM	11/11/1999	29012846	Toán: 5.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.80
HOÀNG NHẬT HUY	25/03/1999	29017972	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.60
TRƯƠNG THỊ LINH	06/07/1999	29011392	Toán: 5.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ LỆ MỸ	24/09/1999	29003203	Toán: 2.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN TIẾN KHÁNH	12/03/1999	29026210	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ TRANG	17/10/1998	29006207	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25
NGUYỄN HOÀNG HƯNG	26/10/1999	29029037	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ YẾN	26/07/1999	29023423	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.83 Tiếng Anh: 6.80
CHU TRỌNG LỢI	01/01/1999	29018033	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 6.25 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN XUÂN MINH PHƯƠNG	10/09/1999	29000752	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 6.40
TRẦN THỊ TÂM	22/10/1999	29007401	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.80
HUỲNH THỊ GIANG	02/08/1999	29018417	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 9.00
LẠI THỊ TÂM	12/10/1999	29015095	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 1.50 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 2.58 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.80
LÔ VĂN CHÔM	03/03/1999	29020573	Toán: 2.20 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 5.75 KHXH: 4.08 Tiếng Anh: 1.80
PHẠM THỊ VINH	11/05/1999	29023082	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 5.20

THÁI HOÀNG ĐẠT	03/10/1999	29024230	Toán: 2.20 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.25 GDCD: 3.75 KHXH: 3.42 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HƯƠNG DUNG	07/04/1999	29000091	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 6.75 KHTN: 7 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ ANH PHƯƠNG	26/12/1999	29007084	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN CẢNH ĐẠT	24/02/1999	29022742	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THÁI HOÀNG	16/02/1998	29001021	Toán: 6.20 Vật lí: 7.25 Hóa học: 5.50
TRỊNH TẤT THẮNG	04/12/1999	29022991	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.50 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	19/07/1999	29011902	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.40
HOÀNG VĂN TÚ	18/10/1999	29011823	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.80
ĐẶNG VIỆT ĐỨC	22/01/1999	29006324	Toán: 4.60 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN HỮU HÀO	09/06/1999	29003119	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.75 GDCD: 7.75 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN PHÚ	04/03/1999	29000746	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 9.50 Sinh học: 8.50 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 4.80
LÊ HỮU BẰNG SƠN	13/12/1999	29003275	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.60
LÊ VIỆT TÚ	01/10/1999	29000599	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.40
PHAN VĂN GIANG	16/05/1999	29029842	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ HOÀI	15/10/1999	29003878	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.40
THÁI THỊ THẨM	21/11/1999	29030688	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ HIỀN	28/06/1999	29015601	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.40

TRƯƠNG THỊ HỒNG THẨM	15/01/1999	29004181	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ KHÁNH HÒA	28/09/1999	29023190	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.75 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN ĐỨC HÒA	16/05/1999	29021072	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN THỊ MI NA	25/05/1999	29012841	Toán: 5.80 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 8.20
PHẠM ĐỨC HIẾU	12/09/1999	29004430	Toán: 7.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 4.00
PHAN VĂN THANH	02/09/1999	29001618	Toán: 4.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.20
LÊ THỊ QUỲNH NGÀ	25/07/1998	29008101	Toán: 8.80 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.25
TRẦN THỊ YẾN	01/06/1999	29022688	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN TIẾN	22/12/1999	29021360	Toán: 4.60 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN ĐÌNH PHÚC	29/06/1999	29025586	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.92 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 5.00 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN KHẮC ĐÌNH	02/09/1999	29029812	Toán: 1.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 5.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ MẾN	14/10/1999	29010531	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN CÔNG HÀO	26/01/1999	29001326	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN HIỆP	10/02/1999	29009580	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN TRỌNG DŨNG	11/01/1999	29001863	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 9.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 4.40
VÕ ANH THỊ	30/12/1999	29007994	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 8.50 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 5.00
HỒ THỊ MINH	22/06/1998	29029123	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.60

HOÀNG KHẮC MINH	01/11/1999	29006499	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 6.75 KHTN: 6 Tiếng Anh: 2.80
TRƯƠNG THỊ THÙY LINH	22/08/1999	29005122	Toán: 8.00 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 7.60
TRẦN THỊ THỦY	09/10/1999	29012430	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.00 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ MỸ	30/11/1998	29010764	Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 9.00
HỒ THUÝ NGÂN	27/12/1998	29024481	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN DUY BÌNH	16/04/1999	29027189	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.40
PHẠM THỊ NGUYỆT	22/10/1998	29008860	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN VĂN KIÊN	23/01/1999	29021124	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ UYÊN	04/10/1999	29028789	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM QUANG NHẬT	25/10/1998	29017726	Toán: 6.40 Vật lí: 7.00 Hóa học: 4.50
NGUYỄN THỊ QUỲNH	20/10/1999	29004120	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 1.80
LÊ VĂN SINH	22/07/1998	29001798	Toán: 7.40 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.75
NGÔ THỊ HẬU	10/07/1999	29005004	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 4.60
HOÀNG THỊ NGUYỄN ÂN	09/07/1999	29009068	Toán: 9.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 9.00 Sinh học: 8.25 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 5.40
CAO VĂN PHÚC	06/06/1999	29005827	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 4.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.00
LĂNG THỊ HƯỜNG	15/12/1999	29030006	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 9.00 GDCD: 7.50 KHXH: 8 Tiếng Anh: 3.20
ĐẶNG THỊ LY	27/10/1999	29005751	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.40
TRƯƠNG THỊ HƯƠNG GIANG	30/04/1999	29014377	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.00

NGUYỄN VIỆT HIẾU	26/07/1996	29025268	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 6.50
LƯƠNG VĂN NĂNG	13/10/1999	29020723	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.5 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 5.25 KHXH: 4.08 Tiếng Anh: 2.60
VĂN HUY LONG	15/08/1999	29016778	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.00
KHA VĂN QUÝ	29/10/1999	29020785	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.60
CAO XUÂN HẢI	28/05/1997	29003623	Toán: 3.60 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.75
NGÔ TRÍ HIỀN	06/11/1999	29019370	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.20
HỒ ĐÌNH ĐỨC	18/10/1999	29018763	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 7.75 Sinh học: 7.25 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ LINH CHI	15/09/1999	29028879	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.00 KHXH: 8 Tiếng Anh: 6.20
LÊ VĂN THỊNH	22/07/1999	29004194	Toán: 4.00 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.80
HỒ THỊ HẢI YẾN	15/10/1999	29007506	Toán: 6.40 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ HẠNH	25/05/1999	29010376	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN NGỌC ANH	22/04/1999	29008595	Toán: 3.00 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.60
PHAN THÁI HIỆP	08/07/1999	29022272	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ HƯỜNG	18/09/1999	29004480	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 6.50 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN ĐÌNH HIẾU	22/12/1999	29019391	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.60
PHAN VĂN ANH	01/01/1999	29028857	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.20
HOÀNG NGỌC TRƯỜNG	17/08/1999	29028189	Toán: 2.80 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 5.80

NGUYỄN HỮU ƯỚC	02/10/1999	29021418	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.00
VI VĂN NGHĨA	19/11/1999	29003216	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 5.50 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 3.60
HỒ VĂN DŨNG	12/02/1998	29015926	Toán: 6.60 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.00
NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	01/06/1999	29015696	Toán: 7.20 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 9.25 Địa lí: 9.75 GDCD: 8.25 KHXH: 9.08 Tiếng Anh: 5.80
HOÀNG THỊ PHƯƠNG DUNG	10/01/1999	29021608	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.20
ĐẬU THỊ THÚY	05/03/1999	29006632	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN PHÚC HOÀNG	09/03/1999	29026136	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 9.40
HỒ THỊ DIỆU THÚY	19/12/1999	29004661	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 5.40
SẦM THỊ GIANG	18/03/1998	29014376	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.00 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN KHÁNH	06/08/1999	29002830	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.58 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ SEN	15/02/1999	29022038	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.80
PHAN VĂN TOẠI	14/02/1999	29023368	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 6.00 KHTN: 4.08 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.20
VÕ THỨC HOÀNG LONG	29/08/1999	29025527	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.67 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 8.20
NGÔ NHẬT CƯỜNG	01/10/1999	29024186	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 5.80
HOÀNG HỮU NGHĨA	12/04/1999	29012256	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 6.25 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 2.60
LÊ THỊ MỸ NƯƠNG	19/09/1999	29025193	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN VĂN TÀI	16/07/1999	29018710	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 9.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.75 KHXH: 8.83 Tiếng Anh: 5.00

NGUYỄN THỊ MỸ LINH	15/02/1999	29029087	Toán: 3.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ OANH	23/07/1997	29018652	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 5.75 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 3.20
QUANG VĂN MẠO	28/10/1999	29013645	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.80
PHAN VŨ ĐOÀN	15/06/1999	29016143	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 3.40
MẠC ĐĂNG KHOA	18/10/1999	29014009	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.80
VŨ THỊ DIỆU LINH	06/06/1999	29007333	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 2.60
VŨ TRUNG KIÊN	02/01/1999	29026219	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 1.75 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ DƯƠNG	14/02/1999	29008658	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.60
ĐẬU HOÀNG ANH	27/01/1999	29019849	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG THỊ HOA	02/12/1999	29006378	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 4.80
LÊ THỊ THU NHƯ	04/03/1999	29009233	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.92 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.80
BÙI THỊ THÙY	10/12/1999	29022492	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN HOÀNG QUYỀN	19/11/1999	29024000	Toán: 8.80 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 9.40
BÙI THỊ NGỌC MAI	25/08/1999	29026301	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 8.60
LÊ THỊ VÂN	23/10/1998	29006796	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.60
LÊ XUÂN TUẤN	04/01/1998	29002773	Toán: 3.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 1.75 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.5
MAI THỊ NGỌC HIỆP	20/10/1999	29012051	Toán: 8.20 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 6.50 KHTN: 6 Tiếng Anh: 9.00

NGUYỄN QUỐC TIẾN	04/02/1999	29028124	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 8.00
TRẦN THỊ LƯƠNG	06/02/1999	29014564	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ HOÀI	01/05/1999	29024316	Toán: 9.20 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 9.40
HỒ VĂN TRƯỜNG	09/07/1999	29017027	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 6.50 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 1.60
LÊ TRUNG SANG	02/04/1999	29027571	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 2.60
NGÔ ĐÌNH TRỌNG	11/10/1999	29002984	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 1.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.42 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG THỊ HOA	18/06/1999	29009129	Toán: 5.40 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.17 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.40
LƯƠNG QUỲNH TRANG	14/12/1999	29025741	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.08 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN XUÂN ÁNH	10/06/1999	29005958	Toán: 3.40 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 5.25
LÀU Y TÂU	16/07/1999	29008434	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN PHONG	16/03/1998	29010775	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.60
LÊ THỊ HUYỀN	14/07/1999	29024350	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 5.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN ĐÌNH LƯƠNG	09/03/1999	29026870	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.33 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 4 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.75 KHXH: 8.42 Tiếng Anh: 2.60
PHAN THÀNH ĐẠT	05/07/1995	29024742	Toán: 3.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.75
SÀM ĐỨC CHÍNH	06/01/1999	29014314	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.60
NGÔ THỊ THƯƠNG	26/01/1999	29004678	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	27/06/1999	29021307	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 2.80

LÊ VĂN TRIỆU	03/08/1999	29002140	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 3.80
ĐẶNG VĂN HÙNG	03/06/1999	29029962	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GD&CD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.60
HỒ VIỆT THỦY	06/05/1999	29009933	Toán: 4.60 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 2.67 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 8.50 GD&CD: 7.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN TÚ	13/08/1999	29004774	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.5 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GD&CD: 9.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN ĐỨC NAM	22/11/1999	29006509	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ UYÊN	20/01/1999	29028788	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 8.75 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 5.20
TRẦN THỊ HÀ	25/04/1999	29016592	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 5.20
LÊ ANH ĐỨC	22/02/1999	29012708	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN TRẠCH AN	10/01/1999	29029695	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.50 GD&CD: 8.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN XUÂN TRƯỜNG	03/05/1999	29003559	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 1.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 2.92 Tiếng Anh: 3.00
CAO THỊ PHƯỢNG	06/03/1999	29006561	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 4.20
LÊ VIỆT DŨNG	05/08/1999	29011612	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.80
VŨ THỊ NGỌC	11/12/1999	29018867	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG NGHĨA QUỐC	26/07/1999	29026468	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 9.50 Sinh học: 9.25 KHTN: 8.75 Tiếng Anh: 6.00
PHAN SỸ TÂN	20/08/1999	29009265	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 4 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GD&CD: 7.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.20
VŨ NHẬT BÁCH	23/05/1999	29015425	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.25 GD&CD: 7.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.00
HỒ THỊ LAN HƯƠNG	04/08/1999	29016709	Toán: 7.00 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 3.80

NGUYỄN THỊ THU TRANG	05/05/1998	29022156	Toán: 7.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.00
LÊ THỊ TRANG	18/10/1999	29011538	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 4.80
CAO THỊ VÂN	26/08/1999	29011844	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ HIỀN	16/11/1999	29007286	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 6.00
ĐẬU QUỐC VƯƠNG	20/09/1999	29028257	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.80
LÊ ANH TÚ	08/03/1999	29014200	Toán: 5.40 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG ĐỨC THẮNG	14/10/1999	29007754	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.25 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 2.00
ĐINH THỊ THU UYÊN	07/04/1999	29010012	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.00
LÊ THỊ HÀ THƯƠNG	26/09/1999	29023360	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 4.80
LÊ XUÂN HOÀNG	02/09/1997	29001401	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.60
TRƯƠNG XUÂN HIẾU	03/11/1996	29027671	Toán: 3.80 Vật lí: 3.75 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG ANH TUẤN	10/02/1994	29027788	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.75
KHA VĂN BIÊN	19/05/1999	29008153	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.40
CAO NHƯ THẾ	19/07/1999	29006616	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.08 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ ÁNH	18/10/1999	29009454	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN LÂM	13/10/1999	29023236	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 3.00
ĐẶNG THÙY GIANG	19/05/1999	29017886	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 5.40

NGUYỄN THỊ LINH	23/07/1999	29007012	Toán: 3.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 5.80
PHẠM TRỌNG HƯNG	19/01/1999	29007660	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN DUY QUANG	19/12/1999	29021240	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN XUÂN MẠNH	18/01/1999	29021173	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ THÀNH	21/01/1999	29000795	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ XINH	12/05/1999	29019112	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.60
BÙI THỊ THỦY	06/11/1999	29008968	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN CẢNH CƯỜNG	19/10/1999	29019251	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.40
KIM THỊ ANH	03/11/1999	29014275	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN LINH	24/02/1999	29011696	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 6.25 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ ÚT THƯƠNG	15/05/1999	29000561	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 6.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.00
CHÂU THỊ LÀNH	07/04/1999	29006997	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.25 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỌ TÚ	11/12/1999	29029646	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.20
LŨI MẠNH HÙNG	28/09/1998	29014795	Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.00
CAO THỊ NGỌC ÁNH	20/03/1999	29018350	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	11/07/1998	29000077	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.20
TRƯƠNG MINH PHƯỢNG	28/02/1999	29025596	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.50 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 5.80

LÊ THỊ HOA	16/01/1999	29016644	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 8.00
HỒ THẢO PHƯƠNG	18/09/1999	29026437	Toán: 5.00 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 9.25 Địa lí: 9.50 GDCD: 7.75 KHXH: 8.83 Tiếng Anh: 6.20
LƯƠNG HOÀI LÂM	20/07/1999	29014520	Toán: 2.20 Ngữ văn: 1.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.50 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN LÂM	01/10/1998	29015762	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.80
ĐẶNG THỊ TRANG	13/09/1999	29020119	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.60
PHẠM VIỆT TOÀN	02/07/1999	29021369	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.00
LÊ VĂN HOÀNG	25/11/1999	29001400	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN ĐÌNH HIẾU	09/02/1999	29015616	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.00
LÔ ĐỨC THIÊN	13/02/1999	29025673	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 9.00 GDCD: 9.25 KHXH: 8.58 Tiếng Anh: 4.60
KIỀU HẢI LINH	24/11/1999	29001459	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ HOÁ	15/01/1999	29001380	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN HỮU THẮNG	01/06/1999	29022442	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.00 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.80
LÊ MINH QUÂN	27/06/1999	29010611	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.80
BIỆN VĂN ĐỒNG	01/01/1996	29027653	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.75
ĐẬU THỊ ÁNH	27/01/1999	29004326	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 8.25 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 3.40
LÊ VĂN ĐẠT	13/05/1997	29003621	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.00 Sinh học: 1.50 KHTN: 2.25 Lịch sử: 3.50 GDCD: 5.00 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN MẠNH	26/08/1999	29022357	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 2.40

NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	12/10/1999	29009431	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.25 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 4.40
VÕ NGỌC QUYÊN	06/12/1999	29019959	Toán: 4.60 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.50 KHXH: 8.42 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN ĐÀO	04/04/1999	29006315	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ TRANG LINH	02/07/1999	29023858	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 8.40
PHẠM THỊ BÉ	19/02/1999	29019218	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN VĂN HIẾU	13/07/1999	29018468	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 4.20
ĐÀO DANH HOÀNG	16/11/1999	29000239	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.00
PHAN THỊ LAN HƯƠNG	24/02/1999	29002433	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 5.25 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	10/12/1999	29011108	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	29/12/1999	29009659	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 5.20
NGÔ XUÂN HOÀNG	28/07/1999	29026804	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.25 KHTN: 2.58 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.25 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.40
VÕ THỊ VINH	01/10/1999	29030936	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 9.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
VŨ THỊ TÂM	09/12/1999	29028647	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ TUYẾT	11/05/1999	29030913	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.00
VÕ THỊ THÙY TRANG	01/01/1998	29010800	Toán: 6.40 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.00
NGUYỄN QUỲNH TRANG	15/04/1999	29024618	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ HIỀN	05/07/1999	29000190	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.00

NGUYỄN ĐỨC TUẤN	11/10/1999	29009358	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 8.25 Hóa học: 9.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 3.60
BÙI THỊ QUỲNH LY	25/04/1999	29030081	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.60
LÊ PHƯƠNG DUNG	17/11/1999	29026757	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 6.50 KHTN: 4.92 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 5.20
LÂM THỊ THU HÀ	21/06/1999	29020624	Toán: 2.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.25 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 3.40
LA VĂN LÂM	28/02/1999	29003176	Toán: 1.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 4.00
PHẠM VĂN HẢI	15/05/1999	29004982	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM THỊ SEN	18/12/1999	29009260	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 2.80
NGÔ TIẾN ANH	05/06/1999	29024917	Toán: 6.20 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 2.80
VÀ Y SÔNG	01/03/1999	29008426	Toán: 3.60 Ngữ văn: 2.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN TẤT TÀI	28/05/1999	29002073	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.20
VŨ THỊ HẰNG	07/04/1999	29015587	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN THỊ HẠNH	30/09/1999	29010377	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.60
NGÔ THỊ HUỆ	17/03/1999	29004453	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 9.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN THỊ ÁNH	01/01/1999	29002782	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 1.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.17 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM TUẤN SANG	21/11/1999	29009865	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ TÚ OANH	27/11/1999	29019922	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.60
CAO KHẮC TÚ	25/02/1999	29006746	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 9.00 GDCD: 9.00 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 4.40

TRẦN VŨ HÀO	11/05/1999	29028381	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ YẾN	30/03/1999	29015378	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 4.40
VI VĂN PHÚ	16/12/1999	29020769	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN ĐÌNH VINH	23/08/1999	29001202	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 2.25 KHTN: 2.92 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00
PHẠM THỊ THUẬN	10/10/1999	29028702	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.60
TRƯƠNG ĐÌNH QUỐC TIẾN	23/09/1999	29024605	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	30/08/1999	29002147	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 4.80
ĐẶNG THỊ HIỀN	10/10/1999	29021048	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 7.20
VI VĂN TÍNH	25/09/1999	29003331	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.00
ĐẶNG THỊ TÚ ANH	10/12/1999	29030363	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN VĂN QUYẾT	30/03/1998	29003485	Toán: 5.20 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 3.40
PHAN THỊ THÙY LINH	06/03/1999	29027418	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ LAN ANH	16/07/1999	29009430	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ HUYỀN	24/03/1998	29028461	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.00
LŨ THỊ HẰNG	01/01/1999	29009115	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ DIỆP LINH	17/05/1999	29012819	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.60
VI THỊ HỒNG THẨM	21/11/1999	29014156	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.20

TRẦN THỊ DUNG	13/04/1999	29017646	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00
NGUYỄN QUỐC ĐỨC	11/09/1999	29008671	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 1.40
LÊ HỒNG BIỂN	10/09/1999	29007220	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.92 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN CHIẾN	14/06/1998	29029748	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.75 GDCD: 8.25 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.00
LÊ VĂN HUỖNH ĐỨC	29/06/1998	29001288	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN THỊ LÊ NA	29/09/1999	29000412	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ NGỌC	28/07/1998	29010143	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.20
VI THỊ QUỲNH	19/04/1999	29014119	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 2.50 GDCD: 7.25 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 1.20
ĐÀO TRƯỜNG PHƯỚC	28/08/1999	29009826	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ LĨNH	04/06/1999	29016766	Toán: 7.80 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 8.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN VÕ THỊ MƠ	08/01/1999	29023264	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 6.60
NGUYỄN VĂN SANG	18/08/1999	29027572	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.80
VÕ THỊ THÙY LINH	20/12/1999	29026280	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 1.50 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 4.00
BÙI THỊ LAN	07/06/1999	29014996	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 5 Tiếng Anh: 9.00
NGUYỄN VIỆT ĐỨC	14/08/1996	29026620	Toán: 6.60 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.00 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN QUANG HUY	16/07/1996	29026643	Toán: 8.20 Vật lí: 8.00 Hóa học: 9.75
CAO THỊ LAN	19/12/1999	29022336	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 8.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 6.60
MẠC THỊ THANH HIỀN	17/11/1999	29020639	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.00

HOÀNG TUẤN ANH	03/02/1999	29027811	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN VĂN HÙNG	19/09/1999	29027918	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ NGỌC NỮ	09/10/1999	29002870	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 8.50 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 4.80
LÊ THỊ HẢI LÝ	24/03/1999	29015030	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 2.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 2.00
LÊ THỊ HẠNH	09/02/1990	29000992	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 1.60
LÊ VIỆT LINH	27/11/1999	29019539	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.25 GDCD: 6.00 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 2.60
KHA VĂN NGUYỄN	01/02/1999	29020739	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ LY	12/10/1999	29028532	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.60
ĐẬU HUY HOÀNG	18/08/1999	29006386	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 2.80
HỒ THỊ NGỌC	15/11/1997	29029377	Toán: 4.20 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.25
NGUYỄN THỊ HOÀI	01/02/1999	29005647	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.00
LÊ VĂN HOÀN	10/10/1999	29001398	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.80
HỒ ĐỨC HUY	29/08/1999	29024338	Toán: 3.60 Ngữ văn: 2.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 3 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ NHUNG	05/03/1999	29016855	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN VĂN QUANG	07/08/1998	29022014	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.40
CỰ BÁ VỪ	05/07/1999	29008496	Ngữ văn: 2.75
NGUYỄN THỊ THÙY LINH	17/01/1999	29025516	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.20
NGÔ XUÂN ĐỊNH	27/07/1999	29014358	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.40

CAO PHƯƠNG ANH	01/05/1999	29023545	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 8.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 3.20
LÔ MẠNH CƯỜNG	14/02/1999	29024956	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 6.20
TRẦN THỊ NHỊ HÀ	01/01/1999	29029467	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 7.40
NGUYỄN ĐẠI VƯƠNG	01/01/1999	29011863	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THẾ LỰC	19/02/1999	29004515	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 5 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN VĂN DƯƠNG	09/05/1999	29009090	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 2.00 Hóa học: 2.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.33 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 6.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ THU	25/03/1998	29018955	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.67 Tiếng Pháp: 3.20
NGÔ THỊ PHƯƠNG	13/11/1998	29007086	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.25 KHXH: 8 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ HUẾ	12/07/1999	29029955	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.75 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN THẮNG	25/01/1999	29020032	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.40
CAO TIẾN TRUNG	16/01/1999	29011136	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VĂN TỐI	26/05/1999	29004704	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 8.00 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ BÍCH DUYÊN	15/01/1999	29028327	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 5.00
LÊ THỊ HOÀI THƯƠNG	18/02/1999	29013379	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 7 Tiếng Anh: 6.20
HỒ THỊ NGỌC MAI	10/03/1999	29025538	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 9.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN KHÁNH HOA	26/11/1999	29029486	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 8.25 Sinh học: 6.00 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN XUÂN ANH	10/07/1999	29020940	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 3.00

ĐẬU THỊ THU HUYỀN	03/04/1999	29009648	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.20
NGÔ HỮU ĐỨC	09/05/1999	29023682	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 7.20
LƯƠNG MINH DUY	24/05/1998	29010841	Toán: 6.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ TRANG	10/09/1999	29018217	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THẾ PHI	06/11/1999	29001109	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.17 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25
LÊ THỊ ÁNH	18/10/1998	29020946	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 1.40
HỒ THỊ HẰNG	18/05/1999	29016608	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN QUỐC ĐẠT	03/02/1999	29018759	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ THẢO	14/04/1999	29000534	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 5.40
MẠNH LỘC VINH	06/02/1999	29028256	Toán: 1.80 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.40
VÕ DUY LINH	25/02/1999	29009191	Toán: 9.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN THÔNG	09/06/1999	29030713	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN CHIẾN	07/07/1999	29002235	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 2.80
LANG VĂN HÙNG	17/04/1999	29014469	Toán: 2.80 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 5.75 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG ANH THƠ	24/12/1999	29024584	Toán: 8.00 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 9.80
HOÀNG NGỌC QUÝ	10/08/1999	29007730	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.40
PHẠM VĂN DŨNG	15/03/1999	29000101	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 1.80

QUANG VĂN QUỲNH	23/02/1997	29014829	Toán: 8.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.00
PHAN THỊ THƯƠNG	29/09/1999	29005330	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 3.80
PHẠM ĐĂNG TOÀN	28/12/1999	29004697	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN PHÚC SƠN	01/05/1999	29023504	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00
LÍN THỊ CHI	03/02/1999	29020571	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VĂN TÚ	02/10/1999	29007462	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 3 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.20
LÔ VĂN THUẬN	08/10/1999	29020825	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 6.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.80
LÔ THỊ LĂNG	27/07/1999	29014016	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.40
THÁI BÁ QUANG	28/03/1999	29021239	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ MỸ LINH	26/03/1999	29003975	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN HOÀNG LĨNH	04/02/1999	29001470	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.50 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THANH	16/11/1999	29022429	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN NGỌC KHÁNH	08/12/1999	29016726	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.60
ĐẬU VĂN THỨC	30/09/1999	29011520	Toán: 7.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 8.80
LÊ TRUNG KIÊN	03/05/1999	29020320	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 2.00 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 2.60
PHAN THỊ HUYỀN	20/01/1999	29009164	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 3.20
HỒ PHƯƠNG NAM	13/08/1999	29026349	Toán: 8.00 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 8.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 7.60

LÊ NGỌC PHƯỚC	27/10/1999	29012307	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 7.00 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 2.40
CAO YẾN VY	08/10/1999	29005429	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 3.80
VÕ XUÂN THỤ	08/10/1999	29003517	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 3.80
ĐẶNG HƯNG THỊNH	01/05/1999	29011075	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 8.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 4.00
LÔ VĂN CĂNG	12/02/1996	29013824	Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.75
HỒ VIỆT NAM	30/09/1999	29023904	Toán: 9.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 9.25 Hóa học: 9.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 8 Tiếng Anh: 6.20
TRƯƠNG CÔNG NGỌC	10/03/1995	29013263	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN HẢI	17/10/1999	29002805	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 1.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 2.42 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75 GD&ĐT: 7.75 KH&HT: 6 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN PHÚC	30/05/1999	29011754	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 6.75 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 3.40
TRỊNH THỊ HIỀN	20/02/1999	29017926	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 5.40
HOÀNG VĂN TRUNG	09/05/1999	29028180	Toán: 9.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 8.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN HỮU HUY	27/10/1999	29009641	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.50 GD&ĐT: 8.00 KH&HT: 5.08 Tiếng Anh: 3.00
VI NGỌC HUỲNH	06/12/1999	29012115	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.75 GD&ĐT: 6.75 KH&HT: 4.67 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN XUÂN QUYỀN	28/12/1999	29021252	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 2.40
ĐẶNG THỊ TRANG	14/11/1999	29022547	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 6.25 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.60
DƯƠNG ANH ĐỨC	27/09/1998	29026617	Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 9.00
NGUYỄN VĂN LỊCH	05/09/1998	29008085	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 2.25 KHTN: 3.33 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 2.75
LÊ TIẾN KHUYẾN	08/08/1999	29016734	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 2.40

LÊ THỊ KIM HỒNG	17/07/1999	29026809	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.00 GD&CD: 7.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	06/11/1999	29015695	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.50 GD&CD: 8.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ TRÀ	26/10/1999	29016460	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GD&CD: 7.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 1.80
LÊ THỊ HÀ	20/02/1999	29016587	Toán: 8.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 9.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 5.00
LƯƠNG THỊ HỒNG MỸ	20/04/1999	29025550	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.25 GD&CD: 8.25 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ TRANG	05/07/1999	29020133	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GD&CD: 6.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.60
HỒ XUÂN HƯƠNG	27/12/1999	29003166	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GD&CD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.00
PHAN CHIẾN THẮNG	05/12/1997	29024866	Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 9.50 Địa lí: 9.50
PHẠM THỊ TRANG	24/05/1999	29020497	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 6.25 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 4.60
PHAN THỊ THU HÀ	24/11/1999	29024267	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GD&CD: 6.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.00
HỒNG VĂN DƯƠNG	06/01/1999	29020986	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 3.60
HỒ QUANG LÂM	16/03/1999	29018007	Toán: 6.20 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.20
PHAN THỊ THƯƠNG	06/09/1999	29021355	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN CẢNH TRƯỜNG	11/04/1999	29019044	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GD&CD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.80
CAO XUÂN HOÀNG	28/05/1999	29007634	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.75 GD&CD: 6.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.00
ÂN THỊ HIỀN	03/09/1999	29005008	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GD&CD: 8.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.00
TỔNG THỊ HỒNG VINH	16/10/1999	29026590	Toán: 7.20 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 3.40

NGUYỄN THỊ HIỀN	10/09/1998	29004236	Toán: 5.60 Vật lí: 4.50 Hóa học: 7.50
NGUYỄN HOÀNG THANH BÌNH	05/11/1999	29027837	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 3.20
HỒ VIỆT HOÀNG	08/11/1999	29025049	Toán: 6.20 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ BÌNH	28/08/1999	29011590	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 3.80
VƯƠNG THỊ THU	10/08/1999	29006629	Toán: 4.60 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.17 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.75 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 2.60
PHẠM THỊ LY	31/10/1999	29011710	Toán: 7.20 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 4.60
HỒ NGỌC SƠN	18/08/1999	29016309	Toán: 2.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 8.33 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VĂN MINH	12/04/1998	29018610	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN ANH TÚ	07/07/1999	29027092	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 2.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.75 Tiếng Pháp: 5.40
LÊ NHẬT THƯ	19/05/1999	29013378	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 9.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.42 Tiếng Pháp: 2.80
HÙNG VĂN TIẾN	03/05/1999	29020837	Toán: 3.40 Ngữ văn: 1.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 5.75 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ ANH	18/03/1999	29013860	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 5.40
LÊ VĂN TRUNG	12/01/1999	29020159	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.00
CAO THỊ MỸ DUYÊN	05/03/1999	29005543	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ MAI	09/12/1999	29005757	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ OANH	22/07/1999	29002547	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 5.00
MOONG THỊ CẢNH	10/01/1999	29008161	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.25 GDCD: 5.25 KHXH: 4 Tiếng Anh: 3.20

HỒ THỊ MINH	25/10/1999	29015867	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.00 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM VĂN QUẬN	03/09/1999	29010614	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ YẾN	05/11/1999	29029691	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 5.00
PHAN THỊ THANH DUYÊN	26/05/1999	29019278	Toán: 6.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 8.40
LÔ THỊ LÝ HƯƠNG	11/01/1999	29025478	Toán: 5.40 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 9.50 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.75 KHXH: 9.08 Tiếng Anh: 5.00
HOÀNG SỸ MẠNH	20/05/1998	29001068	Toán: 6.80 Vật lí: 7.00 Hóa học: 4.00
TRẦN THỊ THANH	26/08/1999	29020010	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.80
TRƯƠNG HUY MẠNH	16/06/1999	29027456	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.20
CAO HOÀNG ĐÔNG	26/12/1999	29006320	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ LƯƠNG	17/04/1999	29030076	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM THỊ HIỀN	01/05/1999	29011655	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 4.00
PHẠM THỊ HUYỀN	27/11/1999	29022838	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 9.00 GDCD: 9.00 KHXH: 8.67 Tiếng Anh: 3.20
LÔ VĂN MẠNH	12/09/1999	29014048	Toán: 2.00 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 3.75 GDCD: 5.50 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 1.60
HÀ VĂN CƯỜNG	21/05/1999	29024955	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 4.20
PHAN THỊ KHÁNH	20/02/1999	29029055	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.25 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ KHÁNH HOÀ	14/01/1999	29026794	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 2.25 KHTN: 2.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.60
HOÀNG THỊ THANH HOÀI	28/10/1999	29000226	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 6.60

ĐINH VĂN SƠN	10/08/1999	29009874	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.00
NGÔ SỸ THUẬN	10/10/1999	29005317	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN ĐÌNH TRUNG	17/08/1999	29030856	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ KHÔI	11/07/1999	29001443	Toán: 1.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN TUẤN ANH	18/03/1998	29024711	Toán: 2.40 Ngữ văn: 2.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75
NGUYỄN VĂN TÌNH	03/07/1999	29030778	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.60
VÕ THỊ VÂN KHÁNH	16/09/1998	29009676	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.50 GDCD: 6.75 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ NHUNG	05/05/1999	29008865	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ THẢO	30/03/1999	29007991	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 3.40
ĐÀO THỊ AN THƠ	29/12/1999	29026990	Toán: 7.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 6.60
ĐÀO THỊ ÁNH	23/05/1999	29000041	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.40
HỒ VĂN HIỆP	29/05/1999	29003853	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	07/01/1999	29023572	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 6.20
LƯƠNG THỊ THẢO	19/01/1999	29003290	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN THỊ HÀ TRINH	04/02/1999	29019027	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ HUYỀN	11/02/1999	29030492	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 5.20
VŨ THỊ HUYỀN	11/08/1999	29015699	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.60

VÕ THỊ THANH	28/10/1999	29012910	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.20
ĐỖ ĐẶNG HOÀI THƯƠNG	15/10/1999	29002968	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 1.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.92 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ HỒNG	25/07/1999	29028436	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ HẢI	19/05/1999	29022776	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.60
HOÀNG VĂN KHOÁI	18/01/1999	29001973	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG ANH TUẤN	16/06/1999	29008022	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 4.40
VƯƠNG THÙY LINH	22/11/1999	29009193	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 5 Tiếng Anh: 6.60
NGUYỄN THỊ TRINH	29/04/1999	29000871	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 4 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN TRUNG KIÊN	28/09/1999	29024788	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75
BÙI THỊ TÚ	01/07/1999	29021399	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.40
LÊ TRUNG KIÊN	16/06/1999	29018534	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN DIỆP KHÁNH LINH	21/08/1999	29025519	Toán: 7.80 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 8.00
TRẦN THỊ YẾN	20/11/1999	29003032	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 1.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ NAM	30/08/1999	29001516	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.80
VÕ VĂN CƯỜNG	07/09/1999	29002258	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.40
ĐOÀN THỊ LÀNH	08/02/1999	29012807	Toán: 6.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 5.00
HOÀNG XUÂN TRUNG	11/04/1999	29009333	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.20

NGUYỄN THỊ HUẾ	15/10/1999	29006959	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.20
HÀ VĂN TRƯỜNG	24/02/1998	29003674	Toán: 1.80 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 2.40
LÝ NGUYỄN TRỌNG NHÂN	03/01/1995	29010148	Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 9.50
LÊ NGỌC YẾN	25/06/1999	29005431	Toán: 7.40 Ngữ văn: 8.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 5.00
LÊ CHIÊU HÀ VI	30/05/1999	29020212	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 6.40
TRẦN VĂN TÂM	15/03/1998	29014260	Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.75
NGUYỄN THỊ NHUNG	08/04/1999	29000457	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG NGỌC ÁNH	08/10/1999	29020945	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ LINH	01/02/1998	29022865	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 4.25 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 3.80
CAO XUÂN HƯỚNG	04/09/1999	29030504	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ TUYẾT	09/06/1999	29012990	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 9.20
TRẦN VIẾT TÚ	25/11/1999	29000885	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.83 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 4.75 KHXH: 3.83 Tiếng Anh: 2.60
ĐINH VĂN TOẢN	15/07/1999	29004700	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 4.20
ĐẶNG ĐÌNH DƯƠNG	20/03/1997	29019673	Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50
ĐẬU NGỌC KHÁNH	14/09/1999	29006427	Toán: 6.80 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 3.00
LÊ PHƯƠNG THẢO	08/11/1999	29018914	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.25 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN VĂN LAM	12/02/1999	29029073	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.40

NGUYỄN VĂN BẢO	08/02/1999	29019861	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 2.20
LÊ ĐÌNH HIẾU	07/06/1999	29019388	Toán: 3.00 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.60
VÀ Y XỒNG	16/10/1997	29008517	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN TRUNG HIẾU	20/12/1999	29004433	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ VÂN ANH	11/07/1999	29010256	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 3.00 GDCD: 7.00 KHXH: 3.92 Tiếng Anh: 1.80
HOÀNG ĐỨC HẬU	20/10/1999	29024290	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.80
XỒNG BÁ XỒNG	03/01/1999	29008518	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 5.75 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 4.20
LÊ THỊ THANH	13/12/1999	29002595	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.25 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ THUYẾT	14/07/1999	29028109	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 3.40
PHAN THỊ GIANG	08/07/1999	29029465	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.25 Sinh học: 9.00 KHTN: 8.42 Tiếng Anh: 5.00
LÊ THỊ UYÊN	19/10/1999	29007813	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 5.20
HOÀNG THỊ TRINH	27/09/1999	29016492	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG	04/01/1999	29012956	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 8.60
BÙI TRUNG KIÊN	18/03/1999	29017312	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.40
CAO VĂN CHUNG	03/01/1999	29007548	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.00
CAO THỊ LAN ANH	02/06/1999	29005469	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.80
NGÔ TRUNG KIÊN	03/12/1999	29005086	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.20

NGUYỄN THỊ DƯƠNG	07/04/1999	29007564	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 3.60
CAO TIẾN HẢI	03/07/1999	29013934	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 6.75 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ TĂNG	28/03/1999	29017496	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ TRÀ	15/09/1999	29010708	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN BẢO KHÁNH	13/03/1999	29025086	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 6.00
PHẠM ĐÌNH KHAI	20/07/1998	29007666	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.00
LƯƠNG THỊ HOÀI	17/01/1999	29018482	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.00
LÂM THỊ HẰNG	09/02/1999	29002331	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ NHUNG	02/07/1999	29000456	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN QUỐC TOÁN	14/04/1999	29010706	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN HỒNG	28/06/1999	29030483	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 4.20
MOONG THỊ NHUNG	13/12/1999	29008387	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 3.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ KIM ANH	24/06/1999	29010255	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ NHUNG	31/08/1999	29025578	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.75 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 7.60
VÕ THỊ MỸ HÀ	11/09/1999	29026054	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 8.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 7.20
BÙI VĂN THÁI	08/02/1999	29022426	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 3.67 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.75 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 2.40
HOÀNG TUẤN VŨ	16/05/1999	29024148	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 9.00 Hóa học: 9.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 3.60

BÙI THỊ HIỀN	27/02/1999	29021047	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM VĂN KHÁNH	12/10/1999	29011681	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 2.40
TRƯƠNG THỊ QUỲNH DIỆU	15/08/1999	29005526	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.00
THÁI THỊ KIỀU ANH	22/10/1999	29004880	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.00
NGÂN VĂN LẬP	04/01/1999	29003179	Toán: 1.80 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.20
PHẠM NGỌC HÙNG	17/06/1998	29019135	Toán: 9.60 Vật lí: 8.00 Hóa học: 9.75
LÊ THỊ KHÁNH HUYỀN	28/08/1999	29009158	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.92 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.00
PHẠM THỊ NHUNG	25/10/1999	29012293	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.50 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.00
CAO THỊ KIM CHI	22/10/1999	29025942	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN THỊ QUỲNH	17/09/1999	29007102	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.00
VÕ XUÂN ANH	24/06/1999	29022707	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 5.00
TRẦN THỊ HOÀI	15/04/1998	29001014	Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 5.20
HỒ ANH DŨNG	27/08/1999	29024968	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 4.20
PHẠM PHÚC NGUYỄN	03/11/1999	29014078	Toán: 9.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 8.25 Hóa học: 9.50 Sinh học: 6.00 KHTN: 7.92 Tiếng Anh: 8.00
BÙI THỊ MAI SƯƠNG	14/02/1999	29009877	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.60
VI KIỀU TRINH	14/01/1998	29014853	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50
NGUYỄN VĂN ĐẠT	04/01/1998	29019290	Toán: 2.60 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.00
VÕ ĐỨC QUÂN	24/07/1999	29026467	Toán: 9.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 9.25 Hóa học: 9.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 3.20

BÙI THỊ HIỀN	23/01/1999	29000184	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG NGỌC GIANG	01/01/1998	29030310	Toán: 6.60 Hóa học: 7.25 Sinh học: 7.75
TRẦN THỊ THÁNH	27/10/1999	29007751	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.00
LÊ TUẤN VƯỢNG	02/01/1998	29012601	Toán: 9.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.75
NGUYỄN THỊ DUNG	19/06/1999	29005530	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 5.40
PHẠM MINH QUYẾT	17/08/1999	29011025	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.83 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ THUÝ	20/10/1999	29022513	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN ĐỨC MẠNH	19/12/1999	29021910	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5 Tiếng Anh: 1.80
THÀNH THỊ QUỲNH	05/10/1999	29002054	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 7.80
TRẦN MINH LINH	16/09/1999	29000710	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 2.00 KHTN: 2.58 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN VĂN HOÀNG	15/09/1999	29016663	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG ĐỨC TUẤN	08/02/1999	29008023	Toán: 5.80 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ LOAN	20/01/1999	29014552	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ LONG	01/01/1999	29021891	Toán: 5.20 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 9.50 GDCD: 9.00 KHXH: 9 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ BẢO	02/11/1999	29010268	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 9.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.60
ĐẶNG ĐÌNH QUÂN	15/01/1999	29022017	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.00
ĐẬU ĐĂNG HỒNG	18/04/1999	29019430	Toán: 2.20 Ngữ văn: 2.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.00 GDCD: 4.50 KHXH: 3.67 Tiếng Anh: 2.00

TRẦN THỊ NA	12/09/1999	29012234	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.83 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.20
PHAN THỊ THƠM	02/02/1999	29016407	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.80
CHU VĂN LỢI	17/05/1999	29003988	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG ĐĂNG TÚ	10/05/1999	29009349	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.25 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN MINH TRIỀU	05/09/1998	29004292	Toán: 7.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 7.25
NGUYỄN AN NAM	14/05/1999	29016814	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.80
PHAN THỊ HẰNG	14/04/1999	29030448	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN THỊ HOÀI	04/07/1999	29008732	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 1.80
CAO THỊ GIANG	07/01/1999	29009535	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.00
LÀU BÁ XÈNH	08/06/1998	29008502	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.00 GDCD: 4.25 KHXH: 3.33 Tiếng Anh: 2.40
LƯƠNG HOÀI NHI	14/03/1999	29025179	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 3.80
PHẠM THỊ PHƯƠNG THẢO	14/09/1999	29003295	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 9.25 GDCD: 8.25 KHXH: 8.75 Tiếng Anh: 3.60
TRƯƠNG THỊ HOÀI	27/07/1999	29012757	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.00
HỒ THỊ THẢO MY	22/09/1999	29024465	Toán: 8.80 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 9.80
PHẠM THỊ MAI	01/06/1999	29030093	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ NGỌC MAI	21/01/1999	29026308	Toán: 5.60 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 9.60
BÙI THỊ THU'	08/04/1999	29004668	Toán: 9.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 7.75 Tiếng Anh: 4.80

PHẠM VIỆT NGUYỄN	02/04/1998	29002748	Toán: 6.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.75
LÊ CÔNG NGHĨA	02/02/1999	29019639	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 1.60
PHẠM HỒ SÔNG HƯƠNG	27/09/1999	29017993	Toán: 6.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	03/03/1999	29008919	Toán: 1.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.00
ĐẶNG THỊ HẰNG	02/03/1999	29025023	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.50 Sinh học: 6.25 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 6.60
NGUYỄN THỊ MINH TÂM	18/09/1999	29026497	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 7.50 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HƯƠNG	12/03/1999	29021835	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.25 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 5.80
LÔ THỊ MỸ LỆ	06/03/1999	29025500	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.25 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 5.40
PHAN THỊ MINH LÝ	12/08/1999	29022885	Toán: 5.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 9.00 GDCD: 9.25 KHXH: 8.67 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN THỊ DƯƠNG	01/02/1996	29027650	Toán: 6.80 Vật lí: 6.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.17
HOÀNG THẾ ANH	17/01/1999	29004318	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 5.20
TRẦN HỮU HÙNG ANH	17/08/1999	29029711	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.00 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 3.00
TẶNG THẾ KỶ	16/05/1999	29026222	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 4.00
ĐẶNG VĂN ĐỨC	18/12/1999	29007588	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.00
LÊ VĂN HÙNG	14/09/1998	29015945	Toán: 5.40 Vật lí: 5.00 Hóa học: 2.25
NGUYỄN TRẦN HOÀN	04/06/1999	29009609	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.00
ĐOÀN ĐỨC DŨNG	14/12/1999	29024967	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 7.00

VI THỊ TRANG	28/09/1999	29015262	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VĂN PHƯỚC	23/10/1999	29002882	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 1.80
ĐOÀN THỊ NGỌC ÁNH	17/09/1999	29005487	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.80
ĐẶNG KHÁNH AN	28/09/1999	29004859	Toán: 6.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 4.20
PHAN THỊ HỒNG ÁNH	12/08/1999	29025922	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 8.00
NGUYỄN THỊ LÝ	23/09/1999	29030086	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.25 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.40
LÊ THỊ THẢO	16/10/1999	29002597	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 9.75 GDCD: 7.50 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 5.20
VŨ THỊ THU	29/12/1999	29005315	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 4.20
LÊ KHẮC TUẤN	13/10/1999	29022621	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 3.40
LƯƠNG QUỐC CƯỜNG	14/11/1995	29021454	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.50
VEN VĂN DIÊN	09/08/1999	29008220	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 2.75 GDCD: 6.25 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN XUÂN TUẤN	10/10/1998	29030902	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ TRANG	19/02/1999	29000582	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 6.60
ĐẶNG VĂN HUY	26/02/1999	29028449	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.80
VÕ THỊ BÌNH	14/07/1999	29020959	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.00 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 2.80
SẦM THỊ MƠ	18/01/1999	29014608	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.40
LÀU BÁ MẢO	17/09/1999	29008351	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 5.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.40

LÊ CÔNG TRỊNH	10/06/1999	29004745	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN CAO VĂN TRUNG	05/09/1999	29024103	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 7.40
NGUYỄN CẢNH TUẤN	19/12/1999	29025788	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ THỦY	26/10/1999	29021344	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 4.20
NGÔ THỊ LÊ	07/02/1999	29015763	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.80
VÕ MINH CHIẾN	22/04/1999	29004907	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN VĂN HIẾU	16/12/1999	29005021	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ THƯƠNG	23/01/1999	29002113	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 6.25 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 5.00
TRẦN THỊ OANH	10/06/1999	29001553	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.00 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 4.00
PHAN VĂN QUYỀN	07/08/1998	29013063	Toán: 6.60 Vật lí: 4.50 Hóa học: 7.00
NGUYỄN THỊ MINH HẰNG	17/10/1999	29025419	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.75 KHXH: 8.83 Tiếng Anh: 1.80
BÙI THỊ HUỆ	15/05/1999	29021806	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 9.00 KHXH: 8.33 Tiếng Anh: 3.80
TRỊNH THỊ HUYỀN MY	22/09/1999	29026344	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 9.75 GDCD: 8.00 KHXH: 8.92 Tiếng Anh: 6.20
ĐÀO THỊ HƯƠNG	04/09/1999	29029039	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ HỒNG THƠM	10/10/1999	29028094	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ VÂN	19/03/1999	29022651	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.80
BÙI TIỂU MÃN	23/02/1999	29017375	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.20

PHAN ĐÌNH BỒ	06/10/1999	29000056	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.20
THÁI DOÃN SÂM	30/07/1999	29018696	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 4.00
PHẠM THẾ VÕ QUYỀN ANH	09/09/1999	29006843	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ	10/05/1999	29021020	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 8.50 Sinh học: 8.75 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN VĂN CƯỜNG	29/05/1999	29002791	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.42 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.80
VÕ VĂN HOÀNG	01/09/1999	29006956	Toán: 5.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN VĂN HUY	01/05/1999	29002821	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 4 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN ĐỨC TUẤN	17/07/1999	29023398	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 4.80
HỒ THANH HẢO	02/06/1998	29010733	Toán: 2.60 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.00
NGUYỄN VĂN HẠP	06/09/1998	29010381	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.00
VŨ THỊ HỒNG NHUNG	04/10/1999	29029167	Toán: 7.00 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.00 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 4.80
PHAN THỊ MỸ HẠNH	29/07/1999	29027889	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ THẨM	01/08/1999	29029267	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.40
HỒ VĂN HOÀNG	03/04/1999	29013160	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 4 Tiếng Anh: 3.60
LA VĂN ĐỒ	27/05/1999	29024994	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 3.80
PHẠM THỊ BÌNH	12/12/1999	29017115	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THÀNH ĐẠT	20/09/1999	29009093	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 1.80

DƯƠNG THỊ NHUNG	06/05/1999	29014670	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 4.20
LÊ THỊ THƠM	12/10/1999	29030718	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG THỊ VÂN	10/04/1999	29006794	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 1.60
LÊ THỊ LÂM	15/06/1999	29018544	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.00 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ NGỌC	13/10/1999	29030579	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 4.20
PHẠM THỊ BÉ	01/10/1999	29019217	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	02/10/1999	29022405	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 4.00
VI VĂN HẬU	02/10/1998	29014415	Toán: 2.00 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 2.75 GDCD: 5.75 KHXH: 3.92 Tiếng Anh: 2.40
THÁI THỊ THẢO	02/05/1999	29022979	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 7.80
NGUYỄN THỊ DIỆP	09/01/1999	29027222	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ HIỀN	17/11/1998	29021053	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.60
TẠ THỊ HUYỀN TRANG	03/07/1999	29020143	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THÚC TRUNG	03/08/1999	29002143	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN CẢNH TOÁN	15/06/1999	29022541	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 2.40
VÕ THỊ HOÀN	19/05/1998	29010415	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.25 GDCD: 5.00 KHXH: 3.67 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN THỊ QUYÊN	30/11/1999	29001121	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.92 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.25
NGUYỄN CÔNG LÝ	25/04/1999	29000387	Toán: 9.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 2.40

PHẠM VŨ DIỄM QUỲNH	03/09/1999	29020433	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN THỊ LY	16/03/1999	29014574	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ LINH	15/06/1999	29015793	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.75 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 6.20
ĐẶNG NGỌC LÂM	15/05/1999	29002834	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.17 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ NHẬT LINH	30/09/1999	29023863	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 8.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 9.40
LƯU VĂN ĐẠT	25/10/1999	29000657	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.83 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.20
PHAN THỊ DUYÊN	16/02/1999	29021628	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM HẢI DƯƠNG	02/07/1999	29004373	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ QUỲNH THƠ	27/12/1999	29024585	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN TRUNG HIẾU	09/03/1996	29006018	Toán: 9.40 Hóa học: 7.50 Sinh học: 7.50
LÀU BÁ XỬ	02/03/1999	29025842	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 3.80
NGÔ VĂN NAM	01/04/1999	29012243	Toán: 2.80 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN THÀNH	13/03/1999	29005287	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 9.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 7 Tiếng Anh: 2.00
VÕ THỊ THANH YẾN	08/02/1999	29011233	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.60
HỒ NGUYỄN PHÚ	25/06/1996	29025300	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.50
NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	02/03/1999	29010032	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THÀNH ĐẠT	26/03/1999	29024226	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 1.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 3 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.40

PHAN ĐĂNG HIỆP	18/10/1999	29028985	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.80
VÕ THỊ HỒNG LINH	25/08/1999	29026279	Toán: 8.80 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 10.00
PHẠM THỊ THU THỦY	27/04/1999	29028106	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 5.00
TRẦN NGỌC ANH	13/01/1999	29003697	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN NHẬT MINH	29/07/1999	29023893	Toán: 8.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 7.20
PHẠM THỊ THANH HOA	31/08/1999	29018476	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 6.80
NGUYỄN NGỌC ANH	10/10/1997	29004213	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.00 Tiếng Anh: 7.40
NGUYỄN THỊ ANH	18/12/1999	29011243	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN ĐÌNH TUỆ	06/03/1999	29018261	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 3 Tiếng Anh: 4.40
HOÀNG THỊ THÀNH	19/10/1999	29016943	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 3.60
LÊ ĐỨC NHÂN	25/09/1999	29004548	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN TUẤN	23/05/1999	29010219	Toán: 1.80 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.75
HOÀNG LÊ VÂN QUỲNH	04/03/1999	29024547	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 7.60
NGUYỄN HỮU SƠN	29/06/1999	29012353	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.00 GDCD: 6.00 KHXH: 4.08 Tiếng Anh: 3.40
TẶNG TRẦN PHƯƠNG THÚY	17/10/1999	29005325	Toán: 7.00 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 8.80
VÀ Y TRƯỞ	20/12/1997	29008577	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 2.75
NGUYỄN THỊ MẪN	09/03/1999	29017376	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.50 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.80

NGUYỄN TRỌNG ĐẠO	01/08/1999	29007254	Toán: 8.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 5.40
VÕ VĂN TÚ	16/10/1999	29011827	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN VIỆT	01/07/1998	29013448	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN SƠN	06/08/1998	29028637	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.80
TÔ HẠNH THỰC	10/03/1999	29000548	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 4.40
PHẠM THỊ THÚY HẰNG	13/04/1999	29010388	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.25 KHXH: 8 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ HOA	19/11/1999	29012754	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN DUY NHẬT	07/03/1999	29030162	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.80
LƯƠNG ĐẠI PHÚC	28/09/1999	29011007	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 4.00
PHẠM THỊ BÌNH	02/10/1999	29011931	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.40
NGÔ SỸ HOÀNG	10/06/1999	29012074	Toán: 1.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 1.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 3.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.40
VI THỊ HƯƠNG	22/12/1999	29014001	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG	31/10/1998	29021497	Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.50
ĐINH THỊ NA	22/10/1999	29003205	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.75 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.60
VÕ CÔNG VĂN	04/12/1999	29007493	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 6.40
TRẦN VĂN TOẠI	20/05/1999	29023031	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.00
LÊ THỊ KIỀU ANH	15/08/1999	29001216	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 1.80

NGUYỄN BÁ ĐỨC	27/07/1999	29023684	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 6.40
NGUYỄN ĐÌNH ĐÔNG	18/03/1999	29005563	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.00 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN NGỌC HUYỀN	25/12/1999	29026179	Toán: 9.20 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 8.60
PHẠM NGỌC HÒA	08/10/1999	29027326	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM THỊ TRÀ	04/12/1999	29008991	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.40
PHAN THỊ PHƯƠNG THẢO	25/10/1999	29029260	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.00
PHAN THỊ HỒNG	06/11/1999	29003899	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	13/09/1999	29009274	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.60
BÙI THỊ TÂM TRANG	16/08/1999	29007784	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.00
HỒ THỊ THƠM	21/06/1999	29009926	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN ANH HÀO	16/09/1999	29007610	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.00
LƯU ĐÌNH QUÂN	23/09/1999	29010612	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.60
DƯ THỊ BÌNH THẢO	05/05/1999	29007403	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN DUY ANH	01/06/1998	29011242	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.80
LÊ NGỌC CÔNG	24/04/1999	29022726	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THANH HƯỚNG	10/02/1999	29012125	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HỒNG	12/11/1999	29016671	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.20

HOÀNG NGỌC KHÁNH	10/08/1998	29019138	Toán: 4.80 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.50
TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO	30/06/1999	29002945	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ NGÂN	12/12/1999	29030140	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ LAM	16/08/1999	29003174	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.20
ĐÀO TIẾN ĐẠT	15/06/1999	29023670	Toán: 9.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 9.50 Sinh học: 9.75 KHTN: 8.33 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG	04/04/1999	29011758	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ MỸ LINH	19/06/1999	29018837	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 4.40
TRƯƠNG THỊ DIỆP SƯƠNG	26/01/1999	29015083	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 8.25 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ MỸ HẰNG	06/10/1999	29007614	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.00
LÊ VŨ QUANG	11/06/1999	29018120	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 3.20
VI THỊ NHUNG	28/10/1999	29015058	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.67 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.80
LÔ THỊ LỢI	15/07/1998	29013623	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.00 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ PHÚ	26/05/1999	29022937	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.80
NGÔ XUÂN LỘC	03/08/1999	29002479	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 9.25 GDCD: 7.50 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 2.80
TRƯƠNG THỊ HIẾU	23/12/1999	29029910	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN THỊ LƯƠNG	30/03/1999	29018588	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN VĂN ĐẠT	06/01/1998	29004226	Toán: 8.80 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.75 Sinh học: 9.50 KHTN: 8.83

BÙI VĂN TOÀN	25/06/1999	29017575	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.80
PHAN ĐÌNH HƯỚNG	06/03/1998	29021838	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN DANH NHÂN	13/09/1999	29026900	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.83 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.40
LÔ VĂN KHÁNH	02/09/1999	29013591	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.20
HÀ THỊ LIÊN	11/12/1999	29010467	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN DOÃN TRỌNG	11/01/1999	29023386	Toán: 9.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 2.60
HÀ GIA KHƯƠNG	02/02/1998	29019730	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.80
HOÀNG THỊ TRÀ MY	20/11/1999	29026883	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.92 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.00 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.83 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN THỊ KIỀU OANH	03/08/1999	29023285	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN VĂN BÌNH	14/10/1999	29011591	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 8.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 3.60
NGÔ THỊ THÁI TRANG	02/06/1999	29030800	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ QUYÊN	04/06/1999	29011470	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.75 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 4.00
VÕ TRỌNG LONG	29/07/1999	29007337	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN XUÂN TUẤN	05/01/1999	29004785	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.75 GDCD: 5.00 KHXH: 3.75 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN VIỆT CÔNG	22/09/1999	29022727	Toán: 2.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.80
LƯU VĂN DUY	12/01/1999	29006887	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.20
BÙI THỊ THẢO	18/11/1999	29014146	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.60

CHU ĐÌNH TUẤN	31/07/1994	29010215	Toán: 4.60 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.50
DƯƠNG THỊ MỸ QUYÊN	22/02/1999	29006575	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 3.20
ĐẶNG THỊ OANH	26/03/1998	29005817	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN HỮU BẰNG	25/12/1997	29010049	Toán: 8.40 Vật lí: 8.25 Hóa học: 7.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 6.33
TRẦN THỊ LÝ THU HÀ	25/03/1999	29024269	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 3.25 GDCD: 6.75 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 5.20
CHU VĂN HIỆU	12/11/1998	29002370	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.60
LÊ ĐỨC THỊNH	21/04/1999	29005308	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN ĐĂNG KIÊN	14/09/1999	29030515	Toán: 6.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 7.50 KHTN: 6 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN XUÂN LINH	08/05/1999	29018564	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN ĐÌNH BIÊN	15/05/1999	29016090	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 8.75 Sinh học: 7.25 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 3.80
HOÀNG THỊ HUYỀN	10/11/1999	29001423	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ LINH	06/05/1999	29017343	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG VĂN HẠP	04/04/1999	29005605	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HUỆ	23/09/1999	29028442	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN THỊ HỒNG ANH	29/06/1999	29000035	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 5.60
MÃ THỊ ÁNH	02/07/1999	29004885	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 5.50 KHXH: 4.08 Tiếng Anh: 1.00
ĐÀO DUY ĐỨC	04/01/1999	29002292	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 5.75 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.80

HỒ VIỆT TÀI	11/05/1998	29007978	Toán: 4.20 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 5.50 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	25/06/1999	29024420	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 6.80
HOÀNG THỊ GIANG	05/05/1999	29019317	Toán: 2.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.50 KHXH: 8.75 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ THỦY	03/08/1999	29010688	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 5.00
LÊ NHƯ HOÀNG	04/11/1999	29023200	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 8.00 Hóa học: 9.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 7.67 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN ANH TUẤN	13/01/1999	29025786	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN THỊ TÙNG LINH	11/09/1999	29011390	Toán: 2.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.80
LÊ THÀNH LONG	19/05/1999	29011704	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 7.25 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 4.80
PHẠM VĂN ĐÔNG	07/04/1999	29010333	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.40
LỮ VĂN PHÚC	07/08/1999	29014098	Toán: 2.60 Ngữ văn: 2.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.50 GDCD: 4.25 KHXH: 3.67 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN VĂN HÙNG	09/06/1999	29015680	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG THỊ HÀ TRANG	04/07/1999	29027028	Toán: 9.40 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 10.00
HỒ THỊ LỊNH	03/07/1998	29017352	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN THẮNG	10/06/1999	29006172	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.50
CAO THÙY VINH	04/11/1999	29025828	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ HÀ MY	18/09/1999	29013235	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 1.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.08 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 5.80
PHAN THỊ HUYỀN	03/12/1999	29028463	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 6.60

NGUYỄN THỊ HIỀN	19/12/1999	29010396	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.40
LÊ VIỆT ANH	01/07/1999	29023556	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 8.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG THỊ NGUYỆT	20/06/1999	29016185	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.80
HOÀNG NGỌC BẢO	16/09/1998	29027187	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.00
LÊ DUY QUÂN	25/01/1999	29025213	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 9.00 Hóa học: 9.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 4.00
AN NGUYỄN NHƯ PHƯƠNG	30/09/1999	29014694	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 6.00
VI THỊ HÀ	08/12/1999	29013121	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Pháp: 3.20
NGUYỄN THỊ NHÀN	24/09/1999	29030583	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN QUANG TRƯỜNG	06/01/1997	29004299	Toán: 6.20 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.75
VƯƠNG THU THÙY	13/08/1999	29000551	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 3.80
LÊ THỊ THANH TÂM	24/05/1999	29024564	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN THỊ HỒNG YẾN	16/05/1999	29013007	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.80
ĐÀO THỊ MAI ANH	04/03/1999	29028840	Toán: 7.20 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 4.60
HỒ THỊ KIM QUÝ	07/04/1999	29026469	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 6.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.60
ĐINH THỊ HOÀI THƯƠNG	11/02/1999	29018978	Toán: 9.60 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.75 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 9.40
TRẦN THỊ CẨM VÂN	16/02/1998	29023532	Toán: 1.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.50
LÊ MINH TÙNG	03/08/1999	29026574	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 8.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 4.80

NGUYỄN VĂN CHUNG	12/08/1999	29021587	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN ĐÌNH MINH HOÀNG	08/07/1999	29024322	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.17 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5 Tiếng Anh: 4.40
ĐẶNG VĂN SÁNG	20/01/1999	29020436	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 5.50 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 3.60
LÊ MẠNH LINH	21/08/1999	29018553	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN PHÚC	18/03/1999	29007723	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.20
LƯU ĐĂNG TÚ	25/12/1999	29003565	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ NGỌC TRANG	18/08/1999	29002647	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN ĐỨC	20/08/1996	29024748	Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 9.00
QUANG THỊ THẢO	16/08/1999	29015139	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.80
HỒ TRÍ TOẠI	07/11/1999	29023367	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 2.83 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM THỊ HỒNG NHUNG	19/02/1999	29002536	Toán: 6.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.20
NGÔ THỊ QUẾ	09/04/1999	29009846	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.50 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.40
PHÙNG BÁ DŨNG	14/08/1999	29027234	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.80
ĐẶNG THỊ HUYỀN	02/09/1999	29003155	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ TƯƠI	23/01/1999	29016530	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.00
PHẠM CÔNG ĐỨC	05/10/1999	29029829	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.60
LÊ THỊ MẾN	04/10/1999	29018044	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.60

LÊ NHẬT KHÁNH	28/07/1999	29019501	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.20
HOÀNG THỊ HẠNH	25/03/1999	29012020	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.80
VŨ VĂN MƯỜI	10/04/1999	29018612	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN VĂN ĐỨC	24/12/1999	29008675	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.60
LUYỆN THỊ MAI	16/07/1999	29004005	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ ĐÔNG	18/11/1999	29012699	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 7.20
TRẦN THỊ SƯƠNG	12/10/1999	29030626	Toán: 8.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 8.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 3.80
HOÀNG NGUYỄN HIỆP	30/03/1999	29016628	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 4.80
PHAN THỊ BẢO NGỌC	20/02/1999	29018866	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM THỊ NGỌC TRÂM	20/12/1999	29028173	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 1.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 4.00
VÕ ĐÌNH ĐỨC	23/04/1999	29005992	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.50
HỒ THỊ THÙY	26/10/1999	29012422	Toán: 3.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 9.25 Địa lí: 9.25 GDCD: 7.75 KHXH: 8.75 Tiếng Anh: 1.80
NGÔ THỊ THU HÀ	12/07/1999	29026048	Toán: 7.40 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 10.00 GDCD: 8.25 KHXH: 9 Tiếng Anh: 7.40
VI VĂN QUÝ	03/08/1999	29013699	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.20
LỖ Y DỠ	03/08/1999	29008224	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 4.00
TRƯƠNG THỊ LAN ANH	20/02/1999	29011911	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.25 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 5.00
LÊ VĂN HÀO	12/09/1999	29028948	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.60

NGUYỄN THỊ SOA	08/05/1999	29022040	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.60
TRƯƠNG NGỌC OANH	05/08/1999	29014682	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.60
LƯƠNG VĂN HUYỀN	04/10/1999	29013577	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 5.50 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.20
VÕ THỊ THƯƠNG HUYỀN	27/10/1999	29022311	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 4.60
VÕ VĂN HÙNG	20/12/1998	29029362	Toán: 2.60 Ngữ văn: 1.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 3.50 GDCD: 5.00 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 2.00
TRẦN ĐÌNH YÊN	04/06/1999	29030951	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG THỊ THU NA	15/03/1999	29027464	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.00
TỪ ĐỨC SÁNG	19/02/1999	29009259	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.80
LÔ THỊ THƯ	05/05/1998	29003319	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.20
HỒ THỊ NGỌC	15/06/1999	29002523	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN TUẤN MINH	06/02/1997	29008098	Toán: 1.80 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 1.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 2.00 KHTN: 2.83 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.25
NGUYỄN XUÂN TÀI	03/09/1999	29000785	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN SƠN	19/10/1999	29012903	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 5.75 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN BÁ TÀI	20/01/1999	29011776	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG THỊ THƯƠNG	20/06/1998	29022524	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.80
LƯƠNG MAY THÈN	26/03/1999	29008452	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.20
LƯƠNG VĂN MẠNH	06/06/1999	29013638	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 4.25 KHXH: 3.67 Tiếng Anh: 1.80

LÊ ĐÌNH HOÀI	17/08/1999	29019409	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN HOÀNG TUẤN	01/10/1999	29019063	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Pháp: 2.00
TRẦN ĐÌNH HOÀNG	23/06/1999	29008743	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.80
HỒ CHÍNH	03/02/1999	29015447	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN TOÁN	27/01/1999	29023033	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 6.40
ĐỖ QUỐC TRUNG	06/01/1997	29012499	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.00 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN ĐỨC BÚT	21/07/1999	29010831	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 6 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN GIA THỊNH	10/03/1993	29027767	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 8.00
ĐẬU ANH DŨNG	28/01/2000	29025996	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 9.75 Hóa học: 10.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 7.67 Tiếng Anh: 8.00
THÁI THỊ HIỀN	14/07/1999	29019376	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM THỊ THỦY	05/11/1999	29028708	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 7.40
MẠC VĂN CƯỜNG	26/06/1999	29013894	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.00
PHAN THỊ TRANG	28/04/1999	29030827	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN TRỌNG DŨNG	15/11/1999	29028894	Toán: 2.60 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ HẰNG	25/02/1999	29012034	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN XUÂN KHANG	25/02/1999	29007905	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 8.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN THỊ LAN ANH	12/02/1999	29021546	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 2.80

HOÀNG THẾ HÀ	18/07/1999	29008683	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.75 GD&CD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.80
HÀ THỊ HẰNG	25/03/1998	29019130	Toán: 3.80 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.00
ĐẶNG THỊ HÀ PHƯƠNG	15/09/1999	29002884	Toán: 9.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 5.00
TRẦN QUỐC NHẬT	17/08/1999	29021209	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25 GD&CD: 7.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN KHẮC PHONG	15/05/1999	29002879	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 8.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 5.20
CAO THÀNH HUY	29/10/1999	29005668	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.75 GD&CD: 7.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.80
VÕ THỊ THU PHƯƠNG	29/09/1999	29013299	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 6.00
VÕ HỮU HẠNH	03/02/1998	29001324	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GD&CD: 7.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.40
LƯƠNG VĂN HIỀN	15/12/1998	29020638	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GD&CD: 6.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.40
LÊ THỊ HUẤN	08/07/1999	29015668	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GD&CD: 8.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN NGỌC TÁ	14/11/1999	29008921	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.25 GD&CD: 5.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 1.20
NGUYỄN XUÂN DŨNG	17/10/1997	29019671	Toán: 2.20 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GD&CD: 7.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THÀNH VINH	29/10/1999	29004833	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 6.25 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 3.20
ĐÀO VĂN DŨNG	20/01/1999	29001860	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 4.80
PHẠM THỊ HUYỀN	13/01/1999	29018519	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.75 GD&CD: 6.75 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ NỤ	17/05/1999	29003468	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 5.20
CAO XUÂN HIỆP	20/06/1998	29006014	Toán: 7.40 Vật lí: 6.75 Hóa học: 5.50
NGUYỄN NHẬT LUÂN	16/07/1999	29011705	Toán: 8.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 3.20

TRẦN THỊ LÝ	01/04/1999	29009741	Toán: 7.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 2.40
ĐINH XUÂN THẮNG	14/02/1998	29010186	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50
NGUYỄN THỊ VÂN	28/02/1999	29024138	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 8.25 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN ĐÌNH HẢI	30/01/1999	29021699	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.40
HOÀNG THANH NAM	30/05/1999	29009211	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 8.50 KHTN: 8 Tiếng Anh: 6.80
DƯƠNG THỊ LƯƠNG	20/12/1967	29013042	Toán: 1.80 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.75
NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	02/06/1999	29025888	Toán: 7.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 5.20
ĐẶNG VĂN ĐẠT	11/02/1999	29021646	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.60
HỒ TUẤN ANH	02/11/1999	29003346	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 3.80
ĐINH THỊ DIỆU LINH	18/06/1999	29026234	Toán: 7.80 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 6.80
TRẦN XUÂN DŨNG	14/04/1999	29015488	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.20
ĐẬU ĐỨC QUÂN	20/03/1999	29000492	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.20
VŨ THỊ HỒNG THẨM	06/07/1999	29030689	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN KHÁNH LY	19/06/1999	29026294	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 6.40
NGUYỄN HỒNG QUÂN	08/11/1998	29025214	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN THỊ VIỆT TRINH	17/04/1999	29016494	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.00
PHAN THỊ THUỶ	27/05/1999	29022518	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 4.80

BÙI THỊ HƯƠNG GIANG	19/05/1999	29027876	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 6.60
TRẦN THỊ VINH	19/10/1999	29019104	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN TRUNG HIẾU	22/02/1999	29023739	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 7 Tiếng Anh: 4.40
PHẠM TRUNG DŨNG	15/08/1999	29014336	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN VĂN ĐỨC	18/10/1999	29007592	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 6 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM THỊ KIM NGÂN	02/08/1999	29005793	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.40
XEO VĂN THUYỀN	18/09/1999	29008462	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN HỮU TRUNG	19/07/1999	29009336	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.40
ĐÀM THỊ NHÂN	17/01/1999	29014654	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.20
THÁI VĂN QUÂN	02/05/1999	29030234	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.20
DƯƠNG THỊ KIM TUYỀN	08/06/1999	29024129	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 2.20
LÊ THỊ HỒNG	02/02/1999	29001943	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 6.75 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN TRUNG HIẾU	05/08/1999	29027902	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 2.25 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ THỨC	28/04/1999	29001669	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.80
PHAN THỊ HUYỀN SƯƠNG	30/08/1999	29029228	Toán: 8.20 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.75 GDCD: 9.25 KHXH: 8.5 Tiếng Anh: 8.20
TRẦN VĂN HOÀNG	02/09/1999	29007636	Toán: 1.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 1.60
NGUYỄN THỊ DIỄM MY	11/09/1999	29012232	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.80

THÁI MINH NHẬT	03/04/1999	29023945	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN CAO NHẤT LÂM	10/03/1999	29014999	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM THỊ NHÂN	20/03/1999	29021966	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.00
LO VĂN THẾ	07/11/1998	29014838	Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 6.75
NGUYỄN KIM LƯU	22/08/1999	29001484	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.40
LƯƠNG ĐIỀU THỦY	22/10/1999	29020829	Toán: 1.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN NHẬT HÀO	12/01/1999	29013937	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 7.60
HỒ BÁ HUY	21/12/1999	29019454	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.40
VÀ BÁ CHỐNG	13/01/1999	29013483	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG THỊ MÂY	25/10/1999	29010529	Toán: 8.00 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 8.60
HỒ THỊ KHÁNH HUYỀN	03/01/1999	29009651	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 6.75 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 4.00
VÕ QUANG THÀNH ĐẠT	04/02/1999	29000659	Toán: 8.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.75 Sinh học: 1.75 KHTN: 6.67 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.40
LƯƠNG THỊ LAN TRINH	21/11/1999	29015272	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.40
VŨ HOÀNG NHI	31/12/1999	29018093	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 5.80
TRẦN ĐỨC ANH	16/02/1998	29019656	Toán: 3.20 Ngữ văn: 1.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 4.25
NGUYỄN THỊ CHÂU ANH	21/09/1999	29028849	Toán: 5.80 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 6.40
ĐINH THỊ QUỲNH TRANG	30/04/1999	29025738	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.08 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 8.40
NGUYỄN VĂN BÌNH	15/03/1998	29027191	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.60

PHẠM MẠNH LINH	29/07/1999	29023860	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 2.25 KHTN: 3 Tiếng Anh: 1.60
VÕ VĂN TÚ	18/06/1997	29002771	Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 6.50
ĐẶNG ĐÌNH MẠNH	19/05/1999	29002493	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN MẬU QUỲNH	18/04/1999	29004124	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.75 GD CD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAM	22/02/1999	29029072	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 9.25 GD CD: 9.25 KHXH: 8.67 Tiếng Anh: 5.20
HÀ VĂN NAM	16/07/1999	29014058	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.00 GD CD: 8.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.80
ĐÀO VĂN CƯỜNG	20/02/1998	29000952	Toán: 6.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 7.00
ĐOÀN PHƯƠNG NAM	11/09/1999	29009767	Toán: 9.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 2.60
BIỆN THỊ CHUNG	03/06/1999	29002239	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN TRIỆU VÂN	05/04/1999	29006239	Toán: 5.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 8.50
CAO THỊ HẰNG	23/08/1998	29005606	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.25 GD CD: 7.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 6.80
HÀ THỊ NGỌC UYỂN	03/10/1999	29011843	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GD CD: 7.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.60
PHẠM THỊ SAO	24/08/1998	29001797	Toán: 8.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 8.25
TRƯƠNG VĂN HOÀNG	17/11/1998	29014791	Toán: 2.40 Vật lí: 2.00 Hóa học: 2.50
NGUYỄN XUÂN HƯƠNG	24/10/1997	29009669	Toán: 3.80 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.50 GD CD: 6.75 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.60
ĐẶNG ÁNH TUYẾT	01/08/1999	29005400	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GD CD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM THỊ LOAN	25/03/1999	29001472	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GD CD: 9.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.60
ĐÀO THU UYÊN	20/01/1999	29030916	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 6.50 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ HÀ	08/06/1998	29007275	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.20

TRẦN THỊ NGUYỆT	14/07/1999	29000445	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM THỊ DANH	17/06/1998	29028318	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.00 GD&CD: 7.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ HUỆ	18/06/1999	29005040	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.17 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GD&CD: 6.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.00
VÕ VĂN KIÊN	27/11/1999	29000317	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM QUANG HUY	06/12/1999	29025461	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.5 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.50 GD&CD: 8.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 8.40
TẠ THỊ HƯƠNG GIANG	04/11/1999	29006333	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN THỊ HƯNG	09/06/1999	29005067	Toán: 8.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 7.80
TRƯƠNG THỊ HOAN	21/04/1999	29017944	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 2.80
ĐẬU THỊ THƯ	10/05/1999	29004669	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4 Tiếng Anh: 3.80
HỒ NGỌC HÙNG	20/05/1999	29016677	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 2.60
VŨ VĂN TƯỜNG	08/12/1997	29004304	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.75 Lịch sử: 6.75
TRẦN KHẮC CAO	11/08/1999	29008626	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 9.00 GD&CD: 8.00 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 3.20
ĐINH TRỌNG THẮNG	02/12/1999	29028672	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 5.40
ĐÀO ĐÌNH VIỆT	23/08/1998	29006241	Toán: 4.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.00
LA THỊ MỸ LINH	04/11/1999	29025506	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 1.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.08 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.75 GD&CD: 7.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN THỊ HÒE	20/11/1998	29001407	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GD&CD: 8.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.60
BIỆN VĂN LÂM	10/09/1999	29020327	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.25 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN MINH TRƯỜNG	15/03/1998	29026705	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 9.75 Tiếng Anh: 3.00

NGUYỄN QUỐC NHÂN	26/01/1999	29010574	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.00
LÊ VĂN DẦN	15/11/1998	29016112	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 1.60
NGUYỄN THỊ HOÀI	05/07/1999	29027329	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG NHẬT NAM	15/06/1999	29017392	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN BẮC KHÁNH	20/01/1997	29025489	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ LAN ANH	01/07/1999	29011898	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.60
ĐÀM THÁI KHOA	22/05/1999	29014991	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 6 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	10/10/1999	29009977	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN HỮU TIẾN	09/06/1998	29008134	Toán: 5.60 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.50
NGUYỄN THỊ THANH	08/10/1999	29001613	Toán: 5.40 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THANH NHÀN	17/10/1999	29013267	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 4.20
BÙI ĐỨC LONG	28/01/1999	29029533	Toán: 8.60 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 8.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 9.40
HOÀNG NGHĨA ĐỨC	14/07/1999	29009525	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HÒA	14/11/1999	29004436	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 4.20
HOÀNG VĂN TRỌNG	08/04/1997	29010205	Toán: 5.80 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.50
HOÀNG ĐĂNG VINH	22/10/1999	29008031	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN DUY QUÂN	22/08/1996	29029386	Toán: 3.40 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.75

NGUYỄN KHÁNH LY	20/03/1999	29007341	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 2.83 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.80
PHAN ANH TUẤN	25/08/1999	29003007	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ QUỲNH	10/10/1999	29005243	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG THỊ MAI	25/06/1999	29014583	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN XUÂN QUÂN	16/07/1998	29011563	Toán: 1.60 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.25
LÊ HỮU HẢI	07/05/1998	29026055	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 8.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 4.40
PHAN THỊ HUYỀN	10/03/1999	29021106	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN TIẾN DŨNG	15/12/1999	29007561	Toán: 6.60 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 1.75 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 2.80
LÊ VĂN NAM	23/01/1998	29019147	Toán: 4.40 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.25
TRẦN MINH HIẾU	15/06/1998	29003861	Toán: 3.40 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.25 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG THỊ HẢI LINH	03/08/1999	29019536	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 6.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ TUYẾT NHUNG	15/01/1999	29004556	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN NHƯ MẠNH	19/08/1996	29001070	Toán: 3.00 Ngữ văn: 2.00 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 5.50 KHXH: 3.92 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM THỊ MINH HIẾU	28/04/1999	29018789	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.50 KHXH: 7.5 Tiếng Pháp: 4.40
TRẦN ANH PHÁP	13/07/1999	29021223	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.50 GDCD: 6.50 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 2.00
VÀ Y MÒ	25/07/1999	29020718	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 2.20
CHU ANH TUẤN	08/11/1999	29018243	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 2.60

PHẠM HỮU HOÀN	23/02/1999	29029931	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 2.80
LÊ THỊ YẾN	21/07/1999	29021435	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 6.80
TRẦN THỊ THANH THÚY	19/02/1999	29000835	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.33 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 4.40
ĐÀO THỊ SƯƠNG	15/11/1999	29021279	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 1.40
NGUYỄN THỊ MAI ANH	21/08/1999	29000628	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.17 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 6.80
LÊ THỊ AN	18/10/1999	29017072	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 5.20
PHẠM VĂN VIỆT	20/08/1999	29004829	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 8.25 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 4.20
PHAN THỊ KIỀU OANH	02/09/1999	29016232	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.80
HOÀNG QUANG	19/05/1999	29029570	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN HUY HOÀNG	08/06/1999	29023759	Toán: 8.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 6.60
LÊ THỊ TRÀ	03/07/1999	29007783	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN ANH TÚ	20/08/1999	29006753	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.80
LÊ THỊ HƯỜNG	16/12/1999	29006419	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.42 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.20
CAO THỊ MINH THẢO	03/03/1999	29000796	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 1.75 Sinh học: 1.75 KHTN: 2.5 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.00 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.80
VÕ VĂN PHÁP	22/08/1999	29005206	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG THỊ QUỲNH	21/03/1999	29005859	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.80
LÊ VĂN SƠN	26/10/1999	29002066	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 3.00

TRẦN THỊ LINH CHI	06/09/1999	29010834	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 8.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 8.00
HỒ THỊ NGÀ	14/11/1999	29019627	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	14/06/1999	29028658	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 4.00
ĐẶNG QUANG THUYỀN	22/08/1999	29010692	Toán: 6.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.40
TRƯƠNG NHƯ TÀI	19/09/1999	29004614	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 2.92 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.20
CAO THỊ HẠNH	29/06/1999	29005596	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 5.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.00
VÕ MẠNH TÀI	27/02/1999	29013330	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN NHÂN ĐỨC	05/01/1999	29021670	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.80
ĐẶNG DUY CÔNG	02/08/1999	29002243	Toán: 3.00 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ MINH	06/07/1999	29022890	Toán: 6.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 5.20
VÕ VĂN THƯỜNG	10/03/1999	29014176	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 5.75 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN NGỌC HIẾU	24/07/1999	29026108	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN GIA KIÊN	12/01/1999	29026841	Toán: 1.80 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 2.75 Hóa học: 1.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.58 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 1.60
TRƯƠNG VIỆT SÁNG	11/08/1999	29014737	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.50 GDCD: 7.50 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN XUÂN VĂN	11/01/1999	29017055	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.40
TẶNG THỊ NGỌC ÁNH	01/04/1999	29012642	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 6.40
VÕ THÀNH HƯNG	06/08/1999	29025474	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 8.40

NGUYỄN THỊ NHUNG	30/10/1999	29023282	Toán: 9.00 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.42 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN VĂN HOÀNG	14/04/1999	29007292	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 2.83 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HẠNH	15/07/1999	29004404	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN TIẾN ĐẠT	24/09/1999	29027252	Toán: 4.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 2.75 GDCD: 6.00 KHXH: 3.42 Tiếng Anh: 2.00
KIM THỊ THANH	19/05/1999	29014139	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 4.60
ĐẶNG NGỌC TOÀN	10/06/1999	29017576	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.80
LÊ THANH TÙNG	16/10/1999	29023401	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN HỮU THẮNG	27/12/1998	29020462	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 1.75 KHTN: 2.83 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 1.20
TRẦN MINH ĐỨC	02/11/1999	29004391	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 7.83 Tiếng Anh: 4.00
CỤT THI THÂN	01/08/1998	29008451	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.00 GDCD: 5.25 KHXH: 3.92 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG PHI HẰNG	21/07/1999	29025025	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.08 Tiếng Anh: 3.20
ÂU THỊ NGỌC ÁNH	04/09/1999	29023602	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN BẢO PHONG	16/08/1991	29013053	Toán: 7.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.00
NGUYỄN PHAN HOÀI LINH	21/05/1999	29027956	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 8.00
TRẦN THỊ THÙY DUNG	27/12/1999	29030404	Toán: 8.80 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.17 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.00 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 9.20
ĐẶNG DUY TÚ	13/03/1999	29027081	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.17 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG LONG THẮNG	08/05/1999	29016373	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.80

NGUYỄN THỊ LY	09/11/1999	29014573	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.00
BÙI XUÂN VIỆT	03/06/1999	29028795	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.50 Hóa học: 9.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ MAI THI	19/03/1999	29003508	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 4.20
ĐẬU THỊ NGỌC	22/12/1998	29016161	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 5.00
PHẠM THỊ TRANG	22/03/1999	29020139	Toán: 4.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG	20/03/1999	29011816	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 8.50 Sinh học: 8.50 KHTN: 7 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ MINH THOAN	20/04/1999	29002615	Toán: 7.00 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.75 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN ĐÀO SANG	09/11/1999	29030617	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 1.75 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 3.40
HÀ MINH PHÚC	04/08/1999	29030597	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 2.80
ĐẬU QUANG TRƯỜNG	14/01/1999	29004763	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.08 Tiếng Anh: 6.00
HỒ THỊ THANH HUYỀN	11/10/1998	29010110	Toán: 6.20 Hóa học: 6.00 Sinh học: 6.50
NGUYỄN THỊ HIỀN	10/03/1999	29001349	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.80
PHẠM THỊ KIỀU LINH	01/03/1999	29023245	Toán: 9.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 7.20
NGUYỄN QUANG HUY	19/03/1999	29027923	Toán: 8.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 8.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 7 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THIÊN QUỐC	27/09/1999	29027552	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ HƯƠNG TRÀ	15/08/1999	29011533	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 7.00
PHẠM THỊ CHINH	25/12/1999	29027207	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.20

HOÀNG TUẤN ANH	22/05/1998	29000931	Toán: 5.20 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.25
NGÔ NGUYỄN TRÍ HIẾU	20/11/1999	29030460	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 5.40
HỒ THỊ LINH	01/01/1999	29018552	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 9.75 GDCD: 8.25 KHXH: 8.33 Tiếng Anh: 5.40
HOÀNG THỊ AN	30/04/1999	29012602	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 2.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ MỸ LINH	28/12/1999	29005114	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN VĨNH	10/02/1999	29030938	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN BÁ HẢI	26/02/1999	29015561	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 2.60
LÊ XUÂN NGUYỄN	01/08/1999	29030581	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN VĂN KHÁ	28/07/1997	29015723	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.50 GDCD: 6.25 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 3.20
XEO ANH THÁI	13/03/1999	29008441	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.00
LÔ THỊ HẢI	21/06/1999	29013529	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.75 GDCD: 9.50 KHXH: 8.42 Tiếng Anh: 2.80
MAI TIẾN DŨNG	21/05/1999	29011971	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.17 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	14/05/1999	29023806	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.50 Sinh học: 1.25 KHTN: 6 Tiếng Anh: 3.20
LƯU THỊ THẨM	28/10/1999	29002605	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 4.20
LÊ QUANG ĐẠT	21/04/1999	29022232	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ HẠNH	26/12/1999	29008698	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN QUỲNH TRANG	17/08/1999	29005350	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.80

NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG	08/03/1999	29004723	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ THƯỜNG	21/02/1997	29004286	Toán: 7.60 Vật lí: 6.75 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.25
LÊ VĂN LƯƠNG	08/02/1999	29021161	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN ĐÌNH TÀI	05/08/1999	29017495	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN PHAN MINH ANH	25/09/1999	29027161	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.40
ĐẶNG THỊ THƠM	18/11/1999	29021335	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ HUYỀN	22/10/1999	29015693	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 4.75 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.40
CAO TUẤN KIẾT	08/08/1999	29026220	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 8.75 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 4.20
HOÀNG THỊ DUNG	04/04/1999	29010302	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 3.00 GDCD: 7.25 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN XUÂN CHIẾN	10/11/1999	29020968	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 1.40
PHAN THỊ DUYÊN	10/10/1999	29004936	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 6.00
PHAN VĂN TOÀN	19/12/1999	29030786	Toán: 3.20 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.80
PHAN VĂN BẢO	13/11/1999	29000050	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 8.00 KHTN: 6 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG VĂN QUYẾT	12/03/1999	29011472	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 9.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.00
MÙA Y MỸ	01/04/1998	29008558	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00
LỮ THỊ NHUNG	26/03/1999	29014086	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM VĂN HÙNG	28/02/1999	29012772	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.00

NGUYỄN THỊ THANH HOÀI	26/05/1999	29012070	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 3.80
CAO TRỌNG SƠN	18/07/1998	29010787	Toán: 6.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.25
NGUYỄN ĐÌNH CẢNH	25/06/1999	29016097	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 3.20
VI THỊ HÀ	08/03/1999	29014388	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 3.50 GD&ĐT: 6.00 KHXH: 3.92 Tiếng Anh: 2.60
HOÀNG VĂN HẢI	05/11/1999	29027885	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 4.00
VÕ MẠNH HÙNG	17/07/1999	29025062	Toán: 5.40 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.17 Tiếng Anh: 1.60
PHAN HỒNG HẠNH	29/03/1999	29026065	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 8.00 Hóa học: 9.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 7.20
NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ	03/03/1999	29025192	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ TÂM	11/05/1999	29019994	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GD&ĐT: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ THIẾT	15/08/1999	29005925	Toán: 4.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 9.50 GD&ĐT: 9.00 KHXH: 8.67 Tiếng Anh: 4.00
LÔ THỊ DIỆU BÌNH	31/01/1999	29025932	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 9.50 GD&ĐT: 7.00 KHXH: 8.33 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ LAN ANH	02/01/1999	29019195	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GD&ĐT: 5.00 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.00
ĐẶNG NGỌC HÒA	22/02/1999	29000220	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GD&ĐT: 7.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.80
LÊ THỊ UYÊN	23/03/1999	29022638	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 5.75 GD&ĐT: 8.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ THUỶ LINH	04/06/1999	29024422	Toán: 6.80 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.00 GD&ĐT: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 8.60
PHẠM THỊ TÚ UYÊN	20/12/1999	29011187	Toán: 5.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.25 GD&ĐT: 7.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ HÀ MY	01/11/1999	29010541	Toán: 4.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GD&ĐT: 9.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 4.00

ĐẬU CAO HOÀNG	17/06/1999	29013973	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 7.75 KHTN: 7 Tiếng Anh: 4.00
MAI THỊ PHƯƠNG	12/06/1999	29026443	Toán: 9.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 9.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 9.80
VÕ VĂN THÀNH	24/10/1999	29022971	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.60
HÀ DANH PHÚC	05/05/1999	29028595	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 2.80
VŨ THỊ THẢO	24/08/1999	29017528	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN NGỌC ÁNH	02/09/1999	29013873	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.20
MOONG VĂN BÚN	04/06/1998	29025251	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.75 Tiếng Anh: 7.40
BÙI ĐỨC DẦN	12/02/1998	29000959	Toán: 6.80 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.00
TRẦN ANH TUẤN	08/06/1999	29000891	Toán: 6.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN PHẠM MAI HƯƠNG	25/02/1999	29012793	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 7.40
NGUYỄN TUẤN ANH	13/06/1999	29017093	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.00
VƯƠNG TRỌNG NGHĨA	26/11/1999	29013253	Toán: 7.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN CẢNH TÚ	23/02/1999	29012512	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.00
NGÔ THANH HẠ	30/06/1999	29004979	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN VINH	03/11/1999	29011210	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN HIẾU	17/04/1998	29029904	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN KHẮC PHỤNG	08/03/1999	29009825	Toán: 7.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 5.20
PHAN THỊ TRÀ MY	16/06/1999	29007932	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.67 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.40

ĐÀO CHÍNH TUẤN	02/08/1999	29028768	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 4.80
TRƯƠNG ĐÌNH TUẤN	26/05/1998	29014859	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.50
CAO ĐĂNG KHOA	15/09/1998	29007906	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.17 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.00
LÊ QUYỀN LINH	01/01/1999	29028504	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.80
LÔ THỊ THU	14/08/1999	29003515	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.08 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.20
VÕ THỊ THƯƠNG	06/09/1999	29028716	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 5.40
BÙI THỊ UYÊN	02/03/1998	29025805	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.60
MAI THỊ LINH	10/03/1999	29010480	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN ANH TÚ	03/12/1999	29025780	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN HIẾU	17/06/1998	29021750	Toán: 3.20 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN HOÀI NAM	22/02/1999	29022372	Toán: 9.20 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 4.20
LÊ THANH TÚ	16/09/1999	29003563	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN QUANG DŨNG	11/04/1999	29016121	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 4.40
TẠ THỊ DUNG	01/03/1998	29028815	Toán: 9.20 Hóa học: 8.75 Sinh học: 9.00
LÊ THANH HOÀNG	21/12/1999	29013161	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.5 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.20
LÊ QUANG BỬU	15/01/1999	29019864	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.60
BÙI XUÂN TOẢN	31/12/1999	29022539	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.00 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 4.20

NGUYỄN VIỆT PHÚC	22/02/1999	29009824	Toán: 6.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 4.00
LÊ THỊ PHƯƠNG LINH	09/12/1999	29000345	Toán: 8.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 9.00
TRẦN THỊ LINH	03/02/1999	29022346	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 7.75 Sinh học: 7.00 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 3.40
HỒ ĐỨC THỊNH	11/10/1999	29018176	Toán: 4.80 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.00 KHTN: 2.92 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN THỊ MỸ LINH	06/02/1999	29001466	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 1.60
HỒ THỊ HOÀI	20/03/1999	29018480	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ HÀ	28/01/1999	29001304	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.60
HOÀNG THỊ NGÂN	10/09/1999	29007706	Toán: 4.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN KHẮC LONG	09/09/1999	29019575	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ NGÀ	11/05/1999	29030573	Toán: 8.20 Ngữ văn: 8.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THÁI TRÚC	01/04/1998	29001818	Toán: 8.80 Hóa học: 8.75 Sinh học: 8.75
NGÔ QUỐC CƠ	02/01/1999	29004352	Toán: 6.40 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ ĐIẾP	15/10/1999	29029808	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.20
VI THỊ SƯƠNG	08/10/1999	29003278	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.80
QUÁCH THÙY DUNG	09/05/1998	29025253	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.25
ĐINH TRỌNG HIỀN	26/08/1998	29015937	Toán: 2.40 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 3.25 GDCD: 7.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.20
VI THỊ NHI	01/01/1999	29014661	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 9.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.20

NGUYỄN NGỌC TUYẾT	12/10/1999	29000897	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 4.40
HÀ TUẤN ANH	23/11/1998	29005949	Toán: 7.20 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.00
NGUYỄN THỊ OANH	18/08/1998	29008870	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN VĂN ĐỨC	04/12/1999	29002298	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN DƯƠNG	03/09/1996	29008057	Toán: 7.60 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.50
BÙI THỊ TÚ	20/12/1999	29027078	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN CẢNH SƠN	02/09/1999	29012351	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 4 Tiếng Anh: 5.00
TẠ THỊ THẢO	18/01/1999	29005916	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.20
THÁI THỊ HUYỀN TRANG	24/09/1999	29030829	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ MINH	10/01/1999	29005150	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 1.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.17 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.80
ĐOÀN THỊ HẰNG	17/06/1999	29015576	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ LINH	23/09/1999	29017349	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 5.60
HOÀNG THỊ HỒNG NHUNG	10/11/1999	29024509	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ HOA	22/08/1998	29015624	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.00 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN HỒNG MINH	19/07/1999	29027457	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN VĂN ÁNH	25/01/1999	29010824	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.00
ĐẬU THỊ LIÊN	26/08/1999	29001456	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.00

HOÀNG CÔNG TUẤN	08/03/1999	29028213	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN XUÂN HẬU	13/12/1999	29003838	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 6.20
VƯƠNG VĂN BÌNH	09/11/1999	29008623	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN TẤT TÀI	12/12/1999	29002072	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN ĐÌNH SỸ	11/02/1999	29009880	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN TUẤN ANH	13/04/1999	29030371	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN HƯƠNG GIANG	13/05/1999	29025007	Toán: 6.60 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 6.75 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 2.40
TẠ THỊ ĐẠO	26/03/1999	29007568	Toán: 2.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.40
CAO XUÂN CƯỜNG	26/09/1999	29010288	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ HƯƠNG MƠ	19/07/1999	29019610	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 5.25 KHXH: 4 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HỒNG MINH	23/09/1999	29017379	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN HỒNG PHÚC	08/07/1994	29026670	Toán: 3.20 Vật lí: 2.50 Hóa học: 1.25
VY THỊ ANH	06/02/1999	29014287	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 1.20
PHAN TRỌNG TÀI	11/04/1999	29008924	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.80
DƯƠNG THẢO NGUYỄN	20/06/1999	29026897	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 3 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN VIỆT HOÀNG	27/03/1999	29009622	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.40
LANG THÚY KIỀU	07/11/1999	29013594	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.20

NGUYỄN THỊ BÉ HƯỜNG	11/11/1999	29027383	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM THỊ MAI	05/01/1998	29028823	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 7.00 Tiếng Anh: 7.60
CAO VĂN TUẤN	10/12/1999	29030890	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 3.80
ĐẬU THỊ NHUNG	15/08/1999	29009797	Toán: 5.40 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 4.80
PHẠM LƯU TRUYỀN	17/12/1999	29028188	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 5.00
HOÀNG THỊ NGỌC	12/11/1999	29007054	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ THIẾT	14/08/1999	29007764	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN TIẾN TUẤN ANH	22/06/1998	29023429	Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 10.00
CAO ANH QUỐC	27/10/1999	29013311	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6.75 Tiếng Pháp: 2.60
HỒ XUÂN TÂM	20/07/1999	29016934	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 6.40
GIÀ BÁ PÓ	07/09/1999	29020777	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 4.20
HỒ THỊ HẰNG	13/08/1999	29010873	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ HUYỀN	03/03/1998	29001033	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.75 Tiếng Anh: 4.40
NGÔ THỊ HÒA	09/03/1999	29004435	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.08 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 7.80
LÔ VĂN THIỆN	26/02/1997	29013843	Toán: 5.60 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.00
TRẦN HỮU LỘC	20/09/1999	29024805	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25
HỒ VĂN LƯƠNG	11/02/1999	29012827	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN VIỆT HOÀNG	22/09/1999	29004446	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 5.80

HOÀNG VĂN CÔNG	29/05/1994	29019663	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 8.00
NGUYỄN THỊ HƯỜNG	06/09/1999	29000306	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN ĐĂNG QUÂN	02/10/1999	29026460	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ BÍCH	20/10/1999	29028291	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.80
HỒ TRỌNG TÀI	01/01/1998	29010789	Toán: 5.00
HÀ THỊ YẾN	08/11/1999	29003602	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.83 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.75 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ HẰNG	05/05/1999	29029874	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 3.75 GDCD: 5.75 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.80
LÊ THỊ XUÂN	08/01/1999	29023089	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.50 KHXH: 8 Tiếng Anh: 3.00
TRƯƠNG CÔNG NHẤT THỐNG	30/10/1999	29024067	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN VĂN TÚ	11/03/1999	29003566	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 5.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN NHỮ ĐỒNG	13/10/1999	29011631	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG THỊ MỸ LINH	27/08/1998	29021143	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.40
DƯƠNG ĐÌNH THÀNH	09/05/1999	29030643	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HOÀI THƯƠNG	02/01/1999	29015213	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ THÚY QUỲNH	16/09/1999	29011031	Toán: 8.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 6.50 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ HẠNH	01/12/1999	29006009	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00
HỒ THỊ THẢO	01/02/1999	29016354	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 5.00

LÊ THỊ HẰNG	21/08/1999	29021039	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.00
HUỖNH THỊ QUÝ	07/03/1999	29012327	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.40
VÕ THỊ THƠ	26/12/1999	29002961	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.08 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 8.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN HOÀNG HẢI	01/08/1999	29014938	Toán: 8.80 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 8.25 KHTN: 7.75 Tiếng Anh: 5.20
HOÀNG THỊ LƯƠNG DUNG	08/10/1999	29000086	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 5.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.80
HỒ THỊ HƯƠNG GIANG	13/04/1999	29017888	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	19/01/1999	29007757	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.40
LÊ THỊ PHƯƠNG DUYÊN	12/03/1999	29003755	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.60
HOÀNG THU TRANG	23/09/1999	29024098	Toán: 9.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN THỊ HIỀN	10/06/1999	29029896	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.80
VŨ VĂN ĐÔNG	04/09/1999	29023155	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 4.40
ĐÀO QUANG TIẾN	15/05/1999	29028718	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.50 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.00
LÔ VĂN HẢI	07/12/1999	29013935	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.20
VI VĂN KHƯƠNG	08/01/1999	29013593	Toán: 1.80 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 5.50 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.80
ĐÀM QUANG CHÍNH	17/09/1999	29009480	Toán: 8.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 8.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 4.40
NGÔ THỊ HIỀN	17/03/1999	29020276	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 4 Tiếng Anh: 3.60
LÔ THỊ THÙY DƯƠNG	29/12/1999	29024979	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 4.20

LÊ THỊ KHÁNH DU	19/09/1999	29003066	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.60
PHẠM HỮU TOÀN	14/10/1999	29016458	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 5.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN VĂN THẮNG	17/12/1999	29002095	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ MAI TRANG	13/02/1999	29023377	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 4.20
LÊ THỊ GIANG	15/02/1998	29001760	Toán: 7.80 Hóa học: 9.50 Sinh học: 9.25
LÊ THỊ HƯƠNG	25/02/1999	29003931	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.60
LÊ THỊ VÂN	23/04/1999	29002776	Toán: 3.80 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.75
LÊ VĂN DƯƠNG	24/08/1999	29019283	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN ĐỨC TÚ	26/07/1999	29008140	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50
NGUYỄN VĂN ĐỨC	04/04/1999	29015531	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.40
ĐẬU THÙY NHƯ	15/07/1999	29027516	Toán: 5.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 5.80
HỒ THỊ LAN HƯƠNG	04/01/1998	29015710	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.25 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG THỊ SÂM	25/05/1998	29021264	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ THÚY AN	28/07/1999	29006251	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 5.00
LÊ TRỌNG NGÂN	29/08/1999	29029147	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN ĐÌNH TRỌNG	13/06/1998	29004748	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.40
ĐÀM QUANG THUẬN	25/09/1997	29017772	Toán: 9.40 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.50
HOÀNG THỊ HẰNG	13/09/1999	29003123	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.25 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 4.00

LÊ VIỆT THẮNG	16/03/1999	29026514	Toán: 9.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 9.75 Sinh học: 9.00 KHTN: 7.75 Tiếng Anh: 6.80
VI THỊ TÚ	17/04/1999	29014203	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ QUỲNH	17/09/1999	29015076	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 4.40
LÊ THỊ THU HUYỀN	16/09/1999	29005677	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 2.50 GDCD: 2.00 KHXH: 2.5 Tiếng Anh: 5.00
LÊ THỊ SƯƠNG	15/12/1999	29007742	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN HOÀNG HẢI	04/12/1999	29024271	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.00 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 8.80
LÊ SỸ DIỆP HUỲNH	14/06/1999	29026829	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.58 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 4.80
LÊ THỊ PHƯƠNG THẢO	30/04/1999	29026964	Toán: 8.20 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.92 Tiếng Pháp: 7.20
LÔ THỊ DUNG	04/05/1999	29003071	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM HỒNG TUẤN	11/06/1998	29019833	Toán: 7.60 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.00
HOÀNG ANH HẢI	01/04/1999	29003804	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.80
DƯƠNG VĂN KHÁNH	22/06/1999	29023470	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.25
HỒ THỊ THẢO LY	24/03/1998	29001486	Toán: 2.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ THANH VÂN	14/05/1999	29027124	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.33 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ DUYÊN	05/10/1999	29008655	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.40
ĐẶNG SỸ HOÀNG	15/10/1998	29001018	Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 9.75
HOÀNG BÁ SÁNG	07/09/1999	29006148	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.00
NGUYỄN THỊ KIM ANH	26/05/1999	29023099	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.08 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.20

NGUYỄN VĂN THẮNG	01/06/1995	29014837	Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.00
ĐỖ ĐỨC THU HIỀN	13/06/1999	29017223	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG THỊ HÀ	18/05/1999	29028933	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 9.25 GDCD: 8.00 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VIỆT TÚ	13/07/1999	29020178	Toán: 2.80 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.50 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.60
TRỊNH VĂN LƯƠNG	15/04/1998	29011558	Toán: 7.40 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.50 Tiếng Anh: 6.20
BÙI ĐỨC NHÃ	06/11/1998	29027716	Toán: 7.20 Vật lí: 6.50 Hóa học: 8.00
PHẠM THỊ HUYỀN	03/11/1999	29021105	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ TRANG	16/07/1999	29007787	Toán: 4.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 9.00 GDCD: 9.50 KHXH: 9.08 Tiếng Anh: 4.00
TRƯƠNG THỊ THÙY DUNG	02/09/1999	29011611	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 4.80
DOÃN THÁI ĐẠT	03/11/1999	29013503	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 5.20
TRẦN THỊ TRÀ	02/06/1998	29017778	Toán: 8.80 Hóa học: 9.00 Sinh học: 9.50
CHU QUANG HÒA	27/05/1999	29001381	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.60
CAO THỊ MINH NGUYỆT	29/06/1999	29026390	Toán: 8.60 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 9.40
ĐẶNG THỊ HƯỜNG	20/10/1999	29030005	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.40
HOÀNG THÀNH HUẤN	19/09/1999	29001948	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 9.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 7 Tiếng Anh: 3.60
HỒ THỊ HỒNG	11/08/1999	29015660	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 4.60
LÊ THỊ NGÂN	10/04/1999	29007051	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.60
TRỊNH THỊ LINH	27/07/1999	29023482	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.50

HOÀNG TRUNG TÂY	20/08/1999	29010647	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.40
BÙI THỊ TRANG	01/12/1999	29008014	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.25 KHTN: 3 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ LINH	08/11/1999	29000708	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 1.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.33 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 6.40
TRẦN THỊ HẢI	04/01/1999	29010370	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN CÔNG QUÝ	16/04/1999	29028037	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 3.60
VÕ THỊ NHUNG	24/12/1999	29012870	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN XUÂN THỊNH	10/11/1999	29029277	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ UYÊN	01/01/1999	29017051	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 7.92 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN NGỌC THẾ	25/02/1999	29025670	Toán: 8.00 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN THỊ HIỀN	22/02/1999	29001916	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 7.50 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 5.60
TRẦN THỊ VIỆT ANH	12/07/1999	29016079	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 5 Tiếng Anh: 9.20
TRẦN LÊ HOÀNG SƠN	21/12/1999	29026489	Toán: 9.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 8.40
ĐÀO CHÍNH ĐỨC	08/08/1999	29028349	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN HỮU TÙNG	30/06/1999	29001725	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.60
PHAN THỊ THÚY PHƯỢNG	17/09/1999	29016891	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 1.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 4.00
PHAN VĂN HANH	12/07/1999	29019337	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG CÔNG THẢO	08/08/1998	29029398	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.00

NGÔ SỸ TÂN	20/05/1999	29005275	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ BẮC	18/09/1999	29002697	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.25 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 3.50
LÊ VÕ KỲ	23/07/1999	29012146	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.25 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.20
BÙI TƯỜNG VY	12/07/1999	29025836	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 6.80
LÊ THỊ THANH NGÀ	29/03/1999	29010976	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 3.80
LÊ THỊ HUYỀN	29/03/1999	29003920	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.80
PHẠM HÀ LAM	10/12/1999	29023832	Toán: 9.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 10.00 Hóa học: 10.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 8 Tiếng Anh: 6.80
TRẦN VĂN TỊNH	30/11/1998	29004695	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.00
PHẠM ĐỨC TIẾN	17/09/1999	29004689	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN VĂN VŨ	01/07/1999	29004840	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ HẢI	20/05/1999	29021027	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.80
TRƯƠNG ĐỨC TRẦN	24/08/1999	29006712	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG THỊ GIANG	01/01/1999	29005577	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN BÁ HOÀNG	08/09/1999	29030481	Toán: 8.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN ĐỨC TÀI	28/04/1998	29018147	Toán: 5.20 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.08 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
VŨ THỊ HÒA	11/11/1999	29017252	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 4.00
DƯƠNG PHÚC VINH	28/06/1998	29021426	Toán: 3.40 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.00 GDCD: 8.25 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.00

NGUYỄN THỊ HOÀI	05/10/1999	29017942	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ XOAN	20/02/1999	29023088	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 9.25 GDCD: 8.00 KHXH: 8 Tiếng Anh: 5.00
LƯƠNG THỊ HÀ	15/10/1999	29003108	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN VĂN CÔNG	26/01/1999	29021596	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.80
HỒ THỊ THUỶ LINH	21/11/1999	29015782	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 5.00
TRẦN MINH HÙNG	24/03/1999	29020304	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN TIẾN HUÂN	08/08/1999	29019436	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN TRỌNG CUNG	17/11/1999	29019247	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.40
LÊ THỊ THÚY HẰNG	19/01/1999	29017213	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 7.20
HỒ THỊ HƯƠNG GIANG	19/07/1999	29018766	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 6 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	06/06/1999	29021436	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.20
LÊ THỊ HẠNH LINH	20/03/1999	29026242	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 7.40
LÊ MẠNH QUÂN	17/07/1999	29024541	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN ĐỨC BÌNH	22/08/1998	29017631	Toán: 8.80 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.25
NGUYỄN SỸ HÙNG	03/02/1999	29009635	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ HẠNH	10/10/1999	29017207	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ HOÀI	22/05/1999	29023193	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 8.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 5.40

NGUYỄN XUÂN NAM	01/09/1999	29001517	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.40
BÙI VĂN THIẾN	01/02/1999	29011789	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ HẰNG	18/05/1999	29016614	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 7.80
TRẦN ĐÌNH HOÀNG QUÂN	07/03/1999	29023309	Toán: 8.40 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ NHUNG	04/06/1999	29009799	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HOÀI	07/01/1999	29011334	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ TUYỀN	18/11/1999	29023070	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.00
DƯƠNG THỊ TRÂM	11/03/1999	29007447	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.42 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG TRỌNG HUẤN	16/02/1999	29005662	Toán: 2.40 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 1.00 Địa lí: 3.75 GDCD: 4.75 KHXH: 3.17 Tiếng Anh: 3.00
ĐẶNG VĂN THẮNG	23/12/1999	29006174	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50
BÙI VĂN VINH	28/12/1996	29027802	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.25
NGUYỄN THỊ LINH	16/05/1999	29015794	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ QUỲNH	12/09/1999	29014729	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.20
VÕ THỊ THƯƠNG	14/06/1999	29005333	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN ĐÌNH VINH	03/01/1998	29002160	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 9.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN ĐỨC MẠNH	06/11/1999	29023886	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 8.80
NGUYỄN ĐÀM MINH ĐỨC	13/03/1999	29028922	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.80

NGUYỄN THỊ THẢO	28/05/1999	29028660	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ QUÝ	20/11/1999	29012324	Toán: 3.60 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 9.25 Địa lí: 9.75 GDCD: 8.75 KHXH: 9.25 Tiếng Anh: 5.60
HOÀNG THỊ TUYẾT	16/02/1999	29021416	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 8.00 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 3.80
THÒ BÁ PỐ	19/03/1999	29020778	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.08 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN DOÃN HOÀNG	21/05/1998	29008072	Toán: 6.80 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.50
NGUYỄN THỊ MINH HUẾ	17/10/1999	29007641	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ TRINH	15/05/1998	29029335	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.25 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN NGỌC MẠNH	01/03/1999	29020372	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 1.80
ĐẬU THỊ HUYỀN TRANG	24/08/1999	29011536	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.00
HỒ THỊ HUYỀN	10/10/1999	29018510	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.50 KHXH: 8.33 Tiếng Anh: 4.60
KHA THỊ KỶ	08/08/1999	29025492	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 2.60
CHU NHẬT HOÀNG	10/05/1999	29008736	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN NGỌC ĐỨC THẮNG	16/02/1999	29018169	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 9.00 Hóa học: 9.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 2.40
PI T Y XI	08/03/1999	29008506	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.50 KHXH: 4.67
TRẦN QUỐC THẮNG	08/01/1999	29021323	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.00
ĐẶNG ANH THƠ	13/02/1999	29023354	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ VIÊN	01/07/1999	29018300	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.20

NGUYỄN NGỌC SƠN	15/12/1999	29002913	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.20
LÊ THỊ NGÀ	20/08/1999	29004034	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	26/08/1999	29011901	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 7.25 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ KIM KHÁNH	30/09/1999	29018532	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.20
HOÀNG DUY LỰC	25/08/1999	29010947	Toán: 2.60 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.42 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 1.80
THÁI THỊ LAN PHƯƠNG	21/04/1999	29006563	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ MAI	14/09/1999	29020363	Toán: 5.80 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG THANH TRANG	06/10/1999	29021374	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 2.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 4.00
ĐẬU HUY BẢO	10/11/1998	29016086	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ MAI	21/11/1999	29026873	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.58 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.42 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 1.80
HỒ SỸ TRÁNG	04/06/1999	29030836	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 3 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.60
ĐƯỜNG THỊ HUYỀN	08/01/1998	29028818	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.50
PHẠM VĂN HOÀNG	25/02/1999	29018487	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 3.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.60
CAO HỮU THIẾT	23/07/1998	29006183	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.60
HOÀNG NGHĨA DŨNG	20/04/1998	29000962	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.25 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ QUỲNH	08/03/1999	29005868	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 4.80
LÊ VĂN HẢI	12/07/1999	29016599	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 4.40

NGUYỄN THỊ HUỆ	08/08/1999	29019439	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 2.80
ĐÀO NGỌC NHUNG	17/07/1999	29026406	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN DUY DŨNG	21/09/1999	29028896	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ VÂN	20/08/1999	29013446	Toán: 8.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 8.50 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 4.40
NGÔ THỊ MAI HOA	28/02/1999	29025439	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.83 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 6.20
PHAN THÁI CHÂU SANG	25/04/1998	29030342	Toán: 7.40 Vật lí: 4.75 Hóa học: 7.00
ĐẶNG THỊ HẰNG	09/08/1999	29018440	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 4.60
BÙI QUỲNH TRANG	26/06/1999	29026535	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 6.00
PHẠM THỊ DIỄM MY	10/02/1997	29024813	Toán: 8.80 Vật lí: 5.75 Hóa học: 9.50 Sinh học: 8.50 KHTN: 7.92
ĐẶNG VĂN KHANG	05/02/1997	29001772	Toán: 8.80 Vật lí: 8.75 Hóa học: 5.50 Tiếng Anh: 7.20
CHU THỊ HÂN	16/05/1999	29005001	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 7.75 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN ANH TUẤN	27/04/1999	29009357	Toán: 8.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM THỊ HOÀI DUNG	07/08/1999	29004361	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 4.20
LÊ THỊ HẢI YẾN	14/12/1999	29015374	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN ĐỨC HUY	02/09/1999	29009156	Toán: 8.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG ANH DŨNG	12/06/1999	29000096	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 6.80
NGUYỄN ĐÌNH QUÂN	30/10/1999	29003481	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.00

TRẦN VĂN ĐẠT	22/11/1999	29005558	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.00
NGÂN ĐỨC BÁ LỘC	08/12/1999	29018579	Toán: 1.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 5.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.20
NGÔ ĐÌNH HIẾU	01/01/1998	29022111	Toán: 5.80 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.08
NGUYỄN THỊ THANH NGÂN	29/12/1999	29026367	Toán: 6.20 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 8.40
PHẠM BÁ ANH	19/05/1999	29007523	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.25 Tiếng Anh: 2.00
TRẦN NHẬT TÀI	24/01/1997	29010181	Toán: 4.60 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.25
NGUYỄN KHÁNH LINH	07/10/1999	29026249	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.25 Hóa học: 8.50 Sinh học: 8.50 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 5.80
ĐẬU THỊ ĐÀO	13/06/1999	29015501	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 5.00
TRẦN MẠNH HÙNG	05/11/1999	29013988	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN TRUNG TÚ	20/06/1999	29001713	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.60
LƯU THỊ YẾN	02/05/1999	29007507	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM THỊ OANH	28/08/1999	29020401	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.33 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN THỊNH	06/08/1999	29023352	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 4.00
LÊ VĂN HIẾU	02/07/1999	29015614	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.80
LÊ VĂN THÁI	15/11/1999	29018899	Toán: 8.80 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 9.00 Sinh học: 6.00 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 5.40
ĐẶNG THỊ BÍCH	13/09/1999	29008621	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN CẢNH	25/01/1999	29008624	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 4.50 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.20
LÊ THỊ MINH HUYỀN	27/08/1999	29029030	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.75 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 5.40

ĐỖ TÙNG DƯƠNG	04/11/1996	29027647	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 7.75
NGUYỄN CÔNG TÙNG	29/08/1999	29029663	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 8.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 3.20
TRƯƠNG VĂN MAI	02/08/1999	29011406	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 4.20
PHAN THỊ LINH	05/11/1998	29030046	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN VĂN TÙNG DƯƠNG	08/02/1999	29007566	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ YẾN	20/04/1999	29006824	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	10/04/1999	29011496	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ SƠN	14/04/1999	29003276	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.40
PHẠM HỒNG HIẾU	20/09/1999	29008067	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.58 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75
NGUYỄN THỊ THU	08/05/1999	29016410	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 9.00 GDCD: 9.25 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN QUỐC ANH	30/03/1999	29024708	Toán: 2.80 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75
TRẦN THỊ LONG	12/06/1999	29029101	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.00
VÕ KIM TUYẾN	24/02/1999	29009372	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.83 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ KIỀU TRANG	04/03/1999	29000585	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN LƯU PHÚC	07/01/1999	29022939	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 8.75 GDCD: 7.50 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 1.80
CAO XUÂN ĐỨC	24/02/1999	29012701	Toán: 6.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 6.00 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ THẢO	13/07/1999	29026969	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.33 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.50 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 4.40

HỒ HỒNG ĐỨC	02/12/1999	29025393	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 1.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.17 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN XUÂN TUYẾN	25/01/1999	29005397	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN HỒNG QUÂN	28/05/1996	29010165	Toán: 5.40 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.25
NGUYỄN THỊ NGUYỄN	15/09/1999	29012273	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.60
PHAN VĂN NGUYỄN	24/06/1999	29021961	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 2.50 GDCD: 7.50 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 1.40
NGUYỄN HOÀNG SƠN	24/07/1998	29030623	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN AN	22/04/1999	29017075	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.20
VŨ QUANG UY	07/10/1998	29004305	Toán: 3.60 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.00
NGUYỄN THỊ MAI	01/04/1999	29002491	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ XUÂN	09/07/1999	29007819	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.00
LÊ THỊ THANH LAN	24/12/1999	29000705	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.92 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 8.40
NGUYỄN VĂN HƯNG	04/04/1999	29002427	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN ANH TUẤN	25/07/1999	29020185	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 5.00 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 1.60
ĐẶNG THỊ HIỀN	04/10/1999	29005628	Toán: 5.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 6.20
TRẦN THỊ QUỲNH NGÀ	03/10/1999	29021940	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ MINH	22/10/1999	29022363	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ BÍCH	25/10/1999	29003705	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.60

NGUYỄN THỊ HUYỀN	15/07/1999	29017293	Toán: 7.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.25 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 6.60
TRẦN ANH DŨNG	10/01/1999	29024209	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	05/05/1998	29030205	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.20
HOÀNG LƯƠNG PHÚC	15/07/1999	29005210	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 1.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.17 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN HỒNG QUÂN	26/08/1999	29007968	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.08 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.75 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.60
NGÔ ĐĂNG VY	02/10/1999	29003023	Toán: 9.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN TIẾN KHỞI	11/07/1998	29019729	Toán: 7.80 Ngữ văn: 2.75 Vật lí: 6.50 Tiếng Anh: 8.40
TRẦN THỊ THU	12/07/1999	29016413	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ THẢO	30/07/1999	29018920	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ LÝ	31/10/1999	29000388	Toán: 5.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 9.75 GDCD: 8.00 KHXH: 8.83 Tiếng Anh: 4.40
LÊ THỊ THẨM	15/07/1999	29018931	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.40
LƯU THỊ TÚ	18/11/1998	29023057	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 3.80
VI THỊ TÂM	27/02/1999	29003281	Toán: 2.20 Ngữ văn: 1.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.25 GDCD: 6.50 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 2.60
ĐẶNG THỊ HẰNG	02/01/1999	29007281	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 6.75 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 3.60
HỒ MẬU TUẤN DƯƠNG	03/09/1999	29016130	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN KHẮC HÙNG	30/10/1999	29009148	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ KIỀU	21/10/1998	29010918	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.20
BÙI THỊ XUÂN	05/05/1999	29000920	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.17 Tiếng Anh: 2.00

VI THỊ DU	20/05/1999	29014329	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 2.40
SƯ THỊ TÚ ANH	27/09/1999	29011247	Toán: 2.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.80
VÕ TRỌNG ĐỨC	17/02/1999	29025001	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	01/08/1999	29013578	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HOÀI	14/09/1999	29001394	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ KHÁNH AN	22/02/1999	29009051	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 8.60
THÁI BÁ KHÁNH	03/05/1999	29005698	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.40
VÕ VĂN ĐỨC	29/09/1999	29002803	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.25 KHTN: 2.58 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ THÚY AN	21/06/1999	29025855	Toán: 6.60 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 8.20
HỒ THỊ MINH	08/09/1999	29018607	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ NGUYỆT	20/04/1999	29022924	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN THỊ HẰNG	03/10/1999	29004996	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.40
PHÙNG THỊ HOÀI	17/09/1999	29000233	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 6.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.40
ĐÀO THỊ QUỲNH TRANG	16/09/1999	29002125	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 6 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN ĐỨC SỸ	28/09/1998	29016317	Toán: 7.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.80
HỒ KHẮC TÀI	10/01/1999	29016929	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.40
ĐINH THỊ TÚ	15/10/1998	29010212	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.25 Tiếng Anh: 8.20

LÊ VĂN LỰC	01/12/1999	29007024	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU	01/04/1999	29002237	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.75 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM VĂN THÀNH	14/11/1999	29001623	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HOÀI	30/09/1999	29022282	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 3.20
HỒ THỊ HỒNG	29/09/1999	29017270	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN QUYẾT THẮNG	10/02/1997	29010794	Toán: 6.20 Vật lí: 5.75 Hóa học: 7.25
PHAN THỊ MỸ HẠNH	25/04/1999	29000673	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.08 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 6.00
BÙI ĐĂNG HÙNG	12/02/1998	29002726	Toán: 7.20 Vật lí: 7.50 Hóa học: 6.00
PHẠM VĂN SƠN	25/02/1999	29005885	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN DOÃN KHOÁT	06/05/1999	29016732	Toán: 7.60 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN TRỌNG HÙNG	26/01/1999	29002818	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.58 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN VĂN TRUNG	05/10/1999	29027074	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.25 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 3.80
VÕ PHI HOÀNG	29/12/1998	29013833	Toán: 7.20 Vật lí: 8.00 Hóa học: 6.50 Tiếng Anh: 8.20
CAO ĐỨC DŨNG	21/08/1999	29006295	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 1.75 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	30/08/1999	29011743	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.80
VÕ THỊ KIM NGÂN	22/02/1999	29018070	Toán: 9.00 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 8.75 Sinh học: 9.25 KHTN: 8 Tiếng Anh: 3.80
ĐẬU HOÀNG ANH	18/03/1999	29023548	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 5.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.60
LÊ THỊ HẢO	16/09/1999	29018437	Toán: 3.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 3.60

TRƯƠNG THỊ NHÀN	06/06/1999	29014651	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
DOÃN THỊ VÂN ANH	19/09/1999	29027808	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 7.60
VIÊN HOÀNG GIANG	03/11/1999	29024260	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.25 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 6.20
VĂN THỊ DUYÊN	08/08/1999	29021631	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 4.60
VŨ THỊ PHƯƠNG	01/12/1999	29017456	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.50 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 4.80
HỒ THỊ HOÀNG	01/10/1999	29010893	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.20
HÀ VĂN QUÝ	01/04/1999	29012326	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 1.80
HÀ THỊ QUYÊN	25/02/1999	29002569	Toán: 5.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ THƯƠNG	17/03/1999	29003322	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 5.00 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 3.40
QUANG VĂN NGỌC	01/06/1999	29014076	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4 Tiếng Anh: 4.40
NGÔ THỊ ÁNH VY	14/07/1999	29019108	Toán: 5.20 Ngữ văn: 8.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 4 Tiếng Anh: 5.40
ĐÀO THỊ THƯƠNG	22/01/1999	29018977	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.83 Tiếng Pháp: 2.80
NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	05/10/1999	29023052	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ HÀ	14/08/1999	29014937	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 5.60
TRẦN THỊ VÂN	12/08/1999	29018296	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 6.75 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ THUỶ	12/05/1999	29022502	Toán: 2.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VĂN HOÀ	12/12/1999	29017244	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.00

NGUYỄN THÀNH VINH	24/12/1999	29017063	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 4.20
ĐẶNG THỊ XUÂN	20/12/1999	29002171	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 7.75 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 4.40
LÊ VĂN QUANG	03/03/1993	29026672	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN VĂN HIẾU	17/07/1999	29006020	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75
NGUYỄN THỊ MAI	08/03/1999	29014591	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.60
LƯƠNG THỊ TUYẾT	28/05/1998	29013849	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50
CAO ĐĂNG THUẦN	17/10/1998	29006186	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 6.00
HỒ TRỌNG VANG	22/04/1999	29025815	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN DUY CHIẾN	27/02/1999	29001244	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN QUỲNH MAI	03/06/1999	29012832	Toán: 3.80 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.80
DƯƠNG QUYỀN LINH	13/01/1999	29019529	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.60
VƯƠNG THỊ THANH TÚ	10/03/1999	29028206	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.25 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 4.60
LÔ THỊ TRÚC LAM	14/09/1999	29025493	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ ANH THƯ	18/07/1999	29009940	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN HỮU QUYẾT	25/04/1998	29004112	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 2.60
CHU THỊ BÌNH	01/05/1999	29017112	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.60
VÕ TIẾN HOÀNG	29/05/1999	29024328	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.00
ĐẶNG QUỐC CƯỜNG	24/06/1999	29029439	Toán: 7.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ THU	24/10/1998	29017771	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.00 Tiếng Nhật: 5.40

LO VĂN LINH	10/05/1999	29014535	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 9.00 GD&CD: 8.75 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ THƯ	14/06/1999	29004671	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.75 GD&CD: 7.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.00
PHAN THỊ THANH HUYỀN	15/07/1999	29000698	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.67 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GD&CD: 7.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 4.80
TRẦN THỊ GÁI	08/03/1999	29006917	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 9.00 GD&CD: 8.75 KHXH: 8.5 Tiếng Anh: 3.80
HOÀNG MAI CHINH	05/09/1999	29018742	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 5.80
LÊ XUÂN THIÊN	04/09/1999	29028681	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 6.50 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN THỊ LINH	01/07/1999	29019560	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GD&CD: 6.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.80
VÕ THỊ GIANG	27/12/1998	29026043	Toán: 4.80 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 10.00 GD&CD: 8.00 KHXH: 9 Tiếng Anh: 5.40
VŨ THỊ YẾN NHI	27/09/1999	29005194	Toán: 1.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.50 GD&CD: 7.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ HÀ	06/05/1999	29021022	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.75 GD&CD: 6.25 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 2.00
LÊ THỊ TRANG	05/10/1999	29016473	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GD&CD: 5.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN THỊ NGỌC HƯƠNG	04/11/1999	29014987	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 7.25 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 4.80
TRẦN VĂN NAM	28/02/1999	29014061	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 7.00 GD&CD: 6.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN QUANG TRÌNH	01/10/1999	29030849	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 4.00
LƯƠNG THỊ LÝ	17/01/1999	29030084	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GD&CD: 8.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VĂN HOÀNG	20/10/1999	29030478	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 3.80
VI THỊ TIÊN	19/09/1999	29015220	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.00 GD&CD: 7.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.80

PHẠM HỒNG KHÁNH	07/01/1999	29002440	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ THÙY	01/09/1999	29009930	Toán: 8.00 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 7.20
NGUYỄN THỊ HUYỀN	12/02/1999	29014978	Toán: 8.40 Ngữ văn: 8.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 8.40
LÊ THÁI HUỲNH	12/04/1999	29007306	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN ĐÌNH THÀNH	20/01/1999	29030647	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM THỊ THẢO	30/11/1998	29029259	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN VĂN DŨNG	03/08/1999	29018389	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.40
TRƯƠNG VĂN LẬP	21/10/1998	29014019	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.60
LÊ THỊ HÀ	02/02/1999	29023453	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75
ĐINH THỊ THÚY DUNG	19/02/1999	29014904	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 6.25 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ TỔ TÂM	26/12/1999	29020808	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 6.00 KHTN: 4.5 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 6.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.80
BÙI VĂN BẮC	04/10/1999	29011926	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 1.75 KHTN: 2.42 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.00 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 1.80
LÔ THỊ NGUYỆT	12/02/1999	29013670	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN MINH ĐỨC	25/11/1999	29024750	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.5 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50
ĐÀO THỊ GIANG	05/06/1999	29014373	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.75 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 4.60
LÊ THỊ THẢO	10/08/1999	29000532	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.75 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ LINH	06/04/1999	29007918	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 6.00 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.20

BÙI THỊ THƠM	02/02/1999	29000821	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 8.40
TẠ HỮU HOÀNG ANH	22/09/1999	29011906	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.67 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.00
ĐẬU THỊ TÚ	23/10/1999	29019049	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 5.40
ĐẶNG THỊ CÚC	12/09/1999	29006284	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 5 Tiếng Anh: 4.20
HỒ SỸ TRỌNG	25/08/1999	29006212	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 8.00
NGUYỄN THỊ DUYÊN	10/02/1999	29004935	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.25 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 6.40
NGÔ ANH TUẤN	14/08/1999	29013425	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 6.00 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 3.40
PHAN ĐÌNH THÌN	03/02/1999	29029607	Toán: 7.80 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ HOÀI	26/03/1999	29007873	Toán: 7.60 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 6.80
ĐẬU THÚY HIỀN	22/03/1999	29013133	Toán: 5.60 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.92 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.80
LÝ THỊ TRÀ MY	31/08/1999	29004535	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 6.25 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 6.60
XÔNG BÁ CU	02/07/1997	29008535	Toán: 6.60 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.75
VƯƠNG ĐÌNH HÙNG	16/02/1998	29011353	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 5.25 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HẰNG	02/12/1999	29009564	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 6.40
NGUYỄN TRUNG KIÊN	16/12/1999	29003946	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.60
HỒ SỸ LINH	15/09/1998	29015965	Toán: 2.40 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN TRUYỀN	02/10/1998	29016040	Toán: 8.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.00
HOÀNG TRỌNG HÀO	14/11/1998	29006010	Toán: 4.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.80

HỒ SỸ CƯỜNG	13/09/1999	29019875	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN BÁ LƯƠNG	12/01/1998	29030332	Toán: 8.40 Hóa học: 8.25 Sinh học: 7.50
NGUYỄN QUỐC TÚ	11/01/1999	29018239	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 5.00
LÊ THỊ TRANG	11/11/1999	29007430	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 2.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 4 Tiếng Anh: 5.00
LỮ VĂN CHIẾT	22/09/1999	29013887	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ THU THỦY	15/01/1999	29007419	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 2.25 Hóa học: 2.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.42 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.40
ĐINH THỊ MAI	11/12/1999	29020362	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 3.60
ĐINH THỊ HUYỀN TRANG	21/07/1998	29013074	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.50 Tiếng Anh: 7.00
LÊ THỊ TRANG	22/02/1999	29004716	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.67 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THÀNH TRUNG	24/01/1999	29018229	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.25 Tiếng Anh: 3.80
LÊ THỊ THÚY	17/07/1999	29016981	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN NGỌC TRUNG	10/06/1999	29011137	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.40
THÒ BÁ CHA	16/07/1999	29020568	Toán: 1.80 Ngữ văn: 1.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 2.25 GDCD: 5.50 KHXH: 3.5 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ HẬU	21/01/1999	29028390	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN VĂN THỊ	10/10/1999	29022992	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ HẰNG	13/01/1999	29009565	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 6.75 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.60
THÁI THỊ HUỆ	17/03/1999	29027915	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.00 Sinh học: 7.00 KHTN: 8.17 Tiếng Anh: 4.40

NGUYỄN THỊ HỒNG NHI	31/01/1999	29025181	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 7.20
LÊ THỊ VINH	24/06/1999	29028799	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ NGỌC LỄ	05/09/1999	29010465	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.20
ĐẶNG KIM CÚC	07/09/1999	29008634	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 8.42 Tiếng Anh: 4.20
ĐÀM THỊ THU HƯỜNG	02/01/1999	29017994	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 8.50 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 7.20
LỮ THỊ BỐN	13/12/1999	29013878	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ DUNG	09/12/1998	29024730	Toán: 3.20 Ngữ văn: 1.75 Vật lí: 2.00 Hóa học: 2.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.33 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.00
NGUYỄN HẢI SƠN	14/07/1999	29004599	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG MAI TÚ	09/12/1999	29021401	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 4.00
ĐẬU THỊ HÀ	09/08/1998	29021691	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.20
VÕ ĐÌNH MẠNH	27/04/1999	29008094	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.92 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.50
BÙI THỊ KIỀU	19/12/1998	29003949	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN TẤT CHÍ	16/08/1999	29001840	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN THỊ QUẾ	18/09/1999	29018676	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.80
PHAN VĂN HIẾU	24/04/1999	29011327	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ HƯƠNG	20/05/1999	29001436	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.80
VŨ ĐÌNH HÙNG	19/02/1999	29026815	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.00 KHXH: 8.08 Tiếng Nga: 7.40

THÁI ĐĂNG THỊNH	09/08/1999	29005309	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ QUỲNH	02/09/1999	29019963	Toán: 5.40 Ngữ văn: 9.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 7.40
MOONG THỊ HOÀI	26/03/1999	29008272	Toán: 2.40 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 2.50 GDCD: 6.25 KHXH: 4 Tiếng Anh: 3.60
HỒ THỊ HẢO	06/05/1999	29021034	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ KHÁNH HUYỀN	01/09/1999	29019485	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN ĐỨC LINH	05/05/1999	29012175	Toán: 6.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ XUÂN QUỲNH	11/08/1999	29002053	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 6.80
NGUYỄN THỊ THÚY	18/05/1999	29003316	Toán: 2.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN VĂN LONG	06/07/1997	29027699	Toán: 3.20 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.25
QUANG THỊ LA	10/03/1999	29020690	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 3 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM VĂN DŨNG	15/04/1999	29020983	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 9.25 GDCD: 7.75 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 3.60
ĐOÀN THỊ TRÀ GIANG	14/05/1999	29003385	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 3.40
THÁI ĐẬU PHI YẾN	02/04/1999	29006826	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 6 Tiếng Anh: 4.00
LÊ HUY THỰC	12/11/1999	29001659	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.00
BÙI VĂN VINH	14/03/1998	29004831	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.00 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN VĂN TÙNG	26/08/1999	29025798	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.60
HỒ VĂN ĐỨC	14/08/1999	29015525	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.00

LA VĂN DUY	15/11/1999	29003081	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN MINH HUYỀN	01/06/1999	29014976	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ QUỲNH	26/12/1999	29007099	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ HẢI YẾN	13/06/1999	29013009	Toán: 5.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THANH SƠN	21/06/1995	29011564	Toán: 6.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 6.75
PHẠM VIỆT BÌNH	12/03/1999	29008622	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.00
TRƯƠNG THỊ HẢI LY	10/08/1999	29014576	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.50 GDCD: 6.75 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG VĂN HUY	28/06/1999	29001421	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 1.00
NGUYỄN THỊ TÚ ANH	26/12/1999	29008603	Toán: 4.80 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 5.00
HỒ NGỌC THÚY	04/11/1999	29018190	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN VINH QUANG	03/09/1999	29018673	Toán: 3.20 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.50 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ HUYỀN	26/04/1999	29029988	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN VĂN THÌN	18/01/1999	29000539	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ NGỌC	26/04/1999	29021955	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ MINH	21/10/1999	29002012	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN THỊ NHÃ UYÊN	04/03/1999	29028234	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ THÙY LINH	22/05/1999	29018563	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.80

MOONG THỊ TÍM	28/11/1998	29021362	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.75 GDCD: 5.00 KHXH: 4 Tiếng Anh: 2.00
LÔ VĂN TUỆ	05/07/1999	29020863	Toán: 2.80 Ngữ văn: 2.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.33 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 5.75 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 3.20
PHAN THỊ TUYẾT	17/10/1999	29004800	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 3 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ THẢO	13/08/1999	29020020	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 9.50 GDCD: 9.50 KHXH: 9 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN TUẤN ANH	07/02/1999	29023578	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.25 KHTN: 3.25 Tiếng Anh: 3.80
PHAN VIỆT SƠN	14/02/1997	29009033	Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 8.75
VI BÌNH DƯƠNG	25/08/1999	29014913	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.80
VŨ THỊ KIM	02/06/1999	29014511	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.00
LÔ THỊ NGÂN	03/10/1999	29003213	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ HUYỀN LINH	18/02/1999	29007328	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 8.00
NGUYỄN VĂN TÀI	02/04/1999	29027593	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.20
HỒ THỊ HỒNG	02/01/1999	29017957	Toán: 1.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN KIM NAM	30/01/1999	29010552	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 1.20
NGUYỄN NGỌC HOAN	21/01/1999	29014962	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.08 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN ĐỨC UY	19/10/1999	29007811	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	01/03/1999	29021235	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 4.40
LÊ THỊ THÙY LINH	01/08/1999	29018554	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.20

VŨ THUÝ HÀ TRANG	26/02/1999	29017597	Toán: 4.40 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.80
HOÀNG DIỆU HẰNG	15/12/1999	29000169	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 4.40
VŨ TRỌNG CÔNG	22/09/1999	29006283	Toán: 8.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 2.60
HỒ THỊ QUỲNH ANH	05/08/1999	29025337	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.80
PHAN THỊ HUYỀN	18/11/1999	29019479	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.00
TĂNG NHẬT MINH	05/09/1999	29002013	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	25/11/1999	29001570	Toán: 8.20 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN THỦ MẠNH	24/06/1998	29022126	Toán: 1.80 Ngữ văn: 1.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.00 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 5.80
TRẦN BẢO HÂN	03/06/1999	29026083	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 8.75 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 6.40
THÁI THỊ LAN ANH	24/11/1999	29029424	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 3.60
ĐẶNG LÊ NGỌC TRÀ	25/02/1999	29026532	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 8.60
BẠCH QUỐC ĐÔNG	19/10/1999	29024233	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.25 Sinh học: 2.00 KHTN: 2.25 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.25 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN TUẤN ANH	30/09/1999	29023579	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 2.80
ĐÀO THỊ THUÝ HƯỜNG	28/09/1999	29029508	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 8.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 4.00
LƯU THANH THANH BÌNH	14/01/1999	29024942	Toán: 9.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 5.00
ĐẬU BÁ ĐỨC	15/10/1999	29000662	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 1.25 Hóa học: 1.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 1.92 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ UYÊN	05/09/1999	29002675	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.50 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 3.80

NGUYỄN QUANG ĐÔ	17/04/1999	29020998	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GD&CD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.20
HỒ HỮU SÁNG	25/05/1999	29015079	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.17 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50 GD&CD: 6.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 1.40
NGUYỄN BÁ CÔNG	06/01/1999	29013890	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN ĐỨC MẠNH	04/10/1999	29024809	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.50
ĐINH THỊ THUỶ	07/03/1999	29028704	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VĂN GIANG	04/04/1999	29003784	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.75 GD&CD: 8.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM THỊ HƯƠNG	21/02/1999	29012123	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GD&CD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ THÚY VY	06/01/1999	29024898	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.00
NGUYỄN THỊ TÚ ANH	20/12/1999	29009054	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 4.00
ĐINH CHỈ QUỲNH	13/08/1999	29022028	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50 GD&CD: 7.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.20
VÕ VĂN ĐIẾP	18/11/1999	29001278	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GD&CD: 7.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ SON	01/04/1999	29028633	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GD&CD: 9.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 5.40
ĐÀM THỊ HẰNG	20/03/1999	29004993	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GD&CD: 7.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.60
PHAN THỊ MAI	16/02/1999	29029116	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GD&CD: 7.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 8.00
NGUYỄN THỊ NHO	12/06/1999	29001099	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.92 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.25
NGUYỄN THỊ THU UYÊN	25/05/1999	29011840	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GD&CD: 8.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN ĐÌNH VƯỢNG	22/02/1999	29028804	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GD&CD: 8.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 1.80

NGUYỄN ĐẠI AN	26/11/1999	29000005	Toán: 8.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 9.25 Hóa học: 9.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 7.67 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN VĂN HOÀNG	10/10/1996	29025447	Toán: 5.80 Vật lí: 3.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 6.25 KHTN: 5.67
NGUYỄN MẠNH DŨNG	08/02/1999	29026000	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN VĂN QUỲNH	10/12/1999	29005866	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VIỆT CƯỜNG	23/07/1999	29025973	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 7.40
HỒ VĂN TÚ	02/05/1999	29009351	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.80
LŨ VĂN HÂN	23/06/1999	29013946	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 6.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.40
TÔ HUY ĐẠT	10/06/1998	29017167	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN ANH TUẤN	03/08/1999	29027097	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.92 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.40
HOA THỊ HIỀN	26/05/1999	29006934	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG VĂN PHONG	16/09/1997	29030190	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 5.75 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.80
HÀ THỊ SINH	08/12/1999	29013321	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 7.75 KHXH: 7.58 Tiếng Pháp: 4.40
TRANG THỊ YẾN	19/09/1999	29021439	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.80
PHẠM THỊ VÂN	06/06/1999	29023079	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.60
CHU ĐÌNH LỢI	30/09/1999	29030069	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.60
LÊ VĂN DŨNG	12/02/1999	29011970	Toán: 6.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.80
DƯƠNG THỊ NGOAN	11/05/1999	29005796	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.00

LÊ THỊ HIẾU	02/03/1999	29028411	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN THỊ MAI SAO	05/01/1999	29007736	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.20
LÊ ANH TIẾN	16/03/1999	29023024	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.20
HỒ THỊ HOÀI THƯƠNG	22/11/1999	29024081	Toán: 8.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ LINH	08/09/1999	29009709	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ LAN	18/11/1999	29010922	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 4.80
ĐÀO THỊ MƠ	11/07/1999	29030114	Toán: 1.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.40
ĐẶNG THỊ KIM OANH	10/05/1998	29025299	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.00 Tiếng Anh: 5.20
LÊ THỊ PHƯƠNG THẢO	29/03/1999	29005294	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 4.20
ĐỖ HOÀNG MINH	05/02/1998	29025292	Toán: 7.60 Hóa học: 7.75 Sinh học: 8.75
HÀ ĐẶNG SIÊU	28/04/1999	29006151	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75
PHẠM THỊ KIM KHÁNH	01/01/1999	29014501	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN ĐỨC THẮNG	21/06/1997	29010190	Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.75
ĐẬU THỊ LINH	14/09/1999	29006459	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 9.00 KHTN: 7.67 Tiếng Anh: 5.20
VI VĂN HẢI	05/01/1999	29014941	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 1.80
HỒ THỊ THU THỦY	07/04/1999	29025702	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.92 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 6.40
LÊ NGỌC HÀ	18/11/1999	29007839	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 8.25 Sinh học: 7.50 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ HẠNH	02/01/1999	29019340	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 7.40

TRƯƠNG THỊ NHI	03/05/1999	29012864	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.40
ĐẶNG NGỌC NAM	21/09/1999	29026885	Toán: 8.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.83 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 9.20
NGUYỄN THỊ HOÀNG THÊU	14/07/1999	29010675	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.00
LÊ THỊ HIỀN	20/04/1999	29020274	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.20
ĐẬU THỊ TRANG	17/09/1999	29000571	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VĂN TUẤN	14/11/1999	29028222	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 5.50 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ LÀI	20/12/1999	29010920	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 2.00 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 6.60
HỒ THỊ LÂM	03/08/1999	29015760	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 5.00
ĐINH THỊ THÙY LINH	27/09/1999	29009699	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 4.20
HOÀNG THANH HOA	02/01/1999	29018793	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 1.80
PHẠM HỒNG BÀNG	25/01/1999	29029724	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ LINH	02/06/1999	29007682	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.00
LƯƠNG THÚY TRANG	25/10/1999	29025742	Toán: 5.20 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.80
TRẦN QUỐC TRÁNG	15/07/1999	29028170	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.20
LÊ THỊ HÀ TRANG	02/03/1999	29024614	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 4.75 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN HỮU TUẤN	18/12/1999	29026569	Toán: 8.60 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 7.50 Hóa học: 9.00 Sinh học: 2.50 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 5.00
TRẦN ĐÌNH SỰ	16/03/1997	29010177	Toán: 4.40 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.25

ĐẶNG HỒNG HÀO	25/07/1999	29028947	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.25 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 3.20
LƯƠNG VĂN SỬU	20/01/1997	29020919	Toán: 1.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.75 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.60
LÊ ĐÌNH NAM	16/07/1999	29002845	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ QUỲNH	19/10/1999	29018688	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 5.20
LƯU NGỌC AN	13/09/1999	29027805	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 1.40
NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	08/09/1999	29007529	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 8.80
NGUYỄN BÁ TUẤN HUY	22/12/1999	29023787	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 9.50 Hóa học: 9.75 Sinh học: 6.25 KHTN: 8.5 Tiếng Anh: 6.60
NGUYỄN VĂN SƠN	26/05/1999	29030267	Toán: 1.60 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 5.25 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 1.80
HỒ SỸ LÂM	25/10/1998	29017325	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 9.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ TRANG	19/10/1999	29030812	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 5.40
CAO VIỆT SƠN	10/01/1999	29029220	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.83 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.80
PHẠM TIẾN MẠNH	11/06/1999	29027984	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 2.80
LỘC MY SAY	14/07/1999	29014126	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.20
CAO THỊ NGÀ	10/01/1999	29017398	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THU UYÊN	14/08/1999	29024133	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 2.00 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.00
PHAN HỮU HẠ	02/01/1999	29009103	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 4.00
HỒ THỊ THẢO LINH	29/08/1999	29026239	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.60

ĐOÀN THỊ PHƯƠNG	18/11/1999	29027529	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.40
ĐẶNG THỊ KHÁNH TRÌNH	04/08/1999	29028178	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 5 Tiếng Anh: 5.00
ĐẶNG THỊ MẶN	19/04/1999	29004527	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 4.00
THÁI BÁ HOÀNG	15/05/1999	29005655	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.20
ĐINH THỊ TRÀ	10/03/1999	29009961	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 6.25 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN TẤN ĐẠT	05/12/1999	29026769	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 3.67 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN NHẬT HÀ LÊ	23/01/1999	29026231	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.50 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 7.80
BÙI THỊ HOÀI	04/04/1999	29000689	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.17 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN NAM	09/06/1998	29005449	Toán: 6.20 Vật lí: 6.75 Hóa học: 8.25
TRẦN HẢI DƯƠNG	03/12/1999	29026766	Toán: 6.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.75 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VĂN SÁNG	01/07/1999	29002578	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.25 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 2.40
VŨ CHÍ HƯNG	01/04/1999	29018820	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 5.20
ĐÀO THỊ LỰA	28/10/1999	29003991	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 4.00
ĐẶNG NGỌC TRÀ MY	01/03/1999	29024463	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 5.20
PHAN THỊ DIỆU LINH	10/10/1999	29007685	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.40
VŨ LÊ LINH	22/01/1998	29015969	Toán: 9.20 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.25
HOÀNG THỊ HƯƠNG GIANG	30/04/1999	29027877	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 6.40

NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	26/01/1999	29024157	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN NGỌC CHIẾN	01/04/1999	29018740	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 7.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ THỦY NGÀ	28/10/1999	29027473	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ HÀ	04/06/1999	29017192	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN QUANG TRƯỜNG	20/09/1999	29028193	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	12/05/1999	29002645	Toán: 7.20 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 7.80
LÀU BÁ SÈNH	02/12/1999	29025226	Toán: 7.60 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 2.80
HÀ VĂN MINH	14/04/1999	29013646	Toán: 3.40 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.40
PHẠM THỊ HIỆP	23/03/1999	29014429	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ QUỲNH	18/09/1999	29016290	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.60
VƯƠNG HỮU TOÀN	24/04/1999	29014181	Toán: 2.00 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.00 GDCD: 5.00 KHXH: 3.67 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN SỸ THẮNG	12/01/1999	29020029	Toán: 2.00 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 5.00 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG THỊ HUYỀN	07/09/1999	29005674	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ THẨM	02/03/1999	29012921	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.00
LÊ HỒNG PHONG	03/03/1999	29013288	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.83 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.20
HOÀNG VĂN THIỆN	31/03/1999	29022993	Toán: 4.00 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN VIỆT ĐỨC	08/11/1999	29000667	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.33 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 5.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 4.80

ĐẬU THỊ THỦY	04/04/1998	29006188	Toán: 7.20 Vật lí: 4.75 Hóa học: 7.75
NGUYỄN CHIẾN CÔNG	16/08/1999	29030392	Toán: 8.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN VĂN BẮC	29/07/1999	29015429	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.60
NGÔ THỊ NGÀ	20/01/1998	29019631	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.00
CAO THỊ QUỲNH CHI	08/03/1999	29007541	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.00
LƯƠNG THỊ BIÊN	08/03/1999	29014303	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 5.00
ĐẶNG THỊ ANH THƠ	08/09/1999	29009924	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.60
HỒ THỊ KHÁNH LINH	19/08/1999	29026850	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THÙY LINH	23/08/1999	29030040	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 7.20
NGUYỄN THỊ THU TRANG	18/11/1998	29019168	Toán: 8.60 Vật lí: 9.00 Hóa học: 8.75
NGUYỄN XUÂN QUANG	06/01/1998	29029198	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG THỊ OANH	16/06/1999	29000461	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 1.60
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	10/04/1999	29005220	Toán: 9.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 8.25 Sinh học: 7.75 KHTN: 7 Tiếng Anh: 6.60
PHAN NGỌC HƯNG	19/05/1999	29006976	Toán: 2.60 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 3.80
PHẠM QUỐC VIỆT	15/11/1998	29017804	Toán: 7.60 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.75
HOÀNG THỊ BIÊN	02/02/1999	29011261	Toán: 2.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.20
HỒ THỊ MINH HẰNG	15/11/1999	29001312	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.60
VY THỊ TUYẾN	17/09/1999	29012987	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.40

TRẦN QUANG LINH	26/01/1999	29021151	Toán: 6.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN NHƯ PHƯỚC	03/01/1999	29004086	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.80
HỒ NAM PHONG	05/03/1999	29018105	Toán: 7.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 4.80
HOÀNG THỊ TÂM	06/05/1999	29005897	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.25 KHXH: 8.67 Tiếng Anh: 8.40
NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	29/05/1999	29005058	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ THẠCH THẢO	20/10/1999	29007128	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 6.60
LƯƠNG THỊ GIANG	26/04/1999	29025006	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.08 Tiếng Anh: 2.60
LÊ THỊ HÒA	18/11/1999	29013968	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 5.00 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM HUY THÔNG	17/11/1999	29025681	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 7 Tiếng Anh: 8.60
NGUYỄN QUANG TRƯỜNG	03/09/1998	29020168	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN NGỌC THIỆN	25/12/1996	29027764	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 5.00
PHAN THỊ THU UYÊN	23/01/1999	29007489	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.60
VƯƠNG THÁI ĐỨC	10/08/1998	29027265	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN THỊ HUYỀN	07/06/1999	29003418	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4 Tiếng Anh: 3.60
ĐINH THỊ GIANG	26/11/1999	29016154	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ LINH	02/06/1999	29001048	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.83 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50
LÊ TRUNG KIÊN	26/01/1999	29000312	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 9.25 Sinh học: 9.50 KHTN: 7.67 Tiếng Anh: 5.80

VI QUANG HUY	05/06/1999	29013179	Toán: 8.60 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 3.20
LÊ THỊ HÀ PHƯƠNG	02/09/1999	29024528	Toán: 7.60 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.75 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 9.80
LÊ TUẤN ANH	07/07/1999	29024908	Toán: 4.80 Ngữ văn: 2.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN THỊ THÙY	05/04/1999	29029616	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 8.50 Sinh học: 7.25 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ LƯƠNG	02/05/1999	29001062	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 2.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 2.83 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.00
HỒ THỊ MẠNH KIÊN	25/04/1999	29007319	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 4.60
MAI QUỐC ANH	11/09/1999	29026721	Toán: 9.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 7.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.00
ÔNG MẠNH LINH	29/05/1999	29009187	Toán: 5.80 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 3.80
NGÔ NGỌC HẢI	23/09/1999	29009552	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.5 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN ĐỨC	23/03/1999	29028351	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.00
LÊ DOÃN DUỆ	01/05/1999	29007239	Toán: 9.40 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 9.00 Hóa học: 8.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 7.67 Tiếng Anh: 7.80
TRẦN ĐẠI THẮNG	25/02/1999	29011072	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN TRUNG KIÊN	09/03/1999	29022328	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.42 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 2.60
ĐẬU THỊ THƯƠNG	18/08/1999	29006643	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.00
LỮ THỊ HIỀN	19/04/1999	29014420	Toán: 2.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.60
PHAN THỊ QUỲNH NHƯ	01/04/1999	29016857	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ HÀ	22/11/1999	29010355	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.20

TRẦN THỊ THANH TRÀ	08/01/1999	29008992	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.00
LÊ ĐỨC VINH	05/11/1999	29024144	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ LỢI	10/03/1999	29008812	Toán: 8.20 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 8.80
NGUYỄN THỊ NGÂN	05/01/1999	29029548	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ THẢO	25/09/1999	29005915	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 4.20
TRƯƠNG CÔNG CƯỜNG	19/06/1999	29000080	Toán: 8.00 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 6.50 KHTN: 7 Tiếng Anh: 4.00
SẦM THỊ DIỆU LY	20/01/1999	29014575	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG NGHĨA TUẤN ANH	11/11/1994	29021441	Toán: 3.20 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 3.50
VÕ THỊ HOA MAI	11/05/1999	29005144	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 8.00 Hóa học: 9.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN VĂN TRÍ	21/08/1999	29010801	Toán: 1.80 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.00
TRỊNH THỊ NGUYỆT	13/02/1999	29023274	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 3.00
LÊ VĂN SƠN	30/05/1999	29027576	Toán: 1.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.20
VI VĂN BẢY	24/03/1999	29013470	Toán: 4.20 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HOA	05/07/1999	29003393	Toán: 9.20 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 9.00
PHAN NGUYỄN LUÂN HUY	19/09/1999	29017975	Toán: 6.00 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	24/05/1999	29000579	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 9.60
NGUYỄN TRUNG TUẤN ANH	21/04/1999	29023577	Toán: 7.80 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 3.20

TRƯƠNG NGỌC MINH CHÂU	24/08/1999	29025941	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 7.80
PHAN THỊ HUYỀN TRANG	19/05/1999	29020140	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG THỊ HỒNG NỤ	05/09/1999	29021975	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
BÙI ĐỨC NGHĨA	10/12/1999	29018071	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 2.60
BÙI THỊ LƯƠNG	10/07/1999	29014562	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN VĂN HÙNG	09/01/1999	29001956	Toán: 9.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 4.20
LÊ DUY TÀI	17/03/1998	29027742	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 1.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.00
ĐẬU XUÂN VIỆT HOÀNG	10/03/1998	29024767	Toán: 6.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 6.75
NGUYỄN THỊ NGÂN	28/03/1999	29021944	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.40
PHẠM TUẤN ANH	14/07/1998	29012623	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.25 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 1.60
LƯƠNG MINH ĐẠT	09/05/1999	29003089	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.60
VŨ THỊ LINH	28/06/1999	29019565	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN VĂN MẠNH	01/07/1999	29021172	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 3.42 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.40
CAO THỊ QUỲNH	15/01/1999	29020428	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN THỊ HÀ PHƯƠNG	04/05/1999	29016885	Toán: 9.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 8.20
GIÀ Y TRỮ	09/05/1999	29008476	Toán: 1.60 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN HẢI NAM	19/09/1999	29026352	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 2.40

NGUYỄN ĐÌNH BẰNG VIỆT	09/11/1999	29011204	Toán: 8.60 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 2.60
VÕ QUỐC HÒA	01/01/1999	29013150	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 4.60
PHAN THỊ MINH	25/07/1997	29022128	Toán: 5.60 Vật lí: 3.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.42
PHAN THỊ THẢO	04/12/1999	29020459	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.25 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ THU HIỀN	28/08/1999	29000681	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.17 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 8.60
PHẠM TIẾN NAM	24/11/1999	29008843	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.60
VÙ BÁ THÀNH	26/03/1997	29013728	Toán: 4.00 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.00 GDCD: 2.75 KHXH: 2.75 Tiếng Anh: 2.40
TẶNG THỊ KIM	20/04/1999	29026221	Toán: 9.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 9.25 Hóa học: 9.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 8.17 Tiếng Anh: 7.60
TRẦN THỊ MINH THƯ	04/02/1999	29009942	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.00
LÔ HOÀNG THIÊN	25/03/1999	29020817	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 2.50 GDCD: 5.00 KHXH: 3.33 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN THỊ MAI	26/10/1999	29006495	Toán: 9.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN THỊ HƯƠNG THẢO	23/12/1999	29026975	Toán: 5.60 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Pháp: 5.40
VÕ VĂN DŨNG	11/11/1999	29010839	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.42 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ THU	08/09/1999	29028099	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 3.50 GDCD: 5.00 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 3.80
LÊ ĐÌNH SAO	06/06/1999	29023318	Toán: 1.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.08 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 0.80
NGUYỄN THỊ THOA	20/12/1999	29024062	Toán: 9.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 5.40
VŨ THỊ THỦY	08/11/1999	29006631	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 6.00

NGUYỄN THÁI MINH	24/08/1999	29002844	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.58 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.40
VÕ THỊ THANH HUYỀN	24/09/1999	29012789	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN HẠNH	03/09/1998	29021033	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG VĂN TUẤN	22/08/1998	29001189	Toán: 7.80 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 4.80
ĐÀO VĂN HUY	15/09/1999	29029971	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.80
NGÔ XUÂN MẠNH	11/10/1999	29007347	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ THANH LOAN	03/01/1999	29004509	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 6.00 KHTN: 7.67 Tiếng Anh: 6.60
PHAN THỊ MINH	19/07/1999	29019609	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ THANH NHÀN	18/12/1999	29010987	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 6.40
NGUYỄN THỊ THỰC UYÊN	20/05/1999	29020206	Toán: 7.00 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 6.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 9.20
NGUYỄN VIỆT MINH	09/02/1998	29024812	Toán: 1.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50
NGUYỄN HẢI ĐĂNG	08/06/1999	29026025	Toán: 7.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 1.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 8.20
VŨ THỊ PHƯƠNG	22/05/1999	29005838	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ TRÀ	15/06/1999	29002637	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN ĐÌNH TRUNG	03/09/1999	29004759	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 9.00 Hóa học: 9.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 5.20
MAI THỊ VÂN ANH	16/08/1999	29027158	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.20
VÀ BÁ GIỜ	10/05/1999	29008254	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.20

NGUYỄN THỊ BÔNG	20/02/1999	29003356	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 1.50 KHTN: 2.92 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.50 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 2.60
ĐẶNG THỊ CÚC	05/01/1999	29029758	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 6.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.40
VĂN SỸ TÀI	26/11/1999	29011489	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.40
LANG DUY THỨC	10/10/1999	29025711	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 7.67 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN ĐÌNH HIẾU	01/01/1999	29001362	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM NGỌC MAI	04/11/1999	29025539	Toán: 2.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 6.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.00
HỒ TRỌNG TẤN	03/04/1999	29018896	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 3.60
ĐẬU THỊ OANH	04/04/1999	29016858	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THÚY QUỲNH	13/05/1999	29023315	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 7.50 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 6.00
TRỊNH THỊ MINH NGUYỆT	13/05/1999	29007362	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 9.50 Sinh học: 8.75 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 4.00
HỒ THỊ PHƯƠNG	14/06/1999	29012311	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 9.50 GDCD: 8.50 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 3.00
VI THỊ PHƯƠNG	03/09/1999	29020774	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.33 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.50 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN THỊ KIỀU TRANG	20/08/1999	29015257	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 5.25 KHXH: 4.08 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ TRÀ	21/02/1999	29012948	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 2.80
CHU THỊ THỦY	21/01/1999	29022500	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.80
PHAN THỊ GIANG	13/07/1999	29002310	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ HUYỀN	24/04/1999	29030493	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 3.80

NGUYỄN THỊ TUYẾT TRINH	11/07/1999	29026558	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 9.40
HỒ VĂN THÁI	15/03/1999	29013718	Toán: 2.60 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ NGUYỆT	12/07/1998	29001537	Toán: 5.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.50 KHXH: 8.42 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ HOA	04/03/1999	29001374	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THANH	25/12/1999	29007986	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN NGỌC LỘC	15/04/1999	29024433	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 7.60
PHAN VĂN ĐỨC	12/04/1998	29030309	Toán: 7.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.75
LƯƠNG THỊ NHƯƠNG	06/03/1999	29003242	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 5.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN HOÀNG MAI PHƯƠNG	23/03/1999	29026446	Toán: 9.00 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.00 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 9.80
LÊ QUỐC ĐẠT	11/02/1999	29027861	Toán: 6.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.60
PHAN VIỆT BÁCH	23/10/1999	29024165	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 7.80
NGUYỄN XUÂN LỢI	04/12/1997	29008814	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.00 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.20
SẦM THỊ TRANG	14/10/1999	29014188	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 5.00
VƯƠNG THỊ MAI	18/01/1999	29006084	Toán: 4.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.75
NGUYỄN NGỌC ANH	14/03/1999	29028848	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.80
ĐÀO VĂN THẮNG	03/05/1999	29000535	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN ĐỨC DƯƠNG	10/10/1998	29003761	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 2.80
TRƯƠNG THỊ THUỶ LINH	01/10/1999	29000363	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.00

PHẠM VĂN TUẤN	20/09/1999	29011166	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ HOÀI THU	05/12/1999	29015176	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.25 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ CHINH	15/03/1998	29010281	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 1.40
NGUYỄN XUÂN TIẾN	08/07/1999	29028126	Toán: 6.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.00
HOÀNG THỊ HẬU	29/06/1999	29000183	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	18/01/1998	29016042	Toán: 6.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.00
TRẦN VĂN VỸ	02/06/1998	29004844	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN XUÂN HUY	12/06/1999	29026165	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 4.40
VÀ SINH THẢO	10/10/1999	29025651	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 9.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 9.00 KHXH: 9 Tiếng Anh: 4.20
PHẠM NGỌC NÚI	26/03/1999	29007375	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN CẢNH HƯƠNG	06/12/1999	29027384	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ VÂN	27/02/1999	29021423	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ LINH CHI	10/11/1999	29026738	Toán: 9.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 7.08
HỒ SỸ HUYỀN TRANG	05/03/1999	29027032	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.25 GDCD: 6.00 KHXH: 4 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ QUỲNH	09/11/1999	29019965	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 8.75 GDCD: 7.75 KHXH: 8.33 Tiếng Anh: 5.20
PHẠM THỊ NHƯ QUỲNH	18/03/1999	29024550	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN BÁ CƯỜNG	08/06/1999	29015466	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.60

NGUYỄN HÀ NAM	20/10/1999	29019621	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG NGHIÊM	26/09/1999	29006523	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ MINH	01/04/1999	29016804	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN PHƯƠNG QUỲNH	30/09/1999	29026928	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 2.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 2.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN THỊ VÂN	07/05/1999	29001732	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN VĂN THẮNG	06/02/1999	29018937	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HẰNG	19/03/1999	29012736	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.20
HOÀNG THỊ YẾN	27/08/1999	29023421	Toán: 9.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.25 Sinh học: 6.25 KHTN: 8 Tiếng Anh: 5.60
KIM VĂN QUANG	19/04/1999	29014706	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.20
CAO THỊ HÀ	07/08/1999	29004965	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 2.80
LÊ THỊ MAI	07/02/1999	29005138	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 8.60
TRẦN ĐỨC PHƯƠNG	20/10/1999	29004093	Toán: 1.80 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.60
VI THỊ VÂN ANH	15/11/1999	29013465	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.25 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 4.40
LÔ THỊ THU TRÀ	07/09/1999	29020112	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.80
NGÔ THỊ BÍCH ĐÀO	26/06/1999	29011621	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 6.50 KHTN: 6 Tiếng Anh: 3.60
TRƯƠNG QUỐC PHONG	17/09/1999	29016873	Toán: 7.60 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 4.00
HỒ THỊ SEN	06/07/1999	29016302	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.60

NGUYỄN PHAN VIỆT TRÀ	25/08/1999	29018210	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 5 Tiếng Anh: 7.40
THÁI DOÃN HOÀNG	17/10/1999	29001405	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM THỊ XUÂN THỦY	29/10/1999	29004657	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	04/04/1999	29016886	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ HẢI DUYÊN	12/04/1999	29010843	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 4.00
TẠ TẤT HƯỞNG	26/03/1999	29006052	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 7.00
NGUYỄN VĂN THÁI	23/02/1999	29022428	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 4.80
PHẠM THỊ THANH	03/02/1999	29011051	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 3.60
LÊ VÕ ANH QUÂN	02/07/1999	29027544	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.25 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.60
HỒ ĐĂNG GIANG	06/08/1998	29014374	Toán: 2.80 Ngữ văn: 1.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 1.20
NGUYỄN DUY ANH	02/01/1999	29021541	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.40
HOÀNG THỊ MAI	20/02/1999	29007695	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THUÝ HÀ	27/01/1999	29017195	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.00
LÊ THỊ QUỲNH	09/03/1999	29012334	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG THỊ PHƯƠNG	04/03/1998	29006126	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 2.60
ĐÀO THỊ KIỀU TRINH	30/10/1999	29025764	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 4.40
PHẠM THỊ AN	29/11/1999	29017077	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.50 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.40

PHAN VĂN DẦN	22/01/1999	29004919	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 9.75 Sinh học: 9.25 KHTN: 7.83 Tiếng Anh: 5.00
CAO ĐĂNG MẠNH	26/08/1998	29006085	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN TẤT HÙNG	28/07/1998	29001770	Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 7.25
NGUYỄN ĐÌNH LUNG	26/05/1999	29003191	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 5.50 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.20
LÊ DOÃN DUẤN	22/04/1999	29021606	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.00
LÔ VĂN KHIÊM	29/07/1995	29027686	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25
NGUYỄN VĂN DŨNG	16/10/1998	29019124	Toán: 7.40 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.00
NGUYỄN ĐÌNH PHÚC	08/07/1999	29028022	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 4.60
BÙI ANH DŨNG	26/06/1999	29001264	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.40
LÊ NGỌC THƯ	26/09/1999	29015207	Toán: 5.40 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 3.40
TẠ THỊ MINH PHÚC	20/11/1999	29015063	Toán: 7.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 6.25 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THANH ĐÔNG	08/06/1999	29023154	Toán: 8.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 8.00 Sinh học: 6.75 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM THỊ MAI	22/06/1999	29012833	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ QUỲNH QUỲN	12/01/1999	29025605	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 2.25 KHTN: 4 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 3.50 GDCD: 5.25 KHXH: 3.58 Tiếng Anh: 2.60
ĐẶNG THỊ PHƯƠNG	02/08/1999	29001562	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ BẢO	12/01/1999	29011257	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 9.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ MAI	05/04/1999	29014590	Toán: 5.20 Ngữ văn: 9.25 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.75 KHXH: 8.75 Tiếng Anh: 4.40

LÊ BÁ CÔNG	03/11/1999	29024181	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ KIỀU OANH	09/12/1999	29001104	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.17 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75
TRẦN THỊ THƯƠNG	15/11/1999	29023021	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.20
LÊ THANH PHONG	11/03/1999	29011003	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 6.00 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ NHẬT LỆ	25/12/1999	29014526	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.00
PHAN LÊ ĐẠT	27/10/1999	29024228	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 1.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.33 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.50 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 6.40
HỒ THỊ NGÂN	29/08/1999	29021942	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.20
VANG HẢI ÂN	20/09/1999	29013876	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.60
CAO THỊ THƯƠNG	06/04/1999	29006638	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.25 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 8.20
PHAN THỊ PHƯƠNG THẢO	13/02/1999	29015137	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 7.50 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 2.80
LÊ HỮU DANH	10/02/1999	29018382	Toán: 1.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ THẢO	18/06/1999	29012392	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.40
ĐINH VIỆT HOÀN	21/06/1999	29029009	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.20
BÙI DUY LỘC	26/09/1999	29004510	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 2.20
HỒ THỊ LAN	10/04/1998	29010460	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.80
PHAN VĂN KHẢI	30/10/1999	29006982	Toán: 4.20 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN KHẮC QUÂN	13/05/1998	29010782	Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 9.25 Địa lí: 9.25

NGUYỄN THỊ LOAN	26/05/1999	29003449	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.20
DƯƠNG THỊ DŨNG	08/02/1997	29001749	Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.25
LAO QUÝ TOÀN	24/01/1999	29015228	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 6.25 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 3.60
ĐẶNG HỮU HIỆP	22/06/1999	29010401	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 5.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN HỮU THÀNH	20/10/1999	29020454	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 5 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN THỊ THÙY	21/05/1999	29020070	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.40
ĐẬU ĐÌNH KHẢI	10/09/1999	29022846	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HẢI VÂN	10/10/1999	29022645	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG THỊ HẰNG	20/10/1999	29001904	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 7.25 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 4.80
PHẠM THÚY QUỲNH	06/11/1999	29012341	Toán: 9.00 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 9.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 5.20
NGÔ XUÂN TÂN	26/06/1999	29015102	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 1.60
ĐẶNG QUỐC ĐẠT	21/11/1999	29026768	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.83 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.50 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 3.20
SẦM VĂN HẬU	10/09/1999	29013949	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN MINH HIẾU	19/03/1999	29006939	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN SỸ ĐỨC	25/08/1999	29000982	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.33 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.50
NGUYỄN TRỌNG MINH	25/03/1999	29011413	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN QUANG ANH	08/12/1998	29015910	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 2.00 GDCD: 6.50 KHXH: 3.75 Tiếng Anh: 2.60

HỒ VĂN NHẬT	06/09/1999	29016843	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 3.20
TRƯƠNG CÔNG TÀI	12/07/1999	29000786	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN PHÚC	28/02/1999	29005213	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN THỊ HƯƠNG	30/10/1999	29022844	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 1.60
PHẠM THỊ THANH	20/02/1998	29024861	Toán: 8.80 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.50 Sinh học: 1.75 KHTN: 6.67
ĐÀO THỊ LAM	03/08/1999	29006991	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ DUNG	05/03/1999	29003745	Toán: 1.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.00
VI VĂN NGHỊ	05/05/1998	29025160	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 5 Tiếng Anh: 1.60
HỒ THỊ CHUNG	12/12/1999	29018374	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ HỒNG OANH	26/09/1999	29022397	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 2.80
ĐÀO THỊ NHẬT LỆ	20/02/1999	29024392	Toán: 8.40 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 9.00
NGUYỄN THỊ NGÂN	26/03/1999	29030141	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.80
VI MỸ HẰNG	29/09/1999	29025425	Toán: 4.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 8.75 GDCD: 9.00 KHXH: 8.58 Tiếng Anh: 4.20
VI ĐỨC LƯƠNG	01/09/1999	29008335	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 6.40
NGUYỄN THỊ HẰNG	01/01/1999	29025418	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ HƯƠNG	21/07/1999	29015716	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.60
PHẠM THỊ VIỆT HẰNG	18/02/1999	29013129	Toán: 7.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 7.00

VŨ VĂN HUY	29/09/1998	29017287	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.50 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ LINH	22/08/1999	29015786	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.80
HOÀNG ANH TÚ	26/03/1999	29028198	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 3.80
NGÂN VĂN THUẬT	13/08/1999	29003312	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN VĂN HẢI	02/12/1999	29017204	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.60
HOÀNG THỊ TRANG	13/07/1999	29011537	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.00
LÔ VĂN TUẤN	04/10/1999	29013789	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN HẢI TRIỀU	19/01/1999	29021391	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 2.50 GDCD: 5.00 KHXH: 3.25 Tiếng Anh: 2.20
VI VĂN DIỄN	05/10/1999	29013897	Toán: 2.80 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ TRÀ	20/03/1999	29021371	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ NHƯ QUỲNH	18/11/1999	29012343	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.00
HỒ HỮU LINH	07/11/1999	29014533	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.00
LÊ THỊ CẨM TÚ	13/04/1999	29024657	Toán: 5.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ LÝ	17/08/1999	29015841	Toán: 6.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 5.60
HÀ NHƯ VỸ	08/02/1999	29014224	Toán: 3.60 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN KIM ĐỨC	28/06/1999	29019688	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 9.00
NGUYỄN THỊ LÊ	09/05/1999	29028498	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 4.20

TRƯƠNG THANH HUYỀN	04/02/1999	29025077	Toán: 8.60 Ngữ văn: 8.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 8.40
PHẠM THỊ HUYỀN	30/06/1999	29029034	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.00
PHAN THỊ LAM GIANG	13/09/1999	29007602	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ VÂN	22/07/1999	29016554	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 5.75 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG VIỆT HUY	23/10/1999	29006403	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 8.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 3.40
NGÔ THỊ LAN	13/03/1998	29030326	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.00
PHAN VĂN NHIỆM	29/09/1999	29014664	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.60
LÊ TRẦN TRUNG HIẾU	27/06/1999	29024301	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN VIỆT PHÚ	09/07/1998	29010155	Toán: 7.60 Vật lí: 5.50 Hóa học: 7.25
TRẦN THỊ KIM NGÂN	18/10/1999	29000425	Toán: 7.40 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 8.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 4.80
LÊ THỊ YẾN	01/08/1999	29030953	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 3.60
PHAN SỸ TRUNG	07/01/1999	29022597	Toán: 9.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 10.00 Sinh học: 9.25 KHTN: 9.08 Tiếng Anh: 3.40
VI THỊ HỒNG NHÀN	03/10/1999	29013673	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.00
ĐINH HỮU OANH	30/07/1999	29030592	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ SA	13/04/1999	29018691	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.80
PHAN TUẤN HUỲNH	26/02/1998	29012569	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ GIANG	22/12/1999	29021013	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 6.00 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 5.00
PHAN THỊ NGHĨA	19/09/1999	29021199	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.20

NGUYỄN THỊ MAI ANH	14/06/1999	29011900	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 7.60
ĐINH THỊ NHUNG	23/03/1999	29020753	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 6.50 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 3.00
ĐINH VIỆT HƯNG	30/11/1999	29002825	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.42 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 10.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 1.60
VŨ VĂN HOÀNG	17/11/1999	29017268	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.00 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.00
LU VĂN ĐÔNG	03/10/1999	29013921	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ THANH TRÂM	17/06/1999	29009988	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ KHÁNH	10/06/1998	29008776	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.00
HỒ THỊ LONG	26/11/1992	29017708	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00
NGUYỄN THỊ TRÀ GIANG	12/07/1999	29009102	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN VĂN NGUYỄN	25/05/1999	29016182	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ YẾN	24/06/1999	29002689	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ HÀ	09/12/1999	29016589	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 2.80
LƯU BẠCH LINH	28/03/1999	29024409	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN THỊ LINH CHI	30/10/1999	29025954	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 5.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THẠCH BÌNH	17/10/1996	29010050	Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.75
LÊ VĂN HIẾU	06/05/1997	29010094	Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.25
NGUYỄN THỊ HƯƠNG	11/10/1999	29029041	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ HOA	19/05/1999	29006380	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 3.60

CHU VĂN TOÀN	14/09/1999	29011528	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.00
NGÔ THỊ DIU	25/12/1999	29007238	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.40
HOÀNG NGỌC ÁNH	19/04/1999	29017101	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.00
VƯƠNG KIM MẠO	04/03/1999	29030106	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.40
VI THANH SƠN	13/12/1999	29014747	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.80
BÙI THỊ NGỌC	24/10/1999	29014635	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.50 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 3.20
VÕ VĂN QUANG	02/03/1998	29002752	Toán: 7.20 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.25
NGUYỄN TÚ KHANG	15/08/1999	29007904	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.80
BÙI ĐÌNH TUYẾN	04/10/1999	29009370	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 9.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN ĐỨC THẮNG	08/06/1998	29007136	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THÙY TRANG	20/11/1999	29009321	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN THỊ DUNG	25/10/1998	29029776	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.80
LO THỊ NGUYỆT	18/06/1999	29025169	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 7.20
NGUYỄN LÊ HẢI	02/08/1999	29021700	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.60
VŨ PHI DŨNG	25/02/1999	29012683	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 5.75 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN BÁ LINH	01/10/1999	29007916	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.75 Sinh học: 2.25 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ THU AN	02/01/1999	29015385	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.20

LƯƠNG ANH DŨNG	15/11/1999	29014335	Toán: 1.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN DUY THỊNH	15/05/1999	29018177	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 8.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 4.40
ĐẬU TRẦN LINH ĐAN	27/11/1999	29007567	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ THƯƠNG	26/07/1999	29002630	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN ĐÌNH HÙNG	14/02/1999	29023209	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THẾ BẢO	05/11/1999	29025356	Toán: 6.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.00
PHAN ĐÌNH TÚ	07/06/1999	29008139	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.00 Hóa học: 1.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 2 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.25
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	23/05/1999	29000480	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM THẾ VINH	05/11/1999	29007497	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 8.25 KHTN: 7.75 Tiếng Anh: 5.60
HOÀNG HƯƠNG THẢO	03/09/1999	29028060	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN THỊ LỢI	30/08/1999	29017359	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 5.20
PHAN THỊ THƯƠNG	08/02/1999	29015215	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ ĐIỀN	01/07/1998	29018761	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.75 Tiếng Pháp: 3.20
HOÀNG THỊ YẾN	15/05/1999	29022673	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 5.00
HỒ NHÂN ĐỨC	24/09/1999	29005988	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.00
VI THỊ TÂM	08/01/1999	29015099	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.42 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.60
DƯƠNG XUÂN HIẾU	08/08/1999	29028986	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.50 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 4.20
PHẠM THỊ DUNG	20/08/1998	29013021	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50

ĐOÀN CẨM TÚ	18/11/1999	29026565	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN ANH QUÂN	17/08/1999	29007092	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN QUÝ YÊN	03/01/1999	29009402	Toán: 4.60 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.5 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN TRUNG HOÀNG ĐẠT	23/04/1999	29014351	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.00
CAO THỊ LY	10/10/1997	29012573	Toán: 8.20 Vật lí: 7.25 Hóa học: 8.00
ĐỖ HỮU HÙNG	10/12/1997	29010739	Toán: 8.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.25
LÊ THỊ HỒNG	24/08/1999	29003895	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.75 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.00
ĐINH VĂN LỘC	02/09/1999	29005740	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THANH TÚ	22/08/1999	29002661	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.50 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.20
ĐINH TRẦN THANH HƯƠNG	06/09/1999	29000298	Toán: 6.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 5.60
HOÀNG VĂN HÙNG	24/01/1999	29009632	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 3.00
HỒ THỊ ANH TÚ	01/03/1999	29004771	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 4.00
LÊ VIỆT MẠNH	29/03/1999	29013228	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 4.80
HỒ THỊ LƯƠNG	07/12/1999	29015830	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 7.20
TRẦN THỊ THANH NHÀN	28/11/1999	29025174	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 8.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN THỊ HƯƠNG TRÀ	14/11/1999	29003530	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 4.60
CAO XUÂN BẮC	10/06/1999	29004894	Toán: 9.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 9.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 8.40
PHAN DƯ HUY	02/08/1995	29019718	Toán: 1.40 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25

ĐẶNG THỊ THU HIỀN	15/01/1999	29005009	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 9.75 Sinh học: 7.00 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 7.00
TRẦN THỊ ANH	18/10/1999	29022706	Toán: 2.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 2.40
PHẠM CÔNG TUYÊN	12/08/1999	29015324	Toán: 8.80 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 9.00 Sinh học: 7.50 KHTN: 8.08 Tiếng Anh: 6.40
PHẠM TRUNG HIẾU	11/01/1999	29016641	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 8.00
NGUYỄN HỮU VINH	01/06/1997	29018308	Toán: 2.20 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.00
XÔNG BÁ RỒNG	08/04/1998	29008418	Toán: 2.60 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 3.50 GDCD: 6.00 KHXH: 3.92 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ MƠ	26/09/1998	29011416	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HẰNG	22/12/1999	29021723	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.75 KHXH: 8 Tiếng Anh: 4.00
VI THỊ HÀ	20/12/1998	29014389	Toán: 2.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 2.60
LỖ BÁ NÙ	03/09/1999	29008391	Toán: 2.20 Ngữ văn: 1.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.50 GDCD: 4.50 KHXH: 3.67 Tiếng Anh: 4.20
LÊ THỊ TRUYỀN	26/08/1999	29015287	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN ĐĂNG THÀNH	04/09/1999	29009904	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 4.20
LÔ THỊ HOÀI	16/02/1999	29014451	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM HẠNH TÚ	19/12/1999	29024661	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.40
LANG THỊ DUYỄN	22/12/1989	29014238	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.25
VÕ THỊ PHƯƠNG TRINH	17/01/1999	29023385	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 5.20
CHU VĂN PHÁP	04/03/1998	29012583	Toán: 4.40 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.75
NGÔ ĐÌNH NAM	06/02/1999	29030564	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.17 Tiếng Anh: 3.00

NGUYỄN GIA MINH	03/02/1999	29009752	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 0.00
BÙI THỊ MAI SƯƠNG	30/10/1999	29015081	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.75 GD&CD: 7.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.20
HOÀNG THỊ HẠNH	06/08/1999	29001314	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75 GD&CD: 8.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	04/02/1999	29000668	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 5 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GD&CD: 6.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 8.40
LÊ THỊ THU HOA	21/08/1999	29009130	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.20
ĐINH VƯƠNG TÚ	01/01/1999	29009348	Toán: 9.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 8.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 5.40
PHAN THỊ CHÂU LỄ	01/06/1999	29020693	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.25 GD&CD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.20
DƯƠNG THỊ HÀ THANH	12/06/1999	29024569	Toán: 6.00 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GD&CD: 8.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN THỊ TRANG	28/06/1999	29003540	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 2.40
LÊ VĂN TIẾP	12/07/1999	29020101	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.25 GD&CD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.60
LÊ MINH NAM	16/10/1999	29000415	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 2.60
PHAN THỊ NGỌC MAI	25/08/1999	29023256	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 5.40
LÊ THỊ VÂN	27/02/1999	29013805	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GD&CD: 9.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.20
VÕ TRỌNG QUANG	20/08/1999	29007089	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.75 GD&CD: 8.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN TUẤN ANH	25/01/1999	29017822	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 7.00 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 4.00
LỤC THÙY TRANG	30/12/1999	29014185	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.25 GD&CD: 7.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN TRỌNG TỊNH	20/12/1998	29008987	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 3.50 GD&CD: 5.75 KHXH: 3.75 Tiếng Anh: 2.20

NGUYỄN THỊ TÂM	21/04/1999	29001605	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.00
LƯU THỊ HỒNG	28/03/1999	29006396	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 9.00 Hóa học: 8.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 7.75 Tiếng Anh: 7.00
PHẠM VĂN MẠNH	10/10/1999	29018040	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.58 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.20
LÔ XUÂN THÀNH	07/07/1997	29008571	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75
NGUYỄN VĂN DUNG	17/10/1999	29007556	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN THỊ YẾN HƯƠNG	09/02/1999	29003167	Toán: 1.60 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 3.50 GDCD: 6.00 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ NGỌC MAY	03/02/1999	29002501	Toán: 8.20 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 7.20
ĐẶNG THỊ THƯƠNG	16/12/1999	29008978	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.00
HỒ THỊ NHUNG	05/09/1999	29016203	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN ĐĂNG TUẤN ANH	07/06/1999	29005483	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN HỒNG TUÂN	01/08/1999	29011155	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 4.20
ĐẶNG THỊ ĐỨC	01/06/1999	29001285	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ BIÊN	29/09/1999	29009072	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN PHƯƠNG LY	25/10/1999	29013220	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.58 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.75 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.00
TRỊNH XUÂN TRƯỜNG	20/11/1999	29023055	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 6.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ OANH	27/02/1999	29002548	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 3.00
VÕ QUANG HƯNG	12/06/1999	29027935	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 4.58 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.20

NGUYỄN HỮU ĐẠT	30/10/1999	29021648	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ THẮM	28/04/1999	29020024	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 5.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ NGỌC HUYỀN	19/05/1999	29015694	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ HOÀI THƯƠNG	20/01/1999	29021351	Toán: 7.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 8.40
DƯƠNG THỊ HUYỀN AN	04/07/1999	29006829	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 5.20
ĐÀO THỊ QUỲNH	01/12/1999	29000768	Toán: 6.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 4 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 5.60
PHAN VĂN MINH	28/08/1999	29022891	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.80
DƯƠNG HỮU MẠNH	06/01/1999	29014047	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 4.20
TÔN THỊ THÚY HẰNG	02/09/1999	29019361	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 4.20
ĐẶNG THỊ THÙY TRANG	12/05/1999	29030793	Toán: 8.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 4 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 7.60
VŨ THỊ KIM OANH	11/05/1999	29012876	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 6.00
HÀ THỊ HOÀI TRANG	19/09/1999	29023373	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.67 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ LIỄU	14/01/2000	29013200	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.5 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 3.00 GDCD: 7.25 KHXH: 4 Tiếng Anh: 3.40
ÔNG VĂN HƯỚNG	07/08/1999	29008773	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.20
MAI TRƯỜNG TƯƠNG	01/07/1999	29016531	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 2.60
LANG THỊ LOAN	17/10/1999	29019566	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.60
PHAN THỊ LINH	22/12/1999	29023246	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.92 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 5.00

MAI VĂN TUẤN	03/06/1999	29028215	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.60
CỤT THỊ NĂM	04/12/1999	29025154	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN VĂN BA	20/02/1999	29029429	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM THỊ MINH ANH	09/10/1999	29023584	Toán: 8.40 Ngữ văn: 8.25 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 7.20
NGUYỄN VĂN CÔNG	26/06/1999	29019872	Toán: 8.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 8.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 8.40
GIÀN MỸ HẠNH	06/09/1998	29019694	Toán: 8.40 Vật lí: 9.00 Tiếng Anh: 9.40
NGUYỄN THỊ HIỀN	19/11/1999	29020277	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN QUỐC THI	05/02/1999	29010676	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.80
VŨ THỊ NHẬT LỆ	02/03/1999	29004496	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 6.25 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN DOÃN ĐẠT	07/03/1999	29027250	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.60
THÁI BÁ HÙNG	30/11/1999	29007299	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 6 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.00
PHAN QUANG HƯNG	25/12/1999	29023224	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN HỒNG ANH	27/07/1999	29025877	Toán: 10.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 9.75 Sinh học: 9.25 KHTN: 8.33 Tiếng Anh: 7.40
TRẦN ANH TUẤN	25/10/1999	29019069	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ KIỀU OANH	17/02/1999	29016229	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.20
HỒ THỊ HOA	25/02/1999	29003865	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN VĂN ĐỨC	20/03/1998	29008061	Toán: 8.60 Vật lí: 6.50 Hóa học: 8.75
TRỊNH THỊ THU HÀ	15/08/1999	29029854	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.40

TRẦN THỊ NỤ	04/10/1999	29002869	Toán: 9.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 9.25 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 7.60
VƯƠNG ĐÌNH LINH	10/06/1999	29027425	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 6.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ NGUYỆT	02/03/1999	29002859	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 7.60
TRẦN THỊ THẢO UYÊN	24/12/1999	29027117	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 8.00
TRỊNH THỊ NGỌC MINH	14/04/1999	29010536	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.80
XÔNG BÁ CỬA	10/01/1999	29020584	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 2.75 GDCD: 4.50 KHXH: 3.17 Tiếng Anh: 3.80
LÊ ĐÌNH HUY	02/06/1999	29015683	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN DUY THÀNH	02/07/1999	29022080	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.25 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN VĂN SUỐT	14/01/1999	29022050	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 1.80
TRỊNH VĂN ĐỨC	03/11/1999	29023159	Toán: 9.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 9.25 Hóa học: 9.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 8.08 Tiếng Anh: 4.20
ĐOÀN PHƯƠNG NAM	04/03/1996	29013047	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.25
NGUYỄN THẢO MY	09/12/1999	29025549	Toán: 9.20 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 8.40
TRẦN HƯNG DŨNG	11/06/1998	29021621	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.50 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 3.00
ĐẶNG THỊ BÍCH LIÊN	16/02/1999	29000333	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ TRÀ GIANG	14/03/1999	29026041	Toán: 3.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 9.00 GDCD: 6.75 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 4.60
THÁI QUANG THỌ	18/01/1999	29022997	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN ĐẶNG QUỲNH NHƯ	13/05/1999	29005813	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.00

CAO THỊ HUYỀN	27/07/1999	29005672	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG	08/08/1999	29015712	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN HỮU PHÚ	01/04/1999	29017446	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.75 GDCD: 4.75 KHXH: 3.67 Tiếng Anh: 2.40
THÁI HỮU HẠNH	21/10/1999	29028945	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 6.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ YẾN	26/03/1999	29023097	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.00
CAO THỊ CẨM VÂN	02/01/1999	29021421	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN HÀ MY	28/01/1999	29025148	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.80
VÕ QUANG MẠNH	20/03/1998	29002499	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 3.00
LÊ VĂN ĐÀM	17/08/1999	29020246	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ NGÀ	10/07/1999	29029139	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.20
LƯƠNG VĂN THUYẾT	02/11/1998	29013755	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.00
PHAN THỊ HẠNH	20/01/1999	29021711	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.80
TRANG NGỌC QUÂN	28/08/1998	29021243	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ SƯƠNG	08/01/1999	29026491	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 9.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN KIM SƠN	27/10/1999	29008918	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN QUANG LINH	08/02/1999	29009705	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 5.80
LÊ QUỐC HÙNG	20/06/1999	29012092	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 4.40

LÊ THỊ HẢI NGÀ	26/06/1999	29027996	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 6.60
LÊ XUÂN LONG	16/01/1999	29006476	Toán: 6.40 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.5 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.40
TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG LINH	03/05/1999	29027421	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN ĐÌNH THẮNG	11/04/1998	29028680	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG TUẤN VINH	06/07/1999	29028798	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 8.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 4.40
TRỊNH ĐÌNH HẬU	10/05/1999	29030453	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 7.75 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 3.40
ĐẶNG TRỌNG HẢI	26/03/1999	29028942	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 1.60
LÊ VĂN ƯỚC	06/06/1999	29017054	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ ÁNH	02/12/1999	29002694	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.25 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.50
LÊ THỊ HẰNG NHI	01/05/1999	29020394	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 1.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.25 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THANH HUYỀN	02/03/1999	29025469	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 6.00
PHẠM PHƯƠNG THẢO	16/09/1999	29003506	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.33 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 9.20
DƯƠNG VĂN PHÚ	11/06/1999	29024833	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 2.25 Hóa học: 2.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 2.67 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.75
LƯU ĐỨC HIẾU	18/08/1999	29007625	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ TÂM	01/08/1999	29022057	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.00
VI VĂN KHÁNH	01/01/1999	29014504	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.80
LÝ VĂN CHÂU	07/10/1961	29014234	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.50
PHAN HỮU LONG	26/10/1998	29019742	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25

NGUYỄN THIỄN MINH	01/10/1998	29008830	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.60
PHẠM VĂN THẮNG	02/02/1997	29004283	Toán: 8.20 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.75
NGUYỄN VIỆT TRỌNG	20/11/1998	29019033	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 1.60
ĐẬU THỊ HOÀI	13/03/1999	29011333	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.80
BÙI NGỌC HÙNG	14/04/1998	29017685	Toán: 8.80 Vật lí: 6.75 Hóa học: 8.25
NGUYỄN THỌ HÙNG	10/02/1999	29001955	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 6 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ NHÀN	08/08/1999	29025172	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 6 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN CẢNH BÁCH	06/12/1998	29023614	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 4.80
TRƯƠNG THỊ THANH	11/11/1999	29012370	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HIẾU	25/09/1999	29029903	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.20
ĐINH THỊ THÌN	14/12/1999	29015157	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.00 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN MINH QUANG	11/06/1999	29006565	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN PHÚC ANH ĐÀI	26/02/1999	29000110	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 9.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 4.20
ĐINH TRỌNG HÙNG	19/05/1999	29029020	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN NGHĨA HOÀNG	22/05/1999	29006391	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 6.00 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN HỮU THỊNH	02/02/1999	29022995	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN ĐÌNH NHẬT	23/12/1999	29027498	Toán: 4.80 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.60
VI THỊ THÙY NGÂN	27/11/1998	29020914	Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50

ĐẶNG THỊ MỸ DUYÊN	17/09/1999	29018393	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 4.40
LÊ THỊ THANH HÀ	21/09/1999	29007274	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.58 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.60
VI VĂN KHẢI	27/05/1999	29014004	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.75 GDCD: 7.75 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ ĐOÀN	12/12/1994	29010077	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.25
NGUYỄN THANH LAM	09/10/1999	29015743	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.80
PHẠM THU THỦY	01/03/1998	29025321	Toán: 7.40 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 7.25 KHTN: 6.67
BÙI ĐÌNH LONG	02/02/1999	29008811	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.00 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ QUỲNH	24/07/1998	29002755	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50
NGUYỄN THỊ HIỀN	03/02/1999	29021051	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VĂN ĐỨC	10/06/1999	29026032	Toán: 9.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 10.00 Sinh học: 9.00 KHTN: 8.08 Tiếng Anh: 6.20
THÁI VĂN TRUNG	15/05/1999	29012968	Toán: 3.60 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 9.00 GDCD: 7.25 KHXH: 8.33 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN ĐĂNG DŨNG	10/05/1998	29001266	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.20
CAO XUÂN HIẾU	22/07/1999	29007867	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 2.80
LÊ THÀNH ĐẠT	27/08/1999	29004946	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.00
LÔ THỊ TRANG	03/10/1999	29013771	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.00
VI THỊ THƯƠNG	03/09/1999	29013759	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ VÂN	20/03/1999	29001735	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.80

NGUYỄN VĂN SONG	05/02/1999	29028634	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.80
BÙI LÊ BÁ LINH	03/07/1999	29003965	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 6.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN MINH TIẾN	01/05/1999	29006662	Toán: 7.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 4.60
PHẠM BÁ HIẾU	15/08/1999	29024311	Toán: 2.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.00 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 3.40
TRỊNH ĐỨC HOÀNG	06/09/1999	29014967	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN ĐỨC MẠNH	14/04/1999	29024810	Toán: 2.60 Ngữ văn: 1.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 3.25
NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	01/08/1999	29024620	Toán: 4.60 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN THỊ OANH	20/11/1999	29021982	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.60
LÊ THỊ NHƯ QUỲNH	22/10/1999	29000500	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 5.00 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 1.60
LÊ THỊ PHƯƠNG ANH	06/05/1999	29008593	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 5.60
NHỮ ĐÌNH HÂN	21/04/1999	29024759	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75
HOÀNG VĂN MẠNH	12/01/1999	29015852	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ THU UYÊN	17/01/1999	29024132	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 8.75 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH	03/05/1999	29026063	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 4.80
XÔNG THÀNH TOÁN	04/11/1999	29020844	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.60
HỒ THỊ THẨM	27/02/1999	29018930	Toán: 5.80 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 9.50 GDCD: 7.75 KHXH: 8.75 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC	28/05/1999	29027260	Toán: 3.00 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.25 KHXH: 8 Tiếng Anh: 3.20
HỒ VĂN KHANH	30/01/1998	29028819	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.00 GDCD: 6.75 Tiếng Anh: 3.00

PHẠM QUANG ĐẠO	05/11/1999	29022227	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 6.50 KHTN: 5 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ VI	08/08/1999	29005417	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.20
HỒ XUÂN ANH	25/08/1996	29025244	Toán: 2.40 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.75
PHẠM THỊ QUỲNH THƠ	19/09/1999	29011079	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 7.25 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 6.00
TRỊNH XUÂN CƯỜNG	01/06/1999	29017855	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.80
MAI KHẮC TUẤN	31/03/1995	29017795	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00
VI THỊ PHƯƠNG	15/09/1999	29014105	Toán: 3.80 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 7.00 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 4.80
PHẠM ĐỨC THẮNG	11/08/1999	29011071	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.92 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ THUỖ	25/07/1999	29015183	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.80
CAO DUY THẮNG	22/11/1995	29001153	Toán: 7.80 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.00
NGUYỄN KHÁNH NHẬT	11/11/1999	29026903	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 5 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 8.20
VŨ XUÂN TRƯỜNG	17/11/1999	29018234	Toán: 9.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 9.25 Hóa học: 9.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 3.40
VÕ MINH QUANG	11/07/1999	29028027	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC	25/07/1999	29023685	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 7.80
HOÀNG KHẮC DŨNG	15/01/1999	29006297	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 7.25 KHTN: 7.67 Tiếng Anh: 4.60
LƯƠNG VĂN DƯƠNG	05/11/1998	29008232	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LINH	23/09/1999	29030039	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ TƯỜNG VI	10/01/1999	29016557	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.00

TRƯƠNG ĐÌNH QUÂN	01/03/1998	29013060	Toán: 6.40 Hóa học: 5.25 Sinh học: 7.00
ĐẬU THỊ CẢNH	18/01/1999	29000057	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4 Tiếng Anh: 1.20
CAO TIẾN ĐỨC	03/10/1995	29025257	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.75
TRẦN KHẮC XUÂN	20/10/1999	29030948	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.80
QUÁCH ĐÌNH ANH SƠN	11/11/1999	29022048	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.75 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN VIỆT HOÀNG	23/04/1999	29023766	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 8.00
VÕ VĂN PHÚC	14/06/1993	29013057	Toán: 1.40 Hóa học: 3.50 Sinh học: 2.75
TRẦN PHƯƠNG NAM	08/10/1999	29010974	Toán: 7.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN KHÁNH LINH	06/01/1998	29017706	Toán: 9.60 Hóa học: 10.00 Sinh học: 9.25
NGUYỄN XUÂN LỘC	30/03/1998	29024804	Toán: 7.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN MẠNH HƯNG	25/12/1998	29014248	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.80
VŨ ĐÌNH DIỆU	10/11/1999	29011606	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THI OANH	22/12/1999	29004077	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.60
TĂNG TIẾN THẮNG	10/12/1999	29028670	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN ĐỨC AN	10/11/1998	29024702	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.08 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25
ĐÌNH MINH NGỌC	09/09/1999	29022910	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.25 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 5.20
LŨ ĐỨC TOÀN	21/08/1999	29014179	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN HỮU NHẬT NAM	07/11/1999	29023907	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 3.60

MAI ĐẠI NHÂN	02/03/1999	29028011	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG THỊ HOA	16/06/1999	29021756	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.20
PHAN THỊ HOÀI PHƯƠNG	14/02/1999	29030607	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 7.00
VÕ HỒNG ĐỨC	01/12/1999	29011994	Toán: 9.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 9.75 Sinh học: 8.75 KHTN: 7.92 Tiếng Anh: 4.40
HỒ THỊ HẰNG	28/10/1999	29000997	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.08 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25
NGUYỄN HỮU HẢI	22/08/1999	29029857	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.00 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN PHÙNG MẠNH	15/07/1998	29021906	Toán: 1.20 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.50 GDCD: 6.00 KHXH: 4 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN THỊ HUYỀN	12/04/1999	29019483	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 5.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.20
ĐINH HỒNG QUÂN	19/07/1999	29004101	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.00
HỒ CÔNG SANG	12/10/1999	29009254	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.60
HỒ THỊ HẰNG	13/04/1999	29025417	Toán: 9.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.75 GDCD: 9.50 KHXH: 8.42 Tiếng Anh: 9.40
TRƯƠNG THỊ THU UYÊN	25/03/1999	29013444	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 8.50 Sinh học: 9.50 KHTN: 7.75 Tiếng Anh: 4.40
VI THỊ THẢO	25/03/1999	29025652	Toán: 7.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 8.00
HÀ VĂN THUY	18/03/1995	29014843	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 8.50
ĐOÀN THỊ YẾN LINH	30/10/1999	29024401	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.60
ĐÀO DANH VINH	23/04/1999	29001200	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.75
HOÀNG XUÂN HIỆP	22/05/1999	29015606	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.00

ĐƯỜNG VƯƠNG ANH	15/09/1999	29029421	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 4.80
HOÀNG ĐÌNH LƯƠNG	21/02/1999	29001996	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN BÁ SỰ	19/09/1999	29023324	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.58 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 1.80
TRẦN VĂN QUÂN	03/07/1999	29030235	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HÒA	11/02/1999	29014959	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 7.20
LÊ THỊ LINH	02/08/1999	29015785	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN VĂN THANH	22/06/1999	29004624	Toán: 8.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 8.25 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 3.20
LƯƠNG THỊ NGUYỆT	20/03/1998	29014821	Toán: 6.80 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.25
LÊ ĐÌNH TRƯỜNG	26/02/1999	29019821	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.75
LÊ VĂN CHIẾN	21/10/1999	29024178	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.00
THÁI BÁ SƠN	21/03/1998	29006156	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 2.40
LÊ ANH TUẤN	14/04/1999	29016514	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.40
ĐIỀN VIỆT LÂM	20/11/1999	29014518	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.80
KHA THỊ KIM HỒNG	07/03/1999	29025448	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN HỮU HƯỞNG	04/06/1999	29030503	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4 Tiếng Anh: 4.40
VĂN ĐỨC DƯƠNG	27/04/1998	29015928	Toán: 9.20 Vật lí: 9.00 Hóa học: 9.75
PHAN THỊ MÂY	28/11/1999	29005148	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 4.60
ĐINH VĂN HÒA	02/12/1999	29015629	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 9.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 6.75 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 3.60

BÙI THỊ HOA MAI	30/01/1999	29022352	Toán: 7.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN NGỌC HẢI	18/10/1996	29013031	Toán: 6.20 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.50
NGUYỄN THỊ BÌNH	08/08/1999	29004334	Toán: 9.20 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 9.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 6.50 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 7.40
VI THỊ TRANG	29/01/1999	29015263	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN THỊ BÌNH	06/08/1999	29029737	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.00
DƯƠNG THỊ MAI LIÊN	24/06/1999	29008797	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 5.80
LÊ THỊ HÀ	25/01/1999	29023164	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 6.50 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 3.40
PHAN DƯƠNG DUY	21/12/1999	29026762	Toán: 5.20 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 2.25 KHTN: 3.17 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 4.20
LƯƠNG THẾ ANH	02/11/1999	29020556	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.00 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 3.40
LỖ THỊ SEN	13/05/1998	29014257	Toán: 6.80 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.50
NGUYỄN THỊ NGỌC	11/11/1999	29009223	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG VĂN LINH	06/05/1999	29012165	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ ANH	05/04/1999	29029704	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 4.60
LƯU QUANG MINH	20/01/1998	29006095	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.60
MAI HOÀNG ANH	20/01/1999	29027816	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG THỊ VÂN ANH	02/01/1999	29017814	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.50 KHTN: 3 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ HƯƠNG GIANG	15/09/1999	29011999	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 1.80

TRẦN THỊ THANH HIỀN	06/11/1999	29000199	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 9.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 7.20
NGUYỄN THỊ THẢO	02/08/1999	29010661	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.80
BÙI THỊ THU UYÊN	22/03/1999	29027110	Toán: 4.80 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 9.75 GDCD: 8.50 KHXH: 9 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG THỊ DƯƠNG	24/10/1999	29018753	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Pháp: 3.20
VŨ LÊ GIANG	22/12/1999	29006334	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 2.80
HỒ DANH THẮNG	05/10/1998	29016377	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.25 KHXH: 8 Tiếng Anh: 3.40
LÊ VĂN KHÁNH	02/06/1999	29024368	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.50 GDCD: 4.75 KHXH: 3.58 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN CHÍ SỸ	01/09/1999	29023328	Toán: 6.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 6.25 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ MAI	16/06/1999	29015849	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN THỊ ĐIẾP	03/07/1999	29006909	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.80
PHAN VĂN VỊ	25/01/1999	29018299	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ KIM OANH	17/08/1999	29011749	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 6.50 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ THU NGUYỄN HẰNG	09/03/1999	29000177	Toán: 7.60 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 4.80
TRẦN ANH NGUYỄN	21/11/1999	29023933	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 8.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 7.40
TRẦN THỊ HẢI	08/01/1999	29004985	Toán: 7.60 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 5.00
THÁI THỊ OANH	05/01/1999	29002550	Toán: 4.80 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 9.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.75 KHXH: 8.75 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN ĐĂNG QUANG	19/10/1997	29019782	Toán: 9.00 Vật lí: 9.50 Hóa học: 9.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 7.08

LÊ NHƯ CƯỜNG	12/08/1999	29027845	Toán: 8.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 7.25 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 8.00
ĐẶNG ANH PHƯƠNG	05/07/1999	29029567	Toán: 7.40 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 6.60
NGUYỄN THỊ NHUNG	20/06/1999	29004070	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.20
LÔ THỊ THƯƠNG	12/11/1998	29020085	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 9.25 GDCD: 7.00 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN ĐÌNH KHẢI	30/08/1998	29011677	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ TRÀ GIANG	06/07/1999	29010349	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ HÀ	15/08/1999	29003388	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.17 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.20
ĐẶNG THỊ KIM OANH	25/06/1999	29028588	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 4.00
VÕ HOÀI LÂM	06/08/1999	29011380	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.25 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 5.00
BÙI THỊ HỒNG ANH	13/01/1999	29016057	Toán: 9.40 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 9.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 1.75 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 9.00
NGUYỄN HƯƠNG GIANG	14/02/1999	29024251	Toán: 8.40 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 9.60
ĐẶNG THỊ MAI PHƯƠNG	11/09/1999	29027530	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ VINH	20/05/1999	29006807	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.25 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 6.40
VŨ THỊ BÍCH HÀ	16/11/1999	29012012	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 7.40
TRẦN PHÚC TẠO	04/02/1999	29016933	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LINH	28/02/1999	29025514	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.67 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 6.40
TRẦN CẢNH CƯỜNG	29/04/1998	29020230	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.60

NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	20/04/1999	29023094	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.60
LƯƠNG THỊ YẾN	21/07/1999	29025845	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 9.00 GDCD: 9.50 KHXH: 8.92 Tiếng Anh: 4.00
VÕ THỊ NGỌC MAI	12/06/1999	29012216	Toán: 1.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.20
NGÔ QUỐC CƯỜNG	06/03/1998	29011547	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 5.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ THỦY	03/09/1999	29001663	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.60
NGÔ TRÍ THUYỀN	25/07/1999	29016985	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 6.50 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 2.40
BÙI THỊ HỒNG HẠNH	11/03/1999	29024273	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.00 KHTN: 3.08 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.80
VI VĂN SƠN	24/08/1998	29013711	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ HIỀN	25/04/1999	29027307	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ KIỀU	08/07/1990	29003636	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.83 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.00
HOÀNG THỊ THƯƠNG	29/12/1999	29000555	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 9.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN ANH NHÂN	14/10/1999	29026899	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.17 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.20
ĐÀM THỊ HÀ VI	20/06/1999	29005416	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.60
ĐẬU THỊ HUYỀN	10/08/1999	29021818	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.40
MOONG VĂN HỒNG	02/03/1999	29008279	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 5.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.80
CAO THỊ TRANG THANH	10/08/1999	29005903	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.40
NGÔ VĂN THÀNH	29/09/1999	29004627	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 6.25 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 2.80

NGUYỄN XUÂN PHÚC	05/05/1999	29010604	Toán: 4.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.40
LƯƠNG THỊ THANH TRÀ	29/08/1999	29020847	Toán: 1.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.80
LÊ THỊ MƠ	03/05/1999	29021182	Toán: 8.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN QUANG KHÁNH	01/05/1999	29026208	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 8.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 2.60
VÀ BÁ XÈNH	06/11/1999	29013814	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 5.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN VĂN VINH	18/07/1999	29009391	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 1.60
NGUYỄN MINH ĐỨC	12/08/1999	29004952	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 4.60
HOÀNG XUÂN TRIỀU	10/04/1999	29029331	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN TRỌNG TRƯỜNG	23/12/1999	29009343	Toán: 2.60 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.50 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ HOA	01/11/1999	29028415	Toán: 7.60 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.25 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 9.40
LÊ HUY TÙNG	07/07/1999	29006232	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25
TRẦN VĂN VIỆT	26/10/1999	29028796	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.50 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.00
LƯƠNG VĂN NGUYỄN	02/05/1999	29008373	Toán: 1.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 4.00 KHXH: 3.83 Tiếng Anh: 2.00
CAO THỊ HÀ GIANG	07/09/1999	29007268	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 8.80
LÊ THỊ QUỲ	22/08/1997	29010168	Toán: 6.60 Hóa học: 7.00 Sinh học: 7.25
VIÊNG VĂN MẠO	06/06/1999	29020711	Toán: 2.20 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 5.75 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 2.60
VÕ SỸ HÙNG	24/07/1999	29006401	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 6.60
TRẦN XUÂN THẮNG	26/10/1999	29016960	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 3.60

NGUYỄN MINH QUANG	30/09/1999	29023303	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 3.00
ĐẶNG VĂN CHIẾN	20/12/1999	29029747	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 6.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN QUYẾT	16/09/1999	29022957	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.75 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ KHÁNH	19/03/1999	29012134	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.58 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN THỊ XUÂN	15/07/1999	29030946	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 3.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN DUY SÁNG	11/10/1999	29028629	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 8.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 2.80
LÊ THỊ LAN ANH	23/03/1999	29004870	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 6 Tiếng Anh: 3.60
ĐẬU ĐÌNH TUẤN	17/10/1999	29020183	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.40
HOÀNG THỊ VÂN ANH	11/09/1999	29011581	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 4.60
LO QUỐC CHUNG	07/08/1999	29008191	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 5.50 KHXH: 4.08 Tiếng Anh: 4.40
LÊ TIẾN THÀNH	28/05/1999	29016345	Toán: 5.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.00
LÊ CÔNG KHÁNH	23/11/1999	29024367	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.17 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM VIỆT CƯƠNG	06/09/1999	29008635	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.25 GDCD: 6.25 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN ĐẠT CƯƠNG	26/08/1999	29019249	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN VĂN HIẾU	14/01/1999	29002369	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.00
VÕ THỊ BẮC	20/10/1999	29019215	Toán: 2.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.80
LÊ THỊ HÀ	10/06/1999	29019324	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.20

LÊ ĐỨC DŨNG	21/02/1998	29000964	Toán: 8.60 Vật lí: 8.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 6
TRẦN VĂN ÁNH	12/03/1999	29027183	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.00
LÊ THỊ OANH	13/03/1999	29012298	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN ĐÌNH BẢO DANH	01/03/1999	29027847	Toán: 8.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.75 Sinh học: 2.50 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 3.80
HỒ THỊ CẨM LY	28/08/1999	29015836	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.60
PHAN THỊ QUỲNH ANH	01/09/1999	29019192	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN HỒNG SƠN	06/05/1999	29004600	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 2.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.67 Tiếng Anh: 2.40
PHẠM THỊ PHƯƠNG	14/11/1999	29028607	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 9.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.60
VI THỊ ANH	29/09/1999	29013865	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ HOA	23/04/1999	29016645	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.75 Sinh học: 6.50 KHTN: 7.92 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	19/06/1999	29002646	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.20
PHẠM THỊ OANH	13/05/1999	29011449	Toán: 5.60 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 9.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	16/02/1999	29025885	Toán: 9.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 9.25 Hóa học: 9.50 Sinh học: 7.50 KHTN: 8.75 Tiếng Anh: 7.40
PHẠM VĂN TÚ	18/02/1998	29001820	Toán: 8.80 Vật lí: 8.00 Hóa học: 9.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 7.17
NGÔ THỊ HỒNG NHUNG	28/12/1999	29003235	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ HẠNH TRANG	28/07/1999	29017007	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.25 Sinh học: 6.00 KHTN: 7.92 Tiếng Anh: 6.80
NGUYỄN THỊ VUI	04/09/1999	29008035	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 5.00
LÊ ĐĂNG HẠNH	02/02/1999	29017905	Toán: 8.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 6.00

HÀ THỊ NHUNG	27/06/1999	29013676	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 9.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.00
PHAN THỊ HOÀI	20/02/1999	29021780	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.60
HOÀNG THỊ HIỀN	28/05/1999	29015596	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ CẢNH	02/01/1999	29007537	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 7.75 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN THỊ HUYỀN	22/02/1999	29017295	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.50 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 4.20
VÕ VĂN ĐẠI	06/04/1998	29015500	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.20
VŨ TRỌNG LÝ	16/07/1998	29017716	Toán: 7.80 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.25
NGUYỄN ĐẠT DŨNG	13/11/1999	29020236	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 5.75 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 8.20
VŨ THỊ HOA	25/01/1999	29017242	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN DŨNG	10/04/1999	29009500	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.75 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THÚY HIỀN	28/11/1999	29014423	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 4.60
LÊ THANH PHONG	19/03/1999	29024518	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN CÔNG THÀNH MINH	03/06/1999	29021180	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 7.50 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN HỮU QUÝ	14/09/1999	29012323	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 1.00
PHẠM VĂN THƯỜNG	14/05/1998	29005457	Toán: 8.20 Vật lí: 7.75 Hóa học: 9.00 Sinh học: 9.25 KHTN: 8.67
BÙI HÙNG CƯỜNG	30/04/1997	29003614	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.25 GDCD: 6.50 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ THOA	23/07/1999	29017546	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 4.20

PHAN THỊ NGỌC ÁNH	05/11/1999	29025923	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 9.75 GDCD: 8.00 KHXH: 8.92 Tiếng Anh: 3.20
HỒ THỊ HẢI	12/04/1999	29025018	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 9.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 4.20
PHẠM THỊ HUYỀN	10/12/1999	29006413	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 6.25 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 3.00
HỒ VĂN AN	06/01/1998	29017071	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN NGỌC TRUNG	10/12/1998	29024884	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 3.25
VÕ THỊ HOÀN	16/03/1999	29023756	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 4.20
LANG VĂN THỦY	22/11/1998	29013753	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ TÚ	03/08/1999	29022612	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 7.50 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ HỒNG	05/05/1999	29001944	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.25 Tiếng Anh: 2.40
BÙI HUY HỮU	15/11/1999	29005075	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.75 Sinh học: 9.50 KHTN: 8.75 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN THỊ TRINH	20/02/1999	29005370	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN QUỐC KHÁNH	02/09/1998	29014500	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.60
THÁI THỊ HIỀN	20/05/1999	29029899	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.00
VI TỔ ĐỊNH	26/01/1999	29024993	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 2.80
HỒ THỊ THUỶ	16/05/1999	29016418	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.50 GDCD: 7.00 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 2.80
ĐẶNG VŨ HÙNG	10/04/1999	29019443	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 9.00 GDCD: 9.50 KHXH: 9 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VIỆT THANH	27/07/1997	29007747	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.75 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 4.00

NGUYỄN HỒNG SƠN	07/04/1999	29029222	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 4.20
LÊ VĂN NGÔ	23/06/1999	29013264	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.58 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.40
HỒ PHI PHÚC	20/01/1999	29005211	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.60
HỒ HOÀI LÂM	27/05/1999	29009691	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.40
LO QUANG NHẬT	12/04/1999	29008377	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.60
ĐÀO THỊ THANH	03/10/1999	29017502	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.75 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.00
LỮ THỊ PHIM	06/03/1999	29008399	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.40
LƯƠNG THỊ CHI	30/04/1999	29003051	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.20
LÊ VĂN BẮC	15/08/1999	29001835	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 5 Tiếng Anh: 4.00
TRƯƠNG THỊ DIỆP LINH	26/12/1999	29026277	Toán: 7.20 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 8.80
NGUYỄN TRỌNG HUY	19/01/1999	29023797	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 8.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 3.80
THÁI VIỆT HUY	28/11/1999	29009646	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN CẢNH PHÚ	20/10/1999	29021993	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ THẮNG	14/03/1999	29016384	Toán: 1.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.40
ĐINH THỊ ÁI NGUYỄN	01/05/1999	29014645	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ BÌNH	28/07/1999	29017116	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 5.60
LƯU ANH THẾ	11/05/1999	29004188	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.60

NGUYỄN VĂN HIỆP	08/08/1999	29009125	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 2.00 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 2.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	12/02/1999	29021379	Toán: 9.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 7.20
NGUYỄN VĂN VŨ	16/03/1999	29011214	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ HẠNH	20/12/1998	29017208	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ NHI ANH	15/07/1999	29019852	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN QUỐC KHÁNH	02/09/1999	29026209	Toán: 8.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 10.00 Sinh học: 9.50 KHTN: 8.08 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN HỮU ĐỒNG	03/02/1999	29022238	Toán: 9.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 9.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 3.00
HÀ THỊ NGỌC	11/11/1999	29010564	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN TRỌNG CÔNG	28/06/1998	29019242	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.00
HỒ TRỌNG TUẤN	20/08/1999	29011156	Toán: 4.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.40
CỤT VĂN DƠI	14/08/1999	29008225	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG THỊ OANH	08/03/1999	29030179	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN CẢNH ĐỨC	30/12/1999	29016149	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 0.75 Sinh học: 2.25 KHTN: 2.08 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ VÂN ANH	13/04/1999	29018724	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 4.20
ĐẬU VĂN THIỀU	10/09/1999	29007765	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.00 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 3.80
VÕ ĐÌNH TUYẾN	01/08/1999	29020528	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN MINH QUANG	30/10/1999	29018122	Toán: 8.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 2.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 7.50 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 6.00

ĐẬU ĐÌNH KỶ	29/09/1999	29022332	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 3.00
ĐẶNG THỊ PHƯƠNG THẢO	11/05/1999	29002938	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 6.25 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN VĂN THƯỜNG	24/02/1999	29020097	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM HỒ QUỲNH TÂM	01/01/1999	29015097	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.25 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 9.40
NGUYỄN VĂN CƯỜNG	12/03/1999	29009085	Toán: 5.60 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 3.00
NGÔ THỊ OANH	15/12/1999	29002543	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ KIỀU TRINH	08/11/1999	29004744	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 9.25 Sinh học: 8.25 KHTN: 7.75 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN THỊ NGỌC	01/12/1998	29019877	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 9.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.60
LÊ THỊ HỒNG	03/03/1999	29015664	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 6.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THÁI BẢO	27/06/1999	29007219	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM THỊ CHƯƠNG	08/11/1999	29001249	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN QUANG HUY	19/03/1999	29012776	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.40
VÕ THỊ BÉ QUỲNH	18/10/1999	29001124	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25
TẠ HỮU HOÀNG	04/01/1998	29014790	Toán: 5.60 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.75
DƯƠNG VĂN VŨ	08/03/1999	29007499	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ THỦY	20/06/1999	29030744	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.25 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.60
LÊ NGUYỄN QUANG HUY	18/11/1998	29026816	Toán: 9.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 1.75 KHTN: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 5.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.40

LƯU THỊ YẾN	06/05/1999	29011227	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN THẮNG	16/03/1999	29015146	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN TẤT HẢI	08/11/1999	29001309	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.20
PHAN VĂN KHẢI	25/09/1997	29001441	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.40
NGÔ NGUYỄN TRUNG	21/10/1999	29004755	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 1.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.5 Tiếng Anh: 2.80
LÊ NGỌC THẮNG	14/07/1999	29023346	Toán: 9.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 8.75 Hóa học: 10.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 7.75 Tiếng Anh: 4.80
TRẦN THỊ TRANG	10/08/1999	29022574	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 1.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 4 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN HỒNG NGỌC	01/01/1999	29018862	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 3.20
LÔ THỊ LUẬT	18/08/1999	29013626	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 2.40
LÊ THỊ HƯƠNG	10/06/1997	29023467	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.25 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN THỊ LƯƠNG	15/08/1999	29010950	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 6.50 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN LÊ HỮU THẮNG	02/01/1998	29008128	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 1.75 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.58 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.25
HÀ THỊ TIN	26/10/1996	29028835	Toán: 2.60 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.83
NGUYỄN THỊ HÒA	17/02/1997	29001768	Toán: 5.40 Hóa học: 4.75 Sinh học: 6.25
PHẠM VĂN SƠN	19/03/1999	29018704	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 5.40
VÕ THỊ QUỲNH TRANG	25/11/1999	29024638	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.08 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 6.60
PHẠM NGỌC HẢI	12/12/1999	29018429	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.75 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 3.80
LỮ VĂN PHÚ	19/08/1998	29014825	Toán: 8.80 Vật lí: 8.25 Hóa học: 7.00
PHAN THỊ HẬU	07/05/1999	29018783	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 7.50 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 4.40

NGUYỄN ĐỨC MẠNH	13/10/1999	29017373	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.20
PHAN THỊ HÀ MY	17/09/1999	29029127	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.60
VÕ NGỌC PHÚC	05/05/1999	29002554	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.00
LẦU BÁ CHÙA	10/02/1999	29008188	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 2.50 Hóa học: 1.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 2.67 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG THỊ KHÁNH VY	28/03/1999	29028263	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN THỊ THẢO	21/12/1999	29021315	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ YẾN LINH	20/11/1999	29025108	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	02/10/1999	29023379	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 6 Tiếng Anh: 4.40
LÊ DUẤN	25/10/1998	29004357	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 2.40
TÔ THỊ BẮC	26/02/1999	29008620	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.80
LÊ THỊ SEN	23/05/1999	29001588	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.80
PHAN THỊ LĨNH	03/01/1999	29006471	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ THUỶ GIANG	06/08/1999	29018770	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 8.75 Sinh học: 7.25 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 4.40
ĐÀO TÙNG LINH	10/11/1999	29018010	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 2.50 KHTN: 3 Tiếng Anh: 2.20
VÕ THỊ NHƯ	22/06/1999	29029170	Toán: 1.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 6.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.40
LO MAY TỊNH	18/03/1999	29025732	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.20
HỒ THỊ THANH	30/09/1999	29016337	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 4.80

HOÀNG THỊ HOÀI	22/07/1999	29016649	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 6.00 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 3.60
ĐÀO VĂN TRUNG VIỆT	24/10/1997	29018302	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ THAO	04/09/1998	29022972	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.20
HỒ THỊ THÚY	04/04/1999	29018963	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 5.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN BÁ ĐIẾP	18/09/1999	29015510	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ NGỌC TÚ	22/05/1999	29015302	Toán: 5.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ HOÀI THƠ	23/10/1999	29008000	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 5.60
HỒ THỊ CẨM VÂN	04/09/1999	29004819	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN ĐÌNH HIẾU	10/10/1999	29017240	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.60
HÀ ÁNH BẰNG	21/06/1996	29029344	Toán: 6.40 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.75
NGUYỄN ANH TUẤN	01/04/1999	29000887	Toán: 8.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM VĂN THẢO	05/03/1999	29018923	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 9.50 GDCD: 9.00 KHXH: 9 Tiếng Anh: 3.80
TẠ HỮU QUÂN	17/03/1999	29005850	Toán: 4.20 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.00
LỮ VĂN MÃO	12/06/1999	29021176	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.00 GDCD: 5.75 KHXH: 4.08 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN CẢNH AN	18/08/1999	29010235	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ THANH HẰNG	01/10/1999	29027295	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN LONG NHẬT	03/02/1999	29014656	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.60

LÊ ANH TÚ	02/10/1999	29009998	Toán: 8.20 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ NGÀ	28/12/1999	29001521	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.40
PHẠM VĂN ĐỨC	11/10/1999	29015532	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 7.00
NGUYỄN THỊ LÊ	04/01/1999	29021133	Toán: 5.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 6.80
NGUYỄN ĐỨC CHIẾN	13/04/1999	29023123	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.25 Hóa học: 1.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỰC QUYÊN	16/04/1999	29012328	Toán: 9.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 9.00 Sinh học: 9.00 KHTN: 7.75 Tiếng Anh: 6.20
HOÀNG THU PHƯƠNG	07/08/1999	29024525	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG VĂN TIẾP	09/11/1994	29021522	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.00
PHAN THỊ THANH PHƯƠNG	21/10/1999	29024533	Toán: 8.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 6.60
KHA BÁ PHIM	29/09/1999	29008398	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.50 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ LY	08/10/1999	29012830	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.00
TRỊNH HOÀNG ANH	11/03/1999	29009446	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 8.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 3.40
BÀNH ĐỨC TUẤN	24/06/1999	29009353	Toán: 3.60 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.50 GDCD: 5.25 KHXH: 4 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN CAO QUYẾT	28/12/1996	29025306	Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.25 KHXH: 8
LÊ VĂN VŨ	06/03/1999	29012544	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 2.25 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM VIỆT DŨNG	21/07/1999	29024972	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ HOÀI	18/03/1998	29026636	Toán: 8.00 Hóa học: 9.00 Sinh học: 8.50
NGUYỄN THỊ NHUNG	09/03/1999	29016213	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.00

VƯƠNG THỊ VIỆT	30/01/1999	29028254	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 6.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN BÁ NGHĨA	02/08/1999	29011729	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG	11/02/1999	29001872	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 9.25 Sinh học: 8.75 KHTN: 7.67 Tiếng Anh: 4.00
PHẠM TUẤN ANH	04/09/1999	29012622	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 1.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 2.83 Tiếng Anh: 1.60
TẠ THỊ HỒNG NHUNG	24/05/1999	29014675	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.80
VƯƠNG THỊ KIM ANH	24/07/1999	29000040	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 1.00 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 5.00
VŨ ĐÌNH CÔNG	04/01/1999	29029757	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	01/10/1999	29023605	Toán: 9.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 9.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN VIỆT ĐÔNG	17/09/1999	29011630	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 2.00
ĐINH ĐĂNG THÀNH	02/02/1999	29013722	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.60
VI THỊ THU PHƯƠNG	01/04/1998	29014702	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.50 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.00
NGÔ HẢI DŨNG	28/01/1999	29019669	Toán: 2.60 Ngữ văn: 1.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.50
PHẠM THỊ NHUNG	19/05/1999	29010994	Toán: 6.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 3.80
LÊ THỊ HOÀI LINH	01/02/1999	29010477	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.80
QUẢN TRỌNG MINH	10/06/1996	29027710	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 5.25
NGUYỄN HOÀNG PHÚC	19/06/1999	29028597	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN CẢNH PHƯƠNG	04/01/1999	29022000	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.40

NGUYỄN ĐỨC ANH	10/12/1998	29007519	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 1.60
NGUYỄN VĂN TIỀN	18/10/1999	29008984	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN GIA PHONG	04/12/1999	29016237	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 7.00
HOÀNG THỊ MAI	10/05/1999	29002839	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.50 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.80
BÙI ĐỨC TOÀN	06/10/1996	29027774	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 7.00
NGUYỄN QUANG CẢNH	28/06/1999	29001239	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ THẢO	24/01/1999	29011064	Toán: 9.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 9.00 Hóa học: 10.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 8 Tiếng Anh: 4.40
VŨ THỊ VƯƠNG	19/07/1999	29006814	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ HỒNG THẨM	30/06/1999	29011066	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 5 Tiếng Anh: 5.00
TRẦN VĂN HOÀNG	21/01/1999	29019423	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN SỸ TUẤN	15/04/1999	29022626	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG TRỌNG TUẤN	19/01/1999	29006760	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ LONG	10/08/1999	29015810	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.00
VÕ THỊ LAN ANH	20/01/1999	29002214	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 4.20
LÔ THỊ HIỀN	15/01/1999	29014418	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN DUY HẢI	18/09/1998	29019336	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	22/02/1999	29026181	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 2.25 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 4.80

HOÀNG THỊ TRANG NHUNG	30/10/1999	29025575	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ NHƯ	07/07/1999	29022932	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.20
HỒ VĂN MINH	23/04/1998	29001075	Toán: 7.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.25
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	19/08/1999	29019853	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.08 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ YẾN	03/11/1999	29004853	Toán: 9.40 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 7.00 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 8.40
LÊ MINH QUANG	26/05/1999	29007383	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN CẢNH MẠNH	06/05/1997	29015977	Toán: 9.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.50
PHẠM THỊ QUỲNH TRANG	28/07/1999	29024631	Toán: 8.00 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 7.40
PHAN HUY TUẤN	13/08/1999	29006767	Toán: 5.40 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 5.60
TRẦN TRỌNG QUYỀN	08/01/1999	29004585	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN VĂN ĐỨC	05/05/1999	29007266	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.42 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.80
LÊ THỊ QUỲNH TRANG	16/08/1999	29019013	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.00 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ KHẮN	16/03/1998	29030323	Toán: 6.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 2.50 KHTN: 4.58
PHẠM TUẤN QUYỀN	27/04/1999	29022956	Toán: 1.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN VĂN MẠO	09/10/1999	29023888	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ ANH	12/08/1999	29022700	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.80
HỒ THỊ THU HUYỀN	14/12/1999	29024349	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 3.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN VĂN TUẤN	18/09/1999	29007468	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.80

LÊ HÀ PHƯỚC	25/04/1999	29026433	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 4.60
PHAN QUỐC CƯỜNG	20/01/1998	29028317	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN NHẬT CƯƠNG	30/07/1999	29009488	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 3.80
LÊ VIỆT HOÀNG	11/10/1999	29014457	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN KHẮC TUẤN	03/05/1998	29018258	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN THỊ HUYỀN	27/09/1999	29017984	Toán: 8.60 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.00 KHTN: 2.5 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.80
MÙA BÁ DỀNH	04/05/1999	29008216	Toán: 5.60 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.83 Tiếng Anh: 2.40
CAO THỊ TRANG LINH	10/07/1998	29019140	Toán: 7.80 Hóa học: 9.50 Tiếng Anh: 7.80
NGUYỄN THU TRANG	29/08/1999	29020496	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 7.25 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN DUY KHANG	16/10/1999	29005078	Toán: 5.60 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HOÀNG	06/03/1999	29011339	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.20
BÙI THỊ KIỀU	22/09/1999	29019507	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.00 KHXH: 8 Tiếng Anh: 3.80
BÙI THỊ HUYỀN NHUNG	22/02/1999	29023278	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 7.40
LƯU THỊ THU UYÊN	12/03/1999	29010015	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN NAM	24/03/1999	29021928	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ TÚ	16/05/1999	29001184	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.83 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50
HOÀNG THỊ THỊNH	20/02/1999	29001647	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.25 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 3.60

CAO THỊ SAO MAI	24/06/1999	29019592	Toán: 6.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 8.60
CHẾ THỊ OANH	30/08/1999	29011746	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 6.25 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 4.60
HOÀNG ĐĂNG TÚ	12/09/1999	29006750	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.20
HỒ THỊ BÌNH AN	04/02/1999	29025854	Toán: 8.20 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 9.80
VĂN THỊ THÙY LINH	03/10/1999	29021887	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.00 GDCD: 5.50 KHXH: 3.67 Tiếng Anh: 3.20
LANG THỊ MỸ LINH	10/09/1999	29014025	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ KIỀU	12/10/1999	29021854	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ NHẤT	06/02/1999	29012277	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.5 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.00
VÕ THỊ HỒNG	02/11/1999	29019435	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN VĂN KHÁNH	09/03/1999	29008780	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.20
BÙI THỊ QUỲNH TRANG	09/10/1999	29009966	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 2.00
LÊ HUY BẢO	03/11/1999	29024167	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 2.00 Sinh học: 2.25 KHTN: 3.33 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.80
DƯƠNG PHÚC THÀNH	06/07/1999	29000794	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN ĐÌNH NHẬT	18/04/1999	29007060	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.80
HOÀNG KIM KHÁNH	09/03/1999	29026835	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 2.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.08 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.25 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 5.40
HOÀNG THỊ THANH TÂM	16/12/1999	29001602	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM ĐỨC MẠNH	01/05/1999	29024456	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.60

PHAN THỊ HƯƠNG GIANG	28/07/1999	29022246	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ ANH THƠ	03/12/1998	29027769	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.75
TÔ DUY TRƯỜNG	18/06/1999	29016505	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.25 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 1.60
NGUYỄN TUẤN HẢO	17/03/1999	29008701	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.00 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.60
LÔ THỊ NHIÊN	12/12/1999	29020751	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.50 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN THỊ HẰNG	26/10/1999	29017216	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.20
CAO XUÂN ĐỊNH	04/01/1999	29005561	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN HẬU	02/04/1999	29022793	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VIỆT ĐỨC	03/09/1999	29003777	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN THỊ HOÀI THƯƠNG	01/09/1999	29012446	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.17 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.00
CAO THỊ PHƯƠNG	20/08/1999	29029189	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ ANH	14/11/1999	29002201	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 7.25 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ DUNG	19/09/1999	29000089	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.75 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 5.00
TRẦN THỊ NGỌC LY	04/04/1999	29009739	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.80
HỒ THỊ HẢI YẾN	25/11/1999	29011223	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 8.00
CHU TỰ MINH THÀNH	17/07/1999	29004163	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ XUÂN	10/10/1998	29030944	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.80

TRẦN ĐỨC LƯƠNG	02/01/1999	29014038	Toán: 7.80 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 3.60
HỒ MINH HOÀNG	15/09/1999	29014455	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ THƯƠNG	01/12/1999	29029299	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN TIẾN CƯỜNG	14/08/1998	29010062	Toán: 5.40 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.25 Tiếng Anh: 4.80
LỮ THỊ HẢI VÂN	09/05/1999	29025819	Toán: 4.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 9.25 GDCD: 8.25 KHXH: 8.75 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ TÚ	10/05/1998	29008138	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.00
ĐINH THỊ THU HƯƠNG	11/10/1999	29014985	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 3.40
VI THỊ NGỌC HẢI	10/11/1999	29014394	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG TRUNG NGHĨA	19/03/1999	29026374	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 2.25 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.00
ĐOÀN AN HƯNG	31/03/1999	29025079	Toán: 5.80 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 0.80
ĐINH VÂN THOA	17/07/1999	29012414	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 2.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ HẰNG	21/03/1999	29001333	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 5.20
HỒ THỊ KHÁNH HUYỀN	24/11/1999	29016695	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 7.20
TRẦN THỊ THANH HUYỀN	21/08/1999	29025472	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 7.80
NGUYỄN QUANG HUY	03/06/1999	29026160	Toán: 6.60 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.20
ĐẶNG THỊ HUYỀN	12/09/1999	29019463	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 5.60
ĐẶNG THỊ HOÀI THANH	16/08/1999	29008932	Toán: 4.40 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 4.80

LÊ ĐÌNH TÚ	13/06/1998	29003677	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 3 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.50
VY VĂN TUYẾN	13/10/1999	29012988	Toán: 2.00 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 5.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.40
THÁI THỊ NHUNG	10/11/1999	29029166	Toán: 2.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.60
ĐÌNH XUÂN HIỆP	18/05/1999	29009578	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HOA	26/03/1999	29000213	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 4.75 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN ĐẠO	02/09/1999	29021644	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN VĂN AN	31/03/1999	29006833	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.40
CAO XUÂN SANG	04/06/1999	29003267	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN CƯỜNG	17/08/1999	29003730	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.00
PHAN THỊ HIỀN	20/10/1999	29002352	Toán: 1.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.25 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.40
LƯU THỊ HOA	10/10/1999	29019396	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 5.00
ĐÌNH THỊ HẰNG	01/01/1999	29000167	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.60
HỒ VĂN SỸ	17/06/1999	29016927	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 3.00
VÕ THỊ MỸ LINH	17/01/1999	29009725	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 6.25 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 3.20
LÊ HUY QUÂN	04/05/1998	29024846	Toán: 5.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.75
NGUYỄN HUỲNH PHƯỚC	28/08/1999	29019933	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 5.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.00
TĂNG TIẾN DUYỆT	14/02/1999	29028331	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.20

TRỊNH QUỐC CƯỜNG	10/08/1999	29023128	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 2.50 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 4.80
TRẦN THỊ NHƯ NGỌC	29/03/1999	29010983	Toán: 4.20 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 5.00
LƯƠNG GIA TÀI	03/11/1997	29013841	Toán: 1.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN TRỌNG THỐNG	14/06/1999	29007999	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 2.60
THÁI ĐỨC TRỊNH	12/06/1999	29029636	Toán: 9.20 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 4.60
PHẠM VIỆT CƯỜNG	10/08/1999	29026749	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 10.00
MAI THỊ TRANG	27/06/1998	29027777	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.25 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ LINH TRANG	13/04/1999	29020129	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.75 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 4.40
TRƯƠNG THỊ LÝ	05/07/1999	29018595	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.00
BÙI THỊ LY	25/06/1999	29018590	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.40
VĂN HUY LONG	07/06/1999	29016777	Toán: 9.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 9.75 Sinh học: 9.75 KHTN: 9 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN NGỌC HÀO	01/12/1999	29027290	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN VĂN NAM	12/04/1998	29021195	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.00
HÀ LINH TRANG	06/06/1999	29027026	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 9.00 GDCD: 7.75 KHXH: 8.33 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN THỊ NGÂN HÀ	07/01/1999	29022252	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 5.40
TRẦN THỊ OANH	16/04/1999	29009814	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HOÀI	28/03/1999	29007632	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.40

PHẠM THỊ TÚ OANH	06/01/1999	29007379	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 6.60
NGUYỄN CÔNG MINH	03/10/1999	29006501	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 2.80
CAO THỊ HẢI YẾN	02/06/1999	29018320	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 2.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 3.80
HỒ TRUNG KIÊN	14/02/1999	29024375	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.00
HOÀNG QUỐC DUY	12/10/1999	29003080	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 4.50 KHXH: 3.75 Tiếng Anh: 2.00
TRẦN CẢNH VINH	19/02/1999	29006808	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN YẾN HÒA	28/11/1999	29030471	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 4.80
PHẠM THÙY TRANG	03/01/1999	29005353	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.00 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN VĂN MẠNH	12/05/1999	29002496	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.20
PHAN THỊ LIÊN	06/09/1999	29005100	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ ÁNH QUỲNH	18/09/1999	29026478	Toán: 5.00 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 7.20
NGUYỄN TRỌNG NAM	17/04/1999	29020380	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM ĐĂNG DƯƠNG	02/09/1999	29003373	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.25 Hóa học: 2.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 2.67 Tiếng Anh: 3.60
NGÔ THÙY DUNG	06/09/1999	29000088	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.60
LÔ THỊ HOA	10/02/1999	29013554	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM THÁI HÙNG	30/05/1999	29013170	Toán: 6.00 Ngữ văn: 2.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.83 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 5.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 6.20
PHẠM THỊ HẠNH	12/04/1999	29012733	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 9.50 GDCD: 7.50 KHXH: 8.67 Tiếng Anh: 7.40

PHẠM THỊ LÊ NA	15/04/1999	29006507	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 4.40
ĐẶNG THỊ LỘC	01/05/1998	29001779	Toán: 9.00 Hóa học: 9.75 Sinh học: 8.75
PHAN THỊ NGỌC LAN	19/03/1999	29006994	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.60
ĐÀO CHÍNH NGUYỄN	01/01/1999	29028566	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG	11/04/1999	29010387	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.60
TÔ THU TRANG	09/10/1999	29017596	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THANH BÌNH	21/05/1999	29020956	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 4.00
HỒ SỸ MẠNH	26/02/1999	29026874	Toán: 9.80 Ngữ văn: 5.42 Vật lí: 9.50 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 7.33 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 5.60
PHẠM VĂN HÒA	15/02/1999	29000688	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.5 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 1.40
NGUYỄN THỊ HIẾU	12/12/1999	29026100	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 6.75 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HẢO	18/10/1999	29029870	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.20
LÊ THỊ HÀ	15/09/1999	29028360	Toán: 5.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 6.60
TRẦN THỊ THANH	01/06/1998	29029396	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.50 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 4.80
TRẦN THỊ NHƯ QUỲNH	11/03/1999	29021261	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 9.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 2.60
PHAN VĂN HUY	20/05/1999	29029024	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN LÊ THANH NGÂN	12/03/1999	29026365	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 9.00
PHAN VĂN VY	20/11/1998	29002169	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.60

LÊ NGỌC HOÀNG	24/09/1999	29016661	Toán: 4.60 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 4 Tiếng Anh: 2.00
DƯƠNG THỊ LĨNH	27/12/1999	29028518	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.60
VŨ ĐÌNH PHÚ	02/05/1999	29008883	Toán: 3.20 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.20
TẠ THỊ THU	19/03/1999	29007769	Toán: 3.40 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN TÚ LINH	05/07/1999	29007684	Toán: 5.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 6.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ THANH TÚ	07/05/1999	29015295	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 2.60
ĐÀO THỊ VINH	07/02/1999	29024143	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.50 Hóa học: 10.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.83 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN TUẤN ANH	12/10/1999	29009437	Toán: 1.40 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ THÙY	02/01/1999	29008964	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.80
HỒ ĐỨC MẠNH	22/08/1999	29000400	Toán: 8.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 3.20
KHƯƠNG TUẤN HUY	24/11/1998	29019455	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.60
BÙI THỊ TRANG	01/01/1999	29020116	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 4.20
VŨ THỊ HỒNG CẨM	10/07/1999	29006863	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ HƯƠNG	11/05/1999	29003933	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG QUỲNH ANH	28/04/1999	29017085	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.60
HÀ THỊ HẢO	30/11/1999	29014398	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN ĐỨC HIẾU	11/11/1999	29030463	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 4.40

ĐẶNG THỊ NGỌC ANH	27/02/1999	29021539	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM VIỆT TRUNG	27/10/1999	29023390	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 4.40
PHAN VĂN TÂN	19/02/1998	29015103	Toán: 2.40 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.20
VI VĂN THOONG	15/03/1999	29008455	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.25 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM THỊ NGỌC	25/04/1999	29016175	Toán: 3.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.80
VŨ HOÀNG ANH	03/05/1998	29003610	Toán: 8.60 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.00 Sinh học: 2.00 KHTN: 6.58
NGUYỄN TUẤN ANH	12/11/1999	29027168	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.20
VŨ VĂN TUẤN	03/02/1999	29030909	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 4.40
LÔ VĂN TUẤN	05/08/1999	29014205	Toán: 2.60 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN ĐỨC TUẤN	24/09/1998	29002774	Toán: 7.80 Vật lí: 4.25 Hóa học: 9.00 Sinh học: 8.25 KHTN: 7.17
TRẦN THỊ PHƯƠNG	24/04/1999	29004095	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN THỊ HƯƠNG	26/11/1999	29017991	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN HUY HOÀNG	07/03/1999	29017953	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 2.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.17 Tiếng Anh: 3.40
BÙI THỊ TRANG NHUNG	08/11/1999	29002532	Toán: 3.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.60
BÙI KHẮC NAM	15/09/1999	29007701	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.00 Tiếng Anh: 3.60
LÊ HỮU THẮNG	28/12/1998	29012399	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN TÍN	14/05/1999	29002972	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 7.00 KHTN: 7.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM THỊ LỆ THỦY	10/11/1999	29004656	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 4.60

TRẦN VĂN TUẤN	10/02/1999	29020526	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 2.80
LÌM VĂN MINH	17/02/1999	29013647	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN HỮU HOÀNG	03/08/1999	29014459	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.40
CAO THỊ THƯƠNG	18/06/1999	29006639	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 1.80
PHAN THỊ TÂM	04/08/1999	29030284	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HÀ MY	16/06/1999	29002016	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.00
VÕ THỊ TUYẾT	19/05/1999	29002674	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.00 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 4.40
VI THỊ QUỲNH	06/11/1997	29025309	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.25
VÕ VĂN TIẾN	04/04/1999	29020489	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 2.60
HOÀNG THỊ HƯỜNG	25/12/1999	29007902	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	11/09/1999	29010162	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.50
NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	24/08/1999	29011062	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN ĐÌNH CƯỜNG	02/09/1997	29010724	Toán: 7.80 Vật lí: 7.50 Hóa học: 6.75
HỒ VŨ NGỌC LINH	02/07/1999	29003968	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 5.20
ĐÀM THỊ THUỶ DUNG	18/06/1999	29018746	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 8.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 7.60
DƯƠNG ĐÌNH HOÀNG ANH	04/05/1999	29015389	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.00 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG THỊ HÒA	25/02/1999	29007289	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 6.50 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 3.80

NGUYỄN VĂN PHÁP	15/04/1999	29009816	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ NHƯ	02/02/1999	29028584	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG MINH QUANG	24/01/1999	29004570	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ THU PHƯƠNG	01/09/1999	29030215	Toán: 1.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.40
VŨ THỊ THUYẾT	27/03/1999	29015206	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 8.25 Sinh học: 8.75 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 4.40
HOÀNG THỊ ÁNH	12/08/1999	29005488	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 4.60
BÙI THỊ PHƯƠNG	03/10/1999	29028609	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 4.20
LƯƠNG TRUNG THÀNH	21/08/1998	29013725	Toán: 3.60 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.50 GDCD: 5.00 KHXH: 4 Tiếng Anh: 2.60
HOÀNG THỊ KIM	13/06/1999	29003950	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.40
ĐẶNG THÁI HOÀI THƯƠNG	04/12/1999	29024596	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.75 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 4.00
LÊ VĂN NGỌC	29/08/1998	29001090	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 1.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 2.67 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.25
VI Tú SƯƠNG	07/04/1998	29013713	Toán: 2.20 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.40
CAO THỊ MAI HIỀN	16/05/1999	29013950	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 4.40
LÊ THỊ CHÂU	30/07/1999	29028301	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 6.50 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.40
VŨ XUÂN SƠN	16/06/1997	29019159	Toán: 8.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.00
NGUYỄN HÙNG TÀI	05/07/1999	29026945	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.00
DƯƠNG TRUNG HIẾU	01/12/1999	29025035	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.00

NGUYỄN HOÀNG BẰNG	11/03/1999	29025930	Toán: 9.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN BÁ HIẾU	03/03/1999	29030461	Toán: 8.80 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 2.40
ĐẶNG THỊ HẢI	23/11/1999	29003112	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THANH HUYỀN	03/02/1999	29024783	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 6.50 KHTN: 5.08 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.25
NGÔ THỊ MƠ	21/06/1999	29007044	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.00 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN NHẬT PHƯƠNG	08/08/1998	29022137	Toán: 8.60 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.00
NGUYỄN PHAN TRUNG NGUYỄN	12/02/1999	29024823	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00
NGUYỄN VĂN CHUNG	12/01/1999	29009482	Toán: 5.40 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ ANH	14/02/1999	29015399	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN GIA NHẤT	06/12/1999	29007951	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.92 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 4.40
MAI VĂN THỨC	02/11/1999	29018192	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.83 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.00
XÔNG BÁ HÙA	02/11/1999	29008284	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.00 GDCD: 5.75 KHXH: 3.83 Tiếng Anh: 3.20
LỘC THÁI DUY	04/02/1999	29020605	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.25 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM THỊ THU HƯƠNG	06/06/1999	29022317	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 5.40
PHẠM THANH HÙNG	15/09/1999	29027344	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.20
NGŨ THỊ LAN ANH	10/02/1999	29003036	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH	06/11/1999	29019343	Toán: 3.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.75 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 3.60

NGUYỄN THỊ VÂN	23/12/1999	29011851	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.60
LÊ TRUNG KIÊN	08/03/1999	29010915	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 4.60
PHAN VĂN ĐỒNG	22/10/1996	29027654	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.50
TRẦN VĂN TUẤN	11/08/1999	29001193	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 1.25 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 2.58 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25
LÊ THỊ KHÁNH LINH	06/10/1999	29024407	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 4.40
ĐẶNG THUỖ LINH	16/07/1999	29024400	Toán: 4.80 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 9.25 GDCD: 9.00 KHXH: 9 Tiếng Anh: 6.20
CAO HUY LINH	16/05/1999	29024394	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 3.92 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ NGỌC TRÂM	13/03/1999	29006708	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.20
PHAN VĂN CHÂU	13/06/1999	29015439	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.80
BÙI HỮU QUÂN	26/02/1998	29024844	Toán: 8.80 Vật lí: 8.25 Hóa học: 7.50 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN NHẬT LINH	01/06/1999	29019542	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 8.75 GDCD: 5.75 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 4.00
CAO THỊ HOÀI	12/01/1999	29005646	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.20
LÊ THỊ THƠM	26/06/1999	29030719	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ MỸ HẰNG	17/08/1999	29007857	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 2.80
BÙI GIA THẮNG	15/02/1999	29021317	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.80
KHA THỊ TRÂM	06/10/1999	29020852	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 8.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN QUANG BẢO	13/07/1999	29009070	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN THỊ BÌNH	27/03/1999	29000055	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 5.75 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.00

VI VĂN PHÙNG	14/10/1999	29014101	Toán: 8.80 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 8.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 6.50 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 3.60
ĐỖ THỊ HỒNG NHUNG	12/11/1999	29026408	Toán: 8.00 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 9.40
HOÀNG VĂN BÁU	25/05/1999	29010828	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC	06/04/1999	29026379	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ HẢI HÀ	20/09/1999	29006339	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN THỊ HẰNG	02/12/1999	29029872	Toán: 6.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 9.25 GDCD: 8.50 KHXH: 8.92 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN ĐÌNH CÔNG	27/10/1997	29027213	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN CÔNG SƠN	10/07/1997	29002757	Toán: 8.40 Vật lí: 6.25 Hóa học: 8.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 5.75
NGUYỄN ĐÌNH TRUNG	11/04/1999	29011821	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN ĐÌNH TUẤN	05/04/1998	29016046	Toán: 7.20 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.00 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ HIỀN	30/10/1998	29017227	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 3.25 GDCD: 7.00 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN VĂN BẮC	03/11/1999	29010270	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.50 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ LY NA	10/12/1999	29015040	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 5.20
HOÀNG THỊ VINH	03/03/1999	29027128	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.20
BÙI THỊ LINH	29/10/1999	29014530	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.25 GDCD: 7.00 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN QUỲNH NHƯ'	29/09/1999	29014089	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN ĐÌNH MINH	11/05/1998	29018611	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.00

THÁI QUANG SƠN	31/01/1999	29002916	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 2.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.92 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ THÙY DUNG	22/12/1999	29021617	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.75 KHXH: 8.5 Tiếng Anh: 3.80
PHẠM VĂN CHIẾN	02/09/1999	29016101	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ OANH	17/03/1999	29030185	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN SƠN	12/12/1999	29002585	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ BÍCH DIỆP	13/09/1999	29018383	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.80
LÊ THỊ BÌNH	26/02/1999	29021569	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.00
TRỊNH XUÂN ĐOÀN	10/07/1999	29001280	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN TRỌNG THIẾU	30/11/1998	29001646	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ THỦY	04/04/1998	29011518	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 5.00 KHXH: 3.83 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN KỲ	20/10/1999	29018537	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 4.00
HỒ THỊ THẢO	01/01/1999	29017520	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.00 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THÀNH TOÀN	20/05/1999	29006204	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.25
VÕ TÁ HẠNH	27/08/1999	29024277	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 1.40
TRẦN THỊ HẰNG	18/09/1999	29017219	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.00 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 1.40
MAI THỊ KIỀU TRINH	28/08/1999	29011129	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.80
CHU THỊ ĐOÀI	19/07/1998	29021659	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 4.00

NGUYỄN TIẾN DŨNG	23/05/1998	29012682	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.00 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN THỊ NHUNG	16/01/1999	29017434	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN XUÂN SƠN	08/03/1999	29025229	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN VĂN ĐỒNG	25/01/1999	29026772	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.40
LÊ ĐĂNG THẾ	28/11/1999	29013362	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 5 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.40
PHAN VĂN DŨNG	22/08/1999	29011616	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 2.00
PHAN VÕ HOÀNG ANH	27/03/1999	29010253	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 1.60
TRẦN THỊ THÙY TRANG	15/11/1999	29009324	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.50 KHXH: 3.83 Tiếng Anh: 2.40
LÊ VĂN DƯƠNG	25/05/1995	29027648	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 1.50
THÁI THỊ UYÊN	27/11/1999	29004814	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 8.00 Sinh học: 8.00 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 4.00
CAO ĐĂNG MINH	15/10/1999	29030109	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 4.00
LÊ THỊ THU HIỀN	02/08/1999	29014949	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ THU	12/09/1999	29023005	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.40
LÊ PHƯỚC AN	21/03/1999	29011882	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5 Tiếng Anh: 1.40
LÊ THỊ MÙI	12/06/1992	29010763	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.75 Tiếng Pháp: 2.20
ĐẶNG THỊ TÚ UYÊN	24/07/1999	29003578	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.80
LÔ THỊ SIM	16/01/1999	29003274	Toán: 1.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 5.75 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HIẾN	24/08/1999	29021740	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.25 KHXH: 8.5 Tiếng Anh: 1.60

MAI THU HIỀN	03/07/1999	29000188	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.40
QUANG THỊ NHÀN	28/01/1999	29014650	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN NGỌC ĐỨC	07/10/1999	29029823	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	20/03/1999	29005835	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 4.00
SẦM THỊ KIỀU	09/07/1999	29014012	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.80
LÊ THỊ TUYẾT NHUNG	02/04/1999	29007064	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN HỮU ĐỨC	25/07/1997	29021676	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.00 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.60
LỘC VĂN THẢO	06/06/1999	29003501	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.08 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.00 GDCD: 6.00 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN VĂN THUẬN	15/06/1999	29002101	Toán: 9.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 8.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 8.20
NGUYỄN THỊ HÀ MY	16/01/1999	29009759	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ NGÀ	04/09/1998	29019629	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 2.00 GDCD: 2.75 KHXH: 2.33 Tiếng Anh: 3.60
VŨ TUẤN ANH	22/11/1999	29011252	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 1.80
TRẦN THỊ LIỄU	16/09/1999	29015775	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ TIÊN	05/05/1999	29017567	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ QUỲNH	15/01/1999	29018140	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG HÙNG	01/12/1999	29020301	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 2.80
NGÔ THỊ SƯƠNG	12/05/1999	29005888	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.20

NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	20/01/1999	29007785	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ THÙY LINH	09/04/1999	29026260	Toán: 5.20 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 9.25 Địa lí: 9.25 GDCD: 8.25 KHXH: 8.92 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VĂN TÀI	03/10/1997	29007744	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.40
LÊ THỊ KIM NGÂN	18/06/1999	29007940	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 6.40
NGUYỄN VĂN NGỌC	21/07/1999	29028006	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN NHƯ SƠN	18/02/1999	29020801	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 3.60
TRƯƠNG THỊ LỆ	19/05/1999	29027398	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 5.20
LÊ THỊ TÌNH	28/05/1999	29016994	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.40
VÕ TRƯỜNG GIANG	05/03/1999	29010858	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.40
VÕ THỊ HÀ	02/11/1999	29004400	Toán: 7.00 Ngữ văn: 8.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN THỊ HÀ NGÂN	22/07/1999	29026366	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 8.60
TRẦN THỊ MAI HƯƠNG	08/08/1999	29004479	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN NGỌC ANH	14/09/1999	29025880	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN NHẬT TÂN	01/06/1999	29029593	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 4.40
BÀNH ĐỨC MINH	25/07/1999	29026320	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 5.80
LÊ THỊ KHÁNH CHI	10/02/1999	29009474	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ THÚY	01/11/1999	29002106	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 8.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 4.40

ĐẶNG THỊ THẢO	20/08/1999	29021299	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.17 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN MINH CHIẾN	16/01/1999	29007229	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN XUÂN LÂM	20/01/1999	29027947	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.83 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ BÍCH LỘC	14/02/1999	29022879	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 6.00
HỒ HỮU CHIẾN	14/09/1999	29015442	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 2.80
VŨ XUÂN TRƯỜNG	08/02/1999	29019048	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.60
LƯƠNG THỊ YẾN	17/10/1999	29015375	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN PHÚC KHÁNH	02/01/1999	29000307	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 4.00
PHẠM THỊ NGUYỆT ÁNH	12/06/1999	29025921	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 9.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 3.20
CAO THỊ THANH	15/09/1999	29016941	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 9.25 Sinh học: 9.25 KHTN: 8.33 Tiếng Anh: 6.20
TRỊNH MINH CHIẾN	12/07/1999	29012656	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 1.40
NGUYỄN THANH CƯỜNG	26/05/1999	29026746	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.80
NGÔ THỊ HUẾ	10/02/1999	29005039	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 3 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ YẾN	15/06/1999	29009403	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN TÚ	19/04/1999	29002662	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 4.00
CAO THỊ CHÂU	08/04/1999	29004902	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.20
PHAN THỊ HUYỀN	10/05/1999	29024359	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.20

VÕ THỊ HOA	14/07/1999	29021070	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.25 Hóa học: 2.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 2.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.00
HỒ THÀNH ĐẠT	01/09/1998	29017876	Toán: 8.60 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ HUYỀN	12/09/1999	29022834	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 4.40
LÊ CÔNG KHÁNH	23/07/1999	29016722	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.33 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.40
VÕ VĂN HÙNG	14/06/1999	29021095	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN HỮU DŨNG	01/08/1999	29000654	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 7.67 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 4.20
NGÂN VĂN CHIỀU	06/09/1998	29014312	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN VĂN BÁO	01/07/1999	29019213	Toán: 1.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ THANH	04/01/1999	29009897	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ HƯƠNG	19/08/1999	29028474	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 1.60
LÔ THỊ HIỀN	17/07/1999	29013542	Toán: 1.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 4.75 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN NHẬT	22/02/1999	29000739	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.75 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.40
LÊ ĐÌNH HIỆP	16/05/1999	29022797	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM THỊ HUYỀN TRANG	01/02/1998	29020138	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 5.75 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG THỊ LINH	15/08/1999	29014024	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 5.20
LÊ THỊ NHUNG	18/08/1999	29016209	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THÀNH CÔNG	13/03/1999	29009485	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 4.20

ĐOÀN VĂN TIẾN	05/12/1995	29021520	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00
LÊ TUẤN ANH	25/03/1998	29017623	Toán: 2.40 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ KIỀU TRANG	01/04/1999	29000580	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 5.40
LÊ THỊ THANH	17/11/1999	29016340	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ THU UYÊN	23/02/1999	29015335	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 6.60
NGUYỄN THỊ HOA	22/08/1999	29020288	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 4 Tiếng Anh: 3.80
LÔ VĂN HUYỀN	27/02/1999	29020664	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.00
THÁI THỊ THUỖ DUNG	29/08/1998	29014763	Toán: 3.80 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.50
NGUYỄN THỊ THẨM	05/06/1999	29009919	Toán: 5.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN LAM GIANG	20/10/1999	29026775	Toán: 8.00 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Nga: 8.60
NGUYỄN TRUNG HIẾU	02/02/1999	29012751	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.40
LÊ THỊ YẾN	24/01/1999	29005432	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN THẮNG	06/12/1999	29030695	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 5.50 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.20
TRƯƠNG THỊ VINH	15/02/1999	29022661	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 2.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 7.50 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN PHONG NHÃ	16/06/1998	29010146	Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.75
NGUYỄN KIM QUYẾT	13/04/1999	29007097	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.40
CAO THỊ TỔ MAI	13/08/1999	29013221	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 1.00 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.40

TRẦN THỊ HOÀI	03/03/1999	29029007	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.25 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 4.20
HUỖNH TẤN HÙNG	08/02/1999	29012091	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ QUỲNH MAI	07/08/1999	29014593	Toán: 2.00 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.25 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 3.40
LÂM THỊ PHƯƠNG THẢO	08/02/1999	29003285	Toán: 1.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 5.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.80
LƯƠNG CÔNG NGUYỄN	04/05/1998	29024820	Toán: 8.60 Vật lí: 8.00 Hóa học: 9.25
NGUYỄN THỊ HUYỀN	06/08/1999	29016701	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.00 Hóa học: 1.75 Sinh học: 1.75 KHTN: 1.83 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
ĐINH THỊ HUYỀN	06/02/1999	29017289	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VĂN TAM	07/01/1998	29028643	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN ĐỨC MẠNH	25/01/1998	29007184	Toán: 8.60 Vật lí: 8.00 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN QUỐC BẢO	28/08/1999	29011256	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN NGỌC DUY	22/05/1999	29003753	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.20
HỒ PHI KHÁNH	02/09/1999	29016720	Toán: 10.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 10.00 Sinh học: 10.00 KHTN: 9.33 Tiếng Anh: 6.00
LÊ TRỌNG TIẾN	15/08/1999	29000844	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 6.25 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 2.60
LÊ THỊ HÀ	04/01/1999	29012004	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VĂN SÁNG	10/08/1999	29002059	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 5 Tiếng Anh: 4.60
VÕ THỊ THÙY LINH	27/04/1999	29027423	Toán: 3.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 9.50 GDCD: 9.25 KHXH: 8.92 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	19/10/1999	29023607	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 3.00 GDCD: 6.75 KHXH: 4 Tiếng Anh: 3.40

NGUYỄN AN QUANG HUY	23/05/1998	29015947	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.80
TRẦN MINH QUANG	20/10/1999	29004575	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.33 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN ĐÌNH VINH	28/04/1999	29018310	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.20
XÔNG BÁ LỖ	06/08/1999	29008338	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 5.25 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 4.00
ĐINH VĂN THÀNH	03/06/1999	29024024	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 1.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 7.60
ĐẶNG ĐÌNH SƠN	11/10/1999	29021274	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 1.80
VI THỊ THÚY HẰNG	28/10/1999	29013540	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN QUỐC CƯỜNG	05/08/1999	29003729	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN VĂN DẰN	22/07/1999	29001259	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM THỊ DUNG	22/06/1999	29024966	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ KHÁNH DÂN	20/08/1999	29026752	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.83 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 6.40
TRẦN HỒ MINH THÚY	13/12/1999	29018968	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 9.75 Sinh học: 8.25 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 4.80
HOÀNG GIA LINH	13/06/1999	29023843	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 6.80
NGUYỄN THỊ QUỲNH NHI	15/12/1999	29011444	Toán: 5.80 Ngữ văn: 9.25 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.25 KHXH: 8.5 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ GIANG	14/09/1999	29008680	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ HUYỀN	11/11/1999	29021822	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM ĐỨC DUY	09/09/1998	29013024	Toán: 9.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 9.50
HỒ TRỌNG THỊNH	06/08/1998	29016020	Toán: 9.40 Vật lí: 9.00 Hóa học: 9.00

BÙI TRỌNG SÁNG	13/07/1998	29030343	Toán: 7.20 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.75
NGUYỄN THẾ KỶ	14/04/1999	29018538	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN MAI ANH	08/09/1999	29026726	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.83 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 5.00
LÊ ĐÌNH ĐỨC	15/01/1999	29009526	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ GIANG	01/06/1999	29019321	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.40
HỒ THỊ THƯƠNG	17/08/1999	29020082	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN XUÂN TUYẾN	06/04/1999	29008027	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 3.80
LÊ KHẢ PHÚC	02/12/1998	29018657	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.75 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN TIẾN VIỆT	11/08/1999	29003017	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.00 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 2.80
LÊ MINH HIẾU	22/06/1999	29023185	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 6 Tiếng Anh: 3.80
LÊ BÁ SANG	01/10/1999	29005870	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN THỊ GIANG	18/05/1999	29000988	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.67 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75
NGUYỄN VĂN XƯƠNG	03/04/1998	29014865	Toán: 7.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.50
VŨ VĂN CƯƠNG	20/05/1999	29015463	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.60
ĐÀO VĂN CHIẾN	07/10/1998	29007542	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 3.20
VŨ THỊ HỒNG NGỌC	16/03/1999	29000438	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 7.80
NGUYỄN VĂN LỘC	25/04/1999	29005127	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.40

HOÀNG NGUYỄN TUẤN LINH	21/03/1999	29023845	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ LỢI	30/08/1997	29012195	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.25 GDCD: 7.00 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.00
LÊ THỊ KIM QUY	21/01/1999	29009847	Toán: 1.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.75 GDCD: 7.75 KHXH: 8 Tiếng Anh: 3.00
HÀ THỊ GIANG	01/02/1999	29007596	Toán: 6.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG THỊ HUYỀN	07/03/1999	29014481	Toán: 2.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM KIỀU ANH	05/03/1999	29023582	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 7.40
NGUYỄN THỊ LINH	27/08/1999	29000353	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 4.80
HÀ VĂN NGOAN	24/03/1999	29003217	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.60
VŨ THỊ ÚT DUYÊN	06/10/1999	29005549	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN QUANG THÁI	07/10/1999	29024021	Toán: 8.60 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 4.80
TRƯƠNG VĂN SƠN	26/02/1999	29024561	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 2.20
LÊ THỊ HỒNG NHUNG	15/09/1999	29009227	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.40
LÊ VĂN CƯỜNG	28/08/1999	29003728	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN DOÃN VINH	11/01/1999	29023414	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.50 Sinh học: 7.00 KHTN: 8.42 Tiếng Anh: 4.60
VƯƠNG VĂN HẢI	11/07/1999	29028941	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ THÙY LINH	27/10/1999	29001050	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75
THÁI THỊ HIỀN	18/07/1999	29030457	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 3.20

MAI THỊ MƠ	14/01/1999	29027459	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 6.60
HỒ VĂN CHIẾN	22/08/1999	29015444	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ NHUNG	22/05/1999	29018643	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.00
PHAN THANH THẢO	25/11/1999	29007130	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ HOÀI	04/04/1999	29028429	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.20
PHAN VĂN DŨNG	20/11/1999	29019270	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 5.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN THỊ MINH	15/03/1999	29015872	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN XUÂN BÁCH	10/08/1999	29025352	Toán: 2.20 Ngữ văn: 2.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.00 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.60
VI MINH TƯỜNG	01/08/1999	29020867	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 4 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 5.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN TIẾN MƯỜI	10/08/1999	29005767	Toán: 2.00 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 3.50 GDCD: 6.50 KHXH: 4.08 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG ANH	28/06/1999	29007520	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 2.25 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ NGỌC LINH	15/02/1998	29010123	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 4.00
HÀ THỊ TRÀ GIANG	29/09/1999	29007597	Toán: 1.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.25 GDCD: 6.25 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 3.80
PHAN THỊ MÙI	16/09/1999	29021186	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG TRẦN MẠNH	01/08/1998	29001069	Toán: 5.60 Vật lí: 6.25 Tiếng Anh: 7.60
HỒ THỊ QUỲNH TRANG	05/04/1999	29007163	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.00
CAO THÀNH LỰC	05/09/1999	29007338	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.25 Hóa học: 9.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.67 Tiếng Anh: 5.60

TRẦN TRUNG QUÂN	21/07/1999	29007970	Toán: 6.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 6.25 KHTN: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ THU TRANG	05/04/1999	29026548	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM THỊ HUYỀN	25/08/1999	29012108	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN ĐỨC HUỠNH	27/08/1999	29013999	Toán: 2.40 Ngữ văn: 1.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.25 GDCD: 5.00 KHXH: 3.67 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN THƯỜNG	27/07/1998	29009953	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ THÙY DUNG	24/11/1999	29000095	Toán: 8.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 10.00
NGUYỄN THỊ HÀ	12/01/1999	29021694	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.50 GDCD: 7.25 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG THỊ VÂN ANH	20/11/1999	29025336	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 9.50 GDCD: 7.25 KHXH: 8.58 Tiếng Anh: 5.40
HÀ HỮU HIẾU	02/08/1999	29021063	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 3.00
PHAN VĂN MAY SƠN	16/08/1998	29020802	Toán: 1.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.00 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN QUANG DẦN	11/01/1999	29020588	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 2.25 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 3.20
VÕ THỊ THOA	18/01/1999	29021332	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN PHI DŨNG	29/09/1999	29015487	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.25 GDCD: 4.50 KHXH: 3.75 Tiếng Anh: 2.00
PHẠM QUỐC NGỌC	21/07/1999	29014075	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.40
LƯU ĐÌNH ĐẠT	15/12/1998	29019677	Toán: 8.40 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.25
NGUYỄN DUY HÀ	02/06/1999	29017897	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN ĐÌNH CÔNG	02/06/1999	29028311	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.60

VŨ NGỌC DŨNG	07/07/1999	29017864	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ YẾN	04/09/1999	29007822	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 2.25 GDCD: 1.75 KHXH: 2.17 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN CÔNG TUẤN	20/01/1999	29020186	Toán: 6.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 1.80
TRẦN VĂN TUẤN	07/12/1999	29004788	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.60
HÀ THỊ HOÀI THƯƠNG	20/03/1999	29027003	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 6.80
HỨA THỊ KHÁNH LY	08/08/1999	29010510	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.00 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.20
LÊ HỮU PHƯƠNG ANH	02/01/1999	29023552	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 9.25 Sinh học: 8.75 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 5.80
LÊ ĐÌNH HOÀNG	25/08/1999	29023198	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG THỊ THU	03/10/1999	29010797	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.50
NGUYỄN THỊ MỸ DUYÊN	04/09/1999	29007833	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.83 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 9.60
NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG	07/09/1999	29009316	Toán: 7.40 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 7.00 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 1.20
TƯỞNG THỊ HẰNG	18/03/1999	29008708	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 5.00
HOÀNG ĐÌNH TUẤN	25/10/1999	29017616	Toán: 2.20 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.25 GDCD: 5.75 KHXH: 4.08 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM THỊ NHẬT LỄ	12/02/1999	29029522	Toán: 8.60 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 7.20
HOÀNG VĂN LỢI	03/02/1998	29000716	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.00 Sinh học: 2.00 KHTN: 2.42 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.80
HỒ VIỆT TOẠI	27/09/1999	29025733	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.67 Tiếng Anh: 3.80
LÊ THỊ THU HUYỀN	26/05/1999	29006969	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.60

NGUYỄN TRUNG NGUYỄN	03/09/1999	29023932	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 7.00
NGUYỄN THỊ THÀNH	13/10/1999	29028653	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.50 GDCD: 6.50 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỌ NHẬT	18/12/1999	29006113	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 8.00
NGUYỄN XUÂN TRỌNG	01/02/1999	29022593	Toán: 4.20 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.20
CHU THỊ NGỌC ÁNH	03/12/1999	29002216	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.60
HUỖNH THỊ HIẾU	17/07/1999	29012055	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.58 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.25 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN VĂN ĐỨC	29/03/1998	29008541	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 5.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 6.40
NGUYỄN PHÙNG TRUNG	07/07/1999	29022596	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.00
LÊ THỊ TẮM	28/03/1999	29014137	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN THỊ TRÀ VY	05/09/1999	29019109	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 1.75 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 2.80
VÕ MẠNH TIẾN	27/01/1999	29010700	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.60
VI THỊ HIỀN	22/03/1997	29019381	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN NGỌC TUẤN	14/12/1999	29019070	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 5.00 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.20
ĐỖ THỊ HUYỀN	08/08/1999	29022830	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN NGUYỄN	01/02/1999	29022922	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN SỸ PHÚ	20/08/1998	29012584	Toán: 9.00 Hóa học: 9.00 Sinh học: 10.00
TRẦN THỊ HÀ	02/09/1999	29003111	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.80

ĐẬU THỊ TRANG	14/05/1999	29006691	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG TUẤN ANH	20/04/1999	29010035	Toán: 2.40 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.00
PHAN TẤT HOÀNG	23/10/1999	29011340	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.80
CHU THỊ HUYỀN MAI	13/12/1999	29004003	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.60
LÊ TRỌNG HIẾU	05/09/1999	29020641	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.75 GDCD: 5.75 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN ĐÔN HẬU	13/05/1999	29024291	Toán: 2.20 Ngữ văn: 2.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 5.00
HỒ THỊ THẢO	12/01/1999	29012914	Toán: 7.40 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN THỊ THU HÀ	22/08/1999	29024265	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.25 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN DUY NHẬT	16/10/1999	29023490	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 2.50
LÊ VĂN HỮU	11/12/1998	29006054	Toán: 7.80 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.25
NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH	07/12/1998	29010378	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.40
CAO THỊ LỘC	18/08/1999	29005739	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.20
ĐÀO HẢI LY	20/02/1999	29009734	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 6.25 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 2.40
HỒ THỊ VIỆT	16/03/1999	29016558	Toán: 5.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN VĂN HIẾU	07/11/1999	29005020	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN TRỌNG HÙNG	04/03/1999	29027917	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 3.20
TRƯƠNG QUỐC PHÚ	16/07/1999	29014691	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.60

NGUYỄN THỊ YẾN	15/08/1999	29022678	Toán: 9.40 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 9.00 Hóa học: 10.00 Sinh học: 7.75 KHTN: 8.92 Tiếng Anh: 8.20
ĐẶNG THỊ NGỌC TRÂM	26/01/1999	29011123	Toán: 9.20 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 8.25 Hóa học: 9.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 5.60
NGÔ TRÍ PHƯƠNG NAM	11/05/1999	29004029	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.00 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.00
HỒ XUÂN GIANG	25/07/1999	29004394	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 4.80
TRẦN THỊ NGỌC	05/01/1999	29020389	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 4.80
LƯU THỊ PHƯƠNG THẢO	16/01/1999	29028062	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 5 Tiếng Anh: 8.00
BÙI THỊ HƯỜNG	08/04/1999	29025480	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.40
CAO VĂN SỸ	27/08/1999	29026492	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 2.25 Hóa học: 9.00 Sinh học: 9.00 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 4.60
PHẠM NGỌC QUÂN	13/03/1999	29023992	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 6 Tiếng Anh: 8.40
HỒ THỊ NGỌC ÁNH	31/07/1999	29016081	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.25 Hóa học: 8.00 Sinh học: 7.00 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ HOÀI	25/04/1999	29013155	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 3.00
TRƯƠNG THỊ THU HÀ	21/03/1999	29000146	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ THẨM	28/12/1999	29021316	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.60
LƯU VĂN NGHĨA	28/10/1999	29024819	Toán: 1.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75
ĐINH THỊ QUỲNH TRANG	29/05/1999	29006692	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.50 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 5.40
MAI THỊ YẾN	03/11/1999	29000623	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN THỊ HẬU	26/01/1999	29028394	Toán: 8.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 9.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 4.80

HỒ XUÂN DŨNG	03/11/1999	29023132	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN XUÂN LINH	19/11/1994	29027697	Toán: 1.20 Vật lí: 3.00 Tiếng Anh: 4.20
PHAN THỊ HOÀI	06/06/1999	29000232	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 7.40
NGUYỄN VĂN ĐỒNG	16/04/1999	29005565	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.75 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN CẢNH DŨNG	18/04/1999	29022734	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THÙY VÂN	30/07/1999	29025822	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 8.40
LƯƠNG THỊ DUYÊN	12/07/1999	29024977	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 6.00 KHTN: 6 Tiếng Anh: 3.20
GIÀ BÁ CÂU	21/11/1999	29008163	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.25 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.60
LÊ BÁCH	15/11/1999	29023613	Toán: 9.00 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN VĂN HÙNG	12/03/1998	29028445	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 3.00 GDCD: 7.00 KHXH: 3.92 Tiếng Anh: 3.00
HỒ CHÍ CƯỜNG	08/11/1999	29023636	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VĂN HÀ	10/10/1975	29019693	Toán: 3.20 Ngữ văn: 1.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.25
NGUYỄN ĐỨC HOÀNG	26/01/1999	29024323	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN LÊ DIỆU ANH	27/02/1999	29011897	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.25 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 5.80
HÀ BÙI VƯỢNG	12/11/1999	29000916	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 3.5 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.60
ĐỖ TRỌNG THÙY	02/02/1994	29027771	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25
CAO THANH TÂM	16/09/1999	29005273	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN PHÚC HOÀNG	15/10/1999	29020296	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.58 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.60

LÊ THỊ THÙY LINH	18/11/1999	29009702	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THẢO VÂN	28/10/1999	29029672	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THANH HIẾU CHƯƠNG	08/07/1999	29025964	Toán: 4.80 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 9.50 Địa lí: 9.50 GDCD: 7.50 KHXH: 8.83 Tiếng Anh: 4.80
HOÀNG THỊ HẠNH	23/02/1999	29019339	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 7.00
LÊ VĂN KÍNH	26/06/1999	29017695	Toán: 2.60 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75
LỖ BÁ THỒ	11/03/1998	29013845	Toán: 3.80 Ngữ văn: 1.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 2.50
PHAN HẢI YẾN	27/07/1999	29005433	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN ĐÌNH NAM	06/07/1999	29030118	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.00 KHXH: 8 Tiếng Anh: 5.60
ĐẶNG THỊ HẰNG	18/03/1999	29010872	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ VIỆT HẰNG	13/07/1999	29013539	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 4.60
HỒ HỮU HƯƠNG	09/02/1998	29015706	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.20
LÊ QUỐC TIẾP	20/07/1999	29012453	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.75 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 2.00
LÊ QUANG HOAN	12/11/1999	29001397	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.80
ĐÀO DANH CƯỜNG	18/06/1998	29000645	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 3 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.60
ĐẶNG VĂN ƯỚC	24/04/1999	29009383	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 2.00
TRẦN THỊ HẰNG MƠ	12/04/1999	29009757	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN THỊ HẬU	15/07/1999	29017222	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.00
PHÙNG THỊ LAN VY	12/07/1999	29007503	Toán: 4.40 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 5.00

VŨ HỒ VIỆT	28/07/1999	29011208	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.00 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	20/06/1999	29029163	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 5.60
HỒ THỊ TÚ ANH	14/01/1999	29015395	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.60
XÔNG BÁ TỈNH	27/03/1998	29008437	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN TÚ	14/09/1998	29009045	Toán: 6.40 Vật lí: 5.75 Hóa học: 2.75
NGUYỄN VĂN QUANG	24/12/1999	29030610	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 2.20
LŨI THỊ NHƯ LOAN	18/11/1999	29013622	Toán: 1.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN PHÁT	20/02/1999	29026428	Toán: 9.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 9.50 Hóa học: 9.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 7.67 Tiếng Anh: 5.40
PHAN TẤN DŨNG	21/08/1999	29026001	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 6.20
HOÀNG XUÂN HÙNG	09/05/1999	29010899	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.5 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 4.20
QUẾ THỊ HUỆ	20/07/1999	29003907	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ QUỲ	06/05/1999	29002567	Toán: 3.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.00
PHAN HOÀNG HIỆP	30/05/1999	29025034	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 6.40
PHẠM BÁ PHÚC	09/06/1998	29027724	Toán: 7.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 3.75
NGUYỄN THỊ TUYẾT NHUNG	01/11/1999	29019907	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.20
BÙI THỊ TOÀN	15/01/1999	29018203	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 7.40
CÙ THỊ VUI	25/07/1999	29016565	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN ĐỨC DUY	10/04/1999	29025374	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.00

NGUY THỊ KIM TUYẾN	14/03/1998	29013083	Toán: 3.80 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 3.50 GDCD: 5.00 KHXH: 3.25 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN THỊ NHỚ	21/11/1999	29001544	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.75 KHXH: 8.5 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN VĂN LỢI	26/02/1998	29021159	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.60
PHAN VĂN ĐỨC	12/08/1999	29014368	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.75 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 4.00
BÙI GIA ĐỨC	17/07/1999	29019301	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 6.80
TRẦN VĂN DUY	25/09/1999	29028901	Toán: 1.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.75 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 2.00
PHÙNG THỊ HOA	18/07/1999	29027322	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.40
CAO THỊ LÊ	10/02/1999	29000331	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 1.80
VÕ MINH THẮNG	28/10/1999	29025658	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 7.60
NGUYỄN PHAN ANH TUẤN	06/04/1999	29013793	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 7.00 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.00
TRƯƠNG VĂN KỶ	17/12/1999	29019511	Toán: 3.80 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.60
HỒ THỊ NGỌC ANH	25/02/1999	29005474	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 9.25 GDCD: 8.25 KHXH: 8.33 Tiếng Anh: 6.00
ĐOÀN VĂN SƠN	07/07/1999	29006588	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.33 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ XUYẾN	09/08/1999	29009401	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.80
NGÔ THỊ THẢO	21/06/1999	29005295	Toán: 5.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.50 KHXH: 8 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN VĂN HÙNG	28/10/1999	29026151	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN KHẮC ĐẠI	21/08/1999	29021639	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 9.25 Địa lí: 9.25 GDCD: 9.50 KHXH: 9.33 Tiếng Anh: 2.20

NGUYỄN THẾ ANH	23/08/1999	29012618	Toán: 1.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.60
LÊ THỊ QUỲNH	04/06/1999	29021257	Toán: 2.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.50 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ GIANG	07/03/1999	29001293	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.40
ĐÀO XUÂN ĐỨC	15/06/1998	29002293	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.60
CÙ NGỌC THÔNG	27/08/1999	29018179	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 1.80
LÊ VIẾT KHÁNH	08/11/1999	29003427	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ GIANG	07/05/1999	29029840	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN HỮU BẢO NGỌC	09/10/1998	29025562	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.00 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 1.80
VÀ BÁ GIỜ	25/10/1999	29025012	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 2.80
BÙI THỊ DUYÊN	06/10/1999	29022219	Toán: 9.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 9.00 Sinh học: 9.00 KHTN: 8.25 Tiếng Anh: 5.20
TRẦN THỊ HƯỜNG	01/04/1997	29015955	Toán: 5.80 Hóa học: 7.50 Sinh học: 6.50
NGUYỄN NGỌC ÁNH	12/04/1999	29022185	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 6.50 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 3.00
HỒ SỸ QUANG HẢI	26/03/1999	29019334	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 5.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HUYỀN THƯƠNG	24/08/1999	29029617	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ HUỆ	22/04/1999	29028441	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 5.60
PHẠM ĐÌNH KHUÊ	20/05/1999	29030021	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 9.50 GDCD: 8.00 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ ANH	06/10/1999	29003038	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.80

HỒ VIỆT LÊ	27/07/1999	29026229	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.50 GD&CD: 8.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.60
VI THANH HIẾU	24/05/1998	29012567	Toán: 6.20 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.50
TRẦN THỊ MỸ LINH	17/05/1999	29026863	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.5 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GD&CD: 7.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 7.40
TRẦN HOÀNG ANH	12/07/1996	29024713	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 1.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 2.92 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50
THÒ BẢ XÊNH	06/11/1999	29008501	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 2.75 GD&CD: 2.75 KHXH: 2.67 Tiếng Anh: 2.20
BÙI THỊ HƯƠNG	06/12/1998	29012117	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00 GD&CD: 6.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ THÚY	11/07/1999	29008006	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 2.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 2.25 KHTN: 2.33 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GD&CD: 6.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.60
BÙI HUY DƯƠNG	04/02/1999	29007250	Toán: 8.00 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN THỊ HÀ	09/09/1999	29017898	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 6.50 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ NGÀ	16/04/1999	29021934	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.25 GD&CD: 8.75 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 3.40
LÊ VĂN DŨNG	08/07/1999	29023134	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.42 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GD&CD: 6.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ THANH NGÂN	17/05/1999	29014064	Toán: 1.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GD&CD: 7.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.00
LƯƠNG THỊ KHÁNH LY	02/08/1999	29010511	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GD&CD: 8.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ VINH	17/11/1999	29009390	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GD&CD: 7.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.40
CHÂU THỊ TÚ LY	09/09/1999	29008817	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GD&CD: 7.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG THỊ UYÊN	01/09/1999	29010013	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.50 GD&CD: 6.50 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.60
PHAN BẢ HOÀNG	12/02/1999	29023770	Toán: 9.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.67 Tiếng Anh: 5.40

NGUYỄN THỊ HIỀN	12/09/1999	29030455	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 5.20
PHẠM THỊ HUYỀN	05/08/1999	29003158	Toán: 2.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.80
LÊ THỊ THÚY VÂN	09/10/1999	29020875	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN DUY TUẤN DŨNG	29/10/1999	29030408	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 8.25 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN ĐÌNH TRỊ	20/04/1997	29010204	Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.00
NGÔ XUÂN TÚ	16/11/1997	29024658	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN NGỌC GIANG LAM	06/06/1999	29016738	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM HOÀI THƯƠNG	01/11/1999	29008982	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ NHUNG	12/08/1999	29021972	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM XUÂN CHIẾN	04/01/1999	29004345	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 6.80
DOÃN TUẤN ANH	12/03/1999	29027151	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.80
TRỊNH HÀ UYÊN	01/11/1999	29007492	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.58 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN VĂN HÙNG	27/01/1994	29025274	Toán: 4.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 9.50
TRƯƠNG QUỐC VIỆT	07/10/1999	29015350	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	02/06/1999	29011106	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.25 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 5.60
TRẦN VĂN THÔNG	16/11/1999	29021334	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN ĐỨC	18/04/1999	29004954	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 9.00 Hóa học: 8.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 3.40

NGUYỄN QUỲNH TRANG	04/11/1999	29000576	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN VĂN HƯNG	15/10/1997	29022118	Toán: 8.20 Vật lí: 9.00 Hóa học: 9.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 7.42
HỒ THỊ AN	29/12/1999	29008587	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN VIỆT NGỌC	01/11/1999	29001093	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 2.00 Hóa học: 1.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 2.42 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.25
ĐẶNG VĂN CƯỜNG	07/12/1998	29017637	Toán: 8.40 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.25
BÙI QUANG HUY	12/12/1999	29000264	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 1.80
NGÔ THỊ DUNG	20/05/1999	29011609	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 7.00 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 5.80
HOÀNG VĂN LỘC	19/06/1999	29018577	Toán: 4.60 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ XUÂN	23/11/1999	29023090	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.40
CHU THỊ SÁNG	07/04/1998	29021263	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 5.00
PHẠM CÔNG THẮNG	29/05/1999	29025667	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 4.80
PHAN XUÂN CƯỜNG	21/11/1999	29014323	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.25 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ HOÀI THƯƠNG	28/11/1999	29000838	Toán: 9.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 6.5 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 4.00 KHXH: 3.67 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN HÓA	10/06/1998	29010413	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 1.60
NGUYỄN TRỌNG HÀO	18/04/1999	29026069	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.75 Sinh học: 8.50 KHTN: 8.92 Tiếng Anh: 8.60
PHẠM VĂN GIANG	02/02/1999	29025010	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 3.00
NGÂN VĂN CHUNG	12/03/1999	29011951	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.92 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.20

NGUYỄN THỊ HÒA	03/02/1999	29018797	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.50 KHXH: 5.67 Tiếng Pháp: 3.80
HÀ VĂN CÔNG	20/06/1999	29013485	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 6.75 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	24/07/1999	29025513	Toán: 4.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 6.40
NGUYỄN THỊ LINH	09/04/1999	29028510	Toán: 9.00 Ngữ văn: 8.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 10.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 7.75 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN VĂN HOÀNG	20/07/1999	29001403	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.40
VI THỊ YẾN	05/06/1999	29003607	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 1.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.60
ĐỖ QUANG TÀI	04/08/1999	29013323	Toán: 4.20 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.58 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.60
LÊ HOÀI NAM	22/01/1999	29009212	Toán: 7.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.00
ĐÀO THỊ THÙY LINH	08/09/1998	29029367	Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.75
TRẦN THỊ OANH	18/10/1999	29028591	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 5 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN VĂN TRỌNG	02/06/1999	29022592	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.20
VÕ TRỌNG KHÔI	28/05/1999	29009174	Toán: 7.80 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 2.40
VI VĂN TRƯỜNG	11/09/1999	29020175	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ YẾN	16/08/1999	29011878	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 6.25 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 3.60
HÀ QUANG TRƯỜNG	24/04/1999	29006733	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 6.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN NGUYỄN HIẾU	03/09/1999	29005640	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.20
VÕ VĂN HOÀN	30/06/1999	29025048	Toán: 7.60 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 1.75 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 3.60

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	20/05/1999	29009243	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 1.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 2.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HƯƠNG	20/11/1998	29027378	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG NGỌC SƠN	11/07/1999	29000507	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.25 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN THẢO	25/08/1999	29005300	Toán: 3.40 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.00
GIÀ Y ĐỎ	26/02/1999	29020614	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 2.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.5 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 2.25 GDCD: 5.00 KHXH: 3.42 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN VĂN QUÝ	24/05/1999	29006141	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75
NGUYỄN CÔNG BẢO	05/02/1999	29025927	Toán: 9.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 8.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 8.60
HOÀNG THỊ MỸ	28/06/1999	29002512	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.60
VÕ VĂN TÚ	05/10/1998	29019054	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.40
ĐỖ TIẾN DŨNG	08/05/1999	29002268	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 8.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 8.20
NGUYỄN VIỆT HOÀNG	10/08/1999	29023768	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 1.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 2.5 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	24/03/1999	29028153	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 5.00
LÊ HUY NHẬT	12/06/1999	29021208	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 6.00 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN AN	02/11/1999	29019174	Toán: 4.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ HUYỀN	02/12/1999	29029031	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ TRÀ GIANG	19/06/1999	29011638	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 6.25 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN ĐĂNG NGUYỄN	14/07/1999	29011433	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.80

VÕ THỊ THƯƠNG	04/01/1999	29004684	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.00
LÊ THỊ THƠM	27/02/1999	29021336	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 2.60
LƯU THỊ NHƯ QUỲNH	27/05/1999	29025220	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.60
LÊ HẢI ÚT	20/11/1999	29015329	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THANH TÂM	23/06/1998	29016008	Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 9.00
NGÔ SỸ BÁCH	24/09/1999	29004890	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM TIẾN ĐẠT	11/06/1999	29026022	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 9.00
HỒ THỊ THIỆN	26/08/1998	29017767	Toán: 7.80 Vật lí: 9.00 Hóa học: 7.50
BÙI ĐẠI DƯƠNG	27/12/1996	29027646	Toán: 2.80 Ngữ văn: 1.75 Lịch sử: 3.50
BÙI THỊ HUYỀN	25/02/1999	29029025	Toán: 4.80 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 9.00 GDCD: 7.75 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 3.80
TẠ THỊ HỒNG CHUYÊN	11/08/1999	29011953	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 8.80
LƯƠNG THỊ OANH	07/03/1998	29014093	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.60
HÀ THỊ HẢI YẾN	15/10/1999	29029689	Toán: 7.80 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 8.80
VỪ Y DỠ	06/05/1997	29013493	Toán: 1.60 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 2.25 GDCD: 4.00 KHXH: 2.92 Tiếng Anh: 2.80
TRƯƠNG NHƯ PHI	18/01/1998	29027527	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN XUÂN PHÚ	07/02/1997	29017733	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.60
HOÀNG VĂN LƯU	16/02/1999	29015835	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 9.25 GDCD: 8.50 KHXH: 8.75 Tiếng Anh: 4.20
PHẠM NGỌC KHÁNH	07/08/1998	29010113	Toán: 2.00 Ngữ văn: 2.00 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.00

ĐẶNG THỊ PHƯƠNG	06/05/1999	29018660	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.80
TRẦN HÙNG NGHĨA	15/09/1999	29023923	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 9.00
NGUYỄN VĂN PHONG	16/02/1999	29011005	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 2.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 2.92 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.00
PHAN THỊ VY	05/01/1999	29011868	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 3.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.80
ĐẶNG THỊ HƯƠNG	17/12/1999	29029040	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.00
TRƯƠNG THỊ HẠNH	15/10/1999	29019344	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.75 GDCD: 9.50 KHXH: 8.67 Tiếng Anh: 3.80
BÙI THỊ THANH TÚ	21/10/1999	29024656	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.60
PHẠM VĂN QUÂN	14/03/1999	29001118	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 2.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.25
NGUYỄN HỮU THẮNG	25/08/1999	29024578	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.40
PHẠM HỮU TUẤN ANH	05/03/1999	29025895	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN TRỌNG CHÚC	29/10/1999	29028307	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 9.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 4.80
VÕ THỊ THẢO	22/07/1999	29018927	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM VĂN THÔNG	04/06/1998	29014841	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.40
NGÔ THỊ TRANG	04/06/1999	29011814	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 6.75 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VĂN HOÀNG	09/05/1999	29007881	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 2.60
LÊ THỊ HOÀI THU	05/11/1999	29025707	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 6.20
TRẦN VĂN CHIẾN	06/11/1999	29021583	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.00

LẦU Y LÝ	16/02/1999	29008339	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.25 GD&CD: 4.75 KHXH: 3.83 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ MẶN	21/04/1999	29003456	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN THỊ THU HẰNG	26/01/1999	29012038	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG VĂN NHẬT	16/12/1995	29027718	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.75
CAO THIÊN ĐỨC	25/06/1999	29003381	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 4.00
VĂN THỊ NGUYỄN	14/02/1999	29016840	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 6.50 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN HỒNG SƠN	02/03/1999	29007738	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GD&CD: 8.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ THU	07/01/1998	29017770	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.25 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ NHÀN	15/04/1999	29029556	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 7.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 7.80
NGUYỄN THỊ MINH HIẾU	19/04/1999	29026093	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 7.60
TRẦN MINH HIẾU	04/06/1999	29030468	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN KHẮC GÒN	20/03/1999	29006922	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.25 GD&CD: 8.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 1.20
NGUYỄN ĐÌNH CHIẾN	20/12/1998	29010278	Toán: 1.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GD&CD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.00
HỒ XUÂN TÀI	26/04/1999	29026493	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 4.60
CHẾ ĐÌNH QUANG	09/03/1999	29027542	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.50 GD&CD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THÁI BÌNH	09/05/1999	29001837	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN NGỌC DIỆP	29/03/1999	29024193	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.75 GD&CD: 7.75 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 5.20

HOÀNG ĐÌNH HUY	01/02/1999	29002405	Toán: 7.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 3.20
QUÁN THỊ HUYỀN	01/01/1999	29014486	Toán: 7.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.00 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 8.60
HỒ TÚ ANH	09/11/1999	29015397	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.20
VY THỊ QUYÊN	24/05/1999	29014116	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 5 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN ĐÌNH QUỐC	20/08/1999	29028614	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 2.60
LÊ THỊ CẨM TRÀ	21/12/1999	29002121	Toán: 6.80 Ngữ văn: 9.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 9.20
BẠCH THỊ CHUNG	19/09/1999	29025362	Toán: 4.80 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ THÚY	28/05/1999	29001164	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.67 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.00
NGUYỄN HỮU THẮNG	02/09/1999	29021320	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THANH DUY	04/06/1999	29024212	Toán: 5.80 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 1.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.33 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 8.00
LÊ MINH HIẾU	20/11/1999	29013141	Toán: 5.40 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN DUY NGỌC	10/01/1999	29002524	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.60
TỪ THỊ QUỲNH	28/02/1999	29019970	Toán: 5.00 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN VĂN ĐỒNG	13/04/1993	29000980	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.83 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.75
PHẠM HUY HÙNG	10/03/1999	29018813	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 2.20
HÀ THỊ THÚY VINH	31/03/1999	29024688	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN VĂN HÙNG	01/08/1999	29002729	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.67 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.00

NGUYỄN VÕ BÁ HOÀNG	19/07/1999	29007882	Toán: 5.80 Ngữ văn: 2.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 4 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.50 GD&CD: 6.25 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG THỊ NGOAN	01/12/1999	29028560	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GD&CD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.80
THÁI THỊ THÙY DƯƠNG	25/01/1999	29001270	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GD&CD: 8.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM MINH DŨNG	04/09/1999	29016122	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ SEN	06/10/1999	29016303	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GD&CD: 7.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.60
VÕ QUANG TÚ	04/10/1999	29002665	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GD&CD: 7.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.80
THÁI VĂN KHANG	02/05/1999	29029054	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GD&CD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN TRƯƠNG CÔNG HOÀNG	11/02/1999	29017952	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 9.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 5.40
LÊ THỊ LINH	28/09/1999	29000343	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.25 GD&CD: 8.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.80
VỪ BÁ CỬ	15/11/1999	29008199	Toán: 2.60 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 2.50 GD&CD: 4.25 KHXH: 2.92 Tiếng Anh: 2.40
HOÀNG KHÁNH LINH	15/08/1999	29023844	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 8.20
TRƯƠNG SỸ TÚ	25/11/1997	29005464	Toán: 5.80 Vật lí: 3.00 Hóa học: 4.50
NGUYỄN HOÀNG NHẬT	10/05/1998	29010769	Toán: 4.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25
ĐẶNG VĂN KHANH	29/04/1999	29029513	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 4.60
VÀ BÁ XÊNH	11/08/1996	29013813	Toán: 3.00 Ngữ văn: 1.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 3.50 GD&CD: 3.50 KHXH: 3.08 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ THỦY	26/08/1999	29028707	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GD&CD: 8.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.60
HỒNG VĂN NAM	17/11/1999	29021192	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 4 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GD&CD: 5.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.40

PHAN THỊ CẨM TÚ	03/03/1999	29028766	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.80
MAI THỊ DUNG	01/10/1999	29011275	Toán: 6.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 5.40
LÊ CÔNG THAO	21/07/1999	29016351	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN ĐÌNH HIẾU	19/05/1999	29025435	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.83 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.40
ĐINH THỊ THÚY HẰNG	07/09/1999	29008702	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN LUYẾN	05/05/1998	29029108	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.20
LÊ THỊ THƠM	14/07/1999	29016968	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 5.20
TRẦN QUỐC THÀNH	16/11/1998	29024862	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.08 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 4.25
LÔ THỊ KIỀU	12/05/1999	29013595	Toán: 1.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.00
PHẠM THỊ THU TRANG	21/11/1999	29004727	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 5.40
BÙI NGỌC ANH	09/09/1999	29027150	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN THỊ THƯƠNG	23/06/1999	29003324	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN MỸ TRƯỜNG	22/02/1998	29001707	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.80
VŨ TIẾN DŨNG	27/01/1999	29003752	Toán: 3.60 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.60
BÙI THỊ PHƯƠNG TRANG	18/03/1998	29013073	Toán: 5.80 Ngữ văn: 3.75
NGUYỄN THỊ MỸ TIÊN	18/06/1999	29027010	Toán: 8.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 8.60
ĐẶNG THỊ HÀ	22/06/1999	29021017	Toán: 9.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 7.60

HỨA DOÃN HÙNG	02/09/1998	29021473	Toán: 7.80 Vật lí: 8.75 Hóa học: 7.00
PHẠM THỊ TRANG	29/11/1999	29023381	Toán: 8.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 7.25 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN VĂN TÀI	03/07/1999	29007112	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ PHƯƠNG CHI	21/05/1999	29011941	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.92 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 6.60
HỒ THỊ HẰNG	13/06/1999	29027890	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN VĂN MẠNH	18/10/1999	29009748	Toán: 3.40 Ngữ văn: 1.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.25 GDCD: 5.00 KHXH: 3.75 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ THÚY	03/08/1999	29023011	Toán: 7.00 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 7.80
LÔ THỊ QUÝ	28/02/1999	29003255	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN QUỐC KHÁNH	04/04/1999	29005080	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 2.80
PHAN ANH QUỐC	04/12/1998	29001119	Toán: 9.00 Hóa học: 9.25 Sinh học: 9.25
NGUYỄN ĐẠT PHỐ	24/11/1999	29019927	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	23/09/1999	29026039	Toán: 5.60 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 9.50 GDCD: 8.25 KHXH: 8.83 Tiếng Anh: 9.40
VŨ THỊ MINH TRANG	29/01/1999	29024639	Toán: 8.60 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 10.00
LÊ THỊ VIỆT ANH	24/01/1999	29009422	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 1.80
PHAN THỊ HẢI	10/09/1998	29006005	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.25
VÕ THỊ PHƯƠNG THẢO	25/06/1999	29026979	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 6.60
TRẦN THỊ THỦY TIÊN	14/04/1999	29003326	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.80
VI THỊ CHUNG	11/11/1999	29020579	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.00 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.60
BÙI TRƯỜNG SƠN	13/11/1999	29017751	Toán: 1.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.00

NGÔ THỊ OANH	03/03/1999	29011748	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.80
LÊ THỊ THẨM	26/04/1999	29002090	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 7.00 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN PHƯƠNG KIÊN	01/11/1995	29025279	Toán: 6.40 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.75 Tiếng Anh: 4.20
LÊ XUÂN VINH	26/03/1999	29018306	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ TÂM	28/04/1999	29006601	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 3.00
LÊ ĐỨC MẠNH	02/02/1999	29007346	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 3.20
NGÔ QUỐC BẢO	05/03/1999	29020561	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.00
VÕ VĂN TUẤN	26/12/1999	29009364	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN KHÁNH LINH	26/10/1999	29003443	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 6.25 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.60
LÔ THỊ VÂN	04/01/1999	29015340	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 3 Tiếng Anh: 2.40
BÙI THỊ THANH THÚY	11/06/1999	29016979	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN ANH TÀI	26/12/1999	29027588	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.40
NGÔ SỸ NAM	20/04/1999	29005160	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.92 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ THƯƠNG	03/06/1999	29006645	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.75 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.60
NGÔ THỊ LINH	22/11/1999	29004501	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 4.60
ĐẶNG VĂN TUẤN	10/08/1996	29025331	Toán: 3.00 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 5.25
PHẠM VĂN THẮNG	06/01/1999	29002952	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 2.80

ĐẬU ĐỨC PHỤNG	09/01/1999	29016877	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 2.60
HOÀNG ĐỨC THẢO	02/10/1999	29018913	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 5.00
TẶNG VĂN HIẾU	19/03/1998	29005443	Toán: 7.60 Hóa học: 8.00 Sinh học: 8.50
PHAN VĂN CƯỜNG	15/07/1998	29024192	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 5.60
ĐẬU THỊ LÊ	29/03/1999	29011381	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ HUYỀN	08/06/1999	29022306	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 2.40
ĐÀM TUẤN AN	30/05/1999	29004858	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.00
LƯƠNG VĂN CHIẾN	29/09/1999	29008177	Toán: 2.40 Ngữ văn: 2.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.20
LỮ VĂN HIỆP	13/09/1998	29008544	Toán: 3.40 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.00
LƯƠNG THỊ THUẦN	06/07/1999	29003308	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.20
HỒ THỊ LỢI	08/12/1999	29001991	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 2.40
TỪ ĐỨC ANH	28/02/1999	29008610	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 1.80
ĐINH VĂN TÙNG	02/10/1998	29004302	Toán: 5.20 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.17
NGUYỄN VĂN HẢI	19/08/1999	29027284	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.00
HỒ BÁ THẮNG	10/01/1999	29016956	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 3.40
NGÔ SỸ TRƯỜNG	21/01/1999	29012974	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.80
NGÔ THỊ HƯỜNG	20/08/1999	29010448	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.80
LÊ THỊ DỊU NGỌC	09/11/1999	29018076	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.25 Sinh học: 1.50 KHTN: 2.33 Tiếng Anh: 2.00

PHẠM ĐÌNH QUÂN	17/10/1999	29027548	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.40
BÙI ĐỨC PHÚC	07/08/1998	29017734	Toán: 3.20 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.75
HỒ SỸ DŨNG	06/10/1998	29001750	Toán: 6.40 Vật lí: 6.75 Tiếng Anh: 6.20
TRẦN THỊ TUYẾT	01/07/1999	29013797	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ ANH	16/04/1999	29019185	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN VĂN NINH	16/09/1999	29007374	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 5.00
PHAN THỊ ĐƯỜNG	01/01/1999	29021678	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG THỊ TUYẾT	02/01/1999	29007807	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 4.40
LÊ VĂN LỘC	14/11/1999	29010504	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 5.20
HÀ THÙY TRANG	12/11/1999	29017000	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.25 Sinh học: 2.25 KHTN: 2.58 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN VĂN THANH	03/06/1999	29017509	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.20
PHAN THỊ KHÁNH LINH	28/06/1999	29026272	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN VĂN KHOA	23/12/1999	29016731	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 1.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN HỒNG SƠN	15/06/1999	29004136	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 9.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.00
LƯƠNG CÔNG THẮNG	08/10/1999	29013736	Toán: 1.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.75 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 3.40
HỒ TRỌNG HIẾU	28/02/1999	29026097	Toán: 8.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 9.50 Hóa học: 9.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 8.25 Tiếng Anh: 6.40
NGÔ THỊ QUỲNH NHƯ	31/10/1999	29026418	Toán: 8.60 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.50 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 9.20
VƯƠNG LÝ ĐỨC	05/08/1999	29026036	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 4.20

HOÀNG ĐỨC THẮNG	16/04/1999	29012398	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ HOA	12/10/1999	29006379	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.00
HÀ VĂN VIỆT	10/01/1999	29020213	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.80
LÊ THỊ THẢO LY	20/06/1998	29025288	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.25
ĐẶNG ĐÌNH ĐỒNG	13/05/1999	29013114	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.25 Tiếng Pháp: 1.80
NGUYỄN THỊ HÒA	16/09/1999	29029919	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN DUY QUÝ	18/08/1997	29029388	Toán: 7.80 Ngữ văn: 8.75 Tiếng Anh: 9.40
NGUYỄN THỊ THÙY DUNG	25/04/1998	29017645	Toán: 6.20 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.67
NGUYỄN THỊ THƯƠNG	24/10/1999	29008009	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 6 Tiếng Anh: 3.60
PHÙNG ĐỨC MẠNH	25/04/1999	29027985	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 1.80
PHẠM HỒNG THƠM	09/05/1999	29022477	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.00
PHẠM THỊ VÂN ANH	22/01/1998	29027170	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 2.60
PHẠM THỊ NGỌC	29/12/1999	29029552	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 4.20
LÊ CÔNG HIẾU	17/01/1999	29014432	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.40
HOÀNG THỊ NA	15/01/1999	29029129	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.50 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN QUỲNH ANH	07/01/1999	29023568	Toán: 4.80 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN XUÂN QUÂN	06/07/1999	29030615	Toán: 8.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN XUÂN THÁI	05/09/1999	29022069	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.40

TRẦN THỊ HUYỀN	13/05/1999	29005060	Toán: 8.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 9.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 4.80
HOÀNG VĂN NGHĨA	11/04/1999	29027478	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.20
ĐẶNG THÙY NGÀ	12/04/1999	29020725	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HẠNH	02/01/1999	29006350	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VĂN ANH	17/06/1999	29025894	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 6.40
BÙI THỊ HỒNG NHUNG	24/11/1998	29001100	Toán: 5.60 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 6.50 KHTN: 5.42
NGUYỄN THỊ HẠ	09/07/1999	29015559	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 4.20
LÊ THẠC NAM	29/06/1999	29016813	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 2.60
CHU CÔNG NGHĨA	24/03/1998	29005177	Toán: 1.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 2.75 GDCD: 6.75 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 1.80
VI THỊ MAY THUYỀN	16/02/1999	29020833	Toán: 1.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.40
HỒ THỊ MỸ NGUYỄN	21/07/1999	29016180	Toán: 6.40 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 5.00
LÊ THỊ THIỀN	20/02/1999	29001643	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ NHUNG	09/03/1999	29012290	Toán: 2.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.80
ĐÀO TẤT LƯƠNG	19/03/1999	29001994	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 2.40
VŨ VĂN THÀNH	08/04/1999	29006608	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.58 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN NGỌC ĐỨC	26/12/1999	29001887	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 4.00
HỒ SỸ MẠO	28/10/1999	29001505	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.40

LÊ TRÍ DŨNG	28/10/1997	29019668	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 2.75 Lịch sử: 5.25 Tiếng Anh: 2.60
PHẠM THỊ QUỲNH	16/11/1999	29011034	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 6 Tiếng Anh: 4.60
TRỊNH VĂN ANH KHẢI	20/03/1999	29013191	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.58 Tiếng Pháp: 2.60
NGUYỄN THỊ MAI	14/01/1999	29002492	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN ĐỨC NHẬT	08/02/1999	29011441	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN ĐIỀU LINH	31/10/1998	29002737	Toán: 6.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 6.25
ĐẬU THỊ DUNG	05/01/1999	29015475	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.40
TÔ THỊ BÍCH	26/04/1999	29029729	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN TRỌNG PHƯƠNG	31/07/1999	29027535	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ HUYỀN	08/03/1999	29003156	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 1.80
ĐẬU NGỌC TRUNG	10/01/1999	29024650	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.08 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 7.00
HỒ THỊ QUỲNH MAI	11/07/1999	29000395	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.80
VÕ NHẬT THIẾU	05/10/1999	29002097	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	25/08/1999	29028043	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 9.80
NGUYỄN THANH BÌNH	13/10/1999	29017836	Toán: 9.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ TRƯỜNG	16/06/1999	29028762	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.50 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 5.40
PHẠM HỒNG QUÂN	22/01/1999	29026464	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 9.60

BÙI VĂN HOÀNG	15/10/1998	29003887	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.20
LÊ THỊ MINH ANH	17/07/1999	29020927	Toán: 8.80 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 5.60
LÊ XUÂN CƯỜNG	16/02/1999	29010290	Toán: 7.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VIỆT NHẬT	11/04/1998	29010770	Toán: 7.60 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.00
TRẦN VĂN TUẤN	15/12/1999	29029660	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.25 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ HIỀN	01/01/1999	29029894	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 9.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ LINH	04/10/1999	29010495	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN NHẬT HOÀNG	20/11/1998	29026805	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.40
CHU THỊ THÙY TRANG	26/04/1999	29004710	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN VĂN HÒA	01/01/1999	29012066	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 3.00
PHAN VĂN AN	13/05/1999	29017078	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.40
VI XUÂN QUỲNH	26/09/1999	29013704	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.20
CHU VĂN TÚ	29/09/1999	29018235	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN THỊ THU UYÊN	20/10/1999	29003581	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.60
PHẠM VIỆT QUYẾT	01/01/1999	29008907	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.20
PHẠM TRỌNG NAM	11/09/1999	29007047	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.80
BÙI THỊ OANH	05/05/1999	29021977	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 1.80

NGUYỄN THỊ THÙY DUNG	23/01/1999	29003746	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN THỊ HẰNG	08/04/1999	29008707	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.50 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 5.00
LÊ ĐÌNH DUẤN	18/04/1999	29026755	Toán: 4.80 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.67 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ HỒNG VÂN	17/08/1999	29018291	Toán: 2.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.60
ĐINH VĂN MẠNH	25/05/1999	29018847	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 3.20
HỒ SỸ LỘC	23/01/1999	29006075	Toán: 2.60 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.50
TRẦN HOÀI NHẬT	19/08/1999	29026396	Toán: 10.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 9.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 3.40
CHU ĐỨC CƯỜNG	15/02/1999	29024954	Toán: 7.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 2.80
PHAN THỊ HỒNG NHUNG	24/05/1999	29018098	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 6.25 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 5.20
TRẦN HỮU MẠNH	21/09/1999	29002007	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.40
LƯƠNG THẾ KHẢI	19/07/1999	29025484	Toán: 2.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 9.25 GDCD: 6.00 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 3.80
HỒ THỊ HỒNG	17/01/1999	29018806	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 9.25 KHXH: 6.17 Tiếng Pháp: 3.40
LÊ THỊ YẾN	05/08/1999	29016579	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ THẢO	26/11/1999	29001631	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN THỊ PHÙNG TOÀN	11/06/1999	29021367	Toán: 7.60 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 7.40
TRẦN HOÀNG BẢO	27/11/1999	29024940	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 3.60
HỒ THỊ HẰNG	02/06/1999	29016605	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 2.60

LÔ THỊ UYÊN NHI	09/05/1999	29020747	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.33 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN ANH TUYẾN	10/01/1999	29004793	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.58 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.60
HÀ VĂN HÙNG	19/01/1999	29019444	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ TÚ ANH	05/09/1999	29020935	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.20
CAO KHẮC TRỌNG	03/06/1999	29006211	Toán: 3.40 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25
ĐINH VĂN SANG	15/01/1999	29009860	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ ĐÀO	13/05/1999	29002796	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.58 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN VĂN HÙNG	08/08/1999	29029967	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN QUỐC CƯỜNG	05/01/1999	29024188	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.50 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 7.80
BÙI NHẬT LINH	06/10/1999	29021870	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN ĐÌNH NAM	26/03/1999	29021925	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN XUÂN CÔNG	04/08/1995	29025252	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 8.00
THÁI ĐÌNH MẠNH	02/12/1999	29002006	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 8.25 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 4.40
ĐINH THỊ MAI	21/11/1999	29011403	Toán: 2.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.20
HỒ NGỌC TOÀN	20/06/1999	29017578	Toán: 2.20 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.80
VŨ VĂN ĐẠI	05/09/1999	29006312	Toán: 9.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.20
VŨ MINH NGỌC	12/12/1998	29004048	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.40

ĐINH ĐỨC ĐẠI	04/07/1999	29004374	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ LOAN	18/03/1998	29028519	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN NHÂN	20/06/1999	29013270	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 3 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ HƯỜNG	10/11/1999	29030502	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.75 Sinh học: 2.25 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 3.00
MẠC MINH HỒNG	14/08/1999	29013570	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.75 GDCD: 7.50 KHXH: 8 Tiếng Anh: 5.20
LÊ ĐÌNH SANG	16/07/1998	29008421	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 5.60
PHAN THỊ HƯƠNG	14/03/1999	29022318	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 6.25 KHTN: 6 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN THỊ PHÚC	10/03/1999	29030202	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG THỊ DUYÊN	27/09/1999	29006890	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.00
PHAN THỊ HIỀN	14/01/1999	29028402	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.40
LỮ THỊ PHƯƠNG	27/09/1999	29014103	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.40
CAO THỊ THANH NHÀN	10/03/1998	29006110	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN DUY HỒNG	14/11/1998	29003897	Toán: 2.80 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 5.75 KHXH: 3.92 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN BÁ THUẬN	09/01/1999	29020475	Toán: 7.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 7.50 KHTN: 6 Tiếng Anh: 4.00
LƯƠNG THỊ ÁNH	20/03/1999	29013468	Toán: 1.20 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.40
TRƯƠNG VĂN DŨNG	19/02/1999	29003079	Toán: 1.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.80
LƯU VĂN PHI	07/11/1999	29008880	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.20

BÙI VĂN DŨNG	14/02/1999	29005532	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ MAI LY	11/01/1999	29019590	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 5.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 4.00
BẠCH VĂN LONG	07/08/1997	29024801	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.00
NGUYỄN ĐÌNH HIẾU	04/07/1999	29011323	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 8.25 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.40
ĐẬU VĂN NGỌC	10/11/1999	29016162	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.50 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN NGỌC HUYỀN	05/06/1999	29026178	Toán: 8.40 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 9.80
VI ANH QUÂN	04/11/1999	29018674	Toán: 4.60 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 5.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.40
HOÀNG NGHĨA TRƯỜNG	28/11/1999	29013409	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ LƯƠNG	25/07/1999	29001060	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.67 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.25
PHAN ĐÌNH TRƯỜNG	28/12/1999	29012508	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.08 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.80
LÊ THỊ MAI OANH	07/01/1999	29007377	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 2.40
HỒ THỊ TÚ ANH	28/07/1998	29010036	Toán: 7.20 Vật lí: 6.50 Hóa học: 8.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 6.08
LÊ THỊ HOA	27/12/1999	29020644	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.50 GDCD: 6.50 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THANH QUÝ	02/05/1999	29016909	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 6 Tiếng Anh: 4.20
VÕ HỒNG QUANG	20/03/1999	29020414	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.5 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.25 KHXH: 8 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN QUANG HUY	05/08/1999	29012097	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.40
HOÀNG VĂN NAM	10/04/1999	29017393	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 5.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ THƠM	15/05/1999	29024870	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.92 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.50

NGUYỄN THÁI HỌC	07/11/1999	29009624	Toán: 7.00 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 7.25 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 4.00
BÙI KIM THOA	10/06/1999	29018946	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ HUYỀN	02/09/1999	29007655	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.20
TRANG NGỌC HẢO	27/02/1999	29021035	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.20
HỒ MẠNH DẪN	22/10/1998	29017133	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN LÂM HOÀI LINH	09/09/1999	29023240	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 9.25 Hóa học: 10.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 8.25 Tiếng Anh: 6.40
HỒ TIẾN TÀI	02/08/1999	29017493	Toán: 3.20 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.40
ĐÀO VĂN LỘC	05/07/1998	29019743	Toán: 8.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.25
TRẦN THỊ KHUÊ	22/05/1999	29000310	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN MINH TẤN	26/10/1999	29029238	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.60
LÊ VĂN TOÀN	15/09/1999	29001682	Toán: 1.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM VĂN ĐỨC	20/07/1998	29029830	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ THUÝ	18/10/1999	29016424	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 9.00 GDCD: 7.50 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 4.20
VI VĂN TÚ	23/06/1999	29013787	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.00
PHAN VĂN LINH	23/03/1999	29017348	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN TUẤN	28/09/1999	29003572	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 3 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN XUÂN TUẤN	21/02/1999	29027102	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 9.75 GDCD: 9.00 KHXH: 9.25 Tiếng Anh: 4.00

PHẠM THỊ VÂN ANH	14/03/1999	29028280	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.40
BÙI THỊ NGÀ	05/02/1999	29026361	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 5.00
TRẦN MINH ĐỨC	29/11/1999	29011635	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN XUÂN BẢO	12/08/1999	29006857	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VIỆT SƠN	22/12/1998	29016311	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 2.75 GDCD: 5.50 KHXH: 3.58 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN THỊ MAI	03/09/1999	29004008	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM KHẮC HIỆP	26/06/1998	29028409	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4 Tiếng Anh: 3.20
LÊ THỊ OANH	26/11/1999	29010590	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.00
LÊ TRỌNG KHỎE	20/03/1999	29002443	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
HỦN VI DŨNG	03/08/1997	29014236	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG VĂN ĐẠT	10/10/1999	29022229	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ HIỀN	18/07/1999	29000197	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.00 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN VĂN DŨNG	30/08/1997	29029784	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.40
DƯƠNG XUÂN BẢO	22/02/1999	29027185	Toán: 2.40 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.50 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 4.40
ĐỖ HỒNG QUANG	04/07/1999	29023299	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.00 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 4.60
PHAN THỊ KHÁNH LINH	30/08/1999	29014032	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.20
PHAN ĐỨC TÍNH	22/01/1999	29006673	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.60

HỒ THỊ TÚ CHI	04/02/1999	29017118	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.00
LÒ VĂN THIÊN	16/10/1998	29014160	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN TRỌNG TRỌNG	18/02/1999	29028179	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 2.92 Tiếng Anh: 3.40
HỒ THỊ ĐIẾP	03/03/1999	29016141	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 7.00 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN HỮU CHÍNH	01/03/1998	29017634	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.00
BÙI VĂN CHIẾN	16/06/1999	29008630	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.25 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ SÁNG	20/03/1999	29016300	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 5.60
TẠ THỊ NHUNG	15/10/1998	29019908	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 6.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 1.00
TRẦN DANH HIẾU	16/09/1999	29030467	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 5.00
VI VĂN DUẤN	01/09/1999	29013496	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VĂN CHIẾN	28/04/1999	29029749	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN HỮU QUÂN	10/01/1999	29001577	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 7.75 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN ĐÌNH GIANG	05/08/1999	29019320	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 9.25 GDCD: 9.75 KHXH: 9.33 Tiếng Anh: 3.40
LƯƠNG THỊ THANH NGŨ	16/02/1999	29003224	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 4.00
CHU VĂN DANH	05/06/1999	29017857	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 1.25 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 2.00
TRẦN MẠNH DŨNG	27/07/1998	29024210	Toán: 2.00 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 5.50 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 1.80
VŨ THỊ NGỌC MAI	03/03/1998	29004260	Toán: 8.40 Vật lí: 3.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 7.75 KHTN: 6.33

TRẦN THỊ THU UYÊN	17/06/1997	29007197	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.50 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN XUÂN THIẾN	31/01/1999	29029274	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 4.40
ĐẶNG ANH KHIÊM	20/10/1999	29003430	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 2.80
VŨ THỊ HÀ	07/07/1997	29017667	Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.00 Tiếng Anh: 4.80
LÊ THỊ OANH	14/03/1999	29028589	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ HOÀN	27/05/1999	29011336	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.25 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 5.80
LÊ THANH HIỀN	20/10/1999	29004418	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 6 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ THẢO	28/08/1999	29004172	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN THỊ LINH	15/07/1999	29023480	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 2.75
LÊ THỊ NHUNG	03/02/1999	29019901	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 1.80
VƯƠNG HỒNG MẠNH	19/07/1999	29008824	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.00 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 1.80
PHAN VĂN THÀNH	25/07/1999	29028654	Toán: 7.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 3.60
TRƯƠNG THỊ NGỌC ÁNH	28/06/1999	29020229	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 2.25 KHTN: 3 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN BẢO NGỌC	19/03/1999	29014073	Toán: 7.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 7.50 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ THÙY LINH	06/12/1999	29008089	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.00 Sinh học: 2.00 KHTN: 2.17 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.00
PHẠM THỊ HỒNG NHUNG	02/02/1999	29011745	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 2.20
PHẠM QUANG CẦU	20/08/1999	29027195	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.60
PHẠM THỊ LUYẾN	13/05/1999	29008092	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.25 Sinh học: 2.25 KHTN: 2.33 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25

NGUYỄN VĂN TRÍ	02/10/1999	29004737	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ HIỀN	13/04/1999	29029893	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ BẢO	09/10/1999	29004331	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 7.75 Sinh học: 7.25 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 4.40
VÕ ĐỨC SANG	16/03/1999	29005872	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN DANH THUẬN	29/09/1999	29002100	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ THÙY	08/02/1999	29017555	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.25 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 2.80
LƯƠNG THỊ HIẾU	17/08/1999	29013549	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN ANH QUÂN	14/04/1999	29028034	Toán: 1.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 1.00 KHTN: 2.67 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 8.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN KẾ TRỌNG	09/02/1999	29011133	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 5 Tiếng Anh: 6.40
NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	17/09/1999	29023574	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.75 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN CAO DƯƠNG	16/08/1999	29000106	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.40
PHẠM THỊ THUỶ DUNG	25/11/1999	29015482	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.00
ĐẶNG HỮU HOÀN	09/09/1999	29000236	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 8.40
ĐÀO HỮU THẮNG	08/08/1999	29028069	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN HỮU LƯƠNG	25/01/1999	29015834	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.60
PHAN THỊ THẨM TÌNH	08/01/1999	29004692	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 2.40
LANG THỊ DIỆP	16/01/1999	29025370	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 3.40

NGÔ THỊ HỒNG NHUNG	17/05/1999	29019903	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.20
HÀ BẮC NAM	23/03/1999	29013651	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ TRANG	27/12/1999	29003539	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 3.60
LÊ HỮU CHÍNH	12/11/1999	29011946	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
ĐẬU THÀNH ĐẠT	27/12/1999	29025385	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.92 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN THỊ HOÀI AN	09/08/1999	29025858	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 1.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 7.00
ĐINH VIỆT LÃM	05/10/1999	29029074	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VĂN HỢP	13/02/1999	29026143	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 4.00
NGÔ SỸ SƠN	21/01/1999	29012901	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VĂN THÁI	14/02/1999	29000791	Toán: 10.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 9.75 Hóa học: 10.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 8 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN BÁ LINH	20/10/1999	29019557	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.80
ĐẬU THỊ THUÝ HẰNG	05/03/1999	29024281	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 5.60
ĐẶNG HỮU TOÀN	25/09/1999	29010702	Toán: 4.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 1.60
NGUYỄN THỊ THU NHAN	27/02/1998	29004272	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.75 Tiếng Anh: 4.60
NGÔ SỸ LONG	07/10/1999	29018576	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 6.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.80
PHAN VĂN KỲ	14/09/1999	29004490	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.17 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ TRÀ MY	20/09/1999	29010540	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 5.20

DƯƠNG CÔNG THƯỜNG	10/10/1999	29023023	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.50 GD&CD: 7.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 1.40
HỒ MẬU XUÂN	19/12/1999	29016571	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.75 GD&CD: 7.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.00
LÊ QUANG TRUNG	14/09/1999	29024651	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.33 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.75 GD&CD: 8.50 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 8.20
TRẦN THỊ HẢI YẾN	10/10/1999	29025850	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 5.80
TRẦN VIỆT NGUYỄN	12/07/1999	29009225	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 9.25 Hóa học: 9.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 7.92 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN TIẾN HUY	23/10/1999	29029500	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN VĂN CƯỜNG	18/02/1999	29014322	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GD&CD: 8.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.80
ĐẶNG THỊ PHƯƠNG	08/03/1999	29011014	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN TRỌNG ĐỨC	15/05/1999	29020618	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GD&CD: 6.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN ĐỨC MẠNH	08/12/1999	29015033	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ MINH	05/10/1998	29017719	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 6.00
VI QUANG XUÂN	16/03/1999	29015370	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GD&CD: 9.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VIỆT SỸ	16/05/1999	29011044	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 1.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 2.40
HOÀNG THỊ TÚ UYÊN	06/06/1999	29020534	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ HOÀI	28/04/1999	29003138	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.75 GD&CD: 7.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.80
TRỊNH THỊ THẢO	01/01/1999	29014152	Toán: 1.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 6.00 GD&CD: 7.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.60
VÕ HOÀNG THẾ BẢO	26/03/1999	29008618	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25 GD&CD: 8.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.80

HOÀNG THI PHƯƠNG THẢO	11/09/1998	29012913	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ DƯƠNG	16/10/1998	29017652	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00
NGUYỄN VĂN TÙNG	18/07/1999	29020197	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 6.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 1.60
NGUYỄN TRUNG HUY	08/06/1999	29018503	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 5.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.40
ĐẶNG VĂN HUYNH	02/01/1999	29007895	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG THỊ KIM CHI	12/12/1999	29003712	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN ĐĂNG THẮNG	04/01/1999	29030692	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 5 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN VĂN ĐỨC	02/05/1999	29010343	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.40
ĐINH THỊ CẨM VÂN	01/09/1999	29030921	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ HẠNH	18/03/1999	29008696	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 5.50 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN CÔNG QUÂN	20/11/1999	29029199	Toán: 8.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.25 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 8.60
GIÀ BÁ CẦU	11/06/1999	29008164	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN BẢO DUY	08/09/1999	29026763	Toán: 7.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.92 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VIỆT ĐỨC	28/11/1998	29017176	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.20
MẠC VĂN MÔN	08/01/1999	29014607	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.40
ĐẶNG THỊ HIẾU	07/06/1999	29003856	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 9.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ KIỀU TRANG	23/03/1999	29020125	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.80

NGUYỄN CÔNG AN	04/03/1999	29000004	Toán: 9.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 9.25 Hóa học: 8.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 3.80
LÔ VĂN HẬU	14/09/1999	29019365	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.80
LÊ THỊ THANH HƯƠNG	26/09/1999	29010445	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 9.25 KHXH: 8.42 Tiếng Anh: 4.00
VI THỊ THANH HUYỀN	14/01/1999	29003421	Toán: 8.80 Ngữ văn: 8.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 8.00 Sinh học: 8.00 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 3.60
LÊ XUÂN TÙNG	10/02/1999	29013433	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 9.00 Hóa học: 9.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 4.60
LÊ TÀI TRÍ	21/01/1999	29007452	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN TRƯỜNG LÂM	01/11/1999	29024790	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 2.75
HOÀNG THỊ VÂN	01/02/1999	29001730	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN ĐÌNH THỦY	18/05/1999	29016429	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN HẢI TRIỀU	02/01/1999	29007790	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.50 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ HIỀN	05/07/1999	29018451	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG THẾ LỰC	13/02/1999	29015022	Toán: 9.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 8.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 9.20
NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH	10/08/1999	29007608	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.50 GDCD: 6.25 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 2.80
TRƯƠNG THỊ TÚ TRINH	03/06/1999	29015275	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN ANH TUẤN	19/01/1999	29003571	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ TỔ UYÊN	06/03/1999	29000615	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.25 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ PHƯƠNG DUNG	22/01/1999	29022215	Toán: 9.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 9.00 Sinh học: 9.00 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 5.20

NGUYỄN THỊ MINH CHÂU	27/10/1998	29027196	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG TRUNG HIẾU	03/04/1999	29023734	Toán: 6.80 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 4.00
PHẠM TRẦN QUỲNH MAI	04/09/1999	29014046	Toán: 3.80 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 7.00
NGUYỄN THỊ NHẬT LINH	12/11/1999	29027409	Toán: 4.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ THÁI	23/03/1999	29017500	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.80
PHAN THỊ HẢO	17/04/1999	29021714	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN QUANG VIỆT	14/05/1999	29000910	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.42 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ THẢO	23/05/1999	29016953	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 6.50 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ HIỀN	20/07/1999	29025431	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.83 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 5.40
LÊ THỊ THẨM	24/10/1998	29004177	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN KHẮC HOÀNG	14/09/1999	29009617	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 6.60
TRẦN THUY VÂN	17/08/1999	29016555	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN HIỆP	19/08/1999	29014428	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN ĐÌNH TUẤN	01/10/1997	29010218	Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00
NGUYỄN THỊ THƯƠNG	20/07/1999	29002629	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 9.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.20
LÊ QUANG ĐỨC	31/08/1999	29023681	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.20
PHAN PHƯƠNG CHI	05/09/1999	29013883	Toán: 2.80 Ngữ văn: 2.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 2.40

NGUYỄN THỊ MAY	20/08/1999	29005762	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 5.25 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN NGỌC BA	06/06/1999	29015424	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.80
ĐẶNG VĂN HƯNG	28/02/1999	29027374	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.60
NGÔ THỊ DIỆU LINH	06/05/1999	29007678	Toán: 2.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.50 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN THỊ HOÀI THU	12/09/1999	29021340	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THẾ TRUNG	19/02/1999	29009992	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 4 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THẾ TOẢN	26/07/1999	29022540	Toán: 9.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 9.50 Hóa học: 9.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 7.83 Tiếng Anh: 2.00
TRẦN THỊ HÀ	13/08/1999	29018425	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ VÂN ANH	01/05/1999	29024160	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.00 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 4.00
TRƯƠNG QUẾ LÂM	12/12/1999	29024388	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 1.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.17 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 7.00
HỒ THỊ CHI	10/07/1999	29028878	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.40
VI VĂN QUỐC	05/05/1999	29019956	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ THANH BÌNH	26/05/1999	29023620	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 8.50 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 7.60
NGUYỄN VĨNH TÌNH	01/07/1998	29020105	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN ĐÌNH HIẾU	26/07/1999	29004427	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 2.40
VÕ VĂN TIẾN	23/11/1999	29019812	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.00
NGUYỄN THỊ CHÂU	12/09/1999	29002226	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.00

NGUYỄN THỊ YẾN	08/10/1999	29002181	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN TƯ BẢO	15/05/1999	29023113	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 2.00
BÙI HỮU QUÂN	15/07/1999	29030611	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM QUANG VINH	10/09/1999	29015357	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN LÊ ANH	26/06/1996	29020895	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00
NGUYỄN THANH HỒNG	17/11/1998	29004241	Toán: 5.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 8.75
HOÀNG VĂN THUẬN	22/07/1999	29028102	Toán: 9.40 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 8.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 9.00
NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	10/11/1999	29009432	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 6.00
TRẦN THỊ THƯƠNG	04/06/1999	29021356	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.40
PHAN VĂN SƠN	09/03/1996	29028830	Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.25
NGUYỄN SỸ HOÀNG	06/11/1999	29025446	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 6.75 KHTN: 6.33 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.00
HỒ SỸ HÙNG	10/12/1999	29011346	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN BÁO	26/06/1999	29008619	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ MIÊN	05/11/1999	29021911	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG THỊ TUYẾT	05/02/1999	29004795	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ KIỀU TRANG	31/07/1999	29023376	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 8.40
MAI XUÂN TRƯỜNG	29/01/1999	29025774	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ GIANG	18/10/1998	29019691	Toán: 8.80 Hóa học: 7.25 Sinh học: 8.00

LÊ TUẤN ANH	14/08/1996	29003609	Toán: 3.00 Ngữ văn: 2.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 1.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.17 Tiếng Anh: 3.60
DƯƠNG THỊ THU DUNG	09/01/1999	29024194	Toán: 1.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.00
THÁI VĂN CƯỜNG	10/01/1999	29009492	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN HOÀNG HUY	29/09/1998	29006044	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75
XÔNG BÁ CHÀI	12/08/1998	29008530	Toán: 5.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.00
ĐẶNG THỊ KHÁNH LINH	26/07/1999	29013202	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.58 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 6.00
TRƯƠNG VĂN GIÁP	16/02/1999	29020622	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VĂN DẦN	09/02/1999	29001854	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 6 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN VĂN ĐẠT	06/03/1998	29024741	Toán: 6.20 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.25
HOÀNG VĂN ĐÌNH	29/01/1999	29002287	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 8.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 6.25 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 3.40
ĐINH VĂN HOẠT	02/08/1999	29014968	Toán: 1.40 Ngữ văn: 2.50 Vật lí: 1.75 Hóa học: 1.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 2.33 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN PHI LONG	11/12/1999	29009730	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 1.40
LÊ HỒNG TRƯỜNG	18/01/1998	29012503	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.20
PHẠM KHÁNH HUYỀN	11/03/1999	29013994	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 2.20
NGÔ THỊ TRÚC	07/02/1999	29016495	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	16/01/1999	29028004	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 4.40
HỒ THỊ HOÀI	03/04/1999	29016650	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 4.00
VEN VĂN MAY	11/11/1999	29020712	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.60

NGUYỄN VĂN ĐẠT	09/07/1999	29001275	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 4.00
ĐẶNG QUANG DƯƠNG	09/10/1998	29006309	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 1.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.92 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.75 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ TUYẾT	19/01/1999	29004796	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.17 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM THỊ HIỀN	12/04/1999	29010881	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 7.25 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN SỸ TRIỂN CHIÊU	23/11/1998	29022096	Toán: 6.20 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.00
NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	15/12/1999	29002431	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN CÔNG LONG NHẬT	29/07/1999	29019891	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.75 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 5.00
VÕ THỊ THƯƠNG	02/02/1999	29003527	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 5.20
LÊ VĂN TUẤN	02/09/1999	29023062	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN HÙNG	26/05/1999	29004465	Toán: 7.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ NHƯ QUỲNH	15/02/1999	29017468	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN SỸ	10/05/1999	29005269	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.40
HỒ BÁ HOÀNG SƠN	09/12/1997	29021508	Toán: 5.60 Vật lí: 3.25 Hóa học: 6.50
HOÀNG THỊ NGỌC ÁNH	28/01/1998	29009449	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG	17/07/1999	29012957	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.75 KHXH: 8 Tiếng Anh: 5.40
NGÔ SỸ KHUYẾN	29/11/1999	29003944	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN HUY ĐỨC	03/07/1999	29027872	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 6.20

LÊ VĂN KHOA	12/09/1999	29023230	Toán: 6.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 3.00
PHÙNG THỊ TÚ OANH	19/01/1999	29028018	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 7.80
NGUYỄN THỊ HỒNG	15/06/1999	29029947	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.60
CAO THỊ NGÀ	14/10/1999	29005779	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.80
ĐINH THỊ ANH THƠ	06/05/1999	29024068	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 7.80
TRẦN THỊ TÚ OANH	20/10/1999	29023955	Toán: 9.20 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 10.00 Sinh học: 9.50 KHTN: 8 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ NHUNG	22/12/1999	29003237	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN HỮU TIẾN	10/02/1999	29007779	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.00
LƯƠNG HOÀNG PHẤN	05/06/1995	29003652	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 1.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.17 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75
VI VĂN HƯNG	04/08/1999	29008290	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.00 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.20
CAO THỊ THANH NHÂN	29/01/1999	29025566	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.25 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ LINH	22/12/1998	29001053	Toán: 8.60 Hóa học: 9.50 Sinh học: 9.00
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	01/03/1999	29012314	Toán: 8.80 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 8.25 Hóa học: 10.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 7.83 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN TRÍ SƠN	23/07/1999	29029224	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
ĐẬU XUÂN CẦM	20/07/1999	29009471	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN PHÚC TRUNG	31/08/1999	29030857	Toán: 6.20 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HOÀI	19/12/1999	29019413	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.20

HOÀNG VĂN TRƯỜNG	14/09/1998	29012971	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN HẠNH HẠ VY	20/07/1999	29027138	Toán: 9.00 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 9.00
NGUYỄN THỊ HUYỀN	20/06/1999	29028460	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 7.25 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	02/08/1999	29007433	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.80
HỒ VIỆT DUY	17/01/1999	29003369	Toán: 7.40 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 3.40
LỮ THỊ HỒNG HOA	16/04/1999	29013967	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ HUỆ	14/10/1999	29004456	Toán: 9.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 8.75 Hóa học: 10.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 8.17 Tiếng Anh: 4.00
LÊ VĂN THÀNH	20/10/1999	29002935	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 5.00
TRẦN VĂN ĐỨC	15/06/1999	29019309	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.40
HỒ CÔNG MINH	25/11/1999	29012224	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN NHẬT QUYỀN	28/07/1999	29011763	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 4.40
LÊ KIM THẠCH	04/12/1999	29030288	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ HỒNG ANH	20/03/1998	29025246	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.00 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 7.00 Tiếng Anh: 2.00
VŨ ĐỨC HÙNG	02/11/1999	29017281	Toán: 1.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ LỢI	26/05/1999	29001477	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ THẢO	28/06/1999	29001632	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.80
HỒ HỮU HÙNG	20/01/1996	29019134	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.33 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 9.00

TRẦN ĐĂNG NGỌC	05/02/1999	29000434	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN TUẤN HỒNG ĐỨC	07/08/1999	29025398	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.00
PHẠM QUANG LINH	18/04/1999	29017346	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 5.75 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 1.80
ĐẶNG THỊ THU THẢO	08/10/1999	29017518	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ YẾN	13/04/1999	29023096	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 4.00
LÊ THỊ TRÀ	29/09/1999	29012463	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 2.25 Hóa học: 1.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 2.5 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN HỮU SƠN	15/01/1998	29021509	Toán: 8.60 Vật lí: 5.50 Tiếng Anh: 6.40
NGUYỄN GIA HUY	27/11/1999	29024341	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.5 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 7.20
TRẦN NGỌC CƯỜNG	02/02/1999	29011601	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 3.80
CÁP ĐỨC VIỆT HOÀNG	20/12/1999	29009610	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ THANH MINH	20/06/1999	29002506	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN QUỐC TRỌNG	18/07/1998	29013076	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.25
TRƯƠNG THỊ HẰNG	06/02/1999	29019362	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.00
NGÔ THỊ THIÊN PHƯƠNG	25/10/1999	29019937	Toán: 2.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 6.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.00
VI VĂN ĐỐ	17/02/1999	29013920	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN CHÂU OANH	27/09/1999	29026910	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.58 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 3 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ DIỆU	12/10/1998	29030304	Toán: 8.80 Vật lí: 9.25 Hóa học: 9.25

PHAN VĂN TUẤN	01/01/1999	29004786	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM VĂN PHONG	23/10/1999	29019926	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 9.50 GDCD: 9.50 KHXH: 9.33 Tiếng Anh: 3.00
HỒ THÀNH BẢO	01/04/1999	29002783	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.08 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HUỖN	22/05/1999	29018518	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ NGỌC	26/03/1999	29022916	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN HÀM TOÀN	20/02/1999	29001685	Toán: 4.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 1.20
LÊ THÀNH NGỌC	01/04/1999	29003464	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 5.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 4.60
LÊ HOÀNG PHÚC	15/08/1999	29010600	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 1.60
LÊ THỊ QUÝ	02/02/1999	29004107	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.75 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN VĂN LINH	02/10/1999	29019551	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ NGỌC	09/10/1998	29029152	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ LINH	21/06/1999	29015795	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.50 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 3.60
ĐẶNG TRỌNG TRƯỜNG	05/02/1999	29016503	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HÀ PHƯƠNG	03/08/1999	29030603	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 5.00
PHẠM THỊ HỨA	01/05/1998	29029991	Toán: 2.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 9.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.80
ĐINH TIẾN HOÀNG	22/12/1999	29023197	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.42 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.40
LÊ QUANG HOÀNG	28/03/1999	29009614	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 2.60

PHAN THỊ HƯƠNG	15/02/1999	29015715	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 4.60
VƯƠNG THỊ YẾN	14/02/1999	29021440	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4 Tiếng Anh: 3.00
TRƯƠNG ANH KHUÊ	08/01/1999	29025089	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 6.00 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN ANH THƠ	18/01/1999	29015169	Toán: 7.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 8.75 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ HOÀI NHI	28/02/1999	29027502	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.40
HÀ LÊ NGHĨA QUỲNH	24/02/1999	29018134	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.80
LÊ THỊ MINH NGUYỆT	30/12/1999	29024499	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 7.00
TRẦN MẠNH QUỲNH	29/04/1998	29017475	Toán: 4.20 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 5.75 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.40
LỖ Y CÒ	08/03/1999	29008196	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN MẠNH KHANG	10/03/1999	29026204	Toán: 9.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 9.50 Hóa học: 10.00 Sinh học: 7.00 KHTN: 8.83 Tiếng Anh: 8.20
HÀ THỊ HOÀI	01/04/1999	29013557	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.50 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN KHẮC SƠN	16/12/1999	29025228	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 3.20
LÊ THỊ YẾN	26/01/1998	29016053	Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 9.50
TRẦN THỊ TRINH	28/05/1999	29022587	Toán: 7.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 8.00
PHẠM PHÚC LỘC	23/07/1999	29018580	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN VĂN HIỆP	03/10/1999	29016633	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 3.40
VÕ THỊ TRINH	06/01/1999	29011132	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.60

NGUYỄN THỊ LỆ THỦY	07/11/1999	29011517	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG	05/05/1999	29024625	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.20
HỒ VĂN ANH	07/05/1999	29013090	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 6 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN ĐỨC HUY	27/08/1999	29027922	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 2.40
LỘC VĂN QUÝ	13/12/1999	29014114	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG THỊ THÚY QUỲNH	26/07/1999	29005860	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN QUỲNH CHI	27/11/1999	29028304	Toán: 8.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 8.20
NGÔ THỊ NA	15/03/1999	29029130	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.25 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VĂN CƯỜNG	28/02/1998	29010292	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ YẾN LINH	05/09/1999	29002466	Toán: 5.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 9.25 Địa lí: 9.75 GDCD: 8.00 KHXH: 9 Tiếng Anh: 5.20
TRẦN THỊ HUYỀN NGÀ	07/06/1999	29000423	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 5.25 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.60
NGÂN THỊ KIỀU	03/06/1999	29020683	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.60
CAO HỮU VIỆT AN	07/07/1999	29006247	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.75 Sinh học: 6.00 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN QUANG HUY	12/10/1999	29019458	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.80
LÊ THỊ KIỀU OANH	27/08/1999	29001548	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.50 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 4.60
PHẠM QUANG TRUNG	28/09/1999	29028756	Toán: 9.00 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN THỊ XOAN	01/07/1999	29028805	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.40

TRẦN THỊ QUỲNH	02/08/1999	29020791	Toán: 2.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG THỊ YẾN	10/09/1999	29011222	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 9.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG THỊ HUYỀN	20/01/1999	29006409	Toán: 7.80 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ ÁNH DƯƠNG	16/08/1999	29023666	Toán: 9.00 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.75 Sinh học: 6.50 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 7.80
TẶNG HỒNG MINH	21/04/1999	29014052	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ PHƯỢNG	21/08/1999	29005227	Toán: 6.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 4.40
GIẢN QUỐC CƯỜNG	08/10/1996	29014761	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 5.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.00
LƯƠNG VĂN SÁNG	18/08/1999	29014123	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 6.25 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 4.60
CHU THỊ LAN	13/02/1999	29030517	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 6.00 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN MINH LỘC	21/11/1998	29010751	Toán: 7.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 3.50
NGUYỄN THỊ LÊ	30/11/1999	29029076	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ HỒNG LINH	07/08/1999	29014539	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.25 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 2.40
PHÙNG BÁ HÙNG	21/06/1999	29026814	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM THỊ NGỌC LY	22/11/1999	29027447	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.00
TRẦN XUÂN HƯNG	26/03/1999	29018523	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN PHI YẾN	03/09/1999	29030955	Toán: 8.20 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 9.20
TRẦN TRUNG ĐỨC	11/06/1999	29023158	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 3.20

PHẠM VĂN NGHỊ	27/07/1999	29009776	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 5.25 KHXH: 3.75 Tiếng Anh: 1.80
NGÔ THỊ THU	14/10/1999	29030726	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 7.60
NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	11/03/1999	29020127	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 1.60
LƯƠNG VĂN TÀI	13/09/1999	29015088	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	10/05/1999	29016072	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 2.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 3.80
VĂN THỊ THU HIỀN	18/04/1999	29030458	Toán: 7.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 8.50 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM VIẾT HIẾU	14/01/1999	29000208	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.25 KHXH: 8 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN TRỌNG AN	12/08/1998	29022691	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.20
LÊ XUÂN HẢI	06/12/1998	29030313	Toán: 8.80 Vật lí: 8.25 Hóa học: 7.00
NGUYỄN VĂN LỘC	28/03/1999	29007020	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.60
LANG VĂN LƯU	15/03/1998	29025287	Toán: 6.60 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.25
PHAN BÁ ĐẠT	10/01/1999	29020995	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.5 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 6.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.40
TRƯƠNG TRUNG KHANG	22/08/1999	29006055	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.00
NGUYỄN TRUNG HIẾU	09/10/1999	29013965	Toán: 5.60 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.25 Sinh học: 6.25 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 2.40
LÊ NGỌC VINH	20/12/1999	29023413	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.00
LÔ THỊ LINH ĐA	08/04/1999	29024983	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ THUÝ	17/07/1999	29022511	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ HIẾN	30/03/1999	29027310	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.20

ĐẬU THỊ HƯỜNG	16/01/1999	29005691	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.60
DƯƠNG THỊ HẠNH	07/05/1999	29002324	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.80
VÕ ĐỨC TÀI	27/04/1998	29017754	Toán: 7.80 Vật lí: 6.75 Hóa học: 8.50
HOÀNG THỊ DƯƠNG OANH	18/03/1999	29027519	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 4.40
PHẠM THỊ HẬU	07/01/1999	29001342	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM TIẾN DŨNG	06/06/1999	29028897	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 6.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.40
HỒ THỊ XUÂN	07/06/1999	29018316	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.40
PHAN THỊ THANH	28/08/1998	29030639	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.60
ĐẶNG TRẦN HÀ NGUYỄN	20/04/1999	29023927	Toán: 8.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 9.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 7.00
HOÀNG THỊ PHƯƠNG	14/11/1999	29012309	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.00
CAO HOÀNG LỢI	19/10/1999	29007021	Toán: 3.80 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.60
ĐẬU VĂN NAM	01/09/1998	29029133	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.20
TRỊNH QUANG PHÚC	10/07/1999	29022941	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ HỒNG THƠM	20/08/1999	29023001	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG THỊ VÂN ANH	27/03/1999	29000017	Toán: 9.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 9.25 Sinh học: 8.00 KHTN: 7.83 Tiếng Anh: 7.80
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	05/03/1999	29003503	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.42 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 6.40
LÊ HOÀNG SANG	26/02/1999	29025614	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.60

LỘC THỊ HIẾU	01/08/1999	29013961	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN HÀM HÀ	10/04/1999	29001301	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM ĐÌNH QUÂN	25/04/1999	29029574	Toán: 8.80 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 8.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ HỒNG	02/06/1999	29005036	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.25 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 4.00
LÊ ANH ĐỨC	10/02/1999	29002297	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.00
LỮ VĂN TÚ	19/07/1998	29015297	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.25 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 1.40
VŨ ĐÌNH ĐỨC	05/05/1999	29026035	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 4.80
TRẦN ĐÌNH MẠNH	18/10/1999	29023259	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 6.00
TRẦN CÔNG QUÝ	11/04/1999	29027556	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ NHUNG	12/03/1999	29002539	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 9.50 Địa lí: 9.50 GDCD: 9.75 KHXH: 9.58 Tiếng Anh: 5.60
HOÀNG THỊ THÚY	29/04/1999	29004660	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 8.25 Sinh học: 8.25 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 4.80
TRẦN VĂN KỶ	10/03/1999	29021858	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.40
HOÀNG TRUNG NGHĨA	02/11/1999	29018072	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 1.50 KHTN: 3.25 Tiếng Anh: 3.20
PHAN VĂN THANH	06/03/1999	29030640	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 7.75 Sinh học: 8.50 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN LONG	12/11/1999	29019573	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.40
ĐÀO VĂN PHÚC	31/08/1999	29024523	Toán: 3.40 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 10.00 GDCD: 7.75 KHXH: 8.92 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ TÚ UYÊN	27/04/1999	29000614	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 6.80

TRẦN THỊ KHÁNH	24/07/1998	29030019	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.25 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.60
PHAN THANH HẢI	13/01/1999	29026057	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.00
CÙ THỊ TRANG	23/07/1999	29016461	Toán: 5.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.20
ĐẶNG VĂN LONG	03/07/1999	29010502	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.00 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG THỊ KHÁNH LINH	20/11/1999	29000339	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.67 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN TRƯỜNG AN	17/08/1997	29017622	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ HIỀN	15/09/1999	29013543	Toán: 1.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	06/02/1998	29025645	Toán: 5.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 5.20
ĐẶNG CẨM TRANG	24/09/1999	29024611	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 9.60
PHAN THÀNH VINH	07/12/1999	29024147	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ MINH	05/02/1999	29010533	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN QUANG HẬU	07/03/1998	29021727	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.40
BÙI THỊ XUÂN	19/08/1999	29000620	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 5.20
PHAN ĐỨC LƯƠNG	10/02/1999	29021164	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM THỊ KHÁNH HUYỀN	19/12/1999	29027932	Toán: 7.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 4.00
LÊ VĂN SƠN	03/07/1999	29019984	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.80
BẠCH HƯNG TÚ	15/05/1999	29009347	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.25 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 3.20

HỒ THỊ LAN	06/01/1999	29000324	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 6.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ MỸ HẰNG	27/01/1999	29004997	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 7.20
NGUYỄN THỊ LỆ CHI	30/10/1998	29010053	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 9.00
TRẦN BÁ HÀ	18/04/1999	29011301	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.60
QUANG VĂN AN	12/11/1999	29014270	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ TRANG	23/02/1999	29012477	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 3.00 GDCD: 7.25 KHXH: 3.92 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN VĂN TIẾN	04/05/1999	29023027	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM THỊ THÚY	23/08/1999	29017563	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ QUỲNH TRÂM	20/10/1999	29030839	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.60
TRƯƠNG THỊ TÚ	01/02/1999	29015307	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.25 GDCD: 5.00 KHXH: 3.58 Tiếng Anh: 2.00
TRẦN ĐÌNH KHÁNH	04/09/1999	29021120	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 2.20
HOÀNG VĂN BÁ	27/07/1999	29000048	Toán: 5.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ VÂN	12/02/1999	29028792	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 7.80
NGUYỄN VĂN QUYẾT	20/08/1999	29020427	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 4.00
PHẠM THỊ THU UYÊN	04/08/1998	29009380	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM THỊ QUÝ	19/05/1999	29012325	Toán: 6.60 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 6.60
HÀ VĂN HÙNG	05/06/1999	29011345	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.80

NGUYỄN QUANG HÀO	02/02/1998	29006011	Toán: 6.80 Vật lí: 7.25 Hóa học: 3.25
HÀ VĂN HAI	24/06/1999	29013525	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.60
VÕ DUY VĂN	15/07/1999	29028791	Toán: 6.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.20
HÀ THỊ THƯƠNG	15/05/1999	29002969	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.25 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.80
TRƯƠNG VĂN MINH	13/05/1999	29010965	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.83 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ GIANG	23/08/1999	29021688	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ LÂM OANH	11/12/1998	29022135	Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75
LÔ VĂN THUẦN	26/08/1999	29015182	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 8.25 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN VĂN LONG	28/04/1999	29015815	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ TIN	16/03/1999	29016452	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.00
BÙI VIỆT HOÀNG	22/07/1999	29026128	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 9.50 Sinh học: 9.00 KHTN: 7.67 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN PHI HÙNG	28/02/1999	29018810	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 4.00
CỤT VĂN NGHỆ	11/02/1999	29008369	Toán: 2.80 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.50 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 2.60
LÊ QUANG NGUYỄN	22/04/1998	29001095	Toán: 8.40 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.75 Sinh học: 2.00 KHTN: 6.42
NGUYỄN THỊ TRÀ GIANG	17/10/1999	29017663	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75
NGUYỄN ĐÌNH MINH	10/06/1999	29016802	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 9.00 Sinh học: 9.50 KHTN: 7.75 Tiếng Anh: 3.40
PHAN SỸ HẠNH	16/07/1999	29009109	Toán: 9.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 3.00

NGUYỄN THỊ LÂM OANH	09/11/1999	29002874	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 5 Tiếng Anh: 5.00
TRƯƠNG THỊ LƯU OANH	28/09/1999	29014683	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 8.40
PHAN VĂN MINH	17/07/1998	29010761	Toán: 8.60 Vật lí: 9.00 Hóa học: 8.75
NGUYỄN THỊ HƯƠNG	23/03/1999	29028470	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 5.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ LAM	25/09/1999	29020325	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.33 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM THỊ THANH TÂM	06/01/1999	29004154	Toán: 7.60 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 8.40
TRẦN HOÀNG QUÂN	10/08/1999	29007727	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ MƠ	20/03/1999	29005152	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 8.75 GDCD: 9.25 KHXH: 8.67 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN NHƯ HÒANG	29/10/1999	29026135	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 6.60
VÀ Y CHI	06/02/1999	29008171	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN ĐÌNH VIỆT	28/11/1999	29024140	Toán: 8.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 8.25 Hóa học: 9.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 5.60
TRẦN HỮU THẮNG	14/03/1999	29005921	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 5.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ HỒNG LIÊN	26/06/1999	29015771	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 7.00
TRẦN THỊ HỒNG NHUNG	01/11/1999	29002537	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.00
VÕ THỊ GIANG	10/06/1999	29022763	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 7.25 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG BÁ THẮNG	23/06/1999	29028071	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 4.00
DƯƠNG LÊ TUẤN	05/08/1997	29021405	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.60

NGUYỄN VĂN BÌNH	27/05/1999	29029735	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.25 GD&CD: 9.25 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.20
KIM THỊ NGÀ	04/04/1999	29014622	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GD&CD: 7.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ HIỀN	03/11/1999	29023178	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN ĐÌNH LÃM	04/07/1998	29007179	Toán: 3.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 1.75
NGUYỄN VĂN TÂM	17/02/1993	29026682	Toán: 3.60 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.75
LÀU BÁ THÁI	14/05/1997	29008570	Toán: 1.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 2.50
HOÀNG THANH TÙNG	03/09/1999	29013432	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ VÂN ANH	03/10/1999	29018342	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.75 GD&CD: 8.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN ĐỨC TIẾN	26/02/1999	29017569	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.25 GD&CD: 6.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.40
LƯƠNG ĐÌNH TUẤN	02/08/1998	29006224	Toán: 6.20 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.00
HOÀNG THỊ MAI	16/12/1999	29018596	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.50 GD&CD: 8.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 7.40
NGUYỄN MẠNH HỒNG	08/07/1999	29021800	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.75 GD&CD: 8.25 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 3.40
HỒ THỊ NHUNG	07/05/1999	29016851	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 7.75 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN CÔNG	15/10/1997	29007549	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.00 GD&CD: 8.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 4.40
HOÀNG THỊ DUNG	12/12/1999	29013103	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.5 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GD&CD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THIỆN VƯƠNG	28/11/1999	29009396	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.58 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.25 GD&CD: 7.75 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.20
CAO THỊ MẾN	17/11/1999	29005765	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.75 GD&CD: 9.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 5.00
HOÀNG THỊ KHÁNH VÂN	20/02/1999	29011192	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 5.20

TRẦN THỊ OANH	01/01/1999	29013286	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 3.80
NGÔ VĂN HẢI	03/02/1999	29026779	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 6.00 KHTN: 4.92 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN ĐĂNG KHÁNH	22/02/1998	29011678	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4 Tiếng Anh: 2.80
ĐẶNG VĂN PHƯỚC	05/02/1999	29029187	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN MINH	03/11/1999	29000408	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN THỊ HẠNH	13/10/1999	29003815	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.40
PHAN HUY THIẾP	22/08/1999	29005305	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 2.60
BÙI ĐÌNH HUY	04/10/1999	29010428	Toán: 3.20 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.80
VI VĂN NGHĨA	13/04/1999	29014066	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 1.20
NGÔ VĂN KHÁNH	27/07/1999	29020318	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 3.67 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN VĂN THÌN	28/02/1999	29011790	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ THU HUYỀN	17/09/1999	29012106	Toán: 8.80 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 9.00 Sinh học: 8.75 KHTN: 7.67 Tiếng Anh: 5.80
LÊ DUY VỸ	11/12/1999	29009397	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 1.00
LÊ NGỌC KHÁNH	26/01/1999	29014988	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM QUANG TRƯỜNG	13/11/1999	29006743	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 5.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM THỊ TRÚC	18/08/1999	29004750	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ	20/02/1998	29003622	Toán: 7.20 Vật lí: 3.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 8.50 KHTN: 6.33

NGUYỄN THỊ HIỀN	04/08/1999	29001346	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.20
PHAN THỊ OANH	10/03/1999	29021986	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.20
HỒ THỊ TUYẾT MAI	01/06/1999	29010957	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 7.00 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 3.60
LÊ PHAN THÙY LINH	07/12/1999	29007008	Toán: 5.60 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 8.00
DƯƠNG THỊ HẰNG	15/08/1999	29019350	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.80
PHAN VĂN NGÂN	04/01/1999	29013246	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 1.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 2.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 3.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 1.80
PHẠM TRẦN VIỆT	24/10/1999	29029679	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 9.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 9.00
PHẠM ANH KHA	18/02/1999	29024363	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.50 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN QUANG ĐẠI	07/07/1999	29021640	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.00
LÔ BÚN THẮN	07/09/1999	29008448	Toán: 4.80 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN ĐĂNG THÀNH	17/08/1998	29001148	Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 9.50
CHU DUY VINH	14/06/1999	29018304	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ HƯƠNG	13/12/1999	29011366	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.60
LỖ Y GIỜ	08/10/1998	29013521	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ DUNG	08/02/1999	29029774	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ THỦY	30/08/1999	29001664	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ THU TRANG	12/10/1999	29005351	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 6.80

HOÀNG NGỌC QUÝ	28/07/1998	29010783	Toán: 6.40 Vật lí: 3.00 Hóa học: 7.50
LÔ TUẤN CẢNH	15/01/1997	29020567	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN THỊ GIANG	19/01/1999	29007271	Toán: 9.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ NGUYỄN	20/04/1999	29007712	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.60
VŨ THỊ THANH THẢO	01/03/1999	29026980	Toán: 8.40 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.75 Tiếng Nga: 9.40
PHẠM THỊ THU HẰNG	08/10/1999	29004413	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 8.00 Sinh học: 8.00 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 5.00
TRẦN VĂN VĂN	25/07/1999	29024136	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ KIM CÚC	27/10/1999	29024953	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ HÀ GIANG	26/02/1999	29011997	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.25 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.40
PHAN THỊ KHÁNH NGỌC	03/05/1999	29025165	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.40
LÊ KHẮC LINH	10/01/1999	29015784	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.75 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 4.20
HOÀNG BÙI TUẤN ANH	12/03/1999	29012609	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 8.50 Sinh học: 7.75 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN DUY HÙNG	09/05/1999	29023777	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 4.00
HÀ THỊ HƯƠNG	03/01/1999	29013582	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ THỦY	02/04/1999	29017557	Toán: 5.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.20
LÊ THỊ LINH	26/06/1999	29011386	Toán: 5.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 9.50 GDCD: 8.75 KHXH: 8.67 Tiếng Anh: 3.80
HOÀNG NGỌC ÁNH	18/08/1999	29025347	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 9.25 GDCD: 9.00 KHXH: 8.92 Tiếng Anh: 3.00

PHẠM VĂN TOẢN	26/08/1999	29012461	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.20
VI THỊ SÁU	19/10/1999	29014125	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 1.60
LƯU QUANG TRƯỜNG	18/08/1999	29006736	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ VĂN	15/02/1999	29020537	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM THỊ HOÀI	20/05/1999	29001935	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 8.50 Sinh học: 8.00 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 4.00
PHẠM THỊ VIỆT TRINH	24/04/1999	29030846	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN CẢNH ĐÔ	01/05/1999	29019297	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.40
PHẠM THỊ NHƯ QUỲNH	25/12/1999	29030253	Toán: 4.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 7.00
NGUYỄN THỊ YẾN	20/10/1999	29030960	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN MINH TÚ	21/01/1999	29018238	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.20
HỒ DIỄN DANH	06/05/1997	29015924	Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 9.75
NGUYỄN VĂN TÚ	25/03/1994	29027784	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 5.00
HẠ BÁ KỶ	02/04/1999	29008552	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.25
LÊ THỊ THẢO	19/05/1999	29021305	Toán: 9.00 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 7.00
PHAN THANH TÀI	03/10/1999	29022054	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 4.80
HỒ ĐÌNH BẮC	01/04/1999	29017108	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
HỒ THỊ THÚY HẰNG	02/08/1999	29015582	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.00
VI VĂN DUẤN	29/09/1999	29003067	Toán: 1.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.00

HOÀNG THỊ NGÀ	15/02/1999	29030126	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.50 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 2.80
TRƯƠNG THỊ THU HẰNG	20/07/1999	29007284	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 4.00
LỖ BÁ GIỜ	08/05/1999	29008253	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 3.00 GDCD: 5.00 KHXH: 3.42 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN THỊ SƯƠNG	06/09/1999	29010634	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.60
SẦM THỊ NHUNG	22/12/1999	29014674	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.50 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM THỊ THÚY HẰNG	16/02/1999	29023720	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 6 Tiếng Anh: 4.80
HOÀNG THỊ THẢO	12/09/1999	29002596	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ LỘC	27/10/1999	29021892	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.00
LANG VĂN SÁNG	29/03/1999	29019977	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN MINH TÀI	07/02/1999	29005895	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.60
ĐẶNG VĂN DŨNG	03/09/1996	29027641	Toán: 5.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 5.75
NGUYỄN THỊ VÂN	15/11/1999	29025821	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 5.20
VÕ VĂN LÌNH	25/12/1999	29028517	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.20
ĐẬU THỊ MỸ LINH	02/07/1999	29015781	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 4.00
PHAN THỊ TRANG	28/08/1999	29030828	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.20
HỒ HUỲNH ĐỨC	04/02/1996	29027655	Toán: 5.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.25
NGÔ THỊ THÙY LINH	26/08/1999	29007009	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG NGHĨA TUYỀN	27/08/1999	29012526	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.60

TRẦN ĐỨC LƯƠNG	30/01/1999	29005132	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.75 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.00
CHỦ THỊ THẢO	16/07/1999	29000528	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.25 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN QUANG LINH	23/08/1999	29008803	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 9.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN HOÀNG VŨ	16/05/1999	29013452	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 5.00
PHẠM THỊ THẨM	19/09/1999	29030685	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 4.40
LÊ MỸ DUYÊN	10/04/1999	29015490	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ HẰNG	02/07/1999	29003829	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.25 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.20
HỒ KHẮC HUY	16/10/1999	29016684	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4 Tiếng Anh: 2.60
PHẠM THÁI TOÀN	12/08/1999	29016459	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM ĐỨC ĐỒNG	19/07/1999	29025391	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.83 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.40
TẶNG THỊ VÂN ANH	15/08/1999	29011909	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN VĂN MẠNH	27/05/1999	29002843	Toán: 6.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.83 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.60
DƯƠNG NGỌC THANH	26/01/1999	29025625	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG THỊ THU TRANG	06/08/1999	29000572	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN VĂN CHÍNH	28/06/1999	29021585	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ MAI HƯƠNG	21/10/1999	29007900	Toán: 7.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.42 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 6.20
ĐINH THỊ THUÝ HẰNG	29/08/1999	29026073	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.00 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.80

NGUYỄN VĂN THỐNG	30/10/1999	29004199	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 4.00
LỤC THỊ ÁNH TUYẾT	03/04/1999	29025801	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 7.50 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 6.00
TỪ THỊ THỦY ÂN	23/03/1999	29011922	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 4.60
THÁI HUYỀN GIANG	15/07/1998	29024256	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 4.75 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN ĐÌNH HIẾU	25/07/1999	29017241	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG	06/12/1999	29004142	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ TRÀ MY	04/01/1999	29026341	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 4.00
ĐẶNG THỊ THU SƯƠNG	07/08/1999	29018707	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.00 KHXH: 8 Tiếng Anh: 5.20
PHAN THỊ MAI	12/05/1999	29023255	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 4.40
LÂM VĂN HÙNG	09/07/1998	29021808	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN QUỐC SINH	02/12/1998	29021507	Toán: 7.60 Vật lí: 8.50 Hóa học: 6.50
NGUYỄN VĂN TÙNG	01/04/1999	29000892	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.92 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.25 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.40
PHAN TIẾN CỪ	09/06/1997	29010722	Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 9.00
NGUYỄN THÙY LINH	11/10/1999	29025109	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 7.00
LỮ VĂN THU	15/10/1999	29020920	Toán: 2.80 Ngữ văn: 2.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.50
BÙI THỊ MINH THƯ	14/11/1999	29022519	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 7.50 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN TRỌNG TÚ	08/03/1998	29003679	Toán: 7.40 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.00
TRƯƠNG THỊ HẰNG	25/07/1999	29012740	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.20

NGUYỄN VĂN THẮNG	31/10/1999	29004185	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.60
LÊ THỊ DUYÊN	12/09/1999	29003371	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.33 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.60
VÕ TRUNG HIẾU	19/04/1999	29005022	Toán: 8.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 4.40
LÊ HUY THÁI	04/04/1999	29006165	Toán: 6.40 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4
PHẠM THỊ CHÂU	06/01/1998	29005434	Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.00
TRƯƠNG THỊ MỸ LINH	22/08/1999	29012185	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 3.00
CAO THỊ HOÀI	08/01/1999	29005645	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ LAN	12/08/1999	29002454	Toán: 9.40 Ngữ văn: 8.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 8.50 Sinh học: 9.25 KHTN: 7.75 Tiếng Anh: 6.00
TÔ GIA HUY	11/11/1999	29024345	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 1.60
LÊ ĐÌNH CHIẾN	20/06/1999	29007828	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.67 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.80
ĐẶNG VĂN TRƯỜNG	09/01/1999	29012970	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.40
BÙI THỊ HOÀI THƯƠNG	29/11/1999	29022523	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.60
PHAN THỊ QUỲNH	14/03/1999	29017474	Toán: 1.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 5.50 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.00
TRẦN XUÂN PHƯỚC	21/05/1999	29028599	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VĂN SÁNG	08/04/1999	29003487	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 2.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.67 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ TRUNG ANH	04/09/1999	29022701	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN QUANG VŨ	22/04/1999	29010026	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.00
MOONG VĂN DÂN	22/04/1998	29008213	Toán: 1.80 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.60

HOÀNG VÕ NHƯ Ý	30/08/1999	29024698	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HÒA	01/12/1999	29001384	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ THỦY TIÊN	12/08/1999	29012448	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN QUỐC HUY	02/09/1999	29023796	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 2.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 7.40
ĐẬU ĐÌNH QUÂN	05/08/1999	29023306	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 2.80
ĐINH THỊ HỒNG HUẾ	24/06/1999	29007296	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN ĐỨC MẠNH	17/08/1999	29007350	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.00 Hóa học: 1.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.33 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ HỒNG THANH	22/04/1999	29012909	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN VĂN TUẤN	30/06/1999	29004784	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.40
LƯƠNG VĂN THUẬN	15/11/1988	29013846	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.50
CAO THỊ HƯƠNG	03/07/1999	29016706	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ MINH NGUYỆT	01/06/1999	29000443	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	22/08/1999	29027534	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.60
VÀ Y XÌ	15/05/1998	29008507	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ YẾN	20/03/1999	29030959	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 2.20
HÀ TRUNG ĐỨC	12/01/1999	29024747	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.50
VÕ VĂN TÂY	09/08/1999	29007118	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.60

VÕ THỊ LY	12/01/1999	29000385	Toán: 6.80 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 8.80
ĐOÀN THỊ MINH	20/10/1999	29018852	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.40
LIM THỊ THẠCH THẢO	27/03/1998	29014263	Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 8.00
NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH	02/08/1999	29017111	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.20
BÙI THU TRANG	12/02/1999	29027021	Toán: 8.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 9.40
NGUYỄN TIẾN ĐẠT	22/10/1994	29025255	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 7.50
BÙI THỊ THƯƠNG	27/07/1999	29004673	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ ÁNH	20/05/1999	29029718	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 9.25 GDCD: 8.25 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 3.60
PHAN HUY HÒA	08/12/1997	29010099	Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25
HỒ XUÂN LỊCH	19/01/1999	29015767	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.40
LƯƠNG VĂN MẠNH	19/08/1999	29020705	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ VÂN ANH	01/02/1999	29011244	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.00
SÀM VĂN THÀNH	01/03/1999	29013726	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN HIẾU	17/03/1999	29024764	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 3.42 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 3.50
THÁI BÁ THẾ	09/06/1997	29019799	Toán: 8.40 Vật lí: 8.50 Hóa học: 4.25
NGUYỄN NGỌC SỸ	20/01/1999	29018893	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 8.75 Sinh học: 7.25 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 2.20
VĂN THỊ BÉ	13/12/1999	29021567	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ HỒNG NHUNG	02/04/1999	29026409	Toán: 7.40 Ngữ văn: 9.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 9.20

NGUYỄN CẢNH MINH	20/08/1999	29020375	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 6.00 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ MÂY	06/01/1999	29030108	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.50 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 3.40
NGÔ THỊ TRINH	16/08/1999	29015273	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN TỔ UYÊN	06/11/1999	29027115	Toán: 2.40 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 1.25 Sinh học: 2.00 KHTN: 2.17 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	19/01/1999	29002989	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.17 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.40
ĐINH VĂN HIẾU	21/10/1999	29020283	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 5.60
NHAN VỸ DANH	15/05/1999	29025976	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 8.60
XEO THỊ SỬU	05/06/1998	29008568	Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 2.75
VI MẠNH LINH	28/07/1999	29013619	Toán: 3.60 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.00
NGÔ XUÂN PHƯỚC	22/04/1999	29020406	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ HUYỀN TRANG	16/12/1999	29027055	Toán: 5.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 9.50 Địa lí: 10.00 GDCD: 7.25 KHXH: 8.92 Tiếng Anh: 6.40
PHẠM NGỌC LƯƠNG	28/04/1997	29010755	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 3.20
THIỆU THỊ HÀ GIANG	13/07/1999	29022247	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 9.00 Sinh học: 9.00 KHTN: 7.67 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	25/05/1999	29025920	Toán: 6.40 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ LINH	26/08/1999	29003974	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN DANH LINH	07/06/1998	29030329	Toán: 6.80 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.50
NGUYỄN ĐÌNH CƯỜNG	07/08/1999	29015467	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.40
LA THỊ NHUNG	21/05/1999	29020754	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.80

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	09/02/1999	29010606	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.25 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 4.60
LÊ TRUNG KIÊN	02/12/1997	29015960	Toán: 1.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN VĂN TUẾ	07/06/1999	29023068	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.80
HOÀNG KHANG	18/06/1999	29007903	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.00
LÊ XUÂN LINH	27/06/1998	29023479	Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 7.75
LÝ THỊ THẨM	03/03/1999	29016370	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 5.60
TRẦN THỊ HƯƠNG	03/03/1999	29027382	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.80
LÔ VĂN KỶ	05/01/1999	29020687	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 1.80
LÊ BÁ LỰC	23/01/1999	29016782	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.00
VŨ THỊ QUỲNH ANH	13/09/1999	29013466	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ THỦY TIÊN	28/08/1999	29021357	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN TÙNG QUÂN	20/04/1999	29030230	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ TRANG	28/08/1998	29016035	Toán: 9.20 Vật lí: 2.75 Hóa học: 9.50 Sinh học: 9.50 KHTN: 7.25
LÊ THỊ QUỲNH	10/02/1999	29011028	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 8.00 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN ĐÌNH HUY	09/04/1999	29025458	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 3 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 5.00 KHXH: 3.83 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN THỊ HOA	30/09/1999	29008724	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ NGỌC AN	08/04/1998	29010713	Toán: 2.40 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.00
DƯƠNG TIẾN ĐẠT	01/05/1999	29020249	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 5.20

TRẦN VĂN HƯNG	01/06/1999	29021111	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ LƯU	09/01/1999	29028530	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.00
LÊ ĐÌNH THẢO	31/08/1999	29000529	Toán: 4.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ THẢO THƯƠNG	27/04/1999	29008979	Toán: 6.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM TRỌNG ĐỨC THẮNG	10/10/1999	29025668	Toán: 5.60 Ngữ văn: 2.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 7.80
NGUYỄN MẠNH HUY	30/10/1999	29023790	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 3.60
PHAN VĂN DIỆM	23/09/1999	29005522	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ HƯƠNG	30/12/1998	29011368	Toán: 2.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.00
SẦM THỊ ĐÀO	15/08/1999	29013913	Toán: 5.40 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 7.20
ĐẬU KHẮC SƠN	01/05/1999	29023503	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 4.75
TRẦN THỊ HỒNG HẠNH	26/02/1999	29000159	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 6.50 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN THỊ ÁNH	17/10/1999	29005491	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.80
ĐÌNH THỊ THU HỒNG	13/06/1999	29007637	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ TRÀ	15/09/1999	29011534	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ HỒNG NHẬT	17/10/1999	29016197	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ HẰNG	12/08/1999	29002332	Toán: 4.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.50 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	01/10/1999	29015420	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.25 GDCD: 7.50 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 3.20

TRẦN THỊ MẠNH BÌNH	27/08/1999	29006273	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.20
HÀ THỊ PHƯỢNG	30/03/1999	29013690	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 4.40
ĐẶNG VĂN TIẾN	06/05/1999	29018985	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 8.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 4.00
LÊ VĂN ĐỨC	04/07/1999	29019687	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50
NGUYỄN TRỌNG KIÊN	17/07/1999	29022327	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ HẢI	18/03/1999	29008692	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.00
TRƯƠNG THỊ MẪN	13/05/1999	29015860	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN ĐÌNH THÁI	06/01/1999	29015108	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 7.00 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 3.00
LANG VĂN GIANG	28/01/1998	29013517	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.80
ĐÀM THỊ PHƯƠNG TRÀ	21/06/1999	29018209	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 3 Tiếng Anh: 3.60
VÕ THỊ PHƯƠNG ANH	20/03/1998	29000938	Toán: 8.60 Vật lí: 7.25 Hóa học: 9.25 Sinh học: 6.25 KHTN: 7.58
NGUYỄN THỊ MAI UYÊN	02/09/1999	29011183	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.50 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 4.20
CHU VĂN MỸ	06/11/1998	29001078	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.67 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50
NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG	10/10/1999	29003537	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN TRỌNG LINH	22/10/1997	29001777	Toán: 7.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.25
VÕ THỊ QUỲNH TRANG	26/09/1999	29007443	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 8.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN HUY HẬU	29/09/1999	29005627	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.20

NGÔ THỊ HỒNG NGÀ	09/12/1999	29005167	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.80
KHA HỒNG SÁO	10/05/1999	29020793	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ THOẢ	15/04/1999	29028685	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.60
LÔ VĂN TRUNG	29/10/1999	29003549	Toán: 1.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN HÀO QUANG	16/01/1999	29002561	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ THÙY DUNG	04/03/1999	29020978	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 9.25 Hóa học: 9.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 8 Tiếng Anh: 5.60
LƯƠNG THỊ HOA	05/06/1999	29020645	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ GIANG	12/10/1999	29021689	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.60
HOÀNG THỊ SÁNG	17/07/1999	29005873	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG GIA BẢO	18/11/1998	29027186	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM THỊ THƠM	04/03/1999	29030722	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.40
LÊ HOÀNG HẢI	14/10/1999	29012015	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 2.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 2.40
BÙI THỊ THU HIỀN	24/07/1999	29015594	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM HUY HOÀNG	30/10/1999	29012078	Toán: 5.00 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 3.60
DƯƠNG NGỌC CHIẾN	21/07/1999	29029746	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 1.20
NGUYỄN DUY NGHĨA	30/10/1996	29025297	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.00
CAO THÀNH HIẾU	26/08/1999	29004425	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 8.00

ĐẶNG THỊ NGỌC MAI	16/04/1998	29010517	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN DUY ANH	10/12/1999	29002198	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 3.60
VÀ BÁ PÓ	05/09/1999	29008409	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 2.50 GDCD: 6.50 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 3.20
PHAN NGỌC ANH	20/10/1999	29022180	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ THANH HUYẾN	03/09/1999	29002422	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 5.60
BÙI THỊ THANH TÂM	17/03/1999	29013332	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.33 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.40
THÁI VĂN THÀNH	21/07/1999	29030654	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN VĂN TIẾN	19/02/1998	29028125	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ LÊ NA	20/05/1999	29024471	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.75 KHXH: 4.08 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN PHÁP	29/07/1999	29030594	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VIỆT CƯỜNG	02/07/1999	29010293	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.40
PHAN LÊ HOÀNG ÂN	12/08/1999	29024162	Toán: 9.20 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 4.17 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 8.80
VÕ THỊ YẾN NHI	26/09/1999	29014663	Toán: 3.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.60
LỖ BÁ CÒ	22/09/1999	29008194	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 1.60
NGUYỄN NGỌC TÚ	20/05/1999	29024659	Toán: 4.40 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN THỊ KHÁNH HẠNH	12/10/1999	29028946	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.00
VI THỊ HỒNG TIẾN	10/02/1999	29025729	Toán: 6.60 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 9.00 GDCD: 7.00 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 4.40

BÙI MẠNH CƯỜNG	22/11/1998	29010058	Toán: 8.40 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.00
NGUYỄN BÁ CHIẾN	16/05/1999	29001843	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN THỊ HƯƠNG	16/08/1999	29016714	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 5.00
PHẠM ANH TÚ	11/03/1999	29015303	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ QUỲNH LÂM	05/06/1999	29024791	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.08 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.75
NGUYỄN VĂN ĐẠT	28/10/1995	29026615	Toán: 7.60 Hóa học: 7.75 Sinh học: 9.00
NGUYỄN THỊ THẢO	17/11/1999	29029255	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.50 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 5.60
TRẦN THỊ HÓA	28/03/1999	29003398	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.20
HỒ NHÂN KÝ	09/01/1999	29006438	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.00 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.60
HỒ Y HƯƠNG	10/01/1999	29008291	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.60
LƯƠNG THỊ NGỌC	15/05/1999	29000432	Toán: 2.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ QUỲNH HOA	12/01/1999	29009598	Toán: 7.80 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 9.00 Sinh học: 8.25 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ LINH	07/10/1999	29001986	Toán: 7.40 Ngữ văn: 8.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 6.40
TRẦN BÁ NHẬT	18/05/1999	29014658	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.00
CAO HỮU THUẬN	27/10/1999	29006187	Toán: 2.40 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.25
NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG	20/07/1999	29012881	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.75 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 8.00
NGUYỄN THỊ THU TRANG	22/12/1999	29009974	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 1.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.67 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN NGỌC LINH	07/07/1999	29017341	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 5.50 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.20

CAO THỊ OANH	12/05/1999	29006543	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ THU HIỀN	15/04/1999	29010880	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 9.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 8.20
LÔ THỊ CHUNG	13/02/1999	29003057	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.00 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM THỊ HẰNG	03/08/1999	29030446	Toán: 8.40 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 8.25 Sinh học: 8.50 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 3.80
PHẠM NGỌC HUYỀN	07/08/1999	29003926	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 6.60
NGUYỄN VĂN QUÂN	16/07/1998	29012321	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN ĐỨC TỈNH	12/10/1999	29004693	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN NGUYỆT ANH	17/05/1999	29017825	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG THỊ THU UYÊN	12/07/1999	29007480	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.20
LƯƠNG THỊ DUNG	18/01/1999	29003072	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN NHƯ HOÀNG	18/05/1999	29009618	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 2.00
LÊ VĂN BẰNG	14/04/1999	29023618	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 7 Tiếng Anh: 5.60
HOÀNG THỊ THƠ	23/06/1999	29004649	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 5.80
TRẦN THỊ HIỆP	28/05/1999	29015608	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN ĐÌNH LONG	16/03/1999	29016774	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN QUỐC VỢI	19/07/1999	29000914	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.92 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VĂN TẤN ĐẠT	27/05/1999	29000975	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75

PHAN XUÂN LỢI	18/08/1998	29030072	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 6.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.40
NGÔ ĐỨC CHUNG	23/11/1999	29012659	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG THỊ TÂM	27/09/1999	29016325	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.75 KHXH: 8.42 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN ĐỨC THẮNG	19/06/1997	29025318	Toán: 6.20 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.25 Tiếng Anh: 3.80
LÊ THỊ THÙY	08/09/1999	29020066	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.00 KHXH: 8 Tiếng Anh: 4.20
PHẠM KHẮC MẠNH	31/10/1999	29025138	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ NHƯỜNG	20/02/1999	29018100	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ THU UYÊN	08/08/1999	29006786	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 5.80
PHẠM THỊ VY	09/10/1999	29009386	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG LINH CHI	24/10/1999	29025358	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN TIẾN	22/03/1999	29028721	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 8.25 Sinh học: 6.00 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN PHÚC LỘC	04/06/1999	29027973	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 5 Tiếng Anh: 5.80
HỒ THỊ HỒNG	14/02/1999	29013167	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN VĂN DŨNG	14/12/1999	29024971	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 4.40
TẠ QUANG HUY	09/08/1999	29025069	Toán: 7.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THÁI TUẤN	19/12/1999	29025793	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.25 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM THỊ HẰNG	01/07/1999	29018781	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.75 Tiếng Pháp: 2.20

PHAN VĂN KHÁNH	13/04/1999	29029056	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.60
LÊ THỊ HẠNH	29/01/1999	29012021	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	12/07/1999	29007508	Toán: 8.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN THỊ HỒNG NGỌC	10/03/1999	29014641	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.20
PHẠM THỊ ĐĂNG	22/10/1999	29001880	Toán: 9.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 3.80
LÊ THỊ Tú QUYÊN	03/03/1999	29018677	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN THỊ LÀNH	19/09/1999	29030521	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 6.00 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 4.40
HOÀNG THỊ TRÀ	09/05/1999	29006681	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 7.40
PHẠM VĂN TRƯỜNG	16/02/1999	29004768	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 4.40
HỒ THỊ HÒA	07/09/1999	29003871	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 9.25 GDCD: 9.00 KHXH: 8.67 Tiếng Anh: 2.80
BÙI TRỌNG HỮU	05/10/1999	29028480	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN NGỌC THƯƠNG	29/11/1999	29018981	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN NGỌC UY	20/08/1999	29020533	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 1.75 Sinh học: 2.25 KHTN: 2.25 Tiếng Anh: 3.40
TẠ QUANG SANG	18/05/1999	29005871	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THUỶ LINH	24/06/1999	29026858	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 1.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.08 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.80
THÁI VĂN CÔNG	08/11/1997	29010057	Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	06/10/1998	29011463	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.60

TRẦN NGUYỄN ANH	22/11/1999	29000937	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75
HOÀNG THỊ KHÁNH HUYỀN	30/08/1999	29017291	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.75 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN DU ĐẠI	24/04/1999	29016133	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 4 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HÀ MY	01/07/1999	29024467	Toán: 7.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 9.40
NGUYỄN THÀNH DŨNG	01/12/1999	29003363	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 3.80
VÀ BÁ SÁU	28/06/1999	29020795	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.00 KHTN: 2.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.00 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.60
LƯU THỊ LÀNH	20/06/1999	29023235	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.80
KHA VĂN TUYẾN	07/12/1999	29020866	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN HỮU KỶ	10/02/1999	29023232	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.40
BÙI THỊ THẢO	02/02/1999	29004165	Toán: 3.00 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 9.25 GDCD: 8.00 KHXH: 8.33 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ DIỆU LY	17/11/1999	29020702	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN DOÃN MẠNH	11/01/1999	29023257	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.25 Hóa học: 7.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 7 Tiếng Anh: 3.80
VÕ ĐÌNH HOÀN	29/04/1999	29027907	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 8.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ ĐÀO	09/01/1999	29027859	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 7.00 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 2.80
HỒ NGHĨA HOÀNG	01/09/1998	29015649	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.00
ĐINH THỊ HỒNG	27/01/1999	29027914	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HẬU	30/12/1999	29001341	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.80

NGUYỄN XUÂN MẠNH	15/12/1999	29009749	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 6.75 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 8.00
HỒ ĐỨC SƠN	27/10/1999	29014741	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN CAO THÀNH	11/08/1999	29013342	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 1.75 KHTN: 4 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 9.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 7.40
LÊ NGỌC ÁNH	12/02/1999	29017102	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG LINH PHƯƠNG	06/09/1999	29007080	Toán: 8.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 8.00
NGUYỄN THỊ KIM CHI	27/12/1999	29009079	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN VĂN HIẾU	02/01/1998	29001008	Toán: 8.60 Vật lí: 8.75 Hóa học: 10.00
HOÀNG THỊ THỦY NGÂN	03/05/1999	29011428	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 4.80
HỒ THỊ HUYỀN TRANG	12/11/1999	29017003	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN VŨ PHƯƠNG	01/11/1999	29005836	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN XUÂN ĐẠO	10/02/1999	29020247	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 2.92 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.60
TẶNG ĐÌNH ĐỨC	07/08/1998	29013027	Toán: 3.40 Vật lí: 1.00 Hóa học: 2.50
LƯƠNG THỊ THỦY	26/05/1999	29014166	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.20
HỒ THỊ LỢI	24/10/1999	29005743	Toán: 4.40 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 3.25 GDCD: 6.00 KHXH: 3.75 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN MINH TÚ	19/12/1999	29027086	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 3 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 1.60
NGUYỄN DUY SƠN	26/06/1992	29016003	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 9.00
TRẦN VĂN SANG	28/06/1999	29012895	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HƯƠNG MƠ	05/11/1999	29025547	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.40

NGUYỄN ĐĂNG HÙNG	25/04/1999	29029965	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.20
BIỆN MAI LINH	17/07/1999	29023840	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 2.00 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 6.80
VŨ DUY SƠN	30/09/1999	29004604	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN ANH DŨNG	22/08/1999	29006301	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 2.80
LƯƠNG VĂN SƠN	24/07/1999	29008429	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.00
VŨ THỊ HẬU	07/05/1999	29015593	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN PHÚC BẢO	01/04/1999	29029725	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ QUỲNH	23/08/1999	29005864	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG KHẮC QUÂN	25/05/1999	29028030	Toán: 8.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 7 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HÀ	27/02/1999	29021696	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 5.00
CỤT VĂN XI	07/07/1999	29008505	Toán: 3.60 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 5.50 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN DOÃN NAM	05/10/1999	29010972	Toán: 5.00 Ngữ văn: 2.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 2.20
PHAN THỊ TÂM	23/12/1998	29022968	Toán: 2.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ HẰNG	20/02/1999	29010875	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 6.50 KHTN: 6 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG	24/12/1999	29030000	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 1.40
NGUYỄN THỊ QUYÊN	17/01/1999	29023313	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.33 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.80
VI THỊ NHƯ	13/12/1999	29003241	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.80

NGUYỄN TRUNG KHÁNH	09/02/1999	29026839	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.25 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.67 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 8.20
PHAN XUÂN TRƯỜNG	13/07/1998	29029408	Toán: 9.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 6.75
ĐINH TRUNG KIÊN	08/06/1999	29007908	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 6.00 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 7.00
LƯƠNG TIẾN SƠN	20/09/1999	29020799	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 1.80
HOÀNG THỊ TRÀ MY	19/05/1999	29006506	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HỒNG LÝ	09/05/1999	29003452	Toán: 5.80 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG THỊ HOÀI	19/08/1999	29027328	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ CẨM TÚ	11/11/1999	29011151	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ LINH CHI	16/04/1999	29009476	Toán: 4.00 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.40
NGÔ TRÍ MẠNH	16/10/1999	29015855	Toán: 3.20 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.75 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN VĂN HẬU	01/10/1999	29005006	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ TRANG NHUNG	26/04/1999	29012867	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN THỊ TRANG	18/03/1999	29016484	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.20
NGÔ THỊ THU UYÊN	03/12/1999	29018272	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN QUỐC ĐẠT	02/02/1999	29010329	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.25 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 2.80
VÕ THỊ MỸ	19/07/1999	29030115	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN HỒNG QUANG	03/05/1999	29014108	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.20

NGUYỄN CÔNG TIẾN	06/11/1999	29030770	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN MINH ĐẠT	07/05/1998	29015504	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 5.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ LINH CHI	27/09/1999	29024177	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 5.60
HỒ THỊ KIM UYÊN	25/06/1999	29027113	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.5 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	01/10/1999	29024035	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN ĐÌNH CƯỜNG	08/06/1999	29006873	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.75 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN THỊ KHUYÊN	30/04/1999	29018826	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN KIM HOÀNH	10/04/1999	29009623	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 9.50 GDCD: 9.00 KHXH: 8.5 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ TRÂM	11/01/1999	29025759	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 4.40
VI THỊ TÂM	15/03/1999	29003494	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.25 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	16/08/1999	29022308	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 9.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ ANH VÂN	04/05/1999	29016549	Toán: 2.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN ĐỨC MẠNH	17/04/1998	29025290	Toán: 2.80 Sinh học: 2.75
VI TÚ UYÊN	14/12/1999	29025812	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 6.25 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 5.20
VỪ Y XÙ	06/01/1999	29008521	Toán: 4.40 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 4.50 KHXH: 4.08 Tiếng Anh: 2.80
ĐẬU THỊ MƠ	23/01/1999	29022893	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.20
LÊ THỊ DIỆU THÚY	30/12/1999	29020478	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.17 Tiếng Anh: 2.80

NGUYỄN THỊ CHUNG	22/01/1999	29029436	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 8.25 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 4.60
PHẠM THỊ THẨM	05/01/1999	29029603	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 5.60
LÔ THỊ THẢO	23/03/1999	29003287	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN NHẬT LINH	10/11/1999	29016757	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 2.80
HỒ SỸ PHƯƠNG	04/05/1999	29001565	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HÒE	18/10/1999	29027335	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 4.20
LÊ VĂN ĐỨC	12/04/1999	29000126	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.20
LÊ THỊ NHUNG	10/10/1999	29019902	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ LIỆU	12/12/1999	29015778	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.00
TRƯƠNG QUỐC KHÁNH	02/09/1999	29014503	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.00 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ THẨM	15/06/1998	29001806	Toán: 6.80 Hóa học: 5.75 Sinh học: 7.00
NGUYỄN NGỌC SƠN	19/12/1999	29006591	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.25 Hóa học: 1.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 2.58 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN ĐÌNH TƯỜNG	15/08/1998	29022635	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THANH THIÊN	09/08/1999	29028084	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ HẰNG	23/11/1999	29023172	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ MINH HÒA	21/03/1999	29001387	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 4.60
NGŨ THỊ HÀ TRANG	08/12/1999	29027040	Toán: 3.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 9.50 Địa lí: 9.75 GDCD: 7.25 KHXH: 8.83 Tiếng Anh: 4.20

NGUYỄN THỊ CẨM VÂN	15/10/1999	29023407	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 2.20
LƯƠNG VĂN DUẤN	15/11/1999	29013495	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.40
NGÔ THỊ ÁI XUÂN	22/03/1999	29013006	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.80
HỒ XUÂN HÙNG	08/10/1999	29023776	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 4.20
LÊ THỊ HẰNG	26/09/1999	29022786	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.80
TRƯƠNG ĐẮC LIỄN	01/08/1999	29015774	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN CƯỜNG	16/05/1999	29019253	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.50 KHXH: 8 Tiếng Anh: 2.60
HOÀNG THỊ GIANG	14/12/1999	29005994	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25
NGUYỄN THUỖ LINH	13/01/1999	29017345	Toán: 6.00 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.75 KHXH: 8.42 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN VĂN TIN	20/02/1999	29011802	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 6.50 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 4.00
ĐẬU SỸ THÀNH	26/01/1999	29015116	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THU HÀ	04/06/1999	29024266	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 8.40
HỒ ĐÌNH HOÀNG	19/01/1998	29015648	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.60
HỒ THỊ VUI	02/01/1999	29025835	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THẠCH BẢO	11/07/1999	29019860	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ THỦY	02/09/1999	29011087	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN ĐỨC TRUNG	12/01/1999	29004756	Toán: 4.00 Ngữ văn: 1.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.25 GDCD: 5.00 KHXH: 3.75 Tiếng Anh: 2.60

VĂN THỊ TUYẾT	10/01/1999	29019082	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.08 Tiếng Pháp: 3.80
ĐINH THỊ HIỀN	06/08/1999	29001343	Toán: 6.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 5.20
LA THỊ BÔNG	16/12/1999	29020565	Toán: 0.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.00
NGÔ THỊ THU HOÀI	16/07/1999	29017255	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN KHÁNH TOÀN	15/09/1999	29017579	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.00
DƯƠNG THỊ THÀNH	24/08/1999	29030644	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 4.00
CUNG ĐÌNH ĐĂNG	07/03/1999	29028336	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN SỸ ĐỒNG	12/10/1999	29027258	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN THỊ ÁNH LINH	19/12/1999	29021873	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.00
LÊ VĨNH HUY	02/04/1999	29020308	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 3.60
HỒ THỊ NGỌC	25/04/1999	29016167	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.20
LÊ THỊ THUỶ TRANG	05/09/1999	29018214	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ HÀ	09/09/1999	29029849	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 4.40
PHAN LÊ ĐẠT	20/07/1999	29014923	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 6.60
NGUYỄN TRÍ HIẾU	10/02/1999	29028990	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 1.80
LẦU BẢ CHÙA	09/10/1999	29020897	Toán: 2.20 Ngữ văn: 1.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.50
HOÀNG VĂN TUÂN	24/05/1999	29007797	Toán: 3.40 Ngữ văn: 1.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.40

NGUYỄN THỊ HƯƠNG	24/09/1999	29003934	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN QUÂN	27/11/1998	29009030	Toán: 8.60 Vật lí: 8.25 Hóa học: 9.75 Sinh học: 2.25 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VĂN LỢI	15/06/1995	29025286	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.75
VŨ THỊ KIM SƯƠNG	26/02/1999	29004144	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN NGỌC TRINH	03/07/2000	29011542	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN TẤN DŨNG	03/09/1999	29023656	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 9.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 6 Tiếng Anh: 8.20
VĂN ĐỨC HOÀNG	19/05/1999	29011660	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 1.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 2.92 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ THANH TRANG	10/07/1999	29025750	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN QUỐC NHẬT	07/12/1999	29018636	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN THÀNH	10/08/1999	29022082	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.80
VI THỊ TUYẾT	10/09/1999	29013436	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.08 Tiếng Pháp: 3.00
TRẦN THỊ NGỌC	26/03/1999	29020390	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.5 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.20
TRƯƠNG NGUYỄN CÔNG ĐỨC	09/12/1999	29014370	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.80
NGÔ SỸ NGHĨA	16/09/1999	29005795	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.80
BÙI QUANG HUY	21/05/1999	29018499	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.40
VI THỊ KIM CHI	07/08/1999	29024950	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 3.80
DƯƠNG TIẾN SỸ	27/12/1999	29014739	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.00 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.20

HỒ VĂN CÔNG	14/02/1999	29015453	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN TRỌNG ƯỚC	20/03/1997	29010809	Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.00
ĐẶNG THỊ UYÊN	20/01/1999	29009376	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN HỒ CÔNG LINH	17/05/1999	29018022	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM BÁ KHÁNH	02/09/1999	29010452	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.25 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ THẢO	30/09/1999	29011498	Toán: 5.00 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 9.25 GDCD: 9.00 KHXH: 8.92 Tiếng Anh: 3.80
DƯƠNG MINH HIẾU	13/09/1999	29026095	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	14/08/1999	29025611	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.60
LƯƠNG THỊ THU HOA	08/03/1999	29025438	Toán: 5.00 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 9.75 GDCD: 9.25 KHXH: 9 Tiếng Anh: 3.00
TẶNG ĐÌNH YÊN	25/05/1999	29013455	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4 Tiếng Anh: 3.80
LÊ THỊ THANH HÀ	10/10/1999	29012005	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 2.60
LO VĂN ĐẠT	14/01/1999	29014920	Toán: 2.60 Ngữ văn: 2.75 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.08 Tiếng Anh: 2.80
ĐẶNG THỊ HỒNG MAI	28/10/1999	29010954	Toán: 6.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 2.60
CHU THẢO VÂN	03/12/1999	29005411	Toán: 4.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 2.40
TRƯƠNG HỒNG ĐỨC	13/11/1999	29004957	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.60
CAO THỊ HỒNG NGÂN	27/05/1998	29026659	Toán: 5.40 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.25
NGUYỄN THỊ THÙY LINH	28/03/1999	29026261	Toán: 6.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 9.50 Địa lí: 9.25 GDCD: 7.75 KHXH: 8.83 Tiếng Anh: 4.60

VI VĂN DẦN	18/11/1999	29013490	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 1.80
TRẦN THỊ UYÊN	13/02/1999	29005407	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.20
ĐẶNG VĂN TUẤN	09/04/1999	29006220	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.75
TRẦN VĂN HÀ	01/09/1999	29011302	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 3.60
HỒ THỊ MINH KHÁNH	07/08/1998	29026648	Toán: 8.80 Hóa học: 7.25 Sinh học: 8.50
NGUYỄN THỊ NA	10/01/1999	29021921	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN TRUNG KIÊN	28/04/1999	29023830	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.50 Hóa học: 9.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 5.20
HOÀNG THỊ TRANG	19/09/1999	29011813	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 4.40
PHẠM THỊ TUYẾN	01/07/1999	29006776	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN VĂN NGHĨA	08/02/1999	29020731	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN TIẾN DŨNG	15/07/1999	29023657	Toán: 8.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 7.67 Tiếng Anh: 7.00
PHẠM VIỆT QUANG	26/06/1999	29002562	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.00
VI VĂN VŨ	28/11/1999	29014222	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ HUỖN	10/09/1999	29003922	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.50 GDCD: 6.75 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ HÀ THƯƠNG	23/03/1999	29024598	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.50 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 6.60
LÊ THỊ PHƯƠNG	15/01/1999	29018115	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 8.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 6 Tiếng Anh: 9.40
NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	10/05/1999	29007215	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 8.75 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 3.80

DƯƠNG VĂN ĐỨC	11/12/1999	29012702	Toán: 9.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 9.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 6.75 KHTN: 7.67 Tiếng Anh: 9.40
HỒ THỊ TUYẾT	04/07/1999	29016524	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.00 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ AN	23/11/1999	29010237	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 4.20
LÔ THỊ PHƯƠNG	07/10/1999	29025590	Toán: 5.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 9.25 GDCD: 8.00 KHXH: 8.42 Tiếng Anh: 7.40
NGUYỄN THÁI CƯỜNG	08/05/1998	29002702	Toán: 8.60 Vật lí: 9.25 Hóa học: 7.50
NGUYỄN ANH TUẤN	08/09/1999	29030892	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.60
LÔ THỊ QUỲNH TRANG	17/02/1999	29015243	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.60
LƯỜNG THỊ THẢO	12/10/1999	29012387	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 2.92 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN THỊ PHƯƠNG	15/05/1999	29009836	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 5.80
PHẠM VĂN AN	14/02/1999	29022692	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.40
CAO THỊ TRANG	20/02/1999	29004708	Toán: 7.80 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 6.60
LƯƠNG THỊ HỒNG NHƯ	15/11/1999	29013679	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ NGUYỆT	28/10/1999	29017417	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.40
VŨ THỊ LINH	21/10/1999	29015801	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.60
PHAN BÁ NGHĨA	06/03/1999	29030144	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ THƠM	12/09/1999	29008959	Toán: 5.80 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.75 GDCD: 9.00 KHXH: 8.42 Tiếng Anh: 4.60
LÊ TUẤN HIỆP	12/09/1999	29019383	Toán: 1.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 2.25 GDCD: 4.75 KHXH: 3.17 Tiếng Anh: 2.40

TRẦN THỊ HOÀI	28/10/1999	29030475	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ THẮM	01/10/1999	29008946	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 2.75 GDCD: 4.75 KHXH: 3.25 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN MINH NHẬT	06/06/1999	29026397	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 9.75 Địa lí: 10.00 GDCD: 8.50 KHXH: 9.42 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN VĂN HÒE	28/04/1999	29029944	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 8.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.80
HOÀNG VĂN ĐẠI	10/02/1999	29021637	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 6.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THẾ HOẠT	04/05/1999	29019427	Toán: 2.20 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.75 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.60
LÊ THỊ SEN	02/09/1999	29004594	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 6.00
PHẠM THỊ MAI HOA	20/03/1998	29001012	Toán: 8.20 Hóa học: 8.50 Sinh học: 7.50
NGUYỄN THỊ NGÂN	12/07/1999	29021943	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN VIẾT QUANG	13/04/1998	29029384	Toán: 6.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.25
NGUYỄN BÁ BÌNH	24/06/1999	29001836	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 7.50 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ HƯƠNG	28/09/1999	29021113	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 7.40
PHAN THỊ LINH CHI	04/02/1998	29001243	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ TRANG	19/03/1999	29005348	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	03/04/1999	29024362	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.00 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 9.00
NGUYỄN VĂN HƯỞNG	05/10/1999	29007311	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.08 Tiếng Anh: 2.40
BÙI CÔNG HOÀNG	02/09/1999	29002386	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.00 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 3.00

NGUYỄN THỊ NHUNG	30/08/1999	29002866	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.25 Hóa học: 2.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 5 Tiếng Anh: 6.60
PHẠM THỊ LINH	24/03/1999	29007331	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 4 Tiếng Anh: 4.60
LÊ THỊ DUYÊN	05/09/1999	29020985	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 7.25 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 3.60
LÊ BÁ KHÁNH	02/07/1999	29024366	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.5 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 5.20
VI THỊ LINH	09/11/1999	29019563	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	03/03/1999	29016253	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 4.40
ĐẶNG THỊ BÍCH HIỀN	13/04/1999	29017919	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 4.20
NGÔ THỊ HUYỀN	07/12/1997	29017688	Toán: 2.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 9.50 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN ĐÌNH NGUYỄN	04/12/1998	29011435	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN DUY CẢNH	04/03/1999	29012649	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 8.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ THÙY LINH	25/10/1999	29000346	Toán: 8.20 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 8.60
HOÀNG XUÂN HẬU	20/05/1999	29006360	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 8.50 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 7.40
ĐINH THỊ QUỲNH	23/06/1999	29011475	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.50 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 4.40
LƯƠNG THỊ HƯƠNG MAI	15/01/1999	29025131	Toán: 8.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 8.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 4.60
LÊ HỮU DŨNG	22/11/1999	29016118	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.25 Tiếng Anh: 1.80
VÕ THỊ TRÀ MY	13/07/1999	29012839	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.20
VÕ THỊ THƠM	11/06/2000	29025687	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.60

LÊ THỊ HẢI YẾN	06/12/1999	29006823	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 6.00
PHAN QUANG ANH	16/08/1999	29009441	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 3.60
HỒ THỊ VÂN	25/01/1999	29017057	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ MỸ QUYÊN	30/07/1999	29020421	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.58 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG VĂN HỮU	20/07/1999	29015722	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.60
HÀ PHI HÙNG	27/03/1999	29017964	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 5.40
LÊ THỊ HOÀI	25/05/1999	29009602	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.50 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN TRỌNG TRƯỜNG	15/08/1995	29026706	Toán: 5.20 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.75
NGUYỄN THU UYÊN	17/10/1999	29026583	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 8.25 Sinh học: 7.50 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ THẢO	18/10/1999	29030683	Toán: 1.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HUỆ	04/01/1998	29005445	Toán: 8.40 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.00
HỒ THỊ TRÀ	19/08/1999	29007160	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.20
PHAN THỤC ANH	14/10/1999	29028856	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 9.75 GDCD: 8.75 KHXH: 8.67 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN QUANG TRIỀU	06/11/1998	29010802	Toán: 7.40 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 5.5
HỒ THỊ HÀ	06/01/1999	29014383	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN VĂN VIỆT	08/10/1999	29003018	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.58 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.60
PHÙNG THANH PHƯƠNG	22/03/1999	29024534	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.92 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 6.80

VI TUẤN ANH	30/01/1999	29003351	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 2.60
LƯƠNG THỊ YẾN	16/10/1999	29014230	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.50 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ THƯƠNG	17/02/1999	29025721	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN ĐĂNG LINH	10/02/1999	29000707	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.92 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN VĂN ANH	18/12/1999	29017823	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 7.00
CHU THỊ PHƯƠNG	26/02/1999	29004087	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.60
BẠCH THỊ MAI LINH	23/08/1999	29021869	Toán: 4.20 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 8 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ HIỀN	10/02/1999	29030454	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 5.20
ĐẶNG THỊ PHƯƠNG	27/09/1999	29002047	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 2.25 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN KỲ	19/05/1999	29020323	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ YẾN	29/10/1999	29002688	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.80
ĐINH THỊ QUỲNH ANH	06/11/1999	29014273	Toán: 2.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.25 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 3.00
VI THỊ LINH	27/10/1999	29013621	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN TIẾN ĐẠT	24/02/1999	29012696	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.60
ĐẶNG THÀNH VINH	18/02/1999	29021427	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 2.00 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ THU THÚY	11/02/1999	29018966	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 2.60
PHAN THỊ THANH VÂN	06/03/1999	29006797	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 4.00

NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	16/04/1999	29002981	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 4.80
PHAN ĐỨC VIỆT	24/01/1999	29010023	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ KIỀU LINH	08/05/1999	29024798	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.83 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.25
NGUYỄN QUANG ĐỨC	04/09/1999	29023689	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 3.60
HỒ THỊ ANH THƯ	12/12/1999	29018974	Toán: 7.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 7.40
NGUYỄN THỊ LINH	10/08/1998	29005112	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN HỮU HÙNG	16/02/1998	29007644	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN HỮU SÁNG	01/05/1999	29002906	Toán: 6.60 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 4.60
PHAN THỊ PHƯƠNG	13/11/1999	29006557	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 4.40
HÀ ĐỨC THIÊN	14/12/1998	29013842	Toán: 2.40 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 3
LÔ VĂN ANH	08/01/1999	29013462	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 3.20
NGÔ THỊ KIỀU LINH	28/01/1999	29026248	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN ĐỨC THẮNG	04/02/1999	29029604	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.00 Sinh học: 6.25 KHTN: 7.67 Tiếng Anh: 6.00
LÊ THANH PHONG	22/12/1999	29023957	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN VĂN PHI	08/05/1999	29027721	Toán: 1.80 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.75
NGUYỄN ĐÌNH HÀO	23/10/1999	29001902	Toán: 6.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	03/02/1999	29011011	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 4.40
HOÀNG THỊ NGỌC TÚ	29/11/1999	29006751	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.20

NGÔ THỊ HÀ	28/06/1998	29028930	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN NGỌC TUẤN	01/10/1998	29019830	Toán: 8.80 Vật lí: 2.50 Hóa học: 9.25 Sinh học: 9.50 KHTN: 7.08
VÕ THỊ OANH	11/02/1999	29000467	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 4.80
LÊ ĐÌNH CHƯƠNG	14/07/1999	29007233	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 2.40
ĐẬU ANH TUẤN	18/05/1999	29017034	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 3.40
ĐẶNG HỒNG NHẬT	08/10/1999	29027494	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 8.50 KHXH: 5 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ LONG	01/11/1999	29005737	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 8.00
VŨ VĂN THÁI	13/08/1999	29029595	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 4.60
HOÀNG THỊ THANH TÚ	20/11/1997	29013078	Toán: 4.00 Ngữ văn: 2.75
LÊ CÔNG LỰC	18/06/1999	29030074	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 1.80
CHU THỊ HỒNG NHUNG	13/07/1999	29002864	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ HUYỀN	23/03/1998	29006412	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.92 Tiếng Anh: 3.20
NGÔ THỊ TRANG	05/01/1999	29004718	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 9.25 Địa lí: 9.00 GDCD: 9.00 KHXH: 9.08 Tiếng Anh: 3.60
HÀ THỊ TRANG	08/04/1999	29009305	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN VĂN HOÀNG	25/09/1998	29024769	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25
NGÔ DIỆU LINH	05/04/1999	29010481	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN VĂN PHÚC	03/04/1999	29006551	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 2.60

LANG THỊ PHƯỢNG	02/08/1999	29025595	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.00 KHXH: 8 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN HỮU BÌNH	02/05/1993	29025323	Toán: 4.40 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.25
CHU VĂN DUY	05/07/1999	29002274	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.60
TRƯƠNG VĂN LƯU	01/02/1999	29028531	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ LY	06/05/1999	29009738	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM VĂN THÔNG	10/08/1999	29022471	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 2.80
HÀ VĂN TOẠI	29/10/1998	29012457	Toán: 9.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN VĂN TÚ	02/04/1999	29020515	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.60
HÀ VI TRANG	23/08/1999	29014182	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 8.50 Sinh học: 9.00 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN XUÂN PHÚC	31/05/1998	29010779	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.25
NGUYỄN QUANG PHÚ	12/07/1998	29010776	Toán: 7.00 Vật lí: 7.25 Tiếng Anh: 3.40
TÔN ANH TUẤN	07/03/1999	29022631	Toán: 7.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN VĂN THẢO	27/03/1999	29028662	Toán: 1.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.80
ĐINH THỊ GIANG	27/10/1999	29012719	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.80
BÙI MAI TRÀ MI	08/01/1999	29018045	Toán: 7.60 Ngữ văn: 9.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 6.00
VI THỊ THÙY LINH	19/06/1999	29025521	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 9.25 Địa lí: 10.00 GDCD: 7.00 KHXH: 8.75 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN VĂN HƯỚNG	21/10/1999	29006421	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.42 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 9.25 GDCD: 7.00 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.20

NGUYỄN THỊ THÙY	29/04/1998	29019165	Toán: 7.00 Ngữ văn: 8.75 Tiếng Anh: 6.80
HOÀNG ANH CHIẾN	30/10/1999	29000065	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 3.60
CAO THỊ LINH	18/02/1999	29005721	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 5.20
ĐẶNG THỊ TÂM	11/04/1999	29002074	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 4 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ NHÀN	24/07/1999	29010986	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ YÊN	04/04/1999	29023419	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 8.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN ĐÌNH THÔNG	18/07/1999	29025680	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN HIẾU	07/01/1998	29001009	Toán: 6.40 Hóa học: 5.75 Sinh học: 7.25
ĐÀO QUANG PHÚC	01/05/1999	29029185	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN THỊ HIỀN	18/03/1999	29013955	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.00
LÊ VĂN ĐỨC	07/10/1999	29014926	Toán: 8.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.80
ĐẬU VĂN HÙNG	30/07/1999	29009630	Toán: 4.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ OANH	16/09/1999	29018651	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 4.40
LÊ THỊ THU HIỀN	31/10/1999	29025428	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 5.20
HOÀNG NGỌC ANH	15/11/1999	29000015	Toán: 4.20 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 4.20
QUANG THỊ TRANG	19/06/1999	29013774	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN THỊ MINH ANH	14/04/1999	29023593	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 2.80

LÊ THỊ LINH	25/07/1999	29001461	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.00
CAO THỊ LINH	01/09/1999	29006456	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 6.75 KHTN: 5.58 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN NGỌC VINH	01/03/1999	29025829	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ THUỶ	20/04/1998	29022512	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.75 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 2.20
LÀU Y MÁI	17/06/1999	29008347	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG THỊ DUNG	09/09/1999	29002262	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.00
HỒ VĂN CHÍNH	12/02/1999	29016104	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN VĂN HẢI	02/04/1999	29014392	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN ĐỨC THUẬN	08/05/1999	29016972	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN SƠN	28/08/1999	29020440	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.83 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.50 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ TÚ OANH	09/04/1999	29009809	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ LỰA	17/10/1999	29015021	Toán: 7.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 3.20
HỒ NGỌC HOÀNG	26/06/1999	29016657	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 6 Tiếng Anh: 5.20
HỒ THỊ THÙY	06/09/1999	29018958	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 4.40
LƯƠNG THỊ HÙNG	10/04/1999	29013573	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG NHƯ QUỲNH	10/04/1999	29027564	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.50 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ HIỀN	15/10/1999	29030456	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 5 Tiếng Anh: 2.80

VĂN THỊ THÚY	07/04/1999	29016439	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.60
VI THỊ THÙY TRANG	14/03/1999	29003343	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.40
TỪ QUỲNH NGÀ	08/07/1998	29025296	Toán: 5.80 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.00
VƯƠNG ĐẠO ĐẠT	05/03/1999	29020996	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.50 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ MAI	30/07/1999	29014592	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 3.50 GDCD: 7.75 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ HIỀN LƯƠNG	02/07/1999	29028529	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ HUYỀN	06/07/1998	29027928	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4 Tiếng Anh: 3.80
LÔ THỊ UYÊN	10/06/1999	29015331	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN HOÀNG LÂM	05/04/1995	29026652	Toán: 8.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 8.00
TRẦN THỊ MỸ QUYÊN	24/09/1999	29026471	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.00
CAO THỊ THU	29/04/1999	29005934	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.60
LÔ THỊ LIỄU	05/02/1999	29020695	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.50 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.60
HỒ THỊ LAN	19/09/1999	29015750	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.40
HOÀNG ĐẠT	01/05/1998	29013025	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Tiếng Anh: 6.00
BÙI THỊ ÁNH VÂN	30/10/1999	29002677	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.20
PHẠM XUÂN TRÌNH	22/10/1999	29006720	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN THỊ ÁNH	25/12/1998	29008613	Toán: 1.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.40
HOÀNG THỊ XUÂN	02/03/1999	29002173	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 8.50 Sinh học: 9.00 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 5.60

NGUYỄN THỊ THÙY ANH	11/06/1999	29003693	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 4.80
PHAN THỊ TRÀ MY	22/07/1999	29021918	Toán: 5.20 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 9.25 GDCD: 9.00 KHXH: 8.83 Tiếng Anh: 3.60
PHAN THỊ HOÀI	02/09/1999	29022813	Toán: 2.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.40
TỔNG PHƯƠNG THẢO	17/11/1999	29026974	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 6.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 1.00 GDCD: 4.50 KHXH: 2.67 Tiếng Anh: 4.20
ĐẬU THỊ THANH DANH	12/04/1998	29010296	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM THỊ VÂN	30/10/1999	29029674	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.00 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ TRÀ SƯƠNG	10/10/1999	29011486	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ ÁNH	01/10/1999	29022186	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 3.00
LƯƠNG NGỌC PHIÊN	22/09/1999	29025582	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.25 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 3.80
ĐẶNG THỊ NGỌC HUYỀN	20/11/1999	29026175	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.80
TRƯƠNG THỊ THẢO	22/04/1999	29020022	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.75 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ HOÀI	15/10/1999	29023192	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 2.25 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 3.20
HỒ ĐÌNH DẪN	05/03/1998	29017641	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ LAN NHI	25/10/1998	29000449	Toán: 2.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ HOÀI LINH	09/09/1999	29009707	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 3.75 KHXH: 3.83 Tiếng Anh: 4.00
ĐÀO THỊ KHÁNH LINH	29/10/1999	29024397	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 7.40
PHẠM HỒNG HẢI	24/08/1999	29010366	Toán: 1.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 1.80

NGUYỄN BÁ MINH ANH	17/09/1999	29027817	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM THU UYÊN	04/02/1999	29011842	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN THỊ HỒNG	19/05/1999	29021086	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.20
PHÙNG THÙY TRANG	27/10/1999	29028162	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 6.25 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 4.00
LÊ MINH TUẤN	01/10/1999	29024121	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 5.80
LƯƠNG THỊ QUỲNH	22/12/1999	29020790	Toán: 1.80 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 5.00 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN DUY THỊNH	12/10/1999	29016393	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.80
LÊ THỊ VÂN ANH	01/03/1999	29025872	Toán: 6.40 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 7.80
VANG THỊ KHÁNH LINH	23/03/1999	29014033	Toán: 1.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 4.00
PHẠM DOÃN THƯƠNG	10/10/1999	29020098	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.80
LÊ VĂN CÔNG	01/10/1999	29000950	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 1.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 3.33 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.00
HÀ THỊ BÌNH	18/02/1999	29019223	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.60
CAO THỊ TRẦM	23/10/1999	29006711	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 5.25 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ TÂM	10/01/1999	29030281	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ THANH	26/10/1999	29011050	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 4.00
GIẢN THỊ HÀ PHƯƠNG	25/05/1999	29021233	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 9.25 GDCD: 8.25 KHXH: 8.58 Tiếng Anh: 4.00
MẠC VĂN THÀNH	16/01/1999	29015119	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.80

NGUYỄN THỊ YẾN	20/06/1999	29002183	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.20
LÊ THỊ THÙY LINH	22/08/1999	29009703	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 9.00
HỒ THỊ HOÀI THƯƠNG	01/03/1999	29016443	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.50 KHXH: 8 Tiếng Anh: 3.80
TRÌNH VĂN LỘC	12/04/1999	29021158	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 2.20
HỒ THÁI ANH	20/01/1999	29018337	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.60
ĐẶNG THỊ HỒNG NHUNG	15/04/1999	29025185	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN VĂN TRUNG	01/05/1999	29009993	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.50 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ THUÝ HẰNG	21/10/1999	29028960	Toán: 4.60 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 6.80
NGUYỄN TIẾN ÂU	23/06/1999	29017829	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.17 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM LÊ HOÀI TRANG	10/06/1999	29007439	Toán: 9.00 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 9.20
TRẦN THỊ ÁNH	27/09/1999	29029722	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.60
HỒ NGỌC HIỀN	16/04/1998	29024762	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.00
HỒ VĂN TRUNG	07/07/1995	29013077	Toán: 7.40 Vật lí: 7.00 Hóa học: 8.75
NGUYỄN HỮU KỶ	06/09/1999	29029518	Toán: 9.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 3.60
LƯƠNG MỘNG LIỄU	05/09/1998	29008327	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ MẶN	08/07/1999	29011410	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.80
XÔNG GIÀ PÓ	18/04/1999	29008410	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 2.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN MINH LINH	11/05/1999	29026275	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.25 GDCD: 6.75 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.40

DƯƠNG THỊ NHÀN	26/09/1998	29009025	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.17
TRƯƠNG THỊ THỐNG	15/02/1998	29015166	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM VĂN TUẤN	28/05/1999	29019066	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.00 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN VĂN SƠN	16/06/1998	29022143	Toán: 6.60 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.50
PHAN VĂN HIỆP	12/06/1999	29013958	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ QUỲNH	01/10/1999	29005863	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.40
PHẠM THỊ NGỌC ANH	22/06/1999	29021550	Toán: 2.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.50 GDCD: 7.00 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HỒNG	01/02/1999	29007886	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 4 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN ĐÌNH MẠNH	23/05/1998	29027706	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.40
PHAN THỊ HƯƠNG	03/01/1999	29017304	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 4.20
THÁI HỒNG VŨ	17/09/1999	29006811	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN THỊ THU SANG	25/02/1999	29014121	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.00 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 4.20
HỒ THỊ NGÂN	10/05/1998	29015985	Toán: 5.80 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.50
NGUYỄN CÔNG DÂN	26/08/1999	29010298	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.80
LƯƠNG THỊ THẢO	08/02/1999	29025641	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 2.40
THÁI THỊ LÊ NA	29/11/1999	29030562	Toán: 6.20 Ngữ văn: 8.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 6.80
NGUYỄN PHƯƠNG NAM	10/12/1997	29010140	Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.75

HOÀNG TRỌNG VIỆT	30/04/1999	29006804	Toán: 2.80 Ngữ văn: 1.75 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 3.75 GDCD: 5.00 KHXH: 3.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ THẢO	15/10/1999	29022975	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 5.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 4.20
VIÊNG ANH TÚ	03/11/1999	29020859	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HẰNG	01/12/1999	29014401	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ HẰNG	10/06/1999	29015585	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.40
ĐẬU ĐỨC HẢI	28/07/1999	29012727	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG BẢO LONG	07/06/1999	29026865	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 5.20
CAO VĂN SÁNG	06/05/1997	29011767	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 2.00
VÀ BÁ TRỪ	11/05/1999	29020855	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 5.25 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN VĂN NAM	11/01/1999	29019625	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HÀ TRANG	27/05/1999	29011105	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.20
NGÔ THỊ HUYỀN	06/09/1999	29006970	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN ĐÌNH THI	19/05/1999	29016388	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN MINH ĐỨC	04/11/1999	29013115	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.58 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN ĐÌNH QUÂN	18/04/1999	29027545	Toán: 2.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.60
PHAN THÀNH ĐẠT	22/11/1999	29024229	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.20
CAO THỊ HUYỀN TRANG	12/08/1999	29027023	Toán: 8.20 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 8.40

NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	26/03/1998	29025307	Toán: 5.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.25
NGUYỄN VĂN CƯỜNG	05/09/1999	29023642	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 5 Tiếng Anh: 2.60
MOONG THỊ ĐUA	10/10/1999	29020901	Toán: 1.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50
NGUYỄN THỊ HUYỀN SƯƠNG	28/05/1999	29010631	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.40
VÕ ĐỨC TRỌNG	02/09/1999	29019034	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN TRỌNG HOÀNG	08/07/1999	29000242	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN HIỆP	28/08/1998	29017675	Toán: 6.60 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.25
NGUYỄN THỊ HUY	04/09/1999	29011357	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VĂN TIẾN	10/04/1999	29015226	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 4.20
PHẠM THỊ BẢO LY	12/10/1999	29012206	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.17 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.00
BÙI XANH BỔN	05/05/1999	29017841	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 4 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.80
LÊ VIỆT PHƯƠNG	25/06/1999	29019936	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.00 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.00
HÀ THỊ THUẬN	14/03/1999	29028699	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN VĂN QUANG	20/02/1999	29016898	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 6.25 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 4.00
XÔNG BÁ THÔNG	09/12/1999	29008457	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 3 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN VĂN ĐỒNG	27/04/1999	29005566	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.40
LÊ THÁI THÔNG	23/05/1994	29010198	Toán: 5.80 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.00
XEO THỊ UỖN	23/06/1998	29025804	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.60

LÊ THỊ HOÀI	23/09/1999	29007290	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 6.00 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN DANH HẬU	03/06/1999	29019366	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.20
LŨ QUỐC THẮNG	16/10/1996	29008573	Toán: 5.80 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.25
NGUYỄN VĂN THIỆN	16/01/1999	29022460	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ BÍCH LOAN	24/12/1998	29025523	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.60
ĐẶNG THỊ MINH HOÀ	25/10/1999	29026116	Toán: 7.60 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 7.80
NGUYỄN THỊ TÌNH	03/04/1998	29012455	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.25 GDCD: 6.25 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 3.80
MAI THỊ AN LINH	10/12/1999	29026247	Toán: 8.60 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 9.20
NGUYỄN THỊ NGÀ	11/06/1999	29012249	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 1.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ CẨM TÚ	10/02/1999	29022611	Toán: 5.40 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN ĐÌNH TRUNG	10/05/1999	29028183	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 3.00 GDCD: 4.75 KHXH: 3.33 Tiếng Anh: 3.00
CAO SỸ NAM	17/09/1998	29007186	Toán: 8.60 Vật lí: 8.25 Hóa học: 6.75
LŨ THỊ HÂN	01/06/1999	29013944	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 9.50 GDCD: 6.75 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 6.00
LÊ THỊ NGỌC SƯƠNG	18/09/1999	29020442	Toán: 7.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 4.00
MAI THỊ TRANG	29/05/1999	29004717	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.25 Sinh học: 6.50 KHTN: 7.67 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ THẢO	29/06/1998	29020015	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.20
ĐẬU QUANG KHÁNH	20/02/1998	29009018	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.50
NGUYỄN HỮU ĐÔ	12/10/1999	29027256	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.60

LƯƠNG HỒNG TIẾN	06/07/1999	29012450	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.58 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN VĂN BẰNG	26/01/1999	29001232	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.80
TĂNG THỊ HẬU	15/09/1999	29012043	Toán: 1.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN ĐÌNH ĐỊNH	09/11/1999	29011987	Toán: 8.80 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 9.50 Sinh học: 9.75 KHTN: 8.42 Tiếng Anh: 6.40
HOÀNG KHÁNH DUY	04/07/1999	29003368	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 3.20
VĂN HỮU VINH	09/04/1999	29022662	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG THỊ TRINH	25/02/1999	29018226	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN VĂN KHANG	27/09/1994	29003633	Toán: 4.80 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.75
VŨ VĂN PHƯỚC	18/08/1999	29028600	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.00 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.20
PHAN VĂN LŨU	18/07/1999	29029539	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 3.00
VŨ PHƯƠNG CHI	08/02/1999	29025959	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 1.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	17/01/1999	29005222	Toán: 4.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.75 GDCD: 9.50 KHXH: 8.33 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ THIẾT	08/12/1999	29016391	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ NHUNG	16/03/1999	29016214	Toán: 4.00 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 8.60
NGUYỄN THỊ MAI THẢO	14/10/1999	29025644	Toán: 6.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 5.20
ĐÌNH QUANG DUY	01/04/1999	29024975	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.20
BÙI THỊ VÂN	04/04/1999	29004816	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.80

NGUYỄN XUÂN LƯỢNG	10/10/1999	29018589	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN SỸ HIẾU	01/01/1999	29024307	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN QUỐC HẢI	26/09/1999	29007847	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 2.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.92 Tiếng Anh: 3.20
VŨ NGỌC ÁNH	06/06/1999	29018730	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 6.50 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VIỆT HOÀNG ANH	07/12/1996	29010717	Toán: 9.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.00
NGUYỄN THỊ HOÀI LINH	19/02/1999	29017342	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.60
THÁI VIỆT THẾ	03/10/1998	29010674	Toán: 5.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.00
LÊ THỊ VÂN	09/04/1999	29002678	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN ĐÌNH HÙNG	02/11/1999	29023208	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ NGÀ	08/01/1999	29008850	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 4.40
ĐÌNH THỊ THANH	03/11/1999	29013337	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Pháp: 3.40
NGUYỄN NGỌC ĐẠT	05/05/1999	29028337	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 4 Tiếng Anh: 6.40
LƯƠNG NHẬT NAM	26/08/1998	29014818	Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50
PHAN TRUNG HIẾU	19/04/1997	29026634	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 1.20
NGUYỄN THỊ MỸ	05/06/1999	29018052	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 4.00
PHẠM THỊ QUỲNH TRANG	13/06/1998	29030816	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 3.00
THIỀU THỊ HẬU	29/10/1998	29021466	Toán: 8.80 Vật lí: 9.75 Hóa học: 9.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 7.58

ĐẶNG TRỌNG HUY	12/04/1999	29030487	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 7.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 7 Tiếng Anh: 6.20
VI THỊ THÚY KIỀU	24/04/1998	29025280	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00
TRẦN KHÁNH CHI	03/12/1999	29018739	Toán: 6.20 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 8.00
HOÀNG DUY QUANG	23/11/1999	29017741	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.50
NGUYỄN THÙY DUNG	08/08/1999	29027853	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN SỸ MẠNH	03/02/1999	29000401	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 2.60
BÙI THỊ GIANG	05/08/1999	29003384	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 8.75 Sinh học: 6.00 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 3.20
TRƯƠNG THỊ LAN	10/12/1999	29012155	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ HOÀI THU	10/04/1999	29020054	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.75 GDCD: 9.00 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN ĐÌNH TUẤN	07/02/1999	29023397	Toán: 7.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN LỘC	16/06/1999	29014556	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.00 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN NHẬT LINH	16/04/1999	29024415	Toán: 1.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.25 KHXH: 4.08 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ HUYỀN TRANG	11/01/1999	29028163	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ THƯƠNG	04/03/1999	29000842	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 5.00
HOÀNG THỊ VÂN	26/03/1999	29023074	Toán: 9.00 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 7.80
LÊ TIẾN HÙNG	04/01/1999	29016679	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN HUY HÒANG	23/04/1999	29026134	Toán: 8.60 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 1.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 8.00

NGUYỄN THỊ GIANG	19/09/1999	29011296	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.25 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 5.00
TRẦN QUANG TẤN HƯNG	08/03/1999	29009166	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM ĐÌNH KIÊN	02/04/1999	29001040	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.33 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75
ĐẶNG THỊ QUỲNH	16/01/1999	29006578	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.83 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 6.00
ĐẬU THỊ KIM OANH	25/08/1999	29011747	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 6.60
PHẠM VĂN HƯNG	28/08/1999	29021830	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG ĐÌNH SAO	24/07/1999	29002062	Toán: 8.40 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 6.20
HOÀNG ĐÌNH PHONG	15/01/1998	29024831	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.20
ĐẶNG CÔNG THIẾT	18/07/1998	29001644	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM XUÂN TUẤN	01/09/1999	29005392	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 4.00
ĐÀO VĂN TRUNG	05/08/1999	29028750	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ CẨM LINH	16/09/1999	29026251	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 8.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 6 Tiếng Anh: 6.20
TRẦN CAO TÀI	30/08/1999	29005272	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 2.00
PHAN VĂN QUANG	04/09/1999	29013303	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN XUÂN QUYẾT	14/07/1999	29029207	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.80
PHAN NGỌC ÁNH	10/01/1999	29029721	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.60
CAO THỊ DUYÊN	10/11/1999	29004933	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 8.80

NGUYỄN THỊ QUỲNH	01/11/1999	29005242	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.00
HỒ THỊ QUỲNH PHƯƠNG	10/01/1999	29024527	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 9.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	09/04/1999	29019045	Toán: 9.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN ĐỨC DŨNG	09/07/1999	29005535	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.20
VŨ THỊ MỪNG	12/05/1999	29017383	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	12/07/1999	29009100	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.92 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ ĐÀO	04/12/1998	29006902	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN ĐÌNH ĐẠT	13/03/1999	29009095	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 3.60
ĐẶNG THỊ TRANG	10/08/1999	29012472	Toán: 6.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 3.80
THÁI HỒNG PHÚC	04/09/1998	29029381	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 8.00
NGUYỄN THỊ NGỌC	05/06/1999	29002525	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ QUỲNH	26/10/1999	29011477	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 9.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.20
VI THỊ VÂN ANH	10/09/1999	29014881	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 6.50 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ THÚY	13/03/1999	29012434	Toán: 6.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 4 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG VĂN SƠN	21/01/1998	29012898	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.25 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG THỊ THU HIỀN	28/11/1999	29005010	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN VĂN KHUÊ	30/12/1999	29029060	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.00

LÊ QUỲNH NGÀ	20/10/1999	29025156	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.60
CAO THỊ XUYỀN	14/01/1999	29006820	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ NHUNG	04/05/1999	29012868	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG THỊ VỊNH	15/10/1999	29030939	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.20
MẠC THỊ LAN ANH	29/04/1999	29014280	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ HẬU	05/07/1999	29018784	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ TRÀ MY	23/11/1999	29024468	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 8.80
LÊ THỊ HIỀN	24/11/1999	29020275	Toán: 9.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN VĂN LINH	16/05/1999	29017351	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.50 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 4.40
ĐOÀN VĂN HUY	24/03/1999	29008750	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN THỊ TÂM	22/12/1999	29006599	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 7.80
NGUYỄN VĂN QUANG	26/12/1995	29017744	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.75
HỒ HỮU DU	20/08/1999	29015474	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ THẨM	08/06/1999	29011502	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 9.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.60
LÔ VĂN TIẾN	23/11/1999	29013760	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.60
BÙI MINH TIẾN	01/10/1999	29012944	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ ÁNH	14/10/1999	29030376	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 3.60

NGUYỄN THỊ TRƯỜNG GIANG	01/09/1999	29000137	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN TÍN	17/08/1999	29030777	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 6.25 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 3.00
MẠC TƯỜNG VI	02/01/1999	29014217	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 6.25 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 4.00
LÔ THỊ NGUYỆT ANH	11/07/1999	29024909	Toán: 7.80 Ngữ văn: 9.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 6.60
LƯƠNG XUÂN MẢO	30/11/1999	29014049	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.00
VI THỊ MÙI	05/04/1999	29020720	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.00
PHAN THỊ KIM ANH	08/03/1999	29007212	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 3.60
ĐẬU THỊ LƯƠNG	08/06/1999	29018586	Toán: 6.60 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.40
VŨ THỊ THÚY	13/11/1999	29004667	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN TRỌNG HOÀNG	02/09/1999	29014964	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 7.67 Tiếng Anh: 6.80
THÁI NGUYỄN MINH CHÂU	18/04/1999	29022720	Toán: 7.00 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 5.40
LÊ VĂN ĐỨC	08/02/1999	29011633	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 2.60
PHAN HUY HOÀNG	13/04/1999	29020298	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 5.80
TRƯƠNG VĂN SANG	03/06/1999	29019975	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ GIANG	26/03/1999	29009538	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 3.50 GDCD: 9.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ LAN	12/10/1999	29015752	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.60
NGÔ THÀNH LONG	19/05/1999	29021156	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 4.40

HOÀNG GIA THÁI	30/11/1999	29026954	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 7.20
NGUYỄN ĐÌNH CAO	15/03/1999	29022199	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 3.40
NGÔ THỊ THANH TRÀ	18/02/1999	29015234	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 5 Tiếng Anh: 4.20
HOÀNG TRỌNG TUẤN	15/04/1999	29017617	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 9.00 GDCD: 6.25 KHXH: 8 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN NGỌC PHONG	18/10/1999	29000473	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 5.75 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.60
LANG THỊ ĐẠM	16/10/1999	29013502	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.80
TẠ THỊ THÙY LINH	17/05/1999	29025518	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN QUÝ MẠNH	20/09/1998	29008821	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ MINH LỄ	20/11/1999	29005098	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN VĂN DŨNG	21/02/1999	29003366	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 3.20
KA THỊ HỒNG	19/08/1997	29014793	Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00
HỒ HỮU THẮNG	21/12/1999	29004638	Toán: 9.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 6.40
NGUYỄN ĐỨC LINH	01/03/1999	29029525	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN THÀNH	04/01/1998	29001150	Toán: 6.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.00
THÁI THỊ XUÂN THẢO	18/03/1999	29025649	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 4.00
PHAN MINH ÁNH	10/10/1999	29007531	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 4.20
BÙI THỊ HOÀI	20/06/1999	29021772	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.50 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 3.20

HỒ THỊ ÁNH	20/08/1999	29015415	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.00 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ THU TRANG	06/07/1999	29017783	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25
LÊ THỊ THÚY NGÀ	18/06/1999	29026357	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 5.60
VÀ BÁ CU	21/12/1998	29008203	Toán: 3.00 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 2.75 GDCD: 5.50 KHXH: 3.75 Tiếng Anh: 2.80
ĐINH THỊ THANH LAM	14/01/1999	29006992	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ HẰNG	01/04/1999	29028953	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ NHI	29/04/1999	29027504	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ ĐỊNH	26/09/1998	29002288	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM THỊ THÙY DUNG	03/02/1999	29029775	Toán: 4.80 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN VĂN MẠNH	21/09/1999	29017374	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 6.50 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 2.60
PHẠM TRỌNG GIÁP	09/09/1999	29026044	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 5.00
HOÀNG ĐÌNH TÀI	22/01/1999	29015085	Toán: 5.60 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 9.00 GDCD: 9.25 KHXH: 8.92 Tiếng Anh: 3.80
ĐẶNG THỊ BẢO TRÂM	18/06/1999	29011122	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ THU TRANG	17/02/1999	29020498	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 9.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 7 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN THỊ THU HUYỀN	24/05/1999	29009661	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.80
CHU QUANG ĐỨC	16/01/1999	29017881	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN HOÀNG HUY	12/07/1999	29017976	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 1.75 Sinh học: 2.25 KHTN: 2.42 Tiếng Anh: 2.80

NGÔ XUÂN TIẾN	12/11/1999	29004685	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.80
ĐẬU VĂN LỊCH	15/03/1999	29015766	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 1.60
ĐẶNG THỊ NGỌC	18/02/1999	29002028	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 4.40
PHAN THỊ QUỲNH	29/09/1999	29019967	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 8.20
NGUYỄN THỊ LAN NHI	06/01/1998	29001542	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.60
LÝ THÀNH HUY	12/12/1996	29004248	Toán: 6.40 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.75
NGUYỄN ĐÌNH QUÝ	07/08/1999	29018131	Toán: 9.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 9.75 Hóa học: 9.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 7.75 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	14/01/1999	29009911	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ KHÁNH	11/05/1999	29011374	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 5.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN HÙNG CƯỜNG	18/09/1999	29017853	Toán: 8.60 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 9.25 Sinh học: 9.25 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN HỒNG THÁI	14/01/1999	29015107	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.60
VI VĂN HÙNG	27/09/1999	29013989	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ LƯƠNG	29/03/1999	29030078	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.60
LÊ HOÀNG NGỌC MAI	17/09/1999	29014584	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.25 GDCD: 6.00 KHXH: 4.08 Tiếng Anh: 3.60
LÊ ANH ĐỨC	20/10/1999	29004388	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 6 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG THỊ HOÀI	10/04/1998	29006025	Toán: 7.80 Hóa học: 7.75 Sinh học: 8.50
TRẦN HỮU ĐANG	13/02/1999	29028335	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN HUY TUẤN	09/08/1999	29011161	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 9.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.20

NGUYỄN THỊ HỒNG	17/08/1999	29012770	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.60
VÕ THỊ THU	18/07/1999	29022488	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.60
ĐẬU THỊ HOÀI	14/06/1999	29003136	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 9.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN MẠNH LỰC	27/11/1999	29007025	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.80
LÊ BẢO KIÊN	25/05/1996	29014799	Toán: 8.60 Vật lí: 7.00 Hóa học: 8.00
TRẦN QUỐC BẢO	28/11/1999	29019862	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 1.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 3 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HÒA NHUNG	13/10/1999	29009229	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG	25/11/1999	29006697	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 4.40
VŨ THỊ TRANG	25/08/1999	29004733	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ VÂN QUỲNH	28/10/1999	29024006	Toán: 9.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 9.25 Sinh học: 9.75 KHTN: 8.25 Tiếng Anh: 7.40
TRẦN HUY HOÀNG	06/10/1999	29027913	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.17 Tiếng Anh: 3.40
CAO ĐĂNG LỢI	30/05/1999	29006481	Toán: 7.40 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 2.40
PHAN THÙY LINH	05/10/1999	29019555	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 9.25 GDCD: 8.00 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN ANH ĐỨC	04/11/1999	29025394	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 4 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ THÙY HƯƠNG	04/01/1999	29022842	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.25 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ QUÝ	06/10/1994	29028828	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.25
NGUYỄN THỊ MAI	09/04/1999	29002000	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 7.00 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN DUY DŨNG	23/06/1998	29021618	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.00

NGUYỄN THỊ HÒA	20/04/1999	29022810	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ GIANG	27/01/1999	29009539	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VĂN VINH	24/02/1999	29019843	Toán: 3.00 Ngữ văn: 2.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25
NGUYỄN ĐÌNH TÀI	03/06/1998	29016007	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 9.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN NGUYỄN NGỌC	23/08/1999	29010982	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.17 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.60
VŨ THỊ SEN	16/02/1999	29004595	Toán: 8.80 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 9.25 Sinh học: 9.25 KHTN: 7.92 Tiếng Anh: 6.40
ĐẶNG THỊ THÙY	10/02/1999	29029292	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ THẨM	15/04/1999	29007131	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.60
NGÔ THỊ XUÂN	26/01/1999	29020544	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG THỊ HƯƠNG	23/11/1999	29029997	Toán: 2.80 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 3.00
VĂN NỮ TƯỜNG VI	16/01/1998	29026711	Toán: 5.80 Ngữ văn: 8.00 Tiếng Anh: 4.60
VI THỊ THU TRANG	04/03/1998	29014852	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.00 Tiếng Anh: 3.00
TẠ THỊ MẠO	27/01/1999	29008095	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 1.50 Sinh học: 2.25 KHTN: 2.17 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75
HOÀNG THỊ NHUNG	16/10/1999	29030170	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.00
LÊ TRỌNG ĐỨC THẮNG	06/05/1999	29002610	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.75 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN QUỐC VIỆT	12/11/1999	29016559	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN KHÁNH CHI	06/02/1999	29011939	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 4.20

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	27/07/1999	29005223	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 9.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 7 Tiếng Anh: 5.20
ĐÀO VĂN TIẾN	17/12/1999	29001675	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN TUẤN HÀO	30/01/1999	29026070	Toán: 7.60 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 5 Tiếng Anh: 4.40
LÊ VĂN THỊNH	12/02/1999	29004646	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 8.50 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ LINH	08/10/1999	29030528	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.08 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.25 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN VĂN HUY	05/09/1998	29030321	Toán: 9.40 Vật lí: 9.50 Hóa học: 10.00
NGUYỄN THU UYÊN	21/12/1999	29007487	Toán: 7.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 7.40
NGUYỄN TRỌNG ĐẠT	26/09/1998	29009515	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 8.25 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 5.80
VÕ THÀNH HUY	21/08/1998	29024348	Toán: 2.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.20
VI XUÂN THỦY	18/01/1999	29014168	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ THÚY	25/05/1999	29015203	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.00 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN NHẬT	15/12/1999	29028012	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ LY	21/09/1999	29027446	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.50 KHXH: 8 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ HIỀN	10/06/1999	29019372	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.40
THÁI DOÃN MẠNH	02/05/1999	29010524	Toán: 4.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG NGỌC TÚ	20/04/1999	29002992	Toán: 8.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ CẨM TÚ	14/04/1999	29027089	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.00 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.33 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.20

NGUYỄN VIỆT PHONG	13/07/1999	29028593	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN KHÁNH DUY	28/09/1999	29007832	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.33 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN CẢNH DIỆU	10/08/1999	29021605	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 1.40
ĐINH THỊ TÂM	15/11/1999	29007745	Toán: 3.20 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 9.75 Địa lí: 8.75 GDCD: 9.25 KHXH: 9.25 Tiếng Anh: 3.80
PHẠM THỊ PHƯƠNG	09/09/1999	29028024	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 2.60
VI KIÊN TRUNG	26/03/1999	29003553	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.08 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN ĐỨC ANH	01/11/1999	29004876	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 3.20
NGÔ THỊ NHÂN	21/07/1999	29001540	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN QUÂN	26/12/1999	29012322	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG KHẮC THẮNG	22/03/1999	29028072	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 2.50 KHTN: 3 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.50 GDCD: 4.25 KHXH: 3.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN MINH	26/01/1999	29004531	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 2.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN MINH TUẤN	06/02/1999	29004782	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.60
ĐẶNG VĂN VŨ	02/04/1998	29006810	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN THỊ THU HIỀN	10/12/1999	29023728	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 2.50 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 7.60
VŨ VĂN DŨNG	24/04/1999	29029786	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG THỊ NGÀ	06/08/1999	29030125	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.60
PHAN VĂN BÌNH	03/02/1998	29017837	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 3.80

NGUYỄN THỊ THỦY	30/06/1998	29006191	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.00 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN HỮU CHIẾN	13/10/1999	29030391	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 7.00 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN ANH TUẤN	20/11/1998	29007465	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN NGỌC HÀ	16/08/1999	29024263	Toán: 8.60 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 9.20
HỒ THỊ THÚY HẠNH	26/04/1999	29013127	Toán: 7.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 2.80
VÀ Y LÌA	27/08/1999	29008323	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ MỸ DUYÊN	01/12/1999	29021626	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 3.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.00
PHAN QUANG ANH	05/08/1999	29019191	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	15/03/1999	29009668	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 3.00
TRƯƠNG THỊ ĐÀO	29/03/1999	29003768	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.80
ĐẶNG THỊ THANH HUYỀN	09/05/1999	29002822	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 1.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.58 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN VĂN CHIẾN	22/10/1999	29010280	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 1.80
LÊ ĐÌNH LÂM	18/08/1999	29000326	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN QUANG TRƯỜNG	27/06/1998	29013410	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.00 KHXH: 4.83 Tiếng Pháp: 2.20
PHẠM THÀNH CHUNG	19/06/1998	29029752	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.00 GDCD: 6.25 KHXH: 4 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN HỮU HẠNH	27/05/1997	29021705	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ HƯƠNG	26/10/1999	29017690	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.50
NGUYỄN THỊ ÁNH	19/05/1998	29017627	Toán: 5.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 3.00

HỒ MINH TIẾN	28/02/1999	29006660	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 4.60
HÀ VĂN MẠNH	01/05/1998	29007183	Toán: 7.40 Vật lí: 8.25 Hóa học: 6.25
NGUYỄN VĂN TRUNG	15/09/1998	29007794	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.50 GD&ĐT: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN CÔNG LỘC PHƯỚC	29/05/1997	29026671	Toán: 6.20 Vật lí: 6.75 Hóa học: 4.50
TRƯƠNG VĂN HƯNG	21/07/1999	29000297	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 3.20
LÊ CÔNG HIẾU	20/12/1999	29011322	Toán: 1.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.00 GD&ĐT: 6.50 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.40
VÕ HỮU MẠNH	22/07/1999	29001500	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.50 GD&ĐT: 8.25 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN HỮU THẢO	01/05/1999	29004634	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN HẢI CHÂU	11/06/1999	29029433	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 8.80
NGUYỄN MINH TRUNG	08/07/1999	29014194	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GD&ĐT: 6.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ THƯƠNG THƯƠNG	29/12/1999	29012941	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.25 GD&ĐT: 8.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.20
HOÀNG THỊ THÚY	10/03/1999	29017774	Toán: 1.80 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 3.25
NGUYỄN ĐÌNH HOÀN	05/11/1999	29006029	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00
NGUYỄN THỊ HOÀI	10/02/1999	29002812	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.33 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GD&ĐT: 6.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.40
BÙI VĂN CƯỜNG	19/11/1999	29029761	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 9.00 GD&ĐT: 9.00 KHXH: 8.83 Tiếng Anh: 3.40
LƯƠNG VĂN THẮNG	22/02/1999	29012401	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.75 GD&ĐT: 7.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.00
LỮ THỊ NHÌ	04/04/1999	29008379	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.25 GD&ĐT: 7.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.20

ĐẶNG ĐÌNH TÀI	03/12/1999	29002921	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 6.60
NGUYỄN HỮU THẮNG	22/05/1999	29024050	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ ANH	21/01/1999	29001218	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.25 GDCD: 6.25 KHXH: 4.08 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ MỸ UYÊN	13/03/1999	29015332	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN CHÍ CÔNG	29/09/1999	29015454	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.80
SÀM MINH ĐỨC	13/02/1999	29024998	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 6.00 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 3.60
LIM THỊ HỒNG HOÀI	16/08/1999	29013970	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THANH HÀ	19/01/1999	29004397	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 3.60
BÙI HOÀI THƯƠNG	01/06/1999	29005328	Toán: 3.40 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN VĂN DẦN	03/12/1998	29000960	Toán: 7.20 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.50
NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	10/12/1999	29002891	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 3.60
HÀ THÀNH TIẾN	26/05/1999	29001677	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.00
BÙI THỊ OANH	30/01/1998	29022132	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.25 Tiếng Anh: 7.80
NGUYỄN TRỌNG HOÀNG	29/08/1999	29007880	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 2.92 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ TRANG	10/02/1999	29008016	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN SƠN	25/12/1999	29012354	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.08 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN PHƯƠNG BẮC	24/02/1999	29017109	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.00

PHAN THỊ HUYỀN LINH	26/11/1999	29025517	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN ĐÌNH THIÊN	19/10/1998	29007996	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.60
BÙI ĐỨC TÀI	10/04/1999	29005893	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN ĐÌNH TRUNG	27/10/1999	29022595	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	28/06/1999	29026185	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 8.00
ĐÀO DANH HOÀNG	14/11/1997	29010103	Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 9.00
LÊ THỊ LÝ	20/03/1999	29015839	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN HỮU QUÂN	16/04/1999	29026921	Toán: 8.80 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 8.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.67 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 9.40
NGUYỄN ĐÌNH HUY	09/08/1999	29025065	Toán: 5.60 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.20
ĐẶNG THỊ HUYỀN	21/01/1999	29019465	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN THỊ HỒNG TÂM	07/11/1999	29002592	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 5.40
VŨ THỊ HOA	05/05/1999	29003869	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 9.25 GDCD: 7.75 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 3.80
HỒ VĂN LỢI	06/05/1999	29017358	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.60
LÊ ĐÌNH KIÊN	29/10/1999	29002446	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 7.00
PHẠM QUỐC KHÁNH	17/04/1999	29024370	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.75 GDCD: 6.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.00
NGÔ THANH LƯƠNG	10/10/1999	29002739	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 3.58 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.50
NGUYỄN TRỌNG HUỲNH	15/02/1999	29013186	Toán: 7.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 4.00

ĐINH THỊ MẶN	02/02/1999	29018043	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 9.75 Sinh học: 8.75 KHTN: 8.08 Tiếng Anh: 6.00
VƯƠNG VIỆT HÀ	26/07/1999	29013122	Toán: 8.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 4.00
LÔ THỊ OANH	19/09/1999	29003470	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 1.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 2.83 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.80
BÙI VĂN ĐỨC	14/11/1997	29022105	Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.00
LÊ THÀNH CÔNG	17/06/1999	29014893	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ CHUNG	04/12/1999	29018375	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ HIỀN	26/03/1999	29022270	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ LÝ	30/10/1999	29004520	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 6.00 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.80
HỒ SỸ TÀI	24/12/1999	29026943	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 3.58 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN MINH HÙNG	04/04/1998	29025273	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.75 Tiếng Anh: 4.00
ĐINH VIỆT NHÂN	20/08/1999	29029159	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.00
TRƯƠNG THỊ THÚY HẰNG	23/06/1999	29027296	Toán: 2.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 9.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ HÀ	18/05/1999	29027278	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG VĂN KHA	15/06/1999	29023225	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 7 Tiếng Anh: 3.80
LƯƠNG VĂN VINH	09/12/1999	29015356	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.40
MAI ĐÌNH QUÂN	24/03/1994	29026673	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.75
LƯƠNG THÙY LINH	10/11/1999	29012817	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.20
PHAN THỊ MINH CHÂU	07/04/1999	29006277	Toán: 7.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 5.40

NGUYỄN DUY ANH	21/02/1999	29017818	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 5.80
LÊ TIẾN QUANG	15/08/1999	29016894	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 2.60
ĐẶNG ĐÌNH THÁI	05/11/1999	29017499	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ LINH	19/08/1999	29018018	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 4.60
PHẠM VĂN NGHĨA	08/05/1999	29021945	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.80
LÊ THỊ HUYỀN TRANG	18/01/1999	29001694	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.00
VÕ THỊ MINH	28/08/1999	29002014	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 7.00 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 2.60
ĐẶNG CÔNG KHÁNH	27/05/1999	29006056	Toán: 4.00 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00
TRỊNH PHÚC TOÀN	13/03/1999	29004699	Toán: 3.40 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 2.00 GDCD: 4.75 KHXH: 3.17 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ HẢI	25/03/1998	29001311	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG THỊ NGỌC	29/09/1999	29001530	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.20
PHAN VĂN HƯNG	02/09/1998	29029995	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ GIANG	13/08/1999	29013518	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.00 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN THỊ MỸ LINH	10/06/1999	29021877	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN VĂN KHOA	28/11/1999	29023823	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN MINH TIẾN	18/09/1999	29004687	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.42 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.00
LÊ ĐỨC HÙNG	03/12/1999	29025453	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.50 KHXH: 8 Tiếng Anh: 4.80

NGUYỄN THỊ LINH	18/12/1999	29005113	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 6.80
NGUYỄN THỊ TUYẾT	12/03/1999	29028782	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN KHÁNH LY	02/05/1999	29023874	Toán: 9.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 8.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 8.40
NGUYỄN THỊ HÒA	06/08/1999	29015632	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.80
BẠCH THỊ THUỶ	02/05/1999	29016974	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 4.60
HOÀNG VĂN PHI	28/04/1999	29029563	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 2.00 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN CHÍ LONG	09/09/1999	29027429	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN XUÂN KHANG	09/01/1999	29018530	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ QUỲNH ANH	17/01/1999	29004320	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 4.40
PHẠM THỊ THANH	12/10/1999	29018906	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 5.80
TRẦN MINH TRƯỜNG	13/07/1998	29017791	Toán: 2.60 Ngữ văn: 2.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75
NGÂN VĂN NGUYỄN	19/09/1998	29003650	Toán: 2.80 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN VĂN ĐỨC	02/01/1999	29015530	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 5.00
HÀ MINH QUÂN	18/01/1998	29009029	Toán: 7.60 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.75
TRẦN THỊ HẠNH DIỆP	21/02/1999	29025981	Toán: 8.40 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 9.50 Địa lí: 10.00 GDCD: 7.50 KHXH: 9 Tiếng Anh: 9.20
TRẦN QUỐC NAM	02/01/1999	29012247	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.00
ĐẬU THỊ THẢO	24/04/1999	29011055	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 2.40

VÕ NGỌC TÀI	03/10/1999	29013331	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG THỊ THU THỦY	07/10/1999	29011085	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 7.00 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN HIỂN KIÊN	13/05/1999	29029066	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.50 GD&CD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ TRÀ	23/03/1999	29001173	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.00
HỒ THỊ TRANG	20/06/1999	29012474	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.75 GD&CD: 7.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.20
LÔ THỊ THU	18/05/1999	29025689	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ NA	16/06/1999	29019616	Toán: 1.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 8.00 GD&CD: 7.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN QUANG ĐƯỜNG	21/02/1999	29022245	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 6.75 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG THỊ THƯƠNG	06/09/1999	29020481	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 7.25 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ TRANG	19/03/1999	29022567	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ TUYẾT	09/09/1999	29004798	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GD&CD: 4.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 4.20
PHẠM ĐÌNH THẮNG	30/10/1999	29030699	Toán: 9.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.50 Sinh học: 6.75 KHTN: 8.25 Tiếng Anh: 6.60
TRẦN LÊ QUỲNH NHI	13/09/1999	29016199	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GD&CD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 8.40
VÕ TÙNG DƯƠNG	02/06/1999	29014914	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 4.40
ĐÀO QUANG ANH	15/07/1999	29020551	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.17 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.75 GD&CD: 7.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.00
PHAN KHÁNH LINH	31/08/1999	29026271	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 8.80
NGUYỄN THỊ DƯƠNG	30/09/1999	29009508	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GD&CD: 7.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.80

VŨ THỊ HỒNG	18/04/1999	29017959	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 8.75 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 7.20
NGUYỄN THỊ THƯƠNG	03/10/1999	29029301	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 9.25 GDCD: 8.25 KHXH: 8.33 Tiếng Anh: 4.20
LÔ VĂN HÙNG	07/06/1999	29014471	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 5.75 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN TRỌNG ANH	25/08/1999	29022703	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 8.40
NGUYỄN THỊ THƯƠNG	28/12/1999	29020091	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 5.20
PHẠM VĂN SINH	30/06/1999	29017483	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN TRUYỀN	08/11/1999	29028187	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.20
PHAN THỊ THÚY	26/06/1999	29005324	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 9.50 GDCD: 8.75 KHXH: 8.75 Tiếng Anh: 5.40
HOÀNG THỊ LAM	04/08/1999	29012149	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.80
LÊ VĂN TÀI	18/09/1999	29001597	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ TRANG	14/01/1999	29012953	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN VĂN PHƯỚC	24/01/1999	29008111	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 1.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.42 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.50
TRẦN TRỌNG HIẾU	24/02/1998	29019132	Toán: 6.80 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 5.17
NGUYỄN HỒNG Y	02/03/1996	29027804	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.50
NGUYỄN VĂN TRUNG	20/02/1998	29030860	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.25 KHXH: 8.33 Tiếng Anh: 2.80
LƯƠNG VĂN TÚ	11/09/1999	29013783	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.60
PHAN ĐỨC CHÍNH	20/09/1999	29007547	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.40

NGUYỄN HỮU THẮNG	27/05/1999	29010670	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN VĂN TUẤN ANH	10/12/1999	29013864	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN ĐỨC HOÀNG	08/05/1999	29023758	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 9.25 Hóa học: 8.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN ĐỨC DUY	05/01/1999	29018751	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7 Tiếng Pháp: 3.60
VŨ THỊ HÀ	01/11/1999	29014390	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.20
BÙI THỊ KIM OANH	18/10/1999	29008869	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 9.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.20
LƯƠNG THỊ THẢO	15/02/1999	29015131	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ NGỌC ÁNH	28/08/1999	29023609	Toán: 7.40 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 8.80
PHAN THỊ LINH	11/12/1999	29005117	Toán: 8.20 Ngữ văn: 8.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 8.00 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 7.00
LÊ THỊ LOAN	14/02/1999	29000364	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN VĂN PHONG	12/02/1997	29010597	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 5.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ NGỌC KHÁNH	05/09/1999	29026837	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 6.50 KHXH: 7 Tiếng Pháp: 8.60
ĐẬU THỊ THÚY	13/04/1999	29016431	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 8.00
PHẠM THỊ NAM	28/04/1999	29006104	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25
HÀ THỊ THU HUYỀN	23/07/1999	29028456	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 8.20
PHẠM MẠNH TUẤN	27/03/1998	29004779	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ NHẬT	04/04/1999	29021968	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 6.20

THÁI TUẤN DŨNG	15/08/1999	29001865	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.80
LO VĂN HỢP	19/09/1998	29014465	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.60
HOÀNG THỊ THÚY	17/09/1999	29024077	Toán: 8.40 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 8.75 Sinh học: 9.25 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ HOA	25/06/1999	29002374	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 4.20
ĐẶNG QUANG TRƯỜNG	18/07/1999	29006731	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.20
LƯƠNG MẠNH CƯỜNG	08/10/1998	29013893	Toán: 3.20 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.50 GDCD: 7.00 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.80
PHẠM VĂN THÙY	03/12/1999	29024072	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 9.00 Hóa học: 9.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 7.83 Tiếng Anh: 6.40
NGUYỄN BÙI CHIẾN	26/02/1998	29020965	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 2.80
PHAN THỊ HÀ	18/05/1999	29003799	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ KHÁNH HUYỀN	23/08/1999	29025071	Toán: 8.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 9.00 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THẾ TUYÊN	25/06/1999	29015323	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 5.50 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM ĐỨC THỊNH	15/07/1995	29016021	Toán: 5.20 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.25
VÕ THÀNH TRUNG	23/10/1999	29027075	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 9.00 Sinh học: 9.75 KHTN: 8.83
NGUYỄN THỊ DUYÊN	01/01/1999	29018396	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ KHUYÊN	27/05/1999	29005700	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN PHƯƠNG MINH	10/09/1999	29023486	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.50
ĐINH ĐỨC ĐẠT	01/09/1998	29004225	Toán: 5.40 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.75
LỮ VĂN XÂY	10/05/1989	29008581	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 4.50

CHU THỊ THƯƠNG	29/05/1999	29004674	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 2.80
BÙI TUẤN HIỆP	01/10/1995	29027665	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75
NGUYỄN TUẤN THÀNH	25/09/1999	29004630	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ LINH	02/03/1999	29003971	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.80
PHAN THẾ TIẾN	07/08/1999	29024088	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG VĂN ĐỨC	10/07/1999	29005987	Toán: 4.40 Ngữ văn: 2.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75
NGUYỄN THỊ HUYỀN	21/12/1998	29017689	Toán: 6.40 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.25
LÊ VĂN TIỆP	08/10/1999	29020102	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.20
HỒ KHÁNH LY	09/08/1999	29003999	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ TRÀ MY	05/09/1999	29019611	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	01/05/1999	29007725	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.25 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ THUYẾT	06/08/1999	29023014	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG ANH TUẤN	19/01/1999	29016511	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.20
ĐÀO THỊ TRANG	08/10/1999	29019006	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.60
LÊ ĐÌNH LONG	06/02/1999	29028520	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN TRỌNG THẾ	02/02/1998	29002953	Toán: 4.60 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 1.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.40
ĐẶNG THỊ KHÁNH HUYỀN	19/12/1999	29010902	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 7.20
NGUYỄN THỊ THƯƠNG	03/06/1999	29030761	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 5.75 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.00

TRẦN THỊ HOÀI	15/08/1999	29015642	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN VĂN CƯỜNG	06/01/1999	29023127	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.17 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN PHI ĐẮC	08/03/1999	29023673	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 9.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VIỆT QUANG	09/09/1999	29021238	Toán: 3.60 Ngữ văn: 2.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN MẠNH LINH	18/10/1999	29003444	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 1.50 Hóa học: 2.25 Sinh học: 2.25 KHTN: 2 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.20
SÀM THỊ DIỆU QUẾ	27/10/1999	29013696	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN THỊ THIỆN THẢO	19/09/1999	29025650	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 8.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 6 Tiếng Anh: 6.60
LÊ THỊ THÙY LINH	25/07/1999	29027955	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 4.60
LẦU BẢ XẾNH	15/06/1998	29008582	Toán: 3.80 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.75
NGUYỄN MẠNH TƯỜNG	26/12/1999	29027797	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50
LÔ THỊ PHƯƠNG ANH	18/10/1999	29020553	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN THỊ THÚY NA	11/10/1999	29005772	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ LÀNH	06/01/1999	29022854	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.50 GDCD: 7.25 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN ÁNH NGỌC	26/07/1999	29022382	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 5.20
ĐẶNG THỊ TRÚC	13/01/1999	29009329	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 2.60
LÊ NGỌC CHIẾN	03/08/1999	29011943	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.60
CAO ĐĂNG KHIÊM	18/10/1998	29006059	Toán: 5.20 Vật lí: 6.25 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG THỊ HOÀI	24/03/1999	29030473	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.40

NGUYỄN TRỌNG HIẾU	24/03/1998	29004237	Toán: 7.20 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 4.75
VÕ TRỌNG KIÊN	18/11/1999	29009682	Toán: 7.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN THỊ TÂN	23/06/1999	29011778	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 3.00
TRƯƠNG VĂN HÙNG	18/02/1999	29020306	Toán: 4.60 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ HÀ	22/06/1999	29022768	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.00
VI VĂN NGHĨA	24/09/1999	29014067	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ ÁNH	15/12/1999	29018353	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 4.40
PHẠM VĂN LÂM	28/11/1999	29003957	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.80
LÊ TIẾN ĐIẾP	05/01/1999	29019294	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 5.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.20
PHAN THỊ MỸ LINH	12/12/1999	29030526	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 7.00
LÊ MINH HUY	24/12/1999	29023785	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 9.50 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VĂN ÚT	15/12/1998	29011177	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ QUYÊN	26/04/1999	29008901	Toán: 1.80 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.50 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 3.00
VÕ TRỌNG ĐÔNG	20/11/1999	29005564	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.60
PHẠM DŨNG	16/12/1999	29004368	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 6.25 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.60
THÁI THỊ NHI	15/07/1999	29019765	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.00
VŨ THÀNH LINH	23/05/1999	29003981	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.80

LÊ THỊ YẾN	21/02/1999	29007821	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 3.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ KIM OANH	21/04/1999	29026425	Toán: 5.60 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 7.20
NGUYỄN HỮU LAM	10/07/1998	29028495	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN TỬ HIẾU	10/12/1999	29010406	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.80
VI QUỐC KHÁNH	02/09/1999	29013592	Toán: 2.40 Ngữ văn: 2.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 1.60
NGUYỄN ANH ĐỨC	17/04/1999	29026026	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.50 Sinh học: 2.25 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 8.80
TRẦN THỊ HẠNH	24/02/1999	29029469	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 9.50 KHTN: 7.83 Tiếng Anh: 6.60
TRỊNH XUÂN LINH	14/04/1999	29006468	Toán: 8.20 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 4.60
PHÙNG THỊ TRÂM	20/11/1999	29028174	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 6.80
NGUYỄN THỊ LỆ	12/01/1999	29003181	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.40
NGÔ THỊ SEN	20/01/1998	29017482	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN QUỐC KHÁNH	20/10/1998	29001775	Toán: 7.60 Vật lí: 8.25 Hóa học: 6.50
NGUYỄN THỊ THU	22/06/1999	29023356	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 6.50 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.80
ĐẬU ANH TUẤN	12/06/1999	29028209	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.80
TRƯƠNG THỊ LINH	15/06/1999	29027420	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.00 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 3.80
MAI HOÀNG HẢI	17/04/1999	29013125	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN QUỲNH NHƯ	04/03/1999	29012295	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 2.20

TRẦN THỊ MAI PHƯƠNG	15/08/1999	29017455	Toán: 7.60 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 8.00
LÊ THỊ HIẾU	24/06/1999	29028412	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN QUỐC HUY	07/06/1999	29025070	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 5.80
TRẦN THỊ NGÀ	05/05/1999	29015044	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM THẾ LÂM	30/07/1999	29007323	Toán: 5.00 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 2.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.00
ĐẶNG THỊ THƯƠNG	02/05/1999	29002624	Toán: 8.40 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 6.40
BÙI GIA ĐỨC	16/06/1999	29021001	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.58 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VĂN CẦM	17/10/1992	29027631	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25
LÊ THỊ HỒNG NHUNG	13/10/1999	29009798	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.20
VŨ DUY HOÀNG	18/12/1999	29017956	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN QUÝ ĐỨC	25/10/1999	29006914	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.20
PHAN THỊ HỒNG	02/09/1999	29022292	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 4 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ NGỌC MINH	30/10/1999	29017380	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN HUỲNH ĐỨC	22/03/1999	29007590	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.08 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THÀNH CÔNG	05/02/1999	29017847	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 2.60
LÊ CÔNG HOÀN	03/04/1999	29010891	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG KIM NGÂN	28/12/1999	29024479	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.20

HỒ QUANG LINH	13/11/1999	29018550	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN ĐĂNG KHOA	05/02/1993	29027687	Toán: 2.40 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 2.75
CHU ĐÌNH NHÂN	30/09/1999	29022386	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN ĐÌNH THÀNH	02/03/1999	29010183	Toán: 1.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 2.25
NGUYỄN ĐÌNH KỶ	20/03/1999	29012802	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN THỊ THANH THÚY	24/06/1999	29013376	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.08 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.80
VÕ THỊ THANH TRÀ	04/11/1999	29011808	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 5.00
CAO THỊ BẮC	11/08/1998	29014298	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.20
ĐINH VĂN ĐỨC	15/08/1999	29005568	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.40
LƯƠNG THỊ MƠ	15/10/1999	29003202	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.75 GDCD: 5.75 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN VĂN CẢNH	30/11/1992	29030300	Toán: 2.80 Vật lí: 2.00 Hóa học: 4.00
ĐOÀN VĂN MINH	30/10/1999	29012836	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.20
LÊ THỊ CHUNG	02/07/1999	29015450	Ngữ văn: 5.75
LÀU Y GIỎ	14/02/1999	29008257	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 2.20
HOÀNG THỊ THU HƯƠNG	15/10/1999	29003929	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN VĂN CƯƠNG	12/05/1999	29007552	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.25 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN CẢNH DŨNG	30/09/1999	29012679	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 4.20

NGUYỄN THỊ LỆ HƯỜNG	19/11/1999	29007664	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN ĐÌNH KIẾT	29/07/1999	29008082	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 1.50 KHTN: 2.42 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.25
NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG	26/07/1999	29023293	Toán: 8.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	19/04/1999	29009708	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 7.75 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ MINH GIANG	20/10/1999	29025008	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 4.20
PHAN VĂN HÂN	22/11/1999	29000678	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 8.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.5 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 5.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	07/03/1999	29027532	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 5.00
LÊ XUÂN DIỆU	08/07/1999	29018745	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN TRỌNG HOÀN	14/11/1999	29021078	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.00
HẠ SỸ CÔNG	04/03/1999	29008198	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 5.25 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN KIM GIANG	02/09/1998	29021015	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 2.40
CỤT VĂN DƯ	21/04/1999	29008230	Toán: 2.20 Ngữ văn: 2.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 2.75 GDCD: 2.00 KHXH: 2.58 Tiếng Anh: 2.20
DƯƠNG THỊ HƯƠNG	16/02/1999	29014984	Toán: 2.60 Ngữ văn: 2.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 5.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN TRỌNG HÂN	30/05/1998	29001339	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN VĂN TẠO	07/02/1999	29017756	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.25
TRẦN THỊ QUỲNH	03/04/1999	29014732	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.40
PHẠM THỊ THU TRANG	14/06/1999	29023044	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.20

TRỊNH THỊ HIỀN LƯƠNG	25/07/1999	29002482	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ PHƯƠNG ANH	17/02/1999	29029713	Toán: 1.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN CƯỜNG	22/01/1999	29012668	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN NGỌC PHÚC	10/10/1999	29019931	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN VĂN THUẬN	03/03/1999	29004652	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN NGỌC HIỂN	08/07/1999	29023729	Toán: 9.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 9.00
NGUYỄN THỊ QUỲNH	20/02/1999	29021259	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 5.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.80
LÊ TUẤN PHƯỚC	08/02/1999	29025587	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.75 KHXH: 8.67 Tiếng Anh: 3.60
NGÔ TRÍ BAN	19/07/1999	29011254	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 2.20
ĐÀO MINH HOÀNG	28/08/1999	29017948	Toán: 8.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 8.25 Hóa học: 1.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 9.80
NGUYỄN KIM ĐÔNG	04/09/1999	29009520	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.5 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG MINH THẮNG	29/10/1999	29028673	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 2.80
HỒ BÁ THÀNH	02/11/1999	29029599	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN THỊ HẠNH	10/01/1999	29018433	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ QUỲNH	16/04/1999	29010621	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ LINH LINH	17/02/1998	29024421	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.5 Tiếng Trung: 9.20
LÊ VIỆT HOÀNG	13/01/1999	29021786	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.80

PHÙNG NGỌC DANH	17/04/1999	29027848	Toán: 6.20 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 6.25 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 5.20
PHAN THỊ THU UYÊN	13/10/1999	29012994	Toán: 7.40 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 8.00
NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	08/09/1999	29026180	Toán: 9.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 9.25 Hóa học: 10.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 7.83 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN THỊ HOÀI	16/11/1999	29029001	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.00
LÊ THỊ TRÀ	28/10/1999	29020111	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ SEN	08/03/1999	29002582	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
LÔ THỊ THU	23/01/1999	29013750	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 5.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN KHANG	15/08/1999	29030015	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.60
VÕ ĐỨC ĐẠT	12/10/1999	29024991	Toán: 8.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 6.20
LƯU KHÁNH HUY	16/07/1999	29007889	Toán: 5.40 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 2.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.17 Tiếng Anh: 2.40
LÊ THỊ HẢI YẾN	06/03/1999	29024155	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.25 Hóa học: 9.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 4.40
LÊ THỊ HOÀI	27/02/1999	29015638	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 5.00 KHXH: 3.92 Tiếng Anh: 1.60
NGUYỄN MINH NGHĨA	20/12/1999	29012257	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM VĂN BÌNH	02/08/1997	29016095	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 6 Tiếng Anh: 4.00
HỒ TRỌNG HIỀN	04/07/1999	29024293	Toán: 2.60 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.50 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.00
TRẦN THỊ HỒNG NHUNG	22/07/1999	29002538	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.25 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ THU HOÀI	12/06/1999	29009607	Toán: 6.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 4.00

HOÀNG THỊ LÊ	18/01/1999	29011686	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.00
TRƯƠNG VĂN SANG	03/01/1999	29012896	Toán: 1.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.20
CAO THỊ TUYẾT	17/03/1999	29005398	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 5.00
MAI THỊ KIM	26/10/1999	29017998	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 8.25 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG THỊ HẰNG	02/09/1999	29019351	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.25 KHXH: 8 Tiếng Anh: 5.80
TRƯƠNG VĂN TRUNG	20/12/1999	29020165	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.00
PHẠM THÁI SƠN	04/02/1999	29027579	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.80
ĐẶNG KHẮC TÚ	22/02/1999	29024113	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN TRẦN DIỆU LINH	23/02/1999	29026859	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 3.5 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 5.40
TRƯƠNG THỊ DUYÊN	15/01/1999	29003759	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.80
NGÔ THỊ ANH	24/06/1999	29022698	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN VĂN HÀO	03/01/1999	29003821	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.20
PHAN THANH THẢO	08/09/1999	29026513	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 8.25 Sinh học: 8.50 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 5.20
HỒ NGỌC NAM	21/07/1997	29013048	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.00 Tiếng Anh: 2.60
LO THỊ GIANG	03/07/1999	29014375	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.00
PHAN THỊ THẢO	01/04/1999	29016365	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 5.40
VŨ HOÀNG NGỌC LY	15/12/1999	29026298	Toán: 5.20 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 9.75 GDCD: 7.50 KHXH: 8.67 Tiếng Anh: 6.00

PHAN THỊ TRÀ	07/04/1999	29012468	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.25 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.80
CHU THỊ DUNG	22/06/1998	29028814	Ngữ văn: 5.50 Tiếng Anh: 2.80
HỒ THỊ HOÀI THƯƠNG	08/12/1999	29012940	Toán: 4.00 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN TIẾN ĐẠT	27/09/1999	29027866	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 5.60
VÕ THỊ QUÝ	12/06/1999	29029202	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.00
ĐINH THỊ LÂM OANH	16/06/1999	29010588	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN QUỐC HOÀNG	15/08/1998	29019420	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.40
CHU THỊ HẰNG	01/02/1999	29018439	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN THỊ THU	16/08/1999	29000546	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 8.75 GDCD: 6.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.60
VÕ ĐÌNH HÙNG	12/10/1999	29023212	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 4.20
TRƯƠNG VĂN ĐƯỜNG	10/01/1999	29028353	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ THÙY NGUYỄN	04/04/1998	29008105	Toán: 9.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 9.00
TRẦN VĂN KHANG	29/12/1998	29019726	Toán: 8.80 Vật lí: 6.00 Tiếng Anh: 8.00
NGUYỄN XUÂN DƯƠNG	17/08/1999	29029449	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 6.25 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HUẾ	04/01/1999	29001415	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 9.25 GDCD: 8.50 KHXH: 8.58 Tiếng Anh: 5.40
TRẦN THỊ ANH	26/08/1999	29020942	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HÀ	10/11/1999	29029850	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.50 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.60

NGUYỄN THỊ DUNG	05/10/1999	29027227	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.00
HỒ TUẤN ANH	27/07/1999	29015398	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 5.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ GIANG	19/10/1999	29021687	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.00 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.40
VÕ NGUYỄN THÀNH LONG	26/07/1999	29020348	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 4.60
HÀ NGỌC GIANG	09/06/1999	29010344	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 9.00 KHXH: 8 Tiếng Anh: 7.80
NGUYỄN VĂN THÀNH	28/02/1998	29009038	Toán: 8.40 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.50
NGUYỄN THỊ THẢO	17/08/1999	29027613	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ THÀNH	10/06/1998	29027754	Toán: 2.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.20
HỒ THỊ TRIỀU	06/08/1999	29017017	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 5.00
LÊ THỊ HIẾU KIÊN	20/11/1999	29012142	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 2.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.67 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.80
ĐẬU CÔNG CƯỜNG	08/12/1998	29005975	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.25 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 4.00
BÙI ANH PHƯƠNG	14/02/1999	29001561	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.75 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 7.80
VY VĂN LINH	25/05/1999	29003187	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 5.75 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THẾ TÀI	19/04/1996	29025312	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.50
NGUYỄN KHẢ HÙNG	04/10/1999	29023778	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 1.50 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 2.80
NGÂN THỊ MỸ NHƯ	14/10/1999	29003240	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ LAN ANH	22/03/1999	29028282	Toán: 9.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.25 Hóa học: 10.00 Sinh học: 8.75 KHTN: 9 Tiếng Anh: 5.60

ĐẶNG HỮU CHÂU	05/08/1999	29010273	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN THỊ HÀ AN	07/09/1999	29029418	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN TRUNG THÔNG	23/05/1999	29025683	Toán: 9.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 9.25 Hóa học: 9.50 Sinh học: 7.25 KHTN: 8.67 Tiếng Anh: 6.00
TRƯƠNG THỊ ANH	30/07/1999	29019197	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.80
LÔ VĂN PHẦN	18/04/1999	29013683	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ OANH	07/12/1999	29019923	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.00
ĐÀO CÔNG HỮU	08/11/1999	29001438	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 9.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.20
PHAN THỊ BÌNH	18/10/1999	29029736	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.00 GDCD: 2.75 KHXH: 2.75 Tiếng Anh: 1.40
TRƯƠNG THỊ OANH	19/05/1999	29010593	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.40
KHA THỊ LÂM	15/08/1999	29025497	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 10.00 GDCD: 9.00 KHXH: 9 Tiếng Anh: 3.80
LÊ THỊ PHƯƠNG THẢO	12/09/1999	29025639	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 7.40
NGUYỄN VĂN KHAI	29/01/1999	29007665	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN THỊ XUÂN	15/03/1999	29002177	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ VIỆT	29/03/1998	29022657	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.20
PHAN HOÀNG THẢO	14/01/1999	29030679	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.60
ĐẶNG ĐÌNH THU TRANG	02/09/1999	29011097	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 3.40
VỪ BÁ GÔ	07/06/1999	29008258	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.40

NGUYỄN THỊ HUYỀN	06/12/1999	29019472	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.50 GDCD: 6.75 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 2.40
ĐẶNG THỊ THỦY	05/01/1999	29002103	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 6.50 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG UYÊN	09/08/1999	29016541	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN HỮU HUY	21/10/1999	29007890	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 2.20
HỒ THỊ LỊNH	20/03/1999	29018026	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 6.00 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG THỊ HOÀI	27/03/1999	29029923	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.40
VI VĂN HOÀNG	19/02/1999	29008277	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.60
CHU THỊ NGỌC LAN	10/01/1999	29014515	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN HỮU THẮNG	07/08/1999	29026985	Toán: 8.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.83 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 1.25 GDCD: 2.00 KHXH: 1.92 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM THẢO NHƯ	05/09/1999	29029169	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ LINH CHI	31/03/1999	29019866	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM THỊ HÀ TRANG	23/08/1999	29027050	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.83 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ THU HIỀN	01/01/1999	29021731	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.25 KHXH: 8.5 Tiếng Anh: 5.20
PHAN THANH SANG	10/08/1999	29004127	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.00
TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG ANH	17/03/1999	29018349	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.80
PHÙNG ĐỨC THÀNH	01/07/1999	29013343	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 8.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ LINH LUYẾN	18/09/1999	29015826	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.00

TRẦN VĂN TUẤN	03/12/1999	29013429	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Pháp: 3.00
TRẦN THỊ HUYỀN	10/10/1999	29022839	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 7.60
PHẠM VĂN VIỆT	27/02/1999	29012539	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 6.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN THỊ HỒNG	02/02/1999	29002395	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG VĂN QUỐC	11/10/1999	29020420	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.33 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	30/11/1999	29001527	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.20
DƯƠNG VĂN CƯỜNG	24/08/1999	29027216	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.40
VƯƠNG VIỆT THẾ	17/09/1999	29021327	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 2.00
TRẦN VĂN DŨNG	20/04/1999	29023658	Toán: 7.20 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 6.00
PHAN VĂN NHÂN	08/02/1999	29008106	Toán: 3.80 Ngữ văn: 2.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.92 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 2.75
NGUYỄN VĂN TRỌNG	11/01/1999	29003546	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 8.00 Sinh học: 8.50 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ NHUNG	08/06/1999	29018642	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.80
HOÀNG VĂN HẬU	16/11/1999	29003836	Toán: 1.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.00
ĐÀO THÁI BẢO THẮNG	18/02/1999	29026982	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 6.25 KHTN: 6.75 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.75 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 5.80
LƯƠNG VĂN DƯƠNG	03/05/1999	29008231	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 2.75 GDCD: 6.00 KHXH: 3.75 Tiếng Anh: 3.20
VŨ VĂN THUYẾT	07/07/1999	29024078	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VĂN ĐỨC	30/01/1999	29004955	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.80

TRẦN THỊ HÀ MÂY	14/08/1999	29011714	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 9.00
NGUYỄN THỊ HÀ	12/02/1999	29001302	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.20
THẠCH THỊ TRANG	25/01/1999	29011117	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.60
ĐẶNG THỊ HUYỀN	17/06/1999	29001032	Toán: 1.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 1.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.42 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.00
DƯƠNG KHẢ THI	19/04/1999	29024058	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 7.75 Sinh học: 8.75 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM BÍCH NGỌC	21/01/1999	29026380	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 8.25 Sinh học: 9.50 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ NHUNG	23/04/1999	29018647	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 4.20
HÀ DUY DŨNG	25/03/1999	29006881	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 5.20
PHAN KHÁNH TOÀN	20/08/1999	29029622	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 3.60
MOONG THỊ XOAN	02/08/1999	29008514	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.25 GDCD: 7.25 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN MINH LINH CHI	28/06/1999	29018737	Toán: 6.20 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 7.20
NGUYỄN ĐĂNG HUY	24/05/1999	29008751	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.60
PHÙNG CHÍ THANH	01/01/1999	29015113	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN THỊ LINH	18/03/1999	29021884	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.80
CHU TIẾN ĐẠT	15/09/1999	29022228	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN ĐĂNG TRUNG	28/12/1999	29030855	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG TRUNG KIÊN	10/09/1999	29024374	Toán: 2.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 2.75 GDCD: 6.50 KHXH: 4 Tiếng Anh: 3.40

PHAN THỊ ÁNH	06/10/1999	29006851	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN DUY NAM	14/12/1999	29011421	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 1.80
VÕ QUANG KIÊN	09/04/1999	29002448	Toán: 9.00 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 9.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 6.00 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 8.60
NGUYỄN THỊ THU TRANG	01/08/1999	29022561	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN TỔ MAI	16/07/1999	29023877	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 8.40
NGUYỄN THỊ THẢO	12/06/1999	29029253	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN ĐÌNH THÁI	30/01/1999	29018902	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN VĂN SỸ	16/01/1998	29009035	Toán: 7.60 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.00
NGUYỄN THỊ THÚY	05/01/1999	29030752	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 9.25 Sinh học: 8.25 KHTN: 7.75 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN MINH BÁCH	27/07/1999	29017107	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 6.80
PHẠM THỊ VÂN NAM	12/10/1999	29027468	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.00 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN VĂN HÙNG	20/03/1999	29009636	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 2.60
HỒ MẠNH TÙNG	20/05/1999	29018263	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 3.40
ĐẶNG THỊ HẠNH	29/03/1998	29006007	Toán: 6.20 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.25
HÀ THỊ HẠNH	05/03/1999	29008266	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN LINH CHI	07/06/1999	29025950	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 8.20
TRẦN MẠNH HÙNG	10/01/1999	29017969	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 6 Tiếng Anh: 3.80
MAI VĂN TIẾN	19/10/1998	29003327	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.80

ĐẬU THỊ NHUNG	13/12/1998	29016201	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.20
HỒ THỊ HOÀI	26/06/1999	29025442	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 7.00
HÀ VĂN LƯU	16/12/1999	29014039	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 3.40
HỒ THỊ MỸ LỆ	16/03/1999	29016746	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 7.00 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM THỊ TRẦM	21/08/1999	29020153	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN SỸ HÙNG	16/05/1999	29008747	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG VIẾT BẢO	28/08/1998	29008615	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.00
NGÂN THỊ NGÀ	22/08/1999	29013657	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.80
VI VĂN KHẢI	26/11/1999	29014003	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN VĂN HẢI	02/10/1999	29010867	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.00
NGÔ TUẤN ĐẠT	12/02/1999	29011283	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.40
ĐỖ ANH HIẾU	08/11/1999	29014431	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN THỊ HÀ	09/01/1999	29016588	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 3.80
LÊ XUÂN HÙNG	05/10/1998	29014470	Toán: 2.80 Ngữ văn: 2.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 2.25 GDCD: 5.50 KHXH: 3.67 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN BÌNH KHÁNH	25/03/1999	29018825	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ LỢI	22/09/1999	29005745	Toán: 2.20 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.25 GDCD: 8.00 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG HƯƠNG QUỲNH	13/10/1999	29029211	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.80

THÁI THỊ TRANG	22/07/1999	29023046	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.60
HỒ THỊ MAI THUỖ	07/01/1999	29018183	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 7.00
ĐẬU VĂN DŨNG	22/05/1999	29027229	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.60
ĐÀO CÔNG THÀNH	15/05/1999	29000524	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.20
CAO THỊ MẾN	28/02/1999	29026318	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 4.40
VÀ BÁ VỪ	17/09/1999	29008497	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 3.80
TRƯƠNG THỊ THANH HUYỀN	16/10/1999	29014489	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 5.50 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.40
BÙI THANH HOÀNG	07/05/1999	29000238	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN VĂN HIỆP	27/10/1999	29014430	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN VĂN LỰC	04/04/1999	29007691	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.40
ĐINH THỊ HUỆ	19/10/1999	29030484	Toán: 6.80 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 2.80
LÊ VĂN HẢI	14/04/1999	29018428	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 5.75 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN HUY HẬU	15/07/1999	29014412	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM THỊ THƯ	11/11/1999	29012438	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 4.20
ĐẶNG THỊ CẨM ANH	10/02/1999	29030362	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 4.00
CHU VĂN TIẾN	12/02/1998	29007193	Toán: 6.80 Hóa học: 7.00 Sinh học: 6.75
VŨ THỊ THU NGÀ	09/12/1999	29017404	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.40

VÕ MINH HIẾU	12/09/1998	29029358	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GD&CD: 6.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ NGỌC	10/07/1999	29016171	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.00 GD&CD: 9.75 KHXH: 8.33 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THÀNH CÔNG	24/03/1999	29009486	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 6.00 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 2.60
ĐẬU XUÂN KHOẢNG	11/02/1999	29010914	Toán: 6.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 6.75 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 7.60
ĐÀO MINH HIẾU	20/11/1999	29006015	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.25
BÙI THỊ NHƯ QUỲNH	01/05/1999	29017465	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.00 GD&CD: 9.25 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 4.60
HÀ THỊ THẨM	27/06/1999	29014155	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GD&CD: 7.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN ĐÌNH NGỌC	12/02/1999	29000435	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 6.75 GD&CD: 7.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN CÔNG TOẠI	08/09/1999	29023030	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.50 GD&CD: 9.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.20
VỪ BẢ HÙNG	05/10/1998	29008288	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.25 GD&CD: 5.00 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 3.60
PHAN THỊ XUÂN	20/04/1999	29029685	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GD&CD: 8.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN VĂN LỘC	20/11/1996	29010126	Toán: 6.40 Vật lí: 7.75 Hóa học: 6.25
NGÔ THỊ DUNG	20/04/1999	29010306	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.25 GD&CD: 8.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 1.60
LÊ THỊ HUYỀN TRANG	19/11/1999	29013390	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.33 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GD&CD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ VÂN ANH	10/02/1999	29022175	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ ÁNH	06/07/1999	29003043	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.00 GD&CD: 8.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ LINH	04/05/1999	29026255	Toán: 3.40 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 9.75 Địa lí: 10.00 GD&CD: 8.75 KHXH: 9.5 Tiếng Anh: 4.80
TÔ THỊ TÚ ANH	20/11/1999	29015410	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.75 GD&CD: 7.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 2.20

VÕ NGUYỄN THANH BÌNH	07/05/1999	29013477	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG THỊ HOÀI	18/02/1999	29014961	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 4.40
LÊ ĐÌNH LINH	22/11/1999	29001045	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 1.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.5 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.75
HỒ XUÂN HỢP	03/03/1999	29003903	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 9.00 GDCD: 9.00 KHXH: 8.83 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ HẰNG	20/06/1999	29002806	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.67 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ TÂM	30/07/1999	29016937	Toán: 7.40 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 2.60
ĐẬU BÁ HOÀNG	10/02/1999	29022285	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 5.00
XÔNG Y CHI	06/09/1999	29008172	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 2.80
NGÔ THỊ HẠNH	09/01/1999	29004403	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.58 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 5.00 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 2.20
HOÀNG ĐỨC TRƯỜNG	12/08/1999	29028761	Toán: 8.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 9.25 Hóa học: 9.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN VĂN CÔNG	04/01/1999	29004350	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.5 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.20
PHẠM VĂN DƯƠNG	11/01/1999	29007253	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 5.00
LÊ VĂN TIẾN	15/06/1999	29007425	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN ĐỨC ĐẠT	05/07/1999	29004384	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN NGỌC BẢO HỒNG	12/08/1999	29009141	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG THỊ TRANG	25/01/1999	29020123	Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.75 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN CẢNH HIỆP	19/10/1999	29023181	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 2.40

DƯƠNG TRUNG CƯỜNG	04/09/1999	29008636	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.00
VÕ THỊ LÂM OANH	17/06/1998	29009028	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.25 Tiếng Anh: 5.60
LƯU THÀNH CÔNG	06/01/1999	29023634	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 8.50 Sinh học: 6.25 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 6.00
HÀ THỊ HOÀI	12/11/1999	29014449	Toán: 1.80 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.60
VÕ VĂN ĐOÀN	17/07/1998	29000977	Toán: 4.60 Vật lí: 4.25 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ HOÀNG LAN	02/03/1999	29005089	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.20
VŨ VĂN THẮNG	28/06/1998	29029399	Toán: 8.40 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.25
NGUYỄN TUẤN ANH	05/09/1998	29014752	Toán: 3.00 Vật lí: 1.50 Hóa học: 1.25
NGUYỄN LÊ THẮNG	20/11/1996	29010793	Toán: 6.40 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.75
VŨ THỊ HỒNG HẠNH	06/08/1999	29004989	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.75 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 5.20
PHAN THỊ QUỲNH	19/05/1999	29005248	Toán: 7.00 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 9.00 GDCD: 9.25 KHXH: 8 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN DUY HIẾU	18/07/1999	29025042	Toán: 5.60 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG THỊ LINH	20/07/1999	29000341	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG MẠNH LINH	03/12/1999	29024795	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75
LÊ VĂN TÙNG	09/07/1999	29012984	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.20
NGÔ QUANG TRƯỜNG	01/02/1999	29006737	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 1.80
HOÀNG THỊ HUYỀN TRANG	22/11/1999	29016463	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.60
VŨ TUẤN MINH	18/08/1998	29018049	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 6.00 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 9.20

CHU THỊ LƯƠNG	09/10/1999	29018584	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ HIỀN	19/09/1999	29009574	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.60
PHAN THỊ CẨM TÚ	30/05/1999	29027091	Toán: 8.80 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 9.20
HỒ THỊ PHƯƠNG TRANG	26/07/1999	29018213	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 2.00 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ LAN ANH	15/06/1999	29003039	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN HÀ ANH TUẤN	08/06/1999	29028771	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.40
HỒ PHÚC QUÂN	15/10/1999	29016269	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.40
ĐOÀN THỊ YẾN	16/09/1999	29004850	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.25 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN XUÂN PHƯỚC	18/04/1998	29013293	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.33 Tiếng Pháp: 4.00
NGUYỄN THỊ VÂN ANH	26/10/1999	29006258	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 6.00
LÊ THỊ TIẾN	10/01/1999	29007424	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 6.00 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 4.20
HOÀNG XUÂN VIỆT	01/02/1999	29020214	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.20
TRƯƠNG VĂN THỐNG	19/11/1999	29018948	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.20
LƯƠNG THỊ KHÁNH LY	24/04/1999	29027979	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 6.25 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.20
MẠNH HÙNG LONG	10/12/1999	29025120	Toán: 4.80 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 2.60
MOONG THỊ THU	13/07/1999	29008460	Toán: 2.40 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.00 GDCD: 3.00 KHXH: 2.92 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG THÁI THANH TÂM	14/11/1999	29026947	Toán: 8.40 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 7.60

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	29/10/1999	29012880	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN VĂN MỸ	05/02/1999	29001509	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.80
HỒ THỊ THU THẢO	30/01/1999	29016356	Toán: 2.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ MAI	12/06/1999	29009743	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ ANH	01/09/1999	29006838	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 1.80
ĐẬU THỊ NGỌC ANH	10/10/1999	29019850	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 4.60
PHAN THỊ THANH GIANG	21/08/1999	29025405	Toán: 4.80 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.75 GDCD: 7.50 KHXH: 8 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ THỦY	13/05/1997	29019806	Toán: 7.20 Hóa học: 9.00 Sinh học: 7.75
NGUYỄN SỸ LƯƠNG	16/05/1998	29029370	Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.40
ĐẶNG THỊ CẨM TÚ	18/03/1999	29003561	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.20
BÙI QUANG HIẾU	03/07/1999	29026094	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 7.80
LƯƠNG THỊ VƯƠNG	02/08/1999	29015363	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 5.80
LÊ VĂN KIÊN	01/03/1999	29021851	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.50 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 8.60
LÊ THỊ KIỀU ANH	24/11/1999	29002193	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 6.60
HỒ TỔ SÁNG	22/04/1999	29016299	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.80
XÔNG BÁ CỬA	10/09/1999	29020585	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.00 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ HUYỀN	19/08/1999	29027929	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 8.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 3.80

HÀ THỊ QUYÊN	22/06/1999	29020787	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN VĂN ĐƯỜNG	15/12/1999	29028352	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.00
HỒ ĐÌNH QUYẾT	04/04/1999	29008904	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 4.75 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	01/03/1999	29000751	Toán: 8.80 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.83 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 5.00
ĐẶNG THỊ TRANG	15/03/1999	29002127	Toán: 8.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 7.25 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ ÁNH QUỲNH	17/09/1999	29014728	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN TẤN SANG	14/11/1999	29006145	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 8.25
NGÔ ĐÌNH ĐỨC	10/10/1999	29006328	Toán: 1.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ HÒA	04/06/1999	29029918	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.00 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.60
ĐẶNG HỒNG MINH	17/10/1999	29011411	Toán: 3.80 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.20
LÊ ĐỨC LONG	27/09/1998	29025119	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ LOAN	16/05/1998	29003983	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 1.80
VĂN THỊ KHÁNH LINH	19/08/1999	29011701	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN DUYỆT	02/10/1999	29000970	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.5
NGUYỄN PHAN TUẤN LINH	15/08/1999	29030524	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 6.00 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN DANH QUYỀN	25/07/1999	29022414	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 9.50 Sinh học: 9.50 KHTN: 7.67 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN VĂN HÀ	20/01/1999	29002315	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.25 KHXH: 8.5 Tiếng Anh: 2.60

NGUYỄN THỊ NGÂN	01/07/1999	29002025	Toán: 8.80 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 5.00
TRẦN THỊ HUYỀN	28/08/1999	29000699	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.5 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.00
VI VĂN SƠN	26/08/1997	29019789	Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.25
ĐOÀN THỊ OANH	19/07/1999	29006544	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.17 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.60
VÕ THỊ TÀI LINH	28/02/1999	29009726	Toán: 2.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ DIỄM XUÂN	10/05/1999	29019115	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 7.20
NGUYỄN THỊ LINH	19/07/1999	29029084	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 7.40
NGUYỄN XUÂN TỶ	25/09/1999	29010010	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.40
HOÀNG THỊ HUYỀN	28/03/1999	29014482	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.80
LƯƠNG THỊ OANH	02/10/1999	29021978	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.20
LÊ THỊ THANH	20/03/1999	29018904	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.50 KHXH: 7.17 Tiếng Pháp: 3.20
MÔNG THỊ THƯ	02/12/1999	29025708	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 2.60
MẠC THỊ LÊ NA	06/02/1999	29014057	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
HỒ THỊ THUÝ	16/07/1999	29017560	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN BÁ TÙNG	23/03/1999	29019076	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.40
ĐẶNG THỊ ANH	17/07/1999	29001212	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN VĂN BẰNG	10/03/1999	29019216	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.60

HỒ SỸ SỰ	19/06/1999	29016312	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.00
TRẦN XUÂN PHƯƠNG	16/06/1999	29011013	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 6.00 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.20
KHA THỊ NHƯ	31/08/1999	29025190	Toán: 7.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 7.25 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VĂN LINH	26/07/1999	29016760	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 6.50 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ KIM THOA	15/10/1999	29002614	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.00 KHXH: 8.5 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ THÚY	09/09/1999	29025705	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN ĐÌNH MẠNH	20/10/1999	29018039	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.67 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ NHƯ	20/06/1999	29004073	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.25 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.20
ĐẬU THỊ PHƯƠNG	10/01/1999	29005832	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ KHÁNH	29/08/1999	29002439	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.75 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN THỊ NGỌC ÁNH	19/05/1999	29021557	Toán: 4.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.60
BÙI THỊ YẾN NGỌC	02/09/1999	29001088	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.42 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25
PHẠM ĐỨC ĐẠI	05/08/1999	29012691	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.00 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 1.60
TRẦN TRUNG THẮNG	04/03/1999	29026988	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ HẢI YẾN	25/05/1999	29022687	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 6.80
NGUYỄN THỊ HẰNG TRÂM	18/10/1999	29015266	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG TIẾN CƯỜNG	23/05/1999	29015464	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.40

BÙI THỊ THÙY	17/09/1999	29022493	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	17/09/1999	29018686	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.60
VÕ THỊ THƯƠNG	18/03/1999	29007154	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.00
HỒ THỊ KIM DUNG	16/06/1998	29010067	Toán: 6.60 Hóa học: 7.25 Sinh học: 9.25
NGUYỄN SỸ QUỐC CƯỜNG	01/04/1999	29025971	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 5.40
PHAN ĐÌNH DẦN	26/01/1999	29022729	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ ÁNH	25/05/1999	29021555	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN KIM NAM	20/06/1999	29009769	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ HƯƠNG LY	17/08/1999	29007030	Toán: 8.00 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 9.20
QUẦN VI HẠNH	06/03/1999	29014395	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.60
PHAN VĂN TRƯỜNG	07/02/1999	29016504	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.80
QUÁCH VĂN HÙNG	09/02/1999	29028447	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN GIANG	23/02/1999	29028357	Toán: 8.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 8.00 Sinh học: 8.25 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 3.80
VÕ HẢI	09/08/1996	29010089	Toán: 5.40 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.25
NGÔ ĐỨC UY	18/09/1999	29006234	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75
LÊ THANH KHANG	29/04/1999	29027385	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN VĂN TÚ	31/05/1999	29006757	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 1.50 KHTN: 2.92 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN BÁ PHONG	21/05/1999	29000470	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 4.00

LƯƠNG DƯƠNG PHONG	25/08/1999	29003474	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.17 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM HÀ NGÂN	07/07/1999	29026369	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN THỊ NHAN	16/02/1999	29011437	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.40
VŨ THỊ HUYỀN	05/08/1999	29017297	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 4.80
PHAN THỊ HẠNH	20/01/1999	29004408	Toán: 6.00 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 7.00 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 4.20
LƯƠNG THỊ KIM OANH	09/09/1999	29013681	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.50 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.40
LÊ VĂN CHUÂN	01/01/1998	29011948	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ LUÂN	03/11/1999	29014558	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.50 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 3.80
PHẠM THỊ KHÁNH HUYỀN	22/09/1999	29012109	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 9.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ QUỲNH	23/05/1999	29009251	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.83 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN HỮU GIÁP	06/03/1999	29030431	Toán: 8.00 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 2.20
VI THỊ THƠM	18/09/1999	29020823	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN THẮNG	26/06/1999	29022989	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HUYỀN ANH	22/08/1999	29000027	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ MẾN	01/01/1999	29022358	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN HOÀI THƯƠNG	17/08/1999	29024083	Toán: 8.60 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 9.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN VĂN CÔNG	30/08/1997	29027637	Toán: 2.60 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.25

HỒ SỸ HIẾU	26/03/1999	29021745	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 6.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 1.80
PHẠM TUẤN HẰNG	02/04/1998	29024758	Toán: 6.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 8.25 KHTN: 6.08
NGUYỄN THỊ THANH	19/05/1999	29011782	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN HỒNG SƠN	20/04/1997	29010173	Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.75
LÊ THỊ MƠ	24/08/1999	29012228	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN ĐỨC LIÊN	01/10/1999	29010469	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 9.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ HIẾU	20/08/1997	29014786	Toán: 4.20 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 7.75
ĐỨC THỊ HỒNG DIỆP	03/03/1999	29007237	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.42 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.80
NGÔ MỸ UYÊN	04/12/1999	29016540	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.60
ĐẶNG THỊ THẢO UYÊN	19/05/1999	29028231	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 1.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.92 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN THỊ NHẬT	10/02/1999	29030165	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.00
HỒ THỊ HỢP	01/06/1999	29015666	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.20
VÕ QUỐC HUY	22/05/1999	29003914	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN MINH TRÍ	20/08/1997	29019022	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Pháp: 2.20
LÊ KHẮC THẮNG	29/09/1999	29000808	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 5.20
VŨ THỊ THANH	10/10/1999	29029598	Toán: 9.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 5.20
TRẦN THỊ THU HIỀN	12/08/1999	29013137	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 1.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 5.00

HÀ VĂN LONG	05/11/1999	29030060	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ HẢI YẾN	16/07/1997	29018333	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 5.75 KHXH: 4.08 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN ANH TUẤN	15/08/1999	29015311	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 4.00
THÁI DOÃN TUẤN ANH	27/11/1999	29020941	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ QUỲNH HOA	29/07/1999	29021761	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.40
PHAN DUY BẢO	24/12/1999	29022195	Toán: 9.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 8.75 Hóa học: 10.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.92 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG NGỌC HÀ	02/08/1999	29005584	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN PHAN DUY HOÀI	24/04/1997	29010100	Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 8.00
NGUYỄN THỊ HÀ	08/08/1999	29017193	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.60
VÕ THỊ MAI	12/05/1999	29029117	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.40
TRƯƠNG SỸ THÀNH	03/02/1999	29005288	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.00
LÊ THỊ THẢO	30/04/1999	29028657	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 5.80
TRƯƠNG ĐÌNH DŨNG	09/06/1998	29000966	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 1.50 Hóa học: 2.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.17 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.75
BÙI QUỐC BẢO	06/09/1999	29022192	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 9.00 Hóa học: 9.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN THỊ HẰNG	19/11/1999	29014402	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
MAI THỊ TÚ	04/01/1999	29013411	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 3.75 GDCD: 5.50 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 2.20
LÊ CÔNG NHẬT	02/01/1999	29016844	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 5.60

NGUYỄN VĂN ĐÔNG	07/10/1999	29011989	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.33 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.60
HỒ THỊ SƠN	14/08/1999	29018700	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VĂN HOẠT	13/08/1998	29006036	Toán: 8.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 6.08
TRẦN HỮU THẾ	04/12/1999	29008950	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.20
PHAN THỊ THANH VÂN	06/12/1999	29018295	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 5 Tiếng Anh: 4.40
PHẠM THANH THIÊN	20/02/1998	29012595	Toán: 5.80 Hóa học: 6.25 Sinh học: 6.75
NGUYỄN THỊ HUYỀN	19/08/1998	29004250	Toán: 8.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.33
LÊ ĐÌNH TÙNG	14/12/1999	29006772	Toán: 8.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 9.00 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN VĂN QUYỀN	26/02/1999	29008903	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN NGỌC SƠN	18/08/1999	29007975	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VĂN NHẬT	10/07/1999	29016196	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN VĂN LƯƠNG	11/07/1999	29000378	Toán: 4.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 9.50 GDCD: 7.50 KHXH: 8.42 Tiếng Anh: 3.60
ĐẶNG THỊ NGỌC ÁNH	06/11/1999	29009063	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ NGÂN	25/02/1999	29010560	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.80
ĐẬU THỊ MAI	28/05/1999	29005755	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.25 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN VĂN HOÀNG	20/06/1999	29030482	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 6.50 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HÀ TRANG	09/10/1998	29026701	Toán: 6.40 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.25

LÔ THỊ HOÀI	26/12/1998	29020652	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.60
BÙI VĂN THẮNG	10/03/1999	29016374	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ OANH	10/06/1999	29002875	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THANH DUNG	02/12/1999	29004360	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 9.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ NGÀ	21/02/1999	29002023	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 4.80
DƯƠNG VĨNH BẢO	10/02/1999	29022194	Toán: 8.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 7 Tiếng Anh: 4.20
LÊ XUÂN GIANG	29/07/1999	29017890	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN PHAN HÀ THƯƠNG	10/02/1999	29028112	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 4.20
HOÀNG CÔNG VĂN	19/01/1999	29022643	Toán: 4.00 Ngữ văn: 1.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN QUANG CƯỜNG	30/04/1999	29028890	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.40
HỒ THỊ PHƯỢNG	07/05/1999	29016260	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.40
HỒ THỊ THU HIỀN	09/02/1998	29026789	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 2.00 KHTN: 2.92 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.50 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.20
HỒ XUÂN TÚ	09/04/1998	29020514	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 6.50 KHTN: 4.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.75 GDCD: 9.75 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ HOÀI LINH	20/08/1999	29021145	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 2.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 2.40
HỒ VĂN THÔNG	02/01/1999	29007413	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 3.60
PHAN THỊ HẢI ANH	17/11/1999	29029710	Toán: 3.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 5.60
TRẦN THỊ HIỀN	11/06/1999	29028980	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.20

NGUYỄN THỊ BẢO YẾN	06/03/1999	29015376	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 7.80
ĐINH XUÂN BẢO	13/01/1999	29011923	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.00 KHTN: 3 Tiếng Anh: 2.40
BÙI THỊ NGỌC	04/09/1999	29019645	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN NHƯ HIẾU	20/07/1996	29010095	Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 8.75
NGUYỄN THỊ HOÀI TRANG	01/07/1999	29006695	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ HÀ	10/01/1999	29018774	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 6 Tiếng Anh: 5.00
PHÙNG THẾ LỰC	25/11/1996	29027703	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 8.50
BÙI THỊ THUỶ	13/01/1999	29022491	Toán: 6.40 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN HOÀNG TÙNG	12/08/1999	29024127	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	27/12/1999	29009230	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 5.40
TRẦN THỊ THÚY VÂN	06/04/1997	29021531	Toán: 8.20 Vật lí: 9.25 Hóa học: 3.50 Tiếng Anh: 8.60
NGÔ THỊ TÌNH	20/10/1999	29006665	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.40
TRƯƠNG THỊ ÁNH	23/06/1999	29016084	Toán: 8.60 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 8.50 Sinh học: 8.00 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 3.80
PHẠM ĐÌNH HOÀNG YẾN	05/09/1999	29021438	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 9.50 GDCD: 7.75 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 5.40
VI VĂN CHINH	04/11/1997	29014756	Toán: 6.40 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.00
NGUYỄN THỊ XUÂN HƯƠNG	20/04/1998	29026646	Toán: 4.20 Vật lí: 2.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.33
HOÀNG THỊ DUNG	21/10/1999	29027224	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.40
THÁI THỊ DUNG	09/06/1999	29006294	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 6.80

VI THỊ SƯƠNG	19/10/1999	29015084	Toán: 3.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN HỒNG QUÂN	02/10/1999	29009842	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 2.80
TẠ THỊ TRANG	29/12/1998	29028734	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.25 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 3.80
LÊ TRỌNG THUẬN	18/12/1999	29003310	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.60
PHẠM VĂN TRÍ	18/07/1999	29023047	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.40
LANG VI TRUNG	29/05/1970	29003673	Toán: 2.20 Ngữ văn: 1.50 Hóa học: 1.25
TRẦN HÀ DIỆU VY	21/09/1999	29008036	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ HIỀN	28/08/1999	29021055	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 5.60
TRẦN THỊ LINH	01/11/1999	29028514	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 8.40
NGUYỄN VĂN HIẾU	10/01/1999	29029484	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN DUY LONG	02/05/1999	29026866	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 2.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.00 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỌ KHANG	21/05/1999	29030506	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 2.60
PHAN VĂN TIẾN	05/03/1999	29018992	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 5 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN ĐÌNH HÀO	03/04/1999	29026067	Toán: 9.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ TÂM	27/09/1999	29019996	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 5.25 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN Ý THƠ	25/07/1999	29011078	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN THỊ KHÁNH	01/08/1999	29029058	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 7.20

NGUYỄN VĨNH NHÂM	29/01/1999	29030158	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN VIỆT DŨNG	05/01/1995	29026614	Toán: 3.20 Vật lí: 2.25 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ PHƯỢNG	23/02/1999	29000490	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 9.50 GDCD: 8.75 KHXH: 8.75 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN CHƯƠNG DUY	19/07/1999	29021623	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN ĐÌNH VŨ	01/01/1999	29011859	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN ANH TÚ	17/12/1997	29029409	Toán: 8.80 Ngữ văn: 8.00 Tiếng Anh: 9.00
NGUYỄN VĂN AN	28/01/1999	29011235	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.00
VƯƠNG ĐÌNH PHÁT	09/01/1999	29030188	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.40
PHAN THỊ LỊCH	03/12/1999	29029078	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN CAO CƯỜNG	14/05/1998	29009491	Toán: 2.20 Ngữ văn: 1.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 2.50 GDCD: 4.25 KHXH: 2.92 Tiếng Anh: 1.80
CAO TRỌNG PHÚC	08/10/1999	29005209	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.40
NGÔ THỊ NHUNG	12/10/1999	29012286	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.40
CAO THỊ LAN NHI	20/10/1999	29012863	Toán: 8.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 7.60
NGUYỄN THÀNH HUY	10/06/1999	29027924	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN THỊ THUỶ	29/07/1999	29002963	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.92 Tiếng Anh: 2.40
LÊ THỊ TRINH	04/08/1999	29004740	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.50 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 3.60
PHAN HỒNG QUÂN	27/04/1999	29000497	Toán: 1.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.75 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 3.00

NGUYỄN THỊ OANH	20/09/1999	29001549	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 1.60
HOÀNG QUỐC LÂM	19/10/1999	29018006	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN TRỌNG CHƯƠNG	20/07/1998	29011597	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 1.80
DƯƠNG MINH CƯỜNG	28/05/1999	29011955	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.20
LÃNG THỊ THƯƠNG	17/02/1999	29030759	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.20
VŨ THỊ XUÂN	15/06/1999	29016576	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.80
LÊ PHƯƠNG ANH	14/09/1999	29026720	Toán: 9.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 9.75 Sinh học: 9.50 KHTN: 7.75 Tiếng Pháp: 8.80
HỒ NGHĨA TUYÊN	19/09/1999	29012524	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 6 Tiếng Anh: 3.20
NGÔ ĐẮC DŨNG	17/08/1999	29030407	Toán: 6.80 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.60
LÔ TRUNG QUÂN	19/12/1999	29020780	Toán: 2.60 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ NGỌC LOAN	31/10/1999	29024431	Toán: 6.00 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 9.50 GDCD: 8.75 KHXH: 8.92 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN THỊ MAI	16/10/1999	29020364	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN VĂN KIÊN	12/09/1999	29005703	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN BẢO THẮNG	11/06/1999	29027622	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 6.20
VŨ THỊ HOA	15/07/1999	29022809	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG	15/02/1999	29000581	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 6.60
NGUYỄN THỊ NGÀ	18/07/1999	29001084	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.75

NGUYỄN VĂN HOÀNG	16/07/1999	29017266	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.25 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ ĐÀO	03/09/1999	29005554	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.80
ĐINH THỊ HÀ VI	14/09/1999	29015346	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 6.75 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 4.00
VŨ BÁ LĨA	21/01/1999	29008325	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 7.00 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 2.60
PHAN VĂN HÒA	01/06/1999	29021764	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.40
LÊ THẠCH THÙY	06/02/1998	29016024	Toán: 8.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 9.00
ĐẶNG VĂN THỐNG	25/06/1999	29009283	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG VĂN SÔ	03/02/1999	29022043	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN KIM KỲ	07/01/1999	29007670	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ QUỲNH	10/04/1998	29001123	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.00 KHTN: 2.58 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00
PHAN THỊ NGỌC ANH	09/12/1999	29005478	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN THỊ THU HIỀN	30/05/1999	29008713	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.50 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 3.80
ĐINH THỊ KHÁNH HUYỀN	26/05/1999	29017290	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ NGỌC	29/03/1999	29022919	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.75 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 3.80
ĐẶNG THỊ TÂN	13/04/1998	29001141	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.42 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.00
NGUYỄN NGỌC TRƯỜNG CHINH	12/10/1998	29010721	Toán: 7.80 Vật lí: 7.50 Hóa học: 6.75
HỒ THỊ THÙY LINH	08/04/1999	29017336	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 6.00

PHAN THỊ MỸ DUYÊN	22/10/1999	29005546	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 4.75 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.60
NGÔ THỊ SINH	03/01/1999	29006586	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN BÁ TÀI	04/03/1999	29002924	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.08 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.60
GIẢN VIẾT MẠNH	11/09/1999	29021171	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ HẠNH	22/07/1999	29030440	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 7.00 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 4.40
PHẠM QUANG NHẬT	02/05/1999	29005808	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN CÔNG TRUNG HIẾU	16/09/1999	29001924	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 6.40
LÂM VĂN NAM	29/09/1999	29020378	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 4.80
LÊ THỊ MINH PHỤNG	30/09/1998	29017737	Toán: 6.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.25
HOÀNG LINH GIANG	24/05/1999	29007598	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN CHÍ BÌNH	06/06/1999	29024943	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 4.40
ĐINH XUÂN THỨC	08/02/1999	29009943	Toán: 2.80 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 5.75 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN LÊ THÀNH LONG	08/10/1999	29009729	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 9.00 Hóa học: 8.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ THÚY	10/03/1999	29001668	Toán: 6.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.50 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.60
VI VĂN LƯU	12/08/1999	29013630	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 4.75 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 1.60
NGÔ ĐÌNH PHÁP	21/06/1999	29007960	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4 Tiếng Anh: 2.00
LÊ CÔNG DƯƠNG	02/02/1999	29020244	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 9.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 3.20

NGÔ TRÍ THẮNG	06/09/1998	29030691	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
TẶNG NGỌC KIM ANH	14/08/1999	29025902	Toán: 8.00 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 9.60
TẠ THỊ LÊ	05/10/1999	29005719	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.80
HỒ THỊ QUYÊN	10/08/1999	29004108	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN HOÀNG VIỆT	24/08/1999	29005418	Toán: 9.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 7.00
NGUYỄN THỊ HƯƠNG	01/05/1999	29005070	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 3.20
LÊ THỊ VÂN	16/03/1999	29016546	Toán: 3.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.40
HỒ VIỆT UY	29/08/1999	29010011	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.20
PHẠM SỸ TRÌNH	07/03/1999	29022588	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.40
HOÀNG XUÂN THÀNH	16/03/1996	29029397	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 5.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN CẢNH HÙNG	22/07/1999	29001953	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 4.40
DƯƠNG ĐỨC TÀI	10/01/1999	29009882	Toán: 9.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 9.00 Hóa học: 8.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 4.80
PHAN THỊ HẠNH	30/06/1999	29001323	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 1.60
NGUYỄN HOÀNG MINH NGUYỆT	02/09/1999	29000442	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 8.20
NGUYỄN DUY SƠN	29/11/1999	29013709	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG THỊ HẰNG	06/07/1999	29006013	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75
NGUYỄN THỊ HẬU	29/10/1999	29016619	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 6.80

LÊ THỊ HUYỀN	25/08/1999	29017981	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 6.75 KHTN: 7.75 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ SƯƠNG	09/01/1999	29018708	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.80
VÕ THỊ THÙY NGÂN	21/02/1999	29025556	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 6.75 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN DOÃN THÀNH	25/07/1999	29000525	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.80
CAO XUÂN CHIẾN	10/08/1994	29012559	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25
LÊ PHƯƠNG THẢO	05/09/1999	29020014	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.00 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 2.20
PHAN BÍCH NGỌC	10/05/1999	29025164	Toán: 6.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 3.20
TRƯƠNG THỊ LY	10/08/1999	29004002	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ THÚY	10/06/1999	29016436	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 5.60
PHẠM VIỆT TOÀN	21/09/1996	29027775	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.75
NGUYỄN THỊ AN	15/07/1999	29016055	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 4.00
HỒ THỊ HIỀN	24/01/1999	29028974	Toán: 7.60 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.75 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 6.60
LƯƠNG MỸ ANH	23/02/1999	29020555	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 1.80
BÙI HỮU HIẾU	05/10/1999	29009581	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.50 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.40
HÀ THỊ MÃO	03/05/1999	29013641	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 3.00 GDCD: 7.50 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN HỮU TRUNG	04/12/1998	29004297	Toán: 4.80 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.00
LÊ THỊ THANH LAM	05/03/1999	29028494	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 8.25 Sinh học: 7.00 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ THƠM	22/09/1999	29028095	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.75 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 2.20

HOÀNG ĐỨC THUẬN	30/10/1999	29011515	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.20
HOÀNG VĂN TÚ	03/04/1999	29029643	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.20
ĐÀO NAM HÙNG	27/09/1999	29024330	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 3.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 4.60
CAO THANH SƠN	07/09/1999	29024856	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.33 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.00
TRẦN THANH THÚY	18/05/1999	29018969	Toán: 7.60 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 8.00 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ THÚY OANH	24/10/1999	29004078	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.50 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 6.80
CAO ĐÌNH TỈNH	08/04/1999	29006672	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 2.20
HỒ SỸ TIẾN	03/08/1999	29016449	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	24/07/1998	29030207	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 9.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.20
THÁI THỊ LINH	13/05/1999	29030049	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 4.20
ĐẶNG THỊ CHUYỀN	05/02/1999	29011952	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 6.80
DƯƠNG ĐÌNH HIẾU	10/10/1999	29023183	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.20
LƯU THỊ THẢO	09/06/1999	29007988	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 6.75 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 2.40
ĐẶNG THỊ TRANG	19/09/1999	29001690	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.20
ĐINH VIỆT LỢI	07/02/1999	29029535	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 7.00
PHAN VĂN HÙNG	24/04/1999	29021812	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN BẢO THÀNH	11/04/1999	29012374	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 8.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 2.20

LÊ VĂN TUẤN	08/12/1998	29028769	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ OANH	18/07/1998	29019920	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.40
LÔ THỊ NHI	08/12/1999	29025571	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.80
HỒ LINH TRANG	29/07/1999	29027031	Toán: 8.80 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.50 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 9.80
HỒ THỊ PHƯỢNG	23/04/1999	29028610	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 6.20
VÕ THỊ BÌNH ĐỊNH	25/03/1999	29014359	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN NGỌC BẢO KHÁNH	16/03/1999	29023819	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 7.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ TUYẾT	20/01/1999	29023404	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 3.00
NGÔ NGỌC HOÀNG	20/10/1999	29014458	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.50 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ VÂN	05/02/1999	29016553	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN THỊ THANH TÂM	27/03/1999	29025622	Toán: 6.00 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 8.20
LỮ BÁ THUẬN	06/01/1999	29008461	Toán: 2.80 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.75 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN NINH	17/03/1999	29010585	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.20
VÕ THỊ QUỲNH ANH	06/08/1999	29014882	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ LIÊN	20/01/1999	29002457	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 9.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.40
LƯƠNG VĂN HIỆP	20/05/1999	29013957	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ MÂY	22/10/1999	29019602	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.60

THÁI THỊ SƯƠNG	18/02/1999	29028640	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.40
DƯƠNG THỊ PHƯƠNG	03/02/1999	29021231	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN MINH HIẾU	15/06/1995	29027670	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00
NGUYỄN THỊ NGỌC	18/02/1999	29016836	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 8.25 Sinh học: 7.25 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 4.60
VƯƠNG THỊ HÒA	05/08/1999	29028995	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN VIỆT TIẾN	03/09/1995	29026699	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 6.75
HOÀNG THỊ HUYỀN	20/09/1999	29005054	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN VĂN CHIẾN	28/09/1999	29013886	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.00
NGÔ THỊ THƯƠNG	12/08/1999	29029297	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.00
HỒ THỊ HẰNG	16/09/1999	29015579	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN LINH CHI	09/07/1999	29018365	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.60
VÕ THỊ ÁNH	20/08/1999	29006853	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 8.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN ĐÌNH NGUYỄN	03/02/1999	29021960	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.60
ĐÌNH THỊ THANH HUYỀN	23/10/1999	29007652	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN HỮU HUY	06/12/1999	29002408	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM HẢI NAM	12/08/1998	29024816	Toán: 7.60 Hóa học: 9.00 Sinh học: 9.50
HỒ THỊ SEN	23/10/1999	29017481	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.00 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 4.00
LÊ THỊ HOA	06/05/1999	29005642	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 9.00 KHXH: 8 Tiếng Anh: 4.40

ĐẬU ĐÌNH ĐIẾP	09/12/1999	29028915	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.20
PHAN VĂN THỊNH	13/05/1998	29023517	Toán: 8.20 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.75
HỒ THỊ LONG	04/10/1999	29006475	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.00
LÊ VĂN TUẤN	24/08/1999	29005391	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.80
KHA VĂN ĐẠT	02/02/1999	29003088	Toán: 3.00 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.75 GDCD: 4.50 KHXH: 3.58 Tiếng Anh: 3.80
HUỲNH HUỲNH ĐỨC	10/10/1999	29012707	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN QUỐC ĐẠT	21/01/1999	29021652	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.60
TRƯƠNG THỊ MỸ HÒA	15/03/1999	29023751	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 7.60
ĐINH THỊ THANH NGÀ	18/07/1999	29018065	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 5.80
TRỊNH HỒNG NAM	20/07/1999	29030570	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 6 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN VĨNH NHẬT	05/10/1999	29030167	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.20
HOÀNG THỊ HOA	24/08/1999	29010888	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN CÔNG DUY	01/09/1999	29023661	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 6.80
LĂNG THỊ THANH TRÀ	30/08/1999	29030789	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 7.50 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ MINH	01/06/1999	29010532	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 4.80
ĐẬU ĐỨC ANH	24/08/1999	29006835	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN XUÂN QUỐC	04/08/1999	29007386	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 1.60

TRỊNH QUỐC AN	09/10/1999	29004863	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 9.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 4.20
LƯU THỊ SEN	25/02/1999	29002581	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ THU HIỀN	15/03/1999	29005011	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.25 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ QUỲNH	30/07/1999	29028622	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 4 Tiếng Anh: 3.40
ĐỖ KHÁNH HUYỀN	16/05/1999	29014479	Toán: 1.80 Ngữ văn: 2.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN HƯỚNG	10/10/1999	29030009	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC	28/12/1999	29014074	Toán: 4.00 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 9.25 KHXH: 8.42 Tiếng Anh: 4.20
CAO QUANG ĐỨC	05/08/1999	29007587	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 6.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ THÙY	24/02/1999	29023357	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 5.40
HỒ THỊ HỒNG NHUNG	13/03/1999	29017430	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN QUANG HUY	25/12/1999	29023795	Toán: 9.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 8.00
CAO MINH TRIẾT	23/06/1999	29006715	Toán: 9.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN XUÂN THẾ	01/10/1999	29021326	Toán: 2.40 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.50 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.60
HOÀNG THỊ THẢO	08/02/1999	29021301	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.17 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ	14/12/1999	29026777	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.17 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.20
ĐƯỜNG THỊ KÍNH	01/12/1999	29028492	Toán: 7.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN THỊ CÚC	08/03/1999	29015458	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 6.20

NGUYỄN THỊ QUỲNH	14/01/1999	29016289	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
VŨ VIẾT VƯƠNG	06/01/1999	29015364	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN VIẾT THÀNH	10/07/1996	29006170	Toán: 3.40 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.00
MAI QUỐC MẠNH	07/02/1998	29019143	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.25 Tiếng Anh: 4.00
VÕ THANH LÂM	14/02/1999	29023835	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ QUỲNH TRÂM	02/12/1999	29027061	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ SƯƠNG	08/05/1999	29030274	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.80
ĐOÀN HOÀNG KHÁNH LY	16/12/1999	29024439	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ VÂN ANH	25/10/1999	29029708	Toán: 2.60 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 9.25 GDCD: 8.00 KHXH: 8.67 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ HOÀI LINH	12/06/1999	29007010	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.60
LANG VĂN GIANG	06/03/1999	29013516	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.00 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN ĐỨC HẢI	02/01/1999	29004401	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 2.80
ĐẶNG HỒNG HIẾU	05/01/1999	29010402	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 9.75 Địa lí: 9.25 GDCD: 7.75 KHXH: 8.92 Tiếng Anh: 3.00
PHAN VĂN PHÚC	14/01/1999	29021995	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ TRANG	23/06/1998	29030815	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.00
VÕ THÀNH VƯƠNG	22/05/1999	29026592	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 7 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	10/07/1997	29022141	Toán: 9.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 10.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 7.17
NGUYỄN THẾ ANH	01/10/1995	29023426	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.25

NGUYỄN CÔNG ĐỨC	03/06/1998	29030308	Toán: 8.80 Vật lí: 8.00 Hóa học: 9.00
CAO TIẾN MẠNH	02/04/1999	29024453	Toán: 2.80 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.75 GDCD: 5.50 KHXH: 4.08 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ LINH	03/12/1999	29010488	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.60
VI THỊ BÍCH	29/09/1999	29024941	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN KHÁNH LÊ	01/07/1999	29026230	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 7.20
THÁI THỊ HOÀI	06/06/1999	29001936	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ NGÀ	29/07/1999	29009217	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 3.60
PHAN THỊ NGỌC ÁNH	12/01/1999	29030379	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN DUY HOÀNG	19/04/1999	29006388	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 6 Tiếng Anh: 5.00
NGÔ THỊ HIỀN	13/02/1999	29003842	Toán: 8.20 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 9.25 GDCD: 9.50 KHXH: 9 Tiếng Anh: 8.40
TRẦN MINH KHÁNH	09/05/1999	29006058	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00
TRẦN HỒNG PHONG	13/03/1998	29013054	Toán: 2.40 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 4.75
NGUYỄN PHÚC AN	29/09/1999	29030360	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 4.5 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.75 KHXH: 8 Tiếng Anh: 4.20
ĐẶNG THỊ NGỌC	22/12/1998	29021200	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN LAN ANH	02/09/1999	29027821	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN GIA VINH	15/08/1998	29023415	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.00 KHTN: 2.42 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.60
PHẠM THỊ THANH HIỀN	07/01/1999	29024294	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.5 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.80

TRẦN THỊ THANH THẢO	10/05/1999	29012396	Toán: 4.20 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 9.00 GDCD: 9.25 KHXH: 8.42 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN VĂN THẮNG	25/03/1999	29000536	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 5.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.00
UÔNG VĂN LƯƠNG	31/03/1999	29007925	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN DƯƠNG NAM	17/12/1999	29018057	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 4.60
PHẠM BÁ THÀNH	20/06/1999	29022083	Toán: 1.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.25 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	02/11/1999	29002044	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.5 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN VĂN HIẾU	12/02/1998	29006019	Toán: 8.20 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.00
NGÔ MINH CHINH	02/03/1999	29006280	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 3.60
LÊ ĐỨC HOÀNG	12/03/1999	29023199	Toán: 4.60 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.25 Tiếng Anh: 2.60
PHẠM VĂN HUY	07/07/1999	29012777	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.20
LƯƠNG THỊ HUYỀN	29/10/1998	29025275	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 9.00 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ THẢO	26/11/1999	29013351	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.92 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 6.00
LỖ BÁ GHIA	21/07/1999	29008244	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 4.00 KHXH: 3.58 Tiếng Anh: 2.80
LÔ QUANG TUYẾN	03/10/1999	29025800	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 9.25 GDCD: 9.25 KHXH: 8.67 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THANH NGÀ	19/12/1999	29018859	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 6.60
HỒ THỊ ĐỊNH	02/06/1999	29014357	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 9.25 GDCD: 9.25 KHXH: 8.75 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ LÀI	12/11/1999	29022333	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 4.20

NGUYỄN VĂN THẮNG	20/03/1999	29022451	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.20
THÁI THÙY LINH	23/08/1999	29030527	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 4.00
BÙI THỊ QUỲNH	06/08/1999	29018133	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 6.50 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG NGỌC NHÂN	07/10/1999	29010573	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 7.75 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 5.00
TRƯƠNG VĂN CƯỜNG	21/02/1999	29007236	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 2.80
LÊ THỊ BÍCH PHƯƠNG	19/04/1999	29014696	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.20
NGÔ THỊ HỒNG HẠNH	06/09/1999	29012022	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.08 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.60
LÊ ĐỨC HÙNG	25/05/1999	29004459	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN XUÂN HOÀNG	12/11/1999	29000244	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 3.80
PHẠM THỊ HỒNG TRANG	13/08/1999	29007440	Toán: 2.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 3.60
CAO TIẾN CÔNG	30/04/1999	29019871	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 2.40
LƯƠNG VĂN AN	28/02/1999	29019846	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG VĂN NGHĨA	24/09/1999	29005794	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HIỀN	12/06/1999	29021052	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 7.20
TRẦN TĂNG VĂN MINH	04/09/1999	29000725	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 5 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 1.60
HOÀNG THỊ HOÀI	20/11/1999	29001931	Toán: 9.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 9.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 8.20
TRỊNH TRẦN QUANG ANH	05/04/1999	29023102	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 9.00 Hóa học: 9.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 5.20

HOÀNG TRUNG TUẤN	26/08/1999	29016512	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN VIỆT HOÀNG	06/10/1998	29010420	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN VĂN THẮNG	04/07/1999	29004184	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THẢO LINH	30/04/1999	29002470	Toán: 8.00 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 7.40
NGUYỄN THỊ VINH	11/05/1999	29011856	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 7.00 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 3.40
VÕ CÁT HOÀN	07/10/1999	29009137	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 4.20
ĐẶNG NGỌC CHUNG	25/04/1995	29021451	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 6.00
NGUYỄN TRUNG TUẤN	09/07/1999	29024892	Toán: 3.60 Ngữ văn: 2.50 Vật lí: 1.75 Hóa học: 1.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 2 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25
PHẠM THỊ UYÊN	10/09/1999	29007488	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 9.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN VĂN THUẬN	09/12/1999	29020476	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 2.00
ĐẶNG TRỌNG THÔNG	16/07/1999	29006623	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 2.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 3 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ LOAN	15/07/1999	29010501	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 9.25 GDCD: 7.50 KHXH: 8.58 Tiếng Anh: 4.20
HOÀNG THỊ CẨM TÚ	03/03/1999	29027083	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN THẾ HƯNG	11/03/1999	29000296	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.60
HỒ THỊ HOA	16/05/1999	29013966	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM THỊ NGÀ	05/07/1999	29008848	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.00
LÊ THỊ HUỆ	01/07/1999	29017962	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 4.00

TRƯƠNG THỊ THẢO	28/02/1999	29004176	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.80
PHÙNG VĂN BẢO	14/03/1999	29020953	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN QUANG DANH	06/05/1998	29022100	Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75
CHẾ THỊ HẰNG	26/01/1999	29003122	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.25 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	24/03/1998	29017130	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.00
LÊ BÁ THẠCH	15/01/1999	29023333	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN ĐỨC ANH	09/08/1999	29023562	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN KHÁNH VƯỢNG	08/06/1999	29024151	Toán: 8.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 9.00 Hóa học: 9.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 5.00
CHÍCH VĂN CƯỜNG	11/03/1999	29008209	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 2.50 GDCD: 6.75 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.80
TRƯƠNG THỊ NHÌ	05/01/1999	29025182	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 3.60
KHA VĂN HẢI	26/10/1999	29008265	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN VĂN TUẤN	28/09/1999	29011168	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG	28/06/1999	29012882	Toán: 7.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 9.00
LÊ VĂN ĐỒNG	23/05/1999	29029813	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN ĐÌNH HIỆP	19/06/1998	29027312	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.20
HỒ THỊ THƠ	19/05/1999	29018181	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ THƠ	12/12/1999	29007416	Toán: 7.80 Ngữ văn: 8.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 6.60

NGUYỄN HỮU DŨNG	16/01/1999	29024733	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.25
NGUYỄN BÁ ĐỊNH	12/04/1999	29011628	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 3.60
NGÔ THỊ HÀ AN	12/07/1999	29028839	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN VĂN TUẤN ANH	20/01/1999	29015413	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.00
ĐẬU VĂN DƯƠNG	20/07/1999	29003760	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 9.00 GDCD: 9.50 KHXH: 8.83 Tiếng Anh: 4.00
PHAN TUẤN LINH	10/08/1999	29015016	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN ĐỨC VINH	29/01/1999	29001737	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.20
HOÀNG NGỌC THẮNG	08/02/1999	29024046	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN ĐÌNH NGHĨA	09/03/1999	29027480	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ TÂM	05/05/1999	29023332	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THÀNH LONG	24/02/1999	29006478	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN ĐÌNH TUẤN	06/11/1999	29022624	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.80
TRƯƠNG CHẤN LÂM	26/08/1999	29004495	Toán: 5.20 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 2.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 4.20
PHẠM CÔNG HÙNG	26/11/1999	29000258	Toán: 8.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 6.00
NGÔ ĐỨC HIẾN	22/12/1999	29011321	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 1.80
TRẦN NGUYỄN SAO NAM	09/11/1999	29020382	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN TRỌNG CÔNG	14/02/1998	29001745	Toán: 8.20 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.00

NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	20/05/1999	29003026	Toán: 9.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN ĐĂNG TUẤN	20/03/1998	29019835	Toán: 6.20 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.50
LƯU VĂN QUYẾT	13/09/1998	29023499	Toán: 8.60 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 6.67
PHẠM HOÀI AN	04/04/1999	29017076	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN QUỐC TRIỆU	23/08/1999	29018225	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VĂN ĐẠT	09/01/1999	29022235	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 2.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.08 Tiếng Anh: 3.00
PHAN THỊ TRANG	05/01/1999	29009978	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN SỸ THỊNH	30/09/1998	29021519	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.58 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	11/01/1999	29023341	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN XUÂN HÙNG	25/09/1995	29019715	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 8.00
TRẦN VĂN TUẤN	04/09/1999	29007470	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 2.50 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 3.20
BÙI VĂN DŨNG	20/09/1999	29022216	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.00
PHAN THỊ HUỆ	23/05/1999	29017279	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.25 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.60
HỒ THỊ LOAN	12/10/1999	29016767	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 2.60
LÝ QUANG HUY	20/04/1998	29002730	Toán: 7.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.42
ĐẶNG XUÂN CHIẾN	12/05/1998	29007543	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.40
HỒ THỊ HÒA AN	03/04/1999	29001827	Toán: 9.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 9.75 Sinh học: 9.50 KHTN: 8.33 Tiếng Anh: 6.60
LƯƠNG VĂN KÈO	08/01/1999	29008296	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.50 GDCD: 8.50 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.00
THÁI BÁ TOÀN	24/07/1999	29006203	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50

DƯƠNG THỊ MAI	10/01/1999	29008819	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.75 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN QUYẾT	13/06/1999	29018680	Toán: 2.00 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 1.40
LÊ THỊ NA	20/11/1999	29013237	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 5.60
CAO THỊ QUỲNH	03/06/1999	29005238	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN HOÀNG	01/01/1999	29015654	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN ĐỨC ĐẠT	10/02/1999	29008665	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ MINH	15/03/1998	29006097	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.75
TRỊNH THỊ TRANG	20/04/1999	29004730	Toán: 4.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.40
HOÀNG NGỌC	09/11/1998	29017410	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.80
BÙI THÁI HƯNG	01/01/1999	29004473	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 4 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ LƯƠNG	17/05/1999	29020355	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 6.60
NGUYỄN HỮU HIẾU	01/11/1999	29020286	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	03/07/1999	29018557	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.40
ĐẬU THỊ THIÊN ÂN	16/11/1999	29025924	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 9.00 Sinh học: 6.25 KHTN: 7.67 Tiếng Anh: 5.00
THẠCH THỊ YẾN NHI	06/02/1999	29027508	Toán: 5.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 8.40
ĐỖ NAM HOÀNG	02/05/1999	29026801	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 2.75 GDCD: 7.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN THỊ MỸ DUYÊN	16/12/1999	29027243	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 8.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 4.00

LÊ THỊ TIẾN	01/04/1999	29023025	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.25 KHXH: 8.33 Tiếng Anh: 7.60
LÊ THẠCH HIẾU	16/05/1999	29015613	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.80
HQC THỊ ĐAN	10/08/1997	29008236	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.00 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN VĂN HOÀNG	25/01/1998	29022114	Toán: 7.60 Vật lí: 6.75 Hóa học: 8.00
NGUYỄN THỊ HỒNG THẨM	18/09/1998	29017760	Toán: 8.60 Hóa học: 9.00 Sinh học: 8.75
VÕ VĂN BA	24/01/1998	29010266	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.25 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 2.20
TRƯƠNG THỊ LINH	13/08/1999	29022871	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.40
HOÀNG THỊ THẢO	28/09/1999	29003284	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 5.20
TRẦN TUẤN ANH	03/09/1999	29003042	Toán: 2.00 Ngữ văn: 2.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.25 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN DƯƠNG	13/02/1999	29007565	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 4.40
PHẠM THỊ NGỌC	02/11/1999	29004047	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 5.20
LÀU BÁ SƠN	26/03/1999	29025619	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.92 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 1.80
TRẦN THỊ NGỌC TRÂM	22/04/1999	29012490	Toán: 3.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 5.20
LÊ DUY TỪ	13/07/1999	29013437	Toán: 7.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 6.50 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 5.20
VŨ THỊ THANH TÂM	18/07/1999	29018718	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 4.00
LÊ CÔNG ĐẠT	16/12/1999	29016136	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 2.80
VŨ THỊ QUỲNH	22/01/1999	29004125	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.80

NGUYỄN VĂN HUY	17/08/1999	29026818	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.08 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 7.00
TẠ QUANG LINH	22/07/1999	29026274	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 4 Tiếng Anh: 2.60
HỒ THỊ LOAN	02/09/1999	29015804	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 9.25 Địa lí: 9.75 GDCD: 8.25 KHXH: 9.08 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN THỊ DUNG	01/01/1999	29000094	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 7.80
TRẦN ĐÌNH TIẾP	24/05/1999	29028131	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.00 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ HƯƠNG	20/12/1999	29011367	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 3.50 GDCD: 6.00 KHXH: 3.83 Tiếng Anh: 2.60
PHẠM MINH ĐỨC	03/06/1999	29023692	Toán: 8.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ THỦY TIÊN	20/10/1999	29007777	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.50 GDCD: 7.00 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HUỆ	23/02/1999	29005041	Toán: 4.80 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 9.25 Địa lí: 10.00 GDCD: 9.25 KHXH: 9.5 Tiếng Anh: 7.60
CAO THÙY TRANG	03/05/1999	29006685	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN LÊ DUNG	08/08/1999	29003744	Toán: 7.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 8.20
HOÀNG SỸ VINH	09/05/1999	29030933	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 3.40
VŨ VĂN THÀNH	23/06/1999	29018910	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 6 Tiếng Anh: 2.00
HOÀNG THỊ KHÁNH LINH	19/07/1999	29027401	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN ĐỨC MẠNH HOÀNG	09/06/1999	29023202	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 9.50 Hóa học: 9.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 5.80
LÊ VĂN VŨ	03/07/1999	29009394	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 5.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.00
HỒ THỊ HẰNG	26/07/1999	29009561	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.40

VŨ ANH ĐỨC	10/04/1999	29011995	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ THU HƯƠNG	08/04/1999	29023815	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN NGỌC SƠN	07/06/1999	29026487	Toán: 5.40 Ngữ văn: 2.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 2.80
GIÀ Y DỠ	14/10/1999	29020596	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 0.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 2.5 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 4.25 KHXH: 3.33 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN VĂN QUYẾT	28/01/1999	29011474	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ TUYỀN	06/01/1999	29000894	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.25 Sinh học: 2.25 KHTN: 6.17 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN BÁ NGHĨA	17/07/1997	29023919	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 2.60
ĐÀO THƯƠNG HUYỀN	27/07/1999	29020311	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	05/11/1999	29017184	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.80
LÊ HOÀNG HIỆP	06/01/1999	29002353	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 9.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 3.40
VŨ ĐÌNH MINH	26/11/1998	29017720	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.60
TRỊNH QUỐC KHÁNH	03/09/1999	29023822	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 2.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 4.80
TRẦN MAI LINH	21/10/1999	29027963	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 6.60
NGUYỄN THỊ HIỀN	07/05/1999	29000191	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN VĂN ĐỨC	23/07/1999	29012716	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 2.00
TRẦN VĂN ĐỨC	30/11/1999	29011636	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ THU	05/09/1998	29004285	Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 9.50

KHA VĂN KÍNH	02/07/1997	29020684	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.75 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.40
CỤT VĂN MAY	02/06/1999	29008353	Toán: 2.20 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 5.50 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ HÀ PHƯƠNG	24/01/1999	29025206	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 3.00
TẶNG NGỌC KHÁNH	14/03/1999	29026213	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN THỊ HUYỀN	27/05/1999	29004469	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 4.40
LÊ THỊ MAI	29/04/1999	29000396	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 7.00 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 4.60
PHAN HÀ VI	23/04/1999	29013447	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.08 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.00
PHAN BÁ THẾ	13/06/1999	29002613	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN THẢO	24/08/1998	29030677	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.60
VÕ THỊ YẾN	06/01/1999	29009405	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.75 Sinh học: 6.25 KHTN: 7.83 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN THỊ HIỆP	10/10/1999	29001922	Toán: 6.80 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN ĐÌNH BÌNH	20/02/1998	29015916	Toán: 7.60 Vật lí: 6.50 Tiếng Anh: 4.80
HỒ SỸ TÂM	26/08/1999	29016326	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.40
VŨ THỊ MINH TRÀ	19/05/1999	29020115	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN ANH ĐỨC	14/07/1999	29005570	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN MINH DŨNG	12/09/1998	29015486	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.75 KHXH: 8.5 Tiếng Anh: 3.20
HÀ VĂN HIẾU	14/12/1999	29016636	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 4.60

NGUYỄN ĐÌNH LÂN	25/10/1998	29023477	Toán: 8.40 Vật lí: 9.00 Hóa học: 9.50
HỒ THỊ THƠM	06/07/1999	29016967	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 3.40
VI VĂN THÀNH	26/03/1999	29003498	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 7.25 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THÙY DUNG	12/05/1999	29000093	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.80
PHẠM HỒNG DUYÊN	19/12/1999	29011973	Toán: 9.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 9.50 Hóa học: 9.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 8.17 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN VĂN ĐOÀN	01/01/1999	29028343	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN CẢNH CÔNG	24/03/1998	29022097	Toán: 6.40 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.25
LÊ QUANG TRƯỜNG	18/10/1998	29012504	Toán: 2.20 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN ĐÌNH LỢI	12/09/1999	29027437	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.80
ĐÀO THỊ HOÀ	08/03/1999	29005644	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	05/10/1999	29002088	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ TÂM	04/04/1999	29009888	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.00 KHXH: 8 Tiếng Anh: 4.80
PHẠM THỊ LINH GIANG	07/05/1999	29030427	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 6 Tiếng Anh: 4.60
BÙI THANH HÙNG	28/05/1999	29021092	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 6.75 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 2.20
LO THỊ LY	12/12/1999	29014572	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.60
PHÙNG BÁ TÙNG	27/10/1999	29000612	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN HỒNG NHUNG	24/01/1999	29020397	Toán: 7.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 6 Tiếng Anh: 4.40

NGUYỄN THỊ MAI HẬU	09/07/1999	29027297	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.80
HỒ THỊ TUYẾT TRINH	22/09/1999	29027067	Toán: 9.00 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 9.40
LÔ THỊ HẬU	27/08/1999	29020633	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 5.20
ĐẬU ĐÌNH THÔNG	15/01/1999	29030711	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN DUY HOÀNG	02/05/1999	29026133	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 2.80
PHAN THỊ HIỀN	12/06/1999	29026091	Toán: 10.00 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 9.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 6 Tiếng Anh: 9.80
ĐẶNG THỊ TÂM	10/01/1999	29010640	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 2.80
LÊ MINH HẢI	22/01/1999	29010361	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ QUY	04/05/1999	29007971	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 2.20
VI THỊ GIANG	26/06/1999	29014379	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.00 GDCD: 6.00 KHXH: 3.92 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ LÝ	08/10/1999	29027449	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN VĂN CHÁNH	10/06/1999	29028300	Toán: 9.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 7.75 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	02/09/1999	29008940	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.00 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.40
PHẠM NGỌC TRÂM	14/10/1999	29019021	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 2.75 GDCD: 7.25 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ QUỲNH HOA	26/08/1999	29026111	Toán: 9.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 8.00
TRƯƠNG THỊ TÚ VĂN	26/10/1999	29006793	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 4.20
LÊ ĐÌNH DŨNG	29/11/1998	29014334	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 5.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.00

TRẦN THỊ THẢO	02/02/1999	29021314	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN THANH AN	18/11/1999	29019173	Toán: 8.80 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 9.00 KHXH: 8 Tiếng Anh: 8.80
NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	20/11/1999	29000136	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 8.50 Sinh học: 8.00 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 4.80
PHAN THỊ HIỀN	10/05/1999	29028401	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	16/03/1999	29012287	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.40
PHAN THỊ MAI	08/12/1998	29030094	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN XUÂN HOÀNG	28/01/1999	29029938	Toán: 3.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ KIỀU TRINH	26/03/1999	29022585	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.00 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 2.20
VÀ BÁ MỒNG	06/09/1999	29008362	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 2.75 GDCD: 5.75 KHXH: 3.75 Tiếng Anh: 2.60
HOÀNG VĂN TOÀN	28/02/1999	29010703	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.20
HOÀNG TRUNG KIÊN	13/11/1999	29017997	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.40
NGÔ THỊ HƯƠNG	18/07/1998	29023468	Toán: 7.60 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 6
HỒ THỊ HẢI YẾN	23/08/1999	29011876	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 6.20
THÁI THỊ KIỀU TRANG	30/05/1999	29005357	Toán: 1.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 5.50 KHXH: 3.67 Tiếng Anh: 2.40
BÙI THỊ NGÂN	20/05/1999	29029146	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN VĂN CƯỜNG	21/01/1999	29018380	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ DUNG	09/02/1999	29000652	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 5.00

HOÀNG ĐÌNH ĐẠT	18/07/1999	29001273	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM MẠNH CƯỜNG	20/09/1999	29018744	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.5 Tiếng Pháp: 3.20
LÔ VĂN VƯƠNG	20/08/1999	29020880	Toán: 4.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN ĐĂNG NHẬT	08/01/1999	29026395	Toán: 9.40 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 8.50 Sinh học: 8.75 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 9.20
NGÔ THỊ CHÂU GIANG	03/01/1999	29004958	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ NGỌC ÁNH	20/12/1999	29010822	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 8.80
NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	28/12/1999	29029640	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.80
CAO HUỲNH SON	28/07/1999	29015080	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VIỆT HIẾU	06/09/1999	29006373	Toán: 8.60 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ HÀ	03/11/1998	29013030	Toán: 8.40 Vật lí: 7.25 Hóa học: 9.25 Sinh học: 9.50 KHTN: 8.67
NGUYỄN THỊ LÝ	08/12/1999	29001065	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.83 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.75
TRẦN ĐĂNG KHOA	01/05/1998	29003634	Toán: 1.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.00
LÔ VĂN NÚC	06/01/1996	29008561	Toán: 1.80 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 2.75
VŨ THỊ QUỲNH	04/01/1999	29019971	Toán: 1.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ YÊN	15/07/1999	29001209	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.42 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75
HÀ THỊ UYÊN	30/09/1999	29003579	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.58 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 3.75 GDCD: 5.25 KHXH: 3.42 Tiếng Anh: 2.60
ĐẶNG THỊ HƯƠNG	17/06/1999	29008767	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.20
HOÀNG VĂN MÃO	04/11/1999	29001502	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.60

NGUYỄN TIẾN DŨNG	20/02/1992	29021457	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 9.00
CAO THỊ LIÊN	24/12/1998	29006451	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4 Tiếng Anh: 2.80
PHAN THỊ THU UYÊN	01/10/1999	29030919	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 9.25 GDCD: 7.50 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.60
TRỊNH THỊ CẨM LINH	09/12/1999	29000362	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 9.00
LÊ VĂN DƯƠNG	05/12/1999	29022737	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 6.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.60
TRƯƠNG ĐỨC HƯNG	16/04/1999	29005068	Toán: 2.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.00 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 4.40
PHAN THỊ MINH	01/01/1999	29019608	Toán: 2.20 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 9.75 Địa lí: 9.50 GDCD: 9.00 KHXH: 9.42 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ VÂN ANH	03/02/1999	29028277	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.80
HỒ THỊ KHÁNH LY	27/02/1999	29024440	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.92 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.60
VƯƠNG THỊ LÝ	06/08/1999	29027450	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG	06/06/1999	29027380	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.80
LÊ VĂN CẢNH	31/01/1999	29001238	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.25 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 3.00
TRƯƠNG ĐẮC PHỤNG	23/07/1998	29017738	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VIỆT TRUNG	01/06/1998	29028755	Toán: 1.40 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 1.60
NGUYỄN ĐÌNH HẠNH	02/08/1999	29007278	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.42 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.00
NGÔ THỊ TRÀ MY	16/08/1999	29011716	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 5 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ HÓA	05/05/1999	29021769	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.20

NGUYỄN VĂN TUẤN	10/03/1999	29020523	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.33 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.20
THÁI THỊ CHÍNH	24/05/1999	29004347	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 4.00
LƯƠNG THỊ HOA	07/11/1999	29013555	Toán: 2.40 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 2.25 GDCD: 4.25 KHXH: 2.83 Tiếng Anh: 3.20
TRƯƠNG MINH ĐỨC	20/10/1998	29014369	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.40
HOÀNG THANH HOÀN	10/05/1997	29010737	Toán: 9.40 Vật lí: 9.00 Hóa học: 9.75
PHAN DUY ANH HÀO	24/09/1999	29029471	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 9.75 Sinh học: 7.00 KHTN: 8.25 Tiếng Anh: 6.80
VÕ QUANG ÁNH	02/01/1998	29022094	Toán: 6.40 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.75
TRẦN QUỐC BẢO	15/01/1999	29021562	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 5.00
ĐẶNG DANH QUYỀN	02/08/1998	29016000	Toán: 6.60 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.25
HOÀNG THỊ TÚ LOAN	27/11/1999	29027426	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	27/01/1999	29027044	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.40
PHAN THỊ NHI	11/11/1999	29003233	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 8.20
ĐẶNG THỊ NGUYỄN	14/01/1998	29001094	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50
LÊ NGỌC HOÀ	27/06/1999	29000217	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.75 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN CẢNH CHIẾN	25/02/1999	29023122	Toán: 7.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN VĂN THỎA	26/04/1999	29022465	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 9.25 GDCD: 9.00 KHXH: 8.92 Tiếng Anh: 3.80
PHAN THÁI CÔNG	02/09/1998	29021597	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 6.50 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 2.60

NGUYỄN HOÀNG YẾN	08/04/1999	29022675	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 8.00 Hóa học: 9.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN ĐÌNH HÂN	12/09/1998	29009570	Toán: 3.00 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.50 GDCD: 6.50 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 1.80
LÊ TIẾN HẢI	11/10/1999	29016598	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ THANH VÂN	04/09/1999	29028794	Toán: 9.00 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 6.00
TRẦN THỊ LÊ	20/10/1998	29014803	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.50 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ HẰNG	07/05/1999	29028954	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HẢI	29/08/1999	29029860	Toán: 5.00 Ngữ văn: 9.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 9.25 GDCD: 8.50 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN ĐÌNH LINH	23/08/1999	29007917	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 8.75 Sinh học: 9.00 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 3.40
XÔNG BÁ CHƠ	04/04/1999	29020575	Toán: 3.40 Ngữ văn: 2.75 Vật lí: 2.75 Hóa học: 1.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.5 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.60
HOÀNG ĐÌNH KỲ	01/03/1987	29003637	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 2.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 1.50 KHTN: 2.58 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.25
TRẦN MINH THÔNG	23/09/1999	29004198	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.40
NGÔ THỊ HƯƠNG ÁNH	06/12/1999	29017103	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.25 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 4.00
BÙI MINH UY	27/01/1999	29029670	Toán: 3.00 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.00 GDCD: 6.50 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ THIÊN LÝ	10/09/1999	29029540	Toán: 6.40 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	06/02/1999	29017453	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.40
ĐẶNG THỊ HOÀI AN	20/02/1999	29023534	Toán: 7.60 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 9.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 7.40
TRẦN THỊ TỔ UYÊN	08/07/1999	29024681	Toán: 9.40 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 9.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 9.60

TRẦN VĂN DUY	24/09/1999	29020606	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 4.33 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.20
BIỆN VĂN SÁNG	15/06/1999	29009256	Toán: 7.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 6.00 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 5.00
HOÀNG XUÂN BÌNH	28/04/1999	29029620	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ THÚY	09/01/1999	29012433	Toán: 4.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 9.75 GDCD: 8.75 KHXH: 8.92 Tiếng Anh: 3.80
HOÀNG ANH TUẤN	27/09/1999	29028211	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.20
ĐẶNG THỊ THANH	09/10/1998	29006167	Toán: 6.40 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.00
NGUYỄN VĂN MẠNH	14/07/1999	29010131	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 3.50
PHAN THỊ THIÊN	18/06/1999	29017542	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.00
VÕ DUY QUÂN	08/02/1999	29007093	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.40
TẶNG VĂN TƯỜNG	15/06/1998	29001195	Toán: 8.60 Vật lí: 7.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.83
TRẦN VĂN HIẾN	16/05/1999	29018457	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM TRUNG ĐOÀN	29/01/1999	29027867	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 2.40
LÊ VĂN ĐỨC	20/06/1996	29023449	Toán: 2.80 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.25
NGUYỄN VĂN TỚI	05/12/1999	29002120	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN VĂN ANH	07/06/1999	29028859	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 5.50 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.80
NGÔ QUANG LỰC	11/10/1996	29027702	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.50
NGUYỄN THỊ HOÀI THANH	18/09/1999	29013721	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 6.75 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ HOÀI LINH	30/12/1999	29009182	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 4.00

CAO VĂN HÙNG	25/02/1999	29005042	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ TRANG	26/10/1999	29020136	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ LINH	01/05/1999	29018835	Toán: 8.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 8.00 KHTN: 7.67 Tiếng Anh: 6.20
HỒ XUÂN PHÚ	20/10/1996	29013839	Toán: 7.60 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.75
NGUYỄN TĂNG TUẤN HUỖNH	30/04/1999	29005064	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.80
LÊ VĂN CƯỜNG	06/06/1999	29028315	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.00
NGÔ PHAN QUỲNH	18/03/1999	29005241	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 7.50 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ HẠNH	31/07/1999	29011646	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ TRÂM	14/06/1999	29009986	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN VĂN ĐẠT	08/03/1999	29009516	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.40
ĐỒNG VĂN KIÊN	09/06/1996	29027688	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25
CAO THỊ MÂY	02/08/1999	29005763	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 5.25 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.80
TẠ QUANG HIẾU	14/01/1999	29006375	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 7.75 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 5.40
ĐẬU THỊ THÙY	12/07/1999	29010684	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.00 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.80
LÊ THỊ THU UYÊN	14/04/1999	29026582	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.40
TRƯƠNG VĂN THAO	01/10/1999	29012378	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.33 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 6.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.40
HỒ THỊ HỒNG ÁNH	13/07/1999	29023604	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 9.50 Hóa học: 9.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 8 Tiếng Anh: 6.00
KIỀU THỊ HUYỀN TRANG	20/11/1999	29000573	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 5.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.60

PHẠM THỊ HUYỀN	16/04/1999	29009163	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 4.20
PHAN THỊ MỸ LINH	15/02/1999	29019554	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.20
DƯƠNG ĐỨC HÙNG	01/01/1999	29022822	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN THƯƠNG	22/01/1999	29021354	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ DUNG	15/08/1999	29015481	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 1.60
NGÔ VĂN TUẤN	08/10/1999	29018248	Toán: 4.20 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.75 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN TRẦN TRÂM ANH	23/06/1999	29025892	Toán: 8.20 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 9.80
NGUYỄN THỊ MINH ÁNH	10/11/1999	29015419	Toán: 5.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN THỊ VÂN ANH	06/06/1999	29022702	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 9.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 7.00
PHAN HUY ĐẠT	19/05/1999	29006318	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ HOÀI	09/10/1999	29021776	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ THẢO	16/07/1999	29018164	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.17 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG THỊ THÚY	19/08/1998	29030748	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THANH MỸ	16/09/1999	29009762	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.20
NGÔ HOÀNG KHÁNH HUYỀN	29/08/1999	29026822	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.08 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 7.60
NGUYỄN KHẮC ĐỨC	02/04/1999	29026028	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 8.80
PHAN HUY MẠNH	19/02/1999	29006089	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00

ĐẶNG THỊ PHƯƠNG THẢO	23/09/1999	29024573	Toán: 8.00 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 9.40
NGUYỄN THỊ HÀ	16/07/1998	29011299	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.40
VŨ THỊ BÍCH	05/05/1999	29014302	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.00
TRƯƠNG ĐÌNH ANH	11/12/1999	29018348	Toán: 3.40 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.25 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ LOAN	10/10/1999	29030058	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN THỊ HOA	09/04/1999	29005643	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.80
CHU MINH ĐẠI	29/04/1999	29003766	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 9.50 GDCD: 7.25 KHXH: 8.42 Tiếng Anh: 1.20
HỒ THỊ TRANG	09/10/1999	29030798	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 4.40
HỒ THỊ THÀNH	23/11/1999	29017512	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN KHÁNH DƯƠNG	21/08/1999	29017153	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN TRỌNG NGHĨA	01/05/1998	29019757	Toán: 8.60 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.00
CỤT THỊ VON	23/03/1998	29020878	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.00 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG NGHĨA LÊ QUÂN	16/12/1999	29026457	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 9.00 Hóa học: 9.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.75 Tiếng Anh: 6.00
PHAN THỊ CÔNG	13/07/1999	29029755	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.80
LÊ ĐĂNG ĐỨC	10/04/1998	29001287	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.00 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.40
PHẠM VĂN TUYẾN	09/01/1998	29017797	Toán: 8.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.50
LÒ THỊ PHƯƠNG	20/10/1999	29025204	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.80

NGUYỄN THỊ QUỲNH	10/02/1999	29002904	Toán: 8.80 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 8.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 9.60
NGÔ THỊ HẬU	05/02/1999	29014411	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.00
PHAN THỊ QUỲNH ANH	14/02/1999	29023587	Toán: 9.00 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 10.00
NGUYỄN CẢNH ĐỒNG	11/06/1999	29020254	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 2.83 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.80
TRƯƠNG THỊ KIM ANH	05/05/1999	29028860	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ DẠ THẢO	16/08/1999	29024034	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.75 Sinh học: 6.00 KHTN: 7 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ NHUNG	30/10/1999	29004555	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 3.40
MAI ANH QUÂN	07/06/1999	29026458	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 9.25 GDCD: 8.50 KHXH: 8.67 Tiếng Anh: 2.40
LÊ THỊ NHẬT LỆ	07/06/1999	29027396	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 4.60
PHẠM THỊ PHƯƠNG TRINH	19/10/1999	29019029	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN VĂN SƠN	02/01/1999	29024858	Toán: 1.80 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.33 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.25
NGUYỄN THỊ NHUNG	23/02/1999	29028581	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 7.60
NGÔ VĂN SƠN	17/04/1999	29002912	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 7.80
VI THỊ MAI	26/10/1999	29013637	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN BÁ ĐỒ	17/12/1998	29001757	Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 6.75
NGUYỄN TRUNG CHÍNH	27/10/1999	29011947	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ SANG	13/02/1999	29009863	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 4.40

ĐÀO QUANG VINH	06/09/1999	29005422	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.00
LÊ KIM LỄ	23/02/1999	29019524	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG THỊ THẢO	23/10/1999	29012384	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.00
HỒ THỊ THU	04/07/1999	29017548	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.50 GDCD: 5.75 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 2.00
PHAN SỸ SỬ	14/06/1999	29009263	Toán: 7.80 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN HỮU MẠNH	20/01/1999	29016796	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 3.92 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN VĂN SÂM	19/08/1999	29002908	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.00
ĐINH THỊ HUYỀN TRANG	22/04/1999	29009969	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.17 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 8.40
NGUYỄN XUÂN THIÊN	24/07/1999	29012924	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.60
ĐÀO THỊ LINH	29/05/1999	29007007	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.00 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG THỊ MAI	29/08/1999	29001999	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 7.75 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN QUANG HUY	07/04/1999	29027348	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.40
PHAN HUY HIỆU	20/01/1998	29000211	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.00
LÊ HỮU TUẤN	12/11/1999	29016515	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.60
HOÀNG THỊ NGÂN	20/08/1999	29014628	Toán: 2.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN HỮU PHƯƠNG	10/02/1997	29010160	Toán: 7.80 Vật lí: 9.00 Hóa học: 7.50
TRẦN THỊ NGỌC ÁNH	08/07/1998	29011920	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.00 GDCD: 6.50 KHXH: 4.08 Tiếng Anh: 2.00

HOA QUỐC CHUNG	27/06/1999	29007231	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.42 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.00
NGŨ VĂN DẦN	02/01/1998	29023442	Toán: 9.40 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.25
NGÔ THỊ GIANG	10/11/1999	29022757	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.20
LÊ ANH LINH	08/06/1999	29012167	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 2.60
VÕ THU HÀ	03/09/1999	29004978	Toán: 8.60 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ MINH ANH	26/08/1999	29010246	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.60
HÀ THỊ HÒA	18/01/1999	29014957	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 1.60
ĐINH MỸ HÀ	21/04/1999	29014931	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 4.80
PHAN ĐÌNH THỊNH VƯỢNG	08/09/1998	29013004	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.20
VƯƠNG QUỐC KHÁNH	20/07/1999	29027388	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	02/11/1999	29019478	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.20
LÊ ĐĂNG KHOA	09/09/1999	29000309	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 3.60
LÊ TUẤN THÀNH	09/04/1999	29012373	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 2.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN DUY THẮNG	05/06/1999	29011785	Toán: 7.00 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 6.50 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 3.80
HOÀNG THỊ THẢO TRANG	17/11/1999	29016464	Toán: 3.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.80
SẦM THỊ HOÀNG LAM	05/11/1999	29014014	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 6.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.80
HOÀNG VĂN HÙNG	20/04/1999	29009147	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 4 Tiếng Anh: 2.80

NGUYỄN THỊ HỒNG	03/02/1999	29011661	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.75 Sinh học: 8.25 KHTN: 8.25 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN THỊ TRANG	16/10/1999	29002651	Toán: 2.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.20
LÊ TRỌNG ĐỨC	22/09/1999	29014366	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.00
BÙI THỊ PHƯƠNG UYÊN	13/08/1999	29016533	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.80
VŨ TUẤN ANH	15/11/1998	29027828	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 4.80
VÕ VĂN LỘC	25/12/1999	29029102	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 5.75 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ NGÂN	18/09/1999	29023273	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 4.00
HỒ THỊ PHƯƠNG LINH	20/04/1999	29017335	Toán: 8.60 Ngữ văn: 9.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 9.00
NGUYỄN VĂN HÀO	02/02/1999	29007280	Toán: 8.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 7.92 Tiếng Anh: 5.00
HOÀNG THỊ QUỲNH	13/08/1999	29027565	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.40
KHA THỊ LỆ HOÀI	17/09/1999	29020651	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.80
ĐINH THỊ HẢI	04/01/1999	29001898	Toán: 8.60 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 8.00 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 4.40
PHÙNG THỊ LÀNH	11/02/1999	29007321	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 2.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM NHẬT HOÀNG	14/08/1999	29009139	Toán: 8.60 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 8.25 Hóa học: 9.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 3.40
VŨ THỊ NHỎ	07/04/1999	29004065	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.80
PHẠM THỊ HOA	16/09/1999	29029487	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THANH KHÔI	31/05/1999	29020319	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 2.20

TRẦN THỊ NGỌC	18/01/1999	29013262	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 8.00 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 5.00
TRẦN THỊ PHƯƠNG ANH	02/07/1999	29025907	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 9.00
TRẦN THỊ TỔ ANH	06/06/1999	29022181	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 4.80
HOÀNG THỊ UYÊN	24/09/1998	29013438	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 4.20
KHEO THỊ QUỲNH	20/01/1999	29006142	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.75
NGUYỄN VIỆT BÁCH	20/06/1999	29028287	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.25 Tiếng Anh: 1.80
VI THUỶ TRANG	03/05/1999	29025754	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.33 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.40
VŨ VĂN MẠNH	24/07/1999	29018849	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 9.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN THỊ THU SƯƠNG	08/08/1999	29030273	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.40
VÕ VĂN NAM	02/07/1999	29010554	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 1.80
CAO THỊ HOÀNG SANG	06/01/1999	29005253	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 1.80
VƯƠNG ĐÌNH HUY	20/12/1999	29025464	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.92 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 1.75 GDCD: 4.25 KHXH: 2.92 Tiếng Anh: 6.80
ĐẬU ĐỨC ANH	02/10/1997	29003687	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.20
LÊ THỊ TÂM	02/07/1999	29028646	Toán: 6.40 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ YẾN	20/11/1999	29011881	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN BÁ LINH	08/02/1998	29015967	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN KIM HOÀNG ANH	25/01/1999	29009056	Toán: 4.20 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 2.92 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 1.80

PHẠM THỊ HOA	27/02/1999	29019398	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ NGỌC	01/02/1999	29001532	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.60
TRỊNH THỊ NGỌC HÀ	16/10/1999	29028366	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 4.20
LÊ ĐỨC LINH	12/11/1993	29027692	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50
BÙI QUANG LÂM	20/01/1999	29018828	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN VIỆT LINH	04/03/1999	29018840	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 6.00
TRẦN DUY BÁ	18/05/1999	29024164	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ THÙY LINH	11/01/1999	29009713	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN BÁ CƯỜNG	27/01/1999	29025368	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ THU	02/07/1999	29008961	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HUYỀN	15/10/1999	29003923	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 5.20
HOÀNG PHƯƠNG NAM	13/05/1999	29021191	Toán: 9.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 9.50 Sinh học: 9.00 KHTN: 7.92 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN THỊ THƠ	21/08/1999	29020047	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.20
CHU KHÁNH LINH	12/10/1998	29001044	Toán: 8.40 Vật lí: 4.50 Hóa học: 9.75 Sinh học: 8.50 KHTN: 7.58
LÊ THỊ HẢI PHƯƠNG	16/03/1999	29003478	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 9.00 Hóa học: 9.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.67 Tiếng Anh: 4.60
PHAN THỊ THẨM	26/09/1999	29008127	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 2.00 Hóa học: 1.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 2 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.75
NGÔ THỊ VÂN LY	18/07/1998	29001063	Toán: 7.40 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.50
HOÀNG NGỌC TRƯỜNG	16/04/1999	29030868	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 9.50 Địa lí: 9.75 GDCD: 8.50 KHXH: 9.25 Tiếng Anh: 1.60

PHẠM QUỲNH MAI	03/10/1999	29030547	Toán: 8.00 Ngữ văn: 9.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 7.40
NGUYỄN HỮU THỊNH	06/10/1999	29021330	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ DUYÊN	14/09/1999	29023141	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 8.00 Sinh học: 6.50 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 3.00
TRỊNH KHẮC HOÀNG	11/01/1998	29019424	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.40
CAO THỊ NGÀ	08/10/1999	29013050	Toán: 2.60 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.50
ĐÀO BẢO LINH	26/01/1999	29024396	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN CHƯƠNG HUY HOÀNG	19/08/1999	29027909	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.5 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM THỊ HÀ	01/04/1999	29001305	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.75 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN ĐỨC TÙNG	04/10/1999	29018265	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 3.20
HỒ SỸ VIỆT BẮC	20/05/1999	29015428	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN VĂN TÀI LINH	10/10/1999	29002467	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN HOÀNG VIỆT	24/03/1999	29025825	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN NHẬT ANH	23/02/1999	29003348	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.25 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG THỊ LAN ANH	13/12/1999	29010816	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 4.60
DƯƠNG THỊ THÙY	20/08/1999	29020826	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.00 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN THỊ DUNG	20/02/1999	29008649	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.40
VI THỊ HIỀN LY	11/12/1999	29015029	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 4.40

CHÍCH VĂN QUYỀN	02/02/1998	29008414	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 5.50 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.00
HÀ VĂN TUẤN	01/11/1999	29003567	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.25 KHTN: 2.67 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ LAN ANH	16/06/1999	29006845	Toán: 4.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 6.60
HỒ NGHĨA VŨ	15/07/1999	29016562	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 5.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.20
VĂN VIẾT THUẦN	06/09/1999	29024069	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 8.80
HOÀNG VĂN ĐÔI	26/10/1999	29015518	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.20
CHU VĂN THÁI	27/12/1998	29001143	Toán: 8.40 Hóa học: 6.50 Sinh học: 7.00
ĐẶNG THỊ LƯƠNG	27/10/1999	29006078	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25
TRẦN THỊ THỦY	21/03/1999	29022507	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 4.00
HỒ THỊ QUỲNH	27/02/1999	29002052	Toán: 8.80 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 8.25 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 3.80
CAO THỊ PHƯƠNG TRINH	14/11/1999	29005366	Toán: 9.00 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 8.80
NGUYỄN THỊ BÌNH	28/06/1999	29025934	Toán: 9.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 9.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 8.80
THÁI TRẦN ANH	27/03/1999	29000633	Toán: 7.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 6.5 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.60
NGÔ HOÀNG LINH	22/01/1999	29005107	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN THỊ MINH NHỊ	29/03/1999	29016849	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 6.60
LÊ THỊ DIỄM QUỲNH	20/10/1999	29011026	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN VĂN VINH	01/01/1999	29006809	Toán: 4.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 6.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.00
VI THỊ CANG YẾN	20/03/1999	29025851	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.00 KHXH: 8.33 Tiếng Anh: 4.20

PHAN THỊ THẢO	19/06/1999	29010664	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN KHẮC HOÀNG	04/11/1999	29000241	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ ÁNH	19/05/1999	29007528	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.40
HÀ VĂN QUỲ	10/10/1999	29014113	Toán: 7.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 3.00
LÊ ĐÌNH TRUNG	30/08/1999	29000875	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 8.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.80
LÊ THẾ BẢO	09/06/1999	29014887	Toán: 4.80 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4 Tiếng Anh: 2.60
NGÔ THỊ THẢO	18/08/1999	29011783	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 1.60
NGUYỄN VĂN HÙNG	01/09/1998	29030486	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ HẰNG	19/11/1999	29018782	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 6 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN VĂN KHÔI	04/09/1999	29006986	Toán: 5.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 3.75 GDCD: 5.50 KHXH: 3.83 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN HỮU ĐỨC ANH	05/09/1997	29017626	Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 5.50
NGŨ THỊ HUYỀN	13/04/1999	29003921	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.20
HỒ VĂN TUYẾN	27/04/1999	29019080	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN HẢI LINH	26/08/1999	29005119	Toán: 5.80 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN THỊ NGÂN	14/03/1999	29004039	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 3.80
LÊ THỊ HUYỀN TRANG	11/05/1998	29004290	Toán: 8.20 Vật lí: 8.25 Tiếng Anh: 8.80
VĂN CHẤN HƯNG	01/12/1999	29026196	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 9.00 Sinh học: 9.00 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 6.80

LÊ VĂN CÔNG	07/01/1999	29002245	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.40
VÕ MINH HOÀNG	13/07/1998	29021796	Toán: 3.40 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.50 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN XUÂN THƯƠNG	14/10/1999	29020092	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.40
NGÔ HỒNG QUÂN	10/09/1999	29029572	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 9.00 Hóa học: 8.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 4.80
HỒ TRỌNG THIÊN	16/04/1999	29006180	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00
NGUYỄN QUANG THẠCH	18/03/1999	29024568	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.00
DƯƠNG CẨM SƯƠNG	14/02/1999	29000783	Toán: 6.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM THỊ HẢI YẾN	11/12/1999	29000624	Toán: 7.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN PHƯƠNG TRÀ	07/11/1999	29024094	Toán: 8.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 8.80
NGUYỄN VĂN ĐẠT	13/08/1999	29003769	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 9.25 GDCD: 9.25 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 2.00
HOÀNG LAN NHI	08/11/1999	29022388	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4 Tiếng Anh: 3.80
LÊ THỊ NIỀM TIN	13/02/1999	29009957	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 7.50 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HUẾ	03/01/1999	29000691	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.80
BÙI XUÂN ĐẠT	16/05/1999	29009513	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN ĐỨC BẢO TÍN	12/01/1999	29002973	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 2.00
LÔ VĂN TÀI	27/02/1982	29014259	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75
LỘC KHÁNH HUYỀN	01/04/1999	29025072	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 3.60
CHU MINH CHIẾN	01/10/1999	29011942	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 1.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 2.67 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.20

VĂN THANH TÂM	04/11/1999	29025623	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 3 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.00 GD&CD: 6.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.40
HỒ HỮU ANH	05/11/1999	29018720	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM THỊ HỒNG NGÀ	16/11/1999	29007050	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GD&CD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.20
HỒ THU UYÊN	18/03/1999	29016537	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GD&CD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN QUANG NGỌC	27/07/1999	29015049	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 3.40
ĐINH THỊ HƯƠNG	20/02/1999	29008768	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.00 GD&CD: 5.75 KHXH: 4.08 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN ĐÌNH BAN	14/04/1999	29001228	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GD&CD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ THẢO	16/04/1999	29018918	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.50 GD&CD: 6.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.00
CHU THỊ NHẬT ÁNH	09/03/1999	29025912	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 8.80
NGUYỄN VIỆT TUÂN	10/06/1999	29010002	Toán: 7.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 7.75 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 5.40
LÊ ĐỨC THẮNG	11/04/1999	29016381	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.25 GD&CD: 8.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 1.40
NGUYỄN THỊ HUYỀN	16/10/1999	29018516	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.00 GD&CD: 7.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	18/06/1999	29017454	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.50 GD&CD: 7.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN QUANG THẮNG	05/02/1998	29022446	Toán: 1.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GD&CD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.20
PHAN THỊ HIỀN	10/06/1997	29007175	Toán: 3.00 Hóa học: 1.75 Sinh học: 3.50
LÊ ĐỨC MẠNH	23/12/1999	29007036	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GD&CD: 7.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 1.40
HỒ Y HUA	15/06/1999	29008282	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 3.20

LÊ HỮU DŨNG	01/06/1999	29016117	Toán: 9.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 8.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	01/08/1999	29025887	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 8.50 Sinh học: 9.25 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 7.60
TRẦN QUANG MINH	27/05/1999	29013233	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.33 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.25 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 4.60
CAO VĂN QUY	29/10/1999	29006138	Toán: 4.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25
HOÀNG THỊ HIỀN	13/08/1999	29002346	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.80
PHẠM THỊ NGỌC ÁNH	09/08/1999	29014292	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.80
VÕ VĂN ĐĂNG	03/05/1998	29022103	Toán: 7.60 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.25
ĐINH HỮU ĐỨC	01/06/1999	29007589	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.92 Tiếng Anh: 2.00
VANG VĂN NGÂN	15/12/1999	29014065	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 6 Tiếng Anh: 3.80
ĐỖ THỊ LAN ANH	01/09/1999	29000626	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.67 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	22/05/1999	29011445	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG	20/07/1999	29015713	Toán: 8.80 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 9.20
HOÀNG DANH HUY	01/10/1999	29029972	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 4.20
HOÀNG THỊ CÚC PHƯƠNG	24/01/1999	29015064	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 4 Tiếng Anh: 7.20
TRẦN VĂN HỔ	06/06/1998	29004240	Toán: 6.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.50
LÊ VĂN QUYỀN	21/01/1999	29030243	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.00 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 2.40
HOÀNG THỊ MỸ HẢO	20/06/1999	29027291	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ MẾN	19/10/1999	29015863	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.00

PHAN ĐÌNH BẢO	02/11/1998	29029727	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 1.80
LÊ THỊ VIỆT PHƯƠNG	02/06/1999	29011010	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 7.20
NGUYỄN HỮU PHI	17/08/1998	29009821	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN QUỐC TOÀN	30/10/1999	29018204	Toán: 6.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.50 KHTN: 3 Tiếng Anh: 1.20
CAO THỊ HOÀI	10/01/1999	29029922	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.00
BÙI THÁI TRUNG	27/07/1999	29017022	Toán: 7.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ THỦY	16/02/1999	29022504	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 5.00
TRẦN NHẬT ÁNH	05/12/1999	29020949	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 6.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 2.80
NGÔ THỊ HUYỀN TRANG	17/05/1999	29023038	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 6.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.80
LÊ HỮU NHẬT TÂN	02/03/1999	29000789	Toán: 6.20 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN KHẮC TRƯỜNG	24/03/1999	29030876	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.40
CAO TẤT LỘC	04/07/1998	29024803	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75
BÙI VĂN QUÂN	04/10/1999	29005230	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 4.50 KHXH: 4.08 Tiếng Anh: 0.80
TRẦN THỊ THANH HUYỀN	18/02/1999	29023811	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 4.20
BÙI ĐỨC THẮNG	10/04/1999	29002764	Toán: 4.60 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.67 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00
TRẦN DUY KỶ	09/09/1999	29029519	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 2.60
LÊ THỊ NGÀ	12/06/1999	29005165	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 4.80

NGUYỄN ĐÌNH QUÂN	20/11/1999	29027546	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.80
ĐẬU NGỌC HUY	27/02/1999	29020307	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ HOÀI THU	28/01/1999	29004650	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN VĂN HIẾU	24/08/1999	29024309	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 7.20
ĐẬU VĂN THANH	21/04/1999	29005906	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.75 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.60
VŨ THỊ UYÊN	01/10/1999	29018281	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.20
HÀ THỊ VÂN ANH	06/03/1999	29011579	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4 Tiếng Anh: 2.00
HỒ THỊ THẢO	10/08/1999	29016355	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.20
BÙI HUY TRƯỜNG	27/10/1997	29026704	Toán: 6.60 Vật lí: 4.75 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ VUI	15/05/1999	29002163	Toán: 7.20 Ngữ văn: 8.75 Vật lí: 7.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN THỊ CHÂU ANH	22/03/1999	29009057	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 4.80
TẠ BÍCH NGỌC	06/08/1999	29020388	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 1.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 2.60
LÊ THỊ THẢO	23/03/1998	29001805	Toán: 8.40 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.50
NGUYỄN TẤT PHÚC	10/09/1999	29030599	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN THỊ MỸ TRINH	06/09/1999	29020853	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN ĐỨC HOÀNG	02/03/1999	29028431	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 6 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN VŨ HIẾU	12/11/1993	29026633	Toán: 5.20 Vật lí: 8.75 Tiếng Anh: 7.20
HỒ NGỌC ĐẠI	26/06/1996	29000972	Toán: 3.80 Vật lí: 2.75 Hóa học: 4.25
PHAN PHƯƠNG THẢO	26/04/1999	29024575	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.50 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 3.20

PHẠM VĂN BĂNG	22/12/1998	29030298	Toán: 8.20 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.00
PHAN THỊ MAI	25/06/1999	29030095	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 4.00
HỒ THỊ LỢI	08/01/1999	29015817	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ VI	16/09/1999	29011854	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 1.60
NGUYỄN VIỆT THIẾT	13/06/1996	29027765	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.00
VÕ THỊ MINH	15/10/1999	29006503	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN THỊ TRANG	29/10/1999	29028739	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG VĂN HÙNG	19/03/1999	29026812	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.33 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	08/11/1999	29000282	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN THỊ THANH HOA	24/04/1999	29022808	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM THỊ THU HIỀN	01/10/1999	29027305	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.20
LẦU BÁ LẦU	01/03/1999	29008317	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ THU TRANG	21/11/1999	29005352	Toán: 5.80 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.75 GDCD: 9.25 KHXH: 8 Tiếng Anh: 4.20
HÀ THỊ NGUYỆT	07/06/1999	29020740	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.25 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 4.80
TRẦN VĂN TÀI	12/03/1995	29027745	Toán: 3.00 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 4.00
NGÔ MINH ĐỨC	04/04/1999	29024996	Toán: 6.80 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 1.20
NGUYỄN THỊ THU HÀ	02/06/1999	29012009	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.83 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.40
ĐẶNG THỊ MƠ	11/05/1999	29011715	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 3.80

NGUYỄN THỊ THÙY	04/03/1999	29016976	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN MẠNH HOÀNG ANH	07/08/1999	29023566	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 2.50 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.60
HỨA VĂN QUANG	15/01/1995	29025302	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.75
LÊ VĂN CAO	10/07/1999	29021575	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.75 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 4.00
ĐÀO ANH SƠN	31/01/1999	29028047	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.25 KHTN: 3.08 Tiếng Anh: 3.80
VŨ THỊ PHƯƠNG ANH	15/10/1999	29012631	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 9.20
NGÔ THỊ THANH	25/07/1999	29012367	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN ĐÌNH VŨ	21/03/1999	29022664	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.60
BÙI TÚ ANH	26/05/1999	29009417	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 5 Tiếng Anh: 4.40
HỒ THỊ HUYỀN	21/01/1999	29006966	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG MẠNH CƯỜNG	27/08/1997	29010723	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.00
TRẦN THỊ THUỶ TRANG	14/07/1999	29027057	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ TOÀN	25/05/1999	29011530	Toán: 7.40 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 4.60
LU VĂN NGHIÊM	01/01/1998	29014069	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 3.00 GDCD: 4.00 KHXH: 2.92 Tiếng Anh: 3.00
ĐẶNG THUỶ LINH	20/10/1999	29026233	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.40
PHẠM MINH KHÔI	28/03/1999	29011375	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.40
PHAN THỊ DIỄU LINH	13/06/1999	29011697	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 3.80

NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC	10/09/1999	29009780	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 6.50 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 5.00
PHÙNG THỊ HUYỀN TRANG	20/12/1999	29020142	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.20
HỒ QUỐC HUY	15/08/1999	29028450	Toán: 9.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 8.25 Hóa học: 9.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 5.60
PHẠM VĂN QUANG	08/08/1999	29023981	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ HẢI YẾN	12/11/1999	29010030	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 7.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ DIỆU LINH	03/04/1999	29024418	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 7.60
NGUYỄN THANH QUANG	19/11/1999	29020413	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.5 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 9.25 GDCD: 9.25 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 2.60
DƯƠNG THỊ TRANG	16/11/1999	29028142	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 5.20
TRỊNH THỊ HIỀN	19/06/1999	29003852	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN ĐÌNH KỶ	16/09/1999	29024380	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.25 KHTN: 2.83 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.80
LỖ Y MÈ	08/08/1998	29008357	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 4 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ TRANG	29/01/1999	29002132	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 7.00
HỒ HỮU VINH	28/09/1999	29016560	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 5.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ THU'	02/12/1999	29027000	Toán: 9.20 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 9.80
BÙI THỊ TRÀ	06/03/1999	29011532	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HOÀ	16/09/1999	29028997	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 9.50 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 4.60
ĐẶNG VIỆT MINH	22/05/1999	29007041	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.25 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 4.20

NGUYỄN THỊ THƯƠNG	03/02/1999	29009946	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.80
HỒ THỊ OANH	27/03/1999	29004075	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN GIA HIẾU	08/03/1999	29005017	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN CAO GIA UYÊN	05/05/1999	29024131	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 2.25 KHTN: 3.17 Tiếng Anh: 7.20
TRẦN THỊ THU HIỀN	24/04/1999	29000198	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.60
NGÔ TRÍ THÁI	25/02/1999	29030632	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ BẮC	26/09/1999	29002784	Toán: 2.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 3.67 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.80
PHAN THỊ CHÂU	15/09/1999	29004340	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN HỒ KHÁNH LY	25/01/1999	29007031	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN HOÀNG	07/04/1998	29029936	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.25 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.80
BÙI ĐÌNH QUÝ	05/09/1999	29009248	Toán: 9.20 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ THÚY NGÂN	17/09/1999	29024485	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN VĂN CƯỜNG	08/06/1999	29010295	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.50 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM ĐÌNH HƯNG	05/01/1999	29000702	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.17 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 6.40
PHẠM NGỌC HẢI	12/07/1999	29012017	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THANH MONG	19/11/1999	29025143	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.17 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN VĂN QUANG	04/12/1999	29028026	Toán: 9.00 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 9.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 5 Tiếng Anh: 8.60

TRẦN VĂN TOÀN	24/07/1999	29019001	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	01/03/1999	29023570	Toán: 8.80 Ngữ văn: 8.25 Vật lí: 8.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 8.00
NGUYỄN VĂN HIẾU	26/02/1999	29010407	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THẾ MẠNH	17/07/1999	29001497	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN BÁ VƯƠNG	30/06/1999	29023418	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.25 KHTN: 2.58 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG THỊ LAN	28/06/1999	29007672	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ HIỀN MAI	01/01/1999	29009742	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN TRỌNG HOÀNG	08/09/1999	29027912	Toán: 8.60 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN DUY QUỐC	26/05/1999	29028036	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.80
LÊ THỊ HOÀI	14/05/1999	29023191	Toán: 7.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 6 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN DOÃN HƯNG	23/09/1999	29004475	Toán: 6.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 2.80
KIỀU MAI THỦY	20/12/1999	29030740	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.60
NGÔ THỊ LINH CHI	23/08/1999	29000064	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 6.80
ĐẶNG TRƯỜNG PHƯỚC	14/04/1999	29021996	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 9.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.40
PHÙNG THỊ THUỶ DUNG	28/07/1999	29026759	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.83 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN HỮU MẠNH	11/12/1994	29006090	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 2.25
NGUYỄN THỊ THU HÀ	26/01/1999	29026051	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 6.00
ĐINH THỊ TRANG	19/02/1998	29024877	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.75 Tiếng Anh: 3.00

HỒ THỊ HƯƠNG GIANG	20/10/1999	29017180	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 5.60
HOÀNG ANH ĐỨC	26/03/1999	29006326	Toán: 8.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 8.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 4.40
THÁI THỊ VÂN	25/06/1998	29023080	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.00 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.20
LÊ THỊ AN	08/03/1999	29013457	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.80
TRƯƠNG THỊ HUYỀN	27/01/2000	29025078	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 8.50 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ THÀNH	15/02/1999	29027604	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN MINH SÁNG	26/03/1999	29000778	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.17 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ HƯƠNG	06/09/1999	29019498	Toán: 5.40 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN CÔNG TÚ	22/08/1998	29019822	Toán: 7.40 Vật lí: 4.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 2.25 KHTN: 4.42
NGUYỄN VĂN ĐẠT	28/11/1999	29003378	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 4.40
NGÔ THỊ THỦY	25/09/1998	29030741	Toán: 1.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.40
LÊ QUỐC VIỆT	11/12/1998	29024896	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.75
TRẦN NGỌC TÂM	02/09/1999	29026498	Toán: 6.60 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN MẠNH HÙNG	25/02/1999	29006041	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.25
VÕ THỊ TÂN	27/05/1999	29001606	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	24/11/1999	29002751	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25
PHẠM VĂN HIẾU	16/10/1999	29019393	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.60
PHẠM CẨM NHUNG	27/08/1999	29013278	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 4.60

HOÀNG THỊ HUYỀN	11/10/1999	29030490	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN ĐÌNH CƯƠNG	22/10/1999	29015462	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ THOA	06/12/1999	29016394	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN THỊ LINH	04/03/1999	29019561	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.00 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 3.80
PHANG THỊ CHIẾN	10/05/1999	29008178	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN THẾ PHÚC	06/03/1999	29029186	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.75 GDCD: 9.50 KHXH: 8.67 Tiếng Anh: 2.60
LÔ VĂN HUỖNH	13/12/1999	29013998	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.60
CHU THỊ LAN HƯƠNG	25/05/1999	29009168	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 1.20
TRẦN THỊ VINH	15/05/1999	29005425	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 5.75 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 2.60
HỒ THỊ PHƯƠNG ANH	26/05/1999	29025868	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 8.60
HOÀNG HỮU HẬU	27/08/1999	29002807	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.42 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 4.40
PHẠM THỊ QUỲNH ANH	11/05/1999	29025897	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 9.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 6.40
NGUYỄN THỊ THẨM	10/08/1999	29029268	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.25 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.60
ĐẶNG HỮU TRƯỜNG	08/10/1999	29011139	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.25 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC	10/01/1999	29019650	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.20
THÁI THỊ OANH	26/03/1998	29030593	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN PHƯƠNG ĐÔNG	04/12/1999	29014360	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.40

LƯU THỊ HẬU	30/07/1999	29005625	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.25 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 6.60
NGUYỄN THỊ THẢO	28/05/1999	29007129	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN QUỐC CÔNG	23/01/1999	29025365	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.40
ĐẶNG THỊ NGOAN	18/05/1999	29001529	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.00 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 5.60
BÙI MẠNH TUẤN	29/08/1999	29010003	Toán: 6.00 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 1.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN ĐÌNH MINH ANH	10/04/1999	29027818	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 4.80
TRẦN THỊ MAI HƯƠNG	09/07/1999	29028476	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.80
DƯƠNG THỊ TRINH	12/12/1999	29027065	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 7.60
BÙI LÊ QUANG THẮNG	13/05/1999	29024043	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 5.00
LIM VĂN LÂM	17/06/1999	29014017	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN QUỐC VƯƠNG	07/03/1999	29028259	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 6.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN HỒ NGỌC ÁNH	13/07/1999	29017828	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 2.60
VÕ THỊ HÀ	25/10/1999	29001307	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THANH HẢI	23/10/1999	29010866	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 1.20
THÁI THỊ THU HÀ	28/06/1999	29015554	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.80
LƯU VĂN THẮNG	30/01/1999	29022986	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.25 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN THỊ THU HÀ	20/06/1999	29010359	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 2.75 GDCD: 8.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 5.00

NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	06/03/1998	29002749	Toán: 9.20 Vật lí: 3.25 Hóa học: 7.75 Sinh học: 7.75 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN AN	02/05/1999	29001828	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.80
DOÃN THỊ THẢO	12/04/1999	29027608	Toán: 5.00 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ MY	02/07/1999	29003200	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 5.75 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 3.40
HÀ VĂN MINH	01/09/1998	29008827	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 5.50 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN QUỐC THẮNG	15/02/1997	29026690	Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50
NGUYỄN THỊ THU HẰNG	16/01/1999	29025421	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6.17 Tiếng Nhật: 1.80
LỮ ANH QUYỀN	04/01/1999	29007095	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.20
CUNG ĐÌNH QUANG	16/08/1999	29028611	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 6.50 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM THỊ MỸ	07/10/1998	29007700	Toán: 1.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.60
HOÀNG THỊ TRINH	28/05/1999	29011541	Toán: 5.40 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN HƯNG PHONG	10/10/1998	29021992	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 2.20
PHẠM THỊ PHƯƠNG	01/09/1999	29025208	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 5.60
VÕ VĂN TRƯỜNG	20/02/1999	29021398	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 9.00 GDCD: 9.00 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 3.00
THÁI KHẮC TÚ	22/05/1999	29002149	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 2.60
LƯƠNG THỊ HỒNG HẠNH	14/08/1999	29025414	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 9.75 Địa lí: 9.75 GDCD: 8.75 KHXH: 9.42 Tiếng Anh: 5.40
LƯƠNG KỶ MÃO	22/08/1999	29021177	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.20

HOÀNG THỊ GIANG	04/10/1999	29006331	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.00
TĂNG THẾ HỮU	26/09/1998	29012570	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.00 Sinh học: 2.00 KHTN: 2.17 Tiếng Anh: 2.60
VŨ THỊ VIỆT LINH	17/02/1999	29024430	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 6.80
TRẦN THẾ SANG	02/09/1995	29022142	Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.00
NGUYỄN THỊ CHINH	06/10/1999	29005510	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 3.25 GDCD: 5.75 KHXH: 3.58 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ YẾN	01/11/1999	29030958	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.20
LÊ KIM THUYẾT	15/08/1999	29030756	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ LINH	03/11/1999	29015007	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 4.80
ĐẶNG VĂN SỸ	10/03/1998	29001799	Toán: 7.20 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 8.00 KHTN: 7.42
DƯƠNG ĐÌNH THẮNG	26/10/1999	29025660	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ NGÂN	09/02/1999	29010561	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.50 KHXH: 8 Tiếng Anh: 5.80
HỒ THỊ NGỌC	12/01/1999	29017411	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.50 KHXH: 8 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN ĐỨC HUỖNH	18/07/1999	29027372	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.20
HOÀNG THỊ MỸ NGỌC	05/09/1999	29022911	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ TRÂM	20/07/1999	29002137	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 9.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 9.20
VŨ THỊ HƯƠNG	05/01/1998	29021837	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN XUÂN HUY	22/09/1999	29016689	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN HỮU PHÚ	25/02/1999	29010599	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.00 GDCD: 6.50 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 2.60

NGUYỄN NGỌC ĐĂNG	14/08/1999	29029455	Toán: 9.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 6.25 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 7.00
ĐÀM THỊ NGỌC HUYỀN	30/04/1999	29023803	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 8.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ OANH	26/09/1999	29009808	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.60
PHAN ĐÌNH KHIÊM	11/10/1999	29024372	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 4 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 5.25 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 6.00
ĐẶNG XUÂN TUẤN	19/09/1999	29000602	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ LINH	02/12/1999	29010932	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.67 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ HIỀN	23/02/1999	29025028	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 1.75 KHTN: 4 Tiếng Anh: 3.40
BÙI VĂN CƯỜNG	20/04/1999	29017128	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.60
HỒ THỊ PHƯƠNG ANH	12/11/1998	29011888	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 2.20
HOÀNG NGỌC ĐỨC	18/08/1998	29019685	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ HUỖN TRANG	02/04/1999	29016482	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ THU THỦY	05/10/1999	29000832	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.58 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ NGỌC	14/09/1999	29005186	Toán: 2.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ YẾN	16/02/1999	29004854	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 6.00
PHẠM VĂN ĐẠT	31/03/1999	29007573	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.20
CAO THỊ NGỌC THÚY	15/12/1999	29005323	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.60
HỒ THỊ HỒNG NHUNG	26/09/1998	29012284	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.20

HOÀNG THỊ PHƯƠNG THẢO	15/03/1999	29009907	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THÁI NHÂN	18/08/1999	29000738	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 1.40
VÕ THỊ TỔ NA	22/06/1998	29026348	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	16/11/1999	29025889	Toán: 3.40 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 9.75 GDCD: 8.75 KHXH: 9 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ TRINH	06/03/1999	29001702	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.80
LÊ KHÁNH LINH	12/04/1999	29012168	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.5 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 7.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ TÂM	27/03/1999	29009890	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.60
XÔNG BÁ CHA	07/11/1997	29008165	Toán: 2.20 Ngữ văn: 2.50 Vật lí: 1.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 1.75 KHTN: 2.25 Tiếng Anh: 2.00
ĐẶNG THỊ THANH TRANG	21/10/1999	29006687	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 6.60
NGUYỄN THỊ CÔNG	08/03/1999	29003722	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.40
HỒ THỊ TÂM	17/07/1999	29018712	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.25 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN HUY MINH QUÂN	30/10/1995	29027729	Toán: 9.60 Hóa học: 8.75 Sinh học: 9.00
VÀ BÁ DÌA	03/08/1999	29008218	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 3.75 GDCD: 5.00 KHXH: 3.42 Tiếng Anh: 2.60
LÊ ĐÌNH NAM	25/10/1999	29023268	Toán: 9.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN VÕ BẰNG	20/08/1999	29022717	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.40
HỒ THẾ SONG	20/09/1998	29004278	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN THỊ THẢO	06/04/1997	29014834	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Tiếng Anh: 3.80

NGUYỄN VĂN CƯƠNG	04/12/1999	29016110	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN CẢNH TUẤN	24/06/1994	29027790	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75
NGUYỄN TRUNG ĐỨC	29/12/1998	29021464	Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 9.25 Địa lí: 9.50
PHẠM THỊ NGỌC	16/07/1999	29018865	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 2.60
CHU THỊ TRÀ MY	31/10/1999	29004024	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 4.80
PHAN MINH ĐỨC	09/04/1999	29026774	Toán: 2.40 Ngữ văn: 2.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.25 Sinh học: 2.00 KHTN: 2.33 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 2.50 GDCD: 7.25 KHXH: 3.83 Tiếng Anh: 2.20
LÊ THỊ HẰNG	08/03/1999	29006929	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.20
MOONG THỊ LIÊN	05/07/1999	29020907	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.50
LÝ BÁ HÀ	30/06/1999	29008261	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 6.25 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ HÀ	10/10/1999	29015556	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.20
PHAN ĐỨC HIẾU	07/11/1999	29024312	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.08 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 5.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.80
VÕ TRUNG HIẾU	23/12/1999	29005023	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 3.80
ĐẶNG THỊ QUỲNH TRANG	13/12/1999	29022546	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 3.40
HỒ ĐỨC ANH TUẤN	03/11/1999	29012515	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 6.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 1.20
NGUYỄN THẾ DANH	16/06/1999	29011272	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.20
VÕ NGỌC KHÁNH	02/08/1999	29028486	Toán: 8.60 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 3.80
ĐẶNG THỊ MAI	05/10/1999	29005754	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.00

NGUYỄN MAI CHI	14/06/1999	29025359	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN THỊ LINH	06/08/1999	29009719	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN VĂN HÒA	22/06/1999	29021767	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.40
LÊ HUỲNH ĐỨC	19/11/1999	29005569	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.80
NGÔ TIẾN DUY	20/04/1999	29014338	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.50 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.60
VĂN THỊ QUỲNH NHƯ	14/07/1999	29009803	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 4.60
VI THỊ VUI	26/06/1998	29020218	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 4.50 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ NHUNG	30/07/1999	29030588	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 8.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM PHƯƠNG MAI	30/04/1999	29026306	Toán: 8.20 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 9.40
HOÀNG THỊ QUỲNH TRANG	06/01/1999	29028145	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 7.50 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 2.80
ĐÀO THANH HẢI	16/09/1996	29027661	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.25
HỒ QUỐC KHÁNH	17/10/1999	29007314	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 3.00
ĐẬU QUỲNH ANH	25/11/1999	29016061	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 5 Tiếng Anh: 4.20
NGÔ THỊ GIANG	19/01/1999	29015541	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ THÚY	02/03/1999	29030751	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.20
TRƯƠNG VĂN CẢ	12/11/1999	29014307	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.20
LÊ THỊ NAM	07/07/1999	29001512	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.80

NGUYỄN LAN Ý	20/06/1999	29020889	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.60
PHẠM HUY HOÀNG	11/09/1996	29019710	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.25 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ HẰNG	27/07/1999	29001335	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN NHẬT MINH	05/01/1998	29027711	Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 9.25
LÊ CẢNH ĐẠT	20/09/1999	29024225	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 9.00 GDCD: 7.50 KHXH: 8.5 Tiếng Anh: 4.80
LÊ PHƯỚC MỸ	13/06/1999	29002017	Toán: 9.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 9.25 Sinh học: 9.50 KHTN: 7.92 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ HƯƠNG	15/08/1999	29028469	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 5 Tiếng Anh: 5.80
VI THỊ TẮM	02/06/1998	29014138	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ TRÀ MY	23/05/1999	29027462	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 4.40
LÊ THỊ HIỀN	20/03/1999	29018448	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.50 KHXH: 8 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN KIM LINH	28/08/1997	29014249	Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 8.75
PHẠM THỊ ANH	27/08/1999	29018345	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN TIẾN DŨNG	22/01/1999	29006298	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 2.60
PHAN XUÂN NAM	07/01/1999	29029547	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THÚY KIỀU	21/10/1999	29007320	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.67 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.80
TRƯƠNG THỊ HUYỀN	18/06/1999	29014488	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN VĂN BÌNH	16/07/1998	29019659	Toán: 7.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.25
BÙI VĂN THIẾT	05/10/1998	29016964	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 2.60

PHAN THỊ THU	25/08/1999	29022486	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN VIỆT HOÀNG	29/09/1998	29004447	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 3.5 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 1.80
VI VĂN YẾN	27/05/1999	29013818	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.40
HỒ THỊ TRANG	12/08/1999	29016470	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN TRUNG NGUYÊN	19/04/1999	29024825	Toán: 2.00 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 1.75
NGUYỄN THỊ HOAN	16/10/1999	29015645	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.20
VŨ THỊ THUỶ	03/05/1999	29029612	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 3.40
ĐỖ THỊ LỆ	10/09/1999	29012159	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 2.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.17 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.40
HÀ THỊ TUYẾT	04/07/1998	29020199	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 1.80
HOÀNG THÔNG	30/04/1999	29016399	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN ĐÌNH HÙNG	10/01/1998	29028444	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.25 KHXH: 8.5 Tiếng Anh: 4.80
DOÃN VĂN CƯỜNG	02/05/1999	29027217	Toán: 2.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.00
TRẦN VĂN NGUYỄN HÙNG	14/12/1999	29002403	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 1.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.75 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	11/07/1999	29003353	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.5 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.00 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.80
HỒ THỊ QUỲNH GIANG	14/04/1999	29018767	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	01/01/1999	29002180	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.00
LŨ VĂN TÌNH	23/10/1999	29013763	Toán: 2.00 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.00 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 2.80

NGUYỄN HỮU TRUNG	17/12/1999	29003550	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN TUẤN ĐẠT	29/04/1999	29024227	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.00 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 2.60
HOÀNG VĂN HUY	19/06/1999	29000265	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ THƯƠNG	29/01/1999	29013758	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN VIỆT HOÀNG	12/02/1999	29017955	Toán: 8.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 3.60
PHAN THỊ NGÀ	12/07/1999	29022905	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN VIỆT LINH	15/02/1998	29017707	Toán: 2.60 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 5.75 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN ĐÌNH ĐẠT	02/02/1999	29017168	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 2.75 GDCD: 2.25 KHXH: 2.42 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ THU TRANG	09/09/1999	29013394	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN TÙNG	26/06/1999	29021412	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 1.80
HỒ THỊ VÂN	04/01/1998	29022158	Toán: 9.60 Vật lí: 9.00 Hóa học: 10.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 7.25
PHẠM THỊ THƯƠNG	24/02/1999	29024084	Toán: 9.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 9.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 4.00
PHẠM ĐỨC PHONG	05/02/1999	29004562	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 9.25 Sinh học: 9.25 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN HỒNG HÀ	10/10/1999	29028935	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN NGỌC DƯƠNG	10/06/1999	29016131	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM THỊ NGỌC	08/06/1999	29005805	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.40
ĐẶNG THỊ THANH	19/09/1999	29005281	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.80

NGÔ THỊ NHẬT HÀ	13/08/1999	29011298	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 5.00
VÕ ĐÌNH THÀNH	26/10/1999	29011054	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 2.40
BÙI ĐÌNH ĐẠI	20/11/1999	29003765	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ CHI	16/09/1999	29013882	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 7.50 KHTN: 6 Tiếng Anh: 4.40
ĐẶNG THỊ THANH TÂM	30/05/1999	29004150	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ THU	09/01/1999	29001656	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 6.60
ĐOÀN TUẤN ANH	02/01/1999	29005473	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.00
TRẦN THỊ MỸ DUYÊN	10/10/1999	29008657	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 9.25 GDCD: 8.50 KHXH: 8.75 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ THẢO LY	21/03/1999	29022883	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ HÒA	13/03/1999	29023189	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN VĂN ĐẠT	24/03/1996	29019681	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 7.75
NGUYỄN VĂN DUY	25/11/1999	29003083	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.00
BÙI VĂN HOÀNG	14/10/1999	29017260	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.40
LÊ ANH TUẤN	14/06/1999	29023395	Toán: 9.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 9.50 Hóa học: 9.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 7.67 Tiếng Anh: 3.20
BÙI VĂN TRƯỜNG	08/01/1999	29022599	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.00
LÊ THỊ MAI TRANG	25/07/1999	29026539	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 7.00 KHTN: 5 Tiếng Anh: 4.40
CAO CỰ NGUYỄN	04/05/1999	29011732	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 4.60

NGUYỄN HỮU QUANG	26/06/1998	29019783	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 4.50 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN CÔNG ANH	28/01/1999	29027825	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 3.20
PHAN VĂN QUYẾT	05/06/1996	29024852	Toán: 3.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.08
VÕ VĂN MẠNH	25/02/1998	29010132	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 1.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.92 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.60
TẠ THỊ HOA PHƯƠNG	21/08/1998	29028826	Toán: 7.80 Hóa học: 6.50 Sinh học: 6.50
ĐẶNG VĂN LỢI	03/02/1999	29018034	Toán: 5.00 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN TUẤN KIẾT	23/11/1999	29000318	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.40
LÊ HỮU ĐỨC	07/07/1999	29023156	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 2.40
VŨ ANH TIẾN	15/10/1999	29018199	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN VĂN TUẤN	19/08/1999	29014208	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.40
ĐINH LÊ THU THẢO	14/11/1999	29025635	Toán: 2.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ MỸ LINH	11/06/1999	29012170	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN VĂN HẢI	25/02/1999	29006348	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ KHÁNH LINH	30/11/1999	29003440	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 7.00
NGUYỄN THỊ HOÀI	25/12/1999	29001395	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.20
PHẠM THỊ PHƯƠNG THẢO	26/02/1999	29030678	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 6.75 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 5.20
ĐÀM VĂN TRƯỜNG	01/06/1999	29019041	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.80

HOÀNG THỊ THẢO	01/01/1999	29021300	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 6.50 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ LAM	12/12/1999	29029521	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 9.50 Hóa học: 8.25 Sinh học: 6.00 KHTN: 7.92 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN QUANG LỘC	07/08/1999	29026868	Toán: 8.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 9.25 Hóa học: 9.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 7.33 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 7.20
NGUYỄN THỊ DUNG	03/06/1999	29004927	Toán: 8.40 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 7 Tiếng Anh: 4.80
TRẦN ĐÌNH NAM	12/08/1999	29022373	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 9.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN CÔNG	14/10/1999	29011267	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ QUỲNH	14/03/1999	29024005	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 6.20
NGÔ THỊ THẨM	03/08/1999	29016371	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 7.60
ĐẬU VĂN PHƯƠNG	07/09/1999	29016243	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.00 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ THU UYÊN	20/03/1999	29025808	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 4.40
VŨ THỊ HOA	21/08/1997	29017678	Toán: 4.00 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 9.00
PHAN THỊ QUỲNH TRANG	13/01/1999	29011115	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 5.00
TRƯƠNG THỊ THU HÀ	26/08/1999	29004977	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.20
LÊ THỊ THU LƯƠNG	28/03/1999	29024434	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 7.00
NGUYỄN VĂN CẢNH	16/02/1999	29019865	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ MỸ	15/09/1999	29027991	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 4.20
THÁI THỊ HỘI	06/10/1999	29029945	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.40

ĐẬU LONG NHẬT	17/04/1999	29007952	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN HUY HOÀNG	18/09/1999	29018485	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 9.50 GDCD: 8.75 KHXH: 8.67 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ THƯƠNG	11/10/1999	29000559	Toán: 8.60 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 9.60
NGÔ THỊ TRÂM	02/08/1999	29015265	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.00
TRƯƠNG THỊ NHUNG	30/10/1999	29016222	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN HOÀNG LINH	03/04/1999	29014029	Toán: 8.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 7.60
THÁI TRUNG HIẾU	14/02/1999	29023741	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 4.20
LÊ NGỌC TRUNG	07/03/1999	29023387	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 6.50 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN ĐỨC	27/02/1999	29021005	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 8.75 GDCD: 6.75 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 3.40
ĐẬU THỊ XUÂN	21/04/1999	29002172	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 9.00 Sinh học: 9.00 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ THÚY VÂN	05/08/1999	29020210	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN NGỌC ÁNH	25/10/1999	29025350	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN MẠNH TOÀN	01/10/1999	29028136	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ TRANG	11/11/1998	29011119	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.75 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 2.60
VÕ THỊ THANH THẢO	09/04/1998	29014835	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Tiếng Anh: 3.80
HOÀNG THỊ THẢO	14/07/1998	29005293	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.00
TRỊNH THỊ THẢO	18/06/1999	29020021	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.60

NGUYỄN CÔNG MẠNH	24/01/1998	29002742	Toán: 5.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 3.50
NGUYỄN THỊ NGÀ	01/05/1999	29023271	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 1.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.67 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.50 GD&CD: 6.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ VÂN ANH	20/05/1999	29002206	Toán: 7.60 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.50 GD&CD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 8.00
NGUYỄN QUANG HUY	02/09/1999	29023793	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.00
BÙI HỒNG QUÂN	10/03/1999	29026455	Toán: 7.80 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 5.00
VŨ THỊ HÒA	28/05/1999	29019407	Toán: 1.60 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 3.50 GD&CD: 6.00 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 3.00
LƯƠNG THỊ TRANG	26/05/1999	29003336	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GD&CD: 8.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.80
NGÔ TRÍ ĐỨC	05/08/1999	29017174	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 5.25 GD&CD: 5.50 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ THƠM	07/02/1999	29020051	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.50 GD&CD: 4.00 KHXH: 4.08 Tiếng Anh: 3.40
ĐẶNG ĐĂNG HOÀNG	28/12/1999	29010892	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 5 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	23/11/1998	29023488	Toán: 6.40 Hóa học: 7.25 Sinh học: 8.25
ĐẶNG THỊ HỒNG PHÚC	10/01/1999	29001558	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.25 GD&CD: 8.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN BÁ NGHĨA	24/02/1999	29003463	Toán: 7.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 1.60
BÙI THỊ GIANG	09/02/1999	29016153	Toán: 8.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN ĐÌNH ĐẠI	16/11/1999	29021638	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 8.00 GD&CD: 8.50 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 2.20
HỒ THÂN TÙNG	16/03/1999	29015231	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GD&CD: 8.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.20
HOÀNG THỊ TRANG	03/03/1999	29013389	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 3.80

LA VĂN LÔI	24/02/1998	29003190	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ LIÊN	10/01/1999	29015773	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ LINH	10/01/1999	29002463	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN PHÙNG QUANG ĐẠI	02/10/1999	29022224	Toán: 8.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ THÔNG	15/12/1998	29030352	Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.50
ĐẬU XUÂN CHUNG	14/05/1999	29004910	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 5.50 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 2.80
ĐỖ XUÂN PHONG	24/04/1998	29014689	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG	02/06/1999	29030805	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.80
TRỊNH QUANG LINH	17/01/1999	29009723	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.20
PHAN THỊ CHÍN TRINH	30/09/1999	29019030	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.40
LƯƠNG HỒNG CẦN	12/11/1999	29000061	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.20
LỖ Y DẪNH	09/11/1999	29008217	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 5.50 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ VÂN ANH	20/11/1999	29020937	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 3.20
VŨ THỊ THƠM	24/01/1999	29012418	Toán: 8.80 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 8.25 Hóa học: 9.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 6.40
XÔNG BÁ TỈNH	01/02/1998	29008436	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.25 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.60
VÕ VĂN HẢI	26/11/1999	29028373	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 2.00
CỤT THỊ ĐÀO	11/06/1999	29020609	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.40

VŨ THỊ THUẬN	04/04/1999	29012929	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.50 GD&CD: 7.25 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 3.00
ĐẬU THỊ HUỆ	16/01/1999	29002396	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 3.20
ĐINH THỊ QUỲNH	12/10/1997	29005455	Toán: 8.60 Vật lí: 8.00 Hóa học: 9.25
TRẦN THỊ ĐẠT	01/11/1999	29004385	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 3.60
LÊ HUỲNH ĐỨC	17/04/1999	29010336	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.25 GD&CD: 8.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN NHẬT MAI	04/06/1999	29007343	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.5 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.50 GD&CD: 5.75 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 3.00
TẠ ANH TÚ	13/08/1999	29017032	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 6.00 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 5.00
ĐẶNG CÔNG MẠNH	13/10/1999	29008820	Toán: 1.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GD&CD: 8.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN TRẦN ĐỨC	30/10/1999	29009529	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.25 GD&CD: 7.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG MINH THẢO	12/08/1999	29025636	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.00 GD&CD: 6.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN TRUNG TÙNG	22/07/1999	29006233	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.50
TRẦN THỊ HUYỀN	18/12/1999	29021816	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GD&CD: 6.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.00
HỒ THỊ YẾN	26/10/1997	29017807	Toán: 7.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 8.25 KHTN: 7.25
NGUYỄN THỊ HỒNG ANH	10/10/1999	29015405	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GD&CD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.60
CẦN THỊ TÚ	06/03/1999	29028196	Toán: 4.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.75 GD&CD: 8.00 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN XUÂN HẢI	09/06/1999	29007848	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 3.60
VI THỊ THẢO UYÊN	23/04/1999	29020871	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GD&CD: 8.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.60
LÊ TRỌNG NGỌC	16/06/1999	29024490	Toán: 1.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.92 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GD&CD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.60

LƯƠNG QUỐC MẠNH	17/08/1999	29025542	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.5 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.20
BÙI THỊ YẾN	10/10/1999	29029687	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN SỸ MẠNH	27/10/1998	29002743	Toán: 7.60 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.75
ĐẶNG DANH ĐỨC	03/09/1999	29006322	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 1.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.33 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN HỒNG THỦY	02/01/1999	29005321	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 9.25 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 3.80
HỒ MINH HUY	27/05/1999	29018814	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ LINH	19/06/1998	29005447	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.00 Tiếng Anh: 2.40
LÊ ĐỨC ANH	12/02/1999	29007518	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 2.60
HỒ XUÂN HIỆU	26/11/1999	29016643	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 1.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 2.67 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VIỆT TOÀN	15/03/1999	29024093	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 4 Tiếng Anh: 5.60
CHU THỊ HƯƠNG	20/12/1999	29017989	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 3.40
LƯƠNG NGUYỄN HOÀNG VŨ	08/04/1999	29013810	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.40
LƯU THÀNH VINH	04/11/1998	29011209	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.00
ĐOÀN VĂN THỤY	05/12/1998	29001165	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 2.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.67 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00
HOÀNG VĂN NAM	02/06/1998	29001082	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 4.25 KHXH: 3.83 Tiếng Anh: 2.00
TRƯƠNG THÀNH PHỐ	03/10/1999	29002553	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ GIANG	07/08/1998	29009004	Toán: 8.80 Hóa học: 8.25 Sinh học: 8.00
HỒ THỊ HỒNG	14/08/1999	29018489	Toán: 1.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 1.40

NGUYỄN THỊ THẢO	10/11/1999	29027612	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.80
TRƯƠNG QUỐC VIỆT	13/01/1999	29015351	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN VĂN THÀNH	27/11/1997	29012375	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 2.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.17 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.40
HÀ NGỌC TRƯỜNG	02/12/1999	29025772	Toán: 7.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 7.40
LƯƠNG THỊ HUYỀN	15/11/1999	29007654	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 4.20
TRỊNH THỊ XUÂN	10/10/1998	29023533	Toán: 8.60 Hóa học: 9.25 Sinh học: 8.75
TRẦN THỊ HẢI DUYÊN	15/12/1999	29006892	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.40
VÕ TRỌNG PHÚC	15/08/1998	29030338	Toán: 7.60 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.75
TRỊNH XUÂN HÙNG	20/09/1999	29003147	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.50 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 3.00
BÙI VĂN ĐỨC	03/09/1999	29014361	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.75 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN TUẤN ANH	04/07/1999	29027166	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN VĂN LỰC	14/03/1999	29017361	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VĂN CẢNH	28/11/1999	29000943	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.42 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50
PHAN QUỐC ĐẠI	05/09/1999	29028908	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.80
ĐẬU THỊ LINH	18/05/1999	29029524	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN QUỐC HÙNG	16/06/1999	29009634	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 6.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN SỸ ĐẠT	24/01/1999	29016138	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 1.80
HOÀNG THỊ THANH NGÀ	18/12/1999	29026355	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.25 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.80

ĐẬU XUÂN TRƯỜNG	10/10/1999	29004764	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN HỒNG SƠN	10/11/1999	29011480	Toán: 5.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.20
LÊ ĐỨC LƯƠNG	15/10/1999	29025531	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.08 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.00 GDCD: 7.75 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 7.40
PHAN VĂN LỘC	12/03/1999	29027974	Toán: 4.20 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN HỮU QUANG	12/02/1999	29022012	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG THỊ LONG AN	12/07/1999	29008586	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG THỊ HIỀN	08/11/1999	29006365	Toán: 8.60 Ngữ văn: 8.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 9.40
TRẦN VĂN NGHĨA	29/06/1999	29006522	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.33 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.60
LÔ VĂN DŨNG	05/06/1998	29014237	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Hóa học: 1.75 Sinh học: 4.25 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 7.50
VÙ BÁ CỬA	05/09/1999	29008206	Toán: 4.00 Ngữ văn: 2.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.00 GDCD: 3.50 KHXH: 3.25 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HỒNG	04/05/1999	29028434	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 3.60
LÊ HỒNG QUÂN	06/01/1999	29012320	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HIỀN	02/03/1999	29002808	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 4.20
LÊ ĐĂNG CHIẾN	10/06/1997	29015917	Toán: 8.60 Vật lí: 4.00 Hóa học: 9.75 Sinh học: 9.00 KHTN: 7.58
LÊ ĐĂNG CÔNG	28/07/1999	29002244	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.40
THÁI ĐÌNH SANG	02/02/1999	29030620	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 3.40
NGÔ BÙI THỰC CHI	13/03/1999	29023625	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 8.25 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 5.80

PHẠM THỊ PHƯƠNG THẢO	13/06/1999	29013730	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 6.40
LÊ THỊ HOÀI	12/01/1999	29013151	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.17 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.80
VĂN THỊ NGỌC	02/11/1999	29014643	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ HOA	14/02/1999	29003394	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 4.20
LƯƠNG THỊ THẢO	12/07/1999	29025642	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 9.25 GDCD: 9.50 KHXH: 9 Tiếng Anh: 3.80
LÔ THÁI SAN	18/10/1999	29008420	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.60
VÕ THỊ TRANG	05/10/1999	29028740	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN NHẬT	24/07/1999	29030586	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 6.50 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VĂN GIANG	17/11/1999	29028356	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ NGÀ	01/09/1999	29009771	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 3.80
BÙI THỊ THÚY HÀ	05/09/1999	29029845	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.00 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ DUYÊN	20/04/1999	29018397	Toán: 1.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.25 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 4.00
SẦM VĂN ĐẠT	04/05/1999	29013506	Toán: 1.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN LÊ TIẾN TÀI	08/02/1999	29009884	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ	10/06/1997	29022109	Toán: 6.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 6.75
TRẦN THỊ TRINH	13/01/1999	29029336	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 6.00
TRƯƠNG THỊ TRÂM OANH	13/10/1999	29000466	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.50 Sinh học: 7.25 KHTN: 8.42 Tiếng Anh: 5.40

NGUYỄN XIÊM THÁI	10/07/1999	29018903	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM ĐÌNH TUÂN	06/02/1999	29024886	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.50
PHAN VĂN HÀO	25/06/1999	29014397	Toán: 2.00 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 3.25 GDCD: 5.25 KHXH: 3.33 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ THÙY LINH	01/08/1999	29019549	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 1.20
ĐÀO THỊ HỒNG	12/07/1999	29003890	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN VĂN THIÊN	02/09/1999	29004644	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG THỊ HẰNG	11/03/1999	29014945	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 6.50 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN ĐÌNH LƯƠNG	13/10/1998	29021163	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.50 GDCD: 6.50 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 3.20
LÀU BÁ ĐỒNG	15/06/1999	29008239	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VÕ HIỆP	01/11/1998	29021741	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 4.20
PHẠM VIẾT HÙNG	08/03/1999	29000260	Toán: 1.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.00
ĐÀO THỊ THUỶ TRANG	14/11/1999	29000569	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN NGỌC HÙNG	12/12/1999	29003909	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.40
PHAN THỊ QUỲNH TRANG	20/11/1998	29030821	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN ANH PHỐ	24/02/1999	29022401	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ GIANG	05/06/1999	29001892	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 7.25 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 4.60
VI VĂN XUYỀN	07/01/1999	29015372	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.60

HỒ TRỌNG HẢO	06/12/1999	29018436	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.40
VI VĂN HUẾ	18/07/1986	29003627	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.75
PHAN QUANG LUÂN	14/01/1999	29021895	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.80
ĐINH VĂN TRUYỀN	10/01/1999	29017607	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.75 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 2.60
HOÀNG LÊ NGỌC ÁNH	22/02/1999	29026730	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.25 KHTN: 2.58 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN TUẤN ANH	26/09/1999	29025893	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.60
HOÀNG ĐẶNG NINH	26/03/1998	29017730	Toán: 5.60 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.25
PHAN VĂN QUỲNH	15/05/1999	29028624	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.00 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 3.40
VÀ BÁ TRUNG	05/06/1999	29025771	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ KIM LY	03/05/1999	29010513	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 5.60
VÕ BÁ KỲ	24/03/1998	29022848	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ NGUYỆT	09/11/1999	29030582	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN KHÁNH HÙNG	09/12/1999	29023783	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 8.75 Sinh học: 9.50 KHTN: 7 Tiếng Anh: 5.40
PHẠM TRUNG ANH	15/03/1999	29023585	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.25 Sinh học: 1.50 KHTN: 2.17 Tiếng Anh: 3.00
LÊ XUÂN XANG	01/01/1999	29019110	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.75 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.00
CAO THỊ TƯỜNG AN	12/03/1999	29004857	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 7.80
NGUYỄN ĐÌNH DŨNG	22/09/1999	29015484	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.80

NGUYỄN VĂN TÚ	01/01/1999	29011826	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ TÌNH	06/11/1999	29008986	Toán: 7.00 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN VĂN TRUNG	23/07/1999	29009338	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.40
ĐINH VIỆT LONG	18/09/1999	29014553	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN VĂN LỢI	30/12/1998	29010506	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	01/11/1999	29003291	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ THANH TÂM	14/04/1999	29004616	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 5.20
HÀ THỊ LÂM OANH	07/04/1999	29003469	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.42 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.60
ĐÀM THỊ KHÁNH HUYỀN	07/08/1999	29015689	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN ANH ĐẠO DIỄN	30/11/1999	29008644	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.25 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN NGỌC TRÂM	15/08/1999	29017598	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.80
NGÔ THỊ QUỲNH PHƯƠNG	28/02/1999	29012312	Toán: 6.60 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 6.00
NGÂN ĐÌNH TÚ	08/05/1999	29015300	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN QUỐC HIỆP	26/08/1999	29014950	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THẾ HÙNG	18/07/1999	29026149	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ HỒNG NGỌC	04/01/1999	29014070	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ THÀNH	04/02/1999	29016347	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.00

VŨ THỊ THU HIỀN	05/08/1999	29017927	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 2.80
LƯƠNG THỊ TRANG	17/08/1999	29015245	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.40
ĐÀO THỊ HÀ	03/08/1999	29004967	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.75 GDCD: 9.50 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 4.00
TRƯƠNG THỊ HÒA	26/11/1999	29027327	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ NGỌC	28/05/1999	29000735	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 6 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 5.20
LÔ THỊ LIÊN	06/03/1978	29003640	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.17 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75
HOÀNG THỊ VÂN	16/07/1999	29011193	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.00 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 1.60
NGUYỄN THỊ THẢO	26/06/1999	29030675	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 7.20
LÊ HUYỀN SANG	02/08/1999	29007392	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 4 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.60
VÕ HỒNG LONG	20/03/1999	29027972	Toán: 9.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.50 Sinh học: 6.00 KHTN: 7.67 Tiếng Anh: 5.60
NGÔ ĐỨC DƯƠNG	09/01/1999	29007251	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN VIỆT CƯỜNG	11/12/1999	29017640	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.00
HOÀNG THỊ THANH	02/08/1999	29013338	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 7.75 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 2.60
ĐINH THỊ XUYẾN	27/11/1999	29012550	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN NGUYỄN TÙNG DƯƠNG	21/02/1999	29014347	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ OANH	27/12/1999	29019921	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ THANH NGỌC	30/04/1999	29009783	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 5.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.60

VÕ QUỐC ANH	20/11/1999	29023599	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 6.40
TRẦN THỊ MỸ DUYÊN	04/02/1999	29006893	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.20
CAO VĂN LƯU	12/06/1999	29006487	Toán: 6.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 4 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ DUNG	27/06/1999	29030403	Toán: 7.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 3.20
TRƯƠNG VĂN HẬU	09/01/1997	29014781	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.25 Tiếng Anh: 3.40
NGÔ DUY KHÁNH	19/03/1992	29007177	Toán: 9.20 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.00
NGUYỄN THỊ VÂN ANH	12/08/1999	29028279	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 6.80
NGÔ THÀNH CÔNG	14/08/1999	29003721	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN ĐỨC THUẬN	05/01/1999	29025695	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.40
PHẠM HỒNG QUÂN	16/11/1999	29026922	Toán: 8.20 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.67 Tiếng Pháp: 6.60
NGUYỄN THỊ LINH	02/09/1999	29011691	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ THẨM	21/06/1999	29007132	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN HỮU SANG	22/11/1999	29026484	Toán: 9.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 9.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 7.67 Tiếng Anh: 7.40
LÊ THỊ DIỆU LINH	08/04/1996	29022122	Toán: 5.20 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.75
TRẦN THỊ HIỀN	03/08/1999	29019702	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50
PHẠM THỊ THẢO	17/08/1999	29020018	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.20
HOÀNG THỊ HẰNG	22/11/1999	29005612	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 4.00
VI ĐÌNH QUANG	06/05/1999	29014709	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.80

CAO THỊ THÚY QUỲNH	20/11/1999	29024001	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 7.00
HỒ PHI HOÀNG	10/06/1995	29025269	Toán: 7.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 8.25
TRẦN PHÚC TRÍ	24/08/1999	29028744	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 6 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	30/04/1998	29016012	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.00 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN LÊ THỊ HOA	20/10/1999	29012064	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 9.25 GDCD: 8.25 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN HỮU ĐỨC	04/09/1999	29022243	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN TRUNG ĐỨC	03/02/1995	29025260	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.50
NGUYỄN BÁ HIẾU	23/10/1999	29015615	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 5.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM THỊ HẰNG	01/05/1999	29026080	Toán: 7.00 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 4.80
HỒ THANH THƠM	23/08/1999	29016403	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 6.20
TRẦN NGỌC TIẾN	14/11/1999	29010699	Toán: 3.00 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN HUY LỘC	13/05/1999	29026867	Toán: 6.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.42 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 6.20
HỒ THỊ LAN	02/06/1999	29015748	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.00
VÕ THỊ THỦY	24/07/1999	29012936	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.00 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN HỮU CƯỜNG	16/02/1999	29002790	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 1.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.67 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN KHẢI	24/07/1997	29004252	Toán: 8.20 Vật lí: 8.50 Hóa học: 7.75
VI THỊ ĐIỂM	13/03/1999	29003091	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.60

NGUYỄN THỊ ÚT LAM	26/10/1999	29006993	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 6.80
NGUYỄN VĂN MINH	18/06/1999	29011414	Toán: 2.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.60
LƯƠNG VĂN THỦY	11/12/1999	29020830	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 1.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 2.83 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.75 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN ĐÌNH QUYỀN	23/08/1999	29014722	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.40
PHAN ANH QUÂN	15/12/1999	29014713	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 5.25 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 3.00
TRƯƠNG XUÂN THẮNG	18/01/1999	29015150	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM THỊ HẠNH	19/02/1999	29022781	Toán: 2.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.20
CAO ÁNH NAM	18/01/1999	29023267	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN VĂN LONG	13/03/1999	29019574	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.60
LÊ NGỌC ANH TUẤN	15/04/1999	29023396	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 9.00 Hóa học: 9.25 Sinh học: 6.00 KHTN: 8.08 Tiếng Anh: 4.20
VÕ DUY THÔNG	20/02/1999	29028690	Toán: 9.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 9.50 Hóa học: 9.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 8.17 Tiếng Anh: 6.00
CHẾ THỊ HOÀI THƯ	08/10/1998	29027773	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.75 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN XUÂN THẮNG	15/11/1999	29026515	Toán: 9.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 9.40
NGUYỄN THỊ MỸ DUYÊN	23/11/1999	29025377	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.00
PHAN THỊ VINH	22/02/1999	29030934	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ HOÀI	11/01/1999	29001934	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 5.00
TRẦN VĂN ĐẠT	18/02/1999	29021653	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.40

BÙI THỊ NHUNG	16/10/1999	29000450	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 5.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.60
HÀ VĂN ĐẠI	10/08/1999	29003374	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 1.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.17 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.00 KHXH: 8 Tiếng Anh: 3.00
BÙI THỊ THUÝ HÀ	03/10/1999	29021690	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.50 KHXH: 8.42 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ KIM OANH	06/11/1999	29006545	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 8.75 Sinh học: 6.50 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 2.80
LÊ THỊ LUYẾN	08/12/1999	29015825	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN NGỌC ÁNH	30/04/1999	29004886	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.50 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ ÁNH TUYẾT	10/11/1999	29007808	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 5.00
PHẠM VĂN HỒNG	02/04/1999	29025450	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 5.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN SONG NHẬT	24/04/1999	29023946	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 5.40
NGÔ HẢI CHUNG	25/06/1999	29020577	Toán: 3.40 Ngữ văn: 1.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.75 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.00
NGÔ QUANG HẢO	22/12/1999	29017907	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 6 Tiếng Anh: 3.00
PHAN ĐỨC LỰC	12/07/1999	29008816	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.40
ĐẬU THỊ PHƯƠNG THẢO	03/08/1999	29015125	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.40
ĐẬU ĐỨC ÁNH	07/09/1999	29022708	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.20
ĐÀO VĂN QUYỀN	02/12/1999	29029578	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 3.20
VŨ VĂN THẮNG	23/03/1995	29027763	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 9.00
HOÀNG THỊ TRÀ	05/05/1999	29007426	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 4.40

NGUYỄN TRUNG DŨNG	07/07/1999	29023652	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 3.80
LÔ THỊ GIANG	15/10/1999	29003104	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG THỊ HUYỀN	11/06/1999	29027354	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VĂN LINH	25/09/1999	29004503	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.20
HỒ THỊ THẢO	28/07/1999	29016949	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.00
NGÔ VĂN CHUNG	28/02/1998	29010283	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.60
PHẠM THÙY LINH	21/10/1999	29026268	Toán: 6.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 5 Tiếng Anh: 5.20
HOÀNG THỊ HỒNG HẠNH	25/04/1999	29004402	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ HÀ GIANG	05/12/1999	29027271	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.00
TRƯƠNG THỊ TRÀ MY	16/10/1999	29012233	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.00
NGÔ THỊ LY	20/08/1999	29012205	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.60
PHAN THỊ MỸ HẠNH	10/06/1999	29000993	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.42 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75
TRẦN ĐÌNH HIỂN	25/04/1999	29028407	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 4.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.00
NGÔ VĂN CÔNG	12/02/1999	29019241	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 4.20
VI THỊ HỒNG MY	16/08/1999	29013650	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.00
TRẦN THỊ MỸ HẠNH	06/03/1999	29007850	Toán: 6.20 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 7.20
LÊ VĂN HÒA	04/10/1999	29011332	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.40

XEO VĂN BẢY	06/10/1997	29008525	Toán: 1.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 5.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 5.20
TRẦN THỊ HẢI YẾN	20/05/1999	29006827	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 4.00
PHẠM VĂN MINH	07/09/1999	29010535	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.00
HỒ THỊ MỸ DUYÊN	18/07/1999	29017147	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ LY	22/09/1999	29001489	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN ĐÌNH TUẤN	29/01/1999	29010805	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25
PHẠM THẾ HÀO	01/01/1993	29019129	Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 5.75
TRẦN THỊ NGỌC MAI	15/11/1999	29023879	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 6.25 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ LINH CHI	12/01/1999	29006865	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 7.40
BÙI THỊ MINH SANG	12/11/1999	29024008	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 1.50 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 4.40
BÙI ĐÌNH MẪU	30/12/1999	29009750	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 4.20
LƯU ĐÌNH TÂY	24/04/1999	29010648	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.40
KIM THỊ HƯƠNG GIANG	07/04/1999	29013515	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 9.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN VĂN HÙNG	22/04/1999	29025455	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN ĐỨC DŨNG	18/01/1999	29025999	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 8.40
LÊ PHƯƠNG LINH	16/02/1999	29022343	Toán: 9.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 7.83 Tiếng Anh: 8.00
CAO THỊ THÚY	20/05/1998	29029402	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.75 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN SĨ DŨNG	04/06/1999	29002271	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.40

NGUYỄN VĂN HÙNG	23/10/1998	29008748	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GD&CD: 6.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.40
ĐÀM TRỌNG NGHĨA	15/12/1999	29013249	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 4.60
CAO THỊ QUỲNH	17/01/1998	29014725	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GD&CD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ THU HẰNG	07/07/1999	29003128	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 5.25 GD&CD: 6.50 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ THÙY	11/11/1999	29011084	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 6.00 KHTN: 6 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ VUI	12/06/1999	29011862	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.75 GD&CD: 9.00 KHXH: 8.5 Tiếng Anh: 2.20
LƯƠNG VĂN THÀNH	22/04/1999	29015118	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GD&CD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.40
LÊ VĂN NGỌC	27/08/1998	29004269	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.25 Tiếng Anh: 1.40
LÊ THỊ PHƯƠNG	21/02/1999	29007382	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 6.60
TRẦN THỊ BẢO TRÂM	11/03/1999	29000591	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75 GD&CD: 4.50 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 3.60
NGÔ THỊ OANH	05/10/1999	29018871	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 1.50 GD&CD: 3.75 KHXH: 2.67 Tiếng Pháp: 3.20
HỒ THỊ HUỲỀN	12/01/1999	29008755	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GD&CD: 8.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.80
SẦM NGỌC BÌNH	01/05/1998	29014754	Toán: 5.80 Vật lí: 3.00 Hóa học: 4.50
NGUYỄN THANH TRÀ	29/09/1999	29012466	Toán: 6.40 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GD&CD: 7.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 7.80
NGUYỄN ĐÌNH TOÀN	15/07/1999	29021366	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 2.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.17 Tiếng Anh: 5.00
CAO TRỌNG KỶ	06/05/1999	29006437	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN ĐÌNH DŨNG	06/11/1998	29027230	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GD&CD: 8.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN HOÀNG	16/09/1999	29029494	Toán: 6.80 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 6.75 KHTN: 5.33 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75 GD&CD: 7.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 6.40

NGUYỄN SỸ MẠNH	18/04/1999	29026312	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 2.00
HỒ QUỲNH ANH	15/05/1999	29017086	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 9.50 GDCD: 7.75 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 2.80
LIM THỊ MƠ	14/10/1999	29025145	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 4.00
TRƯƠNG THỊ THU HUYỀN	29/07/1999	29012111	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM THANH MAI	01/01/1999	29007034	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ THẢO UYÊN	12/11/1999	29020205	Toán: 7.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 7.20
HOÀNG VĂN ĐỨC	25/04/1999	29007260	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG VĂN THÀNH	12/06/1999	29012371	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.80
PHAN CÔNG HOÀNG	08/08/1997	29001022	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.83 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50
HOÀNG ĐÌNH PHƯƠNG	12/03/1998	29001564	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN VĂN GIA BẢO	09/11/1999	29025929	Toán: 6.40 Ngữ văn: 2.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 2.25 KHTN: 3 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN THỊ THÚY QUỲNH	20/02/1999	29026481	Toán: 2.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 5.75 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ QUỲNH	20/11/1999	29002576	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG VĂN TÁM	16/01/1999	29017755	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.50
LÊ THỊ TRANG	20/08/1999	29022555	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 4.40
NGÔ THỊ DUYÊN	01/02/1999	29005544	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.00 KHXH: 8.58 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ THẢO	13/09/1999	29012390	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.40

TRẦN HỒNG ÁNH	06/08/1999	29023608	Toán: 5.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 6.00
HOÀNG VĂN TÀI	02/08/1998	29030275	Toán: 2.60 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.40
HỒ SỸ TUỆ	17/08/1999	29017043	Toán: 7.20 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 2.00 Sinh học: 1.75 KHTN: 3 Tiếng Anh: 1.60
PHAN TRỌNG CƯỜNG	02/09/1998	29008998	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.00
LÊ THỊ HẢI HÀ	04/06/1999	29024261	Toán: 7.00 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 5.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 9.00
ĐINH THỊ THƠM	10/10/1999	29022474	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 1.80
TRẦN THỊ HƯƠNG	02/03/1999	29005072	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.00
NGÔ THỊ ÁNH	10/09/1999	29014291	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.20
VÕ ANH QUÂN	26/04/1999	29028035	Toán: 8.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN ĐẠO PHƯỚC	02/07/1999	29013294	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN ĐÌNH HIẾU	03/10/1999	29027315	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ THÚY	01/09/1999	29008974	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ NGÀ	13/08/1999	29007704	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.60
ÂU DƯƠNG ANH	07/03/1999	29014868	Toán: 2.60 Ngữ văn: 2.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.75 Tiếng Anh: 1.20
VI VĂN THAO	08/09/1999	29003500	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.58 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 9.00 GDCD: 9.25 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 4.40
LÔ THỊ THƯƠNG	25/11/1999	29025715	Toán: 3.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.75 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN LÊ TUẤN TÀI	17/06/1999	29013328	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.92 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 4.80

PHAN ĐỨC CƯỜNG	20/09/1999	29028316	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ THƯƠNG	09/04/1999	29002971	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 8.00 Sinh học: 8.25 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 4.60
LÊ VĂN ĐẠI	20/01/1999	29009510	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.75 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.20
CAO VĂN GIANG	28/07/1999	29014372	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 1.60
LÊ THỊ YẾN	25/08/1999	29011877	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.40
LÊ TIẾN DŨNG	20/07/1999	29014907	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 7.00 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 5.40
TRẦN THỊ HÀ PHƯƠNG	18/03/1999	29009246	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN HOÀI SƠN	20/09/1999	29012352	Toán: 7.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.5 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.80
CAO XUÂN PHÚC	20/10/1999	29012303	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.50 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.60
LÊ THÀNH CÔNG	02/01/1999	29005515	Toán: 2.60 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.20
VI HOÀI HUYNH	07/12/1999	29003162	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 1.80
PHAN THỊ HIỀN	24/03/1999	29003850	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.80
TRƯƠNG NHẬT PHI	25/09/1999	29027526	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN DUY	15/04/1999	29006888	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.60
LÔ THỊ KIM TRANG	04/10/1999	29013770	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.40
MAI ANH QUÂN	08/01/1999	29024847	Toán: 1.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25
NGUYỄN THỊ THU UYÊN	24/08/1999	29002157	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 6.25 KHTN: 6 Tiếng Anh: 8.20

VÕ THU HƯƠNG	25/06/1999	29029046	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ KHÁNH HUYỀN	02/04/1999	29029989	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.25 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM THỊ HOÀI	07/06/1998	29006026	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.67
NGUYỄN MINH LÝ	20/04/1999	29005137	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 1.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN VIỆT TÂM	25/10/1999	29010644	Toán: 5.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.60
HỒ THỊ VÂN	05/10/1999	29016545	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ HUYỀN	06/09/1999	29023218	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 7.50 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 6.20
VŨ THỊ THANH	10/02/1998	29030642	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 4.00
LÊ VĂN PHÚC	11/11/1999	29016875	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THÚY ĐIẾP	18/01/1999	29015511	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 4.20
ĐINH BẠT LONG	02/09/1999	29021890	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.25 GDCD: 6.50 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ THÙY	09/02/1999	29020069	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 5.00
TRƯƠNG THỊ LAN ANH	24/05/1999	29024930	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.75 Sinh học: 6.75 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 6.20
CAO THỊ HỒNG	25/04/1999	29018805	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 3.20
ĐOÀN THỊ LÊ VI	27/08/1999	29012538	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.75 Sinh học: 6.25 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 7.20
PHẠM VĂN SƠN	23/04/1999	29020441	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 1.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.67 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.50 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 2.80
LA KHÁNH HUYỀN	07/08/1999	29003416	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 3.80

TRẦN THỊ THÚY QUỲNH	17/03/1999	29025613	Toán: 7.80 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 8.80
NGUYỄN THỊ THUỖ ANH	13/05/1999	29000029	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN ĐĂNG LINH	28/07/1999	29015799	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.40
BÙI THẢO VI	03/08/1999	29027127	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 9.60
HÀ THỊ LY	05/10/1999	29021899	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 4.80
MOONG THỊ LAN NHI	21/09/1999	29008381	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 3.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN BÍCH PHƯƠNG	16/11/1999	29004566	Toán: 8.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 5.17 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 5.80
ĐẶNG THỊ KIM	01/02/1999	29004488	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ LINH THẢO	05/08/1999	29026507	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 8.40
LÊ THỊ VINH	18/09/1999	29000912	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 4.60
HÀ THỊ NHUNG	18/09/1999	29025186	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 3.60
VƯƠNG THỊ TRANG	04/01/1999	29028168	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 9.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN VĂN QUỲNH	12/07/1999	29022416	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.60
ĐINH NAM AN	30/11/1999	29000002	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN SƠN	30/12/1999	29021276	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ QUYÊN	01/11/1999	29008899	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ TRANG	26/04/1999	29012478	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 4.00

DƯƠNG THỊ DIỄU LINH	03/06/1999	29010472	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.80
LƯƠNG THÁI ĐẠO	16/10/1999	29020610	Toán: 2.40 Ngữ văn: 2.75 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.25 KHTN: 2.67 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN VĂN ĐỨC	22/09/1996	29026621	Toán: 1.80 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.50
TRẦN ĐĂNG KHOA	20/03/1999	29012139	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 4.00
HỒ THỊ HẰNG	01/01/1999	29024284	Toán: 9.00 Ngữ văn: 9.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 8.80
ĐẶNG THỊ TRANG	07/12/1999	29000570	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 6.60
PHAN ĐÌNH HOÀI	05/06/1998	29006953	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5 Tiếng Anh: 1.60
TRẦN VĂN NGHĨA	15/06/1999	29021946	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.80
HOÀNG ĐÌNH ĐỨC	21/10/1999	29011632	Toán: 10.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.75 Sinh học: 6.75 KHTN: 7.92 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN VĂN KHẢI	20/03/1998	29010747	Toán: 8.20 Vật lí: 9.00 Hóa học: 7.50
KHA VĂN MAY	08/03/1999	29008355	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.60
VŨ XUÂN DŨNG	21/07/1999	29016125	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 3.40
HỒ HỮU LONG	22/09/1999	29018028	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 2.40
XÔNG BÁ XÊ	20/10/1999	29008500	Toán: 6.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 2.40
CAO THỊ NGÀ	06/01/1999	29011426	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.50 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.80
ĐẬU THỊ TRANG	27/05/1999	29020120	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 6.75 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 3.80
PHAN VĂN THI	09/03/1999	29030705	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.60

PHAN VĂN THẮNG	10/04/1999	29030700	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN VĂN TÍN	27/07/1998	29017572	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN DUY GIÁP	01/05/1999	29029466	Toán: 6.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 3.60
CHU TRỌNG DŨNG	18/08/1999	29017140	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.60
ĐINH THỊ HÀ	18/05/1999	29022765	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.40
XÔNG BÁ TÌNH	17/07/1999	29008464	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.60
HỒ VĨNH TUẤN	21/07/1999	29017619	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.20
ĐINH HỒNG HIẾU	30/11/1999	29009582	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	20/11/1999	29028862	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN ÚC	01/02/1999	29019083	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.08 Tiếng Pháp: 2.80
BÙI MINH QUANG	16/10/1998	29022009	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.00
LÊ VĂN HẢI	05/02/1998	29003808	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 3.75 GDCD: 5.75 KHXH: 3.92 Tiếng Anh: 4.20
SẦM THANH BÌNH	01/02/1969	29014753	Toán: 2.60 Ngữ văn: 2.50
BÙI VĂN THẮNG	29/05/1999	29013734	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.75 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM THỊ PHƯƠNG	01/02/1999	29030606	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.08 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.00 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 8.00
LÊ THỊ HOÀN	25/06/1999	29002814	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 6.50 KHTN: 4.42 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ GIANG	10/02/1999	29030425	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 6.00 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 3.60

LÊ VĂN TÚ	02/12/1998	29010214	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	24/05/1998	29030218	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.60
SÀM BÁ CƠ	14/10/1999	29013891	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 2.40
ĐINH TRỌNG QUANG	20/07/1999	29016892	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 3.60
VÕ HUY HOÀNG	05/01/1999	29025055	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 2.50 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.20
HỒ VĂN LỊNH	30/11/1999	29018569	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 1.40
NGUYỄN XUÂN SƠN	14/03/1999	29017486	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 5.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ THU	18/11/1999	29011514	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 7.75 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG HỒNG QUÂN	04/11/1999	29000493	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ LINH	12/04/1999	29010928	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.25 KHTN: 2.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.50 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	08/10/1999	29029193	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.20
LÔ THỊ VIỆT	22/08/1998	29013808	Toán: 1.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.00
LÔ VĂN BẰNG	27/09/1999	29013472	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN SỸ DƯƠNG	05/04/1999	29028907	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM THỊ NGÀ	02/01/1999	29005171	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.00 KHXH: 8 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THÁI THẢO NGUYỄN	17/03/1999	29007947	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.25 Sinh học: 6.00 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 6.40
VÕ CÔNG ANH TUẤN	25/12/1999	29029661	Toán: 2.80 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.00

TRẦN BÁ QUYỀN	12/10/1999	29019960	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 2.60
PHẠM THỊ HOÀNG ANH	13/09/1999	29003041	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	09/05/1999	29011107	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN THỊ SANG	20/11/1999	29006147	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25
NGUYỄN THỊ THÙY LINH	10/11/1999	29009712	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.40
MAI VĂN ANH	18/04/1999	29000020	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG VĂN THÁI	04/10/1999	29028055	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.40
DOÃN VĂN TOÀN	11/11/1999	29030784	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN THỊ HẰNG	02/02/1999	29021725	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ YẾN	20/09/1999	29011880	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 6.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.80
PHẠM VÕ SỸ	28/02/1996	29010178	Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 9.00
CAO THỊ THẢO	08/09/1999	29000797	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 9.25 Sinh học: 8.50 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 7.20
TRẦN VĂN BÌNH	13/11/1999	29004900	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 3.80
HỒ SỸ TIẾN	02/11/1999	29020100	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.20
PHÙNG ĐỨC MẠNH	24/10/1999	29029120	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 4.80
ĐẶNG ĐỨC THIỆN	25/11/1999	29009279	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 1.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.25 KHTN: 2.17 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.80
ĐẶNG THẾ TÀI	29/06/1999	29009264	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN PHƯƠNG ANH	06/11/1999	29014282	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.75 GDCD: 8.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 1.80

NGUYỄN THỊ THƠM	27/05/1999	29018182	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 3.20
VÕ THỊ LÝ	19/10/1999	29019591	Toán: 2.60 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 9.50 GDCD: 7.50 KHXH: 8.5 Tiếng Anh: 5.80
PHẠM THỊ THU TRANG	01/08/1998	29022570	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN HỒ PHÁT	13/10/1999	29008396	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 4 Tiếng Anh: 4.20
HOÀNG THỊ THẢO	15/02/1999	29000799	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.08 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 5.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN TRỌNG THANH	07/07/1998	29001803	Toán: 8.40 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.58
QUANG THỊ LAN	29/02/1999	29013603	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 9.00 GDCD: 9.25 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 4.60
TRƯƠNG THỊ HƯƠNG THẢO	21/10/1999	29011065	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 5 Tiếng Anh: 4.20
VƯƠNG THỊ NGỌC LINH	08/05/1999	29012186	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN QUANG TUẤN	22/03/1998	29029659	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN ĐÌNH QUÝ	15/11/1999	29016278	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM THỊ TÚ	13/07/1999	29006754	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.40
TẶNG THỊ DUNG	29/10/1999	29019263	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH	15/02/1999	29022257	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 5.60
TRẦN THỊ MINH ANH	19/04/1999	29011249	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 4.00
LÊ HUY HOÀNG	30/10/1999	29026802	Toán: 9.40 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 9.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.33 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 9.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 9.80
ĐẶNG THỊ HUYỀN	26/09/1999	29000273	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.40

NGUYỄN QUỐC ĐỒNG	14/04/1998	29021462	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM CÔNG HÓA	24/03/1999	29030472	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 2.60
BÙI THỊ THAO	25/07/1999	29016350	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN MẠNH QUYỀN	20/05/1998	29008117	Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 9.75
NGUYỄN MINH TRỌNG	05/09/1998	29004746	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN ĐÌNH TÂM	30/11/1999	29006598	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.5 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ DƯƠNG	23/05/1999	29001269	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ TRỌNG	21/01/1999	29022591	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.60
MOONG THỊ ĐƯỜNG	03/03/1999	29008242	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.50 GDCD: 4.25 KHXH: 3.67 Tiếng Anh: 4.00
PHẠM THỊ NGÀ	12/11/1999	29001085	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 1.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.42 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50
NGUYỄN KHẮC HOÀN	26/11/1999	29013972	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN HIỆP	23/10/1999	29013139	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.25 KHTN: 3.08 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM THỊ NGỌC ÁNH	28/08/1999	29019858	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH	07/06/1999	29000156	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN CAO CƯỜNG	26/06/1997	29017638	Toán: 9.00 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.75
NGUYỄN HỒNG AN	23/07/1999	29003344	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 3.20
HỒ QUANG LINH	24/10/1999	29003967	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.80

LÊ THỊ THẢO	02/05/1999	29023340	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4 Tiếng Anh: 2.60
PHAN VĂN TUẤN	17/01/1999	29002672	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.40
CÙ NGỌC THÁI	27/08/1999	29018151	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 4.60
LÊ ĐỨC NHẬT	05/01/1998	29002530	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.80
TRƯƠNG ĐỨC SƠN	14/03/1998	29014746	Toán: 3.60 Ngữ văn: 1.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.25 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN TẤT NGHĨA	01/08/1999	29001525	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 2.40
VÕ THỊ THANH HƯƠNG	30/09/1999	29007309	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 5.20
ÂU THỊ THIẾT	28/04/1998	29015156	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.50 GDCD: 7.00 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ THƯƠNG	12/08/1998	29001168	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.33 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.25
NGÔ THỊ LAN	02/04/1999	29012151	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.40
LÊ THỊ HUYỀN	23/02/1999	29016696	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 4.00
HỒ TRUNG TOẢN	06/08/1999	29009959	Toán: 9.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ THÚY	15/02/1999	29022515	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM SỸ ĐẠO	30/08/1998	29021645	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN VĂN DŨNG	04/08/1999	29006302	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN TƯ ĐỨC	03/05/1999	29003101	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ KIM GIANG	24/04/1999	29010857	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 4.80

NGUYỄN MẠNH LÂM	17/10/1999	29026225	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN ĐÌNH TUẤN	06/06/1998	29016047	Toán: 9.00 Vật lí: 9.50 Hóa học: 9.25
NGUYỄN VĂN CƯỜNG	04/04/1999	29020972	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THIÊN LONG	19/02/2000	29006479	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ TRANG	09/09/1999	29016479	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.25 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ TRÀ GIANG	07/08/1999	29024250	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 6.60
CAO THỊ NHUNG	09/10/1999	29017427	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN ĐÌNH HUẤN	10/05/1998	29021802	Toán: 3.20 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 1.80
PHẠM THỊ DUYÊN	22/06/1999	29029793	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 3.20
LÊ NGUYỄN THẮNG	01/08/1999	29013068	Toán: 3.00 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.25
VÕ THỊ KHÁNH HUYỀN	08/03/1999	29005062	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN THỊ NGÀ	29/04/1999	29004037	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN ĐÌNH THÁI	13/11/1999	29001145	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.92 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75
CAO BÍCH DIỆP	02/08/1999	29002260	Toán: 8.20 Ngữ văn: 8.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 6 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN DUY QUANG	13/10/1999	29018121	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 3 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ LÝ	04/08/1999	29015844	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THÀNH DUY	25/08/1999	29012686	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 3.20

NGUYỄN VĂN CHIẾN	10/03/1999	29010279	Toán: 1.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.00
ĐẶNG THỊ HÀ	20/01/1999	29029847	Toán: 2.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.00
HỒ VĂN HỮU	01/02/1999	29003940	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG MINH QUANG	02/04/1999	29028025	Toán: 4.80 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 4 Tiếng Anh: 2.80
HỒ SỸ HIẾU	29/01/1999	29017237	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.25 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 4.60
LANG VĂN TOÀN	02/09/1999	29025734	Toán: 8.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 2.80
HỒ QUỐC TIẾN	26/04/1999	29015222	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 6 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THÚC QUÂN	24/06/1999	29009844	Toán: 8.40 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 7.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.83 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 6.40
NGUYỄN THỊ LOAN	27/04/1999	29001471	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM TRUNG KIÊN	09/07/1999	29010916	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 2.20
HOÀNG THỊ ANH ĐÀO	08/01/1999	29023668	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 3.80
ĐẶNG TRẦN ĐỨC	08/05/1999	29006323	Toán: 5.20 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.42 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.40
ĐẶNG THÁI BÌNH	25/09/1999	29028873	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.20
HỒ DUY VĂN	07/11/1999	29016542	Toán: 4.20 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 3.00 GDCD: 6.75 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.00
LÊ THỊ THANH VY	24/01/1999	29007502	Toán: 2.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.00
ĐẶNG TUẤN VŨ	05/05/1998	29009048	Toán: 2.60 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM ANH THẮNG	08/07/1998	29018171	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.67 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.80

NGUYỄN ĐỨC PHONG	08/02/1999	29004561	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ YẾN	23/01/1999	29018331	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG THỊ QUỲNH	08/04/1999	29015074	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.20
PHAN THỊ NHUNG	04/06/1999	29005812	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ HIỀN	06/06/1999	29028979	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.40
VI THỊ HÒA	21/12/1999	29014960	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 1.80
NGÔ XUÂN TRUNG	04/09/1999	29029338	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ HẢI HÒA	04/05/1999	29017249	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ LỘC	27/05/1999	29003188	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.00 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 4.20
PHAN VĂN HÙNG	12/07/1999	29021094	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 5.50 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.00
TRẦN THUỶ NGÀ	01/02/1999	29018068	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 6.75 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ TRANG	02/04/1999	29028155	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG CẦM	02/07/1999	29027839	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM THỊ THANH HOA	18/08/1999	29027905	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THANH THÚY	22/12/1999	29026994	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 8.40
PHẠM THỊ LỘC	25/09/1999	29022349	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 2.60
QUANG HÀ GIANG	15/09/1999	29013519	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.60

NGUYỄN THỊ HUỆ	18/11/1999	29003906	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN THỊ LỆ MỸ	01/05/1999	29013236	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 7.60
VI VĂN TÚ	21/08/1999	29015308	Toán: 2.80 Ngữ văn: 2.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 1.60
VI VĂN TUYẾN	08/10/1999	29013796	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 1.40
XÔNG BÁ GÔ	10/02/1998	29008259	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.50 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN VĂN TIẾN	22/04/1998	29021521	Toán: 9.40 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.00
NGUYỄN ĐÌNH BÁCH	13/01/1998	29022095	Toán: 4.20 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.75
PHẠM THỊ PHƯƠNG UYÊN	11/02/1999	29025809	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 5.60
LÊ QUANG NHẬT	07/07/1999	29027495	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN TIẾN	06/10/1999	29030773	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 4.40
THÁI THỊ THẨM	01/04/1999	29030686	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ PHƯƠNG LY	17/11/1999	29000384	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ THÊM	22/12/1999	29006177	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00
NGUYỄN THỊ HIỀN	16/09/1999	29022795	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 2.40
LÊ VĂN PHƯƠNG	14/06/1999	29016252	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.50 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ HOÀI	11/10/1999	29002813	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.33 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN ĐÌNH HÙNG	12/11/1999	29000262	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.00

BÙI THỊ NGỌC	22/09/1999	29004041	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.75 KHXH: 8.5 Tiếng Anh: 3.80
LÊ QUANG TRƯỜNG	06/09/1999	29030870	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 7 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN NGỌC BÌNH	27/06/1999	29017114	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 1.80
VI THỊ THU	17/10/1999	29020824	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 2.00 KHTN: 3 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.00 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 4.00
LÊ THỊ LAN	14/06/1999	29022851	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.00
LÊ SỸ HIẾU	01/01/1999	29014952	Toán: 9.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 9.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 4.80
THÂN MINH TÀI	21/01/1999	29030630	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.80
NGÔ THỊ PHƯƠNG ANH	04/03/1999	29016067	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 4.20
LƯƠNG THỊ TÌNH	06/03/1999	29020104	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 6.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.40
LÔ VĂN NGHĨA	10/03/1999	29003214	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN VĂN NHẬT	22/01/1999	29012279	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.80
LƯƠNG TUẤN ANH	06/02/1999	29024914	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ THẢO	08/03/1999	29007989	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VĂN DIỆU	01/10/1999	29010727	Toán: 2.40 Ngữ văn: 1.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25
LÊ MINH ĐỨC	05/07/1997	29002712	Toán: 6.80 Vật lí: 6.00 Hóa học: 3.75
THÁI THỊ HUYỀN TRANG	21/06/1999	29020144	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.80
HOÀNG XUÂN GIÁP	16/09/1999	29010351	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN PHI ANH	20/11/1998	29021444	Toán: 6.60 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.75

LÊ THỊ THU	19/05/1999	29020053	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.40
MOONG BÁ LÝ	16/02/1999	29008340	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 3.75 GDCD: 4.50 KHXH: 4.08 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ THU THỦY	21/07/1999	29005322	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.40
ĐẶNG ĐÌNH THỌ	15/07/1999	29022466	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 9.50 Hóa học: 9.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 4.40
HOÀNG TRỌNG DŨNG	13/02/1999	29005534	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 5.75 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.40
TRƯƠNG XUÂN PHÚC	02/07/1999	29011755	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 2.25 KHTN: 5 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN HUY CẦN	01/06/1999	29022200	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 3.75 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.50 KHXH: 8.33 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN VĂN SANG	23/08/1998	29029216	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.80
PHAN THU HIỀN	19/05/1999	29026092	Toán: 7.80 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 9.20
NGUYỄN VŨ TRUNG THÀNH	20/03/1999	29006607	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 6.75 KHTN: 6 Tiếng Anh: 4.00
PHAN VĂN TÂY	24/01/1996	29025315	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.50
NGUYỄN THỊ TRANG	22/03/1999	29028732	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN PHƯƠNG SƠN	07/04/1999	29002914	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.80
CAO VĂN KHANG	12/10/1997	29030014	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.80
PHAN THỊ THU HUYỀN	16/01/1999	29029987	Toán: 3.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.50 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN VĂN THẮNG	10/10/1998	29001641	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.00
TRƯƠNG VĂN HIẾU	26/01/1997	29014436	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.60

PHAN THỊ PHƯƠNG	10/01/1999	29008891	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 9.00 GDCD: 7.25 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN KIM CHI	28/12/1999	29024174	Toán: 8.20 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 9.40
ĐINH THỊ NHUNG	06/07/1999	29004552	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.08 Tiếng Anh: 4.40
HOÀNG VĂN BÌNH	14/10/1996	29026607	Toán: 4.20 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.25
NGÔ BÁ HUY	06/12/1999	29003412	Toán: 1.80 Ngữ văn: 2.75 Vật lí: 2.00 Hóa học: 1.75 Sinh học: 2.25 KHTN: 2 Tiếng Anh: 3.00
ĐOÀN VĂN MINH	30/07/1999	29000724	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 7.17 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ LINH	26/01/1999	29010489	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 6.40
NGUYỄN VĂN TUẤN	18/01/1999	29030899	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 2.75 GDCD: 5.50 KHXH: 3.83 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HƯƠNG	07/10/1999	29001435	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN QUÝ BẮC	16/01/1999	29009465	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN ĐỨC HẢI	24/05/1999	29004984	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN THẮNG	02/04/1998	29022449	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN NGỌC ÁNH	06/02/1999	29014293	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.40
THÁI THỊ THÙY LINH	09/12/1997	29001051	Toán: 4.60 Hóa học: 5.75 Sinh học: 6.25
ĐẬU THỊ HƯƠNG	26/11/1999	29021831	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 4.00
LÊ THỊ PHƯƠNG THẢO	27/08/1999	29015127	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.60
DƯƠNG VĂN PHONG	05/09/1999	29011752	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 3.20

NGUYỄN VĂN TRÌNH	17/10/1999	29008020	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 5.60
VŨ QUYỀN LINH	22/12/1999	29018568	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.20
ĐINH THANH LÂM	08/10/1999	29024384	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 9.20
CAO THỊ LÝ	05/01/1999	29027981	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 2.50 KHTN: 4 Tiếng Anh: 3.20
VEN VĂN KIẾP	06/02/1999	29008551	Toán: 1.60 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.50
NGUYỄN VĂN ĐỨC	23/05/1999	29009533	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ KHÁNH LY	15/04/1999	29024444	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.80
LÊ THỊ HẰNG	11/12/1999	29008703	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.80
PHẠM XUÂN PHỒN	01/11/1999	29028594	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ XUYẾN	19/07/1999	29022670	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 9.00 GDCD: 7.25 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN LƯƠNG	10/11/1999	29029112	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.20
ĐẬU VĂN CƯỜNG	26/03/1999	29028313	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.60
PHAN VĂN DŨNG	03/04/1999	29023139	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 6.00 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 4.80
LÊ VĂN KHÁNH	25/08/1999	29027941	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 2.60
CHU THỊ THẢO	19/09/1999	29005290	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG THỊ HÒA	07/06/1998	29001383	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.40
LỖ BÁ XẼNH	03/04/1999	29008504	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.60

BÙI THỊ HOÀNG ANH	07/03/1999	29015388	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 5.00
LÊ THỊ PHƯƠNG LINH	05/10/1999	29001984	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 4.40
VÕ THỊ NGUYỄN	14/08/1999	29010571	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.00 KHXH: 8 Tiếng Anh: 4.00
LÔ THỊ HẬU	19/09/1999	29020632	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ THẢO NGUYỄN	16/05/1999	29009787	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 5.60
HÀ THỊ THUỶ LINH	15/08/1999	29029081	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN PHÚ NAM	02/11/1999	29011423	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN THỊ HUẾ	24/10/1999	29018809	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 4.00
LƯƠNG THỊ THÙY LINH	01/08/1999	29027403	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM HUYỀN TRANG	16/03/1999	29002135	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 4.40
ĐINH ĐĂNG AN	10/12/1999	29019845	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 4.00
ĐẬU THỊ DIỄM	20/04/1999	29009087	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ TRANG	11/12/1999	29016483	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VĂN NAM	20/02/1999	29023910	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 9.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ TRANG	08/10/1999	29022562	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.00 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ THƯƠNG	16/03/1999	29018194	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 4.40
TRỊNH HOÀNG PHONG	18/01/1999	29024521	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.80

TRẦN THỊ TUYẾT THANH	02/04/1999	29011052	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.5 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN LAN NHI	28/01/1999	29016848	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 9.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 7.00
VI THỊ ANH	28/10/1999	29011913	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.00
CAO THỊ MƠ	24/09/1999	29006098	Toán: 5.00 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75
HỒ THỊ KHÁNH LINH	03/08/1999	29018551	Toán: 8.00 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 6.80
NGUYỄN THỊ TRANG	09/11/1999	29022563	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ DIỆU LINH	20/11/1999	29024419	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN THẮNG	20/08/1999	29024055	Toán: 7.80 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 6.75 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 4.80
ĐẶNG KIM TÚ	05/02/1998	29021400	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.00
VIÊNG THỊ TIẾP	02/02/1999	29020839	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 5.75 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM TRỌNG THẮNG	14/08/1998	29007760	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ DIỆU LINH	10/12/1999	29026856	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.08 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.60
LÔ THỊ MẶN	29/04/1999	29014600	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
LƯƠNG VĂN TRƯỜNG	03/07/1999	29020167	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.25 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ THANH	07/02/1999	29017507	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.00 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 3.40
NGÔ THỊ TÚ OANH	04/07/1999	29024514	Toán: 7.60 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 9.40
PHẠM LINH TRANG	07/04/1999	29026552	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 8.50 Sinh học: 9.25 KHTN: 7 Tiếng Anh: 7.20

THÁI DOÃN TUẤN	03/02/1999	29019068	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ LINH	02/08/1999	29022866	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HẢO	15/01/1999	29028382	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.40
TRƯƠNG MINH HẢI	08/01/1998	29026625	Toán: 7.40 Vật lí: 5.50 Tiếng Anh: 8.20
HỒ BÁ NAM	18/09/1999	29015878	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VĂN ANH	03/10/1999	29001830	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 9.25 Sinh học: 9.50 KHTN: 8.25 Tiếng Anh: 4.40
DOÃN ĐÌNH THỐNG	19/05/1999	29024065	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN VĂN THẮNG	16/08/1999	29013737	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VIỆT MẬU	02/01/1999	29007039	Toán: 2.00 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.25 GDCD: 6.50 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN TRUNG THẮNG	15/04/1999	29011787	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN SỸ TÙNG	27/10/1999	29026576	Toán: 8.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 8.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 9.20
VI VĂN LỘC	24/03/1999	29012192	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 2.83 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.25 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 2.80
NGÔ ĐỨC DŨNG	11/02/1999	29007559	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VĂN HOÀNG	06/02/1999	29025051	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 4.20
HOÀNG THỊ HẰNG	14/10/1998	29019352	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 5.25 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 1.40
LŨ VĂN THIẾU	26/02/1998	29014839	Toán: 7.40 Vật lí: 7.25 Hóa học: 5.75 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN MẠO	12/11/1999	29001073	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.00
LÊ THỊ DUYÊN	25/08/1998	29023443	Toán: 8.80 Hóa học: 9.00 Sinh học: 7.75

VÕ THỊ ÁNH	20/06/1998	29001226	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.80
BÙI THỊ HÀ PHƯƠNG	10/11/1999	29023967	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 1.50 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 6.40
HOÀNG TIẾN ĐẠT	07/07/1999	29027860	Toán: 8.40 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.75 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.50 KHXH: 8.42 Tiếng Anh: 4.00
ĐÀO THỊ MAI THẢO	26/04/1999	29021298	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 5.60
HỒ THỊ THANH TÂM	22/09/1999	29026948	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.25 KHXH: 8.33 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG THỊ NGỌC ÁNH	05/11/1999	29014289	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN KIM ĐỨC	06/04/1999	29021007	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.00
HÀ VĂN CĂNG	10/02/1998	29013823	Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.50
LƯƠNG VĂN HOÀI	17/09/1999	29013560	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.00
VÕ THỊ TRANG	26/11/1999	29027059	Toán: 8.80 Ngữ văn: 9.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 6.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 9.40
VŨ THÚY LINH	02/12/1999	29025522	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ TƠ	03/01/1999	29028138	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 9.20
NGUYỄN THỊ LÊ NA	15/10/1999	29000411	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 6 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ NHÀN	20/06/1999	29001539	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN MẠNH	30/04/1999	29029119	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 7.60
HỒ NGỌC TỔ	31/03/1999	29012462	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 3.40
ĐẶNG THỊ MỸ LINH	09/06/1999	29025102	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 9.25 Hóa học: 10.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 8.33 Tiếng Anh: 6.00

NGUYỄN THỊ ANH	12/07/1999	29021544	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.40
LƯƠNG THỊ DUNG	30/08/1999	29013104	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Pháp: 2.60
VŨ THỊ MỸ HOA	03/01/1999	29026114	Toán: 8.40 Ngữ văn: 8.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 9.00
TRẦN VĂN THỎA	05/08/1999	29030709	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.00 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ ÁNH	29/10/1999	29020948	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 5.80
LO MAY LUNG	12/10/1999	29025530	Toán: 1.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 3.25 GDCD: 5.00 KHXH: 3.42 Tiếng Anh: 3.20
VI VĂN DŨNG	27/08/1999	29020604	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.60
HỒ THỊ HÂN	01/04/1999	29017914	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.17 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ HOÀ	05/07/1999	29017243	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.80
TÔ VĂN HOÀNG	03/08/1999	29019422	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 3.40
HÀ THỊ XOAN	01/08/1999	29003596	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 3.25 GDCD: 2.00 KHXH: 2.33 Tiếng Anh: 3.80
DOÃN THỊ TRÀ GIANG	12/11/1999	29018765	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	05/10/1999	29023343	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.08 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.80
BÙI THỊ HOA	04/02/1999	29015619	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 5.00
LÊ VIẾT ĐỨC	13/12/1999	29012710	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 5.60
THÁI THỊ TRÀ GIANG	13/11/1999	29019322	Toán: 2.20 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 9.25 Địa lí: 9.00 GDCD: 7.00 KHXH: 8.42 Tiếng Anh: 2.60
LÊ TIẾN SƠN	02/08/1999	29002584	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 4.60

NGUYỄN VĂN CÔNG	24/07/1999	29011268	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG VĂN ĐẠT	31/07/1999	29021647	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 1.80
TRẦN THỊ HIỀN LƯƠNG	11/11/1999	29029538	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 7.00
PHAN QUANG DỰ	20/12/1999	29006894	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.60
HỒ THỊ LUYẾN	26/11/1999	29015824	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.60
XEO VĂN MÃO	15/08/1999	29003198	Toán: 1.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN LÊ KHÁNH HUYỀN	08/10/1999	29009653	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 6.75 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ	20/11/1999	29020759	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.80
PHAN THỊ NGÀ	02/03/1998	29030337	Toán: 8.40 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.00
PHAN QUỐC BẢO	14/07/1999	29024169	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VĂN VƯƠNG	09/01/1999	29028802	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG THỊ KIM ANH	16/06/1999	29027153	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 8 Tiếng Anh: 3.60
TRƯƠNG THỊ THƯƠNG	25/08/1999	29030765	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 4.00
LÊ VĂN QUANG ÂN	16/11/1999	29009459	Toán: 9.00 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ THU ĐIẾP	23/01/1999	29028342	Toán: 7.40 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.00 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 7.20
ĐẶNG HỮU TRƯỜNG	24/08/1999	29001179	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 2.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.17 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.50
HỒ THỊ TRINH	02/12/1999	29019025	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 9.75 GDCD: 8.75 KHXH: 8.83 Tiếng Anh: 4.40

NGUYỄN ĐÌNH CÔNG	01/12/1999	29001251	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.75 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 1.20
VÕ MỸ NHẬT LINH	20/09/1999	29005732	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 6.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN BẢO	01/04/1999	29019210	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN XUÂN HUY	13/09/1999	29026166	Toán: 8.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 8.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 6 Tiếng Anh: 8.20
LÊ HOÀNG QUÂN	01/06/1999	29023985	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.40
DƯƠNG ANH TUẤN	10/05/1996	29025330	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 8.25
NGUYỄN THỊ THU UYÊN	01/10/1999	29012993	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.80
LẦU BÁ XÒ	13/07/1999	29008511	Toán: 3.20 Ngữ văn: 2.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 2.00 GDCD: 4.25 KHXH: 2.92 Tiếng Anh: 2.40
PHAN THỊ THU	11/06/1999	29002623	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ TIẾN	23/11/1999	29021359	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG TIẾN TRUNG	30/11/1999	29019035	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN QUANG TÚ	25/01/1999	29018242	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN THỊ SƯƠNG	19/08/1999	29001594	Toán: 6.80 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 7.40
NGUYỄN VĂN TRÁNG	15/01/1999	29017014	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 9.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 6.00
HOÀNG THỊ THÙY LINH	02/09/1999	29006461	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 8.00 Sinh học: 7.75 KHTN: 7 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VĂN HƯỚNG	10/01/1999	29030008	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.25 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.00
HOÀNG QUỐC KHÁNH	02/09/1999	29010450	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.40

NGUYỄN HẢI LONG	15/01/1996	29027698	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.75
NGUYỄN XUÂN HIẾU	07/05/1998	29025437	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
LANG THỊ TÂM	04/08/1999	29013717	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.25 KHXH: 8.5 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ HẢI YẾN	03/07/1999	29011224	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 9.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 9.00
HÀ HUY ĐỨC	05/09/1999	29023679	Toán: 9.40 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 8.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 9.60
PHẠM VĂN HUY	18/10/1999	29015687	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ LOAN	10/04/1999	29021155	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 9.25 GDCD: 8.25 KHXH: 8.58 Tiếng Anh: 3.40
BÙI THỊ HẢI AN	10/08/1999	29022162	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 6 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ LAN ANH	29/08/1999	29011899	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VĂN TIẾN	18/11/1999	29017570	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.60
NGÔ XUÂN MINH	04/07/1998	29019605	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.80
LÊ THỊ TRANG	29/11/1999	29021377	Toán: 4.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.50 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG VĂN AN	10/10/1999	29024904	Toán: 8.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN TUẤN	18/07/1999	29003005	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 2.00
HỒ ĐÌNH QUÂN	20/01/1999	29014710	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN NGỌC TOÀN	01/01/1999	29015229	Toán: 7.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ KIM OANH	17/01/1999	29016231	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.80

VÕ XUÂN CẨM ANH	17/05/1999	29018726	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.83 Tiếng Anh: 7.00
MAI THỊ HIỀN	19/03/1999	29027301	Toán: 5.40 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GD&CD: 9.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN ĐẬU TUẤN	24/04/1999	29020522	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN TRỌNG HẢI	04/05/1999	29014939	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ THƠM	08/08/1999	29009927	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GD&CD: 7.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.60
HOÀNG THỊ TRÀ	28/08/1999	29011805	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 3.20
TẠ THỊ TÌNH	16/01/1999	29006668	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 4.40
TĂNG ĐÌNH THÀNH	02/08/1999	29029246	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GD&CD: 6.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 4.20
TÔN TRUNG SƠN	11/03/1999	29023323	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 4.40
VŨ THỊ THỦY	30/10/1999	29018961	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GD&CD: 9.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN CẢNH HÙNG	04/12/1999	29021809	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.00 GD&CD: 6.75 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN THỊ SƯƠNG	05/10/1999	29009879	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GD&CD: 5.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN ĐÌNH ĐÀO	10/10/1999	29000111	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 2.80
LÊ MINH HIẾU	01/03/1999	29008718	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GD&CD: 7.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ NHUNG	20/06/1999	29022392	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 7.00 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 4.60
LƯƠNG HOÀNG ANH	16/09/1997	29013463	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.75 GD&CD: 6.00 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN THỊ THẢO	23/02/1999	29008943	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.50 GD&CD: 7.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.20

NGUYỄN THỊ LÊ NA	10/08/1999	29025151	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 4.20
VÕ VĂN ĐỨC	25/02/1999	29015534	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN VĂN HUY	17/10/1999	29017284	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.75 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.20
ĐẶNG THỊ MAI LINH	21/01/2000	29024399	Toán: 7.00 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.25 KHXH: 8.42 Tiếng Anh: 7.60
VŨ PHƯỚC TRƯỜNG	18/06/1999	29025776	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 2.25 Hóa học: 2.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.5 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ SƯƠNG	19/05/1999	29022051	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.00
HỒ ĐÌNH PHI	05/01/1999	29009238	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 5 Tiếng Anh: 4.20
PHẠM QUỐC VƯƠNG	03/12/1999	29006812	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.42 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 6.60
PHẠM HUY HOÀNG	21/04/1998	29013165	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.67 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.40
LANG THỊ SƠN KỲ	21/05/1998	29012801	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 9.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.60
PHAN THỊ YẾN	28/02/1999	29022684	Toán: 3.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 9.00 GDCD: 9.00 KHXH: 8.67 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG	06/10/1998	29005452	Toán: 8.00 Hóa học: 9.00 Sinh học: 9.00
HỒ THỊ HOÀI	14/04/1999	29026119	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.75 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN TRẦN ĐẠI	01/09/1998	29024222	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 1.60
NGUYỄN TRUNG NHẬT	14/04/1999	29017421	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.80
NGÔ THỊ QUYÊN	04/12/1999	29007388	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ HỒNG NGÀ	09/06/1999	29000422	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 7.00

TRẦN THỊ HOÀNG YẾN	28/09/1999	29018334	Toán: 2.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.25 GD&CD: 6.50 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.80
NGÔ TUẤN SANG	03/05/1999	29026483	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 5.00
HOÀNG THỊ LAN ANH	05/11/1998	29001213	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GD&CD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VIỆT HOÀN	20/03/1999	29005651	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.25 GD&CD: 9.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 2.00
PHẠM VIỆT HOÀNG	14/05/1998	29024770	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.50 Tiếng Anh: 8.40
NGUYỄN TẤT MÃO	04/09/1999	29002008	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 4 Tiếng Anh: 4.40
LÊ CÔNG HẬU	22/08/1999	29025027	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 5.60
PHAN THỊ GIANG	05/11/1999	29030428	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ VÂN	14/06/1999	29012537	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.25 GD&CD: 8.25 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.00
PHAN THỊ THUỶ DUNG	20/12/1999	29018747	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN VIỆT DŨNG	02/09/1999	29027233	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GD&CD: 9.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.60
LÊ PHI LONG	28/10/1998	29018575	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GD&CD: 7.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 1.00
ĐẶNG THANH TÂM	12/10/1999	29012905	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.00 GD&CD: 6.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ HUYỀN	01/11/1999	29002823	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 1.50 Hóa học: 1.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 1.83 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GD&CD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ THƠM	10/01/1999	29020472	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 4.00
TRƯƠNG THỊ THÙY TRANG	07/06/1999	29028165	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 8.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 1.75 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN LÊ TUẤN KHANH	05/04/1999	29025486	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GD&CD: 8.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 7.60

PHÙNG VĂN HUỖNH	05/01/1999	29023465	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50
VÕ VĂN CÔNG	28/11/1999	29008633	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN CƯỜNG	03/11/1999	29003061	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 1.60
NGUYỄN CẨM TÚ	21/01/1999	29004773	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN BÁ THỌ	26/12/1999	29001649	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 3.40
ĐINH CHÍ HUỖNH	17/04/1999	29007659	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.25 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 4.00
LÔ VĂN BÁO	15/07/1997	29020896	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.00 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 2.00
LÊ ĐIỀU LINH	16/08/1999	29020336	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 5.80
BÙI THỊ THU SANG	19/07/1999	29009859	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.08 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 6.00
PHẠM THỊ OANH	14/11/1999	29010592	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN MINH ANH	16/12/1999	29025879	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 5.00
HOÀNG TRỊNH XUÂN BÁO	15/07/1999	29020562	Toán: 4.00 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN BÁ MẠNH	25/09/1999	29022888	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.80
HỒ ĐÌNH QUYẾT	20/12/1998	29008905	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.00
PHAN VĂN QUỐC	20/02/1999	29020784	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.40
LÔ THANH HOÀI	11/11/1999	29013559	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.80
LÊ ĐÌNH DUYỆT	16/11/1999	29011975	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.67 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.00

LÊ VĂN QUỲNH	04/09/1998	29013064	Toán: 8.20 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.00
ĐINH VĂN NAM	01/02/1996	29019752	Toán: 7.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.50
PHẠM THỊ QUỲNH TRANG	04/01/1999	29015250	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM NGỌC MỸ	22/10/1999	29008838	Toán: 8.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.75 KHXH: 8 Tiếng Anh: 4.40
LÔ THỊ HẰNG	11/02/1999	29014946	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 3.60
BÙI THỊ DUYÊN	11/09/1999	29028902	Toán: 1.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 5.00 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.40
TRƯƠNG VĂN KIÊN	26/06/1998	29003948	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.00
LÊ KHẮC DŨNG	23/05/1999	29030406	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 6.00 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN QUỲNH DIỄN	29/01/1999	29007829	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 3 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM THỊ THU HIỀN	13/09/1999	29017924	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4 Tiếng Anh: 4.20
LÊ THỊ PHÚC	05/12/1999	29012877	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.00 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN HỒNG AN	06/02/1999	29004314	Toán: 6.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 2.40
VI VĂN DUY	16/07/1999	29008228	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN TRUNG HIẾU	22/11/1999	29026109	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 9.20
NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	02/07/1999	29017183	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.40
HOÀNG VĂN SEN	01/01/1999	29014128	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 1.60
BÙI THỊ HUẾ	12/07/1999	29021803	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 5.60
PHẠM ĐÌNH TIẾN ANH	13/01/1999	29010248	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.60

NGUYỄN THỊ GIANG	08/10/1999	29023698	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 8.25 Hóa học: 9.00 Sinh học: 1.00 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 4.20
HỒ SỸ HÙNG	19/10/1999	29015676	Toán: 4.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 5.00 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ YẾN	10/10/1999	29007510	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 1.40
TRẦN VĂN PHÚ	30/10/1999	29012302	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.42 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.60
VI THỊ NGỌC TRÂM	15/03/1999	29025761	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 8.50 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 4.60
LÊ VIỆT SƠN	28/06/1999	29012349	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.60
VÕ THỊ HUYỀN	03/01/1999	29023222	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.5 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.00
NGÔ VIỆT HÙNG	09/03/1999	29013987	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ LOAN	21/03/1999	29022348	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN VĂN HIẾU	20/09/1999	29009589	Toán: 1.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN DANH	06/03/1999	29019256	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.25 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ NGỌC TRÂM	20/01/1999	29009326	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 5.60
TẠ VĂN HỒNG	23/07/1998	29011554	Toán: 7.60 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.75
NGUYỄN KHẮC LUẬT	06/10/1999	29001479	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 4.00
HỒ ĐĂNG NGỌC	08/04/1999	29016163	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ DUYÊN	27/06/1999	29030410	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN THỊ THÀNH	19/06/1998	29025316	Toán: 4.20 Sinh học: 4.25
NGUYỄN VĂN THIỆN	15/04/1999	29018174	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 4.20

CAO THỊ ĐÀO	22/03/1999	29005553	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.40
LỮ THỊ HẠNH	09/01/1999	29025413	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 9.50 GDCD: 7.75 KHXH: 8.75 Tiếng Anh: 4.00
LÊ THỊ MINH	20/08/1999	29004019	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.80
HỒ VIỆT MẠNH	06/08/1999	29025136	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ DIỆU LINH	13/09/1998	29010486	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.20
HỒ THỊ QUỲNH	16/09/1999	29016917	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ THẢO	13/11/1998	29010663	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.80
HÀ VI NHẬT LINH	08/10/1999	29003183	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM CÔNG LINH	02/10/1999	29029088	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN MINH TUẤN	05/09/1999	29011163	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.40
VĂN ĐÌNH VŨ	25/09/1999	29017065	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN BÁ HIỀN	06/08/1996	29019701	Toán: 8.60 Vật lí: 8.00 Hóa học: 9.00
NGUYỄN THỊ LOAN	28/10/1998	29027427	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ DUYÊN	01/01/1999	29028903	Toán: 5.40 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN VĂN THỦY	18/02/1997	29010199	Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 8.25
NGUYỄN ĐỨC THIỆN	09/09/1999	29006182	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.25
LÊ VĂN THIỆN	19/05/1998	29019800	Toán: 2.60 Ngữ văn: 1.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 5.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN VĂN MẠNH	10/01/1999	29008822	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 5.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.60

CAO THỊ NGÂN	08/10/1999	29012853	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ HOÀI	19/09/1999	29000235	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 6.60
NGUYỄN VĂN TÀI	15/10/1999	29016322	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN HỮU CÔNG	24/04/1999	29006282	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 2.20
CHU THỊ NGỌC MINH	17/12/1999	29026321	Toán: 8.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 8.60
THÁI THỊ MỸ LY	14/01/1998	29006082	Toán: 3.60 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 3.67
CAO ĐĂNG HOÀNG	18/12/1998	29006031	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN ĐĂNG KHÔI	04/03/1999	29003943	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM VĂN LONG	03/06/1999	29009196	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 6 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN MẠNH HIẾU	01/06/1999	29002359	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ HỒNG	27/04/1999	29021087	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	03/10/1999	29002980	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 6.50 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN ĐÌNH HOÀNG	23/06/1997	29030318	Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.75
TRƯƠNG THỊ HOÀI THƯƠNG	10/05/1998	29014846	Toán: 6.40 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.25
TRẦN THANH BÌNH	16/11/1999	29013097	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 1.75 Hóa học: 2.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 2.58 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ SƯƠNG	17/09/1999	29016314	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 6.40
LÊ THỊ THẢO	17/06/1999	29030663	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 10.00 GDCD: 8.25 KHXH: 8.83 Tiếng Anh: 4.20

PHAN THỊ HUYỀN	09/03/1999	29023221	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.00
LÒ VĂN THANH	22/06/1999	29014140	Toán: 6.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 3.20
ĐINH THỊ MINH ÁNH	06/02/1999	29002781	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.5 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.40
SẦM MINH ANH	15/01/1999	29024926	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 4.40
PHẠM THỊ HỒNG VÂN	25/04/1999	29018294	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.80
HOÀNG MẠNH CƯỜNG	28/05/1999	29009489	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 9.00 GDCD: 7.75 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ NGỌC LAN	16/01/1999	29009688	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM AN SƠN	26/09/1999	29026488	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.83 Tiếng Anh: 7.40
VI VĂN THOẠI	14/09/1999	29013746	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ OANH	19/05/1998	29015060	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 3.40
LA HUỖNH ĐỨC	14/08/1999	29008240	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.50 GDCD: 5.75 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN DUY THÔNG	16/10/1996	29025320	Toán: 8.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 9.75
VI THỊ NHUNG	02/11/1999	29003238	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.00 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG THỊ HUYỀN	04/10/1999	29001422	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.60
ĐỒNG THỊ THƯƠNG	22/09/1999	29017565	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 4.60
CHU THỊ DUYÊN	05/08/1999	29017146	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 1.00
VÕ VĂN THÁI	19/10/1999	29016939	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 3.80
CHU THỊ LINH	20/08/1998	29024793	Toán: 5.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.25

TÔN QUANG LINH	02/08/1999	29010494	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ HIỀN	10/05/1998	29015938	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.75 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN VĂN ĐẠT	01/04/1999	29008667	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.50 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 2.20
PHẠM HỒNG TÂM	24/10/1999	29002928	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.17 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THANH PHÚC	26/04/1999	29014693	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN LINH	14/10/1999	29005115	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.40
HOÀNG THỊ THÙY TRANG	12/01/1999	29030795	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.00 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ HOÀI LỢI	04/06/1999	29023869	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ TÚ VĂN	25/03/1999	29024683	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.33 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 2.75 GDCD: 2.50 KHXH: 2.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN HOÀNH	21/02/1998	29012767	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.40
LÊ THĂNG LONG	19/09/1999	29010944	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.08 Tiếng Anh: 3.60
TẶNG HỒNG TRƯỜNG	09/09/1999	29014196	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 9.00 GDCD: 7.00 KHXH: 8 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ LƯƠNG	07/10/1999	29022881	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 6.00
VÕ TRỌNG HIỀN	08/03/1999	29021059	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN ĐÌNH HUY HOÀNG	10/10/1999	29023201	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 8.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 5 Tiếng Anh: 8.80
ĐẶNG HOÀI LÂM	06/10/1999	29014517	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.20
ĐẶNG KIM LÂM	25/03/1991	29006064	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 7.75
NGUYỄN THỊ HOÀNG NGỌC	13/10/1999	29025163	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.80

TRẦN THỊ HÀ	13/07/1999	29022773	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 4.00
ĐINH THỊ PHƯƠNG ANH	05/04/1998	29026599	Toán: 5.80 Vật lí: 4.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 7.75 KHTN: 6.25
NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	27/04/1998	29004257	Toán: 8.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 8.25 KHTN: 6.17
LÊ THỊ HƯƠNG LY	18/05/1999	29022351	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 3.80
PHẠM THỊ KHÁNH LY	31/12/1999	29025535	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.40
LƯƠNG ĐÌNH THỨC	08/03/1998	29012439	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.40
PHAN ĐĂNG LỘC	04/08/1999	29026289	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 8.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 7.80
VÕ DUY AN	20/05/1999	29004864	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.50 GDCD: 9.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ LOAN	07/07/1999	29007921	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 6.50 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ HẰNG	31/12/1999	29003391	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 3.40
ĐINH HỮU HOÀNG	07/08/1999	29026129	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ NGÀ	11/07/1999	29015896	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN NINH	12/05/1999	29017437	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.00 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN THỊ LAN HƯƠNG	29/04/1999	29008772	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ THANH NGÀ	28/12/1999	29026359	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.50 GDCD: 6.50 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THÁI DƯƠNG	03/12/1998	29013110	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.67 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN KHÁNH THU	21/11/1999	29025709	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 5.60

LÊ THỊ MINH	26/03/1999	29028543	Toán: 7.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 9.40
NGUYỄN ĐIỀU HUYỀN	24/05/1999	29008077	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 3 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75
KIỀU THỊ HỒNG NHUNG	08/05/1998	29026667	Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 9.75
TRẦN ĐÌNH PHONG	12/01/1999	29021991	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NAM	08/01/1999	29010549	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THU SANG	03/10/1999	29009864	Toán: 8.80 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 6.60
LÊ VIỆT XÔ	25/08/1999	29011218	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 8.40
LỖ Y LÀ	08/06/1999	29025095	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ MINH	12/09/1999	29030112	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN TẮT HẢI	26/01/1999	29001899	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 6 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM ĐÌNH ĐẠT	28/07/1999	29019292	Toán: 1.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.00
VI NHẬT NAM	20/06/1998	29003647	Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50
HỒ VIỆT HƯỚNG	20/10/1999	29009670	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 3.75 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG ĐÌNH LÂM	13/03/1999	29001454	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.00
DƯ TIẾN PHI	22/06/1999	29014685	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.80
LƯƠNG THANH HẢI	22/07/1999	29015560	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 6.20
ĐẶNG THỊ CẦM	23/12/1999	29009076	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 2.25 KHTN: 3.58 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 5.00

LÊ KHÁNH LINH	24/07/1999	29026852	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 2.00 Sinh học: 2.25 KHTN: 3.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 8.60
NGUYỄN CAO SƠN	02/07/1999	29024558	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 6.60
TRẦN ĐỨC TRUNG	01/04/1999	29016500	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.80
LÊ PHÙNG LÂM	01/10/1999	29000327	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 4.20
LÊ THU GIANG	17/08/1999	29009099	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN THỊ GIANG	18/11/1999	29021012	Toán: 4.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 3.50 GDCD: 7.25 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 3.20
CAO MINH TIẾP	04/02/1999	29013384	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN TRỌNG HIẾU	03/07/1999	29010405	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 9.50 GDCD: 9.25 KHXH: 9.17 Tiếng Anh: 4.00
CAO THỊ LAN	15/05/1999	29000323	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 4.75 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	16/07/1999	29016919	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 3.20
BÙI VĂN DƯƠNG	03/11/1998	29014344	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.00
HOÀNG ĐỨC HƯNG	15/01/1999	29026191	Toán: 7.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 7.75 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN TRỌNG CHINH	03/02/1999	29009479	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ HƯƠNG	26/02/1999	29020316	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ CẨM LY	15/11/1999	29019586	Toán: 6.00 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 7.40
HOÀNG VĂN QUANG	01/06/1998	29004571	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 1.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 1.75 KHTN: 2 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 1.80
LÊ QUANG TRUNG	23/02/1999	29009334	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.00

PHẠM THỊ HÀ LINH	17/04/1999	29006466	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 5.80
PHAN TRỌNG HIẾU	26/03/1999	29006941	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 4.00
PHẠM THỊ ÁNH NGUYỆT	07/09/1999	29020391	Toán: 9.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 4.40
VŨ THỊ THẢO SƯƠNG	02/01/1999	29005267	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 8.25 Sinh học: 7.50 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 4.60
VŨ THỊ THANH HUYỀN	22/02/1999	29003161	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.20
ĐOÀN THỊ THANH GIANG	25/11/1999	29009098	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 7.50 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN ĐÌNH LỢI	13/01/1996	29015971	Toán: 8.00 Vật lí: 7.25 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN DŨNG	11/05/1999	29021619	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN THỊ QUYÊN	01/11/1999	29003483	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.25 Hóa học: 2.25 Sinh học: 2.00 KHTN: 2.17 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.75 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN TRỌNG TÙNG	04/06/1999	29027108	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.92 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 8.60
NGUYỄN THỊ NGỌC	20/08/1999	29002527	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.00 KHXH: 8.42 Tiếng Anh: 5.20
NGÂN THỊ THU HẠNH	20/03/1999	29012731	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ TUYẾT	28/11/1997	29010807	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 7.00 Tiếng Anh: 7.20
HỒ VĂN PHÚ	26/01/1999	29007078	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.40
NGÔ TRUNG THÔNG	26/06/1999	29007414	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 3.40
MAI XUÂN THẮNG	14/04/1999	29000809	Toán: 9.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN HỮU HOÀNG	26/11/1999	29001020	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.08 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75

LƯƠNG THỊ NGỌC	16/03/1999	29014639	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN VĂN ĐẠT	18/10/1997	29029803	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ HUYỀN	06/12/1999	29021101	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.75 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 3.80
PHAN THỊ HẰNG	26/06/1999	29029883	Toán: 2.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ HẰNG	16/12/1999	29030450	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ LỊCH	11/08/1999	29010925	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN VĂN THÀNH	11/09/1999	29020455	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.17 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.50 KHXH: 4.08 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HUYỀN	02/09/1999	29010436	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM VĂN HẢI	01/10/1999	29002322	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN MINH	05/01/1999	29009755	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.20
HOÀNG TUẤN DŨNG	02/01/1999	29017860	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ QUỲNH	29/11/1999	29012344	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THANH HIỆP	09/04/1999	29005635	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.25 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN SỸ TỚI	16/03/1999	29004703	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.40
PHẠM MẠNH KIỀU	02/03/1999	29017313	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.75 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.80
VŨ ANH THÁI	23/01/1999	29005901	Toán: 3.40 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 5.50 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN THỊ THU HẰNG	14/08/1999	29012037	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.67 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.00

NGUYỄN THỊ MINH XUÂN	09/04/1999	29020545	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 4.80
LANG THỊ HƯỜNG	26/06/1999	29019499	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.60
CAO QUANG MẠNH	20/05/1999	29012218	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.60
ĐẶNG THỊ PHƯƠNG THẢO	14/12/1999	29002939	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 4.20
VŨ QUANG TRƯỜNG	06/08/1998	29019170	Toán: 7.60 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.50
TRẦN VĂN HUY	04/09/1999	29008753	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.60
PHẠM THỊ QUỲNH NHƯ	02/08/1999	29023954	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ OANH	10/12/1999	29012874	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN HÒA	20/07/1998	29003873	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 3.80
HOÀNG THỊ HÀ	06/12/1999	29017189	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.80
HỒ THỊ THU TRANG	13/07/1999	29017004	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 3.40
HỒ THỊ THANH TRÀ	10/03/1999	29012947	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	16/02/1999	29029251	Toán: 6.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 7.00
NGUYỄN ĐẠI NGHĨA	13/10/1999	29024486	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN NGỌC HIẾU	16/02/1999	29019392	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.20
HỒ THỊ NGUYỄN	09/09/1999	29016181	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.60
PHAN QUANG HƯNG	11/11/1999	29026194	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 8.60

NGUYỄN VĂN LÂM	11/08/1999	29025498	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.75 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.40
NGÔ TRÍ TÀI	05/02/1998	29029394	Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.25
HOÀNG MINH TUẤN	28/06/1999	29027095	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 9.25 GDCD: 7.75 KHXH: 8.17 Tiếng Pháp: 3.60
LÊ TUẤN ANH	16/06/1999	29019180	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.00
PHẠM HUỲNH ĐỨC	27/07/1998	29013924	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.75 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 4.00
HỒ THỊ HƯỜNG	26/01/1980	29017693	Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75
NGUYỄN THỊ HẰNG	17/05/1999	29021721	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ LAN ANH	29/10/1999	29025883	Toán: 5.80 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 9.75 Địa lí: 10.00 GDCD: 8.25 KHXH: 9.33 Tiếng Anh: 3.60
VÀ Y TỜ	12/08/1998	29020846	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.60
XEO THỊ THẢO HIỀN	18/09/1999	29020640	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 2.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.08 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.00
LẠI ĐĂNG TÌNH	07/04/1997	29019813	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.75 Tiếng Anh: 4.80
TRẦN ANH DŨNG	28/10/1999	29020238	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 1.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.58 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	17/07/1999	29022712	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN THỊ HIỀN	15/09/1999	29021737	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN BẰNG	11/01/1999	29004896	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 3.40
ĐẬU XUÂN HÙNG	10/03/1999	29007642	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ NGÂN	01/10/1999	29022376	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 8.25 Sinh học: 7.25 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ THÙY LINH	20/10/1999	29011694	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 3.00

PHAN THỊ THÙY CHI	02/06/1999	29014890	Toán: 2.40 Ngữ văn: 2.75 Vật lí: 2.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.5 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 5.50 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN ĐÌNH ĐÔNG HÀ	15/10/1999	29021693	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ LINH	01/04/1999	29014540	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ ĐIỀU LINH	05/02/1999	29015005	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 8.00
ĐINH THỊ THẢO	04/02/1999	29018912	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.00
LÊ HỮU HIỆP	01/11/1999	29000202	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.80
PHẠM NGUYỄN HUY HOÀNG	25/03/1999	29009621	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 7.25 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	04/07/1999	29016832	Toán: 8.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN VIỆT SƠN	17/11/1999	29012355	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 5.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.00
NGÔ TRÍ QUYẾT	07/04/1999	29005855	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.25 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.00
DƯƠNG THỊ THU HIỀN	22/03/1999	29014416	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN HỮU DŨNG	03/03/1999	29027231	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN ĐỨC LƯU	08/01/1999	29004519	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 7.80
TRẦN KIỀU LY	16/10/1999	29026297	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 8.00
CAO THỊ HUYỀN	13/04/1999	29006406	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 4.00
VÕ LÊ MINH XUÂN	30/09/1999	29027141	Toán: 9.20 Ngữ văn: 9.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 9.60
NGUYỄN KIM PHƯỢNG	22/09/1998	29013059	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 1.75 Hóa học: 2.50 Tiếng Anh: 2.80

PHẠM VĂN ĐIẾP	10/08/1999	29029809	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ BÍCH GIÀU	12/02/1999	29028928	Toán: 7.60 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 6.60
NGUYỄN VIỆT HƯNG	01/11/1999	29003425	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 5.60
PHẠM THỊ TRANG	10/08/1999	29013395	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 7.00 KHTN: 6.33 Tiếng Pháp: 4.00
NGUYỄN THỊ THU UYÊN	20/06/1999	29006787	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 5.40
TRẦN THỊ MỸ	04/02/1999	29015039	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.92 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.00 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN NHẬT HOÀNG	01/10/1999	29021081	Toán: 10.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 9.00 Hóa học: 9.75 Sinh học: 2.25 KHTN: 7 Tiếng Anh: 4.40
VÕ THỊ HUY	28/12/1999	29015688	Toán: 2.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 6.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.40
ĐẶNG NGỌC THẢO VY	05/04/1999	29002680	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.40
ĐẶNG QUANG MẠNH	30/07/1998	29029118	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 1.40
HỒ SỸ THẮNG	06/10/1999	29016379	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN THỊ HẢI	30/10/1999	29029861	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.40
LÊ VĂN TÂM	12/02/1999	29001603	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ THƯƠNG THƯƠNG	03/03/1999	29013382	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 4.00
VƯƠNG THỊ HUYỀN TRANG	02/09/1999	29009325	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 5 Tiếng Anh: 4.00
HỒ THỊ TRANG	13/10/1999	29017589	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.25 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.80

NGUYỄN THỊ CHUNG	26/02/1997	29023437	Toán: 3.80 Sinh học: 4.25
KHA THỊ NHÂM	19/02/1999	29020743	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.00
PHAN TUẤN ANH	20/04/1999	29024924	Toán: 5.60 Ngữ văn: 2.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 4 Tiếng Anh: 4.80
TRƯƠNG VĂN TRUNG	16/12/1999	29015285	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.00
LÊ VĂN MẠNH	26/01/1999	29002003	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN DANH NHÂN	20/03/1999	29029557	Toán: 6.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN HÙNG KHANG	17/10/1998	29010748	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.00
TRẦN THỊ NGỌC	23/10/1999	29027488	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.40
PHAN THỊ THOA	12/01/1999	29029281	Toán: 2.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN DUY NGUYỄN	03/02/1998	29011561	Toán: 8.20 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 7.75 KHTN: 7.5
TRẦN ĐÌNH KIÊN	09/01/1999	29016735	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 9.25 Hóa học: 9.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.83 Tiếng Anh: 7.20
LÊ THỊ NHÀN	17/02/1999	29013266	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 6 Tiếng Anh: 4.60
VÀ BÁ DÌA	27/06/1999	29008219	Toán: 1.60 Ngữ văn: 1.25 Vật lí: 2.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.00 KHTN: 2.25 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ HẰNG	09/04/1999	29001907	Toán: 7.60 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 7.40
ĐOÀN VĂN PHƯƠNG	18/11/1999	29006554	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ NGỌC ÁNH	20/10/1999	29023108	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 4.20
VĂN ĐỨC HOÀN	27/02/1997	29014787	Toán: 8.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 6.25

LƯƠNG NAM SƠN	16/07/1999	29014132	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.50 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.20
HỒ THÙY DUNG	11/05/1999	29006878	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	14/11/1999	29011539	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 5.00
TRẦN THANH HOÀI TRANG	01/12/1999	29027054	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.08 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 5.20
TRẦN THỊ TRANG	31/03/1999	29005359	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 6.40
TRƯƠNG XUÂN NGHĨA	16/08/1999	29012259	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN THỌ PHƯƠNG	24/06/1999	29029196	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 4.40
LÊ TRỌNG SÁNG	02/01/1998	29001126	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 1.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 2.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50
ĐƯỜNG XUÂN SÁNG	01/09/1999	29028628	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 3.60
VÕ THỊ HOÀI	06/06/1999	29001937	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 5.60
PHẠM THỊ BẢO TRÂM	31/07/1999	29015267	Toán: 1.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.60
VÕ TRỌNG PHONG	01/03/1999	29006118	Toán: 3.20 Ngữ văn: 1.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.75
NGUYỄN VĂN LONG	11/09/1999	29010503	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.00
VÕ DUY TRỌNG	05/07/1999	29020507	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.58 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.80
THÁI BÁ SƠN	15/11/1999	29000510	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.00 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 3.40
ĐẶNG THỊ TỚI	11/04/1999	29006680	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.60
ĐẶNG DANH THẮNG	08/11/1998	29019796	Toán: 8.80 Vật lí: 5.25 Hóa học: 8.50 Sinh học: 9.00 KHTN: 7.58

TRẦN KIM NGHĨA	22/05/1999	29003215	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.00 GD&CD: 7.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.20
LÊ THỊ THÚY QUỲNH	21/11/1999	29012336	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.25 GD&CD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH	17/07/1998	29023433	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.00 Tiếng Anh: 8.00
CAO TRƯỜNG MINH	14/03/1999	29006498	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 9.25 Sinh học: 9.50 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 5.40
HỒ ANH DŨNG	12/11/1999	29025998	Toán: 6.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 3.00
TRỊNH THỊ HUYỀN	26/06/1999	29014487	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GD&CD: 9.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 5.00
CAO THỊ GIANG	19/10/1999	29019315	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GD&CD: 6.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ BẢO YẾN	02/01/1999	29020224	Toán: 7.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 8.00 GD&CD: 9.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 9.00
VÕ THỊ THANH TÚ	10/10/1997	29026708	Toán: 5.60 Hóa học: 6.25 Sinh học: 6.50
TRẦN THỊ HẰNG	22/09/1999	29009120	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 9.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 6.00
THÁI VIỆT PHÚC	03/08/1998	29030201	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.75 GD&CD: 7.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.80
PHAN THẾ VIỆT	29/06/1999	29011207	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 9.00 Hóa học: 9.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 7.67 Tiếng Anh: 5.00
LÊ THỊ KIỀU OANH	05/03/1999	29024513	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.25 GD&CD: 8.75 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 3.00
HỒ LINH GIANG	11/06/1999	29017887	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 4.20
HOÀNG VĂN SƠN	20/02/1999	29028635	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GD&CD: 9.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.80
PHẠM THỊ HOÀNG ANH	03/12/1999	29011904	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.08 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GD&CD: 8.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 8.60
NGUYỄN THỊ XUÂN	27/02/1999	29010028	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 3.40

NGUYỄN THỊ GIANG	05/11/1999	29016158	Toán: 9.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 8.50 Sinh học: 9.75 KHTN: 7.67 Tiếng Anh: 5.80
BÙI THỊ HUYỀN TRANG	01/04/1999	29015239	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 3.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN CẢNH DƯƠNG	31/08/1999	29012689	Toán: 7.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 8.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 4.00
LƯƠNG VĂN HẢI	10/05/1999	29013530	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN PHÁI	04/12/1999	29008877	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ LINH	22/03/1999	29014541	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 9.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.00
LÊ THỊ QUỲNH	29/03/1999	29014726	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.00
DƯƠNG LÊ THÁI HOÀI	26/09/1999	29009600	Toán: 8.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 8.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 5 Tiếng Anh: 8.60
NGUYỄN CẢNH LỰC	24/02/1998	29015973	Toán: 8.20 Vật lí: 8.25 Hóa học: 6.75
ĐÀO VĂN HIỀN	25/03/1999	29018786	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN ĐÌNH MINH	17/10/1999	29002504	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 5 Tiếng Anh: 7.60
MAI ĐÌNH LONG	01/08/1999	29030532	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 6.00 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.60
VI THỊ PHƯƠNG	12/06/1999	29012883	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	17/11/1999	29025471	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.60
CAO XUÂN KIÊN	24/09/1999	29005084	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN VĂN THƯƠNG	03/11/1998	29006648	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 6.25 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG TRẦN HƯƠNG	27/07/1999	29000704	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.5 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.20

ĐẶNG THỊ HIỀN	18/06/1999	29010393	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.60
CỰ BÁ TU	26/02/1999	29008477	Toán: 1.80 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.00 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN VĂN NHẬN	05/01/1999	29028575	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 9.25 GDCD: 7.50 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM THỊ MINH NGỌC	09/03/1999	29012858	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN THẮNG	18/09/1999	29011070	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 1.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ TÂM	06/10/1999	29007980	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.40
LỮ THỊ NHUNG	27/07/1999	29008385	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	10/07/1999	29027142	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 7.40
NGUYỄN ĐÌNH VĂN	30/09/1999	29021419	Toán: 3.00 Ngữ văn: 1.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 2.25 GDCD: 5.50 KHXH: 3.67 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ THƯƠNG THƯƠNG	16/09/1999	29000560	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.40
ĐÀO THỊ THẢO VY	02/02/1999	29027135	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.75 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 6.60
NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH	06/02/1998	29001764	Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 9.25
NGUYỄN THỊ HỒNG LIÊN	04/10/1999	29023839	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN VĂN TUẤN	06/06/1999	29002669	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.60
PHẠM THỊ HÀ	05/10/1999	29028937	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.00 KHXH: 8.33 Tiếng Anh: 4.40
ĐOÀN THỊ NGÀ	01/04/1999	29029145	Toán: 6.00 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.00 KHXH: 8.58 Tiếng Anh: 5.40

NGUYỄN THỊ THÙY LINH	18/08/1999	29027411	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG	04/11/1999	29015248	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 6.50 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ TRANG	10/02/1999	29030807	Toán: 5.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 5.00
LÊ THỊ AN	04/05/1999	29016054	Toán: 7.40 Ngữ văn: 8.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 6.80
NGUYỄN HOÀNG ANH	30/09/1999	29009053	Toán: 6.20 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ HẬU	19/09/1999	29029889	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.00
ĐẶNG MINH THU	16/02/1999	29006628	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ TRANG	11/07/1999	29017008	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN QUỐC KHÁNH	05/08/1999	29002441	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 9.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 8.80
VŨ DUY HIẾU	13/09/1997	29017676	Toán: 2.40 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.75
TRẦN MẠNH HÙNG	02/09/1999	29014476	Toán: 1.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM THỊ TÚ ANH	23/12/1999	29008607	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.00
TRẦN THỊ HẰNG	12/09/1999	29014405	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM THỊ ĐÀO	09/03/1999	29013111	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 5.50 KHXH: 4.5 Tiếng Pháp: 2.80
ĐINH THỊ HUYỀN THƯƠNG	23/03/1999	29007774	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 5.00
BÙI NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	30/07/1999	29013344	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN THỊ THUY	01/10/1999	29029291	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 6.00

NGUYỄN THỊ YẾN	16/12/1999	29016580	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.40
DƯƠNG ĐÌNH ANH TUẤN	25/08/1999	29020519	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.17 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN THỊ MƠ	01/12/1999	29021184	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 6.25 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 2.60
BÙI XUÂN TUẤN	20/11/1996	29003680	Toán: 3.00 Vật lí: 2.25 Hóa học: 2.50
NGUYỄN KHẮC HUY	03/10/1999	29019457	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.50 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN	01/01/1999	29003015	Toán: 9.20 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 8.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HẰNG	08/01/1999	29017215	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.80
NGÔ GIA LONG	03/12/1999	29026282	Toán: 7.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 9.75 Địa lí: 10.00 GDCD: 8.00 KHXH: 9.25 Tiếng Anh: 5.60
ĐẶNG THỊ NGỌC ÁNH	05/09/1999	29025913	Toán: 6.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 9.20
NGÔ HỒNG PHONG	06/11/1999	29017445	Toán: 4.20 Ngữ văn: 1.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN TIẾN NGUYỄN	12/10/1999	29008858	Toán: 2.00 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ LAN ANH	03/12/1999	29027176	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 4.00
PHẠM ĐÌNH LỘC	22/05/1998	29007180	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.00 Tiếng Anh: 4.00
PHẠM VIỆT TRUNG	06/04/1999	29020164	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 5.00 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ HÀ	05/02/1999	29012007	Toán: 1.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.20
CỤT VĂN ANH	07/09/1999	29008144	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.25 KHXH: 4 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN VĂN ĐOÀN	28/09/1998	29023448	Toán: 8.40 Vật lí: 7.00 Hóa học: 8.25
LÊ CHÂU TUẤN	14/08/1999	29013421	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.83 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.80

NGUYỄN VĂN HẢI	21/01/1999	29008691	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.40
CHU VĂN HỒNG	24/06/1999	29002392	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 8.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN SINH HẢI	23/12/1999	29009104	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 3.92 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.40
THÁI THỊ ANH THƠ	24/06/1999	29002618	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.60
VƯƠNG VĂN DẦN	08/09/1998	29011273	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.00 GDCD: 8.25 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN THỊ TÚ UYÊN	11/11/1999	29003582	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 8.00 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG THỊ VÂN	25/03/1999	29006237	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.00
HÀ VĂN THƯỜNG	20/10/1989	29013847	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.50
LÊ THỊ THANH THÙY	17/11/1999	29001660	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 6.80
LÀU BÁ XO	16/12/1999	29008509	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN VĂN THÁI	04/09/1999	29004621	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ THU HIỀN	24/06/1999	29027303	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
ĐẶNG HỒNG HÀ	31/01/1999	29025013	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ THU HÀ	05/10/1999	29006340	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 8.60
HỒ THỊ HUYỀN THƯƠNG	07/07/1999	29002970	Toán: 7.20 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 8.00 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 4.20
VŨ VĂN LUYỆN	21/12/1999	29005747	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN QUÂN	06/04/1999	29001116	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 2.92 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75
THÁI THỊ HUY	09/07/1999	29001959	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 3 Tiếng Anh: 2.80

NGUYỄN VĂN ĐỨC	22/04/1999	29005573	Toán: 2.00 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 1.00
BÙI HỮU ĐỨC	01/01/1999	29021665	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN TỰU	20/11/1999	29000901	Toán: 9.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 9.50 Hóa học: 9.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 8.08 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN VĂN NINH	18/09/1999	29030178	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN CHÍNH	20/09/1998	29021450	Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 9.50 Địa lí: 10.00
LO BÍCH NGỌC	01/08/1998	29020915	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.33 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 5.00 Tiếng Anh: 2.60
LÔ MẠNH HÙNG	28/03/1999	29025059	Toán: 4.60 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	05/09/1999	29011253	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 5.00
CHU MỸ HẠNH	09/05/1999	29026782	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.08 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 6.20
CAO THỊ HIỀN	16/04/1999	29023176	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ NGỌC	24/03/1999	29005804	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ TÚ OANH	10/01/1999	29009810	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ THUỶ	27/04/1999	29028705	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 5.75 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 4.00
BÙI SƠN BÌNH	20/06/1999	29003706	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 1.00
LÊ TRỌNG VŨ	20/12/1998	29004838	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN ĐĂNG THẾ ANH	27/01/1994	29019655	Toán: 1.60 Ngữ văn: 3.50 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ PHƯỢNG	04/01/1999	29017460	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 5.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 6.20

NGUYỄN NGỌC THỊNH	24/03/1999	29026519	Toán: 10.00 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 9.00 Hóa học: 9.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 8 Tiếng Anh: 4.20
CHÂU THỊ TÚ	26/03/1999	29020513	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	25/09/1999	29009838	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.20
HỒ THỊ KHÁNH HUYỀN	06/12/1999	29016694	Toán: 8.60 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 8.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 5.20
HÀ THỊ LUẬN	14/10/1999	29013625	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 6.75 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 4.20
LÊ THỊ HUYỀN	18/04/1999	29029978	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN VĂN HỮU	02/02/1999	29029051	Toán: 3.20 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ KIM CHUNG	29/03/1999	29023630	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 4.40
PHAN BÁ THƯỢNG	04/01/1999	29002632	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.60
LÊ VĂN LONG	19/03/1999	29011395	Toán: 1.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 3.60
HỒ THỊ MINH PHỤNG	19/03/1999	29016878	Toán: 5.60 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 4.60
LÊ NGỌC CHƯƠNG	09/09/1999	29023125	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 3.60
LƯƠNG THỊ CHENG	21/05/1998	29008531	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 2.00
NGUYỄN QUANG HUY	20/07/1999	29021096	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN NHƯ QUỲNH	06/11/1999	29013320	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Pháp: 3.00
NGUYỄN THỊ NGÀ	14/04/1999	29009214	Toán: 8.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 2.50 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VĂN MẠNH	10/07/1999	29010523	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 9.50 GDCD: 8.00 KHXH: 8.58 Tiếng Anh: 3.20

NGUYỄN THỊ HOÀI VÂN	19/03/1999	29028245	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 6.60
NGUYỄN NGỌC MINH CHÂU	08/06/1999	29025939	Toán: 9.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 7.75 Sinh học: 8.50 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 7.20
PHẠM THỊ LINH CHI	14/07/1999	29025361	Toán: 7.80 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.00 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 6.60
TRẦN THỊ TRÀ GIANG	06/05/1999	29006919	Toán: 7.60 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 7.60
PHAN ĐỨC KHÁNH	07/04/1999	29024371	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 5.75 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 3.60
DƯƠNG ĐỨC THỊNH	03/07/1999	29005307	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.75 KHXH: 8.58 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN VĂN QUANG	05/09/1999	29010610	Toán: 3.40 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.50 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ TÂM	02/04/1999	29000787	Toán: 7.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 8.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 6.08 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 8.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	01/04/1998	29006127	Toán: 6.80 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.50
TRẦN NGỌC TUẤN	16/09/1994	29019836	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.50
TRẦN THỊ LAN	02/01/1999	29001453	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN VIỆT LÃM	17/11/1999	29005087	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ NA	05/10/1999	29020377	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN NHẬT SANG	25/10/1999	29018143	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 2.00 KHTN: 5 Tiếng Anh: 2.40
PHAN NGỌC MAI	04/12/1999	29010959	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 6 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN QUANG HUY	21/06/1999	29024347	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.20
LƯU THỊ HẰNG	14/09/1999	29017214	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.80

LỮ KHÁNH LINH	20/08/1999	29014026	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.00
LÊ XUÂN LỢI	28/05/1999	29015818	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN ĐỨC HÙNG	13/12/1999	29007300	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.33 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 7.40
NGUYỄN THỊ THÊM	05/10/1999	29000537	Toán: 4.20 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM THỊ HỒNG THANH	08/05/1999	29025629	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.92 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.75 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN HỮU TRUNG HIẾU	10/04/1999	29013963	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN TRỌNG HIẾU	14/12/1999	29018464	Toán: 1.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN HIẾU	14/12/1999	29025043	Toán: 7.60 Ngữ văn: 2.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 3.00
ĐINH THỊ LAN ANH	28/12/1998	29011236	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 5.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.80
BÙI THỊ THUÝ	20/10/1999	29016420	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.50 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THÀNH ĐẠT	01/04/1999	29010849	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 2.25 KHTN: 2.92 Tiếng Anh: 4.40
LÊ CÔNG HOÀNG	25/09/1999	29008275	Toán: 2.80 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.40
THÁI VĂN NGUYỄN	28/03/1999	29030153	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.00
VÕ THỊ MINH QUANG	17/06/1999	29012319	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.58 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.40
ĐÀO THỊ THANH HUYỀN	10/09/1999	29017978	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 4.60
PHAN THỊ THÙY LINH	29/08/1999	29003979	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.00
CAO THỊ HIỀN	01/09/1999	29018785	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 5.75 KHXH: 4.33 Tiếng Pháp: 2.80

TRẦN THỊ DUYÊN	17/08/1999	29017149	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 3.80
LÊ CẢNH HÙNG	12/11/1999	29002398	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THANH THIÊN	02/03/1999	29028083	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN QUANG THÀNH	02/02/1999	29002086	Toán: 1.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.5 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.50 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.40
VŨ ANH QUÂN	01/06/1999	29003482	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.42 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN LÊ PHÚ	09/11/1999	29025197	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN ĐỨC BÌNH	06/12/1999	29014306	Toán: 1.20 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 5.75 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.40
TRƯƠNG THỊ SONG	01/12/1999	29011772	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 6.80
NGUYỄN VĂN TRẮNG	16/10/1999	29018223	Toán: 8.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 8.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN QUỲNH OANH	12/02/1999	29016861	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 4.00
LÊ HUY HÙNG	21/04/1999	29006040	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75
CAO VĂN TÚ	03/03/1998	29006216	Toán: 8.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.17
TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG NHI	22/11/1999	29025183	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 2.25 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ THÙY LINH	04/10/1999	29017344	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.60
LÊ VĂN THÁI	30/06/1998	29012592	Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.00
ĐẶNG THÁI DƯƠNG	22/03/1999	29025379	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN VĂN LINH	17/12/1999	29021879	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ THIỆP	30/08/1998	29010678	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.20

NGUYỄN THỊ KIM OANH	25/12/1999	29021979	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ TRÀ MY	18/04/1999	29027461	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.00
ĐẶNG VIỆT TRUNG	19/12/1999	29027072	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN HÙNG	14/10/1999	29002402	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 4.00
LÔ QUÝ ĐỊNH	26/05/1998	29014773	Toán: 7.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.50
VŨ THỊ NGỌC LAN	20/02/1999	29017321	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.25 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN HỮU PHÁP	25/12/1999	29011751	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.60
TRƯƠNG THỊ THU THẢO	30/04/1998	29015141	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.00
NGÔ XUÂN HOÀNG	20/08/1999	29024320	Toán: 6.80 Ngữ văn: 2.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 1.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.5 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN VĂN HƯNG	22/03/1999	29010443	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN THƯỚC	23/06/1999	29012440	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 6.25 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN VĂN BẢO	09/09/1999	29022715	Toán: 5.20 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 3.50 GDCD: 5.50 KHXH: 3.5 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN VĂN TUẤN	03/02/1999	29010006	Toán: 8.40 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN XUÂN Ý	26/08/1995	29021536	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25
LÊ VĂN LỘC	31/10/1999	29030066	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.20
HOÀNG ĐÌNH TUẤN	23/04/1999	29002150	Toán: 9.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 9.75 Hóa học: 9.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 8.08 Tiếng Anh: 6.40
LÊ VĂN SANG	10/01/1999	29018891	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.67 Tiếng Pháp: 4.80
TRẦN ANH TUẤN	25/11/1999	29018256	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.17 Tiếng Anh: 2.40

NGUYỄN VIỆT HỮU	08/12/1999	29030505	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ HIỀN	27/08/1999	29028406	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GD&CD: 9.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN NHẬT HẠ	21/10/1999	29028367	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GD&CD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG HỮU PHÚC	05/09/1999	29018110	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ HUYỀN NGÀ	19/02/1999	29020385	Toán: 8.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 8.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 6 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN HỒ ĐẠT	02/01/1999	29008666	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.25 GD&CD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN THỊ QUỲNH HOA	16/07/1999	29027906	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ TRINH	01/08/1999	29020506	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 3.00
MÙA Y XÔNG	07/09/1999	29025840	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 4.00
VI THỊ LY	25/10/1999	29014580	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GD&CD: 9.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.80
ĐẶNG KIM CHI	08/05/1999	29026737	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.42 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GD&CD: 7.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 9.20
TẠ THỊ NA	18/09/1999	29012840	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.50 GD&CD: 8.25 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN THỦY	27/08/1999	29015198	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 9.00 Sinh học: 8.25 KHTN: 7.92 Tiếng Anh: 4.40
THÁI HỒNG CHÂN	20/07/1999	29012653	Toán: 9.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 7.75 KHTN: 6 Tiếng Anh: 4.20
VÕ QUỐC VIỆT	12/08/1999	29022658	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GD&CD: 7.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN ĐỨC MẠNH	08/11/1999	29004010	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GD&CD: 8.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.60
PHAN ANH NHẬT	08/03/1999	29007367	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.58 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GD&CD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.00

PHẠM THANH TÚ	25/10/1998	29006217	Toán: 4.20 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00
TRẦN THỊ TRÀ	20/11/1999	29017585	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 5.60
LÊ THỊ THU	23/05/1999	29003318	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.80
LÊ THỊ TUYẾT NGÀ	07/12/1999	29007936	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.92 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN HÙNG MẠNH	27/01/1999	29009202	Toán: 8.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 8.00 Hóa học: 9.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 5.80
TRẦN ĐÌNH THẮNG	10/07/1999	29023347	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.60
PHAN VĂN DUNG	29/11/1999	29015483	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN QUANG HIẾU	01/10/1999	29001364	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.20
ĐẬU THỊ HIỀN	17/04/1999	29015595	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN TRỌNG KHANG	13/02/1999	29024365	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.40
LÔ THỊ BÉ	20/05/1999	29013475	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN SƠN	15/02/1999	29027578	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM THỊ YẾN	08/04/1999	29013008	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.25 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 4.40
HỒ SỸ NHẬT	23/12/1999	29017419	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.80
TRỊNH PHƯƠNG ANH	07/09/1999	29023598	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ HƯỜNG	09/04/1999	29011371	Toán: 6.20 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ THƯƠNG	10/03/1999	29020094	Toán: 2.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.50 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 3.40

PHAN VĂN NGỌC	26/06/1999	29017413	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 1.80
TRẦN THỊ KHÁNH HÒA	18/06/1999	29018478	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.00 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ NA	29/07/1999	29018614	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.20
VI THỊ THU HUYỀN	11/05/1998	29012112	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.50 GDCD: 6.25 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ TÚ ANH	18/04/1999	29029706	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.80
ĐÀO TẤT SƠN	17/09/1999	29002064	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 3.60
PHAN VĂN MỸ	07/07/1999	29030559	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 6.40
LÊ ANH TÙNG	22/04/1999	29018264	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
LỘC VĂN HÙNG	10/03/1999	29014472	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.00
HỒ NGỌC HẢI	17/01/1999	29023711	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 4.60
LÊ THỊ LƯƠNG	10/05/1998	29021485	Toán: 8.80 Hóa học: 7.25 Sinh học: 7.50
LƯU VĂN NGỌC	13/10/1999	29002854	Toán: 6.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.83 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.80
LANG THỊ HỒNG LƯU	15/02/1999	29025123	Toán: 8.60 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 7 Tiếng Anh: 4.00
PHẠM THỊ MÙA XUÂN	24/08/1998	29013454	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.17 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 5.50 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.40
CAO THỊ QUỲNH	28/07/1999	29022415	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HẰNG	20/10/1999	29022265	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN TUẤN ANH	21/07/1999	29030372	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 9.25 Hóa học: 9.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 4.80

VŨ MINH LÂM	31/03/1999	29000328	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ TRINH	25/07/1999	29007791	Toán: 4.00 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THÚY NGÀN	27/03/1999	29015901	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 9.00 GDCD: 7.00 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 6.40
LÊ THỊ TRIỆU VY	03/09/1999	29027137	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 6.80
NGUYỄN THỊ THANH	28/07/1999	29025628	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN TIẾN ANH	22/02/1999	29030370	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN VIỆT CƯỜNG	28/08/1999	29022210	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN VĂN ĐỨC	11/11/1998	29005574	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.00
TRẦN VĂN CHIẾN	08/10/1999	29020970	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.80
PHAN ĐÌNH TUẤN	19/07/1999	29020194	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.50 KHXH: 8.75 Tiếng Anh: 3.00
ĐẶNG TRỌNG THỊNH	09/04/1999	29003511	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 3.80
LƯƠNG THỊ NHUNG	16/09/1999	29014087	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.00 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 2.00
VÕ NGỌC LINH TRANG	11/12/1998	29026703	Toán: 6.20 Ngữ văn: 8.75 Tiếng Anh: 9.60
ĐẬU THỊ PHƯƠNG TUYỀN	09/10/1999	29007476	Toán: 8.20 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VĂN AN	15/08/1999	29019175	Toán: 4.20 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.40
PHẠM ĐỨC AN	14/08/1999	29022166	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG THỊ MINH HIỀN	02/04/1999	29012744	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.75 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 5.80

ĐINH THỊ PHƯƠNG	17/11/1997	29007189	Toán: 2.20 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.25
LÔ VĂN TUÂN	24/04/1999	29020182	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.00 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.20
NGÔ THỊ HẰNG	11/01/1999	29030442	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 3.60
ĐẶNG THỊ NHUNG	20/10/1999	29005195	Toán: 8.20 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.25 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 8.20
NGUYỄN THÀNH ĐẠT	06/09/1999	29004382	Toán: 7.60 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN THỊ VIỆT ANH	24/06/1999	29016076	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 6.40
CAO THỊ MẾN	03/01/1998	29005764	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THU TRANG	08/12/1999	29013392	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN ĐỨC TRUNG	25/07/1999	29004757	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.75 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 2.20
VƯƠNG QUỐC NGHĨA	10/10/1998	29021947	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.80
NGŨ VĂN TRƯỜNG	28/11/1999	29023051	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 9.50 GDCD: 6.50 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 3.60
PHAN THỊ HUYỀN TRANG	01/03/1999	29029630	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 3.00
NGÂN VĂN VŨ	01/11/1999	29015358	Toán: 4.60 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 5.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ LÝ	19/06/1999	29011711	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.25 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN PHẠM SONG	08/05/1999	29002910	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 3.40
HỒ PHƯỚC NAM	23/09/1999	29015879	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ THU	28/03/1999	29020056	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.60

UÔNG THỊ VÂN	28/06/1999	29028249	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.20
LÊ THỊ NGỌC LINH	08/03/1999	29012815	Toán: 7.00 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 8.80
PHẠM ĐẠI LỘ	28/01/1999	29007019	Toán: 3.20 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.00
LƯƠNG ĐỨC THẮNG	18/09/1999	29024048	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ LỘC	08/11/1999	29001474	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 6.80
TRẦN THỊ THU THANH	03/09/1999	29004625	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN BÁ TƯỜNG	03/05/1999	29029669	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.50 KHXH: 8.67 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN CHIẾN	27/09/1997	29023436	Toán: 8.80 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.75
NGUYỄN QUYẾT THẮNG	05/09/1999	29009277	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.58 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.60
BÙI THỊ HẰNG	26/10/1999	29017210	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.40
CAO THỊ THỦY TIÊN	02/11/1999	29006655	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ ANH	01/06/1999	29004324	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ THANH	12/02/1998	29026685	Toán: 7.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 7.75
TRƯƠNG THỊ HỒNG NGÁT	23/10/1999	29007939	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN VĂN ĐIỀN	06/03/1999	29021657	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.00
VÕ THỊ THẨM QUYÊN	07/10/1999	29012329	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.40
LÊ ĐÌNH HOÀN	29/10/1999	29018484	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.40

LA THỊ PHƯƠNG	29/10/1999	29020772	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.80
LÊ VĂN CƯƠNG	27/09/1999	29001848	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 7.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 5.20
HOÀNG VĂN SỸ	19/01/1999	29010635	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ LIÊN	05/03/1999	29017331	Toán: 5.00 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.80
LÊ QUANG MINH	25/10/1999	29017378	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.40
BÙI THỊ VIÊN	01/01/1998	29029412	Toán: 6.20 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.75
NGUYỄN THỊ MỸ LINH	28/07/1999	29027408	Toán: 6.40 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN ANH TIẾN	11/01/1999	29030769	Toán: 9.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 4.60
VƯƠNG ĐÌNH THƠM	18/01/1999	29015173	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.80
PHẠM THỊ THÚY NGÂN	22/11/1999	29021197	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.60
TRƯƠNG TRUNG TRƯỜNG	06/12/1998	29004769	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN HỮU TRỌNG	11/11/1999	29025766	Toán: 6.00 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 3.40
VÕ THỊ THÙY TRANG	17/08/1999	29022578	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN BÁ ĐẠT	24/11/1999	29022233	Toán: 9.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 9.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 6.20
ĐẬU SỸ CHIẾN	20/02/1999	29011594	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 5.60
TRẦN THỊ NGÀ	10/01/1999	29007354	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN THỊ ÚT THƯƠNG	17/05/1998	29013072	Toán: 5.60 Ngữ văn: 8.25 Tiếng Anh: 6.40
HỒ TRỌNG MƯỜI	13/05/1998	29015980	Toán: 7.80 Vật lí: 7.75 Hóa học: 6.25

TRẦN VĂN ÁNH	27/02/1999	29022189	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 1.40
BÙI ĐÌNH HUY	09/08/1999	29002404	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 3.60
CAO SỸ LÂN	03/12/1998	29024390	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 7.00
LÊ VĂN NINH	06/11/1998	29019768	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.00 GDCD: 7.25 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN CÔNG TẤN PHÁT	05/09/1999	29030595	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 6.00 KHTN: 6 Tiếng Anh: 5.00
LÊ ĐÌNH TUẤN	21/07/1999	29013422	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM THỊ NHẬT	20/01/1999	29012862	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.50 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ HUYỀN	20/09/1999	29021104	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN HÀ AN	30/11/1999	29004862	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 9.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 6.20
DƯƠNG MINH SƠN	17/11/1999	29021271	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.25 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN SƠN	14/02/1997	29004137	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.00
TRƯƠNG MINH GIANG	12/11/1999	29003786	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN HỮU THẮNG	02/02/1998	29008948	Toán: 2.80 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.00 GDCD: 6.00 KHXH: 4 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG KHÁNH HUYỀN	06/03/1999	29010903	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 3.80
LÊ CÔNG VIỆT	25/07/1998	29011203	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	08/03/1999	29009837	Toán: 9.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 8.75 Sinh học: 8.50 KHTN: 7.67 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN VĂN TRỊ	25/08/1999	29024881	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.75

NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC	03/03/1999	29013257	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 4.80
TRẦN THỊ THANH HẰNG	12/09/1999	29030452	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN VĂN TUẤN	19/09/1999	29017041	Toán: 7.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG THỊ NGUYỆT	04/01/1999	29006534	Toán: 6.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 6 Tiếng Anh: 4.00
VƯƠNG HOÀNG HÙNG	04/01/2000	29009152	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 9.00 Hóa học: 9.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 7.75 Tiếng Anh: 6.60
NGUYỄN TRỌNG HÒA	18/06/1999	29021763	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.40
LÊ VĂN NAM	22/01/1999	29003461	Toán: 2.60 Ngữ văn: 2.75 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.25 KHTN: 2.58 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 5.00 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.40
VƯƠNG NHẬT MINH	27/11/1999	29015037	Toán: 6.60 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 7.50 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN DƯƠNG	10/06/1999	29006898	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.60
ÂU NGỌC LÂM	01/06/1997	29014801	Toán: 6.40 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.25
HỒ SỸ NAM	08/04/1999	29022370	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN ANH QUÂN	22/10/1999	29000495	Toán: 4.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 2.50 GDCD: 6.00 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 4.20
BÙI NGỌC ANH	24/08/1995	29027624	Toán: 2.60 Vật lí: 2.50 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN ANH QUYẾT	09/12/1999	29000498	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.25 KHXH: 8.58 Tiếng Anh: 5.40
HỒ THỊ GIANG	17/07/1999	29016155	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN DUY TÝ	14/07/1996	29021529	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.25
ĐẶNG ĐÌNH NGHĨA	18/02/1999	29020387	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.00
TRƯƠNG XUÂN ĐƯỜNG	12/11/1999	29003779	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.40

ĐẬU THỊ MINH HẰNG	14/04/1999	29000166	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN PHÚC HIẾU	18/01/1999	29016639	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 9.00 Hóa học: 9.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 3.80
DƯ THỊ PHƯƠNG ANH	01/09/1999	29014272	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 8 Tiếng Anh: 3.80
NGÔ THỊ LAM	27/10/1999	29017315	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.00 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ ÚT DUNG	28/10/1999	29000092	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5 Tiếng Anh: 5.40
ĐẶNG VĂN NAM	16/02/1999	29010969	Toán: 7.20 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.67 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN QUỐC AN	06/07/1999	29000010	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.50 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 6.20
TRẦN THỊ TỔ UYÊN	22/09/1999	29025810	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 4.00
LÊ THỊ THẢO	26/09/1999	29002940	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 6.60
NGUYỄN BÁ THIÊN	01/06/1999	29004190	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN VĂN DỤNG	19/04/1998	29008653	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.00
CÙ THỊ HUYỀN	13/02/1999	29006407	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 5 Tiếng Anh: 5.80
TRẦN THỊ UYÊN	16/05/1999	29028790	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 8.50 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ THẢO	15/05/1999	29002943	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.92 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.80
HỒ BÁ ANH DŨNG	07/11/1999	29007244	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.25 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 6.50 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.60
HỒ TRỌNG NGUYÊN	01/06/1999	29010568	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.60
ĐẶNG THỊ THANH TRÀ	15/11/1999	29026533	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 8.75 Sinh học: 8.50 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 7.20

KHA VĂN KY	20/10/1999	29020686	Toán: 2.80 Ngữ văn: 1.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.60
NGÔ THỊ HƯƠNG	24/02/1999	29029506	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 1.75 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 3.80
BÙI THỊ LINH	20/04/1999	29017332	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN HỮU DŨNG	29/10/1999	29003076	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.75 GDCD: 9.25 KHXH: 8.58 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN NHẬT MINH	06/09/1999	29023895	Toán: 8.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM THỊ HOÀI AN	15/06/1999	29004315	Toán: 7.20 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 7.00
HỒ DIỆP LINH	22/12/1999	29023847	Toán: 9.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 8.60
NGUYỄN VĂN HÙNG	08/11/1999	29026150	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.40
HOÀNG THỊ QUỲNH	08/11/1999	29012332	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 3.00
ĐÀO VĂN HẢO	10/01/1999	29000676	Toán: 1.60 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.17 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.40
LÊ ĐĂNG CƯỜNG	08/07/1998	29015920	Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.42 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.20
LÔ KIM LƯƠNG	03/12/1999	29021162	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 2.50 GDCD: 5.50 KHXH: 3.67 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN TRỌNG ĐỨC	20/01/1999	29021671	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.60
LÊ QUANG HIỂN	04/10/1999	29018788	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 3.00
LƯƠNG THỊ NHUẬN	07/04/1999	29014085	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ HỒNG LAM	25/02/1999	29018539	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ LỘC	29/12/1999	29029104	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 3.60

NGUYỄN THỊ HOÀI THƯƠNG	02/05/1999	29004679	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 6.00
LÊ THẾ TỚI	17/11/1999	29001686	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ YẾN	20/03/1999	29003029	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 4.20
LÊ QUANG TRƯỜNG	08/12/1999	29024654	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.40
VI THỊ XU EM	14/08/1999	29020620	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ TRÂM ANH	01/06/1999	29015407	Toán: 6.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN HỒNG QUÂN	28/08/1999	29011467	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.00
TRẦN ĐÌNH KHÁNH DUY	08/07/1999	29023140	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 5.20
CHU VĂN HƯNG	22/05/1999	29004474	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.67 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VĂN SỸ	29/01/1999	29030627	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.60
BÙI THỊ THANH TRÀ	03/10/1999	29028139	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.60
PHÙNG MINH LONG	25/03/1999	29027971	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 5 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	11/12/1999	29003250	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	08/04/1999	29022949	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.60
LÊ THỊ THƠM	01/04/1999	29012417	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN VĂN KIÊN	16/01/1999	29003431	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.5 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.60
LA QUỐC KHÁNH	14/10/1998	29008550	Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.25

THÁI HỮU HƯNG	06/07/1999	29029996	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GD&CD: 8.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.80
THÁI VIỆT SƠN	02/10/1999	29010628	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.00 GD&CD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.40
VỪ BÁ CU	20/10/1999	29008204	Toán: 4.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GD&CD: 5.50 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.80
PHAN ANH HẢI	06/04/1999	29004983	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN VĂN QUÂN	12/06/1999	29002754	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.08 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50
PHẠM THỊ DUYÊN	24/05/1999	29009506	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 2.00 GD&CD: 5.25 KHXH: 3.33 Tiếng Anh: 2.80
PHÙNG VĂN MINH	26/05/1999	29014604	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GD&CD: 7.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.60
PHAN BÁ DUYỆT	06/10/1999	29002706	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.00
HOÀNG THÙY DUNG	27/03/1999	29005529	Toán: 8.00 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.00 GD&CD: 8.00 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 6.80
NGUYỄN XUÂN TRUNG	11/11/1999	29025769	Toán: 7.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ MINH	05/05/1998	29011412	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.00 GD&CD: 7.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN QUANG TRUNG	16/12/1999	29004760	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 9.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 2.60
HỒ THỊ NHƯ QUỲNH	30/07/1999	29007390	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 8.80
BÙI THỊ HÀ	18/09/1999	29003789	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.00 GD&CD: 6.00 KHXH: 4.08 Tiếng Anh: 4.00
LÊ THỊ KHÁNH	16/08/1999	29016723	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 8.50 Sinh học: 7.75 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 4.60
LÊ THANH PHONG	15/02/1998	29000469	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.00 GD&CD: 6.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ HIỀN	11/02/1999	29020279	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.00

TRƯƠNG SỸ HUYNH	12/02/1999	29005063	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 8.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VĂN LINH	28/07/1998	29030044	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN ĐÌNH MẬU	15/01/1999	29021178	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.00 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM THỊ KIM XUYẾN	09/11/1999	29000921	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 5.20
TRẦN HOÀNG QUÂN	01/06/1998	29027730	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.08 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM BÁ PHÚ	15/06/1999	29021226	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.40
CAO THỊ NGỌC	06/12/1998	29013254	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.67 Tiếng Pháp: 3.40
TRẦN THỊ NA	26/10/1999	29029132	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN SỸ HOÀNG	20/02/1999	29012076	Toán: 3.80 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.40
LÊ ANH TÀI	14/12/1999	29002923	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 8.20
TRỊNH HOÀI LINH	30/11/1999	29023864	Toán: 8.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 9.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 3.40
LƯƠNG THỊ BÍCH	21/04/1999	29018731	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.25 Tiếng Pháp: 2.80
ĐINH NAM HIẾU	03/08/1999	29021062	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VĂN ÁNH	30/07/1999	29008614	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN THỊ HOA LÊ	02/11/1999	29021135	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN ĐÌNH BẢO HƯNG	12/05/1999	29009663	Toán: 9.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 9.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 9.40
MOONG VĂN GIÁO	17/03/1999	29008251	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.20

HOÀNG THỊ KIỀU VÂN	12/10/1999	29030922	Toán: 3.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 9.00 GDCD: 7.00 KHXH: 8.33 Tiếng Anh: 4.00
ĐINH THÁI THẮNG	08/07/1999	29023345	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 8.20
NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	20/05/1999	29025919	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.75 GDCD: 6.75 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 6.20
TRÌNH VĂN ĐẠI	24/01/1999	29020988	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.60
LÊ VĂN THÀNH	19/07/1999	29013341	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM TRẦN NGỌC HIẾU	09/12/1999	29016640	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 5 Tiếng Anh: 4.20
ĐẶNG THỊ GIANG	24/10/1999	29001889	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 9.00 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 4.00
LÊ THỊ NGUYỄN	14/05/1998	29002529	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.60
HOÀNG THỊ THIẾT	05/03/1999	29006622	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 7.00
NGUYỄN XUÂN THÀNH	01/04/1999	29026959	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.80
TRƯƠNG VĂN PHÚC	17/08/1999	29001560	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HUYỀN	02/01/1999	29009655	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 6.75 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ THẢO	02/01/1999	29002942	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.75 Sinh học: 6.00 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN ĐÌNH QUANG	24/04/1997	29021499	Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 9.25
TRẦN THỊ HƯƠNG	20/06/1999	29002826	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 3 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.80
LÊ THỊ HẢI DƯƠNG	02/09/1999	29020987	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 1.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 2.92 Tiếng Anh: 3.00
VƯƠNG THỊ THÙY LINH	12/01/1999	29023866	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 8.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 3.00

NGUYỄN DUY LỘC	06/10/1999	29030067	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM THỊ XUÂN	05/01/1999	29011219	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN VĂN ĐỨC	19/07/1999	29022244	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.08 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN HOÀNG NHẬT MINH	12/09/1999	29025142	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 5.80
HOÀNG THỊ NGỌC HIỀN	19/05/1999	29013134	Toán: 6.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 7.00 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 3.60
CAO THỊ QUÝ	02/05/1999	29005852	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 5.20
NGÔ THỊ BÉ	07/06/1999	29012646	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN ĐÌNH TUẤN	05/05/1999	29007802	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.80
ĐINH XUÂN LỢI	10/04/1999	29019578	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 10.00 GDCD: 8.50 KHXH: 9.08 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN QUỐC ĐẠT	08/06/1999	29017162	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN QUỐC VƯỢNG	31/07/1999	29020543	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 1.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 3.25 Tiếng Anh: 3.40
LẠI ĐỨC ANH	29/10/1999	29025338	Toán: 2.80 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 4.00
HỒ XUÂN THANH	24/12/1999	29001146	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.67 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25
NGUYỄN NGỌC ĐỨC	21/05/1997	29026619	Toán: 2.20 Vật lí: 1.50 Tiếng Anh: 3.40
LƯƠNG VĂN NHẤT	29/03/1999	29025568	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.00
TRỊNH XUÂN TRƯỜNG	26/02/1999	29023056	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.00
ĐẬU THỊ DUNG	16/08/1999	29005979	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00

ĐẶNG THỊ LOAN	02/02/1999	29015803	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 4.20
LÊ THỊ NGỌC	01/10/1999	29028563	Toán: 5.40 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN CẢNH TÚ	08/10/1999	29022610	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 3.00
ĐẶNG THỊ THÚY	12/12/1999	29009291	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.67 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 4.20
HOÀNG MINH TIẾN	02/03/1999	29021358	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ THÚY NGÂN	05/05/1999	29006520	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 9.00 Hóa học: 9.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 4.80
KHA VĂN MÃO	26/10/1999	29020708	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ THƯƠNG THƯƠNG	14/06/1999	29006646	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 6.00
HOÀNG VĂN AN	23/11/1999	29027146	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN TRÍ TÀI	19/09/1999	29027592	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH	08/12/1999	29006352	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 6.00
LƯU HỒNG QUÂN	20/08/1997	29012587	Toán: 6.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 3.50
NGUYỄN THỊ THU GIANG	13/08/1999	29005578	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HẰNG	04/03/1999	29022264	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 6.50 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HẰNG	12/11/1999	29002334	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN KHÁNH NGUYỄN	03/11/1999	29022385	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 5.60
PHAN VĂN CƯỜNG	13/01/1998	29010725	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 5.20

NGUYỄN VĂN PHÚ	30/01/1998	29012301	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.00 Hóa học: 2.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 1.60
LÊ THỊ ÁNH	13/10/1999	29005490	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN HOÀNG ANH	15/04/1999	29003692	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN VĂN KIẾN	26/01/1999	29015737	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 1.40
LÊ VĂN MINH	30/01/1999	29030111	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN TIẾN DŨNG	01/11/1999	29006884	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ MÃO	30/08/1999	29001504	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.75 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 5.00
TRẦN MINH NHẬT	29/10/1999	29027499	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM THỊ HÀ	20/11/1999	29015553	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ VÂN	14/06/1999	29018293	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VĂN QUỲNH	21/12/1999	29008118	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 2.25 KHTN: 2.58 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50
NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG	12/05/1999	29009973	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN DANH	24/01/1999	29023643	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 4.80
PHẠM THỊ HUỆ	04/06/1999	29029019	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 4.00
VI VĂN PHÚC	10/05/1986	29014254	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50
NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	26/08/1999	29019188	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 5.00 KHXH: 3.92 Tiếng Anh: 2.80
BÙI DUY HOÀNG	01/04/1998	29019133	Toán: 8.80 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.25
BÙI THỊ MAI LONG	01/11/1999	29015808	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.20

NGUYỄN THỊ LINH	15/03/1999	29027696	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.00
NGUYỄN THỊ HẠNH	25/11/1999	29015569	Toán: 4.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 4.60
HÀ VĂN HIẾU	07/09/1997	29010092	Toán: 3.40 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.00
CỰ Y GUA	06/06/1999	29008260	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 5.75 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 4.00
ĐINH THỊ HƯNG	28/02/1999	29029992	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.40
VI VĂN SỸ	01/07/1998	29019992	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 3.00 GDCD: 5.25 KHXH: 3.17 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN THỊ HUYỀN	21/08/1999	29010441	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 9.00 GDCD: 9.00 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 3.60
ĐẶNG NGUYỄN PHÚC	04/08/1999	29004084	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ THÚY QUỲNH	25/05/1998	29028829	Toán: 3.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.50
PHẠM LÊ TUẤN ANH	30/03/1999	29027826	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 5 Tiếng Anh: 5.80
LÔ THỊ BÉ	18/12/1999	29014301	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.00
LANG THỊ THU	24/09/1999	29025688	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 5.00
VÕ QUANG HUY	24/09/1998	29026645	Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 9.25 Địa lí: 9.75
TRẦN VĂN HƯỚNG	02/02/1999	29028479	Toán: 1.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 5.00
LANG THỊ ĐÀO	14/07/1999	29019287	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN ĐÌNH THẮNG	08/08/1996	29025319	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 9.00
TẶNG THỊ THOA	01/07/1999	29005311	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VĂN TÚ	21/06/1999	29029647	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 9.00 KHXH: 8.67 Tiếng Anh: 4.80

THÁI THỊ HẠNH	01/04/1999	29000674	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.67 Lịch sử: 9.50 Địa lí: 9.75 GDCD: 8.50 KHXH: 9.25 Tiếng Anh: 4.60
NGÂN VĂN CƯỜNG	24/12/1999	29024957	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 3.60
LƯƠNG XUÂN HÙNG	07/09/1998	29029022	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.50 KHXH: 8.33 Tiếng Anh: 3.20
VŨ NGỌC ANH	17/03/1999	29023601	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 5.00
VI VĂN DUY	01/03/1998	29003619	Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.75
HOÀNG THỊ LINH	26/08/1999	29028503	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.20
PHAN CÔNG CHIẾN	17/11/1999	29007230	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 1.40
LŨ VĂN SÁNG	04/06/1999	29014122	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN ĐỨC	20/10/1999	29027261	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 5.20
CHU VĂN LỘC	28/06/1999	29018030	Toán: 9.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 9.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 9.60
LƯU VĂN ƯỚC	23/05/1998	29005467	Toán: 3.40 Ngữ văn: 1.50 Lịch sử: 5.25 GDCD: 7.25 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM TRƯỜNG GIANG	20/05/1998	29011998	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 4.00
NGÔ ĐỨC DŨNG	25/09/1999	29011277	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HIỀN	17/07/1999	29023724	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 7.00 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 3.20
THÁI KHẮC ĐẠT	04/09/1999	29006319	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ THUỶ	05/02/1999	29017552	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ MINH QUYÊN	21/01/1999	29009849	Toán: 2.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.75 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 2.80
VĂN HUY HẢO	19/02/1999	29015572	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.60

PHẠM THÔNG	30/08/1998	29016400	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN QUẾ HÙNG	27/04/1999	29029497	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4 Tiếng Anh: 2.80
TRƯƠNG ĐÌNH SƠN	14/01/1999	29030269	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.25 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VĂN LINH	05/02/1999	29003976	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.25 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ THẢO MINH	25/08/1999	29008829	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 8 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG VĂN HÒA	16/01/1998	29001767	Toán: 6.40 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.50
LÊ XUÂN CHUNG	24/03/1998	29027208	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.20
HÀ THỊ ÁNH	06/07/1999	29013094	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.00 KHXH: 5.5 Tiếng Pháp: 1.80
TRẦN KHÁNH LINH	20/11/1999	29029094	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 4.00
HỒ VĨNH THÔNG	24/11/1999	29000817	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 3.00
BÙI THỊ HOA	05/04/1996	29008068	Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 9.25 GDCD: 7.25 KHXH: 8.25
NGUYỄN THỊ THẨM	11/01/1999	29002606	Toán: 3.40 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 4.40
HỒ THỊ THANH	17/10/1999	29000523	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	01/10/1999	29025643	Toán: 2.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 4.80
HỒ THỊ MAI TRINH	15/06/1999	29017603	Toán: 8.00 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 7.80
NGUYỄN THẾ QUÂN	03/07/1997	29026674	Toán: 4.00 Ngữ văn: 2.75 Vật lí: 2.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.58 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG	15/09/1999	29005617	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN SỸ HOÀNG ANH	18/05/1998	29010042	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.25

HỒ BÁ HẢI	10/05/1999	29016594	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 2.20
HOÀNG VIỆT ĐỨC	11/02/1999	29028350	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 2.20
LƯU ĐỨC HÙNG	09/08/1998	29014473	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN XUÂN SANG	03/11/1999	29008913	Toán: 4.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.20
BÙI THỊ LINH	16/12/1999	29000335	Toán: 4.40 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 8.75 GDCD: 7.25 KHXH: 8.33 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ PHƯƠNG	26/06/1999	29030214	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN NGỌC ÁNH	20/06/1999	29012637	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.40
PHAN THỊ THƯƠNG	26/02/1999	29015216	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	19/01/1999	29025918	Toán: 6.40 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 7.75 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN THỊ HẰNG	04/02/1999	29024288	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM Tú LINH	17/09/1999	29026269	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.08 Tiếng Anh: 3.60
CAO THỊ CHUNG	04/12/1999	29005512	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.50 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN HỮU NAM	10/10/1999	29030119	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 1.60
TRẦN THỊ THU HƯƠNG	15/04/1999	29012794	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.00 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 4.40
PHAN THỊ TRANG	13/06/1999	29020141	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.60
CAO VIỆT HÀ	02/08/1999	29007272	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 6.25 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 4.60
VI THỊ PHƯỢNG	23/09/1999	29014106	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.20

NGUYỄN VĂN QUANG	21/04/1999	29022951	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 8.00
ĐẶNG XUÂN SƠN	12/01/1999	29019981	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VĂN CHIẾN	07/06/1999	29018370	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN HUỖNH	24/11/1999	29021828	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TÂY	08/02/1999	29005276	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 8.20
VÕ THỊ DUNG	08/07/1999	29010311	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ OANH	17/01/1999	29018872	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.83 Tiếng Pháp: 2.20
TRƯƠNG THỊ HUYỀN	18/08/1999	29012788	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG KIM NAM	18/08/1999	29022897	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.50 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	25/05/1999	29003105	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.00
LÊ VIỆT TRƯỜNG	10/05/1999	29017028	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ MAI TRANG	07/10/1999	29024623	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN TRUNG ĐỨC	30/06/1999	29009532	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.5 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.20
HỒ VIỆT ĐẠT	24/08/1999	29010075	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.25
NGUYỄN HẢI MẠNH	07/05/1999	29013230	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 1.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.25 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.00
TRƯƠNG THỊ UYÊN	07/12/1999	29028241	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 4.60
PHẠM TRƯỜNG PHI	16/08/1999	29004560	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 4.20

TRẦN ĐÌNH NGỌC MÃN	01/07/1999	29028539	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ LỆ TRINH	11/07/1999	29019031	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.20
ĐẶNG HOÀNG QUYẾT	20/04/1999	29028039	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 5.80
PHẠM VĂN MINH	05/03/1999	29025546	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.08 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 6.80
LÊ MẠNH HÀ	23/10/1999	29004395	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.80
PHAN THỊ HIỀN	20/04/1999	29021736	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 5.75 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 4.00
LÊ MINH KHIÊM	25/05/1999	29025087	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.80
CAO XUÂN NGỌC	23/11/1999	29006524	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.17 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN QUÂN	06/07/1999	29001117	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.08 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75
NGUYỄN THỊ DANH	02/09/1999	29004918	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN MẬU HƯNG	15/04/1999	29004476	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN HỮU TRUNG	04/12/1999	29013407	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.00 KHTN: 2.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ TRANG	14/03/1999	29022564	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ NGÂN	03/07/1999	29015904	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 5.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
BÙI THỊ NA	18/05/1999	29011420	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ NGỌC	27/10/1999	29016174	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.80
SẦM CÔNG DANH	16/02/1998	29014235	Toán: 4.60 Ngữ văn: 8.50 Tiếng Anh: 8.20

BÙI VĂN THĂNG	28/03/1999	29022439	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.00
LÊ ĐĂNG THỊNH	24/11/1998	29001811	Toán: 8.40 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.75
HỒ BÁ XỒNG	20/08/1999	29008583	Toán: 3.60 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 3.50
LANG ANH NHẬT	29/01/1999	29014083	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ NỤ	14/05/1999	29013680	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.40
LÊ VĂN ĐỨC	30/07/1999	29018410	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.50 KHXH: 8.33 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ HẰNG	06/10/1998	29029875	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.80
ĐOÀN TRUNG HIẾU	28/04/1999	29012054	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.83 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.25 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 3.00
LƯU THỊ THỦY NGÂN	29/07/1998	29026661	Toán: 7.40 Vật lí: 5.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 8.25 KHTN: 7.08
PHÙNG BÁ TÀI	24/01/1999	29002588	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.20
HỒ TRỌNG TRƯỜNG	06/07/1999	29019043	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 4.80
LÊ HỒNG SƠN	26/06/1999	29011773	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ LAN DUYÊN	10/04/1999	29019277	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 6.80
TRẦN ANH TUẤN	30/09/1999	29012521	Toán: 7.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 8.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN XUÂN MẠNH	19/01/1999	29021174	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.40
CAO TRÚC NHI	17/12/1997	29019150	Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75
NGUYỄN THỊ NHUNG	02/08/1999	29004069	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN THÔNG	09/11/1999	29028688	Toán: 9.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 9.50 Hóa học: 9.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 8.25 Tiếng Anh: 4.60

TRẦN VĂN LINH	30/07/1999	29002473	Toán: 2.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.80
HOÀNG ĐÌNH NAM	18/06/1999	29016807	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 7.75 Sinh học: 9.25 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 2.60
BÙI THỊ LINH	06/02/1999	29016749	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 4.20
CAO NGỌC HIẾU	12/09/1999	29024298	Toán: 4.60 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 5.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.40
VÕ CÁT MẠNH	22/04/1999	29009204	Toán: 8.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN THỊ HOÀN	08/12/1999	29000237	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 6.40
TRẦN VĂN ĐỨC	18/09/1998	29005991	Toán: 6.00 Vật lí: 5.25 Tiếng Anh: 4.20
PHẠM THỊ TÔ HOÀI	02/03/1999	29026122	Toán: 8.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 9.50 Sinh học: 9.25 KHTN: 8.25 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN THỊ GIANG	17/03/1999	29027879	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 2.80
ĐẶNG QUANG ĐẠT	28/03/1999	29014918	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 6.60
NGUYỄN KHẮC ĐÔNG	29/09/1999	29010851	Toán: 9.40 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.83 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ TRINH	12/01/1999	29017020	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN VĂN THUẬN	12/08/1998	29017551	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 5.60
LÊ VĂN HUỖNH	23/08/1998	29006047	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.25
LÊ THỊ QUỲNH	07/10/1999	29004118	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 3.00
ĐẶNG VĂN CHINH	17/11/1999	29019234	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	02/02/1999	29026186	Toán: 7.80 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 9.75 GDCD: 8.75 KHXH: 9.17 Tiếng Anh: 6.40
ĐẶNG QUANG TRƯỜNG	19/05/1999	29029339	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.40

ĐẶNG VIỆT LƯỢNG	15/01/1998	29006080	Toán: 7.20 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.25
NGUYỄN TẤT VIỆT ĐỨC	09/06/1999	29023690	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 1.25 KHTN: 5 Tiếng Anh: 1.40
VÕ ĐÌNH VINH	08/05/1999	29008033	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ ANH ĐÀO	19/07/1999	29011622	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 6.50 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 4.60
LÊ VĂN ĐỨC	12/09/1999	29011991	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.80
VÕ THANH TÚ	08/02/1999	29011153	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 3.60
ĐẬU THỊ NGỌC ÁNH	29/09/1999	29014884	Toán: 6.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ QUỲNH NGÀ	15/06/1999	29012252	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN HỒNG HOÀI	01/06/1999	29003400	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.17 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.00 KHXH: 8 Tiếng Anh: 1.60
PHẠM HOÀNG ANH	30/08/1999	29023581	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 5.50 KHXH: 4 Tiếng Anh: 2.20
PHẠM VĂN TOÀN	01/12/1999	29008012	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 7.20
NGUYỄN PHƯỢNG LINH	01/07/1999	29018015	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 7.25 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN VĂN TUẤN	20/01/1999	29012520	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN VĂN THẮNG	19/10/1999	29022988	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.25 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 3.40
BÙI THỊ VUI	17/09/1999	29019106	Toán: 6.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.25 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 4.20
ĐẬU THỊ THẢO	15/06/1999	29022085	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ VÂN	04/01/1999	29019097	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.80

TRẦN ĐỨC VĨNH	14/02/1999	29017064	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 9.75 Sinh học: 10.00 KHTN: 8.75 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ OANH	21/10/1999	29018873	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 1.80
TRẦN THỊ TRÚC NGÂN	31/12/1999	29018860	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 8.75 Sinh học: 8.75 KHTN: 8.08 Tiếng Anh: 7.60
TRẦN NGỌC THẮNG	29/04/1999	29028081	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.00 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 1.60
HOÀNG GIA LUÂN	21/03/1999	29027975	Toán: 9.00 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 7.67 Tiếng Anh: 5.00
PHAN THỊ THU UYÊN	28/06/1999	29007490	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ NGÀ	04/01/1999	29021931	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.60
LƯƠNG VĂN HIẾU	20/11/1999	29027900	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 6 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ HIỀN	04/05/1999	29026088	Toán: 9.80 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 7.80
TRẦN THỊ OANH	07/02/1999	29000464	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.50 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 5.80
PHAN ANH KỶ	19/10/1999	29012147	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ CHÂU	07/11/1998	29000946	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00
TRẦN THÁI HOÀNG	31/12/1999	29017954	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 3 Tiếng Anh: 3.80
PHẠM THỊ HOÀI	26/10/1998	29008731	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 1.60
TRƯƠNG THỊ XUÂN	08/06/1999	29020548	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.60
PHAN MẠNH CƯỜNG	21/08/1999	29024960	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 2.40
ĐẶNG HỒNG QUÂN	13/11/1995	29030341	Toán: 7.60 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.58

NGUYỄN THỊ YẾN	11/11/1999	29018329	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.75 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN HỒNG NHẬT	06/09/1999	29010575	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN VĂN THUẦN	25/11/1999	29004651	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.75 Tiếng Anh: 2.00
PHẠM VĂN YÊN	15/07/1997	29011220	Toán: 2.40 Ngữ văn: 1.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.60
CHU THÙY DUNG	07/11/1999	29003735	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.40
LƯƠNG ĐÌNH ĐẠT	11/12/1999	29010328	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.00
TRƯƠNG THỊ LINH	02/02/1999	29016764	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 4.20
THÁI HỒNG PHONG	21/06/1999	29025196	Toán: 7.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 5.00
HOÀNG TRỌNG BA	07/02/1998	29005960	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.25
ĐẶNG THỊ QUỲNH	09/02/1999	29002051	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 6.00 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 3.20
VÕ ĐÌNH HIỆP	15/03/1999	29001923	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN HUỲNH ĐỨC	24/04/1997	29007172	Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 9.00
ĐẶNG VĂN QUÝ	20/04/1999	29005235	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.60
PHAN NGỌC NAM	05/03/1999	29019623	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.00
TRẦN NGỌC SƠN	27/03/1999	29011483	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.75 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THÙY LINH	02/10/1999	29007919	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 6.40
LƯU THỊ PHƯƠNG	16/02/1999	29020407	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 4 Tiếng Anh: 4.20

TRƯƠNG THỊ MỸ DUYÊN	26/01/1999	29014342	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 5.00 KHXH: 4.08 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG ĐÌNH ĐẠI	19/05/1999	29021636	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.00 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG THỊ ANH TRÚC	07/10/1999	29028749	Toán: 6.60 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN BÁ NAM	21/09/1999	29000418	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN THỊ MƠ	30/01/1998	29012230	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.42 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ CHI	22/09/1999	29019868	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.25 Sinh học: 2.00 KHTN: 2.75 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ GIANG	14/07/1999	29030426	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN ĐÌNH HẬU	04/04/1999	29015592	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG KHẮC HÙNG	23/12/1999	29027677	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 7.50
TRƯƠNG THỊ HẠNH	06/02/1999	29012734	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.80
HỒ THỊ PHƯƠNG LINH	24/01/1999	29025505	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.20
THÁI THANH TRANG	10/05/1999	29025752	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 9.25 GDCD: 7.50 KHXH: 8.5 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG ANH TUẤN	08/03/1999	29007800	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN THỊ HỒNG THẨM	22/06/1999	29024576	Toán: 4.20 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.00
PHAN HUY DIÊN	20/10/1998	29004921	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 3.20
LÊ VĂN SANG	20/03/1999	29005254	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN HỮU TUẤN	30/08/1999	29021408	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.80

VÕ THÀNH AN	03/01/1999	29027807	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 2.20
LÊ VĂN ĐÔ	05/08/1999	29003093	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.40
HỒ SỸ ĐẠT	19/01/1999	29004380	Toán: 6.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.83 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ AN	17/03/1997	29010236	Toán: 2.60 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.25 GDCD: 5.25 KHXH: 4.08 Tiếng Anh: 3.00
VÕ ĐỨC HÙNG	06/08/1999	29013172	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.17 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN VĂN KHÁNH	03/02/1999	29021847	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.00
CHU VĂN DIỆN	15/06/1999	29003732	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN THỊ LY	06/01/1999	29001488	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.60
ĐẬU MẠNH LINH	11/02/1999	29023842	Toán: 6.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 6.25 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 4.20
DƯƠNG THỊ THỦY	07/09/1999	29028104	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.40
VŨ THỊ QUỲNH ANH	10/05/1999	29030375	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 5.20
LÊ THỊ ANH	05/04/1999	29018338	Toán: 2.00 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.00 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 2.60
DƯƠNG THỊ NGỌC	03/11/1999	29018625	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.50 GDCD: 5.75 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯƠNG	10/12/1999	29017459	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.20
LƯƠNG THÚY HẰNG	03/09/1999	29012033	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.80
CHU THỊ HOÀI SANG	11/06/1999	29004126	Toán: 5.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 4.60
CAO THỊ NGÀ	05/05/1999	29005778	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 4.00

NGUYỄN DUY SƠN	20/03/1996	29027738	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.75
NGUYỄN CẢNH LUÂN	28/11/1999	29027440	Toán: 1.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.00
LƯU THỊ HƯƠNG	08/11/1999	29009666	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.00
LÊ HỒNG SƠN	20/05/1999	29005260	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN TÔ HIỆU	09/10/1999	29013146	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 1.20
TRẦN THỊ TRINH	09/09/1999	29005369	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 7.20
LÊ THỊ HOÀI	01/11/1999	29003399	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	11/06/1998	29010184	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 6.75 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 6.40
NGUYỄN THẾ CẢNH ANH	26/03/1999	29002199	Toán: 9.40 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 4.40
PHẠM HỒNG NHẬT	03/02/1999	29010578	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.00 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ LINH	04/10/1999	29018566	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ NGÀ	21/03/1999	29027472	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 9.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 4.60
LÊ ANH TÚ	22/08/1999	29030880	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.00
LÔ THỊ HIỀN	26/09/1999	29014419	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.20
PHAN XUÂN TRƯỜNG	20/10/1999	29005383	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN THỊ HUYỀN	28/02/1999	29022309	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 3.20
DƯ THỊ MỸ TRÂM	04/11/1999	29007446	Toán: 9.40 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 9.00 Sinh học: 9.50 KHTN: 7.92 Tiếng Anh: 4.00

NGUYỄN THỊ THU	12/01/1999	29015177	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.60
VI THỊ NHU	19/05/1999	29014667	Toán: 2.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.75 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.60
CAO THỊ THƯƠNG	15/02/1999	29002967	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 6.50 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 4.00
TỔNG THỊ LINH	05/05/1999	29019556	Toán: 2.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.80
ĐẬU THỊ CẨM LY	01/02/1999	29006081	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00
LƯƠNG THỊ THỦY	19/02/1998	29010796	Toán: 7.60 Vật lí: 5.75 Tiếng Anh: 7.80
TRẦN ĐỨC TIẾN ANH	28/01/1999	29000634	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 2.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.67 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 9.00
ĐINH THỊ KHÁNH LINH	01/08/1999	29026235	Toán: 9.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 9.25 Sinh học: 10.00 KHTN: 8.33 Tiếng Anh: 5.40
TRẦN THỊ THANH THƯỜNG	07/05/1999	29028119	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.60
LÊ THỊ NGỌC	30/10/1999	29022912	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.20
HỒ THỊ NGỌC	10/08/1999	29016833	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN THỊ TÚ ANH	25/04/1999	29023594	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 8.60
NGUYỄN CÔNG SƠN	11/05/1999	29011040	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ HỒNG NHUNG	16/01/1999	29010995	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 2.80
LÊ THỊ PHƯƠNG	01/01/1999	29030204	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 6.60
ĐẶNG CHÂU ANH	07/04/1999	29000012	Toán: 8.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 9.00
CHU TRỌNG HÀO	03/07/1998	29010380	Toán: 3.20 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 3.25 GDCD: 6.25 KHXH: 3.92 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN ANH TÚ	19/05/1999	29022609	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 3.40

TRƯƠNG THỊ KIỀU	29/11/1999	29012145	Toán: 8.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.80
TRƯƠNG THỊ HUYỀN TRANG	06/04/1998	29012484	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.20
HỒ THỊ UYÊN	14/07/1999	29011838	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 8.40
NGUYỄN THỊ LINH	15/06/1999	29021875	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.00 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.20
ĐỖ VĂN TÙNG	26/12/1999	29017044	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.25 Tiếng Anh: 3.40
PHAN THỊ HƯỜNG	09/02/1999	29030007	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN MINH QUANG	15/10/1999	29006564	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ TRANG NHUNG	28/11/1999	29007957	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 6 Tiếng Anh: 9.80
TRẦN ĐỨC KỶ	18/02/1999	29003172	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	18/01/1999	29002131	Toán: 7.80 Ngữ văn: 9.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 6.60
BÙI THỊ LINH	12/10/1999	29030032	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ UYÊN	21/12/1999	29020536	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 9.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 5.00
HÀ THỊ NHI	13/06/1999	29003228	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.80
LÊ NGỌC TẠO	14/08/1999	29009885	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 5.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.60
HOÀNG THỊ HẢI YẾN	12/05/1999	29002683	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 9.00 GDCD: 9.00 KHXH: 8 Tiếng Anh: 5.80
HOÀNG MAI TRANG	17/12/1999	29004713	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.00
LƯƠNG VĂN NGUYỄN	25/03/1999	29013668	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.00 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 3.00

NGUYỄN THỊ THUÝ HẰNG	11/12/1999	29022266	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ NGÀ	19/06/1999	29002022	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 2.80
HỒ THỊ HÀ	27/07/1999	29017895	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM TUẤN DŨNG	01/10/1996	29025254	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.50
NGUYỄN THỊ THU TRANG	17/05/1999	29007436	Toán: 7.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.00 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 8.00
HỒ THỊ THÙY LINH	09/09/1999	29017337	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ DUNG	15/12/1999	29010304	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.80
TẶNG THỊ NHƯ QUỲNH	01/08/1999	29005249	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 3.20
HỒ BÁ CHẢ	30/05/1988	29008528	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75
LƯƠNG VIỆT ANH	01/08/1999	29024916	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 5.20
DƯƠNG THỊ NGÀ	15/04/1999	29007702	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.50 GDCD: 7.50 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.40
PHẠM MINH TUẤN	17/07/1999	29010221	Toán: 1.40 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.00
DƯƠNG PHÚC THỊNH	20/07/1999	29000813	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.58 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 8.40
HOÀNG THỊ MINH HUYỀN	01/02/1999	29021820	Toán: 3.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.75 KHXH: 8.58 Tiếng Anh: 4.40
VŨ NHƯ QUỲNH	27/11/1999	29024553	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.25 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 5.00
HOÀNG TIẾN ĐẠT	08/04/1999	29004379	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ HOÀI	28/09/1999	29002382	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 7.50 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 4.20

CAO THỊ KIM NGÂN	03/05/1999	29019633	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.00
ĐẶNG THỊ NHUNG	10/09/1998	29028014	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 3.40
ĐẶNG THỊ HOA	08/10/1999	29011657	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN VĂN CÔNG	03/09/1999	29014895	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 2.20
PHẠM THỊ LƯỢNG	29/08/1999	29003998	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.20
CAO ĐỨC ANH	28/06/1998	29005947	Toán: 7.20 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 1.75 KHTN: 4.75
CỤT VĂN MẦN	30/05/1999	29020713	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 1.75 Hóa học: 1.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 2.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.00
PHẠM VĂN TUẤN	17/02/1999	29020193	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN CÔNG	05/06/1999	29021594	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.00
TÔ THỊ PHƯƠNG LAN	20/05/1999	29015755	Toán: 1.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.50 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.00
NGÔ VĂN MỸ	01/01/1999	29018854	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.25 Tiếng Pháp: 2.60
LÔ XUÂN TÚ	09/04/1998	29003678	Toán: 2.20 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.25
THÁI VIỆT SƠN	11/04/1999	29010629	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.50 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.80
HỒ CÔNG HOÀNG	16/11/1999	29015647	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 4.60
PHAN THỊ OANH	26/07/1999	29002549	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.00
LÊ ĐÌNH TÀI	19/08/1999	29006159	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50
TRẦN THỊ MINH	07/09/1999	29021914	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 5.00
BÙI DUY TÀI	26/09/1999	29004612	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 2.60

NGUYỄN THỊ HOA	06/04/1999	29021757	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 5.00
BÙI NHƯ QUỲNH	13/08/1999	29011764	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN LONG	04/12/1999	29019572	Toán: 1.60 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.25 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.00
ĐẶNG THỊ TÙNG LÂM	06/12/1999	29026224	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 6.00
NGÔ XUÂN TUẤN	03/07/1999	29012518	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN HỒNG QUANG	18/07/1999	29025212	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.80
TRỊNH THỊ MAI	02/01/1999	29030550	Toán: 7.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 6.50 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ CHIÊN	10/06/1998	29003054	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HỒNG QUYÊN	31/08/1999	29023998	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 8.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 8.00
NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN	17/09/1999	29027122	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN TRẦN TRƯỜNG	27/04/1999	29009997	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 1.80
HOÀNG THỊ OANH	15/12/1999	29007376	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.25 Hóa học: 9.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 8.60
TRƯƠNG THỊ THUYẾT	22/06/1999	29020227	Toán: 5.80 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 5.60
VY THỊ KHÁNH HÒA	02/01/1999	29025441	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 9.25 GDCD: 8.00 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN BẰNG CƯỜNG	04/12/1999	29025968	Toán: 2.40 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.25 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN NAM	22/09/1999	29011424	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ THU THẢO	12/06/1999	29026970	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 6.25 KHTN: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.80

NGUYỄN DUY PHƯƠNG	24/06/1999	29007081	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 4.00
ĐINH NHO MINH	18/12/1999	29023890	Toán: 9.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 5.80
CAO THỊ LƯƠNG	20/11/1999	29011399	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VĂN THUẬN	27/03/1998	29001161	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.08 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00
TRƯƠNG THỊ VÂN	15/03/1999	29004826	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.00
ĐẶNG THỊ CHÂU	06/02/1999	29001839	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ KIM CHI	03/10/1999	29002786	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.5 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.80
VÕ THỊ MINH	20/11/1999	29029545	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 6.25 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN THỊ HUYỀN THƯƠNG	30/09/1999	29025723	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.60
TRƯƠNG ĐẮC MẠI	04/01/1999	29015851	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.75 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.80
CAO XUÂN NAM	03/08/1999	29005774	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THẾ TÙNG	06/12/1996	29027792	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75
PHAN ĐÌNH KHOA	15/06/1999	29014505	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.40
ĐẬU CÔNG DỤNG	29/01/1999	29009503	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 4.00
TRỊNH THỊ GIANG	21/08/1999	29016159	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THIÊN ÂN	04/03/1998	29027184	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.75 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.40
NGÔ THANH HOÀNG	16/10/1999	29017263	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.00

ĐINH VIẾT PHI	10/04/1999	29021224	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG ÁNH DƯƠNG	29/11/1999	29017650	Toán: 1.80 Ngữ văn: 1.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.50
VÕ THỊ PHƯƠNG THẢO	15/10/1999	29029263	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 5.20
LÊ THỊ THƠM	08/03/1999	29029611	Toán: 9.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 9.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN VĂN PHƯƠNG	27/08/1999	29030220	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN CHƯƠNG DƯƠNG	31/08/1999	29028906	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.80
LƯƠNG THỊ THẨM	19/04/1999	29013733	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.00
PHAN THỊ HIỀN	05/11/1999	29028396	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 6.40
ĐÀO VĂN HÀO	07/08/1999	29029470	Toán: 9.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN THỊ THANH TÂM	01/06/1999	29007116	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 6.80
NGUYỄN KHÂM PHÚC TRƯỜNG	16/05/1999	29011140	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.00
ĐÀM THỊ HƯƠNG QUỲNH	25/12/1999	29020430	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ SÂM	10/07/1999	29005876	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 1.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 1.80
PHAN THỊ THAO	03/02/1999	29015123	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN QUANG QUYỀN	20/09/1998	29010169	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.33 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM NGỌC ANH	10/05/1999	29012621	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ TRANG	22/06/1999	29020135	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 4.20

NGUYỄN THẾ ANH	02/07/1999	29024709	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50
NGUYỄN TẤT LÂM	22/01/1999	29008794	Toán: 1.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN ĐĂNG THẮNG	11/09/1998	29001638	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM VIỆT QUÂN	08/08/1999	29021242	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN XUÂN TUẤN BẢO	30/01/1999	29024168	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 7.60
NGUYỄN ANH TUẤN	13/01/1999	29010004	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HỒNG	02/11/1999	29001411	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ HOÀI	27/08/1998	29008733	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN LÂM ĐỨC	23/01/1999	29022753	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 9.50 GDCD: 8.50 KHXH: 8.67 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ HIỀN	19/02/1999	29001351	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN XUÂN NAM	11/01/1999	29016818	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 3.40
HỒ THỊ THUỶ NGÂN	30/01/1999	29015903	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 9.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN QUỐC LỢI	08/06/1999	29020352	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.33 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.00
NGÔ NGỌC PHÚC	02/09/1999	29012305	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN VĂN TƯ	20/10/1999	29004802	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 6.60
NGUYỄN THỊ HẢI	28/10/1998	29006347	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ NGUYỆT	05/10/1999	29000444	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.00

BÙI THỊ LINH	26/11/1999	29005101	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GD&CD: 6.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.80
PHAN THỊ VÂN	05/10/1997	29022159	Toán: 8.60 Hóa học: 8.75 Sinh học: 8.75
CAO HẢI LONG	28/02/1999	29016771	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 7.60
LÊ HỒNG QUÂN	02/01/1999	29004576	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 6.80
VÕ THỊ THẢO NGỌC	08/10/1999	29002855	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN THỊ HIỀN	08/08/1998	29017232	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 5.50 GD&CD: 7.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 5.40
LÊ THỊ PHƯƠNG	15/07/1999	29021999	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.50 GD&CD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.80
LÊ NAM HUY	30/11/1999	29026157	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.00 GD&CD: 8.00 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 8.20
NGUYỄN QUANG TIẾN	05/10/1999	29011092	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 9.00 Hóa học: 9.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 5.60
TRỊNH NGUYỄN NGHI PHƯƠNG	26/02/1999	29026453	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GD&CD: 8.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 6.60
VÕ THỊ THƠM	21/08/1999	29030724	Toán: 1.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GD&CD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN GIA VƯƠNG	19/03/1999	29000915	Toán: 7.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN XUÂN TƠN	21/12/1999	29008013	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN THỊ SOA	18/02/1999	29022041	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GD&CD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM THỊ HÒA TRANG	12/08/1999	29024630	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.25 GD&CD: 8.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 1.80
TRẦN THỊ MỸ LINH	29/11/1999	29013212	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.40
ĐẶNG THỊ LUYẾN	16/08/1999	29010946	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 2.40

VÕ VĂN HUY	08/07/1999	29019462	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 5.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.40
BÙI THỊ LINH	10/11/1998	29015963	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Tiếng Anh: 2.60
ĐẶNG THỊ QUỲNH AN	02/09/1999	29009407	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 5 Tiếng Anh: 5.20
TRẦN ĐĂNG QUANG	23/09/1999	29001574	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN THỊ HIỀN	20/04/1999	29006935	Toán: 5.80 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 9.25 GDCD: 8.75 KHXH: 8.67 Tiếng Anh: 4.80
HỒ PHẠM QUỐC CƯỜNG	08/09/1999	29023637	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 9.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 7.20
LÔ THỊ HƯƠNG LY	04/01/1999	29013632	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.00 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN TRỌNG HẬU	20/06/1999	29008709	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.50 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG NGHĨA MINH	10/09/1999	29007043	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.00
LÊ THỊ ĐIẾP	03/07/1999	29005985	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50
LÊ THỊ THẢO	04/02/1999	29018162	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 7.25 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ LAN	08/10/1999	29021126	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN NGỌC HUY	14/05/1999	29020310	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 3.40
ĐINH BÁ LƯƠNG	09/11/1999	29025122	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 2.25 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	09/12/1999	29012958	Toán: 7.80 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 9.40
NGUYỄN THỊ TRANG	08/02/1999	29023520	Toán: 2.60 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.00
TRẦN THỊ THẢO	18/09/1999	29014151	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.00 KHXH: 8 Tiếng Anh: 4.40
PHAN ĐỨC KỶ	18/07/1999	29012148	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.08 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 4.40

MAI THỊ NGỌC THƯƠNG	27/05/1999	29029296	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ THẢO	06/06/1999	29027611	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.60
CHU THỊ HOÀI	05/07/1999	29004438	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 6.75 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VĂN ĐÀN	16/06/1999	29001873	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 6.50 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 3.20
ĐẬU THỊ HẠNH	19/08/1999	29017205	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.75 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ OANH	28/10/1999	29016863	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ LAM	07/09/1999	29018541	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.25 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ NHÀN	10/06/1999	29019886	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.00
VƯƠNG NỮ TÚ LY	23/12/1999	29026872	Toán: 7.20 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.08 Tiếng Pháp: 8.40
NGUYỄN TRẦN DŨNG	14/03/1998	29009499	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.50 GDCD: 7.75 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ LỆ	22/02/1999	29027397	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.00
LÊ ĐỨC THẾ	25/10/1995	29010191	Toán: 8.00 Hóa học: 8.25 Sinh học: 7.75
ĐÀO THỊ NHUNG	14/04/1999	29019899	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.20
PHAN HỮU NHẬT HOÀNG	24/10/1999	29025053	Toán: 5.80 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 5.00
PHAN THỊ THANH	23/01/1999	29030638	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ HUỆ	16/04/1999	29019442	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HUYỀN	13/11/1999	29029983	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 9.00 GDCD: 9.00 KHXH: 8.67 Tiếng Anh: 4.00

HỒ LINH TRANG	03/09/1999	29027030	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 9.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN NHƯ THẮNG	25/09/1999	29002611	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN ANH TUẤN	08/12/1999	29009355	Toán: 6.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 6.40
PHẠM THỊ HẢI YẾN	12/11/1999	29022683	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ LÀNH	01/10/1999	29028497	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG THỊ KIỀU ANH	23/11/1999	29003690	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.80
LŨ QUỐC KHÁNH	09/03/1997	29020903	Toán: 2.40 Ngữ văn: 1.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.50 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 1.60
NGUYỄN THỊ UYÊN	30/09/1999	29007486	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 1.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 3.80
HỒ THỊ THỦY	18/06/1999	29012932	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN VĂN TÂM	21/04/1999	29003280	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 9.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ BẢO TRẦN	10/09/1999	29027063	Toán: 8.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.75 KHXH: 7.17
NGUYỄN HỒNG HẢI	26/03/1999	29017902	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 7.75 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 5.40
HỒ THỊ UYÊN	21/05/1999	29020869	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.00
NGÔ THỊ PHƯƠNG	13/02/1999	29004089	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 3.20
LÊ THỊ TRANG	10/08/1999	29017782	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 5.75
NGÔ VĂN SOẠN	18/10/1999	29024855	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.50
NGUYỄN XUÂN TÙNG	14/08/1999	29006773	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.40
CAO ĐỨC MẠNH	24/01/1999	29006496	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 6.00 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 8.20

LANG QUỐC KHANH	15/09/1999	29014005	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ THƯƠNG	09/01/1999	29014174	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN TRỌNG VŨ	14/09/1999	29015359	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.00
VÕ VĂN NGHĨA	24/10/1999	29012261	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.60
VÕ PHI HÙNG	07/08/1997	29003631	Toán: 4.00 Vật lí: 2.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.58 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.75 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.00
LÊ THỊ LAN ANH	09/04/1999	29011582	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 2.80
ĐINH VĂN TUẤN	20/07/1999	29017615	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM THỊ PHƯƠNG THẢO	05/01/1999	29015136	Toán: 8.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 8.00 Sinh học: 9.00 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 5.00
HỒ NHƯ QUỲNH	09/11/1999	29012333	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 9.25 GDCD: 8.50 KHXH: 8.67 Tiếng Anh: 5.00
PHẠM ĐÌNH HÙNG	06/04/1999	29001420	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 6.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN MINH ĐẠT	10/06/1999	29017161	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN DOÃN THỰC	12/03/1998	29016026	Toán: 7.80 Vật lí: 6.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.83
NGUYỄN CẢNH THẠCH	29/08/1999	29026500	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.00 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 8.00
LÔ THANH TOÀN	09/02/1999	29013767	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ ÁNH	17/02/1999	29016082	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 4.20
LÊ VĂN LƯU	12/10/1999	29006488	Toán: 9.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 7 Tiếng Anh: 6.00
DƯƠNG HỒNG SƠN	10/11/1999	29005259	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 1.80

NGUYỄN THỊ MINH	09/09/1999	29002505	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN ANH ĐỨC	07/11/1999	29024238	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 5.00
ĐÀO THỊ HIỀN	13/09/1999	29028969	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN SỸ NHẬT QUÂN	30/03/1999	29000759	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.08 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 4.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 7.80
PHAN THỊ THU UYÊN	25/07/1999	29024679	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 5.40
TRẦN THỊ TÚ	11/08/1999	29030887	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 9.00 Sinh học: 8.75 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN NHƯ TUẤN ANH	15/07/1999	29022699	Toán: 9.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 9.00 Hóa học: 10.00 Sinh học: 7.00 KHTN: 8.67 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN THỊ HOÀI	24/09/1999	29028426	Toán: 1.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.00
TRƯƠNG THỊ HUYỀN DIU	04/07/1999	29024964	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 8.00
SẦM THỊ HUYỀN	10/10/1999	29014980	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 2.40
LÊ NGỌC HOÀNG	25/02/1999	29019418	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM THỊ PHƯƠNG THẢO	03/01/1999	29026971	Toán: 8.20 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 8.80
PHẠM THỊ NHUNG	02/04/1999	29004072	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.80
HỒ NGỌC LONG	02/05/1999	29007336	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.17 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 9.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM THỊ VINH	10/05/1999	29011857	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 9.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.80
HOÀNG THỊ HẬU	24/09/1999	29012041	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.60
NGÔ KHÁNH HUYỀN	07/09/1999	29024351	Toán: 2.80 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.60

NGUYỄN THỊ HƯƠNG	25/11/1998	29020668	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.20
PHAN THỊ OANH	02/08/1999	29008874	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN TRUNG TÍN	12/07/1999	29016453	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 4.60
TRỊNH HOÀNG MINH	26/10/1999	29002508	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.40
ĐẶNG LÊ NAM PHƯƠNG	13/11/1999	29026435	Toán: 9.00 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.50 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 9.60
VI THỊ TÂM	05/03/1999	29015098	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 6.75 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 5.00
HOÀNG VĂN LÂM	10/11/1999	29022856	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.40
NGÔ ĐÌNH QUÂN	08/07/1999	29023987	Toán: 9.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 5.20
BÙI VĂN TUẦN	28/07/1999	29017614	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG ANH TÚ	10/05/1999	29028197	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 3.00
LÊ TRÀ MY	07/05/1999	29024466	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 7.20
NGUYỄN HOÀNG HIỆP	02/07/1999	29016630	Toán: 4.80 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 4.60
PHAN THỊ NGỌC	25/05/1999	29009785	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 4.40
ĐẶNG THỊ MAI SƯƠNG	05/03/1999	29000512	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 5.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 5.20
LÊ TUẤN ANH	26/07/1999	29013011	Toán: 1.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.50
NGUYỄN THỊ CẨM	07/04/1999	29000060	Toán: 3.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ THU HÀ	23/11/1999	29021698	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.80

CỰ BÁ KHÙ	10/01/1999	29008305	Toán: 4.20 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.17 Tiếng Anh: 2.60
PHAN THỊ HÀ GIANG	09/01/1999	29025011	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 6.50 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN VĂN HÙNG	20/05/1999	29014972	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 8.75 Sinh học: 6.00 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THẾ ANH	24/03/1999	29019184	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG VĂN TRỌNG	29/06/1998	29003544	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 2.00 KHTN: 3.58 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.50 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.20
BÙI DANH PHONG	11/06/1999	29024516	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.58 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 2.75 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 4.00
PHẠM THỊ QUỲNH TRANG	17/05/1997	29025324	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.75
TRẦN ĐÌNH NHẬT	25/10/1999	29009795	Toán: 4.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.40
LÊ THỊ THÌN	09/08/1999	29012411	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 2.25 GDCD: 2.00 KHXH: 2.33 Tiếng Anh: 1.80
PHẠM VĂN HÀ	01/04/1999	29028938	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ QUỲNH NGA	10/06/1999	29010557	Toán: 2.20 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.00 GDCD: 5.50 KHXH: 3.83 Tiếng Anh: 3.40
LÊ KHÁNH VŨ	15/05/1998	29021534	Toán: 7.20 Vật lí: 6.75 Tiếng Anh: 5.60
LƯU QUỐC DŨNG	08/11/1998	29024732	Toán: 2.80 Ngữ văn: 1.50 Vật lí: 2.25 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.5 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.50
NGUYỄN THỊ HÀ	22/08/1999	29003797	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.25 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 4.20
VÕ ĐÌNH AN	26/04/1999	29012603	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 4.40
LÊ QUANG HUY	10/06/1999	29003411	Toán: 8.60 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 8.25 Sinh học: 8.75 KHTN: 7 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN VIỆT THƯỜNG	02/07/1999	29009954	Toán: 6.00 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 4.60

VĂN ĐỨC TRƯỜNG	04/04/1999	29017029	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 2.40
VŨ THỊ AN	28/07/1999	29016056	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ KIM OANH	20/12/1999	29001106	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.33 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50
HỒ SỸ TÀI	23/02/1999	29013324	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.58 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.40
PHÙNG THỊ LỆ	21/08/1998	29010466	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM ĐĂNG ĐẠT	27/01/1999	29029452	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 2.40
HỒ VIỆT TIẾP	31/10/1998	29027014	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 1.75 Hóa học: 2.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ THÚY QUỲNH	22/09/1999	29017473	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 9.00
NGUYỄN TRUNG HIẾU	26/07/1999	29002364	Toán: 9.60 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 7.50 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 2.80
PHAN THỊ OANH	05/06/1999	29013285	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 9.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 8.40
HOÀNG THỊ THUÝ HẰNG	30/04/1999	29022263	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM THỊ LAN	17/02/1999	29021861	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ DIỆU LINH	24/10/1999	29000348	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN ĐÌNH LỘC	23/03/1999	29022350	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN QUỐC	24/10/1998	29004275	Toán: 9.00 Vật lí: 9.00 Hóa học: 8.50
NGÂN THỊ HÒE	06/05/1997	29014792	Toán: 2.20 Ngữ văn: 7.00
HỒ ĐỨC VIỆT	26/02/1999	29014218	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 5.00 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 2.40

XÔNG BÁ KHÙA	04/04/1999	29020676	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 2.00 GDCD: 4.25 KHXH: 2.75 Tiếng Anh: 1.60
NGUYỄN ANH QUÂN	22/11/1999	29023989	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 5.00
LÊ TRỌNG CHƯƠNG	04/09/1999	29028884	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN VIỆT HÙNG	01/06/1999	29024334	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN ĐÌNH TUẤN	18/11/1999	29002667	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 3.60
ĐẶNG THANH PHÚC	14/02/1996	29019776	Toán: 4.60
PHAN THỊ NGỌC ÁNH	02/12/1999	29012640	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 9.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THÀNH ĐẠT	02/10/1999	29017879	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 2.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ LINH	10/12/1999	29030525	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 7.00 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.60
THÁI THỊ LINH	13/05/1999	29007015	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.60
VANG MINH HIẾU	03/08/1998	29020643	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.75 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 2.20
HOÀNG MINH THÔNG	01/01/1998	29004284	Toán: 7.80 Hóa học: 7.00 Sinh học: 7.25
NGUYỄN TRUNG PHÚC	26/04/1999	29026431	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 7.20
TẠ MINH HOÀNG	21/10/1999	29016664	Toán: 8.60 Ngữ văn: 2.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.80
PHẠM THỊ LINH	20/03/1999	29016761	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 3.20
CAO THẾ CÔNG	14/02/1999	29019238	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ THẢO	10/03/1999	29021308	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.80

PHAN THỊ NHUNG	13/04/1999	29028582	Toán: 5.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THANH TUẤN ANH	13/06/1998	29008995	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 3 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN HÀM THÀNH	10/04/1996	29001804	Toán: 9.80 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.00
HOÀNG THỊ HUYỀN	20/12/1999	29000275	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VĂN MẠNH	25/01/1999	29002498	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN ĐÌNH TÙNG LÂM	18/01/1999	29009694	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 4.40
PHẠM THỊ HÀ	20/05/1999	29004975	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ MỸ LINH	03/04/1999	29027406	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.00 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN ANH TUẤN	07/10/1998	29020189	Toán: 1.60 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 5.50 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ THẢO	05/10/1999	29029602	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 5 Tiếng Anh: 5.00
ĐẶNG THANH HẰNG	27/12/1999	29005609	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 7.20
TRẦN VĂN TÚ	28/08/1999	29020179	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN VĂN HƯNG	01/10/1999	29007897	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN HỮU THẮNG	05/03/1999	29027760	Toán: 3.40 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.75
NGUYỄN QUANG DIỆN	18/03/1999	29021603	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.20
NGÔ MINH THẮNG	27/11/1999	29007135	Toán: 2.40 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 5.75 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN NHƯ HÙNG	28/02/1998	29001026	Toán: 8.20 Vật lí: 7.00 Sinh học: 3.75 Tiếng Anh: 5.20

NGUYỄN TRƯỜNG NAM	04/11/1999	29018857	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 3.40
VÕ THỊ SƯƠNG	08/01/1999	29005890	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 5.75 KHXH: 3.92 Tiếng Anh: 3.80
THÁI VĂN THÀNH	30/04/1999	29030655	Toán: 9.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 9.50 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ HIỆP	01/03/1999	29007623	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 9.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.60
PHAN VĂN TRUNG	19/05/1998	29030863	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN THỊ DUNG	25/09/1999	29019265	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.80
ĐẶNG VIỆT CÔNG	04/05/1999	29022207	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.50 Sinh học: 2.00 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 3.00
ĐÀO CÔNG TÂM	16/06/1997	29001138	Toán: 7.20 Vật lí: 6.75 Hóa học: 8.00
LÊ VIỆT HOÀI NAM	18/08/1999	29002515	Toán: 9.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 6 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN THỊ VI NA	21/01/1999	29010545	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 6.40
NGUYỄN THỊ GIANG	12/07/1999	29021011	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ HỢP	06/09/1999	29017276	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN HỮU DŨNG	10/01/1999	29005537	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 8 Tiếng Anh: 4.00
PHẠM THỊ TRANG	04/05/1999	29001176	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 3.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75
HOÀNG THỊ HẢI	20/05/1999	29010360	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ DIỆU THÚY	09/02/1999	29008005	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 5 Tiếng Anh: 6.60
TRỊNH THỊ DUYÊN	08/02/1999	29022736	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.80

NGUYỄN THỊ TRANG	06/10/1998	29023041	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.80
NGÔ THỊ MAI ANH	17/03/1999	29019183	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 10.00 GDCD: 9.75 KHXH: 9.17 Tiếng Anh: 9.00
NGUYỄN HỮU NHÀN	02/09/1998	29028571	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN CÔNG KIẾT	06/04/1999	29006061	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75
CHU NGỌC QUÝ	11/11/1998	29004276	Toán: 6.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.00
NGUYỄN THỊ THANH NGÀ	29/08/1999	29015898	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 9.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN TIẾN LÂM	10/10/1990	29008084	Toán: 5.00 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN TUẤN ANH	10/08/1999	29002207	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN HẢI ĐĂNG	01/02/1999	29007258	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 7 Tiếng Anh: 5.00
TRẦN THỊ GIANG	20/01/1999	29022762	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 9.00 GDCD: 9.50 KHXH: 8.42 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN LINH	12/12/1999	29027415	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.25 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 2.40
LÊ THỊ LOAN	11/07/1999	29018571	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 4.80
HOÀNG THỊ HẢI	04/06/1998	29001763	Toán: 3.60 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.50
ĐÀO VĂN ĐỨC TÚ	22/10/1999	29002148	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 3.20
LÊ THẠCH NHẬT	04/05/1998	29015993	Toán: 7.20 Hóa học: 7.25 Sinh học: 9.00
NGUYỄN TIẾN HẢI	02/12/1999	29012728	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN ĐÌNH HIỆP	22/02/1999	29001004	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.17 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.75
NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	01/07/1999	29006580	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 4.80

NGÔ THỊ GIANG	08/03/1999	29019319	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN VĂN HẢI ĐĂNG	04/10/1999	29026771	Toán: 6.60 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 5 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN TUẤN ANH	02/08/1999	29007526	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.20
LÊ THỊ NGỌC ÁNH	08/03/1999	29019202	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 5.40
LANG THÁI PHONG	19/01/1999	29025583	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.75 GDCD: 7.50 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 7.20
HOÀNG MẠNH TÚ	30/05/1999	29011147	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 2.60
BÙI THỊ HÒA	02/06/1999	29020647	Toán: 3.60 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.00 KHXH: 8 Tiếng Anh: 5.40
NGÔ TIẾN HOÀN	15/12/1998	29008070	Toán: 7.80 Hóa học: 6.75 Sinh học: 7.25
NGUYỄN THỊ THUỶ LINH	25/02/1999	29018020	Toán: 8.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 8.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 5.20
HOÀNG THỊ TƯỜNG VI	27/09/1999	29029676	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 4.80
TRẦN THỊ THU HÀ	02/05/1999	29014386	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG NGỌC NAM	14/12/1999	29008840	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.80
THÁI VĂN LỢI	10/08/1995	29021484	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00
PHẠM THỊ HẢI	18/08/1999	29005594	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM VIỆT THẠCH	10/10/1997	29027750	Toán: 2.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.50
LÔ THỊ GIANG	05/02/1999	29008248	Toán: 2.00 Ngữ văn: 2.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.00 KHTN: 2.83 Tiếng Anh: 3.00
ĐÀO VIỆT HOÀNG	24/09/1999	29009611	Toán: 9.00 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 9.40
PHAN THỊ NHẬT	27/11/1998	29012280	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 4.40

TRẦN ANH BẢO	27/08/1999	29023617	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 8.25 Hóa học: 2.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 9.00
THÁI KHẮC KIM	16/10/1999	29028491	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 5.60
HỒ THỊ HƯƠNG	01/08/1999	29015707	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 7.00
TRẦN MINH TIẾN	19/09/1999	29027012	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.17 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 9.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ TRANG	26/12/1998	29008137	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 1.25 KHTN: 2.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.25
NGUYỄN THỊ KHUYÊN	03/03/1999	29015732	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.80
HỒ ANH TUẤN	18/03/1999	29018246	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN TUẤN ANH	22/01/1999	29002208	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ BIÊN	28/07/1999	29009073	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 6.25 KHTN: 7 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN THỊ THẢO	24/01/1999	29027616	Toán: 6.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 6.40
HOÀNG THỊ HẬU	01/06/1999	29019364	Toán: 2.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 1.60
TRẦN VĂN NAM	08/01/1999	29030569	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 9.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 3.60
PHAN THỊ TÚ UYÊN	01/08/1999	29012536	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.75 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN VĂN CƯỜNG	03/03/1997	29024959	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ MINH TRANG	26/03/1999	29026546	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 8.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 8.20
ĐÀO THỊ HUỆ	29/12/1999	29014969	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN XUÂN LINH	10/10/1999	29027416	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.00

NGÔ TRÍ TUẤN	23/08/1999	29016516	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 1.20
CHU THỊ THU	07/01/1999	29004202	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 6.40
NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	30/01/1999	29010819	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 4.60
CAO NGỌC KHÁNH	15/10/1999	29025084	Toán: 8.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 2.80
NGÔ SỸ ĐỨC	14/10/1999	29019303	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	10/04/1999	29021437	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN ĐÌNH VINH	01/03/1999	29013001	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 3.20
LÊ HUỲNH ĐỨC	27/11/1999	29004949	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.80
PHÙNG THỊ LAN NHI	02/03/1999	29024507	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.00
HÀ THỊ HƯƠNG	05/10/1999	29012118	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.67 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.50 GDCD: 4.50 KHXH: 3.58 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN THỊ LINH	04/08/1999	29012181	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.33 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ NGÀ	15/07/1999	29025553	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.75 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ LAN	24/04/1999	29011683	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 3.20
HÀ QUỲNH TRANG	24/05/1999	29027027	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 7.00
NGUYỄN DUY VƯỢNG	03/12/1999	29029684	Toán: 6.40 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN DUY VINH	22/05/1999	29029681	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 4.20
CAO VIỆT DŨNG	10/04/1999	29018388	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 1.80

NGUYỄN VĂN CÔNG	07/06/1998	29022099	Toán: 8.60 Vật lí: 7.00 Hóa học: 8.25
ĐẶNG THỌ SÁNG	16/09/1998	29014830	Toán: 5.20 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 3
NGUYỄN BÁ HIẾU	17/01/1999	29020285	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 3.40
THÁI BÁ SƠN	11/01/1999	29001130	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 1.75 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 2.5 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00
HỒ THỊ LIÊN	29/07/1999	29004497	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 2.80
CAO MINH NHẬT	15/10/1999	29026393	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 8.60
HỒ SỸ ANH TÚ	22/10/1999	29015293	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GD&CD: 7.75 KH&XH: 5.5 Tiếng Anh: 3.00
HỒ TRỌNG TUẤN	30/05/1999	29017035	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 2.20
LƯU VĂN DŨNG	12/01/1999	29006882	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.50 GD&CD: 7.50 KH&XH: 5.17 Tiếng Anh: 4.00
PHẠM TRỌNG TRUNG	18/08/1999	29028757	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.40
LÊ XUÂN SANG	17/01/1999	29007393	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN VĂN THIẾT	28/02/1999	29001645	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.25 GD&CD: 7.50 KH&XH: 6.08 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN CAO QUYỀN LINH	10/01/1999	29015004	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN TRUNG HIẾU	05/03/1999	29026101	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 8.00
NGUYỄN THỊ THẢO	07/04/1999	29016362	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GD&CD: 7.75 KH&XH: 6.08 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ TRANG	20/08/1999	29017012	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 3.80
NGÔ NHUNG HẰNG	23/10/1999	29029475	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 6.40

LÊ BẢO NGỌC	15/05/1999	29000733	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 7.33 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.00 GDCD: 8.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.20
VÕ VĂN TRUNG	14/02/1999	29004762	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.75 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ LAN	17/09/1999	29006441	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN VĂN TÍNH	25/01/1999	29013764	Toán: 1.60 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 4.00
PHÙNG THỊ PHƯƠNG	05/01/1999	29027537	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN SỸ TUẤN BẢO	07/01/1999	29026735	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.58 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 6.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ LONG	03/12/1999	29019571	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ HẢI	26/01/1999	29003807	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 4.00
PHAN HỮU ĐẠT	18/07/1999	29027253	Toán: 2.00 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.80
LÔ THỊ THỦY	13/01/1999	29013754	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 6.25 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN CÔNG QUỐC VIỆT	13/08/1999	29017062	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 4 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ NGÂN	12/02/1999	29011727	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 6.00 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 2.40
LÊ HẢI HÀ	01/01/1999	29000669	Toán: 6.20 Ngữ văn: 8.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.08 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 7.40
ĐẶNG TÚ UYÊN	14/06/1998	29024893	Toán: 3.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.00
HOÀNG VĂN BÌNH	12/09/1997	29013822	Toán: 2.40 Ngữ văn: 0.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN DANH HIỆP	21/10/1998	29029902	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 5.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ YẾN	07/06/1999	29018328	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 5.60

LÔ VĂN THÀNH	14/08/1998	29013724	Toán: 2.20 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ TÌNH	01/10/1999	29011527	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.60
LANG VĂN PHÁN	25/07/1999	29003245	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ HÓA	30/04/1999	29029921	Toán: 6.00 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 6.60
NGUYỄN THỊ TRÀ GIANG	08/07/1999	29025009	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 4.00
ĐẶNG HỮU PHONG	17/09/1999	29010596	Toán: 4.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ THOA	20/03/1999	29016396	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.00
ĐẶNG THỊ HƯƠNG	19/11/1999	29002429	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 9.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN ĐÌNH VŨ	27/04/1999	29019105	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ TÌNH	09/10/1999	29006667	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 2.60
LÊ VĂN LĨNH	10/09/1997	29010124	Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 9.50
NGUYỄN THỊ TRÚC	08/12/1999	29016496	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 6.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.80
LÔ TRUNG THÀNH	19/05/1999	29014143	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ ANH	28/07/1999	29004877	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 3.00 GDCD: 8.50 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ LÊ NA	15/05/1999	29007352	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 8.20
NGUYỄN VIỆT KIẾN	04/02/1999	29002833	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.17 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.20
VŨ TẠ MAI HOA	27/02/1998	29003868	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.00

DƯƠNG THỊ PHƯƠNG	12/11/1999	29022942	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.75 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ NGHỆ	16/09/1999	29004040	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ DIỄM	01/09/1999	29027221	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 5.75 KHXH: 3.92 Tiếng Anh: 2.60
HOÀNG THỊ NGÂN	24/04/1999	29016827	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 3 Tiếng Anh: 2.00
TRƯƠNG THỊ TRINH	12/02/1999	29020157	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 9.00 GDCD: 9.75 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ MINH	23/01/1999	29030110	Toán: 7.20 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.75 GDCD: 9.25 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 9.00
TRẦN THỊ NGỌC	02/01/1998	29022129	Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 7.75
VƯƠNG THỊ LAN ANH	28/11/1999	29009447	Toán: 4.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 5.00
TRẦN THỊ LAN	24/10/1999	29019517	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ THƯƠNG	13/09/1999	29006196	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.50
LÔ THỊ SEN	01/03/1998	29003270	Toán: 1.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 4.80
TRẦN VĂN LƯƠNG	09/04/1997	29017364	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 5.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.20
LÊ HÀ PHƯƠNG	03/04/1999	29026440	Toán: 7.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 7.00
VI VĂN ĐẠT	04/05/1999	29020612	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	05/09/1999	29018096	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 5.80
HOÀNG THỊ LÊ NA	06/02/1999	29000726	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.60
LÊ NGỌC ÁNH	11/09/1999	29024933	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 2.50 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 2.00

LỖ Y ĐÁ	30/04/1999	29008237	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	16/06/1999	29027359	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 8.60
NGUYỄN CẢNH THỊNH	19/03/1999	29000814	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 1.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.83 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.25 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.80
LÔ THỊ NGUYỆT	08/02/1999	29013669	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.00
ĐẶNG MINH ANH	10/11/1999	29026716	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.5 Tiếng Pháp: 4.80
VÕ VĂN TUẤN	22/10/1999	29022633	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ TÌNH	06/01/1999	29023028	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.60
ĐƯỜNG THỊ MƠ	16/06/1999	29004533	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG MINH TUẤN	10/05/1999	29025784	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 2.60
LÊ DẦN QUANG	18/02/1998	29014255	Toán: 7.60 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.25
PHẠM THỊ PHƯƠNG	08/05/1999	29022946	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 5.00
HOÀNG THỊ DIỆP LINH	10/04/1999	29026237	Toán: 2.00 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 9.25 GDCD: 8.00 KHXH: 8.5 Tiếng Anh: 4.20
CAO THỊ QUỲNH TRANG	27/07/1999	29005344	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN HỮU THAO	03/08/1999	29025634	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ HẰNG NGA	15/08/1999	29008847	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.80
HÀ THỊ THỦY VÂN	19/05/1999	29013801	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.50 GDCD: 6.00 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN TUẤN HÙNG	30/11/1999	29017970	Toán: 8.00 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 8.50 Sinh học: 7.50 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 6.20

NGUYỄN THỊ ANH THƠ	01/08/1999	29026992	Toán: 8.60 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 8.60
TRƯƠNG THỊ LINH	28/02/1999	29003980	Toán: 7.60 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 7.00
TRẦN THỊ ANH THƯ	20/01/1999	29020480	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 7.00 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 4.80
TRẦN THỊ NGỌC	09/11/1999	29000436	Toán: 4.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN XUÂN QUYỀN	01/01/1999	29014724	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VIỆT AN	10/10/1998	29001738	Toán: 7.80 Vật lí: 4.75 Hóa học: 6.75
NGUYỄN THỊ THẨM	18/03/1999	29009275	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN HUYỀN TRANG	15/06/1999	29022572	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.75 Hóa học: 10.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.92 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ MỸ	01/04/1999	29009764	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THU HOÀI	09/12/1999	29023752	Toán: 9.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 10.00 Sinh học: 9.25 KHTN: 8.67 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN ĐÌNH TIỀN	05/12/1999	29024086	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 9.00 Sinh học: 8.75 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 5.00
TRẦN THỊ NGỌC	08/11/1999	29001092	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.92 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.75
HOÀNG ĐÌNH THÔNG	30/08/1999	29022998	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 4.00
LÊ THỊ HÒA	02/09/1999	29021071	Toán: 9.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 9.75 Sinh học: 9.00 KHTN: 7.67 Tiếng Anh: 6.40
NGUYỄN THỊ DIỆU LINH	11/11/1999	29018016	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ DƯƠNG	18/12/1999	29019285	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ LINH	01/09/1999	29016762	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 4.20

NGUYỄN THỊ HUYỀN TRINH	22/08/1999	29005367	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 7.60
NGUYỄN NHƯ QUỲNH	16/11/1999	29017470	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.20
KHA THỊ SANG	18/05/1999	29003268	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ THU TRÀ	20/05/1999	29011096	Toán: 6.40 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN VĂN ĐẠO	29/09/1998	29028911	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.40
CAO VĂN THƯƠNG	22/11/1999	29006641	Toán: 2.80 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ HÀ VY	25/12/1999	29026593	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 6.75 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 4.80
PHAN THẾ ANH	06/05/1994	29024712	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM THỊ NGÂN	20/05/1999	29005176	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN NHẬT	06/01/1999	29014657	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 5.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.00
VI THỊ HUỆ CHI	12/04/1999	29024949	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 3.40
LƯƠNG THỊ THÙY LINH	03/01/1998	29027404	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 1.60
TRẦN KINH QUỐC	16/07/1999	29023997	Toán: 5.00 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 5.80
VƯƠNG THỊ HIỀN	01/01/1999	29009577	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ TỔ UYÊN	13/09/1999	29011186	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN DƯƠNG	20/07/1998	29002707	Toán: 9.20 Vật lí: 8.75 Hóa học: 7.75 Tiếng Anh: 6.20
VI THỊ NGUYỆT	20/11/1998	29014649	Toán: 1.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 5.75 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.80

LỮ THỊ THẢO	29/02/1999	29015129	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 9.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.80
TẠ DANH TUẤN	10/03/1999	29006229	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50
TRẦN VĂN AN	29/11/1999	29017080	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.75 GDCD: 7.00 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN ĐÌNH QUÂN	22/10/1999	29021244	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 1.25 Sinh học: 1.25 KHTN: 1.92 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.40
VŨ THỊ HỒNG NHUNG	04/05/1999	29004557	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 5.00
LÊ THẠC CẢNH	13/10/1999	29015435	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN THỊ ĐỨC	24/01/1998	29001888	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 7.00 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ HÀ	19/09/1999	29030433	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN MINH SƠN	17/07/1999	29029223	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.80
LANG QUỐC KHẢI	08/05/1999	29023817	Toán: 9.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 6.60
NGUYỄN TRẦN NGÀ	27/09/1999	29009773	Toán: 9.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 9.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 3.60
ĐINH THỊ TRANG	17/12/1999	29028729	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.80
LƯƠNG THỊ NHUNG	13/04/1999	29015057	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.17 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ HÒA	26/10/1999	29028998	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.60
ĐẶNG THỊ QUYÊN	28/07/1999	29026924	Toán: 4.20 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 6.50 KHXH: 6.25 Tiếng Pháp: 7.80
NGUYỄN CHÍ LỘC	30/07/1999	29022878	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 1.60
NGUYỄN THỊ THÙY CHI	28/12/1998	29028880	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.40

LUYỆN THỊ HẰNG	26/07/1998	29003828	Toán: 3.80 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.00 KHXH: 8.75 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN BIÊN	21/05/1998	29004218	Toán: 7.60 Hóa học: 8.00 Sinh học: 8.00
NGUYỄN THỊ HỒNG NGÂN	02/10/1999	29026892	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.92 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.00 GDCD: 6.00 KHXH: 3.92 Tiếng Anh: 2.80
CAO THỊ CẨM TÚ	09/02/1999	29006747	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 9.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 6.00
CAO HỮU SƠN	22/02/1999	29005880	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.20
LÊ KHẮC THỌ	15/12/1999	29001648	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ NGỌC	24/10/1999	29018627	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ ÁNH TUYẾT	16/05/1999	29026578	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 10.00 Sinh học: 8.75 KHTN: 8.42 Tiếng Anh: 8.20
NGUYỄN TRẠCH THÀNH	25/07/1997	29030650	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.80
ĐINH XUÂN KHOA	20/07/1999	29007668	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.75 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM THỊ THẢO	07/07/1999	29006171	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.50
NGUYỄN THỊ HOÀI LINH	22/04/1999	29015790	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.60
HÀ VĂN HOÀNG	02/03/1999	29021785	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN LÊ DÂN	01/03/1999	29004354	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.67 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.75 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM SỸ TÂM	07/07/1999	29026950	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.5 Tiếng Pháp: 3.40
HOÀNG THỊ TRANG	10/02/1998	29005347	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 8.25 Sinh học: 7.75 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN HUỲNH ĐỨC	12/10/1998	29017659	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ DUYÊN	25/09/1999	29027240	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 5.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.20

LÊ VĂN HIẾP	13/06/1999	29003854	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75 GD&CD: 6.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ TRANG	06/01/1999	29007786	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GD&CD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ THÊM	25/08/1999	29022455	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GD&CD: 6.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.20
ĐẶNG THỊ HẰNG NGA	03/01/1999	29000420	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GD&CD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 5.80
TRẦN THỊ HẢI DIỄM	14/08/1999	29004356	Toán: 7.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 7.00 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	26/10/1999	29000926	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 8.25 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 5.00
ĐẶNG THỊ THÙY LINH	03/11/1999	29001458	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.00 GD&CD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.20
VŨ THỊ THU VÂN	14/10/1999	29019098	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ THÚY	03/11/1999	29009293	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 4.60
PHẠM VĂN THẮNG	15/07/1998	29019798	Toán: 2.00 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.25
BÙI THỊ MẶN	10/09/1999	29017377	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.25 GD&CD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	02/12/1999	29009774	Toán: 6.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.25 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ HOA	14/10/1999	29012753	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.00 GD&CD: 9.25 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ HẬU	27/01/1999	29005624	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.00 GD&CD: 6.25 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.80
VƯƠNG ĐÌNH LÂM	14/12/1999	29024389	Toán: 1.60 Ngữ văn: 1.50 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 4.25 GD&CD: 6.25 KHXH: 3.92 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN ĐĂNG KHOA	24/12/1998	29013039	Toán: 8.80 Vật lí: 9.00 Hóa học: 9.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.67
NGUYỄN MINH HIẾU	22/01/1999	29023735	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 5.60

NGUYỄN ĐÌNH DŨNG	30/08/1999	29023648	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 4.80
LÔ THỊ DUNG	19/01/1999	29013497	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM ĐÌNH TÀI	10/01/1998	29029592	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.5 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN THỊ LIÊN	16/02/1999	29028500	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.60
HỒ VĂN VINH	20/05/1999	29015353	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.33 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 5.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.00
BÀNH THÚY HIỀN	27/08/1999	29026085	Toán: 4.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 5.20
ĐẬU XUÂN TOÀN	01/03/1999	29021363	Toán: 4.40 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 9.00 GDCD: 9.00 KHXH: 9 Tiếng Anh: 2.40
HOÀNG THỊ YẾN	23/04/1999	29002684	Toán: 8.20 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 6.00
HỒ THỊ HOÀI THƯƠNG	06/02/1999	29025712	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 8.20
PHẠM VĂN TRUNG	06/04/1999	29028186	Toán: 8.20 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ CHƯƠNG	02/08/1999	29021590	Toán: 1.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.60
LÊ VĂN MINH	18/05/1999	29010759	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.25
HỒ KHÁNH VI	28/02/1999	29018297	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 8.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN HUY HOÀNG	27/07/1999	29027910	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 3.40
ĐẬU NGỌC ĐỨC	14/09/1999	29017883	Toán: 10.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 9.25 Sinh học: 9.00 KHTN: 8.5 Tiếng Anh: 5.40
PHAN THỊ HÀ	27/06/1999	29016590	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 7.60
ĐẶNG THỊ TRANG	21/10/1999	29002638	Toán: 6.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 5.00

THÁI DUY TIẾN	02/05/1996	29030354	Toán: 1.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 5.00 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 2.40
LÊ THỊ HIỀN	19/11/1999	29028397	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.00
CAO THỊ QUỲNH	15/10/1999	29005239	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 4.40
HOÀNG CAO NGUYỄN	31/07/1999	29015050	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 6.20
BÙI VĂN HẢI	03/02/1998	29017199	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN DUY TRƯỜNG	30/10/1999	29029341	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THANH LOAN	23/08/1999	29015806	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN SỸ ĐẠT	28/08/1999	29029802	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.00 KHXH: 8 Tiếng Anh: 5.00
TRẦN TÚ ANH	24/08/1999	29023100	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 6.20
LÊ VIỆT HÒANG	16/03/1999	29026130	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 1.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN THỊ HIỀN	03/07/1999	29001355	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN TUẤN DŨNG	01/01/1999	29023653	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ HỒNG	26/11/1998	29021471	Toán: 4.40 Ngữ văn: 8.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 6.00
NGUYỄN HOÀNG HẢI	22/07/1997	29024755	Toán: 7.60 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.00 Tiếng Anh: 4.20
ĐẶNG VĂN HẢI	23/12/1999	29029856	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN NAM	18/02/1999	29014616	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN ĐÌNH TÀI	01/12/1998	29016006	Toán: 7.20 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.25

NGUYỄN THỊ LIÊN	20/04/1999	29002458	Toán: 8.60 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 8.75 Sinh học: 8.50 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 2.60
ĐẶNG MINH HIẾU	20/11/1999	29023731	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 6.00
LÊ VĂN DUY	17/05/1999	29006886	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.20
LÊ THỊ TRANG	11/06/1999	29001695	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.40
ĐÀO THỊ TRÀ MY	06/01/1999	29026334	Toán: 7.40 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 10.00 GDCD: 7.50 KHXH: 8.5 Tiếng Anh: 6.00
PHẠM THỊ HẰNG	20/02/1999	29018443	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 5.40
THÁI ĐÌNH ĐẠT	08/01/1999	29001879	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN THỊ QUỲNH	10/11/1999	29028620	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.00 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 4.20
LÔ THỊ PHƯƠNG	14/01/1999	29013691	Toán: 3.40 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN QUANG SANG	10/04/1999	29026485	Toán: 8.80 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG TRỌNG VIỆT	23/07/1999	29006803	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ TUYẾT	20/04/1999	29028230	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ HẠNH	17/08/1999	29010374	Toán: 2.80 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.60
VƯƠNG THỊ KIM HOA	02/10/1999	29027324	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THẾ VŨ	23/06/1999	29009395	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ QUỲNH	05/11/1999	29018687	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.25 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.20
TRƯƠNG CÔNG TUẤN	18/02/1999	29000609	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.50 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 1.60

NGUYỄN MINH THƯƠNG	21/12/1999	29028120	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ NGỌC	26/11/1999	29022917	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN THỊ HỒNG HẠNH	15/11/1999	29009110	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN XUÂN ÁNH	18/04/1999	29030377	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN BÁ TOÀN	14/02/1999	29016457	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	18/04/1999	29024493	Toán: 6.40 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 5.20
HỒ THỊ HẰNG	23/02/1999	29016609	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 8.75 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 3.40
CHU THỊ THANH	07/02/1999	29002933	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 8.25 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN CÔNG LÂM	30/04/1999	29003958	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN HIẾU	29/04/1999	29017930	Toán: 6.20 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4 Tiếng Anh: 2.80
HÀ VĂN CƯỜNG	09/11/1999	29013487	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.80
THÁI VĂN TIỆP	20/07/1999	29029309	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.60
BÙI DANH CAO	21/04/1999	29009470	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ NGUYỆT	24/11/1999	29007056	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.80
PHAN VĂN KHANH	26/03/1997	29022120	Toán: 6.80 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.75
LÔ THỊ THƯƠNG	24/01/1998	29020836	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 2.40
LÊ THỊ PHƯƠNG HẰNG	18/12/1999	29023719	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 4.40

PHẠM THỊ THÚY HẰNG	28/11/1998	29026628	Toán: 7.20 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.50
NGUYỄN THỊ THẢO	27/06/1999	29004171	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 4.60
ĐẶNG PHƯƠNG NAM	29/05/1998	29010968	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.58 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 5.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN ĐIẾP	30/04/1999	29008668	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN VĂN DƯƠNG	07/10/1999	29024980	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HOÀI	08/06/1999	29009134	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 9.25 Sinh học: 8.25 KHTN: 7.92 Tiếng Anh: 4.80
LÔ THỊ YẾN	02/05/1999	29025844	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 5.40
MAI VĂN AN	17/03/1999	29000003	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 2.80
HỒ QUANG QUANG	20/11/1998	29016893	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 1.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 2.67 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ QUỲNH MAI	18/01/1998	29013043	Toán: 9.20 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.00
NGUYỄN VIỆT THỨ	28/03/1998	29006194	Toán: 3.20 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.75
HÀ THỊ HOÀI	01/06/1999	29009601	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 5.20
LANG THÁI AN	27/11/1998	29014231	Toán: 6.80 Vật lí: 5.75 Tiếng Anh: 5.20
UÔNG THỊ OANH	22/10/1999	29027525	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.00 KHXH: 8 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ HỒNG ÁNH	05/07/1999	29011915	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 3.40
VĂN THỊ THÚY	16/07/1999	29016440	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.00
TRỊNH THÚY HOÀI	27/05/1999	29019414	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 1.60
NGUYỄN THỊ HẰNG	07/03/1999	29001331	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.20

NGUYỄN THỊ YẾN	11/01/1999	29020225	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.20
VƯƠNG THỊ QUỲNH	20/08/1999	29029208	Toán: 3.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ TUYẾT SƯƠNG	17/05/1999	29028049	Toán: 8.00 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 4.00
NGŨ THANH THẢO	11/07/1999	29012388	Toán: 7.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 5.80
VŨ Y VA	23/06/1999	29008488	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 4.00
ĐỒNG NGỌC ĐỨC	08/07/1999	29012704	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 4.80
NGÔ THÙY TRANG	10/10/1999	29012475	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 9.25 Sinh học: 9.25 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 4.00
LÊ VĂN THÁI	12/04/1998	29007746	Toán: 2.20 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 1.80
PHAN THỊ TÌNH	15/11/1999	29030780	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN KHẮC PHÚC	24/06/1999	29019930	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 9.50 Địa lí: 9.25 GDCD: 8.75 KHXH: 9.17 Tiếng Anh: 3.20
PHAN THỊ AN	23/08/1999	29011884	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.33 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.80
LÊ THỊ LINH	14/01/1999	29027402	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ THANH	08/07/1999	29009267	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	18/06/1999	29023053	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 1.40
NGUYỄN THỊ TÚ LÀI	06/09/1999	29027391	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.80
HOA Y KHÁCH	02/08/1999	29008297	Toán: 1.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.00
LƯƠNG THỊ HẰNG NGÀ	07/10/1999	29000727	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.08 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 5.00

NGUYỄN QUANG TUẤN	04/09/1999	29024123	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 4.20
VŨ THANH QUÂN	24/08/1999	29016275	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN LONG	28/02/1998	29016775	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG PHI THẮNG	07/03/1999	29016376	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ LINH CHI	28/08/1999	29009477	Toán: 9.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 9.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 3.40
HỒ SỸ ĐÀN	24/04/1999	29005552	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.20
PHAN THỊ HIỀN	22/07/1999	29028403	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HOÀI	09/08/1999	29016652	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 4.00
BÙI VĂN CHUNG	28/04/1999	29021586	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN DUY QUÂN	16/10/1999	29023496	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.25
TRƯƠNG CÔNG THẮNG	01/10/1999	29020464	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4 Tiếng Anh: 3.20
THÁI KHẮC TUYẾN	20/10/1999	29000895	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.42 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 4.20
TRƯƠNG VĂN MẠNH	04/02/1997	29001072	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.50 Tiếng Anh: 7.00
LÂM HƯƠNG TRÀ	26/06/1999	29027019	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.00
LƯƠNG THỊ PHI NHUNG	20/04/1999	29020757	Toán: 2.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HẰNG	03/07/1999	29029873	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN NAM	22/03/1999	29002020	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 3.00

LÔ THỊ THẢO	30/09/1999	29003288	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.25 GD&CD: 7.50 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ LAN HẠNH	16/02/1999	29003819	Toán: 4.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 9.50 GD&CD: 7.50 KHXH: 8.33 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG THỊ PHƯƠNG	16/01/1999	29030203	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.25 GD&CD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN VĂN DŨNG	01/06/1999	29002273	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.50 GD&CD: 8.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN MÃO	23/05/1999	29018042	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ MINH SANG	18/08/1999	29002057	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 5.80
PHAN THỊ NGỌC MAI	08/10/1999	29005143	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GD&CD: 8.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN ĐỨC TIẾP	11/11/1999	29024089	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 8.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 8.60
NGUYỄN THÁI SƠN	22/04/1999	29024013	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 5 Tiếng Anh: 6.80
HỒ THỊ NGÀ	08/07/1999	29017724	Toán: 2.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00
NGUYỄN THỊ HUYỀN	16/05/1999	29029984	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GD&CD: 7.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.00
ĐINH THỊ THƯƠNG	17/05/1999	29008133	Toán: 1.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.08 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.25
HOÀNG GIANG	28/04/1998	29005993	Toán: 5.20 Vật lí: 5.75 Hóa học: 3.25
NGUYỄN VĂN HÙNG	25/12/1999	29001419	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25 GD&CD: 8.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN VĂN QUỲNH	23/01/1999	29016292	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.50 GD&CD: 7.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.20
TRƯƠNG VĂN HÒA	24/01/1999	29019406	Toán: 1.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GD&CD: 6.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ THÙY DUNG	11/10/1999	29011967	Toán: 2.20 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.75 GD&CD: 8.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.60
TÔ VĂN TUẤN	13/02/1999	29005394	Toán: 1.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.25 GD&CD: 5.25 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 2.80

TRẦN THỊ NGỌC LÀNH	02/09/1999	29009690	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.20
LÊ HỒ NGUYỄN HUY	13/05/1999	29003910	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ LỘC	01/07/1999	29020349	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	05/11/1998	29024900	Toán: 7.80 Hóa học: 7.00 Sinh học: 8.25
HOÀNG BẢO MINH	17/10/1999	29007042	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.60
VI VĂN KIÊN	25/03/1999	29014995	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 6.25 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ VÂN	17/02/1999	29001733	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN THỊ THƯƠNG	02/12/1999	29020093	Toán: 3.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 6.20
VÕ THỊ CHÂU	01/08/1999	29006864	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.00
NGÔ XUÂN QUANG	04/03/1999	29007384	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 5 Tiếng Anh: 4.00
BÙI VĂN DŨNG	18/08/1998	29000961	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 7.00
HOÀNG THỊ THU TRANG	23/10/1999	29016465	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN GIA HIẾU	02/02/1999	29023186	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.08 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.75 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.40
PHẠM THỊ THẨM	31/03/1999	29002608	Toán: 7.80 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 8.40
HOÀNG NGUYỄN TỊNH	04/03/1999	29016995	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	08/02/1999	29021547	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ THANH	03/07/1999	29007987	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 2.40

NGUYỄN HỒNG HẠNH	29/09/1999	29026061	Toán: 7.40 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 8.80
LÊ THỊ THƠ	10/10/1998	29016402	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 5.75 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 1.80
NGÔ MINH HOÀNG	20/02/1998	29003625	Toán: 6.60 Vật lí: 3.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 7.25 KHTN: 6
LÊ THỊ HOA	14/05/1999	29021068	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.25 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 3.40
ĐINH THỊ HẢI ĐĂNG	19/08/1999	29014355	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.50 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 4.20
PHAN TRỌNG TRUNG	04/06/1999	29030862	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.75 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.60
LÊ THỊ HẰNG	06/11/1999	29012030	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 4.80
TRẦN THỊ NHƯ QUỲNH	08/04/1999	29026929	Toán: 8.80 Ngữ văn: 9.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 8.80
LÊ VŨ MẠNH	07/12/1999	29015854	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.80
KHA THỊ MINH	26/12/1999	29014602	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.00 GDCD: 5.75 KHXH: 3.92 Tiếng Anh: 2.60
LỖ BÁ HÙNG	25/04/1998	29008548	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 6.40
HOÀNG THỊ LÊ	20/05/1999	29005716	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 4.20
NGÔ THỊ THANH	21/10/1999	29002082	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM VĂN TRÃI	13/09/1999	29022544	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.20
PHAN BÁ ĐẠT	15/07/1999	29002284	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.75 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 2.40
PHAN VĂN MẠNH	16/12/1999	29005146	Toán: 8.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 3.20
VÕ VĂN DINH	25/06/1999	29012671	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.20

HOÀNG TRỌNG LÂM HUỖNH	09/09/1999	29000292	Toán: 3.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.00 GD&CD: 6.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 4.20
TRƯƠNG HOÀNG MINH HIẾU	27/07/1999	29014956	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN XUÂN HIỆP	07/02/1969	29013033	Toán: 3.40 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.75
NGUYỄN TRUNG KIÊN	12/05/1998	29026650	Toán: 6.20 Vật lí: 6.25 Hóa học: 3.75 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN DANH THUẬN	27/06/1999	29001160	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.42 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.50
TRẦN THỊ BẠCH YẾN	08/03/1999	29019120	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.25 GD&CD: 8.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	21/07/1999	29012507	Toán: 1.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 2.92 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GD&CD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ HIỀN	13/10/1999	29022268	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 6.00 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 3.20
LƯƠNG THỊ MỸ HẰNG	03/09/1999	29012032	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.00 GD&CD: 7.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ HẢO	12/04/1999	29002328	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 4.20
PHẠM THỊ THANH THUỶ	05/01/1999	29017553	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.25 GD&CD: 5.25 KHXH: 4 Tiếng Anh: 2.60
PHẠM THỊ TUẤN PHƯƠNG	15/07/1999	29024531	Toán: 6.00 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GD&CD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 6.80
NGUYỄN CÔNG PHƯƠNG	26/09/1999	29022001	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25 GD&CD: 8.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.60
HOÀNG HUY THẮNG	04/10/1998	29001807	Toán: 5.60 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.00
NGUYỄN THỊ VÂN ANH	07/09/1999	29020936	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 6.50 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN VĂN KHẮN	23/01/1999	29030512	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ TUYẾN	06/08/1999	29004794	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GD&CD: 8.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.20

NGUYỄN THỊ GIANG	11/11/1999	29028925	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 5.00
PHẠM THỊ THÙY LINH	04/10/1999	29007014	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.60
PHAN HẢI ĐĂNG	02/01/1999	29007575	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.08 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ VINH	05/03/1999	29004834	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.60
TÔ THỊ KHÁNH	16/08/1999	29018533	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.75 GDCD: 6.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 4.20
BÙI VĂN NGHĨA	22/10/1999	29025557	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.50 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VIỆT HOÀNG	06/03/1999	29021082	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ QUÝ	05/08/1999	29013312	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	06/07/1999	29002644	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.20
LÊ THỊ THU SANG	22/02/1999	29000505	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 3.00 GDCD: 7.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN DANH TÚ	01/07/1999	29030886	Toán: 9.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 9.50 Hóa học: 9.50 Sinh học: 7.00 KHTN: 8.67 Tiếng Anh: 4.40
LÀU BÁ KHÙA	06/12/1998	29020675	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.40
HOÀNG THỊ TÂM	07/04/1999	29004151	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.25 GDCD: 7.00 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN CÔNG TÂM	20/11/1999	29002075	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 6.40
LÊ ĐỨC QUÝ	06/07/1999	29015070	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ PHƯƠNG	08/06/1999	29001566	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	06/03/1999	29026544	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 8.25 Sinh học: 8.50 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 6.60

NGÔ VĂN NHẬT	07/02/1999	29001098	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 1.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 2.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.00
NGUYỄN THỊ MAI HƯƠNG	09/09/1999	29005686	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.00
NGÔ SỸ HOÀN	28/02/1999	29029929	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.00
PHAN THỊ HẰNG	06/01/1999	29025424	Toán: 1.60 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ THUÝ UYÊN	26/05/1999	29020535	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 5.20
LÊ THỊ PHƯƠNG	15/12/1999	29025589	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.58 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 6.20
ĐẬU THỊ THƯƠNG	10/03/1999	29029295	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 1.60
THÁI THỊ HUẾ	18/02/1999	29029956	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.80
ĐỖ THỊ THẢO NGÂN	06/03/1997	29026660	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.75 Tiếng Anh: 8.60
NGUYỄN THỊ THANH	19/07/1999	29016342	Toán: 6.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.50 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 6.80
ĐINH VĂN TIẾN	05/06/1999	29007157	Toán: 4.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ NGÀ	04/11/1999	29028557	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN CHIẾN	04/09/1999	29005509	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.40
ĐINH XUÂN AN	25/07/1999	29021537	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.40
HỒ THỊ THỦY TIÊN	27/08/1999	29016448	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ DIỆU LINH	02/08/1999	29010931	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 8.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ HÀ VI	30/07/1999	29024139	Toán: 7.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 1.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 8.25 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 3.00

NGÔ THỊ HẰNG	12/11/1999	29028952	Toán: 4.60 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 5.20
LÊ HỮU HÙNG	10/05/1998	29019445	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN ĐỨC THÔNG	11/07/1999	29004197	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN ĐỨC MẠNH	07/01/1997	29019144	Toán: 8.60 Hóa học: 7.25 Sinh học: 8.00
NGUYỄN THỊ YẾN VI	20/07/1999	29028251	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.80
HỒ THỊ DUNG	05/10/1999	29007554	Toán: 4.20 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ KIM LIÊN	16/09/1999	29024792	Toán: 1.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 1.00 KHTN: 2.17 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.00
CAO HẢI ĐĂNG	02/04/1999	29007257	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 2.40
VŨ CÔNG MINH	08/08/1999	29008834	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN HỮU NGỌC SƠN	25/08/1999	29002067	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 3.20
TẠ VĂN QUANG	27/02/1999	29009840	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.17 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.60
PHẠM TRỊNH NGỌC QUỲNH	12/11/1999	29025221	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 4 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN CÔNG CHUNG	08/12/1998	29008046	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.58 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50
NGUYỄN HUY HOÀNG	28/09/1999	29008739	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.20
ĐẬU NGỌC THỊNH	20/07/1998	29019801	Toán: 7.60 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.00
PHẠM THỊ TÚ ANH	02/11/1998	29014284	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.00 KHXH: 4.08 Tiếng Anh: 2.40
PHẠM XUÂN QUANG	08/08/1999	29014708	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.40

NGUYỄN THỊ THỦY	30/07/1999	29017558	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN HƯNG	27/06/1999	29001966	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 6.25 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ NGỌC	21/05/1999	29004046	Toán: 6.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG THỊ NGÀ	11/02/1999	29008844	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.60
LÊ BÁ NGHĨA	28/07/1999	29015907	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.50 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.60
VÕ VĂN ÁNH	24/07/1999	29006266	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
LƯƠNG THIẾU LÂM	30/07/1999	29013604	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM THỊ THÙY LINH	17/09/1999	29009716	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.40
TẠ QUANG TUYẾN	21/02/1999	29020529	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 8.00 Sinh học: 8.25 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 6.80
HOÀNG HOÀI LÂM	18/05/1999	29017324	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THANH HIỀN	23/02/1999	29009572	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN HÀ THƯƠNG	29/04/1999	29027004	Toán: 8.60 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.08 Tiếng Pháp: 7.80
LƯU XUÂN MÃO	24/09/1999	29004014	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HƯỜNG	26/05/1999	29006051	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.50
NGUYỄN VĂN SAO	01/03/1999	29011769	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 8.40
NGUYỄN THỊ THẢO	01/11/1999	29022433	Toán: 6.40 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 4.40
ĐẶNG THỊ LAM	22/04/1999	29001450	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 5.20

TRẦN QUANG HUY	14/12/1995	29027681	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.00
HỒ THỊ NGƯ	11/10/1999	29016192	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 7.80
NGUYỄN THỊ MAI PHƯƠNG	04/11/1999	29002557	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 5.00
PHAN THỊ TRANG	10/01/1999	29028733	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
LÊ VĂN ĐỖ	19/06/1999	29007585	Toán: 5.80 Ngữ văn: 2.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ OANH	08/02/1999	29027524	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.20
VI VĂN ĐỨC	04/11/1998	29013828	Toán: 5.80 Vật lí: 7.50 Hóa học: 5.75
NGUYỄN THỊ HOÀI	12/01/1999	29002381	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 7.00
CAO VĂN THẮNG	25/02/1999	29013354	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 3.80
CAO THỊ HẰNG	03/02/1999	29003121	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.60
LÝ TRUNG VĂN	26/01/1999	29018283	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM BẢO LONG	27/02/1996	29025285	Toán: 1.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.75
BÙI THỊ HẰNG	26/09/1999	29015573	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ LINH	03/06/1998	29028820	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.00 Tiếng Anh: 7.40
NGUYỄN VĂN NHẬT	10/03/1998	29011442	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.25 GDCD: 7.00 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ AN NA	23/12/1999	29004027	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN TUẤN ANH	22/04/1999	29006841	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN CÔNG	13/10/1998	29002248	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN THỊ KIM DUNG	25/11/1999	29011276	Toán: 5.20 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.75 KHXH: 8.75 Tiếng Anh: 3.00

LƯƠNG MINH HIẾU	10/01/1999	29025040	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 4.80
TRẦN HỒNG QUÂN	01/02/1999	29027549	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.40
THÁI THỊ LÀNH	06/03/1999	29030520	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN THỊ NGỌC	18/07/1999	29029550	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 4.00
ĐINH THẢO NHI	15/11/1999	29012281	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 2.20
PHAN THỊ HOÀI	28/08/1999	29028427	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN VĂN MẠNH	07/07/1999	29008823	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.25 KHXH: 4 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN THỊ PHƯƠNG	15/09/1999	29029568	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 4 Tiếng Anh: 3.80
VÕ VĂN SỸ	01/04/1999	29002920	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.67 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.80
ĐÀO THỊ HỒNG VY	10/11/1999	29013005	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.80
VÀ Y DÍ	06/06/1999	29020591	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ LOAN	24/03/1999	29003984	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 3.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 1.20
NGUYỄN VĂN SƠN	14/08/1999	29001128	Toán: 2.80 Ngữ văn: 2.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.17 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.50
NGUYỄN VĂN TUẤN	16/01/1999	29030898	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 2.20
HỒ VĂN SƠN	20/10/1999	29007105	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.20
CAO VIẾT LÂM	07/01/1999	29005712	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN MẠNH QUÂN	28/03/1999	29018129	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 9.75 Sinh học: 8.75 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 6.40

LƯƠNG THỊ LINH CHI	05/07/1999	29003052	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.00
BÙI MẠNH LÂM	19/05/1999	29018542	Toán: 1.80 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN ĐỨC NHẬT LINH	02/10/1999	29011387	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 5.50 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ VÂN ANH	11/10/1999	29025344	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 8.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.92 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 8.80
ĐẬU THỊ NHẬT HUYỀN	06/11/1999	29026170	Toán: 8.00 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 8.80
NGUYỄN THỊ THỦY	07/10/1999	29010689	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.00 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ HẠNH NGUYỄN	10/12/1999	29028008	Toán: 5.80 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ HẰNG NGA	05/10/1999	29028556	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 5.80
TRẦN HOA CÚC	14/02/1999	29019873	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN ĐĂNG HUY	09/12/1999	29026159	Toán: 9.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 9.20
VƯƠNG ĐÌNH MINH	09/07/1999	29029126	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.20
PHAN THỊ QUỲNH PHƯƠNG	26/01/1999	29022948	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.75 GDCD: 7.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.40
THÁI THỊ THÚY	17/03/1999	29005326	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	16/11/1999	29011589	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 8.25 KHTN: 7 Tiếng Anh: 6.00
LỮ THỊ NGỌC HUYỀN	11/06/1999	29025074	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 6.80
TRẦN THỊ HẰNG LIÊN	30/03/1999	29017702	Toán: 1.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 3.75
NGÔ MINH NGUYỄN	26/03/1999	29012269	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.40

NGUYỄN DUY VINH	18/01/1996	29029413	Toán: 8.40 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.25
KIỀU THỊ HỒNG	27/01/1999	29003893	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.20
VÕ TIẾN HUY	05/08/1999	29025463	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 6.80
NGUYỄN THẢO NGUYÊN	10/07/1999	29006529	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 8.80
NGUYỄN THỊ HÓA	06/09/1998	29001391	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM VĂN CAO	04/02/1999	29028876	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.25 KHXH: 8.33 Tiếng Anh: 4.00
CAO VĂN HẬU	07/10/1999	29005003	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	08/07/1999	29023292	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 4.20
LÔ VĂN DƯƠNG	07/07/1999	29003085	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.25 GDCD: 7.75 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN ĐÌNH THÁI	15/01/1999	29009894	Toán: 4.80 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN THỊ THƯƠNG	18/08/1999	29030763	Toán: 9.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 8.50 Sinh học: 9.50 KHTN: 8 Tiếng Anh: 5.80
HÀ THỊ NA	11/10/1999	29019614	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.20
PHAN ĐIỂM TRINH	24/09/1999	29005368	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN QUỲNH HOA	08/11/1999	29010889	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.08 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	11/02/1999	29009183	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 4 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG THỊ MINH	15/01/1999	29016799	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 4.40
PHẠM LÊ HÀ	03/09/1999	29005586	Toán: 9.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 9.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.00 KHXH: 8.5 Tiếng Anh: 6.40

HOÀNG VĂN THUYỀN	25/12/1999	29018972	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.25 Tiếng Pháp: 3.60
NGUYỄN TRẦN QUANG	10/08/1998	29008114	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.67 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25
TRẦN THỊ HẢI YẾN	17/08/1999	29022685	Toán: 9.00 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 8.00 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN VĂN HIẾU	22/01/1999	29014434	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THÁI NGUYÊN	19/12/1999	29003220	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5 Tiếng Anh: 4.20
LỘC THỊ HỒNG ÁNH	28/03/1999	29024934	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN HỮU LÝ	25/01/1999	29001998	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 4.00
ĐÀO VĂN THẮNG	20/12/1998	29021515	Toán: 8.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 6.00
ĐẬU THỊ THỦY	16/02/1999	29015196	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN ĐĂNG THÀNH	10/09/1999	29030646	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN DUY HOÀNG	08/09/1999	29024321	Toán: 2.00 Ngữ văn: 2.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 2.50 GDCD: 4.50 KHXH: 3.42 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ MƠ	17/12/1999	29028551	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN ĐỨC TOÀN	18/06/1999	29020110	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 2.75 GDCD: 4.25 KHXH: 3.5 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN ANH VŨ	08/07/1995	29027803	Toán: 2.20 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 4.50
TRẦN THỊ THÙY	21/11/1999	29000830	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 3 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG THỊ THẢO	23/01/1999	29030661	Toán: 1.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.20
LÊ TRUNG AN	09/09/1998	29026596	Toán: 7.80 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 9.75 Địa lí: 9.25
TRƯƠNG THỊ NGÀ	01/01/1999	29005173	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.40

LƯƠNG VĂN VUI	18/08/1999	29003592	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 2.00 GDCD: 4.75 KHXH: 3.58 Tiếng Anh: 2.40
TẠ THỊ LAN ANH	13/07/1999	29011907	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.40
HOÀNG VĂN HIẾU	28/12/1999	29021744	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 3.50 GDCD: 5.75 KHXH: 3.75 Tiếng Anh: 1.60
LÊ THÁI SƠN	01/08/1999	29024557	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THẾ LỰ	27/01/1998	29028525	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN CẢNH PHƯƠNG	14/07/1998	29019781	Toán: 8.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 6.5
NGUYỄN THỊ LINH	02/09/1999	29002835	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 2.25 Hóa học: 1.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.33 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.25 GDCD: 6.75 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN THỊ SAO CHI	02/12/1999	29006279	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 7.00 KHTN: 8 Tiếng Anh: 3.60
LÊ VĂN LỢI	23/02/1999	29004512	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 2.40
LÔ VĂN ĐỨC	23/08/1999	29003098	Toán: 2.00 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.00
ĐẬU THỊ THANH	19/01/1999	29030633	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.40
VI TRẦN YẾN NHI	28/10/1999	29019897	Toán: 7.60 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 8.00
NGUYỄN THỊ MAI HƯƠNG	06/09/1999	29017992	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 2.40
PHAN VIỆT HOÀNG	07/08/1999	29022289	Toán: 9.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN PHÚC	17/10/1999	29023290	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 2.80
NGÔ TRÍ LINH	25/10/1999	29001046	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.25 Sinh học: 2.25 KHTN: 2.58 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 3.50
VÀ BÁ THÁI	30/09/1999	29008440	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 5.75 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.80

TRƯƠNG CÔNG TIẾN	02/09/1999	29000847	Toán: 7.80 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 5.20
THÁI THỊ VINH	10/04/1999	29011212	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.60
LÊ VĂN NHẬT	15/05/1999	29016195	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.20
HÀ VĂN KHỞI	05/06/1999	29003170	Toán: 3.20 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.75 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN NGỌC LINH	25/03/1999	29024414	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ TÚ	20/06/1999	29005387	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.40
THÁI NGUYỄN THUỖ DUNG	02/09/1999	29028893	Toán: 6.00 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 8.60
NGUYỄN VĂN HOAN	01/10/1999	29013158	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 6 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 3.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 4.40
VÕ THỊ HẢI	22/07/1999	29008693	Toán: 1.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.60
VÕ THỊ THANH NGÂN	02/12/1999	29027477	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HOA	16/06/1999	29029912	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.20
LÊ THỊ LAN ANH	16/12/1999	29027815	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN BÁ KỶ	22/05/1999	29029069	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.00
LÊ VĂN CẦU	03/09/1999	29018361	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN BÁ HIẾU	24/02/1999	29028413	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 3.20
CỤT VĂN NHẬT	07/01/1999	29008376	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 2.25 GDCD: 4.25 KHXH: 3.33 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	07/12/1998	29018077	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 3.60

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	03/04/1999	29019938	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 4.20
PHẠM HỒ VĂN NGHĨA	16/11/1999	29028001	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ TÚ ANH	20/07/1998	29023427	Toán: 3.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 5.75
NGUYỄN KIỀU TRINH	16/09/1999	29029334	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.20
HỒ VĂN THẮNG	26/07/1996	29017764	Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.00
NGUYỄN THỊ MẾN	02/01/1999	29001507	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ VÂN	01/01/1999	29017802	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75
HOÀNG THỊ QUỲNH	10/06/1999	29000769	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 1.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.08 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.25 GDCD: 7.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ KHÁNH HẠ	31/05/1999	29023708	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 9.00 Hóa học: 9.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 7.75 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN HỮU NGỌC	04/05/1999	29019649	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.60
ĐẬU THỊ TRANG	03/01/1999	29009967	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.00
TRƯƠNG THỊ LAN	07/07/1999	29019518	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 1.80
ĐẶNG VĂN HOÀNG	28/08/1999	29001938	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN DŨNG	07/10/1998	29000965	Toán: 2.60 Ngữ văn: 1.75 Vật lí: 2.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.42 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.50
BÙI ĐỨC CHIẾN	17/01/2000	29026741	Toán: 8.20 Ngữ văn: 8.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.67 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 9.80
LÊ THỊ THU HÀ	19/06/1999	29022249	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 8.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 3.20
HỒ THỊ TIẾN	29/10/1999	29016450	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM THỊ HUỆ	03/07/1999	29011344	Toán: 4.80 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.40

HỒ THỊ TÂM	16/05/1999	29012363	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.00
ĐINH VĂN ĐẠT	20/02/1999	29029798	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.00 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 2.40
PHẠM VĂN HOÀNG	16/10/1999	29021083	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ ÁNH	04/04/1999	29017105	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.50 GDCD: 4.75 KHXH: 3.75 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ LÂM	27/06/1999	29011378	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.25 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 3.80
VI XUÂN TRƯỜNG	10/10/1999	29014197	Toán: 6.00 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM THỊ MAI SAO	10/02/1999	29018695	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ MINH PHƯƠNG	02/05/1998	29012585	Toán: 6.20 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.00
MAI THỊ THÙY DUNG	08/07/1998	29012561	Toán: 7.60 Hóa học: 7.25 Sinh học: 8.75
VÕ ĐÌNH LONG PHÚ	19/04/1999	29028020	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 8.00
LÊ THỊ THÚY MƠ	17/04/1999	29010966	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 6.50 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ THỦY	28/12/1999	29018187	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 7.50 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 3.20
LÊ CÔNG TIẾP	01/09/1998	29021523	Toán: 8.20 Vật lí: 7.50 Hóa học: 9.00
NGUYỄN THẾ NGỌC	24/02/1999	29012263	Toán: 4.40 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.20
BÙI THỊ THANH HIỀN	18/12/1999	29026086	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 7.25 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ VÂN THANH	01/08/1999	29012368	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.80
NGÔ TRÍ NAM	10/12/1999	29029134	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 8.25 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 1.80
HÀ VĂN TUẤN	15/03/1998	29011572	Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50

NGUYỄN XUÂN VƯƠNG	09/12/1998	29013453	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 5.67 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 4.00
PHAN VĂN MÃO	02/06/1999	29030103	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.40
ĐẶNG THỊ GIANG	25/01/1999	29029836	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN VĂN NAM	07/07/1997	29010550	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 4.00
LÊ HỒNG LỘC	21/08/1999	29018578	Toán: 1.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN TRÙNG DƯƠNG	05/11/1999	29025384	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 4.00
PHẠM NGỌC TUẤN	07/02/1999	29030904	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN HỮU KHÔI	10/06/1999	29021121	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 4.40
MAI THỊ HOÀI	24/09/1999	29003876	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.50 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 4.20
LÊ VĂN QUANG	04/02/1999	29023301	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN PHAN NHẬT	06/03/1999	29023944	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 5.20
VÕ VĂN GIAO	16/09/1999	29003788	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 1.60
NGUYỄN VĂN HỘI	05/03/1999	29001408	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ OANH	19/04/1999	29021980	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 1.40
NGÔ THỊ QUỲNH CHI	10/04/1999	29002229	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 4.00
LÊ VĂN MINH	30/08/1999	29004530	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ MỸ THIÊN	12/04/1997	29016389	Toán: 2.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 3.40

LÔ THỊ THUÝ TÌNH	23/07/1999	29015227	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.00
VÕ THỊ VÂN ANH	08/02/1999	29012630	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 2.80
LÊ DOÃN THỰC ANH	17/12/1999	29010817	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 7.00 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 5.80
NGÔ THỊ QUỲNH	02/02/1999	29012337	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.17 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.00
LÊ THỊ HUYỀN	06/08/1999	29004468	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
LÊ THỊ TRÀ GIANG	14/08/1999	29029463	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 8.00 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG DUNG	05/06/1999	29024199	Toán: 8.00 Ngữ văn: 9.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 9.00
TRẦN THỊ HUYỀN	20/10/1999	29019484	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.00
ĐINH THỊ THU HOÀI	15/06/1999	29012068	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 8.25 Sinh học: 7.75 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 4.00
HỒ TÚ BÌNH	01/11/1999	29006271	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 2.50 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN ĐỨC	01/12/1999	29007591	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 1.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.58 Tiếng Anh: 2.40
ĐINH THẾ NAM	30/10/1998	29019751	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.80
PHAN QUỐC TRIỀU	10/10/1999	29029635	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 8.00
NGUYỄN THỊ HẰNG	21/01/1999	29026783	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.42 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.80
BẠCH DUY QUANG	16/03/1999	29026454	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.25 Tiếng Anh: 5.00
VI QUÂN ANH	03/02/1996	29025248	Toán: 5.80 Vật lí: 4.50 Hóa học: 2.75
HOÀNG THỊ NGỌC	11/10/1999	29000730	Toán: 9.20 Ngữ văn: 8.25 Vật lí: 8.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 9.80

LƯƠNG VĂN BIÊN	29/10/1999	29008154	Toán: 2.40 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 3.50 KHXH: 3.5 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN TRUNG PHONG	11/12/1999	29003475	Toán: 7.20 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	29/06/1999	29028763	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN ĐÌNH BẰNG	10/01/1999	29001231	Toán: 1.80 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.25 GDCD: 6.25 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 1.60
NGUYỄN ĐÌNH LỊCH	19/07/1999	29003438	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ MINH	17/08/1999	29026330	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.60
LÊ ANH TUẤN	09/07/1999	29009354	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ LAN ANH	02/09/1998	29019654	Toán: 9.20 Ngữ văn: 9.25 Lịch sử: 9.75
TRƯƠNG SỸ HẢI	09/10/1999	29004986	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN VĂN Ý	09/12/1999	29011872	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 4.00
ĐINH THỊ NGÀ	11/10/1999	29020383	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN ĐỨC HẠNH	24/08/1999	29030437	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN HÀ TRUNG	27/05/1998	29009335	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 1.60
ĐINH THỊ NHÀN	13/09/1999	29007949	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 6.60
PHẠM ÁNH DƯƠNG	02/12/1997	29010730	Toán: 7.40 Vật lí: 6.75 Tiếng Anh: 5.60
PHAN VĂN TẠO	08/10/1999	29030278	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.75 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN VĂN KHÁNH	02/09/1999	29019503	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.00

NGUYỄN PHÚC MẠNH	26/11/1998	29022125	Toán: 6.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 3.50
NGUYỄN QUANG DŨNG	16/10/1999	29020237	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN PHÙNG TIẾN	18/02/1998	29022151	Toán: 5.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.00
LÔ VĂN THÔNG	02/04/1998	29014840	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.50 Lịch sử: 7.50
ĐẬU THẾ ĐỨC	20/09/1999	29006325	Toán: 8.20 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 2.80
HỒ THỊ THANH THANH	07/07/1999	29016338	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 4.00
ĐẶNG THỊ LINH	07/10/1999	29005723	Toán: 5.80 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.25 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 6.00
LÂM THỊ ĐỊNH	27/07/1999	29004386	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 5.60
LÊ THỊ THU SƯƠNG	20/08/1999	29011484	Toán: 2.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN ĐỨC CƯỜNG	12/11/1999	29010291	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.00 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 3.60
NGÔ VĂN QUANG	27/11/1999	29016266	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN ĐÌNH ĐẠT	29/05/1999	29016137	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 2.60
CAO THỊ THƠM	17/01/1999	29005929	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 6.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.20
LƯƠNG VĂN ĐẠT	03/01/1999	29020611	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.60
PHAN BÁ HOÀNG	20/07/1995	29025272	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50
NGUYỄN QUỲNH MAI	20/07/1999	29021167	Toán: 4.80 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 1.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.42 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ HOÀI THANH	14/04/1999	29009896	Toán: 9.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.75 Sinh học: 6.25 KHTN: 8.25 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ THƯƠNG	29/12/1999	29023019	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.20

NGUYỄN THỊ SAO MÂY	16/10/1999	29019603	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.80
TRƯƠNG THỊ TẮM	20/05/1999	29019998	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN VĂN HỢP	20/04/1999	29010422	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.20
LÊ ĐỨC AN	28/09/1998	29002779	Toán: 3.40 Ngữ văn: 2.75 Vật lí: 2.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.58 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.00
NGÔ XUÂN SANG	02/11/1999	29013705	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 1.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.08 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ PHƯƠNG THU	01/07/1999	29016412	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN KHÁNH TRUNG	06/12/1999	29013408	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 4.20
TRƯƠNG THỊ THẨM	09/04/1999	29028068	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 3.20
VÕ THỊ HỒNG HẠNH	24/08/1999	29010379	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.60
LÊ VĂN ĐỨC	10/03/1999	29010339	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.80
HỒ NHẬT LINH	01/11/1998	29017705	Toán: 7.80 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.25 Tiếng Anh: 6.00
THÁI THỊ PHƯỢNG	05/09/1999	29000489	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 5.00 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 4.60
THÁI DOÃN HÀ	01/03/1998	29001762	Toán: 9.60 Hóa học: 9.00 Sinh học: 7.75
NGUYỄN VĂN ĐỨC	13/12/1999	29001291	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.80
PHẠM ĐỨC KHANG	11/09/1999	29029053	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 5.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN ĐÌNH ĐỒNG	10/05/1999	29013512	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.40
HÀ THỊ THẨM	26/12/1999	29012397	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.20
LÊ VĂN NAM	12/08/1999	29020379	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 4.92 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.60

PHAN THỊ HẢO	22/12/1999	29006927	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.40
VŨ VĂN HUY	10/10/1999	29005671	Toán: 2.80 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 3.50 GDCD: 4.75 KHXH: 3.5 Tiếng Anh: 3.20
HỒ VĂN TÂY	01/02/1999	29020001	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN HỒNG QUÂN	07/10/1999	29026461	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 9.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 7 Tiếng Anh: 4.40
PHAN HỮU TRUNG	20/05/1997	29025327	Toán: 9.20 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.25
MOONG VĂN HOÀNH	14/07/1999	29008278	Toán: 3.00 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 2.50 GDCD: 3.00 KHXH: 2.58 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN QUỐC HUY	16/08/1999	29017973	Toán: 7.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 3.40
CAO THỊ HUẾ	29/05/1999	29000253	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN VĂN HOÀN	07/01/1999	29008735	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.40
MAI QUANG ANH	11/11/1999	29019182	Toán: 2.20 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 5.75 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 1.40
NGUYỄN ĐĂNG HÙNG	17/01/1999	29002399	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 2.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 2.60
THÁI DOÃN QUYẾT	06/11/1999	29005856	Toán: 3.80 Ngữ văn: 1.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN THỊ QUỲNH TRANG	21/01/1999	29028735	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN CÔNG	06/06/1999	29002700	Toán: 2.80 Ngữ văn: 2.75 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.67 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 3.50
HOÀNG THỊ HIỀN	06/10/1999	29021049	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 9.25 Sinh học: 9.00 KHTN: 8.08 Tiếng Anh: 4.60
HỒ DIÊN LƯU	20/02/1999	29016787	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 4.20
CHUỖNG VĂN TUYỀN	14/03/1999	29023529	Toán: 1.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.50

PHẠM HỒNG ANH	06/04/1999	29004322	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 5.00
LÊ THỊ THÙY DUYÊN	12/05/1999	29027237	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VIỆT THẮNG	26/03/1999	29017536	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
KHA THU PHƯƠNG	26/04/1999	29020771	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.00 GDCD: 7.00 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 2.20
VÕ QUANG CHƯƠNG	19/03/1999	29009484	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN ĐỨC MẠNH	23/08/1999	29026317	Toán: 9.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 8.80
BÙI NGUYỄN CỬ	14/11/1999	29014319	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN TRUNG HIẾU	19/05/1999	29016642	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN QUỐC HUY	25/11/1999	29009645	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN PHÙNG TÀI	11/03/1999	29022420	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 4.00
LÊ THỊ HẠNH	08/09/1999	29022256	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN THỊ MINH ANH	18/01/1999	29025345	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 1.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.58 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN SĨ XUÂN	24/07/1998	29001207	Toán: 1.80 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.50
LÊ THỊ HẰNG	03/07/1999	29020630	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 2.75 GDCD: 5.25 KHXH: 3.42 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ TRANG	06/03/1999	29021389	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 1.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 7.00 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM NHẬT THÀNH	15/11/1999	29012376	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.20
VŨ THỊ HUYỀN	25/01/1999	29014490	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.60

NGUYỄN VĂN SÁNG	15/02/1995	29021505	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.00
TRẦN THỊ LAN ANH	17/10/1999	29009445	Toán: 8.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.00 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 9.00
NGUYỄN THỊ LỆ	02/09/1999	29020331	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN PHÚC KIÊN	05/06/1999	29023829	Toán: 7.80 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 8.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ THÚY QUỲNH	21/05/1999	29024002	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.25 Sinh học: 8.00 KHTN: 8.25 Tiếng Anh: 5.00
NGÔ HOÀNG YẾN LÊ	19/08/1999	29006447	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 9.00
NGUYỄN VĂN LỘC	03/06/1998	29009731	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.00
VÕ TRẦN CHUNG	06/05/1998	29004911	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN ĐẠI VIỆT	08/05/1998	29004309	Toán: 6.80 Vật lí: 7.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 2.25 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 4.00
VÕ VĂN QUỐC NGHĨA	17/03/1999	29026375	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 5.00
VÕ VĂN TRƯỜNG	21/05/1999	29009346	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 5.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.20
MẠNH THỊ OANH	02/03/1999	29019916	Toán: 4.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THANH TÀI	17/08/1999	29027590	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.00 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN MINH	02/07/1999	29012227	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 4.20
VÕ TRỌNG TUYẾN	02/03/1999	29007477	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN NAM	07/04/1999	29004030	Toán: 1.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 5.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN PHƯƠNG SƠN	20/05/1999	29023322	Toán: 5.20 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.00

THÁI VĂN HÒA	13/10/1999	29019404	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.80
TRƯƠNG THỊ NHUNG	14/05/1999	29016220	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 1.60
LÊ THỊ HƯỜNG	15/06/1999	29003937	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 5.80
PHAN QUỲNH NGA	26/03/1999	29026360	Toán: 6.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 10.00
PHAN THỊ TRANG	28/01/1999	29009979	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 2.50 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.20
PHAN VĂN TÂM	14/06/1998	29001140	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.75
TRẦN VĂN TRUYỀN	25/04/1999	29003555	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN TRỌNG TÚ	01/01/1999	29005388	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	10/08/1999	29022174	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 8.75 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 5.20
TRẦN NGỌC HOÀNG	21/01/1999	29022820	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ HOA	09/11/1999	29012063	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.83 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN CẢNH	27/05/1998	29005967	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50
ĐẶNG ĐÌNH ĐỨC	18/05/1999	29000124	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ QUYÊN	24/03/1999	29001583	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.20
VŨ HỒNG QUÂN	12/01/1999	29004582	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.17 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	22/12/1998	29002309	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN THỎA	02/03/1999	29020469	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 3.20

NGUYỄN THỊ NGÂN	15/02/1999	29015045	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 6.50 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 5.00
TỪ ĐỨC TUẤN	30/01/1999	29020922	Toán: 1.60 Ngữ văn: 1.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25
CAO VIỆT TIẾN	28/08/1999	29007156	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 5.50 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 1.60
HOÀNG THỊ XUÂN NHAN	05/01/1999	29018083	Toán: 9.40 Ngữ văn: 8.75 Vật lí: 9.00 Hóa học: 8.75 Sinh học: 6.75 KHTN: 8.17 Tiếng Anh: 7.80
NGUYỄN THỊ KIỀU	12/02/1999	29002449	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 6.75 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 6.00
LƯƠNG THỊ HẰNG	08/12/1998	29020631	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.80
CAO KHẮC QUÝ	13/03/1999	29005851	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.20
LÊ TUẤN ANH	10/01/1999	29002195	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN VĂN TIẾN	08/08/1999	29015225	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.60
BẠCH THỊ DUNG	08/12/1998	29027851	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN HỮU THẮNG	10/10/1999	29022444	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN VIỆT VĂN	24/04/1999	29014212	Toán: 4.20 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.40
LỮ QUANG CHUNG	12/10/1999	29003358	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.83 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.80
NGÔ XUÂN DŨNG	02/01/1999	29006883	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 2.60
NGÔ HỒNG QUÂN	03/06/1999	29011761	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ NHUNG	17/07/1999	29016215	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.00
LƯƠNG THỊ PHƯỢNG	14/11/1998	29014828	Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.75

ĐẬU THỊ NGỌC	12/03/1999	29005801	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.80
HOÀNG THỊ XUÂN	27/04/1999	29002175	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 8.20
NGUYỄN THỊ OANH	27/02/1999	29029177	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 9.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN VĂN THẮNG	07/07/1999	29017533	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN DƯƠNG	23/05/1999	29004940	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ NGUYỆT	12/06/1999	29001536	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 4.40
VŨ NGỌC THÁI	11/10/1999	29018153	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 2.50 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 4.00
VI NGUYỄN HOÀI LINH	12/08/1999	29025115	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN HIỀN	11/03/1999	29010399	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.80
VĂN THỊ HOÀI	24/03/1999	29003139	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.00 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN VĂN HOÀN	13/06/1999	29012071	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 4.40
HỒ VIỆT GIÁP	11/12/1999	29018420	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.00
NGÔ VĂN THIỆN	03/11/1998	29030707	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.60
ĐINH THỊ TRÀ GIANG	06/01/1999	29009537	Toán: 5.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ HOÀI	04/04/1998	29018483	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.75 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN VĂN ĐỒNG	14/07/1999	29022750	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ KHÁNH	29/09/1999	29022322	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 3.60

NGUYỄN HỮU MẬU	09/01/1999	29023260	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 9.00 Hóa học: 9.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 4.80
ĐẬU THỊ KHÁNH LINH	05/12/1999	29000338	Toán: 9.00 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.00 Sinh học: 8.00 KHTN: 8.58 Tiếng Anh: 8.80
NGUYỄN VĂN MẠNH	11/10/1999	29027455	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ HƯỜNG	10/12/1999	29016716	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 2.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN MẠNH	26/05/1999	29007348	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN VĂN HỌC	15/10/1999	29006957	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN QUANG HUY	25/05/1999	29019459	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 5.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ NHUNG	08/03/1999	29002034	Toán: 9.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 9.50 Sinh học: 9.25 KHTN: 7.75 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ TRANG	20/11/1999	29000583	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 5.40
PHẠM BẢO KHIÊM	27/01/1999	29007667	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.80
LÊ THỊ THU HƯƠNG	10/11/1999	29007308	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 4.25 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 4.80
QUANG VĂN THANH	11/11/1999	29014141	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 3.00 GDCD: 5.25 KHXH: 4.08 Tiếng Anh: 3.00
BIỆN THỊ NGUYỆT	12/05/1998	29009024	Toán: 7.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 6.25 KHTN: 4.5
NGUYỄN ĐĂNG HUY	02/10/1998	29011356	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ THU HOÀI	27/04/1999	29020293	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 9.25 Sinh học: 8.50 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 3.20
LÊ THỊ VÂN ANH	07/11/1999	29028845	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.60
HOÀNG THỊ HÂN	02/09/1999	29004417	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.58 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.20

NGUYỄN THỊ GIANG LAM	02/11/1999	29009685	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.00
CAO VĂN NGHĨA	17/12/1998	29019149	Toán: 5.40 Vật lí: 6.00 Hóa học: 3.25
LÊ THÀNH ĐẠT	11/01/1999	29007570	Toán: 5.80 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ HUYỀN	20/05/1999	29013993	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 5.20
NGÂN THỊ NA	06/09/1998	29018613	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ THÀNH	08/08/1999	29022081	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN TRƯỜNG TÙNG	18/04/1999	29024670	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.00 Sinh học: 2.00 KHTN: 2.25 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.00 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	13/11/1999	29007052	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.00 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 4.00
THÁI THỊ HÀ	02/09/1999	29010358	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HÀ	19/10/1999	29002804	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 4.00
ĐẬU THỊ XUÂN	06/09/1999	29017068	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN DANH NGỌC	07/12/1999	29014640	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.60
CHU THỊ MAI	21/06/1999	29004521	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ TRANG	20/11/1999	29030834	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 9.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.60
PHAN THỊ KIM OANH	16/03/1999	29017441	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN THỊ THÙY LINH	10/03/1999	29023244	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 7 Tiếng Anh: 4.80
LÊ THỊ GIANG	15/10/1999	29023161	Toán: 8.60 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 6 Tiếng Anh: 3.80

ĐẶNG THỊ VÂN	24/08/1999	29001729	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN HỮU ĐỨC	09/04/1999	29020259	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 4.40
VŨ BÁ QUYỀN	04/06/1996	29004586	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ KHÁNH LY	01/09/1999	29024442	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 5.00
HỒ THỊ TÌNH	29/05/1999	29017574	Toán: 5.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 4.80
HỒ SỸ MẠNH	10/03/1999	29019596	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.50 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN THỊ THÙY DUNG	29/10/1999	29022214	Toán: 9.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 8.00 Hóa học: 9.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 4.00
LŨ VĂN THÔNG	10/02/1999	29013748	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM MẠNH HÙNG	17/02/1999	29023779	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN ĐÌNH HÀ	01/11/1997	29026623	Toán: 4.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 5.25
LÊ VĂN TUẤN	12/02/1999	29006223	Toán: 3.00 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25
NGUYỄN THỊ MỸ DUNG	16/05/1999	29025988	Toán: 4.40 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 10.00 GDCD: 9.00 KHXH: 9.25 Tiếng Anh: 5.40
ĐÀO XUÂN ĐẠT	01/02/1999	29008664	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 6.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ THU TRINH	13/10/1999	29004741	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN HOÀNG	04/02/1999	29021791	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ PHƯƠNG	14/03/1999	29018665	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.40
CAO XUÂN TIẾN	02/04/1999	29006199	Toán: 4.80 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00
NGUYỄN LÂM HUY	18/06/1994	29021475	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 7.50
HỒNG QUỐC DŨNG	23/03/1999	29012677	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.00

CAO NHÂN LAM	09/12/1999	29008790	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN ĐỨC THÔNG	12/10/1999	29012416	Toán: 4.20 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 5.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.60
CAO THỊ HÀ	23/05/1999	29005583	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 4.00
LƯU THỊ VÂN	24/10/1999	29011195	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 6.75 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ NHUNG	07/05/1999	29001101	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 2.92 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.50
NGUYỄN CẢNH LÂM	15/11/1999	29023476	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75
LÊ ĐÌNH NAM	02/09/1999	29023905	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 5.20
LỘC ĐÌNH KHANG	22/07/1999	29025485	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.25 KHXH: 8.42 Tiếng Anh: 5.20
HỒ XUÂN LUẬN	01/04/1999	29019581	Toán: 2.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 10.00 Địa lí: 10.00 GDCD: 8.75 KHXH: 9.58 Tiếng Anh: 4.60
VƯƠNG THỊ THANH LỊCH	06/11/1998	29010119	Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.00
LÊ VĂN BẢO	09/08/1999	29021560	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.20
PHAN THỊ TUYẾT MAI	04/02/1999	29026307	Toán: 8.40 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 3.40
LÊ QUANG TUẤN	17/03/1999	29024664	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 7.80
NGUYỄN THỊ XUÂN	06/08/1999	29009400	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 2.80
CAO ANH TUẤN	09/08/1999	29013419	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.17 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN SOÁI	15/03/1999	29016305	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.60
ĐẬU THỊ THU	15/01/1999	29004204	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.20

NGUYỄN THỊ THIÊN HUẾ	01/11/1999	29026144	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.20
ĐẶNG THỊ LINH LY	29/08/1999	29014569	Toán: 3.40 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 9.75 GDCD: 8.25 KHXH: 8.67 Tiếng Anh: 4.20
HOÀNG KIM NGÂN	26/10/1999	29002521	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.40
VI THỊ HUYỀN TRANG	17/11/1999	29008470	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN KHẮC DŨNG	11/05/1999	29028325	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 4.75 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN MỘNG VƯƠNG	10/03/1999	29002166	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.60
HỒ THỊ TRÂM	16/05/1999	29028741	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN CÔNG HOÀNG	12/10/1999	29013162	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.42 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.50 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ NGỌC MÂY	17/09/1997	29012575	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50
KHA HẢI ĐIẾP	17/05/1998	29008540	Toán: 5.20 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.50
LŨ TUẤN ANH	09/07/1999	29008146	Toán: 5.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN VĂN DŨNG	07/10/1999	29027854	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN TẤT HOÀNG	14/06/1999	29002389	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM VIẾT QUÂN	19/05/1999	29000496	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ VIÊN	11/08/1999	29018301	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 8.20
PHẠM THỊ KIM DUNG	20/11/1999	29025991	Toán: 9.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 4.40
ĐẬU THỊ THƠM	09/02/1999	29005930	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.60

NGUYỄN ĐỨC TÀI	09/09/1999	29002925	Toán: 9.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 4.00
PHAN SỸ CHƯƠNG	20/01/1998	29023438	Toán: 1.80 Ngữ văn: 0.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.00
NGUYỄN XUÂN SÁNG	20/10/1999	29030260	Toán: 4.20 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 5.75 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.20
LÔ VĂN QUANG	16/03/1999	29020779	Toán: 1.20 Ngữ văn: 2.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.75 GDCD: 5.50 KHXH: 3.92 Tiếng Anh: 1.40
TRẦN THỊ THU TRÀ	30/09/1999	29028141	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ HỒNG	17/03/1999	29029948	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN KHẮC TRUNG	07/09/1999	29024108	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 9.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 5.00
HOÀNG THỊ THANH THỦY	10/08/1999	29024591	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.80
BÙI THỊ THANH XUÂN	22/02/1998	29017805	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.00
CAO THỊ GIANG	22/06/1999	29007837	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.08 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN KHẮC TUÂN	23/02/1999	29000886	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 9.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 7.80
NGUYỄN THỊ QUỲNH	15/10/1999	29022031	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 1.60
VÕ HỮU HIẾU	02/11/1999	29001369	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN BÁ LINH	16/01/1998	29028506	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.50 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĨNH ĐỨC	21/03/1999	29030421	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ THANH THẢO	23/05/1999	29026512	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 4.80
NGÔ THỊ XUÂN QUỲNH	06/02/1999	29002573	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 5.40

NGUYỄN ANH TUẤN	08/11/1994	29027789	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.50
ĐINH TÙNG LÂM	21/04/1999	29023833	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.75 Sinh học: 2.50 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 3.80
HỒ THỊ VÂN ANH	14/12/1999	29015396	Toán: 7.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 5.80
ĐẶNG VĂN TÙNG	14/04/1999	29006770	Toán: 6.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 2.60
ĐẬU THỊ HOÀI	27/03/1999	29022811	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VÕ KHÁNH LY	01/01/1999	29015026	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 2.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN VĂN QUÂN	12/12/1999	29005848	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN MINH CHIẾN	03/05/1999	29024951	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM VĂN TRÔNG	23/11/1999	29007454	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	03/02/1999	29022676	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.00
LƯƠNG VĂN NGHĨA	22/12/1997	29014253	Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.00
LÊ ĐÌNH QUÂN	06/12/1999	29023984	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 6.60
LƯU THỊ HÀ	08/03/1999	29028934	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THANH HUYỀN	03/04/1999	29016700	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 4.40
PHẠM THANH TRÀ	21/09/1999	29024607	Toán: 5.80 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN PHÙNG TÀI LONG	19/12/1999	29023249	Toán: 9.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 3.20
MAI THỊ HẰNG	12/11/1999	29017912	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 7.25 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 3.00

VÕ THỊ TRANG	01/09/1998	29007444	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 1.80
TRẦN THỊ LINH CHI	15/06/1999	29025957	Toán: 8.40 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 8.80
PHẠM VĂN NGUYỄN	16/03/1999	29011434	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN CÔNG CHƯƠNG	07/04/1999	29029754	Toán: 1.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.00
LÔ THỊ NGÀ	24/05/1999	29003209	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ THANH HIỀN	19/11/1999	29012746	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ HÒA	06/09/1999	29008725	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 2.00
ĐOÀN THỊ NGÂN	28/04/1999	29005789	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.80
PHAN CÔNG LUẬT	05/08/1999	29001057	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.83 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25
PHÙNG THẾ ANH	19/01/1999	29024925	Toán: 9.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 6.00
BẠCH HƯNG NINH	15/05/1999	29026420	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 3.80
HỒ VINH QUANG	06/08/1999	29018119	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN TUẤN	13/06/1998	29011165	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 2.00
TRƯƠNG THỊ MINH THƯ	17/08/1998	29026696	Toán: 8.40 Vật lí: 7.25 Tiếng Anh: 9.00
CHU THỊ NHÂN	17/08/1999	29030159	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.00 KHXH: 8.5 Tiếng Anh: 3.40
ĐẶNG DIỆU TRANG	04/04/1999	29020117	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
PHAN THỊ BÍCH NGỌC	03/10/1999	29025563	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.00

THÁI BÁ PHÚC	21/05/1998	29006123	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN ĐỨC THẮNG	01/09/1999	29018936	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.00 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.80
LỮ XUÂN THẢO	14/09/1999	29003289	Toán: 1.80 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.00
HỒ VĂN DŨNG	18/04/1999	29019267	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.60
CHÍCH VĂN QUY	08/08/1998	29008413	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.25 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ NGỌC TRÂM	28/03/1999	29020502	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 9.75 Sinh học: 9.00 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN HỮU KHÁNH	23/09/1999	29024369	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 9.00
NGUYỄN MINH HOÀNG	02/10/1999	29023762	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 5.20
PHÙNG THỊ DUYÊN	25/05/1999	29005547	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ ĐỨC	24/12/1999	29029826	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.40
ĐẬU QUỐC HUY	21/07/1999	29027921	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 2.60
PHẠM DƯƠNG PHI	06/01/1999	29006548	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.25 Hóa học: 9.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN DUY TỰ	01/01/1999	29028767	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
NGÔ QUANG NHẬT	11/04/1999	29007714	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 9.50 GDCD: 8.75 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ HÀ GIANG	19/10/1999	29024253	Toán: 2.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HƯỜNG	09/06/1999	29006980	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.75 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.60
CÁP THỊ MAI ANH	03/02/1999	29004867	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 9.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 4.00

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	05/07/1999	29002045	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 5.20
TRẦN ĐÌNH HUY	29/08/1999	29012779	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.20
THÁI THỊ THU HÀ	12/09/1999	29000670	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.67 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 6.20
TRƯƠNG THẾ TÀI	17/03/1999	29015090	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 3.40
HỒ THỊ THẨM	08/02/1998	29016368	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.00 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.20
LÊ THỊ THU TRANG	22/09/1999	29012952	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ LINH	20/12/1999	29019738	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.00
NGUYỄN HỮU HOÀNG	24/08/1999	29016662	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN NGỌC NAM	16/05/1999	29019624	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HỒNG	14/10/1999	29003898	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.60
LÊ THỊ THU HUỆ	04/09/1999	29004452	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN HỮU TUẤN	01/05/1999	29024667	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 9.75 GDCD: 8.75 KHXH: 9.17 Tiếng Anh: 2.80
LÔ VĂN TUẤN	04/07/1982	29014267	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.25
ĐINH THỊ HÀ	02/01/1999	29007838	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ LIÊN	12/03/1999	29006452	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG ĐỨC ANH	22/11/1999	29007517	Toán: 9.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 9.50 Hóa học: 10.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 8.08 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ THU	20/09/1999	29007768	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.20
PHAN VĂN VIỆT	22/04/1999	29030932	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 5.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.00

BÙI VĂN BẢO	10/05/1999	29000638	Toán: 10.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 9.50 Hóa học: 9.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 7.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 6.60
NGUYỄN ĐĂNG NHẬT	02/09/1999	29011738	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG THỊ THỊNH	03/11/1999	29029276	Toán: 4.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN PHƯƠNG MINH	05/06/1999	29013648	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 6.00
ĐINH HÙNG HIỆP	11/05/1999	29012748	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ OANH	19/02/1999	29008875	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.40
LÊ XUÂN THÀNH	26/04/1999	29027603	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.00
CAO DUY KHÁNH	29/06/1999	29012130	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN CHUỖNG	04/03/1999	29022206	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 3.40
PHAN THỊ ÁNH	26/06/1999	29004328	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.20
ĐẶNG THỊ LINH GIANG	18/10/1999	29024246	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.50 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN THỊ NA	16/08/1999	29003459	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN ĐÌNH HÒA	08/12/1998	29029917	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.25 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.60
PHẠM THỊ THÙY	06/01/1999	29009285	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HẰNG NGA	11/01/1999	29021930	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 4.40
PHẠM VĂN LONG	26/05/1999	29018844	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 5.25 KHXH: 5.17 Tiếng Pháp: 1.60
HỒ SỸ DŨNG	22/06/1999	29018749	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 8.40

NGUYỄN VĂN NHẬT	29/03/1998	29024504	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.80
ĐẬU THỊ BÍCH THÚY	19/10/1999	29024872	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 3 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50
HỒ THỊ LOAN	01/06/1999	29018570	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 2.60
DƯƠNG PHÚC ĐẠT	20/06/1999	29000974	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 2.00 Hóa học: 2.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 2.5 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.25
LÀU BÁ XÈNH	10/10/1998	29008503	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.00 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN THỊ HUYỀN	22/09/1999	29008762	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN ĐỨC TRUNG	03/06/1999	29002987	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 2.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.33 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.60
HOÀNG ĐÌNH TUẤN	25/12/1998	29006221	Toán: 7.20 Vật lí: 5.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 2.25 KHTN: 5.25
LÊ DUY ANH	15/02/1999	29011890	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 9.00 GDCD: 7.25 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN PHÚC TRIỀU	23/09/1999	29028745	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN HỮU ĐẠT	02/12/1999	29023147	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HẰNG	05/12/1999	29010874	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 3.60
TRƯƠNG QUỐC CÔNG	03/11/1999	29014317	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.80
VÕ THỊ HUYỀN TRANG	10/09/1999	29011121	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 8.40
NGUYỄN QUANG HƯNG	03/06/1999	29022312	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ THÙY DUNG	10/02/1999	29025990	Toán: 8.00 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 9.00
HỒ VĂN VIỆT	09/11/1999	29019102	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.80

ĐẶNG TÚ LINH	20/10/1996	29004256	Toán: 2.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.58 Tiếng Anh: 2.40
ĐẶNG THÁI DĂNG	23/09/1999	29011604	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 3.60
NGÔ THỊ SƯƠNG	08/09/1999	29021280	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ MINH	10/09/1999	29009754	Toán: 3.40 Ngữ văn: 2.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.75 GDCD: 3.50 KHXH: 3.25 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ BÍCH HUYỀN	28/08/1997	29015950	Toán: 4.20 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 3.75
PHẠM VŨ TIẾP	15/11/1999	29027015	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.60
PHẠM THỊ TUYẾN	14/10/1997	29022157	Toán: 3.40 Hóa học: 5.75 Sinh học: 2.00
NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	18/11/1999	29023093	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.40
TRỊNH HỮU THẮNG	17/04/1999	29020463	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 4.20
LÊ THỊ SEN	15/05/1999	29028630	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VĂN HẬU	10/03/1999	29017917	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 2.60
TRƯƠNG CÔNG TUẤN	05/03/1999	29012981	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.80
ĐẶNG ĐÌNH TÀI	22/11/1999	29021282	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.60
VI THÀNH VINH	05/09/1998	29019844	Toán: 3.80 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.25
NGUYỄN ĐÌNH CHIẾN	02/06/1999	29028881	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN QUỲNH MÂY	23/09/1999	29024459	Toán: 7.00 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 9.00
NGUYỄN THỊ QUỲNH HÀ	25/02/1999	29027882	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 6.25 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 7.20
NGUYỄN DUY MẠNH	04/08/1999	29002495	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.20

NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	20/04/1999	29025577	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN DŨNG	20/05/1999	29003365	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM THỊ LINH	16/09/1999	29008804	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.50 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN VÕ HOÀNG ANH	03/02/1999	29023595	Toán: 2.20 Ngữ văn: 1.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 2.50 GDCD: 3.75 KHXH: 3 Tiếng Anh: 2.80
HÀ VĂN HOÀN	10/10/1999	29011335	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.60
PHAN THỊ HƯƠNG	22/12/1999	29010447	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.40
CAO THỊ HIỀN LƯƠNG	15/04/1999	29006485	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ CẨM	06/01/1999	29012652	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.40
HỒ DIÊN DƯƠNG	09/03/1999	29015492	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.40
LÊ ANH PHƯƠNG	25/04/1999	29026439	Toán: 9.80 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 8.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 2.50 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 9.20
ĐẶNG ĐÌNH NAM	21/09/1999	29001510	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.40
NGÔ THỊ AN	30/11/1999	29004861	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 8.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN KHẮC CƯỜNG	08/03/1999	29025969	Toán: 5.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.60
VI THỊ ĐOAN	29/09/1999	29013510	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN NGỌC HÀ	02/12/1999	29023165	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN VĂN HUY	21/01/1999	29030489	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.00 Sinh học: 6.00 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 4.00
PHAN THỊ KHÁNH HÒA	09/09/1999	29000222	Toán: 3.00 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.25 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 3.40

HOÀNG CÔNG THANH	16/03/1999	29010650	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.50 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 2.40
LỘC VĂN ƯỚC	21/06/1999	29003585	Toán: 4.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.60
PHẠM ĐÌNH HIỂN	04/09/1999	29021060	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.20
LÊ THỊ CẨM NHUNG	02/03/1999	29020755	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 2.60
LÔ THỊ MINH LAN	07/11/1999	29013602	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 9.00 GDCD: 9.00 KHXH: 8.58 Tiếng Anh: 6.20
ĐẬU QUỐC CHUNG	28/08/1999	29027843	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 7.50 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN VĂN HOÀNG	20/11/1999	29009620	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.00
MÙA QUANG TRUNG	06/02/1999	29008473	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.60
PHAN THÁI THÙY	10/06/1998	29022496	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.60
ĐINH THỊ LAN ANH	05/04/1999	29000014	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.20
HỒ THỊ NGỌC MAI	17/01/1999	29016791	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ TRÀ GIANG	09/04/1999	29008681	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.80
HỒ THỊ DUNG	19/03/1999	29007240	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 3.20
PHAN THỊ HOA	24/02/1999	29009599	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN KHỞI CÔNG	13/11/1998	29010286	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THÀNH CÔNG	23/09/1999	29024182	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.60
VÕ THỊ CHÂU	19/09/1999	29022202	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 7.00 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 3.60

TRẦN ĐÌNH NHẬT	12/02/1998	29022925	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN THANH HUYỀN	18/11/1999	29028465	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 4.00
CÙ THỊ THUỶ NGA	05/01/1999	29016822	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ THỦY	08/11/1999	29030742	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.60
PHAN CẢNH SƠN	19/09/1999	29026939	Toán: 3.00 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 9.25 GDCD: 7.75 KHXH: 8.5 Tiếng Anh: 4.60
NGÔ THỊ HẢI PHƯƠNG	08/12/1999	29011757	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 4.60
TRƯƠNG THỊ BÍCH PHƯƠNG	20/04/1999	29016261	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.00
CAO CẢNH ĐẠI	08/08/1999	29005551	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ HƯƠNG	17/02/1999	29022843	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN VĂN HÀ	28/08/1995	29009005	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.50
NGUYỄN THỊ TÂM	02/02/1999	29029236	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
VŨ THỊ DUNG	12/10/1999	29005531	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 5.00
ĐINH VĂN NHẬT	08/04/1997	29010768	Toán: 6.80 Vật lí: 7.00 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	05/01/1999	29006742	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 6.25 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 2.60
HỒ ĐỨC THẮNG	05/02/1999	29018168	Toán: 9.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM THỊ HỒNG	16/05/1998	29027675	Toán: 6.60 Vật lí: 2.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.58
NGUYỄN VĂN GIANG	29/06/1999	29017185	Toán: 2.40 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ HÀ	08/11/1999	29021019	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 6.50 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.40

NGUYỄN THỊ HIỀN	17/03/1999	29013135	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 4.80
NGÔ THỊ HƯỜNG	10/12/1998	29018823	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.42 Tiếng Pháp: 3.00
TRẦN THỊ QUYÊN	05/10/1999	29002571	Toán: 1.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 9.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.40
VÙ BÁ ĐÀ	06/03/1999	29008235	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.25 GDCD: 7.50 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.60
VÕ THỊ LY	30/04/1999	29018594	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 5.20
THẠCH THỊ KHÁNH HUYỀN	25/02/1999	29014981	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 4.80
PHAN THỊ THÙY LINH	11/01/1999	29021882	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.50 GDCD: 7.25 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.00
ĐÀM HUY BÌNH	04/10/1999	29020955	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ NHI	02/12/1999	29028576	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 7.00 KHTN: 6 Tiếng Anh: 5.00
ĐẶNG VĂN THÀNH	12/12/1998	29008935	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.60
PHAN VĂN KHUYẾN	01/06/1999	29006987	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	21/06/1999	29030172	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ LIỄU	28/08/1999	29014529	Toán: 4.20 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.00
ĐẶNG THỊ QUỲNH	19/08/1999	29026476	Toán: 8.20 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 8.80
PHẠM THỊ LAM	12/09/1999	29012806	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN SONG TOÀN	18/08/1999	29000853	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.17 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 5.60
LÊ THỊ HẠNH	05/06/1999	29005598	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.80

NGUYỄN THỊ THANH HIỀN	03/05/1999	29010397	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN HỮU THẮNG	10/07/1999	29002950	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN HỮU TÚ	02/07/1999	29001714	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 5.40
LÔ THỊ QUỲNH	28/02/1999	29003265	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ QUỲNH	02/06/1999	29023316	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ YẾN	18/08/1999	29019119	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.00
TRƯƠNG ĐỨC HIẾU	26/02/1999	29014435	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ TRANG	16/01/1999	29002650	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN VĂN TOÀN	10/12/1998	29010705	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.40
HÀ THỊ THANH VY	02/01/1999	29011215	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 4.20
VI TRUNG HIẾU	25/06/1999	29013552	Toán: 1.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 4.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.80
ĐẶNG ĐÌNH TỚI	05/09/1999	29018208	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.25 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN LAN ANH	15/04/1999	29016068	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 6 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN CƯỜNG	28/03/1999	29019254	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.20
NGÔ VĂN TOÀN	17/09/1999	29012459	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 5 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.60
TẠ THỊ MAI TRANG	14/04/1999	29011116	Toán: 5.40 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 9.50 GDCD: 9.75 KHXH: 9 Tiếng Anh: 3.80
PHẠM XUÂN QUYẾT	21/01/1999	29004589	Toán: 8.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 3.80

CAO THỊ LỄ	11/10/1999	29014524	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN QUANG HUY	11/02/1999	29025462	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 2.50 GDCD: 7.00 KHXH: 3.92 Tiếng Anh: 4.20
PHẠM VĂN HIỂN	24/01/1999	29001357	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THANH PHÚC	30/01/1999	29018878	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 3.60
LÔ THỊ MỸ LINH	07/01/1999	29013615	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 5.75 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.60
HUỲNH THỊ TRANG	02/02/1999	29016472	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ THỦY	04/04/1999	29022503	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.25 GDCD: 5.25 KHXH: 3.92 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN TRÀ MY	15/01/1999	29018050	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 5.40
ĐẶNG THỊ HÀ THU	20/03/1999	29022478	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN ĐỨC PHÚC	09/04/1998	29001790	Toán: 2.00
PHAN NGỌC HIẾU	28/03/1999	29018790	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN ĐỨC TRUNG	06/05/1998	29004296	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 2.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.08 Tiếng Anh: 5.40
TRẦN BÍCH NGỌC	10/06/1999	29024495	Toán: 9.40 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 9.60
TRƯƠNG TRỌNG HOÀNG	15/08/1999	29005030	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 9.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM QUANG NAM	07/06/1999	29014060	Toán: 2.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 7.00 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 4.00
HỒ THÚY VÂN	05/01/1999	29019096	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 5.00
TẠ THỊ PHƯƠNG	14/08/1999	29012315	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 4.60

NGUYỄN THỊ DƯƠNG	17/04/1999	29019284	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 4.00
LÊ NGUYỄN ANH ĐỨC	29/12/1999	29010853	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 2.80
ĐINH XUÂN THIỆN	20/06/1999	29016390	Toán: 5.20 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG THỊ MINH HẰNG	04/02/1999	29001329	Toán: 4.40 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 4.60
CAO THỊ QUYÊN	25/02/1999	29005854	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN BÁ CƯỜNG	09/11/1998	29015921	Toán: 9.60 Vật lí: 4.25 Hóa học: 8.00 Sinh học: 7.50 KHTN: 6.58
PHAN ANH HIỂN	08/07/1999	29006370	Toán: 7.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 6.75 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.80
ĐOÀN QUỐC THẮNG	07/05/1997	29019797	Toán: 3.20 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.40
LƯƠNG VĂN HIỀN	06/08/1999	29025029	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN TUẤN HOÀN	17/03/1999	29008734	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 2.75 GDCD: 5.50 KHXH: 3.83 Tiếng Anh: 2.60
LÊ THỊ LỰU	26/09/1999	29024437	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.40
VI VĂN ĐỊNH	22/06/1999	29013919	Toán: 3.20 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 5.75 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN VĂN MINH	10/01/1998	29004263	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN TRẦN QUANG HUY	11/11/1999	29023215	Toán: 7.00 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 4.80
LÊ THỊ LAN	26/05/1999	29016740	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN PHƯƠNG THẢO	06/04/1999	29002603	Toán: 4.20 Ngữ văn: 9.25 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 9.50 GDCD: 8.25 KHXH: 8.33 Tiếng Anh: 6.80
HỒ THỊ HOA	03/06/1999	29006945	Toán: 2.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 4.00

PHẠM VIỆT ANH	13/01/1999	29002210	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN PHẠM TUYÊN	25/02/1997	29019838	Toán: 6.40 Vật lí: 7.25 Hóa học: 5.00
LÊ THỊ QUỲNH	31/10/1999	29018685	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 5.40
TRẦN GIA ĐĂNG	14/05/1999	29000973	Toán: 1.80 Ngữ văn: 2.75 Vật lí: 2.50 Hóa học: 1.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.42 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.50
TẶNG QUANG MƯỜI	10/10/1999	29012231	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ KHÁNH HUYỀN	28/07/1999	29024357	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN NGỌC HƯNG	29/09/1995	29021476	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.75
LÊ THỊ ÁNH SƯƠNG	06/06/1998	29003658	Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.75
NGUYỄN THỊ TRANG	10/09/1999	29016480	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ HÀ TRANG	06/01/1999	29015255	Toán: 3.00 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.50 KHXH: 8.67 Tiếng Anh: 4.20
LÊ QUANG KHẢI	19/05/1999	29013189	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN CẢNH AN	13/09/1999	29011883	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG KHÁNH VÂN	20/08/1999	29011846	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN HẢI NGUYỄN	10/01/1999	29002858	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.58 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ LAM GIANG	02/01/1999	29025403	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.80
VÕ TUẤN NHẬT	10/09/1999	29007955	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.40
HỒ SĨ TOÀN	16/11/1997	29016030	Toán: 6.60 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.75

NGUYỄN THÚY QUỲNH	21/08/1999	29013319	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 3 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 6.00
HOÀNG VĂN TUẤN	10/11/1999	29001188	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 1.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.67 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 8.00
BÙI THỊ MINH	30/11/1999	29016798	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 4.20
CHU THỊ BẠCH CÚC	29/03/1999	29017127	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 5.20
HOÀNG THỊ TRÀ	07/06/1999	29005338	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 9.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 6.20
TRẦN HỮU KHÁNH NGUYỄN	15/11/1999	29021204	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN ĐỨC DŨNG	16/12/1997	29026613	Toán: 6.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.00 Tiếng Anh: 5.80
VÕ VĂN ĐỨC	28/06/1999	29002713	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 4.92 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50
TÔ THỊ NGÀ	25/10/1999	29016825	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN PHÚC HIẾU	14/12/1998	29024306	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.00 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN DUY TUYẾN	24/02/1999	29001727	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN ĐÌNH ANH	19/08/1999	29019194	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.80
VŨ THỊ LINH	09/02/1999	29005734	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG THỊ ANH	21/09/1999	29029701	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.40
LÊ DUY ĐẠT	07/05/1998	29014769	Toán: 2.20 Ngữ văn: 2.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.00
TRƯƠNG TRỌNG NGHĨA	26/06/1999	29005181	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ NGỌC MAI	14/08/1999	29007929	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.33 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 5.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.20

NGUYỄN THỊ THU TRANG	11/07/1999	29006699	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GD&CD: 6.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.80
THÁI ĐÌNH HOÀNG	19/12/1999	29001941	Toán: 9.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN HOÀNG TÚ	28/12/1999	29007463	Toán: 1.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 3.25 GD&CD: 7.00 KHXH: 3.92 Tiếng Anh: 1.60
TRẦN THỊ DƯƠNG	20/09/1999	29011282	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GD&CD: 8.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG VÕ PHƯƠNG ANH	16/10/1999	29027812	Toán: 8.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 8.50 Sinh học: 9.00 KHTN: 8 Tiếng Anh: 6.00
HOÀNG THỊ LÊ	09/12/1997	29003639	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.75 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN MINH HUY	27/10/1999	29024781	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50
LÊ THÀNH CÔNG	14/01/1998	29005972	Toán: 8.80 Vật lí: 8.25 Hóa học: 9.00
HỒ QUANG SƠN	03/02/1998	29007190	Toán: 9.40 Hóa học: 8.25 Sinh học: 8.25
TRẦN QUỲNH TRÂM	10/06/1999	29022583	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN HỮU TRƯỜNG	24/09/1999	29002659	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.50 GD&CD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.80
ĐÀO THỊ THANH TRÀ	08/03/1999	29019004	Toán: 4.60 Ngữ văn: 8.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 7.20
NGUYỄN THỊ THƯ	07/04/1999	29016987	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 7.25 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 4.20
PHẠM THỊ MINH CHI	04/11/1998	29014755	Toán: 5.20 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.50
NGUYỄN THỊ PHÚ	04/10/1999	29011753	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 4.00
THÁI THỊ VÂN ANH	29/09/1999	29005482	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 5.50 GD&CD: 6.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG THỊ NGÂN	04/09/1999	29005790	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GD&CD: 7.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.60
ĐẶNG CÔNG ĐỨC	06/07/1997	29019684	Toán: 7.40 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.25
LÊ THỊ DUYÊN	02/07/1999	29004934	Toán: 2.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.25 GD&CD: 9.50 KHXH: 8.5 Tiếng Anh: 6.60

VŨ QUANG LINH	15/01/1999	29014549	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ NHUNG	20/10/1998	29012285	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.25 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN TRUNG DŨNG	11/02/1999	29023138	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 6.20
TRẦN DANH CƯỜNG	30/04/1999	29029766	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	11/11/1999	29024352	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 2.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 6.25 KHTN: 4.58 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.75 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 4.60
HOÀNG THỊ HUYỀN	10/02/1999	29013181	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.25 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.80
ĐẶNG THANH QUÝ	27/11/1999	29024850	Toán: 1.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 2.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 2.25 KHTN: 2.67 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00
NGUYỄN THỊ TRANG	07/04/1999	29030806	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN SỸ NGUYỄN	29/10/1998	29024824	Toán: 3.00 Ngữ văn: 1.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 1.50 Sinh học: 1.75 KHTN: 2 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 2.25
NGUYỄN THỊ HUẾ	05/02/1999	29029018	Toán: 6.80 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.50 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 7.60
LÊ THỊ NGUYỆT	12/04/1999	29021962	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 9.25 GDCD: 7.75 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN TRUNG	14/07/1999	29027073	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 1.25 KHTN: 2.33 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN ĐÌNH HỒNG	30/10/1999	29010897	Toán: 8.60 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 7.40
TRẦN THỊ UYÊN	14/05/1999	29021417	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 6.25 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 7.60
NGUYỄN VĂN THANH	28/07/1999	29030637	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.60
PHAN LỄ QUÂN	20/06/1999	29030232	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ THANH TÂM	01/01/1999	29012365	Toán: 2.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 9.50 GDCD: 8.25 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 2.60

THÁI THỊ THẢO HOA	24/11/1999	29026113	Toán: 5.40 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 9.75 GDCD: 7.50 KHXH: 8.67 Tiếng Anh: 5.60
HOÀNG THỊ HƯƠNG LY	21/02/1999	29007926	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ THÙY LINH	20/07/1999	29025114	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 4 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG THỊ TRANG	19/04/1999	29011100	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.08 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.20
HÀ THỊ NGÀ	20/07/1999	29013656	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.60
TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG THẢO	16/12/1999	29024041	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 3.80
VÕ THỊ QUỲNH PHƯƠNG	15/12/1999	29019943	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN HOÀNG NAM	13/10/1999	29021193	Toán: 6.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 3.40
LƯU ĐÌNH THANH	12/09/1998	29010653	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.00 GDCD: 8.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.20
PHAN THỊ VÂN	06/08/1999	29030929	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 9.00 Sinh học: 6.00 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN VIỆT ĐỨC	18/01/1999	29019307	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.00
LÔ QUẾ LÂM	20/11/1999	29025100	Toán: 6.80 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 2.60
ĐÀO HUYỀN TRANG	12/02/1999	29005345	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 5.00
LƯƠNG VĂN SƠN	11/05/1999	29008428	Toán: 3.80 Ngữ văn: 2.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ NGỌC DIỆP	11/05/1999	29025982	Toán: 8.60 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 10.00
NGUYỄN VĂN CÔNG	01/01/1999	29019243	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 9.00 GDCD: 7.00 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 3.20
TRƯƠNG NHƯ TIẾN	26/02/1999	29028128	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.80

PHẠM VĂN DUY	27/08/1999	29027855	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 7.20
HOÀNG GIA BẢO	02/04/1999	29024939	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 6 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN THỊ HIỀN LƯƠNG	30/06/1999	29030539	Toán: 7.40 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 8.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 6.40
LÊ THỊ LINH	04/03/1999	29008802	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.40
LÊ VĂN THẮNG	19/02/1998	29004640	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN TRUNG TIẾN	18/12/1998	29018989	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ HÀ	17/03/1999	29018422	Toán: 4.20 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 9.50 KHXH: 8.83 Tiếng Anh: 3.60
NGŨ THỊ TÚ	08/03/1999	29023058	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN HOÀNG BẢO YẾN	12/09/1999	29022674	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.20
VI VĂN THỎA	20/11/1998	29012415	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ CHUNG	10/01/1999	29001248	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.40
PHAN THỊ HƯƠNG GIANG	24/11/1999	29027275	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.00
TRƯƠNG THỊ TRÀ	17/07/1999	29015237	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.50 GDCD: 6.50 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 3.00
LÊ TIẾN LỊCH	12/02/1999	29015768	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN MẠNH	13/08/1999	29002497	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN MINH TRUNG	29/03/1999	29004758	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.40
CAO VĂN PHÚ	02/09/1999	29007077	Toán: 4.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 1.60

NGÔ XUÂN THÀNH	26/11/1999	29004628	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.80
BÙI HỮU QUỐC BẢO	21/05/1999	29009069	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN VĂN THÁI	19/10/1999	29005279	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.20
VI THỊ HẰNG	04/10/1999	29013943	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN ĐÌNH TRUNG	24/09/1999	29027780	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00
CAO VĂN BÌNH	10/06/1999	29019222	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.75 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 2.60
HOÀNG THỊ XUÂN	24/08/1999	29002174	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 7.50 KHTN: 7 Tiếng Anh: 6.20
PHAN THỊ NGÀ	09/10/1999	29030132	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 4.60
HÀ THỊ NGỌC TRÂM	22/12/1999	29013397	Toán: 8.80 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 9.50 Sinh học: 9.25 KHTN: 7.83 Tiếng Anh: 3.80
CỤT VĂN DƯ	10/01/1999	29008229	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 4.75 KHXH: 3.83 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN QUỐC HUY	20/12/1999	29024779	Toán: 2.60 Ngữ văn: 2.50 Vật lí: 1.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.42 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00
NGUYỄN THỊ XUYỀN	01/07/1999	29014228	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ LINH PHƯƠNG	04/09/1999	29029191	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	12/04/1998	29014266	Ngữ văn: 3.50
NGUYỄN CẢNH VIỆT	30/06/1998	29020540	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.25 Sinh học: 1.75 KHTN: 2.5 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 5.25 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 3.20
VƯƠNG THỊ TRANG	16/01/1999	29009985	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 8.50 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 4.80
ĐINH TRỌNG THÔNG	08/01/1999	29028686	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.40

QUANG VĂN LONG	05/08/1989	29014251	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75
LÊ ĐỨC SINH	17/10/1999	29004133	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 5.25 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN VĂN SÁNG	26/07/1999	29002907	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.00
BÙI QUỐC BẢO	29/01/1999	29017830	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG THỊ HUYỀN	11/02/1999	29010434	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	22/10/1999	29022958	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.40
CAO QUỐC CƯỜNG	08/01/1999	29011270	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.25 KHXH: 8 Tiếng Anh: 3.00
HỒ ANH QUÝ	08/09/1999	29027554	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 5.00
HOÀNG THỊ TÂM	06/08/1999	29022056	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.25 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN ĐÌNH SÂM	12/03/1999	29021265	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.25 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN HOÀNG ANH	22/08/1999	29027160	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ ĐỀ	28/07/1999	29021656	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.00
HỒ PHÚC VƯỢNG	06/08/1999	29016567	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.80
LÊ THỊ LOAN	23/03/1999	29018843	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 8.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 2.00
HOÀNG THỊ HUYỀN	09/11/1999	29007653	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG THỊ HỒNG THẨM	01/11/1999	29010665	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM THỊ HUYỀN THƯƠNG	16/11/1999	29027009	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 5.00

NGUYỄN VĂN LINH	03/08/1995	29026654	Toán: 2.20 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.00
LÊ THỊ BÍCH NGỌC	26/12/1999	29018075	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 7.75 KHTN: 7.92 Tiếng Anh: 5.80
HOÀNG ĐỨC CHIẾN	28/07/1999	29007544	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 9.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ LÀI	22/08/1999	29010457	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN THỊ NA	20/01/1999	29007933	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN THỊ HÀ	20/09/1999	29021695	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.00
PHẠM THỊ HIẾU	08/03/1999	29029905	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN TUẤN	16/03/1999	29006765	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HẠNH	16/12/1998	29030439	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.00
VÕ HỮU SƠN	22/07/1998	29029227	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN HỮU KHÁNH	01/06/1999	29027944	Toán: 8.20 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG THỊ PHƯƠNG	20/01/1999	29028601	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 4.80
TRƯƠNG THỊ HẠNH	23/05/1999	29014396	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.40
PHAN THỊ MAI	08/06/1999	29030548	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN THỊ HƯƠNG THIÊN	17/05/1999	29006620	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 5.20
TRẦN THỊ KHÁNH VÂN	05/02/1999	29027126	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.08 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.40
THÁI THỊ THẢO	26/06/1999	29030680	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 4.20

NGUYỄN VĂN CƯỜNG	05/01/1999	29019876	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.20
HỒ THỊ HUỖN	01/01/1998	29015948	Toán: 8.40 Hóa học: 9.00 Sinh học: 8.75
LÔ THỊ DƯƠNG	06/01/1999	29014346	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.20
QUANG VĂN THỦY	01/09/1999	29015199	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN PHÚC THẮNG	06/04/1999	29016383	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN VĂN BẰNG	06/01/1999	29016087	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 4.20
HOÀNG KHẮC MẠNH	19/06/1999	29025541	Toán: 7.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 6.60
TRỊNH BÁ CẢNH	20/11/1999	29007538	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.40
TRƯƠNG VĂN HUY	25/03/1999	29012780	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.00
LÊ THỊ THỦY	22/10/1999	29020072	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.40
PỊT VĂN CẮNG	20/05/1999	29020566	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.80
HỒ VIỆT NHẬT	20/12/1999	29025569	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ THU TRANG	27/07/1999	29009975	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM BÁ NAM	14/09/1999	29002021	Toán: 9.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 9.50 Hóa học: 9.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 4.60
VI THỊ ÚT THƯƠNG	17/04/1999	29014175	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 4.00
VÕ ĐÌNH BẮC	05/10/1999	29001230	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ MAI	25/04/1999	29019594	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.40

VÕ HỮU QUANG TÂM	02/02/1998	29023508	Toán: 8.40 Vật lí: 9.00 Tiếng Anh: 7.00
NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	10/08/1999	29002415	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN CHÍ BẢO	11/11/1997	29007166	Toán: 0.80 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ KHÁNH CHI	20/12/1999	29030390	Toán: 6.60 Ngữ văn: 8.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 6.60
LƯƠNG VĂN SÁNG	07/09/1998	29014256	Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.50
TRẦN THỊ THU PHƯƠNG	24/04/1999	29026452	Toán: 3.20 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 9.75 Địa lí: 9.50 GDCD: 7.75 KHXH: 9 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM VĂN THUYỀN	28/01/1999	29009937	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ TÂM	06/02/1999	29002590	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.60
PHAN THỊ NGÀ	10/03/1999	29030133	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.60
HỒ THỊ NGÂN	25/02/1999	29017405	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.20
THÁI KHẮC DŨNG	08/03/1999	29000655	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 5.92 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 4.60
ĐẶNG THỊ QUỲNH THẢO	01/12/1999	29006609	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN VĂN LINH	09/09/1999	29027414	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 9.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.20
BÙI THỊ NGÀ	25/05/1999	29004033	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG THỊ ÁNH	18/08/1999	29006847	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN TIẾN ĐẠT	20/01/1999	29013916	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.75 Tiếng Anh: 3.20
PHAN TÙNG LÂM	29/07/1999	29026226	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 6.25 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 2.80

ĐẶNG NGỌC ÁNH	23/10/1997	29004214	Toán: 3.80 Hóa học: 1.75 Sinh học: 4.00
LÔ VĂN LẬP	16/04/1983	29013836	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 2.75
TRẦN THỊ HÀ	11/05/1999	29028364	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG VĂN THẮNG	27/09/1999	29002093	Toán: 8.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 6 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	18/05/1999	29015692	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.75 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ HIỀN SINH	14/04/1999	29016304	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.80
LÊ QUANG ANH	24/02/1999	29009421	Toán: 7.60 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN VĂN DŨNG	17/08/1999	29019272	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN HIỆP	10/06/1999	29014427	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN ĐÌNH TRUNG	09/08/1999	29000876	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 2.25 KHXH: 3.42 Tiếng Anh: 2.40
BÙI ĐĂNG DŨNG	06/10/1999	29025994	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 5.80
TRẦN THỊ MAI LAN	29/08/1999	29015757	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.00
VŨ VĂN THIỆU	28/03/1999	29024060	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 9.80
TRẦN THU CÚC	06/03/1999	29004914	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.25 KHXH: 8.33 Tiếng Anh: 5.20
HOÀNG NGỌC HUY	07/12/1999	29009637	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.60
MAI THỊ DUYÊN	12/10/1998	29003756	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 1.60
THÁI THỊ HOA	18/02/1999	29010412	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN VĂN HIẾU	20/05/1999	29011326	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 9.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.00

NGUYỄN THỊ LƯƠNG	03/10/1999	29012200	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.60
BÙI THỊ TÚ	06/10/1999	29030878	Toán: 4.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.25 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 5.20
LÊ VĂN DŨNG	22/11/1999	29016119	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN DUY THĂNG	08/06/1998	29028832	Toán: 6.40 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.75
LÔ VĂN DU	01/08/1999	29013899	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NHI	22/12/1999	29003232	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN ĐÌNH NHẬT	24/07/1999	29011739	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 2.80
VŨ HỒNG DUY	22/03/1999	29019275	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ THÚY NGẦN	01/08/1999	29002849	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ BÌNH	05/06/1999	29029733	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.40
ĐÀO VĂN LỢI	05/04/1999	29001990	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 4.80
ĐÌNH HOÀNG TUYẾN	30/09/1999	29009368	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 4.40
TRƯƠNG XUÂN SANG	23/12/1999	29011766	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN TIẾN QUÂN	08/06/1999	29019955	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.00
NGÔ MẠNH HÙNG	19/09/1999	29017966	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN HÀ MY	01/04/1999	29015038	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 6.50 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 4.40
LÊ ĐỨC SƠN	20/03/1999	29026486	Toán: 7.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 8.00

TRẦN MINH HIẾU	22/02/1999	29026107	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THẾ THẮNG	21/01/1999	29011510	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.25 GDCD: 7.75 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG THỊ NHƯ TRANG	15/12/1999	29017779	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 4.00
NGUYỄN THỊ DƯƠNG	08/04/1999	29001268	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.40
PHÙNG BÁ THẮNG	14/02/1999	29028080	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.80
PHAN THỊ OANH	02/11/1999	29009236	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.33 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 3.50 GDCD: 7.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ SƯƠNG	10/06/1999	29023326	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 3.00
HỒ THỂ HƯNG	28/08/1999	29017300	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 5.75 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.00
CHU THỊ HỒNG GIANG	29/09/1998	29004229	Toán: 7.60 Hóa học: 7.00 Sinh học: 7.25
NGUYỄN THỊ NGỌC KHUÊ	26/10/1999	29008786	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ VÂN ANH	10/12/1999	29003695	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ TOÀN	06/02/1998	29016029	Toán: 7.40 Hóa học: 7.25 Sinh học: 6.75
DƯƠNG THỊ THỦY HẰNG	29/08/1999	29024279	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.40
ĐẬU THỊ THÙY MỸ	03/02/1998	29006099	Toán: 8.80 Vật lí: 8.50 Tiếng Anh: 7.60
NGUYỄN THỊ THANH TRÀ	26/11/1999	29005341	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ TÚ ANH	03/12/1999	29025890	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN VĂN MẠNH	24/05/1998	29021908	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.40

HOÀNG MẠNH KỲ	06/09/1999	29010919	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.08 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG THỊ HOAN	10/04/1999	29017258	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM HỒNG QUÂN	14/11/1999	29029575	Toán: 8.20 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 8.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 3.80
ĐẶNG ĐÌNH KHOA	13/08/1998	29005081	Toán: 1.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.50 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN QUANG HUY	11/12/1997	29024778	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 2.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.58 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.25
ĐINH HỮU QUÁN	12/01/1999	29007964	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN QUỐC VINH	23/09/1999	29024146	Toán: 4.60 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 3.80
LÊ THỊ YẾN	20/10/1999	29004851	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.60
LÊ HUY BẰNG	02/02/1999	29011259	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN TIẾN HÀ	12/06/1999	29013120	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 5 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.00 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ THU HIỀN	13/12/1999	29027898	Toán: 5.60 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ LAN ANH	01/12/1999	29007205	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 5 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	01/01/1999	29026254	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 9.75 GDCD: 8.25 KHXH: 8.75 Tiếng Anh: 4.80
NGÔ ĐỨC MẠNH	17/08/1999	29011407	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN HỮU ĐẠT	04/10/1999	29023447	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.50
PHAN THỊ LONG	02/09/1999	29015813	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN NGỌC THỌ	01/12/1999	29017545	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.20

LÊ THỊ THÙY DUNG	27/07/1999	29010305	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ HẰNG	28/05/1999	29002337	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.25 GDCD: 7.75 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.20
PHAN THỊ TIÊN	05/03/1999	29030767	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 4.40
PHẠM THỊ KIM ÁNH	18/09/1999	29025911	Toán: 7.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.75 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 9.80
PHẠM THỊ TÚ UYÊN	02/07/1999	29019093	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.20
BÙI VIẾT HOÀNG	08/10/1999	29007874	Toán: 7.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 9.80
NGUYỄN TẮT THỊNH	17/04/1999	29002098	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.25 KHTN: 3.08 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 2.80
LÊ VĂN TÚ	22/04/1999	29004772	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 2.40
ĐINH THỊ NGỌC ANH	17/10/1999	29013852	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 7.60
NGUYỄN TRỌNG HIỆP	10/02/1998	29022798	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.60
TRƯƠNG THỊ NGỌC ÁNH	08/01/1999	29000047	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.00 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 4.20
CHU THỊ HUYỀN	26/11/1998	29021817	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.40
PHAN TẮT HIẾU	02/02/1999	29028992	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 2.80
NGÔ TIẾN HƯNG	12/05/1997	29025276	Toán: 8.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 2.75 Tiếng Anh: 7.40
TRẦN THỌ THÀNH	22/04/1999	29028059	Toán: 7.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ THÙY	27/03/1999	29009931	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 6.75 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 4.00
MAI QUANG HUY	23/03/1999	29024340	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 6.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.80

TRẦN THỊ ĐÀO	19/07/1999	29017158	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.40
PHAN VĂN BẮC	11/12/1999	29004895	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.50 GDCD: 7.25 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 4.40
VŨ VĂN THI	24/06/1999	29018941	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 2.80
THÁI VIỆT ĐÔNG	07/07/1998	29010731	Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 9.50 Địa lí: 9.50
HOÀNG ĐÌNH BẢO	18/09/1998	29011255	Toán: 4.20 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.00
ĐẬU MINH QUÂN	11/03/1999	29016900	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN ĐĂNG TÔNG	25/12/1999	29002119	Toán: 8.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 10.00 Sinh học: 9.00 KHTN: 7.67 Tiếng Anh: 6.60
NGUYỄN SỸ ANH QUÂN	27/12/1999	29000758	Toán: 8.20 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 3 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 8.80
NGUYỄN THỊ KIM ANH	02/09/1999	29028850	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN HOÀNG MINH HUYỀN	30/06/1999	29026823	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.08 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ TRINH	09/09/1999	29017019	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 4.20
LƯƠNG VĂN TRƯỜNG	06/12/1999	29003557	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.92 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN LƯU NGỌC CHÂU	26/07/1999	29011936	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 4.40
HOÀNG MẠNH KẾT	04/05/1998	29013589	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.20
PHẠM SỸ HÙNG	16/06/1998	29003630	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.00 GDCD: 6.25 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 3.40
TRƯƠNG ĐỨC HUỠNH	08/08/1999	29004472	Toán: 7.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 4.20
BÙI SONG TOÀN	26/08/1998	29004288	Toán: 3.80 Vật lí: 2.25 Hóa học: 2.00
ĐẶNG CÔNG AN	14/07/1999	29006830	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 9.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.20

NGÔ NHẬT LINH	06/10/1999	29017339	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.60
HOÀNG THỊ HUYỀN	07/09/1999	29006045	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75
VI QUANG LINH	18/01/1999	29013620	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.00
QUÁCH THỊ OANH	06/05/1999	29016864	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN TRỌNG HÙNG	03/11/1999	29011665	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 2.60
ĐẬU THỊ HUYỀN TRANG	29/06/1999	29011812	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.17 Tiếng Anh: 2.80
PHAN THỊ PHƯỢNG	01/11/1999	29000488	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.50 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 3.80
LƯU THỊ HOA	06/02/1999	29022806	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.20
PHAN THỊ THANH LAM	19/02/1999	29013195	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.42 Tiếng Pháp: 2.40
QUANG THỊ DƯƠNG	11/04/1999	29003086	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.80
VÕ THỊ HƯƠNG TRÀ	19/12/1999	29013388	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.08 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.25 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.80
CAO ĐẶNG LINH	05/11/1999	29013201	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 4 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN VĂN TÚ	08/06/1999	29004776	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VIỆT THUẬN	29/03/1999	29028701	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN VĂN DŨNG	03/01/1974	29014765	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.75
LÊ VĂN HIẾU	16/07/1999	29003857	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.60
VĂN THỊ YẾN	05/01/1999	29002185	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 6.50 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 3.00

LÊ THỊ MAI PHƯƠNG	09/09/1999	29002885	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 7.75 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 3.40
LÊ VĂN ANH	16/12/1999	29006836	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ NGUYỆT	14/07/1999	29007948	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 1.25 KHTN: 2.67 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN THẮNG	04/09/1998	29024864	Toán: 4.60 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.25
LÔ THỊ HÒA	24/02/1999	29003397	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 1.75 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.83 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.80
PHẠM THỊ HÀ	05/12/1999	29003798	Toán: 5.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 10.00 GDCD: 8.75 KHXH: 9.25 Tiếng Anh: 6.80
NGUYỄN KHẮC SANG	18/04/1999	29029586	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 8.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 3.60
VŨ VĂN VINH	07/03/1998	29016561	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 1.80
TRẦN THỊ THU THẢO	02/10/1999	29026976	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 8.40
LÊ THANH HUYỀN	15/10/1999	29026820	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.83 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN VĂN CAO	19/02/1999	29003709	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ VÂN	02/02/1999	29023077	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.80
HẠ BÁ HẠ	24/02/1999	29008264	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.00 GDCD: 3.50 KHXH: 3.33 Tiếng Anh: 3.00
ĐẶNG VĂN ĐỨC	09/11/1999	29019302	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 6.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN PHƯƠNG ĐÔNG	07/10/1999	29010852	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.58 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 2.40
PHẠM KIM THOA	18/11/1999	29007412	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 2.25 KHTN: 3.08 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 3.75 GDCD: 5.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.60
TRƯƠNG THỊ THÚY	21/02/1999	29004666	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.60

TRẦN THỊ THỦY	24/09/1999	29030747	Toán: 8.00 Ngữ văn: 9.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 8.80
NGUYỄN TRUNG PHONG	26/06/1999	29023959	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 9.50 Hóa học: 8.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN THỊ GIANG	12/01/1999	29001894	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 6.75 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 9.60
TRẦN VĂN CƯỜNG	16/10/1999	29000648	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.67 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN TIÊN ĐIỀN	10/08/1999	29007581	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 3.80
HOÀNG THỊ THU HẰNG	02/12/1999	29021037	Toán: 8.40 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.40
PHAN VĂN NGỌC	11/12/1999	29021957	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.00
ĐẶNG XUÂN TƯ	08/08/1997	29017799	Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.75
PHAN THỊ GIANG	22/07/1999	29007270	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THẾ SONG	20/03/1999	29006153	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.50
NGUYỄN CẢNH THÔNG	19/03/1998	29024869	Toán: 7.60 Vật lí: 6.50 Tiếng Anh: 6.40
NGUYỄN PHÙNG TẤT HOA	16/01/1999	29000212	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 5.40
LÊ ĐỨC NHẬT	16/11/1999	29018088	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 6.00 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 4.60
NGÔ VĂN QUÝ	01/01/1999	29014718	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.60
TRƯƠNG TRỌNG NHÂN	14/06/1999	29018634	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ LÂM	11/12/1999	29011684	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 5.80
PHAN VĂN QUÂN	03/12/1998	29029576	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 3.20

PHẠM THỊ HẰNG	28/01/1999	29019360	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ GIANG	15/10/1999	29008679	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.60
HOÀNG THỊ THU HUYỀN	14/04/1999	29010435	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ HẰNG	04/10/1999	29003830	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN HOÀI THU	18/07/1999	29028097	Toán: 8.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 7.60
TRẦN THƯỢNG BAN	10/06/1999	29024938	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ MINH TÂM	17/10/1999	29009887	Toán: 9.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 9.60
LÊ VĂN ĐẠT	02/05/1998	29023446	Toán: 7.80 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.75
LÔ THỊ PHƯƠNG	16/06/1999	29025591	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN THỊ THANH	15/07/1999	29001619	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.25 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 2.20
ĐẶNG THỊ TRANG	28/08/1999	29002639	Toán: 8.20 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 8.60
TRẦN PHƯƠNG TRANG	19/08/1999	29027053	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 2.92 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ SEN	17/06/1999	29005879	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 5.50 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 3.80
PHẠM CÔNG TUẤN ANH	10/05/1998	29030295	Toán: 8.60 Vật lí: 8.25 Hóa học: 7.50
BÙI THÁI HOÀNG	13/12/1998	29003886	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 5.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN ĐẠT	10/04/1999	29002800	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.5 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 5.20
ĐẬU THỊ BÍCH NGỌC	22/07/1999	29026378	Toán: 7.60 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 8.60

NGUYỄN ĐÌNH HIẾU	12/04/1999	29021064	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 3.50 GDCD: 6.50 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.00
LƯƠNG THỊ THANH THỦY	14/06/1999	29024074	Toán: 9.00 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 8.50 Sinh học: 9.00 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ LY	10/08/1999	29011401	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 2.60
PHAN THỊ NHUNG	08/01/1999	29021974	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ NGỌC LANH	24/01/1999	29007912	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 2.25 KHTN: 2.5 Tiếng Anh: 5.00
VŨ VĂN HIỆP	15/09/1998	29004424	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 2.80
KHA THỊ SEN	30/12/1999	29020796	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
ĐẶNG TỔ NGỌC	10/11/1999	29011730	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 3.40
VÕ THỊ LÝ	04/11/1997	29025536	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.25 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.80
PHAN VĂN HIẾU	16/03/1998	29019705	Toán: 9.40 Vật lí: 8.00 Tiếng Anh: 7.40
NGUYỄN MỸ PHÁP	06/09/1999	29001555	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN HUYỀN TRANG	24/09/1999	29028730	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN THỊ THẨM	24/09/1999	29008947	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.40
HOÀNG THỊ XUÂN HƯƠNG	06/06/1999	29011674	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 4.00
ÂU VĂN DƯƠNG	12/02/1999	29012688	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.60
BÙI THÁI ĐĂNG	25/01/1999	29004376	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN ANH DŨNG	24/09/1999	29011613	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 9.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 3.00

VÕ HOÀI LÂM	25/07/1999	29013198	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.25 Tiếng Pháp: 2.80
NGUYỄN ĐĂNG CƯỜNG	13/04/1999	29029765	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN BÁ THẮNG	30/08/1999	29022987	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN CẢNH HÒANG	21/02/1999	29026132	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN THỊ THẢO NGUYỄN	01/01/1999	29025565	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 9.50 Địa lí: 9.50 GDCD: 9.25 KHXH: 9.42 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ SƯƠNG	18/03/1999	29011485	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM VIỆT ANH	10/10/1999	29018725	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 6 Tiếng Anh: 4.00
VI LÃY PHON	23/12/1999	29013684	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ THÚY HIỀN	27/01/1999	29028981	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN ĐÌNH CHIẾN	09/09/1999	29011944	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.20
HỒ VIỆT ANH	06/01/1999	29010037	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.75
ĐẶNG HỒNG QUÂN	25/08/1999	29025599	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.5 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ HẰNG	20/10/1999	29009569	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 6.80
NGUYỄN CÔNG THÔNG	10/10/1999	29002617	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.40
THÁI DUY THẮNG	04/02/1997	29019795	Toán: 9.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 9.25
LÊ VĂN KỶ	11/07/1999	29001446	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THÀNH DŨNG	11/09/1999	29005538	Toán: 2.80 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 5.75 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 1.40
ĐẶNG THỊ CHINH	15/11/1999	29015445	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 4.20

NGUYỄN THỊ HẰNG	22/01/1999	29002335	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 2.50 GDCD: 2.75 KHXH: 2.67 Tiếng Anh: 4.40
VY THỊ PHƯƠNG	19/01/1999	29003252	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ TRANG	09/02/1999	29001175	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.42 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.25
LẦU Y XIA	20/04/1999	29008508	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 4 Tiếng Anh: 2.80
ĐẬU THỊ NGHUYỄN THƯƠNG	21/06/1999	29020081	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.80
HOÀNG PHƯƠNG THẢO	22/07/1999	29012381	Toán: 8.80 Ngữ văn: 8.25 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.75 Sinh học: 7.25 KHTN: 8.17 Tiếng Anh: 6.60
PHAN TƯỜNG VI	06/12/1999	29006802	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.40
BÙI THỊ TRANG	19/05/1999	29009301	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.20
LÊ THỊ TRÀ	22/12/1999	29017584	Toán: 8.60 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 8.20
PHẠM ĐỨC THẮNG	04/11/1999	29022452	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 8.20
TRƯƠNG THỊ HÀ	25/08/1999	29008688	Toán: 7.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 4.60
VÕ VĂN PHÚC	14/12/1999	29011458	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN XUÂN LÝ	22/10/1999	29024808	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.50 KHTN: 3 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25
NGUYỄN HẢI ĐĂNG	20/10/1999	29024743	Toán: 1.80 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.25
NGUYỄN XUÂN HOÀN	27/11/1999	29017947	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ NGỌC DIỆP	28/04/1999	29020593	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.80

NGUYỄN VĂN ĐỨC	26/08/1999	29021673	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 5.50 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.00
TẶNG THỊ NHƯ QUỲNH	30/04/1999	29005250	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 8.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN THỊ LÂM OANH	10/10/1999	29022398	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 9.00 Sinh học: 6.00 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 4.00
VÕ VĂN HIẾN	29/01/1999	29010883	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ THƯƠNG	19/04/1999	29016990	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 6.25 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 4.80
HÀ VĂN MẠNH	08/09/1999	29014596	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.80
THÁI KHẮC HIỆP	17/11/1999	29001359	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ THUỶ	28/06/1999	29022506	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN TƯỜNG VI	01/01/1999	29028252	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN ĐỨC QUỐC	25/03/1999	29014112	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.00
PHẠM THỊ HUYỀN	12/04/1999	29000285	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.40
VƯƠNG QUỐC THỌ	05/08/1999	29028683	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 4.60
MOONG THỊ THỦY	18/03/1999	29020831	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 3.25 GDCD: 5.50 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.80
VÕ ĐÌNH CƯỜNG	05/04/1999	29023129	Toán: 9.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 9.50 Hóa học: 9.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 8.17 Tiếng Anh: 3.60
THÁI ĐẮC TƯỜNG	22/06/1999	29000899	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 3.80
LÊ THỊ HUYỀN	08/08/1998	29028459	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 2.75 GDCD: 6.50 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 2.80
VÕ THỊ HƯƠNG	12/12/1999	29012124	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.40

PHẠM MINH SAO	24/10/1996	29004277	Toán: 3.20 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.60
PHAN THỊ THU	30/03/1999	29007145	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.20
LƯU VĂN NAM	05/08/1999	29013239	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 3.00
NGÔ THỰC MÂY	10/07/1999	29024458	Toán: 8.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 8.80
TRẦN THỊ TÂM	31/10/1999	29011491	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ HUYỀN	02/08/1999	29022832	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.60
LÊ THỊ LAM	22/01/1999	29017314	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 7.80
TẠ THỊ QUỲNH	20/03/1999	29007101	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 6.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN QUÂN	07/02/1999	29023308	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ CẨM TÚ	08/07/1999	29027087	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 6.75 KHTN: 5.08 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN TUẤN THÀNH	16/10/1999	29024025	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ HOÀI	24/05/1999	29006951	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 4.80
HOÀNG THỊ NGỌC	24/07/1999	29000732	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.17 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN ĐỨC MẠNH	24/04/1999	29004011	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.00
PHAN VĂN HOÀI	10/05/1999	29014452	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.80
ĐINH CHÍ TUẤN	09/05/1999	29007799	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.20
NGÔ THỊ KIỀU	16/05/1999	29014509	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.80

HỒ THỊ DIỆP ANH	16/06/1999	29009419	Toán: 9.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 8.25 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN MINH THIẾN	07/12/1999	29026518	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 7.40
PHAN THỊ HOÀI	01/01/1999	29021779	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.20
LÊ ANH DŨNG	22/05/1998	29017141	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 5.50 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.40
LÊ ĐÌNH NHẬT	15/07/1998	29002031	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.83 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.40
THÁI THỊ HƯƠNG TRÀ	20/05/1999	29029314	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN BÁ BÌNH	14/02/1999	29011094	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 8.40
NGUYỄN VĂN LỄ	21/10/1999	29015765	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.25 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 3.40
TRƯƠNG VĂN DƯƠNG	19/12/1994	29021459	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 7.25
VĂN THỊ THANH DƯƠNG	12/03/1999	29017155	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.50 GDCD: 7.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 4.40
HỒ THỊ YẾN	07/03/1999	29019117	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.60
TRƯƠNG VĂN HOÀNG	01/06/1999	29024327	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 3.60
TRƯƠNG XUÂN ĐỨC	27/06/1999	29011993	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ THÚY	10/01/1999	29030753	Toán: 5.20 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 6.25 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 4.40
HOÀNG VĂN HIẾU	30/07/1999	29000203	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN BẢO ANH	21/05/1996	29022091	Toán: 4.60 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.25
NGUYỄN NGỌC DIỆP	25/08/1999	29000976	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.92 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 7.00

HỒ THỊ TRANG	22/10/1999	29021375	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.80
LÊ THỊ DIỆU LINH	20/01/1999	29013613	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN THỊ SOA	25/04/1999	29022042	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN THỊ VÂN ANH	04/10/1999	29015409	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 5.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ HOÀI	17/06/1998	29015941	Toán: 5.80 Vật lí: 3.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 6.25 KHTN: 5.5
CHU VIỆT ĐỨC	26/01/1998	29003773	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.60
ĐẶNG QUANG TUẤN	20/09/1999	29003000	Toán: 8.80 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN DIỆM	15/03/1999	29027220	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 5.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 1.60
HỒ NGỌC CAO	22/08/1999	29017842	Toán: 6.00 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 2.00 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN MINH	21/04/1997	29004264	Toán: 6.60 Vật lí: 7.50 Hóa học: 6.00
NGUYỄN QUÝ HUY	03/10/1999	29002819	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.42 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN KHÁNH HÒA	03/12/1999	29025440	Toán: 1.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.80
LÊ ANH TUẤN	11/04/1999	29011158	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.25 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 3.00
VƯƠNG HOÀNG MINH	02/01/1999	29008835	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.20
HỒ ĐỨC NHẬT	27/02/1999	29014655	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ HUYỀN	19/05/1999	29029503	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.40
VÕ TRỌNG TUẤN	22/08/1999	29006768	Toán: 6.00 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.80

HỒ QUANG HUY	02/01/1999	29025457	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN THỊ HÀ	19/02/1999	29028365	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 9.00 Sinh học: 8.50 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ NGÀ	03/02/1999	29022902	Toán: 9.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN THANH HÀ	30/05/1998	29008062	Toán: 9.20 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.75
PHẠM VĂN NAM	07/02/1998	29026354	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.50 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 2.60
PHAN THỊ PHƯƠNG	26/10/1999	29028608	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 2.20
ĐINH TRỌNG TÚ ANH	18/07/1999	29015390	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 6.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.00
TRƯƠNG VĂN MINH	14/11/1998	29029125	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ QUỲNH	26/02/1999	29012335	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.80
TRƯƠNG VĂN OAI	22/03/1999	29010586	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.00
MOONG THỊ CHẨN	25/05/1999	29008169	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN THỊ THU	14/06/1999	29020057	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 9.50 GDCD: 6.50 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 6.80
PHAN TIẾN VINH	12/12/1999	29027132	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 9.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 6.08 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 9.00
HÀ VĂN TÚ	02/10/1999	29013781	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN QUYỀN	03/07/1999	29030245	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ BÌNH DƯƠNG	13/07/1999	29001870	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THÀNH ĐẠT	22/07/1998	29021649	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 1.80

LƯU THỊ THÙY TRANG	12/09/1999	29007432	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.60
LÊ QUỲNH TRANG	15/08/1999	29014183	Toán: 8.40 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 9.60
ĐẶNG TRỌNG QUÂN	07/08/1999	29019952	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.00
TRƯƠNG THÀNH LUÂN	08/10/1990	29017712	Toán: 1.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.00
NGUYỄN THẾ HẬU	04/04/1998	29029355	Toán: 8.40 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.50
PHAN VĂN TÚ	14/02/1999	29006755	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ LÝ	18/11/1999	29015842	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN ĐÌNH DŨNG	12/04/1998	29010838	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 2.92 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THÀNH ĐẠT	28/02/1999	29026017	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.25 Sinh học: 6.75 KHTN: 8.17 Tiếng Anh: 6.80
NGÔ THỊ KIỀU DUNG	15/11/1999	29004926	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ THỦY	15/06/1999	29009936	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.00
LÊ VĂN MINH HIẾU	09/05/1999	29022800	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN TÚ TIẾN	12/07/1999	29008010	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 2.40
LỘC THỊ GIANG	19/03/1999	29025402	Toán: 5.20 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 9.50 GDCD: 8.00 KHXH: 8.67 Tiếng Anh: 3.00
LÔ THỊ MẶN	28/09/1999	29019601	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.80
LƯƠNG VĂN ĐẠT	23/02/1999	29013505	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.20
LÊ THỊ THU HIỀN	08/04/1999	29007861	Toán: 8.40 Ngữ văn: 8.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 9.00

PHAN HUY TRỌNG	27/01/1999	29029637	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 4.80
ĐẶNG ANH QUÂN	24/10/1999	29006566	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.20
ĐINH THỊ THỦY	13/12/1999	29009932	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN VĂN DU	03/07/1999	29008052	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 1.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.58 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00
PHẠM QUỐC CHUNG	10/01/1999	29025963	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN THỊ MẾN	01/10/1999	29027989	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.40
CAO THỊ HẬU	07/08/1999	29001340	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.60
PHAN TIẾN DŨNG	09/12/1999	29029444	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM VĂN HẢI	18/08/1998	29020266	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 1.80
TRẦN THỊ TUYẾT	12/10/1999	29030914	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ HỒNG	05/07/1999	29011662	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ YẾN	19/04/1999	29009404	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.60
HOÀNG THỊ ANH VÂN	31/08/1999	29000906	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.25 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.40
HỒ QUỐC ANH	25/11/1999	29030365	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN VĂN CHÍNH	06/11/1999	29022724	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	30/07/1999	29026200	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 9.75 Sinh học: 9.00 KHTN: 8.58 Tiếng Anh: 6.60
NGUYỄN THỊ HIỀN	17/06/1998	29001766	Toán: 7.80 Ngữ văn: 8.25 Tiếng Anh: 8.80

VÕ VĂN HƯƠNG	10/10/1998	29012795	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 5.20
CAO TẤT SANG	07/04/1999	29024554	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 8.00
NGUYỄN THỊ HẠNH	18/09/1997	29017669	Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75
NGUYỄN BÁ THẮNG	29/05/1999	29011506	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN BÌNH	30/11/1999	29020958	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 2.80
LƯƠNG CHÍ CƯỜNG	15/12/1999	29020587	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 4.92 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.00
ĐẶNG THỊ MAI	30/01/1999	29030090	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.20
PHAN THỊ HUYỀN	17/08/1999	29029035	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.60
LÊ TIẾN PHƯƠNG	20/05/1998	29002560	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ DIỆP	22/10/1999	29008645	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.25 KHXH: 8.75 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN TOẠI	17/12/1999	29022536	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 2.25 KHTN: 2.67 Tiếng Anh: 2.60
CỤT THỊ CHIẾN	08/09/1998	29008532	Toán: 2.20 Ngữ văn: 7.25 Tiếng Anh: 4.00
PHẠM THỊ HÀ	05/04/1999	29006923	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.60
PHAN THỊ NHUNG	08/10/1999	29022929	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 1.80
LƯƠNG THỊ HẢO	05/09/1999	29008267	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ TÌNH	18/06/1999	29001680	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	31/12/1999	29026908	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 3 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.40

VI VĂN DU	29/09/1999	29008226	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 6.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 1.80
TRẦN CÔNG LÂM	19/06/1998	29017327	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 3.50 GDCD: 5.75 KHXH: 3.83 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH	01/07/1999	29001321	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.40
HỒ ĐẮC PHONG VŨ	22/04/1999	29024149	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM THỊ THÁI HÀ	17/12/1999	29025410	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.17 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 6.60
NGUYỄN THỊ HẰNG	27/02/1999	29028958	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ HÒA	15/11/1999	29001386	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.00
LÊ THỊ LÂM OANH	28/10/1999	29009234	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN THỊ ÁNH	30/08/1999	29002220	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN ĐỨC KHỞI	19/03/1999	29015731	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.00
LÊ THỊ HIỀN	15/09/1999	29028975	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.20
VÕ THỊ HOÀI THƯƠNG	30/04/1999	29007776	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ MAI HỒNG	30/08/1999	29007295	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 7.50 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN THỊ HUYỀN TRANG	28/08/1999	29008018	Toán: 4.60 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 2.80
THÁI HỮU SƠN	11/10/1999	29008119	Toán: 2.40 Ngữ văn: 2.25 Vật lí: 2.25 Hóa học: 2.25 Sinh học: 1.25 KHTN: 1.92 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 2.50
NGUYỄN THỊ QUỲNH	22/04/1998	29014117	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 8.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.40
LÊ THỊ LÂM	06/10/1999	29022857	Toán: 7.80 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 8.60

TRẦN THỊ TUYẾT	15/04/1999	29009374	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ BÉ	07/05/1999	29002225	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.50 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	26/07/1998	29000987	Toán: 7.80 Hóa học: 7.25 Sinh học: 5.25
LƯƠNG VĂN TÙNG	16/03/1998	29007472	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.40
SẦM THỊ GIANG	18/08/1999	29013930	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.75 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN DUY NGUYỄN	02/11/1998	29012579	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.00
ĐẶNG THỊ VINH	22/10/1999	29021428	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 5.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ TRÀ	26/08/1999	29009964	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 4.60
TRỊNH THỊ THUỶ TRANG	17/06/1999	29019019	Toán: 7.00 Ngữ văn: 8.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 5 Tiếng Anh: 8.00
CHU TUẤN KIẾT	16/09/1995	29021480	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.75
NGUYỄN THỊ HỒNG LINH	19/05/1999	29005727	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.80
CAO MINH NGUYỄN	06/02/1999	29002857	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 3.80
SẦM NỮ MINH TRANG	13/08/1999	29013776	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN TIẾN ĐẠT	10/12/1999	29026019	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 5.00
CẦM THỊ LAN PHƯƠNG	17/12/1999	29014102	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ HOÀI THƯƠNG	16/05/1999	29024599	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ THU TRANG	07/10/1999	29026549	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 5.80

VÕ THỊ NGÀ	01/08/1999	29030136	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.60
HỒ THỊ PHƯƠNG ANH	15/12/1999	29013855	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.60
VÕ VĂN LINH	23/10/1999	29007018	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 9.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG VĂN PHÁT	14/02/1999	29029181	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN VĂN DUY	12/11/1999	29003370	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 1.20
NGUYỄN VĂN DŨNG	03/02/1999	29020982	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.00
HỒ SỸ THỦY	01/12/1998	29016427	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN THỊ PHƯƠNG	02/02/1999	29003479	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 5.00
LÔ VĂN UY	24/08/1999	29020868	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 3.00
VŨ THỊ HOÀI AN	04/11/1999	29029698	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.50 KHXH: 8.33 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ HẠNH	19/05/1999	29010375	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ THẨM	08/02/1999	29009920	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 9.00 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 7.60
LƯU HOÀNG NHẬT LỄ	14/11/1999	29020692	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.60
BÙI THỊ DUNG	20/10/1999	29018385	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.60
VÕ THỊ HẰNG	09/03/1999	29004999	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 2.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.08 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN THỊ THUỖ DƯƠNG	02/09/1999	29025383	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.50 KHXH: 8.42 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN THỊ LƯƠNG	16/01/1999	29000375	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 7.80

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	27/01/1999	29004568	Toán: 5.00 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 8.50 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN VIỆT SƠN KIM	16/02/1999	29009683	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 6.00 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 4.80
VI VĂN QUYỀN	20/11/1997	29020916	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.75 GDCD: 8.00 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ DƯƠNG	10/05/1999	29030413	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 4.40
TRƯƠNG THỊ NGÀ	04/09/1999	29014623	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.40
LÊ THỊ LÝ	08/12/1999	29002489	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 5.80
VÕ VĂN TÚ	27/07/1998	29011154	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.20
LẠI THỊ TÂM	28/03/1999	29019993	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 4.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN DUY ĐẠT	15/05/1999	29029800	Toán: 5.00 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.75 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 3.60
VŨ THỊ ÁNH	20/11/1998	29012644	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.00
TRẦN THỊ NHUNG	26/02/1999	29019910	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG THÀNH NAM	04/03/1999	29001511	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 2.80
SẦM THỊ THU	22/08/1999	29013751	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 1.60
TRẦN THỊ TRANG	03/09/1998	29004291	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.50 Tiếng Anh: 8.40
NGUYỄN THỊ VÂN	22/02/1999	29030926	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 7.75 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN VIỆT ANH	02/07/1996	29019121	Toán: 7.80 Vật lí: 6.75 Hóa học: 4.50
NGUYỄN THỊ THANH	04/01/1999	29030635	Toán: 4.20 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 3.75 KHXH: 4.08 Tiếng Anh: 3.60
BÙI VĂN HOÀN	13/02/1998	29022113	Toán: 8.60 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.75
HOÀNG THỊ THANH TRÀ	26/02/1999	29009962	Toán: 7.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 4.20

PHAN VĂN TRÍ	11/10/1999	29029634	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 7 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	26/06/1999	29025745	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN TRỌNG THẾ	19/03/1999	29010673	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.20
LÊ THỊ NGỌC ÁNH	30/09/1999	29022184	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 9.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 9.20
NGUYỄN THỊ HƯƠNG	12/03/1999	29007899	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ LINH THÙY	02/08/1999	29004208	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ MAI PHƯƠNG	08/10/1999	29009833	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN VĂN NGỌC	10/10/1999	29001533	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN HOÀNG QUÂN	17/12/1998	29023994	Toán: 6.40 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN MẠNH HIẾU	30/04/1998	29012566	Toán: 7.20 Vật lí: 8.00 Hóa học: 6.50
ĐINH NAM TUẤN	25/10/1997	29013079	Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 8.75
TRẦN THỊ THANH THƠ	14/07/1999	29026993	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 1.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 2.92 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ THẢO LINH	22/10/1999	29018019	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 8.50 Sinh học: 9.00 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 6.60
ĐÀO THỊ HUYỀN TRANG	10/11/1999	29002124	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN NGỌC TIẾP	16/09/1999	29028130	Toán: 5.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ HƯƠNG	15/02/1999	29018525	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 1.40
TRẦN QUANG HÀO	10/03/1999	29007853	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 6.80
CAO THỊ THÚY KIỀU	10/02/1999	29006436	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.33 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 5.40

NGUYỄN THANH HUY	24/08/1999	29025067	Toán: 8.40 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 3.80
LÃ THỊ HUYỀN MY	10/04/1999	29010539	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.50 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG	10/09/1998	29023457	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.25 Tiếng Anh: 7.00
NGUYỄN LÊ QUỲNH	04/12/1999	29025609	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 5.20
ĐẶNG THỊ TÌNH	16/04/1998	29006201	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.00 Tiếng Anh: 6.00
TRẦN BẢO QUỐC	28/05/1999	29021246	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 4.20
LÊ THỊ NHUNG	27/11/1999	29000454	Toán: 3.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 9.00 GDCD: 7.75 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 4.00
VÕ TRƯỜNG GIANG	21/01/1999	29009542	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 1.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.33 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.60
TRỊNH THỊ VINH	12/11/1999	29023416	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.00 Sinh học: 6.25 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 4.60
HÀ HUY SƠN	22/09/1999	29007737	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.50 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 4.60
VI THỊ HẬU	28/06/1999	29020635	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN SĨ ĐỒNG	26/01/1999	29019300	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN XUÂN THÀNH	25/06/1999	29012377	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.92 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN XUÂN LỘC	28/01/1999	29027434	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ HUYỀN	10/12/1998	29022116	Toán: 7.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 2.00 KHTN: 3.67
PHAN BÁ TRUNG	23/10/1999	29020510	Toán: 7.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.60
VI VĂN THƯƠNG	28/01/1998	29015217	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 3.60

NGUYỄN VIẾT HUỖNH	20/01/1999	29002423	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ TRANG	21/07/1999	29020134	Toán: 2.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ TÂM	02/03/1999	29018716	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.80
LƯU NHỊ HẰNG	17/05/1999	29005613	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 4.20
PHAN THỊ KIỀU OANH	26/09/1999	29008873	Toán: 8.40 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 8.60
DƯƠNG ANH QUÂN	27/07/1999	29024845	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75
NGÔ THỊ HUYỀN	20/03/1998	29019719	Toán: 8.20 Vật lí: 3.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 8.25 KHTN: 6.33
HOÀNG VĂN VINH	03/08/1999	29012540	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	14/10/1999	29025646	Toán: 5.60 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ YẾN	09/10/1999	29015377	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 4 Tiếng Anh: 3.00
HỒ THỊ NHUNG	25/10/1998	29024828	Toán: 2.60 Ngữ văn: 2.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 1.75 KHTN: 2.75 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 3.50
LẦU BÁ CHÁ	03/09/1998	29008529	Toán: 4.60 Vật lí: 2.50 Hóa học: 4.50
TRẦN XUÂN KIỀU	01/03/1999	29015739	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG ĐÌNH THẮNG	05/05/1999	29018933	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ HIỀN	27/03/1999	29004420	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 4.60
ĐẬU THỊ QUỲNH TRANG	03/07/1999	29027025	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.75 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.80
LÊ HỮU HƯỜNG	11/01/1999	29003939	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.40
LỮ VĂN THAO	24/09/1999	29015122	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.40

TRẦN VĂN TOÁN	25/02/1998	29022154	Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 9.00
ĐẬU TRUNG PHONG	17/11/1999	29023956	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 6.00 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 3.20
VƯƠNG TUẤN ANH	26/07/1999	29027830	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 4.40
PHẠM THẢO MAI	04/03/1999	29005141	Toán: 6.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 4.40
PHAN THỊ NHÀN	08/02/1999	29029158	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ HẠNH	07/08/1999	29021707	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 5.00
VÀ BÁ XO	30/04/1998	29008510	Toán: 1.40 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 3.75 GDCD: 3.75 KHXH: 3.25 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN HUY HOÀNG	21/01/1999	29024325	Toán: 8.60 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.75 GDCD: 7.75 KHXH: 8 Tiếng Anh: 9.40
NGUYỄN HỒNG SƠN	02/08/1999	29012902	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.60
PHAN THỊ THANH HUYỀN	22/03/1999	29006973	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.25 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 3.60
LÊ VĂN CHUNG	27/06/1999	29012658	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ HUYỀN THƯƠNG	02/08/1999	29009296	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.40
VÕ THỊ NGUYỆT	21/11/1998	29005806	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.80
LÊ THỊ TUYẾT	28/07/1999	29016526	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.50 GDCD: 7.75 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN TRỌNG TRIỀU	29/09/1999	29028175	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.80
CAO THỊ HIỀN	10/01/1999	29029891	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 6.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM VĂN HÙNG	13/11/1999	29010426	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.50 GDCD: 7.50 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.20

NGUYỄN NGỌC HẢI	18/02/1999	29023713	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 3.60
VÕ TRỌNG HIẾU	27/09/1999	29012062	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN HOÀNG	03/03/1999	29021790	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.40
TRƯƠNG THỊ BÉ	18/01/1999	29019220	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 5.75 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ LOAN	11/11/1999	29009194	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN VĂN HÀ	27/06/1999	29002316	Toán: 9.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 7.75 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ THU THẢO	09/07/1999	29003293	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.50 GDCD: 2.25 KHXH: 2.83 Tiếng Anh: 2.80
VI VĂN TUẤN	25/03/1999	29020862	Toán: 2.20 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.25 GDCD: 6.75 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 3.60
VI THỊ THẨM	30/08/1999	29003301	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN VIỆT HOÀNG	17/10/1998	29006394	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.20
ĐẬU NGỌC NHÂN	07/10/1999	29002030	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ DUYÊN	28/10/1999	29011281	Toán: 4.80 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.40
NGÔ THỊ CẨM TÚ	02/07/1999	29028201	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 6 Tiếng Anh: 5.20
PHẠM THỊ HUYỀN	24/01/1999	29020314	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN NGỌC HẢI	20/08/1999	29026780	Toán: 7.40 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.08 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 3.50 GDCD: 5.75 KHXH: 3.75 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN DUY HƯNG	10/12/1999	29021110	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.00
PHẠM PHƯƠNG NHI	21/04/1999	29026402	Toán: 8.60 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 8.40

TRẦN THỊ HỒNG NHUNG	05/05/1999	29014676	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ MỸ LINH	07/11/1998	29023481	Toán: 8.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.50
NGUYỄN THỊ CẨM VƯƠNG	03/03/1999	29024693	Toán: 6.20 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.80
VÕ VĂN LÂM	20/10/1999	29007003	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.25 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.80
PHẠM THỊ SANG	04/09/1999	29012894	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.80
LÊ THỊ YẾN	18/07/1999	29010031	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.25 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN QUÝ ĐỨC	18/04/1999	29001290	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 1.40
HOÀNG THỊ THU PHƯƠNG	13/11/1999	29022943	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM THỊ THƯƠNG	10/08/1999	29003525	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ THANH THÚY	08/04/1999	29016438	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ THẢO	19/11/1999	29030673	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.80
ĐINH THỊ HẬU	03/08/1999	29014408	Toán: 1.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ HUYỀN	04/01/1999	29022833	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 2.80
PHAN ANH MẠNH	09/08/1998	29013045	Toán: 1.60 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50
HỒ THỊ ÁNH	04/11/1999	29014290	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.80
NGÔ NGỌC THẮNG	14/10/1999	29024863	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.42 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.00
NGUYỄN ĐỨC HUY	23/07/1999	29023788	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 3 Tiếng Anh: 3.20

MAI THỊ NGÂN	08/05/1999	29006518	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.33 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.50 KHXH: 8 Tiếng Anh: 4.20
PHAN NGUYỄN KHÁNH LINH	18/09/1999	29025113	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 5.60
NGÔ HOÀI SƯƠNG	10/09/1999	29005265	Toán: 8.80 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 6.25 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 3.00
MAI THỊ NGỌC ÁNH	01/10/1999	29009453	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 5.60
TRƯƠNG HUỲNH BẢO THỊ	24/04/1999	29025671	Toán: 5.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 5.20
TRƯƠNG THANH PHIÊN	11/03/1999	29014686	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.00 KHXH: 4.08 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VIỆT TÀI	09/09/1999	29010638	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.00
ĐẶNG THỊ TRÂM ANH	24/04/1999	29026717	Toán: 6.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.08 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 4.00
PHAN VĂN TUẤN	08/03/1999	29029658	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN NHẬT HUY	08/04/1998	29027346	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN ĐÌNH TUẤN	20/12/1998	29019828	Toán: 7.40 Vật lí: 8.50 Hóa học: 7.50
NGUYỄN BÁ QUÝ	03/08/1999	29016277	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.20
LÊ ANH TÚ	29/06/1999	29002994	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 9.00 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN SĨ HUY	06/09/1999	29013177	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 7.75 Sinh học: 7.50 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN HÀO QUANG	15/06/1999	29005228	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HẰNG	15/08/1999	29026075	Toán: 9.60 Ngữ văn: 8.75 Vật lí: 8.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 5 Tiếng Anh: 9.60
ĐẶNG VĂN HUY	10/10/1999	29011354	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.00

TRẦN QUỐC CƯỜNG	29/07/1999	29008640	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.00 GD&CD: 7.75 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ LINH	18/10/1999	29029529	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 6.25 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 6.20
HỒ KHÁNH CHI	19/10/1993	29024718	Toán: 8.00 Hóa học: 9.00 Sinh học: 8.00 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ LINH CHI	29/05/1998	29026608	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.50 Tiếng Anh: 6.40
TRẦN ĐỨC HOÀNG	25/12/1999	29023771	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 7.60
PHAN THỊ GIANG	19/03/1998	29029352	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 7.00 GD&CD: 6.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.00
LÊ ĐÌNH QUÂN	01/07/1999	29006135	Toán: 4.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.00
THÁI THỊ MAI PHƯƠNG	12/02/1999	29000483	Toán: 6.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GD&CD: 8.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 6.00
TRẦN VĂN HIỆP	01/03/1998	29017234	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50 GD&CD: 7.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ THƯƠNG	26/08/1999	29022527	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 6.75 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 5.60
BÙI THỊ TUYẾT NHUNG	03/12/1999	29017426	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.25 GD&CD: 8.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.00
PHẠM THỊ OANH	23/10/1999	29021985	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GD&CD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.20
PHAN THỊ NGÀ	24/01/1999	29030135	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.00 GD&CD: 7.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 4.20
BÙI THỊ DUYÊN	18/08/1999	29004369	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4 Tiếng Anh: 3.80
HỒ ANH TIẾN	08/12/1995	29003669	Toán: 3.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.25
BÙI THỊ ÁNH LÂM	11/04/1999	29017323	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75 GD&CD: 8.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN XUÂN HOÀNG	15/10/1999	29014461	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.25 GD&CD: 8.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG VĂN LÂM	18/04/1999	29006443	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 5.80

TRẦN THỊ THÙY LINH	16/10/1999	29002472	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.40
VƯƠNG HẢI TÚ	24/10/1999	29004778	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
ĐẶNG VĂN TRƯỜNG	03/10/1999	29002145	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 4.40
HỒ VĂN HƯNG	20/10/1999	29011361	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.60
ĐẶNG QUANG CHIẾN	08/06/1999	29002234	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN DOÃN LĨNH	11/02/1999	29001988	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ HIỀN	15/05/1999	29009573	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 5.20
HOÀNG THỊ HÀ	20/08/1999	29012003	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 3.67 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ SEN	22/05/1999	29007974	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN VIỆT HOÀNG	17/01/1999	29014965	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 9.00 Sinh học: 7.50 KHTN: 8.08 Tiếng Anh: 4.20
TRỊNH THỊ YẾN NGỌC	09/04/1999	29024496	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.60
LƯƠNG THUỶ SINH	17/09/1999	29020798	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN ĐỊNH	01/01/1999	29023152	Toán: 5.00 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN VĂN HOÀNG	14/04/1999	29015656	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ THÙY LINH	01/09/1999	29028513	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.60
VI THỊ HƯƠNG	02/09/1999	29013585	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 2.25 GDCD: 3.50 KHXH: 2.5 Tiếng Anh: 3.80
HÀ THỊ XƯƠNG	28/10/1998	29012551	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.20

NGUYỄN THỊ NHUNG	24/04/1999	29008867	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 9.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.40
HOÀNG THẾ AN	18/02/1999	29008585	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 5.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.00
THÁI VĂN QUÂN	01/06/1999	29030233	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 9.25 GDCD: 8.00 KHXH: 8.42 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN HỮU LỄ	12/10/1996	29011557	Toán: 8.60 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.00
NGUYỄN VĂN TOÀN	22/08/1999	29003333	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 9.25 GDCD: 7.25 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ HOA	09/08/1998	29021758	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.40
LÔ THỊ SEN	27/11/1999	29014129	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ LAN ANH	13/08/1999	29006263	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 6.60
ĐINH THỊ KHÁNH HUYỀN	08/08/1999	29000274	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.80
LÊ THỊ THÀNH	15/01/1999	29015117	Toán: 3.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN NAI	25/02/1998	29029376	Toán: 8.60 Hóa học: 9.00 Sinh học: 8.50
NGUYỄN THỊ LỢI	28/09/1999	29029106	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.25 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 2.60
VŨ THỊ THẢO	12/05/1999	29004637	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 6.20
LÊ ĐĂNG THẮNG	21/11/1999	29024047	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 6.20
VÕ ĐÌNH THỐNG	14/09/1998	29022472	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.40
TRỊNH XUÂN HẬU	08/12/1999	29029890	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG NHẬT	02/01/1998	29015992	Toán: 7.40 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.50 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN VĂN NGUYỄN	20/07/1995	29019760	Toán: 5.20 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.50

LANG VĂN THƯƠNG	10/08/1999	29014170	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.60
HỒ THỊ THỦY	01/11/1999	29018186	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN THỊ TÚ OANH	29/06/1998	29017731	Toán: 5.80 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.50
HOÀNG VĂN DUNG	04/10/1999	29005980	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.75
NGUYỄN THỊ HƯƠNG	23/03/1999	29027379	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.00
PHAN THỊ MAI ĐOAN	15/02/1999	29029457	Toán: 8.60 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 8.60
LÊ QUỐC TRUNG ANH	05/09/1999	29021540	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.80
HỒ THỊ DUYÊN	22/07/1999	29014340	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN CHƯƠng	24/04/1999	29003719	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.60
TRƯƠNG VĂN NAM	15/08/1999	29012847	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ VÂN	08/10/1997	29001824	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00
NGUYỄN ĐỨC TIẾN	06/04/1999	29028122	Toán: 6.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.40
BÙI THỊ DỰ	24/10/1998	29018399	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.20
HỒ ĐỨC NGHĨA	31/10/1999	29027479	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN VĂN PHONG	02/10/1999	29018107	Toán: 8.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 9.50 Hóa học: 9.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 8.08 Tiếng Anh: 6.00
LÊ NAM QUYẾT	07/04/1999	29006577	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 3.60
NGÔ NGỌC CƯỜNG	09/06/1999	29018743	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.42 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.60

NGUYỄN THỊ HUỆ	12/02/1999	29029959	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 6.80
NGUYỄN THỊ THÙY	20/08/1999	29016426	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 6.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN LỘC	18/05/1999	29003987	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN THỊ PHƯƠNG OANH	11/07/1999	29008876	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.80
PHẠM THỊ PHƯƠNG ANH	16/01/1999	29017094	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 5.40
MAI THỊ LUYẾN	20/02/1998	29003994	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 3.25 GDCD: 6.00 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 2.80
NGÔ THỊ HUYỀN	16/09/1999	29008758	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 3.00
VI QUỐC LẬP	29/03/1999	29014020	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM THỊ THƯƠNG	30/07/1999	29000562	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 6.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 8.60
NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	13/03/1999	29007207	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 4.60
HỒ SỸ TÚ	18/01/1996	29003676	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.75 GDCD: 6.75 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ TÚ OANH	10/06/1999	29009811	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ NHÀN	02/10/1999	29008861	Toán: 4.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN ĐỨC THẮNG	25/04/1999	29028074	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN QUỐC THIỆN	27/01/1999	29010677	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.00 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.20
BÙI THỊ THƯƠNG	28/04/1999	29000837	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ THU UYÊN	14/09/1999	29022639	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 3.00
VŨ ĐỨC TÀI	30/08/1998	29004279	Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 8.75

NGUYỄN ANH HIỆP	16/09/1999	29007621	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN LỆ ĐÀO	23/06/1999	29009511	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HỒNG	06/04/1998	29017958	Toán: 5.00 Ngữ văn: 8.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 4 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.50 KHXH: 8.75 Tiếng Anh: 5.60
HOÀNG THỊ MAI	06/07/1999	29000390	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ PHƯƠNG THÚY	17/03/1999	29025706	Toán: 8.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 8.20
HOÀNG THU TRANG	05/03/1999	29017588	Toán: 5.00 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ TUYẾT NHUNG	27/09/1999	29011446	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.00
VŨ THỊ THU	18/08/1999	29020058	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.00 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.00
LÊ HUY TRỌNG HIẾU	08/02/1999	29006372	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 2.40
ĐỖ ĐÌNH TUẤN	20/08/1999	29023524	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.00
LƯƠNG ANH TUẤN	10/01/1999	29023063	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.50 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.20
HỒ THỊ ÁNH	02/03/1999	29012634	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 9.40
PHẠM THỊ THẨM	11/06/1999	29022438	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.80
LÊ THỊ HƯƠNG	02/08/1999	29021833	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN SƠN	08/04/1999	29007398	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 2.25 Hóa học: 2.00 Sinh học: 2.25 KHTN: 2.17 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 2.75 GDCD: 5.50 KHXH: 3.75 Tiếng Anh: 1.60
TẠ QUANG TRƯỜNG	05/01/1999	29030874	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ THU HIỀN	28/04/1999	29012046	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.20

LƯƠNG THỊ YẾN NHI	01/12/1998	29023491	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ HẰNG	18/08/1999	29026076	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 9.75 Sinh học: 9.25 KHTN: 7.92 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ TRANG	25/09/1998	29011120	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.60
KIỀU THỊ CẨM Tú	02/03/1999	29019051	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.42 Tiếng Pháp: 2.20
NGUYỄN THỊ NHÀN	23/03/1999	29029157	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 4.00
LỮ THỊ KIM NGÂN	04/11/1998	29020913	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50
VÕ THỊ KIM LINH	12/07/1999	29022872	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.00 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ VÂN ANH	26/01/1999	29012620	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 6.50 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 7.00
TRẦN VĂN BẢO	13/11/1999	29019212	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN NGỌC HIẾU	20/01/1999	29010408	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.60
ĐẬU THỊ HỒNG	09/01/1998	29017683	Toán: 2.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.25 Tiếng Anh: 3.60
ĐINH VĂN THẢO	01/08/1999	29022973	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.00 KHXH: 8 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN THỊ THÙY LINH	02/12/1999	29009720	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 4.20
HỒ THỊ HỢP	16/08/1999	29017275	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ VUI	06/01/1999	29003593	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 4.80
LÊ THỊ BÍCH THOA	25/01/1999	29016966	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 8.50 Sinh học: 8.00 KHTN: 7.92 Tiếng Anh: 6.40
NGUYỄN NHẬT TUYÊN	06/07/1999	29006775	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN CÔNG MINH	15/03/1998	29008097	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.08 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.25

HOÀNG KHẮC MINH HIẾU	08/11/1999	29014951	Toán: 8.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 9.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN VĂN SƠN	16/02/1999	29018702	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.00 GD&ĐT: 7.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.60
PHAN THỊ HIỀN	19/09/1999	29008716	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GD&ĐT: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN HỮU PHONG	05/01/1999	29004563	Toán: 7.40 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 3.00
LÊ SỸ ĐỨC ANH	28/01/1998	29014750	Toán: 7.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 3.75
PHẠM XUÂN MẠNH	21/01/1999	29006088	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.75
TRẦN THỊ HƯƠNG	24/09/1998	29029045	Toán: 5.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.00 GD&ĐT: 7.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN CHÍ DŨNG	20/11/1999	29023135	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 8.00 Hóa học: 9.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 3.40
CAO THỊ LÂM	25/04/1999	29005092	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 7.00 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN THỊ HỒNG	07/05/1999	29003900	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 8.25 GD&ĐT: 8.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 5.60
TRƯƠNG ĐỨC HUY	10/09/1999	29001030	Toán: 2.80 Ngữ văn: 2.75 Vật lí: 2.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 2.00 KHTN: 2.58 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75
CHẾ THỊ HỒNG LINH	22/12/1997	29027691	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.50 Tiếng Anh: 1.40
TRƯƠNG VĂN ĐỖ	20/11/1998	29019299	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 7.50 GD&ĐT: 6.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ NGUYỆT	19/10/1999	29014648	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 8.00 GD&ĐT: 8.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.80
HỒ THỊ OANH	21/01/1999	29016860	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.80
PHẠM VĂN HẢI	18/03/1999	29010368	Toán: 4.00 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.25 GD&ĐT: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 1.60
LO VĂN VON	01/05/1999	29008493	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 2.75 GD&ĐT: 5.50 KHXH: 3.5 Tiếng Anh: 2.20

HOÀNG THỊ MAI PHƯƠNG	05/03/1999	29016879	Toán: 8.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 8.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ THƯƠNG	10/02/1999	29023362	Toán: 7.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ XUÂN THỦY	31/01/1999	29024076	Toán: 8.00 Ngữ văn: 8.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 7.00
TRẦN TỬ HẬU	20/12/1998	29023459	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.00
PHẠM HỒNG KHANH	22/02/1998	29013037	Toán: 1.60 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 3 Tiếng Anh: 1.40
LƯƠNG MINH THƯ	22/06/1993	29003668	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 3 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.50
ĐÀO THỊ HIỀN	20/06/1999	29000185	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GD CD: 6.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.20
GIẢN THỊ THƠM	08/08/1999	29002619	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GD CD: 7.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.20
LÊ THỊ NHUNG	09/03/1999	29000453	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GD CD: 7.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.40
HỒ THỊ TRANG	01/11/1999	29019010	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GD CD: 8.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.80
BÙI THỊ NGÀ	05/06/1999	29015888	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GD CD: 7.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.20
PHÙNG THỊ TRANG	06/01/1999	29028161	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 2.60
CAO TIẾN TÌNH	01/09/1999	29006663	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 4 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN PHƯỚC TÙNG	09/09/1999	29019077	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.50 GD CD: 8.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.00
CHU THỊ TÂM	30/12/1999	29016324	Toán: 2.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GD CD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN TÚ OANH	16/02/1999	29026911	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GD CD: 8.25 KHXH: 5.92 Tiếng Pháp: 4.60
LƯƠNG THỊ GIANG	20/04/1999	29008249	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GD CD: 6.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.40

ĐẶNG CÔNG ANH	13/05/1999	29001211	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN THẮNG	05/08/1999	29013358	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 6.25 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN THỊ LOAN	13/01/1999	29015807	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ LAN	04/03/1999	29019514	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN DUY HÙNG	06/08/1999	29026147	Toán: 8.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 9.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THẾ SANG	04/04/1998	29030255	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.80
LÊ KHẮC LUYỆN	12/04/1999	29016781	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.00
LƯƠNG THANH TUẤN	18/06/1999	29013792	Toán: 2.20 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.40
LÊ VĂN THẮNG	13/12/1998	29021318	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.00
VÕ DUY TUẤN	28/06/1997	29005465	Toán: 6.80 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.50
NGUYỄN THỊ VÂN ANH	23/01/1999	29029707	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.20
HÀ HUYỀN MY	26/09/1999	29024464	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 6.40
NGUYỄN ĐÌNH DÔN	21/10/1999	29003733	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.20
MAI CHÍ TRUNG	01/07/1999	29002656	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN CÔNG NGUYỄN	28/03/1999	29011733	Toán: 8.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 9.75 Sinh học: 8.50 KHTN: 7.67 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN ĐĂNG TÙNG	17/09/1999	29002152	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 2.80
ĐỖ THỊ DIỆU HƯƠNG	07/04/1999	29026197	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 4.80
THÁI BÁ TÀI	02/02/1998	29001134	Toán: 6.80 Vật lí: 5.75 Hóa học: 3.00 Tiếng Anh: 6.00

NGUYỄN BÁ QUÂN	17/08/1999	29002895	Toán: 9.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 9.50 Hóa học: 9.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 4.20
PHÙNG THỊ LINH	22/07/1999	29007332	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 2.25 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 5.20
LÊ HẢI LONG	06/06/1999	29002476	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 2.00
LÊ THỊ TÚ LINH	06/08/1999	29026244	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 8.25 Sinh học: 8.50 KHTN: 7 Tiếng Anh: 5.80
ĐẶNG VĂN THÀNH	02/08/1998	29013067	Toán: 7.40 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.25
NGUYỄN THỊ MINH ANH	19/01/1999	29006840	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.20
LÔ THỊ KIỀU TRANG	10/04/1999	29013769	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 5.20
VI VĂN LỰC	10/04/1998	29003645	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 1.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 2.83 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ THẢO	08/12/1999	29028659	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 4.40
TẶNG VĂN TIẾN	13/12/1998	29001678	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.00
ĐINH PHƯƠNG HÀ	01/06/1999	29022764	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 9.00 GDCD: 9.25 KHXH: 8.58 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NHUNG	13/06/1999	29026413	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 8.25 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG THỊ THANH THƠ	04/02/1999	29028092	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THẾ PHÁP	10/10/1999	29029180	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN	05/08/1999	29026584	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 9.25 Hóa học: 9.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 7.83 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN THỊ THUÝ	22/11/1999	29017562	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.40
LA VĂN MẪN	08/10/1999	29003455	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.33 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.00

TRẦN XUÂN LÂM	07/09/1999	29014018	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ THẢO NGÂN	02/11/1999	29024818	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 2.25 Hóa học: 2.25 Sinh học: 1.75 KHTN: 2.08 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.50
CAO THỊ LINH	09/10/1999	29006457	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 7.80
NGUYỄN HỮU SANG	19/07/1999	29018142	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 9.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 8.40
NGUYỄN THỊ MAI HIỀN	01/01/1999	29027893	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.17 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN THỊ KÍNH	13/01/1998	29006062	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.00
LÔ ĐỨC HOÀN	19/04/1999	29025046	Toán: 7.60 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 3.40
HỒ THỊ TÂM	01/11/1999	29016327	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN VĂN CÔNG	03/02/1998	29013017	Toán: 8.80 Hóa học: 8.50 Sinh học: 8.75
ĐOÀN VĂN NGHĨA	15/10/1998	29001086	Toán: 2.00 Ngữ văn: 1.50 Vật lí: 2.00 Hóa học: 2.00 Sinh học: 1.50 KHTN: 1.83 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 2.75
NGUYỄN VIỆT ĐỨC	12/12/1999	29027874	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 5.20
VÕ VĂN THẮNG	03/08/1998	29027762	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ SÂM	14/04/1999	29030262	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.20
LÊ THỊ KHOA	28/12/1999	29012138	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 2.75 GDCD: 5.25 KHXH: 3.67 Tiếng Anh: 1.60
NGUYỄN DUY BÌNH	25/06/1999	29001236	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 5.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.80
BÙI HOÀNG LÂM	15/05/1999	29025099	Toán: 4.80 Ngữ văn: 2.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ NGÀ	16/06/1999	29005782	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	13/12/1999	29012879	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.20

HOÀNG VĂN TIẾN ANH	22/06/1999	29020926	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.60
HỒ THỊ HÀ	25/02/1999	29012724	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG THỊ LAN	02/11/1999	29001977	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 6.50 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ LINH	07/05/1999	29026256	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM XUÂN BẢO	13/05/1999	29002223	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ THANH TÂM	05/12/1999	29009886	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 9.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 6.40
NGUYỄN THỊ THU HIỀN	05/09/1999	29027897	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 4 Tiếng Anh: 4.40
BÙI HỒNG QUÂN	16/12/1998	29004274	Toán: 8.80 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.25
NGUYỄN NGỌC PHÚ	19/05/1998	29029380	Toán: 7.60 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.75
LÊ CÔNG HẬU	09/02/1999	29012042	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.75 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.00
LÊ THỊ HỒNG HẠNH	10/03/1999	29023715	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4 Tiếng Anh: 4.20
NGÔ TRÍ ANH	01/07/1999	29011240	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.00
NGÔ SỸ HIẾU	04/02/1999	29018463	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN QUỲNH ANH	10/02/1999	29016069	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4 Tiếng Anh: 9.60
ĐẶNG VĂN QUANG	25/12/1998	29009839	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN PHƯƠNG LINH	19/04/1999	29018832	Toán: 8.60 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 9.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 9.40
NGUYỄN PHÚC ĐIẾP	14/05/1999	29019296	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.00

TRẦN VĂN HẢI	24/11/1998	29003811	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN TRỌNG TOÀN	04/04/1999	29021368	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THÀNH ĐẠT	25/10/1999	29027251	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.00
ĐINH THỊ TUYỀN	28/03/1998	29005396	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.80
ĐẶNG QUANG QUYẾT	12/03/1999	29002050	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 6.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.80
ĐINH THỊ TÂM	02/02/1999	29028644	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN NHƯ QUÂN	10/02/1999	29006136	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75
NGUYỄN VINH HUY	28/08/1999	29008752	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ MỸ LINH	08/01/1999	29019548	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.00 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 6.00
CHU HỒNG QUÂN	08/09/1999	29020415	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG	19/03/1999	29023972	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 8.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 5.20
PHAN THỊ HƯỜNG	06/03/1999	29029048	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN THỊ NGỌC THÚY	15/03/1999	29000827	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 9.75 Sinh học: 8.00 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN PHÙNG TÂN	14/08/1999	29001142	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.83 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.25
PHAN TIẾN ĐẠT	22/11/1999	29026024	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ TÍN	03/08/1999	29001679	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 8.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.60
HỒ SỸ HẠNH	25/05/1999	29028375	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.00

NGUYỄN THỊ CHÂU	20/07/1999	29021578	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 9.00 GDCD: 9.00 KHXH: 9 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG THỊ THANH TRANG	05/09/1998	29022155	Toán: 9.60 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.50
THẠCH VŨ QUÂN	20/01/1999	29004104	Toán: 4.20 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HUYỀN THƯƠNG	05/10/1999	29003321	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN NGỌC HUY	21/03/1999	29023791	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 9.00 Hóa học: 8.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 6.60
HOÀNG THỊ THÚY	12/05/1999	29018962	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.50 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ KIM YẾN	04/03/1999	29003604	Toán: 2.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.17 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VĂN HÒA	17/02/1999	29023748	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ MAI	18/04/1999	29011404	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.60
VI THỊ XOAN	22/10/1981	29014864	Toán: 3.00 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 3.00
LÊ ĐĂNG LONG	30/01/1999	29002475	Toán: 9.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 9.50 Hóa học: 9.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 8.08 Tiếng Anh: 6.60
VŨ NGỌC ĐỨC TÀI	20/08/1995	29006161	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.50 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THÀNH AN	16/03/1999	29027147	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 6.60
NGUYỄN THỊ PHƯỚC	28/02/1998	29004564	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 7 Tiếng Anh: 4.20
NGÔ TRỌNG ĐỨC	06/09/1999	29028918	Toán: 1.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.20
CAO THỊ LAN	15/06/1999	29005088	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN XUÂN NAM	24/04/1999	29008842	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.60
THÁI VĂN CHUNG	03/03/1999	29029753	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 5.50 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 2.60

HOÀNG VĂN ĐOÀN	15/10/1999	29017656	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.50
BÙI THỊ HUẾ	27/10/1999	29029017	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 4.40
VÕ THỊ HUYỀN TRANG	01/01/1999	29006705	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.40
PHAN VĂN NGHĨA	22/04/1998	29025558	Toán: 2.80 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ LƯU	30/10/1998	29027441	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ BẢO CHI	08/05/1999	29009077	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN HOÀNG ANH	28/11/1999	29007824	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.33 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.20
PHAN BÁ NGỌC	28/08/1999	29029553	Toán: 7.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.40
HỒ VIỆT ANH	08/01/1998	29024704	Toán: 2.00 Ngữ văn: 1.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 1.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50
NGUYỄN VĂN QUỲNH	20/10/1999	29002905	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.17 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ THỤC CHINH	28/07/1999	29015446	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.75 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.40
LÊ TRƯỜNG GIANG	09/05/1999	29021684	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 4.00
TRƯƠNG THỊ THU	02/01/1999	29015178	Toán: 2.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.20
ĐINH VĂN THÀNH	07/08/1999	29013723	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN GIA HUY	19/05/1999	29026168	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 8.20
LÊ THỊ HÀ	10/06/1999	29022766	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 9.50 GDCD: 8.50 KHXH: 8.42 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN VĂN LÂM	16/11/1999	29030522	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 4.60

BẠCH THỊ QUY	25/03/1999	29016908	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VĂN TÚ	10/08/1999	29002997	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 3.80
LA MẠNH HÙNG	07/10/1999	29020661	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.67 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN TRỌNG THẢO	15/07/1999	29009916	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 2.40
ĐẶNG NGỌC ÁNH	16/09/1999	29008611	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 4.00
ĐẶNG ĐÌNH QUYỀN ANH	05/04/1999	29006254	Toán: 9.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	06/11/1999	29005296	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN NHƯ QUÂN	20/03/1999	29006570	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 1.60
NGUYỄN LÊ PHƯƠNG MAI	04/09/1999	29026304	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 6 Tiếng Anh: 4.20
LÊ THỊ ĐÀI TRANG	26/10/1999	29025740	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.50 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 5.00
PHẠM THỊ TRÀ GIANG	06/07/1998	29013028	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.75 Tiếng Anh: 8.20
NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	31/08/1999	29024958	Toán: 9.20 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 7.80
NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	06/06/1995	29019127	Toán: 6.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.25
NGUYỄN VĂN TUẤN	09/12/1999	29012519	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 6.75 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 5.80
LÊ VIỆT ĐAN	12/02/1999	29002278	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 6.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HOÀI	19/06/1999	29005648	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.60
HỒ PHI HÙNG	22/02/1999	29020302	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.25 Tiếng Anh: 4.40

NGUYỄN ĐĂNG HIẾU	28/05/1999	29007287	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 2.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.67 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG HƯƠNG GIANG	23/11/1999	29008678	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN VĂN THẢO	09/04/1999	29022087	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.00 GDCD: 7.00 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 3.00
VŨ THỊ TUYẾN	20/11/1998	29016049	Toán: 8.00 Hóa học: 9.25 Sinh học: 10.00
NGUYỄN NHƯ QUỲNH	12/09/1999	29020431	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN ĐÌNH PHÚ NGUYỄN	30/08/1999	29022384	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 5.00
TRƯƠNG VĂN LUÂN	28/06/1999	29014036	Toán: 6.00 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 4.60
LÀU BÁ LỀNH	02/03/1999	29008322	Toán: 4.20 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 5.50 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ HẰNG NGA	01/05/1999	29007937	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 5.80
VÕ ĐỨC THỊNH	23/05/1999	29005310	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ THANH THẢO	20/04/1999	29026504	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN QUỐC VIỆT	03/01/1996	29021532	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.75
LÊ ANH ĐẠT	11/11/1999	29010327	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG	25/02/1998	29001765	Toán: 8.20 Hóa học: 6.75 Sinh học: 7.25
ĐẶNG VĨNH PHÚ	03/03/1998	29008881	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.60
ĐÀO VĂN LỢI	19/10/1999	29001476	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN QUỲNH	10/03/1998	29019966	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.40

PHAN THANH THỦY	17/02/1998	29026694	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.50 Tiếng Anh: 7.20
NGÔ THỊ TÚ	07/07/1999	29016510	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ LUẬN	24/03/1999	29001993	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN CÔNG TUẤN	08/12/1999	29003008	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.00
CHU VĂN TRUNG	29/08/1999	29004753	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.20
CAO CHÍ TRUNG	03/11/1999	29021394	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 2.50 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN HỮU SÁNG	26/02/1997	29030344	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.75 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN DUY DƯƠNG	20/12/1999	29006310	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 2.40
VŨ THỊ HIỀN	12/12/1999	29028984	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.20
LÊ THỊ AN TÚ	15/11/1999	29024115	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 5 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN VĂN NGỌC	17/09/1999	29008104	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.17 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.00
NGUYỄN HỮU THẮNG	26/03/1999	29015145	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ MỸ DUYÊN	16/04/1999	29003372	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 8.00 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 4.20
TRỊNH ĐÌNH LUÂN	30/09/1999	29011707	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 6.20
TRẦN THỊ THU	26/02/1999	29017550	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ KIM HOA	28/06/1999	29010410	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ CHÂU	19/03/1998	29011262	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.20

NGUYỄN THỊ HIẾU	25/01/1999	29022803	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 6.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.80
TRẦN THU UYÊN	23/09/1999	29019094	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.58 Tiếng Pháp: 3.40
NGUYỄN THỊ VÂN	25/04/1998	29030927	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 1.60
VI VĂN MY	28/06/1999	29008364	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THÙY	01/03/1999	29020067	Toán: 3.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.50 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN TRỌNG VÕ	18/09/1999	29010025	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.80
CAO VĂN MÃO	16/04/1999	29029122	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 1.60
LÊ THỊ HẠNH	15/01/1999	29000154	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.50 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.60
LÊ THỊ HOÀI	28/11/1999	29009603	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN THỊ THANH	25/02/1998	29014831	Toán: 3.80 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.75
PHAN THỊ HUYỀN	12/12/1999	29001429	Toán: 3.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.00
THÁI THỊ CẨM	17/06/1999	29029740	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN VĂN HÀ	06/08/1999	29008687	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ TÂY	30/04/1999	29018719	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ SINH VIÊN	28/08/1999	29011201	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 6.50 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 4.00
HỒ THỊ QUỲNH	02/06/1998	29012891	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN QUÂN	09/09/1999	29030231	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.40

NGUYỄN QUỐC ĐÔNG	10/01/1998	29019682	Toán: 7.80 Vật lí: 8.25 Hóa học: 7.50
HỒ MINH ĐẠT	13/07/1999	29006317	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ DUNG	15/01/1999	29021614	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.60
MAI THỊ THANH TÂM	16/03/1999	29024565	Toán: 9.20 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 9.80
NGUYỄN THỊ HIỀN	07/09/1999	29003843	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	28/04/1999	29016854	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 6.75 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ THUỶ	22/01/1999	29028703	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN CẢNH VINH	25/03/1997	29002778	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN THỊ ÁNH	03/04/1999	29028865	Toán: 7.20 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 8.60
LÊ HỮU HÙNG	13/09/1999	29005665	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN ĐÌNH TRỌNG	21/02/1999	29019032	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 8.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN BÁ PHÚC	06/04/1998	29001111	Toán: 9.60 Hóa học: 9.50 Sinh học: 8.00
HOÀNG VĂN AN	10/01/1999	29010233	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ THẢO	07/07/1999	29030671	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 4.60
BÙI VĂN HOÀNG	20/10/1999	29003140	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.00 GDCD: 4.50 KHXH: 3.5 Tiếng Anh: 3.00
LA VĂN THOÁNG	15/12/1999	29020820	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.25 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 2.80
PHAN THỊ KIỀU TRANG	05/06/1999	29013396	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 4.40
TRỊNH THỊ LÊ NA	06/03/1998	29010137	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Tiếng Anh: 4.80

LÊ THỊ MÂY	10/08/1998	29012223	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN TUẤN ANH	24/06/1999	29018344	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.00
LÔ THỊ TRÚC LINH	14/09/1999	29025508	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN VĂN LONG	10/01/1999	29028522	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.80
VÕ TUẤN ANH	26/06/1999	29017099	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ MINH	19/10/1998	29021179	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.08 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN HẬU	06/01/1999	29007615	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.60
VÕ THỊ HẢI	22/12/1999	29005595	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN THỊ HUYỀN	20/07/1999	29002421	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN KHẮC NGỌC ANH	29/07/1999	29009426	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ THUỶ TIỀN	25/05/1999	29018984	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.00
DƯƠNG MINH SƠN	02/05/1998	29019157	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ LAN	10/12/1999	29003175	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.00
VI THỊ HUYỀN	30/04/1998	29019487	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.40
PHAN THỊ HIỀN	02/09/1999	29007863	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 9.00 Sinh học: 6.75 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ LỆ	10/04/1999	29022859	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ HÀ THƯƠNG	06/04/1999	29026525	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 4.40

HOÀNG NĂNG QUÂN	26/10/1998	29009841	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.80
VƯƠNG ĐÌNH QUỲNH	26/04/1999	29015077	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ TRÀ	25/05/1999	29011807	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN VĂN TUẤN ANH	29/10/1999	29002780	Toán: 4.20 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.83 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ THÙY DUNG	02/08/1999	29021616	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.40
LÊ ĐĂNG HIẾU	03/09/1999	29012056	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 1.40
PHẠM VĂN PHƯƠNG	02/06/1998	29001792	Toán: 6.40 Vật lí: 6.50 Tiếng Anh: 4.60
CAO THANH NAM	17/09/1999	29006508	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN THỊ THU TRANG	03/12/1999	29009318	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.40
TRƯƠNG VĂN TUYẾN	11/12/1999	29020198	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ THANH HIỀN	09/03/1999	29019374	Toán: 3.80 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 9.25 Địa lí: 9.75 GDCD: 9.25 KHXH: 9.42 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ THUỶ	30/03/1999	29015186	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN VĂN NAM	28/04/1999	29010553	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ THANH LOAN	04/01/1999	29000365	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ VÂN ANH	11/02/1999	29009434	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ NGỌC MAI	02/09/1999	29009744	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN HỮU LONG	10/06/1999	29000713	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.42 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.80

ĐẬU VĂN QUANG	03/01/1999	29024540	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN KHẮC THỨC	01/01/1999	29022522	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.40
TRƯƠNG THỊ KHÁNH VÂN	12/01/1998	29004307	Toán: 8.20 Vật lí: 3.75 Hóa học: 8.00 Sinh học: 7.25 KHTN: 6.33
DƯƠNG ANH ĐỨC	09/06/1996	29019683	Toán: 7.40 Vật lí: 7.00 Tiếng Anh: 2.80
VÙ BÁ GIỜ	03/07/1999	29008255	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 2.60
BÙI THỊ HOÀ	20/12/1999	29028421	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ HIỀN	20/04/1999	29001352	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.60
CẦM BÁ TÚ	01/09/1999	29014198	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ THƠM	02/06/1999	29005933	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 1.20
PHẠM THỊ HỒNG ANH	02/04/1997	29017625	Toán: 9.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 8.00
PHẠM THỊ THU HẰNG	10/09/1999	29008706	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 1.60
NGUYỄN THỊ THẨM	02/05/1999	29022435	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG THỊ MAI	08/09/1999	29000391	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ LINH	23/03/1998	29022123	Toán: 7.60 Hóa học: 5.50 Sinh học: 8.00
NGÂN THỊ THAO	29/10/1999	29003499	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 2.00 KHTN: 2.58 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 3.50 GDCD: 5.00 KHXH: 3.5 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VIỆT ANH	02/11/1999	29021549	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN PHÚ VƯƠNG	31/10/1998	29010230	Toán: 8.80 Vật lí: 9.00 Hóa học: 7.75
PHAN THỊ LỆ	20/08/1999	29021866	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.80

TRẦN THUY QUỲNH	15/01/1999	29000503	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 5.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.60
HỒ THỊ LÝ	02/05/1999	29016790	Toán: 9.60 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.00 Sinh học: 6.25 KHTN: 8 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ TUYẾT SƯƠNG	29/06/1999	29012358	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 3.00
PHAN VĂN TUẤN ANH	18/02/1998	29029342	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.60
BÙI VĂN NGÀN	01/05/1999	29012253	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 9.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ HUỖN	20/06/1998	29021823	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.00
NGÔ VĂN HẬU	22/07/1999	29015591	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 4.20
PHAN VĂN DŨNG	20/12/1997	29028895	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 2.80
BÙI THỊ HIỀN	22/03/1999	29008710	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.20
LÊ HOÀI NAM	17/11/1999	29026350	Toán: 5.60 Ngữ văn: 2.75 Vật lí: 7.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 8.40
NGUYỄN THỊ QUỲNH HƯƠNG	18/08/1999	29025082	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN CẢNH QUYẾT	13/06/1998	29022025	Toán: 1.80 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 5.75 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 3.20
ĐẶNG NHẬT LONG	12/01/1999	29006474	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.25 KHTN: 2.58 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 5.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.20
VŨ THỊ THÚY NGÂN	12/07/1999	29013248	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 3.20
THÁI HỮU LONG	15/06/1999	29008091	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.67 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75
PHẠM THỊ THẢO	23/10/1999	29018922	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.00
PHẠM VĂN KHANG	30/07/1998	29029365	Toán: 4.80 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.75

NGUYỄN HỒNG SƠN	17/03/1999	29027577	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.60
VÕ VĂN PHI	08/02/1999	29005821	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN TRỌNG SƠN	15/08/1999	29011774	Toán: 7.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN LINH	10/10/1999	29000357	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 4.00
ĐẶNG XUÂN KHÁNH	29/09/1999	29030509	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN MINH CHIẾN	18/12/1999	29011264	Toán: 7.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.00 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 7.60
BIỆN THỊ PHƯƠNG	20/02/1998	29021496	Toán: 6.80 Ngữ văn: 8.25 Tiếng Anh: 7.60
PHẠM THỊ NGÀ	17/03/1999	29008851	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.80
PHAN THU TRANG	06/11/1999	29018219	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN CẢNH VINH	04/10/1999	29000913	Toán: 9.00 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.80
ĐÀO VIỆT HIẾU	06/05/1999	29002354	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 1.60
MÙA Y MAI	06/04/1999	29008346	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ LINH	04/03/1999	29009184	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 4.80
VI ĐÌNH TẤN	11/03/1998	29014261	Toán: 1.80 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 5.75 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 3.00
NGÔ VĂN NHẬT	23/05/1999	29021967	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG VĂN TUẤN	08/10/1999	29012513	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 6.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 1.60
TRẦN QUANG TÀI	10/12/1999	29004149	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.00

NGUYỄN XUÂN VIỆT	05/01/1999	29006806	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 1.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.17 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 5.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.20
LÊ MINH TÚ	01/01/1999	29015294	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.60
MAI VĂN PHONG	05/04/1998	29002750	Toán: 6.60 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.25
NGUYỄN THỊ QUỲNH	26/01/1999	29004121	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN TRỌNG NHÂN	12/10/1999	29007950	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.42 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.40
CỤT VĂN LANG	08/08/1997	29020905	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 1.75 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.83 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG VŨ QUẾ	29/02/1999	29013695	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 7.40
NGUYỄN VĂN HỢP	10/01/1999	29018495	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 7.75 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ DUYÊN	26/02/1999	29022221	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ HOÀI THƯƠNG	14/10/1997	29019809	Toán: 4.20 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.75
LÊ XUÂN MY LĂNG	08/03/1999	29026223	Toán: 7.00 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 6.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 9.40
NGUYỄN CÔNG THÀNH	02/10/1997	29030346	Toán: 7.20 Vật lí: 5.75 Hóa học: 7.25
HỒ SỸ HẢI	18/08/1999	29017200	Toán: 1.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 5.75 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ NHƯ QUỲNH	18/04/1999	29008908	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.20
PHAN THỊ HUỲNH MY	14/09/1999	29004025	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ VÂN	15/07/1999	29004822	Toán: 2.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN BÁ ĐẠI	02/02/1999	29029796	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.00

ĐẶNG THỊ PHƯƠNG THẢO	10/01/1999	29002937	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.83 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.60
VŨ VĂN TRUNG	06/07/1998	29030864	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 3.00 GDCD: 7.00 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.40
LƯƠNG VĂN THU	15/06/1998	29008574	Toán: 3.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	14/12/1999	29022944	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ QUỲNH CHI	01/01/1999	29025955	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 7.40
ĐẶNG QUỐC HUY	06/12/1999	29018501	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.40
ĐẬU THỊ TRANG	20/09/1999	29002640	Toán: 8.20 Ngữ văn: 9.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 8.00
BÙI DUY TRUNG	04/11/1999	29026560	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 8.60
XÔNG BÁ CHÙ	05/06/1998	29008187	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.25 GDCD: 6.50 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN HUY HÙNG	10/11/1999	29010740	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	21/10/1999	29016889	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 4.80
HOÀNG THỊ NGỌC HẢI	02/09/1999	29003806	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 1.40
LÊ KHÁNH HUYỀN	10/10/1999	29029029	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.80
HỒ SỸ TIẾN HOÀNG	03/12/1999	29009613	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4 Tiếng Anh: 2.40
CAO THỊ YẾN	01/02/1999	29011874	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.80
LƯƠNG VĂN ĐẠT	09/08/1999	29014350	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN QUANG TÙNG	20/09/1999	29026575	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 2.25 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 5.80

PHẠM THỊ NGỌC QUYÊN	13/11/1999	29009851	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 8.40
NGUYỄN CẢNH BẢO	17/01/1999	29022714	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ LIÊN	09/11/1999	29015772	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.25 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.60
TẶNG THỊ HÀ TRANG	28/06/1999	29000864	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 8.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 8.60
NGUYỄN THỊ NHUNG	21/08/1999	29030174	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HẢI ANH	06/03/1999	29021545	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
VI THỊ TÚ UYÊN	27/11/1999	29025811	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.40
MOONG BÁ BẦM	09/08/1989	29008526	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 2.25
VÕ THỊ NHÀN	21/09/1999	29018633	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.20
HOÀNG THANH CHIẾN	09/09/1999	29020962	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.60
BÙI QUANG HUY	29/07/1999	29025063	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 4.40
LỮ VĂN HÂN	06/11/1997	29013945	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ LINH	17/04/1999	29019546	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN HUY THAO	27/12/1999	29009905	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.60
HOÀNG LÊ NA	04/05/1999	29027713	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.00
NGUYỄN THỊ HÀ LINH	04/10/1999	29019544	Toán: 4.00 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 9.75 Địa lí: 9.25 GDCD: 8.75 KHXH: 9.25 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ HƯƠNG	17/09/1999	29029042	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.00
PHẠM NGỌC HẢI	02/01/1999	29016600	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 4.00

HỒ THỊ LĨNH	04/03/1999	29009728	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 4.00
LÊ CÔNG ĐỨC	26/09/1999	29015526	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.00 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ PHƯƠNG	20/11/1999	29022407	Toán: 8.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 9.50 Sinh học: 7.25 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 4.20
THÁI HỮU THỊNH	27/06/1999	29013743	Toán: 1.80 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.40
HOÀNG BÁ ĐẠT	22/10/1999	29019289	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 9.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.00
PHAN HỒ CÔNG	07/01/1999	29014896	Toán: 7.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 2.25 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 3.60
PHAN THỊ TRÀ MY	05/11/1999	29012838	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.20
CHU ĐỨC HÙNG	27/07/1999	29004458	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.20
VÕ THỊ HÒA	27/07/1999	29012756	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.50 GDCD: 7.00 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 2.00
HỒ ANH TÚ	07/02/1999	29017031	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 4.00
LÊ DOÃN ĐẠT	16/04/1999	29022230	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.25 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN LÊ THẢO NGÂN	10/09/1999	29024483	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 8.00
NGUYỄN THỊ TRÀ	22/05/1998	29029405	Toán: 6.20 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.25
NGÔ THỊ THÙY LINH	02/06/1996	29014807	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.00
NGUYỄN TRỌNG THẮNG	22/02/1999	29001640	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.00 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG	10/04/1999	29023378	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 8.60
TRẦN VĂN KIÊN	01/09/1999	29000315	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.40

LÊ THỊ GIANG	15/10/1999	29028923	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.00 GD&CD: 8.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.60
VŨ MINH ANH	01/09/1999	29014286	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.00 GD&CD: 7.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ KIM CÚC	02/02/1999	29019246	Toán: 7.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.25 GD&CD: 9.00 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 8.00
NGUYỄN CAO BẢO	15/02/1998	29001740	Toán: 8.80 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.50
LANG DUY KHA	19/08/1999	29014002	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 2.60
HOÀNG THỊ LINH CHI	20/03/1999	29025944	Toán: 7.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GD&CD: 7.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 6.00
PHAN HUY KHOA	13/09/1999	29006431	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG TRUNG KHÁNH	27/07/1999	29011373	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.75 GD&CD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.40
LÊ HÀ PHƯƠNG	04/09/1999	29025203	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ LÝ	20/07/1998	29012210	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.75 GD&CD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN TUẤN ANH	26/03/1999	29022177	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.60
LÊ QUỐC KHÁNH	01/09/1998	29023473	Toán: 8.60 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.50
NGUYỄN ĐỨC ĐẠT	15/01/1999	29018406	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GD&CD: 7.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN LÂM ANH	06/09/1999	29000627	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 8.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 6.00 KHTN: 6.17 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.00 GD&CD: 8.75 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 9.40
ĐINH BẠT TÂN	08/03/1999	29022062	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00 GD&CD: 8.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.80
CAO THỊ HƯỜNG	10/04/1999	29005690	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 9.50 GD&CD: 9.50 KHXH: 8.67 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG THỊ HÀ	02/11/1999	29006338	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GD&CD: 8.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.40
LÔ VĂN DANH	30/07/2000	29008212	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GD&CD: 7.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.40

TRẦN THẾ NGUYỄN	24/05/1998	29019881	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.20
CAO THỊ TUYẾT	18/07/1999	29005399	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 1.60
HOÀNG THỊ NGỌC TRANG	26/08/1999	29020122	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 7.20
VÕ THỊ LINH	12/12/1999	29028516	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 6.75 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN NGỌC LONG	07/10/1999	29026283	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 3.20
ĐẬU THỊ HUYỀN	20/01/1999	29005673	Toán: 7.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.00 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 6.40
PHAN THỊ MỸ HẠNH	08/03/1999	29007609	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.00
PHAN THỊ THU	15/08/1999	29022485	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ SOA	16/10/1999	29004596	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN TRỌNG TIẾP	30/05/1999	29009956	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 5.20
LÊ VĂN HẠNH	31/07/1999	29028376	Toán: 2.20 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN THỊ NGÂN	02/01/1999	29010562	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.80
VÕ THỊ QUỲNH ANH	26/04/1999	29024932	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN CẢNH TRƯỜNG	25/12/1999	29001706	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ THANH HUYỀN	01/08/1999	29011669	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 3.60
PHÙNG THANH TÀI	29/10/1999	29028054	Toán: 2.80 Ngữ văn: 2.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN ĐỨC CHIẾN	14/11/1999	29006869	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.40

HOÀNG THỊ YẾN	14/10/1999	29020221	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.00 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ THU	01/01/1999	29030729	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 2.80
HỒ THỊ HOÀI	17/05/1998	29015634	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.80
VI VĂN HIẾU	27/03/1999	29013553	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 2.80
LÊ THỊ THƯƠNG	19/02/1998	29001166	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.83 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.00
PHAN THỊ TRANG	04/04/1999	29030823	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ HUYỀN THƯƠNG	25/10/1999	29000839	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 1.75 KHTN: 4.5 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 3.75 GDCD: 5.50 KHXH: 3.83 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN ĐÌNH HƯNG	01/10/1999	29000701	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 3.33 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.80
LÂM THANH HƯNG	30/07/1998	29008289	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.25 Tiếng Anh: 2.40
PHẠM VĂN QUÝ	01/03/1998	29017748	Toán: 8.20 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.75
LÊ XUÂN THÁI	06/03/1999	29011047	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.60
TÔ THỊ HẢO	15/09/1999	29005604	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ LÊ	23/08/1999	29015764	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 6.20
ĐINH THỊ THẢO	14/06/1999	29015126	Toán: 1.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.60
PHAN VĂN NAM	20/05/1999	29006105	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.25
BÙI CÔNG TUYÊN	26/08/1999	29002673	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 9.25 GDCD: 7.75 KHXH: 8.5 Tiếng Anh: 5.20
PHẠM THỊ THÚY NGÂN	18/02/1999	29015046	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ HUYỀN	10/11/1998	29018817	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.75 Tiếng Pháp: 3.20

CAO PHI HÙNG	30/10/1999	29004457	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.08 Tiếng Anh: 5.40
HÀ VĂN THIẾN	25/06/1997	29019164	Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 9.00
ĐÀM MINH QUANG	03/12/1999	29004569	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 4.40
HỒ KIỀU OANH	13/01/1999	29026423	Toán: 6.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.50 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 5.40
CHU QUANG TRƯỜNG	16/09/1999	29005377	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.00
NGÔ NGUYỄN TIẾN QUÂN	21/08/1999	29004578	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 9.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 6.60
TRẦN THỊ THẨM	03/03/1999	29028667	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 7.00
PHAN TRUNG THÔNG	18/08/1999	29015165	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 6.75 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ LY	24/10/1998	29021486	Toán: 7.60 Vật lí: 7.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.75
NGUYỄN TẮT LỰC	01/10/1999	29001480	Toán: 1.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN VĂN CÔNG	10/09/1999	29021595	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN HỮU DUY	27/09/1999	29000968	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 4 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.75
LÊ VĂN ĐỨC	15/09/1999	29020256	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ HOÀI	08/10/1999	29009605	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.80
TRẦN THỊ TRÀ GIANG	20/08/1999	29028927	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ NGỌC DIỆP	28/12/1999	29000649	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 3 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.20
ĐẬU VĂN TRIỀU	14/04/1998	29016037	Toán: 7.80 Vật lí: 7.75 Hóa học: 9.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 5.80
HOÀNG LÂM NGUYỄN	25/02/1999	29018868	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 8.00 Sinh học: 7.25 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 4.80

LÊ ANH ĐẠT	13/11/1998	29019125	Toán: 2.40 Ngữ văn: 1.50 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN ĐÌNH LƯƠNG	16/06/1999	29029537	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 4.40
PHAN NGỌC SINH	01/07/1999	29006587	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 6.80
LÊ VĂN NGHĨA	18/07/1999	29009778	Toán: 8.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 9.50 Hóa học: 9.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ THÚY VÂN	18/02/1998	29022646	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN ĐÌNH DŨNG	06/11/1999	29022735	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.50 GDCD: 7.50 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN VĂN HƯƠNG	24/12/1994	29027684	Toán: 1.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.00
NGUYỄN HỮU TOÀN	05/05/1999	29008989	Toán: 4.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 1.60
MAI THỊ TÚ ANH	30/09/1999	29027157	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.00
MAI HỒNG SƠN	20/08/1999	29017484	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.20
ĐINH LÊ NHẤT THỐNG	22/08/1999	29024066	Toán: 9.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 9.50 Hóa học: 9.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 7.92 Tiếng Anh: 5.80
VI THỊ THẢO	03/08/1999	29013731	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.60
TRỊNH VĂN TUYẾN	17/06/1999	29007478	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 1.40
NGUYỄN THỊ VĨNH	24/02/1997	29030937	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	24/11/1999	29022959	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN THỊ HỒNG	11/08/1999	29005037	Toán: 4.80 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN HUY PHONG	08/05/1999	29024519	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 5.60

LÊ VĂN ĐIẾP	28/04/1999	29029807	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.80
TRƯƠNG TỔ UYÊN	09/01/1999	29017052	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN ĐỨC DUY	13/02/1999	29012685	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ HIỀN	05/05/1999	29020273	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.00 KHTN: 2.67 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.75 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ HOA	24/01/1999	29002375	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN NGỌC LƯƠNG	05/01/1999	29013628	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 6.50 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN ANH TUẤN	09/11/1999	29018255	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 5.00
HOÀNG THỊ THU UYÊN	12/05/1999	29006235	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75
NGUYỄN QUANG HUY	19/05/1999	29023794	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 6.20
LÊ THỊ HỒNG	24/04/1999	29025449	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.00
PHAN THỊ LINH CHI	08/06/1999	29024720	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 1.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.5 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50
HỒ Y BI	21/12/1989	29008527	Toán: 2.60 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 2.00
LÊ VĂN TIÊU	12/03/1999	29012454	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN TUẤN MẠNH	16/01/1999	29002005	Toán: 9.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 3.40
VƯƠNG THỊ NGỌC HOÀI	15/03/1999	29003401	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 2.60
VI THỊ HỒNG THU	16/08/1999	29015179	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.50 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	08/09/1999	29022002	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.60

NGUYỄN THẾ BẢO QUỐC	07/09/1999	29011468	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.25 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.60
BÙI THỊ DUYÊN	11/09/1999	29005542	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ GIANG	27/01/1999	29000135	Toán: 1.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.40
PHAN BÁ PHÁT	01/09/1999	29001108	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.67 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25
ĐẶNG ĐỨC ANH	20/11/1998	29009418	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 8.00 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN CÔNG CHÍNH	20/08/1999	29001246	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.20
ĐOÀN MẠNH HÙNG	17/12/1999	29029021	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 9.00 GDCD: 7.50 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 4.80
NGÔ THỊ HẰNG	17/07/1999	29022787	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN HỮU THÔNG	24/02/1998	29001651	Toán: 1.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.40
GIÀ THÔNG MINH	16/03/1999	29008359	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 3.20
ĐÀO TẤT DẦN	18/11/1998	29001257	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN NGỌC TRƯỜNG SƠN	22/11/1999	29010624	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 9.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.80
VÕ XUÂN HÀI	01/09/1998	29004980	Toán: 1.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 6.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 1.80
DƯƠNG THÀNH ĐẠT	12/12/1999	29023669	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ CHÂU	03/02/1999	29015438	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ TRÀ MY	18/10/1999	29020376	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN ĐỨC TÀI	06/04/1998	29000518	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.60

LÊ THỊ ĐÀO	27/09/1999	29028910	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.40
CAO THỊ OANH	22/06/1998	29022133	Toán: 4.60 Hóa học: 5.00 Sinh học: 6.25
HÀ THÀNH CÔNG	25/05/1999	29013484	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN CHÍ ĐẠI	20/03/1995	29023445	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25
PHAN THỊ TRANG	19/04/1999	29006208	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.00
NGUYỄN THỊ HÀ	10/07/1999	29027277	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.40
VŨ NGỌC HÀ	14/01/1999	29017197	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN CẢNH DŨNG	20/10/1999	29002269	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 2.20
LÊ ĐĂNG QUYỀN	11/03/1999	29016912	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 4 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	10/03/1999	29002889	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 3 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ LÂM	19/02/1999	29016743	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ VÂN ANH	18/04/1999	29021548	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 2.75 GDCD: 5.50 KHXH: 3.25 Tiếng Anh: 2.60
PHAN THỊ KHÁNH LY	15/12/1999	29029113	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.20
CAO VĂN NAM	07/08/1999	29012237	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.60
PHẠM VĂN HẬU	08/12/1999	29013130	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 2.80
BÙI MINH CHÍNH	03/10/1999	29003715	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.00
HỒ THỊ LINH	23/03/1999	29016752	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ HỒNG HIẾU	24/10/1999	29025436	Toán: 7.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.83 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 5.75 KHXH: 3.92 Tiếng Anh: 3.80

BÙI THANH TUẤN	10/02/1999	29012979	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN QUANG TRƯỜNG	21/08/1999	29028194	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM THỊ OANH	06/10/1999	29007070	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 1.80
LÊ THỊ HUYỀN	26/12/1999	29016698	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN HỮU TÂM	03/01/1999	29025234	Toán: 7.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN ĐÌNH LÂM	15/04/1998	29010117	Toán: 5.60 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 6.25 KHTN: 6.25
CAO CỰ HỢP	23/09/1999	29006397	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 2.20
LỮ VĂN HIẾU	25/07/1999	29013962	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 9.25 GDCD: 8.75 KHXH: 8.33 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ LOAN	15/08/1999	29010942	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.5 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN ĐÌNH TRƯỜNG	13/04/1999	29009340	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HẰNG	05/05/1999	29021718	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN KHÔI	28/08/1999	29002444	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 2.25 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ TUYẾT	26/06/1999	29010008	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 6.00
DƯƠNG THỊ MAI SƯƠNG	24/10/1999	29004605	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN THỊ THƯƠNG	21/01/1999	29029305	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM THỊ THỦY	26/04/1999	29001665	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ LINH	03/05/1999	29015792	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 5.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.00

VƯƠNG ĐÌNH ĐẠT	04/09/1999	29014924	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 4.00
TRƯƠNG THÀNH ĐẠT	04/05/1999	29011985	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.40
PHAN HOÀI LINH	01/04/1999	29026270	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 1.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 7.25 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ THÚY QUỲNH	15/07/1999	29005865	Toán: 8.40 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 10.00
MẠNH YẾN CHI	02/12/1999	29025947	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 9.00
ĐINH VIỆT SƠN	15/12/1999	29002583	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN THỊ SEN	18/01/1999	29018697	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.40
VÕ TIẾN ĐẠT	19/10/1998	29028816	Toán: 5.40 Vật lí: 5.75 Hóa học: 3.75
NGUYỄN ĐỨC PHÚ	03/04/1999	29024522	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.58 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 1.50 GDCD: 3.75 KHXH: 2.58 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ KIỀU OANH	10/10/1998	29001105	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.17 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75
PHẠM VĂN THÔNG	14/03/1999	29030714	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN TIẾN MẠNH	27/01/1999	29026314	Toán: 8.40 Ngữ văn: 2.50 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.75 Sinh học: 2.00 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 4.80
PHAN THỊ HẰNG	22/07/1998	29029882	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.00
DƯ THỊ LÂM OANH	11/02/1999	29007068	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.60
LÊ KHÁNH HUYỀN	02/09/1999	29021099	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 6 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ TRINH	15/06/1999	29002141	Toán: 8.60 Ngữ văn: 8.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 5 Tiếng Anh: 8.40
HOÀNG THỊ NGÂN	22/07/1999	29028000	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 3.40

NGUYỄN PHÚC HOÀNG YẾN	07/12/1999	29026595	Toán: 9.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 8.75 Sinh học: 9.00 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 9.20
LÊ THỊ VÂN	23/05/1999	29016548	Toán: 7.40 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.50 GDCD: 8.50 KHXH: 5 Tiếng Anh: 7.20
PHẠM THỊ HOÀI	14/09/1999	29009136	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.5 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 4.20
LÊ NGỌC HOÀN	09/01/1999	29003885	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.40
LÊ HÀ THƯƠNG	12/09/1999	29025713	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 9.00 GDCD: 7.50 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THÀNH HUY	25/12/1999	29012098	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 1.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.42 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN MINH NGỌC	17/07/1998	29019759	Toán: 1.80 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ SEN	08/07/1999	29001589	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.00
PHAN VĂN DIỆN	06/07/1998	29019257	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN TẤN CƯỜNG	14/09/1999	29011957	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN HÀ UYÊN	12/06/1999	29024675	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 7.40
VÕ NGỌC QUANG ANH	25/03/1999	29004882	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 5.40
VŨ ĐÌNH ĐẠT	09/11/1998	29017653	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.50 Tiếng Anh: 4.20
NGÔ THỊ NHƯ HOA	01/05/1999	29027321	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 5.40
LÊ HUYỀN TRANG	05/09/1999	29026537	Toán: 8.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 5.20
TRẦN ĐÌNH ĐÔNG	26/03/1998	29021664	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.80
BÙI ĐỨC TRUNG	10/11/1999	29000594	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.80

TRẦN THỊ LIÊN	12/09/1999	29004498	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 5 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ VÂN	19/05/1999	29023078	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.80
PHAN VĂN HỢP	08/01/1999	29014466	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 5.50 KHXH: 3.67 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN ĐÌNH PHƯỢNG	20/04/1999	29019946	Toán: 1.40 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 5.00 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG MAI LỰA	03/07/1999	29015822	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ AN	10/02/1999	29010238	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM MINH ĐỨC	19/09/1998	29013026	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.75
HOÀNG THỊ KHÁNH AN	24/06/1999	29023535	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 2.60
NGŨ TUẤN ANH	31/07/1999	29027159	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 8.50 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN THỊ HÀ	20/09/1999	29004399	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 3.40
NGÔ HỮU ĐẠT	01/09/1998	29005436	Toán: 8.20 Vật lí: 8.25 Hóa học: 6.75 Tiếng Anh: 7.80
LƯƠNG MƯU CHÍ	24/05/1999	29020572	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.00
LÊ THỊ AN	19/07/1999	29004860	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.80
PHAN HOÀNG ANH	02/12/1996	29027628	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50
CAO THỊ TUYẾT TRINH	30/01/1999	29004739	Toán: 8.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN TRỌNG HOÀNG	27/09/1999	29018486	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN ĐÌNH ĐỒNG	07/08/1999	29000979	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.92 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75
TRẦN HOÀNG MẠNH	20/11/1997	29009020	Toán: 5.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.75

NGUYỄN QUANG SƠN	10/01/1998	29001592	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.80
ĐINH THỊ HÂN	19/10/1999	29007858	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.25 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN HỮU HÙNG	08/02/1999	29011351	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN AN NA	26/02/1999	29026346	Toán: 8.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 9.60
PHẠM VĂN HÙNG	01/06/1999	29020303	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.5 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 1.60
ĐÀO TẮT TUẤN	20/05/1998	29001821	Toán: 8.60 Vật lí: 8.25 Hóa học: 9.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 6.83
PHẠM THỊ TRÀ MY	02/09/1999	29021917	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN VĂN CHUNG	14/06/1999	29012661	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN NHẬT NAM	07/07/1999	29023908	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 4 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN ĐỨC THÔNG	19/09/1999	29029609	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.20
HỦN VI THỊ HIỀN	01/11/1999	29014948	Toán: 4.60 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.40
CÙ THỊ THẮM	20/04/1999	29017530	Toán: 3.20 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 8.75 GDCD: 9.00 KHXH: 8.92 Tiếng Anh: 4.00
NGÔ THANH TUẤN	01/01/1997	29004301	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.50 Lịch sử: 7.00
VŨ VĂN HÒA	02/06/1999	29003874	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG ĐÌNH TÚ	19/10/1998	29012509	Toán: 2.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 2.40
LÊ BÁ KHÁNH DUY	31/12/1999	29024211	Toán: 8.20 Ngữ văn: 9.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 9.80
NGUYỄN HOÀNG QUYỀN	14/08/1999	29023999	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 4.40

VI VĂN PHƯƠNG	22/01/1999	29020412	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.58 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.00 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN TRUNG QUY	01/05/1999	29011019	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN VĂN MÃO	04/11/1999	29010527	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ CHÂU	02/10/1999	29004338	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN SỸ VINH	29/11/1999	29022660	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.40
HOÀNG XUÂN TIẾN	05/11/1999	29016993	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 4.60
PHẠM THỊ HUYỀN	02/01/1999	29009161	Toán: 9.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 9.25 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 5.20
HỒ THỊ NHUNG	05/01/1999	29016202	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.00
PHẠM ĐỨC MẠNH	02/11/1999	29026878	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.08 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.80
MAI SƯ HÀO	22/02/1999	29009558	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 2.25 Hóa học: 9.00 Sinh học: 9.75 KHTN: 7 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN NGỌC HUY	09/06/1999	29000267	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.20
BÙI THỊ MINH HIỀN	12/07/1999	29002345	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN ĐẮC MẠNH	27/09/1999	29024457	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN TẤT KHÁNH TOÀN	12/07/1999	29024092	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 8.25 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 6.00
PHẠM BÌNH AN	11/10/1998	29010714	Toán: 7.40 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.75
LÊ QUỐC CƯỜNG	12/03/1998	29021453	Toán: 7.80 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.00
CAO THỊ HỒNG	28/08/1999	29004448	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ BÌNH	28/08/1999	29019224	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.75 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 2.80

VĂN VIẾT THẮNG	07/09/1999	29012406	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 5.50 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG	29/06/1999	29026011	Toán: 8.40 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 9.40
NGUYỄN THỊ LAN	06/01/1999	29023234	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 6.25 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN THẾ ANH	06/06/1999	29007204	Toán: 9.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 5.60
LÊ THỊ THIẾT	15/06/1999	29002096	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN TRẦN QUANG	20/05/1999	29014107	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 7.75 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 4.80
HOÀNG THANH TÙNG	05/04/1999	29017045	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 9.25 Hóa học: 9.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 7.67 Tiếng Anh: 6.00
HỒ BÁ BÌNH	04/01/1999	29017630	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.75
ĐẬU THỊ OANH	07/11/1999	29016859	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN THỊ HẰNG	08/08/1996	29021465	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.40
TẠ THỊ TUỆ	20/08/1999	29019071	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 4.00
LÊ THỊ HỒNG	17/05/1999	29009626	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 4.20
VÕ CHÍ BẢO TRỌNG	20/11/1998	29009989	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.00 KHXH: 8 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG	20/10/1999	29022732	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.20
LÊ THỊ NGỌC ÁNH	26/10/1998	29019657	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.25
NGUYỄN HỒNG QUÂN	24/03/1999	29005846	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN ĐỨC VIỆT HUY	05/08/1999	29003912	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.80
VŨ HOÀNG LINH	04/09/1999	29015017	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 7.25 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 4.80

TRẦN ĐÌNH HUY	20/08/1999	29023217	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN ĐÌNH TƯ	12/07/1998	29011174	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN TRỌNG AN	15/12/1997	29029696	Toán: 2.60 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.60
TRƯƠNG ĐÌNH QUỐC	16/11/1999	29027553	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.20
VÕ THỊ QUỲNH DIỆP	11/03/1999	29000082	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG	19/08/1999	29009245	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM THỊ NGỌC	16/07/1999	29012267	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 5 Tiếng Anh: 4.40
ĐẶNG QUANG VIỆT	21/11/1998	29013850	Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.50
VĂN QUỐC ANH	02/08/1999	29012628	Toán: 1.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG THỊ THƯƠNG	11/08/1999	29007153	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 5.20
TRƯƠNG XUÂN QUYẾT	10/05/1999	29025607	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN ĐỨC THẮNG	23/04/1999	29012922	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 9.00 GDCD: 7.75 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN VĂN HẢI	28/10/1999	29027287	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 3.50 GDCD: 7.50 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 3.20
BÙI THỊ NGÀ	10/07/1999	29015889	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN VĂN TIẾN	13/12/1999	29028720	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
VI VĂN HIẾU	19/01/1999	29014438	Toán: 5.80 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ CẨM TÚ	10/12/1999	29024660	Toán: 7.40 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 8.60

TRẦN THỊ PHƯƠNG LINH	15/03/1998	29015800	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GD&CD: 7.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN TRỌNG TRẢI	30/03/1999	29023372	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 9.75 Sinh học: 8.50 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 3.00
ĐINH THỊ THANH	11/08/1999	29002081	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 3.80
THÁI BÁ TUẤN	04/04/1999	29030905	Toán: 4.20 Ngữ văn: 2.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.20
KHA THỊ GIANG	03/04/1999	29008247	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 2.25 GD&CD: 5.00 KHXH: 3.42 Tiếng Anh: 2.60
HỒ THỨC KHANG	24/08/1996	29015957	Toán: 8.40 Vật lí: 6.25 Hóa học: 8.00
PHẠM ĐỨC CƯỜNG	19/09/1999	29011600	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 4 Tiếng Anh: 3.60
TRƯƠNG THỊ NGÂN	10/11/1999	29011728	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN LỰC	20/04/1999	29030075	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.50 GD&CD: 7.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 5.40
PHẠM KIM NGÂN	07/12/1999	29005792	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.00 GD&CD: 7.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ THƠM	02/12/1999	29002620	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.00 GD&CD: 8.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 7.00
NGUYỄN THỊ NGỌC LINH	14/07/1999	29015008	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 7.50 KHTN: 6 Tiếng Anh: 4.80
LÊ THỊ UYÊN	16/01/1999	29016539	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GD&CD: 8.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.60
NGÔ THỊ NGỌC	08/08/1999	29012262	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.67 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.25 GD&CD: 9.00 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 3.20
VŨ THỊ BÍCH THÚY	18/02/1999	29012436	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 7.75 KHTN: 6 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ UYÊN	03/04/1999	29023072	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.25 GD&CD: 8.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 4.80
LÔ THỊ NGỌC	06/05/1999	29014071	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.00 GD&CD: 6.25 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.80

NGUYỄN THỊ MINH HUẾ	29/07/1999	29003904	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.40
HỒ VĂN CƯỜNG	19/08/1999	29017851	Toán: 6.40 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 2.60
ĐOÀN THỊ THANH THANH	12/04/1999	29012908	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 5.75 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 2.60
ĐẶNG THỊ VÂN ANH	22/09/1998	29027152	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN LINH	20/09/1999	29018021	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ VIỆT HÀ	14/03/1999	29012563	Toán: 9.40 Hóa học: 8.00 Sinh học: 6.75
CỤT THỊ UYN	18/05/1999	29020872	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.67 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.50 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN MINH ĐỨC	15/05/1999	29007594	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ LOAN	18/08/1999	29005124	Toán: 9.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 9.25 Sinh học: 8.50 KHTN: 7.92 Tiếng Anh: 6.60
LÊ VĂN THANH	07/07/1999	29028650	Toán: 1.60 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.80
LƯƠNG VĂN TUYẾN	29/06/1999	29013795	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.92 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ UYỂN NHI	03/08/1999	29027505	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THANH VINH	15/05/1998	29019842	Toán: 7.80 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.50
TRẦN THỊ MINH HẰNG	22/05/1999	29026787	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.5 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.00 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 3.40
PHAN VĂN NAM	26/02/1999	29019753	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75
ĐOÀN THỊ HẢI	15/03/1999	29028369	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 9.25 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ HẰNG	17/12/1999	29013940	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.20

LƯƠNG THỊ LỆ HẰNG	14/02/1999	29003126	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.40
LƯƠNG VĂN THẢO	12/08/1999	29014148	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 1.80
HOÀNG THỊ THANH LY	17/06/1999	29026293	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 6.00
LÊ TRÀ GIANG	09/10/1999	29021683	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.20
LÊ THỊ HẰNG	16/01/1999	29019355	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	17/04/1999	29017739	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.25
HOÀNG THỊ THỤC NHƯ	02/02/1999	29005200	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 5.00
ĐÀO VĂN THƯỜNG	27/02/1997	29029404	Toán: 3.20 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.75
NGUYỄN ĐẶNG HÀ AN	02/12/1999	29025857	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 6.80
PHẠM THỊ HỒNG NHUNG	09/05/1999	29004071	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.80
LỖ Ý BẦU	01/06/1998	29013473	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.20
PHAN BÙI HẢI	01/04/1998	29006924	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.60
LÔ THỊ NGỌC	27/05/1999	29025162	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 8.00 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 3.60
VÕ THỊ LÊ NA	26/08/1999	29005156	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.50 Sinh học: 6.00 KHTN: 8.08 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	10/10/1999	29002890	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 1.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 2.83 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG	31/05/1999	29019017	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.75 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.80
LÂM VĂN ĐỨC	30/07/1999	29002296	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 3.40

PHAN THỊ MƠ	14/03/1999	29004022	Toán: 1.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.25 KHXH: 8.5 Tiếng Anh: 3.40
CAO XUÂN HÀ	06/11/1998	29004966	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 1.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 2.58 Tiếng Anh: 2.80
LÊ THỊ MAI ANH	10/10/1999	29016066	Toán: 8.20 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 8.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 4.20
ĐẶNG THỊ MỸ LINH	15/04/1998	29009698	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 3 Tiếng Anh: 3.40
VI THỊ NHÂM	19/03/1999	29014653	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.20
HỒ VĂN THÀNH	17/08/1999	29007749	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN ĐÌNH ĐẠT	13/10/1999	29020992	Toán: 4.60 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN TRỌNG QUANG	09/09/1995	29021500	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 7.25
PHAN VĂN CƯỜNG	08/09/1999	29018381	Toán: 1.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ THẢO	16/07/1999	29021304	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.50 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN ANH TUẤN	01/01/1997	29010217	Toán: 7.20 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.25
NGUYỄN NHƯ NHẬT	01/07/1999	29030164	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG HOÀI NAM	17/12/1999	29018053	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 4.80
VĂN THỊ TUYẾT SƯƠNG	03/06/1999	29026941	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ THOA	15/02/1999	29020041	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN TUẤN ANH	27/07/1999	29014879	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG THỊ TRANG	16/12/1999	29020494	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.83 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.00 KHXH: 4 Tiếng Anh: 3.20

NGUYỄN THỊ THẢO	28/10/1998	29010185	Toán: 6.00 Vật lí: 5.25 Tiếng Anh: 5.00
KHA VĂN ĐỨC	13/07/1999	29020616	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.00
TĂNG NGỌC THANH	09/08/1999	29005285	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ AN	13/07/1999	29000929	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.33 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.75
PHAN CẢNH ĐẠI	30/10/1999	29030415	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 2.20
LÊ THỊ LƯƠNG	15/04/1999	29015833	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.25 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN VĂN NHU	26/12/1998	29030169	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 3.25 GDCD: 6.75 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN TRÌNH	27/08/1999	29029337	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN ĐÌNH KHÁNH	01/07/1999	29001969	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN XUÂN QUÝ	24/08/1999	29003261	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 4.50 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 2.80
LÊ MAI PHƯỢNG	01/11/1999	29015067	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 3.80
NGÔ MỸ DUYÊN	16/10/1999	29009505	Toán: 8.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 8.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 9.80
ĐÀO THỊ HUYỀN	05/04/1999	29027353	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.40
BÁ THỊ UYÊN	29/02/1999	29024674	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN HỮU KIÊN	22/10/1999	29024376	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ ANH	14/05/1999	29008596	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.80
ĐINH HỮU THẮNG	07/07/1999	29024045	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 5.60

ĐẬU THỊ HUYỀN	09/09/1999	29003916	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN TRỌNG SƠN	03/04/1999	29002068	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 5 Tiếng Anh: 2.20
ĐẶNG QUANG THÀNH	24/08/1999	29029247	Toán: 4.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.00
TRƯƠNG VĂN BÌNH	18/09/1998	29029738	Toán: 2.40 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.40
HỒ XUÂN BẢO	07/04/1998	29006855	Toán: 1.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN VĂN THÀNH	03/05/1999	29027605	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.40
VI THỊ HÀO	02/02/1999	29014943	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 2.40
CAO XUÂN ĐỨC	19/05/1999	29028347	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 5.00
VI THỊ PHƯƠNG THẢO	05/03/1999	29003296	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.60
VŨ THỊ THÙY LINH	11/01/1999	29018842	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ BÌNH	02/08/1999	29010272	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN TỚI	10/10/1999	29028725	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.80
LÊ ĐÌNH HÙNG	02/03/1998	29001025	Toán: 6.20 Vật lí: 5.00 Tiếng Anh: 5.80
TRẦN THỊ LÂM ANH	29/07/1999	29011586	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ CẨM HÀ	10/04/1999	29028362	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ LAN ANH	04/11/1999	29008598	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.50 GDCD: 4.25 KHXH: 3.83 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN ĐÌNH TÂN	10/05/1998	29023510	Toán: 3.60 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.20
NGÔ XUÂN DŨNG	26/05/1998	29001752	Toán: 8.20 Vật lí: 9.00 Hóa học: 9.00

ĐINH PHƯƠNG THẢO	02/06/1999	29012380	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 6.25 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG VĂN TỰU	04/07/1999	29002155	Toán: 9.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 8.25 Hóa học: 7.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 3.60
ĐẬU ĐÌNH KHÁNH	22/06/1998	29021845	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ HƯƠNG THỦY	19/04/1999	29012429	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.25 Hóa học: 2.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.42 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.75 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VĂN CHUẨN	19/05/1999	29009082	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 3.60
PHAN DUY MINH	02/08/1999	29029124	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ QUỲNH	30/06/1999	29011765	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 2.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 6.00 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN TIẾN THÀNH	08/06/1997	29014832	Toán: 3.40 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.25 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 1.60
NGUYỄN VĂN AN	01/02/1999	29023538	Toán: 8.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 8.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 9.20
NGUYỄN THỊ THỦY NGÂN	20/08/1999	29025555	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.80
NGÔ QUANG LƯƠNG	24/08/1999	29016786	Toán: 7.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN HỮU ĐÔ	26/01/1999	29019298	Toán: 6.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN VĂN TUẤN	22/02/1999	29030900	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG MINH KIẾN	20/11/1999	29022324	Toán: 7.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	01/01/1999	29022173	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 8.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ THÙY DUNG	22/03/1999	29024202	Toán: 8.00 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.25 KHXH: 8 Tiếng Anh: 8.40
CHU THỊ HÀ GIANG	09/05/1999	29003781	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.80

VÕ THỊ HÀ AN	12/05/1999	29023543	Toán: 6.80 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 9.60
ĐINH THỊ ĐỨC HIỀN	08/10/1999	29019368	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN TRỌNG ĐỨC	26/11/1999	29026029	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG THỊ TÚ ANH	15/08/1999	29028842	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 4.40
TRƯƠNG HỒNG SÁNG	09/04/1998	29023501	Toán: 6.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 8.00
VŨ THÀNH LUÂN	07/09/1998	29017713	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00
CHU VĂN KỲ	28/05/1999	29004489	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN QUANG SÁNG	29/06/1999	29023317	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 2.40
LÊ THỊ NGUYỆT	09/01/1999	29021205	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.40
PỊT VĂN THẠCH	10/05/1999	29008438	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN NGHĨA	08/09/1999	29019640	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.40
LŨ THỊ HỒNG TRINH	05/03/1998	29014191	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.60
TRƯƠNG TRỌNG QUÂN	30/12/1999	29014714	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.00
LÊ VĂN HÙNG	17/03/1999	29019446	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.20
ĐINH THỊ HƯƠNG TRÀ	08/11/1999	29015233	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	02/08/1999	29014697	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.60
PHAN THỰC CHINH	09/07/1999	29006870	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.00

BÙI CÔNG PHƯỚC	24/04/1999	29003477	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VĂN HIẾU	16/06/1999	29021749	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.40
CAO XUÂN VŨ	03/03/1999	29005426	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 1.80
HÀ VĂN CÔNG	23/11/1996	29014758	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 8.25
NGUYỄN TRỌNG NHẬT	26/10/1999	29024503	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN VĂN DŨNG	02/10/1999	29029781	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM THỊ LINH CHI	04/09/1999	29024947	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 5 Tiếng Anh: 7.60
LANG VĂN HUY	20/10/1998	29014246	Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 9.25
TRẦN THỊ HOÀI THƯƠNG	25/07/1999	29024602	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM ANH DŨNG	03/04/1999	29002272	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 6.25 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 2.40
VĂN ĐỨC HÀO	17/07/1999	29015571	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.80
THÁI THỊ TRÂM	02/09/1999	29000867	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 7.17 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 6.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 6.60
TRẦN ĐỨC THƯỜNG	20/06/1999	29016992	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN VĂN TUẤN	28/04/1999	29017042	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 2.25 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 2.67 Tiếng Anh: 2.00
LƯU VĂN CÔNG	01/01/1999	29021593	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.20
ĐẬU THỊ HUYỀN MY	19/09/1999	29017384	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.80
CHU VĂN CHUNG	12/08/1996	29027634	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75
TRẦN QUỐC TOẢN	24/11/1999	29018206	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.20

PHẠM ĐỨC CÔNG	03/06/1999	29012662	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN ĐỨC TOÀN	29/06/1999	29018999	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.50 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.40
TRƯƠNG THỊ LÂM	28/08/1999	29003959	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN TRỌNG HẢI QUÂN	27/03/1999	29002566	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.20
HỒ TẤT ĐẠT	27/02/1999	29007255	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 3.40
CHU THỊ UYÊN	11/10/1999	29004806	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 5.20
LŨ QUÝ LINH	17/08/1999	29014027	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 5.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ DUNG	29/06/1999	29011966	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.80
LÊ THỊ ÁNH	01/08/1998	29002218	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.20
ĐẶNG VĂN TUẤN	20/10/1998	29017794	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.00
VŨ LAN ANH	27/01/1999	29014883	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 2.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 7.00 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 5.40
PHẠM TUẤN DŨNG	12/11/1999	29014337	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.20
CAO THANH HÙNG	07/10/1999	29012089	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN CẢNH QUÂN	06/03/1999	29023307	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THANH THỦY	25/11/1999	29009289	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG THỊ THU THẢO	02/10/1999	29007404	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG VĂN TUẤN	07/11/1999	29029651	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.20

HOÀNG VĂN BẰNG	06/08/1999	29030383	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 6.00 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 4.40
ĐẶNG ĐÌNH MẠNH	14/10/1999	29001067	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 1.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.58 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.50
LÊ THỊ PHƯƠNG THẢO	28/12/1999	29012386	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.60
PHAN THỊ NGỌC HIỆP	04/11/1999	29022273	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ TRÀ GIANG	20/01/1999	29022761	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 7.40
NGUYỄN VĂN ĐỨC	14/08/1999	29008674	Toán: 1.80 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.20
QUANG THỊ TRANG	26/06/1999	29013775	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.00
CAO ĐỨC PHƯỚC	02/10/1999	29013292	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 6.00
ĐẶNG THỊ BÉ	23/01/1999	29023116	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 5.00
LÊ NGỌC ÁNH	19/08/1998	29000939	Toán: 9.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 9.50
NGUYỄN THỊ HIỀN	04/04/1999	29029895	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN VIỆT SƠN	03/09/1999	29011482	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ ÁI THƯƠNG	15/02/1999	29028113	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.20
LÊ THẾ CHIẾN	30/08/1998	29003613	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.00 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 2.40
ĐẬU VĂN TRƯỜNG	15/12/1999	29024110	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 7.00 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 2.00
PHẠM QUANG LINH	09/05/1999	29026265	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 1.60
CAO VĂN HẢI	11/10/1999	29014391	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.80

TRẦN MINH TRUYỀN	18/04/1999	29017608	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 6.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 1.60
VI THỊ DỊU	24/01/1999	29020595	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 5.50 KHXH: 4.08 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN MINH HIẾU	25/11/1999	29023736	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ HẠNH	22/12/1999	29003817	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN ĐÌNH BẢO	24/11/1998	29025355	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HIỀN	24/02/1999	29021054	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 2.20
DƯƠNG VĂN MINH	14/10/1998	29013046	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.40
CAO HOÀNG THIÊN	15/06/1999	29015153	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 5.75 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.60
BÙI VĂN TÙNG	26/11/1999	29012523	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM VĂN BIÊN	16/08/1998	29016092	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.40
LÔ VĂN TÍNH	08/06/1999	29020842	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN QUÁN	19/07/1999	29022008	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.20
LƯƠNG THỊ YẾN	16/08/1999	29003603	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 1.75 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 2.5 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.25 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN TUẤN LƯƠNG	09/08/1998	29029371	Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.00 Tiếng Anh: 8.20
NGUYỄN THỊ NHUNG	04/10/1999	29011744	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 8.00
NGUYỄN HỒNG SƠN	06/11/1999	29004135	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.20
LÊ THỊ HỒNG NGUYỄN	03/05/1999	29012268	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 6.40

VŨ DUY PHƯƠNG	29/12/1999	29026918	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.92 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.25 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.40
ĐẬU ĐỨC TUẤN	14/11/1999	29029652	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN QUỐC TRUNG	20/06/1999	29024653	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.40
ĐẶNG DIỆU LINH	21/07/1999	29024398	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 6.00
ĐẶNG VĂN DƯƠNG	08/08/1999	29028333	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN HUY DŨNG	01/01/1999	29016120	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 7.00
TRẦN TRỌNG NGHĨA	21/05/1999	29024488	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	08/05/1999	29026449	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ BÌNH	15/08/1998	29015433	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.40
LÊ CẢNH HOÀNG	26/12/1999	29007635	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.75 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.40
CAO TIẾN SƠN	23/04/1999	29000780	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 1.80
TRƯƠNG THỊ VÂN ANH	28/12/1999	29010258	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN NGỌC KHÁNH VÂN	24/03/1999	29027121	Toán: 8.80 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.00 KHXH: 8.00 Tiếng Anh: 10.00
VÕ VĂN TÀI	20/06/1999	29002926	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN THỊ HẰNG	27/09/1999	29017913	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ HOÀI LINH	02/09/1999	29028508	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN NHƯ SỰ	24/09/1998	29030270	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 5.50 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 1.80

SẦM VIẾT ĐỊNH	07/10/1999	29013509	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN TRỌNG MINH	07/08/1999	29015870	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.80
CÙ THỊ SANG	11/11/1999	29016296	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM ĐÌNH PHÚC	05/04/1999	29027528	Toán: 4.20 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.80
ĐÀO THỊ HIỀN	17/10/1999	29028971	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.00 GDCD: 7.75 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.20
TẶNG ĐÌNH TRUYỀN	24/09/1999	29020511	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ ĐAM	30/07/1999	29003767	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ TRANG	28/08/1999	29015249	Toán: 1.20 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.83 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.00
ĐẬU THỊ TRÀ GIANG	04/03/1999	29029837	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN VĂN HOÀNG	19/01/1999	29012764	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.00
VÀ BÁ GIỐNG	14/07/1996	29013520	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 5.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM ĐĂNG TIẾN	02/02/1999	29018991	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN MẠNH THẾ	28/02/1999	29004189	Toán: 2.60 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.75 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM ĐỨC NGỌC TÚ	21/09/1999	29023523	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 8.00
NGUYỄN THỊ NGỌC KHÁNH	02/07/1999	29006429	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 8.80
LƯƠNG THỊ PHUỜNG	24/06/1999	29020775	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.67 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.60
ĐINH THỊ TAM	20/05/1999	29022055	Toán: 7.80 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 9.00 GDCD: 9.00 KHXH: 8.33 Tiếng Anh: 7.20

PHAN THÙY LINH	10/09/1999	29018565	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.25 GDCD: 7.00 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 1.80
LÔ THỊ HOA	07/01/1983	29013829	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.75
TRƯƠNG VĂN HẢO	14/10/1999	29018438	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ NGÀ	13/07/1999	29024477	Toán: 9.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.25 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 8.20
NGUYỄN THỊ TUYẾT NHUNG	29/07/1999	29018644	Toán: 2.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ NGÀ	05/08/1999	29018619	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.00 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.60
TRƯƠNG SỸ SƠN	04/09/1999	29005262	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN HOÀNG HUY	06/11/1999	29002411	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.60
KIM VĂN VY	18/10/1998	29014226	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 5.50 KHXH: 4.08 Tiếng Anh: 2.80
BIỆN THẾ HIỆP	11/08/1999	29020280	Toán: 8.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 8.25 Hóa học: 9.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 7.67 Tiếng Anh: 4.40
HỒ THỊ DUNG	29/08/1999	29015478	Toán: 1.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.80
ĐOÀN HỒNG ĐỨC	10/11/1999	29027869	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM THỊ THƯƠNG	10/01/1999	29029303	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 9.00
NGUYỄN MINH HIẾU	24/11/1998	29026631	Toán: 6.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.00 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN THỊ HOA	09/11/1999	29018796	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 8.00
NGUYỄN NGỌC SƠN	01/12/1999	29014743	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN SINH	09/09/1999	29029588	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 4.20

NGUYỄN HỒ ANH TUẤN	02/06/1999	29019064	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.00
LÊ QUỐC TUẤN	20/11/1999	29003570	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN VĂN THẮNG	17/08/1999	29011073	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ HỒNG TAM	02/01/1999	29021287	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 9.25 Hóa học: 9.75 Sinh học: 2.25 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 5.60
HỒ THỊ KHÁNH LINH	23/08/1999	29008800	Toán: 3.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.00 KHXH: 8.58 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ MAI	08/04/1999	29000718	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.42 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN KHÁNH HÀ	25/12/1999	29019325	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.50 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 3.20
PHAN KHÁNH	15/03/1997	29015959	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.25 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN VĂN HOÀNG	23/10/1999	29024326	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 2.92 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.00
HỒ THỊ QUỲNH	17/01/1999	29018683	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.60
LÊ TIẾN THẾ	12/04/1998	29016962	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ ĐẠT	24/12/1998	29017164	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.20
SÀM THỊ NHÌ	11/09/1999	29014084	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 5.40
LÂM MẠNH QUANG	01/02/1999	29023300	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN QUỐC QUÂN	25/02/1998	29013694	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN ĐĂNG DUY	12/06/1999	29000103	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN HỮU PHÚC	28/08/1999	29022938	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 5.75 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.20

NGÔ TRÍ SÁNG	22/08/1999	29022417	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 5.40
VI VĂN LONG	06/05/1999	29008329	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.20
PHAN THỊ PHƯƠNG	02/09/1998	29023495	Toán: 9.20 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 7.42
VI THANH NHÀN	01/01/1999	29003467	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 4.80
TRẦN THỊ QUỲNH	02/03/1999	29018689	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.00
PHAN THỊ SEN	05/02/1999	29030264	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.50 GDCD: 5.75 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN ĐĂNG ĐỨC	08/03/1999	29000663	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.5 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.25 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN ĐÀO	31/10/1999	29017875	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.33 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.60
VŨ VĂN THỎA	14/04/1999	29017547	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ NỮ	12/08/1999	29005201	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 2.50 GDCD: 5.00 KHXH: 3.67 Tiếng Anh: 2.40
SẦM THỊ KHÁNH TÂM	14/04/1999	29025235	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 8.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 2.60
LÔ MINH CHÂU	23/11/1999	29020569	Toán: 1.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.20
HỒ TUẤN BÌNH	13/03/1998	29015914	Toán: 3.00 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.00
TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO	14/02/1999	29020019	Toán: 7.60 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 8.80
NGUYỄN THỊ YẾN NHI	01/09/1999	29009226	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.60
LÔ THỊ NGÂN HÀ	26/01/1999	29013932	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HƯỜNG	14/03/1999	29015718	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 6.00

HỒ VĂN MẠNH	19/05/1999	29018848	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ TRANG ANH	04/05/1999	29007208	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 8.25 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.60
DƯƠNG THỊ MAI	20/06/1999	29013222	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.33 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GD&ĐT: 7.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.20
LÊ HỒNG SƠN	05/04/1998	29013065	Toán: 2.60 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 4.25
NGUYỄN THỊ BẢO	10/04/1999	29010827	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 4.80
ĐINH THỊ LÊ	28/06/1999	29005095	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 4.80
VŨ THỊ THÀNH	18/08/1999	29004631	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 1.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 2.83 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75 GD&ĐT: 8.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG PHÚC SƠN	16/02/1998	29016308	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75 GD&ĐT: 8.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.20
LÊ HỮU NHẬT	07/07/1999	29026901	Toán: 3.20 Ngữ văn: 2.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.17 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GD&ĐT: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VIỆT HOÀNG	02/04/1999	29013164	Toán: 7.60 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 8.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 6 Tiếng Anh: 5.60
VŨ VĂN CHIẾN	25/10/1999	29028305	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 2.75 GD&ĐT: 6.75 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HUỆ	08/06/1999	29029958	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.00 GD&ĐT: 8.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.80
LÊ VĂN DUẤN	05/11/1996	29010066	Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 9.00
NGUYỄN DANH HOÀNG	03/04/1999	29029011	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GD&ĐT: 8.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ THU	17/08/1999	29011082	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 3.20
VẠNG THỊ KIM KHÁNH	02/09/1999	29014007	Toán: 1.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GD&ĐT: 6.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.60
LÊ THỊ KHÁNH HUYỀN	25/05/1999	29018815	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 6.60
NGUYỄN VĂN BẮC	25/01/1998	29023432	Toán: 5.40 Vật lí: 5.25 Tiếng Anh: 3.60

PHẠM CÔNG THẮNG	09/08/1999	29015147	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 1.40
NGUYỄN SỸ DUY	13/04/1997	29003618	Toán: 3.60 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 0.60
NINH THỊ HÀO	28/05/1999	29013536	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ HẰNG	25/01/1999	29021041	Toán: 7.20 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 7.40
CAO THỊ LINH	26/02/1999	29006458	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 9.25 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 4.60
BÙI ĐĂNG DƯƠNG	06/06/1998	29019672	Toán: 6.60 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.50
NGUYỄN THỊ HOA MỸ	13/04/1999	29005155	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 8.00 KHTN: 7 Tiếng Anh: 4.00
PHÙNG VIỆT ĐẠO	12/12/1999	29019288	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN LINH	05/01/1999	29026264	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 7.75 KHTN: 6 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN THỊ MỸ LỆ	19/06/1999	29012812	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.25 KHXH: 8 Tiếng Anh: 5.20
LÔ THỊ MAI	07/11/1999	29013636	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.20
BÙI THỊ LAM	06/06/1999	29022334	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN XUÂN QUỲNH	14/03/1999	29006582	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 8.80
NGUYỄN QUANG TUẤN	31/07/1999	29011831	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN THỊ HIỀN	05/08/1999	29001001	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.83 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 3.75
HOÀNG XUÂN SƠN	20/10/1998	29010788	Toán: 2.00 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 5.25
HOÀNG THỊ MINH HUYỀN	11/08/1999	29019466	Toán: 6.60 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 6.00

LÊ VĂN LINH	07/09/1999	29012816	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN MINH HIẾU	19/06/1999	29024304	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 8.00
NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ	03/06/1999	29023705	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 8.60
NGUYỄN THỊ THƯƠNG	14/01/1999	29023016	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.80
LÊ CÔNG TRƯỜNG	23/05/1999	29030869	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ TUYẾT	20/01/1999	29003010	Toán: 4.00 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.92 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.60
CAO THỊ HUYỀN	17/07/1999	29012781	Toán: 5.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.75 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 8.40
LẦU BÁ MẾNH	13/09/1998	29008556	Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.75
TRẦN PHÙNG HOÀI THƯƠNG	01/10/1999	29022529	Toán: 7.20 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 7.60
NGUYỄN THỊ PHẤN	06/09/1999	29009818	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 9.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.60
HỒ THỊ MAI	28/01/1999	29003453	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN DIỆU LINH	10/05/1999	29030036	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN CHUNG	21/02/1998	29027209	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 3.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 0.80
ĐOÀN THỊ NGỌC ANH	06/02/1999	29025862	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 7.40
NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	09/02/1999	29006971	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ THƠ	18/11/1999	29009925	Toán: 9.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 8.25 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 6.20
VÕ THỊ PHƯƠNG THẢO	13/04/1999	29027617	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 4.20

NGUYỄN KHÁNH LINH	05/10/1999	29010484	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 5.25 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG THỊ NGÀ	28/09/1999	29008845	Toán: 6.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 8.75 GDCD: 9.00 KHXH: 8.92 Tiếng Anh: 3.20
HỒ THỊ NHUNG	12/07/1999	29019900	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM THỊ HẰNG	10/01/1999	29022267	Toán: 9.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 9.50 Sinh học: 6.00 KHTN: 7.75 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN XUÂN QUÂN	21/06/1999	29020417	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 8.25 Sinh học: 6.75 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ LÂM	24/07/1999	29011685	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN ĐỨC	12/02/1999	29021672	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HOÀI PHƯƠNG	28/08/1999	29027531	Toán: 2.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ SƯƠNG	30/04/1999	29002919	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.67 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ BÉ	02/02/1999	29021566	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN THIỆN QUANG	16/02/1999	29024843	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 3 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 4.25
NGUYỄN THỊ MƠ	12/10/1999	29021183	Toán: 9.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 9.50 Hóa học: 10.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 7.67 Tiếng Anh: 5.20
LÔ ĐỨC THỊNH	03/04/1998	29014264	Toán: 3.40 Sinh học: 5.25
NGUYỄN THỊ THU TRANG	24/09/1999	29027048	Toán: 8.40 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 9.20
PHÙNG THỊ PHƯƠNG THẢO	02/05/1999	29028064	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 6.25 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 3.80
HOÀNG THỊ SAO BĂNG	19/11/1999	29006269	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 4.20
HOÀNG THỊ KHÁNH CHÂU	24/04/1999	29019226	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 8.20

NGUYỄN TRỌNG ĐỨC	10/02/1998	29021003	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 2.75 GDCD: 6.50 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 2.20
THÂN THƯƠNG THÚY NHI	05/08/1998	29020749	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.60
LÊ THỊ TÚ OANH	01/02/1999	29021217	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN ĐOÀN PHƯƠNG THẢO	01/05/1999	29000802	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 5.80
LÊ MINH DƯƠNG	03/05/1999	29017871	Toán: 9.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.25 Sinh học: 6.75 KHTN: 8.25 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN THỌ TỤ	30/09/1999	29030888	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 5.75 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 2.60
PHAN THỊ HẢI YẾN	19/08/1999	29003030	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 7.75 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 3.80
TRƯƠNG NGỌC THÙY LINH	09/09/1999	29009724	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 7.60
LÊ KHẮC NGUYỄN	19/05/1999	29012274	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.25 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 4.40
HOÀNG THỊ QUANG VINH	01/07/1998	29018305	Toán: 4.40 Ngữ văn: 8.50 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 3.92 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 3.80
TRƯƠNG THỊ THÚY HẰNG	06/01/1999	29006932	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.75 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 3.80
HOÀNG MINH HIẾU	16/12/1999	29019387	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 9.50 GDCD: 9.50 KHXH: 9 Tiếng Anh: 2.80
KHA THỊ YÊM	11/03/1980	29020924	Toán: 2.00 Ngữ văn: 2.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.00
CAO HUY HÀO	27/06/1999	29004990	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 1.40
VĂN ĐỨC NGUYỄN	10/03/1999	29016839	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 3.60
PHÙNG BÁ TÙNG	23/02/1999	29012986	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.40
LÊ HOÀNG ĐỨC	15/04/1999	29024235	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.42 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 6.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 6.60

PHẠM QUỐC VIỆT	25/09/1998	29024141	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN PHÙNG THẮNG	25/01/1999	29022445	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.00
LÊ THỊ KIM ANH	10/05/1999	29028844	Toán: 1.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ NGÂN	01/01/1999	29029148	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 5.00
PHẠM MINH TRUNG	28/06/1999	29006726	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	17/09/1999	29022950	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN MINH SƠN	11/02/1999	29014745	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN ĐÌNH PHONG	12/02/1998	29019153	Toán: 7.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 6.50
ĐẶNG THỊ HẰNG	20/06/1999	29009113	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN TRUNG KIÊN	09/06/1999	29000313	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN NGỌC MINH	06/09/1999	29002507	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 4.40
LÊ HỮU HOÀNG	23/12/1998	29003404	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN VĂN TIẾN ĐẠT	12/06/1999	29025389	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.33 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN NGUYỄN THẢO ANH	30/03/1999	29024928	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.17 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN MINH TUẤN	19/05/1999	29030894	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.00
PHẠM THỊ THU UYÊN	16/04/1999	29018276	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.20
TẠ THỊ LINH	07/09/1999	29005731	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.20

LÊ THỊ NHƯ QUỲNH	24/06/1999	29016284	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN THUYỀN	17/03/1999	29012437	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG VĂN QUẢNG	28/05/1999	29004100	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.20
BÙI VĂN MINH	18/10/1999	29030555	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THÚY HẰNG	15/06/1999	29025423	Toán: 8.00 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.00 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN VĂN TIẾN	30/09/1999	29004688	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.25 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 2.20
PHAN ANH TUỆ	12/12/1993	29027791	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.00
NGUYỄN VĂN QUÂN	01/09/1999	29022410	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 3.40
LƯƠNG THỊ HẠNH	20/08/1999	29013532	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN LƯU TRUNG	03/02/1999	29007456	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.40
ĐINH VĂN MINH	09/02/1995	29010758	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 8.25
PHẠM VĂN THẮNG	08/04/1999	29010671	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN THỊ NHUNG	02/02/1998	29029164	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.00
NGÂN THỊ SỸ	16/04/1999	29003279	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.00 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN HÒA	14/08/1999	29017248	Toán: 1.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN ĐÌNH CHÍNH	29/03/1999	29018372	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ THÀNH	05/05/1999	29001625	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 7.60
NGUYỄN TUẤN HOÀNG	26/10/1999	29026137	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 5.80

HỒ THỊ HOA	07/08/1998	29018471	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.00
PHAN HOÀNG TRANG	26/05/1999	29023382	Toán: 8.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 9.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 5.40
VÕ THỊ THỦY	17/05/1999	29020074	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN TRÀ MY	10/07/1997	29026658	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.50 Tiếng Anh: 6.20
HỒ THỊ HỒNG	15/02/1999	29015662	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.00 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ HOÀI THU	12/02/1997	29027770	Toán: 4.40 Ngữ văn: 8.25 Tiếng Anh: 7.40
NGUYỄN THANH ĐỨC	14/10/1999	29025397	Toán: 4.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 8.20
LÊ VĂN TRÀ	28/05/1998	29013387	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.5 Tiếng Pháp: 3.00
LÊ THỊ TRINH	02/01/1999	29016493	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN SỸ CHUNG	01/10/1999	29002240	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 4.00
VI THỊ HOÀNG HẢI	04/03/1999	29014940	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN MINH QUÂN	11/11/1999	29025601	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.92 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN DUY KIÊN	13/03/1999	29009175	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 3.80
ĐOÀN THỊ AN GIANG	04/09/1999	29025003	Toán: 7.60 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.40
VÀ BÁ THÁI	16/09/1998	29013719	Toán: 3.00 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.00 KHXH: 3.92 Tiếng Anh: 1.80
TRẦN THỊ NGỌC	03/07/1999	29022920	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.00 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO	16/07/1999	29028065	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 9.75 Sinh học: 8.00 KHTN: 8.33 Tiếng Anh: 4.60

PHAN VĂN CHUNG	20/06/1999	29005513	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.80
LÊ HUYỀN TRANG	19/08/1998	29017781	Toán: 5.40 Vật lí: 2.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.42
NGUYỄN ANH DŨNG	14/01/1996	29027642	Toán: 7.20 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.25
PHAN THỊ KIỀU	19/09/1999	29028489	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 5.00
TRẦN BÌNH ĐẶNG	19/10/1999	29007577	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 7.60
LƯƠNG VĂN HƯNG	08/02/1998	29014495	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 3.25 GDCD: 6.50 KHXH: 3.83 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN QUANG THẮNG	11/09/1999	29022447	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ HÀ TRANG	14/12/1994	29002770	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.83 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.50
NGUYỄN HUY HOÀNG	01/11/1999	29012761	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.60
VÕ THỊ NGỌC	30/10/1999	29019879	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 9.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.20
ĐẶNG VĂN ĐẠT	10/03/1999	29001875	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 4 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ THẨM	28/02/1999	29004180	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.00 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ DIỆM UYÊN	10/12/1999	29011181	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.80
ĐÀO VIỆT TRUNG	02/09/1999	29000873	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THANH LÊ	12/12/1998	29010749	Toán: 6.20 Hóa học: 7.00 Sinh học: 7.25
NGUYỄN VĂN ĐỨC MẠNH	28/06/1999	29026315	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 9.75 Sinh học: 9.50 KHTN: 8.5 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	27/04/1999	29007082	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.40

TĂNG VĂN TRUNG	24/08/1999	29005376	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GD CD: 9.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 1.80
TRƯƠNG THỊ TRANG	04/03/1999	29020147	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GD CD: 8.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.80
THÁI VIỆT HÙNG	01/11/1999	29010427	Toán: 4.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GD CD: 6.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.80
PHẠM ĐỨC LƯƠNG	20/10/1998	29010127	Toán: 4.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 6.50
NGUYỄN BÙI THẾP	27/08/1999	29029605	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 6.00 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.60
ĐOÀN HÒA	14/04/1998	29015630	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.75 GD CD: 8.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.40
ĐINH THỊ LÂM OANH	15/11/1998	29024830	Toán: 8.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 9.50
LƯU XUÂN ĐỨC	27/08/1999	29029460	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.17 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ ÁNH	28/02/1997	29021445	Toán: 8.60 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.50
NGUYỄN ĐÌNH TIẾN	24/03/1999	29028719	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.50 GD CD: 7.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.80
CHU THỊ NHUNG	04/06/1999	29002533	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GD CD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 6.40
NGUYỄN THỊ THU	17/08/1999	29028100	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GD CD: 6.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.60
SẦM VĂN TÙNG	09/10/1999	29014209	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GD CD: 6.50 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN BÁ THÀNH	10/05/1999	29018157	Toán: 9.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN LINH	25/08/1999	29006465	Toán: 8.00 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.08 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.50 GD CD: 8.00 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.60
CAO XUÂN TẠO	27/03/1998	29003661	Toán: 6.60 Vật lí: 4.75 Hóa học: 6.00
NGUYỄN SINH HOÀNG	26/01/1999	29004443	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 5.40
PHẠM THỊ HẢI YẾN	11/10/1999	29028270	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 4 Tiếng Anh: 3.00

NGUYỄN VĂN HUY	13/06/1998	29013036	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25
LÊ THỊ QUỲNH	14/09/1999	29016286	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.00
LƯƠNG NGỌC ANH	10/12/1999	29013857	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN THỊ THƠ	16/06/1999	29011077	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 2.60
HOÀNG THỊ ANH	09/01/1999	29022170	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 9.50 Sinh học: 9.25 KHTN: 7.83 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ HIỀN	02/01/1999	29007862	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN CẢNH TUẤN	15/03/1999	29025787	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG BÁ DẦN	15/02/1999	29002792	Toán: 5.80 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.92 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.00
HOÀNG VĂN HÀ	04/08/1999	29015546	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 1.80
TRẦN VĂN NGHĨA	06/05/1999	29012855	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.75 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ TRANG	18/08/1999	29017594	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.80
VŨ THỊ HẢI	01/02/1999	29003812	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.40
TRƯƠNG THU UYÊN	18/12/1999	29027119	Toán: 3.20 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 9.00 GDCD: 7.50 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ THỦY	10/01/1999	29009935	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.80
PHAN THỊ NHƯ	15/02/1999	29028586	Toán: 9.20 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 8.75 Hóa học: 10.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 8.08 Tiếng Anh: 3.40
LÊ ĐÌNH HUY	23/04/1999	29028451	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.50 KHXH: 8 Tiếng Anh: 3.40
LÊ VĂN TRỌNG	26/10/1997	29019816	Toán: 2.20 Lịch sử: 2.75 GDCD: 5.25 Tiếng Anh: 1.60
BÙI VĂN CHUNG	06/01/1998	29019236	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 5.75 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 3.40

NGUYỄN THỊ VÂN ANH	14/02/1999	29019854	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 4.00
ĐINH THỊ THÚY HẰNG	08/07/1999	29012027	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 8.25 Sinh học: 8.25 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 3.80
DƯƠNG ĐĂNG LÂM	03/07/1999	29024383	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ HUỆ	20/08/1998	29019440	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN VĂN HÙNG	04/08/1999	29019452	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 9.00 GDCD: 7.75 KHXH: 8.33 Tiếng Anh: 2.60
MAI MẠNH LÂM	21/01/1999	29005093	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.40
LÊ THỊ UYÊN	16/04/1999	29013439	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.5 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THÀNH ĐẠT	11/01/1999	29027865	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THÙY DUNG	10/02/1999	29009495	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĨNH LƯƠNG	16/04/1999	29030079	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.40
PHAN THỊ THU AN	10/11/1999	29006832	Toán: 5.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.80
LÊ THANH NGHĨA	28/09/1999	29018073	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 8.20
DƯƠNG PHƯƠNG NAM	23/08/1999	29002514	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 1.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.58 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM HỒNG ĐĂNG	28/08/1998	29007170	Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.25
TẶNG THỊ UYÊN	24/06/1999	29017053	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 6.60
NGUYỄN MINH QUÂN	14/09/1999	29025602	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.17 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 5.40
TRẦN THỊ THU UYÊN	04/04/1998	29024894	Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 9.75

ĐẶNG THỊ HÀ VY	31/03/1999	29000917	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.83 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 8.00
LÔ VĂN TRỌNG	20/11/1999	29012494	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.00 Sinh học: 2.00 KHTN: 2.17 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.00
HOÀNG THỊ THƯỜNG	26/03/1999	29006650	Toán: 8.00 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN ĐỨC TIẾP	02/12/1999	29018201	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 6 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM THỊ HẰNG	16/10/1999	29001336	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN KIM KỶ	25/08/1999	29000319	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 10.00 Sinh học: 7.75 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN VĂN TÂN	01/11/1999	29008928	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ LINH	27/07/1999	29015796	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 4.80
LƯƠNG THỊ THU HUYỀN	26/05/1999	29027357	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN DUY HÙNG	06/10/1999	29021810	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN ĐÌNH GIÁP	19/09/1999	29010352	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 4.00
LƯƠNG THỊ HIỀN	10/12/1998	29019700	Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00
LÊ VĂN KỶ	14/04/1999	29001447	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH	10/12/1999	29018434	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.80
HOÀNG VĂN HÙNG	16/03/1998	29004244	Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25
TRẦN HỒ MINH ANH	11/08/1999	29006261	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN VIỆT TUẤN	12/04/1999	29022629	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.40

NGUYỄN LAN ANH	07/10/1999	29012616	Toán: 7.60 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 9.00
NGUYỄN THỊ LAN ANH	21/05/1999	29008600	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN KHẮC ĐỨC	09/07/1999	29027873	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 2.80
BÙI TRẦN VIỆT HUY	01/10/1999	29007648	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.40
VÕ TRUNG CÔNG	03/09/1999	29009083	Toán: 7.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 2.00 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN SỸ HIẾU	26/06/1999	29011324	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 3.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN LÊ ĐÔNG	20/01/1994	29025256	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.75
ĐOÀN THỊ HUYỀN TRANG	29/08/1999	29009304	Toán: 8.00 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 9.00 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 6.60
PHẠM THỊ TRANG	10/02/1999	29011818	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG CHÍ HIẾU	21/07/1999	29015610	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN VĂN SƠN	08/02/1998	29002760	Toán: 8.80 Vật lí: 8.75 Hóa học: 7.25
LÊ TRỌNG HOÀNG	14/07/1999	29010418	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.60
BÙI THỊ THÚY	25/06/1999	29022508	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 3.80
BÙI XUÂN TRỌNG	02/04/1998	29022590	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.20
PHAN THỊ CÔNG	28/03/1999	29030394	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 4.80
PHAN VĂN CÁT	08/11/1999	29021577	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN ĐỨC MẠNH	25/05/1999	29015856	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 6.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.00

NGÔ THỊ NGỌC	20/01/1999	29019648	Toán: 6.00 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 5.20
ĐINH THỊ HỒNG	28/09/1999	29000250	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG ĐỨC BÁ	02/06/1999	29006267	Toán: 9.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 9.25 Hóa học: 8.00 Sinh học: 6.75 KHTN: 8 Tiếng Anh: 6.00
DƯƠNG KHÁNH HUYỀN	03/05/1999	29026172	Toán: 4.20 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 9.25 Địa lí: 9.25 GDCD: 9.00 KHXH: 9.17 Tiếng Anh: 7.80
NGUYỄN THỊ TRÀ	01/09/1999	29002123	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN VĂN THẮNG	01/02/1999	29022448	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 9.25 Địa lí: 9.25 GDCD: 8.00 KHXH: 8.83 Tiếng Anh: 3.20
VI THỊ MY	29/05/1999	29014613	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN BẢO KHÁNH	12/05/1999	29026206	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ OANH	23/07/1999	29021983	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM THỊ THU HÀ	27/02/1999	29012010	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 9.00 GDCD: 9.50 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 3.00
VÕ MINH NHẬT	28/02/1999	29007954	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 6 Tiếng Anh: 4.00
LÀU Y ĐÌNH	08/07/1999	29008238	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 1.20
PHAN HỮU THẮNG	27/06/1999	29007137	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN VĂN MINH	11/11/1996	29020910	Toán: 2.40 Ngữ văn: 2.00 Lịch sử: 2.00 GDCD: 7.25 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	04/09/1999	29000479	Toán: 6.20 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN VĂN HIẾU	10/10/1999	29002365	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.40
ĐẶNG HOÀNG ANH QUÂN	30/05/1999	29021241	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 1.50 Hóa học: 2.25 Sinh học: 2.25 KHTN: 2 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.00

BÙI VĂN THỊNH	24/08/1999	29015158	Toán: 4.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.60
PHAN THỊ HẰNG	17/01/1999	29000677	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.42 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.80
PHAN ĐÌNH KHẢI	10/01/1999	29006423	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 2.00
LƯƠNG THỊ HẢI YẾN	26/10/1999	29020893	Toán: 1.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 1.80
HỒ PHI NHUNG	21/04/1999	29025187	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 7.25 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN SỸ VĂN	05/10/1999	29011190	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM NGỌC LỢI	11/10/1999	29015820	Toán: 2.60 Ngữ văn: 2.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.00 GDCD: 6.00 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 3.00
LƯU HUY HƯNG	27/11/1999	29016705	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 5.80
TRẦN QUỐC TIẾP	23/06/1999	29007158	Toán: 6.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ TRÚC	28/02/1999	29011135	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.80
VÕ QUỲNH TRANG	24/02/1999	29028166	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.50 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 4.00
PHẠM THỊ LINH	20/12/1999	29002468	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ GIANG	19/05/1999	29029841	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN THỊ MẶN	08/09/1999	29027987	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ NGỌC	22/12/1999	29019651	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN HẢI NAM	15/05/1999	29013240	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 4.40
LƯƠNG THỊ LỆ	09/02/1999	29013608	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.40

NGUYỄN THỊ HOÀI	01/01/1999	29025045	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM TRUNG HIẾU	03/11/1999	29026105	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 9.25 Hóa học: 9.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 7.83 Tiếng Anh: 4.80
LƯƠNG THỊ HẠNH	29/06/1999	29013534	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.60
PHẠM XUÂN NAM	05/08/1999	29004032	Toán: 3.20 Ngữ văn: 1.75 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 3.25 GDCD: 4.50 KHXH: 3.08 Tiếng Anh: 2.20
LƯƠNG THỊ LỆ	26/03/1999	29014023	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN NGỌC SƠN	01/06/1999	29009262	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 5.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN VĂN PHONG	01/06/1998	29017732	Toán: 6.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.00
PHAN THỊ TRANG	01/10/1999	29030822	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.80
LÊ THỊ PHƯƠNG TRÀ	21/05/1999	29013386	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 5.00 KHXH: 4.58 Tiếng Pháp: 1.20
NGUYỄN THỊ VIỆT TRINH	12/08/1999	29004743	Toán: 9.00 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 9.40
NGUYỄN HỮU TRƯỜNG	24/01/1999	29022604	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ SÂM	26/12/1999	29023319	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 8.25 Sinh học: 6.00 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 6.40
PHẠM ĐÌNH THIỆN	13/03/1999	29002955	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 2.60
VÕ TRỌNG THÔNG	17/07/1999	29028090	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ THANH HOÀI	02/09/1999	29009606	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 5.20
HỒ GIA THẮNG	22/10/1999	29013355	Toán: 5.00 Ngữ văn: 2.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 6.00 KHTN: 3.92 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN LÊ ANH TUẤN	31/10/1999	29025790	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.00 Tiếng Anh: 7.40

TRƯƠNG THỊ SA	27/11/1999	29012346	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.50 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM HỒNG DƯƠNG	01/12/1999	29010844	Toán: 6.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 4.40
VI THỊ TUYẾT	10/08/1999	29013798	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.40
HỒ THỊ QUỲNH	13/08/1999	29017466	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ HIỀN PHƯƠNG	03/06/1999	29023976	Toán: 8.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 9.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ ÁNH	01/10/1999	29010260	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.60
CHU VĂN TRƯỜNG	14/11/1999	29003556	Toán: 8.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 2.40
PHAN THỊ NHÀN	30/07/1999	29030584	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 6 Tiếng Anh: 1.80
ĐÀO VĂN PHI	02/08/1999	29000744	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.80
ĐẶNG THỊ PHƯƠNG	10/07/1998	29001563	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HẰNG	08/08/1999	29000173	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.60
NGÂN VĂN DU	07/03/1999	29013494	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.40
LÊ NGUYỄN TIẾN ĐỨC	25/09/1999	29010337	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.00
ĐINH VĂN LỘC	15/04/1999	29002478	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.20
HỒ THỊ LƯƠNG	09/02/1999	29015831	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ ANH	17/05/1999	29008597	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THÀNH HẬU	09/03/1998	29021728	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.50 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.80

TRƯƠNG THỊ HOÀI THƯƠNG	06/08/1999	29028117	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.60
ĐẬU ĐAN PHƯƠNG	10/01/1999	29015066	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 2.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN NGỌC ANH	13/09/1999	29024918	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 4.40
PHẠM BÁ PHÚC	23/03/1994	29024837	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75
ĐẬU TRỌNG LƯU	17/02/1999	29005749	Toán: 5.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 5.00
LÊ THỊ THANH HƯƠNG	09/08/1999	29001434	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 8.25 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ KIM TUYẾN	13/10/1999	29009371	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ HÓA	12/05/1999	29016648	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 1.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.42 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.40
VÕ VĂN DẦN	22/05/1998	29027219	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN HẢI TRIỀU	06/03/1999	29009327	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN ĐỨC ANH	21/07/1999	29004881	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 5.75 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN QUỐC HUY	04/06/1999	29000268	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN ĐÀN NIÊN	04/10/1999	29010998	Toán: 6.60 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.67 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.20
NGÔ THỊ HIỀN	28/06/1998	29028972	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.00
ĐẬU HÀ PHƯƠNG	01/06/1999	29024524	Toán: 8.20 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 6.20
PHÙNG QUANG MINH	01/05/1997	29010136	Toán: 7.40 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.00
HOÀNG NGUYỄN HƯNG	17/12/1999	29007896	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 3.80

NGUYỄN THỊ THẢO	26/04/1999	29003505	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG ANH TUẤN	02/09/1999	29003568	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.25 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN ĐỨC CHÍNH	04/07/1999	29028306	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 9.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 2.40
PHÙNG BÁ LINH	01/07/1999	29027419	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.40
LÊ THỊ TRANG	26/02/1999	29020495	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 6.25 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 3.60
BÙI GIA MẠNH	11/07/1999	29020367	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 1.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 3.58 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.40
HỒ ANH DŨNG	01/07/1998	29017647	Toán: 3.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.50
NGUYỄN DUY NGUYỄN	19/03/1999	29024497	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 9.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 9.40
HỒ MẬU TUẤN PHONG	19/09/1999	29016236	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 9.25 Địa lí: 9.50 GDCD: 8.25 KHXH: 9 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ KIM OANH	10/02/1999	29020402	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN VĂN LUẬT	22/10/1998	29021897	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.00
TRỊNH THỊ KIM YẾN	13/02/1993	29024902	Toán: 7.20 Hóa học: 4.25 Sinh học: 7.00
BÙI THỊ QUYÊN	12/07/1999	29014720	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.00 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ THÙY DUNG	24/10/1999	29019666	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 3.75
PHAN THỊ TÂM	21/02/1999	29019997	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.20
CHU VĂN VINH	28/11/1999	29028797	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.20
LÊ THỊ HUYỀN	05/02/1999	29027355	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 1.80

TRƯƠNG THỊ THANH	20/05/1999	29017511	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 4.00
NGÔ THỊ THÙY LINH	18/08/1999	29019540	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.80
HỒ THỊ HOA	23/04/1999	29018473	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ DIỆU	18/02/1999	29001855	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 2.60
TRƯƠNG VĂN HUY	17/11/1999	29019461	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.20
KIM THỊ THỦY	11/04/1999	29014165	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.20
LÊ THỊ THU	20/01/1999	29000545	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 4.80
TRẦN DIỆU LINH	18/08/1998	29013041	Toán: 6.20 Vật lí: 6.00 Tiếng Anh: 6.80
NGUYỄN VĂN HẢI	23/03/1999	29027285	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN THỊ HUYỀN TRANG	03/04/1998	29024634	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ ÁNH	27/02/1997	29002695	Toán: 5.80 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.50
LÊ TRƯỜNG GIANG	24/06/1999	29021009	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 1.40
PHAN THỊ THÙY TRANG	25/10/1999	29017595	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 1.80
PHAN THỊ THU HOÀI	08/01/1999	29013561	Toán: 4.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.50 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN ĐOÀN THANH TÙNG	09/11/1999	29003575	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 6 Tiếng Anh: 4.40
LÊ THỊ HỒNG	05/06/1999	29003894	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN THỊ LINH	25/06/1999	29029095	Toán: 4.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.60
BÙI VIỆT THẮNG	23/06/1999	29025659	Toán: 7.80 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.80

PHAN VĂN PHONG	26/07/1999	29030194	Toán: 3.40 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ THỦY	10/08/1999	29030743	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ HOÀI THANH	26/11/1999	29010654	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN BÁ LINH	13/11/1999	29015789	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.40
BÙI THỊ ANH THU'	15/01/2000	29024594	Toán: 8.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 9.20
CỤT Y CĂNG	05/03/1999	29008160	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.25 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.00
PHAN THỊ ÁNH	07/01/1999	29024937	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN VĂN CHƯƠNG	21/10/1998	29008048	Toán: 8.40 Hóa học: 9.00 Sinh học: 8.50
PHAN LỄ HÀO	26/09/1999	29029472	Toán: 7.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ THANH THANH	06/10/1999	29008934	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN HƯƠNG	20/06/1994	29015954	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.92
NGUYỄN THỊ KIỀU OANH	21/01/1999	29012872	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HƯƠNG	19/05/1999	29027938	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN KHÁNH LINH	16/04/1998	29011388	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN TRỌNG BẢO	19/07/1999	29010269	Toán: 4.20 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 3.75 GDCD: 5.75 KHXH: 3.83 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ LUẬT	05/07/1999	29011398	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NAM	15/10/1999	29021927	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.80

NGUYỄN VĂN HÒA	23/12/1999	29000218	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.00
VƯƠNG ANH TÀI	25/12/1999	29027594	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ THANH NGÀ	08/10/1999	29026889	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.42 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 4.75 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	19/09/1999	29014673	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ NHUNG	15/08/1999	29009231	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.5 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.00
HỒ THỊ HỒNG LÊ	05/07/1999	29017329	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.20
TRỊNH THỊ DUNG	02/09/1999	29010310	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG THỊ THÙY TRANG	03/02/1999	29017001	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 6.00 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 6.40
LỮ THỊ HOA	17/05/1999	29003133	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.25 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 5.20
BÙI VĂN KHÁNH	10/10/1998	29021844	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 2.80
LÊ THỊ THU	15/02/1999	29022480	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN ĐỨC TÚ	03/03/1999	29001185	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 1.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 3.5 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50
VI VĂN HOÀN	30/09/1999	29019416	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN THỊ HỒNG	09/11/1999	29028438	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 6.75 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN TIẾN NHẬT	18/05/1999	29024502	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.25 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 1.60
TRẦN PHÚC THẢO	19/09/1999	29028664	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN DUY ĐÔNG	06/11/1999	29021662	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.00

PHẠM THỊ MƠ	01/09/1999	29021916	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.60
LÊ THIÊN PHÚ	26/03/1999	29020766	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊNH VIỆT	05/08/1999	29022656	Toán: 8.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 9.00 Sinh học: 7.25 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN XUÂN THẮNG	06/09/1999	29007992	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 8.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN VĂN THẾ	08/02/1999	29006176	Toán: 4.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25
NGUYỄN ĐÀO THÁI	29/07/1999	29009893	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 6 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ LAM	08/04/1999	29016739	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN NGUYỄN THANH NHÀN	15/10/1999	29019885	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 4.00
PHẠM CÔNG CƯỜNG	16/05/1999	29000647	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.08 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG THỊ PHƯƠNG ANH	02/09/1999	29001214	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 4.00
DƯƠNG THỊ THÚY VI	14/10/1999	29005415	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ MINH NGUYỆT	17/07/1999	29026389	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 7.50 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 8.80
LÊ THỊ HƯƠNG	16/09/1999	29012119	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.20
VÕ MINH NHẬT	21/09/1999	29026906	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.67 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN XUÂN MẠNH	29/12/1999	29021175	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ THANH TÂM	26/04/1999	29027598	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.20
BÙI THỊ THUẬN	23/04/1999	29028698	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.80

NGUYỄN THỊ DUYÊN	07/07/1999	29008656	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	23/09/1999	29000858	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.40
VI THỊ HẢO	26/06/1999	29012024	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN ĐÌNH TUẤN	10/03/1995	29024891	Toán: 3.20 Vật lí: 2.25 Hóa học: 2.50
PHAN VĂN DŨNG	24/02/1999	29021620	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	13/02/1999	29014104	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 2.80
LÊ THỊ HỒNG	03/12/1999	29028433	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.80
NGÔ XUÂN KHOA	11/07/1999	29013193	Toán: 5.00 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.50 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN ĐỨC TÀI	11/04/1999	29004147	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.20
ĐẶNG ĐÌNH NAM	20/10/1999	29021190	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 1.60
NGUYỄN NHẬT SONG	27/05/1999	29011039	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ PHƯƠNG	28/09/1999	29021236	Toán: 3.40 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.25 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG THỊ HIỀN	28/11/1999	29006366	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 4.00
VÕ QUANG TRUNG	12/03/1998	29009043	Toán: 6.20 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.00
PHẠM NGỌC TUẤN	28/06/1999	29016518	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ LÊ	14/07/1999	29023237	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 5.80
LÊ VIỆT TÂY	10/02/1989	29010746	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25

CAO THỊ LINH	06/03/1999	29012163	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.08 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN LỆ THỦY	05/11/1999	29013371	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 6.20
HOÀNG THỊ HƯƠNG	04/03/1999	29003928	Toán: 4.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.50 KHXH: 8.75 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ KHÁNH LINH	16/11/1999	29008806	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG THỊ THÚY HẰNG	22/06/1999	29001905	Toán: 6.00 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 6.80
PHẠM TRỌNG HỒNG QUÂN	06/06/1999	29005849	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ SINH	26/04/1999	29022963	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.60
LƯƠNG ĐỨC THIÊN	01/02/1999	29012409	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.80
VĂN THỊ TÁM	24/01/1999	29016323	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.20
LŨ THỊ THUẦN	17/04/1999	29025693	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.20
LÊ HỮU THỌ	13/02/1999	29007411	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN MINH LONG	12/11/1998	29017356	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.20
LƯƠNG THỊ Ý	17/12/1999	29020888	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.20
PHAN THỊ HƯƠNG	15/02/1999	29007663	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.80
ĐINH THỊ PHƯƠNG THẢO	07/01/1999	29009906	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN HÙNG	23/06/1999	29027919	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.00
DƯƠNG THỊ THU HẰNG	26/10/1999	29000165	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 4.00

NGUYỄN TRỌNG DƯƠNG	27/08/1999	29000109	Toán: 9.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 9.25 Hóa học: 9.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 8 Tiếng Anh: 4.60
ĐẬU PHI TUẤN	06/02/1998	29019171	Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.00
LÊ THỊ HƯƠNG NHI	01/01/1999	29023949	Toán: 9.00 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	01/09/1999	29008887	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.00
ĐẬU HOÀI LÂM	04/07/1999	29012808	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 2.50 GDCD: 4.50 KHXH: 3.58 Tiếng Anh: 1.40
NGUYỄN MINH THUÝ	09/07/1999	29024589	Toán: 8.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 8.80
NGUYỄN PHÚC HẢI CƯỜNG	26/06/1999	29024187	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 7.40
HOÀNG THỊ CẨM NHUNG	09/03/1999	29023950	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 9.50 Sinh học: 7.50 KHTN: 7.75 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN XUÂN GIANG	26/08/1999	29010350	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN GIA QUANG	14/08/1999	29023302	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.83 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ DUNG	08/10/1999	29010309	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.00
PHẠM THỊ QUỲNH	06/09/1999	29004122	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 9.75 GDCD: 9.50 KHXH: 9.33 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG VĂN HOÀ	11/04/1999	29000216	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN ĐỨC SANG	06/04/1999	29030618	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.60
BÙI THỊ QUỲNH	20/10/1999	29021254	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ HUYỀN TRÂM	15/10/1999	29022580	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 9.00 Hóa học: 8.50 Sinh học: 7.50 KHTN: 8.33 Tiếng Anh: 4.00
CAO THỊ HUỆ	07/03/1998	29006038	Toán: 3.20 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.25
NGUYỄN CÔNG DŨNG	15/03/1999	29012680	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.00

CAO ĐÌNH HOÀN	10/11/1999	29029928	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.00
BÀN THỊ HỒNG VÂN	06/08/1999	29020209	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.25 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN THỊ THÙY DUNG	28/08/1997	29027640	Toán: 8.20 Vật lí: 5.25 Hóa học: 8.75 Sinh học: 8.25 KHTN: 7.42
NGUYỄN THANH LÂM	15/10/1999	29007001	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.00 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 3.20
VÕ HUY DUNG	26/11/1999	29028900	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 3.25 GDCD: 2.50 KHXH: 2.58 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN THỊ MAI	28/12/1999	29021902	Toán: 6.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 5.00
TRẦN THỊ NHƯ	10/06/1999	29007373	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.08 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ TRANG	09/02/1999	29021384	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN GIA HIẾU	16/02/1999	29024303	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.80
TRẦN THỊ LƯƠNG	25/06/1999	29000376	Toán: 4.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.25 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 5.20
HỒ THỊ TỔ UYÊN	10/04/1999	29019088	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 3.80
HOÀNG HÙNG PHONG	15/09/1999	29013685	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ HẢI	01/06/1999	29021701	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.60
VÕ GIANG CHI	07/01/1999	29025958	Toán: 9.20 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 9.40
PHẠM BÁ TRƯỜNG	24/02/1999	29020170	Toán: 1.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.60
TRƯƠNG ĐỨC DŨNG	27/01/1998	29018390	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.20
ĐẶNG THỊ THẢO	06/10/1998	29001627	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.00

TRẦN VĂN HẢI	20/10/1998	29003810	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN VĂN TRIỀU	06/08/1999	29015269	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ HUYỀN	29/03/1999	29027933	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 4.20
LƯƠNG CHÍ THANH	26/02/1998	29025627	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 5.00
HOÀNG THỊ THÚY	11/07/1999	29012432	Toán: 3.40 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 9.75 GDCD: 9.00 KHXH: 9.08 Tiếng Anh: 6.00
PHAN THỊ SANG	12/07/1999	29030619	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 6.50 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 3.40
HỒ VĂN TÂM	21/04/1997	29003663	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.80
LÊ THỊ TRÀ MY	15/12/1999	29025548	Toán: 7.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 7.40
NGUYỄN ĐỨC TRỌNG	28/10/1998	29004293	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.50 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 3.40
SẦM THỊ ĐÀO	14/01/1999	29013912	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ THỦY VY	24/05/1999	29028265	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 4.80
NGÔ ĐỨC HẬU	13/12/1999	29011311	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.60
LÊ TIẾN LONG	24/10/1999	29015811	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 5.00 KHXH: 3.83 Tiếng Anh: 2.00
PHẠM THỊ NHƯ UYÊN	28/11/1999	29009379	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 9.50 Sinh học: 8.75 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 4.00
TẠ THỊ THƯƠNG	26/09/1999	29006647	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN NGỌC HOÀNG QUÂN	08/07/1999	29018127	Toán: 9.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 9.00 Sinh học: 8.75 KHTN: 8 Tiếng Anh: 5.20
LƯƠNG VĂN CHÍ	24/01/1999	29013884	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.60

ĐẶNG TRỌNG CHIẾN	01/01/1999	29005507	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.50 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 1.40
TRẦN VĂN THẾ	05/10/1999	29018940	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN ĐÌNH QUANG	03/09/1999	29023979	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	17/05/1999	29012506	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.58 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 9.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ THANH THÚY	05/03/1999	29023010	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 3.80
HOÀNG NGHĨA DƯƠNG	14/04/1999	29006895	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.00
VŨ THỊ THUỶ	26/05/1999	29029613	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 9.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 6.40
ĐẬU THỊ SINH	28/12/1998	29028046	Toán: 6.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ SINH	10/07/1998	29012897	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG NGHĨA HÀO	16/05/1999	29007279	Toán: 8.00 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN PHI HỘI	21/05/1999	29012768	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.20
ĐẶNG THỊ MỸ DUYÊN	16/09/1999	29029791	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ THÚY	17/07/1999	29016984	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 1.75 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN VĂN CƯỜNG	26/06/1998	29000956	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.58 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75
NGUYỄN THỊ LIỄU	10/01/1999	29020332	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 4.20
PHẠM DOÃN THÀNH	03/05/1999	29022084	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.20
LÊ LÂM OANH	03/03/1999	29026424	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 4.80

HOÀNG NGHĨA NHẤT	17/09/1999	29007059	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.00
VÕ THỊ THƯƠNG	28/09/1999	29022530	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ DIỆP	06/10/1999	29008051	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.92 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 3.75
NGUYỄN THẾ MẠNH	27/05/1998	29022889	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.50 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 2.80
PHAN LÊ THỤC HIỀN	13/09/1999	29026090	Toán: 8.20 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 9.40
HỒ THỊ HẰNG	10/09/1999	29000170	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ VÂN	25/09/1999	29022649	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.75 GDCD: 9.50 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ CHÂU GIANG	03/03/1999	29002304	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.80
PHAN THỊ HOÀI	20/04/1999	29023194	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.25 Tiếng Anh: 3.60
HỒ THỊ GIANG	17/09/1999	29018415	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 6.20
HOÀNG VĂN NAM	27/07/1999	29027465	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.80
LÊ THỊ HẰNG	18/10/1999	29019356	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.00
CAO THỊ NAM	22/03/1998	29005773	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ CHÂU	24/08/1999	29004903	Toán: 4.20 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.25 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN CÔNG TÂY	14/08/1999	29002078	Toán: 4.20 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 1.60
CAO THỊ NGỌC	26/04/1999	29005800	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.20
LƯƠNG VĂN HIẾU	06/10/1999	29022801	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.00

KIM THỊ KỶ	22/02/1999	29014513	Toán: 3.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ VIỆT TRINH	08/10/1999	29001703	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.80
CAO THỊ THÙY LINH	23/12/1999	29004499	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 5.40
BÙI THỊ NHẬT LỄ	05/03/1999	29018547	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 5.20
LƯU THỊ HẠNH	05/03/1999	29028944	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.00 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 4.20
NGÔ CHIẾN THẮNG	17/01/1999	29027621	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.75 GDCD: 9.25 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 2.80
VI VĂN THUYẾT	05/11/1999	29020479	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.20
VƯƠNG ĐÌNH CHIẾN	07/07/1999	29027205	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.75 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 3.20
PHAN THỊ TƯỜNG VY	13/11/1999	29016568	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 6.80
NGUYỄN DUY PHÚC	30/06/1999	29007722	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 3.50 GDCD: 8.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN TRẦN THỰC	13/06/1999	29028710	Toán: 2.20 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ NGỌC MAI	25/10/1999	29020366	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 9.00 Hóa học: 9.50 Sinh học: 7.25 KHTN: 8.58 Tiếng Anh: 7.20
NGUYỄN THỊ THU THẢO	30/10/1999	29007406	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.67 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 6.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.20
HỒ THỊ THU UYÊN	21/08/1999	29016535	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.20
VŨ THỊ NGÀ	08/11/1998	29015984	Toán: 4.40 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.17
NGUYỄN THỊ HÀ TRANG	04/11/1999	29027041	Toán: 4.00 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 9.50 GDCD: 6.75 KHXH: 8.33 Tiếng Anh: 4.80
PHẠM THỊ MỸ HÒA	20/12/1999	29023749	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 8.60

LÔ VĂN MINH	22/06/1999	29003201	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ HỒNG	20/02/1999	29018493	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.60
PHAN THỊ CHINH	17/07/1999	29007546	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 6 Tiếng Anh: 5.20
TRẦN THỊ TRÂM	10/10/1999	29018224	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 6.40
LÔ VĂN MÔN	18/10/1991	29020911	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.25 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.00
TRỊNH THỊ HẠNH	04/07/1999	29009111	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 8.00 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN ĐĂNG BẢO	26/10/1998	29000942	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.08 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 2.25
LÊ VĂN TÌNH	18/02/1999	29016455	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN VĂN THẾ	14/02/1999	29021325	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ THỦY	03/10/1999	29028105	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN HÀO	06/10/1999	29023717	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 5 Tiếng Anh: 6.80
HỒ BÁ TUẤN	10/12/1999	29019058	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN TRỌNG VÂN	16/12/1998	29001736	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 9.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.00
DẪM THỊ HỒNG KỶ	18/02/1999	29013600	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ LOAN	16/10/1998	29029099	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.80
QUÁCH THỊ PHƯƠNG THẢO	24/02/1999	29024040	Toán: 9.20 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 9.50 Hóa học: 10.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 8.33 Tiếng Anh: 7.00
HOÀNG MINH KHÔI	16/06/1999	29015729	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.00

CAO ĐÌNH HÙNG	06/02/1998	29005663	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ NGỌC MAI	09/10/1999	29024450	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 9.25 GDCD: 6.75 KHXH: 8 Tiếng Anh: 4.60
LÊ CHƯ BẢO	12/01/1998	29008616	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ THANH HÀ	18/12/1999	29009547	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.00
VI VĂN HẢO	24/01/1998	29003120	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	01/03/1999	29002660	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.00
CAO XUÂN CƯỜNG	03/09/1999	29006286	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 3.40
LÔ VĂN TÚ	09/08/1999	29015296	Toán: 1.80 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.50 GDCD: 7.75 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.40
PHAN VĂN DUY	12/07/1997	29014766	Toán: 8.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 5.25
NGUYỄN THỊ TÌNH	04/02/1999	29028133	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 8.40
NGUYỄN VIỆT TIẾP	16/08/1999	29008011	Toán: 8.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 8.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 3.80
PHẠM ĐÌNH SƠN	21/04/1999	29028048	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN MINH ANH	28/09/1999	29028847	Toán: 6.60 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN TIẾN ĐỨC	26/12/1999	29020260	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 3.20
HỒ THỊ HOÀI THANH	08/07/1999	29007985	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 6 Tiếng Anh: 5.20
PHAN ĐỨC TÀI	20/01/1999	29017494	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 4.40
LÊ HOÀNG VIỆT	24/03/1999	29013807	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.25 Tiếng Anh: 3.00

NGUYỄN TUẤN ANH	03/07/1999	29009436	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.80
KIM THỊ LAN PHƯƠNG	09/03/1999	29026438	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.20
TRỊNH VĂN SỸ	20/12/1998	29016004	Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 9.75
VƯƠNG ĐỨC MẠNH	22/08/1999	29030102	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN THỌ NAM	07/08/1999	29027995	Toán: 6.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 2.25 Sinh học: 6.25 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.20
NGÔ QUANG LINH	06/10/1999	29007677	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN ĐÌNH PHỤNG	16/01/1999	29002555	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 5.80
CỤT THỊ VÂN	08/10/1999	29008491	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN QUANG DUYỆT	15/09/1998	29009507	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 4.20
CAO XUÂN CƯỜNG	01/10/1998	29005435	Toán: 6.80 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.50
NGÔ ĐÌNH VIỆT	11/08/1998	29004308	Toán: 4.60 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.00
TRẦN VĂN TUẤN	07/08/1999	29016520	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.40
LÊ THỊ NGỌC TRÂM	27/02/1999	29022579	Toán: 8.20 Ngữ văn: 8.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 8.60
HỒ NGÂN HẠNH	11/07/1999	29026060	Toán: 8.00 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.75 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 9.60
CHU VĂN HOÀNG	25/11/1999	29021079	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.75 GDCD: 6.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 4.40
PHẠM VĂN NGUYỄN	01/07/1999	29007361	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.08 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THU PHƯƠNG	26/04/1999	29030211	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.20
PHẠM NAM NGHĨA	15/03/1999	29023922	Toán: 9.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 9.50 Hóa học: 10.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 4.80

LÊ THỊ TRANG	15/08/1999	29000855	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG DUY NGỌC	06/10/1995	29021491	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 8.25
DƯƠNG THẾ HÙNG	07/11/1999	29002397	Toán: 8.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 8.75 Sinh học: 7.75 KHTN: 7 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ LÊ	23/08/1999	29017330	Toán: 5.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.25 KHXH: 8.67 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ LY	04/07/1999	29000382	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.40
NGÔ SỸ HÀ	08/08/1998	29017665	Toán: 8.60 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.00
NGUYỄN THỊ ĐỨC BỀN	11/11/1999	29005497	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 5.75 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN VIỆT ĐỨC	15/08/1999	29017178	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ PHÚ	18/04/1999	29005825	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN SỸ VIỆT	21/04/1999	29011206	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 2.80
BÙI THỊ HOA	05/01/1999	29003863	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 9.50 GDCD: 8.50 KHXH: 8.67 Tiếng Anh: 4.60
VI TUẤN ANH	09/08/1999	29008147	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN HUỲNH ĐỨC	13/01/1999	29004951	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN ĐỨC MẠNH	27/07/1999	29026876	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 1.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 3.17 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.80
LÊ THỊ HẰNG	01/01/1999	29006928	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.20
PHAN THỊ TUYẾT NHUNG	16/07/1999	29000459	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN XUÂN QUÝ	20/06/1999	29030237	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.40

HOÀNG THỊ HẢI	02/01/1999	29021025	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.00
THÁI DOÃN PHI	25/12/1999	29005820	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN LINH CHI	05/09/1999	29022203	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 5 Tiếng Anh: 4.40
DƯƠNG CÔNG QUANG	10/01/1999	29008113	Toán: 3.20 Ngữ văn: 1.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 1.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.25
CAO THỊ NGÂN	20/08/1999	29005787	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 6.60
LÊ VĂN SƠN	15/04/1999	29022044	Toán: 6.40 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 9.75 Địa lí: 9.50 GDCD: 9.00 KHXH: 9.42 Tiếng Anh: 3.40
LƯƠNG THỊ HẢI YẾN	17/12/1999	29030954	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 5.60
LÊ THỊ ÁNH	05/01/1999	29018351	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.00
HỒ THỊ BẢO CHÂU	30/04/1999	29013098	Toán: 1.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.25 KHXH: 4.42 Tiếng Pháp: 2.20
THÁI THỊ ÁNH	20/02/1999	29001225	Toán: 8.40 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 8.20
PHẠM THẢO NHI	20/06/1999	29007715	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.00 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ DỊU	12/11/1999	29016114	Toán: 7.00 Ngữ văn: 8.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 5.60
TRƯƠNG VĂN THẮNG	26/07/1999	29018172	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 2.40
PHAN VĂN OANH	10/08/1999	29030183	Toán: 2.00 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ HỒNG XIÊM	22/08/1999	29008037	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 5 Tiếng Anh: 4.40
VŨ THÁI DUẤN	16/03/1999	29005527	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN NGỌC ĐIỀU	02/09/1999	29015513	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 3.20

PHAN MINH CHIẾN	23/01/1999	29012655	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 4.20
HOÀNG THỊ THÀNH	19/11/1999	29030645	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.60
ĐINH THỊ THƯ	29/09/1999	29009938	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG VĂN LÂM	04/04/1999	29010462	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.00
TRẦN THỊ MỸ LINH	15/11/1999	29029096	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.50 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 4.40
ĐẶNG THỊ THU HÀ	13/05/1998	29025263	Toán: 6.40 Hóa học: 8.75 Sinh học: 6.75
HOÀNG THỊ HẰNG NGA	08/07/1999	29009770	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THANH ĐỒNG	12/05/1999	29006321	Toán: 9.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 6.60
LÊ ĐÌNH ĐỨC	20/06/1999	29022241	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN PHÙNG THÁI CƯỜNG	07/02/1999	29012667	Toán: 9.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 9.00 Hóa học: 9.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 7.83 Tiếng Anh: 6.80
NGUYỄN THÀNH TRUNG	22/05/1999	29000878	Toán: 8.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.75 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 7.40
NGUYỄN THỊ MƠ	15/11/1999	29022366	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ THÁI	02/12/1999	29001609	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 5.80
LÔ TUẤN ANH	01/09/1999	29020554	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.92 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ KIM OANH	12/09/1999	29009805	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 5.20
LÊ THỊ HOÀNG YẾN	23/09/1999	29011225	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 6.40
NGUYỄN XUÂN TUẤN	26/11/1996	29010220	Toán: 6.60 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.25

NGUYỄN THỊ LINH	08/05/1999	29022867	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 6.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ HÀ	17/01/1999	29009546	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN THỊ LỰU	29/11/1998	29011400	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.60
VÕ ĐÌNH HÙNG	12/12/1999	29009151	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.17 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.80
PHAN KHÁNH LINH	14/08/1997	29014031	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.00
ĐINH THÁI ĐẠT	08/11/1999	29004377	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 3.60
ĐẬU ĐỨC THỊNH	15/06/1996	29016019	Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.75
NGUYỄN VĂN HÀO	01/10/1999	29022260	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 3.20
ĐOÀN THỊ HỒNG HUẾ	19/05/1999	29027337	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.60
LÊ XUÂN ĐỨC	28/04/1999	29020257	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ TRÀ	08/10/1999	29012467	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 2.92 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN VĂN HẢI	28/06/1999	29027286	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN ĐỨC	23/04/1999	29027262	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	05/06/1999	29002824	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.33 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.60
VI THỊ HƯƠNG	07/07/1999	29013586	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN VĂN HÀ	21/04/1999	29008262	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN VĂN NGHĨA	19/11/1998	29009779	Toán: 3.80 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.80

NGUYỄN THỊ HỒNG THỦY	24/03/1999	29003520	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 6.20
DUY THỊ HÒA	10/02/1999	29001927	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ THANH	12/09/1999	29015112	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN TÚ ANH	19/02/1999	29018343	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ THẢO	10/01/1999	29011497	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.40
HỒ ĐỨC HOAN	03/11/1998	29015643	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	06/09/1999	29022187	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.00
PHAN TRÍ THỨC	29/04/1999	29009295	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.67 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ THU NGÀ	10/07/1999	29012250	Toán: 2.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.80
LƯU QUÝ DẦN	17/05/1999	29005520	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ TRANG	15/07/1999	29030810	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 7.00
ĐẶNG THỊ MINH YẾN	16/07/1999	29006822	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 8.00 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 4.00
ĐOÀN VĂN LUẬN	16/03/1999	29006482	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ THÚY	10/11/1997	29020078	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN YÊN	19/02/1999	29030950	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.80
KIM VĂN HUỖNH	06/07/1999	29013997	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 1.60
NGUYỄN THỊ THANH	23/05/1999	29022075	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 4.00

LÊ CÔNG TUẤN	23/06/1999	29017036	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 8.20
ĐINH HỒNG NGỌC	14/02/1999	29004545	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.25 Tiếng Anh: 1.80
HỒ HỮU THẮNG	16/06/1998	29017763	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.50
CAO TIẾN THẮNG	19/05/1999	29002948	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 8.50 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 2.60
ĐẶNG QUANG HUY	08/11/1999	29025064	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THANH HẢI	06/11/1999	29018777	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 3.80
PHẠM VĂN HÙNG	25/05/1999	29027920	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 2.00
TRẦN THỊ HIỀN	12/10/1999	29001356	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 5.00
VÕ THỊ MỸ DUYÊN	25/09/1999	29009089	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 2.40
HỒ BÁ HOÀN	08/05/1999	29017945	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.50 KHTN: 3 Tiếng Anh: 2.40
PHẠM THỊ NGỌC HÀ	02/11/1999	29007276	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.17 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.00 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN DUY PHƯƠNG	10/10/1999	29001572	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 1.40
NGUYỄN THỊ THÚY MINH	15/07/1999	29005151	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 4.00
CAO THỊ QUỲNH	19/05/1999	29002572	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THÚY HIỀN	16/05/1999	29018455	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ HOÀ	23/03/1999	29014445	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN DUY DẦN	28/12/1999	29004355	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 4.80

NGUYỄN THỊ NGUYỆT	20/06/1999	29010145	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.25
TRẦN VĂN TÀI	04/04/1998	29027744	Toán: 5.60 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.75
TRẦN THỊ SAO MAI	06/08/1999	29000399	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN QUỐC THANH	07/09/1999	29029244	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ THƠM	15/08/1999	29016406	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 8.40
NGUYỄN THỊ THANH NHÀN	03/05/1999	29013268	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ HÀ	26/12/1999	29019329	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN ANH ĐỨC	15/06/1999	29024749	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00
TRẦN THỊ THU PHƯƠNG	12/10/1999	29014700	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 8.25 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN KHẮC LINH	02/10/1999	29029082	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ HIỀN	19/02/1999	29011316	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ QUỲNH	20/02/1999	29017469	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.20
VÕ VĂN HOÀNG	17/07/1999	29029943	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 5.20
HOÀNG QUANG HUY	26/08/1999	29026155	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 8.25 Sinh học: 8.50 KHTN: 7 Tiếng Anh: 4.40
LÊ NHẬT HIỆP	29/08/1999	29025033	Toán: 8.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 9.00
NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	16/06/1999	29010582	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.40
LÊ TRỌNG TRƯỜNG	09/10/1999	29028191	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN TIẾN HƯNG	17/02/1999	29015703	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.80

HỒ THỊ TÂM	20/06/1999	29003493	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 2.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.83 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.75 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.40
LỮ ĐỨC THỌ	26/02/1999	29020040	Toán: 1.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.50 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	01/04/1999	29000028	Toán: 4.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.00
PHAN NGỌC SƠN	06/08/1999	29019988	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HOÀN	02/11/1999	29029930	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN VĂN TOÀN	06/06/1999	29003529	Toán: 1.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.33 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.40
LÊ THỊ CÚC	26/07/1999	29022728	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ THẨM	10/06/1998	29016013	Toán: 7.80 Vật lí: 5.25 Hóa học: 8.25 Sinh học: 7.25 KHTN: 6.92
NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	17/06/1998	29008602	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.80
LÊ VĂN PHONG	27/01/1998	29021990	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.40
VÕ TRƯỜNG PHONG	04/07/1999	29010598	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.40
CAO THỊ THỦY	07/08/1999	29012424	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 5.00 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 2.80
NGÔ THỊ LAN HƯƠNG	29/11/1999	29011364	Toán: 2.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.75 GDCD: 8.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.60
LƯƠNG THỊ KIM LIÊN	12/12/1999	29020694	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG THỊ MAI HƯƠNG	08/11/1999	29001433	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.80
LÊ VIỆT HOÀN	11/11/1999	29021783	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
VÕ THẾ TRUNG	12/03/1999	29007459	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.00

NGUYỄN VĂN SAO	12/01/1999	29011770	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 8.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 3.60
ĐẶNG THỊ OANH	14/10/1999	29010587	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	16/11/1999	29008888	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM VĂN VINH	11/02/1999	29018309	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ DUNG	24/09/1999	29024965	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ NHUNG	16/08/1999	29019909	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.00
VÕ THỊ THU UYÊN	23/06/1999	29028242	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.80
NGÔ THỊ LOAN	15/07/1998	29030057	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN LONG AN	13/12/1999	29030361	Toán: 8.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 3.20
VÕ HỮU LÝ	12/01/1999	29001491	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM THỊ QUỲNH	20/07/1999	29021260	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ THẢO UYÊN	10/01/1999	29020204	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HỒNG	06/03/1999	29004449	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.58 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ LỆ QUYÊN	16/09/1999	29011021	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.80
HOÀNG THỊ VÂN	01/07/1999	29018289	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN DUY TRƯỜNG	21/11/1999	29026563	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 2.25 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 3.80
VÕ ĐÌNH CƯỜNG	27/05/1998	29029348	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 GDCD: 6.75 Tiếng Anh: 1.60

PHẠM THỊ TRÂM ANH	14/09/1999	29008605	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.75 KHXH: 8.42 Tiếng Anh: 4.00
VŨ VĂN QUÂN	24/10/1999	29018675	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN THỊ HÀ	24/04/1999	29016591	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 7.00 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 6.00
VƯƠNG NGỌC HIẾU	03/02/1999	29000210	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 4.20
HỒ THỊ THU TRÀ	28/10/1999	29001687	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 6.20
PHAN THỊ THU HIỀN	26/12/1999	29024296	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.80
PHẠM THỊ LAN ANH	18/06/1999	29010249	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN VĂN HÙNG	21/11/1999	29007647	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.60
CHU VĂN KHÁNH	09/08/1998	29001774	Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 7.75
TRẦN THỊ LINH	21/10/1999	29021885	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.00 KHXH: 8.58 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ TIẾP	10/06/1998	29030355	Toán: 4.40 Ngữ văn: 8.25 Tiếng Anh: 4.40
ĐẶNG THỊ THANH PHÚC	05/08/1999	29023962	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 4.60
VÕ THỊ DƯƠNG	11/12/1998	29001271	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HOÀI	03/10/1999	29009604	Toán: 7.80 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 6.50 KHTN: 6 Tiếng Anh: 5.00
TRẦN THỊ YẾN	22/11/1999	29022689	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.20
ĐẬU THỊ HƯƠNG	19/04/1999	29015705	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.00 KHXH: 8 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN ĐĂNG TOÀN	20/01/1999	29001683	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN ĐÌNH THÀNH	29/11/1999	29016944	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 3.60

HÀ KIỀU TRINH	23/08/1999	29027066	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 9.60
HOÀNG XUÂN HIỆP	22/05/1999	29005634	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG THỊ MAI	19/06/1999	29027982	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.08 Tiếng Anh: 3.80
VŨ HỒNG SƠN	01/06/1997	29019158	Toán: 5.80 Vật lí: 6.75 Hóa học: 5.25
LÊ CÔNG LUYỆN	09/10/1999	29016780	Toán: 8.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 9.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 5.60
ĐẶNG KHÁNH LONG	18/05/1999	29010943	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 5.80
HOÀNG THỊ HẠNH	10/08/1998	29004232	Toán: 7.40 Hóa học: 7.00 Sinh học: 7.00
NGÔ HOÀNG TIẾN	17/02/1998	29014265	Toán: 2.00 Vật lí: 3.25 Tiếng Anh: 3.00
LƯƠNG TÚ ANH	10/05/1999	29020930	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ NHẬT LỆ	15/07/1999	29000706	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 2.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.08 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 5.80
VI THANH NHÃ	05/06/1999	29014081	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 3.40
CAO THỊ CHI	22/01/1999	29004905	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.80
PHAN THỊ HẰNG MY	06/07/1999	29005768	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN PHÚC ĐỨC	02/04/1999	29029824	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.40
PHAN THỊ NGỌC LAN	01/09/1999	29012154	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.58 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.80
ĐÀO THỊ THUỶ TIẾN	09/09/1999	29016447	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.80
VÕ NGỌC ĐỨC	16/01/1998	29029834	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN LƯU CẢNH HÀO	25/09/1999	29026068	Toán: 8.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 3.50 GDCD: 8.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 9.60
TRẦN VĂN PHÚC	13/05/1998	29019777	Toán: 4.60 Vật lí: 2.00 Hóa học: 5.75

HOÀNG VŨ THẾ	14/04/1999	29029272	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 9.00
HOÀNG KHẮC THỨC	07/01/1999	29028111	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.33 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.80
LÊ THỊ BÌNH	11/10/1999	29029730	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 9.00 GDCD: 9.50 KHXH: 9.17 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN VĂN TUỆ	01/05/1999	29021411	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 6 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ NGỌC DIỆP	04/05/1999	29026753	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.08 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG	06/05/1999	29016884	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 8.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 4.40
ĐẶNG THỊ NGÂN	08/10/1998	29005788	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 5.50 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.20
TRƯƠNG THỊ HOÀN	05/04/1999	29004441	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ THIÊN	15/07/1999	29025674	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN MẠNH DŨNG	02/10/1999	29002270	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VẠN TUẤN	12/09/1999	29001719	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 9.25 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 4.40
LÊ THỊ HÀ	03/02/1999	29003792	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.20
HOÀNG TRỊ CÔNG	04/02/1999	29027211	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 1.60
NGUYỄN THỊ GIANG	01/08/1999	29021010	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.60
LÝ HÀ LONG	21/04/1999	29020347	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.42 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN THỊ HOA	04/06/1999	29004434	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 7.25 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 5.20
LÊ ĐÌNH TỊNH	09/03/1994	29012597	Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.25

TRINH THI HONG NHUNG	05/10/1999	29027514	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN QUANG HUY	02/10/1998	29027347	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ TRÀ BÍCH	19/05/1999	29009467	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.00 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 4.20
ĐỖ HOÀNG ANH	05/02/1998	29025242	Toán: 7.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 8.50
NGUYỄN THỊ CHÂU	15/06/1999	29019227	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN PHÚC KIỀU	30/04/1999	29009176	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.33 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN VĂN THÀNH	11/02/1998	29017758	Toán: 7.60 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.25
LÊ THỊ TÚ UYÊN	28/02/1999	29011180	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 2.20
ĐINH VĂN DIỆU	01/07/1996	29027639	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 6.75
NGUYỄN CẢNH TIẾN	30/10/1998	29024874	Toán: 6.80 Vật lí: 7.25 Tiếng Anh: 7.80
NGUYỄN NGỌC MAI	28/07/1999	29017369	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.40
LƯƠNG THÀNH CÔNG	20/06/1999	29014894	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.08 Tiếng Anh: 3.00
CAO THỊ TÚ	19/12/1999	29003560	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 8.00 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 5.00
HOÀNG THỊ PHƯƠNG THẢO	27/04/1999	29005292	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.00
THÁI TRẦN HỒNG QUÂN	25/11/1999	29009845	Toán: 8.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 4.40
LƯƠNG VĂN TẾ	12/07/1999	29003282	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.00
PHAN VĂN KHÁNH	07/12/1999	29008777	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THẾ TÀI	02/01/1999	29027591	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.25 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 1.80

ĐỒNG QUANG TRUNG	15/05/1994	29024882	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 7.00
NGUYỄN VĂN ĐẠT	10/03/1999	29019291	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 7.75 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 5.40
ĐƯỜNG LAM NGỌC	09/11/1999	29025560	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 6.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 7.60
NGUYỄN ĐỨC NAM	26/07/1999	29026887	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 2.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.42 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 5.00
HOÀNG THỊ DUYÊN	22/05/1999	29007248	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN CẢNH THẾ	18/07/1998	29001157	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.5 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00
HOÀNG NGHĨA NHÂN	06/02/1999	29007058	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ THUẬN	11/01/1999	29012928	Toán: 7.00 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 6.60
HOÀNG ĐỨC THÀNH	27/07/1998	29016011	Toán: 9.40 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.75
HOÀNG THỊ HẢI	12/09/1999	29030436	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ HỒNG	18/03/1999	29023207	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 3.60
TRƯƠNG VĂN THUẬN	08/08/1997	29014842	Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25
NGUYỄN THỊ CẨM VÂN	24/04/1999	29011847	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN CÔNG HÙNG	12/01/1999	29007887	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 2.92 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 4.75 KHXH: 4 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN HỮU KHOA	17/08/1998	29021850	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 6.40
ĐINH VĂN QUANG	20/02/1999	29005842	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ THU	12/04/1999	29012927	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.60

LÊ THỊ NHUNG	29/10/1999	29016210	Toán: 7.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 7.80
LƯƠNG ĐỨC TOÀN	04/12/1999	29010704	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HƯƠNG	20/05/1999	29000303	Toán: 3.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 5.00
PHẠM NGỌC HUỲNH	24/07/1999	29003927	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ NẾT	07/07/1999	29006108	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.75
LÊ XUÂN AN	01/10/1999	29002187	Toán: 7.40 Ngữ văn: 2.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN CÔNG DŨNG	19/10/1999	29017142	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.60
NGÔ ANH KHÔI	11/08/1999	29023824	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.00
LÁ THỊ GIANG	03/09/1999	29018418	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 1.75 GDCD: 5.50 KHXH: 3.5 Tiếng Anh: 3.00
NGÔ VĂN CHIẾN	12/02/1999	29019870	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.08 Tiếng Anh: 3.00
LÊ NGỌC ĐÁNG	27/07/1999	29011981	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 4 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN ĐÌNH TÂM	01/04/1999	29024566	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.20
LỘC THỊ VÂN	10/02/1999	29025818	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM VĂN NGHĨA	02/09/1999	29012258	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 9.50 GDCD: 9.00 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN ĐÌNH ĐIẾP	11/05/1999	29020252	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 3.00
THÒ BÁ CHÙA	16/09/1999	29020576	Toán: 2.60 Ngữ văn: 1.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 5.00 KHXH: 4 Tiếng Anh: 1.80
TRẦN VĂN HỒNG	08/11/1998	29002816	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 1.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.5 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.00 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 2.00

LÊ THỊ NGÂN	23/08/1999	29010559	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 8.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.40
ĐOÀN THANH TRỌNG	19/08/1999	29019815	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25
PHẠM THỊ NGỌC ÁNH	06/01/1999	29022188	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN CẢNH QUANG	01/02/1999	29022010	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.80
TRƯƠNG TUẤN VŨ	10/09/1999	29013002	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN THỊ LIÊN	10/07/1999	29022861	Toán: 6.60 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 7.00
NGUYỄN QUANG LINH	10/06/1999	29027405	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.60
LƯƠNG THỊ HỒNG	18/12/1999	29013569	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.60
TRỊNH XUÂN CHIẾN	25/10/1999	29027841	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	22/05/1999	29009455	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN ĐỨC DŨNG	28/06/1999	29029779	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.75 KHXH: 8.42 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN HỮU HÙNG	21/02/1999	29014474	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN CAO SANG	17/07/1999	29026931	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.17 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.5 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.60
ĐOÀN KHÁNH LINH	14/05/1995	29025281	Toán: 3.80 Hóa học: 3.50 Sinh học: 5.25
LÊ DOÃN KIÊN	09/07/1999	29000311	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 2.20
MAI THỊ THANH TRÀ	29/05/1999	29020113	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.40
LƯƠNG QUỐC KHÁNH	12/08/1999	29027942	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 4.00

NGUYỄN THỊ THU	01/05/1999	29001654	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.60
CHẾ THỊ NHUNG	08/02/1999	29014669	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.60
LÊ VĂN HUY	26/10/1999	29010429	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 5.25 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN TRỌNG TOÀN	03/09/1999	29026531	Toán: 6.20 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 4 Tiếng Anh: 4.60
NGÔ THỊ HẬU	15/12/1999	29006361	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 4.20
LƯU TUẤN KHẢI	30/09/1999	29013190	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN VĂN TRINH	30/06/1999	29011131	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 9.00
HOÀNG VĂN PHƯỢNG	10/07/1999	29004567	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THẾ ĐỨC	01/01/1999	29028919	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.40
TẠ DANH LONG	04/10/1999	29006480	Toán: 5.80 Ngữ văn: 2.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN TRỌNG LINH	20/03/1999	29022869	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.60
ĐẶNG MAI LƯƠNG	10/01/1999	29012826	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.75 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN XUÂN SỸ	26/06/1999	29028050	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 3.00
TRƯƠNG XUÂN KIÊN	13/08/1999	29012571	Toán: 2.20 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 2.75
LÊ THỊ CHÚC	10/04/1999	29011949	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.40
ĐÀO PHƯỢNG NAM	07/04/1999	29023902	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 5.40
HOÀNG THỊ GIANG	20/01/1999	29011292	Toán: 2.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 5.80

NGUYỄN NHƯ SỸ	25/05/1999	29023329	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.00
ĐINH THỊ THÚY	13/10/1999	29025704	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 8.75 GDCD: 9.00 KHXH: 8.75 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN VĂN THỐNG	01/01/1999	29017768	Toán: 3.20 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.25
NGUYỄN VĂN THÁI	12/07/1999	29022067	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.40
VI VĂN HẠNH	26/12/1999	29020628	Toán: 6.20 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.58 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 4.20
PHAN TIẾN DŨNG	20/12/1999	29006300	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 2.25 Hóa học: 1.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 2.83 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 6.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN SỸ HÙNG	14/12/1998	29013035	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.50 Sinh học: 3.50 Tiếng Anh: 2.20
CAO VIỆT HOÀNG	14/08/1999	29018801	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.25 Tiếng Pháp: 2.40
VI LONG NHẬT	04/10/1999	29014659	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN HẢI NGUYỆT	03/02/1999	29006535	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.00
THIỀU HẢI NAM	05/09/1999	29023912	Toán: 7.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.40
HỒ THỊ THẢO	03/10/1999	29017521	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.20
VÕ THỊ THUÝ NGÂN	25/05/1999	29026372	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	10/05/1999	29022836	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 7.60
NGUYỄN MẠNH DŨNG	31/10/1999	29007560	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN THỊ TUYẾT	24/04/1999	29009375	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.80
TẶNG THỊ TRÀ	20/10/1999	29005342	Toán: 9.00 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 9.50 Sinh học: 9.50 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 5.60

LỖ BẢ CU	06/12/1999	29020582	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN THỊ TRANG	26/10/1999	29028738	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.40
HOÀNG QUỐC KHÁNH	24/11/1999	29026205	Toán: 8.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN ĐÌNH CHUNG	15/02/1998	29002699	Toán: 8.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 5.75
NGUYỄN THỊ QUỲNH NGA	02/02/1999	29027997	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 4 Tiếng Anh: 5.20
PHAN THỊ THU HOÀI	21/06/1999	29006954	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.25 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ THU DIỆU	27/03/1999	29012670	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 4.60
DƯƠNG TRƯỞNG CÔNG UY	13/04/1999	29000902	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 6.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ SÁNG	03/09/1999	29030258	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.00
ĐÀO THỊ NĂM	06/11/1999	29028555	Toán: 6.00 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.25 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 2.80
ÂU QUANG PHI	20/02/1999	29013287	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN KỶ	18/04/1999	29008788	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.40
TRƯƠNG CÔNG CƯỜNG	21/12/1997	29000958	Toán: 5.40 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.25
LƯƠNG THỊ HOÀI LINH	29/04/1998	29024797	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.25
ĐẬU XUÂN DƯƠNG	27/01/1999	29027245	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ SANG	10/03/1999	29019973	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.25 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN DANH TUẤN	17/06/1999	29019062	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.75 Sinh học: 6.00 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 3.00

NGUYỄN THỊ HOÀI	10/01/1998	29022812	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ HUẾ	16/10/1999	29021804	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.00
HỒ BÁ PHÁT	25/04/1999	29017442	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ LINH	27/08/1999	29001464	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM THỊ HOÀ	11/07/1998	29028423	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN PHÚC	16/06/1999	29021228	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ NGỌC TRANG	26/01/1999	29020130	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 5.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.20
NGÔ THỊ NHO	20/07/1999	29018638	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.20
LƯƠNG THỊ DUYÊN	30/06/1999	29025376	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 2.40
ĐÀO KHÁNH HUYỀN	22/12/1999	29029501	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 6.60
NGUYỄN THỊ TRÂM	01/12/1999	29005364	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN HIẾU	06/07/1999	29010736	Toán: 2.60 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.00
NGUYỄN CÔNG LỢI	22/12/1999	29030070	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THÀNH NAM	13/12/1999	29018060	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 2.25 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN HỮU THỊNH	20/08/1999	29022461	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 8.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN TIẾN ANH	15/07/1998	29002693	Toán: 9.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 6.42
NGUYỄN THỊ NGỌC HUYỀN	26/08/1999	29025075	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 6.20

HOÀNG NHẤT LINH	17/04/1999	29015002	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 9.60
NGUYỄN VĂN THỨC	05/06/1999	29008977	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN SỸ HÙNG	08/01/1999	29029023	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.80
LƯƠNG THỊ NGUYỆT	22/02/1999	29025171	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG	11/08/1999	29009834	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 7 Tiếng Anh: 7.20
VŨ THỊ DUY LY	25/04/1999	29026299	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 9.50 Sinh học: 8.25 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	21/01/1999	29022759	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN PHÚC HÁCH	19/09/1999	29017899	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 6.00 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ THƠ MÂY	20/12/1999	29010530	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.00
LÊ THỊ THỦY	19/11/1980	29003667	Toán: 5.00 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.67 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 3.50
PHẠM ĐIỂM QUỲNH	02/01/1999	29011032	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.25 Hóa học: 9.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VĂN HƯNG	15/07/1999	29019491	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG THÙY DUNG	08/01/1999	29024195	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 5.60
PHẠM VĂN TRUNG	21/04/1999	29009339	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 1.40
TẠ THỊ THÚY	04/12/1999	29008975	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.20
VI HẢI ANH	26/06/1999	29013464	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.80
HOA QUỐC VIỆT	04/10/1998	29007495	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 4.20

NGUYỄN VĂN TÚ	16/01/1999	29023393	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 1.60
LÊ CẨM TRANG	29/11/1999	29023036	Toán: 6.60 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 7.80
LÊ THANH LY	03/09/1999	29024441	Toán: 8.20 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 9.50 GDCD: 7.50 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 9.00
HOÀNG THỊ MINH	05/06/1999	29006500	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ THU HẰNG	27/06/1999	29025422	Toán: 3.40 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.80
ĐINH VĂN PHÚ	28/09/1996	29024834	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 2.50 GDCD: 5.25 KHXH: 3.5 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN THỊ LINH DUNG	02/07/1999	29007555	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.40
HỒ THỊ HỒNG	02/09/1999	29015659	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN VĂN ĐẠT	26/08/1999	29018407	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.60
HOÀNG CHÍNH ĐỖ	02/02/1998	29021000	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN HUY NAM	19/02/1999	29018058	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 4.20
KHA VĂN VIÊNG	20/07/1999	29008492	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 2.00 GDCD: 4.75 KHXH: 3.08 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN HUY TUẤN ANH	25/04/1999	29024159	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 5.60
VI SA	28/08/1999	29003266	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 7.80
ĐẶNG THỊ HIỀN	14/04/1999	29009571	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.40
TRỊNH XUÂN TRƯỜNG	11/10/1999	29023054	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.75 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 1.60
HỒ THỊ HOÀI	24/08/1999	29017940	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.50 Sinh học: 7.75 KHTN: 8.25 Tiếng Anh: 8.80

LÊ THỊ MAI HẠNH	18/01/1999	29003814	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GD&CD: 7.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.40
HỒ NGUYỄN BÌNH	22/04/1999	29011928	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 6.75 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 4.40
TRƯƠNG NGỌC KIỀU	19/10/1999	29014510	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00 GD&CD: 6.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ HOÀI	21/12/1998	29006028	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00
NGUYỄN THỊ GIANG	12/07/1999	29011295	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.00 GD&CD: 7.75 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN CAO CƯỜNG	23/09/1998	29004353	Toán: 5.00 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 1.25 KHTN: 2.83 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GD&CD: 8.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN BÁ QUÝ	27/01/1999	29019957	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.75 GD&CD: 6.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 1.40
CAO ĐỨC TRINH	12/02/1999	29006719	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 1.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 2.00
TRẦN THỊ HẢI	29/05/1999	29000149	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.75 GD&CD: 7.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.00
PHẠM TRỌNG NHẬT	30/12/1999	29007953	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ CẨM TRANG	21/03/1999	29024619	Toán: 8.20 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GD&CD: 9.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 8.40
NGÔ SỸ CHIẾN	24/08/1998	29018368	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.00 GD&CD: 7.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.20
ĐÀO ĐÌNH TRƯỜNG	16/12/1999	29030866	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 6.60
GIAO NHẬT VƯƠNG	15/05/1999	29015361	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 6.50 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 4.00
BÙI VĂN HUYỀN	10/01/1999	29022303	Toán: 7.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 3.20
HỒ THỊ TÂM	05/12/1999	29018711	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GD&CD: 9.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.40
DƯƠNG THỊ HOÀI THU	13/10/1999	29005313	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.00 GD&CD: 9.00 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 4.00

TRẦN THỊ MỸ LINH	28/10/1999	29010497	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.40
VI THỊ THANH HẰNG	30/11/1999	29025426	Toán: 5.60 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.50 KHXH: 8.67 Tiếng Anh: 4.00
PHẠM THỊ QUỲNH PHƯƠNG	10/01/1999	29019940	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.20
LÊ THỊ TRANG	06/01/1999	29016474	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ QUỲNH DIỆP	05/10/1999	29027849	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 4.40
HỒ THỊ THU HUYỀN	20/11/1999	29026176	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.20
VÕ THỊ NHUNG	22/06/1999	29027515	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ NGÂN	04/02/1999	29030139	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN BÁ THÁI	05/05/1998	29016009	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.40
HOÀNG THỊ ĐIỀU LINH	01/03/1999	29010475	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.40
ĐẬU THỊ LINH	05/02/1999	29015780	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.80
HÀ THỊ XUÂN TƯƠI	02/10/1999	29011175	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.60
LÊ VĂN LONG	20/03/1997	29019739	Toán: 8.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 6.25
NGUYỄN QUANG ANH	08/06/1998	29022089	Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 9.50
HOÀNG THỊ THANH	13/01/1999	29007121	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.25 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ THÙY LINH	20/05/1999	29007329	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 4.80
PHAN THỊ QUỲNH MAI	10/09/1999	29030549	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 6.25 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 6.20

TRẦN THỊ KIỀU NGÀ	28/09/1999	29023272	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN VĂN TÙNG	25/11/1999	29013435	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 3.20
LÊ VĂN PHÁP	07/07/1999	29023493	Toán: 1.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.50
PHAN XUÂN PHÚ	14/04/1999	29005208	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 5 Tiếng Anh: 2.20
VÕ THỊ QUỲNH PHƯƠNG	01/01/1999	29023977	Toán: 9.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 9.25 Sinh học: 8.00 KHTN: 7 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN VĂN TRUNG	06/01/1997	29010209	Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 9.50
NGUYỄN TẤT LÝ	12/12/1997	29001783	Toán: 9.20 Vật lí: 7.50 Hóa học: 9.25
TRẦN THỊ GIANG	04/09/1999	29004962	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.50 GD&ĐT: 9.25 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 6.00
ĐẬU THANH NGỌC	15/08/1998	29005450	Toán: 5.60 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.75
NGUYỄN THẾ ĐỨC	21/07/1998	29017660	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GD&ĐT: 6.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.00
PHAN VĂN TUẤN	01/07/1999	29007469	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.50 GD&ĐT: 7.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN NGỌC Ý	20/11/1999	29000922	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.83 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.25 GD&ĐT: 6.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 4.60
HOÀNG VIỆT HÓA	19/10/1999	29028999	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.75 GD&ĐT: 8.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.80
BÙI THỊ YẾN	17/12/1999	29011873	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 7.25 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN HỮU TUẤN ANH	19/02/1999	29019855	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 6.00 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 1.80
TRẦN HỮU TÀI	30/05/1999	29001600	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.00 GD&ĐT: 8.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG THỊ HOÀI	29/01/1999	29000225	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.25 GD&ĐT: 7.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HẰNG	20/08/1999	29010876	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 4.20

HOÀNG THỊ LÊ NA	22/05/1999	29019615	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.60
THÁI DOÃN CƯỜNG	14/09/1999	29001853	Toán: 9.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 10.00 Hóa học: 9.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 8.42 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN THỊ HOA	12/03/1999	29000215	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN QUỐC BẢO	02/11/1999	29006856	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.25 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.20
VÀ BÁ SỬ	10/11/1999	29008432	Toán: 4.80 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ MINH ANH	03/05/1999	29025343	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 5.60
LỮ THỊ THANH NHO	06/03/1999	29025573	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.17 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN VĂN KHÁNH	13/09/1999	29022323	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN HỮU MẠNH	01/06/1999	29019597	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.75 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN TUẤN ĐÌNH	05/06/1998	29014772	Toán: 7.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 5.25
PHẠM XUÂN BIỂN	04/10/1999	29028872	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.60
LƯU QUỐC HIẾU	16/12/1999	29027314	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.20
ĐOÀN VĂN CÔNG	20/07/1999	29011266	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.75 KHXH: 8.33 Tiếng Anh: 5.20
PHẠM XUÂN KHÁNH	01/02/1999	29026212	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 9.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 4.80
PHẠM CÔNG MINH	06/01/1999	29022359	Toán: 6.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 4.00
TRƯƠNG THỊ BÍCH THẢO	26/09/1999	29012918	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.20
PHAN THỊ LINH	04/08/1999	29014545	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.80

LÊ THỊ HÀ	16/02/1999	29003793	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.40
VÕ THỊ PHƯƠNG	12/05/1999	29027538	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 5.20
LÊ THÀNH ĐẠT	20/08/1999	29027862	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ TÚ	09/04/1999	29013414	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.92 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.00 GDCD: 6.50 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ DUNG	02/03/1997	29030305	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.00 Tiếng Anh: 6.40
ĐẶNG HOÀI SƠN	28/02/1999	29008917	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.40
LÊ VĂN SANG	01/07/1999	29014120	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN THỊ THÀNH	12/04/1999	29022970	Toán: 8.20 Ngữ văn: 9.25 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.25 KHXH: 8.5 Tiếng Anh: 8.60
LÊ THỊ TUYẾT	01/08/1999	29028779	Toán: 9.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.75 Sinh học: 7.25 KHTN: 8.25 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN ĐẬU ĐỨC	14/11/1997	29012714	Toán: 1.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 3.25 GDCD: 6.75 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN HOÀI NAM	05/11/1997	29025293	Toán: 3.80 Vật lí: 2.00 Tiếng Anh: 3.00
HOA XUÂN VĂN	19/12/1999	29025816	Toán: 5.20 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 4 Tiếng Anh: 2.20
LỮ VĂN YẾN	02/10/1999	29014229	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 3.00
LÊ HOÀI NAM	01/06/1999	29017395	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN QUỐC HÙNG	06/12/1998	29004245	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 2.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.33 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN NGÔ TÀI	20/12/1999	29002587	Toán: 2.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.00
THÁI BÁ PHÚC	28/08/1999	29005215	Toán: 2.80 Ngữ văn: 1.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.75 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.80

NGÔ THỊ XUÂN	24/06/1999	29004849	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.00 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 9.40
NGUYỄN TUẤN VŨ	08/07/1998	29007199	Toán: 8.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 8.25
HOÀNG THỊ MINH ÁNH	30/06/1999	29000635	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 6.80
LẠI THỊ HUYỀN	27/11/1999	29019468	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.60
HOÀNG THỊ NGUYỆT HẰNG	21/12/1998	29013032	Toán: 6.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 3.75
PHẠM PHAN QUỐC BẢO	17/07/1999	29013014	Toán: 1.80 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25
NGUYỄN THÀNH CÔNG	17/09/1999	29020580	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 7.00
NGUYỄN VĂN TUẤN	10/09/1999	29011164	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.58 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN VĂN ANH	13/06/1999	29005477	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN KIM DANH	06/08/1995	29026612	Toán: 5.20 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.00
HỒ THANH MINH	05/02/1999	29018047	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 2.80
TRƯƠNG THỊ KHÁNH LY	08/02/1998	29012208	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.17 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 2.00 GDCD: 2.50 KHXH: 2.17 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN VĂN LÂM	23/11/1999	29019519	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.60
LÊ THỊ HƯƠNG	15/07/1999	29027377	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 5.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN ANH ĐẠT	26/10/1999	29012694	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 3.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ THU HIỀN	15/08/1999	29005631	Toán: 9.00 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 9.00
LÊ MINH HOÀNG	23/03/1998	29001019	Toán: 9.40 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 6.33
LƯƠNG NGUYỄN CÔNG HIẾU	06/11/1999	29020284	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.60

NGUYỄN THỊ TRANG	18/01/1999	29017011	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 6.25 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN TÙNG	15/07/1999	29019079	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ HÀ	24/04/1999	29003802	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.00
CỤT VĂN MỠ	06/04/1999	29020912	Toán: 2.80 Ngữ văn: 1.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 2.00
THÁI HỮU KHOA	10/06/1999	29030020	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 5.25 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 4.20
VŨ KIỀU OANH	02/11/1999	29018103	Toán: 9.00 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 9.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 9.40
NGUYỄN VĂN HIẾU	03/05/1999	29000206	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 2.25 KHTN: 3.17 Tiếng Anh: 2.40
BÙI VĂN LƯỢNG	28/12/1997	29017714	Toán: 1.60 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 1.00
NGUYỄN THỊ THƯƠNG	16/04/1999	29004681	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.60
LIM THỊ HỒNG HẠNH	01/05/1999	29013936	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ THANH	02/10/1999	29004161	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 6.60
LƯƠNG THỊ HUYỀN	12/02/1999	29014484	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ DUNG	26/03/1999	29008648	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN KHẮC VINH	25/03/1998	29029414	Toán: 6.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.50
NGUYỄN THỊ HUYỀN	15/08/1999	29008760	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.60
LÊ THÀNH ĐẠT	14/05/1999	29026015	Toán: 7.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 7.25 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 5.80
VŨ THỊ MAI UYÊN	25/07/1999	29018279	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.00

TRẦN VĂN ĐẠT	10/12/1999	29028913	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 3.60
HỒ PHI	10/01/1998	29019152	Toán: 8.40 Vật lí: 6.50 Tiếng Anh: 6.80
TRẦN QUỐC NAM	15/05/1998	29013049	Toán: 4.20 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.75
NGUYỄN TRỌNG NAM	27/02/1999	29007045	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.40
HOÀNG VĂN BÌNH	02/10/1998	29029310	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG VĂN THÔNG	13/06/1999	29022467	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.20
HOÀNG LÂM	29/05/1999	29004493	Toán: 8.80 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 9.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN VĂN TRIỀU	16/01/1999	29019024	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN SONG HÀN	23/10/1999	29014942	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.5 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN ĐÌNH ANH	19/06/1999	29006837	Toán: 3.20 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.50 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 1.80
LƯƠNG VĂN TÙNG	02/01/1996	29008578	Toán: 1.80 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 3.50
NGUYỄN THỊ HOA	01/08/1999	29006946	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 8.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN XUÂN ĐẠI	28/07/1999	29017873	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.17 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG THỊ DUNG	28/06/1999	29002263	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.00 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ THOA	24/12/1999	29029280	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 4.60
NGÂN THỊ HẠNH	21/09/1999	29013535	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.60
LƯƠNG VĂN QUYẾT	07/11/1999	29013701	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.20
HỒ SỸ CƯƠNG	16/10/1999	29017636	Toán: 2.80 Ngữ văn: 2.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.75

LÊ THỊ XOAN	09/03/1999	29023087	Toán: 2.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM VĂN LỘC	12/06/1999	29023868	Toán: 8.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN HỮU TRUNG	06/04/1997	29010208	Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25
NGUYỄN VĂN NGHĨA	20/03/1999	29013251	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 5.00
VI THỊ HẢI	02/03/1998	29012019	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ HẠNH	24/09/1999	29015568	Toán: 6.60 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN KHẮC ĐÔNG	01/01/1999	29028346	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN ĐÌNH TUẤN	23/09/1999	29004787	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.25 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ VÂN	14/07/1998	29006238	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00
TRƯƠNG QUANG HUY	25/09/1999	29014478	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THUỶ LINH	02/08/1999	29024427	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 5.20
VÀ Y MỸ	12/11/1998	29008365	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 6.00 KHTN: 5 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ HOÀI THƯƠNG	18/11/1999	29013380	Toán: 1.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 2.67 Lịch sử: 1.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.75 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN MINH TUỆ	03/08/1999	29012522	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 1.75 KHTN: 2.83 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 6.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.40
DƯƠNG THỊ HẠNH	07/07/1999	29015563	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 8.60
TRƯƠNG THỊ HỒNG PHƯƠNG	07/07/1999	29005225	Toán: 3.80 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 9.50 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 5.40
TRẦN HỮU PHÚC	10/07/1999	29017448	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.75 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 2.40

TRẦN TRỌNG ĐẠT	02/08/1999	29000658	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.42 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.60
PHAN ĐÌNH HOÀNG	23/04/1999	29006392	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN TRỌNG ĐỨC	29/09/1999	29009530	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN VƯƠNG	29/07/1998	29013084	Toán: 9.00 Vật lí: 9.00 Hóa học: 9.00
TRẦN MINH HIẾU	02/11/1999	29000686	Toán: 5.80 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 5 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 4.50 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HOÀNG CÚC	16/11/1999	29024183	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 5.80
THÁI KHẮC HƯNG	03/03/1999	29019492	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ HƯƠNG	28/01/1999	29002430	Toán: 7.40 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 8.60
LÊ THỊ VÂN ANH	05/06/1999	29015400	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.25 GDCD: 7.25 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM THỊ VÂN	25/07/1999	29009385	Toán: 1.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 5.20
ĐẶNG ĐỨC PHÚ	30/06/1999	29026912	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.92 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	12/09/1999	29016169	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN CẢNH HIẾU	08/06/1999	29002721	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.5 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 4.00
PHAN ĐÌNH DƯƠNG	29/10/1999	29008058	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 1.25 Hóa học: 1.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 1.92 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.25
LÊ VĂN TƯỜNG	14/05/1999	29010009	Toán: 8.00 Ngữ văn: 2.50 Vật lí: 8.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 3.80
THÁI BÁ ĐỨC	10/06/1999	29000130	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN THỊ HẰNG	14/02/1999	29028963	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 8.00

ĐẬU THỊ VÂN ANH	20/12/1998	29002690	Toán: 8.20 Vật lí: 8.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN ANH ĐỨC	18/04/1999	29019306	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.40
LỖ BÁ VÀ	11/11/1999	29008489	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 3.00 GDCD: 5.25 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 1.80
LƯU NGỌC ANH	08/06/1999	29006257	Toán: 9.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 5.20
LÔ THANH HOÀNG	26/07/1999	29020653	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.08 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.80
VÕ THỊ ANH	10/08/1999	29002213	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 4.80
VÕ VĂN BÔNG	16/07/1999	29027838	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 6.00 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 6.60
LƯƠNG KHẮC ÁNH	18/12/1999	29000043	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.17 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ KHÁNH LY	06/06/1999	29016788	Toán: 8.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 9.50 Hóa học: 9.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 8.25 Tiếng Anh: 6.40
ĐẶNG QUANG TUẤN	12/05/1995	29027787	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.50
NGUYỄN LÊ ĐỨC ANH	30/03/1999	29023565	Toán: 6.80 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 7.80
NGUYỄN THỊ DƯƠNG	04/03/1999	29018401	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.00 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN LAN NHI	24/12/1999	29018092	Toán: 7.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 4.20
TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG	10/05/1999	29014701	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 9.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THANH TÚ	09/08/1999	29012511	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.60
BÙI THỊ VIỆT HÀ	18/09/1999	29015545	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	09/05/1999	29002558	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 3.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.00

NGUYỄN THỊ QUỲNH	04/10/1999	29006581	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN ĐÌNH DƯƠNG	15/02/1999	29009091	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ THU HIỀN	13/09/1999	29008712	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 5.50 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ LINH PHƯƠNG	10/08/1999	29006555	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 3.80
LÊ THANH PHƯƠNG	17/06/1999	29013297	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN ĐĂNG TUẤN	08/02/1999	29018251	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.50 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ THU HƯỜNG	13/03/1997	29004251	Toán: 6.60 Hóa học: 6.25 Sinh học: 7.75
HỒ THỊ QUỲNH	05/07/1995	29016001	Toán: 1.80 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 1.75 GDCD: 5.25 KHXH: 3.33 Tiếng Anh: 2.20
TRƯƠNG MINH ANH HÀO	02/01/1999	29020268	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.80
PHAN THỊ VÂN	12/12/1999	29005413	Toán: 8.60 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 8.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 9.20
VÕ THỊ HÒA	15/03/1999	29001930	Toán: 8.60 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 8.75 Sinh học: 8.75 KHTN: 8 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN VĂN QUÂN	30/07/1998	29017747	Toán: 3.20 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.75
BÙI THỊ LINH	16/02/1998	29022862	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN THỊ THU HIỀN	09/10/1999	29016620	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ OANH	28/02/1999	29001551	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.60
HỒ NGỌC HUẾ	04/02/1999	29012771	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.75 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.20
HOÀNG THỊ HUYỀN TRANG	09/05/1999	29022549	Toán: 3.00 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.00 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.00

LÊ QUANG TRƯỜNG	04/10/1997	29016041	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.00
PHẠM THỊ NHO	11/05/1999	29028578	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 9.00 Sinh học: 8.25 KHTN: 7.83 Tiếng Anh: 5.00
HOÀNG QUỐC TÚ	10/10/1993	29027783	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.25
VŨ TRUNG THÀNH	16/01/1999	29017516	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 1.80
TẦN NGUYỄN HÒANG ANH	17/06/1999	29025903	Toán: 6.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 5.80
ĐẶNG HOÀNG ANH	27/05/1999	29025860	Toán: 3.40 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 10.00 GDCD: 7.75 KHXH: 8.83 Tiếng Anh: 4.80
PHAN THỊ THU HOÀI	11/05/1999	29013154	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.67 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.60
CHU THIỆN TUẤN	27/03/1999	29001715	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM THẾ UY	28/11/1998	29011837	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.00
UÔNG NGỌC LINH	10/11/1999	29027964	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ TÚ UYÊN	06/10/1999	29004811	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN NGỌC VIỆT	13/10/1999	29006805	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.67 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN HUY	27/12/1999	29018504	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.50 KHXH: 8 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG THỊ HẰNG	26/09/1999	29014399	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.25 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 3.00
ĐẬU XUÂN SANG	26/07/1999	29019972	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM VĂN SÁNG	24/07/1999	29002579	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.40
LÊ ĐĂNG ĐỒNG	05/02/1999	29001882	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 1.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 2.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 3.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.40

PHAN DOÃN MẠO	08/06/1999	29030552	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN DŨNG	07/01/1999	29007562	Toán: 1.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 5.75 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 3.20
VŨ NGỌC MẠNH	17/01/1999	29003454	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 8.50 Sinh học: 8.25 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 1.40
NGUYỄN HỒNG SEN	11/07/1999	29029217	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.00
CHU THỊ THANH HÀ	28/10/1999	29023701	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 5.60
ĐẶNG TRỌNG TÚ	20/10/1999	29030879	Toán: 8.40 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 6.00 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 8.00
TRỊNH THỊ QUỲNH CHI	15/10/1999	29004343	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 4.20
ĐẬU NGUYỄN MAI LINH	11/11/1999	29007914	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 4.20
ĐINH THỊ MAI TRANG	14/12/1999	29024612	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN ĐÌNH TẤN	16/11/1999	29004157	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.20
VI THỊ NGUYỆT	12/08/1999	29003223	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 5.00 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN TUẤN	13/01/1998	29023526	Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 9.75
NGUYỄN THỊ TRANG	03/02/1999	29006700	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 5.00
HÀ HỒNG QUÂN	01/05/1997	29022139	Toán: 2.40 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.25
NGUYỄN VĂN SƠN	07/02/1999	29024560	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.60
VÕ VĂN TÀI	11/04/1999	29003492	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.42 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN SỸ MINH	28/02/1999	29009753	Toán: 2.60 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.00

LÊ PHAN NHẬT MINH	05/09/1999	29026323	Toán: 8.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 9.75 Hóa học: 9.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN THỊ BẢO TRÂM	21/12/1999	29025760	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.50 GDCD: 6.25 KHXH: 4.08 Tiếng Anh: 5.00
VI VĂN QUÝ	19/01/1999	29014717	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN ANH TUẤN	22/10/1998	29024889	Toán: 2.40 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.25
NGUYỄN HOÀI THU	25/10/1999	29030727	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG	09/09/1999	29006930	Toán: 4.80 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 4.80
ĐẶNG DUY LIÊNG	16/06/1999	29021139	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.42 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.50 KHXH: 8 Tiếng Anh: 4.00
ĐOÀN VĂN NAM	21/11/1999	29006101	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 9.50
LƯU TIẾN ĐẠT	03/03/1999	29020250	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.80
ĐẬU TRỌNG BÌNH	06/12/1999	29005499	Toán: 1.80 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.50 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN PHÚ	03/10/1998	29024835	Toán: 8.40 Vật lí: 7.75 Hóa học: 9.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 6.67
TRẦN VÕ THỊ OANH	02/02/1999	29023287	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 4.40
LÊ THỊ UYÊN	08/02/1999	29004809	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 8.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 3.20
VÕ KHƯƠNG DUY	05/04/1999	29026005	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.75 Tiếng Anh: 7.40
VÕ THỊ HẰNG	16/10/1999	29010390	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.50 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN VĂN MINH	19/09/1999	29010760	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 7.25
NGUYỄN PHÚ CẦM	17/05/1999	29012651	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN HOÀI NAM	07/11/1999	29024472	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 4.40

ĐẶNG CHÍ THANH	28/11/1999	29013336	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 1.50 KHTN: 3.17 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN ĐỨC HOÀN	27/01/1999	29025047	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 5.00
KIM VĂN VỸ	07/09/1999	29014225	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ HƯƠNG GIANG	02/12/1999	29024258	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.40
PHẠM THỊ NHUNG	20/08/1999	29005811	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 5.50 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN QUANG HUY	02/10/1999	29013175	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN HỮU PHÚC	01/10/1999	29007381	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 3.00
BÙI QUANG KỲ	26/08/1998	29022331	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ HUẾ	20/11/1999	29005038	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN VĂN TUẤN TIẾN	19/07/1998	29009955	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.75 GDCD: 5.00 KHXH: 4 Tiếng Anh: 2.40
CAO QUANG LINH	13/10/1999	29012161	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.58 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 1.60
NGUYỄN THỊ HÀ TRANG	07/11/1999	29025743	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 7.20
TRẦN THỊ HẰNG	19/07/1999	29005618	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ KIM NGÂN	28/06/1999	29001522	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM MẠNH HÙNG	03/11/1999	29000259	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 2.20
LÊ THỊ HÀ TRANG	02/01/1999	29007429	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 6.25 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ LƯƠNG	12/06/1999	29012199	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.20

BÙI THỊ LAN HƯƠNG	07/03/1999	29018524	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	28/08/1999	29022007	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 4.20
VI QUỐC KHÁNH	26/05/1999	29003169	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 6.50 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 2.20
HỒ THỊ THƯƠNG	10/09/1999	29015209	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.40
HỒ THỊ ANH THƯ	21/04/1999	29030757	Toán: 4.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 9.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.50 KHXH: 8.83 Tiếng Anh: 5.80
LÊ ĐỨC ANH	19/11/1999	29028843	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN HỮU HÙNG	20/02/1999	29017967	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ THOA	15/07/1999	29025678	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 2.80
MOONG VĂN PHONG	26/12/1996	29008562	Toán: 2.80 Ngữ văn: 1.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 3.75
ĐÀO NGUYỄN HUYỀN TRANG	11/10/1999	29029626	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 6.60
CHẾ ĐÌNH TRUNG	22/10/1999	29011819	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THÁI SƠN	30/09/1999	29026938	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.17 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN XUÂN DŨNG	21/06/1999	29016124	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 2.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VÕ TIẾN ANH	11/07/1999	29009438	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.40
PHẠM LINH CHI	22/05/1999	29004342	Toán: 8.40 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 6.50 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 6.80
ĐẶNG ANH QUÂN	27/07/1999	29007967	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.92 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.80
NGÔ QUANG NAM	16/01/1999	29018615	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 4.40

NGUYỄN THỊ HÀ TRANG	25/02/1999	29000856	Toán: 8.60 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.50 Sinh học: 7.75 KHTN: 8 Tiếng Anh: 6.40
ĐINH THỊ QUỲNH	11/01/1999	29009856	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.25 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 2.80
TRƯƠNG THỊ HỒNG NHÌ	27/04/1999	29014660	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ TRANG	25/01/1999	29021386	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 8.60
HỒ THỊ BÍCH	27/06/1999	29016088	Toán: 8.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 6 Tiếng Anh: 3.20
LƯƠNG VĂN BẢO	06/06/1999	29008150	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 1.60
ĐÀO THỊ THẢO	24/07/1999	29013345	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 6.75 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	16/10/1999	29007509	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN HOÀNG QUYẾT	24/07/1999	29010618	Toán: 4.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.75 KHXH: 8 Tiếng Anh: 2.80
HỒ VIỆT HUY	25/01/1999	29015682	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.20
VŨ ĐÌNH NAM	01/08/1999	29030571	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 3.20
PHAN BÁ TRUNG	17/06/1999	29030861	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ THU THẢO	14/09/1999	29009915	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ HÀ DUYÊN	22/07/1999	29024214	Toán: 8.00 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 8.20
ĐẬU THỊ THANH TRUYỀN	22/03/1999	29016501	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN BÁ PHÚ	02/01/1999	29011455	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.20
TRƯƠNG THỊ HOÀNG DIU	14/01/1999	29017135	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.75 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.40

NGUYỄN NGUYỄN CHƯƠng	25/02/1999	29023633	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 7.75 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 4.40
ĐÀO THỊ THUẬN	16/02/1999	29013368	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 3.60
THÁI MỸ HẠNH	09/11/1999	29000994	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25
CHU VĂN THÀNH	25/08/1999	29022430	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ HẬU	18/07/1999	29020271	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.40
NGÔ THỊ PHƯƠNG THẢO	21/09/1999	29013348	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.17 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 8.00
NGUYỄN VĂN KHÁNH	27/10/1999	29016728	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN KHẮC BIÊN	05/01/1999	29016091	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.25 Tiếng Anh: 6.60
TRẦN THỊ HUYỀN TRANG	16/04/1999	29015256	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	12/09/1997	29002765	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.40
CAO THỊ HỒNG HẠNH	04/06/1999	29000151	Toán: 9.20 Ngữ văn: 8.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 6.00 KHTN: 6 Tiếng Anh: 9.80
NGUYỄN THỊ HẢO	20/11/1999	29004992	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ HƯƠNG	01/06/1999	29029998	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 5.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN PHÚ	15/07/1999	29025585	Toán: 2.40 Ngữ văn: 2.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 3.75 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THANH PHƯƠNG ANH	17/11/1999	29024906	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 7.80
CAO THỊ THU HIỀN	02/01/1999	29006363	Toán: 5.60 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 2.25 KHTN: 3.25 Tiếng Anh: 4.80
TRẦN THỊ NGÀ	22/02/1999	29008849	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 9.25 Địa lí: 9.75 GDCD: 7.50 KHXH: 8.83 Tiếng Anh: 3.60

PHẠM THỊ LAN ANH	27/09/1999	29028854	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 9.20
TRẦN THỊ KHUYÊN	18/08/1999	29029062	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.60
CAO THỊ MAI LÂM	11/11/1999	29006442	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 6.80
LA THỊ HẰNG	05/12/1999	29008268	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.60
ĐINH BẠT CHÂU	06/10/1999	29007539	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ HƯƠNG TRẦM	19/11/1999	29026556	Toán: 9.00 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 9.50 Sinh học: 9.00 KHTN: 7.75 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN VĂN QUÂN	20/08/1999	29002897	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.67 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.20
MAI LÂM OANH	15/08/1999	29013283	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.17 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 5.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.40
CAO ĐỨC HẢI	20/06/1998	29018426	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 4.20
PHẠM THỊ BÍCH NGỌC	24/04/1999	29027487	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.00
LƯƠNG VĂN MẠNH	28/05/1999	29008350	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.00
THÁI ĐÌNH LỰC	18/06/1999	29001483	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM THỊ TRÀ GIANG	02/02/1999	29008682	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN TRỌNG NHẬT	27/04/1999	29001541	Toán: 4.00 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 3.75 GDCD: 8.00 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 1.40
LÊ NGUYỄN THÚY ANH	21/03/1999	29025869	Toán: 7.40 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 6.60
NGÔ THỊ HƯƠNG	18/03/1999	29005069	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 7.00 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 5.20
LÀU BÁ KHƯ	22/10/1999	29025090	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 2.20

ĐẶNG THI OANH	01/01/1999	29000743	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.83 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN TRỌNG TUẤN	28/10/1999	29015314	Toán: 7.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HẰNG	14/08/1999	29015586	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN ĐỨC LƯƠNG	05/05/1999	29005131	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.40
BÙI VĂN VINH	12/01/1998	29004830	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VĂN TUẤN	02/04/1999	29028221	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.00
ĐINH XUÂN HÙNG	30/08/1999	29009631	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC	02/10/1999	29006525	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 4.40
LÊ VĂN NGUYỄN	05/03/1999	29028568	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN THẾ	29/04/1994	29010192	Toán: 7.60 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.00
VÕ CÔNG QUYỀN	16/04/1999	29024545	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 1.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 5.00
PHAN PHÚC LINH	14/08/1999	29012822	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.00 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 1.80
LÊ THỊ XUÂN	24/08/1999	29002681	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 9.25 GDCD: 8.25 KHXH: 8.58 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN ĐỨC MẠNH	26/08/1999	29009201	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 3.40
NGÔ VĂN MINH	06/10/1999	29005149	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 6.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.60
VŨ KIỀU LINH	06/03/1999	29027424	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.00 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ THƠM	19/06/1999	29015172	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 4.00

NGUYỄN CÔNG TÀI	14/07/1999	29020443	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 1.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.83 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ MỸ	22/01/1999	29017388	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.60
HỒ PHƯƠNG NAM	09/10/1999	29015880	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.75 GDCD: 7.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.60
TẠ QUANG TIẾP	02/09/1999	29009298	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG ANH VIỆT	12/06/1998	29016050	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 1.60
NGUYỄN VIỆT THẮNG	03/02/1998	29016015	Toán: 7.20 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.25
LÊ THỊ HƯƠNG TRÀ	22/10/1999	29027020	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.92 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.80
XÔNG BÁ CỬA	02/07/1999	29020583	Toán: 2.80 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 2.50 GDCD: 3.25 KHXH: 2.67 Tiếng Anh: 1.80
KIỀU THỊ DUYÊN	20/07/1999	29017868	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 6.25 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN NGÔ DIỄN	21/02/1998	29003616	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.00 GDCD: 5.75 Tiếng Anh: 2.00
HỒ SỸ LƯƠNG	20/06/1999	29015829	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.60
VÕ THỊ HÀ	12/02/1998	29006001	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00
DƯƠNG XUÂN TOẠI	22/02/1998	29026700	Toán: 8.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 7.50
NGUYỄN TUẤN ANH	02/04/1999	29014878	Toán: 5.60 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 2.80
ĐẶNG QUANG ÁNH	10/04/1999	29014288	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 2.75 GDCD: 7.25 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	02/03/1999	29006562	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 2.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ UYÊN	15/08/1999	29003583	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.40

ĐINH THỊ HÀO	30/12/1999	29011649	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 7.25 KHTN: 7.75 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ KIỀU OANH	16/06/1999	29002544	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.40
LÀU BÁ HÙA	30/06/1999	29008283	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 2.75 GDCD: 5.00 KHXH: 3.33 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN THỊ HOÀI MY	27/11/1999	29024470	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.25 GDCD: 7.25 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 2.80
BÙI ĐỨC GIANG	06/09/1999	29024245	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.00
TRƯƠNG THỊ LINH CHI	27/07/1999	29006867	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ DUNG	07/01/1999	29022730	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN VĂN HUY	28/07/1998	29001029	Toán: 7.60 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.25
NGUYỄN HOÀNG LINH	24/03/1999	29025111	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 6 Tiếng Anh: 4.00
ĐẶNG THỊ THU THỦY	05/06/1999	29000549	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.40
LÊ ANH DŨNG	17/02/1999	29011969	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 4.00
ĐẶNG TRỌNG TIẾN	10/02/1999	29030768	Toán: 9.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 5.20
TRẦN DOÃN VƯỢNG	22/08/1999	29001205	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.42 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 8.25
NGUYỄN THỊ THU	10/09/1999	29000824	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 3.58 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 3.75 KHXH: 3.92 Tiếng Anh: 3.20
VÕ THỊ THỦY	07/09/1999	29012935	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN TRỌNG TRƯỜNG	31/08/1999	29011143	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 8.00 Hóa học: 9.00 Sinh học: 2.50 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 4.40
LÔ NGUYỄN PHƯƠNG LINH	14/09/1999	29024408	Toán: 8.00 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 9.80

TRẦN PHƯƠNG UYÊN	09/09/1999	29027116	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.58 Tiếng Pháp: 8.00
NGUYỄN THỊ THU HẰNG	14/03/1999	29007856	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 3.80
VI THỊ THƯƠNG	20/10/1999	29003325	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HOÀ	10/11/1999	29019399	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 6.40
HỒ THỊ PHƯƠNG	25/06/1999	29016881	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 2.25 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 4.00
ĐẶNG VĂN DUNG	01/10/1999	29013102	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 4 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 1.60
NGUYỄN THỊ LINH	18/01/1999	29003973	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG VĂN TIẾN	10/02/1999	29011091	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN TUẤN ANH	24/09/1999	29017821	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.33 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.00
VI VĂN TÂM	20/07/1999	29015101	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG THỊ KIỀU	04/07/1999	29007910	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.80
ĐOÀN CÔNG THỊNH	02/06/1999	29023351	Toán: 9.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 9.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 6.40
TẶNG TRỌNG THIÊN	15/02/1999	29004191	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.20
THÁI THỊ YẾN	29/01/1999	29002184	Toán: 1.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ QUỲNH	08/07/1998	29001122	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.17 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.75
PHAN THỊ THU HÀ	03/08/1999	29005588	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 5.60
VI VĂN SAO	30/09/1999	29014738	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.40

TRẦN HƯNG HẢO	25/09/1999	29021715	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 2.00
VÕ TRỌNG BẢN	09/02/1999	29007217	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ VIỆT HÀ	15/01/1999	29023167	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.25 Tiếng Anh: 5.20
ĐẶNG QUANG THỜI	01/06/1999	29000820	Toán: 4.20 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.25 KHTN: 2.67 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.25 GDCD: 6.75 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 4.80
VÕ HUY HẬU	15/07/1999	29029480	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 4.00
HỒ THỊ DIỄM	12/07/1999	29017859	Toán: 6.00 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ BA	25/04/1999	29015423	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN DUY NGHI	29/09/1999	29006521	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN THỊ HẰNG NI	06/04/1999	29004074	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN HÀ QUỲNH TRANG	05/02/1999	29023375	Toán: 8.80 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 9.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 9.20
VĂN VŨ TƯỜNG	02/06/1999	29030915	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.20
TÔ DUY ĐÔ	13/07/1998	29019126	Toán: 9.00 Vật lí: 9.00 Hóa học: 9.75
NGUYỄN THỊ LAN	20/11/1999	29001041	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75
LÊ THỊ UYÊN	09/02/1999	29020203	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.00
LÔ THỊ VÂN TRINH	10/03/1999	29015271	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 4.20
LƯU THỊ QUỲNH MAI	25/05/1999	29012831	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.00 KHXH: 8.33 Tiếng Anh: 3.60
CAO THỊ KHÁNH LY	05/06/1999	29005133	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.00

LÊ VĂN HOÀNG	28/11/1999	29015652	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 6.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.80
HỒ THỊ NGUYỆT	12/01/1999	29016187	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ THỎA	24/10/1999	29008954	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.40
HOÀNG THỊ DUNG	07/02/1999	29010303	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.80
TẶNG THẾ HOÀNG	04/05/1999	29000245	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN VĂN THUẬN	17/10/1998	29016973	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 6.25 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 3.60
LƯU THỊ YẾN NHI	20/08/1999	29027500	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ QUỲNH	24/07/1998	29017749	Toán: 5.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.00
NGUYỄN VĂN THÁI	07/08/1999	29027602	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.80
HÀ LÊ SAO MAI	06/10/1999	29025130	Toán: 9.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 9.25 Sinh học: 9.75 KHTN: 8.17 Tiếng Anh: 5.00
TRẦN THỊ LINH	08/05/1999	29029530	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.83 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VĂN ĐỨC	10/09/1999	29003382	Toán: 4.80 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.92 Tiếng Anh: 2.60
NGÔ TUẤN DƯƠNG	27/03/1999	29023665	Toán: 5.20 Ngữ văn: 2.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 2.50 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ THANH	08/01/1999	29030636	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 6.75 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 4.20
HỒ XUÂN NGỌC	10/03/1999	29026895	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.17 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.80
LƯƠNG QUANG TUẤN	25/04/1999	29013791	Toán: 2.80 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 2.50 GDCD: 4.25 KHXH: 3.33 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN THẮNG	29/11/1999	29030698	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.20

NGUYỄN SỸ HÓA	27/08/1998	29021768	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.00 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.20
HOÀNG THỊ KIM ANH	14/08/1999	29007202	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 7.25 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ THẢO	22/01/1999	29015140	Toán: 1.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 1.20
TRẦN VĂN ĐỨC	24/09/1999	29011992	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 1.80
LÊ THỊ SƯƠNG	21/06/1999	29000514	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THANH	23/11/1999	29024570	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.20
ĐẬU NGỌC HẢI	15/12/1999	29023710	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 9.75 Sinh học: 8.75 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THÁI TOÀN	09/12/1999	29020107	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 5.80
VI THỊ HỒNG ÁNH	07/11/1998	29024714	Toán: 9.60 Ngữ văn: 7.50 Tiếng Anh: 8.40
NGUYỄN THỊ LỊNH	21/10/1999	29012187	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 6.50 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 5.40
PHẠM THỊ MỸ LINH	04/02/1999	29029089	Toán: 3.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN NGỌC ÁNH	10/09/1999	29027181	Toán: 2.60 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 3.50 GDCD: 5.75 KHXH: 3.5 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN VĂN CƯỜNG	17/06/1999	29006875	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ XUÂN QUỲNH	20/06/1999	29022033	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.60
TẠ KHẮC TRƯỜNG	22/03/1999	29006744	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.00
TRẦN THỊ LINH	15/03/1999	29007017	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN HỮU PHƯƠNG	14/06/1998	29015999	Toán: 8.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 6

CÙ THỊ LIÊN	05/03/1999	29015769	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 8.40
NGUYỄN VĂN HỢP	21/07/1999	29001947	Toán: 9.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VIỆT KHÁNH	08/11/1999	29023820	Toán: 8.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN HỮU HIẾU	06/10/1999	29013142	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.17 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.40
SẦM THỊ HÀ	26/03/1972	29014243	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25
NGÔ TỔ NHƯ	23/02/1999	29007372	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 8.80
TRẦN THỊ HUYỀN TRANG	17/08/1999	29028164	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.80
LÊ ĐÌNH HOÀNG	25/03/1998	29003142	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 5.50 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ THÙY	23/03/1999	29003314	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ THỦY	20/08/1999	29016428	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.80
LỮ VĂN THẮNG	06/06/1999	29008450	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.00
VƯƠNG THỊ HUẾ	09/01/1999	29011343	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG ĐÌNH QUÂN	01/10/1999	29016268	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 3.60
HÀ QUANG DŨNG	01/09/1998	29003617	Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 9.25 Địa lí: 9.75
NGUYỄN THỊ THẨM	13/06/1999	29022436	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VIỆT TRINH	03/02/1999	29030845	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 3.20
HỒ THỊ TRANG	28/04/1999	29015242	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.00
GIÀ Y DỄ	05/05/1999	29020590	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.92 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.75 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 3.20

NGUYỄN VĂN QUỐC	14/02/1999	29008897	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 5.75 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.40
VÕ THỊ HUỖN	28/09/1997	29029363	Toán: 8.20 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.75
PHAN THỊ THANH QUỲNH	20/08/1999	29022032	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.80
LÔ THỊ KIM CƯƠNG	17/07/1999	29020586	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN TRẠCH TUẤN	16/11/1999	29030897	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THANH HAI	05/01/1999	29021024	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 3.00
HỒ THỊ KIỀU LINH	21/03/1999	29018013	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 4.60
GIẢN THỊ HÀ	27/04/1999	29002313	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ TUYẾT	10/09/1981	29017798	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 2.75
PHAN THỊ HUỆ	17/05/1999	29012088	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.00
CAO ĐĂNG HOÀNG	28/04/1998	29006032	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.50
NGUYỄN THỊ LAN	28/07/1999	29010461	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ KHÁNH HUỖN	17/09/1999	29025470	Toán: 4.20 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 9.25 Địa lí: 10.00 GDCD: 7.50 KHXH: 8.92 Tiếng Anh: 4.20
LÊ THỊ NGÂN KHÁNH	12/01/1999	29017310	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HẢI	27/08/1998	29029353	Toán: 7.80 Vật lí: 8.25 Tiếng Anh: 7.40
PHẠM THỊ THANH TÂM	03/11/1999	29007400	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 4.20
PHẠM CHIẾN THẮNG	15/05/1999	29018938	Toán: 1.80 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN TRỌNG LONG NHẬT	07/03/1999	29007061	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.00

PHAN VĂN TOÀN	20/07/1999	29004698	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 5.50 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.20
LÊ XUÂN HƯNG	20/10/1998	29001036	Toán: 8.60 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.50
HỒ THỊ MAI	22/10/1999	29015846	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG ANH QUÂN	08/11/1999	29028029	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN THỊ HỒNG NHUNG	03/12/1999	29017728	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75
NGUYỄN THỊ THU HIỀN	12/07/1999	29000680	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.42 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 7.20
NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH	12/02/1999	29009108	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	02/05/1999	29009066	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 1.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ THU HÀ	10/02/1999	29010356	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HƯƠNG	26/03/1999	29030500	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG NGỌC SỸ	19/09/1999	29011043	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 4.00
NGÔ TRÍ CƯỜNG	19/02/1999	29011598	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN DUY VĂN	18/05/1998	29023406	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 2.92 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ HỒNG HÀ	11/06/1999	29025017	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.75 Sinh học: 9.00 KHTN: 9.08 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HIỀN	25/05/1998	29004235	Toán: 6.40 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.75
NGUYỄN THỊ TÚ OANH	02/09/1999	29011750	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 4.20
LÊ THU HÀ	09/04/1999	29010861	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 7.80
ĐÀO THỊ LINH	05/05/1999	29019530	Toán: 3.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 9.25 GDCD: 7.25 KHXH: 8 Tiếng Anh: 3.00

NGUYỄN THỊ HIỀN	21/04/1999	29000192	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ THÚY HIỀN	14/08/1999	29019375	Toán: 2.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.75 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 3.20
VŨ VĂN DƯƠNG	02/01/1999	29030414	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 6.25 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 4.20
LƯƠNG ANH THÙY	19/10/1997	29008575	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Tiếng Anh: 6.20
TRƯƠNG THỊ LỆ GIANG	09/05/1999	29014378	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.60
CAO THỊ MINH	02/03/1999	29004529	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.25 Tiếng Anh: 2.60
ĐẶNG THỊ YẾN	04/01/1999	29003601	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ VÂN	15/09/1999	29023076	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 5.40
VI VĂN THÀNH	20/01/1999	29013727	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 6.00 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ TÚ UYÊN	24/10/1999	29007484	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 4.20
LÊ NGỌC ANH HOÀNG	03/04/1999	29026803	Toán: 5.60 Ngữ văn: 2.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 2.00 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.33 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.20
LÔ THỊ DUNG	08/08/1988	29012560	Toán: 2.20 Ngữ văn: 1.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 5.75 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN PHƯƠNG HÀ	19/05/1999	29022771	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 1.20
PHẠM VĂN QUYỀN	26/04/1998	29013062	Toán: 2.80 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.00
HỒ VĂN QUYẾT	16/11/1999	29012890	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN ĐÌNH NHÀN	10/08/1998	29001097	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 1.00 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.17 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50
NGUYỄN THỊ KIM OANH	06/02/1999	29007720	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 3.00 GDCD: 8.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.80

NGUYỄN VĂN ĐĂNG	18/11/1998	29000660	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 2.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 1.75 KHTN: 2.42 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.00 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.00
CHU MINH VIỆT	04/07/1999	29019101	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 4.75 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ HOÀI	27/03/1999	29001396	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 6.60
LÔ XUÂN KIÊM	25/06/1999	29014010	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.60
ĐẶNG THỊ QUỲNH	09/01/1999	29028040	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN THỊ LAN ANH	14/06/1999	29007524	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.80
CHU THỊ HẰNG	22/06/1999	29003823	Toán: 3.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN CÔNG THÀNH	13/01/1999	29001621	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN VĂN DẦN	29/03/1998	29030303	Toán: 7.20 Hóa học: 8.75 Sinh học: 8.00
LÊ VĂN NGUYỄN	04/10/1999	29028567	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ THẢO	18/11/1999	29020016	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.20
LÊ THỊ THƯƠNG	08/02/1999	29023015	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 2.80
LÊ VÂN ANH	28/02/1999	29012615	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ OANH	28/10/1998	29015996	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.75 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ TIẾN	02/01/1999	29030772	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.25 KHXH: 8 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ KIỀU OANH	24/03/1999	29013284	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.5 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ NGỌC	15/09/1999	29007708	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.00

NGUYỄN TRỌNG HUY	11/08/1998	29019136	Toán: 8.60 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.75
PHAN THỊ NHUNG	22/10/1999	29001102	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.58 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75
BÙI VĂN TOÀN	26/12/1997	29022152	Toán: 8.80 Vật lí: 8.25 Hóa học: 6.25
LÊ THỊ SANG	15/07/1999	29002056	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 8.25 Sinh học: 7.75 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 4.80
HOÀNG THỊ HẢI YẾN	16/10/1999	29011221	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.00 GD CD: 7.50 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ TRÍ	16/02/1998	29019814	Toán: 3.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.75
ĐẶNG THỊ OANH	02/07/1999	29019914	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GD CD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.40
LÊ XUÂN LONG	23/07/1999	29027428	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.00 GD CD: 7.50 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.80
CHU PHAN THẢO MY	14/08/1999	29026333	Toán: 7.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GD CD: 8.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 9.40
VI THỊ SEN	14/09/1999	29003273	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.75 GD CD: 7.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG THỊ PHƯƠNG	20/12/1999	29019934	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GD CD: 8.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.20
NGÔ THỊ LINH	24/04/1999	29022864	Toán: 7.60 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GD CD: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 7.00
TRƯƠNG THỊ TRANG	21/07/1999	29006704	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 9.75 GD CD: 8.50 KHXH: 8.83 Tiếng Anh: 4.20
PHẠM BÁ TIẾN	22/09/1999	29002115	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	26/04/1999	29007963	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 2.60
DƯƠNG VĂN CƯỜNG	24/11/1998	29002701	Toán: 8.60 Vật lí: 7.50 Tiếng Anh: 6.80
NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	09/12/1999	29026545	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 6.60
TRƯƠNG ĐỨC TRỌNG	28/04/1998	29011569	Toán: 7.40 Vật lí: 7.25 Hóa học: 8.25

NGUYỄN THỊ MỸ LINH	26/02/1999	29022345	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 8.75 Sinh học: 7.00 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 5.20
DOÃN THỊ HẰNG	05/10/1999	29026072	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 8.00 Sinh học: 9.00 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 5.00
HOÀNG CÔNG MẠNH	18/09/1999	29027983	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 8.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 9.00
DƯƠNG PHÚ SƠN	04/11/1999	29026932	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.00 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 1.60
CHU QUANG CHÂU	04/08/1999	29003710	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.60
HOÀNG THỊ HỒNG NHUNG	06/09/1999	29004067	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.80
HỒ THỊ NGỌC	28/08/1999	29016834	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 2.00 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.60
HỒ KHẮC DƯƠNG	12/01/1999	29017150	Toán: 2.40 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.50 KHXH: 4.08 Tiếng Anh: 3.00
TRƯƠNG THỊ MINH KHAI	09/10/1999	29005694	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN TIẾN ĐƯỜNG	28/10/1999	29019313	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.50 GDCD: 7.25 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 4.20
VI VĂN TUẤN VŨ	24/05/1999	29025834	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 6.25 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 4.40
LÊ THỊ THẢO	24/01/1999	29000801	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 2.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 3.20
VI THỊ LY	04/06/1999	29014578	Toán: 1.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.00 GDCD: 7.00 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 1.40
NGUYỄN XUÂN NGHĨA	15/04/1999	29010563	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.00 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 3.00
VỪ BÁ NHÀ	14/04/1998	29008382	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN ĐÌNH QUÂN	22/08/1999	29018124	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.17 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 5.50 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN BÁ KIÊN	15/12/1998	29029065	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.60

PHAN THỊ THẢO	04/09/1999	29022977	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GD&CD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ LIÊN	06/01/1999	29000334	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GD&CD: 6.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.80
HOÀNG THỊ HOÀI	01/01/1999	29029488	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 8.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 6 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.50 GD&CD: 8.75 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 7.60
VI TÚ ANH	21/11/1998	29014233	Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.75
VƯƠNG HOÀNG THỎA	20/03/1999	29008956	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GD&CD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ THANH	12/05/1999	29017508	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75 GD&CD: 7.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.80
LÔ VĂN PHONG	08/03/1998	29014824	Toán: 2.80 Vật lí: 3.00 Tiếng Anh: 3.00
ĐẶNG XUÂN LỘC	29/03/1999	29023867	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 4.40
HỒ SỸ TÝ	15/09/1999	29001728	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.25 GD&CD: 6.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.40
NINH CÔNG HOÀNG	12/07/1999	29014966	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ HUYỀN	24/04/1999	29000281	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 2.60
LÊ QUỐC HUY	02/01/1999	29029499	Toán: 7.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN HỮU CÂY	12/04/1999	29000641	Toán: 9.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 7.33 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.50 GD&CD: 7.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 6.00
PHẠM THỊ HƯƠNG	22/10/1999	29019496	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GD&CD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.80
NGÔ XUÂN HIẾU	22/06/1999	29005638	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.00 GD&CD: 7.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ PHƯƠNG	14/07/1999	29018114	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 4.00
LÊ XUÂN VINH	17/07/1999	29013449	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 2.00 KHTN: 3.67 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GD&CD: 7.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 1.60
NGUYỄN THỊ THU HOÀI	19/12/1999	29003881	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.25 GD&CD: 6.00 KHXH: 4.08 Tiếng Anh: 2.40

THÁI THỊ YẾN	06/06/1999	29000927	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 1.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.58 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 6.20
HÀ THỊ HƯƠNG GIANG	05/05/1999	29024247	Toán: 7.80 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 9.40
NGÔ TRÍ MINH	15/11/1999	29000406	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.20
THÁI THỊ THÙY LINH	26/08/1999	29009718	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THU UYÊN	25/11/1999	29027118	Toán: 8.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 9.20
PHAN THỊ TÙNG LÂM	04/10/1999	29030523	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 4.00
CHU VIỆT HOÀNG	05/07/1999	29027331	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 1.60
TẠ THỊ THÚY	08/01/1999	29006633	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 9.00
VŨ LÊ MỸ HẠNH	24/01/1999	29005600	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 7.20
NGUYỄN HỮU TÌNH	09/02/1999	29018994	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THÀNH VINH	09/08/1999	29026587	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 4.00
CAO THỊ NHẤT	20/07/1998	29004061	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.00
LANG THỊ HỒNG VÂN	23/11/1998	29014214	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.00
LƯƠNG QUỐC QUYỀN	07/08/1999	29030244	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.80
TRỊNH NHẬT MINH	22/02/1999	29023897	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.50 Hóa học: 9.50 Sinh học: 6.75 KHTN: 7.92 Tiếng Anh: 7.80
NGUYỄN THỊ THÚY NGÀ	24/08/1998	29008102	Toán: 4.80 Vật lí: 4.25 Hóa học: 6.00
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	09/08/1999	29016887	Toán: 8.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 8.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 6.20

TRẦN THỊ LIÊN	06/06/1999	29003964	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN TỬ SƠN	27/01/1997	29023505	Toán: 8.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 4.75
NGUYỄN THỊ LINH	20/06/1999	29007683	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN ĐĂNG NAM	27/03/1997	29030336	Toán: 6.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.5
NGUYỄN THỊ HẰNG	21/02/1999	29029879	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ VÂN ANH	12/02/1999	29028278	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN CẢNH TÀI ANH	09/11/1999	29000022	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 2.40
NGÂN VĂN NGỌC	29/05/1999	29013661	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN HỒNG NHẬT	04/11/1999	29025175	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 7.00
ỐC THỊ DẬU	09/09/1999	29020589	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.80
ĐẶNG THỊ THÌN	13/06/1998	29020036	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.50 GDCD: 6.75 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM THỊ HẢI YẾN	25/08/1999	29012555	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 9.00
PHẠM VĂN TOÀN	24/06/1999	29018205	Toán: 9.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 9.00 Hóa học: 8.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 7.75 Tiếng Anh: 4.40
HOÀNG THỊ QUỲNH	02/10/1999	29029212	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.80
HỒ THỊ NAM PHƯƠNG	08/09/1999	29024526	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN THỊ LINH	04/05/1999	29018560	Toán: 8.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 4.60
LỮ XUÂN PHI	29/09/1999	29014096	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.33 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 3.00

CHU VĂN TUẤN	17/11/1999	29028208	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.00
LÊ VĂN ĐẠT	13/12/1998	29015930	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.75 GDCD: 7.50 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ NAM	17/04/1998	29004266	Toán: 6.60 Hóa học: 5.75 Sinh học: 6.50
HỒ THỊ PHƯƠNG	13/10/1999	29016250	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.00
NGÔ THỊ THỦY	21/05/1999	29005320	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 6.75 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN THÁI BẢO	02/01/1999	29006858	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN VĂN AN	12/02/1999	29027806	Toán: 9.20 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 2.60
PHAN THỊ THỦY	23/08/1999	29000826	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4 Tiếng Anh: 7.00
DOÃN VĂN CƯỜNG	15/02/1999	29030396	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN HẢI	02/06/1999	29017904	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 2.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG THỊ TRINH	20/02/1997	29029406	Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 7.25
TRẦN THỊ HIỀN	16/04/1999	29028405	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN VĂN HÀ	02/02/1998	29019692	Toán: 7.60 Vật lí: 5.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 5.67
NGUYỄN THỊ DUNG	13/09/1999	29021613	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.25 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.60
LANG THỊ VÂN	05/03/1999	29013803	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.60
CAO THỊ MỸ LINH	28/03/1999	29005722	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN THỊ TÂM	12/05/1998	29030282	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.80
VI THỊ MINH THU'	03/01/1998	29025710	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 4.00
LÊ THỊ MỸ NGÀ	12/01/1999	29026356	Toán: 8.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 7.40

TRẦN THỊ THÙY LINH	18/10/1999	29008808	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.40
BÙI ĐÌNH TỨ	02/02/1999	29006780	Toán: 3.80 Ngữ văn: 1.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 5.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.20
VƯƠNG MINH HIẾU	26/11/1999	29013145	Toán: 7.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN ĐÌNH HIẾU	15/04/1999	29028988	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.60
VÕ THỊ DUNG	13/04/1999	29013106	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.83 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN VĂN KHẮN	11/10/1999	29010453	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 6.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ DUYÊN	01/01/1999	29002276	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 9.00 GDCD: 7.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 4.20
VĂN HOÀNG QUỐC ANH	27/08/1999	29024931	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN CÔNG HÙNG	19/08/1999	29022296	Toán: 8.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 1.60
TRẦN QUỐC HẢI	25/02/1999	29023456	Toán: 4.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00
HOÀNG VĂN QUÝ	12/12/1999	29006140	Toán: 4.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75
TRẦN THỊ THẢO LY	27/03/1999	29024446	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.08 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ LÀI	29/09/1999	29015742	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HOÀNG OANH	16/10/1999	29016228	Toán: 2.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.50 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HƯỜNG	01/11/1999	29022845	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.80
ĐINH VIỆT TRƯỜNG	11/08/1999	29029340	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ THU UYÊN	28/05/1999	29007482	Toán: 8.40 Ngữ văn: 8.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 8.25 Sinh học: 8.25 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 6.60
TRƯƠNG THỊ NGỌC ÁNH	01/06/1999	29030380	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 9.50 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 4.80

PHẠM THỊ NGÀ	12/01/1999	29015899	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN PHAN LINH CHI	10/03/1999	29023626	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 6.20
LÊ VĂN HUY	13/09/1999	29015684	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN TÙNG LÂM	26/11/1999	29024387	Toán: 2.80 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.25 GDCD: 7.50 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 3.60
ĐẬU XUÂN HIẾU	15/03/1999	29023184	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.08 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.20
PHÙNG BÁ ĐỨC	22/09/1999	29027263	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.60
TRƯƠNG CÔNG KHẢI	05/09/1998	29012797	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.40
LÊ THỊ THƠ	10/04/1999	29020043	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.20
TRƯƠNG THỊ HIỀN	01/07/1999	29019380	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.25 GDCD: 6.25 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 2.60
HỒ THỊ TÂM	11/08/1999	29016329	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.60
KHA VĂN TOÀN	08/09/1999	29008465	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN NGỌC HIẾU	11/01/1999	29020287	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 2.25 KHTN: 3.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.40
HOA THỊ THỦY	30/06/1999	29007150	Toán: 4.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 9.75 GDCD: 7.75 KHXH: 8.5 Tiếng Anh: 4.00
LIM THỊ HẰNG	26/09/1999	29013941	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ HÒA	01/01/1999	29006948	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ HOÀI THU	12/11/1999	29026522	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 9.40
BÙI THỊ LÀI	10/04/1999	29021859	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.40

NGUYỄN THỊ THOA	05/01/1999	29005928	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.20
PHẠM ĐỨC MẠNH	03/06/1999	29026879	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 6.50 KHTN: 5.42 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ THUỖ OANH	02/08/1999	29021984	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.00
HỒ HỮU NAM	05/01/1999	29025152	Toán: 8.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN SƠN LÂM	14/09/1999	29023834	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 5 Tiếng Anh: 8.60
LÊ THỊ THU THỦY	10/09/1999	29024073	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 6.60
NGUYỄN THỊ KIM CHI	04/04/1999	29002230	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN CẢNH CHI	29/03/1999	29023119	Toán: 9.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 8.25 Hóa học: 9.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN VĂN LỢI	03/02/1998	29017710	Toán: 5.20 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.50
NGUYỄN NGỌC HOÀNG ANH	22/12/1999	29014874	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 1.80
TRẦN VĂN TÂM	15/07/1999	29017497	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.00
LÊ ĐÌNH ĐỨC	25/09/1996	29010083	Toán: 7.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.00
PHẠM THỊ TÚ ANH	15/10/1999	29000632	Toán: 9.60 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 8.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.83 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 9.60
HỒ THỊ THÙY DUNG	02/09/1999	29027226	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 9.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN VĂN SƠN	03/12/1999	29010625	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.80
HỒ MẠNH CƯỜNG	22/12/1998	29013018	Toán: 8.20 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.75
TRẦN VĂN KHÁNH	02/09/1999	29029059	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN TRẦN THU TRANG	12/10/1999	29002652	Toán: 4.80 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 5.00

NGUYỄN TRỌNG KỶ	12/11/1999	29006990	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 6.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.40
DƯƠNG THỊ MỸ HOA	22/01/1999	29007627	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.80
PHAN THỊ LINH	11/10/1999	29029091	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 5.80
PHẠM THỊ NGỌC ÁNH	06/01/1999	29019205	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.80
HOÀNG THỊ OANH	02/01/1999	29027521	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN QUANG DƯƠNG	09/02/1999	29001267	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ HUYỀN	14/04/1998	29008759	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.25 GDCD: 5.25 KHXH: 3.83 Tiếng Anh: 3.40
THẠCH THỊ THANH MAI	31/05/1999	29016793	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.25 Hóa học: 9.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 5.00
PHAN KIM HÒA	19/05/1999	29005024	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ LAM	22/09/1999	29005707	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG THỊ TRANG	25/04/1999	29002641	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 8.00
NGUYỄN THỊ ĐỊNH	08/02/1999	29022237	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ THANH NHÀN	01/09/1999	29018084	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 2.20
LÊ THỊ LAN ANH	15/05/1999	29014276	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.00 KHXH: 4.08 Tiếng Anh: 3.80
PHẠM QUỐC ĐẠT	16/02/1999	29013112	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.40
HOÀNG ANH VIỆT	24/11/1999	29018303	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 5.00
PHAN THỊ CẨM UYÊN	08/07/1999	29000905	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 7.08 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 5.25 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 4.60

PHAN QUỐC HÙNG	03/06/1999	29026152	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 6 Tiếng Anh: 9.20
TRẦN THỊ BÌNH	17/01/1999	29001237	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.20
SẦM QUANG BẢO	06/08/1999	29013469	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.25 GDCD: 7.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.20
BÙI HỮU ANH	08/04/1999	29023544	Toán: 9.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 6.00 KHTN: 7.67 Tiếng Anh: 5.20
PHẠM SỸ LỰC	24/07/1999	29006484	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 9.20
NGUYỄN THỊ KHUYỀN	15/02/1999	29029061	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.60
PHAN ĐỨC NHẬT	09/10/1997	29015994	Toán: 3.20 Vật lí: 2.50 Tiếng Anh: 2.00
HỒ DIỆU LINH	01/01/1999	29024405	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.67 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 2.50 GDCD: 7.50 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.60
ĐẬU VĂN TÀI	22/09/1999	29016319	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ PHƯƠNG TRANG	08/05/1999	29013391	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 3.40
VÕ MINH HIẾU	20/02/1999	29008720	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 6.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.20
THÁI VIỆT CƯỜNG	04/09/1999	29006287	Toán: 9.60 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 9.50 Hóa học: 9.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 5.60
BÙI ĐẠI KHÁNH	24/06/1999	29012129	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 5.50 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ TRANG	12/08/1999	29030808	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG VĂN HÙNG	19/07/1998	29001417	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.60
HỒ THỊ THUÝ HẰNG	14/08/1999	29017911	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 3.00
KHA THỊ NGUYỆT	04/04/1999	29020741	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.00

TRẦN THỊ HẠNH	04/05/1999	29018435	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.40
DƯƠNG XUÂN DŨNG	19/04/1999	29023645	Toán: 8.40 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 4.80
NGÔ THỊ QUỲNH ANH	05/11/1999	29025340	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN TẤT TUẤN	13/01/1999	29001718	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN ĐẶNG DUY LINH	18/06/1999	29010483	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 5.75 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 3.00
HỒ THỊ XUYỀN	26/06/1999	29015371	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.80
LÊ ĐĂNG HÙNG	27/01/1998	29015944	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.40
LÊ THỊ HOÀI LINH	17/10/1999	29020337	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 3.5 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.80
CHU VĂN KIÊN	28/11/1998	29002832	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 1.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.17 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.00
PHAN QUANG QUYẾT	27/05/1999	29029581	Toán: 6.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.60
HUỲNH THỊ NGỌC HUYỀN	12/10/1999	29023805	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 9.25 Sinh học: 8.25 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VĂN HƯNG	14/05/1999	29019490	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.00 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HIỀN	19/08/1999	29006367	Toán: 7.80 Ngữ văn: 9.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 6 Tiếng Anh: 6.80
HỒ THỊ QUỲNH CHÂU	02/01/1999	29017843	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 8.75 Sinh học: 8.25 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 7.20
TRƯƠNG THỊ NHUNG THẢO	08/05/1999	29018926	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 6.25 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THANH HOÀNG	10/08/1999	29026806	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 1.75 Sinh học: 1.50 KHTN: 2.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.00 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN TRỌNG ĐỨC	04/05/1999	29007263	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 4.80

LÊ SỸ LẬP	03/10/1999	29008795	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.00
PHAN THỊ THẢO	01/03/1999	29028663	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 6.40
LÊ THỊ HẠNH	17/08/1998	29007174	Toán: 4.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 Tiếng Anh: 5.00
TRẦN HOÀI NAM	02/05/1999	29011725	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN CÔNG TÀI	07/07/1999	29026494	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 2.25 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 4.20
THÁI BẢO NGỌC	07/03/1999	29023926	Toán: 9.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 9.00 Hóa học: 10.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 8.08 Tiếng Anh: 6.40
NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	23/05/1999	29024622	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN TRỌNG BÌNH	01/11/1999	29020957	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 1.60
TRẦN VĂN HẠNH	18/02/1999	29000160	Toán: 2.00 Ngữ văn: 1.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.00 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 3.20
LÊ THỊ PHÚC	22/12/1999	29021994	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ TRANG	24/07/1999	29028158	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.75 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 4.00
PHẠM ANH HOAN	02/10/1994	29010102	Toán: 3.40 Vật lí: 1.25 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ QUYÊN	18/07/1999	29009850	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.50 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ HẰNG	11/06/1999	29023173	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN HOÀNG ANH VINH	03/12/1999	29008032	Toán: 7.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ LÂM ANH	25/11/1999	29018340	Toán: 4.40 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.00 KHXH: 8 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN ANH MINH	21/11/1999	29026327	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 6.60
HÀ CAO ANH NHUNG	27/02/1999	29002865	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 2.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.83 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 4.80

NGUYỄN THỊ THẨM	15/09/1999	29022985	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 6.20
TRƯƠNG THANH HẢI	26/09/1999	29018430	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.00
CUNG TIỂU YẾN	01/03/1999	29028807	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 4.20
LÊ THỊ THÚY KIỀU	19/05/1999	29022329	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 8.00 Sinh học: 8.00 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 4.80
LỮ THANH HUYỀN	25/04/1999	29025073	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 6.00
LÔ THỊ UYÊN	19/12/1999	29013799	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.20
ĐẶNG THỊ CẨM YÊN	15/10/1999	29029686	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN DUY SƠN KA	28/02/1999	29001439	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 1.60
NGUYỄN ĐỨC PHƯƠNG	30/10/1997	29024840	Toán: 7.60 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.75
HỒ THỊ DIỆU LINH	11/05/1999	29019537	Toán: 8.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.00 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 9.20
PHẠM NGÔ NHẬT PHONG	08/08/1999	29023960	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 2.80
LÊ VĂN TRƯỜNG	23/08/1997	29010211	Toán: 4.80 Vật lí: 5.75 Hóa học: 3.25
TRƯƠNG THỊ HÀ PHƯƠNG	04/02/1999	29024536	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 3.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THẾ NGHĨA	13/09/1998	29011430	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.80
HỒ THỊ GIANG	10/09/1999	29010345	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM THỊ THANH HUYỀN	25/11/1999	29006972	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 9.00 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 6.80
VÕ HUY PHÚC	16/12/1999	29018658	Toán: 1.80 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.60

HOÀNG THU THẢO	12/05/1999	29025637	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.40
TRƯƠNG THỊ NGỌC ÁNH	24/09/1999	29014295	Toán: 1.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.00 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 2.80
ĐỖ KHÁNH LINH	30/09/1999	29024402	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.00 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ THỦY	19/06/1999	29021343	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 7.00 KHTN: 6 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN QUỲNH NHƯ	02/04/1998	29026668	Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.75
NGUYỄN VĂN TRUNG	18/09/1999	29020163	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.00 KHXH: 8 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN TIẾN	17/02/1999	29010697	Toán: 2.00 Ngữ văn: 1.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ HƯƠNG THẢO	26/03/1999	29029249	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN THỊ HẠNH	03/03/1999	29028377	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG THỊ HỒNG	07/09/1999	29006395	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ THANH	03/12/1999	29001612	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN HỮU ĐẠT	08/04/1999	29020993	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.40
VÕ THỊ THU HẰNG	24/10/1999	29021726	Toán: 2.60 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ THUỖ	18/02/1999	29002964	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 5.60
TRẦN ĐÌNH SƠN	07/06/1999	29002917	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN THỊ NGỌC ÁNH	26/02/1999	29015421	Toán: 7.60 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.25 KHXH: 8 Tiếng Anh: 5.20
TRẦN BÁ THỊNH	18/01/1999	29029608	Toán: 8.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 4.00

TRẦN BẢO TRÍ	01/10/1999	29024102	Toán: 9.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ TÂM	18/11/1998	29011490	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ QUỲNH	10/08/1999	29029213	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.40
HOÀNG THỊ HUYỀN	29/06/1998	29010743	Toán: 6.40 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.50
HOÀNG THỊ NHƯ NGỌC	10/10/1999	29030146	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 8.75 GDCD: 9.50 KHXH: 8.92 Tiếng Anh: 3.60
LÔ THỊ NGUYỄN	18/10/1999	29020737	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 2.50 GDCD: 4.75 KHXH: 3.42 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN TRỌNG ĐỒNG	19/12/1999	29030419	Toán: 8.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 8.80
HOÀNG ANH TUẤN	28/02/1999	29028212	Toán: 4.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.00
LÊ ĐỨC DANH	05/05/1995	29027638	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75
NGUYỄN THỊ NGÀ	21/08/1999	29011726	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 7.50 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ NGUYỆT	20/07/1999	29028570	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 8.00 Sinh học: 7.50 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM HÀ NHẬT THIÊN	15/06/1999	29014161	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.75 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ VIỆT HÀ	18/05/1999	29025016	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 6.00 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 8.60
HOÀNG VĂN TIẾN	15/11/1999	29015221	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.25 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ MAI HƯƠNG	16/08/1999	29019495	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.60
LANG THỊ HẰNG	11/10/1999	29003124	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM VĂN HOÀN	29/11/1999	29012759	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.60

TRẦN THỊ LÂM OANH	27/06/1999	29016865	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 8.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 7.60
NGÔ ĐÌNH PHƯỢNG	10/02/1999	29017458	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VĂN NGUYỄN	16/09/1999	29008859	Toán: 5.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM THỊ THƯƠNG THƯƠNG	21/03/1999	29004682	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.50 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN HOÀNG MINH	04/02/1999	29025141	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN BÁ HOÀNG	17/11/1999	29013975	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN HỮU THẾ	03/10/1997	29005924	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ GIANG	01/01/1999	29015542	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ THƯƠNG	01/05/1999	29020088	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.80
XÔNG PÀ GIẢI	10/05/1999	29008246	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.00 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 3.60
DƯƠNG PHÚC NHẬT	28/03/1999	29019888	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.40
VÕ THỊ AN	25/04/1999	29004865	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ NHUNG	13/01/1999	29028580	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 6.25 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	16/05/1999	29014979	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN LÂM HÙNG	23/05/1999	29024332	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 6.60
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	22/11/1998	29025247	Toán: 8.80 Hóa học: 8.75 Sinh học: 9.50

NGUYỄN THÀNH SƠN	29/09/1998	29020439	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ LÂN	13/12/1999	29013607	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG VĂN ĐỒNG	22/05/1999	29003772	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ NHẬT TÂN	03/07/1999	29027601	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.60
TRỊNH PHÚ LINH HUY	29/12/1999	29026819	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.83 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.00
VƯƠNG HOÀNG ANH	16/02/1999	29009062	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.83 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.00
LÊ THỊ NGÂN	17/04/1999	29002847	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.20
ĐẶNG HỒNG KHỞI	11/01/1999	29004484	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 3.40
PHAN THỊ THANH	20/08/1999	29007124	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ THU	27/04/1999	29028709	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 7.92 Tiếng Anh: 6.20
HỒ THỊ PHƯƠNG THÚY	25/09/1999	29012937	Toán: 8.20 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 8.40
ĐẶNG THỊ THU UYÊN	02/11/1999	29000613	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN ĐĂNG MẠNH	26/07/1999	29021903	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 9.25 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ HOÀI AN	25/02/1999	29017074	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN CÔNG TUẤN	20/07/1999	29017038	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 2.40
CAO VĂN ANH TUẤN	14/03/1997	29010804	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.25 KHTN: 3.08 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN DUY TRỌNG	04/08/1999	29026559	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 9.00

TRẦN THỊ TUỆ	16/10/1998	29012983	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.50 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ CƯỜNG	02/10/1999	29001852	Toán: 9.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 9.75 Sinh học: 8.50 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ TUYẾN	26/08/1998	29019839	Toán: 7.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.75
NGUYỄN THỊ QUỲNH	05/12/1999	29030251	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.40
TRƯƠNG KHÁNH NGỌC	01/09/1999	29012859	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN ĐÌNH SƠN	02/09/1999	29024559	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN ANH TUẤN	21/09/1999	29030907	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 4.60
LÊ VĂN LÂM	22/09/1998	29005713	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.20
PHẠM VĂN HOÀNG	21/06/1999	29017267	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.00
VŨ THỊ SƯƠNG	28/08/1999	29029230	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN KHÁNH HUYỀN	13/05/1999	29025076	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 6.40
LÊ THỊ HẰNG	12/12/1999	29009563	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 6.60
ĐOÀN VĂN PHƯỚC	19/03/1999	29000478	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 4.00
TRƯƠNG THỊ HẢI	10/01/1999	29012018	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ TUYẾT NGÂN	16/02/1998	29015987	Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.25
PHẠM THỊ HOÀI THƯƠNG	03/07/1999	29012445	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 8.25 Sinh học: 9.00 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ HÒA	01/12/1999	29013149	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.17 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 6.80

VÕ QUÝ TƯỜNG	22/09/1999	29015328	Toán: 6.60 Ngữ văn: 2.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ NGỌC	26/06/1999	29011731	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 7.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 6.50 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ HẰNG MY	15/05/1999	29002510	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 5 Tiếng Anh: 4.20
ĐINH THỊ MỘNG SƯƠNG	07/03/1999	29005264	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN THỊ OANH	16/07/1999	29001554	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ HỒNG	12/10/1999	29029946	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ THẢO VÂN	16/06/1999	29012997	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN VĂN TOÀN	10/02/1999	29011803	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 3.80
HOÀNG THỊ TRÂM	17/07/1998	29028838	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.50 Địa lí: 5.75 Tiếng Anh: 6.00
DƯƠNG LÊ THÁI	02/08/1998	29021512	Toán: 7.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.75
NGÔ THỊ HƯỜNG	04/01/1999	29005073	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.80
BÙI THỊ MINH	20/11/1999	29004018	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG VĂN THÔNG	24/04/1999	29011076	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN CÔNG MINH	04/02/1999	29023894	Toán: 6.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN VĂN HÙNG	22/10/1999	29012094	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỌ HƯNG	07/11/1999	29022313	Toán: 9.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 9.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM THỊ HIỀN	04/12/1998	29008714	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.60
LÃ HỮU HUY	15/08/1999	29003410	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 4.00

NGUYỄN TUẤN HOÀNG	28/05/1999	29023765	Toán: 9.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.50 Sinh học: 6.25 KHTN: 8.17 Tiếng Anh: 4.60
LÊ VĂN TÀI	05/10/1999	29013325	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 6.25 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN VĂN MẠNH	20/12/1999	29011408	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ TƯỜNG AN	12/10/1999	29022165	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 8.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 5.60
TRƯƠNG CÔNG QUYẾT	03/05/1999	29000767	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 5.00
VÕ THỊ XUÂN	10/02/1999	29006819	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ CHÂU	19/09/1999	29028877	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THANH TÂM	21/11/1999	29010643	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.25 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.60
ĐẬU ĐÌNH HUY	16/06/1999	29024336	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.83 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN VIỆT NAM	16/10/1999	29022899	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 9.75 GDCD: 8.25 KHXH: 8.42 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN TUẤN ĐẠT	09/12/1999	29025388	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN THỊ KHÁNH	27/02/1999	29003942	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ HƯƠNG	09/09/1999	29007898	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 1.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.42 Tiếng Anh: 4.20
HOÀNG SỸ LONG	14/05/1999	29000366	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 2.50 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.80
LƯƠNG VĂN YÊN	01/10/1999	29020890	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.80
ĐẬU VIỆT KHÔI	21/04/1999	29015730	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.60
HỒ SỸ PHI	14/10/1999	29008879	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.40

PHAN NGUYỄN KHÔI	22/01/1999	29023826	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 6.25 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 8.80
NGUYỄN THỊ UYÊN	02/09/1999	29022640	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.00
LÊ VĂN TRƯỜNG	10/06/1999	29025773	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 2.20
ĐẶNG THỊ LAM	31/01/1999	29000322	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN THỊ HẢI	04/04/1999	29028372	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ SƯƠNG	20/08/1999	29012357	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN HỮU HÒA	22/08/1999	29019402	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.20
HOÀNG TRUNG NGHĨA	02/02/1999	29005178	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.40
BÙI DOÃN THÁI	18/06/1999	29026953	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 2.83 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.00
TẠ THỊ QUỲNH ANH	16/12/1999	29006260	Toán: 8.20 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 8.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 7.40
VÕ DUY ANH	25/11/1999	29003352	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 2.40
HOÀNG KHÁNH LINH	02/05/1999	29027953	Toán: 9.00 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 8.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 6.00 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 9.00
LÊ ĐĂNG HÒA	26/01/1999	29016646	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 2.80
HÀ VĂN KHÔI	06/07/1999	29019505	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.50 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 1.60
NGUYỄN THỊ VÂN AN	23/02/1999	29009412	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN HỮU HÀ	26/10/1999	29003110	Toán: 2.80 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.50 GDCD: 4.00 KHXH: 3.67 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN VIỆT ANH	02/03/1999	29010716	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.50

LÊ VĂN ÂU	08/05/1999	29002222	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VĂN HÙNG	18/06/1999	29018812	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 4.40
VÕ THỊ NGỌC	10/04/1999	29003219	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 4.80
TRƯƠNG VIỆT HOÀNG	22/09/1995	29005444	Toán: 0.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 0.75
TRẦN THỊ QUỲNH	08/04/1999	29014118	Toán: 6.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.75 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 9.20
TRẦN VĂN BẢO	22/01/1997	29019658	Toán: 8.20 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.75
VŨ THỊ HỒNG ANH	05/07/1999	29004325	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 4.80
BÁ KHÁNH HUYỀN	22/08/1999	29017288	Toán: 8.40 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 9.00
HỒ TRUNG ĐỨC	18/06/1997	29021463	Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.75
QUANG THỊ GIANG	01/07/1999	29013929	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.60
ĐẶNG THỊ BÍCH LY	03/08/1999	29005750	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ THU HOÀI	25/03/1999	29009608	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.67 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.40
ĐẶNG QUANG LỢI	10/11/1999	29000370	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 1.80
LÊ HỒNG HÀ	27/08/1999	29003791	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.60
THÂN THẾ HƯNG	13/02/1999	29013187	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 2.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.58 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 3.50 GDCD: 6.75 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 1.80
HỒ THỊ XUÂN	12/11/1999	29018317	Toán: 3.60 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN XUÂN HIẾU	03/09/1999	29012060	Toán: 1.80 Ngữ văn: 2.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.92 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN ĐỨC LƯƠNG HUY	04/01/1999	29023789	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 9.75 Sinh học: 8.50 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 4.20

ĐẶNG HỒNG QUÂN	15/06/1998	29026920	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.83 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.20
DƯƠNG ĐĂNG ĐỨC	29/11/1998	29003774	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.25 GDCD: 6.75 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 1.80
ĐẶNG THỊ HOA	19/09/1999	29002371	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 8.40
LÊ THỊ NHUNG	21/01/1999	29000741	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.83 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.00 GDCD: 7.50 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 9.60
ĐẶNG NHẬT ANH	28/09/1998	29026598	Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 9.50 Địa lí: 8.75
TRẦN MẠNH HÙNG	20/10/1999	29018498	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 4.80
KHA VĂN HAI	26/12/1999	29021023	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.00
THÁI THỊ THẢO	10/12/1999	29022980	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 4.80
LÊ THỊ THU THẢO	21/04/1999	29015128	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HƯƠNG	15/11/1999	29005684	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN VĂN THÀNH	17/08/1999	29016946	Toán: 7.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN ANH ĐỨC	15/03/1999	29019305	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 1.80
NGÂN THỊ THÚY	10/10/1999	29003522	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.75 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.75 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN NGÔ TRÍ THIẾT	01/06/1999	29009281	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 7.83 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ SEN	06/04/1999	29022037	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN VĂN HIẾU	19/05/1998	29026793	Toán: 3.80 Ngữ văn: 2.75 Vật lí: 2.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.58 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 1.80
VY THỊ NGÂN	05/09/1999	29014633	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 3.60

PHẠM XUÂN TÀI	28/06/1999	29011045	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN ĐÌNH CHƯƠNG	05/11/1999	29021592	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 9.75 GDCD: 9.25 KHXH: 9.25 Tiếng Anh: 3.20
ĐẬU SỸ TRƯỜNG	15/09/1999	29011822	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 3.80
THÁI THỊ HUYỀN	28/01/1999	29021815	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ DUYÊN	07/06/1999	29000104	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 5 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG VĂN THÁI	09/10/1999	29022427	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 5.00
VÕ THỊ HOÀI ĐỨC	14/09/1999	29011637	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG VĂN TÂM	23/04/1999	29005274	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 9.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THẾ ÁNH	26/03/1999	29006265	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.00
PHAN VĂN HOÀNG	11/06/1998	29007884	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ HIỀN	14/08/1999	29017226	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ HOÀI	04/12/1999	29029490	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 3.80
XÔNG BÁ CHIA	15/10/1999	29008174	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.00 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM THỊ VUI	18/01/1999	29007501	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.60
HOÀNG THỊ LAM	13/08/1999	29005704	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 5.50 KHXH: 4 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN NGỌC NGUYỄN	03/05/1999	29018079	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM THỊ HẬU	27/09/1999	29005005	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 6.20

NGUYỄN TIẾN HÀ	22/02/1999	29026052	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN MẠNH HOÀNG	20/08/1999	29027911	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 8.40
THÁI THỊ THUÝ QUỲNH	03/08/1999	29024551	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.75 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN TRỌNG BẮC	04/05/1999	29022197	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 6.00 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM CÔNG HOÀNG	03/08/1999	29026139	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 9.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 3.80
BÙI THỊ THƠ	06/10/1999	29020042	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN SONG HIẾU	02/10/1999	29018466	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ TƯỜNG VY	11/02/1999	29025837	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 5.80
CHU THỊ TRÀ	18/06/1999	29017583	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN THỊ LƯU	26/02/1999	29014568	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 2.75 GDCD: 5.75 KHXH: 3.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	25/10/1999	29011917	Toán: 7.80 Ngữ văn: 8.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.5 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 6.80
ĐINH NGỌC MAI	10/07/1999	29024449	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.80
LÊ HỒNG DƯƠNG	15/01/1999	29002795	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.25 Sinh học: 1.75 KHTN: 2.42 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.25 GDCD: 5.00 KHXH: 3.58 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VĂN TUẤN	24/01/1999	29000890	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.60
KHA VĂN NGỌC	21/11/1998	29003649	Toán: 1.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.50 GDCD: 7.50 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ DƯƠNG	04/08/1999	29003763	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.25 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 5.20
NGÔ THỊ HOÀI THƯƠNG	06/11/1999	29024597	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 5.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 8.00

NGUYỄN THỊ TƯƠI	22/01/1999	29004803	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 6.25 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN THỊ KHÁNH LY	07/03/1999	29021901	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THỊ CHÂU GIANG	20/10/1999	29024257	Toán: 8.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 9.40
TRẦN HỒNG QUÂN	07/12/1999	29026923	Toán: 9.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 7.58 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.25 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 7.60
NGÔ THỊ HƯỜNG	02/05/1999	29018822	Toán: 5.60 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.25 KHXH: 7.58 Tiếng Pháp: 4.80
NGUYỄN HOÀNG KIM NGUYỄN	04/09/1999	29023930	Toán: 8.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 8.00
TRẦN KHÁNH TÂN	15/06/1999	29015104	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.80
XÔNG BÁ XỐ	02/06/1999	29008515	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN ANH HÙNG	30/05/1999	29009633	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN HUY HOÀNG	20/12/1999	29027333	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 5.20
BÙI VĂN THƯƠNG	20/09/1999	29011800	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.25 Tiếng Anh: 2.00
TRẦN QUANG ANH	22/04/1998	29005956	Toán: 3.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.50
LƯƠNG THỊ HOÀI THƯƠNG	12/04/1999	29025716	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 7.50 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN HỒNG QUÂN	22/08/1999	29026462	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 6.40
BÙI ĐÌNH QUYẾT	26/08/1999	29009250	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN XUÂN HIẾU	25/01/1999	29027903	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN XUÂN GIANG	18/02/1999	29001296	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 4.00

ĐỖ QUANG CHIẾN	12/06/1994	29024721	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 5.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 1.80
TRẦN THỊ HẰNG	07/10/1999	29017218	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.00
HỒ THỊ BÍCH PHƯƠNG	04/03/1999	29012310	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.40
NGÔ QUANG SINH	20/02/1999	29016924	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 9.50 Sinh học: 9.25 KHTN: 8.17 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ TRANG	14/02/1999	29020851	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.60
ĐẶNG ÍCH ĐÔNG	11/01/1999	29002290	Toán: 6.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 5 Tiếng Anh: 1.80
PHẠM THỊ HỒNG PHƯƠNG	01/10/1999	29027536	Toán: 2.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ MỸ	08/10/1999	29003204	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN TUẤN TÚ	14/04/1999	29010000	Toán: 8.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ QUYÊN	01/01/1999	29001581	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	14/07/1999	29022558	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN VĂN DŨNG	20/11/1999	29009502	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.20
HỒ THỊ LAN	15/02/1999	29015749	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.60
KHA THỊ TÚ	12/02/1999	29003562	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.60
VÕ THỊ THÚY	04/01/1999	29002107	Toán: 8.80 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 8.50 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 3.80
VÕ ĐỨC HUYNH	20/10/1998	29008763	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN VĂN DŨNG	19/01/1999	29024208	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.60

LÊ VĂN TIẾN	04/03/1999	29015223	Toán: 1.60 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.00 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN ĐÌNH HOÀNG	18/11/1999	29011659	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 2.80
ĐẶNG NGỌC NGHĨA	25/01/1999	29020730	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN HÙNG	16/08/1999	29016682	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.00 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.33 Tiếng Anh: 1.40
NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI	24/09/1999	29014594	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ CẨM PHA	15/10/1999	29004079	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.40
LƯU NHẬT THÔNG	03/04/1999	29006625	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 9.00 Hóa học: 9.25 Sinh học: 8.00 KHTN: 8.75 Tiếng Anh: 6.80
ĐINH THỊ HUYỀN TRANG	05/11/1999	29004712	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN BÁ QUÂN	08/06/1998	29001576	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ HƯƠNG	19/02/1999	29017691	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50
HOÀNG BÁ LƯƠNG	10/06/1999	29010508	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 1.80
VÕ THỊ HỒNG NGÂN	08/09/1999	29018624	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.40
VŨ THỊ THÁI	30/07/1999	29016940	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 3.60
VŨ THỊ THUẬN	20/10/1999	29004206	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.40
CHU THANH HIẾU	18/06/1999	29022275	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 5.20
ĐẶNG THỊ PHƯƠNG LINH	19/08/1999	29009180	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 4.40
LÊ VĂN THỊNH	22/08/1998	29019803	Toán: 9.60 Vật lí: 9.25 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 7.25

TẶNG THỊ CHUNG	07/04/1999	29019237	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 9.25 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN CẢNH ANH	09/01/1999	29020931	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 5 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN XUÂN DƯƠNG	05/01/1999	29007252	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 2.50 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 2.00
LÊ THỊ NHẪN	01/03/1999	29010988	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 3.40
BÙI THỊ LÂN	01/12/1999	29000329	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 5.00
LÊ VĂN HIẾU	18/09/1999	29010404	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.20
LÊ VĂN THÁI	19/02/1999	29008122	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.67 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.00
NGUYỄN VĂN ĐÔ	18/07/1999	29013113	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Pháp: 2.60
LÀU Y XÒ	26/02/1999	29008512	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 5.00 KHXH: 4.08 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ LỆ QUYÊN	01/04/1999	29022955	Toán: 7.20 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 7.60
THỊNH KIÊN CƯỜNG	30/07/1999	29025975	Toán: 6.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 7.00
HỒ THỊ HỒNG	18/05/1998	29015663	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.60
NGÔ THỊ DUNG	26/11/1999	29003743	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 8.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN ÁNH	24/02/1998	29004215	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.00 Lịch sử: 7.00
NGUYỄN THỊ HOA	28/09/1997	29009010	Toán: 4.80 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 8.50
NGUYỄN CÔNG TIẾP	19/10/1998	29014848	Toán: 8.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 6.50
NGUYỄN THỊ DUYÊN	20/01/1999	29010842	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.20

NGUYỄN THẾ HƯNG	08/11/1999	29006048	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.75
NGUYỄN VĂN KHÁNH	07/07/1997	29024786	Toán: 1.80 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50
PHẠM THỊ NHƯ QUỲNH	10/01/1999	29005247	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 5.60
HỒ THỊ VÂN	28/09/1999	29018290	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.20
ĐẶNG THỊ YẾN NHI	14/04/1999	29010579	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 4.00
PHẠM THỊ THANH HƯƠNG	12/01/1999	29002432	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.00
ĐẬU ĐĂNG TUẤN	10/04/1999	29025783	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.25 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 2.20
HOÀNG VĂN MẠNH	03/08/1998	29006086	Toán: 6.60 Vật lí: 6.75 Hóa học: 5.75
PHẠM THỊ HUYỀN TRANG	30/12/1999	29009322	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ ANH	05/10/1999	29014875	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 3.40
LƯU THỊ THÁI THƯƠNG	01/09/1999	29003524	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.92 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LÊ	09/01/1997	29013040	Toán: 3.80 Hóa học: 3.50 Sinh học: 5.00
LÊ TRỌNG THÀNH	26/10/1999	29020811	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.40
ÂN THỊ THU HƯƠNG	03/05/1999	29012116	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 6.50 KHTN: 5.08 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.40
ĐẶNG THỊ THẢO	29/01/1999	29009269	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ THU UYÊN	06/12/1999	29017050	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 6.25 KHTN: 4.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN CƯỜNG	02/10/1999	29014901	Toán: 8.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 6.25 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 8.60

TRƯƠNG THỊ DƯƠNG	23/10/1999	29011620	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 3.60
ĐINH THỊ TRANG	13/05/1999	29012473	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 2.75 GDCD: 8.25 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 4.20
CỤT THỊ PHƯƠNG	30/11/1986	29013840	Toán: 1.60 Ngữ văn: 0.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 2.75
NGUYỄN THỊ LY	02/08/1999	29021166	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 6.40
TRẦN KHÁNH BẢO	19/01/1999	29009071	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 2.40
LÔ THỊ HỒNG	16/05/1999	29013979	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 2.20
PHAN THỊ HỒNG VÂN	20/05/1999	29004824	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN NĂNG NAM	07/10/1999	29002517	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.40
LÊ THỊ HƯƠNG	08/06/1999	29000301	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 1.80
LÔ THỊ SIM	30/06/1999	29013708	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.25 GDCD: 5.50 KHXH: 4 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN ANH TÀI	24/10/1999	29013326	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.5 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 4.40
LÊ VĂN HOÀNG	16/05/1999	29009615	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.00
LƯU ĐỨC	20/06/1998	29004950	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.20
VÕ ĐỨC PHƯƠNG	23/07/1999	29003480	Toán: 9.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.25 Hóa học: 9.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 5.40
VI THỊ YẾN	04/09/1999	29015382	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.40
ĐẬU THỊ QUỲNH ANH	24/12/1999	29028273	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ ANH	16/04/1999	29020559	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.00

ĐẶNG SỸ LỘC	20/02/1999	29000367	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN QUANG VŨ	23/01/1999	29008034	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 4.40
LŨ THỊ HIỀN	06/12/1999	29013953	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.50 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN HỒNG QUÂN	18/06/1999	29005845	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN ĐỨC THẮNG	10/09/1999	29011509	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 5.75 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN NGỌC MAI	17/12/1999	29024452	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 8.80
NGUYỄN THÙY LINH	06/06/1999	29007330	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 4.40
VŨ THỊ HẰNG	04/12/1999	29004415	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.00
PHAN HỮU HÙNG	24/02/1999	29011666	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 4.20
HOÀNG THỊ LINH	27/12/1999	29000342	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 3.40
BÙI THỊ ANH	06/05/1999	29029699	Toán: 2.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ MÃO	02/12/1999	29010526	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.80
LÊ VĂN HẢI	25/08/1999	29017201	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 4.00
LŨU THỊ THƠM	24/02/1999	29030720	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.75 KHXH: 8.5 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ THÚY NGỌC	04/01/1998	29010766	Toán: 6.40 Hóa học: 7.25 Sinh học: 6.50
THÁI VIỆT HUY	15/09/1999	29010432	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VĂN NGỌC	13/01/1998	29008857	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.40

BÙI THỊ HOÀI	25/05/1999	29002380	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 5.80
LÊ ĐÌNH ĐĂNG	21/08/1999	29021655	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.20
LƯƠNG QUỐC DŨNG	21/06/1999	29024970	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN CÔNG THẮNG	10/03/1999	29028674	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.25 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN VĂN CƯỜNG	14/04/1999	29015469	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.00
LŨ THỊ PHUÔI	01/10/1999	29008403	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 5.75 KHXH: 4.08 Tiếng Anh: 3.20
HÀ THỊ GIANG	02/02/1999	29018414	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.75 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VĂN NGUYỄN	30/01/1999	29023489	Toán: 1.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.00
NGUYỄN THỊ THOA	08/08/1999	29016395	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.00
PHAN VĂN KHẢI	12/12/1997	29019725	Toán: 7.60 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.25
NGÔ PHI TRƯỜNG	20/11/1999	29020512	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 4.40
TÔ DUY HẢO	29/07/1998	29022110	Toán: 8.20 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 7.08
NGÔ QUANG TRƯỜNG	30/07/1999	29030871	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 1.80
PHẠM NGỌC PHÚ	02/04/1998	29004082	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.40
LÊ VĂN TÀI	31/08/1999	29005270	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 8.50 Sinh học: 8.00 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 3.60
LÔ THỊ TÂM	16/02/1999	29014135	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG QUỲNH	25/07/1999	29000773	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.17 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 7.60
HỒ SỸ THUNG	09/05/1999	29004653	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 2.20

NGUYỄN THỊ THƯƠNG	05/12/1999	29028114	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 4.40
VŨ XUÂN SÁNG	14/10/1996	29027737	Toán: 10.00 Vật lí: 9.00 Hóa học: 8.25
NGUYỄN PHI TRƯỜNG	08/06/1999	29005380	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.00
LANG THỊ XOAN	01/01/1999	29003597	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN DUY KHÁNH	28/12/1999	29012136	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.80
ĐẶNG VĂN ĐỀ	02/01/1999	29007578	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4 Tiếng Anh: 3.40
LÊ TRUNG HẢI	14/08/1998	29006346	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 2.25 KHTN: 2.58 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.00
NGÔ THỊ MƠ	21/09/1999	29009207	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 3.00
LÊ HOÀNG OANH	02/06/1999	29015059	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM THỊ TUYẾT	10/10/1998	29009047	Toán: 7.60 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.08
BẠCH THỊ LÊ	25/04/1999	29026228	Toán: 8.20 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 9.20
NGUYỄN THANH SƠN	07/12/1999	29007397	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 3.20
NGÔ QUANG HÀ	09/04/1998	29003109	Toán: 1.60 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.20
HỒ CÔNG TÀI	25/03/1999	29008922	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.25 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.80
PHẠM THỊ HÀ	16/11/1999	29004398	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ MINH	28/04/1999	29030113	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.50 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN HÙNG	20/11/1999	29022827	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.00
HỒ XUÂN HẢI	02/11/1999	29013124	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 4.00

NGUYỄN TRUNG BÁ	03/06/1999	29023612	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ HUYỀN	03/12/1999	29019471	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50 GD&CD: 8.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ KIM NHUNG	03/05/1999	29027511	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.75 GD&CD: 7.25 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 1.80
LƯƠNG VĂN HƯNG	01/09/1998	29020667	Toán: 2.80 Ngữ văn: 1.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 3.75 GD&CD: 5.50 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.40
VĂN THỊ OANH	16/07/1999	29016866	Toán: 8.80 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 8.50 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 3.80
HOÀNG THỊ DUNG	15/03/1999	29000085	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 7.25 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 4.80
ĐẬU ĐÌNH THỊNH	14/08/1996	29027766	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.25
LÊ ANH ĐỨC	08/08/1998	29020255	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.17 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GD&CD: 7.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.20
LƯƠNG THÁI NGỌC	11/10/1999	29020733	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 3 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GD&CD: 6.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.20
TRƯƠNG ANH ĐỨC	10/01/1999	29029833	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 9.00 GD&CD: 7.75 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 4.40
NGÔ ĐÌNH NGHĨA	20/08/1998	29005179	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GD&CD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 1.80
ĐÌNH THỊ MINH HẠNH	04/03/1999	29000152	Toán: 7.40 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.50 GD&CD: 8.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 7.00
NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	15/10/1999	29023573	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GD&CD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 9.20
HỒ SỸ NAM	07/02/1999	29016809	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 2.80
TRƯƠNG THỊ THẢO	15/11/1999	29012919	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GD&CD: 7.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.80
BẠCH HƯNG MẠNH	27/07/1996	29025289	Toán: 8.20 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.25
ĐÌNH VIỆT LỘC	25/10/1999	29001473	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.50 GD&CD: 6.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.00

NGUYỄN VĂN HÙNG	21/04/1999	29024775	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.42 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.75
DƯƠNG THỊ NGỌC MAI	18/02/1999	29025537	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.60
HOÀNG THỊ THU	20/11/1999	29005314	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 4.80
LÊ KHẮC DUYÊN	19/08/1999	29001866	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 6.25 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN TIẾN	27/05/1999	29013762	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN THỊ ÁNH	18/04/1999	29003044	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.20
CHU THỊ QUỲNH	26/07/1999	29005240	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.20
HỒ MINH LONG	24/11/1999	29019570	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ ĐÀO	17/05/1999	29002280	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ THẨM	21/04/1999	29028666	Toán: 8.80 Ngữ văn: 8.25 Vật lí: 8.25 Hóa học: 1.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 9.40
NGUYỄN THỊ HOÀI	22/08/1999	29021075	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 5.25 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.40
VŨ VĂN NAM	15/03/1999	29018063	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 4.20
HÀ HẢI DƯƠNG	11/02/1999	29024218	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.17 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 5.20
VŨ MẠNH TÍN	27/02/1993	29025322	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.75
NGUYỄN TRẦN NGỌC ANH	13/11/1999	29007211	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.25 KHTN: 2.67 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ THU HƯỜNG	17/05/1999	29029510	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN THỊ DANH	12/04/1999	29002259	Toán: 5.60 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 5.00

NGUYỄN THỊ QUY	17/10/1998	29004105	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.00
PHAN VĂN THÀNH	17/09/1999	29029600	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ THUÝ HẰNG	06/05/1999	29028959	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN HOÀNG HUY	01/01/1999	29009640	Toán: 4.80 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 2.20
NGÔ QUANG DUY	15/06/1999	29013909	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ SON	13/02/1999	29016306	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.00 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.00
BÙI ĐÌNH ĐỨC	12/06/1999	29009522	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN THỊ UYÊN	05/12/1999	29011189	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN ĐỨC ANH PHÚC	15/08/1998	29001113	Toán: 8.40 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.00 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ THU	22/02/1998	29011794	Toán: 5.40 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 3.80
LÔ THỊ XUÂN	10/10/1999	29015367	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.60
LÊ HOÀNG LÝ	23/10/1999	29005752	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.00
ĐOÀN ĐỨC THẮNG	20/05/1994	29027757	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 7.75
PHẠM XUÂN MINH	07/06/1998	29028550	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN HUY HƯNG	10/03/1999	29017988	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN TRỌNG DŨNG	08/09/1999	29023136	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 2.00
ĐẬU THỊ THẢO	29/05/1999	29013346	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.67 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.42 Tiếng Pháp: 2.60

NGUYỄN CÔNG SƠN	05/09/1999	29028636	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN HỮU BẮC	30/06/1999	29021564	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN LINH	10/01/1999	29009715	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 3.60
LÔ THỊ HÀ	30/12/1999	29013931	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.60
HỒ NGỌC HẢI	18/07/1999	29017901	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 1.60
NGUYỄN THỊ LINH	02/09/1999	29028509	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	05/08/1997	29024829	Toán: 7.60 Vật lí: 3.75 Hóa học: 8.50 Sinh học: 8.50 KHTN: 6.92
NGUYỄN VĂN NHẬT	02/07/1997	29027497	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.20
HOÀNG THỊ VÂN ANH	15/08/1999	29005952	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50
DƯƠNG THỊ THƠM	18/12/1999	29030717	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.25 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG THẢO	18/11/1999	29030676	Toán: 9.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 10.00 Sinh học: 6.25 KHTN: 8.17 Tiếng Anh: 4.80
LÊ THỊ TRANG	10/10/1999	29021376	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.00
THÁI THỊ BÌNH	09/10/1999	29019863	Toán: 9.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 9.25 Sinh học: 9.00 KHTN: 7.92 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TRANG	23/07/1999	29011109	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN ANH TUẤN	19/12/1999	29030893	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 3.60
NGÔ TRÍ HUỖNH	01/09/1999	29011670	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN LỰC	16/02/1999	29028528	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 1.80

TRẦN THỊ DIỆU LÀNH	08/06/1999	29021127	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.75 GD&CD: 6.25 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN TRẦM	03/11/1999	29000869	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN ĐĂNG AN	09/04/1999	29023536	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 9.75 Sinh học: 2.50 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 6.80
NGUYỄN THỊ HẰNG	22/04/1999	29006355	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN ANH TÀI	17/02/1996	29027743	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75
VÕ THỊ CHÂU	01/01/1999	29015440	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GD&CD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN VĂN HÒA	13/08/1999	29017251	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GD&CD: 6.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.60
ĐẶNG THỊ MINH HÒA	08/01/1999	29006381	Toán: 8.00 Ngữ văn: 8.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 7.00 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 8.60
TRẦN ĐỨC HUY	04/08/1998	29024346	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GD&CD: 6.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HẰNG	21/11/1999	29001909	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ TRANG	08/03/1999	29021383	Toán: 4.40 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.00 GD&CD: 8.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 7.60
NGUYỄN THỊ THƠM	21/02/1999	29018952	Toán: 5.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.50 GD&CD: 6.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.40
NGÔ SỸ HOÀNG	09/02/1999	29018803	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.80
PHẠM VĂN SỸ	28/07/1999	29000516	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 9.00 GD&CD: 9.00 KHXH: 8.42 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN THỊ THƯƠNG	16/05/1999	29009950	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GD&CD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN HẢI	10/09/1998	29029862	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.50 GD&CD: 7.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN TUẤN	28/12/1999	29007803	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.75 GD&CD: 8.75 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 3.40

HOÀNG THỊ NHI	17/08/1998	29022389	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 4 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HUYỀN	26/09/1998	29012785	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.25 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.00
HỒ THỊ MINH	17/02/1999	29018608	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 4.20
HỒ THỊ THẢO	29/11/1999	29004169	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.25 KHXH: 8.33 Tiếng Anh: 3.20
HỒ THỊ HẰNG	23/07/1999	29016610	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 3.20
LÊ THANH TÀI	06/09/1998	29029393	Toán: 7.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.25
NGUYỄN VĂN SƠN	13/08/1999	29006592	Toán: 8.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 4.40
LÊ THỊ CHUNG	18/03/1999	29001844	Toán: 9.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	24/06/1999	29013183	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 4.00
LÊ ĐỨC ANH TUẤN	08/09/1999	29028214	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.80
LÊ HUỖNH ĐỨC	30/07/1999	29015528	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG THỊ NGÀ	13/09/1999	29003208	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.50 GDCD: 6.50 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 3.00
PHAN HOÀNG HÂN	30/01/1999	29002341	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.60
VŨ ĐÌNH PHƯƠNG ANH	14/03/1999	29023600	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.75 KHXH: 8 Tiếng Anh: 3.20
LÊ CAO CƯỜNG	28/08/1999	29009084	Toán: 7.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 5 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN VĂN ĐỨC	29/12/1999	29002300	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.80
CHU VĂN TRUNG	05/10/1998	29004752	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.00

NGUYỄN HỮU KHANG	15/10/1998	29028482	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.60
ĐẬU NGỌC TOẠI	06/10/1999	29020491	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ THẢO	15/06/1998	29001630	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 9.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN BÁ HƯNG	24/06/1998	29008078	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.17
LƯƠNG VĂN CẨM	20/12/1999	29008162	Toán: 1.80 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 5.00 KHXH: 4 Tiếng Anh: 1.80
PHẠM VĂN ĐẠT	23/09/1999	29006905	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.40
ĐÀO THỊ TRANG	30/04/1999	29011810	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 3.80
PHẠM ĐỨC HOÀI	29/09/1999	29017257	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN MINH THẮNG	17/10/1999	29004641	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 5 Tiếng Anh: 2.60
PHẠM THỊ LẬP	25/05/1999	29008796	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ HOÀI	02/05/1999	29019411	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 9.25 GDCD: 8.50 KHXH: 8 Tiếng Anh: 3.60
LANG THỊ KIM CHI	08/10/1999	29013881	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.20
NGÂN VĂN CHÍ	03/02/1999	29014891	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN HỒNG QUÂN	20/12/1999	29007385	Toán: 7.80 Ngữ văn: 2.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 5.60
LƯỜNG THỊ CHÂU	05/01/1999	29005501	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ LAN	06/11/1998	29001452	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ ANH THU	10/04/1999	29022520	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.80

NGUYỄN THỊ HƯỜNG	08/04/1999	29006420	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 7.25 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN ANH PHƯƠNG	02/09/1999	29004090	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.00 GD&CD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ NGỌC TRÂM	16/02/1999	29022581	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN VĂN PHONG	19/04/1999	29018875	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 7.50 KHTN: 7 Tiếng Anh: 2.60
BÙI THỊ CẨM TÚ	23/12/1999	29002991	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ THÚY	09/05/1999	29022514	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM THỊ THANH NHÀN	05/05/1999	29019884	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 10.00 GD&CD: 7.75 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 8.60
PHẠM HÀ LÝ	17/12/1999	29019746	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.75
LÔ THỊ NHẬT LỆ	20/06/1998	29020906	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GD&CD: 6.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.60
LÊ QUANG NAM	20/06/1999	29002018	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 9.25 Hóa học: 7.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ TRANG	17/11/1999	29023042	Toán: 4.60 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.25 GD&CD: 8.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ LINH	06/07/1999	29000351	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25 GD&CD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.40
PHẠM THỊ PHƯƠNG	21/03/1999	29022947	Toán: 3.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.25 GD&CD: 8.25 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 3.20
ĐẶNG THỊ LÝ	15/07/1999	29014581	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 8.75 GD&CD: 7.00 KHXH: 8 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN VIỆT LINH	11/09/1999	29025110	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ DUNG	20/12/1997	29002704	Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.00
ĐẶNG VĂN NGHĨA	23/01/1998	29030142	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.25 GD&CD: 6.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.60
ĐỖ XUÂN THÁI	07/02/1996	29027751	Toán: 2.40 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 3.75

NGUYỄN THỊ THU	17/02/1999	29005937	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 5.00 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ ANH	06/02/1999	29005476	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN HÒA	03/10/1999	29016647	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN ĐÌNH NGUYỄN	26/03/1998	29001788	Toán: 8.40 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 7.5
TRẦN THÙY HUYỀN	11/05/1999	29017977	Toán: 7.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN XUÂN SƠN	20/05/1999	29022049	Toán: 5.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.40
LÊ THỊ LINH	16/09/1999	29001983	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 6.25 KHTN: 4.42 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 5.20
TRẦN THỊ NGỌC	26/11/1999	29000437	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 3.20
VŨ THẾ AN	25/03/1999	29005468	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.00 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.20
ĐẶNG THỊ QUỲNH HƯƠNG	01/12/1999	29006417	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 6.50 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 5.00
HỒ THỊ MINH	25/07/1998	29016801	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 2.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 6.50 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN THỊ NHÀN	20/09/1999	29028574	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.25 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ LY	20/08/1999	29011402	Toán: 7.40 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.00 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 5.80
ĐẶNG KIM OANH	10/09/1998	29006115	Toán: 5.40 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.58
HỒ THỊ HẠNH	26/03/1999	29013126	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 4.20
TRẦN KHẮC CƯỜNG	15/06/1999	29029767	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.60
CHU VĂN PHÚ	30/05/1997	29010153	Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 9.25
HOÀNG THỊ YẾN	13/06/1999	29007820	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.40

NGUYỄN THỊ HẢI	08/08/1999	29021026	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.80
LÂM THỊ NHUNG	24/04/1999	29016207	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.60
CỤT THỊ CHAI	14/04/1999	29008167	Toán: 1.40 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.75 GDCD: 3.75 KHXH: 3.67 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ NGỌC	02/09/1999	29005185	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN HỒNG TUYẾN	16/11/1999	29012528	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN SỸ HUỖNH	22/05/1999	29004471	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN VIỆT NHẬT	01/08/1999	29010577	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.40
LÊ THỊ GIANG	12/10/1999	29017181	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.60
HỒ THỊ THẢO	27/07/1999	29004633	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN THỊ HƯỜNG	11/12/2000	29027939	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN SỸ LỰC	10/01/1999	29024806	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 0.75 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.08 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.25
TRẦN QUANG HƯNG	20/06/1998	29000703	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 3 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 3.75 GDCD: 5.75 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG VĂN TRỌNG	27/07/1999	29007792	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.20
ĐẶNG THỊ NHI	02/04/1999	29018089	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 5 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN NGỌC QUỲNH ANH	02/11/1999	29005475	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 9.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.80
LÊ THỊ HUYỀN	10/08/1999	29021100	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.08 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 3.20
HỒ TRUNG LƯU	13/02/1990	29012572	Toán: 3.00 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.75

PHAN VĂN TRUNG	18/01/1999	29028758	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 5.20
PHAN ĐÌNH VĂN	05/11/1999	29004815	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 1.60
PHẠM THỊ CẨM TÚ	27/10/1999	29024118	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN ĐĂNG HIẾU	17/02/1999	29000685	Toán: 2.80 Ngữ văn: 2.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.25 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN THỊ HƯƠNG	17/01/1999	29022319	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 3.00
BÙI QUANG TUẤN	02/12/1999	29017793	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50
CAO THỊ MAI	09/03/1999	29029541	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 6.75 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HỒNG KHANH	10/04/1999	29006426	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 5.60
ĐINH THỊ YẾN	26/11/1999	29011875	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.75 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.20
VÕ THỊ THÙY DUYÊN	14/11/1999	29024216	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ HỒNG	05/01/1999	29018490	Toán: 2.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.00
LÊ BẢO HÙNG	24/04/1999	29025452	Toán: 6.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN XUÂN TUẤN	06/11/1999	29023066	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 1.20
TRƯƠNG THỊ TÌNH	05/01/1999	29030782	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ LINH	08/03/1999	29014030	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.20
ĐOÀN MẠNH CƯỜNG	07/12/1999	29024184	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN VĂN TÚ	26/01/1998	29014857	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 5.50 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.00

PHẠM THỊ MIỀN	27/05/1999	29009205	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN QUÝ DƯƠNG	27/07/1999	29006897	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.20
VÕ ANH TUẤN	27/08/1999	29028226	Toán: 9.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 9.60
HỒ THỊ THANH HẢI	20/01/1999	29016597	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 2.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 4 Tiếng Anh: 3.20
HỒ THỊ DUNG	18/08/1999	29021609	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 5.20
HOÀNG THỊ NHUNG DUYỀN	03/03/1999	29020984	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ HIỀN	21/10/1999	29027895	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.00
BÙI VĂN LÂM	25/11/1999	29021128	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN VĂN HIẾU	30/12/1998	29003862	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.40
DOÃN THỊ HÀ GIANG	02/03/1999	29023695	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 7.00 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN VĂN PHÚC	19/03/1999	29012306	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.40
PHAN THỊ QUỲNH	02/04/1999	29012893	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 4.00
ĐẬU PHI MỸ	23/09/1999	29016806	Toán: 6.60 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 2.20
ĐÀO VĂN HOÀNG	12/09/1998	29017682	Toán: 3.20 Vật lí: 2.00 Hóa học: 3.75
NGUYỄN THỊ NGÂN	11/03/1999	29005174	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 4.80
PHẠM THỊ PHƯƠNG	10/05/1999	29030213	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 4.00
LÊ THỊ HOÀI TRANG	27/02/1999	29007164	Toán: 1.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 2.75 GDCD: 5.50 KHXH: 3.5 Tiếng Anh: 2.60

NGUYỄN VĂN THUY	07/04/1999	29020063	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM XUÂN NGUYỄN	17/03/1999	29026388	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.00 Sinh học: 6.00 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 5.40
TRẦN PHƯƠNG ANH	20/04/1999	29027174	Toán: 2.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.00 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 4.40
BÙI VĂN NAM	16/10/1999	29012236	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.83 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.80
HỒ THỊ THẢO	08/10/1999	29018161	Toán: 7.00 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 6.80
THIỀU QUANG MẠNH	25/09/1999	29019599	Toán: 1.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 3.50 GDCD: 6.50 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 5.40
BÙI THỊ CÚC	22/03/1999	29017126	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.40
HÀ VĂN ĐỒNG	28/09/1998	29003094	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 2.50 GDCD: 4.75 KHXH: 3.42 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN DƯƠNG ANH TUẤN	15/09/1997	29023527	Toán: 5.60 Ngữ văn: 8.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.75 Lịch sử: 7.75
NGUYỄN VIỆT HOÀNG	02/07/1999	29023767	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 1.60
NGUYỄN THỊ LAN	09/03/1997	29029366	Toán: 4.40 Vật lí: 6.75 Hóa học: 4.25
NGUYỄN BÁ DŨNG	14/11/1999	29011614	Toán: 7.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 6.60
NGUYỄN HỮU NGHĨA	06/09/1999	29023920	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ LỆ QUYÊN	07/11/1999	29010616	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.40
TỪ THIỆN NHÂN	12/02/1999	29027493	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 2.00 GDCD: 5.25 KHXH: 3.5 Tiếng Anh: 2.20
PHẠM THỊ HOÀI	08/10/1999	29006027	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.50
TRẦN THỊ QUỲNH	26/03/1999	29009253	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 4.60
TRỊNH AN GIANG	01/09/1999	29014930	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 4.80

KHA NGỌC LINH	25/01/1999	29003184	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.50 GD&CD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.00
HỒ THỊ TÂM	07/02/1999	29004152	Toán: 2.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 8.25 GD&CD: 8.50 KHXH: 8.5 Tiếng Anh: 3.00
THÁI THỊ TÌNH	23/03/1999	29006669	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GD&CD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN TẤT THẮNG	27/05/1999	29024054	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN ANH DŨNG	25/10/1999	29023655	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 7.92 Tiếng Anh: 6.40
NGUYỄN TRUNG HIẾU	06/01/1999	29013964	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 2.80
HỒ NHẬT PHAN	04/09/1999	29016234	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.75 GD&CD: 6.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.80
CAO XUÂN ĐỨC	16/09/1998	29024745	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.75 Tiếng Anh: 2.60
LÊ THỊ PHƯƠNG	19/07/1999	29009829	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.75 GD&CD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN HỮU TUẤN	04/10/1999	29023064	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.00 GD&CD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ TRANG	15/06/1999	29003538	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ XUÂN	13/06/1999	29030945	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GD&CD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.00
TẶNG VĂN THUẬN	01/09/1999	29005318	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GD&CD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.60
TẶNG THỊ TRANG	24/03/1999	29012483	Toán: 1.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.25 Hóa học: 1.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 2.08 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.75 GD&CD: 6.75 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.60
BÙI THỊ HOÀI	16/02/1999	29000223	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GD&CD: 6.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.40
HOÀNG ANH TÚ	11/02/1999	29006749	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.00 Hóa học: 2.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 3.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GD&CD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN NGỌC PHÚC	10/02/1999	29005830	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.75 GD&CD: 6.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.40

NGUYỄN CÔNG DANH	08/01/1999	29027846	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.67 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM HỮU TUẤN	16/08/1999	29020192	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 2.60
BÙI THỰC TRINH	27/09/1999	29028746	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 6.75 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ NHÀN	19/10/1999	29028573	Toán: 6.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.80
KIM THI LỆ	01/12/1999	29014525	Toán: 2.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN ĐỨC TRỌNG	27/02/1999	29017605	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 9.50 GDCD: 8.50 KHXH: 8.67 Tiếng Anh: 4.20
BÙI THỊ XUÂN	04/01/1999	29019114	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.60
PHẠM VĂN HIỀN	01/02/1999	29027306	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.20
VŨ NGỌC HOÀNG	03/12/1999	29005033	Toán: 2.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.40
ĐẬU VĂN THUẬN	12/12/1999	29011795	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.40
THÁI THÁI BẢO	18/06/1995	29021446	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.75
HỒ HUY HOÀNG	21/08/1999	29007875	Toán: 9.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 4.60
ĐẬU THỊ TRANG	16/08/1999	29022548	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.60
HOA THỊ BÌNH	14/03/1998	29007167	Toán: 4.20 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.75
NGUYỄN THỊ TRÀ GIANG	06/11/1999	29024255	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 2.25 KHTN: 3.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.25 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN CÔNG SƠN	20/11/1999	29021278	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 2.25 KHTN: 2.42 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.75 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 2.40
TRẦN THỊ NGỌC ÁNH	08/11/1999	29029723	Toán: 8.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 7.20
ĐÀM VĂN ĐẠT	10/11/1999	29018756	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 3.40

NGUYỄN THỊ HẠNH	24/04/1999	29001319	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.40
TÔ THỊ TÚ HIỀN	02/10/1999	29015605	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 7.80
PHẠM THỊ HẰNG	04/03/1999	29029477	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 8.00 Sinh học: 8.75 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN TRỌNG ĐẠT	21/11/1999	29026021	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 7.60
CAO THỊ LY	07/03/1999	29012203	Toán: 8.60 Ngữ văn: 8.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 8.50 Sinh học: 8.75 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 4.40
HOÀNG THỊ THU SANG	10/04/1999	29018692	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ HỒNG	09/05/1999	29029015	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.60
VŨ ĐÌNH QUÂN	25/03/1999	29018130	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ QUÝ	08/09/1999	29030239	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ TRANG	15/12/1999	29028737	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN CÔNG TUẤN	09/02/1999	29006764	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	21/10/1999	29005382	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 2.80
VŨ DUY HOÀNG	05/04/1999	29028432	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.75 GDCD: 9.25 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ HẰNG	21/08/1999	29003832	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.50 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.20
HỒ BÁ KHÁNH	22/04/1999	29015725	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 5.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN TRỌNG ĐẠT	23/07/1999	29003377	Toán: 8.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 8.25 Hóa học: 9.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 7.20
TRƯƠNG VĂN HOÀNG	11/04/1999	29019425	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.00 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 2.40

TRẦN QUANG LỘC	04/02/1999	29004511	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.83 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 9.00 GDCD: 7.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.00
VÀ BÁ RỒNG	06/12/1999	29008416	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.50 GDCD: 6.25 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 3.80
TRƯƠNG VĂN TUYẾN	14/04/1995	29027794	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.25
NGUYỄN HỒNG THẮNG	25/08/1999	29017532	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.40
LÊ VĂN HOÀNG	01/01/1999	29030477	Toán: 8.80 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 4.20
PHAN THỊ NHUNG	10/06/1999	29029560	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 5 Tiếng Anh: 4.60
ĐẶNG THỊ SƯƠNG	23/10/1999	29005263	Toán: 5.20 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 9.25 GDCD: 9.00 KHXH: 9 Tiếng Anh: 7.60
ĐẶNG XUÂN DIỆT	06/07/1999	29011286	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.40
LẠI THỊ NGHĨA	23/08/1997	29019756	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.80
BÙI HỒNG QUÂN	20/09/1999	29022016	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN MẠNH THẮNG	22/04/1999	29024052	Toán: 5.20 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 2.60
HỒ ĐỨC TUẤN	11/07/1999	29017618	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN TRUNG HIẾU	19/08/1998	29027318	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.20
ĐOÀN THANH CƯỜNG	10/03/1994	29001746	Toán: 4.40 Hóa học: 4.75 Sinh học: 6.50
PHAN THỊ HUỆ	05/09/1999	29019441	Toán: 3.40 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.25 KHXH: 8.75 Tiếng Anh: 5.00
PHAN THỊ QUỲNH	04/04/1999	29012342	Toán: 3.20 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 9.50 GDCD: 8.00 KHXH: 8.58 Tiếng Anh: 3.60
NHỮ SỸ MẠNH	01/07/1999	29015857	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.60

NGÔ THỊ HÀ THƯƠNG	30/01/1999	29002626	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.20
MAI THỊ HOA	05/01/1999	29002373	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.50 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	01/04/1999	29026967	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.42 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN	08/01/1999	29011848	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ NHÀN	27/02/1999	29025173	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 4.60
TRẦN THẢO YẾN	28/12/1999	29008523	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.40
TRỊNH TRẦN HÀ LINH	09/11/1999	29026276	Toán: 9.40 Ngữ văn: 8.75 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 9.60
NGUYỄN HOÀI NAM	09/07/1999	29025552	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.20
PHAN TRẦN PHÚ	10/09/1999	29030596	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.92 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM ĐÌNH LONG	10/03/1999	29000714	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.25 Hóa học: 1.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 2.5 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.40
LÊ THANH LƯƠNG	07/05/1998	29019582	Toán: 4.00 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM THỊ KHÁNH LY	25/09/1999	29010952	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 4 Tiếng Anh: 4.80
LÊ THỊ HIỀN	21/02/1999	29007618	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 9.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ NHẬT ÁNH	07/07/1999	29012639	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 5.60
VÕ HỒNG PHƯƠNG VI	18/03/1999	29024687	Toán: 8.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 9.20
NGUYỄN ĐÌNH HUỖNH	06/07/1999	29011671	Toán: 7.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.80
BÙI THỊ THƯ	02/01/1999	29007773	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.80

LẦU Y DẦN	06/03/1998	29008214	Toán: 1.40 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 6.25 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 4.00
TRƯƠNG THỊ NGÀ	09/08/1998	29019630	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 9.25 GDCD: 8.75 KHXH: 8.58 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM TÚ UYÊN	12/10/1999	29000904	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 2.25 KHTN: 2.92 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 8.60
PHAN VĂN HÙNG	03/07/1999	29028446	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ THÚY HIỀN	30/04/1999	29002351	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 6.25 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN TUẤN ANH	08/03/1999	29029709	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN HẢI LÊ	31/10/1999	29007324	Toán: 9.40 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 8.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.5 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 7.00
NGUYỄN THỊ CẨM NHUNG	08/06/1999	29024510	Toán: 8.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.75 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN THỊ VÂN	10/08/1999	29016550	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN TRUNG KIÊN	14/02/1999	29024379	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.67 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 7.60
PHAN NGỌC BÁU	28/09/1999	29004893	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 8.00 Sinh học: 8.00 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 5.40
ĐẶNG THÙY GIANG	29/07/1999	29009097	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	29/07/1999	29024782	Toán: 2.80 Ngữ văn: 2.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 2.50 KHTN: 3 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 3.25
NGUYỄN THỊ HÀ NHƯ	28/08/1999	29007067	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 4.60
PHẠM THỊ MAI TRANG	12/12/1999	29012960	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 4.20
LÊ KHÁNH LY	26/08/1999	29025124	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN TIẾN QUANG	02/02/1998	29010608	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 5.80

PHẠM VIỆT CƯỜNG	11/03/1999	29020974	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN THẾ HƯNG	08/11/1999	29026195	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 8.75 Sinh học: 9.25 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 5.60
PHAN TRUNG THÀNH	19/05/1999	29015121	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN HOÀNG LINH	13/05/1999	29024412	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ HƯƠNG	07/02/1999	29012121	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 5.50 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 2.20
CAO THỊ QUỲNH	11/10/1999	29016280	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.80
THÁI THỊ KHÁNH HÒA	08/11/1999	29001388	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM THỊ THÚY NGÀ	21/08/1997	29025295	Toán: 6.60 Hóa học: 6.25 Sinh học: 8.00
VÕ THỊ UYÊN MY	16/09/1999	29002511	Toán: 8.00 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 7.80
NGUYỄN NGỌC SƠN	18/04/1999	29002758	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 6.50 KHTN: 5.17 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50
PHẠM THỊ UYỂN NHI	23/10/1999	29026403	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.00
KÈM VĂN DƯƠNG	25/08/1999	29014345	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.40
ĐINH THỊ KIM THOA	31/07/1999	29008953	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ THU HẰNG	01/09/1999	29004998	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.40
ĐẬU KHẮC PHƯỢNG	11/07/1995	29027725	Toán: 1.60 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 5.25
TRÌNH THỊ HẬU	17/06/1999	29018445	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ THUỶ	10/02/1999	29022501	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.60

LÊ HỒNG TRUNG KIÊN	15/11/1999	29026216	Toán: 8.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 6.40
HỒ SỸ HUY	16/03/1999	29017282	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.00 GD&CD: 5.50 KHXH: 4 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN THỊ NGÀ	14/06/1999	29028558	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.00 GD&CD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.40
NGÔ SỸ SƠN	19/09/1996	29030345	Toán: 7.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.00
TRƯƠNG THỊ OANH	02/02/1999	29011451	Toán: 2.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.50 GD&CD: 7.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.60
THÁI HUY LÂM	18/05/1999	29006444	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.08 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GD&CD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG THỊ HÀ	12/09/1999	29030432	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN ANH ĐỨC	10/01/1998	29023450	Toán: 6.80 Vật lí: 6.25 Hóa học: 5.75
LƯƠNG THỊ NGỌC ÁNH	05/12/1999	29012636	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ THÙY DUNG	19/06/1999	29011610	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 3.00
ĐẶNG CÔNG NGHĨA	09/01/1999	29000426	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GD&CD: 7.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 6.00
PHẠM VĂN THÔNG	16/10/1999	29025682	Toán: 6.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 6.40
PHAN THỊ HOÀI	14/10/1999	29002384	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.50 GD&CD: 7.75 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 4.00
CỤT VĂN ANH	03/03/1999	29008143	Toán: 1.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.00 GD&CD: 5.25 KHXH: 3.83 Tiếng Anh: 2.00
LÊ VĂN TÚ	12/03/1998	29016044	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GD&CD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.00
TRỊNH XUÂN HUY	03/10/1999	29019460	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.00 GD&CD: 7.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.20
HỒ VIỆT HOÀNG	23/09/1999	29012073	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.75 GD&CD: 7.50 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.40

VÕ VĂN HƯNG	24/02/1999	29009167	Toán: 6.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN CẢNH DƯƠNG	11/05/1998	29030307	Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 9.75 Địa lí: 10.00
XÔNG Y TỒNG	12/06/1999	29008469	Toán: 2.20 Ngữ văn: 1.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 2.00 GDCD: 2.75 KHXH: 2.42 Tiếng Anh: 2.60
ĐẶNG ĐÌNH BẢO	25/12/1999	29021558	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.00 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ PHƯƠNG	02/06/1999	29011012	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 8.75 Sinh học: 8.75 KHTN: 7.67 Tiếng Anh: 6.20
TRẦN THỊ CHUNG	26/06/1999	29029438	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 4.40
LÊ THỊ THU	27/04/1999	29016409	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.00
TRẦN THỊ HOÀNG ANH	24/02/1999	29001222	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 6.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.60
PHAN THỊ THẢO	06/09/1999	29022978	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.60
ĐẶNG ANH TUẤN	10/08/1999	29027093	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.08 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.75 KHXH: 8.42 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN NGỌC THỊNH	28/06/1999	29013364	Toán: 6.60 Ngữ văn: 2.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 2.75 KHTN: 5.33 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 2.50 GDCD: 5.75 KHXH: 3.58 Tiếng Anh: 3.20
ĐẶNG VIỆT CƯỜNG	06/03/1999	29013100	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.33 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.50 GDCD: 6.25 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 4.00
PHAN LỄ NAM	19/05/1999	29030567	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 4.60
VŨ HỒNG TÚ	13/05/1999	29004777	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 1.80
HỒ THỊ UYÊN	03/02/1999	29016536	Toán: 5.60 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 9.50 GDCD: 7.50 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 8.00
NGUYỄN THỦ LỢI	28/05/1998	29021894	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.80
CAO THỊ THẢO	20/06/1999	29005911	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.80

LÊ VĂN CHIẾN	01/01/1999	29022722	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.00 GD&CD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.60
VEN VĂN KHÚT	19/09/1999	29008307	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 2.75 GD&CD: 4.75 KHXH: 3.58 Tiếng Anh: 4.00
LANG THÙY LINH	18/04/1999	29013612	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 3.75 GD&CD: 7.25 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.60
HỒ ĐÌNH ĐỨC	14/12/1999	29012706	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.50 GD&CD: 8.75 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 4.60
LÊ THỊ KHÁNH HUYỀN	16/07/1999	29022304	Toán: 8.20 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 3.60
ĐÀO THỊ HOÀI PHƯƠNG	26/11/1998	29024839	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 1.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00
PHẠM THỊ THU	27/05/1999	29008962	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 8.25 GD&CD: 7.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN MINH ĐỨC	25/05/1996	29027656	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 7.00
NGUYỄN THỊ LÊ	01/05/1999	29016744	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN VĂN HÀO	11/05/1998	29024757	Toán: 8.20 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.00
LÂM THỊ OANH	08/10/1999	29020763	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.00 GD&CD: 5.50 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 3.00
HÀ VĂN THỊNH	21/01/1997	29019802	Toán: 8.40 Vật lí: 9.00 Hóa học: 8.25
HOÀNG THỊ LINH	13/09/1996	29017704	Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00
TRẦN THỊ THÙY LINH	04/04/1999	29021886	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.00 GD&CD: 8.25 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN VĂN CHUNG	16/07/1999	29002241	Toán: 5.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.00 GD&CD: 9.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ LÝ	17/08/1999	29030085	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 9.00 GD&CD: 9.25 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 6.40
VĂN ĐỨC CHÍNH	26/01/1998	29015918	Toán: 8.20 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.50
HÀN THỊ NGUYỆT	05/10/1999	29017414	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00 GD&CD: 6.00 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.80

TRẦN ĐÌNH CƯỜNG	19/08/1999	29019255	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.60
LƯƠNG THỊ HỒNG THƯƠNG	05/09/1999	29014173	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.00
ĐẶNG THÁI TUYNH	25/12/1999	29023405	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 2.80
LÔ THỊ NGUYỆT	29/05/1999	29013671	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ ĐỖ QUYÊN	09/04/1999	29023312	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 5.00
ĐẬU VĂN TUẤN	06/12/1999	29015310	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN NHƯ PHONG	24/10/1999	29024520	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 8.40
NGUYỄN THỊ TRANG	07/11/1999	29002649	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 9.00 GDCD: 9.25 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG THỊ LINH	25/02/1999	29024404	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.58 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 6.75 KHXH: 5 Tiếng Anh: 4.00
HỒ THỊ TRÌ	14/02/1998	29017784	Toán: 8.80 Hóa học: 8.75 Sinh học: 8.75
PHAN HỮU PHÙNG	27/08/1998	29001114	Toán: 3.80 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.00
VŨ TRƯỜNG SƠN	15/06/1999	29014748	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN ĐỨC LINH	17/03/1999	29012180	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.00
LÊ THỊ LAN	06/02/1999	29015751	Toán: 6.20 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 9.25 GDCD: 9.00 KHXH: 8.58 Tiếng Anh: 7.20
NGUYỄN ĐÌNH TRƯỜNG	03/02/1999	29022603	Toán: 7.40 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 5.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ TÂM	10/08/1999	29019995	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN MINH HƯNG	02/02/1999	29005683	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.60

LÊ THỊ NGỌC BÉ	31/03/1999	29011927	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ THANH THÚY	10/10/1999	29007420	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 5.75 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 2.40
LƯƠNG VĂN MỪNG	05/12/1999	29014055	Toán: 2.20 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN ĐÌNH QUÂN	07/11/1999	29012887	Toán: 3.60 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.40
ĐẬU THỊ NHẬT LINH	17/07/1999	29016750	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.75 Sinh học: 6.25 KHTN: 7.83 Tiếng Anh: 7.00
ĐÌNH VIỆT AN	10/04/1998	29000928	Toán: 6.40 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.25
NGUYỄN SỸ ANH QUỐC	20/09/1999	29008412	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ NHUNG	02/03/1999	29012289	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ THANH NGÀ	18/02/1999	29026358	Toán: 5.80 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.25 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 6.40
TRẦN THỊ TRANG	07/02/1999	29006209	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50
NGUYỄN HỒNG THẮNG	14/08/1998	29017765	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.25 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ THÊM	07/08/1999	29001642	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.80
HÀ THỊ LAN ANH	25/06/1999	29023550	Toán: 9.00 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 8.25 Sinh học: 9.25 KHTN: 8.17 Tiếng Anh: 7.00
PHẠM VĂN THÁI	08/12/1998	29019790	Toán: 2.80 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 5.75
HỒ THỊ HƯƠNG	30/10/1999	29025477	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 1.00 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.17 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ KHÁNH	28/10/1999	29030511	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.17 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN HỮU HIỆU	24/02/1999	29023188	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.25 Hóa học: 1.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.33 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.00 GDCD: 6.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ HƯƠNG	15/09/1999	29001038	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 2.00 KHTN: 2.67 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.25

NGÔ VĂN ĐỨC	21/09/1999	29012712	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.40
PHẠM VĂN CHIẾN	10/12/1999	29001245	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG XUÂN LỘC	14/11/1999	29013216	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 8.25 Hóa học: 9.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.5 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN NHƯ TRUYỀN	02/02/1999	29022598	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG VĂN LONG	15/02/1999	29027970	Toán: 5.40 Ngữ văn: 1.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ TÂM	23/02/1998	29006163	Toán: 7.60 Hóa học: 7.25 Sinh học: 6.00
NGUYỄN ĐÌNH TÙNG	16/10/1999	29007805	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.60
LÊ THỊ HẬU	08/04/1999	29001913	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 2.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 4.20
HỒ THỊ HẰNG	20/04/1998	29015580	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 2.75 GDCD: 6.50 KHXH: 3.92 Tiếng Anh: 2.20
PHAN THỊ DIỆP	01/08/1999	29005525	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.25 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.80
VŨ VĂN TUẤN	23/08/1999	29018260	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 9.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 3.20
THÁI BÁ HOÀN	22/07/1998	29005652	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 2.60
LÔ VĂN PHƯỚC	20/03/1999	29020770	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.25 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.60
PHAN THỊ YẾN	04/05/1999	29003031	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.17 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.20
TRẦN ĐỨC THẮNG	11/01/1999	29024057	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN PHƯƠNG NAM	05/03/1998	29004265	Toán: 9.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.00
TRẦN THỊ NGÀ	19/09/1999	29020384	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 3.60

NGUYỄN THỊ CHIẾN	11/11/1999	29018369	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.00 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 5.60
THÁI NGUYỄN HOÀNG ANH	31/05/1999	29023588	Toán: 8.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 9.50 Sinh học: 8.00 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 5.40
HOÀNG THỊ OANH	22/01/1999	29022395	Toán: 9.40 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 9.25 Hóa học: 9.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 8.08 Tiếng Anh: 5.00
TRẦN THỊ NAM	10/01/1998	29001518	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 3.75 GDCD: 8.50 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 2.40
HỨA THỊ BÌNH	07/04/1999	29004897	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM THỊ ĐĂNG	16/02/1999	29001276	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.50 KHXH: 8.42 Tiếng Anh: 2.80
LÊ THỊ TÂM	11/11/1999	29022967	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.80
GIÀ BÁ CHƠ	25/10/1999	29008185	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.25 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN HỮU ĐỨC MẠNH	24/06/1999	29023884	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 6.20
VI THỊ QUÝ	28/05/1999	29003260	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.40
ĐẶNG QUỐC TRUNG	20/11/1999	29012498	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.17 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN TIỀN TIẾN	30/09/1999	29013383	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 3.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN ĐĂNG TIẾN	14/02/1998	29001171	Toán: 8.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 4.75
LÔ TIẾN ĐẠT	06/08/1999	29024988	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ LAN	28/09/1999	29015754	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 5.40
ĐẶNG THỊ LINH	12/12/1999	29019533	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 5.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 1.60
TRẦN ANH QUÂN	26/10/1999	29008115	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 3.33 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 5.25

NGUYỄN THỊ TRANG	26/08/1998	29022569	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.75 KHXH: 8.58 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN TIẾN ĐẠT	17/03/1999	29027254	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.20
LÊ THỊ UYÊN	20/05/1999	29012532	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 2.92 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.60
NGÔ THỊ DUYÊN	10/02/1999	29018752	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 3.60
HỒ THỊ THÚY	20/01/1995	29016025	Toán: 6.40 Vật lí: 5.25 Tiếng Anh: 3.20
HỒ THỊ NHIỆU	15/04/1999	29016200	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 5.40
KA THỊ LỢI	28/10/1999	29014557	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 5.75 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ HUYỀN PHI	27/12/1999	29026429	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 9.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN SỸ TUYỀN	26/09/1999	29021414	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.5 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ TRIỀU	25/09/1999	29025763	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.17 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 5.50 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN HIẾU	23/03/1999	29000207	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ HIỀN LƯƠNG	01/12/1998	29001061	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.42 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.00
LÊ VĂN LỘC	02/04/1999	29000368	Toán: 7.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 4 Tiếng Anh: 2.80
ĐẶNG HOÀNG KHÁNH LINH	05/09/1999	29010473	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 7.75 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN THỊ NHẬT LỆ	17/01/1999	29003961	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 9.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG PHƯƠNG NAM	02/07/1999	29014059	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 8.00 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 5.20
PHẠM VĂN DŨNG	26/05/1999	29010315	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.40

CAO VĂN HƯỚNG	20/12/1999	29028478	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.60
THÁI KHẮC NGHĨA	16/02/1999	29000428	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.25 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 4.20
HOÀNG VĂN CƯỜNG	12/07/1999	29000075	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN PHẠM HỒNG CHUYỀN	04/08/1999	29003718	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.00
LÊ MẠC ĐĂNG THÀNH	02/09/1999	29023335	Toán: 7.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 9.00 Sinh học: 7.50 KHTN: 7 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN THỊ MÂY	21/08/1999	29000403	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ LINH	19/09/1999	29021876	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 1.20
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	18/06/1999	29016254	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.60
CHẾ THỊ THÙY LINH	29/05/1999	29010926	Toán: 8.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ THÙY	02/02/1999	29010685	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN THỊ THÚY NGÀ	13/03/1999	29006514	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 6.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 5.40
TRẦN XUÂN THỦY	17/03/1999	29013373	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.92 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ HẰNG	31/07/1999	29016615	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 7.80
VI QUANG LINH	02/10/1998	29025282	Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.75
PHAN TRỌNG CHÂU	07/03/1993	29000945	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.75 Tiếng Anh: 1.60
PHAN THỊ HOA	21/11/1998	29023462	Toán: 6.60 Hóa học: 7.50 Sinh học: 7.00
NGUYỄN THỊ LIÊN	24/03/1999	29019526	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 5.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN ĐÌNH HUY	04/12/1998	29010108	Toán: 9.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.50

NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG	12/04/1999	29007434	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 4.20
HOÀNG ĐỨC THẮNG	09/01/1999	29025662	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 8.00 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG	28/07/1997	29010607	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.40
PHAN VĂN THUẦN	10/08/1999	29001658	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ DUYÊN	10/01/1999	29021625	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 4.20
HỒ THỊ NGỌC NHƯ	27/03/1998	29017729	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.25 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC	29/11/1999	29024492	Toán: 8.60 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 9.20
NGUYỄN THỊ TUYẾT	25/11/1999	29002154	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.80
PHẠM QUANG HUY	06/12/1999	29003150	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 9.50 Địa lí: 9.25 GDCD: 7.50 KHXH: 8.75 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN CÔNG HÙNG	15/06/1999	29019449	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 1.40
NGUYỄN DƯƠNG QUỲNH	26/02/1999	29026927	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 6.00 KHTN: 4.83 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 8.60
NGUYỄN THỊ THẢO	25/05/1999	29029257	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 9.50 GDCD: 8.75 KHXH: 8.58 Tiếng Anh: 3.80
CAO XUÂN ANH	10/04/1999	29019847	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 4 Tiếng Anh: 3.60
PHAN TUẤN ANH	13/01/1999	29013862	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 2.50 GDCD: 2.50 KHXH: 2.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ THU HOÀI	02/11/1998	29008729	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 5.25 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ THƯƠNG	02/06/1999	29020485	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 3.20
QUÁN THỊ TRINH	13/12/1999	29015274	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.40

BÙI THỊ HOÀI	08/07/1999	29022281	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.75 Sinh học: 6.00 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN THỊ AN	12/05/1999	29029417	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.92 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN TIẾN	15/02/1999	29020488	Toán: 7.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ LONG	03/01/1999	29030061	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN THỊ NHUNG	16/10/1999	29017435	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.00 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN CÔNG ĐẠI	10/02/1999	29028334	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 6.00 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN ANH QUÂN	11/03/1999	29023988	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 8.50 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ LÂM	07/07/1999	29016742	Toán: 6.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN VĂN QUÝ	04/01/1999	29015071	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 4.60
LÀU BÁ THÀNH	26/09/1998	29008442	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 5.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VIỆT AN	16/04/1999	29009413	Toán: 6.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 8.25 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 4.40
HỒ QUANG TRUNG	18/03/1999	29011820	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.00 Sinh học: 8.00 KHTN: 8.5 Tiếng Anh: 4.60
VỪ THỊ HÀ	28/11/1999	29008263	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 4.50 KHXH: 3.75 Tiếng Anh: 3.80
CHU MINH DŨNG	02/10/1999	29004363	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN BÁ QUÂN	27/08/1999	29030613	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỦ ĐẠT	15/07/1999	29022234	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.42 Tiếng Anh: 3.40
THÒ CHÁ LỠ	21/04/1999	29025129	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 3.00

NGUYỄN THỊ HUYỀN	01/03/1999	29009654	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 6.50 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 4.20
HOÀNG THỊ NGỌC DIỄM	10/01/1999	29003731	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.80
PHAN TRỌNG TÂM	05/09/1998	29004280	Toán: 6.80 Vật lí: 3.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 7.00 KHTN: 6.17
NGUYỄN THỊ MỸ LINH	12/05/1998	29010934	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 4 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ LINH	24/09/1999	29022344	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.00
NGÔ THỊ HÀ TRANG	08/03/1999	29027039	Toán: 4.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 4.40
VI THỊ TRANG	23/05/1999	29014189	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.80
LÊ VĂN HỒNG	08/10/1998	29023464	Toán: 7.60 Vật lí: 8.00 Hóa học: 9.25
HOÀNG THỊ NHUNG	09/01/1999	29011741	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN VĂN HÀO	27/02/1999	29028380	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ THU UYÊN	01/06/1999	29025807	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 2.25 KHTN: 4.58 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 7.80
PHẠM THỊ THU HOÀI	08/08/1999	29021778	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN THỊ DIỆU HUYỀN	11/05/1999	29000288	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ MINH ÁNH	04/04/1999	29007826	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 2.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 2.92 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG THỊ HẬU	20/03/1999	29007859	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN ĐÌNH THẾ	19/04/1999	29007139	Toán: 5.20 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 6.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.40
LƯU ĐỨC ĐẠT	01/10/1999	29007571	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.40
NGŨ TIẾN MẠNH	27/01/1998	29004261	Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 9.25

BÙI XUÂN HUY	11/11/1999	29026153	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 8.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ KIM CHI	27/07/1998	29002231	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.25 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ THU HÀ	13/06/1998	29019128	Toán: 5.60 Ngữ văn: 8.75 Tiếng Anh: 4.00
ĐOÀN THỊ THU HƯỜNG	24/10/1999	29025083	Toán: 5.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.08 Tiếng Anh: 3.40
LÊ VĂN TUYÊN	17/05/1999	29009369	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.92 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.60
HÀ THỊ THÙY LINH	02/09/1997	29024794	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.00 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ THU THỦY	20/06/1999	29010687	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.20
LƯƠNG VĂN MẠO	04/07/1999	29013644	Toán: 1.60 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN SỸ DŨNG	06/01/1999	29020981	Toán: 8.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 9.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 7 Tiếng Anh: 6.20
NGUYỄN KHẮC QUANG	09/01/1999	29029197	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG NHẬT MINH	26/03/1999	29023892	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	07/09/1999	29019477	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 9.00 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 5.00
TRẦN ĐÌNH HẢI	15/12/1998	29023455	Toán: 6.40 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.50
NGUYỄN LONG NHẬT	28/07/1999	29011740	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.75 Sinh học: 8.75 KHTN: 8.17 Tiếng Anh: 6.00
TRẦN THỊ NA	22/10/1999	29017389	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.00
GIÀ BÁ SÚA	20/12/1999	29020804	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.60
CAO THỊ MINH THU'	15/10/1999	29006635	Toán: 7.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 4.00
CAO THỊ NGÂN	15/07/1999	29030574	Toán: 8.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 3.60

NGUYỄN THỊ TRANG	17/09/1999	29011113	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 5.40
PHẠM TRẦN LỰC	28/04/1997	29007182	Toán: 5.60 Vật lí: 6.50 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ HÀ TRANG	16/08/1999	29019015	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 5.50 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN VĂN VỸ	08/03/1998	29001206	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 2.50 Hóa học: 1.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.5 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75
NGUYỄN VĂN THUẬT	20/05/1998	29020060	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 5.00 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 2.80
TRƯƠNG VĂN HÙNG	26/09/1999	29013171	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ BÌNH	23/10/1999	29004335	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 6 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ HÀ	08/03/1999	29000144	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 4.60
LÊ VĂN NHƯ	06/04/1999	29002867	Toán: 9.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.75 Tiếng Anh: 5.60
ĐẶNG VĂN TUẤN	08/09/1999	29006759	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.60
ĐINH THỊ HIỀN	15/10/1999	29021729	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.40
LÔ VĂN DIỆU	29/09/1999	29008222	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.00 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN DUY THUẬN	06/05/1998	29022489	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM THỊ HỒNG	10/02/1999	29018492	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.60
HỒ THỊ TÚ TRINH	10/06/1998	29003671	Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 9.25
HOÀNG TRỌNG HẬU	24/06/1999	29014409	Toán: 3.40 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.00
VI ĐỨC THẮNG	11/09/1999	29003507	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 3.42 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN TIẾN ĐẠT	30/10/1999	29026020	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.75 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.20

ĐOÀN THỊ THU HẰNG	08/11/1999	29012028	Toán: 3.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN ĐÌNH HIẾU	01/01/1999	29010887	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.67 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ HUYỀN	01/12/1999	29002414	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.80
PHAN THỊ THU DUNG	06/11/1999	29007558	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 2.80
ĐẬU NGỌC TUẤN	16/06/1996	29019825	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.50
NGUYỄN THỊ THẢO	06/06/1999	29020458	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.80
NGÔ VĂN HOÀN	11/06/1998	29026637	Toán: 7.20 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.00
NGUYỄN THỊ QUỲNH	24/01/1999	29007734	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.80
LƯU THỊ BÉ	24/04/1999	29020563	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 9.00 KHXH: 7 Tiếng Anh: 4.20
PHẠM TRỌNG ANH	24/02/1997	29002692	Toán: 8.20 Vật lí: 9.00 Hóa học: 8.25
NGUYỄN THỊ ÁNH	19/03/1999	29013874	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN ĐỨC	27/08/1999	29002299	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.20
ĐẶNG THỊ HUYỀN TRANG	23/01/1999	29020118	Toán: 2.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN ĐỨC THẮNG	18/02/1999	29011068	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 4.00
LƯƠNG THỊ THƠ	02/01/1999	29020044	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.80
PHAN THỊ NHUNG	12/02/1999	29028015	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN TIẾN ĐẠT	09/04/1999	29012695	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 8.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 6 Tiếng Anh: 3.00
ĐẶNG THỊ DUNG	24/01/1999	29000084	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 8.25 Sinh học: 8.25 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 5.60

NGUYỄN THỊ TRÂM	03/09/1999	29011124	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.58 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GD&CD: 7.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.00
TRƯƠNG THỊ THÚY SEN	01/01/1999	29004131	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75 GD&CD: 8.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 6.80
BÙI GIA THẮNG	27/03/1998	29020026	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GD&CD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.60
VŨ THỊ THẢO	04/03/1998	29030348	Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 9.50 Địa lí: 9.50
LÊ THỊ PHÚC	03/01/1999	29000748	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 2.20
PHẠM THỊ LỰA	20/04/1999	29027439	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.75 GD&CD: 8.00 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN HUY HOÀNG	08/09/1999	29003405	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 1.50 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN HIẾU	01/05/1999	29014955	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN NHẬT LINH	13/09/1999	29023862	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 8.00
NGUYỄN XUÂN LINH	06/11/1999	29014544	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GD&CD: 8.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.80
BIỆN VĂN HÂN	06/06/1999	29001912	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 3.40
NGÔ THỊ LONG	26/10/1999	29011396	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.25 GD&CD: 8.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN LỘC ANH QUÂN	29/09/1999	29020782	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.83 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 8.25 GD&CD: 7.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.60
MAI THÚY NGỌC	23/03/1999	29028002	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 4.00
LÊ THỊ LAN ANH	06/02/1999	29011238	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GD&CD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ THƠ	18/02/1999	29020048	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00 GD&CD: 8.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ AN DUYÊN	01/01/1999	29025378	Toán: 5.20 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 9.25 GD&CD: 9.00 KHXH: 9 Tiếng Anh: 5.80

HỒ SỸ TUẤN ANH	07/06/1999	29011887	Toán: 7.20 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 6.00 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 4.80
TRẦN THỊ HUYỀN TRANG	11/10/1999	29009323	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.60
THÁI ĐÌNH TUẤN	29/06/1999	29001723	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00 GDCD: 9.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.20
VI VĂN MỪNG	08/07/1999	29014056	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.50 KHXH: 8.33 Tiếng Anh: 2.80
LÊ THỊ PHƯƠNG THẢO	05/03/1999	29005913	Toán: 5.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 4.60
MAI THỊ HOAN	09/07/1999	29003884	Toán: 4.80 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.80
LÊ TRẦN DUY MẠNH	03/07/1999	29026310	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 6 Tiếng Anh: 3.80
VI THÀNH CÔNG	26/10/1998	29003058	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 3.75 GDCD: 5.75 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.40
PHAN THỊ HỒNG VƯƠNG	04/01/1999	29030941	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 9.00 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.80
TRƯƠNG THỊ NGỌC	09/05/1999	29007946	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 8.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN VĂN HIẾU	01/11/1999	29030465	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ MINH HUYỀN	03/03/1999	29023809	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 9.20
NGUYỄN VĂN TUẤN	01/08/1999	29020190	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.60
PHAN VĂN VINH	04/11/1998	29005424	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ VÂN	14/04/1999	29007816	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.50 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.00
HOÀNG VĂN NHẬT	15/02/1999	29006112	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75
TRẦN QUỲNH ANH	26/09/1999	29017826	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 2.40

NGUYỄN THỊ LOAN	24/04/1999	29021889	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00 GD&CD: 7.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.40
TRƯƠNG XUÂN CHIỂU	10/02/1999	29027842	Toán: 8.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 3.80
PHẠM NGỌC LAN	04/05/1999	29028496	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GD&CD: 8.75 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN KHẮC BẢO	19/09/1999	29024715	Toán: 2.40 Ngữ văn: 2.00 Vật lí: 1.00 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.17 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25
CHÍCH VĂN MẠNH	16/05/1999	29008348	Toán: 2.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 2.75 GD&CD: 5.25 KHXH: 3.75 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN ĐÌNH HOÀNG	22/04/1999	29016666	Toán: 9.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 8.75 Hóa học: 9.00 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 2.80
LƯƠNG THỊ CÚC	12/11/1998	29013825	Toán: 2.40 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.00 GD&CD: 7.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN NGỌC TRUNG	20/09/1999	29023388	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.25 KHTN: 2.83 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.50 GD&CD: 6.00 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.80
VŨ THỊ HẰNG	01/10/1999	29005000	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 5.60
NGÔ MẠNH HÙNG	09/05/1999	29004461	Toán: 5.20 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.17 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN TÚ ANH	11/03/1998	29012558	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.25
NGUYỄN THỊ TRANG	27/04/1999	29011114	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.00 GD&CD: 7.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.40
DƯƠNG VĂN THÁI	22/04/1999	29007119	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00 GD&CD: 8.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ THẢO	25/04/1999	29007752	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GD&CD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.60
LƯƠNG THỊ BÌNH	26/03/1999	29017835	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 2.80
TRƯƠNG NGỌC ÁNH	10/10/1999	29006852	Toán: 6.00 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.00 GD&CD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.20
BÙI PHƯƠNG NAM	03/11/1999	29012235	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25 GD&CD: 7.50 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.00

NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	26/09/1999	29001035	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.08 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25
NGUYỄN HỒNG ÂN	26/12/1999	29030381	Toán: 9.60 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.25 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 3.80
TRẦN VĂN THẮNG	23/04/1987	29001156	Toán: 3.20 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.00
NGUYỄN VĂN ĐỨC	14/10/1999	29011291	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.25 GD&ĐT: 8.25 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 3.00
TRỊNH XUÂN VINH	22/09/1998	29023417	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 3.60
NGÂN THỊ THẢO	21/05/1999	29014149	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 7.00 GD&ĐT: 7.75 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN KHẮC DŨNG	20/04/1991	29021456	Toán: 5.20 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.00
ĐẬU ĐỨC THIẾU	29/03/1998	29016018	Toán: 8.80 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.50
NGUYỄN TIẾN TRUNG	11/06/1999	29020161	Toán: 1.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GD&ĐT: 7.25 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.00
TRẦN LĨNH TOÀN	01/01/1999	29021370	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.25 GD&ĐT: 8.25 KHXH: 7.58 Tiếng Anh: 2.00
HOÀNG THỊ QUỲNH	19/06/1999	29016281	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.00 GD&ĐT: 7.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ KHÁNH LY	08/02/1999	29018591	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.00 GD&ĐT: 6.75 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.40
THÁI BÁ SƠN	10/02/1999	29005886	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.75 GD&ĐT: 8.75 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 3.20
VI VĂN PHÚC	04/05/1999	29025200	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 3.00
PHAN THỊ HUYỀN VI	17/08/1999	29029677	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ SEN	27/06/1999	29021269	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GD&ĐT: 7.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 4.40
LÊ SỸ VIỆT	21/09/1999	29017061	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 2.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.33 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.75 GD&ĐT: 7.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ THU HẰNG	17/06/1999	29023458	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.25

VƯƠNG VĂN SÁNG	27/01/1999	29011768	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ LINH	13/06/1999	29016759	Toán: 7.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.20
ĐÀM HOÀNG PHƯƠNG ANH	14/10/1999	29007515	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 7.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 9.40
TRẦN THỊ XUYỀN	25/10/1998	29021535	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG VIỆT TUẤN	02/12/1999	29022620	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN HỮU TOÀN	30/10/1999	29000852	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 3 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.00 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.00
THÁI DOÃN VI	18/02/1999	29011200	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.00
TRẦN TIẾN LINH	15/08/1999	29024800	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 3.75
PHẠM KIM TUYẾN	29/06/1999	29027109	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 1.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN VĂN HÀO	05/01/1999	29007851	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 3.60
ĐẶNG ĐỨC ANH	08/11/1999	29008590	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.25 GDCD: 5.25 KHXH: 4.42 Tiếng Anh: 2.60
CAO THỊ THỦY	04/01/1999	29005943	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.80
PHAN THỊ LIÊN	01/04/1999	29021137	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.20
LÊ THỊ OANH	24/01/1999	29027522	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 5.00
HOÀNG ANH TUẤN	07/04/1999	29019057	Toán: 6.60 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.75 KHXH: 7.25 Tiếng Pháp: 3.00
TRẦN MẠNH HÙNG	14/05/1999	29009150	Toán: 8.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 4.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.5 Tiếng Anh: 6.60
NGUYỄN THỊ BÍCH	10/01/1999	29016089	Toán: 7.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 7.60

PHẠM TRUNG KIẾN	01/08/1999	29026218	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 2.25 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 5.40
PHẠM VIỆT HẠNH	03/03/1999	29022258	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 2.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 3.20
ĐINH VĂN TOÀN	15/02/1999	29006202	Toán: 2.80 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25
ĐẬU HỒNG QUÂN	15/07/1998	29006134	Toán: 8.60 Vật lí: 8.25 Hóa học: 9.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 7.58
LƯƠNG HOÀNG LÂM	10/07/1999	29013197	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.25 Hóa học: 4.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 3 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN QUANG ĐỨC	12/09/1999	29008670	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 5.75 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ OANH	10/08/1999	29021220	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM THỊ KHÁNH LINH	24/09/1999	29004505	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 5 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN NGỌC THẮNG	18/06/1997	29030349	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 5.50 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ QUYÊN	06/01/1999	29015072	Toán: 5.00 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 2.50 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ THỦY	20/04/1999	29029293	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.00
CAO TRỌNG ANH	08/08/1998	29004316	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.20
HOÀNG ĐÌNH QUÂN	27/08/1998	29001793	Toán: 7.60 Vật lí: 7.25 Hóa học: 8.25
NGUYỄN MINH HIẾU	26/07/1997	29026632	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.50
NGUYỄN THỊ HẢI QUYÊN	04/04/1999	29027557	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.25 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.80
LÊ THỊ QUỲNH	28/05/1999	29016918	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.75 Vật lí: 8.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 8.40
NGUYỄN VĂN KHÁNH	16/05/1998	29008080	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 1.75 Sinh học: 2.25 KHTN: 2.5 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.25
PHAN THỊ THẢO NHI	02/09/1999	29020396	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 4.20

QUANG KIM VÂN	24/05/1999	29003589	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.33 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	02/02/1999	29029192	Toán: 5.80 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 9.50 GDCD: 8.75 KHXH: 8.75 Tiếng Anh: 4.20
ĐẶNG ĐÌNH SƠN	06/04/1998	29002756	Toán: 3.00 Vật lí: 2.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 3
LÊ VĂN HƯNG	11/06/1998	29015952	Toán: 5.80 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.50
NGUYỄN THIÊN HƯƠNG	13/07/1999	29029043	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.20
PHẠM THỊ HÀ GIANG	09/08/1999	29027273	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.20
PHẠM NGUYỄN KHÔI	27/11/1999	29023825	Toán: 6.40 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 5.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN THỊ LINH	22/05/1999	29018562	Toán: 4.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 5.00
LÊ THỊ THÙY VÂN	17/09/1999	29010019	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.25 GDCD: 8.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ TUYẾT	03/01/1997	29001822	Toán: 5.60 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.75
MAI HOÀNG CHƯƠNG	23/05/1999	29023632	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 7 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN VĂN QUANG	06/10/1999	29023304	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.92 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.80
VÕ DUY ĐẠT	23/05/1999	29029454	Toán: 7.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 3.60
TRƯƠNG ĐỨC TÀI	19/02/1999	29015089	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN THỊ GIANG	05/03/1999	29022248	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.25 Tiếng Anh: 3.40
TRƯƠNG MINH QUANG	29/01/1999	29013305	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.33 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.00
BÙI NGUYỄN ANH DUY	19/06/1999	29010840	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN VĂN HÙNG	26/01/1999	29029969	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.40

HOÀNG DUY CHƯƠng	19/07/1995	29027635	Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 9.25
HOÀNG THỊ HƯỜNG	26/06/1999	29005692	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN CÔNG LƯƠNG	27/04/1998	29001058	Toán: 7.60 Vật lí: 7.75 Sinh học: 2.75 Tiếng Anh: 5.80
HỒ THỊ LINH	03/10/1999	29018014	Toán: 9.00 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 8.00 KHTN: 7 Tiếng Anh: 5.00
BÙI VIỆT TRINH	06/07/1999	29017601	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 3.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5 Tiếng Anh: 2.80
ĐINH VĂN LỢI	28/09/1999	29006076	Toán: 4.20 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50
LÔ VĂN SƠN	01/09/1999	29014742	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 2.50 GDCD: 4.50 KHXH: 3.08 Tiếng Anh: 1.80
LÊ VĂN ĐỨC	02/09/1999	29010338	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 9.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ NGÂN	25/04/1999	29001523	Toán: 5.40 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.00
ĐẶNG THỊ HẢI	24/08/1999	29002318	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.75 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 4.40
PHAN TUẤN BẮC	06/09/1999	29006268	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.5 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 6.40
VI VĂN QUYẾT	11/04/1999	29015073	Toán: 5.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 5.08 Tiếng Anh: 3.00
ĐẶNG THANH TÙNG	22/06/1999	29024126	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 5.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.67 Tiếng Anh: 5.60
LÊ THÀNH VINH	18/01/1999	29015355	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.42 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.40
PHÙNG BÁ TÀI	22/05/1999	29028053	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN VĂN LƯƠNG	29/01/1999	29010948	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.25 Hóa học: 9.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 4.00
LƯU THỊ MẾN	01/02/1999	29008826	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.60

BÙI THỊ LỘC	06/07/1999	29005738	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 4.20
PHẠM THỊ THÀNH	05/02/1999	29009902	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 6.20
ĐẶNG QUANG SANG	04/09/1999	29015078	Toán: 6.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.75 KHTN: 4.58 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.60
HỒ THỊ LAN	05/03/1999	29018002	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 7.25 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN THỊ NGỌC CHI	26/03/1999	29022721	Toán: 5.00 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 6.50 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 5.20
HOÀNG THỊ DUNG	10/10/1999	29001262	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 4.20
LƯƠNG THỊ HẢO	26/10/1999	29013938	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN VĂN SÁNG	23/12/1998	29010786	Toán: 8.40 Vật lí: 7.25 Hóa học: 8.75
LÊ THỊ HUYỀN	26/05/1999	29001424	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 2.60
PHẠM VĂN HÒA	05/11/1998	29000219	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN THỊ THU HUYỀN	02/11/1999	29021109	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.00 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 1.80
ĐÀO THỊ NHUNG	25/07/1999	29018639	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.20
HÀ THỊ HỒNG NHUNG	25/07/1999	29014671	Toán: 2.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 1.80
NGUYỄN TRỌNG BÁCH	31/08/1999	29023111	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.25 Hóa học: 9.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 5.60
NGUYỄN LÂM OANH	20/09/1999	29026426	Toán: 7.40 Ngữ văn: 9.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.00 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 9.40
BÙI VĂN KỲ	10/08/1999	29019510	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.50 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN TIẾN ANH	04/03/1999	29023428	Toán: 1.80 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 7.00

NGUYỄN THỊ HÀ	28/07/1999	29029852	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 4.60
LÊ ĐÔN THAO	26/10/1999	29016947	Toán: 9.40 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.75 Sinh học: 3.00 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 1.80
LƯƠNG THỊ HỢP	27/10/1999	29013982	Toán: 4.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 5.60
HOÀNG THỊ TRÀ GIANG	17/08/1999	29002303	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN THỊ HUYỀN	12/11/1999	29018514	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 6.20
LANG THỊ ÁI NỮ	29/08/1999	29003244	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.60
ĐẶNG VĂN MẬU	06/08/1998	29001506	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.75 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 1.20
NGUYỄN THANH TIẾP	23/11/1999	29025730	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN XUÂN HÀO	15/09/1999	29007611	Toán: 4.60 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.50 GDCD: 7.75 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.20
ĐẬU THỊ HOÀNG NHI	05/09/1999	29016198	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.25 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.80
LÊ THỊ THU TRANG	14/10/1999	29009311	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.75 Hóa học: 7.75 Sinh học: 7.50 KHTN: 7 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ SƯƠNG	16/05/1999	29028639	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.00
BÙI THỊ MỸ DUYÊN	27/01/1999	29008654	Toán: 4.00 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 9.50 GDCD: 9.25 KHXH: 9.25 Tiếng Anh: 2.80
TRẦN VĂN TUYÊN	04/03/1998	29010806	Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 10.00
TRẦN VĂN KHẢI	08/08/1999	29009171	Toán: 7.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.17 Tiếng Anh: 1.60
NGUYỄN THỊ MAI	13/01/1999	29019593	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 4.20
TRỊNH VĂN CƯỜNG	04/03/1999	29030401	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 8.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 2.60

LÊ THỊ HUYỀN	05/07/1999	29011668	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ TÀI	27/03/1999	29000784	Toán: 8.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 7 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN QUANG HUY	20/10/1996	29027680	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 6.25
HỒ THỊ HÀ	14/08/1999	29016160	Toán: 7.60 Ngữ văn: 8.75 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 6.00 KHTN: 5 Tiếng Anh: 8.40
NGUYỄN VĂN HIỆP	16/07/1995	29027666	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.75
TRẦN THỊ DUYÊN	15/08/1999	29021629	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 8.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.80
BÙI VĂN HUY	22/11/1998	29021813	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 5.75 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ LINH	21/05/1998	29021482	Toán: 5.40 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 9.75 Địa lí: 9.50
PHAN VĂN LỰ	11/06/1999	29028526	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	28/10/1999	29030210	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG THỊ KHÁNH HUYỀN	30/03/1999	29012105	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN THỊ VÂN ANH	24/09/1999	29023575	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 1.20
LƯƠNG THỊ PHƯƠNG HÀ	18/04/1999	29012006	Toán: 4.60 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 5.00
HỒ THỊ TRANG	05/06/1999	29019011	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.75 KHXH: 6.42 Tiếng Anh: 3.80
LÊ QUỐC TUẤN	23/05/1999	29025785	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 7.00 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 8.40
VI THỊ VINH	04/04/1999	29003591	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.80
BÙI VĂN KHÁNH	08/09/1999	29016719	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 5.33 Tiếng Anh: 5.00

LÔ ĐỨC ANH	18/03/1999	29014278	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75 GD&CD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ NHÌ	09/04/1999	29003231	Toán: 9.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GD&CD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 9.40
NGUYỄN THỊ GIANG	25/07/1999	29012722	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.25 GD&CD: 9.00 KHXH: 7.5 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN QUỲNH LÊ	04/01/1999	29023837	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 6.25 Tiếng Anh: 3.00
HỒ ĐỨC THUẦN	25/12/1998	29016022	Toán: 7.60 Vật lí: 9.25 Hóa học: 9.00
BÙI QUANG ĐẠT	12/11/1998	29009512	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.17 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN ĐỨC THÂM	13/03/1994	29016017	Toán: 5.60 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.75
TRẦN THỊ CẨM LY	27/10/1999	29015028	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 2.92 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THU HIỀN	02/03/1999	29011319	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75 GD&CD: 8.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN TRUNG BÌNH	20/01/1999	29005963	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.50
PHẠM TRUNG KIẾN	20/07/1999	29025491	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75 GD&CD: 7.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.00
PHẠM THỊ DUYÊN	06/01/1999	29021627	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GD&CD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.80
LƯU ĐỨC MINH	11/02/1999	29015036	Toán: 9.40 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 4.00
LÊ THỊ PHƯƠNG	04/09/1999	29028603	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 4.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 9.00 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 4.40
PHẠM THỊ THU SƯƠNG	21/04/1999	29027586	Toán: 1.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75 GD&CD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ MƠ	25/07/1999	29017381	Toán: 5.40 Ngữ văn: 7.92 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.50 GD&CD: 7.50 KHXH: 7 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN QUỐC ĐẠT	29/11/1999	29015505	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25 GD&CD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.40

HỒ VIỆT HOÀNG	08/06/1999	29024319	Toán: 2.40 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 4.75 KHXH: 3.67 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ HỒNG THƯƠNG	15/01/1997	29019810	Toán: 2.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 8.50
NGUYỄN VĂN TRÀ	20/10/1999	29001688	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 3.40
BÙI DANH ĐỨC	11/05/1998	29010079	Toán: 2.20 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00
LÊ THỊ KIM DUNG	22/05/1999	29003740	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỊ HÀ	06/10/1999	29006000	Toán: 4.20 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.50
VƯƠNG ĐÌNH TRUNG	02/09/1996	29019818	Toán: 8.40 Vật lí: 7.75 Hóa học: 6.50
ĐẬU THỊ NGÂN	23/02/1999	29016826	Toán: 7.60 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 8.25 Sinh học: 6.75 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 3.80
TRƯƠNG VIỆT HOÀNG	25/10/1999	29010896	Toán: 4.60 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 4.42 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN VĂN TIẾP	08/07/1999	29010701	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.00 GDCD: 3.75 KHXH: 3.08 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ HẰNG	20/05/1999	29030445	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.75 Hóa học: 5.50 Sinh học: 5.50 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG THỊ LINH	17/10/1999	29014532	Toán: 1.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.75 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ HOA	02/01/1999	29014440	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ ĐẰM	22/02/1999	29008663	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 6.75 KHXH: 5.33 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN HUY HÙNG	07/05/1998	29003629	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.75 GDCD: 7.00 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN TUẤN	25/01/1999	29021410	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ VÂN	27/02/1998	29020211	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HOÀI	05/09/1999	29019412	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.80

TRẦN THỊ CHÂU	22/10/1999	29017844	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 6 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN TÙNG DƯƠNG	12/11/1999	29013109	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.33 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN QUỲNH ANH	26/08/1999	29009428	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.40
CHU THÚY QUỲNH	17/05/1999	29004590	Toán: 9.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.75 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 8.20
HOÀNG BÁ NAM	16/11/1999	29001081	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 2.50 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 2.83 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50
HÀ VĂN DŨNG	28/09/1999	29010312	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 2.20
NGUYỄN KHẮC NHẬT HƯNG	29/12/1999	29026830	Toán: 9.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.25 Sinh học: 3.00 KHTN: 6.92 Tiếng Pháp: 5.20
LÊ THỊ HIỀN	23/10/1999	29015598	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.00
LÔ THỊ KIỀU	29/07/1999	29020680	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.00 KHXH: 4.17 Tiếng Anh: 2.20
NGÔ PHI LƯƠNG	10/07/1999	29006079	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75
HỒ THỊ HÒA	25/01/1999	29029916	Toán: 3.20 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN TRỌNG LÂM	04/11/1998	29009179	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.00 Sinh học: 3.25 KHTN: 2.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 5.75 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 3.20
VÕ THỊ MINH LÝ	07/10/1999	29010953	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 5.50 Sinh học: 3.00 KHTN: 4 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.50 GDCD: 6.50 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ THU HOÀI	15/09/1999	29003880	Toán: 6.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 9.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.80
VŨ THỊ THU THẢO	13/07/1999	29006613	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.58 Tiếng Anh: 5.00
PHẠM TRẦN PHÁT	11/05/1999	29025195	Toán: 8.60 Ngữ văn: 3.25 Vật lí: 9.00 Hóa học: 8.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 7 Tiếng Anh: 3.60
MAI THỊ HOÀ	06/06/1999	29020291	Toán: 8.60 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 8.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 4.40

VI VĂN ĐẠO	15/10/1999	29003087	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.00 KHXH: 4.75 Tiếng Anh: 2.60
ĐẶNG KỶ CAO	02/05/1999	29008625	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75 GDCD: 5.75 KHXH: 4.83 Tiếng Anh: 3.40
LÊ VĂN LINH	08/10/1996	29014805	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Tiếng Anh: 4.00
HOÀNG THỊ MƠ	19/06/1999	29022894	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VĂN HỮU	02/04/1999	29002827	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.17 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.40
VI ĐỨC HUỖNH	21/12/1999	29003423	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 3.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.67 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.75 KHXH: 7.17 Tiếng Anh: 2.60
TRẦN KHÁNH LINH	04/03/1999	29027962	Toán: 6.40 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.25 KHXH: 5.75 Tiếng Nhật: 3.20
NGUYỄN ĐÌNH HIẾU	29/10/1997	29014785	Toán: 3.40 Ngữ văn: 2.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 1.50 KHTN: 2.42 Tiếng Anh: 3.60
LÊ THỊ PHƯỢNG	24/02/1998	29017457	Toán: 3.40 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 3.75 GDCD: 4.25 KHXH: 4.33 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN THỊ QUỲNH	26/03/1999	29000501	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 4.75 KHXH: 4 Tiếng Anh: 2.80
MAI SỸ HOÀNG	01/01/1999	29025445	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.00 GDCD: 5.50 KHXH: 4 Tiếng Anh: 3.40
HOÀNG THỊ LY	13/08/1999	29003193	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN VĂN THẮNG	03/10/1999	29017535	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ HẰNG	17/02/1999	29005616	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.75 Tiếng Anh: 4.00
LÃNG THỊ VÂN	30/11/1998	29030923	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 6.25 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĂN TÚ	12/02/1998	29023060	Toán: 4.80 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 1.60
NGUYỄN THỊ HOÀI THƯ	13/10/1999	29024080	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 2.50 Sinh học: 2.00 KHTN: 2.75 Tiếng Anh: 7.00

TRẦN VĂN PHÚC	14/12/1999	29011457	Toán: 4.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.50 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VIỆT LÂM	02/12/1999	29026845	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 4.25 Hóa học: 2.25 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.33 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.00
HỒ THỊ THỦY	31/08/1999	29004654	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 9.50 Hóa học: 10.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 8.33 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN CẢNH CHIẾN	19/01/1999	29019232	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.50 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN THỊ NGUYỆT	05/05/1998	29004056	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.75 GDCD: 6.75 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 2.00
VÕ VĂN QUANG	24/10/1999	29012885	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.25 KHXH: 5 Tiếng Anh: 3.40
CAO THỊ THỦY	19/09/1999	29005944	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.40
NGÔ THỊ THÚY NGÀ	14/04/1999	29012848	Toán: 4.60 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.75 GDCD: 9.25 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 4.80
HOÀNG THỊ DẦN	20/12/1999	29005519	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 3.50 GDCD: 6.25 KHXH: 4 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN VĂN TIẾN	14/12/1999	29020487	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.42 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.25 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ TÀI	01/04/1999	29022053	Toán: 5.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ VÂN	09/03/1999	29023408	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 7 Tiếng Anh: 5.40
TRẦN QUỐC QUANG	19/06/1999	29007966	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN DUY HUẤN	06/06/1999	29029496	Toán: 8.20 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.25 Sinh học: 7.50 KHTN: 7.58 Tiếng Anh: 6.60
LÊ VĂN ĐỨC	03/01/1999	29014925	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.83 Tiếng Anh: 2.40
LÊ THỊ LUYẾN	20/03/1997	29004514	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 4.40
TRẦN THỊ LOAN	25/06/1999	29018027	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.40

HOÀNG THỊ BÌNH	27/10/1999	29000640	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.50 Hóa học: 5.25 Sinh học: 5.50 KHTN: 4.42 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.50 GDCD: 7.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.60
THÂN MINH HOÀNG	20/03/1999	29029941	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.08 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ HOÀI THƯƠNG	01/03/1999	29000556	Toán: 6.40 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.25 KHXH: 8.08 Tiếng Anh: 5.60
TRẦN QUANG TRƯỜNG	11/08/1999	29011544	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 3.80
LÊ ANH ĐỨC	30/01/1999	29024995	Toán: 7.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.25 Sinh học: 4.25 KHTN: 5.67 Tiếng Anh: 3.20
LÊ ĐĂNG HUY	17/10/1999	29024339	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 5.60
HỒ VĂN CẢNH	24/02/1999	29006862	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25 GDCD: 6.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.60
NGÂN VĂN THÔNG	22/03/1999	29003513	Toán: 1.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 1.50 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.33 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 4.40
KHA THỊ TẨM	16/03/1999	29008433	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THÁI HUYỀN TRANG	31/12/1999	29002130	Toán: 4.80 Ngữ văn: 8.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.50 Sinh học: 4.50 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 5.80
NGUYỄN THỊ LAN	02/04/1999	29027392	Toán: 2.40 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN MẠNH HIẾU	25/11/1999	29027904	Toán: 6.80 Ngữ văn: 2.25 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.5 Tiếng Anh: 3.60
LẠI THỊ LAN	07/04/1999	29014015	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN VĂN MẠO	05/01/1999	29020374	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 7.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 3.80
VĂN ĐÌNH ĐỨC	30/04/1999	29021677	Toán: 4.40 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 3.00 GDCD: 7.00 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 2.20
PHAN XUÂN LÝ	08/10/1999	29030089	Toán: 2.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN VĂN ĐẠT	18/12/1999	29028912	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 2.40

PHAN THỊ LƯƠNG	03/05/1999	29030541	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 6.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 6.25 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 5.00
PHAN THANH BÌNH	28/07/1999	29024944	Toán: 8.20 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.25 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 4.00
PHAN THỊ HÀ	01/01/1999	29006342	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 4.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 8.25 KHTN: 7.08 Tiếng Anh: 4.00
PHÓ THỊ ÁNH NGUYỆT	09/05/1999	29026898	Toán: 9.40 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.5 Tiếng Pháp: 8.00
DƯƠNG LÊ THẮNG	13/10/1999	29023344	Toán: 8.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 7.25 Hóa học: 8.25 Sinh học: 5.00 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN THỊ NGỌC	03/11/1999	29001091	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 5.25 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.83 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75
BÙI THỊ PHƯƠNG NHI	03/07/1999	29003227	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN THỊ NGÀ	13/09/1999	29018620	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ NHUNG	04/11/1999	29030589	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.17 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ HẬU	10/06/1999	29002342	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 5.00
THÁI VĂN LỰC	30/08/1999	29030536	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.50 Hóa học: 2.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 4 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN TÚ UYÊN	16/06/1999	29004812	Toán: 8.40 Ngữ văn: 8.25 Vật lí: 3.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 4 Tiếng Anh: 7.80
NGUYỄN VĂN THẮNG	21/06/1999	29028077	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 2.40
NGUYỄN THỊ GIANG	01/02/1999	29011293	Toán: 4.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6 Tiếng Anh: 3.20
TRẦN THỊ UYÊN	13/06/1999	29008487	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.80
CAO XUÂN THỊNH	20/09/1999	29005306	Toán: 9.40 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.50 Sinh học: 6.00 KHTN: 7.67 Tiếng Anh: 3.80
DƯƠNG HOÀNG VIỆT HÀ	08/06/1999	29023702	Toán: 7.60 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 3.25 Hóa học: 8.50 Sinh học: 8.00 KHTN: 6.58 Tiếng Anh: 7.40

TRẦN CHÁNH HƯNG	24/02/1999	29023814	Toán: 8.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.17 Tiếng Anh: 6.00
NGUYỄN THỊ HẢO TRÂM	21/09/1999	29020150	Toán: 2.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.60
LƯU QUỐC THƯƠNG	12/12/1999	29028714	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.33 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN THỊ HOAN	20/11/1999	29021781	Toán: 5.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.00 GDCD: 8.50 KHXH: 8 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN SỸ NAM	01/04/1998	29012244	Toán: 1.60 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.25 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 2.00
NGUYỄN MINH NHẬT	08/01/1999	29010576	Toán: 3.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.25 GDCD: 9.00 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN THỊ THÙY	28/12/1999	29002102	Toán: 9.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 6.00 KHTN: 7 Tiếng Anh: 4.40
PHAN THANH TOÀN	10/10/1998	29011531	Toán: 3.40 Ngữ văn: 5.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25 GDCD: 9.00 KHXH: 6.25 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN BÁ HÙNG	19/06/1996	29026642	Toán: 4.40 Vật lí: 1.25 Hóa học: 2.50
PHAN LỄ TRANG	20/09/1999	29030820	Toán: 6.60 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 6.75 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.50 KHTN: 6.08 Tiếng Anh: 3.60
ĐẶNG THỊ VÂN ANH	07/07/1999	29025861	Toán: 7.40 Ngữ văn: 7.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 7.20
NGUYỄN QUỐC CƯỜNG	04/08/1999	29006874	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.00 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THANH NAM	21/05/1999	29014615	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 2.80
HOÀNG THỊ HẢI HẰNG	20/04/1999	29027292	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 6.00 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN CHÍ MÃO	01/04/1999	29001503	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 3.20
VỪ BÁ GIẢI	06/01/1999	29025002	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.25 KHTN: 3.25 Tiếng Anh: 2.60
VI THỊ KIM HƯƠNG	08/03/1999	29025479	Toán: 3.40 Ngữ văn: 7.25 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 6.75 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.40

LẦU Y GIỎ	02/09/1999	29008256	Toán: 3.20 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.75 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.40
LÊ VĂN BẢO	08/03/1999	29019208	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 5.58 Tiếng Anh: 4.00
NGUYỄN TIẾN DŨNG	09/04/1999	29012681	Toán: 7.40 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 4.92 Tiếng Anh: 5.00
NGUYỄN THỊ KIỀU	23/07/1999	29022330	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.50 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.50 KHTN: 5.25 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN DOÃN HOÀN	03/09/1999	29001017	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.75 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50
NGUYỄN ĐÌNH HÙNG	16/09/1999	29011664	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 5.25 Hóa học: 7.00 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VĂN CHƯƠNG	23/10/1997	29021591	Toán: 3.40 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75 GDCD: 8.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 2.20
LỮ VĂN ĐẠT	03/05/1999	29013914	Toán: 3.00 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 4.00
HỒ THỊ TRANG	12/07/1999	29017005	Toán: 6.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 4.50 Hóa học: 4.75 Sinh học: 7.00 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 3.40
BÙI VĂN ĐỨC	25/01/1999	29021666	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN HỮU HUY	04/04/1998	29029975	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 6.75 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.00
LÊ LAN ANH	13/12/1999	29025339	Toán: 3.60 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 9.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 8.00 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 3.20
THÁI THỊ PHƯƠNG	08/02/1999	29023296	Toán: 7.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 8.25 Sinh học: 8.00 KHTN: 6.5 Tiếng Anh: 4.80
PHAN THỊ THƠM	01/08/1999	29020473	Toán: 2.20 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 1.75 Hóa học: 2.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 2.42 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25 GDCD: 6.75 KHXH: 5.42 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ HẢI	31/08/1999	29017202	Toán: 3.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.75 Tiếng Anh: 3.40
ĐẶNG KHẮC QUANG	03/02/1999	29006130	Toán: 4.60 Ngữ văn: 3.25 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.25
DƯƠNG VĂN MINH	01/02/1998	29029375	Toán: 3.20 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.00 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 2.80

NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	13/05/1999	29019945	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 6.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.40
NGUYỄN THỊ QUỲNH	10/11/1999	29020432	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 3.33 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.25 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.00
PHAN THỊ LY	01/10/1999	29012207	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.75 Sinh học: 4.00 KHTN: 4.58 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM THỊ LUYỄN	13/03/1999	29015827	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.20
LÊ VĂN ĐẠT	18/05/1996	29024739	Toán: 8.80 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.50
DƯƠNG HỮU HIẾU	25/01/1998	29002720	Toán: 7.00 Vật lí: 7.25 Hóa học: 9.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 2.00
ĐẶNG THỊ THẢO	02/02/1999	29020013	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 9.25 GDCD: 7.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN THỊ HÀ NHI	28/03/1999	29017424	Toán: 2.60 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.50 GDCD: 7.50 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 3.60
VI VĂN DƯƠNG	21/09/1999	29013499	Toán: 1.80 Ngữ văn: 2.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.25 GDCD: 5.25 KHXH: 4.67 Tiếng Anh: 1.80
PHAN THỊ THẨM HUYỀN	15/09/1999	29029504	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.50 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.75 KHTN: 4.58 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.25 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.40
PHAN VĂN THÀNH	02/09/1998	29030347	Toán: 8.80 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.75
NGUYỄN THỊ DUYÊN	10/08/1999	29020240	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 6.75 KHTN: 4.67 Tiếng Anh: 3.60
HỒ THỊ NGỌC YẾN	09/10/1999	29015373	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 7.25 Sinh học: 6.00 KHTN: 7 Tiếng Anh: 5.20
NGUYỄN HOÀNG LINH	18/12/1999	29016756	Toán: 8.00 Ngữ văn: 9.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 7.80
HOÀNG VĂN HẠNH	04/12/1999	29001316	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.75 GDCD: 7.75 KHXH: 6.92 Tiếng Anh: 3.00
VĂN HOÀNG ĐẠT	24/06/1999	29021654	Toán: 2.40 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.75 GDCD: 5.75 KHXH: 4 Tiếng Anh: 3.20
LÊ THỊ THỦY	21/01/1999	29000831	Toán: 8.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 5.67 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 7.00

NGUYỄN HOÀNG TRUNG	04/10/1999	29013406	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.50 Sinh học: 5.25 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 4.20
NGÂN VĂN MẠNH	11/09/1999	29020706	Toán: 3.20 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 9.25 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ LAM GIANG	11/03/1999	29010856	Toán: 8.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.50 Hóa học: 7.50 Sinh học: 8.00 KHTN: 6.33 Tiếng Anh: 5.40
NGUYỄN CÔNG HOÀNG	21/08/1999	29006034	Toán: 4.80 Ngữ văn: 2.75 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.25
THÁI HỮU ĐẠT	18/07/1999	29029453	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 9.00 Hóa học: 10.00 Sinh học: 6.00 KHTN: 8.33 Tiếng Anh: 4.40
NGUYỄN HỨA NHƯ ĐỨC	22/05/1999	29023686	Toán: 7.80 Ngữ văn: 7.25 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 6.67 Tiếng Anh: 5.00
VÕ THỊ THUỶ LINH	28/09/1999	29023865	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 6.75 Hóa học: 7.50 Sinh học: 3.75 KHTN: 6 Tiếng Anh: 4.80
LÊ THỊ THU HƯƠNG	09/08/1999	29008770	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 2.80
LÊ THỊ TÚ UYÊN	16/11/1999	29016538	Toán: 5.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 7.25 Tiếng Anh: 2.40
HOÀNG THỊ NGỌC TRANG	29/06/1999	29024613	Toán: 4.60 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.00 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 4.80
NGUYỄN CHÍ HIẾU	22/03/1999	29022802	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 2.80
PHẠM NGỌC CẢNH	16/10/1999	29007224	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.25 Vật lí: 3.75 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.50 KHTN: 4 Tiếng Anh: 4.00
CAO THỊ NGỌC ÁNH	08/10/1999	29003699	Toán: 3.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 9.00 GDCD: 9.25 KHXH: 7.83 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN THỊ THUYẾN	12/08/1999	29023013	Toán: 5.80 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00 GDCD: 9.25 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 3.60
THÁI NGUYỄN QUANG HUY	30/05/1999	29023799	Toán: 9.00 Ngữ văn: 3.75 Vật lí: 8.50 Hóa học: 8.00 Sinh học: 2.75 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN VĂN QUÂN	28/08/1999	29022411	Toán: 8.80 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 9.25 Hóa học: 8.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 7.33 Tiếng Anh: 3.60
PHẠM VĂN TUYÊN	03/08/1998	29006777	Toán: 1.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.00 GDCD: 5.50 KHXH: 4.58 Tiếng Anh: 2.60

NGUYỄN THỊ YẾN NHI	29/09/1999	29010992	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 6.50 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ HOÀI ANH	06/11/1999	29016070	Toán: 8.40 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 8.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 3.25 KHTN: 5.92 Tiếng Anh: 6.40
THÁI DUY KHÁNH	23/06/1999	29027943	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 6.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 6.17 Tiếng Anh: 8.20
ĐINH THỊ HOA	02/10/1998	29011329	Toán: 3.20 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.75 KHXH: 5.92 Tiếng Anh: 2.00
ĐẶNG THỊ MAI	22/06/1999	29010955	Toán: 5.40 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.75 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN VĂN LAM	02/12/1999	29010116	Toán: 2.20 Ngữ văn: 3.75 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75
NGUYỄN VĂN ĐÌNH	18/01/1999	29009517	Toán: 7.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.75 Sinh học: 2.75 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 3.60
VÕ ĐÌNH HUY	18/12/1999	29012099	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.25 Hóa học: 2.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.42 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.25 GDCD: 7.25 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 4.20
THÁI THỊ VUI	01/05/1999	29002165	Toán: 3.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.25 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN NGỌC ANH	04/10/1996	29019653	Toán: 7.80 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.25
NGÔ THỊ ÁNH	01/07/1998	29006848	Toán: 3.80 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.50 GDCD: 6.00 KHXH: 4.25 Tiếng Anh: 3.80
NGÔ THỊ VÂN	04/11/1999	29000907	Toán: 4.20 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.25 Sinh học: 3.75 KHTN: 3.58 Tiếng Anh: 4.20
HÀ QUANG ĐẠT	19/01/1997	29003620	Toán: 3.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 2.92 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.80
DƯƠNG THỊ THẨM	07/01/1999	29008944	Toán: 3.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 8.00 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.80
NGÔ ANH DŨNG	10/01/1999	29004930	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.00
TRƯƠNG VÕ VÂN KHÁNH	15/01/1999	29026214	Toán: 5.80 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.25 GDCD: 8.00 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 7.20
NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN	31/05/1999	29027123	Toán: 3.60 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.50 Sinh học: 3.50 KHTN: 3.58 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50 GDCD: 7.75 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 2.20

ĐẶNG QUANG HỢP	24/09/1999	29001413	Toán: 4.40 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75 GDCD: 7.50 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.20
CAO VĂN SINH	20/11/1999	29004132	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00 GDCD: 7.50 KHXH: 5.5 Tiếng Anh: 2.60
NGUYỄN THỊ KIM CÚC	23/03/1999	29013892	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.25 GDCD: 5.75 KHXH: 6.58 Tiếng Anh: 2.00
PHAN VĂN TÀI	05/06/1999	29005271	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.25 Hóa học: 6.25 Sinh học: 6.00 KHTN: 5.83 Tiếng Anh: 3.60
NGUYỄN VĂN HÙNG	05/07/1999	29013574	Toán: 4.60 Ngữ văn: 4.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.50 Sinh học: 4.00 KHTN: 3.5 Tiếng Anh: 3.60
PHAN THỊ NGÀ	17/01/1999	29030134	Toán: 2.60 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.00 GDCD: 8.50 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 4.00
PHẠM THÀNH ĐẠT	17/09/1998	29022104	Toán: 7.40 Vật lí: 6.50 Hóa học: 6.75 Sinh học: 4.75 KHTN: 6
VŨ THỊ NHƯ	10/08/1999	29010584	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.25 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.00 KHXH: 6.08 Tiếng Anh: 4.00
BÙI VĂN HIẾN	18/08/1999	29021739	Toán: 2.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50 GDCD: 8.25 KHXH: 5.75 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN XUÂN ĐỨC	10/12/1999	29021006	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.75 Hóa học: 8.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 6.83 Tiếng Anh: 3.80
VÕ CÔNG GIANG	22/08/1999	29001298	Toán: 2.80 Ngữ văn: 4.75 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 GDCD: 7.50 KHXH: 6.33 Tiếng Anh: 3.60
THÁI THỊ KIM CHI	04/09/1999	29023120	Toán: 7.60 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.00 KHTN: 5.42 Tiếng Anh: 8.60
NGUYỄN THỊ HỒNG MÂY	02/06/1999	29002502	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.25 KHXH: 6.17 Tiếng Anh: 3.40
TRẦN THỊ GIANG	18/09/1999	29012723	Toán: 4.60 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.00 GDCD: 5.75 KHXH: 4.08 Tiếng Anh: 3.60
HOÀNG THỊ THUÝ	01/10/1999	29028706	Toán: 6.80 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.83 Tiếng Anh: 4.00
TRẦN ĐÌNH CHÂU	11/08/1999	29028303	Toán: 10.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.25 Sinh học: 9.75 KHTN: 9.17 Tiếng Anh: 6.40
HÀ THỊ NGOAN	01/05/1998	29012856	Toán: 3.60 Ngữ văn: 6.25 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.25 GDCD: 8.50 KHXH: 7.92 Tiếng Anh: 4.20

TRẦN DOÃN THẢO	23/03/1999	29001152	Toán: 2.60 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.25 Sinh học: 2.50 KHTN: 3.08 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25
HỒ ĐÌNH HUY	17/12/1999	29009155	Toán: 7.80 Ngữ văn: 5.25 Vật lí: 7.25 Hóa học: 6.75 Sinh học: 5.25 KHTN: 6.42 Tiếng Anh: 3.00
HỒ TRỌNG HUY	22/02/1999	29016685	Toán: 9.00 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 8.25 Hóa học: 8.50 Sinh học: 5.00 KHTN: 7.25 Tiếng Anh: 3.60
CHU THỊ PHƯỢNG	15/12/1999	29004096	Toán: 5.60 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 9.00 GDCD: 9.25 KHXH: 9.08 Tiếng Anh: 4.20
NGUYỄN TRUNG KIÊN	08/12/1999	29025093	Toán: 6.40 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.25 Hóa học: 5.75 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.58 Tiếng Anh: 3.00
NGUYỄN THỊ KIM HẰNG	04/12/1999	29026077	Toán: 9.80 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.50 Hóa học: 10.00 Sinh học: 9.75 KHTN: 8.75 Tiếng Anh: 6.40
CAO MẠNH CƯỜNG	26/12/1999	29010835	Toán: 5.60 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.00 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.60
TRẦN THỰC PHƯƠNG	20/08/1999	29006560	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 3.00 Hóa học: 8.25 Sinh học: 9.00 KHTN: 6.75 Tiếng Anh: 4.80
PHẠM THỊ THÚY QUYÊN	27/01/1999	29024544	Toán: 5.40 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 8.25 GDCD: 7.75 KHXH: 8.25 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN HÀ PHƯƠNG	24/02/1999	29026445	Toán: 8.80 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.50 GDCD: 8.25 KHXH: 7.67 Tiếng Anh: 9.80
HỒ THỊ MỸ LINH	10/10/1999	29007326	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 3.50 Hóa học: 3.75 Sinh học: 5.75 KHTN: 4.33 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25 GDCD: 7.00 KHXH: 6.5 Tiếng Anh: 3.00
VƯƠNG THỊ THƯƠNG	18/12/1999	29011525	Toán: 2.80 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.00 GDCD: 7.25 KHXH: 5.67 Tiếng Anh: 3.40
VY THỊ MỸ DUYÊN	20/02/1999	29014343	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75 GDCD: 8.00 KHXH: 6.67 Tiếng Anh: 3.80
NGUYỄN THỊ HẰNG	26/11/1999	29009118	Toán: 4.80 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.75 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.50 KHTN: 4.08 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ VIỆT PHƯƠNG	29/01/1999	29006556	Toán: 7.20 Ngữ văn: 6.75 Vật lí: 3.75 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.75 Tiếng Anh: 6.60
NGUYỄN TẤT HÙNG	22/08/1999	29001418	Toán: 3.80 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.00 GDCD: 8.25 KHXH: 4.92 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ QUYÊN	21/10/1999	29002570	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50 GDCD: 7.75 KHXH: 5.83 Tiếng Anh: 3.40

TRỊNH VĂN DƯƠNG	27/03/1999	29002277	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.25 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.75 GDCD: 7.00 KHXH: 5.17 Tiếng Anh: 2.80
LÝ THỊ TIỂU THƯ	26/11/1999	29000836	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.25 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.25 Sinh học: 4.50 KHTN: 3.92 Tiếng Anh: 2.60
TRƯƠNG THỊ HỒNG THẨM	04/09/1999	29025657	Toán: 6.40 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.50 Sinh học: 5.75 KHTN: 5.75 Tiếng Anh: 4.60
NGUYỄN THỊ GIANG	06/03/1999	29017891	Toán: 7.40 Ngữ văn: 5.75 Vật lí: 3.25 Hóa học: 4.75 Sinh học: 5.00 KHTN: 4.33 Tiếng Anh: 2.80
NGUYỄN VĨNH TRỌNG	13/08/1999	29030850	Toán: 8.40 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 8.50 Hóa học: 9.50 Sinh học: 4.25 KHTN: 7.42 Tiếng Anh: 4.40
PHAN SỸ QUANG HUY	18/05/1998	29009013	Toán: 2.60 Ngữ văn: 2.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50 GDCD: 5.75 KHXH: 4.5 Tiếng Anh: 1.40
NGUYỄN THANH HẢI	17/02/1999	29010363	Toán: 1.40 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.00 GDCD: 7.00 KHXH: 5.25 Tiếng Anh: 3.20
NGUYỄN THỊ QUẾ	01/06/1998	29007728	Toán: 3.80 Ngữ văn: 8.25 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 8.00 KHXH: 7.42 Tiếng Anh: 4.20
TRƯƠNG THỊ HUYỀN	10/04/1999	29019486	Toán: 4.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.75 GDCD: 9.00 KHXH: 7.08 Tiếng Anh: 4.40
PHAN THỊ THU TRANG	04/06/1999	29018218	Toán: 6.80 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.75 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.75 KHTN: 4.83 Tiếng Anh: 6.40
ĐẶNG QUANG CƯỜNG	07/11/1999	29000074	Toán: 6.80 Ngữ văn: 6.75 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 9.00 GDCD: 8.75 KHXH: 8.17 Tiếng Anh: 7.60
NGUYỄN THỊ MINH ÁNH	17/01/1999	29000044	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.00 GDCD: 7.75 KHXH: 6 Tiếng Anh: 4.20